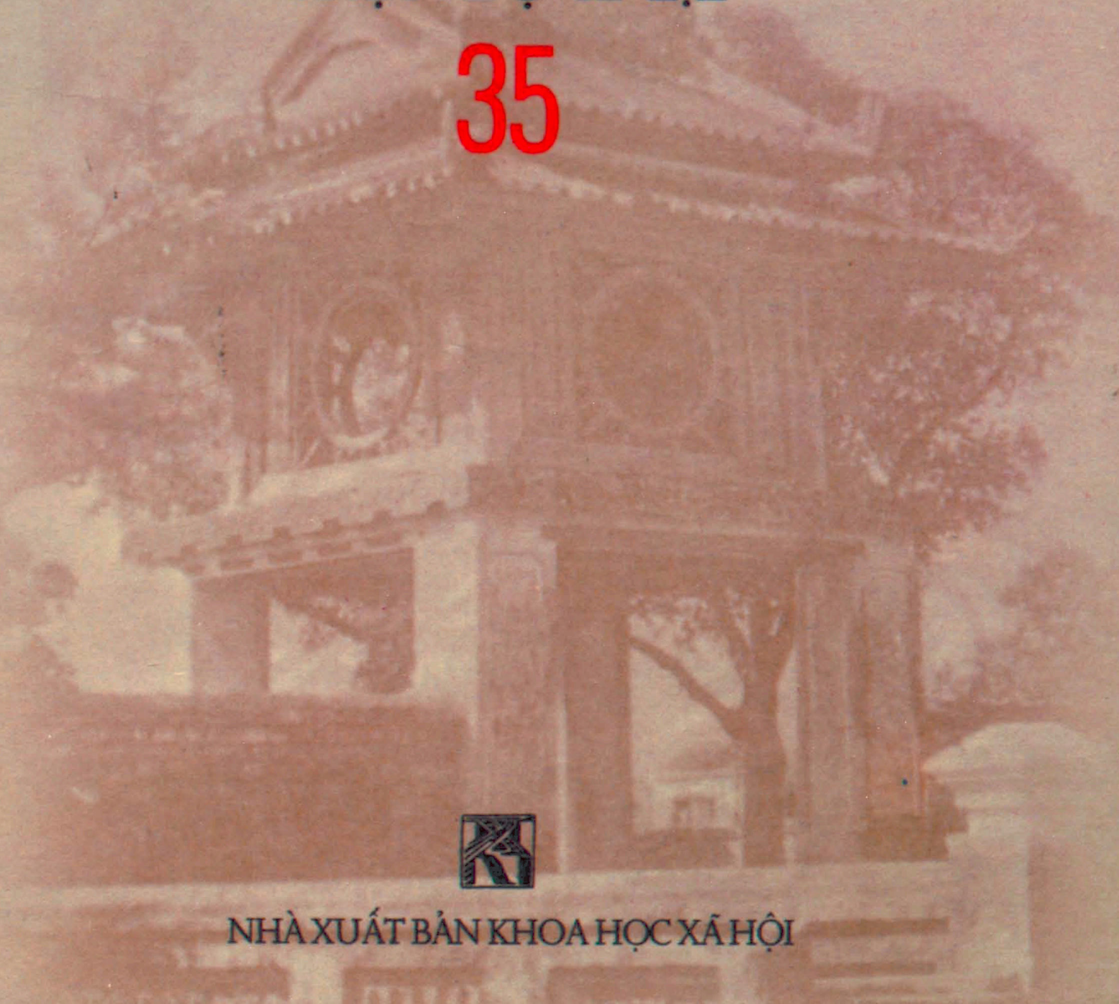
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

35



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 35

Phần I - Chủ biên: NGUYỄN THÀNH

Phần II - Chủ biên: HOÀNG DUNG

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

PHẦN I - TẬP 35

Chủ biên : NGUYỄN THÀNH
Sưu tầm, biên soạn : VŨ ĐỨC PHÚC - NGUYỄN THÀNH

KHẢI LUẬN

Dòng văn học cách mạng Việt Nam hình thành và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Về mặt lịch sử, dòng văn học này là sự kế tục của dòng văn học yêu nước Việt Nam, nhưng nó được hình thành và phát triển ở một cấp độ cao hơn nhiều về mặt chất lượng. Bởi lẽ, nó ra đời trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối chính trị của Đảng, nhằm mục đích động viên tinh thần dân tộc của nhân dân ta đứng lên đánh đuổi đế quốc xâm lược, đánh đổ giai cấp phong kiến, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ bóc lột, thực hiện quyền làm chủ đất nước của nhân dân lao động. Nói một cách khác, mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì đó cũng là mục tiêu của văn học cách mạng Việt Nam.

Văn học cách mạng Việt Nam đã đi qua một chặng đường đầy máu và nước mắt dưới sự khủng bố tàn bạo của kẻ thù ở các nhà máy, xóm làng, thôn ấp, bên trong các song sắt của nhà tù vào những năm đầu của thập kỷ 30. Song những dòng thơ, văn có đẫm máu và nước mắt ấy lại bồi dưỡng cho tình cảm dân tộc và giai cấp, ý chí chiến đấu kiên cường bất khuất, khí phách anh hùng của những người cách mạng Việt Nam và tạo ra một bước phát triển như một sự bùng nổ của dòng văn học cách mạng vào những năm 1936 - 1939.

Từ tình hình chính trị trên thế giới có những chuyển biến có lợi cho cách mạng Việt Nam, từ sự thay đổi trong chính giới của nước Pháp, trong nước ta cũng có những thay đổi đáng chú ý. Đảng Cộng sản Đông Dương lúc bấy giờ đã tranh thủ thời cơ, phát động một cao trào quần chúng đấu tranh đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống và hòa bình, chống bọn phản động thuộc địa, chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh. Văn học cách mạng Việt Nam cũng kịp thời chuyển hướng, xuất hiện công khai, chiếm lĩnh trận địa mới, đấu tranh cho mục tiêu dân chủ, dân sinh và hòa bình mà chúng ta thường gọi là văn học cách mạng trong thời kỳ vận động dân chủ.

Trên bối cảnh đó, văn học đã phát triển và đóng góp như thế nào vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân ta, vào nền văn học cách mạng nói chung của dân tộc ta? Nếu không nhận thức rõ thời kỳ vận động dân chủ có sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược cách mạng và thay đổi sách lược cách mạng, thì

không thể hiểu được đúng trào lưu văn học cách mạng này, không thể nhận thức đầy đủ, chính xác tính cách mạng của các tác phẩm văn học và các tác giả của nó, không thể thống nhất về sự đánh giá vị trí và vai trò của nó trong xã hội mà chúng ta thường gặp không ít trong những cuốn sách, bài đăng trên các báo chí, in trong từ điển và bài giảng về văn học sử Việt Nam trong thời kỳ này.

Xác định đúng tính chất, nội dung, vị trí và vai trò của tác phẩm và tác giả văn học thời kỳ vận động dân chủ để qui định đúng giới hạn sưu tầm, chọn lọc, giới thiệu, đồng thời góp phần nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị, văn học, xã hội Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh có nhiều sáng tạo phong phú, độc đáo; nghiên cứu qui luật phát triển liên tục của lịch sử văn học cách mạng Việt Nam với sự đa dạng của nó mà thời kỳ vận động dân chủ là một nấc cao hơn thời kỳ trước và chính nó lại làm tiền đề cho bước phát triển tiếp theo ở thời kỳ sau đẹp đẽ hơn nữa.

THỜI KỲ VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ VÀ VĂN HỌC CÁCH MẠNG

Phong trào cách mạng của công - nông trong những năm 1930 - 1931 bị đế quốc và tay sai khủng bố điên cuồng, nhưng không bị dập tắt. Với sự nỗ lực của những người cộng sản và sự ủng hộ của quần chúng cách mạng, cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng dần dần được phục hồi, phát triển và củng cố qua những cuộc đấu tranh mới với kẻ thù. Đại hội lần thứ I của Đảng họp tháng 3-1935 bầu ra Ban chấp hành trung ương. Xứ ủy Nam Kỳ và nhiều tỉnh ủy, thành ủy được lập lại. Các hội quần chúng dưới những tên gọi phổ thông được tổ chức. Đang lúc phong trào biến chuyển tích cực thì tình hình chính trị quốc tế thuận lợi tác động vào nước ta, tạo ra những điều kiện mới cho sự phát triển của cách mạng. Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (tháng 7 - 8 - 1935), có đoàn đại biểu chính thức đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương tham gia, quyết định những nhiệm vụ cấp bách của phong trào cộng sản quốc tế là lãnh đạo cuộc đấu tranh vì dân chủ và hòa bình, chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh. Mặt trận dân chủ chống chủ nghĩa phát xít dần dần hình thành trên từng nước, ở từng khu vực và trong một số hoạt động trên phạm vi quốc tế, đã chặn đứng chủ nghĩa phát xít ở nhiều nước, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh.

Theo chủ trương của Quốc tế cộng sản và sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp, năm 1934. Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội bàn bạc đi tới hành động chung chống thế lực phát xít, bảo vệ nền dân chủ tư sản của nước Pháp. Năm 1936. Mặt trận nhân dân Pháp hình thành trên cơ sở thống nhất hành động của 48 tổ chức quốc gia do Đảng Cộng sản hợp tác với Đảng Xã hội làm nòng cốt, thông qua *chương trình* của mặt trận. Tháng 5 - 1936, các tổ chức chính trị - văn hóa - xã hội liên danh nhân danh Mặt trận nhân dân tham gia tranh cử, giành được đa số phiếu, được quyền đứng ra lập chính phủ tháng 6 - 1936. Chính phủ mới của nước Pháp có hai đảng

trong Mặt trận tham gia là Đảng Xã hội và Đảng Cấp tiến, do L.Blum thủ lĩnh Đảng Xã hội làm Thủ tướng. Chính phủ có nhiệm vụ thực hiện *Chương trình* hành động của Mặt trận đề ra năm 1935, trong đó, phần đầu: "Những yêu sách chính trị", điểm 1 - Tổng đại xá; 2 - Chống các liên đoàn phát xít; 3 - Làm trong sạch đời sống chính trị; 4 - Bãi bỏ các đạo luật và sắc lệnh hạn chế tự do ngôn luận, chống các công ty lũng đoạn báo chí, bảo đảm cho các báo chí phương tiện bình thường để tồn tại, thông tin trung thực và bình đẳng của các tổ chức chính trị xã hội trong truyền tin....

Đấy là những điều kiện khách quan rất tốt cho sinh hoạt chính trị ở Việt Nam. Nắm lấy thời cơ thuận lợi ấy, Đảng Cộng sản Đông Dương phát động một cao trào cách mạng mới, bắt đầu hướng (từ khi đoàn đại biểu của Đảng ta đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản trở về) theo tinh thần chỉ đạo mới của Quốc tế. Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương đi vào lịch sử từ ngày 26-7-1936 tuy chưa đầy đủ nhưng đặt nền tảng cho một thời kỳ phát triển mới và được các nghị quyết sau của Trung ương bổ sung, hoàn chỉnh trên cơ sở thực tiễn vận động chính trị xã hội nước ta, (nhất là Nghị quyết hội nghị Trung ương tháng 3 - 1938).

Trung ương chủ trương *chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*. Không đề ra nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ đế quốc phong kiến, mà là chống phản động thuộc địa (là bộ phận phản động nhất của đế quốc Pháp ở Đông Dương, tay sai của bọn phát xít ở Pháp sẵn sàng đón phát xít Nhật vào Đông Dương) và chủ nghĩa phát xít; đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống và hòa bình, không đòi độc lập dân tộc và người cày có ruộng. *Về sách lược:* tập hợp các giai cấp, các tầng lớp xã hội, kể cả tư sản và địa chủ, người Đông Dương và người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Đông Dương đương thời (người Pháp, người Hoa, người Ấn v.v...) vào Mặt trận dân chủ Đông Dương chống kẻ thù chung. *Phương pháp, hình thức tổ chức và đấu tranh:* lợi dụng các khả năng công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp kết hợp với bí mật, yêu sách cải cách trong phạm vi sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Đây là một cuộc vận động cách mạng, vì nó động viên và tổ chức quần chúng đấu tranh đòi thực hiện những khẩu hiệu cải cách, phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của quần chúng trong điều kiện cụ thể. Nó không giống một chút nào với quan điểm cải lương của một nhóm người đứng ra xin đế quốc rủ lòng thương, ban ơn cho. Đảng Cộng sản chống luận điệu xuyên tạc cuộc đấu tranh cách mạng đòi dân chủ, dân sinh này là cải lương, là thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc của bọn tơrôtxkít, để đưa ra những khẩu hiệu cách mạng "tả" suông, nào là lập Mặt trận công nông, nào là làm cách mạng vô sản ngay...

Như vậy là thời kỳ vận động dân chủ chỉ bắt đầu từ mùa thu năm 1936. Văn học cách mạng trong thời kỳ này cũng *chỉ xuất hiện từ tháng 6 - tháng 7 - 1936*, chứ không thể sớm hơn khi điều kiện khách quan chưa cho phép và Đảng tiên phong chưa có thể đề ra chủ trương vận động dân chủ, kể cả từ nửa

đầu năm 1936, chưa nói gì đến năm 1935 [1]. Mỗi thời kỳ phát triển của cách mạng, chính trị cũng như văn học, có mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu và phương thức hoạt động riêng, không thể gán ghép, khiên cưỡng, tùy tiện theo ý muốn chủ quan, mùa thu năm 1935 "vẫn xếp" vào giai đoạn đấu tranh mới, cuối năm 1936 [2].

Một khái niệm cần làm rõ: có nên đồng nhất cuộc vận động dân chủ (hay phong trào dân chủ) với thời kỳ Mặt trận dân chủ không? Có nên gọi là văn học cách mạng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ không? Trước hết cần xác định: có Mặt trận dân chủ mới có văn học cách mạng của thời kỳ Mặt trận dân chủ. Về lý luận, có hai ý kiến.

1 - Ý kiến của một số đồng chí, do đồng chí Tổng Bí thư Đảng Nguyễn Văn Cừ là đại diện, cho đến giữa năm 1939, "Mặt trận dân chủ chưa hẳn hoi thành lập được là vì ta chưa được mạnh" [3].

2 - Ý kiến của một số đồng chí khác, không tán thành nhận định của đồng chí Tổng Bí thư, nói rằng: "Mặt trận dân chủ đã thành lập rồi, có hệ thống rồi".

Ý kiến thứ nhất có căn cứ thực tiễn rõ ràng đủ để chứng minh. Nếu nhất trí với quan điểm "Mặt trận dân chủ chưa hẳn hoi thành lập", nói một cách khác là Mặt trận dân chủ chưa hình thành hẳn thì không thể có căn cứ cho văn học của thời kỳ Mặt trận dân chủ hình thành, tồn tại và phát triển. Đó là một lôgich.

Về ý kiến thứ hai, không thuyết minh rõ Mặt trận dân chủ thành lập từ khi nào? Hình dung như thế nào thì coi là đã thành lập? Ở đây còn những nhận thức khác nhau.

Theo một khái niệm tương đối thì phong trào vận động dân chủ xuất hiện là mặt trận dân chủ cũng bắt đầu hình thành từ mùa thu năm 1936 trên phạm vi *từng địa phương*. Cuộc vận động Đại hội Đông Dương bùng lên ở Nam Kỳ rồi lan ra Bắc Kỳ và Trung Kỳ, nhưng ở Nam Kỳ đi vào thời kỳ cuối thì Bắc Kỳ và Trung Kỳ mới mở màn. Mặt trận dân chủ hình thành là một quá trình của hình thức liên minh rất cơ động, linh hoạt, tùy theo từng cuộc đấu tranh với yêu cầu cụ thể, khẩu hiệu cổ động và hành động nhất định qui định thành phần tham gia rộng hay hẹp ở địa phương này hay địa phương khác, chứ không hình thành một hệ thống ổn định như tổ chức Mặt trận sau này, kể từ Mặt trận Việt Minh trở đi. Có một số sách, báo viết Mặt trận dân chủ Đông Dương được thành lập kể từ sau hội nghị Trung ương tháng 3 -

1. *Từ điển văn học*, tập II. Nxb. Khoa học xã hội. 1984, tr.416, 511.

2. Hoàng Xuân Nhị. *Tìm hiểu đường lối văn nghệ của Đảng và sự phát triển của văn học cách mạng Việt Nam hiện đại*. Giai đoạn dân tộc dân chủ nhân dân. Nxb. Văn học. 1975, tr.122.

3. Trí cường. *Tự chỉ trích*. Tập sách dân chúng, 1939, tr.8.

1938. Vậy thì từ mùa thu năm 1936 đến mùa xuân năm 1938 là thuộc về thời kỳ vận động chính trị nào? Và văn học cách mạng trong những năm tháng đó xếp vào thời kỳ nào trong lịch sử văn học? Đẩy về thời kỳ văn học cách mạng bất hợp pháp, chống đế quốc và phong kiến thì phi lý. Xếp vào "thời kỳ Mặt trận dân chủ" thì chưa tới (với cách hiểu Mặt trận dân chủ thành lập từ tháng 3 - 1938) mặc dầu nội dung tư tưởng của tác phẩm và quan điểm chính trị của tác gia là đấu tranh cho các khẩu hiệu dân chủ, theo chủ trương và đường lối chỉ đạo mới của Đảng Cộng sản.

Từ những phân tích trên, chúng tôi coi *thời kỳ vận động dân chủ từ đầu mùa thu năm 1936, kết thúc vào lúc chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu.* Văn học cách mạng trong thời kỳ này nên gọi là *Văn học cách mạng thời kỳ vận động dân chủ.*

Giữa năm 1939, ở Pháp, thế lực phát xít thắng thế, Mặt trận nhân dân tan rã. Ở Đông Dương, thực hiện chính sách của chính phủ do Đaladiê cầm đầu, bọn phản động thuộc địa công khai đặt mọi hoạt động cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, mở những chiến dịch mới, tiến công vào Đảng Cộng sản và các đoàn thể cách mạng. Văn học cách mạng không còn lợi dụng được khả năng hợp pháp để tồn tại nữa. Cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới và văn học cách mạng Việt Nam cũng chuyển hướng hoạt động vào cuộc đấu tranh ở thời kỳ bí mật không hợp pháp chống chủ nghĩa đế quốc và phát xít, hướng tới cách mạng giải phóng dân tộc, thành lập nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam, độc lập, tự do.

Hình thức và phương pháp đấu tranh của văn học cách mạng thời kỳ vận động dân chủ.

Xuất phát từ yêu cầu trước mắt của cách mạng, đối tượng công kích chủ yếu, điều kiện, hình thức và phương pháp đấu tranh chính trị từ trong thời kỳ vận động dân chủ, văn học cách mạng có những đặc điểm mới:

1 - Thời kỳ từ nửa đầu năm 1936 trở về trước, văn học cách mạng tồn tại và phát triển trong điều kiện không hợp pháp, thì trong thời kỳ vận động dân chủ, văn học cách mạng xuất hiện công khai, nửa hợp pháp và hợp pháp trên các báo chí hay in thành sách phát hành trên toàn bộ Đông Dương.

Các tác gia của các tác phẩm văn học, có người hoạt động công khai, có người hoạt động bí mật, có người là đảng viên cộng sản, có người là trí thức cách mạng, là sinh viên, học sinh có cảm tình với Đảng, có người đã từng bị tù đày, có người học tập và hoạt động ở nước ngoài trở về, có người mới bước vào con đường cách mạng vô sản. Các tác giả đó đều ở ngoài nhà tù, không có ai ở trong tù [1].

Đặng Thai Mai viết: "Dưới chế độ thực dân, một nền văn học công khai,

1. Phan Cự Đệ. *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.* Tập 1. Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1978, tr.56 - 57.

nhất định là phải hàng phục, hay ít nữa cũng phải thỏa hiệp cùng kẻ thống trị. Khuynh hướng đó dầu có muôn dạn bước đi tới thì cũng chỉ đi tới chỗ cải lương là cùng đường. Khi nó có thốt ra những giọng bất bình thì cũng chỉ có tính cách châm biếm mà thôi. Nhưng lối văn cười cợt trên mây gió đó chết ai? Nó có ích lợi gì cho đại cục? [1].

Khái niệm trên đây chỉ đúng với chính trị và với văn học thời kỳ từ năm 1930 đến giữa năm 1936, và từ mùa đông năm 1939 đến trước cách mạng tháng Tám - 1945, nhưng *không đúng với thời kỳ vận động dân chủ.* Thời kỳ vận động dân chủ, chúng ta hoạt động dưới chế độ thực dân, lợi dụng mọi qui định của luật lệ, sắc lệnh, chính sách của chính quyền thực dân có thể lợi dụng được, để hợp pháp hóa và công khai hóa cuộc đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa. Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chính trị và chỉ đạo văn học cách mạng tiến công vào hang ổ của giới phản động thuộc địa. Không thể có chính trị cách mạng mà không có văn học cách mạng - mà thời kỳ này đều là công khai. Văn học hàng phục hay thỏa hiệp cùng kẻ thống trị chỉ là bạn đường và là sản phẩm của chủ nghĩa cải lương về chính trị. Điều đó hoàn toàn xa lạ và là địch thủ của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản. Ai dám ngờ những bài báo, cuốn sách thuộc thể loại văn học chính luận xuất bản công khai do Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Trường Chinh và nhiều đồng chí khác viết là "hàng phục", là "thỏa hiệp". Những bài thơ trữ tình của Tố Hữu, Nguyễn Văn Năng, Dương Lĩnh v.v...; những bài lý luận và phê bình văn học theo quan điểm mácxít và chính sách của Đảng, của Hải Triều, Hải Thanh, Bùi Công Trừng, Sơn Trà, Hồ Xanh..., tập truyện ngắn *Tình trong tù* của Ngũ Yến, *Vượt ngục* của Cựu Kim Sơn, ký sự *Ba năm ở Nga xô viết* của Trần Đình Long và biết bao truyện dài, truyện ngắn, ký, phóng sự điều tra, tiểu phẩm, thơ ca.... đăng trên các báo xuất bản công khai đều là vũ khí tiến công kẻ thù rất sắc bén của văn học cách mạng.

Nếu quan niệm văn học công khai không thể là văn học cách mạng, chỉ có văn học cách mạng bí mật thì trớ trêu là ở thời kỳ vận động dân chủ hầu như không xuất bản báo chí bí mật song song với báo chí công khai (chỉ có một vài tờ báo, tạp chí xuất bản bí mật chủ yếu là ở đầu thời kỳ này). Trong các nhà tù, tù chính trị đã được tha trước thời hạn gần hết. Số còn lại trong tù hay mới vào tù không làm báo, không có những tác phẩm văn học - có lẽ chỉ có ít bài thơ, khác hẳn với thời kỳ 1930 - 1936.

Đã không có văn học cách mạng lưu hành bí mật mà lại không thừa nhận văn học cách mạng công khai, tức là vô hình chung phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng đối với văn học trong thời kỳ này, tạo ra một sự gián đoạn giả tạo của lịch sử văn học cách mạng trong khoảng 3 năm, 1936 - 1939, để nhường chỗ cho văn học cải lương, đầu hàng ngự trị.

---

1. Tạp chí *Tiên phong*, số 20. 10 - 1946 *"Vấn đề lập* trường trong văn nghệ".

2 - Trong khuôn khổ của chế độ thực dân, đấu tranh công khai, hợp pháp phải có sách lược thích hợp, không thể rập khuôn như trước. Nó đòi hỏi một tài nghệ khéo léo, một phương pháp tinh tế, "lời êm, ý mạnh" [1]. Đừng tưởng "thưa", "bẩm", "kính quan" là mất tư thế, là dân đen khúm núm trước quan trên. Phan Đăng Lưu viết diễn văn bế mạc hội nghị thường niên Viện dân biểu Trung Kỳ ngày 21-9-1938, cho Viện trưởng Hoàng Văn Khải đọc, mở đầu bằng: "Thưa quan Khâm mạng. Thưa quan đại diện quan Khâm sứ đại thần" [2] là một áng văn hay, phê phán sâu cay, kiến nghị hợp tình hợp lý, có tính chiến đấu và thuyết phục mạnh mẽ "... chúng tôi không có ý nghĩ gì về sự thay đổi một chế độ chính trị ở xứ này, mà chúng tôi chỉ trông mong Chính phủ thi hành những điều tự do phổ thông cần thiết cho sự sống của dân chúng, như tự do báo giới, tự do ngôn luận, tự do kết xã lập hội, tự do hội họp, tự do đi lại trong nước và ngoài nước"... Đây là văn học cách mạng, không thể là văn học cải lương được.

Cho rằng vì thiếu sáng tác công khai nên tính chiến đấu bị hạn chế [3] thì không phải. Như thế là nhìn văn học theo chủ nghĩa hình thức, khẳng định tính hữu khuynh trong lập trường của nhà văn cách mạng đương thời và sự bạc nhược trong lãnh đạo văn học cách mạng của Đảng ta. Bọn tơrốtxkít lúc nào cũng "chiến đấu" sôi nổi, đòi làm "cách mạng vô sản" ngay, đòi quét sạch các giai cấp bóc lột tức thời, nhưng chỉ là bọn cách mạng mồm với những luận điệu ồn ào, hô hào hành động phiêu lưu, không phải là cách mạng thật sự chân chính.

Xem xét tính chiến đấu có hạn chế hay không, phải căn cứ vào mục tiêu trước mắt, cụ thể, ở yêu cầu đấu tranh của mỗi thời kỳ. Không phải lúc nào cũng "hừng hực lửa căm thù" mới là có tính chiến đấu cách mạng cao. Đấy là anh hùng tiểu tư sản làm văn học, không phải là nhà văn cộng sản. Căm thù hừng hực ra nét mặt, hiện thành những dòng chữ trên trang giấy, lúc này là cách mạng, nhưng lúc khác lại là cuồng nhiệt "tả" khuynh. Trong đấu tranh với kẻ thù ở trong một nước hay trên phạm vi quốc tế, có lúc nổ súng vào đối phương, khạc ra lửa đốt cháy địch thủ, nhưng có lúc cúi đầu chào nhau, bắt tay nhau, cùng ngồi vào bàn ngoại giao đấu với nhau. Trên mặt trận vẫn nổ súng, nhưng ở cuộc gặp mặt đây đó hay trên bàn ngoại giao vẫn "thưa ngài", bàn bạc, vạch tội, đi đến những hiệp ước có nguyên tắc với kẻ thù. Chặn đứng bàn tay độc ác của kẻ thù, đẩy lùi kẻ thù một bước để tiến lên đánh đổ chúng, đâu phải là tính chiến đấu bị hạn chế!

Trong thời kỳ vận động dân chủ mà bừng bừng khí thế căm thù, muốn quét

---

1. Trích bài nói chuyện của đồng chí Trường Chinh ngày 29-12-1939 tại cơ quan tạp chí *Học tập*.

2. *Tổng tập văn học, tập 35*, Nxb. Khoa học xã hội, 1983, tr. 437

3. Phan Cự Đệ. *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, tập I. Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp. 1978, tr. 112

sạch bộ máy chính quyền thực dân, thay đổi chế độ chính trị, xử tội những tên gian ác như những năm 1930 - 1931, thì không phải là cách mạng, mà là hành động vô chính trị của chủ nghĩa phiêu lưu tiểu tư sản, không phải là nghệ thuật cách mạng của giai cấp vô sản. Điểm phân biệt cơ bản giữa văn học hiện thực phê phán và văn học cách mạng là có "đâm đả kích trực tiếp và mạnh dạn vào bọn thực dân cướp nước, kẻ thù số một của dân tộc"[1] ứng dụng vào thời kỳ vận động dân chủ lại không thích hợp, vì kẻ thù số một của nhân dân ta, của các lực lượng dân chủ lúc này là bọn *thực dân phản động*, chứ không phải bọn thực dân cướp nước nói chung. Trong những năm đấu tranh đòi dân chủ, Ngô Tất Tố vẫn đòi hủy bỏ chế độ thuế thân, trong khi Đảng ta đưa ra yêu cầu cải cách thuế thân; Ngô Tất Tố đòi giải tán nghị viện, trong khi Đảng ta chủ trương đưa người của Mặt trận, cảm tình với Đảng Cộng sản ra tranh cử vào Viện dân biểu và đấu tranh trong nghị trường. Hai quan điểm khác hẳn nhau, vì nhà văn Ngô Tất Tố không hiểu sách lược đấu tranh cách mạng của Đảng ta nên vẫn giữ thái độ như cũ, trước đây là tiến bộ nhưng lúc này là bảo thủ. Đáng tiếc là những người biên soạn tuyển tập Ngô Tất Tố, sách giáo khoa cho học sinh phổ thông vì không hiểu sách lược cách mạng trong thời kỳ này nên đã chọn các bài báo trên đưa vào sách, không có tiểu dẫn, chú thích. Quan niệm không đúng về hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kỳ vận động dân chủ sẽ dẫn tới một sai lầm khó tránh khỏi là đưa những tác phẩm văn học cách mạng sang dòng văn học hiện thực phê phán.

3. Việc bỏ chế độ kiểm duyệt (dù chỉ là tạm thời) là một điều kiện thuận lợi cho việc công bố các tác phẩm văn học cách mạng trên báo chí. Cần xem xét bối cảnh chính trị - xã hội khi ra đời nghị quyết bỏ chế độ kiểm duyệt từ ngày 1 - 1- 1935 [2]. Lúc này, Đảng Cộng sản Đông Dương và các tổ chức cách

---

1. Phan Cự Đệ, *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, tập I. Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1978, tr. 112

2. Từ trước đến nay, các sách viết về văn học sử, nói đến việc xóa bỏ chế độ kiểm duyệt rất khác nhau: Phan Cự Đệ cho rằng "từ tháng 1.1937, đế quốc Pháp đã phải bãi bỏ chế độ kiểm duyệt về hình thức cho đến 29 - 8 - 1939" (*Tổng tập văn học*, tập 29A, tr.24). Ở đây có 2 điểm không đúng: 1- từ tháng 1-1935, không phải tháng 1-1937; 2 - bãi bỏ thực vì báo chí không bị kiểm duyệt trước khi đăng, không phải bỏ hình thức (Xin xem *La lutte* ngày 17 và 31-1-1935; Diễn văn của Thống sứ Bắc kỳ Tôlăngxơ tại cuộc họp thường viên Viện dân biểu Bắc kỳ khai mạc ngày 7.10.1935, Phủ Thống sứ Bắc kỳ xuất bản, tiếng Pháp, 1936, tr. 12-13; bài thơ "Tống tiễn Bà Kiểm" của Tú Mỡ trong *Giòng nước ngược*, tr.107 - 108. Ngoài ra nhiều tờ báo và tạp chí tiếng Pháp và tiếng Việt xuất bản đương thời đều nói ngày 1-1-1935. Văn bản này chỉ phổ biến tinh thần, không đăng nguyên văn trên công báo Đông Pháp JOIF. Nguyễn Khánh Toàn viết: "năm 1934 đã phải bỏ lệ kiểm duyệt". *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản*. Nhà xuất bản Sự Thật, 1962, tr. 53 cũng là không đúng. Lê Thị Đức Hạnh trong *Tìm hiểu truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*, Nxb. Văn học, 1979, tr.65 viết "1937"; Hồng Chương trong *Một luồng gió mát*, Nxb. Văn học 1959, tr.81 viết là suốt thời kỳ 1936-1939, thực dân Pháp giữ chế độ kiểm duyệt như cũ, đều là không đúng.

mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo nói chung đang trong quá trình khôi phục. thế lực chống đối chủ nghĩa thực dân về chính trị đã bị suy yếu gần như tan rã và sự chống đối trên lĩnh vực báo chí không đáng cho chúng lo ngại. Địch ban hành nghị định bỏ chế độ kiểm duyệt nhưng vẫn thủ thế, sẵn sàng đánh trả ngay khi có sự chẳng lành với chúng bằng thủ đoạn ra nghị định thu hồi giấy phép cho xuất bản, mức thấp hơn là ra lệnh cấm lưu hành trong một xứ, rồi đến cấm lưu hành trong toàn xứ Đông Dương, kết hợp với cho cảnh sát, mật thám đến khám xét tòa báo, tịch thu tài liệu, bản thảo, ngân quĩ, bắt cán bộ biên tập v.v... Có nhà văn đã gọi thời kỳ này là thay chế độ tùng xẻo của bà Kiểm bằng cách đập một nhát chết tươi!

Tình hình chuyển sang thời kỳ vận động dân chủ là một đột biến về chính trị, địch không ngờ tới.

CÁC THỂ LOẠI VĂN HỌC CÁCH MẠNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN, PHONG PHÚ

Trước thời kỳ vận động dân chủ, bộ phận văn học bí mật bất hợp pháp bị điều kiện hoạt động hạn chế nên tập trung chủ yếu vào mấy thể loại: văn xuôi là luận văn chính trị, văn vần là ca dao. Trên báo chí bí mật không có sáng tác văn học như truyện, thơ, phóng sự, không có lý luận và phê bình. Tác phẩm văn học in riêng thành sách càng hiếm hoi. Có lẽ chỉ có cuốn *Nhật ký chìm tàu* của Nguyễn Ái Quốc sáng tác, in và phát hành từ Hương Cảng năm 1931 là thuộc loại hình văn học nghệ thuật, còn thì đều là những tác phẩm văn học chính trị. Lý luận và phê bình văn học xuất hiện trên văn đàn công khai với ngòi bút sắc sảo của Hải Triều đã ghi lại những dấu tích lịch sử trong cuộc đấu tranh khẳng định quan điểm triết học và mỹ học mácxít, chống lại quan điểm duy tâm, siêu hình của các nhà nghiên cứu văn học theo chủ nghĩa tự do tư sản và tiểu tư sản (qua hàng loạt tờ báo: *Tiếng dân, Đông phương, Phụ nữ tân tiến, Đời mới, Tiểu thuyết thứ bảy, Tin Văn, Trung Kỳ, Tiến bộ).* Những bài nghiên cứu của Hải Triều có giá trị lý luận lớn. Nhưng nói chung có nhược điểm là dừng lại ở tính học thuật, chưa gắn chặt giữa lý luận và phê bình văn học với lý luận và phê bình chính trị. Trần Huy Liệu viết "Côn Lôn ký sự" đăng trên báo *Đời mới*, rồi *Ánh sáng* năm 1935. Đó là một tác phẩm văn học cách mạng tốt, nhưng đăng không liên tục, người đọc khó theo dõi.

Sang thời kỳ vận động dân chủ, văn học cách mạng bước lên văn đàn công khai, hợp pháp, chủ yếu trên mặt báo. Trước hết đó là những tờ báo cách mạng có sự tổ chức, chỉ đạo biên tập của những người cộng sản, đó là những tờ báo là cơ quan ngôn luận của Xứ ủy và Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, sau hết là những tờ báo cấp tiến (ví dụ như báo *Mai* của Đào Trinh Nhất, *La lutte* khi chưa rơi vào tay bọn tơrốtxkít lũng đoạn...). Song song với báo, có một số tác phẩm văn học in thành sách, nhưng không nhiều.

Văn học cách mạng thời kỳ này phát triển toàn diện, có mặt trên tất cả các trận tuyến, cùng với các dòng văn học khác trong cuộc đấu tranh chính trị - xã hội. Về *văn xuôi,* trước hết phải nói đến *văn chính luận* giàu sáng tạo, phản ánh nhạy bén thực tiễn cách mạng sinh động, văn phong trong sáng và đậm đà tính nghệ thuật của các cây bút: Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Trường Chinh, Trần Huy Liệu, Khuất Duy Tiến, Trần Đình Long v.v... Truyện dài có *Không tên không tuổi* của Phong Ba (*Hồn trẻ, tập mới*), *Đến chết* của Huỳnh Mai (*Tân xã hội*), *Hai làn sóng ngược* của Học Phi (*Tiếng trẻ,* tiếp theo là *Tiểu thuyết thứ năm*), *Lòng mẹ* của Nguyễn Thành Lâm (*Hà thành thời báo*), *Xung đột* của Tú Văn (một bút danh khác của Học Phi - *Đời nay*), *Con vú già* của Anh Sơn (*Ngày mới*). Điều đáng tiếc là tất cả các truyện dài đều không đăng được trọn vẹn, vấn đề đang trong quá trình phát triển, diễn biến phức tạp, nhân vật đang hoạt động... nên khó trích đoạn dễ giới thiệu với bạn đọc của *Tổng tập văn học.* Có truyện mới đăng được 3 số (*Đến chết* của Huỳnh Mai) đã phải ngừng. Sở dĩ có sự dứt đoạn như thế là vì nhiều lý do khác nhau. Có khi báo bị rút giấy phép mà phải ngừng. Có khi vì thiếu tiền ra báo mà phải ngừng. Có khi báo đi thuê bị chủ đòi lại cho người khác thuê mà phải ngừng v.v... Trong số những truyện dài kể trên đây, *Xung đột* là tác phẩm đăng trên báo *Đời nay* từ số 1, ngày 1-2-1938, đến số 38, ngày 22-9, 29-9-1939 (số cuối cùng) bị kiểm duyệt bỏ một nửa, là dài hơn cả. *Truyện ngắn* đăng trên phần lớn các báo cách mạng, cả tiếng Việt và tiếng Pháp. Có một số ít truyện ngắn đạt tới trình độ tư tưởng và nghệ thuật cao. Có một số tác giả là những người quen thuộc với làng văn, với bạn đọc như Nguyên Hồng, Học Phi, Như Phong. Nhiều tác giả mới và thường thay đổi bút danh luôn, như: Anh Đạt, Vạn Thế Sơn, Nguyễn Tích, Ngô Hùng, Ngoại Hồ, Mỏ Neo Tử, Cao Thọ Ân, Hồng Diện, Đặng Lệ, Cúc Chi, Phú Sơn, Phú Hương... Nhà văn được nhiều người biết đến tên tuổi, Đặng Thai Mai, viết một số truyện ngắn bằng chữ Pháp đăng trên báo *Notre Voix* với bút danh Thiết Hán [1]. *Tiểu phẩm* giữ một vai trò quan trọng, là một loại vũ khí sắc nhọn trong đấu tranh chính trị và văn học, ứng chiến mau lẹ, tiến công kịp thời vào đối thủ của mình. Với bút pháp có tính nghệ thuật khá điêu luyện, đặt những vấn đề thời sự lên ngòi bút, các tác giả đã lôi cuốn bạn đọc bằng những bài ngắn, gọn, dí dỏm, đem lại cái cười sảng khoái, thú vị của con người có tư thế, đĩnh đạc, đứng về lợi ích của nhân dân nhìn những cái lố bịch của các con rối trên sân khấu chính trị. Những tác giả có tên tuổi nhất của thể loại này, phải kể: Nghị Toét, Bọ Quay, K.Đ (đều là bút danh của Phan Đăng Lưu); Đặng Thai Mai viết trên các báo *Le Travail, En Avant! Notre Voix* không có tên tác giả; Cựu Kim Sơn (Văn Tân); Hồng Diện (Lã Vĩnh Lợi); Uy Đông (Nguyễn Văn Trấn); Minh Tước và Xích Điểu (Trần Minh Tước). *Phóng sự* xoay quanh mấy vấn đề: chống nạn thất học và tổ chức, hoạt động của Hội

---

1. Xin xem các bản dịch in trong *Tổng tập văn học,* tập 35, 1983, từ tr. 713 đến 737

truyền bá quốc ngữ, cuộc đối thoại giữa nhà cầm quyền và báo giới, tranh cử vào Viện dân biểu ở tù, đê điều và trâu bò ở nông thôn..., gắn với các phóng viên báo: Trần Đình Long, Nguyễn Thường Khanh, Đào Duy Kỳ... kết hợp hoạt động trong phong trào quần chúng với điều tra tại chỗ, thu thập tư liệu để viết. Kịch bản sân khấu có *Thanh Cảnh động đại náo* của Hải Triều (1 hồi, 1 cảnh), *Quan nghị hụt* của Nguyễn Đức Kính (2 hồi 5 cảnh) và *Thế giới đi về đâu?* là những vở kịch vui, châm biếm, đả kích bọn hề trong trường chính trị, phục vụ cho cuộc tranh cử vào Viện dân biểu Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Vở kịch ngắn của Hải Triều in trên báo *Sông Hương, tục bản*, số 6, ngày 21-7-1937 [1]. *Quan nghị hụt* in thành sách, chuẩn bị công diễn thì đột nhiên có lệnh cấm của Sở Đốc lý Hà Nội nên phải ngừng, và lúc đó cũng không có điều kiện tổ chức diễn ở các nơi khác ngoài Hà Nội.

Về văn vần, chúng ta có thơ, ca, hát mưỡu, vè. Thơ trữ tình chiếm một khối lượng lớn trong toàn bộ thơ, ca. Các nhà thơ trẻ có lập trường chính trị vững vàng và quan điểm nghệ thuật đúng đắn, có tầm nhìn chiến lược, khái quát những vấn đề rộng lớn và chiều sâu của đất nước, nhân dân và dân tộc mình, về xã hội và lịch sử, về đấu tranh chính trị trên trường quốc tế, làm rung động lòng người bằng những bài thơ hay, làm cho những nhà thơ chuyên nghiệp xưa nay và giới văn học nói chung không khỏi ngạc nhiên và ca ngợi. Nổi bật trên thi đàn trước hết là Tố Hữu, đến Dương Lĩnh, Hồ Xanh (Nguyễn Thượng Cát), Trường Sơn (Đào Duy Kỳ), T.K (Nguyễn Thường Khanh) v.v... Có những bài thơ nói lên tâm tư của tác giả khi từ giã đồng chí ở lại để ra tù, trở về với phong trào quần chúng đang đấu tranh sôi nổi. Có những bài thơ cùng với ca, hát mưỡu, vè phục vụ cho những cuộc đấu tranh trước mắt vì dân sinh, dân chủ, nhất là cho tranh cử và đấu tranh trong các Viện dân biểu (như Vè *Phan Thanh* của Trịnh Quang Xuân).

Về lý luận và phê bình văn học: trước đây, Hải Triều gần như đã đơn thương độc mã tung hoành trên chiến địa, cắm được cái mốc thắng lợi cho vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, thì nay đội ngũ các nhà lý luận và phê bình văn học đã đông đảo hơn, được bổ sung bằng những cán bộ đã được rèn luyện trong tù như Bùi Công Trừng, Hải Thanh, Lâm Mộng Quang, Hải Vân. Thạch Động, Sơn Trà, Nguyễn Đức Chính, Trần Huy Liệu..., và có chiến sĩ mới như Hồ Xanh.

Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực lý luận đã phát triển cả bề rộng và chiều sâu. Các nhà lý luận cách mạng đã vận dụng học thuyết Mác - Lênin để phân tích những vấn đề của văn học Việt Nam, thực tiễn chính trị và xã hội Việt Nam, phê phán lập trường và nhận thức lý luận của các nhà nghiên cứu mang nặng chủ nghĩa tự do tư sản như Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, Lê Tràng Kiều..., gắn quan điểm văn học với quan điểm chính trị, xã hội. Cuộc đấu tranh này đã ghi những bàn thắng mới cho mỹ học Mác - Lênin.

---

1. Xin xem *Tổng tập văn học*, tập 35, 1983, tr. 512 - 516

Chúng ta có những bài phê bình một số tác phẩm văn học như: Hải Khách phê bình *Tôi kéo xe* của Tam Lang và *Một chiến sĩ* của Trương Tửu; Phú Hương phê bình *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố; Nguyễn An Pha phê bình *Trong ao tù trưởng giả* của Lê Văn Trương và Xuân Diệu với *Trường thơ kín mít*, Thôn Ngưu phê bình *Đứa con hoang* của Nguyễn Vỹ. Văn chương thân Nhật của Phan Trần Chúc và đồng bọn đã bị vạch trần trên nhiều bài báo. Những bài phê bình tác phẩm thường chú trọng nhiều về nội dung tư tưởng chính trị, đạo đức xã hội hơn là giá trị thẩm mỹ, nghệ thuật văn chương của tác giả. Nhược điểm đó phản ánh thế mạnh của người phê bình có ý thức nhạy bén và vững vàng về chính trị hơn là khả năng sáng tạo văn học.

Về sưu tầm, giới thiệu di sản văn học yêu nước, có *Thi văn các nhà chí sĩ Việt Nam*, tập 1 của Phi Bằng, tập hợp và chọn lọc những tác phẩm của các nhà yêu nước chống thực dân Pháp theo biên niên, từ Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trường Tộ, Phan Đình Phùng... đến Lê Văn Huân, Nguyễn Quyền, Lê Đại. Ngoài ra còn một số bài đăng rải trên các báo chí.

Về dịch thuật, có tác phẩm *Xi măng* của P.Glátcôp, *Gót sắt* của G.Lơndơn và một số truyện ngắn khác dịch từ chữ Pháp hay chữ Trung Quốc.

Hải Triều giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp của ba văn hào lớn của thế giới: R.Rôlăng, M.Goócki, H.Bácbúytx. Hải Thanh dịch cuốn *Ăngdrê Giđơ và Liên Xô* của Phriétman.

Nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng của Liên Xô dịch ra tiếng Pháp, văn học tiến bộ và cách mạng Pháp, Trung Quốc, cùng với những tác phẩm lý luận văn học do G.Phrêvilơ biên soạn, giới thiệu bằng tiếng Pháp: *Mác và Ăngghen bàn về văn học và nghệ thuật; Phê bình văn học của* P.Lapháccgơ; *Lênin và Xtalin về văn học và nghệ thuật*, đã giúp cho giới trí thức nước ta nâng cao trình độ lý luận và mở rộng nhân sinh quan, tiếp thu những giá trị ưu tú của văn học thế giới để bồi bổ khả năng sáng tạo văn học Việt Nam.

VỊ TRÍ CỦA VĂN HỌC CÁCH MẠNG TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI KỲ 1936 - 1939

1 - Trên địa bàn văn học hợp pháp thời kỳ 1936 - 1939, văn học cách mạng đã chiếm lĩnh được vị trí để không ngừng củng cố và tăng cường trận địa chiến đấu của mình. Đó là một sự thật đanh thép không thể làm ngơ.

Một số sách chuyên luận và luận văn tốt nghiệp đại học về văn học sử và lịch sử báo chí (có các giáo sư tiến sĩ hướng dẫn) ở các thành thị bị tạm thời chiếm đóng của thực dân Pháp trước kia và Mỹ - ngụy sau này, các tác giả đã bỏ qua dòng văn học cách mạng thời kỳ 1936 - 1939 với nhiều nguyên nhân khác nhau. Ở đây, không kể những trí thức, giáo sư đầu hàng đế quốc, cố ý phủ nhận dòng văn học cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Có một số người vì quan điểm chính trị và phương pháp nghiên cứu hạn

chế nên không cảm nhận được đề đánh giá đúng về văn học cách mạng. Có người có lương tâm và thái độ tương đối khách quan, khoa học, nhưng không có hay có rất ít sách, báo để khai thác tư liệu và viết ra công trình của mình, vì điều kiện chính trị không cho phép.

Nhìn vào cuốn *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* của Phạm Thế Ngũ, tập III, văn học hiện đại 1862 - 1945; *Lược sử văn nghệ Việt Nam* của Thế Phong, nhà văn tiền chiến, 1930 - 1945 [1]. *Việt Nam văn học toàn thư* của Hoàng Trọng Miên; *Việt Nam văn học nghị luận* của Nguyễn Sĩ Tế; *Bản lược đồ văn học Việt Nam*, 1862-1945 và *Biểu nhất lãm văn học Việt Nam*, 1862 - 1945 của Thanh Lãng v.v... đều có hiện tượng giống nhau là không để cập đến dòng văn học cách mạng.

Như ở trên đã viết: văn học cách mạng gắn bó chặt chẽ với báo chí cách mạng. Không phải toàn bộ, nhưng phần lớn tác phẩm văn học đăng trên báo chí. Phủ nhận sự có mặt và vị trí chiến đấu của báo chí cách mạng cũng có nghĩa là phủ nhận các tác phẩm văn học cách mạng. Chúng ta điểm qua những tác phẩm về lịch sử báo chí của Nguyễn Việt Chước, Nguyễn Thê Húc, Trần Tấn Quốc, Nguyễn Ngu Ý và mấy bản luận văn tốt nghiệp của sinh viên Học viện Quốc gia hành chính (có dấu ấn của các giáo sư hướng dẫn) thì thấy rõ quan điểm sai lầm của họ.

2 - Phủ nhận vị trí của văn học cách mạng là sai lầm, nhưng cần đánh giá đúng tầm cỡ của nó về lượng và chất, không thổi phồng lên theo ý nghĩ chủ quan.

Theo thống kê và sắp xếp của cơ quan lưu trữ nhà nước các ấn phẩm công khai thì:

- Năm 1936 có 277 báo, tạp chí, tập san, trong đó báo cách mạng là 4 tờ.
- 1937 có 289 báo, tạp chí, tập san, trong đó báo cách mạng là 16 tờ.
- 1938 có 308 báo, tạp chí, tập san, trong đó báo cách mạng là 13 tờ.
- 1939 có 310 báo, tạp chí, tập san, trong đó báo cách mạng là 13 tờ.

Đây là số lượng đầu báo, nhưng có tờ ra từ năm trước tiếp sang năm sau; có tờ ra được vài chục số; có tờ ra được mấy số, thậm chí 1 số như: *Kịch bóng*, *Hy sinh*, *Sáng tạo*. Báo *Dân chúng* cơ quan trung ương của Đảng ra được 80 số là nhiều nhất, nhưng lại rất ít bài về văn nghệ, có thể đếm trên đầu ngón tay kể cả bình luận văn học và sáng tác văn học, không kể những bài văn chính luận.

Số lượng in của các tờ báo cách mạng vào mức tương đối cao so với các tờ

---

1. Trong bộ *Lược sử văn nghệ Việt Nam* của Thế Phong, tập *Nhà văn tiền chiến 1930 - 1945* không viết về nhà thơ Tố Hữu trong phần thứ tư: *Các nhà Thơ điển hình tiền chiến* mà lại đưa Tố Hữu vào *nhà văn kháng chiến 1945 - 1950* và nội dung giới thiệu, phân tích không khách quan, thiếu đúng đắn.

báo đương thời. Sự khác nhau quan trọng giữa tác dụng của báo chí cách mạng - đồng thời là của văn học cách mạng - và báo chí khác, là ở tổ chức phát hành và đối tượng tiếp nhận của nó. Báo chí cách mạng, văn học cách mạng đi vào quần chúng nhân dân đông đảo, vào công nhân, nông dân lao động, đến các thư viện bình dân và các tổ đọc báo tập thể dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản. Các tờ báo khác phần lớn dừng lại ở các công sở, xếp ở bàn của các viên chức nhà nước từ bậc trung trở lên... Sách văn học cách mạng chiếm một tỉ lệ rất nhỏ so với sách văn học chung thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau, nhưng giành được ưu thế tuyệt đối trong quần chúng cách mạng và tiến bộ, trong nhân dân lao động. Họ chờ đón sách và trao tay nhau đọc, suy nghĩ, tìm thấy ở sách những điều bổ ích, tâm đắc đối với cuộc sống bản thân và những vấn đề xã hội, chính trị đang đặt ra.

Văn học cách mạng giành được địa vị công khai, hợp pháp, không còn là "thứ quốc cấm" như trước. Về pháp lý, nhà cầm quyền không có lý do gì để cấm lưu hành và đọc sách, báo cách mạng. Nhưng bọn mật thám vẫn rình mò ở các quầy sách, báo để theo dõi người mua; đến các trạm bưu điện ghi tên những người đặt mua báo dài hạn; kiếm chuyện để bắt những người đọc sách, báo cách mạng với những lý do vu vơ của bọn cường hào ở nông thôn, đưa lên quan trên, nhưng không dám đem ra xử, chỉ đe dọa rồi cho về.

Văn học cách mạng có cái mạnh và điểm yếu trong nền văn học chung. Mạnh về chính luận, về lý luận văn học, về những bài tiểu phẩm và phóng sự điều tra. Có một số bài thơ hay được nhiều bạn đọc khen ngợi, nhưng mới là vài điểm sáng trong làng thơ. Truyện dài, truyện ngắn, nói chung chưa lôi cuốn bạn đọc bằng một số truyện thuộc dòng văn học hiện thực phê phán hay văn học lãng mạn cùng thời, chưa có những cây bút có tiếng tăm đã trở thành quen thuộc với những người sáng tác và thưởng thức văn học. Kịch bản sân khấu đã hiếm, lại bị ngăn cản, không được công diễn...

Văn học cách mạng đã tiếp thu những ảnh hưởng tốt của văn học trong nước và văn học thế giới. Đối với văn học trong nước, văn học cách mạng đã tiếp nhận những thành tựu của ngôn ngữ văn học hiện đại, sáng sủa, kết cấu tác phẩm gọn gàng, chặt chẽ. Với văn học nước ngoài, chủ yếu là văn học tiến bộ và cách mạng Pháp, văn học Liên Xô, văn học cách mạng Việt Nam học tập phương pháp sáng tác, điển hình hóa nhân vật và quan điểm thẩm mỹ. Mặt khác, văn học cách mạng ảnh hưởng đến các dòng văn học khác trong nước không trực tiếp mà thông qua những hoạt động chính trị của những người cộng sản, của những nhà văn gần gũi với Đảng Cộng sản, tham gia phong trào dân chủ, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong nhận thức tư tưởng và quan điểm chính trị để viết nên những tác phẩm tốt, tiến bộ, được đông đảo quần chúng hoan nghênh. Khi nhóm "Ngày nay" tham gia cuộc vận động dân chủ, là thành viên trong các hoạt động dân chủ ở Hà Nội do những người cộng sản đề xuất và liên minh với họ, thì bản thân một số nhà văn trong nhóm và những người cộng tác với họ đã viết một số bài đăng báo ủng hộ

những khẩu hiệu của đảng ta và yêu sách của quần chúng, là một ví dụ. Đội ngũ nhà văn có xu hướng dân chủ đông lên khi phong trào trong thế đi lên. Nhưng khi cuộc đấu tranh chính trị trở nên căng thẳng, phong trào gặp nhiều khó khăn thì hàng ngũ nhà văn này không ngừng phân hóa... Một số tiến bộ, giác ngộ cách mạng, dứt khoát đi vào con đường chính trị của Đảng Cộng sản, lấy văn học phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội, giải phóng trí thức. Một số khác quay trở về lối đi cũ, có phần do nhận thức không chuyển biến kịp tình thế, cũng có phần tinh thần bạc nhược, sợ khủng bố, không dám tiếp tục đấu tranh, xa rời cách mạng. Có phần tử đi vào con đường phản cách mạng, làm tay sai cho đế quốc Pháp hoặc phát xít Nhật.

3 - Văn học cách mạng hình thành và phát triển song song với phong trào quần chúng cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, có quan hệ với tình hình chính trị chung trong nước và quốc tế, nhất là tình hình chính trị của nước Pháp. Cục diện phát triển thuận lợi của văn học cách mạng khởi đầu từ đầu mùa thu năm 1936, qua năm 1937, bước tới đỉnh cao vào mùa xuân năm 1938. Trong thời gian này, xu hướng chung của Mặt trận nhân dân Pháp là được phát triển và củng cố, nhiều chính sách tiến bộ trong Chương trình của mặt trận nhân dân được thực hiện khá tốt. Ở Việt Nam, trước khí thế của phong trào dân chủ, thế lực phản động thuộc địa bị chặn đứng và đẩy lùi một bước. Một số người cộng sản được cử ra hoạt động công khai, báo chí cộng sản và xu hướng cộng sản thay nhau ra mắt, xuất bản ngay tại các trung tâm chính trị; nhiều tù chính trị được phóng thích, các hội ái hữu thi nhau thành lập, luật lao động được thực hiện lần đầu ở Việt Nam, v.v... Từ mùa xuân đến mùa thu năm 1938, phong trào dân chủ giành được vị trí vững vàng, có ảnh hưởng lớn trong nước và tiếng vang quốc tế, với những sự kiện đáng chú ý: báo *Tin tức*, cơ quan của Xứ ủy Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương, dưới danh nghĩa cơ quan Mặt trận dân chủ (địch thừa biết là Đặng Xuân Khu, Khuất Duy Tiến, Trần Huy Liệu, Trần Đình Long... là nòng cốt), xuất bản ngày 2-4-1938. Kế đó là cuộc mít tinh và tuần hành kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1938 ở Hà Nội có 25.000 người dự, cả người Pháp dân chủ và người Nam sát cánh nhau hô khẩu hiệu. Cuộc hội nghị thành lập Đoàn thanh niên dân chủ họp ở số nhà 28 đường Rôlăng (nay là đường Hai Bà Trưng) Hà Nội. Báo *Dân chúng*, cơ quan trung ương của Đảng xuất bản công khai ở Sài Gòn, phế bỏ nghị định xuất bản báo phải xin phép Toàn quyền, buộc chúng phải thừa nhận tính hợp pháp của nó, từ ngày 22-7-1938. Ở Trung Kỳ, báo *Dân* do Phan Đăng Lưu chỉ đạo biên tập, ra mắt ngày 6-7-1938, v.v...

Cuối tháng 9-1938, đại diện các chính phủ Đức, Italia, Anh, Pháp họp ở Muyních bàn việc chia cắt Tiệp. Thế lực phát xít quốc tế tiến công, các chính phủ tư sản thỏa hiệp, lùi bước. Mặt trận nhân dân của các nước suy yếu dần không đủ sức giữ vững trận địa, tạo ra những điều kiện khách quan kích thích nhân tố chiến tranh mở rộng. Ở Việt Nam, bọn phản động thuộc địa bất

mạch tình hình quốc tế và nước Pháp, bắt đầu hành động ngang ngược, phản công các lực lượng dân chủ, giành giật lại những quyền lợi đã phải nhượng bộ trong những năm trước. Tình hình phát triển ngày càng xấu đi cho đến ngày chiến tranh bùng nổ.

Văn học cách mạng chịu sự chi phối của bối cảnh chính trị, trải qua những bước thăng, trầm đại để như thế.

Chủ biên
NGUYỄN THÀNH

PHẦN THỨ NHẤT

PHONG TRÀO VĂN HỌC THỜI KỲ VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ, (1936-1939)

I. NĂM 1936

THƯ GỬI EM TỪ CÔN LÔN

Côn Đảo, ngày 11-8-1936

Em,

Đến hôm nay mà vẫn chưa có tin về. Chờ sốt cả ruột. Hai Kỳ trước anh không viết thư, vì tưởng xuống tầu ngay rồi. Ngờ đâu mới chỉ có những anh xử Nam án, trong số đó Hoan "Kính trắng", Lý Thống, Ký Mỹ, Quỳ đều là khổ sai chung thân – Hưng, Phúc, Báo v.v... có lẽ em cũng đón anh ở những chuyến ấy, nên không viết thư cho anh nữa phải không?

Thực ra, anh chưa về. Vẫn còn nằm ở Côn Đảo. Mà giờ phút lúc này càng thấy lâu hơn trước. Theo như mấy tờ báo được coi, thì còn phải chờ ở bên Bộ. Nếu bên Bộ mà không mau mau lên thì khối người sẽ không được hưởng cái ân đáng được hưởng. Vì một ngày, chậm ở lại có thể chết như thường. Ở đây, chết dễ lắm. Giam cầm thế này, ăn uống thế này! Mấy anh bệnh lao, chỉ một cơn sốt là thôi! Tự ân xá lấy.

Chờ đợi đã là một điều khó chịu. Hoài nghi lại là một điều khó chịu gấp trăm. Có người anh em phát biểu một ý tưởng hoài nghi rằng: "Ừ, nếu như việc đại xá là chắc chắn rồi thì chờ đợi một vài tháng cũng không sao, nhưng đã lấy gì làm chắc? Biết đâu bên Bộ Thuộc địa lại chỉ lựa chọn một số ít, thà có điều kiện, như mấy lần trước. Còn bao nhiêu vẫn cứ "tù" hoài; mà mấy anh được về cũng bị quản thúc, một hình thức "tù" nữa. Cái ý kiến này đa số phản đối, họ hắt ra, họ không muốn nghe. Vì họ hy vọng vào chính phủ bình dân lắm lắm. Có lẽ họ không lầm. Nhưng thử giả thuyết cho ý kiến trên kia trở thành sự thực, thì không biết họ sẽ thất vọng đến thế nào!

Anh còn nhớ hồi ra tòa nghe Hội đồng đề hình tuyên án. Nhiều người oan uổng người ta tin rằng sẽ được tha, hay nhiều người tội

nhẹ tin rằng sẽ chỉ phải đến 5, 3 năm là cùng. Không ngờ đến lúc Hội đồng đọc án: X chung thân phát lưu; Y cũng thế; Z cũng thế... choáng người lên, bèn hô đả đảo Hội đồng đề hình. Mấy anh không biết gì, không biết cả tiếng đả đảo nữa mà hô, nhưng sự căm tức, sự uất ức của họ cũng phát tiết ra bằng một câu chửi rất thô tục.

Nhắc lại câu chuyện này, anh không khỏi buồn cười. Song cái cười có pha lẫn nước mắt. Những người oan uổng đó vô số người bỏ mạng ở đây rồi. Còn lại bao nhiêu, nếu thất vọng lần này thì cũng chả sống được.

Trở lên trên, cho em biết cảm tưởng của anh trong lúc đợi ân xá.

Còn về phần sinh hoạt vật chất vẫn như cũ. Tiêu dùng nhiều hơn chút ít. Thuốc lá cũng thèm. Trứng, sữa, gà, vịt. Gửi cho anh ít tiền.

Chúc cả nhà bình an, ít ngày nữa sẽ họp mặt tại nhà.

Ch.

NGUYỄN ĐỨC CHÍNH [1]

Thư Côn Lôn, 1937.

---

1. Nguyễn Đức Chính sinh ngày 26–2–1908, quê ở làng Mọc, Thượng Đình, Hà Nội. Năm 1929, anh bí mật tham gia hoạt động trong Việt Nam Quốc dân đảng, khi đang học trường Cao Đẳng sư phạm Hà Nội. Tháng 5–1931 anh bị bắt, xử án đi Côn Đảo. Trong cuộc đấu tranh giữa tù Cộng sản và Việt Nam Quốc dân đảng ở Côn Đảo về lý luận và chính trị. Nguyễn Đức Chính có thái độ khách quan, thận trọng, không có xu hướng biệt phái hẹp hòi, bình tĩnh theo dõi và suy nghĩ chín chắn. Lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương đã thuyết phục anh cùng một số bạn bè là Việt Nam Quốc dân đảng từ bỏ chủ nghĩa tam dân và đường lối cách mạng quốc gia. Tháng 9–1936, chính quyền thuộc địa ở Đông Dương thi hành chính sách giải phóng tù chính trị của chính phủ Pháp, Nguyễn Đức Chính được tha về đất liền. Vốn có cảm tình với những người Cộng sản, anh tham gia hoạt động trong phong trào dân chủ, viết báo cách mạng bằng tiếng Pháp và tiếng Việt, làm giám đốc tờ báo *Ngày mới* từ khi báo này trở thành báo cách mạng (4–1939 – 8–1939). Anh còn dịch nhiều bài báo và cuốn sách từ tiếng Pháp ra tiếng Việt, được in phổ biến rộng rãi, góp phần tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin.

Năm 1940, Nguyễn Đức Chính bị địch bắt giam mấy tháng. Ra tù, anh đi Nam Định dạy học ở một trường trung học tư thục trong những năm 1940 – 1942. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, anh tham gia hoạt động Bình dân học vụ, sau công tác ở đài phát thanh *Tiếng nói Việt Nam,* dạy dự bị đại học, rồi dạy địa lý ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội (nay là Đại học Sư phạm I Hà Nội).

Tháng 8–1947, Nguyễn Đức Chính được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Anh mất ngày 12–1–1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI EM TỪ CÔN LÔN

Côn Đảo, ngày 28-8-1936

Em Kính,

Sau khi quyển "Đoạn tuyệt" của Nhất Linh ra đời một năm, anh mới có dịp được coi nó.

Cũng vì anh em sốt ruột về chuyện ân xá, nên tạm gác cả những sách nghiên cứu, đi kiếm tiểu thuyết đọc. Vừa đọc "Đoạn tuyệt" tối hôm qua.

Khá! Về một phương diện, phương diện nghệ thuật. Song, cũng chưa chắc. Với nghệ thuật cốt ở chỗ đồng cảm (communion). Vậy mà một số đông người không thể cùng cảm một mối cảm như các nhà văn sĩ Tự lực văn đoàn!

Cô Loan không phải là một tay phấn đấu. Hoặc giả cũng có ý tưởng phản kháng, nhưng đó chỉ là những ý tưởng lưng chừng: des velléités d"opposition.

Cô Loan đã không tự giải phóng nổi, phải nhờ ông Nhất Linh giải phóng hộ. Đến như cách ông này giải phóng cho cô Loan mới thực kỳ cục. Bằng con dao dọc giấy. Bằng một sự tình cờ. Thế ra ông Nhất Linh trông đợi sự giải phóng của cô Loan, tức là của cả một hạng người bị áp chế trong xã hội ở sự tình cờ ư? Một nhà viết sách có am hiểu đôi chút về xã hội học và sử học tưởng không thể phạm vào cái lỗi to tát ấy.

Còn một điểm này nữa, giỏ không ít là cô Loan, sao đã biết phản đối chế độ gia đình ở mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu, lại không đồng thời phản đối chế độ đại gia đình ấy ở mối quan hệ mẹ đẻ con gái? Sao lại chịu cúi đầu phục tùng như thế? Thôi, phải rồi, trong óc ông Nhất Linh, cái tình máu mủ có thể dung thứ cho mọi sự áp chế, mọi sự đè nén. Thảo nào bọn tư bản nó cứ ôm lấy quốc gia chủ nghĩa: nó định lợi dụng cái nghĩa đồng bào để dễ bóc lột người ta!

Ch.

P.S.[1] *Anh vui sướng lắm, nhất là từ ngày anh ra khỏi được sự xung đột của hai quan niệm: Duy tâm và duy vật; của hai tư tưởng: Quốc gia và xã hội. Ra khỏi không phải là đứng lên trên hẳn những cái đó, rồi nhìn cả hai bên bằng con mắt chán nản, hoặc hoài nghi hoặc khinh bỉ đâu. Ra khỏi là chọn lấy một trong hai cái bất tương dung ấy. Phong trào phát xít ở thế giới và ở trong tù đã giúp nhiều cho anh trong việc lựa chọn quan trọng này.*

Nếu nay mai được ân xá về là một điều hay quá. Nhưng được về một cách thong thả, giữa một hoàn cảnh thuận tiện, lại là một điều hay hơn nữa. Cứ xem cái không khí ở bên chánh quốc bây giờ thì những sự hy vọng ấy cũng không đến nỗi viển vông.

– Cho biết luật đại xá ban bố ngày 12-8 phạm vi rộng hẹp thế nào?

NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

Thư Côn Lôn, 1937.

---

1. Nguyên là chữ Post Scriptum viết tắt, nghĩa là tái bút.

KHÔNG NGỦ

Nằm nghe sương lác đác,
Ta buồn lo sau này:
Giống người còn tham ác,
Khói lửa sẽ mù bay!
Ai ơi! Lo làm sao,
Không lênh láng máu đào.
Trên mặt đất này nữa,
Ai ơi! Lo thế nào?
Nhân loại. Ôi nhân loại!
Hỏi có nên nghĩ lại,
Mà yêu thương lấy nhau,
Tàn sát nhau chi mãi?
Đặt chi ra cõi, bờ?
Mà giống thân, giống sơ?
Mong rằng trong thế giới
Không còn thế bao giờ.
Ta nằm ta lo hoài,
Biết có ai thương ai?
Ngoài trời, mây đen mịt,
Sương rơi... Hạt sương rơi...

DƯƠNG LĨNH [1]

Báo *Hồn Trẻ, tập mới,* số 10, 13-8-1936.

---

1. *Dương Lĩnh* quê ở làng Nội La, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Là một trí thức sớm giác ngộ cách mạng. Dương Lĩnh hoạt động ở Hà Đông từ năm 1933. Năm 1938 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong thời kỳ vận động dân chủ. Dương Lĩnh hoạt động chủ yếu trên mặt trận văn hóa, báo chí, viết nhiều bài đăng trên các báo chí cách mạng xuất bản ở Hà Nội.

Dương Lĩnh bị địch bắt giam trong thời kỳ chiến tranh, ra tù tham gia khởi nghĩa ở Hà Đông và làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Hà Đông năm 1945 – 1946. Anh bị mất trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Tác phẩm: – *Tiếng gió đưa,* Thơ, 1937. – *Mấy đường tơ,* Thơ, 1938.

KHÔNG NGỦ

Mặt đất tưởng khi mờ khói lửa,
Lo đời không ngủ suốt năm canh.
Giờ đi, ta nhắn thần khoa học,
Rằng chớ gây chi nỗi bất bình!

Vạn thần đem cả phép thiêng đi,
Đem phép nhiệm mầu gây tội ác,
Tranh bờ, lấn cõi, có ra chi!

Bao giờ quốc giới không còn nữa,
Nhân loại vang ca buổi thái bình.
Lúc ấy sẽ xin thần trở lại,
Làm cho thỏa mãn cuộc nhân sinh.

Mà thôi, lo hão là ta nhỉ,
Chiếc bóng trơ vơ với ngọn đèn.
Nhẹ bước ra thềm, sầu gửi gió,
Chân trời vàng úa, mảnh trăng lên.

DƯƠNG LĨNH

Tiếng gió đưa,
Nhà in Đông Tây, 1937.

NGHE SẤM

Tặng anh Uyển Riễm

Ta thấy trời rung chuyển,
Ta mừng ta lại lo.
Vận thời, khi đổi mới,
Gió bụi, lúc bay mù.
Xuân tới, vui hoa nở,
Đông về, thoảng lá khô
Lẽ thường ta đã biết
Sấm động, mưa rồi mưa.

DƯƠNG LĨNH

Tiếng gió đưa,
Nhà in Đông Tây, 1937.

NỖI MÌNH

Mấy chục tuổi rồi còn lắng đắng,
Người xưa luyện đá có hay chăng?
Trông lên chỉ thấy trời cao thẳm.
Ôm khối tình riêng dưới bóng trăng.

Trăng kia họa có biết tình ta...
Một chén cay nồng, mấy khúc ca.
Gió cuốn mây đi, trời lộng lộng,
Biết ta thôi có mảnh trăng tà.

DƯƠNG LĨNH

Tiếng gió đưa,
Nhà in Đông Tây, 1937.

ANH GÁNH MƯỚN

Tặng bạn Tế Xuyên

Trời vừa tang tảng sáng,
Đã thấy anh cu Nuôi,
Khua chó ran hàng xóm,
Đòn gánh vác trên vai.

Anh đi ra gốc đề,
Đón người xin gánh thuê,
Chống đòn, anh đứng đợi,
Chân trời, ánh nắng loe.

Kìa, bà Lý gọi anh
Đón gánh cho bà nhanh!
Anh vội đến đỡ lấy,
Theo cháu lên chợ Đinh.

Gánh hàng mới nặng sao,
Bụng thời đói như cào!
Mấy lần anh phải nghỉ
Lấy hơi trèo dốc cao.

Đến chợ anh mừng rối
Ngửa tay xin tiền công,
Bà Lý cau mày nói:
"Về nhà mà hỏi ông!".

Thôi thế là công toi!
Anh đã nhớ ra rồi,
Vụ sưu anh còn thiếu
Mất đâu một hào hai!
Ngồi bệt xuống gốc đa,
Anh trông lối về nhà,
Kìa, bà Lý xơi bánh
Mắt anh nhìn nảy hoa!

DƯƠNG LĨNH

Tiếng gió đưa,
Nhà in Đông Tây, 1937.

MẸ CON THẰNG BẮT CUA

Tặng Đông Tùng

"Mẹ ơi! Thôi bây giờ
Cho con đi bắt cua
Để còn kịp về chợ
Không nữa hết người mua".

Bà cụ tay sờ soạng
Ra khép cánh cổng tre
Rồi về ngồi sưởi nắng
Ở ngay ngoài đầu hè.

Bà cụ đang ngồi ho
Bỗng thấy tiếng gọi to
Có người chạy về bảo:
"Rắn cắn chết thằng Cò!"

Kêu rống lên một tiếng,
Bà cụ liền gieo đầu
Xuống hòn đá bậc cửa
Mẹ con thác theo nhau!

Thế rồi mấy hôm sau
Gần ngay bên bãi dâu
Có hai cái mả mới
Nào người viếng thăm đâu?

DƯƠNG LĨNH

Tiếng gió đưa,
Nhà in Đông Tây, 1937.

CÔ GÁI ĐÊM

Tặng Đỗ Thị Bích Liên

Đêm kia trên sông Châu
Trong một chiếc thuyền câu,
Hai cái bóng nghiêng ngả,
Rì rầm nói với nhau

... "Anh ơi em có chồng!
... Thế sao em nở lòng?
Chồng em đi xa vắng,
Biết có về hay không!"

Anh ấy đi làm phu
Mãi đâu trên thượng du
Đã mấy năm rồi đấy,
Không biết sao bây giờ!

– Thế cứ chồng đi xa,
Thì em đi đêm a?
– Khổ lắm! Đừng nói thế!
Tủi cho thân đàn bà!

– Cảnh em thế nào thì,
Em nói anh nghe đi.
Cái chuyện đời con đĩ
Anh nghe mà làm gì!

– Không, em nói đi mà...
– ... Mẹ chồng em thì già,
Em đã được thằng cháu
Năm nay, cháu lên ba
Mẹ già hơn tám mươi
Con thì lắm cam sài,
Tới đây em lại ốm,
Ròng rã hai tháng giời!

Hồi ấy em cùng quá.
Phải đi xin khắp vùng,
Kiếm lưng cơm bát cháo
Nuôi con, nuôi mẹ chồng.

Rồi gặp một mụ đầu
Em mới biết sông Châu
Anh ơi! Cơn túng khổ
Bán thân về nuôi nhau!"

DƯƠNG LÌNH

Tiếng gió đưa.
Nhà in Đông Tây, 1937.

RA VỀ NHỚ BẠN

Bấy lâu chung khám, chung banh,
Chung cơm gạo lứt, chung canh rền già.
Chung nhau thùng nước, chiếc ca,
Chung nhau đến cả xó nhà, chiếu manh.
Chung nhau hàng ngũ điểm danh,
Chung nhau xe đá, xây banh, xây cầu.
Chung nhau bốc vác bến tầu,
Chung nhau cối thóc hai đầu giằng xay.
Chung nhau hầm tối đọa đầy,
Chung nhau bụng rỗng những ngày hò la.
Chung nhau một sợi xiềng tra,
Chung nhau lý tưởng cao xa con người.
Chung nhau lẽ sống cuộc đời,
Chung nhau theo gót thiên tài Mác – Lê.
Bây giờ kẻ ở người về,
Con tầu rẽ nước, bốn bề sóng reo.
Côn Lôn phủ áng mây chiều,
Ngoảnh nhìn trở lại bao nhiêu tâm tình.
Thương người nằm dưới cỏ xanh,
Xương tàn luống để gia đình ngóng trông.
Mai sau những khách sang sông,
Hỏi ai, ai có nhớ không người chèo.
Ngậm ngùi cây cỏ Hàng Keo[1],
Hận thù càng bốc, ngọn triều càng dâng.
Đường về chẳng khỏi bâng khuâng,
Tình sâu, nghĩa nặng, một vầng trăng sao.
Nhớ người ở lại trong lao,
Chia tay, lòng những dạt dào niềm riêng.

1. Hàng Keo, sau gọi là Hàng Dương, nghĩa trang ở Côn Đảo.

Dặn nhau nghĩa vụ thiêng liêng,
Kẻ về, người ở, vẹn tuyền cả đôi.
Côn Lôn chìm đắm chân trời,
Những còn vọng lại những lời núi sông.
Thương ai ấp ủ trong lòng,
Nhớ ai, ta hát bài Hồng quân ca.

TRẦN ĐỨC THỊNH [1]

1. TRẦN ĐỨC THỊNH (1900 - 9-1-1970) quê xã Vũ Lăng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Năm 1931 làm Bí thư tỉnh ủy Thái Bình. Cuối năm 1931, bị thực dân Pháp bắt tù, đi Côn Đảo. Cuối 1936, Trần Đức Thịnh được ra tù, trở về quê hoạt động. Khi trở về, lưu luyến bạn tù còn ở lại, anh cảm hứng sáng tác bài thơ này. Năm 1939, anh bị địch bắt giam. Năm 1942 ra tù, anh được chỉ định tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương. Trước khi mất, Trần Đức Thịnh là Phó Trưởng ban Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng.

KHÔNG TÊN, KHÔNG TUỔI

(Truyện vừa)

Cuộc họp mặt nói truyện trong sa lông Đông Phương buổi tối hôm ấy khác hẳn với các cuộc họp mặt thường của các văn sĩ và nữ sĩ danh tiếng để trao đổi lẫn tư tưởng, ý kiến cho nhau, để đàm luận về văn chương, triết lý, về văn vần, văn xuôi, thơ mới, thơ cũ, về cái thanh cao thuần túy siêu phàm, huyền diệu; về cái mơ màng phiến diện... của con nhà văn, và để thiết thực hơn, ăn bánh ngọt, uống cà phê, rồi bình văn với nhau, khen ngợi nhau, tâng bốc nhau. Cuộc họp mặt hôm ấy là cuộc họp mặt riêng của mấy văn sĩ có tiếng tăm nhất để bàn về việc thảo luận một bản chương trình ấn định những phương pháp hành động làm sao cho gây nên được phong trào văn chương khắp xứ. Nó như những luồng gió hiu hiu lẹ đưa từ biển vào trong đất những ngày nắng hè gay gắt. Nó như những làn hương của hàng trăm thứ hoa ngào ngạt. Cả một bầu trời man mác. Nó như những cung đàn, giọng hát chìm bổng du dương, nỉ non ai oán. Nó nét lại, làm cho cả một đám nam nữ thanh niên say mê đắm đuối, tâm trí không còn vương vấn gì đến cuộc đời thiết thực khô khan đầy đau khổ. Cho nên, hôm nay, trong sa lông vắng mặt cả những nữ sĩ Tiên Đài, Sầu Dung, Mộng Lân, Kim Chi, Băng Tâm, Ngọc Vân, Tuyết Vân, Thu Vân, Xuân Vân, Hạ Vân, Đông Vân...

Vì thiếu phái đẹp, sa lông trang hoàng có phần rực rỡ. Nhưng căn phòng cũng chưa đến nổi thiếu mùi trưởng giả.

Ở giữa phòng, vẫn hai bộ sa lông gỗ lát bóng nhoáng với hai cái bàn phủ tấm khăn lụa hồng dua quanh, trên đặt một lọ hoa huệ tây trắng muốt và tám cái ghế tựa, không có đệm lò xo, phủ nhung hồng. Hai bên vẫn hai cái đi văng cũng phủ nhung hồng nằm dài sau bốn cái kỷ nhỏ gỗ lát, phủ lụa hồng dua quanh. Bên trong hai bộ sa lông sát tường, vẫn cái tủ sách gỗ lát, to tướng kiểu tối tân, đầy sách, truyện, báo chí. Sách thì nào *Hồn bướm mơ tiên, Nửa chừng xuân,*

Gẩy cành thiên hương, Hoàng anh gẩy cành, nào *Nắng thu, Mùa xuân, Đông tuyết, Khói lam chiều, Thuyền tình, Biên ai, Trăng giãi ngoài vườn, Trăng giãi đầu non, Yêu dương, Mơ mộng, Dưới trăng bờ suối, Bờ đời, Thơ vịt trắng.* Báo thì nào *Hà thành báo, Tiểu thuyết thứ tám, Tiểu thuyết thứ chín*, nào *Bố hữu, Nước non tuần báo, Loa kèn tuần báo*... Trên bốn mặt tường quét vôi hồng, treo la liệt những tấm hình xinh xẻo của cô gái tân thời, phụ bản báo *Ngày nay* và báo *Loa kèn*, những tấm hình ngộ nghĩnh tình tứ, lả lơi của các văn sĩ, đại thi sĩ đương thời, tất cả lồng trong khung kính rất là mỹ thuật. Có mặt buổi đó, những văn sĩ Cảm Hưng, văn sĩ Huệ Khai, văn sĩ Mạnh Lư, đại văn sĩ Đoản Kiều, văn sĩ Thạch Giao, văn sĩ Hoàng Chân... và những thi sĩ Thời Lữ Bất Thông, Bất Tuyệt, Độn Thủy, Bạch Tử văn nhược, Thi sĩ có đuôi, thi sĩ Thái ba toong...

Sau một hồi bắt tay, chào mừng cười nói, mọi người ngồi xuống ghế rồi bầu người chủ tịch cuộc nói chuyện. Đại văn sĩ Đoản Kiều được phần đông tín nhiệm tôn chủ tịch. Đoản Kiều nhũn nhặn, khiêm tốn cảm ơn mọi người đã có lòng yêu, lần nào cũng bầu mình làm chủ tịch rồi tươi cười rủ rỉ... mời mọi người xơi một lượt nước chè, bánh đậu xanh, bánh phục linh, bánh quế và thuốc lá ma nhum. Đoạn Đoản Kiều đứng lên mủm mỉm, thỏ thẻ mở đầu cuộc nói chuyện:

– Thưa các quý hữu, sở dĩ hôm nay chúng ta có cuộc họp mặt riêng ở đây là vì chúng ta cần phải giải quyết một vấn đề rất quan trọng về văn chương. Gần đây trong văn giới xứ ta lại nẩy nòi ra mấy thằng văn sĩ gàn dở, hủ lậu. Chúng nó cứ nói lớn lên rằng văn chương phải quan thiết tới cuộc sống của con người ta, chúng nó cứ hô hào dữ phải đem văn chương tả những cái xấu xa, đồi tệ của xã hội làm cho người xem ghê tởm muốn xa lánh, phải đem văn chương tả cái thằng cu li xe hôi hám, đen nhẻm đen nhèm, cái thằng ăn mày rách rưới, chấy rận nhung nhúc, cái thằng ma cà bông không bố, không mẹ nằm đầu đường xó chợ.

Mọi người nhăn mặt, cau mày, bĩu môi. Đoản Kiều hăng hái nói tiếp:

– Thế mà chúng nó kêu là văn chương tả chân, văn chương xã hội, đấy mới là văn chương có ích. Rồi chúng nó sung sướng khen lấy khen để. Những *Cảnh khốn nạn, Ngựa người, Kép Tư Bền* của Nguyễn Công Hoan; *Một đêm trước, Tôi kéo xe* của Tam Lang; *Không một tiếng vang, Cơm thầy cơm cô* của Vũ Trọng Phụng. Chúng nó mừng rỡ kêu đây là những chứng cớ của các triều lưu văn nghệ mới ở

xứ ta, khuynh hướng về tả thực, nội dung xã hội chủ nghĩa. Các quý hữu xem, văn chương như thế mà chúng nó dám tâng bốc nhau là những nhà văn có tài, những cây viết cứng.

Vài bốn người nhún vai, thở dài, Đoản Kiều được hoan nghênh đắc chí, nói tiếp:

Cứ như ý kiến tôi và chắc ý kiến của quý hữu cũng vậy, văn tả cái thằng cu li xe bẩn thỉu, khốn nạn thì còn êm ái du dương, huyền ảo mơ mộng ở chỗ nào! Đọc được một câu văn của Hồn bướm mơ tiên người ta có cái cảm giác mơ màng huyền ảo; đọc một câu văn của "Cô Nhung" hay "Ngoài vườn trăng giãi", người ta thấy say sưa chìm đắm hay háo hức, rạo rực tình yêu; đọc một câu thơ của Bất Thông, Bất Tuyệt, Bạch Tứ, Mạnh Lư... người ta thấy như tỉnh như mơ, như ẩn như hiện, như thực như hư. Chứ các quý hữu xem, đọc văn tả thằng cu ly thì tôi thiết tưởng, người ta chỉ ngửi thấy mùi mồ hôi chua loen loét, mùi áo khét lèn lẹt, hoặc chỉ nghe thấy khúc âm nhạc kêu chan chát, "Nặng bình bịch".

Tất cả mọi người đồng ý với Đoản Kiều. Người vội vàng bịt hai lỗ tai lại vì sợ phải nghe khúc âm nhạc ấy. Người hỉ mũi kìn kịt vì sợ phải ngửi cái văn xã hội chua loen loét, khét lèn lẹt kia. Đoản Kiều phấn khởi, cất giọng diễn giả:

– Văn ấy thì ai "cảm" cho được! Thưa các quý hữu. Văn ấy thì ai "say", ai "mê" cho được! Thưa các quý hữu.

Hơn một chục cái đầu lắc la lắc lư để trả lời ông chủ tịch đã biến thành diễn giả, Đoản Kiều cất giọng ẻo lả:

– Những buổi trăng tà bên nệm cỏ ven hồ, một đôi uyên ương đang vai kề vai tự tình ân ái...!

Đổi giọng ẻo lả sang giọng trào phúng chua cay, Đoản Kiều hỏi:

Thế mà đôi uyên ương ấy lại đọc cái câu văn xuôi: "Trên chân người cu li những dòng mồ hôi như nước chảy, lướt qua đôi con mắt lờ đờ sáy nắng" thì còn "ngửi" làm sao được?

Những buổi chiều thu "gió vàng hiu hắt" trên nhịp cầu nho nhỏ bắc ngang dòng nước trong veo lừ đừ trôi giữa hai hàng liễu thướt tha, hai cặp tình nhân trẻ tuổi khoác vai nhau, nhịp nhàng dạo bước chờ trăng...

Thế mà đôi tình nhân ấy lại cầm trong tay những quyển sách nhan đề "Anh phu kíp", "Chị phu than" thì có khác gì họ định chửi cay

chửi độc văn chương và mỹ thuật không? Trái lại nếu cặp trên ngâm:

"Tiếng đưa hiu hắt bên lòng
Buồn ơi, xa vắng mênh mông là buồn"

(THẾ LỮ)

Cặp dưới cầm những *Hà thành báo, Tiểu thuyết thứ tám, Hồn bướm mơ tiên, Ngoài vườn trăng giãi, Yêu đương, Thuyền mơ* thì có phải chúng ta đã được ngắm những thắng cảnh say sưa ẩn hiện, được nghe những cung đàn réo rắt mê hồn không?

Mọi người vỗ tay, gật lấy gật để, cực lực hoan nghênh Đoản Kiều,

– Thế bây giờ quý hữu đối phó làm sao với bọn văn sĩ gàn dở ấy, hủ lậu ấy?

Mấy người nhao nhao đứng phắt lên trả lời.

Mạnh Lư: Phải dìm bọn ấy đi.

Huệ Khai: Phải làm cho "tiêu" cái văn chương của chúng nó đi.

Thời Lữ: Phải vạch cái sai lầm của chúng nó ra.

Cảm Hưng: Văn của chúng nó không hợp thời, sẽ chết.

Thi sĩ có đuôi: Phải "phết" nặng cho chúng nó cụt đuôi đi...

Họ vỗ tay ran, hò hét khuyến khích nhau đánh đổ bọn văn sĩ xã hội. Nhưng giữa lúc xôn xao, nhộn nhịp thì văn sĩ Cảm Hưng và thi sĩ Bất Thông đứng lên ôn tồn thưa:

– Các quý hữu, chúng ta không nên bút chiến với chúng nó. Nhường lời cho Cảm Hưng phô bày ý kiến:

– Tôi ít thích những cuộc bút chiến với chúng nó, vì có khi chúng nó hại chúng mình và cho chúng mình xuống hố. Tôi thiết tưởng chúng ta nên dùng cách ôn hòa, gián tiếp hại chúng nó là hơn. Nghĩa là chúng ta chỉ nên cố luyện, mài rũa cái văn chương lãng mạn, mơ màng, huyền ảo của chúng ta. Chúng ta hết sức sản xuất nó ra cho thật nhiều, thế là đàn bà, con trẻ, các cô gái ngây thơ lãng mạn, các cậu con trai lịch lãm đa tình, các ông tham, các bà phán, các ông ký, các bà giáo sẽ thi nhau nô nức đọc văn của chúng ta. Cái văn chương xã hội, cái văn chương tả chân "chua loen loét", "khét lèn lẹt" của chúng nó tự nhiên phải tiêu diệt.

Tất cả mọi người khen Cảm Hưng nói phải. Đoản Kiều lại đặt câu hỏi:

– Thế các quý hữu có gì để chứng thực lời nói ấy không?

Mạnh Lư – Hà thành chạy ba vạn.

Thạch Giao – Tiểu thuyết thứ tám chạy chín nghìn...

Cảm Hứng – Chín phần mười quốc dân hoan nghênh văn tôi.

Bất Thông – Hầu hết các cô gái chưa chồng mê thơ tôi và mê cả tôi nữa.

Huệ Khai – Bao nhiêu cô viết thư khen tôi, khuyến khích tôi, xin tiếp chuyện tôi.

Bạch Tử – Bao nhiêu cô gửi tặng tôi ảnh, mùi xoa.

Thi sĩ có đuôi – Nhiều cô họa thơ tôi, làm thơ tặng tôi.

Tôi viết văn, làm thơ ký đàn bà thì các cậu lại "cảm" tôi, rồi cũng viết thư hẹn hò với tôi, cũng làm thơ tặng tôi, cũng dâng vật kỷ niệm cho tôi.

Đoản Kiều mừng rỡ, gật gù hoài. Bấy giờ thi sĩ văn sĩ mới móc ở đáy ví ra từng tập thư và những kỷ niệm sực nức nước hoa, đựng trong những cái bao mica.

Thi sĩ Bất Tuyệt sung sướng giơ vội sấp thư của mình ra rồi xin phép đọc:

Hà nội, ngày... tháng bảy năm 1934.

Ông Bất Thông!

Chắc ông cũng sẵn lòng tha thứ cho một người đến làm bận ông thế này, nhất là người ấy lại là một người đàn bà. Vâng, tôi là một người đàn bà, hơn nữa một người con gái hãy còn trẻ, còn son. Cũng như phần nhiều những bạn gái còn son trẻ khác, tôi rất thích văn chương. Những buổi sớm mờ sương, hay những buổi chiều nắng nhạt, tôi thường thấy lòng tôi thổn thức, bâng khuâng. Với những câu thơ êm đềm hay réo rắt tôi rất thích các trào lưu thơ mới gần đây mà trào lưu này đã được bênh vực bởi nhiều tờ báo "Hà thành" nhất là tờ Phong hóa. *Mỗi tuần lễ báo ấy thường có đăng một bài thơ mới mà tôi ngâm không thấy chán.*

Ôi, ông Bất Thông ơi, xin ông cho tôi ngỏ nỗi lòng tôi yêu ông.

Anh Bất Thông của tôi ơi! Tôi đã yêu anh (Xin cho tôi gọi bằng anh).

Tôi yêu anh lắm, có thể nào tôi lại không yêu anh được. Tôi khao khát muốn được gặp anh để xem anh có đẹp trai không?

Đến đây thi sĩ sung sướng quá, vừa cười tít đi vừa đọc thành ra không ai nghe rõ đoạn giữa.

...

Anh Bất Thông yêu qùý ơi, tôi là con một gia đình theo mới. Tôi rất được tự do. Tôi có thể tiếp các bạn trai ở chính trong nhà tôi được. Nhưng thôi, tôi không muốn thế. Tôi muốn được gặp anh ở trong vườn Bách thú kia. Thế nào chiều hôm nay anh cũng đón tôi ở chỗ chuồng khỉ ấy nhé.

Chào anh
Bích Ngọc.

Anh em vỗ tay reo hò, nhưng Bất Thông vội gạt:

– Im, thong thả, còn nhiều... đây... cái thứ 9.

Hà nội, ngày...

Anh Bất Thông yêu quý!

Trong mấy ngày ở Đồ Sơn, không một phút nào là em không nghĩ đến anh. Cảnh đẹp lắm. Nước trong lắm. Những ngọn sóng đùa giỡn với nhau suốt ngày. Nhưng em thì không vui. Em thổn thức, em ước mong. Vì phỏng em được ở Đồ Sơn với anh, anh ơi!...

Thế mà anh đã tệ bạc với em. Em về, em đợi anh, em không thấy anh. Đau đớn, em về quê. Em mong mỏi mãi cho tới ngày thứ sáu để em được đọc Phong hóa *xem thế nào. Tối hôm qua, bước xuống ôtô là em đi mua ngay một tờ* Phong hóa. *Em giở vội giở vàng ra xem...*

Em thấy có mấy bài thơ mới đăng của anh. Nhưng sao anh không tặng em, anh thực tệ.

Bích Ngọc.

Văn sĩ Huệ Khai nóng ruột trưng thư tình của mình, hai ba lần bấm chí Bất Thông, để bảo Bất Thông ngừng đi mà nhường cho y "vây" với chứ.

Hồi vỗ tay cảm phục thư của Tân – Ngọc chưa dứt, Huệ Khai đã hô lớn:

-- Xin phép anh em cho tôi đọc.

Rồi:

Ông Huệ Khai,

Thưa ông tôi đường đột viết mấy dòng này để tỏ lòng quý mến văn ông. Lòng quý mến ấy làm cho tôi mạnh bạo vượt lên trên hết những quy luật nghiêm khắc trong gia đình mà nói chuyện với nhà văn bữa nay.

Ông cho phép tôi thành thực khen ngợi lối văn dịu dàng, êm ái, đầy thơ mộng, ông đã dùng để viết "Trăng thu".

"Trăng thu" đã làm cho lòng tôi rung động. Mà tôi chắc tất cả các bạn gái sống cái đời phong lưu, đài các như tôi đều có chung một lối cảm tưởng nhẹ nhàng, thư sướng như tôi. Sau khi đọc hết tác phẩm quý giá ấy, nhà văn cho phép tôi đóng vai Lan Anh, mấy phút cùng nhà văn, tay cầm tay dạo chơi trong rừng thông, dưới ánh mờ mờ của trăng thu, để thưởng thức khúc âm nhạc tiêu hồn của mấy mươi vòm lá thông trước gió...

Cái tính chất của bọn phụ nữ tiên tiến chúng tôi, tôi không nói thật ra nhà văn cũng thừa hiểu rồi, nên thà cứ đường đột mà thật thà còn hơn đắn đo mà dối trá, phải chăng, thưa ông?

Tôi mong có ngày được tiếp chuyện ông.

Kính chúc ông vạn an
Thu Vân – Hà Nội

– Đấy là cái mẫu hàng của mấy chục bức thư các bạn gái gửi cho tôi.

Đại văn sĩ Đoản Kiều vừa chực ngắt lời văn sĩ Huệ Khai để bình thư của mình, thì văn sĩ Huệ Khai đã đọc tiếp lá thư đặc biệt của một cô gái thơ mười một tuổi ở Tuyên Quang gửi cho ông để tuyên bố cái tình của cô đối với ông.

Tuyên Quang, ngày 8 tháng ba năm 1936.

Thưa ông,

Bấy lâu nay tôi mê văn ông lắm. Bây giờ tôi thấy tôi yêu ông. Nếu có phải tình yêu được thật tự do không bị một điều kiện nào ràng buộc thì tôi tuy mới có trên mười tuổi, cũng có quyền yêu ông đã tam tuần có lẻ. Và đổi lại, ông cũng phải quý trọng những nhịp rung động đầu tiên rất thiêng liêng của một trái tim non nớt.

Nếu phụ lòng tôi, ông sẽ có tội, vì chính ông đã đem những chuyện tình ái mơ mộng, những lời văn lãng mạn, dịu dàng, êm ái gợi lên mối tình tha thiết của tôi ngày nay.

Có thể nào ông trả lời bằng thư hoặc ông đến chơi đằng nhà tôi. Ba tôi ngày hai buổi đi làm, trừ chủ nhật và ngày lễ. Ông có lại chơi thì vào những giờ ba tôi ở sở.

Người yêu ông
Tý

Huệ Khai đọc dứt thì lửa tình bốc lên làm cho hai mắt ông đỏ ngầu, rồi ông hăm hở như muốn tạm biệt sa lông văn chương Đông Phương ít lâu, vượt hơn 160 cây số về Tuyên Quang (quê cha đất tổ ông) với người yêu tí hon. Anh em vỗ tay, hò reo khen ngợi Huệ Khai và tỏ ý rất thỏa mãn về sự thắng lợi hoàn toàn của văn phái mình. "Văn phái ái tình, huyền ảo và mơ mộng!". Lá thư của cô Tý là cả "duyên" lẫn "nợ" của văn sĩ Huệ Khai. Sau người ta đọc ở mục "Hộp thư" trong *Loa kèn tuần báo* mấy lời nhắn nhe:

"Cô Tý – Tuyên Quang – Cảm ơn bạn đã có lời thăm tôi. Ngày 2 tháng tư, từ 8 đến 9 giờ sáng, bạn đợi tôi ở nhà".

Thế rồi cuộc tình duyên của Huệ Khai và cô Tý kết liễu bằng cái án 5 năm khổ sai cho nhà văn sĩ lãng mạn. Tội nghiệp cho cô Tý và tội nghiệp cả cho nhà văn!

Đến lượt ông chủ tịch Đoàn Kiều:

– Thưa anh em, vì nền văn học nước nhà mà bữa nay tôi phải trình những vật quý báu của tôi ra đây để làm tài liệu cho chúng ta. Trước hết xin anh em nhớ kỹ cho một điều. Anh em phải hết sức giữ bí mật cuộc tình duyên của nàng và tôi. Tôi đang mưu một việc lớn. Nếu câu chuyện tình này mà vỡ lở, sự nghiệp văn chương của tôi có lẽ sẽ cũng tan tành.

Tôi xin bình anh em nghe bức thư thứ năm nàng gửi tôi.

Gác Tân Tân, ngày 12–1–1936

Anh,

Văn tài của anh không phải nói nịnh anh, ai cũng khâm phục. Nhưng anh chớ đem nó phụng sự cuộc nhân sinh của con người ta ở xã hội ta ngày nay. Em van anh đấy.

Anh nên nhớ rằng em yêu anh là chỉ vì mấy bài văn giọng Tiểu thuyết thứ tám *anh đăng ở tạp chí* Ngày mai. *Em khuyên anh nên trau dồi văn ấy. Văn nghiệp tương lai của anh sẽ rực rỡ.*

Thầy mẹ em có tên tuổi trong làng văn ít lâu nay, có ý bằng lòng, vui vẻ lắm! Thầy mẹ em cho phép em một tháng đến sa lông bốn lần để cùng anh chị em trao đổi tư tưởng. Vậy những buổi gặp gỡ của chúng ta ở đường Quần Ngựa hay trong Hội chợ, anh nên rút bớt đi.

Còn cái số kia, thế nào em cũng lo xong. Điều cốt yếu là tờ báo sau này của anh phải theo thể tài và văn nghệ của Tiểu thuyết thứ tám *hay* Hà thành báo *em mới thích.*

Bài "Huyền ảo" của anh hay lắm; thế mà bọn "nghệ thuật vị nhân sinh" cho là nhảm nhí, vô ý nghĩa thì không hiểu não chúng ta làm sao!

Tuần này anh viết bài: "Mùa nực tới rồi, chị em ta phải đi tắm biển!" Ký tên em nhé

Hôn anh một trăm cái.

Thu Dung của anh.

Một hồi vỗ tay hoan nghênh, một trăm cái hôn của cô Thu Dung vừa dứt, Thi sĩ có đuôi hớn hở ngâm luôn bài thơ "Sương rơi".

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu
Nhưng hồi
Gió bấc
Lạnh lùng
Hiu hắt
Thấm vào
Em ơi!
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương!
Rồi hạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng
Tả tơi
Em ơi!
Từng giọt
Thánh thót!
Từng giọt
Điêu tàn
Trên nấm
Mồ hoang...
Rơi sương
Cành dương
Liễu ngả
Gió mưa
Tơi tả
Từng giọt
Thánh thót
Từng giọt
Tơi bời
Mưa rơi
Gió rơi
Lá rơi
Em ơi!

Ngâm hết bài "Sương rơi", Thi sĩ có đuôi cười sằng sặc, hai mắt tít đi:

Đấy anh em xem, chỉ vì mấy bài "Sương rơi", "Gió lùa", "Mưa chút"... mà biết bao nhiêu cô gái lãng mạn viết thư về khen tôi và vỗ về an ủi "nhà thi sĩ cô đơn lạnh lùng" với những tấm tình yêu tha thiết.

Gật gù, gật gù, Thi sĩ có đuôi nói tiếp với giọng nói cảm động: – Cả đến những cô đã chán cái đời náo động ở chốn phồn hoa, đô hội, đem thân lên ẩn mãi nơi rừng thẳm non cao, mà nay theo tiếng gọi của trái tim nhà thi sĩ, cũng muốn từ biệt non xanh về "Chuồng ngan trắng"...

Tất cả anh em nhìn thẳng vào Thi sĩ có đuôi, vỗ tay cười ngặt cười nghẹo, cười rộ lên từng hồi làm cho Thi sĩ đỏ ửng mặt lên. Rồi Thi sĩ chợt nhận ra rằng anh em cười nhạo mình. Hoảng hốt quay lại, Thi sĩ nhìn ngược nhìn xuôi xem mình có gì đáng cười không. Thì ôi! Xiết bao hãi hùng đuôi của Thi sĩ đã rơi mất từ bao giờ ấy rồi!...

Chủ tịch Đoản Kiều nghiêm trang kéo anh em vào trật tự. Chỗ này một người, chỗ kia một người đứng lên lố nhố, giơ lên khoe, nào mùi xoa thêu, nào ảnh, nào bưu thiếp của các cô gái ngây thơ, lãng mạn, đa tình đã gửi tặng. Anh nào anh ấy đều đặt một cái hôn dịu dàng, âu yếm lên vật kỷ niệm quý báu, Đoản Kiều xua tay bảo:

– Thôi, thế là đủ rồi – Chúng ta đã chinh phục được lòng của các bạn gái rồi. Bây giờ tôi xin trình anh em cái kết quả tốt đẹp của một cuộc trưng cầu ý kiến vừa rồi của *Hà thành báo* để anh em rõ tinh thần của bọn trẻ em.

Số người dự cuộc là ba vạn, mà hai vạn là trẻ em từ 8 đến 15 tuổi; một vạn là các bà, các cô. Trong hai vạn trẻ em ấy, một vạn chín nghìn chín trăm chín mươi chín đứa thích đọc *Hà thành báo*, *Tiểu thuyết thứ tám* và *Bổ hữu tuần báo*, chỉ có một đứa nói rằng hiện thời không có tờ báo quốc văn nào đáng đọc cả, vì những tờ báo có ý nghĩa, đáng đọc, thì bị cấm cả rồi.

Đoản Kiều cười nhạt, thở dài mà rủa:

– Chắc bố nó hay anh nó trước có chân trong Đông Kinh nghĩa thục hay là đồ đệ của Lênin.

– Còn trong một vạn các bà, các cô thì 9999 các bà, các cô ưa *Tiểu thuyết thứ tám* và *Loa kèn tuần báo*; chỉ có một cô thích đọc

Năm năm ở Côn Đảo của Trần Huy Liệu và *Đời tù* của Nguyễn Thành Lâm, chắc là cô ấy có người yêu đang ngắc ngoải trong chốn lao tù...

– Thôi, như thế chúng ta cũng đã thắng lắm rồi, còn gì nữa. Xin các quý hữu cứ vững tâm tin ở cái chủ nghĩa của văn phái mình, "văn phái tình ái, mơ mộng và huyền ảo" và nỗ lực sáng tạo cho thật nhiều những cô Nhung, Trăng Giải, Kiếm hiệp và Quái hiệp.

Mọi người đồng thanh hoan nghênh ý kiến Đoản Kiều rồi vui vẻ giải tán sau một hồi vỗ tay đến vỡ sa lông.

Nhưng một bọn bốn năm người còn ngồi lại bàn với nhau một câu chuyện kín. Câu chuyện ấy là một câu chuyện tình.

Ở phố Hàng Bông, về dãy lẻ có một cô tuổi độ trong ngoài hai mươi, xinh đẹp tuyệt trần, có học thức rộng, lại rất yêu mến quốc văn. Đôi con mắt nhung đen lay láy, lẳng lơ nổi bật lên giữa khuôn mặt trái xoan trắng nõn nà, dưới hai hàng lông mày nhỏ đen như kẻ than, hai hàm răng nho nhỏ, xinh xinh trắng muốt hé lộ ra giữa cặp môi lúc nào cũng tươi thắm, cái mũi hơi hơi dọc dừa thật kiêu ngạo của con người ngọc ấy đã làm cho biết bao nhiêu thanh niên ngơ ngẩn mê hồn, nhất là các nhà văn trẻ tuổi trong phái "lãng mạn, mơ màng, huyền ảo", vì chính cô là người thích văn.

– Thế mà tao làm bao nhiêu thơ tặng.

– Tao viết bao nhiêu truyện ngắn gợi tình...

– Kỳ báo nào trong hộp thư tao cũng nhắn nhe...

– ... Mà cũng vô ích, Mai Dung cứ thờ ơ, im lặng phải không?

– Không những thờ ơ im lặng... Nhiều khi tao đến cửa để dò la thì hình như Mai Dung hiểu ý phỉ hổ chau mày, lắc đầu ra vẻ khinh bỉ, căm tức và thất vọng nữa.

– Những lời thơ réo rắt, những giọng văn êm đềm du dương, những chuyện tình mơ mộng đến thế mà không cám dỗ được lòng người thì lạ lắm nhé, nhất là lòng một cô gái thơ xuân tình đang bồng bột. Hay là Mai Dung kén những người có văn bằng cao cấp, lăn lộn đuổi miếng lương vàng để yêu kia.

– Không có lẽ, vì một ông tham tán lục sự ngoài hai mươi tuổi hỏi Mai Dung không lấy, một y khoa bác sĩ ứng cử cũng trượt.

– Thôi, thôi thế thì Mai Dung đã có người yêu rồi.

– Ức quá nhỉ! Mai Dung mà lọt vào tay một người ngoài bọn mình thì ức cho chúng mình quá nhỉ?

Nếu thật thế, điều tra xem tên ấy là tên nào, mặt ngang mũi dọc nó làm sao.

Giữa lúc trong sa lông Đông Phương, mấy nhà văn "phái tình ái, mơ mộng và huyền ảo" đang bàn tán về cái sắc đẹp không hai của Mai Dung, về cái tính chất lạ lùng của cô gái sống giữa chốn phồn hoa đô thị ấy, thì trong một gian gác nhỏ hẹp, lụp sụp thiếu khí trời và thiếu cả ánh sáng ở ngõ Phất Lộc, Hồng Nhật đang ngồi, một tay tì vào má, một tay bóp trán đôi mắt đăm đăm nhìn xuống một bức thư ở bàn, nét mặt lúc ưu tư, lúc hớn hở, khi như buồn nản ăn năn, khi như lạc quan, quả quyết. Lá thư ấy hình như đã đến để làm rối loạn tâm trí chàng.

Đã gần một năm nay, Hồng Nhật gặp bao nhiêu trở ngại trên con đường tiến thủ, bị bao nhiêu lần thất vọng. Tháng trước đây, tuần báo chính trị *Tân trào* là tờ báo thứ tư đã bị cấm vì có Hồng Nhật giúp việc. Tòa báo *Tân trào* bị khám xét kỹ lưỡng. Ông chủ nhiệm bị đòi hỏi gắt gao. Hồng Nhật rất buồn bực. Lại thêm Sở Mật thám cứ nằng nặc hỏi căn vặn ông chủ nhiệm và ông quản lý *Tân trào* xem cái người trợ bút vẫn ký tên Hồng Nhật là ai? Hiện nay ở đâu?

Ông chủ nhiệm và ông quản lý nhất định trả lời rằng không biết Hồng Nhật là ai, chỉ biết có người gửi bài đến, xét ra đăng được thì đăng thôi. Hồng Nhật chán nản, thất vọng không tin rằng có thể theo đuổi mục đích của mình với những phương pháp hành động ấy nữa. Nhưng chàng buồn bực về sự ngăn trở ấy một phần, thì chàng buồn bực vì cái ảnh hưởng, cái kết quả công việc chàng làm đến một trăm phần. Tờ *Tia sáng* cho đến tờ *Tân trào* mà chàng giúp việc, tuy là những dòng nước mắt lâm ly của những người nghèo khổ, tuy là những giọt máu hôi hổi của những tuổi trẻ lúc nào cũng quan tâm đến thời cuộc, nhưng nào có mấy ai để ý tới, nhưng nào quốc dân có hoan nghênh! Một mối đau lòng vô hạn cho chàng, cho tất cả những người cùng tư tưởng, cùng chí hướng với chàng. Chín mươi chín phần trăm đám nam nữ thanh niên bây giờ xô nhau mà đọc *Tiểu thuyết thứ tám, Bổ hữu tuần báo, Hà thành báo, Võ hiệp, Quái hiệp*... Nó là những liều thuốc mê, những chén thuốc độc cho những tâm hồn ngây thơ, bạc nhược.

Cùng vài người đồng chí, Hồng Nhật đã hết sức công kích, đánh

đổ bọn văn sĩ mẹ mìn ấy trên văn đàn, Hồng Nhật đã thẳng tay vạch mặt chỉ trán bọn văn sĩ gian trá, lường gạt cho mọi người biết, Hồng Nhật đã tận tâm chỉ rõ ràng những cái mớ văn hại như nha phiến, hại như rượu cồn ấy ra cho ai nấy đều biết.

Nhưng ác thay! Bọn độc giả đang đắm đuối, đang mê man trong giấc mộng triền miên. Ai là người đáp lại những lời cảnh cáo, những tiếng gọi tha thiết của chàng. Công việc làm của chàng chỉ như một bóng mát giữa sa mạc man mác, như một hạt muối nơi biển cả mênh mông. Lúc này, Hồng Nhật không còn đủ can đảm để chống chọi với mọi sự khó khăn của hoàn cảnh nữa.

Hồng Nhật ngồi thừ ra một lúc lâu, để mặc cho trí nhớ ôn lại những sự nặng nề, u uất trong những ngày tháng đã qua. Rồi bỗng chàng thở dài, đứng phắt dậy, hai tay nắm chặt lại, chàng nói quả quyết: "Ta phải đi... đi là hơn... đi là phải..."

Hồng Nhật khoanh tay, đi đi lại lại trong buồng, vẻ mặt trầm ngâm nghĩ ngợi. Chàng tưởng tượng đến cái ngày chàng thênh thang đặt bước lên con đường muôn dặm nó đưa chàng đến Nước con trời, hay đến xứ Phù tang... Chàng tưởng tượng đến một người thanh niên, vai đeo khăn gói, tay nắm con dao để hộ thân, lẩn lút qua đèo, qua núi, qua rừng để đi tìm cái hạnh phúc quý báu nhất ở đời là Tự do, thì hai mắt mơ màng, chàng như say sưa, thỏa mãn vô cùng...

Bỗng chàng lại nhìn lá thư trên bàn, nét mặt chàng thay đổi hẳn. Chàng băn khoăn như thấy công việc mình sắp làm bị điều gì ngăn trở. Hồng Nhật lại ngồi xuống, hai tay ôm lấy đầu, lẩm nhẩm đọc lại bức thư.

Bạn Hồng Nhật.

Chắc bức thư này đến tay bạn giữa lúc bạn đương buồn bực lắm. Tôi chủ tâm lúc này mới viết thư cho bạn. Bức thư đầu tiên như thế này hẳn làm cho bạn ngạc nhiên lắm? Thật ra tôi đã để ý bạn từng bước từ khi đặt chân lên đàn ngôn luận. Tân trào *chết! Các bạn có một cái tang chung đau đớn.* Tân trào *chết, tôi mất một người bạn yêu nhất ở đời. Tôi khóc* Tân trào. *Tôi khóc cái đời gian nan, lận đận của những tuổi trẻ nặng bầu máu nóng, say mê tự do.*

Một điều đáng phàn nàn cho các bạn là người đời đang lãnh đạm với các bạn, người đời đang hắt hủi các bạn. Nhưng các bạn chớ

nản lòng! Các bạn còn phải dầy duyên nặng nợ với cái nghề bạc bẽo, hiểm nghèo mà các bạn đã chọn.

Tôi gửi tặng bạn cánh thiếp xinh xẻo có mấy cánh hoa tươi tắn này là cũng có ý như mấy Nàng thơ gặp bạn ngang đường kia.

Mấy bông hoa của các nàng đã tàn úa, rơi rụng; mấy cánh hoa của tôi đây sẽ tươi mãi mãi.

Chúc bạn và tất cả tòa soạn Tân trào *vạn an.*

Người bạn
Không tên, không tuổi

Đọc xong, Hồng Nhật cảm động, bát ngát hàng giờ không hết. Lòng chàng rạo rực.

Đã bao nhiêu năm rồi! Phải, đã bao nhiêu năm rồi Hồng Nhật có nghĩ gì đến tình ái. Chàng có một cái quan niệm về tình ái rất buồn tẻ. Chàng hoài nghi tất thảy những người nói đến tình ái, tình duyên. Chàng tin rằng ở đời này không ai yêu ai cả. Lòng yêu chỉ có trong chốc lát mà thôi, ngoài ra chỉ là những phút nhiệt thành của trái tim. Chàng thường nói, đời tôi chỉ gồm vào hai chữ hy sinh và bác ái thực đó. Nhưng nếu yêu không vì chi cả, yêu chỉ vì yêu hay chỉ là tiếng thổn thức chân thật của trái tim thì sao tôi không yêu. Nhưng yêu còn còn có nhiều cái phiền phức ở đời nó chi phối, nghĩa là còn có nhiều. Khi thấy quyền lợi xung đột thành ra yêu không còn nghĩa thuần túy của tình yêu.

Lần này đọc xong lá thư của người bạn không tên, không tuổi, Hồng Nhật nhìn những dòng chữ mềm mại mà sáng sủa in như do nàng Tây Phương viết, chàng sảng khoái như muốn sốt rét lên. Hai mắt chàng đăm đăm nhìn vào khoảng không như đem thuần tình, thuần cảm trú vào một hình ảnh gì hay tìm tòi một hình ảnh gì ở thời dĩ vãng. Dĩ vãng đã qua nhưng nó là sự thực. Một cuốn phim lại từ từ diễn ở trong trí nhớ Hồng Nhật.

Hai tháng trước chàng có in báo *Tân trào* ở nhà in Phượng Minh. Hàng ngày, chàng đến sửa bài nên chàng có gặp Tây Phương nữ sĩ. Lần đầu chàng cảm thấy như lạc vào cảnh bồng lai. Tây Phương ở bàn đánh máy bước ra thơ thẩn. Nàng kéo gót giầy một cách uể oải như muốn cho mọi người biết rằng nàng đã quen tập những cái lười biếng, kiểu dưỡng từ xưa. Nàng vén tóc trần. Những làn tóc ném trễ tràng xuống má nàng coi như mấy trái đào buông thõng từ những

ngày còn thơ. Nàng nhìn một cách mơ màng, hai mắt như thoáng qua ít nước lệ nhưng vẫn trong sáng ngời ngợi. Cái mũi dọc dừa viền ở trên cặp môi xinh xinh lại thêm nước da mịn màng trắng muốt, làm nổi khuôn mặt trái xoan của Tây Phương. Nàng ra tới cửa. Bấy giờ một làn gió thoảng qua làm cho mấy tà áo mùi của nàng rung rinh, phơ phất, lượn lờ.

Nàng thực là đẹp. Cái đẹp của nàng vừa là cái đẹp thanh cao, êm ái vẩn vơ trong mộng tưởng của thi nhân, vừa là cái đẹp chứa những sức cám dỗ và đầy những vẻ ham muốn của thanh niên. Hồng Nhật phải nhận nàng là người đẹp, nhưng Hồng Nhật không thể nào say mê nàng được. Coi xong thơ nàng, Hồng Nhật chỉ thương nàng thôi. Bây giờ cũng như tám năm về trước, là người của tất cả mọi người. Hồng Nhật không thể yêu một người được. Hồng Nhật đã yêu tất cả mọi người rồi. Ở Hồng Nhật bây giờ cũng vẫn chỉ có 2 chữ: hy sinh và bác ái. Chàng nghĩ rằng: Tây Phương gửi thiếp và tặng hoa tức là Tây Phương yêu chàng rồi. Gửi thiếp là để lại cái lưu ảnh và bút tích của người. Tặng hoa là cho biết cái tâm hồn của người. Tây Phương gửi thiếp và tặng hoa là nàng đã dụng tâm lắm. Nhưng Hồng Nhật là một thanh niên hăng hái chỉ ưa hoạt động, phấn đấu, tiến thủ nên chàng nhất định quay mặt đi trước những cái cám dỗ của đời.

Hồng Nhật thở dài và nghĩ thầm "Lạ quá! Tây Phương nói rằng, Tây Phương theo ta từng bước trên văn đàn, sao Tây Phương lại không hiểu ta? Hay đó là những chỗ eó le của lòng? Tây Phương vin vào lẽ gì mà dám nhầm ta?".

Ừ, thế ra bên muôn ngàn người thờ ơ lãnh đạm với *Tia sáng* với *Tân trào*, với lối văn như khua chuông dóng trống để thức tỉnh hồn mê, lại có một người bạn gái biết an ủi, biết khuyến khích mình trong lúc mình buồn nản, chán cái nghề bạc bẽo, hiểm nghèo là cái nghề cầm bút này.

Hồng Nhật tự bảo mình thế, rồi ôn lại mấy lời chàng vừa tuyên bố cùng quốc dân trong lúc thất vọng, nóng nẩy... Thôi, nếu có phải anh em, chị em chỉ ham mê cái văn chương lãng mạn, mơ màng, huyền bí, chỉ ưa đọc những truyện ái tình, những truyện trinh thám, kiếm hiệp hoang đường, nhảm nhí, thì từ nay tôi cũng sẽ hiến anh chị em những mớ văn chương, những mớ chuyện ấy có khó gì...

Hồng Nhật băn khoăn hối hận vô cùng. Hồng Nhật thấy mình hèn nhát quá. Chàng gục đầu xuống bàn im lặng như để tạ lỗi với

người bạn gái không tên, không tuổi, đại biểu cho biết bao nhiêu người đã khóc *Tân trào*, *Tia sáng*, đã âm thầm chia chung một mối đau đớn với chàng. Rồi chàng nhìn thấy trăm ngàn người lam lũ, đói rét, co ro, chân xiềng, tay xích, hai mắt đầm đìa, xúm xít xung quanh chàng mếu máo, sùi sụt, lẳng lặng bầy ra trước mắt chàng hết mọi nỗi đau đớn cực khổ của họ. Hồng Nhật lãnh đạm quay đi để khỏi bận bịu với cảnh nheo nhóc, eo sèo, dơ dáy ấy. Chàng ung dung, thủng thẳng đảo bước về lối các lâu đài nguy nga, hùng vĩ xa xa kia, để chực yên thân sống cái đời giàu sang, phú quý đầy lạc thú. Tiếng khóc của những người nửa người nửa ma kia rú đều lên thành một khúc âm nhạc não nùng ghê sợ. Người nọ dìu người kia, họ kéo ra đuổi theo Hồng Nhật, níu lấy Hồng Nhật. Chàng dừng bước lại.

Chàng nhìn thấy bên mình mấy đứa trẻ trần truồng, gầy ốm, xanh xao, khóc thét trong tay mẹ chúng. Hồng Nhật ứa hai hàng nước mắt. Chàng ôm chầm lấy một đứa vào lòng mà hôn, mà âu yếm. Một lúc lâu chàng ngoảnh nhìn bốn phía, không thấy cái lâu đài nguy nga tráng lệ kia đâu nữa, mà chỉ thấy cái đám người đói rách, nheo nhóc, càng ngày càng đông, vây bọc kín lấy chàng. Hồng Nhật toát mồ hôi ra, giật mình tỉnh dậy, hai mắt còn ướt lệ. Chàng gấp cái thư của người bạn gái không tên không tuổi lại bỏ vào ví, rồi lại lấy giấy bút ra cặm cụi viết.

Một tháng sau, người ta thấy lưu hành khắp Đông Dương một quyển sách nho nhỏ bìa màu đỏ nhan đề là *Tự cứu lấy mình*, ở một góc dưới quyển sách có hai chữ Hồng Nhật nho nhỏ. Kế đó một phong trào quần chúng tranh đấu nổi lên rầm rộ: nào thợ thuyền đình công trong nhà máy, dân cày, phu phen phản đối điền chủ, học sinh bãi khóa suốt từ Nam chí Bắc. Bên những cái tin ghê gớm ấy trên mặt báo, người ta thấy cái tin quyển *Tự cứu lấy mình* bị thu và cái tin các nhà chuyên trách đang lùng bắt Hồng Nhật, tác giả quyển sách đó. Ngày nào cũng có những cuộc khám nhà, bắt người. Những người đã quy cái tội gây nên những cuộc rối ren kia cho Hồng Nhật, mong mỏi tác giả quyển *Tự cứu lấy mình* chóng sa vào lưới pháp luật cho nhân dân lại thấy sự trị an đầy lạc thú. Những độc giả thân yêu của những sách và báo cấm do Hồng Nhật viết ra thì mỗi ngày phải mươi phút hồi hộp run sợ, là những phút họ cầm tờ báo hàng ngày, đọc mục tin tức. Họ cầu nguyện không bao giờ phải đọc tin đau đớn. Tác giả quyển *Tự cứu lấy mình* đã bị bắt. Có nhiều người lại tin

rằng, một người như Hồng Nhật tất có thần thánh phù hộ, dun dủi cho không bao giờ bị sa lưới pháp luật. Họ còn cả quyết rằng Hồng Nhật lúc này còn đâu ở đất Việt Nam nữa mà tìm. Hồng Nhật bây giờ ở Quảng Đông. Hồng Nhật ở Đông Kinh, Hoàng Tân, Hải Sâm Uy, Mạc Tư Khoa...

Nhưng người lo sợ cho Hồng Nhật hơn hết, người nóng lòng sốt ruột mong tin chàng đã ngàn dặm xa nơi biên giới, là người bạn gái không tên, không tuổi đã gửi cho chàng bức thư ngợi khen và khuyến khích. Ngày nào nàng cũng đợi đến khuya khuya mới lần đến nhà ông quản lý báo *Tân trào* để hỏi tin tức của Hồng Nhật. Ông quản lý tuy rõ cái cảm tình tha thiết của nàng đối với Hồng Nhật cũng chỉ cho nàng biết rõ rằng Hồng Nhật hiện còn lẩn lút để tìm kế hoạch xuất dương. Nàng năn nỉ xin ông nói với Hồng Nhật cho nàng gặp Hồng Nhật để nàng nói chuyện và xem có giúp được Hồng Nhật việc gì chăng. Nhưng ông một niềm trả lời rằng Hồng Nhật không thể tiếp nàng lúc này được. Nàng đành ôm mối lo buồn mỗi khi từ biệt ông quản lý *Tân trào*.

Một dạo bẵng đi đến một tuần lễ, nàng không đến hỏi tin tức của Hồng Nhật. Hôm ấy đã khuya lắm, đến hơn mười hai giờ, ông quản lý *Tân trào* còn ngồi bên bàn giấy để đợi nàng.

Ngày mai đây là ngày Hồng Nhật phải lên đường trốn ra ngoại quốc, vì ít bữa nay các nhà chuyên trách lùng chàng riết quá. Ngày mai đây, Hồng Nhật phải tạm biệt hết các bạn thân yêu, tạm biệt hết cả những anh em, chị em lao khổ đã bao lâu gửi vào chàng một mối hy vọng lớn. Hồng Nhật đợi đến phút cuối cùng trước khi khăn gói lên đường mới bảo ông quản lý *Tân trào* cho chàng gặp người bạn gái không tên, không tuổi.

Bấy giờ chuông đồng hồ trong phòng giấy ông quản lý đánh một giờ, có tiếng gõ cửa. Ông vội vàng đứng dậy mở cửa, nàng hớt hải bước vào. Ông mừng quá nói bật ra: "Úi cha! May quá tôi vừa toan đi". Nàng run rẩy như đã biết cái tin mừng về điều bao lâu nàng ao ước. Nàng không cần phải hỏi rõ về hai chữ "may quá" của ông. Vừa lần ở trong mình lấy ra một cái gói lớn, nàng vừa nói, giọng nói run run: "Mấy bữa nay tôi không đến hỏi tin Hồng Nhật được là vì tôi bận đi xoay một ít tiền, giúp Hồng Nhật đây".

Nàng dúi cái gói vào tay ông quản lý mà nói tiếp: "Ông nói giúp cho, tiễn bạn Hồng Nhật, tôi chỉ có ít chút tiền đây và mấy lời

khuyên bạn lúc nào cũng chỉ nên vui vẻ và hăng hái phấn đấu". Nàng vừa toan chào ông để ra về vì đã khuya quá rồi, thì ông vội nắm lấy áo nàng mà bảo khẽ một cách thân mật: "Sáng mai, anh Hồng Nhật phải đi rồi, anh ấy muốn tiếp chị và tiện thể từ biệt chị. Chị có thể đi ngay với tôi bây giờ được không?" Nhớ đến cái tin sớm mai Hồng Nhật phải đi và định gặp nàng để từ biệt. Nàng bủn rủn người ra, mặt tái đi. Nàng run sợ về nỗi lo sắp phải xa Hồng Nhật. Nàng hồi hộp quá đến nỗi ông quản lý hỏi đến lần thứ ba, nàng mới trả lời được một câu: "Tôi đi ngay bây giờ được".

Ông quản lý thoăn thoắt xếp dọn qua loa bàn giấy rồi giơ tay chỉ ra, cười bảo "Nào mời chị đi". Nàng bước ra, run rẩy, lật đật. Nàng cố hết sức định thần mà không hiểu sao vẫn cứ lo sợ, run bần bật. Nàng đã biết trước rằng Hồng Nhật phải đi, mà chính nàng đã đi xoay tiền để giúp chàng làm lộ phí và mong chàng mau ra khỏi xứ Đông Dương để thoát nạn, sao nay được tin chàng đi, nàng lại lo sợ bồi hồi đến thế? Thì ra ở trong nàng, cái tình vô hình chung đã thắng nổi cái lý, để cho nàng đành chịu bao nhiêu cái đau đớn ê chề của sự biệt ly nó hành hạ.

Ông quản lý vẫn đề phòng sự theo dõi của mật thám, nên ông liền dắt cô vào một hiệu ăn ở phố Hàng Buồm. Một nửa giờ sau ở hiệu ăn ra, hai người lên xe đi thẳng. Thỉnh thoảng ông quản lý đưa mắt nhìn lại đằng sau. Ông nhận thấy một người trẻ tuổi đội cái mũ trắng cụp xuống nửa mặt, đạp xe đạp theo ông. Ông nghi ngờ ấy là mật thám, ông bảo xe chạy loăng quăng, hết phố này sang phố khác, ông vẫn thấy người trẻ tuổi không rời ông. Ông không còn nghi ngờ gì nữa, tin đích thực người ấy là lính kín rồi, ông liền bảo xe đỗ ở trước cửa một nhà săm ở phố Mới. Nói nhỏ với cô bạn mấy câu, rồi ông trả tiền xe, dắt thẳng cô vào săm thuê buồng nghỉ. Bấy giờ người mật thám theo ông mới cười thầm tự bảo mình rằng đã hoài công theo mãi ông. Bấy giờ người thám tử mới tin rằng ông quản lý *Tân trào* bữa nay đã vớ được một "món hay", đưa vào hiệu ăn, vào săm... thì đích rồi còn gì nữa... chắc lúc đi xe không mục đích là lúc anh ấy tán chưa xuôi. Đích rồi... Người thám tử đứng lẩm bẩm suy xét mãi, rồi như người đã mệt mỏi, hai mắt đã nhíp lại. Hắn liền móc túi lấy ra quyển sổ con và cái bút ghi chép. Một lát, anh ta lên xe máy đi.

Bấy giờ đã gần ba giờ sáng, ông quản lý lảng vảng ra phố gọi hàng cà phê sữa mua cho người bạn gái ăn, nhưng cốt để dò xét xem tên thám tử còn theo hay thôi rồi. Ông dạo hết phố Mới vừa đi vừa hút

thuốc lá, nghênh ngang, hai tay thục vào hai túi quần như một gã khỏe "ăn sương". Ông để ý nhìn hết các ngõ ngách mà cũng không thấy người trẻ tuổi kia đâu nữa. Ông yên tâm quay về săm, kéo người bạn gái ra. Bốn năm người phu xe chờ sẵn đó là một sự thường ở các nhà săm, nhà hát hay tiệm hút, tiệm nhảy – mời chào om sòm, nhưng ông kéo người bạn gái cùng lên một xe với ông làm cho mấy anh xe kia chưng hửng, cười nhạt và nói mấy câu chế giễu. Ông quản lý *Tân trào* lẳng lặng bảo phu xe kéo về mé Giám. Người bạn gái im lặng.

Xe đỗ ở phố Hàng Bột. Hai người nhanh nhẹn rẽ vào một cái ngõ hẻm tối mù. Hai người cứ níu lấy nhau rảo bước trong bóng tối...

Hai người vừa dừng bước thì cái cửa phên ở một túp nhà lụp sụp trước mặt hé mở. Thì ra Hồng Nhật vẫn ngồi hút thuốc lá chờ, trong cái ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn hoa kỳ nhỏ tý. Hai người khẽ lách cửa vào. Người bạn gái của Hồng Nhật mặt nhợt nhạt có vẻ lo sợ và cảm động lắm. Trước cái khuôn mặt trái xoan trắng muốt với hai con mắt nhung đen lay láy, điểm một vài nét lo buồn của người bạn gái, Hồng Nhật đứng tần ngần trong giây phút không nói được câu gì... Người bạn gái vẫn hồi hộp, ngơ ngác chưa biết Hồng Nhật đâu. Ông quản lý *Tân trào* không ngờ đến cái im lặng và lạnh lùng của cả Hồng Nhật lẫn người bạn gái. Sau ông mới chợt nhớ ra công việc giới thiệu của mình. Ông đưa mắt nhìn người bạn gái chỉ vào người thanh niên đứng trước mặt, vận bộ quần áo làm việc trong lò máy, chân tay, mặt mày nhem nhuốc dầu mỡ, mà bảo: "Đây là anh Hồng Nhật". Người bạn gái sửng sốt, cô giấu kín sự cảm động mà không được, khẽ cúi đầu, mỉm miệng, nhưng người ta vẫn thấy cái nụ cười đầy vẻ ưu tư, buồn bã. Trong khi đó ông quản lý lại chỉ vào người thiếu nữ mà bảo Hồng Nhật một cách vui vẻ: "Đây là người bạn gái không tên, không tuổi của anh". Hồng Nhật cũng cố cười một cách tự nhiên và lễ phép cúi đầu. Để phá tan bầu không khí lạnh lùng, ảm đạm trong gian nhà, Hồng Nhật vui vẻ vào đầu câu chuyện:

– Từ tối đến giờ, các anh, các chị ấy đến thăm tôi đông quá... gần hai chục người. Anh Liệu, anh Chất, chị Minh vừa ra về được độ mươi phút. Hành lý tôi sửa soạn xong cả rồi.

Hồng Nhật cười, chỉ vào hai cái gói và bảo:

– Đây là mấy cái quần áo để thay đổi... Đây là hai nắm cơm và ít muối vừng, ít ruốc. Lúc nẫy bà Liên lại cho một hộp dăm bông và mấy hộp cá,... đồ hộp để ăn với cơm nắm!

Ông quản lý móc túi lấy ra gói giấy bạc đê đưa cho Hồng Nhật.

Người bạn không tên, không tuổi giúp anh đây.

Nói đoạn ông đến chỗ hai gói hành lý của Hồng Nhật, hí hoáy giở gói ra soạn lại các vật, rồi lại lấy ở trong túi ra nào khăn mặt, nào dầu Đại Quang, nào thuốc Can min... gói vào cả gói cho Hồng Nhật. Ông lại nhớ xếp vào cả hai bộ *Mắt thần* và *Dao bay* của hai văn sĩ Trường Xuân và Ngọc Cẩm để cho Hồng Nhật dùng gối đầu hay khi nào khó ngủ thì giở ra đọc. Ông quản lý *Tân trào* mải miết xếp đi xếp lại, gói gém hình như không nghĩ đến câu chuyện giữa Hồng Nhật và người bạn gái.

Cảm động, Hồng Nhật cất tiếng:

– Tôi cũng biết thế, nhưng chị nói đi.

– Lúc này chúng ta đang thiếu người làm việc ở trong, hẳn anh cũng phải nhận thế, cần hơn công việc ở ngoài. Bây giờ là không phải là lúc trông cậy vào sự cầu cứu mấy ông tướng Tàu hay tướng Nhật, không phải là lúc ra ngoài chiêu binh mộ tướng, tìm một nơi hiểm trở luyện tập binh mã và dựng trại rồi chờ, có cơ hội sẽ đem đại đội ấy về nước để đổi mới cái xã hội! Câu chuyện ấy là chuyện của các ông khác. Sự giác ngộ của quần chúng lao khổ là điều kiện cốt yếu cho sự tự giải phóng. Anh cũng đã thừa hiểu điều đó trong quyển *Tự cứu lấy mình*, anh nói rõ lắm. Thế sao anh lại bỏ dở công việc tuyên truyền, cổ động ấy?

Đến đây người bạn gái mỉm cười hỏi tiếp:

– Hay là anh chán nản rồi, anh thất vọng rồi...? Anh muốn lánh cuộc vật lộn gay go nguy hiểm?

– Đồng ý với chị, tôi không muốn đi tí nào. Tôi muốn làm việc ở đây cho đến lúc sa vào lưới. Thân tôi là hoàn toàn của xã hội. Một phút sống thảnh thơi sung sướng trong khi muôn ngàn người đang khóc than rên rỉ trong cảnh đói cơm rách áo, tôi không dám hưởng, tôi không dám màng. Tôi đi đây là theo ý kiến của phần đông anh em, gần đây tôi bị truy tầm riết quá. Hai ba lần tôi suýt bị bắt. Tôi phải thay đổi chỗ luôn luôn mà vẫn không thấy có bề yên được. Tôi ở đây tuy có làm được việc thật, song cái lợi ấy nhỏ mà cái hại thì lớn. Cái hại làm thất bại lây công việc của anh em. Nên anh em định hãy để tôi tạm lánh đi. Nhân thể chị ạ, tháng một này ở Hải Sâm Uy có cuộc hội nghị bí mật của các nhược tiểu dân tộc ở Á Đông do Nga Xô

viết tổ chức. Anh em, chị em cử tôi thay mặt ở hội nghị ấy. Tôi vui vẻ, sung sướng ra đi cũng vì tôi hy vọng sẽ được gặp mặt các đại biểu Phi Luật Tân, Ấn Độ, Cao Ly... sẽ được hiểu rõ cái tình cảnh đau khổ của các dân tộc ấy và tinh thần phản kháng đấu tranh của họ ra sao... Rồi đây, một vài năm, tôi trở về với những tài liệu dồi dào, những phương pháp, kế hoạch mới cho công cuộc vận động của chúng ta thì tôi sung sướng biết chừng nào...!

Hồng Nhật châm điếu thuốc lá hút, vẻ mặt cả quyết hớn hở. Đôi mắt long lanh đầy hy vọng. Nét mặt người bạn gái bỗng sa sầm, lạnh lùng, nàng gượng nói được một câu:

– Vâng, nếu hoàn cảnh của anh như thế, anh đi là phải... Rồi nàng ngồi thừ người ra...

Ông quản lý *Tân trào* gói gém hành lý của Hồng Nhật gọn gàng, ông buộc kỹ lưỡng rồi bước ra, vỗ vai Hồng Nhật mà chào.

– Thôi chúc anh lên đường mạnh khỏe và gặp nhiều may mắn. Tôi không thể đưa anh ra ga được.

Hồng Nhật ôm chầm lấy bạn, sự cảm động quá mạnh lúc chia tay làm cho Hồng Nhật nghẹn ngào, càng ôm chặt lấy bạn. Ông quản lý *Tân trào* điềm tĩnh bảo Hồng Nhật: "Trên đường hoạt động chúng ta có bao giờ xa nhau...?" Lúc đó Hồng Nhật mới sực nhận ra rằng mình yếu ớt quá, chàng ghì chặt lấy bạn một lát rồi buông ra, tươi cười, chàng chào bạn lần cuối cùng: "Thôi anh về!".

Ông quản lý *Tân trào* khi ra vỗ vai người bạn gái nói nhỏ: "Chị về sau nhé" rồi lẳng lặng ông lách cửa đi ra.

Tiếng gà gáy đổ dồn bốn phía. Người bạn gái giơ đồng hồ tay ra xem. Mới bốn giờ, năm phút mà chừng 5 giờ 20 phút, Hồng Nhật lên đường. Nằm nghỉ đến giờ đi, nàng sẽ đánh thức. Mấy hôm luôn, Hồng Nhật ngày đêm lo nghĩ, trốn tránh ngược xuôi, nên người mỏi mệt; đặt mình xuống chàng nhắm mắt ngủ liền. Người bạn gái ngồi cạnh Hồng Nhật im lặng nhìn kim đồng hồ đi từng phút.

Hồng Nhật ngủ say như chết mà lạ, nét mặt chàng luôn thay đổi, khi thì hồng hào, khi thì xanh xám, tiếng đập của trái tim chàng khi thì đổ dồn, khi thì thưa thớt. Thỉnh thoảng chàng lại giật mình thật mạnh, nhưng chàng vẫn ngủ say. Thật cả một cái đời gian nan, lận đận, chìm nổi lênh đênh đã diễn ra ở Hồng Nhật lúc tỉnh cũng như lúc mê và có lẽ rồi lúc sống cũng như lúc chết. Người bạn gái nghĩ gần, nghĩ xa..., đôi mắt nàng bỗng ứa lệ. Nàng đăm đăm nhìn xuống

khuôn mặt trắng trẻo xinh xinh của Hồng Nhật. Nào trí thông minh, óc hy sinh, lòng quả cảm, tình nhân loại, bao nhiêu tư chất đáng kính, đáng yêu dồn cả vào con người mới vừa ngoài hai mươi tuổi. Bên tấm lòng kính phục Hồng Nhật, mãi bữa nay, nàng mới thấy có cái tình yêu say đắm nó làm nàng hồi hộp run sợ vô cùng. Nàng vừa cúi xuống Hồng Nhật toan đặt giấu một cái hôn lên môi chàng thì chàng giở mình quay mặt vào trong làm cho nàng càng hồi hộp run sợ. Nàng ngờ rằng Hồng Nhật biết cái cử chỉ của mình và cho như thế là không chính đáng chăng. Ngồi thần một lúc lâu, nàng vẫn thấy Hồng Nhật ngủ mệt đến nỗi con muỗi đốt giữa trán mà không biết. Bây giờ nàng mới khỏi ngờ vực sự lãnh đạm của chàng.

Tiếng gà gáy dồn báo rạng đông, nàng xem đồng hồ, kim giờ đã chỉ đúng số năm. Giờ Hồng Nhật lên đường tới rồi, nàng bối rối quá. Nàng lấy tay khẽ quay đầu Hồng Nhật ra mé ngoài. Hồng Nhật vẫn ngủ say như chết, nàng liều đánh bạo đặt một cái hôn nồng nàn lên cặp môi tươi thắm của Hồng Nhật. Mãi tới khi Hồng Nhật mở đôi mắt ngạc nhiên, cảm động nhìn nàng, cặp môi nàng mới từ từ rời cặp môi chàng, rồi nàng tạ lỗi thiết tha: "Anh Hồng Nhật, em cố gắng mà không sao cầm được lòng thổn thức... Đến giờ anh phải đi rồi đó..." Hồng Nhật kéo tay người bạn gái xem lại giờ. Chàng thong thả ngồi dậy, điềm nhiên, ung dung, vui vẻ chàng nói: "Chị ạ, lúc này mà chị tỏ lòng quyến luyến tôi, lỗi của chị còn có thể tha thứ được, nhưng nếu lỗi ấy ở tôi thì không thể tha thứ được". Hồng Nhật đứng dậy, khăn gói ra đi, chàng dặn người bạn gái:

– Tôi đi độ hai mươi phút rồi chị hãy đi. Chị không phải tiễn tôi ra ga nữa. Suốt đêm hôm qua chị vất vả, thật chỉ vì riêng tôi, tôi cảm động lắm... Chị ở lại mạnh khỏe...

Hồng Nhật lách cửa đi ra để lại trong gian nhà lạnh ngắt người bạn gái hồi hộp, cảm thương tê tái, hết nhìn ngọn đèn hoa kỳ lẻ loi, lại nhìn cái kim đồng hồ lúc nãy nó quay nhanh bao nhiêu thì bây giờ nó lại quay chậm bấy nhiêu.

Hồng Nhật ra ga Hà Nội đáp chuyến xe lửa 6 giờ 45 phút ngược Bắc. Dọc đường, Hồng Nhật điềm nhiên đóng vai anh thợ máy đi lên mỏ làm việc. Ngồi trên xe anh chỉ có hai việc là ngủ gật và đọc *Mất thân* của văn sĩ Trương Xuân. Chỉ thỉnh thoảng người ta mới lại thấy chàng để ý đến một hành khách vận quần áo cháo lòng, áo the thâm bạc phếch sờn hai khuỷu tay, vác một cái ô đen trên vai. Cái người

ăn mặc ra dáng một ông lý cựu này tuổi độ ngót năm mươi. Nếu ai lưu ý kỹ đến ông ta thì thấy cứ độ nửa giờ ông lại đi dạo một lượt từ đầu tầu đến cuối tầu. Người ta thấy Hồng Nhật để ý nhìn từ cái đưa mắt, cái cử động tay, chân của ông.

Xe vừa qua ga Thị Cầu thì có một thanh niên mặc quần áo cánh nâu, đội khăn xếp, vẻ mặt lù khù, ngớ ngẩn nhẩy từ trên xe xuống đất. Hắn ta ngã lăn ra rồi lại bò, ngồi lên, đứng lên đi. Xe không dừng nữa, cứ đi thẳng. Tất cả mấy trăm hành khách trên tầu đều ngơ ngác, bồi hồi không rõ người ấy ngã hay nhảy xuống để trốn vé. Người hồi hộp nhất về việc gã thanh niên nhảy tầu là ông Lý xách dù nói trên. Thế rồi xe đến ga Phủ Lạng Thương, ông Lý vác ô chổng cán lên trời, đi suốt từ đầu tầu xuống cuối tầu. Xe dừng trước ga Phủ Lạng Thương thì ông Lý, ba bốn chục hành khách toàn là thanh niên, người ăn mặc ra vẻ thợ thuyền, người ăn mặc ra vẻ học sinh, lái buôn, vài người vận quần áo đi du lịch có mang theo ống nhòm, máy ảnh. Trong số những người thanh niên xuống, có cả Hồng Nhật.

Những người thanh niên đó là một số học sinh bãi khóa ở trường Trung học Bảo hộ và trường Bách nghệ Hà Nội và mấy người có tư tưởng cách mệnh, định trốn sang Tàu để học về khoa làm cách mệnh vì họ nghe nói một số người đồng bào của họ, Nguyễn Ái Quốc có lập trường cách mệnh ở Quảng Châu, tại Quảng Đông. Mà trường đó lại được chính phủ quốc dân Trung Hoa che chở và chính phủ Nga xô viết trợ cấp. Ông Lý vác dù đó tức là ông Cả Thu sinh trưởng ở một gia đình chứa chan tư tưởng phản đối. Ông Cả Thu là người dẫn đường cho đám thanh niên kia trốn qua Tàu. Sở dĩ ông Cả Thu giơ ô lên ra hiệu cho anh em xuống ga Phủ Lạng Thương là vì ông nghĩ rằng gã thanh niên nhảy tầu lúc nãy là mật thám định kíp quay trở về báo ra có bọn thanh niên tình nghi định xuất dương. Nhưng thật ra cái anh nhảy tầu đó chỉ là một anh "Lý toét" mót đi đại tiện mà không biết đi vào đâu, nên phải liều mình nhảy xuống để làm cái việc cần. Có thế thôi.

Bọn Cả Thu, Hồng Nhật đi tản mát vào trọ các hàng cơm, để chờ đáp chuyến xe lửa 3 giờ rưỡi chiều đi Na Sầm.

8 giờ rưỡi tối hôm đó, họ tới ga Bản Trang. Họ kéo nhau xuống. Đã có hai người khách có súng lục, có dao găm chờ sẵn ở ga để đón họ. Ra khỏi ga, hai người khách dẫn họ tạt ngay vào đường tắt, qua đèo, qua núi, qua rừng để tránh những đồn canh gác ở biên thùy. Trời tối mù mịt, hàng hơn chục cái đèn pin bật lên, chiếu xuống

đường, chiếu qua những bụi cây rậm rạp để cho anh em thấy rõ đường lối đi. Tiếng chim muông, thú dữ kêu bốn bề, làm cho anh em run sợ phải đẵn những cành cây vót nhọn để hộ thân. Hai người khách bấy giờ phải chia nhau người đi trước, người đi sau, khẩu súng lục nạp đạn sẵn luôn luôn ở tay.

Lách hết rừng lại trèo đèo, trèo núi, ai nấy đều mệt nhoài sau một tiếng đồng hồ. Nhưng anh em đi đông, vả chăng ai cũng đang sẵn một bầu máu nóng muốn đem hiến cho cái xã hội Việt Nam đang trong vòng cơ khổ, nên họ đi, đi mãi cũng không một người nào đến nỗi phải chùn chân, dừng bước. Chừng gần mười giờ, họ đến một khu rừng rất rậm rạp mà hai người khách bảo là cái tổ hùm xám. Hai người khách chĩa thẳng súng vào giữa rừng bắn mấy phát để thị uy và xua đuổi những con ác thú. Nghe thấy tiếng súng nổ, anh em càng phấn khởi, tưởng chừng như sắp tới một chiến địa để quyết sống chết tìm cho được tự do, nhân đạo. Anh em chẳng còn biết sợ là gì hết. Người nọ bíu lấy người kia hăm hở tiến bước. Gần mười một giờ họ mới tới đất nước Trung Hoa.

Hai người khách dẫn anh em vào nhà Lăng Vân. Hai vợ chồng Lăng Vân rất thành thực muốn che chở, giúp đỡ cách mệnh Việt Nam, tiếp đón anh em niềm nở vô cùng. Ngoài vợ chồng Lăng Vân, còn có anh Đỗ, một thanh niên trốn sang Tàu đã lâu năm và đã đóng đến chức Bài trưởng ở một đạo lục quân Quảng Đông, đón tiếp anh em. Lại còn có nhiều anh em sang trước từ hai tuần lễ nằm chờ ở đó để cùng nhau lên đường đi Quảng Đông. Hai vợ chồng Lăng Vân đã cho gia nhân sửa soạn sẵn cơm nước thết anh em. Anh em đi đường mệt nhọc nên ăn uống vội vàng rồi đi nghỉ, không ai chuyện trò gì tối hôm ấy hết.

Cả ngày hôm sau, anh em nghỉ ngơi xem phong cảnh, chuyện trò, đợi sớm mai lên đường đi Long Châu.

Chiều hôm đó, vào khoảng độ hai giờ chiều, anh em đang xúm đông nói chuyện ở một bãi cỏ gần nhà Lăng Vân, có một người thanh niên vận quần áo vàng, đội mũ trắng, đi giầy cao su từ đằng xa đi lại. Người ấy đi thẳng lại chỗ anh em hội họp. Đến gần, chàng lễ phép ngả mũ chào anh em, rồi hớn hở vui mừng, chàng nói:

"Thưa anh em, tôi sung sướng quá. Thật là trời chẳng phụ lòng tôi. Bốn năm trời nay tôi bỏ nhà ra đi, mang theo một ý định hy sinh cho tổ quốc, quyết đem hiến bầu máu nóng cho quốc gia. Thật trời chẳng phụ lòng tôi và cho tôi được gặp anh em ở đây. Tôi cũng biết

thế này là tôi đường đột quá, song tôi đã nhận biết rõ rằng anh em là những người đồng chí của tôi, nên tôi cảm động sung sướng quá mà không sao e dè, kín đáo hơn được".

Anh em thấy hắn đột ngột ở đâu đến, đã khó tin hắn rồi, lời lẽ giảo hoạt, hai con mắt hay nhìn trộm, đầy vẻ gian càng làm cho anh em nghi hắn. Hắn khai là người Thái Bình, học sinh. Đến lúc anh em xem thẻ của hắn thì lại là một cái thẻ ở thành phố Hà Nội. Anh X xin phép hắn cho khám người, lục hết tất cả gói hành lý các túi áo, túi quần hắn mới thấy một quyển sổ chi tiêu đại khái ghi: Ngày... ở... tiêu hết... ngày... ở... có số tiền là... Anh X chất vấn hắn mấy điều về số tiền có và tiền tiêu, hắn trả lời lúng túng. Anh em nhìn nhau cười mỉm rồi lắc đầu. Hắn tái người đi, nói càng lúng túng. Anh em lại nhìn nhau cười nhạt. Mấy người lại nói lóng với nhau: "Đích thị" muôi rồi. Gã thanh niên run sợ, đánh bạo phân trần, giọng nói run run:

"Hình như anh em nghi tôi là mật thám thì phải. Anh em nghi tôi thì thật là một sự đau đớn cho tôi. Nhưng rồi đây anh em sẽ rõ bầu nhiệt huyết của tôi..."

X không nói nửa lời, cứ mở to đôi mắt sáng quắc nhìn thẳng vào mặt gã thanh niên. Y cái anh ngổ ăn, ngổ nói nhất trong bọn chưng cháo đế luôn:

"Được rồi, để rồi tôi xem bầu nhiệt huyết của anh được mấy lít". Nghe câu nói ấy, gã thanh niên rụng rời, im lặng ngồi phệt xuống bãi cỏ, lấy mùi xoa lau những dòng nước mắt đã từ từ tuôn rơi như để minh oan bằng sự cảm động. Trong khi đó một người anh em đã vào, kể rõ đầu đuôi câu chuyện cho anh Đỗ nghe. Một lát anh Đỗ ra, theo sau một tên gia đinh của Lăng Vân, vẻ mặt như một tên đao phủ thủ. Anh Đỗ gọi gã thanh niên, ra một chỗ nói chuyện riêng mươi phút. Rồi gã thanh niên, anh Đỗ cùng tên gia nhân của Lăng Vân đi thẳng vào một con đường hẻm chạy vào một khu rừng rậm.

5 giờ sáng hôm sau, anh em vui vẻ kéo nhau lên đường đi Long Châu. Từ Nam Quan trở đi, đường lối đã dễ đi, song hết trèo đồi, trèo núi, lại qua rừng nên một giờ đồng hồ, cố gắng sức đi cũng chỉ qua được ba cây số. Gần một giờ chiều anh em mới tới được huyện Bằng Tường. Ông Huyện tiếp đón anh em rất là niềm nở. Anh Đỗ nói thật ngay với ông rằng anh em đi từ sớm, mới ăn điểm tâm ít cơm nắm nên bây giờ đã đói lắm. Ông Huyện vội vàng cho sửa soạn cơm rượu để anh em dùng. Ông cố giữ anh em nghỉ lại huyện, sớm hôm sau sẽ

đi Long Châu để ông được rộng thì giờ sửa soạn một bữa tiệc như ý thết anh em và được cùng anh em nói chuyện dài. Song anh Đỗ đại biểu cho anh em cảm tạ ông và nhất định xin để anh em đi ngay.

Nghỉ ngơi lại huyện đến 2 giờ rưỡi chiều, anh em lại lên đường. Từ huyện Bằng Tường trở đi, anh em không còn phải lẩn lút, giấu gì nữa. Anh em giăng một lá cờ xanh thật lớn mầu xanh biểu hiện sự tuyên truyền, trên có đề: "Nhập ngũ sinh đội, đặc biệt chính trị ban" bằng chữ Hán thật to.

Lá cờ đi trước, rồi đến anh em sắp hàng đôi ngăn ngắn theo sau trông rất oai nghiêm.

Chừng bảy giờ tối, anh em tới một bến cách Long Châu độ bảy cây số có đường thủy đi Long Châu. Vì cứ theo đường bộ đi đến Long Châu thì anh em phải qua dinh Lãnh sự Pháp, nên anh em liền xuống đò vào Long Châu để tránh sự để ý của viên lãnh sự. Sau ba ngày đi đường bị mệt nhọc bước chân xuống thuyền anh em sung sướng vô cùng. Người nào người ấy đều nằm lăn cả ra trong khoang thuyền. Một phần đông đánh ngay một giấc say sưa từ đấy cho đến Long Châu. Cũng có một số ít anh em, tuy mệt nhọc nhưng cố gượng thức để ngắm phong cảnh ngang đường.

Bữa đó không có trăng rằm vằng vặc để hiến anh em những cảnh hùng vĩ đầy bí mật của chốn sơn lâm; song ánh sao lờ mờ lách qua những vòm lá cây rậm rạp rủ xuống che kín cả mặt ngòi, cũng đưa các du khách đầy mơ mộng vào một cảnh bồng lai huyền ảo. Trên mặt ngòi im lặng, ba con thuyền yên lặng theo nhau trôi...

Gần chín giờ đêm, anh em đến bến giữa một khu dân lao động ở. Hai người đại biểu của "Công hội đỏ" ở Long Châu đã đợi sẵn ở bến đón anh em. Theo chân hai người đó, anh em kéo nhau về nghỉ tại hội quán của Công hội. Một tiệc rượu linh đình sửa soạn sẵn để thết anh em. Sau một giờ nghỉ ngơi uống nước, anh em vào tiệc. Trước khi nâng chén, viên trưởng ban trị sự của "Công hội đỏ" Long Châu đứng lên chúc mừng anh em, tán thành công cuộc anh em bằng những câu rất hùng dũng. Cái cảm tình nồng nàn trong cuộc đón tiếp đó, làm cho anh em cảm động, phấn khởi vô cùng. Có điều đáng chú ý nhất về sự cảm động của anh em bữa đó là sự cảm động của từng người đã gây ra bởi nhiều nguyên nhân, động lực khác nhau. Bước chân qua biên giới Bắc Kỳ, anh em chưa có quan niệm rõ rệt về cách mệnh, nên có nhiều anh sau này là những tay môn đệ trung thành, nhiệt

huyết của Lênin mà lúc đó cũng thấy cảm động vì những lời thống thiết của một người cùng màu da. Viên trưởng ban trị sự "Công hội đỏ" dứt lời, anh Bàng, đại biểu cho tất cả anh em, đứng lên cảm tạ chung tất cả hội viên của công hội và riêng viên trưởng ban trị sự. Rồi anh Bàng với giọng nói sang sảng nhưng run run vì cảm động, vì phẫn uất bầy tỏ qua tình cảnh khốn cùng của một dân tộc bị đè nén dưới một chế độ. Sau chót, anh hứa chẳng phụ lòng mong mỏi của anh em đã đón tiếp một cách quá xứng đáng mà sẽ làm tròn phận sự của một người thanh niên Việt Nam đã giác ngộ. Đến đây, viên trưởng ban trị sự công hội vỗ tay reo mừng, rồi tiếng vỗ tay bắt đầu nổi lên từ đám anh em hội viên công hội Trung Hoa, tràn sang đám anh em thanh niên Việt Nam ngồi dự tiệc.

Hồi vỗ tay dứt, anh em nâng chén mời nhau, ăn uống rất vui vẻ.

Anh em nghỉ lại Long Châu ba ngày để chờ tầu thủy đi Ngô Châu. Trong mấy ngày nghỉ anh em ở lỳ trong hội quán cho được kín đáo; trừ một vài anh tò mò cố nài được anh đồng chí Trung Hoa dẫn đường chơi phố.

9 giờ sáng hôm thứ bẩy, anh em xuống tầu thủy đi Ngô Châu. Tầu thủy từ Long Châu đi Ngô Châu là những tầu nhỏ và nhẹ nhàng hơn những tầu của hãng Sôvagiơ chạy Hà Nội - Nam Định hay Hà Nội - Hải Phòng. Dòng sông thì nhỏ nhưng hai bên bờ có kè đá nên ở nhiều khúc, nước chảy xiết. Tầu cứ theo dòng nước đi rất mau lẹ. Hai bên bờ sông thuần là rừng núi liên tiếp, vài cây số một mới lại hiện vài ngôi nhà nhỏ thật là Tàu, Tàu ở chỗ lụp sụp mà bưng bít. Thỉnh thoảng ngang sườn một quả núi cao vót, lửng lơ treo một ngôi chùa, bốn góc mái uốn cong đuôi rồng. Về chiều, khi mặt trời đã nấp sau ngàn núi, ở những ngôi chùa đó thủng thẳng đưa lên một vài hồi chuông rời rạc, buồn teo, làm cho du khách dưới tầu phải ngao ngán nhớ quê hương.

Tối hôm đó, mười hai giờ đêm, tầu đến bến làng Bình... Tầu đỗ lại. Vì quá làng Bình độ ba cây số thì có một khúc sông nước chảy xiết, lòng sông có gờ đá nổi lên, nên mại bản không dám cho tầu đi luôn qua nơi đó ban đêm. Hắn đành đỗ tầu nghỉ ở bến làng Bình để sáng hôm sau đi sớm.

Dân làng đã ngủ im ỉm cả, trừ mấy anh chị bán quà bánh còn cố thức đón tầu. Người thì đội thúng, người thì đeo thùng sắt tay xách cái đèn con, chạy xuống tầu mời chào khách. Anh em kéo nhau lên bờ mua bánh ăn. Ngôn ngữ bất đồng, ai nói người ấy nghe, chị hàng bánh không biết đằng nào mà bán, các anh mua cũng chẳng biết thế nào mà

mua; sau anh em cứ lấy bánh kẹo ăn bừa đi rồi sau bảo anh Đỗ hỏi họ lấy bao nhiêu tiền thì trả. Đến lúc trả tiền mới lại tức cười làm sao! Mấy cô bán hàng thấy anh em ném những xu và hào Đông Dương ra thì vội vàng chu lên và ngoay ngoảy ra hiệu không lấy. Anh Đỗ mới thu lại tất cả tiền đó rồi đem tiền Tàu riêng của anh ra trả cho họ. Tiếng cười nói xôn xao ở bến tầu làm cho dân làng nhiều người thức giấc. Họ kéo nhau ra xem. Họ thì thào chỉ chỏ, không biết họ bàn tán với nhau những gì. Bấy giờ Hồng Nhật chạy xuống tầu lấy lá cờ lên, mở rộng ra cho dân làng biết anh em là ai. Một vài anh học mót được ít tiếng "nỉ", "ngộ" cũng giở ra, nói vung, làm cho họ cười sằng sặc.

Từ biệt làng Bình, sau ba ngày hai đêm ròng rã trên sông Tây Giang, anh em tới Ngô Châu, một đô thị lớn. Bước chân lên bến, người ta đã thấy mấy lá cờ các nước phấp phới ở trước dinh lãnh sự. Anh em đi thẳng vào một khách sạn lớn nghỉ để chờ tầu đi Tam Thủy.

Từ Ngô Châu trở đi, sông Tây Giang to rộng mênh mông, mặt nước sông dữ dội như mặt nước sông Hồng về mùa nước. Người ta không thể dùng những tầu nhỏ để đi Tam Thủy được. Chừng bảy giờ tối, anh em xuống một cái tầu lớn của công ty vận tải, anh em đi suốt đêm. Tám giờ sáng hôm sau anh em đã đến Tam Thủy.

Sau hơn một tuần lễ, hết đi bộ lại nằm thuyền, hết nằm thuyền lại nằm tầu thủy, anh em đã chán những lối đi chậm chạp ấy. Đến Tam Thủy anh em vui sướng vô cùng khi được nom thấy một nhà ga lớn, ở đấy có xe lửa tốc hành rất lịch sự đưa anh em đi Quảng Đông. Ở bến tầu thủy lên, anh em vào thẳng ga. Chín giờ xe chạy. Những toa xe này rộng rãi, đẹp, lịch sự hơn những toa xe ở Đông Dương ta nhiều , mà người ta còn bảo chưa sao bì được với xe lửa ở Đông Kinh. Không trách những người Nhật sang Đông Dương lần đầu đặt chân lên xe lửa, họ nói họ có cảm tưởng ở trong những cái xe lợn.

Trên xe lửa này có hai cái đặc sắc làm cho anh em phải chú ý nhất là trong các toa đàn ông ngồi, không ai thấy một phụ nữ nào, mà trong toa phụ nữ ngồi, không ai thấy một người đàn ông nào. Phái nam ngồi riêng, phái nữ ngồi riêng, thật cũng là một sự thiệt hại lớn, một sự buồn tẻ lớn cho các thanh niên nam nữ có cái tính giết thì giờ, giải khuây trên tầu bằng sự ngắm lẫn nhau. Đó chẳng qua là cái ảnh hưởng xấu xa của điều luân lý "Nam nữ thụ thụ bất thân" trong luân lý khắt khe khó chịu của đức thánh Khổng. Trong đám hành khách, ai có muốn trách thì cứ trách ngài. Cái đặc biệt thứ hai là ở chỗ mỗi toa xe lại có hai ba chú lính Tàu bồng súng đứng

gác. Thì ra dân Trung Hoa không lúc nào được sống yên ; đi đâu họ cũng vẫn nơm nớp lo bị bọn thổ phỉ cướp bóc.

Một giờ chiều thì xe tới Quảng Đông, một kinh thành rất lớn của miền Nam Trung Hoa. Nhưng nhà ga còn ở bên hữu ngạn Tây Giang. Đứng bên này sông, người ta cũng đã nhìn thấy, nghe thấy những cái lớn lao, hùng vĩ của đô thị ấy. Nào những tòa nhà chín mười tầng ngất nghểu, nào tiếng xe, tiếng máy chạy ầm ầm không dứt.

Một chiếc sà lúp chở hành khách sang sông, chiếc sà lúp vừa đổ xuôi xuống được độ 200 thước thì anh Đỗ đứng lên chỉ vào một khu nhà đồ sộ, san sát ở bên tả ngạn mà bảo cho anh em biết đây là Sa Điện, một tô giới của các cường quốc ở Quảng Đông. Nghe thấy hai tiếng Sa Điện, anh em mọi người đều sửng sốt, rồi trên những khuôn mặt đang hớn hở chào mừng thành phố Quảng Đông với những cái đồ sộ lớn lao, hùng vĩ của nó, bỗng hiện ra những nét buồn thảm lạ lùng. Không ai bảo ai, anh em lẳng lặng cúi đầu trong một phút để truy điệu một cách giản dị bạn Phạm Hồng Thái, người thanh niên đầu tiên ném trái bom vào ông nguyên Toàn quyền Đông Dương Méclanh tại khách sạn Víchtoria để thức tỉnh hồn mê người Việt Nam, để làm cho cả thế giới phải ngạc nhiên, phải chú ý đến một dân tộc nhỏ yếu ở Viễn Đông mà từ trước đến bấy giờ vẫn cho là một dân tộc dã man, mọi rợ. Hai cái tên Sa Điện và Phạm Hồng Thái từ đó, đã cùng nhau khăng khít kết duyên. Ai nói đến Sa Điện thì phải nói đến Phạm Hồng Thái, ai nói đến Phạm Hồng Thái thì phải nói đến Sa Điện. Ai nhìn thấy Sa Điện phải nghĩ tới Phạm Hồng Thái, ai nghĩ tới Phạm Hồng Thái phải tưởng tượng đến Sa Điện và khách sạn Víchtoria. Đất Sa Điện của thành phố Quảng Đông, thật vô tình đã nổi danh vì trái bom của Phạm Hồng Thái và đã ban cho một cái phần thưởng đích đáng để an ủi tâm hồn bạn.

Anh em đang mơ màng ôn lại cái thời kỳ giông tố của bạn Phạm Hồng Thái, thì sà lúp đã đến tới bến ở tả ngạn, anh em bước lên bờ đã thấy ba cái xe hơi lớn của nhà trường trực sẵn đón anh em về trường.

Trường Hoàng Phố là một ngôi nhà hai tầng đồ sộ ở trước cửa hội quán của công hội và nông hội, bên phải, gần Tôn Trung Sơn Đại học, bên hữu gần Hội quán Quốc dân đảng Trung Hoa. Trường Hoàng Phố, một trường chuyên dạy khoa cách mạng và giảng về chủ nghĩa cộng sản, sở dĩ được thành lập công khai ở Quảng Đông như thế là vì hồi đó Tưởng Giới Thạch còn thân thiện với anh em cộng sản, liên hiệp với anh em cộng sản để diệt trừ bọn quân phiệt. Nhưng sau, tới

khi công cuộc Bắc phạt đã sắp thành công, khi Tưởng đã kéo quân thắng trận vào Vũ Hán, thì Tưởng trở mặt quay lại bài cộng, diệt cộng. Ôi thôi! Cái ngày trong óc chàng thanh niên đại cách mạng ấy đã nảy ra những tư tưởng lãnh ái, quân phiệt, từ cách mạng nhảy lên nhà đại quân phiệt, cũng là cái ngày trường Hoàng Phố phải buồn rầu khép cánh cửa lại, cái ngày bạn Nguyễn Ái Quốc phải tìm đường trở về Nga và các thanh niên Việt Nam kẻ phải trốn về nước, kẻ phải lẩn lút như chuột trốn mèo, kẻ nào vô phúc bị bắt thì cũng được Tưởng cho ăn cơm với cá mắm hoặc làm mồi cho ngọn súng.

Ngay tối hôm anh em tới trường, anh em Việt Nam và anh em thanh niên Trung Hoa khai hội để đón tiếp. Sau cuộc khai hội, có một tiệc trà rất vui vẻ. Anh em nghỉ ngơi trong trường một ngày rồi phải qua một kỳ thi vào trường. Kỳ thi ấy có hai phần, một phần viết và một phần vấn đáp. Hội đồng khảo thí có ba người, Nguyễn Ái Quốc, Ng.. và một người nữa mà không ai biết tên.

Đầu bài thi viết :

1. Hoàn cảnh anh có gì ngăn trở cho công cuộc cách mạng không?
2. Chí hướng anh bây giờ thế nào?

Bài viết có thể viết bằng thứ chữ nào cũng được (chữ Pháp, chữ Việt, chữ Hán, chữ Anh).

Đầu bài thi vấn đáp :

1. Tình hình kinh tế Đông Dương.
2. Tình hình chính trị Đông Dương.

Đầu bài thi vấn đáp kể cũng hơi khó đối với các hạng thanh niên vừa mới rời ghế nhà trường trong một vụ bãi khóa, với các bạn thanh niên mới chỉ có đôi chút tư tưởng yêu nước hay tư tưởng bài Pháp. Tuy nhiều anh em trả lời lúng túng nhưng cũng được hội đồng khảo thí rộng rãi nhận cho làm học trò trong trường.

Trước khi anh em bắt đầu học, một phụ nữ Trung Hoa có bằng y khoa bác sĩ Anh mở một nhà thuốc và phòng khám bệnh lớn ở Quảng Đông, đến khám sức khỏe và chủng đậu cho từng người.

... *(Đến đây, báo* Hồn trẻ, tập mới *bị thu hồi giấy phép nên truyện phải ngừng và không đăng tiếp ở báo chí nào khác, cũng không được in thành sách).*

PHONG BA

Báo *Hồn trẻ, tập mới* từ số 1,
6-6-1936 đến số 12, 27-8-1936.

VÔ TỘI

(Truyện ngắn)

Tu, tu, tu, 6 giờ chiều, sau một hồi còi kêu inh ỏi, lũ trẻ ngồi trên đầu hè nhà máy sợi bảo nhau :

"Tầm rồi, chúng mày ơi!" Rồi vui vẻ như những người sắp được của, chúng ùa nhau chạy, mồm rao : "Báo! Báo!... ê" Phố xá thật náo nhiệt.

Người tầm thước, nước da bánh mật, áo vải xanh lòng thòng vắt trên vai, thêm cái mũ tây trắng trên đầu sụp gần đến mắt, Bác Lan uể oải ở trong sở bước ra. Bác phải giam mình gần hết cả ngày trong cái nhà máy mới kiếm đủ để nuôi sống cái gia đình tí hon của bác. Mỗi khi ở sở về, thằng Ba, con Ảnh đon đả ra đón bác. Bác Lan gái, con người quê mùa chất phác và hốc hác, điểm thêm đôi mắt hiền hậu và nhanh nhẹn, bà mẹ bác đã ngót sáu mươi tuổi rồi mà vẫn còn chịu khó vun vén cho vợ chồng bác. Cảnh nhà bác vui tệ. Mệt, nhưng quên cả. Những lúc ngồi ăn, bác lại bông đùa với lũ con. Một buổi chiều kia, cũng như trăm ngàn hôm khác, lúc tầm ra, bác rảo bước trên đường phố nhộn nhịp và ba hoa chuyện :

– Lão ấy làm bộ tệ, chẳng làm chỗ này thì đi làm chỗ khác, chứ cứ ức hiếp nhau mãi, ai chịu được.

Cả bọn cùng cất tiếng :

– Ừ, chó má thật, nhưng cũng... Câu chuyện ngắt quãng, ai nấy dừng chân sửng sốt nhìn nhau rồi lại kinh ngạc nhìn bác Lan bị bắt kéo đi.

– Ra cửa đón thày đi!

Thằng Ba hớn hở bảo con Ảnh. Sau một cái gật đầu hai đứa dắt nhau cùng chạy. Chúng nó đứng ngong ngóng nhưng nào có thấy.

– Đố mày, thầy đi đâu mà chưa về?

– Thầy đi lên phố mua kẹo cho chúng ta, anh ạ!

Thằng Ba nhoẻn miệng cười. Nó quay đầu ra rồi chấp tay : "Chào

bác ạ!" Ghếch cái xe đạp lên hè, bác Quất, người bạn của thầy chúng gật đầu vuốt ve chúng nó :

– U chúng mày có nhà không?

– Có ạ.

Chúng nó lon ton chạy trước, mồm liến thoắng : Bà nó mới ở nhà quê ra mua bao nhiêu quà, u nó vừa đi chợ mua 2 con gà tướng, lại có cả xôi, chuối. Mai nhà nó có cỗ, nó lại dặn bác đến nhà nó mà ăn. Bác Quất theo sau nhìn chúng nó thở dài, chép miệng. Vừa đến hè, bác ngồi phịch xuống trông vẻ mặt do dự, sau mãi bác mới dám báo tin dữ dội cho mẹ và vợ bạn. Bà Dụ nằm vật ra hu hu khóc. Bác Lan gái luống cuống hỏi, nước mắt chảy vòng quanh.

*

* *

Hơn hai tháng nay chồng bị bắt, bác Lan gái cố tần tảo buôn bán nhưng không đủ để nuôi mẹ và hai con. Những lúc rỗi rãi, bác ngồi khâu vá trông thấy thằng Ba người gầy gò và quần chẳng có, cái áo cánh vải nâu cũ của chồng bác để lại cho nó mặc súng sính gần đến tận khoeo đang nô đùa với em nó thì bác xúc động đến điều gì, gục mặt xuống âm thầm khóc. Hai đứa trẻ kém vui cùng sán đến gần bác mà nũng nịu : "Con yêu u lắm, u đừng khóc nữa cơ nhé!".

– Cho con cái này cơ!

– Ít thế này à! Con bắt đền đấy!

Một buổi chiều tà, lúc mặt trời còn đang ném chút ánh sáng thừa vàng rực xuống những ngọn cây um tùm trước cửa, làn gió thoảng qua, nắm lá vàng lả tả rơi theo lũ chim hôm xào xạc tìm đàn buông những tiếng kêu vang. Bác Lan gái vừa đi chợ về, đang tíu tít chia quà cho lũ trẻ. Bác chợt ngẩng lên, một người nước da xanh bủng, vẻ mặt buồn rầu, đầu trọc phủ cái khăn tay vải trắng, xách bọc quần áo bước vào. Bác Lan gái choàng đứng dậy rồi kêu rú lên : Kìa, thầy em. Kìa! Thầy em. Sau mấy phút, bác vừa thở vừa nói : "Ở nhà lúc nào nghĩ đến thầy em lại sốt cả ruột". Hai đứa con ngơ ngác nhìn.

– Ra đây với thầy nào, mồm nói, bác giơ tay ra đón lũ trẻ.

– Thầy đi đâu bây giờ mới về? Thầy có mua quà cho chúng con không? Hai đứa lúc ấy đều níu lấy cổ bác mà hỏi mãi.

Bác rơm rớm nước mắt cúi xuống vuốt ve hai đứa rồi sẽ nói : "Thầy quên mất rồi, mai thầy mua".

– U mày, làm đơn kêu tôi đấy à? Bác ngoảnh xuống bếp hỏi vợ.

– Không! Thỉnh thoảng bác Quất đến chơi đây, tôi có nói đến việc ấy. Nhưng bác ấy gạt đi và bảo người ta vu cho thầy có liên can vào vụ mất sợi trong sở, nhưng chắc thế nào nay mai cũng được tha.

Nụ cười nở trên môi, bác Lan nghĩ đến bác Quất thật đã hết lòng với mình, rồi bác lại vuốt ve con.

– Ở nhà u có hay đánh con không?

– Không ạ!

– Thế con có nhớ thầy không?

– Có, con ra cửa đón thầy luôn. Nhưng u bảo thầy chưa về và lại khóc nữa.

– Thế đêm con ngủ với ai?

– Con ngủ với u, nhưng u cứ nói chuyện với bác Quất, không quạt cho chúng con.

Bác đổi sắc mặt, qua mấy phút im lặng :

– Thế bác Quất có ngủ đây không?

– Con nằm u cứ mắng : "Ngủ đi, mai dậy sớm, nên chúng con ngủ không biết" thầy ạ, hôm qua bác ấy cũng đến và báo hôm nay thế nào bác ấy cũng đến chơi với u.

Bác Lan băn khoăn suy nghĩ, bác bảo lũ con ra cửa chơi, rồi bác đăm đăm nhìn cảnh nhà bác. Ba gian nhà lá xiêu vẹo bên trong kê mấy cái giường tre mọt rỗng, không chiếu, bầy la liệt đồ ăn, đồ chơi, đồ làm. Cạnh chỗ bác ngồi, cái ấm sứt vòi, vài cái chén mẻ nằm lăn lóc. Bác nằm vật xuống giường, hai tay vắt lên trán.

*

* *

Mấy tiếng lanh lảnh mà vui vẻ cất lên :

– Thầy em dậy ăn cơm.

– Tôi mệt lắm không sao nuốt được.

– Có canh ngọt thì cố dậy ăn lấy một bát nào?

Bác ngồi dậy nhìn vợ chòng chọc rồi dằn từng tiếng mà nói :

"Tôi sung sướng, mát lòng mát ruột lắm rồi, còn phải ăn với uống gì nữa", dứt lời bác lại nằm xuống thở dài, thỉnh thoảng chân tay đập đùng đùng.

– Quái! Tính với nết hay lạ!

– Này! Thầy em, thầy em được tha, cớ sao lại như vậy?

Hai mắt trợn ngược, vẻ mặt hung dữ. Bác Lan phụng phịu nói : "Thôi, tôi hiểu lắm rồi, vừa vừa mồm chứ!". Bác Lan gái đứng nhìn chồng rồi lại tiếp :

– Ô hay! Thế là cái gì? Này! Thầy em, hay là tôi có điều gì không phải thầy em mắng bảo, cớ sao lại giận dữ như thế, khổ tôi lắm thầy em ạ!

Làm ngơ, bác Lan đứng dậy huỳnh huỵch bước ra sân:

"Rồi chúng mày phen này tha hồ mà đú đởn với nhau"

Bác Lan gái ngồi phệt xuống hè, nhách một nụ cười đau thương. Bác với cái khăn lau mắt rồi nghĩ ngay đến bác Quất hay đến chơi mà chồng mình nghi ngờ điều gì chăng. Bác lại chạy đến gần chồng mếu máo :

– Thầy em ơi, chớ nên ngờ thế, oan tôi lắm! Cảnh nhà này như vậy, lũ con kia phỏng tôi còn bụng dạ nào nghĩ đến... mà bác Quất có phải là...

Bác Lan phát khùng gạt vợ chạy. Bác gái đứng trơ một mình nức nở khóc.

Bà mẹ từ nẫy vẫn để ý nghe liền cất tiếng :

– Này, dở hơi vừa vừa chứ, mày vắng nhà bấy lâu không có nó thì chết đói cả nút rồi!

– Hừ! Bà biết đâu được ma ăn cỗ!

*

* *

Sáng hôm sau, lúc mặt trời mới lấp ló ánh lửa hồng, bầu trời một màu xanh lơ nhợt, thỉnh thoảng điểm những đám mây trắng xóa tha thướt bay qua cành cây la đà còn tắm đẫm hạt sương. Bác Lan lặng lẽ dắt mẹ, ẵm con ra bến đò. Chân bước đi, mặt còn ngoảnh lại. Bác bùi ngùi ngắm những bụi cây um tùm nằm nép bên vệ đường mà lũ

chim non hình như đang bâng khuâng ngơ ngẩn. Bác quay lại nhìn hai đứa con, rồi lẩm bẩm: "Ta quyết từ bỏ cái chốn phồn hoa khốn nạn này!".

Bác Lan gái vẫn nằm mê man, sau hoảng hốt vùng dậy chạy theo, nhưng con thuyền đã nhổ sào đang từ từ lướt trên làn sóng đục lạnh lùng trôi đi.

Bác đứng trên bờ đăm đăm nhìn mãi, ai hỏi cũng chẳng nói, chẳng rằng.

Người ta thấy bác đi lang thang, mồm lảm nhảm như con mẹ dại.

Sáng hôm sau, trên dòng sông nước chảy lờ đờ thuyền ngổn ngang cái ngược cái xuôi, thì sóng đâu nhấp nhô đánh dạt vào bờ, xác một người đàn bà hai tay co quắp.

SƠN NAM

Báo *Hồn trẻ, tập mới*,
số 2, 13–6–1936.

CHỢ BÁN NGƯỜI

Ai qua đầu phố mới,
Có thấy chợ bán người?

Từ đứa trẻ nứt mắt,
Đến kẻ bốn, năm mươi.
Họp nhau, vì miệng đói,
Bán thân làm tôi đòi.

Họ chồn chân đứng ngóng,
Ném mình ngồi kêu giời,
Ngáp dài chảy nước mắt,
Thờ ơ lớp sóng người!

Họ hỏi nhau nông nỗi
– "Vì chú thím không nuôi
– Vì lão chủ thầu khoán
Quịt công rồi đuổi tôi..."

Ai qua đầu phố mới
Có thấy chợ bán người?

ĐAN QUẾ

Báo *Hồn trẻ, tập mới,*
số 9, 6–8–1936.

THẰNG BÉ LÀM XIẾC

Trong toa đầy hành khách,
Phần đông những người sang,
Như bay trong khói, bụi,
Xe lắc, tiếng còi vang.

Từ toa trên lần xuống,
Một thằng bé đen, gầy.
Mọi người đều trố mắt,
Xem nhà xiếc trổ tài.

Nó giở đủ trò khéo;
Mặt gan, áo ướt đầm.
Nụ cười theo sóng mắt,
Khách nhìn nhau khen thầm.

Hết trò, tay uể oải,
Nó chìa chiếc bê rê
Từ đầu toa đến cuối
Vờ vĩnh, khách ngoảnh đi!

Trong toa đầy hành khách,
Phần đông những người sang.
Như bay trong khí, bụi,
Xe lắc, tiếng còi vang.

ĐAN QUẾ

Báo *Hồn trẻ, tập mới,*
số 11, 20-8-1936.

ĐAU TIM TÔI LẮM!...

– Cậu đi hội nghị bàn việc nước về có điều gì mà buồn bực đến thế?

Nằm xoài trên giường lò xo phủ "ga" trắng toát, ông Phạm Huy Lục im lặng, nét mặt buồn thiu.

– Làm sao cậu buồn thế?

Ông Lục thở dài, quay mặt vào tường, im lặng.

– Cậu lại tranh cãi nhau với ai hẳn?

Ông Lục thở dài, quay mặt ra, im lặng.

– Hay là cậu đau gì? Buồn rầu, bà Lục hỏi căn vặn.

Ông Lục thở dài, vẫn im lặng.

Bà Lục có vẻ lo sợ, hỏi dồn:

– Cậu đau gì?

Trên cặp môi chán nản của ông Nghị trưởng bây giờ mới lười biếng bật ra hai tiếng hơi gắt gao:

– Đau tim...

Ngừng xếp đặt những đĩa ăn nghi ngút hơi thơm trên bàn, bà Lục vồn vã dịu dàng:

– Cậu đau cái con tim để hiến cho quốc dân ấy ư?

Ông Lục như hoàn toàn thất vọng, uể oải đáp:

– Phải...

– Bà Nghị ngồi phịch xuống cái đi văng phủ nhung xanh, chống tay lên cằm, suy nghĩ, buồn bã. Ông Nghị lại thở dài rồi thủng thẳng phân trần: – Tôi vẫn thành thực hiến cả cái bầu máu nóng hôi hổi của tôi cho quốc dân, mà ngày nay quốc dân họ lại không hoan nghênh tôi. Tôi cặm cụi cả ngày, tôi chạy ngược, chạy xuôi cả ngày, cùng mấy ông bạn cũng sẵn tâm huyết lo việc thảo tập dân nguyện.

Quốc dân không biết công lao của tôi lại còn phản đối tôi. Họ không công nhận tập dân nguyện chúng tôi thảo ra, mợ ạ.

Rút mùi xoa trong túi quần, lau mấy giọt mồ hôi trên trán, ông Lục nói tiếp với cái giọng oán trách.

– Họ bảo dân nguyện phải do dân thảo lấy. Nhưng khổ lắm, mợ ạ... kinh tế, chính trị, xã hội... lôi thôi khó hiểu lắm. Thợ thuyền, dân cày, cu li xe, phu than, những người buôn thúng bán bưng... ai cũng bàn vào thì rồi "lắm thầy nhiều ma" công việc đến bao giờ xong!

Vội ngắt lời ông Nghị, bà Nghị phát biểu ý kiến thật chua gắt:

– Sao họ gàn thế? Người ta làm cỗ sẵn cho mà ăn, lại còn chê ỏng, chê eo?

– Họ còn xui nhau rằng mấy chúng tôi quanh năm dạ no, cật ấm thì thấu rõ sao được những nỗi đói, rét của họ, để chúng tôi thỉnh cầu thì không ăn thua gì. Phải chính họ thỉnh cầu mới được.

Thế thì mợ xem, mấy năm trời nay, bầu máu nóng của tôi dần cạn vì đâu? Vì đâu? Ông dằn mạnh xuống mấy tiếng "dần cạn vì đâu? Vì đâu?". Rồi ông thở thật dài, quàng hai tay lên trán.

– Khổ lắm! Thế sao cậu không để mặc họ thỉnh cầu có yên chuyện không?

Im lặng một lát, ông mới thủ thỉ:

... Nhưng ... mợ ạ... mình ... nghị trưởng ... mà ... Đến đây, bỗng ông kêu rú lên. Ối! Ối! Đau tim tôi! Ối mợ ơi! Ối đồng bào ơi!...

Hai tay ôm chặt lấy trái tim, ông Lục vật vã, lăn lộn trên giường, chốc chốc, mỗi khi cơn đau dội lên, ông lại kêu rú: Ối đồng bào ơi! Ối mợ ơi!

ỐNG ÁNH

Báo *Tân xã hội*,
số 1, 10-10-1936.

ĐỒ ĐẠO ĐỨC GIẢ, CÚT ĐI!

Ông lão Babuy này thật là một tên thực dân lạ lùng! Được tin Nguyễn An Ninh bị tù, lão ta buồn rầu lắm. Và lão bảo rằng Ninh ơi hãy tàng tàng: vớ bằng cử nhân luật, "Ông ta vào làm công chức để có ích cho đất nước mình thì hơn!"

Hừm! Hừm! Hỡi ông Babuy, ông làm ra vẻ một quan tòa kỳ cục, đã có một thời ông chế giễu người Việt Nam say mê làm công chức. Nhưng ông ơi, ông chưa phải là đã cải chính xong lần thứ nhất!

Một thanh niên Việt Nam say mê tự do, trung thực, thật sự vô tư, sẵn sàng hy sinh, mà nguyện vọng duy nhất là giành cho đồng bào khốn khổ của mình một không khí dễ thở hơn chút ít và sự dễ chịu, thì ông lại chê là không ham muốn một địa vị nào trong bộ máy chính quyền. Thôi đi! Thôi đi!

Theo lời ông thì người ta chỉ có thể có ích cho đất nước mình bằng cách dấn sâu vào hoan lộ, còn người Việt Nam nào định truyền bá trong quần chúng những tư tưởng tự do và công bằng thì bị coi là ảo tưởng, là điên rồ! Nhưng theo kiểu đó thì thưa ông Babuy đáng kính, người ta thấy có biết bao nhiêu người điên rồ trong số những người Pháp vĩ đại xưa kia và hiện nay mà ông hay viện dẫn ra mọi lúc thích hợp và không thích hợp.

Do đâu mà bây giờ cái gì ông Babuy cũng muốn chấn chỉnh? Chúng tôi tin rằng đã nắm bắt được nguyên nhân của bệnh này, vì đó thật ra một bệnh hẳn hoi.

Ông Babuy hám được nổi tiếng, bất cứ lúc nào ông cũng bô bô lên rằng ông là bạn thân của Phan Châu Chinh, bạn thân của Mutê. Sự viện dẫn hay ho này có lẽ đem lại cho ông nhiều thiện cảm của người Việt Nam và người Pháp. Không phải thế! Mỗi bữa sáng mai ngủ dậy, ông Babuy đều thất vọng rằng không tìm thấy bạn bè nào trong người Việt, càng không có trong người Pháp: ai nấy đều biết tỏng ông như thế nào rồi.

Và thế là Babuy giận bầm gan, tím mặt. Con người rõ khốn khổ! Người ta bảo rằng ông chẳng ngủ tý nào. Đầu óc ông bị kích thích tột độ, chẳng nghỉ ngơi tý nào hết. Ông la hét chống mọi cái, mọi người, khi thì chống lời lẽ không thiện chí của một "tờ báo Việt Nam nào đó, ít tăm tiếng mà ông biết rõ", khi thì chống một lỗi ngữ pháp một nhà báo nào đó sơ suất đã phạm phải và lỗi đó làm ông căm giận đến chết được, vì ông vốn là một nhà coi trọng sự trong sáng của ngôn ngữ. A! Những lỗi như "tôi nhà trường" [1] trong cơn giận dữ, ông vừa thét lên, vừa bứt tóc tai. Chỉ có sau nhiều lần giải thích dài dòng và sôi nổi với nàng tiên nâu rồi thì bình tâm lại, với vầng trán cao, ông nhớ lại một "tập tiếu lâm của kẻ mới bập bẹ" tương đối đầy đủ và một vài tờ báo đã sử dụng khi dùng từ phản qui tắc. Và lúc đó ông cười để chữa thẹn và để tha thứ một sự ngớ ngẩn mỹ miều!

Ông Babuy thật là một nhân vật tuyệt vời! Thật ra, đây là một người chẳng ngu ngốc tí nào. Ông ta đã là và vẫn là một đảng viên xã hội rất nhiệt thành. Điều đó, tôi dám bảo đảm, dù có phải lên máy chém. Thật ra, trên tư cách ấy, ông ta có thể vạch trần những khuyết tật, và những hành động bạo ngược của chính sách thực dân. Ông có thể tự mình đứng ra thành lập một tờ báo xã hội chủ nghĩa một trăm phần trăm, trong đó ông có thể la ó chống những điều ám muội của các quan chức tệ hại của chúng ta. Duy chỉ có điều là, trong tâm thế của người Đông Dương đối với ông Babuy thì họ có chịu mua báo ấy không? Có thể là người ta phải bỏ ra rất nhiều tiền để chỉ có thể nhận được vài độc giả hiếm hoi thôi. Ông Babuy tinh thông sẽ nói với chút ma mãnh: "Thế là xài phí vô lối".

Và khi ấy, theo một cảm hứng thiên tài nào đó, ông vin ngay vào thuyết trung dung. Thế là ông thành lập một tạp chí chẳng nguy hiểm chút nào, nghĩa là phí tổn do công chúa... Đông Dương chịu. Ở đó, ông tha hồ tết những vòng nguyệt quế cho các vị quan chuyên chế đồng thời bôi nhọ họ trong những bức thư đầy căm phẫn gửi ông Mutê hay ông Pôn Phôrơ. Và như thế, ở đây người ta được phụ cấp béo bở trong khi vẫn là đảng viên xã hội dưới con mắt các đồng chí bên ấy. Úm ba la! Trò chơi đã xong!

Tất nhiên là trò chơi này tuy khôn khéo đó, nhưng không hay lắm. Và nhà bênh vực dân xứ thuộc địa nổi tiếng này không phải không

1. Je l'école: Lỗi ngữ pháp. Ở đây là thiếu vị ngữ. Người dịch.

cảm thấy thắc mắc đôi chút. Nhưng như tôi đã hiểu ngầm ngay từ đầu, trước hết ông ta có đầu óc thực tế. Quả vậy, sống cái đã... còn sau mới đến việc trung thực với bản thân mình. Primum vivare [1].

Ông Babuy, đảng viên xã hội; ông Babuy nhà ngôn ngữ chuộng sự trong sáng; ông Babuy khuyên người Việt nên cơ hội chủ nghĩa và trung thực. Thật là buồn cười đến chết được!

PHẠM NGỌC UYỂN *dịch*

Báo *Le Travail*, số 8.
6-11-1936.

CHUYỆN LẨN THẨN

Nhất định là báo Patrie annamite không tha thứ cho người Tây Ban Nha đã quật vua chuyên chế của họ xuống. Báo Patrie annamite không dung thứ những người cộng hòa xấc xược đã tống cổ vua của tất cả các vùng đất Tây Ban Nha. Để trả thù, báo trên đã huênh hoang đưa tin rằng quân đội của tướng Phrăngcô đã đến cách Madrít 7 km, và báo cũng tuyên bố với sự hài lòng lộ liễu rằng số phận của Cộng hòa Tây Ban Nha thế là đã giải quyết xong.

Như ta đã biết, báo Patrie annamite rút ra từ những sự kiện trên một "bài học lớn", tức là chính phủ mà không có vua đứng đầu thì bất lực và không tránh nổi suy sụp. Tất nhiên đây là điều lặp lại nhàm tai rồi.

Dù làm bạn đồng nghiệp đáng kính của chúng tôi bất bình, chúng tôi cũng xin nói trước hết rằng đồng nghiệp vui hơi sớm và tuy Phơrăngcô thu được những thắng lợi bề ngoài, nhưng thắng lợi được cả một lũ nhà báo ăn lương phóng đại lên. Nhân dân Tây Ban Nha, giác ngộ về số mệnh của mình và tin tưởng ở chủ nghĩa xã hội chẳng bao lâu nữa sẽ chiến thắng tai họa phát xít.

Vì tờ Patrie annamite không tự hạn chế mình trong việc phát hiện những chiến công của các bộ trưởng triều đình Huế? Khi báo này xen vào dạy những bài trật tự và kỷ luật thì nó có vẻ như một kẻ giả vờ thơ ngây hết sức tươi cười. Hãy xem thử: "Nó (chân lý – tất

1. Thuật ngữ latinh có nghĩa là: sống trước cái đã! (rồi sau sẽ thuyết lý). Người dịch.

nhiên là chân lý theo báo Patrie annamite) dạy rằng không có sự nghiệp nào đến đầu đến đũa được nếu những người tham gia không biết hành động trong trật tự và kỷ luật, và nhất là nếu họ không có đức tính vâng lời! Hoan hô! Để khỏi rơi vào tình trạng vô chính phủ, nhân dân Việt Nam phải có đức tính vâng lời ở trình độ cao nhất! Nhưng là vâng lời các vị chủ hiện nay, vâng lời tất cả những vị chủ, nhất là giai cấp thượng lưu mà những kẻ xấu bụng cho là tồi tệ, bỉ ổi và mất tín nhiệm hẳn; vâng lời chế độ đã có, dù bất công, bởi vì cái gì đã có là linh thiêng, hay nói khác, chỉ có cái thiết lập nên mới là linh thiêng; cuối cùng là vâng theo luật lệ, tất cả những luật lệ giết người, khắt khe nhất bởi lẽ đó là luật.

Chà! Báo Patrie annamite giữ tất cả những nguyên tắc tuyệt diệu này cho bản thân mình, phải hay hơn không? Như thế, chúng ta sẽ biết ơn vô cùng: Họ đã tránh cho chúng ta một trong những điều tởm lợm nó làm cho cuộc sống xấu đi bao nhiêu! Nhưng báo Patrie annamite lại không gắng theo hướng nhân đạo đó. Nó thích, bằng mọi cách, biến bạn đọc của nó thành những kẻ sống theo những nguyên tắc quân chủ. Nó lằng nhằng lắm mới thuyết phục họ bám lấy cái hào nhoáng rách bươm của một triều đình mà họ mong sự kết thúc sớm như là sự giải thoát cho họ. Báo chẳng những dẫn ra những nguyên tắc xử sự của nó lời bất ngờ của Mutxôlini nói rằng nước Pháp là nước duy nhất có truyền thống cộng hòa hay sao? Ai dám tin rằng thủ lĩnh sinh ra để giúp đỡ báo Patrie annamite đang bí lập luận, lý lẽ? Nước Pháp là nước duy nhất có truyền thống cộng hòa? Nhiều bạn đọc sẽ tự hỏi: thế còn tất cả những vua chúa, từ Clôvít đến Lui XVI thì sao? Hỡi các bạn đọc ngây thơ, tôi cảm thông với bộ mặt sửng sốt của các bạn. Các bạn có thể tin rằng, để người khác đớp lấy những điều phi lý, người ta có cần tôn trọng lịch sử hay không? Nếu nước Pháp là như hiện nay thì bạn hãy hiểu hộ cho rằng không phải vì Pháp là một dân tộc giác ngộ về danh dự của mình, vì nó không muốn chết rũ trong đường mòn, trong những khuyết tật của một chế độ tai hại cho danh dự và hạnh phúc cá nhân, mà đơn giản vì nước Pháp là thế, là nước duy nhất theo truyền thống cộng hòa.

Bây giờ các bạn hiểu báo Patrie annamite rất sung sướng và thoải mái gặp gỡ thủ lĩnh của thủ lĩnh cũng như nó rất tự hào được thường xuyên gặp cụ Phạm Quỳnh trên những vấn đề quan trọng như vấn đề quan trường. Các bạn cũng hiểu vì sao báo này vui lòng vận

động cho tên phát xít Cáppha ứng cử viên không gặp may của mặt trận thuộc địa, còn vài ngày sau thì cũng chính báo này rao lên không có ẩn ý gì rằng Varen muôn năm!

Các bạn sẽ chỉ thấy ở đó sự nhiệt thành mà tôi không chê trách gì cả? Thật vậy, phải đặc biệt có khiếu như đầy tớ của bạn mới nắm bắt được tính nhất quán của tờ Patrie annamite. Châm ngôn của nó, vào những giờ cao hứng đặc biệt là: Quân chủ, có vẻ là bình thường thôi. Chủ nghĩa triết trung. Báo Patrie annamite nhắc lại không chán những thuyết lý của nguyên chủ bút tờ Nam Phong đồng thời lại hung hăng cãi lại rằng nó chẳng có quan hệ đi lại lui tới gì với ông ta.

Học thuyết khôn ngoan của ông ta gồm toàn là những điều thích nghi. Cũng không vì thế mà trong những lúc hốt hoảng, ông ném ra một câu "tôi lên án" làm mồ ma ông Dôla vĩ đại cũng phải cảm động vì sung sướng. Các bạn đọc không thấy gì lắm phải không? Bạn đọc thân mến, hãy xác định lập trường của mình đi. Các bạn sẽ không bao giờ hình dung hết nỗi bất hạnh khi được biết bên dưới đó ẩn cái gì.

PHẠM NGỌC UYỂN *dịch*

Báo *Le Travail*, số 10,
20-11-1936

HẬU QUẢ CỦA TUỔI TÁC

Thế là chúng ta đã nhầm to khi nghĩ rằng ông Babuy muốn nổi tiếng. Ông đã cãi lại bằng những lời lẽ phẫn nộ trong số cuối của tạp chí "vĩ đại" của ông chống lại sự khẳng định không công bằng này.

Chúng ta chỉ còn ghi nhận lấy và xin tạ lỗi thôi. Nhưng ông Babuy chớ vội tưởng rằng chúng tôi có ác ý gì với ông. Trái lại, đối với ông, chúng tôi luôn ca ngợi hết lòng. Trước hết, ông đã già, yêu đời, không cố chấp tí nào, đó là dấu hiệu hiển nhiên cua một sự đại khôn ngoan. Vả lại ông, ông nghị luận giỏi trong mọi vấn đề. Hãy xem! Ông ta là một nhà đi tiền phong trong báo chí Đông Dương, thậm chí trong báo chí nói chung.

Như mọi người thấy đó, chúng tôi coi trọng tài năng của ông và chúng tôi chẳng ngần ngại gì mà không nói rằng sự khâm phục của chúng tôi gần như tôn sùng thần tượng. Cho nên chúng tôi không

phải thử thách lòng khiêm tốn của ông bằng cách xuất phát từ chính ông ta (ông ta không muốn để tên mình lên bia mộ) nếu ông ta không có ngẫu hứng tai hại là đã giễu cợt Nguyễn An Ninh và đã tỏ ra dí dỏm qúa ư dễ dàng trước một nạn nhân của sự lộng hành. Thật thế, chúng ta không thể chịu được rằng một nhà báo, bị bắt vì những lí do tưởng tượng lại có thể là cái cớ để cho một nhà báo khác chế giễu mà người này hơn nữa lại luôn tự xưng mình là người theo phái tự do. Có lẽ ông Babuy tự bảo: Chẳng qua là chuyện buồn cười thôi!... Hãy cho phép tôi lưu ý ông rằng, dù chúng tôi không có kinh nghiệm thì cũng có nhiều cách cười, có cái cười hóm hỉnh, hiền hậu, theo kiểu Rabơle [1]: và có cái cười khiếm nhã, rùng rợn như cuộc khiêu vũ của bọn ăn thịt người. Và nói vô phép ông, cái cười của ông có vẻ thuộc loại sau.

Nếu ông Babuy cần đến thế, cần phải tỏ ra hăng say nhạo báng, tại sao ông không lấy đối tượng là những diễn viên tồi của chính sánh mọi loại, đầy rẫy trên đất Đông Dương này? Hoặc giả những chàng láu cá, hôm qua còn làm xỉ nhục những người cánh tả và khi mặt trận nhân dân thắng thế thì quay phắt một trăm độ, thật nhanh và đều!

Nhưng ông Babuy mà ai cũng khen lương tri vững vàng thì lại ngày càng nói bậy.

Âu cũng do tuổi tác đó thôi!

PHẠM NGỌC UYỂN *dịch*

Báo *Le Travail*,
số 10, 20-11-1936

1. Nhà văn Pháp, thế kỷ XVI, có giọng văn hài hước vui vẻ.

VỊNH TRẦN HƯNG ĐẠO.

Kia núi, kia sông, kia miếu lầu,
Mà người thiên cổ bây giờ đâu?
Mây xanh lớp lớp gieo sương lạnh,
Kiếm ngọc đêm đêm nhả khí sầu.

Vạn Kiếp [1] lập lòe tàn lửa trận,
Lục Đầu [2] văng vẳng khúc ca thâu.
Ôi, hồn chính khí giờ đâu tá?
Nhớ Đại vương xưa chống giặc Tàu.

1936

HỒ XANH [3]

Trích *Văn học yêu nước cách mạng* (1925 – 1945),
Tủ sách quê hương Hà Nam Ninh, 1986.

---

1. *Vạn Kiếp:* Nơi ở của Trần Hưng Đạo và cũng là nơi chiến trận chống quân Nguyên – Mông xâm lược.

2. *Lục Đầu:* Ngã 6 sông ở liền Vạn Kiếp, cũng là nơi giao tranh với quân Nguyên – Mông.

3. Hồ Xanh (1901 – 1943) tên thật là *Nguyễn Thượng Cát*, quê ở thôn Mễ Tràng, xã Thanh Giang, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Là một nhà giáo được giác ngộ cách mạng từ đầu năm 30, Hồ Xanh tham gia hoạt động trong phong trào dân chủ và trở thành một trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ Hà Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương. Hồ Xanh viết báo, làm thơ, dịch bộ Tư bản của C. Mác, tóm tắt thành tám tập mỏng, do Nhà xuất bản Việt Dân, cơ quan của bộ phận hoạt động công khai của Đảng bộ Hà Nam xuất bản. Là một nhà giáo cách mạng, bị thực dân Pháp thù ghét điều động từ đồng bằng lên Hà Giang để xa bạn bè, phong trào và đến vùng khí hậu nặng nề, bệnh sốt rét của miền núi hành hạ, tiêu hao sức khỏe. Hồ Xanh lên Hà Giang năm 1939, không ngừng tuyên truyền yêu nước trong học sinh và nhân dân địa phương, tổ chức quần chúng và giữ liên lạc với Đảng. Anh bị ốm, qua đời ở nơi dạy học.

II. NĂM 1937

HAI LÀN SÓNG NGƯỢC

(Trích)

Tôi đã nhất định rồi anh ạ! Thế nào tôi cũng phải đi... Lần này tôi sẽ đi thật xa, đi ra ngoài cái giải đất chữ S này. Không khí gia đình đối với tôi mỗi ngày một nặng nề khó thở, tôi đã hết sức nhẫn nại cúi mình dưới những dây xiềng xích dã man mà người ta buộc vào mình tôi hết tầng này đến tầng khác, nhưng không thể được nữa. Tôi hết tinh thần nhẫn nhục rồi, tôi phải tìm cách giải phóng cho linh hồn....

– Nhưng chị định đi đâu?

– Tôi cũng không biết nữa, hay là chưa cần biết vội. Đi đâu cũng được, miễn là được hít thở cái không khí trong sạch tự do của một bầu trời khác, không bị nay đòi mai hỏi, hành hạ như một con vật. Đi! Cái tiếng này như có sức quyến rũ linh hồn rất mạnh.

Vân vừa nói vừa nhìn vào mặt bạn xem có thấy cảm động gì không. Nhưng Doanh vẫn thản nhiên với bộ mặt lạnh lùng rắn rỏi mà cả một cuộc đời gió bụi đã in sâu dấu vết. Trước sự quyết định của Vân, chàng không lấy gì làm lạ, vì chính chàng đã ở vào hoàn cảnh của Vân, hoàn cảnh của người tù chính trị được ân xá và bị chôn mình vào trong xó thôn quê hẻo lánh. Nếu chàng không được bà mẹ nhu nhược đã buộc lòng cho chàng ít tiền ra Hà Nội mở một tờ báo thì chàng đi con đường mà ngày nay người bạn gái của chàng dự định, hay là ngồi trông cái chết ở trong khám gia đình đến từng giờ, từng phút. Ngày nay, tuy chàng đã được tự do đi lại ở các thành phố, được đem phô diễn tư tưởng của mình trên mặt báo, nhưng chàng còn cảm thấy mình là một tên tù, tên tù ở trong cái nhà ngục lớn lao là

cả cái xã hội bất công này. Tuy vậy, nếu nghĩ lại bước đường vừa đi qua thì chàng thấy mình còn được sung sướng hơn Vân nhiều. Chàng rất ái ngại cho Vân nhưng không nghĩ được cách gì cứu bạn. Vân trước kia sinh trưởng ở Hà Nội, nhưng từ ngày nàng bị bắt và bị kết án mười năm cấm cố thì cụ Tú thân sinh ra nàng vì nhiều phiền muộn quá mà sinh ra đau ốm, được một năm thì mất. Cảnh phồn hoa như khêu thêm sự thương tâm cho những người đau khổ, cụ bà liền thu xếp về quê làm ruộng. Nay Vân được ân xá thì người ta giải nàng về quê giao cho cụ Tú trông nom và hương lý quản thúc, tuy trong bản án chỉ bị kết có mười năm cấm cố không thôi. Ở những nơi thôn dã mịt mù như vùng Hưng Yên, một người con gái như Vân là một sự lạ, một vật kỳ khôi. Người ta bảo nàng là một con yêu tinh hiện hình. Họ hàng thân thích không ai dám đến gần nàng nữa. Họ tìm cách tránh nàng như tránh con rắn độc. Nhưng trái lại, bọn nha lại địa phương và bọn hào lý trong làng thì lại tìm cách để gặp nàng luôn, vừa là để hạch sách, vừa là muốn dùng uy quyền để chiếm tình yêu của nàng. Đối với những hạng ấy và trước những cử chỉ khả ố của họ, Vân chỉ bĩu môi khinh bỉ, quay mặt đi, không thèm trả lời. Chung quanh mình không có một người bạn, nàng chỉ có cái thú là vùi đầu vào mấy tờ báo lá cải và mấy quyển sách nhảm. Doanh là một đồng chí và là bạn thân của nàng khi hai người còn ở Hà Nội. Hai người cũng là đồng hương nữa. Doanh được ân xá trước nàng mấy tháng. Đến khi nàng về quê thì Doanh đã đi Hà Nội rồi, thành thử hai người ít có cơ hội gặp nhau. Những ngày Doanh về thăm nàng là những ngày đầy lạc thú, đầy hạnh phúc của nàng. Chỉ có những ngày ấy nàng mới được nói những câu mà nàng muốn nói không phải đeo mặt nạ hàng ngày đối phó với mọi người. Nhưng những ngày ấy ngắn ngủi là bao, rồi đời nàng lại chìm ngập vào trong bầu không khí lạnh lùng tẻ ngắt. Vì thế mà đối với Doanh, Vân còn cảm thấy cái tình yêu nồng nàn nữa. Nhưng Doanh sắp lấy con gái cụ Án ở làng bên rồi, cái mộng yêu đương của nàng đối với Doanh còn đắp làm gì nữa. Nghĩ đến đấy, Vân buột ra một tiếng thở dài não nuột rồi nàng mỉm cười một cách chua chát, hỏi Doanh:

– Còn anh! Anh đã định kiến gì về bước đường đi sau này chưa? Không đợi Doanh trả lời, nàng nói đùa:

– Nhưng nay mai đã thành tế tử cụ Án rồi, còn cần gì phải lo với nghĩ nữa.

– Trời ơi! Chị vẫn tin việc thành thân của tôi với Quý là một việc có thực ư? Tôi thì tôi không nghĩ đến một chút nào hết.

– Anh không nghĩ nhưng gia đình anh nghĩ đến. Mà ở dưới cái chế độ này, thì người ta có coi cái chí nghĩ của anh vào đâu.

– Nhưng tôi tin vào tôi lắm. Tôi không sợ ai ép uổng nổi tôi cả. Tôi đã bảo không lấy Quý thì dù người ta có đem nó vứt vào buồng tôi, nó cũng không thể là vợ tôi được.

– Nhưng người ta có vất không đâu, còn có hôn thú, có giá thú là những cái giấy sau này trói chặt anh vào với vị hôn thê của anh.

– Những cái đó đối với tôi cũng không có nghĩa gì hết. Chúng nó chỉ là cái sản phẩm của cái xã hội tư bản và phong kiến, là những cái không tưởng của những chế độ mục nát.

– Thế nghĩa là anh không bao giờ tính đến việc hôn nhân?

– Tôi không muốn nói thế. Tôi cũng có đủ cơ quan sinh lý như mọi người thì theo lẽ tự nhiên, tôi cũng phải lấy vợ. Nhưng trong thời kỳ này tinh thần và vật chất của tôi đều trải qua một cuộc khủng hoảng dữ dội, tôi không dám nghĩ đến yêu đương một người đàn bà dù người đó không phải là cái cặn bã của xã hội phong kiến như Quý.

Doanh nói mấy tiếng sau có vẻ cương quyết, nhưng Vân nhận thấy trong đôi mắt sáng quắc của chàng phảng phất một tin buồn. Thật vậy, từ ngày ở Sơn La về, có bao giờ Doanh được khỏe mạnh đâu. Con ma bệnh ác nghiệt đã dày vò, xâu xé chàng trong năm năm trời trong nhà ngục chưa chán, vẫn ám ảnh mãi chưa thôi. Mỗi khi nghĩ đến muôn nghìn con trùng đương thi nhau đục lá phổi thì trước mắt chàng lại hiện lên cái hình ảnh ghê gớm của tử thần. Nhưng chàng không sợ nữa. Chàng đã làm quen với nó từ lâu rồi. Ngày nay chàng chỉ còn tìm thấy sự lạc thú ở trên đời trong sự làm việc. Chàng sẽ đem hết tàn lực ra mà để làm việc để thờ phụng cái lý tưởng của mình, rồi lúc nào cơ thể trong người bị bại hoại tê liệt thì chàng sẽ vui lòng mà nhận lấy cái chết. Ngoài ra, đời đối với Doanh không còn nghĩa gì nữa.

Hai người cùng im lặng, mỗi người theo đuổi cái chí nghĩ riêng của mình. Mấy bông cúc vật vờ trước cửa, nghiêng mình dưới ngọn gió may hiu hắt như nhắc cho Doanh nghĩ đến mùa đông lạnh lùng sắp đến. Chàng nhìn Vân hỏi:

– Hồi này rét rồi. Chị sắp đi xa, tôi có thể giúp chị được gì không?

– Tôi cũng không thiếu thốn gì anh ạ. Nếu tôi có một điều cần thì là một điều anh không thể cho được. Nhưng thôi, thỉnh thoảng anh nghĩ đến tôi một chút là đủ rồi. Còn tôi thì chắc không bao giờ được biết tin tức của anh nữa.

– Chị cứ xem *Tia sáng* thì khắc biết tin tức của tôi chứ khó gì.

– Anh cứ tưởng ở đâu cũng có người mua báo của anh hay sao? Mà chắc gì *Tia sáng* sống được lâu.

Tôi, thì tôi chắc lắm. Nếu ở bên Pháp, Chính phủ bình dân mà đứng vững thì bên Đông Dương này, người ta cũng kiêng nể những tờ báo bênh vực chính phủ ấy chứ.

Tuy ngoài miệng nói cứng mà trong bụng Doanh vẫn lo lắng cho số mệnh của mình, vì mới đây mấy bữa, hai tờ tuần báo vô sản đã bị thu giấy phép rồi. Những việc vừa qua đã tỏ ra rằng những đạo luật xã hội của Chính phủ bình dân ban bố ra dù hay đến đâu, sáng tới đâu cũng bị người ta cố ý thi hành sai lạc đi, nếu dân chúng Đông Dương không đủ lực lượng bênh vực cho nó. Ngay chính Doanh cũng đã bị đe dọa. Nếu chàng cứ giữ cái thái độ ương ngạnh ấy mãi trên mặt báo thì không những tờ *Tia sáng* bị đóng cửa mà chàng còn bị lôi ra tòa cũng chỉ bị phạt mấy nghìn quan hay khép án mấy tháng tù là nặng lắm rồi, là đi đến tột điểm của cái luật pháp xã hội này rồi. Nhưng nếu tờ *Tia sáng* bị đóng cửa thì chàng còn biết hoạt động bằng cách gì nữa, nhất là trong lúc này xã hội tiến bước rất mau, không có một hiện tượng gì xảy ra ở góc trời Tây xa thẳm kia là không có ảnh hưởng mật thiết xứ Đông Dương lạc hậu này. Quan trọng hơn nữa là ngày mai Chính phủ bình dân sắp cử một phái bộ sang điều tra về tình hình sinh hoạt và nguyện vọng của quần chúng xứ này. Nếu những người thiết tha bênh vực quyền lợi cho giai cấp lao động như Doanh mà không có một cơ quan ngôn luận để giao thiệp với phái bộ, thì những tiếng kêu âm thầm ai oán của bọn dân nghèo đói sẽ thiếu hẳn tiếng vang, sẽ chẳng được ai nghe ngóng tới. Như trả lời cho cái lo lắng của Doanh, Vân chậm rãi nói:

– Dù báo *Tia sáng* có bị đóng cửa đi nữa, anh cũng chẳng có gì đáng lo. Một người có chí hoạt động để làm việc cho xã hội thì cứ gì phải viết báo mới được. Nhưng nếu anh phải bỏ nghề cầm bút thì chỉ có thiệt thòi cho tôi, không được đọc những câu văn hùng hồn của anh để phấn khởi tâm trí những khi lận đận phương trời.

Vân giật mình về mấy tiếng từ đáy tim nàng vừa thốt ra. Nàng không muốn cho Doanh biết lòng yêu của mình đối với bạn, nên Vân vội chữa:

– Anh xem! Đầu óc tôi còn đầy rẫy tính chất tiểu tư sản. Lại hồi này đã ở mãi trong gia đình đã "lãng mạn hóa" ít nhiều rồi.

Vân cốt dùng tiếng "lãng mạn" để Doanh cười, nhưng chàng không trả lời, bóp tay vào trán nghĩ ngợi. Cái giọng nói chan chứa cảm tình của Vân vừa rồi đã làm cho chàng trông rõ đáy lòng người bạn gái mà từ trước đến giờ ngoài tình bầu bạn ra, chàng không nghĩ đến cái tình cảm nào khác nữa. Ngày nay, trước sự phát lộ ái tình của Vân, chàng thấy tâm hồn rạo rực bâng khuâng như người trong mộng. Trời ơi! Có thể như thế được không? Sao Vân không hiểu rằng sống trong cái chế độ xã hội hiện tại thì yêu đương là một cái khổ, chẳng kém gì cái khổ thiếu cơm, rách áo. Vì hết khóc cái cảnh biệt ly bởi sinh kế gây nên lại đến khóc cảnh đoàn tụ không được mảy may hạnh phúc. Doanh băn khoăn không tìm câu trả lời cho cái ý nghĩ của mình, nhưng không biết vì thẹn hay khó chịu, chàng không dám nhìn thẳng vào mặt Vân. Chàng thấy mọi cái cử động của mình không được tự nhiên như trước nữa, mà cái yên lặng lúc bấy giờ giữa hai người càng làm cho chàng ngượng nghịu, và nặng nề đè lên ngực chàng, khiến cho chàng hai ba lần muốn nói lại thôi. Đồng hồ điểm năm tiếng, cái cơ hội tốt cho Doanh mở miệng, chàng vội vàng nói:

– 5 giờ rồi cơ à! Chết chửa, tôi phải ra xe ngay không thì lỡ mất chuyến ôtô chiều...

Dứt lời, chàng đứng dậy. Bỗng như một cái máy, Vân cũng đứng dậy theo. Nhưng nàng thấy chân tay bủn rủn, nàng tiến mấy bước lại trước mặt Doanh, rồi không thể chống nổi cái mãnh lực của ái tình nữa, nàng gục đầu vào ngực bạn òa lên khóc như một đứa trẻ. Nàng khóc thật to như để trút hết những nỗi phiền muộn uất ức ra ngoài không khí. Những giọt nước mắt nóng hổi thấm vào ngực Doanh. Chàng ôm lấy đầu bạn đặt một cái hôn nồng nàn và thương hại, trên gò má gồ ghề đen xạm của nàng, hai giọt lệ thánh thót rơi...

Trên một căn gác chật hẹp mà ánh sáng mặt trời như thẹn thùng không muốn soi rõ mọi vật. Doanh buồn rầu ngồi trước bàn làm việc. Tay chàng mân mê một tờ giấy đánh máy mà chàng vừa nhận được của Sở Liêm phóng báo cho chàng biết tin rằng trong kỳ

hội đồng chính phủ vừa rồi, hội đồng đã quyết định rút phép tờ *Tia sáng*. Hơn nữa, Sở Mật thám còn ra lệnh bắt chàng phải lập tức về nguyên quán, vì chàng còn mang nặng trên vai mười năm quản thúc.

Tuy đã hơn một tháng nay, Doanh vẫn có cái cảm tưởng là số mệnh tờ báo của mình sắp hết, vậy mà đến nay nó chết thật thì chàng lại sửng sốt như là một việc lạ lùng lắm. Chàng không muốn tin rằng trong lúc Chính phủ bình dân đương tìm cách cho dân chúng Đông Dương được hưởng tự do trên mọi phương diện mà ở đây người ta vẫn không nới rộng quyền tự do ngôn luận. Trời ơi! *Tia sáng* chết! Chết trong lúc nó đương hăng hái làm việc cho quần chúng lao khổ, chết trong lúc nó đang đeo đuổi lý tưởng của nó để làm tròn sứ mạng lịch sử.

Tia sáng chết! Quần chúng Đông Dương mất một người bạn trung thành thân thiết. Riêng đối với Doanh là một vết thương đau đớn trên bước đường luân lạc của chàng. Bây giờ biết tính liệu thế nào? Bỏ Hà Nội mà về ư? Không được. Lúc này, những người có quan tâm đến thời cục không thể khoanh tay ngồi yên nhìn bộ máy xã hội quay cuồng đảo tít được. Nhất là chàng đã nhận cái trách nhiệm nặng nề làm một tên quân tiên phong của giai cấp thợ thuyền, để đem bày tỏ tình hình sinh hoạt và nguyện vọng của họ với phái bộ điều tra của Chính phủ bình dân sắp phải sang đây. Công việc vừa mới tiến hành, đã bỏ dở làm sao được. Mà ở lại tiến bước trên con đường nghĩa vụ thì sẽ là nghịch với pháp luật. Lại còn sinh kế hàng ngày nữa. Từ trước đến giờ, chàng và mấy bạn đồng chí chỉ sống về tờ báo mà nay nó đã chết rồi thì bát cơm hàng ngày của chàng còn tìm đâu ra. Đó cũng là một vấn đề khó giải quyết trong nhiều vấn đề khó giải quyết khác. Nghĩ đến sinh kế, Doanh lại chạnh lòng thương mẹ. Tai chàng còn văng vẳng tiếng khuyên lơn của cụ Cử:

– Con nên chịu thương, chịu khó mà làm ăn. Món tiền của đẻ cho con đây là cả cái gia tài của đẻ cầm đợ bên cụ Án, nếu con không biết thương đẻ, lại giữ cái tính nết cũ thì lần này thật là chết đói.

Tuy Doanh thừa hiểu rằng nếu chàng có trở về tay không, nấp dưới cánh tay của bà mẹ nhân từ đi nữa cũng chưa đến nỗi chết đói nào. Nhưng còn mặt mũi nào mà trở về nữa, vì trong khi sốt sắng ra đi, chàng đã quyết liệt với cụ Cử:

– Lần này là lần cuối cùng con xin hứa với đẻ: Nếu con làm chẳng nên ăn, con sẽ tự tử chứ con không về nữa đâu...

Doanh không hiểu tại sao mình lại thốt ra những lời nói ngông cuồng như vậy, vì một người đã hy sinh cho xã hội thì còn hy vọng gì trở nên giầu sang được nữa! Nhưng một lời hứa đối với Doanh không phải là một lời bỏ đi được. Vậy thì làm thế nào? Làm thế nào? Một đường thì cần lấy ấm thân no bụng và chịu muôn nỗi xấu xa nhơ nhuốc. Một đường thì đeo đuổi đến kỳ cùng cái mục tiêu đã cắm, dù có bị gian lao cơ khổ cũng đành. Kẻ chiến sĩ quyết là phải chọn lấy con đường thứ hai.

Khi chí Doanh đã quyết thì chàng thấy tâm hồn đỡ bứt rứt và những luồng sóng vui vẻ lại tràn ngập vào bể lòng. Chàng nhanh nhẹn thu dọn bàn giấy, rồi khoác áo xuống nhà thì gặp người phu trạm đưa thư. Trông thấy dấu nhà giây thép Hưng Yên, ngỡ là thư của Vân, chàng mừng quýnh, vội xé phong bì ra xem, nhưng thoạt trông thấy nét chữ, chàng biết là mình nhầm rồi, đó là thơ của Loan, em gái chàng.

H. Y, ngày 18-9-1936

Thưa anh,

Khi thơ này đến tay anh thì chắc anh đương buồn bực về cái chết của tờ báo Tia sáng *của anh. Hẳn anh lấy làm lạ tại sao em biết được như thế. Điều đó sau này anh sẽ hiểu. Hôm nay em chỉ biết vâng lời mẹ biên thư giục anh phải thu xếp về ngay. Em buồn lắm anh ạ. Em thương anh quá, nhưng không biết làm thế nào. Một việc rất đau đớn vừa xảy ra ở nhà, đáng lẽ em không muốn cho anh biết, nhưng không phải là lúc giấu được nữa.*

Từ ngày anh đi giao thiệp với chị Vân, thì người làng họ vẫn dị nghị luôn, nhiều lần cái dư luận bất chính đến tai em, nhưng em không để ý đến, rồi cũng quên đi. Nhất là bọn công tử khốn nạn không cướp được tấm lòng yêu của chị Vân, nên chúng nó thêu dệt lắm câu chuyện rất khả ố, nhưng nếu chị Vân có biết, chị cũng chỉ mỉm cười khinh bỉ. Thế rồi bỗng ngày hôm kia, chị Vân bỏ nhà đi không nghi ngờ gì nữa, họ đều đổ cho anh quyến rũ chị ấy lên Hà Nội. Đến nay cái tiếng ấy đã thành câu chuyện đầu lưỡi của mọi

người trong vùng này. Mẹ chỉ khóc lóc suốt ngày, mà bên cụ Án vì bà thím yếu nặng, vậy thế nào anh cũng phải về ngay để giải quyết vấn đề đó và để yên lòng mẹ.

Em anh
Loan

HỌC PHI [1]

Báo *Tiếng trẻ*, số 3, 5–1–1937,
và số 4, 12–1–1937.

---

1. *Học Phi* tên thật là Chu Văn Tập sinh ngày 18–2–1915, ở thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Học Phi tham gia phong trào yêu nước của Việt Nam Quốc dân đảng từ lúc 15 tuổi, bị thực dân Pháp bắt. Vào tù, anh giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, sát cánh với những người cộng sản đấu tranh. Ra tù, Học Phi hoạt động trên lĩnh vực văn học, báo chí cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Anh viết nhiều truyện vừa, truyện ngắn đăng trên báo cách mạng xuất bản ở Hà Nội (*Tiếng trẻ, Tin tức, Đời nay*) làm Tổng biên tập *Tiểu thuyết thứ năm*, từ số 1 đến số 7 tháng 3–5–1937. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, đế quốc Pháp tiến hành khủng bố cách mạng, các báo chí do Đảng Cộng sản lãnh đạo phải ngừng xuất bản. Học Phi tiếp tục viết truyện ngắn đăng trên những tờ báo ở Hà Nội vẫn với một tinh thần, một tư tưởng không thay đổi, nhưng thể hiện dưới trang viết kín đáo, tế nhị.

Học Phi là một trong những người tích cực vận động thành lập Hội Văn hóa cứu quốc từ đầu và phụ trách tờ *Bãi sậy* của Tổng bộ Việt minh Hưng Yên xuất bản bí mật. Anh tham gia lãnh đạo giành chính quyền ở Hưng Yên, làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh một thời gian, rồi chuyển sang phụ trách Hội Phật giáo cứu quốc Trung ương, làm công tác tuyên huấn, tham gia lãnh đạo Đoàn Văn công Trung ương. Anh viết nhiều kịch bản sân khấu, truyện dài, truyện ngắn về những vấn đề thời sự và lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tác phẩm:

- Cà sa giết giặc. 1945
- Chị Hòa. 1955
- Một Đảng viên. 1980
- Hừng đông. 1981
- Cô hàng rau. 1982

v.v...

Học Phi còn có bút danh: Tú Văn, Vĩnh Hà.

VĂN SĨ BÌNH DÂN

Mỹ Dung, "nàng tiên nữ" rời bỏ Hồng Khê ra đi. Và từ đấy nhà văn sĩ giận đời, ghét đời, khóc đời, cho đến một hôm...

Một thiên tiểu thuyết ra đời. Tác giả trút được một gánh nặng trong tâm can. Nhưng chàng đã gieo cùng khắp sự tai hại. Vì đờn lòng của văn sĩ đã nảy ra những tiếng réo rắt tái tê đem vào hồng quần những tư tưởng chán đời và ru họ vào cõi mộng đầy trăng hoa và ước vọng. Thanh niên mê mải với các cuộc tình duyên ủy mị, mong chút hạnh phúc ở đời này và chết một cách vô ý thức để hưởng một cách sung sướng ở thế giới bên kia. Quần chúng bị ảnh hưởng xấu của thứ văn trưởng giả ấy, nhiễm lấy những tâm tình khuất phục. Đối với những sự kiềm chế, áp bức, khổ sở ở đời, họ không có não chống lại, nhẫn nhục sống để cho tụi giàu sang bóc lột mãi. Họ không tin một ngày mai tươi đẹp, không mong bênh vực quyền lợi của họ.

Văn sĩ Hồng Khê đã đầu độc mê muội quần chúng.

Một hôm...

Hồng Khê ngồi ôm đầu, lắng nghe tiếng gió rít ở khe cửa và tiếng mưa rả rích khua động cái đêm tối bên ngoài. Đã hai giờ, văn sĩ tìm câu nhập đề cho các bức thư trả lời một thiếu nữ mê văn mà chưa được. Chàng bỗng giật mình, thoáng tỉnh mộng. Thằng nhỏ lễ phép thưa:

– Mời cậu uống cà phê chả nguội.

Chủ nó nhấp một tý, đứng dậy, lê đôi dép quai nhung đỏ qua lại trong phòng. Hồng Khê dừng chân lắng tai nghe. Rồi hấm hứ bảo:

– Nhỏ, mày ra xem ai ở cổng.

Một lúc, đứa bé vào thưa:

– Bẩm, một người đàn bà xin núp mưa ạ.

– Đâu rồi, cho họ vào đây.

Một bà già, quần áo bẩn thỉu, thấm đầy nước, nặc mùi hôi, kính

cắn ép chiếc nón vào bụng, khom lưng chào chàng. Tuy giọng nói của Hồng Khê đầy vẻ dịu dàng, che chở, người đàn bà cũng không dám bước qua ngưỡng cửa. Bà ngượng ngùng nhìn vũng nước đọng dưới chân. Hồng Khê giục bà vào và sai nhỏ đi lấy củi.

Công việc giúp người nghèo khổ làm xong, văn sĩ thấy trước mắt một câu chuyện có thể thỏa tính tò mò của mình được.

Bằng cái giọng run run, bà lão kể cho chàng biết mẩu đời tối tăm của bà.

Con trai làm thợ đá với ông Nghị Bằng. Cả nhà nhờ ở người ấy mà sống. Một hôm người ta chở về cho bà một xác chết – đứa con ấy đã bỏ mạng trong một cơn thịnh nộ của chủ. Khóc hết nước mắt, con dâu, cháu trai, và bà ôm nhau chịu chết đói thì nhà quan Nghị nhắn đưa quà đem biếu hai chục bạc. Khâm liệm xong, vợ người thợ đã dùng số tiền còn lại để làm vốn đi buôn. Người đã khó, chó cắn thêm, chị con dâu hôm kia trong lúc năn nỉ xin anh lấy thuế bớt cho ít nhiều, lời qua tiếng lại thế nào, bị đánh đập tàn nhẫn. Và cái vốn cỏn con, cũng được sự nóng giận của bác kia hất phăng xuống sông.

Hồng Khê nín thở, ngơ ngác nhìn bà già, ngỡ mình đang trong mộng. Mấy giọt nước long lanh trên gò má nhăn nheo, chàng không biết đó là nước mưa hay nước mắt.

– Và, – bà lão nói tiếp, đã hai hôm, tiền hết, gạo hết. Đứa cháu trai đói xỉu ở góc này, mẹ nó rên ở góc kia...

Rồi tiền nhà, tiền cửa, tiền nợ tiền nần...

Nhà văn sĩ như điên dại, đứng dậy khua tay kêu:

– Thôi! Thôi!

Chàng hoa mắt, tối tăm mặt mày. Chàng chỉ thấy hiện ra trước mắt những cảnh lầm than, giữa chốn bùn lầy nước đọng, những cuộc áp bức, những dã man của bọn giàu sang. Bên tai chàng văng vẳng tiếng than vãn trách oán của muôn vàn người đói, rách, đang đưa tay níu lấy chàng. Văn sĩ hoảng sợ, quả tim đánh mạnh, mồ hôi ra ướt đẫm.

Hồng Khê nắm hai tay áp mạnh vào mắt đến đau lưng. Nhưng cái cảnh rùng rợn ấy, chàng vẫn thấy. Chàng tắt đèn. Cũng thế, chàng chạy vào giường chùm khăn kín mít. Được một phút, rồi những cánh tay ốm yếu chỉ còn xương, xanh xao, bẩn thỉu vẫn níu lấy chàng. Những cặp mắt sâu hoắm trên những đầu lâu hốc hác vẫn nhìn

chàng, khi van lơn, khi căm giận. Muôn ngàn tiếng reo to, nhỏ kêu vang lên.

Hôm ấy, văn sĩ Hồng Khê trải qua một đêm khủng khiếp.

Trời ơi! Xã hội còn biết bao sự xấu xa ghê gớm. Chàng nghĩ thế rồi cả quãng đời đã sống hiện ra. Trong bao năm đem hết tâm lực, chàng chỉ làm việc cho bọn giàu sang, quyền quí, để bọn dư ăn, dư mặc đi bóc lột dân nghèo.

"Họ khổ lắm" khổ lắm! Ta còn thì giờ đâu mà ngồi ca ngợi những cảnh thần tiên đẹp đẽ. Ta phải..., bổn phận ta là phải chỉ cho loài người thấy con đường giải thoát, và tìm những cái mới mẻ, sung sướng hơn.

Cả đêm không ngủ được. Chàng dậy, vặn đèn, đi bách bộ trong phòng, chàng vung cánh tay: "Nhiệm vụ ta, bổn phận ta, thiên chức ta là phải đánh đổ bọn giàu sang, ích kỷ. Nâng cao đám bình dân ngu dốt cực khổ vì chế độ bất công. Giác ngộ quần chúng!".

Chàng bổ xuống chiếc ghế xích đu, đau đầu, khóc: "Trời ơi! Bao năm phí bỏ. Ta tỉnh ngộ, ăn năn quá trễ!".

Trời hửng sáng. Trận mưa đêm qua dội sạch mây trên trời. Trong dậu dâm bụt, những con chim sâu, chim chíp nhảy dù. Hồng Khê xé vụn những tập bản thảo và mỉm cười thả cho bay theo gió những mảnh giấy đủ hình. Hồng Khê hít một hơi mạnh. Lần đầu tiên, chàng thấy tâm hồn sung sướng. Một cuộc đời mới có ý nghĩa vẽ ra trong trí. Hồng Khê lẩm bẩm:

– Đánh thức quần chúng.

VẠN THẾ SƠN

Báo *Nhành lúa*,
số 1, 13–1–1937.

ÔNG LÊ TRÀNG KIỀU VỚI PHÚ HÀO VIỆT NAM

Liên tiếp trong mấy số báo *Hà Nội*, ông Lê Tràng Kiều quyết làm chứng cho phú hào Việt Nam. Ông cố nhắc đi, nhắc lại: "Phú hào vẫn không có tội gì hết".

Ông Lê Tràng Kiều nói phải lắm, phú hào làm gì mà có tội cũng như ông Lê Cường, chủ hiệu thuốc lậu Hồng Khê, kiêm chủ báo *Hà Nội*, kiêm chủ ông Lê Tràng Kiều làm gì có tội, nhất là có tội với ông Lê Tràng Kiều.

Ông Lê Tràng Kiều muốn phơi gan trải ruột của mình ra cho mọi người nên ông mới lấy vài hình ảnh rất oanh liệt sau này: "Nếu ông đi một chuyến đò trong ấy có một người phú hào Việt Nam với một người thợ Tây Ban Nha, nếu đụng đò chìm, ông quyết vọt ra cứu người phú hào Việt Nam đã".

Cảm vậy thay tấm lòng ái quốc một trăm phần trăm của ông Lê Tràng Kiều.

Mình ngồi mình nghĩ, ví thử chuyến đò ấy, ngoài cái anh thợ vô phước ở Tây Ban Nha thân tàn bị quân phát xít bắn giết qua bên này, lại bị ông Lê Tràng Kiều không thèm cứu, lại có cô Lệ Chi (tình nhân chín mươi chín phần trăm của nhà ái quốc họ Lê, ví dụ như thế) và ông Lê Cường, cố nhiên là phú hào Việt Nam. Đò chìm, ông Lê Tràng Kiều quyết là không cứu anh thợ Tây Ban Nha, cũng không cứu cô Lệ Chi đâu, mà chỉ cứu ông Lê Cường thôi. Vì nói theo kiểu hai ông Hoài Thanh và Lưu Trọng Lư, xã hội này thiếu đi một anh, một tôi cũng không đáng vào đâu, chớ thiếu đi một ông Nguyễn Du thì thiếu nhiều chuyện lắm. Bên này, ông Lê Tràng Kiều, ông cũng nghĩ thế. Thằng thợ Tây Ban Nha có chết cũng như chó chết, ai kể số vào đâu, đến cô Lệ Chi có chết thì ông Nguyễn Vỹ kiếm cô khác thay vào, chớ đến như ông Lê Cường mà chết đi, trời ơi! Ông Lê Cường mà thiếu đi thì thiệt nhiều chuyện lắm, phải không ông Lê Tràng Kiều nhỉ?

Thế mà lại có cái quân ôn dịch, gặp mặt ông Lê Tràng Kiều đâu lại cứ bảo "tôi tớ cho phú hào", nếu có ngày ông bắt được, ông sẽ cột một chùm với tên thợ Tây Ban Nha vô phước kia, rồi đưa xuống đò với ông, xem có chết nhăn răng cả tụi không?

PHAN KHÔI VỚI VIỆT KIỀU BỊ BẮN Ở XIÊM

Nếu ai chơi ngắn đặt cuộc thi gọi là "thi nói trái cuống họng" thì có lẽ nhà chí sĩ họ Phan của tôi sẽ chiếm giải quán quân.

Tôi thử lấy vài câu nói gần đây.

Về chuyện hội nghị ngày 20-9-1936 để lập bản thỉnh cầu, quần chúng có trên 600 người rầm rầm rộ rộ hoan nghênh [1]. Ông họ Phan tôi đánh ngay một tiếng: Thất bại, nhục nhã, sao ban thường trực tạm thời không đuổi quần chúng ấy đi. Đó là một cái trái cuống họng.

Rồi đến khi cả báo giới từ Nam chí Bắc đều đồng thanh yêu cầu cho được tự do báo giới. Nhà văn sĩ họ Phan của tôi chính là Chủ tịch cho một cuộc hội nghị để lập bản yêu cầu, thế mà về đến nhà lại viết trên báo *Sông Hương* [2]. Xin chi cái tự do báo giới, để Nhà nước xét cần rồi Nhà nước sẽ cho, mà chúng mình nếu mà có tự do báo giới lại càng nguy hiểm hơn là không có tự do. Đó là hai câu trái cuống họng.

Rồi đến vụ hai ông Diệp Văn Kỳ, Bùi Thế Mỹ bị trục xuất ra khỏi Nam Kỳ, nghĩ dầu ông Phan Khôi có thông cảm chút tình đồng nghiệp đi nữa thì cũng cứ giả điếc làm lơ cho xong chuyện, ai chết mặc ai thế có yên không? Bên này thời không thế. Ông dẫn một bài chửi hai nhà viết báo bất hạnh ấy một xối một xả, đến kéo cả đời tư họ ra mà nói. Đó là ba câu chuyện trái cuống họng.

Đến câu thứ tư này mới trái cuống họng đến uốn ngoặt.

Trong khi chính phủ Xiêm bắn giết, tù tội Việt kiều ta ở bên Xiêm, cả quốc dân đều nóng cả ruột.

---

1 Đây là nói về cuộc vận động Đại hội Đông Dương tháng 9 năm 1936 ở Trung Kỳ.

2. Báo *Sông Hương* từ 1-8-1936 đến 27-3-1937 do Phan Khôi sáng lập kiêm Tổng biên tập.

Các nhà đại ái quốc một trăm phần trăm, như ông Phạm Tá, ông Lê Tràng Kiều (đồ đệ của ông Phan tiên sinh) nghe tin hai giọt máu Việt Nam rơi ở bên Xiêm, khóc sướt mướt, thiếu đường trôi cả 25 triệu đồng bào. Ấy thế mà cụ Phan tôi trong báo *Sông Hương* đấm ngay cho một bài: binh vực chi chi họ. Rồi ông dọa chúng ta bằng bộ luật quốc tế công pháp. Ông bảo rằng tụi khốn nạn trên là thuộc về "Kiều dân bất hợp pháp" cho nên không trời đâu mà can thiệp vào việc ấy.

Phải rồi, dân An Nam vì không biết quốc tế công pháp, đòi chạy bậy qua bên đất Xiêm nên chết như chó chết, chớ không ngoan như ông Phan Khôi sớm biết đọc luật quốc tế, cứ ngoan ngoãn ở bên bờ Sông Hương hút thuốc phiện, cứ nói chuyện trồng cây sống, búng cây chết mà chơi, như thế thì đến trời có vặn cuống họng ông lại, ông cũng không chết nữa là chính phủ Xiêm.

ÔNG GÔĐA GIEO MẦM GIAI CẤP TRANH ĐẤU TRÊN MẶT ĐẤT ĐÔNG DƯƠNG

Vừa rồi tờ báo *Renaissance Indochinoise* [1] ở Sài Gòn viết một bài nói ông Gôđa đến Sài Gòn, dân chúng biểu tình đón rước không khác gì một cuộc biểu tình của chiến tuyến bình dân ở bên Pháp. Các cuộc biểu tình ấy có thể làm cho ông Gôđa tưởng lầm rằng xứ Đông Dương cũng phân chia ra hai giai cấp, giai cấp tư bản, giai cấp vô sản. Kỳ thật, Đông Dương cũng giống như các nước khác mà thôi.

Bạn đồng nghiệp nói chí lý lắm thay! Xứ Đông Dương làm gì mà có giai cấp. Chỉ có một tụi nhà giàu bóc lột tận xương tủy nhà nghèo mà thôi. Bạn đồng nghiệp lại nói ông Gôđa tuyên bố hợp tác với các viện dân biểu, phòng thương mại, hội đồng thành phố, đại biểu chủ và thợ, mà quên tuyên bố hợp tác với chính phủ.

Bạn đồng nghiệp chúng tôi lý luận lắm.

Nhưng xin lỗi, ông Gôđa dẫu ở bên này hay bên Pháp cũng là người của chính phủ. Người của chính phủ mà lại hợp tác với chính phủ là nghĩa lý quái gì. Ông Gôđa đã bên Pháp mà có qua đây cũng

---

1. Phục hưng Đông Dương

như ông ở bên sở vườn nhà lớn ơ Âu châu, qua thăm sở nhà nhỏ ở Thái Bình Dương chơi vậy thôi. Cái gì mà nói hợp tác hợp tiếc cho rộn miệng.

Rồi bạn đồng nghiệp lại than phiền ông Gôđa không hợp tác với chính phủ ở đây, nhưng lại tiếp đại biểu đoàn của thợ thuyền, là một chuyện mà xứ này chưa từng thấy. Có lẽ ông định nhập cảng cái "mốt" giai cấp tranh đấu vào xứ này hay sao?

Xin bạn chớ có đứng lo; cái "mốt" giai cấp đấu tranh có ở xứ Đông Dương đã lâu rồi, không đợi phải ông Gôđa mang qua mới có.

Chỉ có những thằng tướng bịt mắt lại mà nói rằng: Xứ Đông Dương không có sự phân chia giai cấp nên mới cả gan nói: "Xứ Đông Dương làm gì mà có giai cấp tranh đấu".

TỰ DO BÁO GIỚI TUYỆT ĐỐI VÀ TƯƠNG ĐỐI

Bạn đồng nghiệp *Điện tín* ở Sài Gòn vừa rồi viết một bài về "tự do báo giới". Bạn đã chỉ cho chúng ta thấy chưa có báo giới xứ nào được tự do cả, dẫu ở Pháp, dẫu ở Nga cũng thế. Cái dụng ý sâu sắc của bạn đồng nghiệp là cố gieo một sự nghi ngờ trong cái nguyện vọng rất tha thiết của dân chúng xứ này là "tự do báo giới."

Bạn cứ đổ đi đổ lại cái chỗ làm gì mà có cái tự do báo giới tuyệt đối, chỉ có những cái tự do tương đối mà thôi.

Nhưng bạn cũng nên nhớ rằng dầu cái tự do tương đối mà có cũng còn hơn là không có.

Trong khi quần chúng đang ao ước tự do báo giới, mình cầm bút viết ra những câu nghi ngờ, vu hoặc như thế, thật tỏ ra một cái thái độ phản động đáng ghét vô cùng.

AI VU CÁO AI?

Những tờ báo phát xít bên Tây như *Gringoire, Candide, Le rire*... một độ nổi lên công kích ông Tổng trưởng Bộ Nội vụ Xalăngrô một cách kịch liệt vô cùng. Họ đặt những chuyện xấu xa dơ bẩn, những chuyện phản phúc đảo ngũ, rồi họ cứ việc bôi vào cho ông Tổng trưởng phải tự tử.

Một làn sóng dư luận nổi lên công kích các thái độ khốn nạn của họ. Họ vẫn đon đả trả lời: "Nào chúng tôi vu cáo ai đâu? Chính người ta vu cáo chúng tôi đấy!".

Cái kiểu ấy, bên An Nam chúng tôi gọi là "vừa đánh trống vừa ăn cướp".

BỌN ĐIÊN CUỒNG PHÁ HOẠI

Tờ báo *Impartial* ở Sài Gòn có bài như sau này:

"Ngày nay, ai cũng thấy các "đồng chí" phiến loạn từ trước đến nay chỉ có một mục đích: núp sau cái cớ sưu tập những bản thỉnh cầu của quần chúng mà tổ chức những cơ quan cách mạng ở các tỉnh để mà làm rối loạn trật tự. Lợi dụng những cuộc hội họp quân du đãng, quân tù tội mới ra khỏi ngục, ăn lương của Mốtcu (Nga Xô) chỉ có một vấn đề mà bọn tôi tớ của Đệ tam quốc tế không để ý đến là tìm xem nước Pháp có chịu bỏ xứ Đông Dương này để cho chúng phá hoại một cách điên cuồng không?"

Đọc hết mấy dòng này, chắc các bạn cũng không nóng tiết lên, không biết thằng tướng nào phát điên lên rồi hay sao, nên mới nói những câu điên cuồng như thế.

Chỉ muốn phá cuộc Đại hội Đông Dương, không muốn cho dân chúng nói một cách thành thực những ý muốn của họ. Bọn đại tư bản các đồn điền và nhà băng đã dùng hết cách dối trá để làm sai lạc dư

luận ở Pháp đối với vấn đề Đông Dương, nhất là họ cố làm cho quan Tổng trưởng ngồi cách xa xứ này mấy vạn dặm cứ tưởng tượng dân Đông Dương toàn là đồ du đãng phiến loạn cả.

Nói đến sự phá hoại cái tình thân thiện giữa bình dân nước Pháp và nước Nam, thời có lẽ bọn viết báo trên này là những quân phá hoại điên cuồng hơn ai hết.

LƯỚI SẮT GIẤY SÊN

Báo *Nhành lúa*, số 1, 15-1-1937,
và số 2, 22-1-1937.

MỘT "CON VỊT" ĐẸP

Từ ngày bị thất bại nặng nề, ông Phúc Đình dường như chẳng ngủ yên tí nào. Để cho hả giận, ông tung tin rằng do ngài Khâm sứ hay Chánh mật thám yêu cầu nhiều lần, ông không ứng cử tranh với bạn Trịnh Văn Phú. Ủa! Lạ chưa? Đó là một tin vịt, tin vịt khéo. Không biết các ngài chính phủ trên nghĩ gì?

Tuy rằng thắng cử của đồng chí chúng ta là việc đã rồi, cũng không phải vô ích mà trở lại vấn đề một lần nữa, như thế chẳng có gì là ba hoa. Thắng lợi này chứng tỏ thiện cảm của các giai cấp cần lao đã ngán với những đại biểu chỉ biết vâng dạ, không hiểu và chẳng nói được tiếng Pháp, những đại biểu mà chức danh "Đại biểu nhân dân" chỉ để thỏa mãn lòng tự kiêu vặt, thế thôi.

Đã đến lúc loại ông nghị này phải nhường chỗ cho những người trẻ, có khả năng và cần thiết cho sự biến hóa của một nước như xứ Bắc Kỳ này.

Dư luận xã hội ở Hà Nội hiểu sự cần thiết này đến mức nó đã xin kiếu con người dốt đặc cán mai, không thể diễn dạy bằng tiếng Pháp và bị bắt quả tang là nói lộ cử tri của mình.

Ông ta có thể tha hồ tung những tin phịa làm rối trí người ta nhất, nhằm xoa dịu bớt sự cay đắng của sự thất bại mới đây của ông ta. Ông ta không thể làm chúng ta tin rằng các quan chức cao cấp ở đây lại đi đưa một ứng cử viên dốt nát chọi lại một người thông thái hơn.

Chúng tôi ném trả lại "con vịt" này cho ông Phúc Đình để ông ta nấu món súp vịt hầm (duck soup) cho riêng ông xơi!

PHẠM NGỌC UYỂN *dịch*

Báo *Le Travail*,
số 22, 19–2–1937.

TUYÊN CÁO ĐỒNG CHÍ

Tiểu dẫn. – Sau khi ở Côn Đảo được tha về, nằm dưỡng bệnh tại nhà thương Réne Robin, anh Phạm Tuấn Tài có trao cho tôi một bản TUYÊN CÁO ĐỒNG CHÍ và cái lịch trình tín ngưỡng của anh. Nhưng trong dịp khám xét báo quán Le Travail và các báo khác, bản tuyên cáo đó đã lọt vào tay các nhà chuyên trách. Kế đó, anh lại viết một bản khác trao lại cho tôi. Chủ ý của anh là không có gì khác hơn là mong đem những lời nói cuối cùng và những điều tín ngưỡng cuối cùng để bộc lộ cùng với các đồng chí chính là do tay anh viết mà chúng tôi chép ra đây. Còn bản chính hiện chúng tôi đã chụp ảnh ra để đăng sau.

Đối với bản tuyên cáo sau đây, tôi tin rằng nó chỉ là những điều thổ lộ tâm sự của một người cách mệnh sắp chết, chớ chẳng có ý gì xúi dục ai làm loạn hay làm rối cuộc trị an. Và dưới Chính phủ bình dân hiện nay, một người như anh Tài, trước kia là người nghịch của Chính phủ, nhưng ngày nay đã là bạn của Chính phủ, thì chắc Chính phủ cũng không hẹp hòi gì mà không cho anh được nói những tiếng nói cuối cùng.

TRẦN HUY LIỆU

"Biết tôi nhiều, có lẽ không ai hơn anh Liệu. Biết anh Liệu nhiều, có lẽ cũng không ai hơn tôi. Vì vậy, trong lúc tôi bị mười phần nguy kịch trên giường bệnh, một tia sáng lướt qua bộ ký ức lu mờ, tôi nhớ ngay tới anh.

Thế rồi, bao nhiêu những điều tôi muốn nói, chưa nói được với mọi người, bao nhiêu những điều tôi muốn viết, chưa viết được một câu, tôi liền trao gửi lại anh, cậy anh giúp tôi cái việc cuối cùng mà tôi đã buông tay chịu chết không làm được từ mấy mươi lần gắng gượng. Đáp lại tấm lòng tin cậy của tôi một cách sốt sắng, lập tức anh ghi chép những điều quan hệ.

Muốn cẩn thận hơn, chính miệng tôi đọc và chính tay anh viết

một bản toát yếu những điều quan hệ về lịch trình tín ngưỡng của tôi từ quan điểm xã hội không tưởng sang quan điểm xã hội khoa học.

Yên chí, tôi không còn ngờ rằng: anh sẽ viết sai được bản ý tôi vì tôi biết anh nhiều, mà anh cũng biết tôi nhiều, chúng tôi thiết nghĩ không lầm một chút: Cách ba tuần sau, anh đã đưa lại cho tôi một tập chụp rõ bản ý tôi. Tôi thấy mừng và thấy như con trùng Koch hết thế làm cho tôi chết được nữa. Tôi thấy như sẽ còn được cùng công, nông và quần chúng lao khổ đứng chung dưới một lá cờ Mác – Lênin có ngày. Tôi lại thấy như bao nhiêu anh chị em quốc dân không thành kiến, sau khi tôi đọc tập này, thảy đều ngậm ngùi chia một mối quan cảm với tôi rồi cùng tôi và công nông, quần chúng lao khổ cùng tiến dưới ngọn cờ Mác – Lênin có ngày.

Hà Nội, ngày 30-11-1936"

(Chép y nguyên văn)

PHẠM TUẤN TÀI

I. HOÀN CẢNH VIỆT NAM TRONG KHOẢNG NHỮNG NĂM 1925 - 1926 VÀ 1927

Dò lại trang lịch sử đã qua, ai cũng nhớ rằng: Những đảng cách mệnh bị vỡ vào những năm 1929, 1930, và 1931 đều thành lập vào những năm 1926 và 1927. Nhưng một điều cần mà chúng ta muốn biết là vì những nguyên nhân gì đã gây nên những hiện tượng kia.

Nếu kể đến nguyên nhân sâu xa của nó, chúng ta tất phải trở lại hàng mấy chục năm về trước, từ bước đường xâm lược của các đế quốc chủ nghĩa phương Âu tới sự giác ngộ và sức đề kháng của các dân tộc yếu hèn, nhưng ở đây chúng ta chỉ cần dẫn ra mấy nguyên nhân gần, tức là cái hoàn cảnh lúc đó.

Ở ngoài nước, thì công cuộc cách mạng Nga vừa thành công, phong trào cách mệnh Tàu còn sôi nổi. Những du học sinh Việt Nam ở Pháp cũng vì tình thế trực tiếp kích thích mà tổ chức chánh đảng và viết báo tuyên truyền cách mệnh gửi về trong nước. Những làn sóng rung động dữ dội đó, dữ dội với một xứ lạc hậu như xứ Đông Dương cũng không tránh được những ảnh hưởng ở ngoài tràn vào làm cho cái giấc ngủ dài từ hồi Âu chiến tới lúc đó phải tỉnh.

Ở trong nước, thì mấy việc kế tiếp xảy ra, như ông Varen sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương và hai ông Phan Bội Châu cùng

Phan Chu Trinh đồng thời về nước. Dân chúng vì bị áp bức đã lâu nên bị kích thích rất mạnh, ai nấy đều sốt sắng hăm hở: mong mỏi chính sách cải cách của nhà xã hội Varen, ham mê dân quyền của nhà dân chủ Phan Chu Trinh cũng như rung động vì tấm lòng ái quốc của nhà cách mạng Phan Bội Châu. Rồi đó, sự mong mỏi bị thất vọng, sự biểu lộ bị đàn áp, người ta không thể trông ở sự cải cách dở chừng và cũng không thể thi thố ra bằng những việc công khai. Kế đó, người ta cũng lại thấy rằng: muốn vượt khỏi muôn trùng áp bức, những phong trào công khai đó chỉ là một thời cơ rung động lòng người, chớ không phải là một phương pháp đưa người ta tới chỗ đoàn kết tổ chức và phấn đấu có qui củ để gây nên một lực lượng đủ cải tạo xã hội.

Phong trào học sinh bãi khóa cùng thợ thuyền đình công làm cho sự bất bình của dân chúng càng lớn thêm mà phát tiết ra bằng cách khác. Thế rồi, bao nhiêu lực lượng công khai trước kia tản mát rung động ở mọi nơi bây giờ hình như đã kết tinh lại một chỗ. Bao nhiêu những tiếng ồn ào rầm rĩ trước kia bây giờ lại bắt đầu im lìm để làm việc...

II. VÌ SAO TÔI VÀ CÁC BẠN ĐỒNG CHÍ TỔ CHỨC RA VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

Một đảng cách mệnh có tổ chức đẻ ra từ sau những phong trào công khai, cái đó chúng ta thường thấy. Cũng như những đảng cách mệnh luôn luôn xuất hiện ra ở những xứ thuộc địa, chúng ta không lấy làm lạ.

Trong mọi tình cảnh bị áp bức và giữa những sức kích thích ở xung quanh, tôi cũng như nhiều bạn thanh niên khác, lẽ cố nhiên là không thể ngồi yên trên một cái ghế diễn giảng ở nhà trường, làm bạn với mấy học trò nhỏ mà phải vùng dậy kêu gào, nắm tay tôi kéo những anh, chị em cùng một chí hướng như mình hăng hái bước lên trường hành động.

Trong khi Việt Nam Quốc dân đảng thành lập, cũng vừa có mấy đảng cách mệnh khác như Việt Nam Thanh niên cách mệnh đồng chí hội và Tân Việt cách mệnh đảng do những du học sinh vâng mệnh lệnh của một cơ quan chỉ huy cách mạng ở nước ngoài về tổ chức.

Sau khi cùng một số đồng chí thảo luận và nhận định, lúc đó chúng tôi tin vào cái lực lượng ở trong hơn ở ngoài, và muốn có một đảng cách mệnh dự lập ngày 26–8–1927 và chính thức thành lập từ ngày 25–12–1927 kêu là Việt Nam Quốc dân đảng.

Nghe cái danh của đảng, người ta có thể gọi ngay là một đảng quốc gia. Nhưng theo sự nhận định của một số người chủ trương lúc đó và chính trong đảng cương của đảng ngay khi mới thảo ra đã có một câu cốt yếu: "Trước làm dân tộc cách mệnh, sau làm thế giới cách mệnh", nghĩa là dân tộc cách mệnh không phải cứu cánh, mà thế giới cách mệnh mới là cứu cánh.

Cuối năm 1928, Đảng sửa lại Đảng cương. Dò theo bản thảo của một số đồng chí và đã được Tổng bộ duyệt ký, thì chủ nghĩa đảng là chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Kế đến tháng 2 năm 1929, Đảng bị phát lộ, đảng viên nhiều người bị bắt và nhiều cơ quan tổ chức bị giải tán, một số đồng chí còn sót lại đem chủ nghĩa tam dân truyền bá vào trong đảng.

Thực ra, với bản chương trình điều lệ thảo ra từ lúc đầu, với chủ nghĩa xã hội dân chủ và với chủ nghĩa tam dân, những người chủ trương của đảng đều không có tính cách một người theo chủ nghĩa quốc gia thuần túy. Nhưng, trong lúc ấy, các đồng chí thường chỉ trông vào lực lượng ở trong mà không nhận rõ tình thế ở ngoài. Lại, đối với những lực lượng cách mệnh ở trong nước, các đồng chí không phân biệt hoàn cảnh của một giai cấp nào là chủ lực quân và những giai cấp nào là phụ lục quân. Đã vậy, những đảng viên là những phần tử của mọi giai cấp, địa vị và quyền lợi đã phức tạp, thì cố nhiên là những tư tưởng và chủ trương cũng lung tung không thống nhất. Hầu hết, mọi người trong đảng chỉ nhìn thấy một cái mục đích gần nhất là làm cho nước được độc lập, rồi lập lên một chế độ công bình và nhân đạo. Mà cái nguyên tắc công bình và nhân đạo thì không giải thích ở đâu hết. Bởi vậy, đảng gặp hồi biến thì đi tới những bước gập ghềnh và nguy hiểm ngay, không còn có đủ thì giờ và tài liệu để huấn luyện đồng chí theo một khuôn mẫu nào, nên chẳng những chủ nghĩa đảng trước sau không thống nhất, mà cả đến sự nhận định mỗi người đối với chủ nghĩa cũng nhiều chỗ sai khác.

III. NHỮNG VIỆC XẢY RA TRONG NHÀ TÙ

Sau một cuộc thất bại đau đớn, những đảng viên trừ những người đã bị chém, bị giết, ngay tại đảo không kể, hầu hết kế tiếp nhau vào nhà tù. Vào nhà tù rồi, những người còn giữ vững được tinh thần thì đối với cuộc thất bại vừa qua là một bài học kinh nghiệm.

Nhưng khốn nỗi, các đảng viên cùng nhau kết hợp từ trước đã không phải một giai cấp hay đứng vào một giai cấp, lại không có một sự nhận định hay chịu chung một sự huấn luyện như nhau, thì sau một cuộc thất bại, một lần kinh nghiệm, lẽ tự nhiên là nó phải chia rẽ.

Trong bao nhiêu lần thảo luận bằng hội nghị hay bằng báo chí, giữa chỗ chủ trương khác nhau của các đảng viên như có một cái hố càng ngày càng thấy sâu thêm. Người thì giữ chủ nghĩa quốc gia thuần túy; người thì theo hẳn chủ nghĩa xã hội; cũng có người thì muốn dung hòa các chủ nghĩa rồi sửa đổi lại thành một chủ nghĩa cho đảng.

Từ chỗ bất đồng ý kiến đi tới chỗ quyết liệt.

Về phần tôi lúc đó cố nhiên không phải người của một tổ chức nào; nhưng cũng chưa phải đã đoạn tuyệt với những chủ trương cũ mà theo một chủ trương mới. Vì vậy, trong anh em, những người trong phái thủ cựu đã không đứng sắp hàng với tôi mà những người theo một chủ trương mới cũng chưa hẳn đã nhìn thấy tôi là đồng chí cả trăm phần trăm.

IV. SỰ TÍN NGƯỠNG CUỐI CÙNG CỦA TÔI

Nghiên cứu mãi, thảo luận mãi và kinh nghiệm mãi nếu tôi là một người trung thành với cách mệnh thì lẽ tự nhiên là tôi phải đi tới một con đường nhất định, tìm được một sự tín ngưỡng cuối cùng. Ngày nay đây, tôi đã có thể tự tin tôi và mạnh bạo tuyên bố với anh, chị em rằng đã đi tới một con đường nhất định đó, đã tìm được một tín ngưỡng cuối cùng đó.

Do ở tấm lòng trung với cách mệnh, đối với cá nhân tôi, tôi nhận thấy rằng trong bước tiến hóa về tư tưởng, trải qua vô số những lần mâu thuẫn, cái tư tưởng của tôi hiện nay có thể sai khác với tư tưởng của tôi năm trước, tôi không được phép đem cái đầu óc cố chấp của

mình mà nghịch với bước đường tiến hóa của lịch sử. Đối với tổ chức đảng, tôi nhận thấy rằng: cách mệnh thành công mới là một mục đích cứu cánh, còn tổ chức đảng chỉ là một cái công cụ để thực hành cách mệnh. Vậy tôi không được phép đem cái óc đảng phái không căn cứ mà làm trở ngại cho công cuộc tiến hành của cách mệnh.

Do ở những điều kinh nghiệm về cách mạng, tôi nhận thấy rằng: Muốn phá hoại một xã hội cũ và kiến thiết một xã hội mới, lực lượng cách mệnh chỉ có thể trông vào cái giai cấp nào trong xã hội bị bóc lột hơn hết và bị áp bức hơn hết. Và muốn đánh đổ chế độ hiện thời, những phần tử cách mệnh ở các dân tộc bị áp bức phải liên kết với công, nông và quần chúng lao khổ ở các nước tư bản mà tập trung thành một trận tuyến chung. Chủ nghĩa quốc gia hiện đã trái mùa, cả đến chủ nghĩa xã hội dân chủ hay chủ nghĩa tam dân cũng chỉ là những cái cải lương dở dang không công hiệu. Nói rõ hơn, chỉ có chủ nghĩa MÁC – LÊNIN mới có thể phá tan được xã hội giai cấp mà dẫn nhân loại tới thế giới đại đồng.

Tôi lại tin rằng: Các bạn đồng chí chết trước của đảng nếu còn sống tới ngày nay sẽ cùng thuận theo trào lưu thế giới cùng hoàn cảnh Việt Nam mà đi tới chỗ cách mệnh triệt để.

Tôi lại cũng tin rằng: Các bạn đồng chí còn lại trung thành với cách mệnh sẽ là những người cùng chung một sự tín ngưỡng với tôi.

PHẠM TUẤN TÀI [1]

Báo *Nhành lúa*, số 7,
ngày 26–2–1937.

---

1. Phạm Tuấn Tài (1905 – 1937), hiệu là Mộng Tiên, quê ở làng Hành Thiện, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Sớm có ý thức yêu nước, Phạm Tuấn Tài mở Nam đồng thư xã, xuất bản những sách tiến bộ, có xu hướng cải cách dân chủ, cổ động cho tinh thần dân chủ, chống thực dân Pháp và bọn vua quan bán nước. Năm 1927, anh tham gia sáng lập Việt Nam Quốc dân đảng. Năm 1929, anh bị địch bắt xử án tù, đày đi Côn Đảo, đưa ra lao động khổ sai ở đảo Hòn Cau. Trong lao động, sinh hoạt, tiếp xúc với tù cộng sản, Phạm Tuấn Tài ngày càng giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, ủng hộ những người cộng sản, xa rời chủ nghĩa tam dân và Việt Nam Quốc dân đảng. Năm 1936, Phạm Tuấn Tài được tha về. Do nhiều năm bị tù đày cực khổ, anh bị bệnh lao phổi nặng, sức khỏe tàn tạ, nên đã sớm qua đời ở bệnh viện Bạch Mai.

CHIẾN ĐẤU

Thiếu phụ:
Chồng em còn ở chốn xa xôi,
Bầu khí quanh năm hóa lạng rồi.
Nheo nhóc bên mình mươi đứa trẻ,
Nghe gì em khóc, nước mây trôi!

Mây nước:
Ôi nàng điên. Ta nghe gì được,
Tiếng vang cười hay khúc hận của trần gian?
Nàng chớ say trong giấc mộng đêm vàng,
Ai oán vật vô tình như mây nước!

Thiếu phụ:
Chòi tranh em dột, mẹ em đau,
Leo lét đêm khuya ngọn lửa dầu.
Rơi lệ, em quì xin thượng đế,
Chứng lòng em khổ lúc đêm thâu!

Thượng đế:
Nàng chớ than, mình ta đâu có thật,
Trên Thiên đàng, ngự trị khắp ngàn không!
Vì có ta thì đâu có sự bất công,
Sinh nhân loại, người giàu bên kẻ cực!

Thiếu phụ:
Con em khát sữa khóc dài canh,
Trên chiếu, ba con bệnh chẳng lành!
Trời gió bốn bề, mưa tạt lạnh,
Phật tử xin cứu kẻ mày xanh!

Phật tử:
Ta chỉ biết đau lòng xem nàng khổ,
Và uống lệ nồng tràn ngập mặt từ bi.
Và cứu nàng. Ta cầm đủ quyền nghi,
Thì muôn vật còn đâu hàng lệ đỏ!

Thiếu phụ:
Con đường cứu khổ vẫn mung lung,
Muôn vật còn nghiêm vẻ lạnh lùng.
Trước cảnh khổ, lòng em muốn gọi,
Gọi lòng ai được, hỡi thi nhân?

Thi nhân:
Lên tiếng gọi, nàng ơi lên tiếng gọi,
Mảnh sức thừa CHIẾN ĐẤU với trường nguy.
Còn chút hơi, nàng thêm vẻ cường uy,
Để tự cứu trước khi cầu nhân loại.

VẠN THẾ HÙNG

Báo *Nhành lúa*,
số 9, 19–3–1937.

TÔI Ở TÙ

(Phóng sự)

Sáu năm trời trong nơi tù ngục. Sáu năm phải vật lộn với những cái thiếu thốn, cái khổ sở để sống.

Đến ngày nay sống được, thoát được nơi lao lung trở về, trách nhiệm tôi buộc tôi phải kể lại để cống hiến chị em, anh em.

1. BƯỚC ĐẦU

Thế là tôi phải vào nằm trong Sở Liêm phóng.

Hôm đó, 19 tháng 3 năm 1931, vào hồi 3 giờ, tôi đang cùng một người bạn ngồi trên gác đọc cuốn *Đông – Tây vĩ nhân* thì sình sịch 2 chiếc cam nhông đỗ trước cửa. Chưa kịp hãm hẳn máy, trên xe nhảy xuống hơn chục người vừa Tây vừa Nam, sồng sộc chạy vào trong nhà, kẻ súng lục, ba toong, người xích khóa, thái độ rất hung hăng.

Thôi, chắc là công việc bại lộ rồi! Tôi tự nghĩ.

Qua những chí nghĩ rối bời, tôi thoáng thấy trong óc hiện ra cái cảnh nhà tù với những gông cùm xiềng xích ghê sợ của nó.

Ngay từ lúc mới bước chân vào trường chính trị, tôi đã yên trí rằng đời tôi rồi thế nào cũng phải kết quả bằng cái ngày nay.

Cái ngày nay đã đến, tôi không thấy gì làm lạ lùng nữa. Tôi thản nhiên với nét mặt vững vàng cương quyết, vì dù sao thì cũng chỉ đến chết là cùng. Nhưng mọi người trong nhà tôi thì hốt hoảng khủng khiếp như đàn gà con thấy bóng diều hâu. Mấy đứa em nhỏ tôi vừa kêu khóc, vừa chạy lại núp sau lưng bà tôi, tôi phải an ủi chúng nó:

... Các em đừng khóc nữa, các ông đây có làm gì các em đâu.

Tuy ngoài miệng nói như thế, nhưng nghĩ đến cuộc phân ly sắp đến, tôi cũng thấy tan lòng, nát ruột. Thầy tôi hình như cũng đã hiểu

việc gì rồi nên trông tôi bằng con mắt nửa thương nửa giận. Mọi người đương nhốn nháo, ngơ ngác thì một tiếng quát to:

– Đứng im, ngồi im, không quan lớn bắn, lời người cẩm chỉ huy cuộc bắt bớ.

Đương cười đùa vui vẻ bỗng diễn nên cảnh tượng lo âu ghê sợ, cả nhà hình như không ai rõ nguyên nhân gì, thấy lời quan truyền, đành cũng phải tuân theo, không hề cử động nói năng.

– Nhà chúng tôi làm gì mà các ông đến...

Chưa kịp hết lời, tôi đã bị những cái tát, những cái đá, những cái vụt túi bụi vào khắp mình mẩy, đầu, mặt mũi, chân tay.

Tôi vừa muốn tỏ lời phản đối thì... Lập tức tôi bị bịt mồm, bị xích tay và khám túi, đồng thời các ông chia nhau lục soát nhà cửa: giường chiếu lật tung, bàn ghế lổng chổng, mất hết trật tự hàng ngày.

– Chìa khóa tủ đâu?

– Chìa khóa bà chủ cầm đi...

Cùng chịu số phận như tôi, thầy tôi mới ốm khỏi cũng bị những cái đấm, cái đá, cái vụt hữu ý của những người làm không suy xét.

Lạ thực! Hỏi, người ta đánh, trả lời người ta đánh, làm cách nào tránh được. Im ư!... Cũng không được.

Rồi kết quả không cần đến chìa, người ta lấy thanh sắt mỏng lùa vào trong khe cánh cửa tủ bẩy khóa, lục lọi tìm tòi.

– Bẩm quan, hai tờ truyền đơn, ba quyển sách cấm, hai tờ báo cộng sản.

– Cái này của ai? Vừa hỏi, ông cẩm vừa giơ lên.

– Của tôi.

– Mày làm gì mà có?

– Tôi có, vì tôi muốn biết những điều cần ích mà một người dân Đông Dương phải biết.

– À! Tên mày là gì?

– Trần Phong.

Rồi, sau một cuộc tịch biên tài liệu, sách vở, sau một trận đòn thứ hai nữa để trừng phạt những câu trả lời hỗn xược và để dọa nạt những người chung quanh. Thầy tôi, người nhà tôi và tôi, tất cả bốn

người bị xích, lần lượt kẻ trước người sau, xuống dưới nhà, đưa lên ngồi trên cam nhông, bỏ mặc mấy đứa em tôi còn nhỏ dại với cái cửa hàng vừa bị giầy xéo tan hoang.

Cảnh tượng một nhà vừa bị mất cướp diễn ra trong gia đình tôi.

2. GIA ĐÌNH VÀ NGHĨA VỤ

– Ai đấy? Ai mới vào đấy? Câu hỏi của mấy anh em bị bắt trước.

– Tôi, tôi vừa bị bắt tình nghi!

– Tình nghi về Quốc hay Xẻng [1].

– Xẻng.

– Anh phải cẩn thận nhé. À, quên! Chúng mình nói chuyện gọi tên nhau hay gọi số buồng không tiện... Vậy chúng tôi đặt tên cho anh là Học Sinh nhé. Hễ anh có cái gì cần hỏi thì anh cứ gọi tôi, Thành Hoàng số 7, anh số 6 Chúa Dịch, anh số 9 Thổ Thần, hay anh số 10 La Hán.

Rồi các anh kể chuyện các anh bị bắt, kể những cách tra tấn dã man, cũng dặn dò tôi cách khai cung để tránh những mánh lới quỉ quyệt trong lúc đòi hỏi...

Tôi nghe xong, rồi tôi không rõ vì cớ gì, thở dài, nằm vật xuống sàn, cái sàn nhỏ hẹp vừa một người nằm.

Mùi hôi khai xông lên khó chịu quá.

Mỉm cười, cuộc đời thay đổi chóng thật. Vừa rồi, ta hãy còn ở trong gia đình: nào cha mẹ, anh em, bè bạn, nhà cửa rộng rãi, đường phố thênh thang, khách qua đường rộn rịp, xe cộ như mắc cửi. Sao bây giờ 2 chân cùm, 2 tay xích, nằm trên chiếc sàn xà lim bẩn thỉu hôi thối, tầm con mắt không thoát được ra khỏi phạm vi cái buồng con, cái buồng tiêu của cái nhà trung bình, chung quanh ba bức tường với cánh cửa sơn hắc ín, tai văng vẳng nghe bên ngoài tiếng trẻ con khóc.

Kỳ quá! Lúc mới vào cái buồng tối đen như mực, ngồi một lúc thấy sáng dần lên. Nhìn lại mình, hai tay áp chặt làm một; giơ tay lên, tiếng xích kêu sủng soẻng, thử co chân lại, 2 ống chân bị hai mắt cùm giữ chặt.

---

1. Tiếng đặt ra để chỉ Quốc dân đảng hay Cộng sản.

Óc tôi bây giờ rối loạn, tôi không chỉ huy nổi tôi nữa, tôi không nghĩ thành một việc gì nữa, tôi ngồi lên, tôi lại nằm xuống.

Ôn lại những phút vừa qua, tôi thoáng thấy trong trí nhớ những hình ảnh dữ tợn với những con mắt cú vọ như thôi miên dọa nạt người thiếu tinh thần can đảm với cảnh tượng nhà tôi trong lúc khám xét.

Một con rệp đốt vào mang tai như xua đuổi cái ý nghĩ lo âu ấy.

Tiếng chìa khóa sủng soẻng mở cửa xà lim bên cạnh. Tôi ngồi im nghe ngóng. Tưởng tượng đến những cảnh tra tấn mà tôi thường nghe nói, tinh thần tôi hơi rối, trống ngực tôi đập mạnh.

Tiếng kêu trên phòng tra không dứt. Lắng tai nghe, tôi cố nhận lấy những câu hỏi, câu trả lời, nhưng thất vọng vì tiếng quát tháo ầm ĩ làm lấp cả.

Tiếng thở dài trong tâm can tôi bật ra, cái ý nghĩ về gia đình lại trở lại.

Có lẽ cha tôi, người nhà tôi bị tù cả chắc? Vô lý, nhưng biết đâu, cường quyền át cả công lý, ai phân lý với lẽ cho người hèn yếu. Khổ tâm thật, chắc là ông cụ cũng bị cùm xích như mình.

Cửa ghi sê mở, ngẩng lên nhìn. Một mảnh ván ngang độ mười hai phân đầu có một cái "lập là" đưa vào. Hai tay xích vội đưa ra đỡ. Để chiếc lập là cơm lên lòng, thò tay lên nhấc nắm cơm. Cơm ướt như vôi hồ, để lên mũi, hôi và nồng, mùi hôi lại thêm đất cát, mùn gỗ ở chiếc lập là "quá sạch" kia dính vào. Nhìn đến thức ăn: một dúm tôm diu trộn với ít rác, cỏ.

– Anh Học Sinh ơi! Anh có ăn được cơm không? Nếu thừa cho chúng tôi nhé.

– Không ăn được các anh ạ, để tôi gửi cả cho các anh.

Muỗi rệp thay phiên nhau đốt. Tai ác nhất là hễ nằm nó chui vào đốt lưng. Tay bị xích, lưng ngứa không gãi được.

Nhưng hoàn cảnh bó buộc, rồi tự nhiên cũng hết ngứa.

Đến giờ ỉa đái, người này vào, người kia mới ra. Anh Thành Hoàng đi ỉa chưa kịp vào, thấy tôi ra anh hỏi:

– Có phải anh là Học Sinh đấy không?

– Phải.

– Này! Sao anh ít nói chuyện thế? Phải nói chuyện cho vui, nên

chú ý đừng nghĩ gì về gia đình nhé, nếu nghĩ nhiều tinh thần sẽ nhu nhược, người ta cứ nhằm vào cái yếu của mình mà tra hỏi thì công việc hỏng bét, anh em khác sẽ bị bắt, mà anh thì tù nặng đấy.

– Mau lên vào đi! Tiếng quát của người gác.

Chạy vội ra uống một hụm nước cầm hơi, rồi lại chạy vào xỏ chân vào cùm.

Được mấy lời kinh nghiệm anh Thành Hoàng trao cho, tôi phấn khởi bỏ những ý nghĩ về gia đình và hối hận về những cái sai lầm vừa qua.

Tinh thần tôi đang bị cái tư tưởng gia đình nó lôi kéo thì nay đã trở lại. Tôi sắp đặt khẩu cung. Tôi tìm tòi những lý do để tự phấn khởi, để phê bình tôi.

Tôi suy nghĩ, nhưng... cái suy nghĩ khác trước.

Tiếng đập cửa xà lim ầm ầm.

– Dậy! Dậy! Giơ tay lên, quan đi rỏn.

Cửa ghi sê mở, ánh sáng đèn pin chiếu vào xem cùm xích có ở tay chân không?

Ấy thế, rồi buồng nào người ta cũng đi, cũng kêu giọng như vậy, 9 giờ, 10 giờ, 11 giờ đến 4–5 giờ sáng, tôi hai chân duỗi thẳng, hai tay bó vào nhau, cứ ngồi, ngồi để nghe những cái thở dài của những người giàu tình cảm lãng mạn, nghe những tiếng giun, tiếng dế bên ngoài, nghe những tiếng xe cộ lộc cộc ngoài phố, ngồi để đập những con muỗi, con rệp nó đốt, ngồi để ngắm mấy bức tường đen hắc ín và để tránh những tiếng gọi giật giọng lúc quan đi rỏn.

3. CÁI LỖ BÍ MẬT

Tôi lim dim nằm thẳng cẳng, tê cả người, tay không thể nhấc lên được. Giờ mình thì đau, nó đau một nửa mình bên trái – kết quả của một trận đòn xoàng sáng hôm nay – tôi chỉ đành rên khe khẽ và thỉnh thoảng tặc lưỡi nói một mình: "kệ cha nó, sợ đếch gì!". Rệp mặc kệ! Rét, mặc kệ! Đau, cũng mặc kệ! Mặc kệ cả những con chuột ranh nó cứ thì thụt gặm chân nữa; cả những con thạch thùng ham mồi rơi từ trên trần xuống bụng mình đánh đét một cái, cũng mặc kệ nốt! Mà nói cho đúng thì không mặc kệ cũng không được. Tay đã

xích, chân lại cùm, mình thì đau, làm thế nào được. Buồn cười! Khi con thạch thùng nó đương ở lưng chừng rơi xuống mình tôi, tôi sợ quá, tôi vừa kịp rú lên một tiếng à thì nó đã lăn kềnh ở trên bụng tôi rồi. Nguy quá! Tôi bèn – lạ! Lúc đó không thấy đau – quay lưng ra và đồng thời phình bụng một cái thật mạnh để hất con vật khốn nạn ấy vào tường. Thế mà nó bám sát luôn vào vách và bò được rồi. Hú vía! Nhìn theo nó bò mà buồn cười. Tôi còn nhớ, tôi có nói một câu pha trò một mình: "Thế ngộ mày không rơi trúng vào tao thì mày có chết bẹp không". Nó ngó ngoáy vài bước rồi dừng lại, đứng một lúc rồi lại ngó ngoáy vài bước. Tôi sì một tiếng thật mạnh để đuổi nó đi thì thấy nó chui tuột vào trong một cái lỗ ở liền ngay đầu giường. Gợi tính tò mò, cái lỗ ấy nó bắt tôi phải giơ hai cái bàn tay khóa lên, rút ra một viên gạch to gần nắm tay. Thì ra một cái lỗ nhẵn thín, dường như người ta đã cho tay qua lại nhiều lần rồi thì phải. Thú quá! Tôi khẽ hỏi ai đấy? Ai ở bên ấy thế?

Dứt lời có tiếng đáp lại ngay: – L đây, N đấy có phải không? Thế nào mà me sừ thạch thùng, sừ ấy lăn kềnh ngay vào giữa bụng mình thôi. Đấy! Rồi sừ ấy bò qua bên ấy đấy, có còn nom thấy nó không bác? May, cũng vì nó mà chúng tôi có duyên với cái lỗ này đấy bác ạ.

Không thấy hắn nói năng gì, mà chỉ thấy rặt những cười, tôi hỏi:

– Cười gì mà cười ghê thế?

– Cười con thạch thùng của chúng ta, anh vừa nói vừa "hà, hà" nó cũng vừa lăn vào bụng tôi xong, đương nhịn cười không được thì thấy bác cũng thế. Thế rồi anh cười sằng sặc, khiến tôi cũng cười theo, cười đau cả bụng. Mà nghĩ buồn cười thật. Hai chúng tôi đương thi nhau khúc khích, thì chợt có tiếng thình thịch: "Cười con c... gì mà lắm thế? Ông lại vào ông dần cho chúng mày một mẻ bây giờ".

Thấy thế, đã không im thì chớ, nhưng tôi lại buồn cười già. Tiếng ở ngoài lại quát tháo lên, và có vẻ "anh chị" hơn: Con chó! Bảo không được à? Muốn cười sao không ở nhà mà cười? Xà lù!

– Đừng có láo! Thình lình một tiếng cự lại đầy sát khí, nghe bướng bỉnh và oai nghiêm, ở đâu về phía buồng anh Thành Hoàng bay ra thì phải. Có giỏi thì mở buồng này xem nào?

– À! Giỏi. Được rồi! Mai mày sẽ biết. Cái tiếng "anh chị" ở ngoài lúc này lẻ loi như vậy rồi đánh bài lảng.

4. ĐỜI BỎ

Tôi với anh L. vẫn không thể nhịn được cười, xong cười nhỏ, cười khìn khịt một mình thôi.

Hết cười. Anh L. lên tiếng. Thế nào, N có tiếc đời không?

– Cái gì? Tôi hỏi lại.

– Tiếc đời không? Anh dằn từng tiếng một để cho bạn dễ nghe...

– Tiếc... tiếc đời ấy à?

Tôi chưa kịp trả lời thì anh đã:

– Năm nay bác bao nhiêu tuổi rồi? Tuổi ấy à? 20 chẵn.

Này, chúng mình thế nào cũng bị, thế nào cũng tù. Chưa biết chúng nó ních anh em mình bao nhiêu năm và rồi tống chúng mình đi đâu đây.

– Chỉ độ năm năm là cùng, chớ gì. Truyền đơn, cờ đỏ thì mấy?

– Cũng chưa biết chừng. Bây giờ là thời kỳ khủng bố, biết đâu được.

Sịch, có tiếng động ở buồng bên, anh suỵt ra hiệu bảo thôi, thong thả. Chừng năm phút sau, thấy có 3 tiếng cộc, cộc, cộc, gõ ở tường, biết là hiệu anh gọi, tôi liền gõ hai tiếng: cộc, cộc, nghĩa là biết rồi.

Tôi vừa quay vào cái lỗ thì thấy ở đó tùn, tùn ra cái gì đen đen, bong bóng. Tôi chưa dám sờ vào thì đã thấy tiếng anh nói: "Rút ra! Rồi sực đi!" Tôi kéo ra xem cái gì, thì ra bánh dầy giò anh em ạ. Vừa bóc vừa hỏi: "Ở đâu đấy!" "Ai cho đấy?" vừa ăn...

– Ăn có ngon không? Giọng nói có vẻ nhồm nhoàm, anh hỏi:

– Hôm nay đói, ăn thấy ngon lắm. Này của mẹ đĩ gửi vào phải không?

– Cũng chẳng biết có phải hay không, cứ thấy là chén đã.

No nê rồi, tỉnh táo lại chút rồi và hình như người thấy nhẹ nhàng, thấy bớt đau chút rồi, tôi nghĩ bụng và nói với anh: "Này bác! Ăn xong hình như thấy khỏe thêm thì phải? Bác có thấy thế không hả? Cứ như bây giờ, tôi tưởng tôi còn có thể chịu nổi được dăm bảy trận đòn nữa".

– Này, còn nhiều, còn phải qua mấy cửa ải nữa, chưa hết đâu. Nhưng dù có muốn làm nem, làm chạo gì nữa cũng mo phú.

Đời chúng mình, đời bỏ cần đếch gì. Anh nhấn mạnh hai chữ "đời bỏ", "đời bỏ" nghe có vẻ căm hờn và cương trực là nhường nào. Chính tôi, tôi đã chịu ảnh hưởng ở hai chữ đó của anh lần thứ nhất.

5. RẮC RỐI TƠ...

Nằm mãi một mình thì mỏi, mà giở mình thì đau. Tôi đương nhăn mặt thì thấy anh L gọi nhỏ:

– Này, N ơi! Nó giã có đau không?

– Đau. Thật quá sức tưởng tượng. Này thằng Ro ấy mà! Đểu ghê! Thế mới biết quân dã man thật! Thoạt vào, nó ra oai, giở ngay bốc ra cho mình một cái quai hàm bắn vào xó tủ đánh rầm một cái, bươu cả đầu.

– Thằng ấy nó cũng cho mình nếm hai cái tát "xiếc", ù tai, hoa cả mắt lên đấy, đểu thật. Ấy là mới sơ qua, thử một buổi đầu thôi đó.

Chúng tôi đương to nhỏ thì ngoài cửa có tiếng hỏi: có ai là tên N không? Chẳng biết lành hay dữ, tôi cứ thưa bừa đi: có, có, nhà N ở đây.

– Này, có người nhà gửi cho quần áo, diêm thuốc, quà bánh đây này. À! Mà người nhà tên là gì? Có phải thật không hay là bộp đấy? Người nhà tên gì?

Tôi còn đương đoán: "Mẹ mình chắc? Không có lẽ. Em? Cũng không phải. Hay là chị? Cũng không, vì đã có ai biết mình phải bắt", thì tiếng ở ngoài hỏi giật giọng:

– Mau lên, tên là gì? Tây nó biết thì chết cả nút bây giờ. Thấy họ có thái độ gắt gỏng như thế, tôi phải cố ngồi dậy hỏi rất lễ phép:

– Thưa cụ, người ấy ăn mặc như thế nào ạ?

– Con khẹc của anh gửi cho anh đấy. Phải nói: tên là gì; làm nghề nghiệp gì hay buôn bán gì, ở đâu, ở đâu... thì tôi mới tin được chứ!

– Nhưng mà thưa cụ... (chỗ này tôi ấp úng, khó nói quá, vì tính tự nhiên của tôi đã là cả thẹn rồi) thưa cụ có lẽ không phải của anh còi ạ.

– Thì bà ấy ở ngoài bảo gửi vào cho ông mà (lúc ông, lúc anh, họ gọi tôi lộn xộn lắm). Thế có phải tên ông là N. không?

– Vâng, N phải.

– Mà nhà anh ở đường N. N?

– Vâng phải, N. N.

– Thế còn gì nữa?

– Nhưng mà thưa cụ tôi làm gì có vợ.

– Ồ! Thế mới rắc rối tôi chửa. Thôi để tôi ra hỏi lại xem sao đã.

Thế là người ấy quay ra không nói năng gì nữa, tôi chỉ còn nghe thấy những bước chân sột soạt trên sỏi đằng xa xôi.

Khỉ, không biết ai? Không biết có phải của mình không? Mà, chắc là không phải. Mình làm quái gì có vợ? Cái ông lão ấy rõ khéo chửa! Quanh quẩn bằng ấy câu tôi cứ tự hỏi rồi lại tự trả lời, rút cục tôi quả quyết cho là không phải của mình. Vừa toan đặt mình xuống nằm thì đã thấy cửa mở: "Này! Này! Lại tiếng của người lúc nãy, phải rồi; thôi bắt lấy nhé, rõ chỉ làm tội người ta".

Thế rồi qua cái lỗ vuông nhỏ ở cửa, tay người ấy quăng vào lòng tôi ba gói tướng. Họ dặn: "Phải cẩn thận đấy nhé, giấu khéo đừng cho nó thấy đấy nhé".

– Vâng ạ, vâng ạ, lúc đó phân vân quá, tôi thật chỉ có biết vâng ạ, chẳng biết gì nữa.

Ông già ấy quay ra còn với một câu mà tận đến bây giờ tôi vẫn nhớ từng câu một: "Thế mà còn chối".

Sự thực thì mình có chối đâu mới khổ chứ.

Ôm gói quà ngồi nghĩ vớ vẩn một lúc có đến 10 phút.

Sau thấy đói quá, tôi mới dun gọn những thứ ấy vào một bên, rồi từ từ đặt nhè nhẹ cái mình xuống nằm như cũ. Bấy giờ mới sực nhớ ra rằng đã 2 hôm nay mình chưa được một hơi thuốc nào. Đốt luôn hai điếu, một điếu đưa sang cho anh L còn một điếu phần mình.

Kéo một hơi thật dài. Mắt tha hồ mơ mộng. Say.

6. TRẠNG THÁI TÂM LÝ

Vừa đúng năm ngày năm đêm.

Ở Sở Liêm phóng bẩn thỉu là như thế, cực khổ là như thế, mà riêng tôi với anh L vẫn còn có lúc cười. Cười trận này sang trận khác. Chúng tôi hình như bấy giờ dễ cười lắm. Bất cứ cái gì chẳng ra gì cũng cười được. Cười với cả cái lỗ cửa sổ hình tam giác nhỏ xíu ở trên trần, cho tới cả cái bộ râu chổi của ông Chánh mật thám! Mà chính ông ta, trong năm ngày, không một ngày nào là không lôi

chúng ta ra "giã" hai lần! Cứ như thế hết lần này sang lần khác, vừa đúng 10 lần. Thế mà còn chưa đâu vào đâu đấy! Trong các độc giả chắc có người không tin, và cho tôi là dóc, tôi vẽ rắn thêm chân, tôi bịa đặt, tôi điểm cho nó vui tai, chứ vị tất đã cười thực, lại không khóc là khác. Nhưng không, thật quả không ạ! Sự thực là như thế đó. Thì ngay cạnh buồng tôi, có một anh tên là S, nom người cũng đến ngoài ba mươi chớ còn ít ỏi gì, cứ ti tỉ khóc cả ngày, hết xỉ mũi lại kêu trời; hết kêu trời lại gọi vợ, gọi con, rồi vật mình vật mẩy, nhất là khi "ngài" bị đi "ăn cỗ" (bị tra tấn) về, thì trời ơi! Vô phúc cho một thằng nào trong hai chúng tôi mà nom thấy "ngài" đã mếu máo – người lớn mà mếu thì buồn cười thật, mếu máo ngay từ ngoài rồi. Chúng tôi thì đau có, tức có, buồn cũng có, nhưng đã trông thấy anh ta khóc "Trời ôi là trời! Hự! Hự!..." thì không thể nào nhịn cười được. Có người cũng dáng chừng sốt ruột, gọi anh ta an ủi: "Này bác S ơi, khóc lóc làm gì bác, khóc nó có thương bác đâu mà khóc". Anh ta đã chẳng thèm nói trả lời mà lại còn khóc to thêm: "Ối trời cao đất dầy ơi! Bây giờ nó (vợ) làm ăn gì được mà nuôi con hở trời. Trời có mắt hay không hở trời? Ôi đau quá! Đau thế này thì sống làm sao được hở trời? Ối u thằng Búa ơi!... Cả ôi!..." Anh ta đọc tên vợ ra kể lể con cà con kê, hình như muốn phân trần cái nỗi oan ức của mình với người yêu tưởng đâu như đứng trước mặt. Người lúc nãy tức mình tỷ cho một câu: "Vợ con đếch nào ở đây mà gọi. Khéo "tàng tàng chửa!". Bị ba tiếng "tàng tàng chửa" anh S cũng tức mình trả lời: "Rõ khéo cái anh nào đó! Tôi gọi vợ tôi chớ vợ anh đâu mà "tàng tàng" với chả "tàng tàng" ". Hai tiếng "tàng tàng" vừa dứt thì ba, bốn, năm buồng gần đấy đều cười rộ cả lên một lượt. Chúng tôi, anh L bây giờ mới biết rằng à ra, chẳng riêng gì mình, anh em họ nhiều người cũng vui cười như mình cả. Rõ chán! Cái khóc, cái cười cũng sợ không hợp thời. Lố thật! Từ bấy giờ trở đi, được thể chúng tôi cười dầy.

Tôi thì hay cười, mà anh L thì lại hay pha trò, thành thử buồng tôi với buồng anh lúc nào cũng thấy có chuyện ít khi yên lặng được năm phút. Chuyện đến nỗi cái anh "khóc ban nãy" phải nói bâng quơ rằng: "Sung sướng lắm đấy mà còn cười" hay là: "Sao mà lại có những người như thế không biết". "Khổ không biết rằng khổ" hay là: "Coi rồi mà chẳng cười chán! Coi rồi mà chẳng được..."

"Thì đến tù là cùng chớ gì", thình lình anh L đâm choàng ngay vào một câu, rồi chấm hết bằng một cái cười "hè hè" nghe nó hơi ai oán.

7. CƯỜI QUÊN CẢ KHỔ

Từ khoảng tám giờ sáng trở đi là tôi – mà hình như ai cũng thế thì phải – không thể nào nằm yên được nữa. Phải ngồi. Ngồi chờ mở cửa. Mà trong khi ngồi chờ mở cửa thì làm gì? Ngắm cho kỹ cái đôi "xuyến" ở tay xem thế nào, xem nó có vừa không; nghiên cứu xem vì cái gì mà rát thế? Làm sao mà nó làm mình phồng cả da và tím cả thịt lại? Xem hết tay rồi lại xem đến chân. Chân. Phải. Nếu mà ở đó có nhiều người nằm, thì có lẽ tôi không nhận ra là chân tôi chắc. Chân đâu mà mới từ hôm qua đến hôm nay đã thấy khác hẳn ngày hôm kia rồi, chân gì mà to tướng, mà đi dít dằng dịt những hoa là hoa. Sờ vào thì thấy nó hơi phồng phồng, nom thật như cái chân bằng cao su mà người ta đã bơm hơi vào ruột nó vậy. Thì ra nó đã tê đi từ bao giờ mà tôi không biết, nó bị dồn máu xuống nên sưng lên, tím lại mà tôi không hay, nó đã hiến cho mấy nghìn con rệp, con muỗi một bữa túy lúy mà tôi cũng chẳng tường. Ngay lúc đó tôi cũng còn ngờ ngợ "chả có lẽ quết trầu ai lại nhổ bắn lên chân mình bao giờ thế này...". Mà thực, nó y như cái bàn chân người lên đậu.

Nhìn hết hai bàn chân, rồi lại nhìn lại hai bàn tay. Cảm, bây giờ tôi mới cảm thấy tôi thương tôi. Thương mình bao nhiêu thì cái đời trưởng giả xưa của mình tôi thấy nó lần lần hiện ra trước mắt nhiều bấy nhiêu. Mắt tôi đương không muốn chớp thì chợt tiếng anh L đập vào tai:

– N. ơi!

– Ơi! Gì đó? Tôi vừa buông mồm xong thì cái tấm màn buốcdoa đeo ở mắt tự nhiên tan mất.

– Thức hay ngủ đấy?

– Thức đây, gì thế?

– Này. Cho mượn cái bộ râu chổi đi nào.

Ừ, sắp tới giờ rồi đấy. Lát nữa nhé, lát nữa lên nếu có ngứa ngáy thì cứ cầm nó mà đi nhé!

Ừ...

Thế là chúng tôi lại bắt đầu cười, cười quên cả khổ.

8. ĐI LĂN TAY

Cái giờ ấy là cái giờ đáng sợ nhất, ai cũng phải sợ.

Gần cái giờ đó thì chỉ có việc ngồi mà ngong ngóng, chỉ việc ngồi mong sao cho cái cửa nó mở tong ngay ra, rồi một người mặt mũi gớm ghiếc hùng hục, xông vào sấn lấy cái cùm, tháo, rồi buông một tiếng: "Đi! Đi!" cái tiếng đó mới ghê làm sao. Nó làm cho người ta – những ai đã bị qua một ngày – hiểu ngay rằng đi đâu, rồi làm sao, làm sao rồi. Đi tức chỉ là đi "ăn cỗ" chứ chả còn đi đâu nữa.

Biết rằng đi là phải đi đến chỗ chết mà vẫn mong được đi ngay cho thoát tạm cái nợ một ngày, hay nói cho đúng, cho nó xong quách đi một buổi.

Mong thì mong thật đấy, nhưng sẽ thấy "sịch" một bước, hay "cạch" một tiếng thì ôi thôi! Hết hồn! Hết hồn! Hết vía!

Thế mà thình lình lạch cạch, loảng xoảng, inh ỏi như có hai, ba người sắp vào. Hết hồn! Tôi đương lắng tai nghe, và trống ngực đương thi nhau khua rối rít thì thấy ở ngoài có tiếng người nói:

– "Khám này phải không! – Phải, hai khám ấy; khám ấy với với khám kia, khám kia".

– Chiếc chìa khóa đã chui vào nằm trong ổ và đã vặn đi hai vòng rồi, mà cửa vẫn chưa thấy mở. Sốt ruột quá! Tôi thì sẵn sàng đâu vào đấy cả, ngồi rất ngay ngắn (ngay ngắn để đề phòng khỏi phải bị sây sát trong khi người ta, tạm cho là giải phóng một lát cho cái chân mình). Phút định mệnh! Lo!

Đương lo thì cửa mở, ánh sáng ùa vào chói cả mắt. Hai người chẳng nói chẳng rằng, săm săm vào đè lấy cái cùm, rồi một người đứng coi, còn một người đi mở buồng khác.

Tôi yên chí rằng: "Mình sẽ đi lối này. Sẽ rẽ đi đằng kia, sẽ vào cái buồng hôm qua, rồi sẽ được hân hạnh tiếp ông Chánh "râu chổi" lần nữa, rồi sẽ thấy cái gân bò đầu quấn dây thép nó múa, cái quả "phật thủ", cái "nải chuối mắn" nó reo, và cái "móng giò lợn đen nó nhảy". Tôi chưa bước xuống đất, thì người ấy đã giục ra, rồi trỏ một chỗ ở ngoài cửa, bảo đứng đấy. Thấy khác cách thức mọi ngày, tôi sẽ hỏi: "Thưa ông, bây giờ đi đâu ạ!"

– Không được nói, đứng đấy. Đi đâu rồi sẽ biết, người ấy lãnh đạm buông một câu như vậy.

Khi người ta lấy ra đủ 5 người thì chúng tôi được lệnh "đi". Tôi nhận thấy trong số đó có cả anh L, anh K, anh G, anh Đ, và tôi.

– Đi sắp hàng hai cho tử tế vào! Lệnh của ông đội lại dõng dạc chỉ huy một lần nữa.

Được dịp tôi hỏi luôn: "Thưa ông đi đâu ạ? Đi lối nào ạ?"

– Đi thẳng, đi lăn tay.

Lăn tay! Hai tiếng đó, bấy giờ đối với tôi lạ lắm, tôi không hiểu lăn tay là cái gì. Tôi lại cho rằng đi để cho người ta đả vào tay mới chết chớ!

Tôi khẽ hỏi anh L: "Lăn tay, nó là thế nào bác?"

Anh ta phì cười vừa nói vừa ra hiệu:

– Làm empreinte đấy mà, thế này... thế này ấy mà, ở nhà đo.

– À thế mà mình cứ tưởng...

Thế là chúng tôi lại cười, cười mãi.

9. VÀO NHÀ PHA

Hôm ấy là 11 tháng một năm 1929.

Ở "săng tan" khi người ta đã lấy khẩu cung rồi, khi người ta dùng hết phương pháp tìm sự thật rồi, và sự thật người ta cho rằng thấy rồi, thì người ta mới đưa chúng tôi ra đo, đem chúng tôi đi lăn tay, đem chúng tôi đi chụp hình, rồi bắt chúng tôi khai lại tên tuổi, bố, mẹ, vợ, con, anh em, nghề nghiệp v.v..., rất kỹ lưỡng rồi mới giao sang tòa, giao sang quan dự thẩm. Ở tòa lại lấy khẩu cung qua lại một lượt nữa rồi mới giải về nhà pha. (Như thế chưa phải là xong, chúng tôi chưa thành tội còn phải đi đi lại lại nhiều lần với quan dự thẩm).

Tôi còn nhớ hôm đó về buổi chiều, người ta vào điệu chúng tôi ra xích hai người một. Tất cả 19 người thành một dây giải. Trong đó có 5, 6 người can phạm về việc khác. Tôi với anh L xích cùng một khóa.

Vừa ló đầu ra khỏi cái cổng kinh khủng nhà "săng tan" thì đã thấy lũ lượt một đám đông đàn bà, các cô, người nhà đứng chầu chực từ bao giờ ở đó rồi. Tôi chẳng nhận được ai ra ai cả, chỉ thấy tay là tay, những mồm là mồm, vì ai cũng há mồm gọi và ai cũng vẫy lấy

vẫy để, vẫy để cho người nhà mình thấy mình, song chết nỗi, có được nhìn nhau ở đâu. Người ta cấm ngặt không cho lại gần nhau kia mà. Chúng tôi thì bị thúc giục phải đi mau, đi mau hơn lính tập, hớt hơ hớt hải, mếu máo, khóc lóc như một lũ người điên. Mà điên thật! Trước cái cảnh mất con, mất mẹ, mất vợ, mất chồng, mất anh em, mất bà con thân thuộc.

Tôi thoáng thấy dáng mẹ tôi đằng xa xách một gói, ý chừng gói quà, đầu tóc rũ rượi, quần áo lôi thôi lốc thốc, mẹ tôi chạy theo khóc và gọi: "Con ơi! Con ơi!"

Tôi bấy giờ thấy buồn, buồn lắm, tôi đã gần muốn khóc, vì tôi thấy ai cũng như khóc cả, mà họ khóc thực chả còn "hình như" "hình nhiếc" gì, trừ ra có 4 người lính giải chúng tôi là không kể. Họ đã không ái ngại thay, không cảm động thì chớ, họ còn đểu giả, tàn nhẫn là khác. Bất cứ già, trẻ, ai mà lại gần chúng tôi là chúng vụt, chúng tát, chúng đá tung lên trời. Chúng quát tháo nạt nộ, chửi nhem nhẻm luôn mồm: "Con mẹ kia!... bước bên kia ngay!" hay là "Muốn sống thì cút", hay là "Ông lại cho.v.v..."

Có người thấy chướng tai gai mắt quá, họ nằn nì: "Thôi xin thầy, chỗ Nam quốc Nam nhân với nhau, thầy làm gì..." thì mấy "thầy" ấy sổ luôn ra một tràng: Nam, Nam cái con mẹ! Muốn tù hả?..."

Thấy tôi buồn, anh L có ý muốn làm cho tôi cười. Anh vờ bèn gãi gáy rồi sờ vào cằm, rồi liếc mắt nháy qua mấy "thầy" đó, ra điều rằng: rệp đốt ngứa, và muốn có một cái "bộ râu chổi" của me sừ sếp của mấy thầy cọ chơi.

Thế là chúng tôi lại cười được.

MẠC TỐ TỬ

Báo *Tiểu thuyết thứ năm*,
từ số 1, 18-3-1937, đến số 5,
22-4-1937 thì ngừng, sau không thấy
đăng tiếp ở các báo khác.

CA DAO CÔN LÔN

Tiểu dẫn. Chùm CA DAO CÔN LÔN, theo tác giả *Mạc Tố Tử* (Chúng tôi chưa biết tên thật và tiểu sử) trích trong tập *Luồng gió chướng* chưa xuất bản, được in trên *Tiểu thuyết thứ năm* số 3 và số 4 (1937), nói lên tâm sự và tình cảnh tù chính trị ở Côn Lôn.

*

* *

CẢNH TRONG BANH [1]

I. Nhìn bản đồ chữ S,
Thấy bán đảo Côn Lôn.
Nằm như cái dấu nặng (.)
Cảm thấy bao tâm hồn.

CÔN LÔN

Cùng thời sơ thủy lâu dài,
Trời xanh chim trắng liệng vài ba con.
Cỏ hoa càng ngắm càng buồn,
Ngày hôm nay vẫn như còn hôm qua.

II. Dấu nặng dưới chữ S,
Ấy là đảo CÔN LÔN.
Vùng vẫy ngoài khơi sức mỏi mòn,
Bước mãi tưởng chừng như đói rét.
Et, Ô Et "SOS" [2]

---

1. *Banh* là từ chữ Pháp bagne, nghĩa là nhà: Ngục.
2. *SOS* viết tắt của chữ tiếng Anh *Save ours souls*, nghĩa là *tín hiệu báo nguy.*

"SOS" mãi ai người,
Nhấp nhô gió đập, sóng vùi chiếc thân.
Côn Lôn xiềng xích dâng trời,
Bể khơi cá mập, rừng thời rắn trăn.
Ngoảnh vào: khám tối cùng banh,
Ngoảnh ra: cai, đội, lính canh lu bù.

Hôm kia đứng tựa cây bàng,
Hôm qua đứng tựa cái bàn lau ca.
Bây giờ tựa cửa tăm bua [1],
Lát nữa đã thấy đi ra cây bàng.
Ngày mai rồi lại cái bàn,
Lau ca, rồi lại cây bàng, vân vân...

KHÚC CHIA TAY

(Sau lớp ân xá thứ nhất)

Vang lừng ba hiệp rood front [2],
Kẻ thì ngoảnh lại, người trông theo hoài.
Tay đâm tua tủa lên trời,
Như giơ cho thấy cái lời biệt ly.
Rood front văng vẳng còn nghe,
Kẻ còn để dạ! Người đi ghi lòng.

THẾ LÀ XONG

Bè ai lơ lửng ngoài khơi,
Loanh quanh từ sáng sớm mai đến giờ.
Kìa thôi! Cà nốt [3] đã ra...
Gió ơi! Gió giết người ta còn gì.

1. *Tăm bua*, chữ Pháp *tambour* nghĩa là *cái trống*; Tựa cửa nơi treo cái trống dùng đánh hiệu cho tù.

2. *Rood front*: chữ Đức, nghĩa là *mặt trận đỏ*.

3. *Cà nốt*, chữ Pháp *canot*, ta gọi là *ca nô* hoặc *xuồng*.

ĐỜI TỘI TRỐN

Ngày ngày lặn lút chặt tre,
Chờ cho gió chướng thả bè... a lô!
May ra bè giạt tới thì...
Phúc thời bụng cá, rủi về cátsô.[1]

DỐC AN HẢI VÀ BÃI BẰNG

Côn Lôn sướng nhất là đây,
Sa rét [2] An Hải, kéo cây Bãi Bằng.
Sểnh: bỏ mạng, sệch: thân tàn.
An Hải sa rét, Bãi Bằng kéo cây.

CHỈ TỒN [3]

Chỉ tồn lụt cổ, lụt đầu,
Xe đá, vác thóc, dọn tầu, khuân khô.
Lặn xuống biển mò san hô,
Lôi thôi xay lúa, cát sô, đeo xiềng.

LẠC DANG [4] VÀ TỘI DỌN TÀU

Alô! Sao không có mẩn?
Me xừ, đui dơ [5] đã gần xon nê [6]
Cho về sửa soạn măng giê [7]
Măng giê con kẹc... a lê đi mẩn!

MẠC TỐ TỬ

Báo *Tiểu thuyết thứ năm*,
từ số 3, 1–8–4–1937, đến số 4, 15–4–1937.

---

1. *Cátsô*, chữ Pháp *cachot*, nghĩa là ngục tối.
2. *Caret*, chữ Pháp *charrette*, xe kéo ba gác.
3. *Chỉ tồn*, nơi tập trung tù để làm lao công bất kỳ khi bọn cai ngục cần.
4. *Lạc dang*, là từ chữ Pháp *gardien*, nghĩa là người giám thị.
5. Đui dơ, chữ Pháp *douze heures*, nghĩa là 12 giờ.
6. *Xon nê*, chữ Pháp *sonner*, nghĩa là hiệu lệnh báo nghỉ.
7. *Măng giê*, chữ Pháp *manger*, nghĩa là ăn. Ý nói là 12 giờ trưa đã gần đến lúc có hiệu lệnh cho nghỉ ăn cơm.

MADRID [1]

Đội quân quốc tế, ngọn cờ hồng,
Vô sản là ta, ta tấn công!
Giết lũ Frăngcô mà giữ lấy
Madrid, thành ấy, của ta chung!

Nhảy vào lửa cháy, vì nhân loại,
Vì cuộc tương lai của thế giới,
Là nghĩa hy sinh trong chúng ta,
Tiến lên! Ta đánh tan quân mọi!

Đổ máu, mặc dầu ta đổ máu,
Một tay ta kéo lấy da trời.
Một tay ta viết lên nền biếc,
Hai chữ "Hòa Bình", bằng máu tươi!

Đội quân quốc tế, ngọn cờ hồng,
Vô sản là ta, ta tấn công!
Giết lũ Frăngcô mà giữ lấy,
Madrid, thành ấy, của ta chung!

Tháng 5–1937
DƯƠNG LĨNH

Báo *Tin tức*, số 26,
số đặc biệt ủng hộ Hòa bình.

1. Xin đọc là Madri cho đúng luật thơ. Chú thích của tác giả.

THƠ VĂN
TRANH CỬ VÀO VIỆN DÂN BIỂU TRUNG KỲ

Tiểu dẫn. Khóa dân biểu do thực dân Pháp tổ chức năm 1933, đến năm 1937 hết nhiệm kỳ. Viện dân biểu khóa mới (1937–1941) được bầu vào tháng 8–1937.

Khóa dân biểu trước được bầu trong lúc địch điên cuồng khủng bố cách mạng, phong trào nhiều nơi bị đàn áp, tan vỡ, những người tham gia Viện dân biểu tuyệt đại đa số là những phần tử xấu làm tay sai cho địch.

Khóa bầu cử năm 1937 diễn ra trong điều kiện khác hẳn trước, phong trào quần chúng cách mạng do Đảng ta phát động đang lên mạnh mẽ, lợi dụng khả năng hoạt động nửa hợp pháp và hợp pháp, những cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ đã giành được một số quyền lợi thiết thực, buộc địch phải lùi bước, phải thi hành một số chính sách theo chương trình của Mặt trận nhân dân Pháp và yêu sách của quần chúng. Chủ trương của Đảng lúc này không phải là tẩy chay Viện dân biểu mà lợi dụng Viện dân biểu, tổ chức tranh cử và thành lập mặt trận dân chủ ngay trong Viện dân biểu, phối hợp đấu tranh trong Viện với đấu tranh quần chúng để đẩy lui địch và bênh vực quyền lợi cho quần chúng. Xứ ủy Trung Kỳ tổ chức lãnh đạo cuộc đấu tranh này theo chủ trương của Đảng giành thắng lợi rất lớn, làm cho địch bị hết sức bất ngờ.

Kết hợp vận động cử tri và quần chúng bằng các cuộc hội họp, tuyên truyền miệng, Xứ ủy mua lại báo *Sông Hương* của Phan Khôi đổi là *Sông Hương, tục bản* do Phan Đăng Lưu chỉ đạo biên tập, làm công cụ sắc bén, đắc lực trong cuộc đấu tranh. Cùng với nhiều bài *Xã luận, Bình luận,* Công bố *Chương trình tranh cử của Mặt trận,* một loạt bài *Văn vần* và *Tiểu phẩm* cổ động cử tri, tẩy chay bọn nghị gật chuộng hư danh, đả kích bọn buôn dân bán nước, vạch mặt chỉ trán những tên xấu xa, nhơ bẩn, đáng khinh nhất muốn được tái cử hoặc ra ứng cử lần đầu, để giành phần thắng cho các ứng cử viên của Mặt trận.

Sau đây là 11 bài *Văn vần* và 6 *Tiểu phẩm* đăng trên báo *Sông Hương, tục bản*, phục vụ cho cuộc tranh cử Viện dân biểu Trung Kỳ năm 1937.

MỘT CUỘC TUYỂN CỬ Ở TA

Ở xứ này, khi nói tuyển cử, người ta chỉ nghĩ là tuyển cử ông nghị, ông nghiệt vậy thôi. Hôm hội chợ Huế 1937 lại có một cuộc tuyển cử làm cho anh chị em bạn gái đất thần kinh phải nóng ruột. Ấy là cuộc tuyển cử một đóa hoa khôi ngon nhất ở cảnh núi Ngự, Sông Hương. Trong cuộc tuyển cử này, ông Lê Thanh Cảnh đóng một vai hệ trọng vì chúng ta thấy ông nghị leng teng luôn trên sân khấu Viện dân biểu.

Các đóa hoa ở Huế và các tỉnh Trung Kỳ lần lượt qua mắt khán giả má phấn môi son, miệng cười hoa nở, gót sen rón rén, mình hạc xương mai, những cái vẻ đẹp nên thơ, nên mộng ấy đã làm mê mệt cả một đám người trong phòng dân biểu. Duyệt qua một lượt, mấy đóa hoa lại vào giấu kín trong phòng để cho hội đồng chấm. Ngoài này, khán giả cũng chấm, vì ai cũng đã chấm sẵn một hoa khôi trong bụng.

Tiếng chuông leng keng, ai nấy cũng nín thở chờ hội đồng đưa hoa khôi đã tuyển giới thiệu với bà con.

– Ôi chao ôi! Hoa khôi mô mà lạ rứa! Người người bên mình hét lên một tiếng, thiếu chừng bị trúng gió.

Xung quanh thiên hạ lao nhao kẻ hô *A bas!,*[1] người suýt!

Suýt! Nhìn lên cũng lạ thiệt. Hoa khôi đâu mà môi cong, mũi tẹt, trán vồ thấp lũn chũn. Như tuồng hội đồng muốn chửi vào cặp mắt thẩm mỹ của khán giả, vì thế nên họ nhao nhao phản đối như ong vỡ tổ.

Trong đám hoa biết nói vừa qua, trước mắt họ, thiếu cành tươi thắm hơn nhiều.

Họ ra về đều tỏ vẻ bất mãn và quyết tìm cho ra cái hoa khôi "mô mà lạ rứa".

Chỉ một hôm sau là họ tìm được ngay trong hội chợ. Té ra không ai lạ cả, chỉ là một cô gái nhảy ở trong đăng xinh hội chợ của ông nghị Lê Thanh Cảnh.

A, thôi hiểu rồi! Cái hoa khôi đó là hoa khôi của hiệu đăng xinh ông nghị họ Lê lựa trước mà hội chợ lựa sau.

---

1. Tiếng Pháp, nghĩa là *đả đảo*!

Nhân thấy các cuộc tuyển cử này, nghị Toét tôi cũng cứ việc trúng cử, rồi giữ chức thường trực mãi mãi ở mục "hằng tuần".

NGHỊ TOÉT

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 1, ngày 19-6-1937.

KHUYÊN CHỒNG RA ỨNG CỬ LẦN NỮA

Anh Nghị ơi! Em lại khuyên anh ra ứng cử khóa này,
Không gì danh giá bằng thầy nghị viên.
Anh đừng lo tốn bạc tốn tiền.
Em đây bán hết ruộng mẫu, ao liền để lo lót cho anh
Anh Nghị ơi! Người ta cần phải mua tranh
Cứ ngồi một chỗ thì ai đưa danh đến cho nhà mình
Vẫn không kể gì quốc kế dân sinh,
Nhưng có làm ông Nghị thì cái tên mình nó mới vẻ vang.
Anh Nghị ơi! Đã mấy năm nay, anh chiếm ghế nghị trường
Mỗi năm mỗi bận, đường hoàng anh trở về Kinh
Họ nói gì, anh cứ việc làm thinh
Khi nào có việc "sâm banh" anh lại mở mồm
Anh Nghị ơi! Anh thiếu gì kẻ ấp người ôm
Đã người vô sự lại gồm là kẻ có xu
Trên nhờ nhà nước hộ phù,
Còn mấy ông bầu cử thì anh cứ hẹn hộ điều nọ điều kia.
Anh Nghị ơi! Bước công danh nó đã gần kề,
Còn hơn tháng nữa anh phải tính bề xoay xở ngay đi.
Chạy sao cho quan nể, dân vì
Trúng thêm khóa nữa chẳng những thân phì mà lại gia vinh!

BÀ NGHỊ

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 3, ngày 3-7-1937.

NGOÀI CỬA THUẬN AN

(Trích)

II
ĐẦU CẦU TRÀNG TIỀN

Ngọc Khanh là con một nhà làm ruộng tầm thường ở cách Huế độ hai cây số. Sở dĩ đeo đuổi học được đến đậu bằng trung học là chỉ nhờ là nhà ở gần nhà trường, chứ cha mẹ nghèo, chỉ nuôi cho ăn và kiếm cho được tiền bút giấy là may. Ngọc Khanh đẹp trai, hai con mắt tinh anh, cái mặt tròn, hai môi mỏng, khổ người vừa vặn, bộ đi khoan thai. Áo quần rất sơ sài, cái áo vải dù, cái quần vải quyến, bao giờ cũng sạch sẽ. Thường ngày đi học, chỉ đi một đôi guốc Sài Gòn và đội một cái nón lá hay một cái mũ trắng. Mãi đến lúc lên đệ tứ niên, ông cha mới mua cho một cái mũ nỉ, một đôi giầy hạ và cái áo lương.

Những đồ ấy chỉ khi nào chủ nhật hay ngày lễ đi chơi mới diện.

Mỗi ngày đi học hai buổi, Ngọc Khanh ở cuối đường Jules Ferry đi lên Quốc học, đi ngang cầu Trường Tiền thường gặp một người nữ học ngồi trên xe nhà ở bên phía thành đi lại. Ngọc Khanh hỏi dò bạn học mới biết người con gái ấy tên là Tiểu Huệ, con của một ông quan hiện đương làm việc trong Bộ Hộ.

Lúc Ngọc Khanh ở đệ tứ niên trường Quốc học thì cô cũng học lớp đệ tam niên trường Đồng Khánh. Tiểu Huệ người hơi gầy mà cao, đôi mắt nhỏ lóng lánh dưới cặp lông mày bán nguyệt vừa dài vừa mượt. Miệng bao giờ cũng như cười mỉm. Khi nói chuyện lộ ra hai hàm răng trắng như bông. Mặt không bao giờ đánh phấn mà có sắc trắng tự nhiên, hai má hơi hồng. Cô thường bận quần trắng, áo màu nâu, đi guốc và đội nón lá mỏng. Ngọc Khanh và Tiểu Huệ thường ngày gặp nhau, người giữa đường, người trên vệ. Hai người dần dần quen mặt. Trên con đường đi học mà gặp nhau thì chỉ nhìn nhau một lát rồi chạy thẳng, chứ ngày nghỉ, tình cờ mà gặp nhau chỗ khác, thì có chào, nghĩa là hai bên đều ghé tay cầm lấy nón hay mũ, rồi há miệng ra mà cười và gật đầu một cái.

Một hôm Ngọc Khanh vừa đi đến một chỗ gần cầu Trường Tiền thì vừa thấy một người ăn bận ra vẻ phú quí đương đập một đứa bé độ 12, 13 tuổi. Hỏi thăm ra, đứa bé ấy không cha, không mẹ, đi ở thuê. Vì công việc nhà chủ nặng nề, sức không đương nổi mới bỏ trốn đi thì bị chủ bắt được nên phải ăn đòn. Ngọc Khanh vừa lại can thiệp không cho người chủ nhà đánh đứa bé nữa; lấy lẽ rằng: "Vì nó là con mồ côi, không có của, nên phải đi ở, đi ở mà công việc nặng quá thì trốn đi kiếm ăn chỗ khác, chứ nào có tội gì". Nhiều người xem chung quanh cũng đều bênh vực đứa trẻ, nên bác chủ nhà ta cũng động lòng thương mà tha cho đi. Lúc đó Tiểu Huệ vừa đi xe qua thấy đông người, cũng xuống xe hỏi chuyện, rồi móc túi lấy ra ba giác bạc cho đứa bé. Ngọc Khanh và Tiểu Huệ lúc đó nhìn kỹ nhau hơn trước, rồi cũng từ hôm đó, hễ gặp nhau là họ chào nhau.

III
TRONG NHÀ CHIẾU ẢNH MÔRANH

Một hôm, chiều thứ năm, ở nhà chiếu ảnh Môranh chiếu phim "Thế giới đại chiến". Vì phim ấy có quan hệ đến sự học nên các thầy cô giáo khuyên học trò nên đi xem. Ngọc Khanh ngồi xem chiếu thấy nào tầu bay, trái phá, nào súng bắn, nào người chết rồi mê mẩn cả người, một lúc mới giật mình tỉnh, thì ra cái mũ trắng của mình để bên ghế ngồi đã mất đâu rồi. Dòm tả, dòm hữu ra ý tìm tòi, thì nghe sau lưng một tiếng thỏ thẻ nói rằng:

– Cái mũ rơi xuống đất, em đã lặt ở đây rồi. Ngọc Khanh ngoảnh lại thì thấy Tiểu Huệ hai bàn tay cầm cái mũ đưa lại. Ngọc Khanh có ý ngượng, mặt đỏ phừng, anh ta nghĩ lại cái mũ anh ta đội đã hai năm, về phía trước đã mềm đi và trước khi đi xem chiếu ảnh lại không đánh, không phơi gì cả, nên có mùi hôi hám. Ngọc Khanh thấy Tiểu Huệ đưa mũ cho mình ra dáng cung kính, đỡ lấy mũ rồi lại ngồi xem chiếu ảnh cho đến khi tan ra về, trong bụng những tức giận rằng "hôm chủ nhật vừa rồi được nghỉ nửa ngày sao mình không đánh mũ đi cho sạch sẽ". Nghĩ thế lại tự phàn nàn mình sao vô ý quá, để cái mũ rơi vào tay cô gái ấy, được như cái mũ mình đẹp thì nói làm gì, chứ cái mũ cũ kỹ mà lại không đánh phấn!

Nghĩ thế, rồi lại lấy cái mũ xuống xem và đem cái mũ lên mũi ngửi một cái, nghe mùi hôi, nhăn mặt lại.

Hôm ấy, ai đi trên con đường Jules Ferry ở cầu Trường Tiền lại về lúc hơn 11 giờ thì có thể thấy Ngọc Khanh nhiều lần giơ tay lên đầu lấy cái mũ đem xuống mũi ngửi và giơ ra trước mắt xem, nét mặt nhăn nhó, lỗ miệng lẩm bẩm, cái bộ dạng anh ta lúc đó không thể hình dung được.

Về nhà, trong trí Ngọc Khanh cũng nhớ rằng: Lúc đã gần tan cuộc chiếu ảnh thì Tiểu Huệ có nói với một người chị em bạn bên cạnh: "Tối mai diễn tuồng Nã Phá Luân, ta sẽ đi xem nữa". Vì nhớ câu nói ấy, nên Ngọc Khanh định tối chủ nhật cũng sẽ đi xem.

Ngày chủ nhật, đối với Ngọc Khanh xem ra thật dài, giống như dài hơn 12 giờ. Sớm dậy, Ngọc Khanh liền ra phố mua một hòn phấn đem về đánh cái mũ trắng bóc, lại lấy khăn lau thấm nước chùi cả phía trong mũ nữa. Phơi mũ khô rồi, cầm lấy ngửi không nghe thấy mùi gì nữa, mới lẩm bẩm nói một mình: "Nếu thứ năm vừa rồi, mình đánh được cái mũ trắng trẻo, sạch sẽ như thế này thì còn nói gì!".

Tối lại, độ tám giờ, Ngọc Khanh lại xin ông cha ba giác, nói rằng để đi mua bút giấy. Lần này là lần đầu Ngọc Khanh nói dối với cha mẹ. Cha mẹ anh vẫn hết lòng tin con, con nói là nghe, chớ không bao giờ ngờ vực. Hễ Ngọc Khanh xin mua đồ hay để xem hát, xem chiếu ảnh thì cũng cho ngay, vì thấy không bao giờ Ngọc Khanh lấy tiền mà làm điều không đáng làm. Lần này, sở dĩ Ngọc Khanh nói dối là vì mới đi xem chiếu ảnh hôm qua, mà đi xem chiếu ảnh hai đêm luôn, thì cả đời Ngọc Khanh chưa bao giờ làm. Vẫn biết Ngọc Khanh có một cái duyên cớ mới đi xem chiếu ảnh luôn hai đêm, nhưng cái duyên cớ ấy không thể nói ra cho cha mẹ biết được, vì thế nên phải nói dối. Trong khi Ngọc Khanh đang xin tiền cha, vì trời tối, chứ không thì ông cha đã thấy nét mặt Ngọc Khanh đỏ bừng mà ra dáng trơ trẽn rồi.

Ngọc Khanh được tiền rồi, liền lại đến đứng trước nhà chiếu ảnh. Một lúc quả nhiên thấy Tiểu Huệ đến, có người đàn bà có tuổi cùng đi theo. Tiểu Huệ mua vé xong thì Ngọc Khanh mới mua. Vào rạp chiếu ảnh, Tiểu Huệ ngồi ghế trên thì Ngọc Khanh ngồi ghế dưới. Tiểu Huệ tuy thấy Ngọc Khanh nhưng không hề chào hỏi, còn Ngọc Khanh thì rất lưu ý đến Tiểu Huệ. Ngồi yên đâu đó thì Ngọc Khanh cứ lấy tay gõ gõ vào mũ, hình như muốn nói rằng: "Này, cái mũ trắng trẻo này, tức là cái mũ chiều hôm qua". Nhưng Tiểu Huệ không bao giờ ngoảnh lại. Có lúc Ngọc Khanh giả lỏng tay làm rơi

mũ xuống đất, nhưng làm rơi ra rồi lại tự lật lấy, chứ Tiểu Huệ ngồi trên đâu có thấy.

Nói cho đúng thì Tiểu Huệ đối với Ngọc Khanh vẫn đã một lòng kính yêu, tình cờ gặp nhau giữa đường nhiều lần rồi quen mặt, bắt đầu có cảm tình, cảm tình đối với một người thiên hạ, trông mặt mũi khôi ngô. Đến lúc thấy Ngọc Khanh ra tay cứu vớt đứa trẻ con bị đòn thì sinh lòng cảm phục, cảm phục một người trai trẻ mà có lòng khảng khái bênh vực kẻ nghèo nàn. Lại nhân hôm thứ năm vừa qua, thấy anh ta rơi cái mũ, giơ tay lượm lấy giao lại. Bất kỳ mũ ai mà nhỡ rơi như thế thì Tiểu Huệ cũng sẵn lòng lật giúp, nhưng lại cái mũ người khác thì chẳng qua vì lòng hay giúp đỡ là lật, thì trong lòng không thay đổi gì, chứ lật cái mũ của Ngọc Khanh thì vẫn nghĩ cái mũ này là cái mũ của người học sinh đáng quí trọng nên trong lúc lật cái mũ, trong lòng nghe thổn thức, mà xem có ý xấu hổ người ngồi bên cạnh. Trong bụng Tiểu Huệ chỉ có thế, chứ còn cái mũ xấu hay đẹp, thơm hay thối, thì cô ta nào có để ý.

Còn hôm chủ nhật, Tiểu Huệ ngồi ghế trên, Ngọc Khanh ngồi ghế dưới thì chỉ tự Ngọc Khanh sắp đặt lấy, chứ Tiểu Huệ cứ giữ cái thái độ tự nhiên. Trong lúc sau lưng thì máy chiếu ảnh chạy vo vo, trước cái mũ thì Nã Phá Luân đang đứng diễn thuyết cho quân sĩ. Tiểu Huệ chăm chú xem, mà Ngọc Khanh thì nghĩ vẩn nghĩ vơ, chỉ thỉnh thoảng ngẩng mặt nhìn qua cổ Tiểu Huệ chứ có thấy gì trên màn ảnh đâu. Mãi đến lúc tan chiếu ảnh, khán giả ra về hết một phần đông rồi, mà Ngọc Khanh vẫn mê mẩn không biết. Ngẩng mặt lên xem thì thấy Tiểu Huệ cũng đi đâu rồi, anh ta ngơ ngác. Dòm trên ghế trước mặt thì thấy một quyển vở nhỏ nằm một nơi góc ghế. Ngọc Khanh liền nhặt lấy quyển "cacnê" ấy. Trông lên bìa thì thấy bốn chữ "Tiểu Huệ nhật ký" Ngọc Khanh bỏ quyển vở vào túi áo rồi cúi đầu một mực đi về nhà, đi thực nhanh.

IV
QUYỂN NHẬT KÝ VÀO TAY NGỌC KHANH

Hôm ấy Ngọc Khanh không ngủ. Một ngọn đèn hiu hiu ngồi suốt đêm xem quyển "Tiểu Huệ nhật ký" từ trang đầu đến trang cuối. Trong quyển ấy có hai bài mà Ngọc Khanh đọc đi đọc lại đến năm, sáu lần.

Bài thứ nhất

Ngày... tháng... năm...

Tôi gặp "người ấy" đã nhiều lần ở đầu cầu Trường Tiền. Người ấy xem ra có vẻ phong nhã, ăn mặc đơn sơ sạch sẽ. Tôi trông thấy anh thì không biết vì sao mà có cảm tình. Quả nhiên người ấy không phải là người bình thường. Hôm nay, một đứa trẻ nghèo nàn, đi ở trốn chủ nhà rồi bị bắt và bị đánh giữa đường. "Người ấy" liền lại can thiệp mà bênh vực cho đứa trẻ. Xem bộ nói năng hùng hồn, ra giọng một tay khảng khái. Trong đám học sinh bây giờ người như thế thật là hiếm có. Tôi thấy thế liền móc túi lấy ba giác cho đứa trẻ nghèo khổ bị đòn. Nhân làm bài thơ để kỷ niệm:

Tang bồng đã gọi chí nam nhi,
Thấy sự bất bằng há bỏ đi.
Sức mạnh phải thua lời khảng khái,
Tài cao nào tránh bước gian nguy.
Tấm lòng ví giữ cho bền mãi;
Việc lớn sau này chẳng khó chi.
Gặp gỡ đầu cầu dăm bảy bận,
Có duyên, có nợ, có tình gì?

Bài thứ hai

Ngày... tháng... năm ...

Hôm nay đi xem chiếu ảnh cuộc đại chiến năm 1914–1918, "người ấy" người ấy ngồi ghế trên, tôi ngồi ghế dưới. Lúc hơn 10 giờ, người ấy làm rơi cái mũ xuống đất, tôi liền lặt lấy đem lại. Người ấy tỏ lời cảm ơn.

Người đâu gặp gỡ làm chi?
Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Rõ ràng hai bài ấy là nói chuyện Ngọc Khanh. Ngọc Khanh đọc đi đọc lại, lấy làm sướng trong lòng. Đọc lại bài thơ và hai câu Kiều thì Ngọc Khanh biết rằng: Người con gái ấy với mình không phải là không duyên nợ "gặp gỡ đầu cầu năm bảy bận; có duyên, có nợ, có tình gì? Người đâu gặp gỡ làm chi, trăm năm biết có duyên gì hay không?".

Ngọc Khanh lại lấy quyển Kim Vân Kiều tìm cái câu ấy rồi nói lẩm bẩm một mình: "Chính thế, câu ấy là Kiều nói ở đầu khi gặp Kim Trọng".

Trước kia Ngọc Khanh vẫn thấy Tiểu Huệ đẹp, nhưng không dám nghĩ đến hôn nhân, vì mình là đứa học trò nghèo, mà người ta thì nhà giàu lên xe xuống ngựa, mình hỏi sao được. Nếu có duyên chăng nữa thì nhờ trời cuối năm đỗ Trung học, rồi xin lương đi học Cao đẳng, ba năm có được ông Tham, ông Đốc thì mới hòng sự nhân duyên. Nhưng tình cờ nhặt được quyển nhật ký, thấy mấy bài nói chuyện về mình thì trong lòng mới sinh mối hy vọng.

Nhưng bây giờ làm thế nào? Quyển nhật ký này nên giữ lấy hay nên đem trả lại cho người ta. Ngọc Khanh lúc đó nghĩ tới nghĩ lui không biết làm sao cho tiện. Giữ lại thì làm thế nào? Trả đi thì làm thế nào? Đó là những vấn đề Ngọc Khanh cần suy nghĩ kỹ. Đầu hết anh ta nghĩ chuyện nên giữ lại quyển "Tiểu Huệ nhật ký" thì nói một mình rằng: "Quyển sách này đối với mình là rất quí hóa. Một người con gái như ngà như ngọc mà để ý đến mình. Có lẽ cô ta cố ý đánh rơi quyển này để cho mình lượm được để tỏ cái lòng cô ta thương trộm nhớ thầm mình cũng nên. Cô ta cố ý để cho mình mà mình lại đem trả lại, thế há chẳng phụ tấm lòng quí hóa của người ta lắm ru?. Thế mình nên giữ lại, giữ lại đến khi nào cô ta có hỏi mới trả; cũng như Kim Trọng được cái kim thoa của Thúy Kiều, đến lúc Thúy Kiều tìm tới nhà anh ta mới trả, nhân đó lại nói chuyện được mấy câu và nhân đó mà đưa cho Kiều "xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vuông" mà làm vật kỷ niệm. Nếu cô ta mà gặp mình đòi lại quyển "cácnê" cũng sẵn lòng đem giả và nói thêm vài câu, chứ có giàu đâu được như Kim Trọng mà đem xuyến vàng, đem khăn là cho cô ta.

Nhưng nghĩ thế chứ cô ta có biết quyển nhật ký có rơi vào tay mình đâu. Nếu cô ta bỏ mất chỗ vắng người thì cô ta sẽ đi tìm, nhưng bỏ mất trong nhà chiếu ảnh, có hàng nghìn người thì kiếm thế nào. Thôi thì ta cứ giữ lấy làm vật kỷ niệm là hơn".

Nghĩ thế rồi anh mở rương, bỏ quyển "Tiểu Huệ nhật ký" vào. Bỏ vào rương rồi, Ngọc Khanh lại nghĩ muốn đem trả lại, lại tự một mình: "Vô lý, lấy quyển nhật ký của người ta thì thật là vô lý. Quyển này là quan hệ lắm, chép chuyện hàng ngày, người ta đã tốn bao nhiêu công mà mình được rồi giấu đi, thì thiệt là không nỡ. Vả lại, người ta đã để tâm đến mình, mà mình cũng quí mến người ta thật,

thì bằng nhân dịp này đem trả quyển nhật ký lại để tỏ ra rằng: mình cũng một lòng thương trộm, nhớ thầm cô ta. Nhưng bây giờ mình đón đường cô ta mà đem trả quyển này thì bất tiện quá, ta phải dùng cách thế nào mới được".

Nói thế rồi để trán vào đầu gối nghĩ, nghĩ một lúc lại mở rương lấy quyển "Tiểu Huệ nhật ký", đem ra giở sau đoạn giấy trắng đem bút mực viết mấy hàng, rồi bỏ quyển nhật ký vào túi áo

V
QUYỂN NHẬT KÝ VỀ TAY TIỂU HUỆ

Sáng mai lại, Ngọc Khanh đi học thiệt sớm, đến cửa trường Đồng Khánh hỏi người gác cửa rằng: cô Tiểu Huệ đã đến học chưa?

Anh gác cửa nói ngay:

– Cô Tiểu Huệ con ông Viên ngoại bên Bộ phải không? Cậu hỏi làm gì? Cô ấy người nghiêm trang lắm.

– Vâng, tôi biết rồi, nhưng vì cô ta với tôi là bà con, hôm qua cô ta có quên quyển vở ở nhà tôi, nay tôi đem giả lại.

– Thế thì cậu đợi một chốc, cô ta sẽ đến. Cô ta thường đi đúng giờ lắm.

– Tôi cũng phải đi học. Vậy nhờ bác cầm lấy quyển vở này, khi nào cô ta đến đem cho cô ta.

– Như thế thì được, cậu đem vở đây tôi, khi nào cô ta đến thì sẽ đưa tới.

Ngọc Khanh thò tay vào túi lấy quyển "Tiểu Huệ nhật ký" ra đem lại cho anh gác cửa, rồi giả bộ ra đi. Nhưng đi một đoạn thì nấp sau gốc cây để đợi xem. Một chốc thì thấy Tiểu Huệ đi xe tới cửa. Cô ta vừa xuống xe thì thấy anh gác cửa đi ra một tay cầm quyển vở, còn một tay ngả ra hình như xin tiền. Vì Ngọc Khanh ở xa không nghe rõ anh ta nói gì. Như thế rồi Tiểu Huệ thò tay vào túi lấy tiền không biết bao nhiêu đem lại cho anh gác cửa mà đổi lại quyển vở. Ngọc Khanh tuy trong lòng tức anh gác cổng vô ý, nhưng bấm bụng chịu. Vừa hôm ấy Tiểu Huệ vào trường nghĩ vơ nghĩ vẩn, trên bàn giấy bà giáo giảng bài gì cũng không nghe. Cô ta cứ nghĩ cái quyển nhật ký mình chính bữa hôm qua xem chiếu ảnh ở rạp Morin, không biết vì

sao thằng gác cửa lại bảo hắn ta lượm được ở sân trường. Vô lý quá, nhưng cũng may mà được lại, chứ không thì áy náy trong lòng. Nếu quả nhiên thằng gác cửa thì mình vô lo, vì hắn ta không biết chữ. Nếu một người khác biết mình mà lật được quyển này thì thế nào cũng mở ra xem. Mình xưa nay là có tiếng đoan trang, chị em nói đến chuyện trai gái thì mình khinh bỉ, nên họ thấy bài của mình đầy những câu tình thì họ sẽ cho mình là người giả dối. Mà cũng lạ, mình xưa nay gặp con trai chưa hề để ý. Mà từ khi gặp "người ấy" thì trong lòng mình không biết thế nào mà mình không tự chủ mình được nữa.

Thiệt trước khi mình chưa gặp "người ấy" thì mình chưa biết mình, mà sau khi gặp "anh ấy" rồi mình mới biết mình là ra thế... Nghĩ chán rồi, giở quyển nhật ký ra xem. Giở đến đoạn sau thấy có chữ ai viết thêm vào, lấy làm quái lạ, trương to con mắt lên mà xem, thì thấy hai bài thơ như thế này:

Bài thứ nhất

GẶP GỠ

Kẻ ở trên xe, kẻ dưới đường,
Dấu bèo mong đợi bóng đài gương.
Trăm năm ai biết tình, duyên, nợ?
Một mối ta đành đợi, nhớ, thương.
Bà Nguyệt ví không dây chỉ trói,
Ruột tằm chi để mối tơ vương!
Đợi phen gặp gỡ chân hay mộng?
Dám đến cung trăng hỏi chị Hường.

Bài thứ hai

(Sau khi đọc quyển "Tiểu Huệ nhật ký")

Mấy bài nhật ký đọc vừa xong,
Non nước đeo đai một tấm lòng.
Ngọc nhả châu phun lời tuyệt bút,
Rồng bay phượng lượn nét lưng công.

Luật Đường năm vận pho tâm sự,
Lục bát hai hàng nợ núi sông.
Giá lấy phúc này như đối được,
Thì xin san sẻ gánh tình chung.

Tiểu Huệ đọc xong hai bài thơ lại ngẩn cả người, nửa tin là việc thật, nửa ngờ là chiêm bao, vội giở sang trang sau thì thấy một câu Kiều

Gậm ân người ấy, bảo này,
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm.

NGỌC KHANH kính tặng.

Tiểu Huệ nghĩ một mình: "Tức là người ấy chứ không ai nữa, người ấy hôm qua cũng đi xem chiếu ảnh ngồi gần mình mà vì mình có bà cô đi theo không dám chào hỏi. Thôi, thế là anh ta biết lòng mình rồi, mà xem lời lẽ của anh ta đối với mình cũng như mình đối với anh ta. Một người con gái yêu người con trai mà để cho người ta biết bụng mình trước, thì cũng ngượng thật, nhưng biết sao bây giờ. Đã lỡ rồi thì phải chịu lỡ, có dịp nói chuyện thì cũng nói thật, chứ không còn giấu diếm gì được nữa".

Tiểu Huệ nghĩ rồi lại đem mấy bài ra đọc, mê mẩn cả người, sực tỉnh ra thì chị em ra sân chơi cả rồi, trống đánh khi nào cũng không nghe. Tiểu Huệ liền chạy ra cửa trường, hỏi anh gác cửa rằng:

– Quyển vở của tôi là anh tôi đưa đến cho chứ? Sao chú lại bảo là chú nhặt giữa sân?

Anh gác cửa biết là không thể nói dối được, mới cười mà trả lời:

– Té ra là người ấy là anh cô, thế mà cậu ta lại không nói thiệt với tôi. Thế thì hai giác bạc đây, cô không cho thì tôi đưa lại.

– Nghĩa là tôi ghét chú nói dối với tôi như thế, chứ không phải tôi tiếc hai giác bạc. Nhưng thôi, cho chú đó và chú nhắc cho tôi biết anh tôi đem quyển vở lại có dặn gì tôi không?

– Không, cậu ta chỉ hỏi tôi rằng cô Tiểu Huệ đã đến học chưa? Rồi cậu ta đem quyển vở gửi cho tôi đem lại, cậu ta bảo cậu ta cũng đi học, không ở đợi được cô. Anh gác cửa nói đến đó thì vừa trống đánh vào học, Tiểu Huệ đi vào lớp.

VI
BA LẦN HỘI KIẾN

Học tan, Tiểu Huệ ra lên xe về, bảo anh phu xe kéo thủng thẳng, đi một đoạn gần đến cầu Trường Tiền thì nghe người đi guốc lẹp kẹp phía sau. Tiểu Huệ ngoảnh lại nhìn thì thấy Ngọc Khanh đã theo kịp xe. Vì lúc đó học trò con trai con gái đi học về đông, nên hai bên không dám dòm nhau lắm. Ngọc Khanh chỉ nghe được Tiểu Huệ nói với anh phu xe rằng: "Chủ nhật sau độ ba giờ chiều, tôi muốn đi chơi núi Ngự Bình, mày có kéo được không?" Và anh phu xe trả lời lại: "Thưa cô được". Thế rồi Tiểu Huệ qua cầu, Ngọc Khanh đi thẳng. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày nào Ngọc Khanh cũng có gặp Tiểu Huệ giữa đường. Gặp thế thôi, chỉ chào nhau qua chứ không nói gì, nói gì được mà nói, cầu Trường Tiền khi nào mà lại không có người đi lại. Hay gặp nhau như thế không phải là chuyện tình cờ. Thường Ngọc Khanh đã đến cầu mà chưa thấy Tiểu Huệ thì đi thủng thẳng lại, đợi thấy được một cái mới thỏa, Tiểu Huệ cũng thế, hễ qua cầu mà chưa thấy Ngọc Khanh thì bảo xe đi thủng thẳng đợi lúc Ngọc Khanh đi qua rồi mới chịu đi mau lại trường. Ngày chủ nhật đến thì hai giờ chiều người ta đã thấy Ngọc Khanh ngồi ở chân núi Ngự Bình. Ngọc Khanh ngồi đợi, đợi mãi. Một hồi lâu mới thấy xe Tiểu Huệ đến. Ngọc Khanh đứng dậy soạn sửa trèo lên núi thì nghe một tiếng gọi sau lưng:

– Anh Ngọc Khanh đó phải không?

Ngọc Khanh ngoảnh lại nhìn thì thấy Kim Sinh là bạn cùng học một lớp với anh ta... Liền chân bạn, Kim Sinh nói rằng:

– Anh có lên núi chơi, ta trèo luôn thể.

Hai người còn nói thì Tiểu Huệ vừa đi qua. Tiểu Huệ, Ngọc Khanh và Kim Sinh đều chào nhau rồi Tiểu Huệ đi. Ngọc Khanh nói với Kim Sinh:

– Tôi tưởng đi chơi một mình, không ngờ gặp anh đây.

Kim Sinh nói lại:

– Tôi cũng thế, có ngờ anh cũng ở đây đâu, xưa nay tôi không thấy anh đi chơi núi bao giờ.

Tiểu Huệ đi qua một đoạn xa thì Kim Sinh hỏi lại Ngọc Khanh:

– Té ra anh cũng quen con ấy hay sao?

– Hắn ở Đồng Khánh, tôi cũng thường gặp rồi quen mặt thế thôi. Nó con nhà ai thế hử anh?

– Con ông Viên lang hiện làm ở Bộ Hộ. Con ấy ngó nhan sắc cũng khá. Nó đông khách lắm, con các cụ nhiều cậu ưng mà giống như nó chưa chịu lấy ai cả thì phải. Hiện bây giờ cha mẹ nó còn ép gả cho ông Tham tri Bộ Hộ mà nó không chịu. Thằng ấy thì khó thương lắm. Đi Tây bốn năm về được cái bằng cấp cử nhân rồi làm bộ quá chừng. Ăn thì ăn cơm Tây rồi nói với người ta rằng hắn ở Tây lâu nay cái dạ dày quen đi rồi, không ăn được cơm An Nam nữa. Nhưng tôi lạ gì nó. Lúc thầy nó còn làm Tri huyện tôi, được đồng lương nào đánh bạc hết, cha nó có khi chỉ ăn cơm với mắm thôi. Thế mà nay nó mới đi Tây bốn năm về đã lên mặt.

NGUYỄN TÍCH

Báo *Sông Hương, tục bản*,
từ số 2, 26–6–1937, đến số 5, 17–7–1937.

CÓ VÀI ÔNG NGHỊ
(HÁT NÓI)

Trong thiên hạ có vài ông Nghị,
Chỉ ăn no ngủ kỹ ở trên lầu.
Nào việc dân, việc nước đâu đâu,
Mượn tiếng Nghị mà làm giàu cho dễ.
Thuế nặng sưu cao, thôi mặc kệ,
Lương nhiều, ngôi quý ấy là tiên.
Cứ mỗi năm đi hội nghị một phen
Về lộ phí đã có tiền phụ cấp,
Rượu có uống, tiệc cứ ăn.
Thuốc nha phiến cứ tiêm,
Trống cô đầu cứ đập.
Chớ nói gì mà dính dấp đến dân quyền,
Sợ rằng trái ý quan trên.

MƯỠU

Đã gần bầu cử nghị viên,
Nhiều ông sắm bạc, sắm tiền để lo.
Nhiều ông mổ lợn, mổ bò,
Nhiều ông đi cúi, đi mò cửa quan.

VĂN QUANG

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 3, 3–7–1937.

LỜI KHUYÊN CÁC CỬ TRI

Các cử tri ơi! Ở đời nhiều thứ nghị viên,
Nghị thì giết heo đãi khách, Nghị thì xuất tiền mua thăm.
Làm ông Nghị, trên đưa đãi sắt cầm,
Làm ông Nghị, dưới thì phải tốn kém đến bạc trăm bạc ngàn.
Các cử tri ơi! Lại nhiều ông Nghị nhờ quan,
Ép dân bỏ phiếu để được đội ơn cao dày.
Đánh lừa một hạng người ngay,
Mà mưu tư lợi cho đầy túi tham.
Các cử tri ơi! Nếu bọn này trúng cử ra làm,
Thì một mai họ sẽ được phẩm hàm, giàu sang.
Họ mang chức tước về làng,
Họ xây nhà gạch, họ mang bài ngà.
Các cử tri ơi! Họ có ngỡ gì đến quyền lợi của chúng ta,
Sưu cao thuế nặng họ mà mất chi.
Đến kỳ hội nghị, họ đi,
Họ chè chén, họ có nhớ gì đến đám bình dân.
Các cử tri ơi! Em đây phận gái tảo tần,
Cái quyền bầu cử chưa đến hạng cái phần nữ lưu.
Ngỏ lời em hết sức yêu cầu,
Cầm lá thăm cho xứng đáng, phải biết bầu cho ai.
Các cử tri ơi! Vì ta, ta kiếm lấy người,
Rượu chè, tiền bạc, ta phải bỏ ngoài xem kinh.
Sao cho xứng lá phiếu mình,
Bình dân trong nước còn đợi các anh đó mà.
Các cử tri ơi! Đừng như ai chè rượu khề khà,
Đem thăm bán quách như tụi chà và trong Nam.
Đừng như ai thấy bạc mà ham,
Một đồng năm bảy cắc mà để tiếng tăm đời đời.
Anh em ơi, ghi lấy một lời.

GÁI QUÊ

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 4, 10-7-1937.

CÓ VÀI ÔNG NGHỊ

Lắm ông sẵn bạc sẵn tiền,
Bỏ ra mua chút nghị viên để lòe.
Ích dân, lợi nước sá gì,
Miễn làm sao được thân phì, gia vinh.
Nghị viên, nghị cục,
Đến nghị trường lo giục biết chi mô.
Rằng ta đây cũng yêu cầu, cũng thảo luận cũng rắp bô[1],
Gớm, các "nghị" khéo bày trò cho rộn chuyện.
Quyền lợi quốc dân vài bữa yến,
Lương tâm Nghị sĩ mấy đồng xu.
Đến mùa về hội nghị chốn kinh đô,
Các Nghị giở cũng lắm trò khoái lạc.
Nào nhảy đầm, nào ca, nha, tửu, bác [2]
Thuyền sông Hương dạo mát lúc đêm thanh
Rõ ràng nghị cũng đủ vành.

VÔ DANH

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 17–7–1937.

CÁC ÔNG NGHỊ TUYÊN BỐ CHÁNH KIẾN...

Ông *Trần Thúc Nhục* [3] : Nếu tôi trúng cử khóa này,
Quốc dân say khướt suốt ngày suốt đêm.
Ông *Nguyễn Quốc Hồn* [4] : Nếu mà tôi trúng cử hoài,
Nhân dân "thọc lọ", miệt mài quanh năm.
Ông *Lý Hồng Phong* [5] : Nếu tôi còn ở nghị trường,
Quyết đem nghề "nhảy" khoách trương với đời.
Ông *Văn Tư Hảo* [6] : Phen này tôi được nhiều thiên,

---

1. Chữ Pháp là rapport, nghĩa là báo cáo.
2. Là hát ả đào, hút thuốc phiện, uống rượu, đánh bạc.
3. Tức là Trần Bá Vinh, ứng cử ở Nghệ An.
4. Tức là Nguyễn Quốc Túy, ứng cử ở Quảng Nam.
5. Tức là Lê Thanh Cảnh, ứng cử ở Thừa Thiên.
6. Tức là Vũ Công Hòa, ứng cử ở Hà Tĩnh.

Làm nhà gá bạc lấy tiền mua xe.
Ông *Trần Nguyệt Cựu* [1] : Nếu tôi trúng cử phen ni,
Xúi người thụt két ghi bia để đời.
Các ông tuyên bố xong, đồng thanh hát :
Nhân danh dân biểu.
Chúng ta đây thực am hiểu cảnh tình dân,
Cứ mỗi năm đi hội nghị một lần.
Tiền phụ cấp mặc dân bần gánh vác,
Hơi tăng thuế : "uy, uy", [2] gật gật.
Bán lợi quyền chích chích chi chi,
"Nghị" như ta, "Nghị" cũng dị kỳ.
Ai công kích cứ đâm lỳ ra đó,
Nào thụt két, nào be bù, thọc lọ.
Cứ bạc cờ, nhảy múa, sợ gì ai.
Trót mang tiếng "Nghị" ở đời.

THO ME THÓC MÁCH [3]

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 5, 17-7-1937.

VỢ KHUYÊN CHỒNG LỰA CHỌN DÂN BIỂU

Anh này anh : cuộc bầu cử dân biểu nay mai
Anh định bầu ai? Anh định bầu ai?
Tôi khuyên anh đôi nhời
Anh hãy nghe tôi! Anh hãy nghe tôi!

---

1. Tức là Trần Nhật Tân, ứng cử ở Quảng Bình.

2. Đọc là "Oui, oui" tiếng Pháp là vâng, vâng.

3. Bút danh của Ngô Đức Mậu. Thư ký toà soạn báo *Sông Hương, tục bản*. NGÔ ĐỨC MẬU (1908 - 26-1-1987). Tham gia Tân Việt cách mạng đảng năm 1928. Năm 1930, tham gia Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư tỉnh ủy Thanh Hóa 1930 - 1931. Bị đế quốc Pháp bắt tù, đến năm 1936 được ân xá. Làm thư ký tòa soạn báo *Sông Hương, tục bản*, 1937. Trong kháng chiến chống Pháp, làm chủ nhiệm báo *Cứu quốc*, Liên khu IV. Sau ngày giải phóng miền Bắc Việt Nam, làm Chủ nhiệm báo *Hình ảnh Việt Nam*; Giám đốc Tổng công ty xuất nhập khẩu sách báo Việt Nam; Phó Tổng thư ký Hội Nhà báo Việt Nam.

Cái lá phiếu của mình
Không phải trò chơi! Không phải trò chơi!
        Anh hết sức thận trọng
Để bỏ cho người, để bỏ cho người
Tư cách xứng đáng, phẩm hạnh hẳn hoi,
        Đã có học, lại có tài,
Có can đảm, có năng lực để gánh vác việc đời.
Thật lòng vì dân vì nước, không giả dối, không biếng lười
Đáng thay mặt cho mấy triệu con người
Tôi khuyên anh tẩy chay những bọn mặt đời
        Tâm địa xấu, nhân phẩm tồi
Trông không thấy chữ, nói không nên lời.
Chỉ quen đem tiền đem của đi đón, đi mời
Anh dù ăn, dù uống, dù tiêu, dù xài
No cũng chẳng đủ một đời
Mà mang cái tiếng bán rẻ công quyền của con người
        Thôi! Tôi xin thưa thớt mấy lời,
        Anh hãy nghe tôi!

MẸ HÌM

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 6, 21-7-1937.

NGHỊ KIỆN [1]

        Nghệ An có lão "Nghị tồi",
Hễ ai động đến, dọa lôi ra tòa.
        Thôi, về làm nghị ở nhà,
Nghị mà như thế, nghị mà làm chi.

*

* *

        Có ông Nghị kiện,
Đụng việc gì là viện cớ đi quan.
        Chuyện ích dân lợi nước chẳng bàn,
Cứ kiện cáo, cứ nịnh quan cầu lợi lộc.

---

1. Đây tác giả ám chỉ tên Trần Bá Vinh.

Thử hỏi Nghị vinh hay Nghị nhục?
Mà lo đi kiện với đi thưa.
Sẵn trong tay có báo viết bừa
Vẫn inh ỏi như cà, dưa, mốc thối.
Nghị như thế, Nghị chi cho tội
Nên về nhà chung gối Nghị bà
Phen này "xin" Nghị đừng ra.

THO ME THÓC MÁCH

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 6, 21-7-1937.

EM TÔI

Trên cành lê lay lắt,
Trông chim cưỡng đem mồi.
Cho hai con ríu rít,
Nhớ em, anh ngậm ngùi.

Đôi chim kia sung sướng,
Hơn em biết mấy mươi.
Nhà gặp khi quẫn bức,
Em cất tiếng chào đời.

Em ơi! Anh nhớ mãi,
Ngày em mới ra đời.
Anh mừng, anh hớn hở,
Nhưng cha mẹ kém vui.

Nhìn mẹ, cha than thở :
"Trong nhà đã có ba con,
Cơm bữa no bữa đói,
Hôm nay lại vẫn còn".

Buồn rầu, mẹ khẽ đáp :
"Nó sốt đã mươi hôm,
Liệu chừng sống không nổi
Với thân thể gày còm".

Sinh em chưa mấy lúc,
Mẹ đi cấy đồng xa.
Trông chiếc nôi xơ xác,
Treo bên một xó nhà.

Em nằm thở khò khè,
Ốm như cành cây héo.
Chiếc tã mùi tanh hôi,
Ôm thân hình nhỏ xíu.

Thương em đem chiếc kẹo,
Sẽ đặt vào mồm đau.
Em đã vội khóc ngất,
Ngọt bùi em biết đâu.

Vừa mới lọt lòng mẹ,
Đã gặp cảnh nghèo nàn.
Đau, nằm chờ thần chết,
Đau, không ai thuốc thang.

Anh không quên hôm ấy,
Hôm người đem em chôn.
Một ông già vạm vỡ,
Mang chiếc thúng con con.

Thương em tủi cảnh nhà,
Mẹ khóc than thảm thiết.
Trốn mẹ, anh tìm đường,
Theo mẹ ra tận huyệt.

Ra đời em chỉ biết,
Một tấm tã mong manh.
Trong chiếc nôi xơ xác,
Treo dưới túp lều tranh.

Nay giãi dầu sương gió,
Một nấm đất bên đường.
Cành lê chim ríu rít,
Anh gạt lệ bi thương.

HUY HÀ

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 6, 21–7–1937.

GÓP... NHẶT... CHUYỆN TẦM PHÀO

Họ thì thào nói với nhau rằng : Cuộc tổng tuyển cử Trung Kỳ lần này, ba ông Nghị Túy – Vinh – Cảnh ra lại. Ba ông ấy là bộ ba xe pháo mã ở Viện dân biểu khóa trước.

Bộ ba xe pháo mã này định ăn đứt ván cờ dân biểu sắp tới năm nay. Trong một bữa tiệc, ba ông đã rung đùi mà nói với nhau : Ở đời này nói về anh hùng chỉ có ba chúng ta cố gắng thêm một khóa "vì dân vì nước". Nếu không may mà bị thua thì chúng ta sẽ "treo ấn từ quan", về xoay nghề khác. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh. Cái nghề nghị viên mà làm cho tinh cũng gàng lắm. Nhưng không có nghề nghị viên thì nghề khác cũng được, làm cho tinh là được. Thế rồi ba ông trù tính cái nghề mới để thay nghề nghị viên, nếu không may bị hỏng.

Ông Túy định về buôn xe tẩu và thuốc phiện ở Lào, vì đó là cái sở trường của ông.

Ông Vinh định xin chức lính đoan bắt rượu lậu.

Còn ông Cảnh, ông quyết mở đăng xinh với bán bài ngà.

Những tin như tin này, đã gọi là vào lỗ tai, ra lỗ miệng tất nhiên tam sao thất bổn. Điều tra nếu không đúng sự thực một trăm phần trăm, chúng tôi sẽ cải chính trong một số sau vậy.

Có một ông nghị đã già mà có cái nạn thuốc phiện, mới rồi tuyên bố với các cử tri của ông rằng : Bốn năm qua, tôi sở dĩ không làm được gì là vì vợ tôi tức giận tôi, đã bắt gián bỏ vào trong thuốc hút thành ra cái óc tôi bị mờ không nghĩ được việc nước, việc dân. Năm nay, các ngài cứ bầu cho tôi rồi mà xem. Thuốc phiện tôi hút nhưng có mùi gián vào thì quốc dân sẽ được hưởng nhiều quyền lợi.

Một ông nghị còn trẻ mà cũng hút thuốc phiện như ông già, lại tuyên bố rằng : Tôi sở dĩ hút thuốc phiện, chả phải tôi ham muốn nghiện ngập gì đâu, chẳng là tôi muốn điều tra về mức độ thứ thuốc độc ấy, để khóa này đây tôi sẽ kịch liệt với nhà thương chánh.

Ông Trần Nhật Tân khi ra ứng cử đã đọc cho dân Quảng Ninh, Lệ Thủy nghe một bản chương trình 7 trang đặc sệt, toàn là chuyện ích quốc, lợi dân hết. Nay mãn khóa, dân hai huyện ấy hãy xét thử xem ông Nhật Tân đã làm được việc gì chưa? Ông xin mấy nghìn công tư ích đắp đường cho ôtô ông lên đồn điền Phú Quý của ông ;

Ở Ba Đồn, ông xin lập sổ đánh thuế trâu bò để bỏ túi mỗi con sáu chục đồng.

Ông vận động được thăng hàm biên tu và thưởng thọ canh nông tỉnh. Sợ dân hai hạt quên công trạng của ông nên ông đã tự xây một cái bia tại đình Thạch Lũy. Cái bia ấy đã làm bia cho các báo mới hồi.

Nói mười voi không được một bát xáo! Dân Quảng Ninh, Lệ Thủy chán ông...

Mà ông còn lăm le ra ứng cử khóa này nữa sao?

Đó là ông nghị mãn khóa. Còn ông nghị đạp vỏ chuối năm kia nữa. Michel Ngọc trước thình lình ở trong núi mang một gói nặng ra ứng cử.

Dân hai hạt chán ông, nên ông thôi. Khóa này ông lại ra nữa. Song dân hai hạt cũng tinh lắm. Họ không đùa nữa đâu. Đợi xem.

BỌ QUAY

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 6, 22-7-1937.

BÀI CA

Lời kính trọng trước mừng ông Nghị mới,
Đã vì dân len lỏi chốn ngôn trường,
Đừng ham giàu và chớ ham sang,
Việc nên nỗi phải đàng hoàng ra đứng nói,
Dẫu ai hỏi, dẫu ai không hỏi,
Điều ích chung, ông còn đợi gì ai?
Phải biết rằng cái ghế ông Tây,
Chỗ nương tựa của bao người đói khổ,
Khai hóa đành hay nhờ bảo hộ,
Điểm tô ta phải có công phu,
Màn dân gian còn che kín mịt mù
Đèn chính phủ chưa soi cho xiết đặng.
Các ông nghị phải hết lòng lo lắng,
Đem dân tình nói thẳng với người trên,
Chớ như xưa, lo làm dáng nghị viên,
Tới kỳ hội, để dành tiền phụ cấp.
Các ông nghị hãy nói đi gấp gấp
Bọn dân cùng còn đứng nấp sau ông.
Vài câu xin ngỏ tấm lòng.

Dân : LÊ ĐỨC MẬU

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 7, 19–8–1937.

ĐỨA BỒ CÔI

Đêm hôm ấy, một đêm đông lạnh lẽo,
Cảnh u sầu vắng vẻ nước buồn rơi,
Gió vi vút, lắt lay cành lá héo,
Lá buông cây trên nẻo vắng lạc loài.

Như chiếc lá tả tơi rơi trước gió,
Khi mọi người an giấc, chiếc chăn êm,
Ai lướt thướt dầm mưa thân bé nhỏ
Ai rụt rè lê bước trước trời đêm.

Con nhà ai mà đêm đông gió lạnh,
Chiếc áo nâu thưa phủ tấm thân gầy.
Da xanh rờn, tay run, chân mảnh khảnh,
Như tơ và tóc rối phủ hai vai.

Nó bồ côi từ thuở vừa lên sáu,
Buổi ngây thơ đành khao khát tình thương,
Niềm êm dịu một gia đình yêu dấu,
Hay chi đời cay đắng cảnh cô đơn.

Mới lên sáu đã xa lìa cha mẹ,
Biết đâu lời khuyên nhủ, giọng êm đềm,
Miếng ngon ngọt cùng anh em san sẻ,
Tay vỗ về nồng thắm tận gan tim.

Lên sáu tuổi dấn thân đời gió bụi,
Sống quanh năm bên xó chợ, vệ hè,
Nó đã quen nỗi van lơn luồn cúi
Để khẩn cầu chiếc bánh, bát cơm khê.

Nó đã quen những đêm đông gió rét,
Với than ôi! Bao bữa tiếng không lòng,
Nó đã quen câu rủa nguyền, lời van thét,
Với bao lần thân nát, ngọn roi vung.

Đêm hôm nay khác nào bao đêm trước,
Gió đưa, mưa quất thịt kẻ không nhà,
Bên phố vắng, nó rụt rè nhấc bước,
Lần tìm nơi gởi giấc để đêm qua.

HUY HÀ

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 7, 19-8-1937.

CÀ KÊ DÊ NGỖNG

(Trích)

NƯỚC NÀO MÀ THANH NIÊN RA LÀM CHÁNH TRỊ LÀ NƯỚC ẤY PHẢI MẤT

Ở nước Đại Cồ Việt ta, cụ Hường lô Nguyễn Quốc Túy cũng có cái tài nói láo. Song cái tài của cụ mới đứng vào hạng "toa dem" "cách dem"[1] thôi.

Hôm bầu cử ở huyện Đại Lộc, bị một bọn trẻ báo hại chất vấn chất vót gì đó, cụ Túy cuống quýt lên, nhưng vẫn giữ được cái giọng tiên tri tiên giác: "Các người phải biết nước nào mà thanh niên ra làm chánh trị là nước ấy phải mất. Các người tưởng tôi sợ các người hay sao? Chính tôi đây, hôm nọ đã dẹp tan đám thanh niên ra ở Tua-ran? Oanh liệt thiệt!"

Nhưng sự thực thì hôm ở Tua-ran, đám thanh niên đã dẹp tan cụ Túy, chứ có phải cụ Túy dẹp tan đám thanh niên đâu. Phải chi hôm đó mà tôi có mặt ở Đại Lộc thì tôi sẽ kính cẩn đáp lại cụ:

"Thưa cụ, chúng con thiết tưởng thanh niên ra làm chánh trị cũng chưa đến nỗi gì làm cho nước mất, vì chẳng những nước An Nam ta, chứ ở nước khác, bọn thanh niên như chúng con ra làm chánh trị chiếm một số rất nhiều; theo "ngu ý" chúng con, chỉ có nước nào mà bọn thanh niên khốn nạn lợi dụng cái nghề làm chánh trị để kiếm tiền chơi cô đầu, hút thuốc phiện thì nhân dân nước ấy phải mất, mất tăm mất tích, mất cho đến cả quốc hồn quốc túy..., không còn lấy một chút gì nữa kia".

---

1. Tiếng Pháp, nói bồi, nghĩa là "thứ ba", "thứ tư"

NƯỚC XIÊM KHÔNG LẤY AN NAM ĐÂU MÀ SỢ

Ông Cao Văn Chiểu là người thanh niên lo việc nước hơn cả.

Thấy dư luận đương sôi nổi về chuyện Xiêm, thấy dân sự đương xôn xao lo sợ về việc nước Xiêm sắp đánh An Nam, ông Chiểu nghĩ ngay tới việc giữ gìn non sông xã tắc. Một điều mà ông đặc biệt chú ý nhất trong chương trình ứng cử dân biểu của ông vừa rồi là phản đối chính sách xâm lược của nước Xiêm.

Trước sự phản đối kịch liệt ấy, liệu bề không xong, chánh phủ Xiêm lập tức ra một cuốn sách để cải chánh. Theo tin của báo *Điện tín* ra ngày 27–8, cuốn sách ấy nhan đề: "Nước Xiêm hòa bình và chánh sách ngoại giao của Xiêm". Đại ý nói rằng, nước Xiêm bao giờ cũng hết sức hòa bình và chẳng hề có ý gì nhìn ngó tới cơ đồ của cụ Nguyễn Ánh.

Thế là dân An Nam khỏi phải phập phồng lo ngại. Chúng ta quên bàn lập bia để ghi công ơn của ông Cao Văn Chiểu cũng như người ta đã bàn việc lập bia để kỷ niệm công đức của cụ cố ở nhà ông Nguyễn Giang.

DAO RỰA VỚI BẢO HOÀNG

Cái tên cúng cơm nó là Giao, thảo nào mà nó nham hiểm đến thế!

Ông Chiểu thì lo chống chọi với người ngoài. Trái lại, tên Dao, tên Rựa nào đó lại đi xúi trẻ trong nước ăn... thịt nhau.

Trong một bài xã thuyết đăng báo *Tràng An* ra ngày 23–7, sau khi đã chửi chánh phủ bình dân tàn tử, tên Dao, tên Rựa nào đó tóm lại một câu: "Ước mong một ngày kia sẽ thấy ở ngã ba kinh đô Huế, một tốp trẻ con Bảo Hoàng cũng đánh một đứa trẻ khác, chỉ vì cha chú nó thờ ơ một chữ nghĩa nào phản trắc lai".

Anh hùng thay!

Nhưng tôi thì tôi ước mong một ngày kia, trên miếng đất Việt Nam này không còn có cái hạng người viết báo độc ác, điên cuồng ngu dại, dốt nát, vô lương tâm như tên Dao, tên Rựa nào đó.

DANH GIẢ CỤ NĂM LA RỐC (DE LA ROCQUE) ĐÃ RƠI XUỐNG VŨNG BÙN

Dao Rựa Bảo Hoàng đã xui lũ trẻ con đánh nhau, còn cụ Năm La Rốc phát xít thì lại đi xui người lớn đánh nhau. Vụ La Rốc sai lâu la đánh ông Ghiôm, chủ nhiệm báo *Le choc* gần chết, từ báo tả tới báo hữu, không báo nào là không nói tới. Cũng ví dụ này mà mặt nạ đạo đức của La Rốc đã bị thiên hạ lật tẩy. Đầu đuôi thế này:

Cụ Năm là đầu xỏ đảng phát xít, mục đích đảng này là cốt lật đổ chánh phủ dân chủ, lập chế độ độc tài phát xít để đè nén phong trào cách mạng vô sản mà ủng hộ lấy quyền lợi của tụi đại tư bản. Vậy mà cụ trở lại, đi ngấm ngầm lĩnh tiền của chánh phủ để làm cho công việc đồng minh chậm tiến hành và trì hoãn ngày giờ cướp chánh quyền của đảng đó. Nói trắng ra, cụ La Rốc ăn tiền chánh phủ mà phản đảng. Cụ làm cái lối bắt cá hai tay ấy đã có 5, 7 năm nay và mỗi tháng cụ bỏ túi từ một vạn đến 2 vạn quan trên tay. Không ngờ ngày nay, bức màn bí mật đã bị phá toang ra, các báo đua nhau công kích, giễu cợt nhà lãnh tụ phát xít, hăng hái nhất là tờ *Le choc* của ông Ghiôm.

Họ làm cho cụ tối mắt tối mũi, điên tiết lên, cụ phải dùng đến thủ đoạn vũ phu mà xưa nay tụi phát xít vẫn quen dùng.

Tuy vậy, bên này, bạn đồng nghiệp *La Volonté Indochinoise* [1] cứ một mạch tán tụng cụ Năm La Rốc chúng tôi thanh bạch lắm.

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 9, 2-9-1937.

---

1. *La Volonté Indochinoise* (Ý chí Đông Dương) là tờ báo xuất bản ở Hà Nội của Đờ Mông pơda (De Monpezat), tư sản kiêm địa chủ người Pháp.

MỘT TRẬN GIẶC Ở HÀ NỘI

(Trích)

Ở bên nước Tàu, trên bờ sông Ngô Tùng, người ta đại chiến, thì ở bên ta, trên bờ sông Nhị Hà, người ta cũng đại chiến. Chỉ khác: Bên kia chết hàng ngàn, hàng vạn; bên này chỉ chết một người, bị thương 15 người.

Bên kia, người Tàu chết vì đạn, vì trái phá của người Nhật độc ác. Bên này, người An Nam chết vì người An Nam từ thiện.

Lạ thật! Cả năm, cả đời họ không từ thiện, nó chỉ từ thiện nội trong cái rằm tháng bảy! Một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, họ chỉ từ thiện lấy một ngày. Mà trong ngày ấy, họ chỉ từ thiện trong vài ba giờ đồng hồ!

Ngày rằm tháng bảy, tại nhà trường Sinh Từ, các ông lớn, các bà lớn mở toang lượng hải hà, thí cho anh em đói khổ mỗi người một hào bạc.

Rồi thì hàng trăm, hàng nghìn bộ xương lũ lượt kéo tới, chen chúc nhau.. rồi thì bị thương, rồi thì chết... Sau khi hết cái giờ từ thiện rồi thì người ta trông thấy cái chỗ mà họ làm từ thiện ấy đã hóa ra một bãi chiến trường.

Cái đời chi mà lạ thật.

ÔNG HÔNEN (HONEL) [1] LÝ TOÉT

Nghe, chắc ông Hônen cũng lấy làm lạ, mà còn thiếu gì chuyện lạ? Chẳng khác gì Lý Toét ở nhà quê mới ra tỉnh. Ông Hônen qua xứ này, mắt thấy tai nghe, cái gì cũng là lạ cả.

Thợ cấy đình công xin tăng lương, bị tù, kẻ ba năm, người sáu tháng, một chuyện lạ!

Dân cày xin giảm thuế thân, bị án từ ba tháng đến một năm, hai chuyện lạ!

Luật lao động đã ban bố mà có chỗ thợ làm việc mỗi ngày tới 11 giờ, ba chuyện lạ!

---

1. Ông Hônen là Nghị sĩ, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp.

Chính phủ bình dân cầm quyền mà cuốn sách "Vì sao ủng hộ mặt trận bình dân" và nhiều tờ báo ủng hộ mặt trận bình dân bị cấm, bốn chuyện lạ!

Người ta bàn chuyện lập nghiệp đoàn mà bị bắt giam, năm chuyện lạ!

Đọc cuốn sách của thủ tướng Blum, mà trên chục người bị tù, sáu chuyện lạ!

Ông là người Pháp 100%, lại đàng hoàng là một ông nghị, thế mà đi tới địa đầu tỉnh Phan Thiết, người ta đuổi ông như đuổi tà, bẩy chuyện lạ!

...

Vô số là chuyện lạ.

Lúc ông về tới nhà, kể chuyện lại cho bà con nghe, chắc là chung quanh ông, chỉ toàn nghe những tiếng "ồ" với "à".

ÔNG SẼ MANG VỀ PHÁP MỘT MÓN HÀNG HIẾM CÓ

Cùng với vô số chuyện lạ, ông sẽ nhập cảng về Pháp một món hàng hiếm có.

Thói thường, các ông Tây lúc ở bên này về, ông nào cũng nghĩ tới đồ làm quà: ông ngà voi, ông đồ cổ, ông thì tranh sơn thủy, ông thì đồ thêu Hà Đông... Người nào thích thứ gì thì mang thứ ấy, duy chỉ có cái thích của ông Hônen là khác người: ông sẽ mang về một thứ hàng mà xưa nay ít người để ý tới.

Đố ai biết hàng gì?

Khổ! Độ nọ ông Gôđa cũng đã mang về mấy va li chật ních những thứ hàng ấy. Song vì ông già nua, lẩn thẩn lại đa mang lấy bà ấy, thành ra vào tới Sài Gòn, ông bỏ quên lửng đi tại dinh Thống đốc Nam Kỳ.

Ông Hônen thì chắc là chả quên được đâu và chắc là về tới nhà rồi, ông sẽ phải gửi lại cho chúng ta một cái vali chứa những món hàng cơm áo, hòa bình và tự do.

Nói đùa vậy chơi, chứ lúc nào chúng ta cũng nên nhớ lấy câu: *"Giúp lấy mầy; rồi trời sẽ giúp cho mầy"*.

CHỈ CÓ CÁI XỨ ĐÒN GÁNH NÀY LÀ HAY CHƠI NGÔNG

Hai cái thùng thì bằng lòng để cho ông Hônen san sẻ bớt đi một món hàng. Khổ rồi, còn thứ đòn gánh này thì nhất định không chịu. Họ giữ bo bo hơn người ta giữ mỏ vàng, sợ ông Hônen dòm ngó tới cái của báu ấy. Hôm được tin ông thượng lộ ra Bắc thì từ đầu tỉnh Phan Thiết cho tới đuôi tỉnh Thanh Hóa, trên con đường xe lửa dài dằng dặc hàng mấy trăm cây số, người ta thấy nhà ga nào cũng có lính đón, làm thành một mặt trận để chống không cho ông Hônen bén mảng xuống tới đất nhà vua, cũng như quân lính dàn dăng hàng trên bờ sông Ngô Tùng chống không cho quân Nhật đổ bộ vậy.

Không biết họ giữ lấy món hàng ấy làm gì cho lắm!

...

Báo *Sông Hương*, *tục bản*,
số 10, 9-9-1937.

NHỮNG MŨI TÊN NHỎ LÚC TÀU SUỐT CHẠY NGANG QUA

Sáng ngày 7 tháng chín vừa qua, ở ga Huế rất náo động. Thượng thư Bộ Lại, Phủ doãn Thừa Thiên, Bang tá thành phố Huế đến ga một cách trịnh trọng. Người ta còn chú ý thấy có ông cò Mêriăng, tên sen đầm Brây và một số đông tay sai, ai nấy vũ trang đến tận răng. Thêm vào đó một số đông bọn vô công, rồi nghề giậm chân vì sốt ruột và thế là anh có bức tranh toàn cảnh.

Đón Toàn quyền hay Khâm sứ mới? Không phải. Đó là đồng chí Hônen đi ngang qua Huế.

Người ta đã thấy cảnh dàn ra như trên của các quan chức địa phương ở ga Đà Nẵng ngày 28-8 khi ông Nghị Clisi đi Bắc Kỳ. Đồng chí chúng ta sẽ bảo "xứ Đông Dương hiền dịu này thật là một đất nước tươi đẹp! Đất thánh ở đó quyền lực chung dựa trên một sự hào nhoáng mà không thấy ở đâu có".

Trái lại, những tên cảnh sát, được lệnh rõ ràng đến đó với tư tưởng là có nhiều việc phải làm, thất vọng bèn thì thào bảo nhau: "Mẹ kiếp! Ông cộng sản này chả có vẻ gì là hung ác. Thật là ngộ nghĩnh khi người ta giới thiệu với chúng ta rằng ông ta là một kẻ hay xúi bẩy". Nhìn thấy Hônen bình tĩnh và đáng mến như mọi người, họ không thể tưởng tượng nổi.

Điều kỳ cục là trong đám quần chúng đứng khoảng cách xa nhà ga, người ta nghe được lời bí mật này của một nhà báo triều đình với bạn đồng nghiệp của mình:

"Bạn ơi, bỏ mẹ hiệp ước Patơnốt rồi! Chúng ta cãi vã vô ích. Chẳng phải là họ quyết định mọi cái ở đây chứ còn ai vào đây nữa? Có thể cam chịu cứ bẩy ngày một lần ủng hộ thật sự những điều phản sự thật? Nói nhỏ với nhau: Tôi bắt đầu chẳng còn can đảm nổi nữa! Quái quỉ thay là cái nghề của chúng ta! Thế mà cũng là một nghề hẳn hoi đấy!".

PHẠM NGỌC UYỂN *dịch*

Báo *En Avant*, số 5,
ngày 17-9-1937.

MỪNG BẠN ĐẮC CỬ DÂN BIỂU

Anh đắc cử, ừ anh đắc cử
Gượng mừng anh kẻo nữa vô tình
Riêng hạt này chức nghị đã nhường anh
Sao cho xứng, chớ vì danh mà bỏ nghĩa
Nghị dân cử anh ngồi một ghế
Trong nghị trường thay thế mặt muôn dân.
Trọng trách anh là vẽ rõ cảnh cùng, bần.
Trọng trách anh là đòi hỏi quyền lợi thiết thực.
Và hơn nữa anh vì dân đen đánh thức
Rõ lợi quyền lại biết hiệp lực về sau
Anh chớ như ai vào nghị trường như thể người đau
Lim dim đôi mắt, gật đầu cho xong
Chẳng nghị bàn tới quyền lợi riêng, công.
Chỉ búng tai, bóp miệng để đợi trông cấp phần
Anh chớ như ai vào nghị trường như thể người đần
Nói năng loạc choạc, quyền lợi dân thì chẳng dám yêu cầu
Nghị như thế, trong nghị trường chán vạn bấy lâu.
Nên xin phân cạn, để ngõ hầu anh xứng mặt làm trai.
Em không mong anh móc quả tim mà cống hiến trước mặt muôn người
Em chỉ trông anh dốc bầu nhiệt huyết, để mưu cầu một vài quyền lợi cỏn con
Phòng khi gió dập, mưa dồn
Dân đen ướt át hãy còn có chỗ cậy trông
Mấy lời xin tỏ nỗi lòng.

NGỌC SƯƠNG

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 11, ngày 23-9-1937.

VỊNH CẢNH THẦN KINH

Cái cảnh Thần Kinh cái cảnh gì?
Mồm thì mồm ếch, mặt lì lì.
Tiên long điên đảo cùng thiên hạ,
Dân biểu chui lên khắp mọi nơi.
Cờ bạc, phiện phè chơi đủ ngón,
Văn chương, chữ nghĩa rặt mùi hôi.
Miễn sao nắm bạc sài cho sướng,
Kệ ai chửi bới, kệ ai cười.

CẢNH THẦN KINH TỰ VỊNH

I

Rồi đây bầu lại "Béc manăng" [1]
"Moa" [2] cố ra công vận động hăng,
Một tháng trăm hai nghe cũng bở
Thôi mặc sức "Cười" [3], mặc sức "đăng" [4].

II

Chỉ tức mấy thằng con nít ranh,
Ăn rồi chỉ kiếm chuyện nói hành,
Nam triều đã phạt hai chục bạc,
Mà chúng nào đâu có biết kinh.

III

Nhưng mà bay phải "át tăng xương" [5]
"Moa" lắm người vì, lắm kẻ thương,
Vì bay cứ chọc vui "moa" mãi,
Người ta đóng cửa bay cùng đường.

---

1. Ban thường trực Viện dân biểu, tiếng Pháp là Permanent, đọc chệch ra thành "Bécmanăng".

2. Tiếng Pháp nghĩa là tôi.

3. Tờ báo "Cười" của Lê Thanh Cảnh chủ trương.

4. Tiếng Pháp nghĩa là nhảy đầm.

5. Tiếng Pháp nghĩa là liệu hồn.

IV

Rồi thì báo *Sông Hương* phải "mo" [1]
Bay hết chiếu điện "radio"
Hết hát Thanh Cảnh động đại náo
Thôi "moa" còn sợ đếch chi nữa.

CÙNG CÁC ÔNG NGHỊ

Tranh ghế nghị viên mòn túi bạc,
Quay vào thường trực để xoay xu.
Nhưng nghị trường có kẻ trí, có người ngu,
Đâu có phải rặt đám lu bù vì danh lợi
Ngày họp hội đồng nay sắp tới,
Các nghị tồi họ mới trổ đủ tài hay.
Nào nghị ghiền, nghị gật, nghị nhảy, nghị say,
Nghị cờ bạc, nghị giơ tay hùa với chúng
Các thứ nghị ấy là nghị viên lợi dụng,
Không thực lòng bênh vực lợi quyền dân
Nếu xét mình hèn nhát chẳng nên thân
Thì khuyên chớ ra tranh phần thường trực
Đừng thấy đồng tiền to mà ức
Máu mủ dân, nuốt ực dễ gì đâu?
Dân chúng tôi thành thực yêu cầu.
Bọn bợ đít, hoạt đầu và luồn cúi,
Ra ứng cử, xin quí ngài thẳng tay đánh đuổi,
Quyết một lòng đừng cử tụi ấy làm gì,
Chúng tôi xin nói "mét xì" [2].

Ý KIẾN MỘT NGƯỜI DÂN

Báo *Sông Hương, tục bản*.
số 1, 23-9-1937 và số 12, 7-10-1937.

---

1. Tiếng Pháp nghĩa là chết.
2. Tiếng Pháp nghĩa là cám ơn.

CHÚNG TÔI YÊU CẦU CÁC NGÀI NÊN CÓ MỘT MẶT TRẬN THỐNG NHẤT

Hai Viện dân biểu Bắc Kỳ và Trung Kỳ sắp khai hội. Viện Bắc Kỳ là khóa cuối cùng. Viện Trung Kỳ là khóa đầu tiên của cuộc tổng tuyển cử vừa rồi.

Quốc dân có phần để ý đến viện Trung Kỳ hơn, vì như chúng ta đã biết: Cuộc tổng tuyển cử vừa rồi đã kết quả một cách mỹ mãn. Những đám nghị viên sâu dân, mọt nước, nghị "ỳ", nghị "gật" đang bị thải bớt đi được một phần và những hạng thật lòng thương dân, mến dân, có phẩm cách, có tri thức đã được công chúng hoan nghênh tín nhiệm đưa vào nghị trường.

Muốn cho khỏi lòng kỳ vọng của quốc dân trong khóa đầu tiên.

Muốn cho dân chúng có một ít tín nhiệm trong khóa cuối cùng để hòng ứng cử khóa sau.

Lẽ tất nhiên là các ông nghị ở Bắc Kỳ cũng như ở Trung Kỳ phải gắng làm những việc có ích cho dân.

Mà muốn cho được việc, dầu ở viện Trung Kỳ hay Bắc Kỳ cũng thế, chúng tôi thiết tưởng các ngài cần phải có một mặt trận thống nhất.

Chúng tôi cũng biết rằng trong các ngài vẫn có nhiều chỗ khác nhau hoặc về quyền lợi, hoặc về chánh kiến, hoặc về tuổi tác, hoặc về học lực, nhưng đến việc công, đến với dân thời chúng tôi xin các ngài hãy xếp hết thảy những chỗ bất đồng ấy, cùng nhau thành thật tay nắm tay để làm việc mới mong có kết quả tốt được.

Các ngài chắc cũng thừa hiểu cái phản lực nó cản trở việc làm của các ngài không phải là nhỏ. Dưới cái chế độ hẹp hòi này, công việc của các ngài đã bị bó buộc đủ trăm điều, lại còn một hạng nghị viên cùng đốn, phản trắc, cố thọc gậy vào bánh xe của các ngài, như thế mà các ngài không chịu liên hiệp với nhau, như thế mà các ngài còn muốn sự chia rẽ thì thật là nguy hiểm vô cùng.

Mấy triệu cặp mắt đồng bào đương chong chọc nhìn vào thái độ của các ngài ở nghị trường.

Hỡi các ông dân biểu thật lòng thương dân, mến nước, hãy liên hiệp lại! Hãy có một mặt trận thống nhất!

Báo *Thời thế, tập mới,*
số 1, ngày 30–10–1937 và số đặc biệt về dân viện.

TÊN LÍNH CẢM TỬ TRONG VỤ BIỂU TÌNH CỦA DÂN CÀY HUYỆN TIỀN HẢI

Bảy năm rồi. Mà những ai ngày hôm ấy đứng trước cửa huyện Tiền Hải, đã được mục kích cảnh ấy, không thể quên nổi những chuyện đã bày qua dưới mắt.

Cửa huyện hôm ấy hỗn loạn làm sao. Có tiếng súng có khói bay. Có tiếng kêu la! Người chết, máu chảy, lính xông xáo. Cả đám người chen chúc hỗn độn, chạy vội trên đường, kinh hoàng sợ sệt, tức tối, căm hờn... Phải, đám dân quê kéo lên huyện không có ý định đánh phá, cướp bóc gì hết. Họ nghèo khổ, đói rách, dần dần bị đẩy vào chỗ chết. Nên họ lên huyện xin các "quan" cho họ sống. Nhưng, vừa tới cửa huyện, những người đi sau thấy hàng ngũ rung động, bước đi mắc ngẵng, rồi nghe súng nổ... Họ đâm đầu chạy như đàn vịt.

Nhưng bên đường mấy chục trẻ chăn trâu cắt cỏ vẫn đứng yên trên gò đất. Nghe chúng nói:

– Họp nhau lại để đối phó với trường hợp thằng cu Ba ngắc ngoải trước cửa huyện. Nếu nó bị thương nhẹ, nếu nó còn sống, họ đem tra tấn sợ nó khai ra thì nguy cả nút!

– Làm thế nào?

– Làm sao bây giờ?

Im lặng, rồi bốn cánh tay khẳng khiu giơ lên:

– Thôi, chúng mày về đi, lo thu xếp giấy tờ lại cất cho cẩn thận. Còn bốn chúng tao đi lên huyện xem thằng cu Ba còn sống thì phải khiêng đi trốn. Nếu nó chết thì nhẹ việc cho ta... Nhưng khổ cái ta đã thiệt mất một thằng đồng chí...

– Ấy, đừng nói thế..

– Đồ chó! Nào ai đã làm gì chúng nó? Người ta tay không, cùng nhau lên xin tiền công đắp đê, mong sống lấy vài ngày... Thế là nó bắn ...

Trước cửa huyện thây người ngổn ngang trên mặt đất, máu đỏ đóng vũng. Cu Ba nằm nghiêng, đầu gối lên tay phải, còn tay trái ôm vết thương ở ngực, đang thiêm thiếp vì quá đau.

– Cu Ba! Cu Ba!

Ba mở mắt, sợ hãi:

– Chúng mày còn lẩn quẩn ở đây làm gì? Về mau đi! Không khéo chúng nó bắt cả đấy!

– Đành thế! Nhưng mày có đau không?

– Thủng đến suốt ngực sao lại không đau? Nhưng vẫn sướng chúng mày ạ.

– Thế để chúng tao khiêng mày về nhé!

Ba lắc đầu. Bạn nó bảo:

– Ngộ nó tra tấn mày, mày không chịu nổi...

– Không chịu nổi thì tao chết chứ gì! Chết vì tranh đấu còn hơn sống khổ sống cực. Còn về chuyện kia chúng mày đừng lo, có chết tao cũng giữ kín.

Bọn trẻ yên lặng kéo về. Cu Ba mệt nhọc quay đầu nhìn theo, mắt rực ánh kiêu ngạo, miệng cười kiêu ngạo...

*

* *

Thằng Ba tuy bị thương nặng nhưng vẫn bị treo ngược lên cành đa, vẫn bị khảo đả trong huyện Tiền Hải, vẫn bị nghe mấy câu gắt gỏng: "Ai rủ mày làm cộng sản? Ai hay đi lại nhà mày? Bố mẹ mày hay đi lại nhà ai? Ai bảo chúng mày kéo nhau lên phủ huyện?"

Họ đánh nó mà không được một lời khai. Họ lại dỗ nó. Bao giờ nó cũng đáp:

– Lạy các quan, chúng con biểu tình là để đòi tiền công đắp đê. Nhà con thì có bà Chánh Năm hay đến đòi nợ; bố mẹ con vẫn đến trại cụ Cửu cấy thuê, cấy mướn; chúng con tự bảo nhau kéo lên huyện để đòi tiền công đắp đê thôi ạ, chứ hai tay không sao phá nổi huyện? Mà phá làm gì kia ạ?

Cu Ba còn nói thêm:

– Lạy các quan cho con về cắt cỏ, cho trâu ăn, kẻo cụ Cửu đánh con chết mất.

Các quan không làm sao được. Thì cho nó lên xe cam nhông về đề lao tỉnh.

Cả cái nhà lao ẩm thấp đó đang chật chội không thở nổi. Trong nửa năm trời cu Ba được đám tù tình nghi cộng sản âu yếm... Có gì cho cu Ba hết. Những đêm rét mướt họ thay phiên ủ ấp cho cu Ba. Tới ngày ra tòa họ tranh nhau cõng cu Ba.

Ở tù cu Ba thấy ấm áp, no đủ hơn khi đi cắt cỏ nằm trên lưng trâu nhà cụ Cửu. Ra tòa, cái "ca" cu Ba làm tòa bối rối.

Bối rối khó tuyên án! Không khép án nó thì lần sau nó lại cùng những đứa khác kéo nhau lên huyện biểu tình. Khép án nó thì biết lấy cớ gì, biết cho nó vào tội gì?

Biểu tình? Chỉ có thế thôi. Hay là buộc nó tình nghi cộng sản vậy! Cũng không được. Nếu thế chả hóa ra Đông Dương đã cộng sản cả rồi ư? Từ ông già đến trẻ con. Không kêu án được, không làm tội được, họ đành tha nó!

Hơn nửa năm giam cầm. Rồi cu Ba lại sống cái đời cắt cỏ chăn trâu, thỉnh thoảng nhớ lại cái cảnh no đủ ấm áp ở lao Thái Bình... Bảy năm qua. Chưa ai quên nổi cu Ba, tên lính cảm tử trong cuộc biểu tình oanh liệt của nông dân Tiền Hải.

KHUYẾT DANH

Báo *Bạn dân*, số 26,
10-11-1937.

VỊNH TRƯNG TRẮC

Nợ nước thù chồng dạ xót xa,
Áo xô mình ngựa kéo quân ra.
Sáu lăm thành huyện mây tan tác,
Toàn cõi Giao Châu gió thuận hòa.
Chống tướng Phục Ba không chịu khuất,
Tội thằng Tô Định quyết không tha.
Tấm lòng trinh bạch dòng sông Hát,
Tổ quốc muôn năm kỷ niệm Bà.

1937
HỒ XANH

Trích *Văn học yêu nước cách mạng (1925 – 1945)*. Tủ sách quê hương Hà Nam Ninh, 1980.

MỘT ĐÊM KHÔNG NGỦ

Đêm nay mình không ngủ,
Mình lo gần nghĩ xa,
Thằng Nhật đương phóng lửa,
Khói bay mù Trung Hoa!

Con "yêu vàng" hải đảo,
Mày có biết chi không?
Có biết làn "sóng đỏ"
Đương cuồn cuộn về Đông?

Hỡi hỡi vô sản Tàu!
Anh em mau tiến mau!
Hợp thành một khối lớn,
Cất ngọn cờ cho cao!

Hỡi vô sản thế giới!
Kìa bước đường thắng lợi:
Máu đỏ, ngọn cờ hồng!
Mau chạy theo tiếng gọi!

Mình ngẩng trông lên trời,
Trời lóe ánh sao mai.
Hy sinh vì nghĩa cả,
Những ai? Nào những ai?

1937
DƯƠNG LĨNH

Báo *Tin tức*, số 25,
24 – 8 – 1938.

ĐÓN XUÂN VỀ

Nhất niên xuân nhất độ [1]
Chúa xuân về ta vứt khổ để chào xuân.
Kìa trăm hoa đang đón rước tưng bừng,
Thì ta phải vì xuân mau bước tới.
Đời xuân muôn vật đều đua mới,
Nếu hững hờ xuân có đợi chi ai?
Chơi xuân đâu phải lối tiêu xài,
Nên hăng hái chen vai cùng xã hội,
Cùng lao động công nông binh trên thế giới,
Hợp một lòng thay đổi cuộc đời chung.
Vì bấy lâu nay bị áp bức bóc lột tận cùng,
Gặp xuân đến lạnh lùng ngơ sao được.
Nhân loại phước lai xuân cộng phước,
Càn khôn xuân mã chủng giai xuân.
Hẳn từ đây ta quyết vẫy vùng,
Để thoát ách chim lồng cá chậu,
Và gắng sức chung nhau tranh đấu
Đòi lợi quyền noi dấu bạn Liên Xô.
Muốn thành công nào có khó chi mô,
Càng thất bại, chí hy sinh càng kiên quyết,
Và giữ vững tinh thần đoàn kết.
Cuộc đại đồng sẽ kiến thiết nay mai,
Trời xuân nào phải riêng ai?

NGỌC GIỚI

Thơ văn cách mạng (1930 - 1945).
Nxb Văn học, 1980, tr. 286 - 287.

---

1. Mỗi năm xuân đến một lần.

CHỐNG MÊ TÍN

Tiểu dẫn: Tác giả chùm thơ này, đồng chí Trịnh Khắc Sản – Tỉnh ủy viên tỉnh Thanh Hóa từ năm 1934 – sáng tác để cổ động quần chúng chống mê tín. Bài I và II làm trong dịp làng có lễ kỳ phúc, viết dán cột đền năm 1936. Sau buổi lễ đó, đồng chí làm tiếp bài III và IV. Năm sau, 1937, trong làng làm lễ kỳ yên nhương phúc và tống tai nạn, đồng chí làm bài V thác lời thần hoàng mắng bọn kỳ hào bày chuyện cúng lễ để xôi thịt, rượu chè be bét. Bài thơ được bí mật gài dưới mâm cỗ, đang lúc tế lễ trang nghiêm, bài thơ bay ra giữa đám. Đọc xong bọn kỳ hào rất căm tức, đưa đơn lên Tri phủ kiện tác giả bài thơ đã nhục mạ "đàn anh" trong làng. Trong lúc phong trào quần chúng đang lên đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cải cách hương thôn, Tri phủ sợ không dám đưa vấn đề ra.

I

Nhân tiện qua đây hỏi chú thần,
Khoe rằng bảo quốc, hộ nhân dân.
Nước nghèo, dân túng sao không đoái?
Ra chỉ dối lừa để kiếm ăn.

II

Nước nghèo dân túng chú không hoài,
Chỉ biết gục đầu hưởng thịt xôi.
Dân chúng ngày nay không dại nữa,
Những thần như chú liệu đi thôi!

III

Phen này ta thử hỏi thần kỳ
Bảo quốc hộ dân được những gì?
Nước bị nén đè đang cực nhục
Dân vì hạn hán rất cơ nguy
Cớ sao ngoảnh mặt làm thinh đặng!
Chỉ biết gục đầu hưởng lễ nghi?
Như thế đừng khoe là bảo hộ
Từ rầy xin nhớ cụ dân chi.

IV

Tháng tư ngày tám lại vừa bàn,
Đức Phật ngày nay xuống thế gian
Rửa tội những phường mê tín bậy
Cứu nguy những kẻ hoặc vu càn
Song dân lương thiện đang kêu đói
Sao Phật từ bi cóc cứu nàn?
Hay bởi ít xôi cùng chuối oản,
Vậy mà đức Phật định ra gan?

V

Lễ nghi bày đặt khéo cho bày
Thử hỏi "nhượng" ai, "tống" được ai?
Há phải ta đi thu tế lễ
Cốt là đây đến xét gian ngay.
Tu thân nọ phải lương thần phúc,
Tích ác dễ mà tống quỷ tai!
Trong lệ nào riêng sao chẳng xét?
Lễ nghi bày đặt khéo cho bầy!

TRỊNH KHẮC SAN

Trích *Thơ ca cách mạng Thanh Hóa*
(Từ 1930 đến 19 - 8 - 1945), tập I.
Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1959

VÀO CUỘC CHIẾN ĐẤU MỚI

"Thất bại là mẹ đẻ thành công!"
Gươm tiếp vung, đạn tiếp lên nòng.
Chiến đấu bắt tay vào cuộc mới,
Muôn xích nghìn xiềng đạp vỡ tung!

Mùa hè 1937

NGUYỄN MẠNH HOAN[1]

(Phong trào kháng thuế ở Hà Đông)

Tài liệu do tác giả cung cấp.

BẺ XIỀNG

Yêu nước mà nên tội? Gớm thay!
Dở dang sự nghiệp... nghĩ càng cay!
Thuyền vừa rời bến buồm căng gió,
Lái bổng va cồn, lèo vướng dây.
Muôn mối thù sâu chưa quét rửa,
Bốn bề ngục tối đã tù đày.
Nghiến răng chỉ đất trời sông núi:
Bẻ nát xiềng gông quyết hẹn ngày!

NGUYỄN MẠNH HOAN

(Ngục Hỏa Lò Hà Nội. Đông 1937)

Tài liệu do tác giả cung cấp.

---

1. Nguyễn Mạnh Hoan sinh trong một nhà Nho nghèo yêu nước ở La Ca, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Bố tham gia Đông Kinh nghĩa thục, mất năm 1934. Mẹ là đảng viên cộng sản từ năm 1939, là cán bộ đặc nhiệm của Trung ương Đảng, hy sinh tháng 3 – 1942. Năm 1929, Nguyễn Mạnh Hoan tham gia Việt Nam quốc dân đảng. Sau khi Việt Nam quốc dân đảng bị thực dân Pháp khủng bố tan rã, Nguyễn Mạnh Hoan trốn tránh và được giác ngộ chủ nghĩa cộng sản. Năm 1938, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Thực dân Pháp bắt ông đi tù giam ở Hỏa Lò Hà Nội (1937), Hải Dương (1941), rồi Sơn La (1942 – 1943), Côn Đảo (1944 – 1945) đến tháng 8 – 1945. Năm 1971, ông nghỉ hưu.

Trong những năm tháng ở tù, Nguyễn Mạnh Hoan làm nhiều thơ, lấy bút danh là Thạch Toàn, Triệu Dương.

THƠ THỜI SỰ Ở HUẾ: CÁC CỤ ĐÁNH BẠC

Ngày mười tám, tháng mười An Nam,
Đêm thứ bảy, không có việc làm.
Cụ lớn ông, cùng bà cụ lớn,
Rủ nhau Tá lại với quan Tham.
Cùng nhau kéo đến viên Thừa phái,
Bà Bố khuân tiền ra hốt cái.
Các cụ, các quan thì đánh con,
Chú Bang, chú chủ lạ thầu xái. [1]
Trong nhà quí khách ráp yên sòng.
Ngoài ngõ, cụ Đề muốn lập công,
Cắt lính năm tên và một đội.
Mang badơnết [2] đến canh phòng,
Bát tiền, xí mấn [3] me trồi trụt.
Cụ lớn mười voi đều đã cút!
Mụ Đực đứng ra năm chục đồng.
Cụ vay hòng để gỡ đôi chút,
Thì may gỡ được bốn trăm tư.
Cất bớt ba trăm, để số dư,
Cụ quyết ra tay khôi phục hết.
Bạc kia trực sẵn đánh cho nhừ...
Thình lình một chiếc ôtô đỗ,
Lính đội khua nhau lại để ngó.
Mới biết xe Ngài Chúa ở trên,
Lính nhường mấy mệ vô rầm rộ...
Nhân khi bất ý chẳng ai ngờ...
Các mệ ra tay cứ việc vơ!...
Cụ lớn trầm tư, ngoài tiền chục,
Vơ xong mấy mệ kéo nhau sờ,

---

1. *Thầu xái:* là hùn phần với người làm cái bạc, tiếng riêng của con bạc.
2. *Ba dơ nết:* tiếng Pháp là baionnette nghĩa là lưỡi lê.
3. *Bát tiền, xí mấn:* tiếng riêng về cách đánh mệ đi nhảy qua lại.

Nhưng thần tài cụ còn đương đỏ,
Mấy mệ ra xa, quây chung nổ...
Lính, đội đua nhau tới thộp liền,
Tịch thâu chẳng xót đồng xu nhỏ...
Lấy lại tiền rồi đem Hộ thành,
Các quan bẩm cụ: "Hãy nên phanh!" [1]
Cụ truyền: "Đồ quỷ! Giam cho chết!"
"Sòng bạc bầy choa cứ tiến hành!..."
Dư luận Thần kinh rất náo động...
Người chê các mệ chơi đâm họng
Kẻ khen cụ lớn quá to gan!
Kỳ thật vì tiền chung một đống...

TÚ RIA

Báo *Thời thế*. Tập mới,
số 8, ngày 25-12-1937.

SÁT RƯỢU

Dưới ngọn đèn xanh mát,
Trên chiếc bục quang dầu,
Các quan đang uống rượu,
Ba bốn chị em hầu.

Một nụ cười thắm tươi,
Đôi con mắt sáng ngời,
Chị Liên làm say đắm,
Ôi, đắm say lòng người.

Chị phải uống "xăng tê"
Với quan Tham một cốc,
Lần lượt với quan Hàn,
Quan Huyện, rồi quan Đốc!

Tiếng cợt trêu ầm ỹ,
Xung quanh đóa hoa khôi,
Liên làm mê mẩn khách,

---

1. *Phanh:* Tiếng Pháp là Frain, nghĩa là hãm.

Bà chủ ta mỉm cười...
Các chị Thu, Nguyệt, Lan,
Ngồi kề bên các quan,
Cho các quan cấu véo,
Trông nhau khúc khích tràn.

Chị Liên đã say mềm,
Xin cho phép đứng dậy,
Tiếng cười lại nổ ran:
"Cô mình hãy ở đấy!"...

Mắt hoa, đầu láo đảo,
Liên gượng chạy sang phòng,
Miệng nôn ra lênh láng,
Mùi đưa lên chua nồng.

Chị rên, rồi chị khóc,
Làm các quan phải về,
Bắt đầu từ đêm ấy,
Chị nóng sốt ly bì.

Sau sinh ra khái huyết,
Người chị dần hao mòn,
"Cái Liên ho lao đấy!"
Nhao nhao lên họ đồn.

Khách một ngày một vắng,
Bà chủ chán về Liên.
Bà ra lườm vào nguýt,
Thương ôi, Liên nằm rên!

Bỏ nằm không thuốc thang,
Đến liệt chiếu, liệt giường,
Nghe đâu Liên sắp chết,
Đã xe vào nhà thương!

1937
DƯƠNG LĨNH

Báo *Tin tức*, số 40,
5-8-10-1938, tr. 1.

ĐI TÂN THẾ GIỚI

Ruộng sétti cấm hết,
Anh Môn phải làm thuê,
Chị Môn đi gánh nước,
Đói no, cho qua thì.

Lần lữa bao ngày tháng,
Bỗng có tin: mộ phu,
Đi sang "Tân thế giới",
Người ta trồng cao su.

Nghĩ đang cơn túng đói,
Anh liều bước chân đi,
Làm ăn may khá giả,
Một hai năm, lâu gì?

Anh bỏ vợ ở nhà,
Vừa được năm ngày qua,
Chị Môn hằng ứa lệ,
Mỏi mắt chân trời xa.

Cái chõng tre còn đây,
Chân chõng, cái điếu cày,
Mặt chõng đầy bụi bám,
Điếu bỏ không cả ngày.

Thì ôi thôi! Chiều nay,
Ông Lý báo cho hay:
"Mấy nghìn phu chết cả!
Tàu đắm đã ba ngày!"...

1937
DƯƠNG LĨNH

Báo *Tin tức*, số 34,
14-9-1938, tr. 1.

III. NĂM 1938

TÙ CỘNG SẢN

Chẳng phải thầy tu, chẳng sãi chùa,
Chẳng thần, thánh, cũng chẳng quan, vua,
"Ông tù cộng sản!" Chà, oai thật!
Lính gác, Tây canh đủ bốn mùa...

Bốn mùa đủ lính gác, Tây canh,
Sau, trước, ngoài, trong chắc tựu thành.
Tưởng giữ lỳ ta nằm ngục tối,
Hồn ta vẫn vỗ cánh tung hoành!

NGUYỄN MẠNH HOAN

Tài liệu do tác giả cung cấp.

Ta vẫn tung hoành khắp núi sông,
Khắp muôn phương phơi phới cờ hồng.
Hẹn hò tuổi trẻ xoay đời lại,
Đạp kiếp tù lao vỡ vỡ tung!

Xuân 1938
(Tại Hỏa Lò Hà Nội)
NGUYỄN MẠNH HOAN

Tài liệu do tác giả cung cấp.

PHỤ NỮ VỚI VẤN ĐỀ BÀI TRỪ THẤT HỌC

Tối hôm 16–3, tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), ông Nguyễn Trọng Thuật đăng đàn nói về vấn đề "Giải thoát trí tuệ cho phụ nữ". Ông nói trước linh trăm người, phần lớn là các nữ tín đồ phật giáo có tuổi. Thanh niên tới nghe cũng nhiều.

Đại ý diễn văn là: "Đạo Phật cứu vớt loài người ra khỏi bể khổ, không phân chia giai cấp, chủng tộc hay nam nữ... Trong sách Phật

có chống nữ sắc, nhưng đó là nói việc dâm dục. Ngoài ra, ngay trong hai kinh Kim cương và Pháp hoa, Phật chủ trương nam nữ bình đẳng. Nước ta theo đạo Phật, nhưng vẫn không theo được thuyết bình đẳng giữa gái và trai, đó là vì nhiễm quá sâu vào chế độ phong kiến và giai cấp. Bây giờ giai cấp đã mất, nhất là ở Âu, Mỹ, phụ nữ đã giữ phần việc trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Nhưng phụ nữ nước ta vẫn dốt. Tuy trong lịch sử, nhiều phụ nữ đã có tên, có tuổi. Tuy toàn thể phụ nữ phải gánh vác công việc gia đình, tuy "sĩ diện" mọi nhà không trực tiếp thì gián tiếp, nhờ người đàn bà. Tuy trừ các nhà quan thì phi nhờ mẹ, nhờ vợ thì không làm nổi cơ đồ. Tuy phụ nữ không học mà tiền nong công việc nhớ vanh vách... Tuy thế, không chữ nghĩa thì hại vô cùng, hại cho xã hội (không chủ trương nổi nhà cửa), hại cho giáo dục (không dậy nổi con), hại về tôn giáo (không hiểu kinh), hại về tín ngưỡng (tin nhảm, đồng bóng và xem bói). Dẫu Chính phủ đã mở trường, nhưng vẫn chưa đủ và vẫn chưa đem hết các khoa học ra dạy. Vậy yêu cầu: Chính phủ mở thêm trường, mở thi; cổ động từ thiện để mở trường học không lấy tiền... Hội Phật giáo dự định mở một nữ hiệu dạy cho con gái học chữ và làm nữ công. Hội sẽ khuyếch trương công cuộc đó. Làm như vậy đúng với chữ Giác tha của nhà Phật: "Dạy cho người bằng mình".

Không cần bàn những lý do ông viện ra, không cần phải đánh dấu vào những điều nhận định sai lầm, chúng ta thấy đại ý ông Nguyễn Trọng Thuật hô hào mở mang học vấn cho chị em phụ nữ.

Nói một cách khác, hô hào "bài trừ thất học giữa phụ nữ". Bỏ ra ngoài những quyền lợi riêng của chùa Quán Sứ, chúng tôi thấy ông Thuật có cái nguyện vọng tốt. Đứng trước nạn thất học quá to lớn ở Đông Dương, nó là một kết quả của chế độ xã hội nhưng cũng là một động cơ giúp thêm vào sự chênh lệch giữa số đông dân chúng và thiểu số phú hào. Đứng trước nạn ấy chúng tôi vui mừng thấy lời hô hào này tiếp theo lời hô hào khác, và chỉ đợi cá nhân này đến cá nhân khác, hội này đến hội khác, và toàn thể chúng ta cùng chung lưng đấu cật để bài trừ nạn thất học.

Không nhắc Phật Thích Ca, không nói tới chúa Giêsu, không cần vin vào đạo lý, đứng trong dân chúng, ta thấy sự cần thiết, ta thấy bổn phận phải đem sự hiểu biết thâm nhập đủ các tầng lớp. Nhưng ta không thể tự hào là những thánh sống do lời giảng dậy của một ông Phật hay một vị Chúa, đem ánh sáng soi đường cho loài người. Giúp vào việc "bài trừ nạn thất học", ta chỉ làm bổn phận của kẻ may

mắn được hiểu biết trước phần đông. Ta chỉ có thể tự hào vì ta làm hết bổn phận.

Luôn luôn nói tới "bài trừ nạn thất học", chúng ta không hề phân biệt nam nữ. Ông Nguyễn Trọng Thuật hô hào mở mang học vấn cho phụ nữ, nếu đó là một cách đánh dấu vào sự hệ trọng của công cuộc phải làm giữa phụ nữ, thì thật đáng tán thành hết sức.

Kết luận, chúng tôi mừng thấy ông Thuật, có thể coi là người đại diện cho chùa Quán Sứ, đồng thời cùng HỘI TRUYỀN BÁ PHỔ THÔNG HỌC QUỐC NGỮ, cất lời nói tới sự cần thiết mở mang việc "bài trừ nạn thất học". Chúng tôi sẽ mừng hơn nữa nếu có sự hợp tác thành thực, chặt chẽ giữa các phần tử tiến bộ, càng ngày càng bành trướng để tranh đấu cho thắng lợi, chống những sự khó khăn phải gặp trong công cuộc bài trừ nạn thất học.

T. K [1]

Báo *Tin tức*, số 1,
ngày 2–4–1938.

---

1. T. K: Tức Nguyễn Thường Khanh (1917 – 1947). Ông sinh trong một gia đình công chức ở thị xã Thanh Hóa. Năm 1936, đang học tú tài ở trường tư thục Thăng Long, Hà Nội, Nguyễn Thường Khanh được giác ngộ cách mạng và hoạt động trong phong trào thanh niên dân chủ. Anh viết cho các báo Cách mạng: *Tiểu thuyết thứ năm, Bạn dân, Thời thế* (1937), *Tin tức, Thế giới* (1938). Tổng biên tập báo *Người mới* (1939). Anh viết nhiều thể loại: phóng sự, truyện ngắn, dịch thuật, tiểu luận, làm thơ, bình luận thời sự chính trị và nghiên cứu chính trị, giới thiệu những vấn đề về chính trị và văn hóa Liên Xô, về Đoàn thanh niên Cộng sản Liên Xô.

Nguyễn Thường Khanh là người đầu tiên dịch tác phẩm nổi tiếng *Người mẹ* của M. GoócKi từ bản tiếng Pháp, đăng trên *Tiểu thuyết thứ năm* từ số 2, ngày 25-3-1937, qua các số 3, 4, 5, (trừ số 6) và 7, ngày 1-5-1937. Bản dịch chưa in hết, nhưng *Tiểu thuyết thứ năm* với tính chất là một tờ báo cách mạng ra đến số 7 là số cuối cùng, phải ngừng vì hết tiền thuê in.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Nguyễn Thường Khanh chuyển về hoạt động bí mật ở Thanh Hóa, viết báo *Bạn đường* của Tỉnh ủy, hoạt động ở chiến khu Ngọc Trạo (1941 – 1942). Anh bị địch bắt giam ở nhà lao Thanh Hóa (1942 – 1944), rồi đi nhà lao Buôn Ma Thuột (1944 – 1945). Đầu năm 1945, anh được chi bộ tổ chức cho vượt ngục cùng với một số đồng chí khác về hoạt động ở Nam Trung Bộ và tham gia giành chính quyền tháng 8–1945 ở đây. Kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Thường Khanh tham gia ở Khánh Hòa. Trên một chuyến đi công tác trên biển, anh bị địch bắt, giam giữ rồi thủ tiêu ở Nha Trang.

Nguyễn Thường Khanh sáng tác liên tục kể cả những năm tháng ở chiến khu cũng như ở trong tù. Trở về Thanh Hóa, anh viết truyện dài "Ngơ ngác", "Thằng Tuất".

Bút danh của Nguyễn Thường Khanh: T. K, Mạc Đỗ, Hồng Diên, Trần Mai Ninh.

Anh là tác giả cuốn *Cách đây 21 năm*, đồng tác giả với Đào Duy Kỳ – ký D. K và T. K – Tập sách Dân chúng, 1938.

VỚI NHÀ THI SĨ

Nước mắt của anh em vô sản,
Là nguồn thơ chảy ra vô hạn.
Sao ta không biết than?
Mà ta chỉ ngắm bông hoa rụng, mảnh trăng tròn.
Hoa rụng rồi hoa nở,
Trăng tàn rồi trăng tỏ.
Nhưng ai không cơm, không áo, không nhà,
Nào ai cho? Mà lấy ở đâu ra?
Ới hồn thơ ta?
Sao không hóa ra than lửa
Để nhóm bếp cho anh em làm bữa?
Sao không hóa ra sợi bông
Để may áo cho anh em mùa đông?
Sao không hóa ra tàu cọ
Để lợp lều cho anh em nằm ngủ?
Mà chỉ hóa ra dòng tơ đàn.
Đêm ngày tang tình chống nhà sang!
Ới anh, là anh thi sĩ
Anh yêu đời? Hay anh chuộng toàn mùi thanh quí?
Anh khen cái nhăn mặt của Tây Thi,
Anh quên cơn cau mày của gái quê,
Anh để ông đặt khách là cao phẩm.
Anh quên bác thợ cầy chân bùn lấm:
Anh khóc người yêu anh hững hờ,
Anh quên đứa mồ côi bơ vơ
Đời! Anh cho là vẩn đục
Người! Anh chia ra giai cấp.
Hồn anh bay bổng tít tầng mây
Anh cúi anh nhìn đám cỏ cây
Mấy triệu con người là tục hết
Chỉ một mình anh là băng tuyết

Hỏi anh: "Anh sống về tinh thần"
Nhưng lấy cơm đâu mà anh ăn?
Anh chê: "Người sống về vật chất"
Nhưng sao anh còn cần áo mặc!
Anh ơi! Nhân loại là một người.
Mà là con động vật đấy thôi.
Ai ai cũng hoàn cảnh chi phối:
Anh lánh xa là anh tội,
Anh vào hang đá ngâm thơ nhàn,
Quần chúng, anh ơi, đang lầm than.
Nước mắt anh em vô sản
Là nguồn thơ chảy ra vô hạn.

HỒ XANH

Báo *Bạn dân*, số 9, 4-4-1938.

VỊNH LÊ LỢI

Gió thổi hiu hiu mẫu ruộng vàng,
Anh hùng gặt lúa gánh giang san.
Đỏ hoe cờ nghĩa tầng mây rợn,
Bay tít gươm thần tiếng súng ran.

Một trận quân Ngô hồn phách lạc,
Mười năm đất tổ khói mờ tan. [1]
Rùa thiêng [2] ướm hỏi giờ đâu nhỉ?
Hồ kiếm trong veo, nguyệt chửa tàn.

1938
HỒ XANH

Trích *Văn học yêu nước Cách mạng* (1925 - 1945),
Tủ sách Quê hương Hà Nam Ninh, 1986.

---

1. Cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi phải mười năm mới quét sạch được giặc Minh ra khỏi đất nước.

2. Truyền thuyết về "mùa xuân" nổi lên khi Lê Lợi đi chơi hồ, Lê Lợi giơ gươm định chém, "rùa thần" ngậm gươm lặn xuống nước. Từ đó, hồ có tên Hồ Gươm.

THANH NIÊN XÍCH VỆ

Chúng ta là thanh niên xích vệ,
Chúng ta đây là vệ đội ngày sau.
Vì sinh trưởng trong đời đớn đau này,
Một là toàn thắng, hai là hy sinh.
Vì công lý, ta ra đấu tranh mau,
Mau đặng mà giải thoát cho nhân quần đây.
Dầu cho thịt nát, đầu rơi với lao tù,
Chúng ta quyết chiến đến khi thành công.

*
* *

Quân bay coi chừng,
Quân bay coi chừng.
Quân sát nhân, quân buốc doa [1], quân ngồi không
Thanh niên xích vệ ta đây,
Thanh niên xích vệ ta đây.
Mau xông pha tiễu trừ lũ bay
Trận huyết chiến lần sau cùng đã phát sinh ra
Đây là cuộc dấy lên của người bị áp bức lầm than
Trào lưu cách mệnh đã sôi nổi khắp nơi rồi
Phen này ta quyết giết quân tan hung
Quân bay coi chừng,
Quân bay coi chừng.
Thanh niên xích vệ ta đây.

Báo *Tin tức*, số 4, số đặc biệt
về 1–5, 23 – 30–4–1938.

---

1. Từ chữ Pháp bourgeois, nghĩa là người tư sản.

LỆ HẢI BÀ VƯƠNG

My Linh nghe sáo gầm trăng lạnh
Lệ Hải buông cờ cuốn gió mạy
Voi đạp rừng xanh, hoa tuyết bám
Gươm tung bể biếc, giải đào bay.
Trông trời, tim hút năm màu đá
Gieo ngọc tan mờ chín suối mây
Chỉ biết có thân và có nước
Máu vàng, cỏ ố bóng tà tây.

HỒ XANH

Báo *Bạn dân* số 12, 2-5-1938.

MỴ CHÂU

Đương lúc đền vàng lộng tiếng ca
Bỗng cơn gió táp lạnh lùng hoa
Nỏ thần đâu mất, giây tơ đứt
Lông ngỗng nhìn theo: bóng ác tà
Ngựa khuất mây mờ, lau biếc lộng
Lệ tan nước chảy bọt hồng pha
Bể Nam tự lúc hồn oan nổi,
Hỏi có đi về lối Cổ Loa.

HỒ XANH

Báo *Bạn dân* số 12, 2-5-1938.

TRƯNG NỮ VƯƠNG

Lệ tắm non sông ánh nguyệt tà,
Áo sơ mình ngựa kéo quân ra:
Năm mươi thành huyện mây tan tác,
Bốn lạy mồ chồng khóc thướt tha.
Ác rọi My Linh hóa kiếm loáng
Sương bay Lãng Bạc bóng sao nhòa.
Bây giờ khúc hát đêm im lặng
Văng vẳng thuyền ngư tiếng trạo ca

HỒ XANH

Báo *Bạn dân*, số 12, 2-5-1938.

SAU NÀY NHẮC LẠI...

Tôi còn nhớ dân Đông Dương năm ấy,
Có tên người, nhưng không có quyền người;
Tiếng bất bình vang dậy khắp phương trời,
Không sức cản phong trào đang tiến tới...

Rồi đến gần tháng Năm, năm ấy,
Dân cần lao như sẵn hẹn hò.
Như điện truyền, như ngọn sóng lan to,
Lời hiệu triệu biểu tình bày rộng rãi.

Rồi nam, nữ không cần phân giới hạn,
Tóc bạc cùng hoạt động với đầu xanh.
Toàn dân chung một khối nhiệt thành,
Nắm tay nhau để nêu lòng bất mãn.

Để đòi cải thiện cuộc sinh tồn,
Để hô nguyện vọng thiết tha, cấp tốc.
Để kêu chống phát xít và chiến tranh thảm khốc,
Và nhất là để gắn chặt kết đoàn!

Lần đầu tiên hai vạn người tụ tập,
Rất oai nghiêm, trật tự, hòa bình;
Lần đầu tiên họ đứng biểu tình,
Về chiến tuyến Bình dân gần thành lập.

Thôi từ đấy các tầng lớp nhân dân liên hiệp,
Ngọn trào lao động thẳng đưa lên.
Mặc kệ thù, mặc phá hoại, vẫn chắc bền,
Cuộc tranh đấu dẫu gây đời tốt đẹp.

Bạn hỡi, tôi kể sơ qua ngày ấy,
Và kể rằng, nếu có được ngày nay.
Ta phải nhớ lao động trong ngày ấy,
Đã nhiệt thành gây chiến tuyến phôi thai.

T. K.

Báo *Tin tức*, số 5, ngày 4 – 11–5–1938.

THOÁT VÒNG MỞ RỘNG

Tặng tất cả các thi sĩ

Phải, Hà Nội đẹp như bông hoa tươi đẹp,
Với áo đào, với má hồng tươi,
Với thanh niên hớn hở vui cười,
Với thiếu nữ đắm say lòng khách.

Nhưng Hà Nội không chứa riêng cái đẹp,
Vì, cạnh đường và gác rộng mênh mông,
Ta còn thấy túp con và ngõ hẹp,
Đầy phân, người với chó nằm chung.

Vì cạnh những tiệc trà long trọng,
Rượu sâm banh tưới ướt mặt bàn,
Còn có những thân hình vàng bủng,
Bên lề đường, bới rác vụn nuôi thân.

Vì cạnh những ô tô nhà lộng lẫy.
Trưng một vài con chó béo tròn,
Ta thấy những xe phân nặng nề đến gãy,
Đè mạnh lên mấy cái xác không hồn.

Vì, cạnh những tiểu thư sang trọng,
Ném đồng tiền như rác như rơm,
Ta thấy gái giang hồ "nhơ bẩn",
Dưới cây, đứng, bán tình, để kiếm miếng cơm.

Vì cái *khổ* nó tràn qua cái *sướng*,
Tiếng *kêu rên* lấn át tiếng *cười*.
Ta chẳng thể đắm vào *ảo tưởng*,
Hay bịt tai, nhắm mắt để quên đời.

Ta phải gác những vần mơ mộng
Gác về ngày qua và gác lại ngày mai.
Ngòi bút hiến cho đời đấu tranh, hoạt động,
Đập tan tành trái ngược giữa loài người.

Để, rồi đây, giữa cái vui chung đa số,
Ta đọc thơ ta và nghe đọc thơ người.
Để, rồi đây, không còn ân hận nữa,
Ta góp công xây *nghệ thuật* của nhân loài.

T. K.

Báo *Tin tức*, số 6,
ngày 14 – 21–5–1938.

SỨC NÀO BẰNG

Mưa tát, gió gầm, bể dậy sóng,
Đập tan nhà, đổ cửa, bẻ tan cây;
Nhưng thử hỏi: sức nào bằng Lao động,
Phá xích xiềng, xây xã hội ngày mai.

Đoàn cảm tử lướt tràn như sóng,
Giữa chiến trường, đầy khí thế, oai phong;
Nhưng thử hỏi: vững sao bằng Lao động,
Đối kẻ thù, cương quyết tiến công.

Bọn tư bản nắm tay đoàn kết vững,
Để ngăn đường lịch sử tiến lên cao.
Nhưng hỏi liên hiệp đâu bằng Lao động,
Trơ như đồng, sau bao vết thương đau.

Chúng tự hào: "Bác ái của ta sâu rộng,
Không có bờ, có bến, khó đo lường".
Nhưng hỏi bác ái sao bằng Lao động,
Hy sinh đời, xây đắp cái vui chung.

Lao động, ngươi phá như phong ba bão táp,
Người tiến lên không có sức gì ngăn,
Nhưng, lao động, ngươi sẽ dày công xây đắp,
Thay cuộc đời và cải hóa nhân tâm.

T. K.

Báo *Tin tức*, số 65,
ngày 21 – 28–5–1938.

TIỄN CHỒNG

Trên đường núi quanh co khúc khuỷu,
Đoàn tù nhân thất thểu bước lên
Mặc cho gió khóc suối rên
Mặc cho vượn hú chim rền thiết tha
Nỗi cảm xúc sương sa thành lệ
Đất oán hờn tỏa khí âm u
Hận sầu là đám mây mù
Nặng nề theo dõi đoàn thù xác ve
Một thiếu phụ lê thê lướt thướt
Đem sức tàn lần bước đuổi theo
Tù nhân dừng nghỉ lưng đèo
Khiến cho thiếu phụ mừng reo não nùng:
"Chồng em hỡi! Sao không đợi thiếp
Để cùng chung sống kiếp đoạn trường?
Lòng em áy náy xót thương
Bạn tình lâm phải bước đường nguy nan
Nào những cảnh ngày đêm cùm xích
Nào những phen binh dịch hiểm nghèo
Thân gầy kề miệng hùm beo
Mất còn thôi cũng phó liều rủi may".
Tù nhân muốn giơ tay đón vợ
Nhưng giây xiềng khó gỡ cho ra
Ngàn hàng lệ thảm nhỏ sa
Ân cần khuyên bạn thiết tha điều này:
"Ta thấy rõ một bầy ác thú
Đã hung tàn thấy rõ đời ta.
Nhưng ta phải nghĩ gần xa
Phận mình đã vậy, nước nhà thì sao?

Trong xã hội biết bao thảm trạng
Đang chôn vùi khắp hạng dân gian.
Biết bao tình cảm lầm than
Làm cho khổ nhục giang san giống nòi.
Ta nào phải hạng người mù điếc
Ham sống nhờ, sợ chết thanh cao
Cam tâm luồn cúi ra vào
Những nơi quyền quí khác nào chó muông
Ta quyết phải noi đường chiến đấu
Trải bao đời nhuộm máu anh linh
Đạp tan chế độ bất bình
Để rồi cùng sống trong tình tương thân
Không còn có những quân bóc lột,
Không còn phường chuyên hút máu người
Lợi quyền ai cũng như ai
Không nhân chủng tộc giữa người với ta
Không khinh miệt đàn bà ti tiện
Cùng bình quyền trách nhiệm như nhau
Thì trai hay gái mặc dầu
Cùng chung nghĩa vụ, cùng bầu nhiệt tâm.
Thôi em chớ có tần ngần chi nữa
Có yêu anh thì hãy nhớ lời anh
Tạm đây xin dứt mối tình
Quyết đem tâm chí hy sinh cho đời.
Anh sẽ gắng thoát nơi tù hãm
Phá cũi lồng núi thẳm, rừng sâu
Còn em một dạ trước sau
Việc nhà, việc nước mau cầu lợi chung!"
Giữa rừng núi trùng trùng điệp điệp
Một bóng người ngồi núp bên đường
Liễu gầy tấm gội gió sương
Trong lòng ôm mối tình thương hận sầu.

Dưới chân núi ào ào gió cuốn
Đưa tù nhân đến chốn xa xôi
Mưa sầu lã chã tuôn rơi,
Mây sầu phủ kín cảnh người biệt ly.

TRƯỜNG SƠN [1]

Tài liệu do gia đình tác giả cung cấp.

---

1. TRƯỜNG SƠN (1916 – 1980) là bút danh của ĐÀO DUY KỲ. Nguyên quán ở làng Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là tỉnh Hà Tây). Sinh ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp trường Quốc học Huế năm 1934, ra Hà Nội học ban tú tài, được giác ngộ cách mạng, anh gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1936. Trong thời kỳ vận động dân chủ, anh được Đảng cử ra hoạt động công khai, tham gia Đảng xã hội Pháp, chi nhánh Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ; phụ trách báo *Bạn dân* từ tháng 4–1937 đến tháng 11–1937, báo *Thế giới* của Đoàn thanh niên dân chủ và Tổng thư ký đoàn thanh niên dân chủ; viết nhiều bài cho các tờ báo cách mạng trong thời kỳ này – phần lớn là viết về những vấn đề chính trị và tổ chức hoạt động của thanh niên. Anh là đại diện của báo giới Bắc Kỳ dự Đại hội báo giới Nam Kỳ tháng 8–1939.

Năm 1940 – 1941, Đào Duy Kỳ là quyền Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư khu ủy khu Đ, gồm các tỉnh Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái. Cuối năm 1941, Trung ương Đảng điều anh lên công tác ở Cao Bằng. Tháng 6–1942, anh bị địch bắt, xử án chung thân, đày ra Côn Đảo, đến tháng 3–1945 về đất liền. Những tháng đầu kháng chiến chống Pháp, anh là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính miền Đông Nam Bộ. Năm 1946 ra công tác ở Trung ương, làm Tổng đoàn trưởng thanh niên; Trưởng ban huấn học Trung ương; Phó giám đốc trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương... Từ năm 1953, anh làm Vụ trưởng Vụ văn hóa quần chúng; Chủ tịch Hội đồng khoa học Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, thuộc Bộ văn hóa.

Đào Duy Kỳ có bút danh D. K, Trung Chính.

Tác phẩm:

– *Cách đây 21 năm,* Tập sách dân chúng, 1938 (viết chung với Nguyễn Thường Khanh, ký D. K và T. K).

– *Những người sống mãi,* 2 tập, Nxb Sử học, 1961.

– *Tuổi mười bảy,* Kịch bản sân khấu, 1979.

LỜI THƠ

Bấy nay bờ im lặng tiếng
Chèo mơ gác bến tâm hồn
Giờ đây bão tố sóng cồn
Thuyền thơ căng buồm lướt tới.
Yêu đất nước lòng tươi ân ái
Giận quân thù mặt tái hờn căm
Dặm đường thơ khúc khuỷu xa xăm
Ta có bạn đồng tâm họa vận
Lời thơ ta bắt nguồn vô tận
Tự đáy lòng quần chúng cần lao
Cao cao giương ngọn cờ đào
Đường dài gian hiểm ta nào sờn gan
Còn trời, còn nước, còn non
Người còn đau khổ, ta còn đấu tranh
Lời thơ tha thiết chân thành
Quyết vì đất nước cướp giành tự do

TRƯỜNG SƠN

Tài liệu do gia đình tác giả cung cấp.

BÃI PHÚC XÁ
SAU CƠN KHỦNG HOẢNG

Trước đây hơn một năm, vì việc dọn đường đón các quan khách, nên bãi Phúc Xá đã bị một lần tàn phá.

Đến nay (ngày 1–5) ông Cẩm bóp xanh cùng Lý trưởng và tuần đinh lại đến bãi Phúc Xá để diễn lại tấn thảm kịch hồi xưa, nói rõ hơn là ông cùng chân tay đi thu thuế đất.

Thuế đất thì người chủ nhà phải nộp, thế mà ông Cẩm bắt *các người thuê nhà phải chịu*. Thấy dân bãi cát không nộp, ông liền quát tháo cho khuân vác đồ đạc quẳng ra ngoài.

Nhờ một người chỉ dẫn, tôi đi từng nhà để xét dân tình một cách rõ ràng hơn.

Bước vào một nhà ở lô 364, tôi đã được chủ nhà, một bà già bủng beo, ẵm một đứa bé cũng bủng beo như mẹ – tiếp bằng một cặp mắt hoài nghi và một câu từ chối:

– Tôi chẳng biết gì cả.

Nhưng, sau khi người dẫn tôi đi nói cho bà biết rằng tôi chỉ là người nhà báo – chứ không phải người nhà nước – đi điều tra đặng can thiệp giúp vào, thì bà đổi ngay nét mặt và giọng nói: thế thì mời thầy ngồi chơi. Khổ quá thầy ạ. Những đồ đạc trong nhà đều bị vứt tung hết ra ngoài làm hư hỏng cả. Mà họ ác đến nỗi không từ cả bàn thờ ông vải.

Đến mỗi cái "ổ người", tôi đều nghe thấy những lời ta thán.

Trừ một vài nhà chủ đi vắng, nên cửa đóng kín mít. Đáng chú ý nhất là gian nhà chỉ có một tấm chõng tre, ở trên chen chúc 5, 6 mạng người. Mấy manh chiếu rách đắp trên người họ và để hở những bộ tay chân khẳng khèo đè chặn lên trên những đầu bù rối. Từ cái ổ ấy đã bắn ra một câu ngái ngủ:

– Có cái chõng tre, họ khuân ra thì mình lại vác vào.

Hạng người khốn khổ ấy cả đêm đi làm xe mệt nhọc, ban ngày chỉ cần có một cái hang đủ nhét thân vào nằm ngủ cho yên.

Như có người thông tin nhanh chóng, không mấy chốc mà tất cả vùng quanh đấy đã xôn xao chỉ trỏ và bảo nhau cho biết có người đến điều tra.

Có một ông già hăng hái quá, vừa dẫn đường cho tôi vừa la lớn:

– Này, các ông, các bà nhà nào bị khuân vác đồ đạc vất ra đường thì ra nói cho ông này ở nhà báo biết để ông ấy phản đối cho.

Thế là dọc hai bên đường ở thềm cửa mỗi nhà đều xúm xít người với vẻ mặt phẫn uất, và tự đấy đưa ra không biết bao nhiêu lời nói phân trần bi thảm.

TỪ NGƯỜI THUÊ ĐẾN CHỦ ĐẤT

Một người ăn mặc lối thợ thuyền, quần xanh áo vàng đứng lại trước mặt tôi:

– Có phải ông ở báo *Tin tức* không?

– Phải.

– Vậy nhờ ông nói rõ trên mặt báo cho rằng việc thu thuế này vô lý lắm. Điều vô lý thứ nhất là không báo trước cho người ta biết ngày nào thu thuế để sửa soạn tiền; điều vô lý thứ hai là không đòi tiền chủ đất mà lại đòi tiền người thuê; điều vô lý thứ ba là vô cớ xông và nhà người ta để khuân vất đồ đạc ra ngoài đường.

Chúng tôi chịu áp bức nhiều điều, nhưng dân đen bé miệng, ngắn cổ chẳng biết kêu ai được.

– Thế các người thuê có chịu đóng Thuế không?

– Phần nhiều dân ở đây nghèo lắm, kiếm ăn còn chưa ra thì bảo lấy tiền đâu mà nộp. Nhưng trước sự dọa nạt kia có người cũng phải vay mượn hay có cái nồi, cái sanh đem bán lấy ít tiền để nộp thuế. Mấy hôm nay thật chúng tôi khổ sở trăm đường.

Anh thợ giới thiệu cùng tôi một bà chủ đất, người tiều tụy xanh xao, có vẻ lo lắng. Bà kể cho tôi rõ cái gia cảnh nghèo túng của bà.

Ông thử nghĩ thân phận bần cùng không thể ở trong phố được, nên đành phải ra đây. Làm được hai gian nhà tốn mất 30 đồng bạc, tiền đổ đất 50 đồng bạc, tiền dựng nhà đấy là chưa kể các khoản phí tổn khác.

Cho thuê mỗi tháng hai gian được 1 đồng 2 hào, chỉ đủ tiền sửa sang mỗi khi bị bão lụt làm hư hỏng. Thế mà mỗi năm phải đóng 3 đồng tiền thuế, ông nghĩ có ức không? Vậy nhờ ông can thiệp hộ để nhà nước giảm thuế cho.

Vẻ người của bà "chủ đất" đã chứng thực lời nói của bà, và nếu bà không có người giới thiệu thì tôi cũng chỉ cho bà là một kẻ khốn nạn trong nghìn vạn kẻ khốn nạn đang nheo nhóc sống trong cảnh đói khổ.

ĐƯỢC MỤC KÍCH TẤN THẢM KỊCH

Sáng ngày 13, có người cho biết tin ông Cẩm bóp xanh đang "làm việc" ở ngoài bãi Phúc Xá. Tôi lật đật đi ngay. Tấn thảm kịch mà mấy hôm nay đang luẩn quẩn trong óc tưởng tượng của tôi, hôm nay đã diễn ra rõ ràng trước mắt tôi. Lô 183 đã buộc tôi phải dừng chân đứng lại. Một đống giường tủ, bàn ghế chồng chất ngổn ngang, ở trên phủ mấy tấm chiếu rách.

Chủ nhà nghèo quá chưa chạy ra được tiền, nên đành để đồ đạc của mình nằm phơi nắng.

Qua vài nẻo đường tôi thấy một đám đông chỗ người ta thu thuế.

Một ông già, tiền cầm sẵn ở tay, tất tả chạy đến. Người Cẩm chỉ vào ông ta và sừng sộ:

– Có phải lão kia đã gởi đơn kêu quan Thống sứ không?

Ông già vội đáp:

– Bẩm không, con đâu dám.

Một người đứng cạnh bảo cho tôi hay rằng dân Phúc Xá hạ đã đệ ba cái đơn cho Phủ Toàn quyền, Phủ Thống sứ và Toà Đốc lý, nên bây giờ người Cẩm mới nghi cho ông già và dọa nạt.

Ở lô 276, chủ đất thiếu tiền phải chạy đi vay, nhưng vay không đủ. Người Cẩm buộc các người thuê phải bỏ tiền ra trả hộ, nếu không sẽ vất đồ đạc ra ngoài đường.

Một người đàn bà đứng trên thềm phản đối:

– Tiền đâu mà vay với mượn?

Rồi đến lô 234, chủ đất đi vắng, người thuê nhà phải nộp thuế thay. Người này không có tiền, tức thì lệnh truyền cho bọn tuần đinh

khuân vác đồ đạc ra ngay. Một người đàn bà ẵm con ở trong nhà chạy ra vừa khóc vừa ta thán:

– Khổ thân tôi mới dọn ra đây được mấy hôm. Tôi đã bảo đừng xuống dưới bãi làm gì, hết nạn cháy lại đến nạn khuân đồ vất ra đường, hu, hu...

Tiếng khóc của người đàn bà cũng như tiếng kêu van của những người khác, nào có hiệu lực gì trước những quả tim bằng đất sét.

Và tấn thảm kịch kia cứ kéo dài ra mãi cho đến khi túi bạc mà người cảnh sát cầm ở tay được đầy thì mới kết liễu. Nhưng nó chỉ tạm kết liễu thôi, rồi chẳng bao lâu nữa nó sẽ trở lại với những điều tai họa mới.

KẾT LUẬN

Chính phủ thường áy náy về việc làm rối cuộc trị an, nếu chính phủ hỏi chúng tôi: "bọn khuấy rối trị an ở đâu?". Chúng tôi xin trả lời gọn ghẽ: "chúng nó đấy".

D. K.

Báo *Tin tức*, số 7,
ngày 21 – 28–5–1938.

NHẶT TÀI LIỆU CHO CÔNG CUỘC CHỐNG THẤT HỌC

Tháng ba, Nha Học chính cho ra một số đặc biệt, phụ vào số thường của tập kỷ yếu (Bulletin Général de l'Instruction publique). Số ấy lại nhập vào kỷ yếu tháng tư, chung vào các bài thường. Đó là một bản: "Điều tra về nạn thất học ở hương thôn một tỉnh miền Bắc Trung Kỳ". Thật là một tài liệu có giá trị do bác sĩ P. Sênô cống hiến cho văn khố Đông Dương.

Theo sau đây, chúng tôi muốn:

a) Cho các bạn biết cái kết quả chính của cuộc điều tra ấy;

b) Chỉ rõ sự cần thiết của công cuộc chống nạn thất học đối với việc cộng tác giữa chính phủ và dân chúng;

c) Kêu gọi sự hợp tác giữa các phần tử dân chủ, tiến bộ, không phân biệt mầu da.

ÔNG SÊNÔ ĐÃ THẤY GÌ?

Bác sĩ điều tra ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trung bình một cây số vuông có 170 dân cư. Huyện ở giáp giới đồng bằng và núi, có thể coi như hình ảnh đặc biệt một huyện Trung Kỳ. Không có thể so sánh huyện ấy với miền hạ du quá đông đúc, hay miền thượng du quá ít người. Nhưng đây là những sự nghiệp xét trung bình rất đáng chú ý. Nên nhớ rằng bác sĩ loại số trẻ con dưới 10 tuổi.

Bác sĩ Sênô thấy:

1. Trong một làng có một trường Kiêm bị dạy đến lớp nhất: đàn ông 13% biết chữ Pháp; 33,7% biết quốc ngữ; 16,1% biết chữ Nho. Về phía phụ nữ thì: 0,7% biết chữ Pháp; 2,8% biết quốc ngữ; không ai biết chữ Nho.

2. Trong một làng có trường sơ học (école élémentaire): bên nam có 9,2% biết chữ Pháp; 16,7% biết quốc ngữ; 11,2% biết chữ Nho. Phụ nữ biết chữ Pháp: 0,2%; biết quốc ngữ: 1,4%; không ai biết chữ Nho.

3. Trong ba làng không có trường: bên nam có 0,8% biết chữ Pháp; 3,7% biết quốc ngữ; 6,9% biết chữ Nho; phụ nữ biết quốc ngữ: 0,2%; không ai biết chữ Pháp và chữ Nho.

Mà ta nên chú ý: *Tỉnh Thanh Hóa có 1.995 làng, trường học chỉ có 200 cái*, cũng nên biết rằng tỉnh Thanh Hóa xưa nay nổi tiếng là văn vật, đã sản xuất ra nhiều nhân tài. Nhân tài ấy đã đành là chỉ sản xuất ở dinh Tổng đốc và từ lầu gác phú hào! Chứ không có ở giữa đại đa số dân chúng!

RẤT CẦN CHỐNG NẠN THẤT HỌC

Đứng về quan điểm dân chúng, nhiều bạn trước tôi đã nói rõ sự cần thiết trừ nạn thất học cho dân Đông Dương. Các bạn đọc trở lại những số *Tin tức* và *Thời thế* trước thì thấy rõ. Đây tôi đứng về quan điểm chính phủ.

Các bạn nên biết ông Sênô (hiện làm chánh y sỹ ở nhà thương *Thanh Hóa*), vì muốn cho ra một quyển "Hướng dẫn vệ sinh cho lý dịch hương thôn"(Guide sanitaire à l'usage des Notabilités communales), nên mới đi điều tra trình độ học vấn của dân chúng sau lũy tre, có ý nghiệm xem sách in ra có ai đọc được không, dùng được không. Ta thấy rằng hình như kết quả rất đáng buồn, hình như ông Sênô phải chậm cho ra quyển "Hướng dẫn vệ sinh". Phải, sau lũy tre, chưa ai dùng được gì hết. Giấy tờ, đơn khế, trát quan sức, họ còn nuốt chưa trôi, yết thị, cáo bạch, sổ cử tri không mấy người đủ sức mà nhìn đến. Thất học là một nạn ngăn rào hết các ý nguyện tốt của cơ quan hành chính nếu nó có. Thất học không bổ khuyết được những chỗ thiếu của lệnh trên. Thất học không thể vạch cái sai, cái hiểu lầm tình trạng của một tờ sức. Mà nhất là thất học không thể hiểu tất cái ý chính của thượng lệnh, làm chậm trễ việc quan, hại cho toàn thể bộ máy cai trị.

Tôi thấy rằng công bố kết quả cuộc điều tra của bác sĩ Sênô, Nha Học chính – một bộ phận trong chính phủ – đã kín đáo công nhận sự cần thiết bài trừ nạn thất học. Mong rằng chúng tôi không đoán sai sự thực.

HỢP TÁC!

Kinh nghiệm hàng ngày cho ta thấy rằng sự tàn bạo, dã man, quái ác, không phải là độc quyền của màu da nào. Nhưng ta thường thấy óc dân chủ, tự do muốn cho dân Đông Dương tiến hóa không phải riêng của một màu da vàng hay trắng. Ta đã thấy ông Bécna kết án chế độ thương chính dưới trời Đông Dương. Ta đã thấy Yvơ

Hăngri kín đáo phàn nàn về sự tập trung và lũng đoạn điền thổ. Có thể nói rằng về mỗi mặt của sự sinh hoạt dân Đông Dương, ta đều thấy trạng sư hoặc tâng bốc, hoặc chỉ trích nó.

Lần này, đối với nạn thất học, ta đã gọi được tên một bác sĩ. Còn bao nhiêu người nữa thành thực muốn dân Đông Dương sống một cuộc đời hợp lý, không phải sung sướng gì, nhưng ít ra phải có nghĩa. Còn bao nhiêu phần tử tiến bộ vô tư không có ý giam cầm tới đại đa số dân Đông Dương trong vòng vô trí thức để dễ bề bóc lột? Còn bao nhiêu người đã biết đau buồn vì cái dốt nát của họ? Phong trào chống nạn thất học đã nhóm lên, nó gặp bao nhiêu sự cản trở, nó bị trì hoãn vì bao nhiêu cớ. Nhưng hiện giờ, mặc dầu khó khăn, cản trở, "Hội truyền bá quốc ngữ" đã dần dần đi vào việc thực hành, và hôm thứ tư ngày 25 tháng 5, nó đã tổ chức một buổi diễn thuyết cổ động. Sao chúng ta không kịp gom góp lực lượng để gắng thực hiện dần dần cái nguyện vọng nhân đạo mà chúng ta mang trong tâm trí?

T. K.

Báo *Tin tức*, số 8,
ngày 28-5 - 4-6-1938.

CÁ NHÂN HÀNH ĐỘNG
MỘT CHỦ TRƯƠNG SAI LẠC

Có nhiều vụ tự tử người ta không để ý đến. Nhất là những vụ lao động tự sát lại càng bị quên lãng, nhưng vụ anh Đinh Văn Can, tức Mít moi ruột tự sát bên Gia Lâm thì được rất nhiều người nói đến. Mà nó đáng được nói đến thật. Vì nó lạ. Nhất là vì nó có thể coi như một biểu chứng của thời hiện tại.

Ta hãy nhắc một mẩu chuyện đã qua; năm ngoái anh Mít còn là một thợ mộc trong nhà máy Gia Lâm. Vì một cái lưỡi cưa bị đốc công Títxerơ coi là dũa xấu, anh bị phạt, không được lĩnh tiền thưởng. Phạt ngày 24 tháng 5. Sang ngày 26 tháng 5, lại bị phạt nữa. Một thợ chuyên môn làm trong nhà máy đã 12 năm, từ thuở 24 tuổi đến 36, nay bị phạt, ức vì một viên đốc công mới hay kiếm chuyện, anh Mít tức giận lấy đục thợ tiện đâm bụng tự sát. Nhưng rồi chữa khỏi. Hồi ấy, còn ở tờ *Bạn dân* do anh Đào Duy Kỳ làm chủ nhiệm, chúng tôi đã thường được gặp anh Mít. Gặp anh lúc anh vừa ở bệnh viện bước ra vừa mất việc, vừa bị đuổi ra khỏi gian nhà của sở.

Chúng tôi rất đỗi ngạc nhiên lúc thấy anh đưa lại một bức thư nhờ đăng báo (*Bạn dân* số 9, ngày 24–6–1937). Trong đó có nhiều câu đáng chú ý vì nó ở một người thợ Đông Dương bị xiềng xích, ràng buộc, đè nén tột bậc trong ngục nhà máy.

"... Ức quá tôi trở về chỗ làm, lấy cái lưỡi đục dài 60 phân, một đầu tì vào cái máy, một đầu tì vào bụng, đâm thật mạnh để đưa hồn về chín suối, chào anh em mà ngủ một giấc ngủ thật dài..."

"Nào ngờ, người ta lại đem tôi đi vào nhà thương để các quan đốc tờ lại đánh thức tôi dậy, để mà lại trông thấy các anh em..."

"... Lượng trên, phận hèn làm sao được người trên thương tới? Tôi đương gặp vòng quẫn bách thì anh em có vào thăm hỏi rồi gom góp cho tôi 35 đồng để chữa thuốc. Những lúc khốn khổ, tôi xin đa tạ tất cả anh em nhà máy. Trước kia tôi thường nghĩ những lúc gặp cơn khốn quẫn chắc hẳn được người trên cứu giúp. Đến nay tôi mới hiểu rằng chỉ có đồng giai cấp mới giúp đỡ cho nhau thôi..."

Rồi đến vụ hỏa xa đình công. Anh Mít đã nêu một tấm gương đoàn kết khó bì. Trong nhà anh, có gì quý giá như va li, quần áo, anh đem bán đi để ủng hộ thợ Trường Thi đình công.

Hơn nữa, tuy mất việc, tuy sắp xin được vào làm ở ga Hà Nội, anh Mít có ý bắt đầu hoạt động cho sự giác ngộ các anh em khác. Anh định mở một gian hàng bán báo, sách tả: *Bạn dân*, *Thời báo*, ở ngay bến ô tô. Nhưng trong lúc liên lạc với anh Mít, chúng tôi nghiệm thấy rằng cạnh sự nhận thức đầy bất bình của hiện trạng lao động Đông Dương, cạnh một tấm lòng tốt vô kể, cạnh một sự hy sinh không đo lường được, anh Mít vẫn nuôi một chủ trương lạ lùng: cá nhân hành động! Anh thường nói với chúng tôi: muốn nhập vào một gánh hát cải lương, đi khắp nơi, hát to trước mọi người những nỗi đau khổ, bất bình, tấm tức của lao động, muốn được đem ra giữa tòa để tố cáo mọi sự đau thương của thợ.

Thế rồi cách biệt.

Con người trong xã hội này, vì công việc, nhiều lúc không thể nào nhớ đến những mối cảm tình dễ chịu, nó làm vui cho cuộc đời.

Thế rồi trưa thứ tư 18 tháng năm, hồi 12 giờ; chúng tôi được tin anh Mít lại tự tử. Thê thảm hơn, ghê gớm hơn.

Bao nhiêu điều chúng tôi biết thêm: sinh hoạt khó hơn trước, làm việc cho một hãng ôtô ít lương hơn trước... Nhưng bao nhiêu điều chúng tôi không biết: từ trước tới nay, anh đã qua bao nhiêu cấp bậc của sự giác ngộ. Anh đã thấy bao nhiêu kết quả của chiến lược Mặt trận bình dân? Anh đã cảm bao nhiêu lần sự thắng lợi của giai cấp cần lao? Chúng tôi không biết.

Nhưng chúng tôi có thể đoán chắc rằng: Không! Anh Mít không bị đầu độc vì một tiểu thuyết nào hết! Anh không say mê "tinh thần Nhật Bản!". Nguyên do sự tự sát chỉ ở thực tế, ở đời sống của anh, một dân lao động.

Một dân lao động chưa hoàn toàn giác ngộ, hoặc giác ngộ không phải đường! Nếu anh thật được hoàn cảnh giác ngộ đúng đắn thì anh đã đi vào Ái hữu để tự huấn luyện, để nắm tay anh em khác, sắp sửa nhẩy lên nghiệp đoàn. Anh không cần tỏ khả năng của lao động bằng sự can đảm kia. Anh không vội vàng đi sang thế giới khác, có lẽ để trốn thế giới này. Anh đã cương quyết bám vào đời sống, chịu đựng hết nỗi đau thương để bước này theo bước khác, sẽ giải phóng cho

mình và các bạn đồng thời, nếu không cũng giải phóng cho đàn em hăng hái bước theo sau.

Trước linh cữu anh Mít, chúng tôi ngả mũ chào cái tinh thần, cái can đảm của anh. Nhưng chúng tôi ngậm ngùi thương tiếc một phần tử tốt nhưng không biết đi con đường đúng. Và chúng tôi hô to:

"Tới đây, anh em nên ngả mũ, nhưng anh em nên biết tránh con đường anh Mít, anh em phải đoàn kết, phải dùng năng lực của mình một cách xứng đáng và hiệu nghiệm!"

T. K.

Báo *Tin tức*, số 8,
ngày 28-5 - 4-6-1938.

BUỔI DIỄN THUYẾT CỦA HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGỮ

NGƯỜI ĐẾN DỰ

Tối 25 tháng 5, Hội truyền bá quốc ngữ tổ chức một cuộc diễn thuyết nói về nạn thất học ở xứ ta và cổ động cho công cuộc của mình. Rất đông người đến dự. Cái sân quần của Hội Việt Nam thể dục quá chật hẹp đối với số mấy nghìn người đủ các giới. Đã đành là anh chị em lao động đến nhiều. Trong bất cứ một công cuộc xã hội nào, anh chị em lao động, tiểu thương đều nhiệt liệt tham dự. Hơn nữa, Hội truyền bá quốc ngữ tuyên bố dựa vào bình dân và thành phần của nó, nếu có những thành phần lừng chừng thì cũng có những phần tử cấp tiến rõ ràng. Về phần tư sản và tiểu tư sản đến nghe diễn thuyết cũng đông. Các chị em xinh tươi, nhã nhặn rất nhiệt thành làm công việc mà ban tổ chức đã giao phó cho: đem giấy đi lấy địa chỉ và các chữ ký của hội viên tương lai.

DIỄN THUYẾT

Ông Nguyễn Văn Tố ở Trường Bác Cổ nói trước (nói tiếng Pháp) về lịch sử sơ lược của chữ quốc ngữ, sự tiện lợi của nó, ý định đem nó truyền bá vào quần chúng, hương thôn. Ông giới thiệu các diễn giả, rồi hô hào: "Chúng tôi cảm ơn các ngài, các bạn đã tới đông như vậy, tỏ thiện cảm đối với hội mới. Giúp hội, các bạn sẽ tỏ rằng liên hiệp vì một tấm tình chung đối với sự hiểu biết và sự hành động, các bạn là một đội binh, một đội chiến sĩ tranh đấu cho công cuộc hay ho, ý nghĩa... Các bạn nếu đem lại cho chúng tôi ít phần yêu chuộng lý tưởng, ít phần lực lượng trẻ trung, ít phần dũng cảm làm việc hay các bạn nên đem lại cho chúng tôi sự nhiệt tâm của những người quên mình vì công việc đương theo đuổi..."

Đến ông Phan Thanh cũng nói tiếng Pháp. Nói về mục đích và phương pháp hành động của Hội. Nhưng trước hết ông nói tình trạng khốn nạn của sự học ở nước ta, cái tỷ số ngu dần đáng sợ, cái khốc

hại của nạn thất học. Theo đó, ta phải nhận rằng "bây giờ cần kíp lắm rồi, chúng ta cần tổ chức một liên đoàn to rộng để chống lại cái đại họa kia, sự dốt nát của dân chúng. Vì tối đại đa số không thể đi đến trường mà học được. Trường học cần phải đi tới họ. Trường học phải gia tăng, phải thâm nhập vào các thôn xóm và khu thợ thuyền. Trường học phải đem vào các túp lều tranh, các xưởng máy một chút ánh sáng, hiện giờ là độc quyền của một thiểu số. Quần chúng lao khổ đau thương có quyền hưởng ánh sáng ấy..." Ông nói qua các công cuộc chống thất học từ trước, bị cô độc, rồi dần dần thất bại. Bây giờ, Hội truyền bá quốc ngữ cốt mở trường, và giữ cho nó sống, chương trình thích hợp với các xứ, các miền... sau nữa cần thư viện, diễn thuyết, đàm thoại. Kết luận, ông nói rằng "công cuộc to tát lắm, nhưng chúng tôi nhìn bằng con mắt lạc quan, tin chắc rằng không phải riêng chúng tôi theo đuổi nó..."

Kế tiếp, bà Vũ Ngọc Phan lên diễn đàn nói về phần chị em phụ nữ trong công cuộc chống nạn thất học. Bà cất lời nói rõ cái tình trạng đáng buồn của phụ nữ đã không có phương pháp mở mang trí não, lại còn bị những người phản đối việc giáo dục phụ nữ ngăn cản không cho học. "Nhưng lẽ phải bao giờ cũng thắng". Ngày nay, phụ nữ các nước Anh, Mỹ, Pháp, nhất là Nga đã tiến. Phụ nữ Việt Nam trừ những người trong giai cấp thật phong lưu, đại đa số thất học "đang cần người hướng dẫn! Chúng ta được cái may hơn chị em bình dân. Vậy truyền bá một nền phổ thông giáo dục cho chị em, để trình độ chị em được cao hơn là nghĩa vụ của chúng ta đó...". Bà nói tiếp về sự ích lợi của học vấn; biết vệ sinh, tránh nạn yểu vong, hủ tục và mê tín, hưởng cái quí của gia đình có học, thay đổi đến cả xã hội. Tốt hơn nữa là chữ quốc ngữ lại dễ học.

Bà nói đến công cuộc chống thất học mà hai nước đã treo cao gương: Pháp và Nga. Quay về nước nhà, bà nói sự cần thiết chống thất học, sự hợp thời của Hội truyền bá quốc ngữ. Bà Vũ Ngọc Phan với bài diễn văn tiếng Nam vạch rõ sự thật, được hoan nghênh nhiệt liệt.

Cuối cùng, ông Trần Văn Giáp nhận "nhắc qua lại mục đích và chương trình của Hội truyền bá học quốc ngữ". Chú ý là chương trình của Hội do ông Giáp nói rõ được hoan nghênh: "1. Lập các lớp dạy học cho tất cả mọi người mà không lấy tiền. 2. Làm sách in ra cho học trò cũng không lấy tiền". Ông kết luận "Mục đích và chương

trình của Hội chúng ta tuy tóm lại chỉ có mấy điều, nhưng công việc to tát lắm, tốn kém lắm và lại cần kíp nữa! Nào dạy học các nơi, nào in sách biếu không. Nhưng công việc ấy trông vào đâu? Xin anh em mỗi người một tay, mỗi người hy sinh một chút. Đó là nghĩa vụ chung của mọi người, việc công ích này thật không nên trì hoãn, xin anh em kíp hưởng ứng để chúng ta chóng cùng nhau *làm việc, làm việc* cho quốc dân, tránh khỏi sự không biết quốc ngữ".

KẾT QUẢ NGAY HÔM ẤY

Lời hô hào của diễn giả gặp cái ý chí tốt của các người đến nghe, nên kết quả hôm ấy đáng cho ta lạc quan đối với công cuộc xã hội này, xã hội đã tiến bộ, tiến chậm nhưng chắc chắn. Tuy những buổi chợ phiên, chơi đùa, hành lạc cũng còn kêu gọi được nhiều người, nhưng trái lại, các công cuộc xã hội đã tập hợp được nhiều phần tử thành thực, sốt sắng. Kết quả ngay hôm đó là nhiều người đã đăng tên vào Hội truyền bá quốc ngữ.

T. K.

Báo *Tin tức*, số 9,
ngày 4 - 11-6-1938.

TUYỂN CỬ CA

Cuộc tuyển cử đến nơi rồi[1]
Bà con các tỉnh còn ngồi đợi chi?
Sốt sắng lên, hoạt động đi!
Ân cần căn dặn cử tri[2] hạt mình
"Khóa này bạn phải thực tình
Ai đủ tư cách thì mình cử ra!
Đừng ngại trời nắng đường xa,
Đừng thèm bữa tiệc, xe nhà đón đưa,
Lũ cừu nước, bạn thấy chưa?
Gánh nặng sưu thuế, đổ bừa cho ta!
Khóa này nếu cử họ ra,
Họ càng làm hại chết cha chúng mình!
Khi bỏ phiếu bạn nên tinh
Kinh nghiệm Phú với Phúc Đình năm xưa
Bạn thấy rồi, bạn rõ chưa?
Những thằng ích kỷ đừng đưa chúng vào!
Quyền bỏ phiếu, giá trị cao!
Bạn nên cân nhắc người nào tốt hơn?"

KHUYẾT DANH

Báo *Tin tức*, số 10,
ngày 11 – 18–6–1938.

---

1. Ngày 10–7–1938 sắp đến.
2. Những người có quyền bỏ phiếu.

QUAN NGHỊ HỤT
(Hài kịch hai hồi)

Các vai:

Chính: QUAN NGHỊ HỤT
BÀ NGHỊ VỢ NGHỊ HỤT
ẤM NHƯỢNG, cổ động viên trong cuộc bầu cử
ĐỘI LUNG, chân tay của ẤM NHƯỢNG
Phụ: PHÈNG, thằng bếp
LÝ CỰU
TỘC MẤU
MỘT ĐÀO HÁT
HAI ĐÀO RƯỢU
KÉP ĐỜN

(Kịch xảy ra tại một phủ, huyện ở Bắc Kỳ)

Tiểu dẫn. – Cuộc tranh cử vào Viện dân biểu Bắc Kỳ năm 1938 diễn ra gay gắt giữa lực lượng dân chủ do Xứ ủy Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo và lực lượng phản động do giới cầm quyền thực dân đỡ đầu. Xứ ủy sử dụng tờ báo của mình, tờ *Tin tức* và vận động các tờ báo của đồng minh trong mặt trận: *Ngày nay, Demain* (của chi nhánh Đảng xã hội Pháp ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ) tham gia cổ động cho lực lượng dân chủ theo "chương trình tối thiểu về cuộc tuyển cử của các đoàn thể Mặt trận" đã được nhất trí thông qua, phê phán và đả kích bọn buôn dân bán nước, bọn cơ hội, những kẻ bóc lột thậm tệ quần chúng lao động.

Nhà văn, nhà báo cách mạng Nguyễn Đức Kính sáng tác vở kịch *Quan nghị hụt*, gồm 2 hồi, 5 cảnh, đả kích bọn trọc phú ở nông thôn, ngu dốt, hay uống rượu và ngủ gật, nói không nên lời lại hám danh, bị bọn bịp đời nắm tâm lý mồi chài, làm đạo diễn, liền tung tiền ra mua phiếu của cử tri để mong chiếm một ghế nghị viên, yên chí sẽ làm "ông nghị", "bà nghị" sẽ đi ăn tiệc với quan Sứ, quan Thiếu, v.v... nhưng đã bị lừa gạt hết tiền và trở thành nghị hụt một cách nhục

nhã, đáng ghét. Đây là một loại điển hình của ứng cử viên thời Pháp thống trị, được tác giả khái quát, thể hiện qua nhân vật *quan Nghị hụt* "Nguyễn Văn Quýnh" bằng hình tượng văn học trên sân khấu kịch nói vui tươi, dí dỏm, sâu cay.

Vở kịch đã được ban Kịch Tân văn hóa chuẩn bị trình diễn trước khán giả Hà Nội đúng vào lúc đang vận động tranh cử sôi nổi thì Đốc lý Hà Nội ra lệnh cấm diễn. Vở kịch không được ra mắt khán giả Hà Nội và cũng không được đưa lên sân khấu ở các tỉnh khác, chỉ được in thành sách.

Tác giả vở kịch là Nguyễn Đức Kính (1910 – 1947) sinh ở làng Mọc, Thượng Đình, Hà Nội, tham gia phong trào yêu nước, bị Pháp bắt tù từ năm 1930 đến đầu năm 1933 về hoạt động báo chí ở Hà Nội. Trong thời kỳ vận động dân chủ, Nguyễn Đức Kính viết nhiều bài đăng trên các báo cách mạng xuất bản ở Hà Nội về nhiều thể loại, làm thư ký tòa soạn *Hà thành thời báo* (4–1937 đến 3–1938) do Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ đạo.

HỒI THỨ NHẤT
PHÒNG KHÁCH NHÀ NGHỊ HỤT

Phòng tiếp khách của một nhà giàu thôn quê: ở giữa, sát tường, tủ chè; trên có đỉnh đồng; hai bên, bình cổ lớn. Ngoài tủ chè, sập gụ, án thư, hai bên có ghế tràng kỷ cũng bằng gụ. Ngoài án thư: một ống phóng to, hai bên chậu hoa.

Bên phải, tủ buýp phê lối cổ; bên trái, treo trên tường tấm gương lớn.

Các vai
NGHỊ HỤT, BÀ NGHỊ, ẤM NHƯỢNG, ĐỘI LUNG, PHÈNG

SEN I
NGHỊ HỤT - BÀ NGHỊ

NGHỊ HỤT. – (*Mở màn, Nghị hụt vừa đi đâu về, còn hơi say, đứng soi gương ngắm nghía mãi, rồi lẩm bẩm*).

Ừ cũng có lẽ... Ứng cử là phải... Trúng cử là phải, mà làm gì chẳng trúng cử. Ngay những Lái Hựu, Chánh Du, cả đến Trương Tỳ cũng còn trúng cử, còn làm được nghị viên, nữa là mình...

Bà mày ơi!...

BÀ NGHỊ. – (*trong nhà thưa ra*) Cái gì đấy?

NGHỊ HỤT. – Ra đây! Câu chuyện hay lắm! Ra đây! Hay lắm!

BÀ NGHỊ. – (*ra*) Gớm sao mà khỏe uống thế?

NGHỊ HỤT. – (*cười*) Có muốn làm bà Nghị thì ra đây.

BÀ NGHỊ. – Thôi đi đừng rỡn nữa. Lẩn thẩn nó vừa vừa chứ.

Công việc dưới ấp chả trông nom, cứ bỏ phóng sinh cho người ăn người làm; rồi cả ngày chỉ những nghị với ngọt.

NGHỊ HỤT. – Ồ! Thế bà mày vẫn chưa biết quan Nghị danh giá thế nào à? Danh giá ngang với quan Tuần, quan Sứ đấy. Bà mày không thấy Nghị Hựu vẫn bắt tay quan Tuần và ăn tiệc luôn với quan Sứ đấy à? Danh giá lắm!

BÀ NGHỊ. – Ai chẳng biết. Nhưng danh giá của người ấy thì nói làm gì.

NGHỊ HỤT. – Sao lại của người? Thế bà mày tưởng tôi không làm được nghị viên sao? Tôi như thế này (*chỏ vào mặt mình, rồi soi gương*) mà bà mày tưởng tôi không làm được nghị viên sao?

BÀ NGHỊ. – (*giọng giễu*) Phải, làm được! Trông coi hơn trăm người thợ cầy, thợ cấy còn không nổi nữa là lo việc dân, bàn việc nước.

NGHỊ HỤT. – Bà thì biết thế nào là nổi với không nổi?

BÀ NGHỊ. – Phải!

NGHỊ HỤT. – Ấm Nhượng, Đội Lung, bao nhiêu người nữa bảo tôi ra thì thế nào cũng được. Họ cam đoan sẽ giúp cho được.

BÀ NGHỊ. – Ối chà! Câu chuyện bên bàn đèn với mâm rượu ấy thì tin thế nào được. Ra nghị viên thì cũng phải có chữ nghĩa làm sao chứ. Văn dốt, vũ dát mà cũng làm được nghị viên thì ai chẳng muốn làm.

NGHỊ HỤT. – Thôi bà mày không hiểu chỗ ấy rồi (*cười một lát*) Chính vì chỗ ấy mà tôi mới phải bàn với bà mày đấy. Tôi đã suy tính kỹ lắm rồi. Thế nào tôi cũng ra ứng cử khóa này; mà ra là trúng cử. Bà phải biết những Ấm Nhượng, Đội Lung là những tay cừ lắm; giao thiệp rộng, quen biết nhiều, ai cũng kính nể. Họ giúp mình làm gì mà không xong. Họ đã bàn hết tất cả với tôi rồi. Xuôi lắm! Xếp đặt đâu ra đấy. Tôi chỉ còn có một việc là hỏi ý kiến bà mày, bà mày mà ưng

nữa là xong hết. Họ sẽ đến đây dạy tôi những cách thức làm căngđađi và tập làm quan nghị. Chắc bà mày cũng chưa hiểu thế nào là căngđađi phải không?

BÀ NGHỊ. – Phải!

NGHỊ HỤT. – (*ra vẻ thạo lắm*) "căngđađi" là chữ Tây, nghĩa là người ứng cử. Thí dụ; khóa bầu cử này, tôi ra ứng cử thì tôi là căngđađi; mà Nghị Hựu hắn cũng lại ra ứng cử thì hắn cũng là căngđađi. Nhưng khóa này hắn ra thì hắn sẽ trượt mình làm căngđađi rồi mình trúng cử thế là mình thành quan Nghị ở hạt mình. Bấy giờ Chánh Hựu chỉ còn là nghị viên cựu thôi, mình mới là nghị viên tại chức. Cũng như là Lý cựu với Lý đương, thứ ấy mà, bà mày có hiểu không? Nghị tại chức mới có danh giá, oai quyền. Giá trên dinh quan Sứ hay cụ Thiếu có tiệc thì người ta mời mình đi dự chứ ai người ta mời nghị cựu.

BÀ NGHỊ. – Nhưng đã chắc gì mà trúng cử...

NGHỊ HỤT. – Sao lại không chắc? Ấm Nhượng hắn bảo chắc là chắc chứ ly. Về công việc này hắn thạo lắm. Mấy năm trước hắn đã giúp cho Chánh Hựu được đấy. Lần này hắn giúp mình thì làm gì mình chẳng được. Mười phần chắc cả mười rồi (cười đắc chí). Thế là bà mày bằng lòng làm bà Nghị rồi chứ gì? Nay mai tha hồ mà đi chơi với bà Tuần, bà Án.

BÀ NGHỊ. – (*cười mỉm*) Thôi đi, đừng chắc trước mà rồi lại tēn.

NGHỊ HỤT. – Sao lại không chắc? Không chắc thì ra làm gì?... Chắc hơn cua gạch chứ ly (*một lát*). Bà mày ạ, Ấm Nhượng với Đội Lung hẹn hôm nay đến đây để bắt đầu làm việc cho mình đấy. Tôi định cứ khoán trắng cho họ là ba nghìn đồng. Hôm nay thì mình hãy đưa cho họ hai nghìn, còn đến hôm bỏ phiếu mới phải giả nốt. Bà mày nghĩ có phải không?

BÀ NGHỊ. – (*sửng sốt, đổi nét mặt*) Phải với không phải cái gì? Cái gì mà ông nói đến tiền? Thôi đi, đừng nói chuyện tiền.

NGHỊ HỤT. – Bà làm gì mà nóng thế?

BÀ NGHỊ. – Thôi tôi không biết. Đừng nói chuyện tiền nữa. Gớm chửa! Ba nghìn đồng! Đã ít tiền chửa? Có đến ba nghìn đồng trinh cũng chả có (*đứng lên toan đi vào*). Chả nghị viên thì đừng, lại phải mất ngần ấy tiền thì thèm vào (*đi vào thì N. H giữ lại*).

NGHỊ HỤT. – (*kéo bà Nghị ngồi xuống*) Gớm bà mày tính nóng nẩy quá. Chưa hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao đã vội gạt lấy gạt để (cười). Bà tính nết rất tốt chỉ phải cái nóng nẩy thôi...

BÀ NGHỊ. – (*cười mỉm*) Thôi đi đừng phỉnh. Tôi không ưa phỉnh đâu.

NGHỊ HỤT. – (*giọng nghiêm*) Chỉ phải cái nóng nẩy với hễ thấy nói đến tiền là so lại.

BÀ NGHỊ. – Phải, tôi chỉ có thế thôi.

NGHỊ HỤT. – Nói thế chứ (*cười*) ngay đến tôi cũng vậy, nghe thấy nói đến tiêu tiền là lo sợ (*một lát*). Nhưng mà đến việc (*gật gù*) cần phải tiêu thì mình phải tiêu chứ. Miễn là đồng tiền của mình phải tiêu cho đích đáng.

BÀ NGHỊ. – Thế nào là đích đáng? Một lúc vứt đi ba nghìn đồng bạc là đích đáng à?

NGHỊ HỤT. – Thế nào là vứt đi. Ba nghìn đồng bạc cái chức quan Nghị, bà mày xem có đắt đâu. Người ta mất hàng đôi ba nghìn mà còn lạy lục sướt trán ra mới được cái Lý trưởng, Bá hộ thì sao? Bà mày tưởng dễ người ta cũng dại cả đấy sao? (*bà Nghị ra vẻ chịu thì Nghị Hụt đắc chí*). Mà Lý trưởng với Bá hộ thì có nghĩa lý gì? Ngay đến Tri huyện với Tri phủ cũng chưa ngang hàng được với Nghị viên, Dân biểu kia mà. Nói rõ hơn cho bà mày dễ hiểu: bà Huyện với bà Phủ cũng chưa ngang hàng được với bà Lớn Nghị.

BÀ NGHỊ. – Tôi hiểu rồi. Nhưng ba nghìn đồng... bao nhiêu tiền của...

NGHỊ HỤT. – Tiền bạc thì nhà mình thiếu gì, tiền tiêu không hết để đấy cũng chả ích gì, lại thêm cái tội canh gác khổ. Có nhiều tiền mà lại có danh giá nữa thì còn gì

sung sướng bằng. Bà mày ạ, ba nghìn đấy chứ tôi tưởng giá phải bỏ ra đến năm bảy nghìn, một vạn để mua chức quan Nghị tưởng cũng nên mua. Bà mày nghĩ sao?

BÀ NGHỊ. – Nhưng mà tôi vẫn không hiểu thế nào mà phải mất đến ngần ấy tiền.

NGHỊ HỤT. – Giá ấy là rẻ đấy chứ. Những khóa trước, Chánh Hựu, Lái Du còn mất gấp đôi kia. Đối với những Ấm Nhượng, hắn nể lắm nên mới lấy ngần ấy đấy. Hàng nghìn con người đi bỏ phiếu, mà mình phải cho mỗi người 2, 3 đồng, hoặc mỗi người hai bữa chén với hai lượt tiền xe, bà mày thử tính phác xem hết bao nhiêu. Tôi còn sợ ba nghìn chưa chắc đã đủ kia đấy.

BÀ NGHỊ. – Làm sao lại phải cho người ta tiền, với cho người ta ăn uống như thế?

NGHỊ HỤT. – Bà mày lẩn thẩn lắm. Không cho người ta chén, không đưa tiền xe cho người ta thì ai người ta phải tội mà đi bỏ phiếu cho mình trúng cử nghị viên? Ai người ta dại gì mà kéo bộ hàng bao nhiêu cây số đến phủ bỏ phiếu rồi lại nhịn đói kéo bộ về. Bà mày nghe ra chưa?

Hồi Chánh Hựu nó ra nó cũng mời tôi đánh chén, nghe hát luôn mấy ngày, bà mày không nhớ à? Ấy là đối với mình giàu có mà còn phải thế huống chi đối với các ông kỳ mục kiết xác, nghiện oặt... Bọn này chúng còn gãi đầu gãi tai chán ra rồi mới đi bỏ phiếu cho kia chứ.

Trúng cử nghị viên cũng khó lắm chứ có phải dễ đâu!

BÀ NGHỊ. – Ông nói tôi chả nghe ra sao cả. Mà tôi cũng chả hiểu thế nào là bỏ phiếu với trúng cử ứng cử cả.

NGHỊ HỤT. – Ừ, khó lắm thật. Không cứ gì bà mày, còn nhiều người không hiểu. Ngay đàn ông cũng vậy chứ không riêng gì đàn bà đâu. Chính tôi đây này, hôm nọ Ấm Nhượng hắn cũng phải dạy mãi mới hiểu biết rộng như thế đấy.

Tôi cắt nghĩa qua cho bà mày nghe nhá:

Ứng cư, tôi đã giảng cho bà mày nghe lúc nãy rồi. Bây giờ tôi giảng: bỏ phiếu. Bỏ phiếu là thế này, à quên tôi hãy cắt nghĩa chữ phiếu đã. Phiếu là một mảnh giấy trắng hình chữ nhật thế này này *(vẽ ra)*, trong có tên tôi, ba chữ Nguyễn Văn Quých thật to bằng chữ quốc ngữ, ba chữ Nguyễn Văn Quých thật to bằng chữ Nho, và bên trên có những chữ: Bầu cử Bắc Kỳ nhân dân đại biểu; bên dưới một tí: Hạt Thường Tín.

Thế rồi, người lý trưởng hay phó lý gì đó đi bầu cử, sau khi được nhà mình cho cơm no, rượu say và dúi cho tiền xe rồi, thì cứ việc gập tư cái phiếu ấy lại mà bỏ vào hòm phiếu. Thế là bỏ phiếu.

Còn trúng cử thì dễ hiểu lắm: bỏ phiếu xong, quan mở hòm phiếu ra, đếm thấy toàn những phiếu có tên Nguyễn Văn Quých. Thế nghĩa là tất cả cử tri đã đánh chén, lấy tiền xe của mình là đồng lòng bầu mình làm quan Nghị. Duy có điều này phải suy nghĩ một tý mới hiểu: cũng có khi mở hòm phiếu ra thấy có ít mảnh giấy trắng gọi là phiếu trắng, hay là dăm ba phiếu có tên người khác, thì mình phải hiểu ngay rằng có một ít người không bằng lòng mình và không bỏ phiếu cho mình. Những người không bằng lòng đó là vì trong lúc rộn ràng mình quên không đưa tiền xe cho họ, hoặc vì trong khi chè chén họ bất mãn về sự thiếu thốn gì chăng.

BÀ NGHỊ. – Thế thì làm sao? Phải dọn rượu lại và đưa tiền xe cẩn thận cho người ta chứ.

NGHỊ HỤT. – Không, bà mày thật thà quá! Nói thế để cho bà mày hiểu cách thức phải đối đãi với họ ra sao thôi, chứ bây giờ xong rồi còn gì. Nhiều người bằng lòng là được. Dẫu có mấy người không bằng lòng thì có làm gì. Đằng nào mình cũng trúng cử rồi.

BÀ NGHỊ. – Nào ai biết những cái nợ ấy bao giờ.

NGHỊ HỤT. – Ở ờ! Từ bây giờ giở đi bà mày phải biết những cái ấy mới được. Làm bà Nghị mà không biết những cái ấy thì người ta cười cho đấy.

BÀ NGHỊ. – (*một lát*) Thế đàn bà không đi bỏ phiếu à, hở ông?

NGHỊ HỤT. – Có chứ.

BÀ NGHỊ. – Thế tôi cũng đi bỏ phiếu bầu ông làm Nghị viên à?

NGHỊ HỤT. – Không, đàn bà An Nam có được đi bỏ phiếu đâu. Đàn bà An Nam đã hiểu biết gì mà được đi bầu cử. Tôi nói có lúc nãy là nói ở các nước văn minh xứ Phi Châu kia chứ. Ông Ấm nói, ở đấy, đàn bà có khi còn tài giỏi hơn đàn ông. Không những người ta có quyền bầu cử mà lại còn có quyền ứng cử nữa, nghĩa là làm căngđađi, căngđađi đàn bà ấy mà, bà mày đã nghe chưa?

SEN II
THÊM ẤM NHƯỢNG, ĐỘI LUNG, PHÈNG

ẤM NHƯỢNG. – (*vào trước, cắp cặp*) Căngđiđa chứ lại căngđađi.

NGHỊ HỤT. – (*cuống*) À vâng, căngđiđa, căngđiđa, tôi nói nhịu (*quay sang bà Nghị*). Bà mày, ông Ấm đã đến. (*Bà Nghị chào rồi đứng lên đi vào buồng*). Bà mày soạn tiền ra nhé.

BÀ NGHỊ. – Vâng (*vào đến cửa buồng thì Nghị Hụt nói với*)

NGHỊ HỤT. – À, này, lúc nẫy tôi nói là nói căngđiđa đàn bà kia đấy, chứ không phải căngđađi đàn bà đâu (*quay ra, thì Đội Lung vào*). Kìa ngài Đội.

ĐỘI LUNG. – Chào cụ Nghị (*cười khanh khách*).

NGHỊ HỤT. – Vâng ngài cứ mong cho như thế càng hay ạ. Mời hai người ngồi. Phèng pha nước mày (*Phèng ở trong nhà thưa ra:* Dạ, vâng).

ẤM NHƯỢNG. – Thế nào công việc cụ thu xếp xong cả rồi chứ?

NGHỊ HỤT. – Bẩm xong cả rồi ạ. Ngài tính làm gì mà không xong. Tôi bàn với bà cháu, bà cháu ưng ngay. Bao nhiêu công việc bây giờ trông ở ngài cả, chúng tôi bẩm chỉ có tiền thôi. Cần gì các ngài cứ bảo. Trăm sự trông cả ở các ngài.

ĐỘI LUNG. – Cái đó cụ không phải nói. Đã có ông Ấm tôi lo liệu hết. Cụ cứ yên tâm, ông Ấm tôi đã nhúng tay vào là xong hết. Ấy có mấy người nữa định ra cùng đến khẩn khoản nhờ ông Ấm tôi giúp, nhưng ông Ấm tôi không nhận nhời. Tiền nong họ cũng sẵn. Lão Hàn Tiêu làng bên nói lo hết bao nhiêu tiền cũng có, mà ông Ấm tôi cũng không nhận giúp.

(Ấm Nhượng lục cặp soạn giấy má)

Tiền đã đành, nhưng cũng phải có xứng đáng mới được, phải có tư cách, phải có tín nhiệm với dân chúng chứ. Họ cứ tưởng dễ cứ có nhiều tiền là ra làm được nghị viên sao. Ấy nghĩ thế nên ông Ấm tôi là cứ nhất định giúp cụ đấy.

NGHỊ HỤT. – Vâng, các ngài có lòng thương yêu giúp cho, sau chúng tôi xin có lời nói lại tử tế. Thật không bao giờ tôi dám quên ơn các ngài. Xin các ngài hết lòng giúp cho.

ĐỘI LUNG. – Điều đó thì nhất định rồi. Cụ cứ tin ở ông Ấm tôi.

(Phèng đem nước ra)

PHÈNG. – *(với Nghị Hụt)* Bẩm cụ, nước ạ *(vào)*

NGHỊ HỤT. – Xin rước hai ngài xơi nước.

ĐỘI LUNG. – *(cầm lấy chén nước uống)*. Xin rước cụ *(quay sang)* Ông Ấm. Á à! Cụ có cái chén sen ngon quá.

ẤM NHƯỢNG. – *(vừa giở giấy má ra, vừa lấy nước dùng)* Xin rước cụ *(Đặt chén xuống)*. Đây, tôi đã sửa soạn xong hết cả.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ẤM NHƯỢNG. – *(lấy ra một tờ giấy)* Đây là bản chương trình.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ẤM NHƯỢNG. – Để phát cho cử tri và tất cả dân trong hạt.

NGHỊ HỤT. – Dạ *(một lát)* Bẩm... tưởng ở nhà quê thì không phải phát chương trình. Cứ làm rạp lên rồi gõ một hồi phùng phèng...

PHÈNG. – *(chạy vội ra)* Dạ, bẩm cụ gọi con.

NGHỊ HỤT. – *(quát)* Ai gọi mày? Vào!

(Phèng vào Nghị Hụt nói tiếp)

Bẩm gõ một hồi phèng phèng là tức khắc họ đồn đi rằng có hát chèo. Thế là dân làng kéo đến đông chật rạp ạ.

(Â. N. nhìn cười, đưa mắt nhìn Đ. L)

ĐỘI LUNG. – *(cười)* Đây không phải chương trình hát cụ ạ. Chuyện hát chèo sẽ nói vào mục khác.

NGHỊ HỤT. – Dạ... Bẩm...

ĐỘI LUNG. – Chương trình đây là chương trình của người ứng cử.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ẤM NHƯỢNG. – Chương trình đây là chương trình hành động của cụ.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ẤM NHƯỢNG. – Trong đó cụ bầy tỏ chính kiến, chủ trương của cụ, cụ bầy tỏ những nguyện vọng của dân, cụ đề nghị những sự cải cách mà chính phủ nên thi hành cho dân.

NGHỊ HỤT. – Dạ... Nhưng như thế thì to tát, khó khăn lắm *(hơi run run)*

ĐỘI LUNG. – Cụ không ngại gì hết, đã có ông Ấm tôi làm cả.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ẤM NHƯỢNG. – Trong bản chương trình này cụ tỏ cho dân biết rằng cụ am hiểu tình cảnh khốn cực của dân, cụ sốt sắng săn sóc đến họ, cụ muốn đem tâm lực ra làm việc mong cho họ có cuộc đời tốt đẹp hơn. Cũng trong chương trình này, cụ tỏ cho Chính phủ biết rằng cụ là người thấu rõ dân tình, là người nhiệt thành tận tâm với công ích, là người xứng đáng thay mặt cho dân, là người trung gian đáng tin cậy giữa chính phủ và dân.

NGHỊ HỤT. – Như thế thì nhiều quá... Thưa ngài... Bẩm không có bản chương trình này có được không ạ?

ĐỘI LUNG. – Không được. Chương trình thì thế nào cũng phải có. Mình ra ứng cử mà lại cũng không có chương trình như người ta thì ra làm sao? Nếu chỉ cứ bỏ ra

thật nhiều tiền cho cử tri ăn uống no say thôi, thì dẫu mình có đắc cử cũng không có gì vẻ vang lắm. Đối với dân chúng kém vẻ vang, đối với chính phủ, kém giá trị. Công việc có thế mới khó khăn, mà có thế ông Ẩm mới giúp cụ.

ẨM NHƯỢNG. – Lúc này là lúc dân chúng đã hiểu biết. Trình độ họ đã khá cao hơn trước. Nếu cứ dùng rượu chè, tiền bạc không, chưa chắc đã được, và có được cũng chẳng vẻ vang gì. Vả chăng cái lối cho cử tri đánh chén, nghe hát nó đã lõa lồ lắm rồi, và đối với thiên hạ nó bị khinh bỉ lắm. Vẫn biết rằng muốn chắc chắn, thế nào mình cũng phải cho họ nhờn mép và say sưa, nhưng mình phải dùng một phương pháp mới cho kín đáo.

ĐỘI LUNG. – Nghĩa là mình cũng cho dân ăn uống, hát, nghe hát, nhưng phải làm thế nào cho thiên hạ không nom thấy.

NGHỊ HỤT. – Dạ, thế thì khó lắm ạ...

ĐỘI LUNG. – Cụ không lo. Đã có ông Ẩm tôi thu xếp đâu vào đấy.

NGHỊ HỤT. – Dạ, vâng. Nên thế nào thì các ngài bảo, không nên thế nào thì các ngài bảo, chúng tôi quả thật dốt nát không biết gì.

ẨM NHƯỢNG. – Bên trong thì mình cũng dùng cái lối rượu chè ăn uống như người ta, nhưng theo một cách thật kín đáo. Còn bên ngoài thì mình phải biết theo thời thế, mình phải có một bản chương trình cho đúng đắn, to tát để che đậy cái lối mua thăm bán phiếu và cũng để tỏ cho thiên hạ biết mình là người có tâm địa tốt, có giá trị cao, khiến từ chính phủ đến nhân dân ai cũng kính phục mình.

NGHỊ HỤT. – Thưa nếu thế thì hay lắm ạ.

ẨM NHƯỢNG. – Đây, tôi đọc qua bản chương trình tôi phác cho cụ nghe.

NGHỊ HỤT. – Vâng *(lắng tai)*

ẨM NHƯỢNG. – Mục thứ nhất, về chính trị, mình xin chính phủ ban hành ngay cho dân chúng những quyền tự do

như: tự do báo chí, tự do lập hội ái hữu, tự do nhập tịch dân Pháp, tự do...

NGHỊ HỤT. – *(gật gù)* Bẩm... Giá xin cho dân được tự do nấu rượu lậu và đánh sóc đĩa thì tốt *(Â. N. cười mỉm)*

ĐỘI LUNG. – *(nghiêm)* Cái ý kiến ấy hay đấy, nhưng để xin sau, mình phải làm dần dần mới được.

NGHỊ HỤT. – Bẩm những cái ấy dân rất thích ạ.

ĐỘI LUNG. – Vâng, thích lắm! Cụ thật là người am hiểu dân tình.

NGHỊ HỤT. – Bẩm những ngày đình đám mà cứ để ý một tí thì họ thích cái gì mình biết ngay.

ẤM NHƯỢNG. – Mục thứ nhì, về kinh tế và lý tài: xin giảm thuế thân, giảm thuế rượu và thuốc phiện, đánh thuế cư trú ở các thành thị... lập nhiều nông phố ngân hàng do nhà nước quản lý để cho dân vay dài hạn.

NGHỊ HỤT. – *(gật gù)* Hay lắm! Hay lắm!

ẤM NHƯỢNG. – Mục thứ ba, về xã hội: Mở mang nền giáo dục, lập thêm trường học; lập thêm nhà pha; lập trường chuyên môn dạy chữ Hán. Lập thêm nhà thương, lập nhà hộ sinh tại các làng. Lập nhiều viện tế sinh và tế bần, cho tổng lý đeo thẻ ngà và không thì thẻ đồng cũng được.

NGHỊ HỤT. – *(gật gù)* Hay lắm ạ. Thế thì hay lắm ạ.

ẤM NHƯỢNG. – Gần đây vấn đề Trung – Nhật chiến tranh gây nên một dư luận sôi nổi về việc phòng thủ Đông Dương, nên tôi thêm một mục: Yêu cầu chính phủ tổ chức gấp một đội quân Đông Dương để phòng thủ Đông Dương.

NGHỊ HỤT. – Vâng, vâng, đúng lắm. Phải tổ chức ngay một đội quân thật giỏi, có thật nhiều tầu ngầm, tầu bay, thôi thì là cối xay, đại bác, ca nông sóasăngkeng. Và nhất là xin cho lính canh gác cả ở các làng để cho những nhà giàu đỡ phải lo trộm cướp giặc giã.

ĐỘI LUNG. – Phải, nhưng điều đó, sau tự nhiên chính phủ phải nghĩ tới.

ẤM NHƯỢNG. – Đây, chương trình này sẽ gửi đăng lên các báo và đem in phát cho dân chúng. Thế là xong việc chương trình.

NGHỊ HỤT. – Bẩm thế là hết ạ?

ẤM NHƯỢNG. – (*giở một tờ giấy nữa ra*) Đây là bài diễn thuyết. Trước ngày bầu cử, cụ phải mời dân chúng đến hội họp; cụ phải diễn thuyết để tuyên bố một lần nữa cái chương trình hành động của mình, và nhất là để bầy tỏ cái thái độ, cảm tưởng của mình đối với Viện dân biểu Bắc Kỳ và cuộc bầu cử năm nay, sau chót để hô hào cử tri bỏ phiếu cho mình.

NGHỊ HỤT. – (*run run*) Bẩm ngài diễn thuyết hộ tôi có được không ạ?

ẤM NHƯỢNG. – Không được.

ĐỘI LUNG. – Cụ phải diễn thuyết mới được. Có gì đâu? Bài diễn thuyết ông Ấm tôi đã thảo sẵn đây rồi. Cụ cứ việc học thuộc đi rồi hôm đó đem ra đọc cho trơn thôi mà (*Nghị Hụt vẫn run*).

ẤM NHƯỢNG. – Không có gì khó hết. Học thuộc là được một nửa rồi. Cụ chỉ còn phải học một vài điệu bộ của nhà diễn giả nữa là xong.

NGHỊ HỤT. – Bẩm học bộ điệu của nhà diễn giả thưa có khó không ạ?

ẤM NHƯỢNG. – Rất dễ dàng. Đại khái cụ chỉ cần nhìn nhận xem nói chỗ nào thì phải to tiếng, chỗ nào phải nhỏ tiếng, những chỗ nào giọng phải thiết tha, những đoạn nào giọng phải hùng hồn, chỗ nào phải giơ tay, chỗ nào phải quay sang phải, quay sang trái, ngẩng lên cúi xuống.

NGHỊ HỤT. – (*chỉ vào bài diễn thuyết*) Bẩm có được cầm bài diễn thuyết này để đọc cho tiện không ạ?

ẤM NHƯỢNG. – Được để trước mặt, nhưng không nên nhìn luôn luôn vào đấy mà đọc, chỉ thỉnh thoảng đưa mắt xuống giấy thôi.

NGHỊ HỤT. – Thế giá ngài chưa cho vào giấy, chỗ nào đọc to, chỗ nào đọc nhỏ, chỗ nào giơ tay, chỗ nào cúi đầu thì tiện ạ.

ĐỘI LUNG. – Cũng được. Nhưng học thuộc và tập kỹ thì nó quen đi chứ.

ẤM NHƯỢNG. – Đây này cụ để ý, tôi diễn thuyết thử cho cụ xem. Cụ phải nghe và nhìn cẩn thận: *(đứng lên diễn thuyết, Nghị Hụt đứng ngắm và bắt chước, lẩm bẩm và làm điệu bộ theo)*

Thưa các ngài cử tri, thưa quốc dân đồng bào.

Trước hết tôi xin thành thực cảm ơn tất cả các ngài cử tri, tất cả các quý bà, quý ông đã họp mặt đông đảo như thế này.

NGHỊ HỤT. – Thưa ngài, chữ "quý" là tên húy ông thân sinh ra bà cháu, bẩm ngài đọc là "quới" cho có được không ạ?

ẤM NHƯỢNG. – *(ngần ngừ một lát)* Cũng được *(rồi tiếp)*

"Tôi rất lấy làm vui sướng được thấy các ngài cử tri, các quý bà quý ông sốt sắng đáp lại những lời hiệu triệu tha thiết của tôi."

Thưa các ngài, thưa quốc dân đồng bào.

Trước khi tuyên bố chương trình hành động của tôi, "chương trình mà tôi đã phác họa với những kinh nghiệm của người, với những điều nhận xét được của mình, chương trình mà tôi sẽ theo đuổi mong được thực hiện", tôi hãy xin "bầy tỏ cái ý nghĩa của sự ứng cử của tôi và những cảm tưởng của tôi đối với Viện dân biểu Bắc Kỳ, đối với cái trách nhiệm mà có lẽ các ngài sẽ giao phó cho tôi."

Thưa các ngài,

"Bao nhiêu năm nay, từ ngày chính phủ bảo hộ lập ra Viện dân biểu mục đích để trưng cầu ý kiến của quốc dân đến nay, cái Viện dân biểu Bắc Kỳ đã là nơi mua danh trục lợi của một số đông các ông nghị. Những người này lợi dụng cái trình độ thấp kém của dân chúng, sự không hiểu biết quyền lợi của dân chúng, sự

lãnh đạm của dân với việc bầu người thay mặt cho mình, họ đã đem tiền để lừa gạt quốc dân, đem tiền bạc mua phiếu, mua thăm để lấy cái danh giá hão, lấy quyền lợi riêng với cái chức quan nghị..."

(ngừng lại, quay sang Nghị Hụt)

Thôi đấy... Còn dài nhưng đại khái như thế.

NGHỊ HỤT. – Ngài làm ơn cho nghe nốt...

ẤM NHƯỢNG. – Bất tất, cụ cứ học cho thuộc bài này *(đưa bài diễn văn cầm ở tay)* và tập làm điệu bộ, sau tôi sẽ sửa *(Nghị Hụt cắm cúi xem bài diễn thuyết)*. Cụ nên nhớ, trong khi tập phải tưởng tượng như mình diễn thuyết thật, diễn thuyết trước mặt hàng ngàn con người.

NGHỊ HỤT. – Vâng *(vẫn mải miết xem bài diễn thuyết để tìm tòi, nhưng mãi không thấy)*

ẤM NHƯỢNG. – Cụ đã nghe chưa?

NGHỊ HỤT. – *(luống cuống)* Dạ, vâng... *(sau rụt rè)* Thưa ngài, chỗ này *(chỉ bừa)* chỗ nói các ông nghị mua phiếu mua thăm này, mình có phải chua khẽ khẽ vào rằng "chúng tôi cũng mua nhưng chúng tôi mua một cách kín đáo" không ạ?

ẤM NHƯỢNG. – *(nhịn cười)* Không.

ĐỘI LUNG. – Ông Ấm viết thế nào cụ cứ đọc thế. Ông Ấm làm thì đầy đủ lắm rồi.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ĐỘI LUNG. – Kể ra còn nhiều việc làm. Sau khi cụ trúng cử, ông Ấm còn phải chỉ cho cụ những cách thức làm quan nghị, làm thế nào cho thạo, cho ra dáng, cho oai.

NGHỊ HỤT. – *(quay vào Â. N.)* Bẩm ngài có thể chỉ bảo qua loa cho ngay bây giờ không ạ?

ẤM NHƯỢNG. – Cái đó phải có thì giờ mới được. Trong chốc lát không sao nói hết được. Phải một hai ngày.

NGHỊ HỤT. – Ngài làm ơn cho biết đại khái phải học những khoa gì.

ĐỘI LUNG. – Nhiều lắm... nhiều lắm... đại khái trúng cử rồi, cụ phải in cácvidít, phải học vài tiếng Tây cần để lên

chơi quan Thống, quan Sứ, quan Thiếu; cụ phải biết những điều phổ thông về xã giao, với các vị thượng quan, với những người ngang hàng, với những người thường dân.

ẤM NHƯỢNG. – Nhất là phải dự bị để đi họp hội đồng. Đến khi Viện họp, phải đi lĩnh giấy đi xe hỏa hạng nhất không mất tiền...

NGHỊ HỤT. – Bẩm hạng nhất... Không mất tiền...

ẤM NHƯỢNG. – Phải hạng nhất, không mất tiền... *(vừa toan nói tiếp thì N. H. nói).*

NGHỊ HỤT. – Bẩm ở cái hạng nhất ấy người ta bảo không có cho lợn, gà đi...

ẤM NHƯỢNG. – Phải *(một lát)* Giấy tầu ấy nhà nước phát. Xong phải dự bị đi dự tiệc quan Thống đãi, nghĩa là phải học cách thức ăn cơm Tây cầm cùi dìa ra sao, cầm phóng sết thế nào, cắt bánh Tây, lấy thức ăn làm sao cho phải lối và lịch sự. *(N. H. lắc đầu lo ngại).*

Khó nhất là khi vào Viện, phải tự nhiên, mạnh bạo đừng thấy những sự đồ sộ, những vẻ oai nghiêm mà rụt rè sợ sệt. *(N. H càng tỏ vẻ lo sợ).*

ĐỘI LUNG. – Không sợ *(cười)* Được cái Viện họp ở hội Khai trí tiến đức. Cụ muốn làm quen với phòng họp trước gần đến ngày Viện họp, tôi sẽ đưa cụ lên đấy đánh mấy canh tổ tôm điếm?

NGHỊ HỤT. – Bẩm lại có tổ tôm điếm?

ĐỘI LUNG. – Có chứ, bao giờ chẳng có.

NGHỊ HỤT. – Thế thì hôm ấy ngài Đội cũng lên với tôi.

ĐỘI LUNG. – Vâng, hôm ấy thế nào tôi cũng đưa cụ lên.

NGHỊ HỤT. – *(một lát)* Vâng, thưa nên thế nào thì các ngài chỉ bảo cho.

ẤM NHƯỢNG. – Vào Viện, việc trước nhất là phải chọn chỗ ngồi cho tiện lợi. Mình đã không nói, không bàn cãi gì bao giờ, thì phải ngồi chỗ nào cho người ta ít để ý tới, cho người ta khỏi gọi mình là nghị bù nhìn.

Tuy vậy, trong khi người ta nói, mình cũng phải gật

gù tỏ ra mình vẫn theo và hiểu người ta lắm. Thỉnh thoảng lại phải nói chuyện nhỏ với những người bên cạnh để cho những nhà báo tương rằng mình cũng đang bàn bạc cho ra lẽ.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ẤM NHƯỢNG. – Tranh luận xong đến biểu quyết. Hễ người chủ tịch...

ĐỘI LUNG. – Chủ tịch là người rung chuông thế này... *(ra hiệu)*

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ẤM NHƯỢNG. – Hễ người chủ tịch hỏi *"Ai tán thành thì giơ tay lên"*. Mình phải đưa mắt thật nhanh xem hễ thấy nhiều người giơ tay lên thì mình cũng giơ tay lên *(giơ tay làm kiểu Nghị Hụt làm theo nhưng giơ không thẳng và èo lả)*.

ĐỘI LUNG. – Giơ thế không được, phải giơ thế này *(giơ thẳng tay)*, nhanh và thẳng để tỏ ra rằng mình hiểu lắm và quả quyết lắm.

NGHỊ HỤT. – Dạ *(làm lại, giơ nhanh và thẳng)*.

ĐỘI LUNG. – Được lắm.

ẤM NHƯỢNG. – Hễ chủ tịch hỏi "ai phản đối?" mà có nhiều người giơ tay thì mình cũng giơ tay.

NGHỊ HỤT. – Dạ, cũng giơ tay *(giơ tay)*.

ẤM NHƯỢNG. – Đấy là phương sách theo đa số.

ĐỘI LUNG. – Đa số là số nhiều, nghĩa là phe mạnh.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ẤM NHƯỢNG. – Lại còn cách này vắn tắt hơn nữa trong việc có chia ra phe đảng. Mình nên chọn lấy một phe mà theo. Khi mình đã theo một phe nào thì mình phải có ý lắm trong những lúc biểu quyết. Hễ thấy người đứng đầu phe mình giơ tay thì phải giơ tay, giơ cho nhanh để lấy tín nhiệm với chùm phe mình giơ, nghĩa là để tỏ rằng mình trung thành lắm với chùm.

NGHỊ HỤT. – Dạ, cái ấy thì được ạ.

ẤM NHƯỢNG. – Trong những buổi họp không nên ngủ gật.

NGHỊ HỤT. – *(sửng sốt)* Ấy chết! Tôi lại có bệnh là hễ cứ chuếnh choáng dăm ba chén là buồn ngủ.

ẤM NHƯỢNG. – *(nghiêm)* Không bao giờ ngủ gật, vì mình ngủ gật thì các ông nhà báo người ta sẽ vẽ cái hình mình ngủ gật lên trên báo để làm trò cười cho thiên hạ.

NGHỊ HỤT. – *(lo sợ)* Bẩm thế thì nguy lắm ạ.

ẤM NHƯỢNG. – Không lo. Khi nào mỏi mệt và xem có ý buồn ngủ thì phải đứng lên, sang buồng bên ăn thuốc lào, uống nước, rồi đi tiểu tiện lâu lâu vào, hễ thấy người tỉnh táo sẽ vào.

NGHỊ HỤT. – Dạ, nếu thế thì được.

ĐỘI LUNG. – Nếu việc họp về tối mà cụ buồn ngủ thì dễ giải quyết lắm, cụ có thể sang buồng bên ăn thuốc lào và xem mấy ván tổ tôm cho đỡ buồn ngủ và nếu tiện, có thể ngồi một hội cũng không sao.

NGHỊ HỤT. – Bẩm ngài ngồi được ạ?

ĐỘI LUNG. – Được lắm, nếu mình sẵn tiền.

NGHỊ HỤT. – Nếu thế thì tiện lắm. Hôm ấy tôi sẽ lấy của bà cháu ít đồng giắt lên.

ẤM NHƯỢNG. – Mỗi khi vào Viện xong, không nên vội vàng về ngay, phải để ý.

Hễ thấy lãnh tụ phe mình và ít người cùng phe còn xúm lại bàn tán mình cũng phải len vào đấy. Đối với con mắt nhà báo, mình sẽ tỏ ra rằng mình rất quan tâm đến những vấn đề trong Viện mình còn sốt sắng muốn bàn cãi nữa, nhưng cốt nhất là đề phòng khi ông lãnh tụ phe mình có tổ chức cuộc gì hay hay, thì không bao giờ mình bị bỏ rơi.

ĐỘI LUNG. – Hay hay, đại khái như đi hát chẳng hạn.

NGHỊ HỤT. – Vâng như thế thì cẩn thận lắm. Các ngài cẩn thận lắm ạ .

ẤM NHƯỢNG. – Thôi, tôi hãy nói sơ sơ thế thôi. Còn nhiều lắm. Để sau khi trúng cử, tôi sẽ chỉ bảo cho cụ từng ly từng tý. Bây giờ chúng tôi phải về làm việc, nhiều việc phải làm ngay. Còn cụ, cụ cứ học cho thuộc bài diễn thuyết này đi.

NGHỊ HỤT. – Dạ vâng. Thưa ngài, ngài phải về ngay bây giờ ạ?

ẤM NHƯỢNG. – Phải.

NGHỊ HỤT. – Ngài để tôi bảo bà cháu đem tiền ra. Bà mày ơi! *(trong buồng có tiếng thưa ra)* đem tiền ra đây.

BÀ NGHỊ. – *(trong buồng nói ra).* Vâng, ông để tôi đếm lại một tý.

NGHỊ HỤT. – *(trong khi chờ bà Nghị)* Thưa hai nghìn ạ. Còn đến hôm nào ngài cần nữa ngài bảo.

ẤM NHƯỢNG. – Được rồi, nghĩa là cần đến đâu tôi sẽ lấy đến đấy.

BÀ NGHỊ. – *(ra)* Đây ạ. *(xếp bạc ra sập)*

NGHỊ HỤT. – Có đủ không đấy?

BÀ NGHỊ. – Đủ ạ.

NGHỊ HỤT. – *(với Ấm Nhượng).* Thưa có phải đếm lại không ạ? Xin hai ngài hết lòng giúp cho.

ĐỘI LUNG. – Cụ cứ yên tâm. Tôi không dám nói khoác; ngay từ bây giờ cụ có thể là quan nghị được rồi.

NGHỊ HỤT. – Dạ *(đưa mắt có ý bảo vợ rằng chắc như thế đấy).*

ẤM NHƯỢNG. – *(xếp tiền vào cặp xong).* Thôi thì cụ cứ làm như thế.

NGHỊ HỤT. – Dạ.

ĐỘI LUNG. – Thôi kính hai cụ nghỉ.

BÀ NGHỊ. – Không dám.

ẤM NHƯỢNG. – Kính hai cụ.

NGHỊ HỤT. – *(vái dài hai người)* Rước hai ngài lại nhà.

SEN III
NGHỊ HỤT, BÀ NGHỊ, PHÈNG

BÀ NGHỊ. – Tiền bỏ ra như thế mà không biết có chắc không.

NGHỊ HỤT. – Bà mày đừng lo, lão Ấm Nhượng này giỏi lắm. Xem cách thức làm việc và ăn nói của lão ấy thì mười phần là chắc cả mười, mà nghị của mình lại danh giá bằng vạn nghị của người khác.

BÀ NGHỊ. – Người ta nói thế nào thì mình biết thế chứ.

NGHỊ HỤT. – Bà mày không biết lão ấy làm cho tôi một bản chương trình có ba mục và một bài diễn thuyết đây này (*giở bài diễn văn ra*) giỏi lắm.

BÀ NGHỊ. – Tôi thì cứ bao giờ được hẳn rồi tôi mới chắc.

NGHỊ HỤT. – Không, xem cách thức làm việc của người ta, chắc hay không mình biết chứ.

(Bà Nghị đứng lên đi vào, Nghị Hụt giữ lại) Ấy bà mày hãy ngồi đấy tôi bảo. Phèng ơi! Phèng! *(có tiếng dạ)* lên đây mau!

PHÈNG. – *(ra)* Thưa cụ bảo gì con ạ?

NGHỊ HỤT. – *(tay đẩy thằng Phèng ngồi gần bà Nghị)* Ngồi xuống đấy *(thằng Phèng không dám ngồi)*. Ngồi xuống *(ấn Phèng ngồi)* Ngồi xuống đây. Bà với mày làm những người xem diễn thuyết, để tao tập diễn thuyết.

BÀ NGHỊ. – *(đứng lên)* Thôi đi đừng làm trò.

NGHỊ HỤT. – *(giữ B. N. ngồi xuống)* Không, bà mày ngồi để tôi tập diễn thuyết cho quen, hôm này còn diễn thuyết trước công chúng.

BÀ NGHỊ. – *(ngồi xuống)* Rõ lắm trò! *(cười)*

NGHỊ HỤT. – *(lấy dáng, đằng hắng)* Thưa các ngài cử tri.

PHÈNG. – *(giật mình, đứng lên)* Thưa cụ con không dám...

NGHỊ HỤT. – Tao thưa mày chắc? Ở ờ bổ nhỉ? Ngồi xuống! Khỉ! *(Phèng ngồi xuống)*

Thưa các ngài cử tri quay sang phải *(quay đầu sang phải)*
Thưa quốc dân đồng bào quay sang trái *(quay sang trái)*
Trước hết, ấy quên không ngửng lên *(ngửng lên)* tôi xin thành thực cảm ơn cúi xuống *(cúi xuống)* tất cả các ngài cử tri cùng tất cả quới bà quới ông đã đến họp mặt đông đảo như thế này *(đưa tay từ trái sang phải)*. Tôi lấy làm vui sướng, ấy không, quên, chỗ này phải tươi cười lên kia *(Đằng hắng một lát)* Tôi rất lấy làm vui sướng *(cười hì)* đã được thấy các ngài cử tri, các quới bà, quới ông sốt sắng đáp lại những lời hiệu triệu tha thiết của tôi.

(ngừng một lát) Thế nào, bà mày xem có hùng hồn không *(bà Nghị cười. Quay sang Phèng)* Phèng: mày xem tao diễn thuyết có được không?

BÀ NGHỊ. – *(cười đứng lên)* Thôi đừng làm trò phường chèo.

NGHỊ HỤT. – Ấy không *(giữ bà Nghị ngồi)* Bà mày hãy ngồi im để tôi tập nốt, chứ không đến hôm này hỏng bét mất.

(Cúi xuống một lát, rồi ngẩng lên bên trái) Thưa các ngài ấy quên bên này kia *(ngẩng lên bên phải)* Thưa quốc dân đồng bào ngửng lên trên trời. *(Mặt ngửng lên nhưng mắt đưa xuống giấy).*

Trước khi *(thật to)* tuyên bố chương trình hành động *(khẽ)* chương trình mà tôi đã phác họa với những kinh nghiệm của người, với những điều nhận xét được của mình, *(to)* chương trình mà tôi sẽ theo đuổi mong được thực hiện, tôi hãy xin bầy tỏ *(lên giọng)* những cảm tưởng của tôi đối với Viện dân biểu, đối với cái trách nhiệm *(cong lưỡi)*, trách nhiệm lớn lao mà có lẽ các ngài giao phó cho tôi.

(với bà Nghị) Thế nào, bà mày xem có tự nhiên không?

BÀ NGHỊ. – *(cười)* Tự nhiên *(đứng lên đi)* Thôi đi, để tôi thu dọn áo xống trong buồng lại tý đã, lúc nẫy đếm tiền còn bỏ bừa ra đấy.

NGHỊ HỤT. – Bà mày nhanh nhanh lên rồi ra ngay nhé.

(với Phèng) Phèng, tao diễn thuyết được lắm đấy chứ?

PHÈNG. – Bẩm... vui như xem hát chèo...

NGHỊ HỤT. – Thưa các ngài... *(nhìn từ phải sang trái).*

PHÈNG. – Thôi chết rồi. Còn nồi giả cầy dưới bếp...

NGHỊ HỤT. – *(ngửng lên)* Bao nhiêu năm...

PHÈNG. – Bẩm cho con xuống trông nồi giả cầy...

NGHỊ HỤT. – *(cúi gầm xuống)*... nay, từ ngày...

(Phèng lui vào)

(thật to) Chính phủ Bảo hộ... *(giật mình vì thấy Phèng lui vào)* Phèng!

PHÈNG. – *(đi khuất rồi)* Dạ, con trông nồi giả cầy...

NGHỊ HỤT. – Phèng!

PHÈNG. – Dạ, con trông nồi giả cầy...

NGHỊ HỤT. – Phèng!

Hạ màn thực nhanh

HỒI THỨ HAI
VẪN CẢNH NHÀ NGHỊ HỤT

(Thêm một tấm ghế ngựa kê ở góc trong, bên trái để cho cô đầu ngồi hát. Án thư giữa nhà phủ khăn giải bàn trắng lên bầy nhiều chai rượu và cốc. Trên sập gụ có bàn đèn thuốc phiện).

THÊM TỘC MẤU, LÝ CỰU, MỘT CÔ ĐẦU HÁT, HAI CÔ ĐẦU RƯỢU, KÉP ĐÀN.

SEN I
ĐỘI LUNG, TỘC MẤU, LÝ CỰU, BA CÔ ĐẦU KÉP, BÀ NGHỊ, PHỀNG

(Mở màn: Đội Lung ngồi cầm chầu, Cô đầu hát dạo phách hát... Kép đàn. Một đào rượu tiêm thuốc phiện. Một đào rượu dưng mời rượu. Lý Cựu nằm bên bàn đèn. Tộc Mấu ngồi uống rượu).

ĐÀO RƯỢU I. – *(đưa dọc tẩu mời Lý Cựu)* Mời quan xơi thuốc.

LÝ CỰU. – *(nhỏm lên vỗ vai Đội Lung).* Này, hãy kéo một điếu rồi nghe hát cho sáng suốt.

ĐỘI LUNG. – Mời cụ lấy trước.

(cô đầu lại đưa dọc tẩu mời Lý Cựu, Lý Cựu lại gạt sang Đội Lung).

LÝ CỰU. – Kéo trước đi.

ĐỘI LUNG. – *(tay đỡ dọc tẩu, ghé đầu xuống toan hút nhưng lại gạt sang Tộc Mấu)* Cụ Tộc.

TỘC MẤU. – *(đưa tay gạt)* Xin mời ngài lấy trước.

ĐÀO RƯỢU. – Rước quan lấy, không nguội mất.

ĐỘI LUNG. – Xin vô phép hai cụ *(ghé xuống hút)*

ĐÀO RƯỢU II. – *(đưa rượu mời Đ. L)* Mời quan xơi rượu *(đưa rượu mời Lý Cựu và Tộc Mấu).*

ĐỘI LUNG. – Rước hai cụ.

TỘC MẤU, LÝ CỰU. – *(cùng)* Rước ngài.

(Lần lượt Đội Lung, Lý Cựu, Tộc Mấu hút thuốc phiện, uống rượu đùa cô đầu).

LÝ CỰU. – Bây giờ dễ bỏ phiếu xong rồi.

TỘC MẤU. – Đã xong thế nào, mới có hai giờ. Bếp!

PHÈNG. – *(chạy ra)* Dạ.

TỘC MẤU. – Rót rượu.

PHÈNG. – Dạ *(rót rượu).*

LÝ CỰU. – Bếp, mày xuống thưa bà lớn cho một hộp thuốc nữa nhé.

PHÈNG. – Vâng *(đi vào).*

TỘC MẤU. – *(quay sang Đội Lung)* Thế nào ngài Đội, liệu có chắc trúng không?

ĐỘI LUNG. – Chắc ngay từ khi chưa bỏ phiếu kia chứ. Các cụ tính ông Ấm giúp như thế làm gì mà chả trúng.

LÝ CỰU. – Phải, làm gì mà chả trúng. Tiền như nước... làm gì mà chả trúng...

TỘC MẤU. – *(cười)* Thế thì hôm nay chúng mình tha hồ mà say.

PHÈNG. – *(trong nhà ra)* Bẩm thuốc ạ *(đưa hộp thuốc) (Bà Nghị ra sau thằng Phèng. Tất cả nhỏm lên).*

LÝ CỰU. – Xin rước cụ lớn lên xơi rượu.

BÀ NGHỊ. – Không dám, rước các cụ. Xin các cụ cứ tự nhiên. Thiếu gì các cụ cứ bảo thằng Bếp lấy ạ *(quay ra Phèng)* Phèng! đứng hầu đây.

PHÈNG. – Dạ vâng.

BÀ NGHỊ. – Các cụ cứ tự nhiên cho ạ.

TỘC MẤU. – Vâng ạ. Thưa chả mấy khi cụ lớn có việc vui mừng, cụ lớn cho phép, chúng tôi xin thật thà ạ.

BÀ NGHỊ. – Rót rượu các cụ xơi, Phèng!

PHÈNG. – Vâng ạ *(rót rượu) (Bà Nghị đi vào).*

ĐỘI LUNG. – *(giở đồng hồ ra xem, hốt hoảng)* Thôi kiểm phiếu gần xong rồi. Các cụ ngồi, tôi chạy ra đón cụ Nghị với ông Ấm nhé. Các cụ cứ tự nhiên cho, cần dùng gì cứ gọi.

LÝ CỰU, TỘC MẤU. – *(cùng)* Vâng, ngài đi.

(Đội Lung đặt roi chầu xuống, cô đầu vừa ngừng hát thì... Tộc Mấu đỡ lấy roi chầu, Đội Lung ra về).

TỘC MẤU. – Cứ hát đi để tôi tiếp *(dạo thử mấy tiếng trống) (Tộc Mấu vừa nghe hát một lát thì Nghị Hụt về).*

SEN II

THÊM NGHỊ HỤT

NGHỊ HỤT. – *(vào, tay cầm khăn, đầu bù: vẻ mặt lo sợ và bực tức)* Bà mày ơi! *(tất cả giật mình).*

TỘC MẤU, LÝ CỰU. – *(cùng reo)* A... A...! Cụ Nghị đã về *(đứng cả xuống đất. Cô đầu ngừng hát. Nghị Hụt ngồi phịch xuống ghế. Bà Nghị ở trong nhà chạy vội ra).*

BÀ NGHỊ. – Xong rồi ư ông? *(Nghị Hụt chưa đáp).*

LÝ CỰU. – Thật là danh giá quá!

TỘC MẤU. – Bẩm thưa cụ, ngài Đội ra đón dễ thường không gặp cụ *(N. H vẫn không đáp làm cho mọi người ngạc nhiên).*

NGHỊ HỤT. – *(thủng thẳng)* Thế là tiền toi...

LÝ CỰU. – Thưa cụ thế nào ? *(N. H không đáp).*

BÀ NGHỊ. – Ông bảo cái gì toi?

NGHỊ HỤT. – Tiền toi, cơm toi, gà toi, trâu bò toi...

BÀ NGHỊ. – Thế là thế nào?

NGHỊ HỤT. – *(gắt để dọa B. N)* Thưa bà, thế là hỏng rồi ạ, hỏi mãi, hỏi nữa thôi *(Tộc Mấu và Lý Cựu tái mặt đi).*

BÀ NGHỊ. – *(quát lớn)* Chả chắc nữa đi. Thế Ấm Nhượng đâu? *(nhìn ngang nhìn ngửa)* Lão Đội Lung đâu rồi?

TỘC MẤU. – *(giọng run run)* Bẩm cụ, ông ấy vừa ra.

BÀ NGHỊ. – Thế bây giờ ông bảo làm thế nào?

NGHỊ HỤT. – *(không giả lời vào câu hỏi)* Thằng Đào Như Tiết không mất đồng xu nhỏ mà trúng cử. Họ chén, họ hút, họ lấy tiền xe của mình mà họ không bỏ phiếu cho mình... Họ lại bỏ phiếu cho thằng Tiết...

BÀ NGHỊ. – À, thế ra chúng bay lừa bà à? Bà thì làm cho chúng bay thất điên bát đảo chứ bà lại chịu để cho chúng bay ăn không, ăn hỏng của bà à? Ra tìm thằng Ấm Nhượng về đây cho tôi.

(Tộc Mấu, Lý Cựu đứng run).

NGHỊ HỤT. – Thôi tôi xin bà, khổ lắm, làm ầm lên càng tổ người ta cười cho.

BÀ NGHỊ. – Một lúc mất ngần ấy tiền ông bảo tôi im à? Ông giết tôi, ông nghe chưa?

NGHỊ HỤT. – Thì có ai học đến chữ ngờ... Thật là thằng Đào Như Tiết nó hại tôi, nó làm tôi trượt. Nó phát bao nhiêu giấy cáo bạch nói xấu tôi; nó bảo tôi dốt, nó bảo tôi hiếu danh, tham lợi; nó bảo tôi là nghị gật, nghị bù nhìn, bầu những thứ nghị ấy ra làm gì.

LÝ CỰU. – Nếu thế thì bẩm phải kiện mới được.

TỘC MẤU. – Ừ, phải kiện mới được, kiện về cái tội nó vu khống.

BÀ NGHỊ. – Thằng Phèng, mày hãy ra tìm thằng Ấm Nhượng về đây cho tao.

NGHỊ HỤT. – Ức quá! Thế này thì ức quá.

LÝ CỰU. – Ức thật!

NGHỊ HỤT. – Ức về nỗi nó không mất đồng xu nhỏ nào mà nó trúng cử. Đành mất mấy trăm bạc nữa, kiện cho biết tay.

LÝ CỰU. – Kiện cho nó mất cái chức nghị viên đi.

BÀ NGHỊ. – Thôi đi, kiện cái con khỉ, kiện cái con tiều. Chẳng nghị thì đừng, kiện với cáo cái gì? Đi tìm thằng Ấm Nhượng với thằng Đội Lung đem tiền về đây trả tôi, không thì không yên, không lành với tôi.

NGHỊ HỤT. – Biết họ ở đâu bây giờ mà tìm.

BÀ NGHỊ. – *(sỉa sói N. H)* Sao lại không biết? Không biết là thế nào? Ai bảo ông bảo tôi đưa tiền cho chúng nó? Ông giết tôi, ông hại tôi!

NGHỊ HỤT. – Sao lúc ấy bà không gàn tôi đi? Tôi cứ tưởng họ nói thế thì chắc chứ lỵ. Ai biết đâu...

LÝ CỰU. – *(với B. N)* Thưa cụ, nhưng khóa này cụ ông chả trúng thì khóa sau cụ ông trúng.

BÀ NGHỊ. – *(gắt lớn)* Chả trúng, chả trượt gì cả, chả nghị viện với nghị hòn gì nữa. Phèng cất dọn đi. Thuốc với sái, rượu với chè, hại tiền bà. Mau lên, không có bà đập cả ra bây giờ!

NGHỊ HỤT. – Bà mày làm gì mà nóng thế...?

TỘC MẤU. – *(đưa mắt và bảo khẽ thằng Phèng)* Cất dọn mau đi.

BÀ NGHỊ. – *(quay sang các cô đầu)* Các chị này nữa đi đi!

CÔ ĐẦU HÁT. – Xin cụ chi tiền cho chúng tôi đi.

BÀ NGHỊ. – Tiền với nong cái gì? Ai thuê các chị? Đi ngay đi!

CÔ ĐẦU HÁT. – Cụ không thuê nhưng cụ ông thuê.

BÀ NGHỊ. – Cụ ông thuê thì đi với cụ ông mà lấy tiền.

NGHỊ HỤT. – *(khẽ với cô đầu)* Thôi, thôi...

CÔ ĐẦU HÁT. – Có mượn thì chúng tôi mới hát, mà hát thì chúng tôi lấy tiền.

BÀ NGHỊ. – Đi với cụ ông mà lấy tiền.

NGHỊ HỤT. – Thôi, cứ về đi *(khẽ)* Tối tôi xuống, đâu khắc có đó.

CÔ ĐẦU HÁT. – Có phải chúng tôi đi xin đâu mà đuổi?

BÀ NGHỊ. – Đi ngay đi! Cút ngay đi! Còn lý sự à? *(Nghị Hụt vội gạt cô đầu ra)*

NGHỊ HỤT. – Cứ về, tối tôi xuống... *(cô đầu, kép ra).*

CÔ ĐẦU HÁT. – *(ngoái cổ lại)* Tôi không nể chồng chị thì chúng tôi cho chị một mẻ.

NGHỊ HỤT. – Thôi tôi xin... *(xua tay)*

BÀ NGHỊ. – Phải xin à? Phèng! Thằng Phèng đâu tống cổ chúng nó ra cho tao. *(Nghị Hụt đi theo cô đầu ra cửa. Bà Nghị nắm lấy cổ áo giữ lại. Lý Cựu lên ra)*

Có muốn yên muốn lành *(vẫn nắm cổ áo Nghị Hụt vừa nói)* thì tìm cho được thằng Ấm Nhượng đem tiền về đây giả tôi *(Tộc Mấu lên ra nốt).*

BÀ NGHỊ. – *(lắc mạnh Nghị Hụt)* Làm cái gì? Làm cái con khỉ. Không lấy được tiền về đây cho tôi thì khổ với tôi... *(lắc một hồi)*

NGHỊ HỤT. – Ớ ờ... Làm thế nghẹt cổ... Tôi van bà mày... Nghẹt cổ...

Hạ màn nhanh

NGUYỄN ĐỨC KÍNH

Tân văn hóa xuất bản, 1938.

TRẦN QUỐC TUẤN

Gầm thét non sông khí bất bình,
Ba quân cờ cuốn sát trời xanh.
Mây bay tan mất hồn Mông Cổ,
Gió hát bàng hoàng phách Bá Linh
Vạn Kiếp đá mờ, gươm ngọc sáng,
Lục Đầu nước chảy, máu hồng tanh.
Nhớ ai, ai nhớ người thiên cổ?
Tiếng sấm Đằng Giang có giật mình?

HỒ XANH

Bạn dân, số 21,
ngày 11 – 7 – 1938.

LÊ LỢI

Trời đất đang mù cơn gió bụi,
Anh hùng ra kéo sóng giang san.
Để loe cờ nghĩa tầng mấy lớp,
Bay vút gươm thần tiếng súng ran.
Dầu dãi mười năm sương nhuộm tóc,
Xông pha trăm trận đá lỳ gan.
Rùa thiêng chẳng biết giờ đâu mất,
Hồ Kiếm trong veo bóng nguyệt tàn.

HỒ XANH

Bạn dân, số 21,
ngày 11 – 7 – 1938.

DÂN ĐIỀU TRA CẢNH KHỔ DÂN QUÊ

Chúng tôi vừa bước chân vào ngưỡng cửa, một bức vẽ truyền thần thủy mặc treo trên vách tre, chiếu thẳng vào mặt tôi. Bức vẽ ấy giá ở vào một chỗ quyền môn phú hộ nào, tôi sẽ cho là thường. Nhưng nó lại ở vào một căn nhà tranh hẹp nên tôi phải trố mắt nhìn. Tôi lại càng ngạc nhiên khi thấy biết đó là công trình của anh Ba, con ông chủ nhà. Anh đã tự tay mình phóng đại bức ảnh của anh, phóng đại một cách thần tình. Biết được "họa sĩ ẩn dật", trông thấy được những tác phẩm anh treo đầy nhà, lòng tôi thấy rạo rực. Là vì anh Ba có tài, nhưng cái tài của anh do tự nhiên, chớ không hề từng học ở một trường vẽ nào và cái bệnh nghèo làm cho tài anh không thể phát triển được. Cái tài ấy này đang nằm queo trong một xó nhà cách xa chợ Phú Lễ (Thừa Thiên) lối 400 thước.

Căn nhà hẹp nhưng bài trí có ngăn nắp, chứng tỏ rằng chủ nhà là một người trọng trật tự. Tiếp chuyện hai anh em chúng tôi, anh Ba nói năng lanh lợi hoạt bát đúng theo cái tuổi 18, 19 của anh. Tôi vốn biết anh vì hai chúng tôi được hiểu qua cái tiểu sử đầy chua chát của anh, nó đã làm cho anh ngày nay phải chôn chân trong miền thôn dã.

Ông chủ nhà về. Ông tiếp chúng tôi một cách niềm nở. Sau vài câu chuyện bâng quơ, tôi hỏi:

– Chú – Tôi kêu ông bằng chú – làm ăn ra sao?

– Cũng qua ngày tháng rứa thôi.

– Khoảnh vườn này rộng được bao nhiêu? Hoa lợi thế nào?

– Được hơn ba sào. Hoa lợi ở miền nhà quê có ăn thua chi.

Cau, trầu, chè, mít, bán được khi 5, 7 xu, khi một giác (1 hào) vừa tiền đi chợ.

– Chú được mấy sào ruộng?

– Cả thảy được hơn 3 sào. Hai sào khẩu phần (công điền của làng chia). Còn một sào của chú Thị (một người bà con) chuộc để lo việc hương hỏa.

Gia tài của chú tôi chỉ mảnh vườn và ít sào ruộng, thế mà những năm miệng! Những vườn ruộng nào có hoa lợi bao nhiêu! Lại còn thuế khóa đủ thứ. Bấy nhiêu đó đủ làm cho ta thấy cảnh khổ của hạng bần nông xứ này. Nhưng cũng may mà người con trai thứ hai của chú tôi đã được một ông giáo huyện Quảng Điền nuôi, nếu không, sự khốn đốn của gia đình này chưa biết đến thế nào nữa.

– Thế trong nhà thường ăn ngày mấy bữa? Tôi hỏi.

– Một ngày hai buổi chứ mấy. Có khi ba, nhưng khoai, sắn lót lòng thì cũng như hai.

– Thế hai bữa kia, cơm cũng trộn khoai, sắn hay sao?

– Cái đó thì đã rồi. Mùa khoai thì trộn khoai, mùa sắn thì trộn sắn, gặp mùa mưa thì hấp mưa với cơm. Tục người ta còn nói: “khéo ăn thì no”, mình cũng liệu đó mà ăn chớ răng.

Câu nói đầy giọng thật thà khiến cho tôi cảm thấy sự đau đớn âm thầm của con người nghèo khó. Những hạng chân lấm tay bùn quanh năm nơi thôn ổ đã bị cái thành kiến hủ bại của một xã hội bất bình đẳng nhồi sọ nên họ hình như chịu an phận thủ thường. Họ không có những xa vọng trưởng giả. Một câu nói “khéo ăn thì no” kia bao hàm cả bao nhiêu sự thiếu thốn, nhưng anh thôn dân đã phải tìm cách để đắp đổi cho xong với đời, để tránh cái nạn chết đói thường ngày hăm dọa:

– Cả nhà mỗi ngày tốn độ bao nhiêu tiền chợ?

– Chừng một giác bạc (một hào).

– Một giác tính cả mắm muối, dầu đèn?

– Phải, dầu, mỗi đêm có nhà họ chỉ thắp một xu. Mình muốn sáng, thắp hai xu là vừa.

– Một bài toán rợ (tính nhẩm) cho ta thấy ngay rằng cái gia đình năm miệng ăn kia chỉ tiêu mỗi ngày độ 5, 6 xu để ăn, vì phải trừ 4, 5 xu để dùng về món khác. Người thợ hay người dân cày Âu châu mỗi bữa ăn thường có thịt. Anh “nhà quê” chúng ta chưa chắc một tuần đã được ăn một bữa cá.

– Chú có phải vay họ đâu không?

– Nhờ trời cũng khỏi. Nhưng khi có kỳ giỗ gì thì cũng vay mượn rồi trả. Mà nói thiệt ra, có ai họ cho mình vay! Họ có cho vay, họ cũng dòm nhà cửa có chi không đã.

Nhận biết cái lối cho vay ở miền này, tôi hỏi:

– Ở đây cho vay tiền mấy phân?

– Một đồng mỗi tháng năm xu lời.

Năm xu lời mỗi tháng tức là:

0,05 x 12 = 0,60

60% cái lối cho vay cắt họng đó ở quê ai còn chẳng biết nhiều chỗ tiền lời còn nặng hơn thế nữa. Nhưng không hề có một đạo luật nào trừng trị bọn cho vay, thành ra dân quê phải chịu bọn nhà giàu bóp cổ bằng lối cho vay nặng lãi.

Uống nước nói thêm vài câu chuyện, chúng tôi cáo từ ra về. Không biết anh tôi có cảm tưởng gì không, nhưng riêng tôi, hai việc đã làm cho tôi suy nghĩ:

1). Cái tài của con nhà nghèo đã bị hoàn cảnh thiếu thốn chôn lấp, chôn lấp một cách cay độc mong gì phô trương cho đời biết.

2). Câu "khéo ăn thì no" của dân quê tự an ủi mình, các nhà có trách nhiệm cải thiện sinh hoạt cho họ có hiểu thấu được nghĩa đen và nghĩa bóng của nó không?

NGÔ HÙNG

Báo Dân, số 3,
ngày 22 – 7 – 1938.

Ở HẢI PHÒNG DÂN CHÚNG HOAN HÔ NGƯỜI ỨNG CỬ MẶT TRẬN DÂN CHỦ CŨNG BỊ ĐÀN ÁP, BẮT BỚ

Ba giờ chiều ngày 17 tháng bảy, hòm phiếu đóng. Sắp đến giờ tuyên bố kết quả cuộc bầu phiếu khu thứ hai. Các ngả đường tới tấp anh em cử tri, chị em phụ nữ, anh em thợ thuyền, anh em trí thức lũ lượt kéo vào đứng chật sân Đốc lý. Vẻ mặt người nào cũng chăm chú đợi chờ tin tức. 4 giờ đúng, tin từ trong phòng kiểm phiếu đưa ra: Anh Nguyễn Công Mỹ được 50 phiếu, Nguyễn Xuân Ty 83 phiếu, Tô Văn Lượng 36 phiếu.

Anh Nguyễn Công Mỹ không trúng cử. Nhưng anh chị em đứng ở sân Đốc lý đều không tỏ vẻ thất vọng mà còn tỏ đến vui mừng, vì 50 lá phiếu kỳ này với 21 lá phiếu kỳ trước, nó đã đánh dấu một bước khá dài trên con đường tiến bộ của dân chúng Hải Phòng. Anh chị em rầm rộ kéo ra khỏi cửa Đốc lý, hơn 600 con người đứng vây quanh lấy khu vườn hoa trước cửa Đốc lý. Anh Mỹ trong Đốc lý vừa ra cửa thì một rừng nắm tay giơ thẳng và những khẩu hiệu tung hô vang động:

Ủng hộ Mặt trận dân chủ tới cùng!
Tinh thần dân chủ muôn năm!
Phổ thông đầu phiếu!
Đả đảo bọn nghị phản dân!
Thừa nhận anh Khuất Duy Tiến trúng cử!

Hô xong những khẩu hiệu ấy, anh chị em thứ tự đi trên vỉa hè theo con đường trước cửa Đốc lý thẳng xuống vườn hoa Bônnan. Đương khi bình tĩnh trò chuyện ra về thì bỗng thấy lính cảnh sát Tây và ta tới xua đuổi và xông vào quãng giữa bắt một nửa đám người phải quay lại. Vì sức xua đuổi gắt gao nên anh chị em buộc lòng phải chịu một nửa quay lại, một nửa đi. Nhưng trước khi chia tay, anh chị em còn quay lại nhìn nhau và hô lớn:

"Tinh thần đoàn kết muôn năm!" Rồi 15 phút sau không biết tin từ đâu đưa lại: Anh Nguyễn Công Mỹ bị bắt ở trước hiệu thuốc tây Bùi Đình Từ.

Quần chúng các nơi xô tới. Phút chốc, xung quanh ngã tư Bômông chật níc̣h những người. Anh Nguyễn Công Mỹ đương bị một người mật thám Tây giữ lại ở giữa đường, định lấy ô tô để dẫn về Sở Mật thám. Chiếc ô tô Sở Mật thám xịch tới bắt anh. Nguyễn Công Mỹ bước lên. Bỗng tiếng gào thét của quần chúng tung lên. Thả anh Nguyễn Công Mỹ ra!

Chiếc ô tô của Sở Mật thám cứ đem anh Nguyễn Công Mỹ đi thì hết góc phố này, đến góc phố kia đều vang dậy tiếng hô:

Phản đối việc bắt anh Mỹ!Thả anh Mỹ ra ngay!

600 tiếng hô như thế, rồi anh chị em hàng ngũ chỉnh tề kéo đi. Lính cảnh sát, mật thám chở thêm người đến ùa vào đám biểu tình đánh đuổi, nhiều anh bị đánh.

Liên tiếp hô vang dậy, ngay lúc đó chị Hiên bị túm đẩy lên ô tô và ba anh lao động cũng bị bắt theo chị. Cuối cùng anh Bồng, em anh Mỹ cũng bị bắt. Một đằng cảnh binh, mật thám, thẳng tay đàn áp nên anh chị em không tiến lên được, một anh thợ hô to:

– Xin anh chị em trật tự mà giải tán!

Sau lời hô ấy, quần chúng dần dần giải tán ra các ngả đường. Ngay lúc ấy một bọn khiêu khích len vào đám đông xúi giục anh em nên tranh đấu đến cùng, nhưng đều bị anh em tẩy chay bằng những câu:

Đả đảo bọn khiêu khích!

Đả đảo bọn tay sai của phát xít!

Khi quần chúng đã giải tán, cảnh binh và mật thám bắt dần từng tốp về sở cẩm, rồi bắt hộ phố ra nhận, hỏi xem làm ở sở nào thì dẫn người đó về giao tận tay cho chủ sở. Người nào không có thẻ thì bị giữ lại.

TIN GIỜ CUỐI CÙNG

Anh Nguyễn Công Mỹ và một số anh chị em ở sở cẩm được thả ngay hồi 6 giờ chiều hôm 17 – 7. Còn chị Hiên và mấy anh nữa bị giữ tại Sở Mật thám. Chúng tôi chưa được tin gì đích xác.

Ngay sau vụ đàn áp anh chị em đã đánh điện tín cho các đảng, các nhóm, và các báo dân chủ yêu cầu can thiệp thả ngay anh chị em bị bắt.

NGÔ HÙNG

Báo *Tin tức*, số 19,
ngày 20 – 3 – 1938.

PHẤN ĐẤU

Buổi bình minh màn sương còn ướt đẫm,
Cảnh vật đều như tắm hạt sương đêm.
Vừng thái dương buổi sáng mới nhô lên,
Ánh vàng thắm, ném bên hồ cỏ mọc,
Hạt sương đọng long lanh như hạt ngọc,
Chim gọi đàn cùng cất giọng ca xinh.
Cá đuổi mồi lay động nước rung rinh,
Bao cảnh đẹp phô hình cùng tạo hóa.
Cảnh đẹp chỉ ưa người nhàn nhã,
Còn anh Đông vội vã vẫn làm thinh.
Anh chẳng màng cảnh vật ở bên mình,
Bao tâm trí quẩn quanh vì thất nghiệp.
Phổi anh như nghẹt thở dưới bao tầng ức hiếp,
Nỗi âu lo quấn quít mãi không thôi.
Anh lo cho xã hội với loài người,
Không cải tạo hẳn có hồi tiêu diệt.
Anh cảm thấy cõi lòng anh bi đát,
Vì bất bình chứa chất mãi không vơi,
Bởi đấu tranh cho sự sống của bao người,
Bao người nữa như anh cùng gặp rủi.
Đầy uất giận muốn chọc trời cho hết tức,
Lương tâm anh thường khuyên anh cố sức,
Đời là trường tranh đấu với ưu lo,
Muốn ngồi yên sao hưởng được tự do,
Phải phấn đấu cho hòa bình, công lý.
Nghe lương tâm anh Đông không nản chí,
Đổi chua cay ra vị ngọt, bùi, thơm.
Nỗi ưu lo, sầu tủi với căm hờn,
Anh chẳng để tâm hồn còn vướng vít.
Nhìn thực tế, anh một lòng cương quyết,
Trên đường đời mải miết bước chân đi.
Mặc dầu cho lao khổ biết bao kỳ,
Anh vẫn gắng bước đi đi mãi.
Chẳng ngại ngùng dầu dãi với phong sương,

Rồi những khi chiều xế bóng hoàng hôn,
Anh sực nhớ những ngày in dấu cũ.
Rồi những khi buổi sáng màn sương phủ,
Như nhắc anh ôn lại những ngày qua.
Giấc mộng vàng theo gió đã bay xa,
Dù vật đổi ôm lòng anh vẫn giữ.
Anh vẫn sống, vẫn đi, lòng vẫn nhủ:
"Nghị lực bền tất có lúc thành công".
Trường đấu tranh, nơi vui sống của anh Đông.

THỢ GIÀY
N.D.N

Báo *Tin tức*, số 11,
Ngày 18–25 – 6 – 1938.

DƯỚI TRĂNG

Vừng trăng bạc lửng lơ tung ánh sáng,
Xuống những miền u tối dưới trần gian.
Làm bật lên những cảnh tượng điêu tàn,
Của xã hội khoác vỏ ngoài hào nhoáng.

Trong ngõ hẻm biết bao người chen chúc,
Sống đau thương hòa lẫn sự căm hờn.
Cùng vợ con chịu đói, rách, cơ hàn,
Suốt đời chẳng biết chi là hạnh phúc.

Thế mà trong các lâu đài hùng vĩ,
Tụi phú hào tham những nhởn nhơ cười.
Chúng vui trên xương máu của loài người,
Và giữa những tiếng khóc than rầu rĩ.

Kìa trên sa tràng: đạn bay, bom nổ,
Xác lương dân lẫn lộn với tro tàn.
Chính vì quân phát xít quá dã man,
Giết nhân loại, phá cửa nhà xiêu đổ.

Nhưng chúng lại gặp chí hy sinh phấn đấu,
Của khách anh hùng đương mải miết xông pha.
Tuốt gươm nhảy xổ trừ diệt lũ tham tà,
Và bọn phản phúc cùng những loài tẩu cẩu.

Ở bên cạnh một cuộc đời rực rỡ,
Do công nông giác ngộ dựng xây nên.
Mà trước kia cũng bị bọn cường quyền
Và bọn phản động thẳng tay khủng bố [1]

Tôi tha thiết gọi những tâm hồn bác ái,
Ưa tự do và yêu chuộng hòa bình.
Mau đứng lên cùng quyết biểu đồng tình,
Phá tan hết mọi bất bình trên xã hội.

Rồi sau đây dưới ánh trăng mỹ lệ,
Cả loài người vui vẻ nắm tay nhau.
Không còn đâu nghèo khó với sang giàu,
Thân ái dựng một tương lai đẹp đẽ.

T.C

Báo *Tin tức*, số 13,
ngày 29–6 – 2–7–1938.

BÀ HÀNG BÁNH
(BẮC NINH SAU NGÀY LỤT)

Dựa gốc đa, một bà già lọm khọm,
Ôm mẹt bánh chưng ngồi như sâu róm.
Đè lên bóng ven đường rợp lùm lòa,
Đường phẳng vàng, hơi nắng nặng nề qua.

Bà đợi khách, mắt mờ, mồm há hốc,
Trên đầu rối, mối tơ xòa trắng mốc.

1. Cảnh bên Liên Xô.

Có ai qua? Bà mời khẽ phều phào,
Và nghe lá cây cháy nắng xèo xèo.

Từ xa đến, bộ xương người chậm chạp,
Bước uể oải, lồng mắt lia lia xám,
Rồi thò tay quờ giật bánh chạy liền,
– "Cướp! Trời ơi", bà rú tiếng kêu lên,
Và đuổi bộ xương người đương nghiêng chạy,
Đương bóc lá, đương nhai run lẩy bẩy.

Mây giữa trưa đứng im lặng trên trời,
Như cũng buông dây lửa xuống chằng ai,
Bà thộp áo anh chàng nhai ngốn ngấu,
Rồi hai bộ xương mắt nhìn hau háu,
Mưa lệ đâu cùng chảy loãng mồ hôi
Cùng đau thương, cùng sùi sụt giữa trời.

HỒ XANH

Báo *Tin tức*, số 14,
ngày 2 – 6–7–1938.

BA TRIỆU ĐỒNG HAY LÀ CHỊ ĂN CÁ, EM MÚT XƯƠNG

Cảm thương đứa con côi cút ở tận bên trời, quanh năm chịu lụt, bão, dịch tả với đậu trời, "nước mẹ Pháp Lan Tây" mới cho Đông Dương chi hiếu tử một số ba triệu quan tiền.

Số tiền gửi qua tưởng rằng: Con chi cũng là con, đứa nghèo cũng như đứa giàu, ăn cho đồng, chia cho cân mới phải đạo. Vả chăng, bị lụt, bị bão, bị dịch tả, bị đậu trời, bị đói rách là dân nghèo, chứ các ông nhà giàu xứ này cũng chưa đến nỗi khó khăn chi lắm. Ấy thế mà như tin các báo đã đăng thì trong số 3 triệu quan của "nước mẹ" cho, một triệu rưỡi sẽ cấp cho các điền chủ Nam Kỳ vay không phải chịu lãi. Như thế thì còn một triệu rưỡi ở Trung Bắc Kỳ có lẽ rồi người ta cũng chỉ cho ba ông điền chủ và kỹ nghệ vay cho xong chuyện.

Bọn con nít nhà quê chúng tôi thường hát:

Chị ăn cá, em mút xương,
Chị nằm giường, em nằm đất,
Chị ăn mật, em liếm ve,
Chị ăn chè, em liếm bát.

Té ra phận làm em cũng chẳng khác phận làm dân, chỉ rành cả đời mút xương nằm đất, liếm ve với liếm bát.

ĐÁNH BANH VỚI QUỐC SỰ

Đội banh Nam Kỳ đi Xanhgapo qua Hồng Kông sang Mani, đi đâu đá ăn đó, đã làm vẻ vang lối chơi túc cầu của xứ mình nhiều lắm và cũng làm cho Tổng cục thể thao ở Nam Kỳ thâu cũng được tiền bộn bộn.

Ấy thế mà khi đem đội banh qua xứ người, các ông huấn luyện Tây theo dìu dắt đã không nâng niu cầu tướng, lại còn bạc đãi một cách tàn nhẫn, không cho tiền hút thuốc, lại bắt uống nước máy gần cầu tiêu, v.v..

Về đến nhà, các ông lại khai hội ở đình Xã tây Sài Gòn, có lính mật thám và có bót canh gác không cho người xem. Các nhà báo

cũng không được dự chẳng khác như hội đề hình xử vụ chánh trị ngày xưa. Tại hội đồng đề hình, các ông đem cầu tướng ra hạch hỏi đủ cách, trợn mắt phùng mang, đập bàn đập ghế, quá hơn người ta hỏi tù chánh trị. Hội đồng ít để ý đến lời tố cáo về sự bạc đãi cầu tướng, mà lại hạch hỏi cầu tướng sao ra đá banh nước ngoài, lại còn làm quốc sự?

Ôi trời, mẹ ơi, ở xứ này, bất kỳ là việc gì, người ta đều áp cho hai chữ quốc sự được cả.

Thợ bị chủ bớt lương, đứng lên kêu oan: Quốc sự! Dân bị quan đè nén, đâm đơn kêu cứu: Quốc sự! Đá banh chơi, bị ngược đãi phải phàn nàn: Quốc sự!

Quốc sự, quốc sự, ngươi là cái quái gì?

BỐ ÔNG ĐỘI XẾP ƠI!

Ông Nguyễn Vỹ, người ông đã dị dạng, ông lại cố làm cho dị dạng hơn. Trong khi đàn bà họ nghĩ đi xe đạp là một sự cần, sự tiện, sự vui, thì ông Nguyễn Vỹ thấp chun chủn, mang kính cận thị, lắc lư cố phất thật cao lá cờ phản đối sự đi xe đạp từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Trung, xem chừng ông đắc ý lắm và ông cũng tự cho như đã làm một sự mới lạ vô cùng.

Có lẽ ông Nguyễn Vỹ nghĩ đã có chút thân (tý thôi) cùng trời đất, nên để danh gì với núi sông.

Nhưng kiếm cái danh với núi sông không phải là dễ, nên ông Nguyễn Vỹ có cái sáng kiến là tìm cái danh của ông ở trong cặp môi son của chị em phụ nữ khắp ba kỳ. Thảo nào sau một cuộc diễn thuyết của ông Vỹ, ở đâu chị em vẫn hằng nhắc nhở đến tên ông một cách rất thơm tho.

Đáng khen hơn nữa, phụ nữ Huế là phụ nữ thầm kín mận đào hơn cả, thế mà ông Nguyễn Vỹ trong một buổi diễn thuyết tại hội Quảng Trí đã làm cho họ đều nhao nhao đứng lên trả lời "tay hai" với ông. Kể ra ông Vỹ cũng giỏi tài khiêu khích đấy.

Chỉ tiếc một chút, một chút thôi. Khi ông Vỹ ở hội Quảng Trí công kích chị em đi xe máy, thì có một cô đứng lên trả lời: "Xin ông

chớ cho rằng đàn bà đi xe máy không phải chỉ là một môn thể thao mà thôi, mà còn là một cách đi đứng cần thiết và tiện lợi cho công ăn việc làm nữa".

Ông Vỹ khi ấy luống cuống cả người lên, cứ nhìn trước nhìn sau gọi inh ỏi: "Ông hội trưởng hội Quảng Trí đâu rồi? Hội trưởng hội Quảng Trí đâu rồi?"

Thính giả hôm ấy đều cười nôn ruột, tưởng chừng ông Nguyễn Vỹ gọi: "Bố ông đội xếp ơi, cứu tôi với! Đàn bà đi xe đạp cán chết tôi đấy! Ối giời ơi!".

K.Đ.

Báo Dân, số 1,
ngày 6 - 7 - 1938.

DÂN KHÓC ỦY BAN ĐIỀU TRA

Những cái xứ như xứ này, người ta chỉ nghe tiếng cụ cười, tiếng quan cười nhiều hơn dân cười.

Tuy vậy, trong những buổi yến tiệc, suốt ngày, chiếu bạc thâu canh, tiếng quan reo như pháo nổ, thì trong lũy tre xanh, trong đồn điền hầm xưởng, dân khóc ra mắt rồi cũng phải tươi cười.

Nhưng cái cười của dân khác với cái cười của quan nhiều lắm.

Quan cười như bắp rang, như bánh tráng rán, như hoa đào nở. Gặp trên quan cười vui, gặp chị hầu non, quan cười tình, gặp bạn đồng liêu quan cười nửa mép; gặp thằng dân đỏ quan cười tỏi cười hành. Thiệt quan cười đủ trăm cách mà không cách nào giống cách nào.

Chớ còn như dân, thì hẳn chỉ có một cách cười. Đố anh biết cách gì? Cách cười ra nước mắt gừng vậy thôi.

Này, tôi kể cho anh một chuyện, gần đây mà dân ta cười đều ra nước mắt.

Hẳn năm xưa, anh còn nhớ, ở bên Tây bắn qua một cái tin: Mặt trận bình dân thắng lợi, chánh phủ xã hội lên cầm quyền. Rồi lại tiếp luôn tin: Một ủy ban điều tra sẽ qua viếng xứ Đông Dương để sắp đặt một chương trình cải cách cho dân. Người ta lại còn cho biết trong ủy ban điều tra ấy có: Nào là quan cai trị, nào là các ông nghị, nào là các nhà báo, nào là kỹ sư, nào là văn sĩ, nào là cố đạo, nào là

cộng sản, v.v... Sướng cha cha là sướng! Thiệt là mấy hôm ấy dân mình cười ra phá.

Nhưng anh ôi! Tôi đã nói với anh nhiều lần, cái dân thuộc địa, cái con nhà nghèo, cười gì rồi cũng hóa ra khóc cả.

Thì anh thử nhớ mà xem. Ban đầu người ta nói: Ủy ban điều tra qua quan sát tất cả các vấn đề chánh trị, kinh tế, xã hội.

Ồ, tốt lắm, tốt lắm!

Nhưng không bao lâu người ta lại trụt xuống một bậc:

Ủy ban điều tra qua, nhưng chỉ điều tra về kinh tế.

Rồi ít lâu nữa, người ta lại trụt xuống bậc nữa.

Ủy ban điều tra chỉ qua đây một nửa, còn một nửa ở bên Tây làm việc.

Lâu lâu một tí nữa, cụ Sôtăng lên cầm quyền, người ta lại nói: Ủy ban điều tra không qua nữa mà chỉ ở bên Tây điều tra cho khỏe. Ai oán ức điều gì thì gửi đơn thẳng qua Tây.

Nhưng gần đây, cụ Đalađiê lên ngôi báu, người ta lại tin cho anh biết: Ủy ban điều tra không nhận đơn nữa.

Thế là xong chuyện. Ô hô! Ủy ban điều tra! Ủy ban điều tra! Sinh bất phùng thời, tử vô địa táng[1], làm cho dân xứ này dở khóc, dở cười, nhìn nhau méo mặt!

K.Đ.

Báo Dân, số 1,
ngày 6 – 7 – 1938.

1. *Sinh bất phùng thời, tử vô địa táng*, chữ Hán, nghĩa là sống không gặp thời, chết không đất chôn.

CÁC MỆ DIỄN THUYẾT

Ở Huế, mấy mệ hoàng phái, từ cái ăn, cái nói, cái chơi, cái gì cũng khác phường dân giã. Khoan nói cái ăn, cái chơi của các mệ, chỉ nói cái cách nói của các mệ cũng đủ lạ đời rồi.

Xin ba xu mua khoai, đó là câu nói của mình. Còn các mệ lại nói:

"Đưa đây ta ba xu, ta giết ba củ khoai chơi". Nghe đã sướng tai chưa? Gọi người ta thì cho là "đồ ma mào xịt bộp" hay là gọi chồng bằng chữ "cái". Năm kia, có quan nọ người hoàng phái làm Phủ doãn Thừa Thiên, mỗi lần vào xem lao cứ kêu tù: "chớ cái ni mấy năm tù, cái nớ kêu oan chi rứa!". Sau bọn tù chánh trị có đặt câu thơ tặng ngài nghe thơm tho đáo để:

Năm mươi lăm cái quan mình,
Ăn ngủ om sòm, ỉa thối inh.

Mấy câu thơ tuyệt tác ấy ở lao Thừa Thiên không mấy ai mà không biết.

Đó là chuyện năm xửa năm xưa. Còn hôm trước gần đây, một mệ lại leo lên diễn đàn ở Viện dân biểu và đã diễn thuyết một vấn đề rất to lớn là "Vấn đề Thái Bình Dương" bằng "một giọng các mệ" đúng một trăm phần trăm. Mệ ấy là mệ Trợ Dự. Những thính giả hôm ấy đều có cái cảm giác như mệ Trợ nói chuyện riêng về việc nhà, việc cửa đối với vợ, với hầu non của mệ vậy. Hay hơn nữa là cứ chốc chốc, mệ lại nói to lên một tiếng: "Tui nói cái ni, mi ghê đây ni" "Tui nói cái ni, mi sướng đây ni" Thính giả họ cố lắng tai nghe thử "cái chi vui ghê rứa, cái chi vui sướng rứa", nhưng nghe ra cũng chẳng có gì "ghê" và "sướng" cả. Vì chỉ có chuyện Nhật Bản với mua phiếu quốc trái đấy thôi.

Viện dân biểu hôm ấy được một bữa cười ra phá, làm cho nhiều người không sợ gì bom Nhật Bản mà chỉ sợ mệ Trợ làm cho người ta cười vỡ mất Viện dân biểu đi thôi.

KHỦNG BỐ TRẮNG

Mới rồi, anh Dương Bạch Mai ở trong Nam vì mấy bài đăng ở trong báo *Le Peuple*[1] *bị tòa kết án một năm tù, năm năm biệt xứ.* Báo *Sài Gòn* ngày 2 – 7 – 1938 đăng cái tin ấy lại chua thêm rằng: Trong những bài đã làm cho anh Mai bị tù, có một bài nhan đề chữ Tây là: *La terreur blanche* lại có ngoặc lại: "Sự khủng bố của người da trắng" *La terreur blanche* mà dịch là "Sự khủng bố của người da trắng" thì bảo thế nào mà không kết án người ta một năm tù chớ! Một là báo *Sài Gòn* dốt mới dịch như thế, hai là anh thông ngôn tòa án dốt nên mới đưa chữ *terreur blanche* nghĩa là sự khủng bố thẳng tay, dịch ra "sự khủng bố người da trắng" đã ghê chưa?

Một bài văn của người ta mới đọc đến đầu đề mà hiểu sai đến thế, thảo nào các ông muốn khép ai vào tội phá rối cuộc trị an, xui dân làm loạn gì gì cũng được cả, rồi mặc sức mà kết án một năm, hai năm, mười năm, chung thân, Côn Lôn dễ như chơi.

Terreur blanche mà các ông cho là "Sự khủng bố người da trắng", thì một ngày kia có lẽ các ông sẽ đưa hết thảy bao nhiêu nhà làm tụ điểm lên đoạn đầu đài.

ỦY BAN ĐIỀU TRA SẼ QUA ĐÔNG DƯƠNG

Hôm kia, K.Đ. đã nói chuyện với Ủy ban điều tra của Bộ Thuộc địa chết không có chỗ chôn.

Nghĩ rằng: Cóc kêu lâu cũng thấu trời, huống hồ là dân khóc mãi, Bộ thuộc địa bên chánh quốc cũng phải động lòng. Vì thế nên điện tín ngày 1 – 7 bên Bộ thuộc địa đánh qua cho chúng ta biết: Nay mai, một ủy ban điều tra sẽ qua Đông Dương. Ôi trời ơi! Tin đâu mà sướng thế. Nhưng khoan đã, anh em ơi! Chớ có vội mừng mà bị chết như thằng cha trúng hụt số vạn mà khổ chứ!

---

1. *Le Peuple* là cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương xuất bản công khai tại Sài Gòn 1938 – 1939.

Thiệt ra Ủy ban điều tra này không phải là điều tra chánh trị, kinh tế, xã hội như hồi trước, mà chỉ điều tra... vàng.

Có lẽ bên Tây người ta nghĩ rằng ở các xứ thuộc địa, về chánh trị thì "thiên hạ thái bình, minh quân lương tướng", không việc gì mà phải điều tra. Về kinh tế thì dân ăn khoai, ăn sắn cũng đủ no, quanh năm lại cày sâu cuốc bẫm để đóng sưu, đóng thuế cho nhà nước cũng xong cả, như thế cũng không việc gì mà phải điều tra. Đến như xã hội thì lại càng tốt lắm: Thượng tắc tắc hạ kì dĩ, rất đúng khuôn mẫu của thánh hiền đời xưa, thêm thời buổi văn minh biết nhảy đầm, biết hút thuốc phiện, biết uống rượu ty. Xã hội như thế hoàn thiện biết mấy, phỏng còn điều tra làm quái gì.

Chỉ có một việc đáng điều tra hơn cả mà chính lại là yêu cầu cốt tử, ấy là việc điều tra vàng. Dân thuộc địa nhiều vàng mà lại không biết đào lên để sài cho sướng, thì để cho Ủy ban điều tra qua đào dùm cho. Không may mà Ủy ban điều tra này có chết thì cũng còn có lỗ đất chôn, chôn vào lỗ vàng vậy. Ủy ban điều tra vàng vạn tuế!

K.Đ.

Báo *Dân*, số 2,
ngày 13 – 7 – 1938.

QUAN KHÓC THEO ÁO GẤM

Mới rồi, tại chánh giới Trung Kỳ có một cuộc đại cải cách.

Đòi hiến pháp à? Chi mà lo rứa?
Các cụ về hưu à? Đừng nói tầm bậy.
Cải cách dân viện à? Để "hậu cử" đã.

Không, cuộc cải cách quan hệ ấy không phải là chuyện hiến pháp, không phải là chuyện về hưu, không phải là chuyện dân viện, mà chỉ là chuyện cái áo rộng gấm, anh đã hiểu chưa?

Nhưng ở Bắc gần đây, các quan, các cụ ngoài ấy muốn canh tân nên định bỏ cái bộ quần áo lụng thụng con nhà Đại Cồ Việt đi, mà mang chiếc cà la vát vào. Lần đầu tiên, người ta đã thấy có cụ lớn ra công đường hoặc là: với bộ "tô bítcan" hoặc có quan địa phương đi hành hạt với chiếc quần "sọt" mới.

Tưởng đó là chuyện ngoài Bắc. Không ngờ ở Trung Kỳ cũng dập

theo cái tràn lan cải cách y phục ấy. Nhưng Bắc Kỳ khác với Trung Kỳ. Bắc Kỳ đổi đồ ta ra đồ Tây, còn Trung Kỳ thì chỉ đổi cái áo rộng địa xanh ra áo rộng gấm mà thôi.

Các triều trước, y phục đại triều thì gồm có: Mũ thẻ ngang, áo cánh diều, đai, hia, hốt. Còn thường triều thì các cụ đại thần mặc áo rộng gấm cổ trắng (nghĩa là cổ giống như áo bidama) mình xanh và trước bụng, sau lưng có hai miếng gọi là miếng "bao tử" thêu hạc, thêu phượng thuộc về quan văn, thêu sư tử, thêu cọp, thêu beo thuộc về quan võ.

Gần đây, đức Kim thượng ưa sự giản đơn, đại triều một năm chỉ vài lễ, nên bộ đại triều các quan vì thế mà ít dùng, còn thường triều vẫn có, nhưng tầng trên các cụ đại thần thì mặc thường triều áo gấm kinh tương, còn các quan dưới chỉ mặc áo rộng xanh bằng địa.

Các quan từ tứ ly, thị lang, tư vụ, chủ sự, hành tẩu, các quan bố chánh, án sát, phủ, huyện, đến hạng quan đốc học, huấn đạo tư học, kiểm học v.v... một khi chầu triều đều mặc áo rộng xanh cả.

Nhưng có một điều bất tiện là ở chỗ này: Cái áo rộng địa xanh quan mặc được thì dân cũng được. Tại đình làng, ba cha hương bộ, lý trưởng, chánh phó tổng quèn cũng xúng xính trong cái áo rộng địa xanh, đến các ngày kỵ giỗ, lễ lạc, hội hè, ba thằng dân chảy xác cũng hãnh diện tới bà con bằng một cái áo rộng xanh đại, thượng hài nhất hạng. Thì nói mô xa, nhìn ngay cái thằng bạch đinh K.Đ này, khi lấy vợ hắn cũng dàn một cái áo rộng xanh như ai chớ!

Thiệt bậy quá, không thượng hạ tôn ti gì cả. Thấy cái chỗ khuyết điểm lớn ấy, Bộ tài chính đã thông tư cho các quan biết rằng từ nay "Về bộ thượng triều, các đường quan sẽ mặc áo rộng gấm thất thể mình xanh. Còn các thuộc quan thì được phép mặc áo rộng gấm kim ngân, để phân biệt với thường dân".

Thế là từ nay có chỗ phân biệt rồi, quan mặc áo rộng gấm, dân mặc áo rộng địa xanh vậy.

Duy có điều hơi cay cay một chút là cái áo rộng địa xanh giá chỉ có 10 đồng, chớ cái áo rộng gấm thất thể giá đến 50 đồng, áo rộng gấm kim ngân giá đến 30 đồng. Các quan giàu thì chẳng nói làm chi, chớ mấy quan nghèo chạy tiền mua cho được áo rộng gấm thất thể hay kim ngân cũng đủ lè lưỡi.

K.Đ. tôi mong rằng các cụ thượng Bộ tài chính đã nghĩ ra sự cải cách ấy, nên thông tư cho xưởng dệt gấm ở Hà Đông là chỗ cụ lớn quen biết đem vào biếu cho quan lớn, quan nhỏ, mỗi ngày một cái áo gấm thì quí hóa biết dường nào!!!

Như thế, cuộc cải cách lớn lao về áo rộng mới thật là hoàn toàn vậy thay!

K.Đ.

Báo *Dân*, số 2,
ngày 13 – 7 – 1938.

CẢNH KHỔ CỦA NGHỀ TRỒNG THUỐC

– Dạ, nhà tôi chỉ trồng có từng nớ.

Theo ngón tay trỏ của anh chủ nhà, tôi nhìn lên thấy treo lủng lẳng ba xâu thuốc nửa vàng nửa xanh, cả thảy lối trên trăm rưởi lá.

– Thế nhà nước có cho người về đếm hàng cây không? Tôi hỏi.

Vẻ ngạc nhiên lộ ngay ra ở nét mặt anh, có lẽ anh không hiểu sao lại có câu hỏi ngớ ngẩn thế?

– Dạ, đếm từng cây từ năm ngoái năm tê. Năm ni cũng rứa. Nhưng ông Tây với thầy Đội về đi khám một ít nhà, còn đã có ông Chánh làm sổ.

Không hiểu ông Chánh là ai, hỏi ra tôi mới biết ông Chánh tức là viên Chánh tổng trong hạt, mỗi năm nhà đoan cho 15$ để đi từng nhà ghi chép số thuốc của chủ trồng.

– Ông Tây với thầy Đội về có làm gì phiền nhiễu không?

Nghe lời tôi hỏi, anh dân cày ta gãi đầu, ý chừng đang tìm câu trả lời khéo léo. Nhưng bạn tôi hiểu ý.

– Không, anh chớ ngại chi cả. Anh cứ nói thật đi, ông đây muốn hỏi cho biết thôi.

Nghe câu nói của bạn tôi, người quen của anh ta, nên sự nghi ngại như đã tiêu tan.

– Thầy Đội thì không răng, chớ ông Tây ra bộ nóng nảy lắm. Bữa ông về nhà tôi, tôi chỉ mấy cây thuốc trồng ngoài vườn với mấy

xâu thuốc đó cho ông coi, ông không tin. Ông hỏi tôi, có trồng mó nữa không thì chỉ ra nhưng không có. Ở mấy nhà khác, ông bắt mở rương ra để khám.

– Khai từ năm ngoái lại giờ mà đã có thuế chưa? Tôi hỏi.

– Thuế chưa có, nhưng trồng ra lại không bán được. Bây giờ đến lượt tôi ngạc nhiên:

– Sao thế?

– Bán phải bán cho người có giấy nhà nước, mà ở cả miền Truồi ni thì chỉ có một ông Th.Đ được lãnh giấy mà thôi. Có người không muốn bán đổ bán tháo cho họ, đem ra chợ bán một hai xu cho đàn bà con nít lại thường bị phạt. Mới đây có hai mụ bán thuốc bị phạt nặng lắm.

Rồi anh nhìn lại đứa con gái nhỏ, trạc tám chín tuổi, người gày, ăn mặc rách rưới, nhưng mặt mày sáng sủa, đứng bên cạnh anh:

– Phải rứa không con hè?

Điệu bộ nhanh nhảu trả lời ngay:

– Một mụ bị phạt 11,20$ có tiền nộp được tha về, còn mụ tê ở làng Hà Tử (con bé muốn nói làng Hà Trử, nhưng nó ngọng) phạt 9,35$, không có tiền, ông Tây bỏ lên xe điện, chở về mô trên Huế.

11$, 9$ những con số "khổng lồ" đối với dân quê! Tôi vội hỏi:

– Bán bao nhiêu mà phạt nhiều thế?

– Mụ 11$, bán mô 8 xâu thầy Đội nói 1 kg với một xâu, mụ 9$ 5 xâu thôi.

Tôi lại càng không hiểu. Anh dân cày phải cắt nghĩa thêm:

– Theo lời thầy Đội thông ngôn lại ông Tây bắt phải nộp đủ tiền, người nhà nước mới đi về.

– Ừ có thế chứ! Lẽ nào một xâu thuốc lối 50 lá lại được trị giá những hơn đồng rưỡi bạc. Nhưng óc tôi nó liên tưởng ngay đến sự bán nhà – nếu có nhà – để nộp phạt và theo nó, sự đói khát đến cực điểm của gia đình nghèo túng.

– Thế là các anh chỉ trồng mà không bán được? Câu hỏi đầy căm tức của tôi không có ảnh hưởng gì mấy. Cứ một giọng lạnh lùng, nó tỏ ra nỗi đau khổ nhưng không dám thán oán, anh chủ nhà đáp:

– Có bán mô được! Không bán mà cũng không dám bày ra trong nhà, phải thu thu giấu giấu kẻo sợ có người điểm (mách với chức việc nhà đoan).

Ngoài chợ, người ta mua bóp hầu bóp họng, mình không chịu bán là người ta điểm với Tây, nói nhà mình nhiều thuốc, nhưng người ta tới mua, mình không chịu bán. Rứa là Tây về xét nhà, khổ lắm.

– À quên, người lãnh giấy phải nộp thuế bao nhiêu?

– Dạ nghe nói mỗi kilô là 0,25$. Ai mua phải có biên lai.

– Lúc nãy, anh nói ông Tây với thầy Đội về khám xét chỉ lục rương hòm chớ không làm gì nữa phải không?

Có lẽ tôi được anh tin hẳn là người "vô sự" nên anh hăng hái trả lời.

– Năm ngoái, ông về đây, có chủ sợ quá bỏ nhà chạy; có mấy xâu thuốc, ông thâu hết.

Nghe câu trả lời, tôi nghĩ ngay đến sự đau khổ của người bị mất thuốc.

– Không bán được thuốc thì thuế vụ làm sao?

– Dạ, bán không được, mà cũng không ai dám mua, nên túng lắm. Thuế nhiều nhà không nộp nổi.

Công việc điều tra đã tạm đầy đủ, tôi ra về. Ngồi trên xe hơi, tôi móc điếu thuốc lá tây ra hút, sực nghĩ ngay đến những câu nói vừa qua của anh chủ nhà. Tôi tự hỏi:

– Phải chăng người ta làm khó dễ với dân trồng thuốc lá ở thôn quê là để giữ gìn quyền lợi cho thuốc lá của người ngoại quốc? Hay là người ta có ý dựng nên một độc quyền thuốc lá như muối, rượu.

Báo *Dân*, số 2, K.Đ
ngày 13 – 7 – 1938.

DÂN LÀ QUÍ

Anh ra đường thường gặp những đám ma trên cái tấm giấy bài đăng công bố, họ để những chữ to tướng bằng mẹ gà: trinh thuận, trung tín v.v... Nếu anh cắc cớ hỏi người chết ấy là ai? Anh sẽ có phen thất kinh ngã ngửa, vì người chết ấy là mụ bếp Li, làm đĩ năm canh, nhiều khi lại là quan Nguyễn Văn Xoài nổi danh phản quốc.

Nhưng nói thì tội nghiệp, chớ người chết họ có biết gì cái chuyện oái ăm ấy. Chỉ người sống sờ sờ ra đó ngang nhiên mà làm chuyện tày trời ấy mới thật là buồn cười. Chắc anh cũng như tôi, có lần phải

lấy làm ngượng miệng khi đọc những bức tranh sơn son thếp vàng với bốn chữ sáng chói: "tiết hạnh khả phong", ở nhà một me tây kia, hay chữ "trung, hiếu, tiết, nghĩa" thêu trên trướng gấm ở nhà một cụ lớn nọ.

Người đời họ có cái tài vừa đánh trống, vừa đi ăn cướp, mà rồi cũng xong chuyện được cả, thiệt mình phải phục lắm.

Những me tây treo bảng thếp vàng hay cụ lớn mở trưng cao trướng gấm là việc trong nhà trong cửa họ, chẳng mấy ai dòm ngó làm quái gì, chẳng qua chỉ một vài khách làng chơi của mẹ, hoặc vợ con hầu hạ trong nhà cụ lớn, chuyện ấy không đáng kể cho lắm. Đằng này, có ông ba hoa đưa cái chuyện trồng cây sống bằng cây chết lên trên mặt báo, ngang nhiên tự thị trước mấy ngàn con mắt của độc giả như kẻ múa gậy vườn hoang. Cái lối lì lợm ấy, K. Đ tôi thiệt phục sát đất.

Mấy ông, như ông Phan Trần Chúc vuốt râu tự xưng là đảng viên Đảng xã hội thì bảo ai không cười đến chết chớ.

Một ông, như ông Nguyễn Đức Bính, chủ biên báo *Thời vụ*, Trạng sư cho cụ Hoàng Văn Khải, phóng viên cho báo phát xít *Volonte indochinoise*, ấy thế mà còn liếc mắt đưa tình với đám dân đen, rán cạy là được coi dân biểu, hơn thế nữa, trên mặt báo *Thời vụ* còn mở miệng mà nói chữ "dân là quí" thì thật, ôi mèn ơi! Có lẽ nay mai trời đất sập đổ và loài người đi hai tay xuống đất, chân chổng lên trời cả rồi.

Ông Nguyễn Đức Bính mà nói đến chữ "dân vi quí" của thầy Mạnh Tử thì thật, dầu có được chết, tôi cũng phải nhớ đến chữ "trinh tiết" của mụ bếp Li, hay chữ "trung chánh" của cụ Nguyễn Văn Xoài.

Dân là quí. Phải, quí lắm, cho nên có người mới đứng thay mặt cho nó mà lại đi viết cho báo bảo hoàng.

Dân là quí. Phải, quí lắm, cho nên có người mới làm trái cuống họng như thế. Phục quá. Ông Nguyễn Đức Bính ơi! K. Đ. tôi phục ông quá, ước gì sang năm báo *Dân* tôi ăn lễ tuổi, tôi K. Đ. sẽ gửi tặng ông cùng cả tòa soạn báo *Thời vụ* mỗi ông một tấm mề đay Bắc đẩu bội "dân" để các ngài đeo cho sướng, khoái chưa!

K. Đ.

Báo *Dân*, số 3,
ngày 20–7–1938.

GIUĐA BÁN CHÚA, ÔNG LÊ HOÀNG CẦM CON

Tờ báo *Phổ thông* [1] mấy lâu, ai cũng cho là một tờ báo hay, vì nó thiệt lòng bênh vực dân chúng.

Rồi một buổi mai, người ta mở *Phổ thông* ra xem. Ơ hay, cái quái gì thế này, những lời thống thiết chân thành đi đâu cả, chỉ rành một giọng chửi bới, khiêu khích, vu cáo tứ tung bát giác. Người ta cố tìm những tên tác giả quen biết thì họ đều biến đi đàng nào mất, mà chỉ trơ trọi một ông Lê Hoàng với một tên vô danh tiểu tốt nào đó đứng làm quản lý. Ủa! Sao có sự trơ tráo như bài ba con thế?

A phải rồi, ông Lê Hoàng đã rút tờ *Phổ thông* của ông để đem bán cho kẻ khác. Ông Lê Hoàng lanh tay thật!

Người xưa, Giuđa bán chúa, nó chỉ có 30 đồng. Ngày nay, ông Lê Hoàng cầm con, ông được mấy đồng nhỉ?

"CHÁNH SỞ" VÀ "BẠN LÀM"

An Nam mình có cái tục hay kiêng cữ, cái gì mình sợ, cái gì mình không muốn mất lòng thì hay nói trẹ đi. Con cọp thì mình gọi là "ông khái". Con chuột thì mình gọi là "ông thiêng". Tưởng chừng cái lối kiêng cữ ấy chỉ ở bên mình, không ngờ nước Đức phát xít cũng bắt chước mình, ấy mới lạ.

Vừa rồi, R. Hesse, đảng trưởng đảng chữ Vạn gởi cho Thống chế Gơrinh một bức thư của Đảng quốc gia xã hội, yêu cầu các vị tổng trưởng ở Đức từ nay bỏ chữ "chủ" và "người làm" vì mấy tiếng đó có ý xui giục cuộc giai cấp đấu tranh, nên thay bằng những tiếng "chánh sở" và "bạn làm". A men! Mấy ông phát xít chữ Vạn thông minh quá. Các ông nghĩ giai cấp đấu tranh là vì những tiếng giàu, tiếng nghèo, tiếng chủ, tiếng tớ. Bây giờ kiêng cữ mấy tiếng ấy đi

---

1. *Phổ thông* là tờ báo của Lê Hoàng, ra số 1, ngày 16 tháng 10 năm 1936 đến tháng 2-1938, khuynh hướng tiểu tư sản. Đảng Cộng sản Đông Dương bí mật thuê, ra số 1, ngày 18-12-1936 đến số 16, ngày 3-6-1938, Lê Hoàng đòi lại, cho bọn tờrốtxkit thuê, từ sau ngày 3-6-1938, *Phổ thông* trở thành tờ báo phản cách mạng.

đừng nói đến tục danh của nó, nói tre trẹ đi một chút, tự nhiên hết giai cấp đấu tranh! Phục thiệt. Hèn chi các ông đốt sách Các Mác và Lênin đi là phải.

K. Đ. nghĩ: nếu như gọi chữ "chủ" và "người làm" là xui giục giai cấp đấu tranh, vậy nếu gọi chữ "tàu bay", chữ "trái phá", chữ "hơi ngạt" là rõ ràng xui giục đế quốc chiến tranh. Vì thế cho nên K. Đ. sẽ thông báo cho tất cả các ông quốc trưởng khắp thế giới từ nay muốn bênh vực cho hòa bình thì phải đổi tên "tàu bay" là con chuồn chuồn của Mútxolini, "trái phá" là "quả cam của Hítle", mà "hơi ngạt" là "mùi hương của Nhật Bản".

Nước nào gọi sai, tất là phạm vào tội xúi giục chiến tranh vậy.

Báo *Dân*, số 3,
ngày 22-7-1938.

CUỘC BẦU CỬ LẦN THỨ HAI TẠI HÀ NỘI VÀ HẢI PHÒNG

Sáng hôm 17 tháng 7, cũng như trước đây một tuần, lao động, tiểu thương, thanh niên, phụ nữ chia nhau đi khắp các đường phố để mời các cử tri đi bỏ phiếu.

Kỳ bầu cử thứ hai này là để lấy hai ông dân biểu, cả khu thứ nhất và khu thứ hai, kỳ trước chưa ai trúng cử. Tòa Đốc lý lại cho nó là ngày phải bầu lại một ông thương biểu nữa. Tuy cái "ca" anh Tiến nay vẫn chưa rõ ra như thế nào, tuy anh Tiến đã được dân chúng hết sức tín nhiệm, không e dè nhận là đại biểu chân chính của mình, tuy vậy mặc dầu tòa Đốc lý vẫn bắt các cử tri có môn bài phải bầu lại một người "đại diện" (!) khác.

Nhưng các nhà có môn bài đã hành động một cách đáng khen. Các bạn xem đoạn dưới đây sẽ rõ:

QUANG CẢNH MẤY NƠI BỎ PHIẾU

Kỳ trước, về ba nơi bầu dân biểu cử tri tới bỏ phiếu thưa thớt lắm. Kỳ này cũng thưa thớt. Số cử tri khu thứ nhất xấp xỉ như kỳ trước, số xe ôtô để chuyên chở cũng chả được bao nhiêu. Còn ở khu thứ hai thì lại vắng hơn lần đầu phiếu trước. Ở tòa Đốc lý, nơi bầu nghị viên thương mại, trái ngược hẳn với ngày 10 tháng 7, kỳ bầu cử này quang cảnh tiêu điều vô cùng.

Qua lại trước cửa Đốc lý, người ta chỉ thấy, hoặc đằng sau lưng ông Đào Văn Quế với đôi vai lệch hẳn, hoặc đằng trước mặt ông Quế với bộ râu cá trê. Nhớ lại cuộc đầu phiếu ngày 10 tháng 7 với vẻ hoạt động, tấp nập của nó, ta thấy các cử tri rất lãnh đạm đối với cuộc bầu lại.

Sự lãnh đạm có đầy ý nghĩa. Nó tỏ rõ một ý chí phản đối. Nó nêu lên một thái độ: bất bình. Nó đưa ra một thái độ: tẩy chay. Tới bầu rất ít, cử tri thương mại đã tỏ ra rằng mình đã biết tự lập, không phải một chốc mà chối hết ý nguyện và sự phán đoán của mình. Họ đã suy xét kỹ, rồi bầu cho anh Khuất Duy Tiến. Bây giờ chính phủ đã nhất quyết bước qua ý chí dân chúng!

SỰ CANH PHÒNG TRONG THÀNH PHỐ

Trên đây nói về cử tri. So với kỳ trước, họ đang hay họ vắng, điều đó không phải là sự phân biệt đáng chú ý hơn hết. Đáng chú ý là ngày 17 tháng 7, sự canh phòng trong thành phố nghiêm ngặt vô cùng. Mấy con đường quanh các nơi đầu phiếu, đông đặc những cảnh binh.

Ngay những nơi đầu phiếu lại càng nhiều hơn nữa. Ở trường Hàng Than, các ông cẩm và mật thám lại cẩn thận quá đỗi: xua đuổi hết người đi qua đó hễ thấy họ đứng nhìn, mặc dầu vì cớ nào. Hành động đó chỉ tổ làm cho người ta tức giận.

Từ trưa trở đi, sự canh phòng càng gay gắt hơn nữa. Mật thám tây và ta cùng với cảnh sát, thế chưa đủ, thành phố còn phải viện thêm lính khố xanh đặt các đầu phố quanh nơi đầu phiếu, đeo đủ súng và lưỡi lê.

TRƯỚC TRƯỜNG HÀNG VÔI

Vì khu thứ nhất là nơi có cuộc tranh cử, nên các cử tri, anh chị em tiểu thương, lao động, thanh niên, không ai bảo ai đua nhau đến xem kết quả cuộc đầu phiếu. Trước trường Hàng Than, họ bị xua đuổi, họ liền đi tới trường Hàng Vôi; trước 3 giờ, có một số ít được vào sân trường để chờ xem kết quả. Nhưng ông Đốc lý Viếcgitti tới nơi. Vì thấy trong sân trường có vài chị em phụ nữ, ông ra lệnh đuổi hết công chúng ra ngoài không phân biệt người có giấy bầu hay không có giấy bầu, mặc dầu lúc 11 giờ ông đã bằng lòng đến chiều cho những người cử tri được tụ tập trong sân trường để chờ kết quả cuộc đầu phiếu. Một số chừng 50 người bị cản lối không cho vào sân trường, họ bị xô đẩy hỗn độn bởi các ông Cẩm tây đã được lệnh của quan Đốc lý mà làm việc.

Như vậy thì đi về ư? Không, cuộc tuyển cử có đủ ý nghĩa đáng cho họ chú ý, và họ cần biết kết quả. Không có cách nào khác, họ liền đi ra bờ sông, đứng trên vệ đê, chỗ xế cửa Sở công chính, vừa đợi kết quả cuộc đầu phiếu, vừa xem đá bóng dưới bờ sông. Tổng số có thể hơn 1000 người.

DÂN CHÚNG TRỌNG TRẬT TỰ

Bất kỳ ở nơi nào, vào lúc nào, hễ thế mình đông đúc, dân chúng giác ngộ lo ngay đến việc mình giữ trật tự cho mình, không trái luật pháp chút nào. Trên vệ đá, số người đông là thế, mà rất nhanh, họ xếp hàng lại, đứng đều tăm tắp.

DÂN CHÚNG ĐỀ PHÒNG BỌN TỜRỐXTKÍT

Kỳ trước bọn tơrốtxkít đem người của mình ra tranh cử cùng anh Chương, trong Mặt trận dân chủ. Đến khi kết quả cuộc đầu phiếu đã nêu ra, Mặt trận dân chủ thắng lợi rõ ràng, ông Trần Duy Đạm của bọn tờrốtxkít bẹp dúm, như bạn đọc đã được biết.

Đến kỳ này, ông Trần Duy Đạm và cả bọn tờrốtxkít không có

mặt nào mà kéo dài một trò khôi hài trong đó họ chỉ tìm thấy cái nhục. Ông Đạm đã rút đơn, còn bọn tờrốtxkít thì len lỏi đặt chân vào giữa đám biểu tình.

Nhưng dân chúng đã biết họ, nên hết sức lo đề phòng sự khiêu khích của bọn. Chui lách vào giữa đám biểu tình, họ lập tức bị kẻ vôi vào mặt không thể hòng lẫn lộn vào các giới để dễ bề hoạt động. Dân chúng tự xếp đặt lại hàng ngũ để cho họ đứng hàng đầu, có ý sau sẽ quay lưng lại để cho chúng hóa ra hàng dưới. Và để cho ai nấy thấy cái "lực lượng" của họ. Một đám mấy anh trí thức nửa mùa. Đối với các lực lượng có trật tự, theo con đường chính trị đúng đắn của hơn 1000 người đủ các giới. Sự so sánh chua chát thay cho họ!

KẾT QUẢ CÁC CUỘC ĐẦU PHIẾU

Chừng non bốn giờ, ở các nơi để có kết quả: Trường Hàng Than, số cử tri ghi tên trong sổ là 1045 người, đi bầu chỉ có 290, thì anh Chương đã được 271 phiếu. Ông Lương Ngọc Hiến chỉ góp nhặt được 16 phiếu; 1 phiếu trắng; 2 phiếu linh tinh. Trường Hàng Vôi (cũng khu thứ nhất, sổ ghi tên là 1427 người đi bầu được 305 người, anh Chương được 277 phiếu. Hiến 23.

Như vậy, ở khu thứ nhất, anh Phạm Hữu Chương được 548 phiếu trúng cử. Ông Lương Ngọc Hiến tuy đã được ông Đạm nhường phiếu cho, chỉ lượm lặt được 39 phiếu. Một điều nên biết nữa là số cử tri đi bỏ phiếu ở khu thứ nhất là 595 người, xấp xỉ như kỳ trước (599 người). Kỳ trước ông Hiến được 60 phiếu, kỳ này ông Đạm đã rút tên, nhường phiếu cho ông Hiến, thế mà ông Hiến chỉ góp được một số phiếu ít bằng non nửa kỳ trước. Trái lại, kỳ trước anh Chương 495 phiếu, kỳ này được 548, trội hơn 53 phiếu, với một số cử tri nhỏ hơn. Đó là những con số hùng biện. Nó đo được sức giác ngộ của cử tri và nhất là sự tín nhiệm của cử tri đối với Mặt trận dân chủ.

Còn ở khu thứ hai, bầu dân biểu tại trường Hàm Long, số cử tri ghi tên là 1498 người, đi bầu chỉ có 164. Anh Nguyễn Bách, người ứng cử đứng trên lập trường Mặt trận dân chủ trúng cử với 157 phiếu.

Tại tòa Đốc lý, với một số cử tri chỉ bằng 1 phần tư kỳ trước, ông Quế được 149 phiếu!

CUỘC HOAN HÔ NHỮNG NGƯỜI TRÚNG CỬ CỦA MẶT TRẬN DÂN CHỦ

Khi đã biết kết quả của cuộc đầu phiếu, anh Phạm Hữu Chương được anh em mời ra chỗ tụ tập của các đoàn thể. Bọn tờrốtxkít rất mau miệng hô lên "Đả đảo Phạm Hữu chương! Đả đảo Mặt trận dân chủ!".

Anh Chương bình tĩnh đi đến đoạn giữa. Lập tức được hai anh xốc lên vai. Anh Chương giơ tay chào theo lối Mặt trận bình dân và nói to: "Anh chị em Mặt trận dân chủ đã thắng lợi. Chúng tôi xin thay mặt các người trúng cử Mặt trận dân chủ ở Hà Nội và toàn xứ Bắc Kỳ, cảm ơn anh chị em. Chúng tôi cam đoan trung thành với bản chương trình tối thiểu!"

Các khẩu hiệu đưa cao lên: "Mặt trận dân chủ muôn năm! Phổ thông đầu phiếu! Anh Tiến đủ điều kiện trúng cử!" Tiếng vỗ tay vang dậy. Đằng kia, bọn tờrốtxkít ồn ào hô gì không rõ. Nhiều người có ý cho chúng một bài học để biết giữ trật tự. Nhưng anh Chương bình tĩnh nói tiếp, ngăn cản anh chị em nóng tính: Anh chị em chúng ta phải bình tĩnh, chớ để ý đến những lời khiêu khích của bọn phá hoại. Trong lúc anh Chương nói, dưới đường cảnh sát và mật thám đã tới đông vô kể. Anh Chương đứng xuống. Tiếp đến một anh thợ máy được xốc lên nói... Nhưng trước mặt anh chị em đông đủ, trước cái lực lượng của giai cấp mình, tỏ rõ rất mạnh, anh cảm động không nói được. Trong khi ấy, bọn tờrốtxkít cứ hô ầm ĩ, làm cho quần chúng tức mình xôn xao. Lúc ấy anh Đặng Xuân Khu ở báo *Tin tức* liền được xốc lên, bình tĩnh và mạnh mẽ, anh nắm tay nói to: "Anh chị em! Mặt trận dân chủ đã thành lập ở Bắc Kỳ. Những người ứng cử của Mặt trận dân chủ đã đưa ra một chương trình rất thích hợp với quyền lợi dân chúng! Bước thắng lợi của những người ứng cử Mặt trận dân chủ tức là bước thắng lợi của chương trình đó! Chúng ta phải hết sức ủng hộ những người ứng cử của Mặt trận dân chủ để cho chương trình tối thiểu được thực hiện!..." Rồi anh hô hào anh chị em giữ thái độ bình tĩnh, giải tán cho có trật tự.

Anh Khu vừa nói xong, thì từ dưới đường kéo lên vô số mật thám Tây và cảnh binh. Họ thộp ngực anh, bắt lấy lôi xuống đường, tống ngay lên xe ôtô của ty mật thám. Mọi người liền hô to lên "Thả anh Khu!". Thế là cảnh sát và mật thám xông vào tóm lấy hết cả những

người hô khẩu hiệu. Những người đó, người thì bị thộp lấy ngực, người thì bị xô mạnh lăn xuống vệ đê rồi bị nhét lên ôtô chở đem đi. Giữa đường, ông Viếcgitti mắt long lên nhìn từng người một. Trên vệ đê, vẫn còn tiếng hô khẩu hiệu. Các ông mật thám lại lăn xả vào xô đẩy, đấm, tát. Họ cắt đoạn đám biểu tình. Thế rồi, vì bị xô đẩy dữ quá, các chị em phụ nữ tản ra, kéo theo cả hàng nghìn người biểu tình xuống dưới bờ sông. Có một chị bị xô ngã lăn từ trên vệ đê xuống bờ cỏ, kêu vang lên rồi nằm lịm. Tuy vậy, các ông mật thám không cho ai cứu chữa, cứ bắt cảnh sát xốc lên đặt nằm trên vệ đê.

Trước cuộc đàn áp dữ dội quá, mà người trong hàng ngũ bị bắt nhiều lắm, anh chị em lại chỉnh đốn hàng ngũ có ý định giải tán từng đoạn một cho có trật tự.

Nhưng từ trên vệ đê, làn sóng đàn áp kéo xuống, đi đầu là ông Viếcgitti, quanh mình là cảnh binh với mật thám.

Thấy thế anh chị em liền tản ra, nhưng ông Viếcgitti hô lên: "Bắt lấy chúng!" Thế là cảnh sát chạy chặn hết các mặt. Mấy ông mật thám Tây lại nói to lên với mọi người đứng xem xung quanh "Những người nào không ở trong bọn này thì lui xa ra, kẻo lại bị cả giờ!". Có ông thách "Đứa nào muốn chơi thì vào đây!".

Muốn giải tán mà bị vây tròn xung quanh, anh chị em đành lại xếp hàng ngũ đứng yên.

SOÁT THẺ

Thế rồi bắt đầu một cuộc... soát thẻ thuế thân! Hung tợn, các ông mật thám thộp lấy ngực mọi người mà hỏi thẻ. Người có thì họ giữ lấy thẻ, người không thì họ lôi ra đứng một bên. Thế rồi họ chia làm đôi: người đã đưa thẻ bắt ngồi ra một phía, những người không thẻ, quên thẻ, ngồi một bên; chị em phụ nữ đứng một nơi. Riêng chị Chi nói sai tên bị họ túm luôn, đặt cùng với anh em không có thẻ.

Bây giờ họ cho những người có thẻ về từng lớp một, 3 người. Chỉ hai tốp đầu được thả ngay. Còn những tốp sau thì bị áp giải đi rất xa, ra các đầu ô của thành phố Hà Nội mới được thả. Anh Võ Đức Diên nay đã là nghị viên thương mại chính thức, tuy có thẻ vẫn bị ông Đốc lý chỉ mặt cho bắt đem về Sở Mật thám cùng những người không có thẻ.

TRONG TY MẬT THÁM

Những người bị bắt, cả trước, cả sau đến 40 người, tốp thì đem thẳng ngay đến Sở Mật thám, tốp thì đem về sở cẩm Hàng Trống rồi mới cho sang Sở Mật thám. Sở Mật thám hôm nay thật nhiều việc, phải kê hai cái bàn ra giữa sân để lấy lời khai và để... hỏi chuyện.

Mỗi người hỏi xong, đều được thả ra. Những người bị nghi là cầm đầu được nghe các ông mật thám bảo sẽ tư ra tòa.

VÌ SAO XẢY RA NHỮNG VIỆC ĐÁNG TIẾC?

Nguyên nhân không phải tìm lâu mới thấy. Ai lại không biết rằng: Trong một cuộc bầu cử, người đại diện cho mình, dân chúng đi chờ xem kết quả là chính đáng hết sức, được tin thắng lợi, họ hoan hô là chính đáng hết sức. Cho nên nghe nói từ sáng rằng ông Đốc lý đã hứa sẽ để họ vào trong sân trường Hàng Vôi để nghe kết quả, họ kéo ra đấy rất đông cử tri có lao động thanh niên và cả phụ nữ nữa. Giá ông Đốc lý rộng một chút, cho họ vào cả sân trường thì chẳng xẩy ra việc gì.

Nhưng ông không chịu. Ai nấy đều tự hỏi, nếu cuộc tụ họp hôm ấy có ít nhiều cái tính chất bình dân, chứ không riêng gồm có cử tri, thì có hại gì? Nhưng ông Đốc lý không cần một câu hỏi như thế. Tất cả những người đứng trong sân đều bị đuổi ra ngoài đường. Và ở đấy, đuổi đi nữa..., đi đâu?

Túng thế, họ đi ra bờ đê đứng đợi. Ở đấy xảy ra những gì? Và vì đây, chắc bây giờ các bạn đọc đều hiểu rõ, và chắc không thể không ngạc nhiên tức tối trước những sự bắt bớ, đàn áp vô lý ấy. Ta nên nói thêm rằng, bọn tờrốtxkít với những hành động nhố nhăng, ồn ào của chúng đã giúp cho nhà cầm quyền một cái cớ để can thiệp và đàn áp nữa.

Một lần nữa, ta thấy bọn tờrốtxkít với cái chính sách phá hoại của chúng mặc dầu có một vài kẻ, trong khi thấy có người bị bắt, đã hô phản đối.

T. K.

Báo *Tin tức*, số 19,
ngày 29 – 23-7-1938.

CÙNG ÔNG THÁI PHỈ, NGUYỄN ĐỨC PHONG Ở "VIỆT BÁO"

Chúng tôi gọi ngay tên ông Thái Phỉ ra, vì chúng tôi biết rằng ông Bùi Xuân Học chỉ là bù nhìn ở *Việt Báo*. Mà tờ *Việt Báo* thì chẳng có một tôn chỉ gì nhất định, nó đã hơi có khuynh hướng cấp tiến khi ở dưới quyền chủ bút của ông Tam Lang, bây giờ nó xoay hẳn ra mặt phản động, vì do ông Thái Phỉ chủ trương. Vậy nói chuyện với *Việt Báo* tức là nói chuyện với ông Thái Phỉ.

Trong bài tường thuật vụ tổng tuyển cử dân biểu ở Hà Nội đăng trong *Việt Báo* ngày 12 và 13 tháng 7, có nhiều đoạn rất chướng tai những người dù chỉ đứng địa vị trung lập. Ông Thái Phỉ đã bôi trên tờ *Việt Báo* những câu rất đê hèn khốn nạn. Ông đã lên mặt trí thức, trưởng giả, khinh miệt hẳn anh em lao động, thóa mạ chị em lao động và tiểu thương. Ông cho chúng tôi là một thứ dân chúng ngộ nghĩnh. Vậy theo như ý ông, dân chúng cứ việc còng lưng, câm miệng, chịu ép dưới mọi sự bóc lột, áp chế, không được tham dự vào một phong trào gì đòi cải thiện đời sống của mình hay chạy theo bợ đỡ mấy thằng giàu bán lương tâm, bán ngòi bút để cầu lấy miếng đỉnh chung, chửi bới, chế giễu những người muốn tranh đấu để đòi quyền lợi của họ, như ông mới không phải là một dân chúng ngộ nghĩnh. Ông thấy các chị em không ở nhà để coi nồi sanh, chĩnh mắm, khâu vá, quét dọn thờ phụng, hầu hạ cha mẹ và chồng cho trọn chữ tam tòng tứ đức, lại dám đương nhiên ra hoạt động giữa công chúng để đòi *cơm áo*. Nên ông tìm đủ giọng để nói xỏ, nói xiên *cơm áo*, ông nhắc đi, nhắc lại mãi hai chữ đó để chế giễu. Phải, ông chế giễu là phải. Sao chúng tôi không đòi phụ cấp ô tô, nhà lầu như ai, lại đi đòi cơm áo?

Nếu đứng trên lập trường chính trị, vì những chỗ bất đồng ý, các ông chỉ trích chúng tôi một cách đứng đắn, chúng tôi xin vui lòng thừa tiếp. Song đằng này, như chúng tôi thừa biết, chỉ vì lòng ghen ghét của cá nhân nên ông giở cái giọng khôi hài rất vô duyên và thô bỉ định tâm làm át lấy cái ý nghĩa quan trọng, đứng đắn của cuộc bầu thương biểu.

Nếu đó chỉ là một bài thông tin, thì cần phải thông tin đúng sự thật. Đây ông Thái Phỉ đã không trọng sự thực, lại cố ý làm sai đi nữa. Ông không cần biết trong đám chị em giúp cuộc tuyển cử vừa qua gồm có đủ lao động, tiểu thương, trí thức, thanh niên, ông vơ cả vào một mớ rồi "chế giễu các bà trưởng giả lao động", "các cô tiểu thư lao động". Ông không cần sự thực và lương tâm. Ông chửi vào mặt ông. Ông bôi nhọ được những người ông ghét là ông thỏa thích. Việc của chị em tặng hoa cho người trúng cử của Mặt trận mình là một cách hoan hô sự đắc thắng của mình, rất thường tình và rất tự nhiên, xưa nay ai cũng kính trọng cái hành vi đó. Nhưng ông Thái Phỉ thì căm tức lắm. Chẳng có thế mà ông đã cố nặn óc viết ra mấy câu quá thô bỉ, nó biểu lộ cái tâm lý của hạng người như ông: "Hai đảng viên ấy, của đảng S.F.I.O. đã đòi cơm áo cho những cô "tiểu thư lao động" nên cũng được "thưởng hoa" một cách thỏa thích".

Ngòi bút đứng đắn, thì nào lại viết cái giọng bài Tây ấy. Ông Thái Phỉ còn đem hết thủ đoạn để thực hành cái dã tâm của mình. Chụp được cái ảnh có một chị tiểu thương đương đi làm việc cho cuộc bầu cử, vội đăng lên báo, dưới chua mấy chữ "Mấy cô đại biểu lao động" (!) "đi" với những nhà ứng cử đòi cơm áo.

Ông đánh dấu! Sau chữ lao động và ngoặc đi ngoặc lại chữ đi. Phải, cái óc ông ám muội tha hồ cho ông nghĩ chuyện ám muội. Hành động của chị em chúng tôi lúc nào cũng đàng hoàng, thanh minh không bao giờ vì một lời nói bất chính mà lùi bước tranh đấu. Còn như ông muốn biết rõ hai người trong ảnh là lao động hay thanh niên trí thức, chúng tôi sẽ đưa ông đến tận nơi, để ông trơ cái mặt nói láo của ông ra.

Đấy mới là sự ghen ghét hiềm thù của ông Thái Phỉ cố ý làm sai sự thực. Còn sự không lành nghề, sự dốt nát của ông, cũng làm cho sự thật phải tủi thân.

Ông đem ảnh của anh Nguyễn Đình Tiếp in lên báo, rồi dưới chua là anh Khuất Duy Tiến. Số người đến bỏ phiếu có 598 người, mà ông viết là 1532 người, vì ông cộng cả số phiếu bầu cho 4 người ứng cử thương biểu với phiếu trắng và phiếu không hợp lệ. Ông không biết rằng một lá phiếu có quyền bầu cho ba người ứng cử.

Đấy, tất cả sự thực của ông đấy! Tất cả sự rất đúng của Thái Phỉ trong mục thông tin ở *Việt Báo* đấy!

Nếu ông Thái Phỉ chưa hiểu ông, thì chúng tôi đã hiểu ông lắm. Tâm địa của ông, chúng tôi đã thừa biết nó thế nào rồi. Bây giờ chúng tôi cũng cần tỏ rõ thái độ của chúng tôi cho ông và những hạng người như ông rõ.

Sở dĩ chúng tôi nhiệt thành, hăng hái đi cổ động và ủng hộ cho những người ứng cử đứng về lập trường Mặt trận dân chủ là vì họ đã tán thành công nhận bản chương trình tối thiểu do các nhóm chúng tôi thảo ra. Vì thế mà hết thẩy các thanh niên, trí thức, phụ nữ, tiểu thương, dân cày, lao động chúng tôi đều sốt sắng cổ động và ủng hộ cho những người đã cùng với chúng tôi đứng về một mặt trận. Như thế các ông đủ biết công việc của chúng tôi làm là vì nghĩa vụ, vì quyền lợi chung của toàn thể dân chúng chứ không phải là ngộ nghĩnh như các ông đã vội hiểu lầm.

Toàn thể các anh chị em
các giới lai cảo

Báo *Tin tức*, số 19,
ngày 20 - 23 - 7 - 1938.

ĐANG BỪA

Sáng tinh mơ cánh đồng rung vàng xám,
Hạt sương gieo trên ngọn cỏ tan dần.
Anh thợ cày đầu ruộng nặng đưa chân,
Đang bừa xốc, áo quần bùn, nước xạm.

Đi! Anh đi! Anh đứng! Bước! Anh dừng!
Còng rạp lưng, anh thở hơi hồng hộc.
Luống cày dài, anh đè đầu co ngóc,
Sát bên bờ con rắn quặn quài lưng.

Anh nhìn lên trên trời đang tung tên lửa,
Đàn chim bay xô bạt rẽ mây hồng.
Một cây đa im lặng đứng trên đồng,
Nhìn anh tắm dòng mồ hôi hoen ố.

Trước mặt anh, đống thịt đứng lù lù,
Đang nghiêng kéo anh đi và lúc lắc.
Đống thịt? – Là vợ anh, là con vật,
Ôi! "con trâu người" phơi dưới vầng ô.

HỒ XANH

Báo *Tin tức*, số 19,
ngày 20 – 23-7-1938.

NAM KỲ, NGÀY KỶ NIỆM CÁCH MẠNG 14-7

...Ở SÀI GÒN

Nhóm "Le peuple" [1] định tổ chức một cuộc biểu tình ở Sài Gòn vào sáng 14-7, để gây lại ý nghĩa Cách mạng của cuộc Cách mạng tư sản dân chủ Pháp. Mặc dầu có giấy của viên Quận trưởng Sài Gòn – Chợ Lớn cấm cuộc mít tinh mà anh em định tổ chức ở rạp Crixtan Palaxơ, nhưng anh em tin rằng tổ chức một cuộc mít tinh có báo trước cho viên biện lý biết, không có gì là bất hợp pháp cả. Anh em không chịu để người ta cướp quyền công dân của mình nên cứ việc in truyền đơn, biểu ngữ để cổ động. Nhưng vừa in xong thì bị tịch thu. Trước sức chuyên chế đó, quần chúng không nản lòng, anh em ở Sài Gòn – Chợ Lớn, Gia Định vẫn sửa soạn một cuộc biểu tình ở Cầu Móng trước Phòng thương mại.

Tối 13-7, những chuyến xe điện, các xe ô tô buýt ở các nơi lại Sài Gòn, đều đông nghịt. Quang cảnh Sài Gòn đã trở nên tấp nập, nhộn nhịp khác thường. Ai tinh ý có thể đoán biết là những chuyến xe đông đó đã chở đến Sài Gòn những người dự cuộc biểu tình ngày mai. Trước tình thế ấy, nhà chức trách phải hoãn cuộc rước đèn và tăng sức tuần phòng rất nghiêm ngặt. Sáng 14-7, quần chúng kéo nhau tụ ở trước cửa Crixtan Palaxơ, song bị lính giải tán, vì ở đây viên Quận trưởng cấm không cho làm mít tinh. Anh em lại kéo nhau đến Cầu Móng, nơi đã hẹn hò trước. Lấy cớ để xem những trò nhẩy bao, đập nồi, anh em tụ lại 2 bên vệ đường, mỗi ngày một đông nghịt.

1. Nhóm "Le peuple" là nhóm cộng sản công khai. Biên tập và xuất bản báo *Le peuple*.

Sức đàn áp sắp sửa tấn công.

Một toán lính đứng xếp hàng 2 bên đường.

Lính kín, mã tà đi lẫn vào đám quần chúng đông như kiến cỏ. 7 giờ rưỡi, cuộc khủng bố bắt đầu. Đã nhiều người bị bắt. Hơn 8 giờ, một người lao động định đứng lên diễn thuyết. Mấy người bạn vừa mới nâng anh lên thì một lính kín đến thộp anh định bắt. Nhưng nhờ sức ủng hộ của anh em, anh đó lẩn thoát. Đồng thời một người căng tấm băng đề những khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ cũng bị bắt ngay. Rồi sức đàn áp mỗi giờ một tăng. Song quần chúng vẫn chưa chịu giải tán. Họ vẫn chờ cơ hội để diễn thuyết, để hô lớn những khẩu hiệu, nhưng bên địch quá đông và đề phòng quá nghiêm khắc tổ chức rất khôn khéo, nên anh em không kèm gì được thêm nữa.

Anh em đành phải giải tán với lòng hậm hực, uất ức. Kết quả 5 người bị bắt. Họ đã được tha cả, song đều bị truy tố về tội làm cản trở sự đi lại trong thành phố. Anh Nguyễn văn Trấn, quản lý tờ "Le peuple" cũng có biện lý gọi ra cho hay rằng anh bị nhà cầm quyền truy tố về tội làm rối cuộc trị an.

Cuộc biểu tình ngày 14–7 ở Sài Gòn chỉ có cái ý nghĩa kỷ niệm cuộc đại Cách mạng dân chủ Pháp mà ông Pagès và những người dưới quyền ông có cái bổn phận phải tôn kính, để yêu cầu nước Pháp dân chủ phải mau mau ban bố cho xứ Đông Dương những tự do, dân chủ mà dân chúng Pháp đã đòi được bằng cuộc Cách mạng oanh liệt ấy. Trong lúc tiếng bom của phát xít Nhật đang nổ văng vẳng bên tai, dân chúng Đông Dương cần phải có ngay những tự do dân chủ, để tổ chức, huấn luyện nhau chống với mọi sức ngoại xâm đương dọa nạt Đông Dương rất khẩn cấp.

Trong giờ này mà chính phủ còn đàn áp, còn bắt bớ, còn truy tố những người muốn tranh đấu cho một nền tự do!

Chúng tôi phản đối việc truy tố 5 người bị bắt và anh Nguyễn Văn Trấn. Phải thả ngay họ ra!

Phải ban hành cho dân Đông Dương những quyền tự do, dân chủ, cho họ với ý nghĩa ngày kỷ niệm cuộc đại Cách mạng Pháp năm 1789!

D.K.

Báo *Tin tức*, số 20,
ngày 5 – 27–7–1938.

TẾT TÂY BUỒN LẮM CHỊ EM ƠI!

"Cát tót ba dết, đập chết không tội" khi đọc câu ấy khoái khẩu biết chừng nào! Vì chỉ một câu ấy cũng đủ chứng tỏ cái ngày lễ 14 tháng 7 mà An Nam mình thường gọi là tết Tây. Nó lớn lao biết bao nhiêu, nó vui vẻ biết bao nhiêu, ngày ấy ăn chơi thả cửa, hát xướng linh đình, chén chú chén anh, chén tôi chén bác, không may có sơ tay lỡ chân "đập chết nhau cũng không tội" ngày xưa người mình thấy cái lễ "tết Tây" sướng như vậy đó.

Mà sướng thiệt chớ. Một nhà thi sĩ nọ cảm hứng đã ngâm mấy câu:

Nhẩy đầm, ăn tiệc, ông Tây sướng,
Liếm chảo, leo đu, đứa trẻ mê.
Trời nắng, lợi riêng, phường bán nước,
Bụi lầm, khổ chết lũ buôn xe.

Mấy câu thơ ấy đủ tả cái vui vẻ tấp nập của ngày hội tết Tây biết là dường nào.

Thì nói đâu xa, chỉ ngay cái xứ Huế, anh thử lóng trí nhớ lại vài năm về trước. Đêm tối mười ba, chưng cờ, dạo đèn, múa thiên cẩu, đốt pháo hoa, đi xem thiệt đã là sướng. Rạng ngày mười bốn, mắt dắm mắt mở đã giật nẩy mình vì những phát súng thần công rầm trời. Rồi đến bảy giờ, qua lớp điểm binh, gắn mề đay, quân lính rầm rập, trên trời thì tàu bay, dưới đất thì tàu bò, làm cho mình đủ khiếp đảm kinh hồn. Đến đoạn 9 giờ thì gần chợ Đông Ba đã sẵn dựng một cái thế lân kết cờ kết hoa rất đẹp đẽ để quí quan, quí khách ngồi xem. Ôi thôi! Cái chỗ này mới thật vui, như chạy, đàng này đang đu liên, đu bầu, đàng kia leo cột kéo dây, xúm thì nhảy đập ấm, đâm heo, xúm thì bắt heo, bắn chim, liếm chảo. Đến chiều lại thả diều, đua thuyền, thi lội. Đến tối lại thắp đèn, đốt pháo, chưng cờ. Trong tòa khâm thì ăn tiệc, nhảy đầm.

Thiệt ngày hôm ấy, người mình đã được một bữa vui sướng. Trên bộ, dưới sông, người đông như kiến.

Từ chỗ hang cùng, ngõ hẻm, chồng dắt vợ, cha bồng con, cơm đùm cơm bới, lũ lượt kéo nhau đi.

Gặp ai có hỏi: Đi mô đó mấy ông?

– Đi coi Tây ăn tết.

Tây ăn tết cũng như An Nam mình ăn tết, đều là ngày chơi thích

chí, rượu thịt no nê. Chỉ khác một điều mình ăn tết bao giờ cũng lên nêu, Tây ăn tết chỉ có leo cột.

Đó, cái ý nghĩa của mình đối với ngày lễ 14–7 là thế. Nhưng sự đời thay đổi, cái não người ta cũng phải đổi thay. Lần lần người mình đã hiểu ngày 14–7 không phải là ngày bày ra để cho mình liếm chảo leo đu, mà chính là ngày kỷ niệm cuộc Cách mạng dân quyền của nước Pháp, cái ngày mà dân chúng thành Pari đã phá cái ngục Baxtiơ, biểu hiện sự áp bức của quân quyền phong kiến.

A, té ra ngày 14–7 mà ý nghĩa ghê rứa tê!

Rồi từ đấy, không ai bảo ai, đến ngày 14–7, người mình cũng biết ăn tết như Tây.

Nhưng than ôi, đến khi mình bắt đầu nghĩ đến sự ăn tết Tây thì Tây họ không ăn tết nữa rồi. Hay nói cho phải hơn, họ ăn tết một cách buồn thỉu, buồn thiu.

Thì nói đâu xa, cũng chỉ ngày cái xứ Huế, năm xửa năm xưa như thế, mà bây giờ, ôi bây giờ! Suốt từ 6 giờ mai đến 6 giờ chiều mà chỉ có một chuyện, trời ơi, một chuyện thi lội qua sông Hương mà thôi.

K.Đ. tôi vốn không phải thi sĩ. Nhưng đối cảnh sinh tình cũng phải ngâm rống lên mấy câu:

Tết Tây buồn lắm chị em ơi!
Chỉ lội qua sông đã hết rồi,
Ví thử ngày mai trời lấp quách,
Sang năm còn biết món gì coi,

K.Đ.

Báo *Dân*, số 4, ngày 27-7-1938.

THƯ GỬI EM KIỀU

Em Kiều,

Anh vừa nhận được thơ em. Anh xem cảm động lắm. Em làm cho anh sống lại quãng đời 5 năm về trước ở chốn đồng quê. Nhưng cảnh khổ của anh em nông dân em tả trong thư làm cho anh đau đớn lạ!

Theo em thì tình cảnh họ ngày nay khổ hơn trước nhiều. Em đã thấy nhiều nhà đông đến 12, 13 người chen chúc nhau trong một túp lều tranh thấp bé, tối tăm. Em đã thấy họ làm việc nhiều, mỗi ngày làm luôn đến 16, 17 giờ không nghỉ với 6,7 xu tiền công! Em đã thấy con cái của họ nhớp nhúa bẩn thỉu, nhất là gầy ốm bủng beo vì đói

rét. Em cũng đã thấy nhiều nhà một ngày mới ăn được một bữa cơm và thường thường họ đi hái rau ở bờ đường về luộc chấm muối ăn...

Thấy những thảm cảnh ấy, chắc thế nào em cũng phải động lòng, đau đớn.

Em Kiều , em hãy thương yêu họ, vì họ cũng là người như em. Em hãy kính trọng họ vì họ đã nuôi sống nhân loại và hợp lực với quần chúng thợ thuyền để đẩy bánh xe tiến hóa đi tới trong khi một bọn người vì quyền lợi riêng muốn kéo trở lại.

Em phải bênh vực họ để chống với bọn người vô liêm sỉ bóc lột họ để làm giàu. Em phải gần gũi họ, xem họ như người bạn thân.

Em giúp đỡ họ theo sức em. Em có học thì bổn phận em là phải dạy họ biết đọc sách, xem báo. Em không nghe ở Bắc Kỳ, người ta đã lập hội chống nạn thất học, và ở Huế, các nhà thân có công tâm cũng đương lo lập hội ấy sao?

Em Kiều, anh muốn em nhân dịp nghỉ hè này góp sức vào công việc đó một vài phần. Chiều lại em đem sách ra đồng làm bạn với lũ trẻ chăn trâu rồi vẽ cho chúng nó đọc. Em nghĩ: còn gì thú bằng ngồi ngoài cánh đồng cỏ xanh mát mẻ, nghe lũ trẻ mộc mạc chậm rãi đọc mấy vần quốc ngữ, thỉnh thoảng phát ra những câu hỏi ngây thơ?

Tối lại, em để vài giờ đi thăm những người quen thuộc trong làng nếu họ rảnh, dạy cho họ đọc hoặc thuật cho họ nghe cuộc chính biến Tây Ban Nha, cuộc chiến tranh Tàu Nhật mà bọn phát xít say máu đã gây nên. Em hãy tả cho họ nghe những cuộc thảm sát đàn bà, con trẻ ở Thiên Tân, Thượng Hải, Quảng Đông, Valăngxơ, Gnernic... Em hãy kể cho họ nghe dân chúng Tàu và Tây Ban Nha hăng hái ra trận, quyết hy sinh đời mình để cứu vãn lấy nền hòa bình, tự do cho nhân loại và đã gây nên một xã hội tốt đẹp cho con cháu về sau.

Em Kiều, dân quê xứ ta chịu thiệt thòi đủ mọi phương diện. Cái ấy em đã hiểu chán, anh không cần phải nói nhiều. Em tuy còn nhỏ, nhưng em là một người có tâm huyết. Anh chắc rằng thế nào em cũng gắng hết sức để giúp ích cho những người cực khổ ở chung quanh em.

Cùng thư này, anh gửi về cuốn "Vấn đề dân cày" của *Tập sách dân chúng* để làm quà cho em. Thôi chào em.

Anh của em: NGOẠI HỒ

Báo *Dân*, số 4,
ngày 29–7–1938.

VỚI ANH ĐIỀN CHỦ

Trưa hè, anh uống cốc rượu nồng,
Những kẻ cày thuê uống nước đồng,
Anh ngồi lầu mát, ăn cơm trắng,
Họ ăn ngô khoai dưới ánh nắng,
Áo quần tơ lụa anh phong phanh,
Bọn họ nhiều người khố một manh!

...

Anh ơi! Cớ sao mà thế nhỉ?
Người sướng như anh, người khổ thế?
Phải chăng ý muốn của ông trời?
Hay chỉ là người làm khổ người!

Anh có đồn điền, có thế lực,
Anh thuê mướn người rẻ hết sức.
Anh chơi, mà anh vẫn giàu thêm,
Họ làm hết hơi, họ đói mèm!
Anh trắng, anh đẹp, anh tươi tỉnh,
Họ xấu, họ gầy, họ đen nhánh!

...

Hỡi anh? Anh có đồng tâm chăng?
Một bọn lao nhấn đương bất bằng!

DƯƠNG LĨNH

Báo *Tin tức* số 21,
27–30–7–1938.

ÂN THƯỞNG VINH HÀM

Vừa rồi, "Đức Kim thượng đã chuẩn y lời tấu thỉnh của quan Lại bộ đại thần giáng chỉ, mở rộng thể lệ thưởng thọ về gia thăng vinh hàm cho tất cả các người có tài sáng kiến, có não kinh doanh, có công tổ chức, có bụng công bằng, có lòng nhân hậu"

Về thể lệ thưởng thọ và gia thăng vinh hàm này, phổ cập đến các lớp sĩ, nông, công, thương. Cả thảy tính ngót 38 hạng người có thể mong ân vũ lộ.

Trong 38 hạng may mắn kia, có một hạng mà K.Đ. tôi phải lập tức nói ngay, vì nín đi, sau các bạn đồng nghiệp mắng là thằng bụng xấu, cố giấu để ăn lén một mình. Hạng ấy là hạng làm báo và chủ báo.

Về mục thứ 8 của chỉ dụ: "Các người có công sáng lập, hoặc chủ trương các cơ quan báo chí có vẻ đặc sắc, đều có thể thưởng thọ và gia tăng vinh hàm" được cả.

Các bạn ơi, có khoái không? Rồi đây, tuy mình có đậu ân Thị độc, Hường lô, có đứa lại cung phụng đãi chiếu, có mạt lắm cũng tùng bát cửu phẩm để hãnh diện với bà con.

Tưởng chừng ba chữ mà chơi rứa,
Bỗng chốc lên quan, đã sướng chưa?

Những nhắm đi nhắm lại, muốn ân thưởng vinh hàm cho các bạn đồng nghiệp tôi ở Huế, Bộ Lại nhiều khi cũng phải lấy làm khó khăn.

Vì rõ ràng cụ Huỳnh của làng chúng tôi thì ăn đứt cái Hường lô đi rồi đấy. Nhưng cụ nhà tôi lại treo ấn từ quan, kể những ngày nào kia, đến nỗi chức Viện trưởng cụ cũng từ nữa thay huống là gì? Còn như ông Lê Thanh Cảnh: vì, thiệt ông ấy cũng đáng cái Thị độc học sĩ lắm. Làm báo, làm văn từ hồi *Tạp chí thần kinh* qua *Tràng an cận tín*, kể ra trong làng chúng tôi cũng là một bậc lương lão đấy. Nhưng khổ thay, Lê chủ bút cũng như Huỳnh tiên sinh, đã sớm hát phú Đào quân mà vui thú điền viên trên mặt báo *Tràng an* rồi! Thật thế. Nếu ông Lê làng chúng tôi mà có bụng làm quan, thì bây giờ ông đã đến cái bậc gì rồi, chứ đâu ở nơi cái Thị độc học sĩ.

Ngoài ra, còn ai nữa " Báo *Ánh sáng* vì thiếu dầu nên hết sáng, ông Nguyễn Quốc Túy đành vất bút mà đi mây về gió rồi. Còn như mấy cha trong *Nhành lúa* thì lúa chưa chín đã bị gặt phăng, ông Nguyễn Xuân Lữ phải chạy nay đây mai đó. Còn mấy bác trong báo *Sông Hương* thì cũng theo nước sông Hương mà trôi ra bể. *Kinh tế tân văn* thì ông Phạm Bá Nguyên thấy làm văn khó hơn làm kinh tế, nên ông đành bỏ mà qua nhà in. Đến như *Đất Việt* thì mạch đất thiếu huyệt nên chỉ o e ba tiếng chào đời rồi im lìm ngủ thiếp. Ông Cao Văn Chiểu, định mời thầy Tàu qua điểm huyệt, xây hướng lại đã rồi mới cho nó ra.

À tôi còn quên hai bạn *Vì chúa* và *Viên âm*. Nhưng khổ thay hai bạn lại là người tu hành, cõi trần chưa muốn, muốn chi quan! Than ôi! Trong khi cơn mưa thác thấm nhuần khắp bốn cõi, mà làng báo, làng văn xứ mình lại không được một quan chú, quan bác gì, để lây thơm cho bà con. Thiệt cảm khái hồ chi!

Nhưng có người lại bấm nhỏ:

Chớ còn báo *Dân* đó, có lão K.Đ. Đó, tuy nói ca xốc và ngủng ngẳng như cẳng khô công ông, nhưng ngó cũng có bụng công bằng, có lòng nhân hậu lắm mà.

Cảm ơn các bạn, nhưng chán quá, lại mắc phải cái cấm địa quá đi rồi. Vì đã là dân thì mong cái phẩm hàm quan làm sao mà ngó cho được chớ.

Ác là tại chỗ ấy, chớ K.Đ. tôi cũng muốn có một cái hạm, cái hàm để nhai nhóp nhép mà chơi.

K.Đ.

Báo *Dân*, số 5,
ngày 5-8-1938

CHẠY SƯU

"Mõ rao lại trống giục,
Thuế đổ đến nơi rồi!
Không một đồng xu nhỏ,
Yên làm sao? Hỡi giời!".

Anh cam ngồi than thở,
Nhìn vợ xong, nhìn con,
"Hay là đem cái Đổ,
Bán cho ông Bá Phổn!".

Vợ anh òa lên khóc:
"Con rứt ruột đẻ ra,
Nỡ nào đem bán nó,
Đày đọa cửa người ta!

– Này u mày, nghe tôi,
Nó về cửa nhà người,
Được cơm no áo ấm,
Thôi, bằng lòng đi thôi!..."

Bán con được ba đồng,
Anh thẳng sang Tiến Đông,
Đóng sưu cho thoát nợ,
Thương con, anh mủi lòng!

Lật đật anh trở về,
Anh định từ mai, thì
Cho vợ buôn bánh, quả,
Còn ba hào nữa kia!

Anh đi về đến nhà,
Cổng đóng, vợ không ra,
Anh thấy hơi rờn rợn,
Vạch rào, anh nhảy qua.

Vừa bước tới bên thềm,
Anh bỗng kêu rú lên!
Xác vợ anh lủng lẳng,
Trên cành hồng, trước hiên!..

1937
DƯƠNG LĨNH

Báo *Tin tức*, số 24,
6–10–8–1938.

ĐÃ QUA ĐỪNG TRỞ LẠI...

ÔNG PHỦ MAI NÊN LÀM CHAY...

Từ ngày còn làm thơ ký cho ông Hào Điển ở Thái Bình, ông Bùi Tiến Mai đã tỏ ra người bất đắc chí. Ông lấy làm ân hận không được sống ở thời có Đông Kinh nghĩa thục... Nếu sống ở thời đó thì làm gì ông chẳng nghênh ngang mũ áo như bao nhiêu kẻ...

Ngày đêm ông cầu nguyện, ông chỉ mong có nhiều hội kín mọc ra đời! Rồi ông cầu ứng nghiệm ngay: Việt Nam quốc dân đảng thành lập. Ông liền chui ngay vào đảng đó rồi khi leo lên tới tổng bộ, ông liền bí mật "lập bô" ngay với nhà chuyên trách. Thế là hàng trăm nhà cách mạng vào tù, trong số đó có cả chủ cũ của ông: Hào Điển.

Việc này giúp cho ông làm đến Tri châu. Rồi, trên con đường sĩ hoạn, ông cứ cúi đầu cúi cổ bò hoài lên mãi đến ngồi Tri phủ Yên Sơn (Tuyên Quang).

Làm đến Tri phủ Yên Sơn, ông Mai vẫn không quên cầu trời khấn phật cho ông thêm tài, thêm phúc thì hòn đất ném đi, hòn chì ném lại, ông quyết chẳng ăn quỵt ơn trời: Ông sẽ làm thêm cái mái hiên đền Hiệp Thuận ở Tam Cờ để che chở thánh thần những khi mưa nắng!

Quả nhiên phép trời xui khiến nên vừa rồi ông trúng số độc đắc 400 đồng.

Trước mặt phóng viên của vài tờ báo, ông Mai đã tuyên bố rằng ông sẽ làm ngay cái mái hiên đền Hiệp Thuận để báo đáp ơn trời. Ông Mai thật là người uống nước nhớ nguồn.

Nhưng công chúng vẫn lấy làm tiếc rằng ông không làm chay cho những anh em quốc dân đảng đã lên đoạn đầu đài hay đã bỏ xương nơi Côn Đảo. Vì không có những người đó thì ông cũng chỉ là anh thừa phái Mai bị cách chức chết xó ở thôn quê.

AI LOẠN ÓC?

Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Tiến và Trịnh Văn Phú ai cũng biết là những chiến sĩ đệ tam. Thế mà, trong *Dư luận* số 6 vừa rồi dưới đầu đề "Dân chúng An Nam bị loạn óc" ông Phùng Bảo Thạch viết: Cùng với Tạ Thu Thâu và Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Tiến, Trịnh Văn Phú và Huỳnh Văn Phương là những tên lính tiên phong trong hàng trận lao động đều bị những người đồng chí cũ kêu là "tờrốtxkít" nghĩa là phản động, là tôi tớ của tư bản. Kết luận, ông Phùng Bảo Thạch kêu quần chúng đã loạn óc. Quần chúng có loạn hay không, không thể căn cứ vào một cái dư luận thối tha mà biết được. Ta chỉ biết giá trị tin này đến tai các anh Tiến, Phú, Tạo, tất các anh phải lắc đầu than như ông Phùng Bảo Thạch than ở trong bài "Dân chúng An Nam bị loạn óc". "Những người kiến thức không thể không lấy làm thất vọng về những sự ngộ nhận như thế! Xứ này từ xưa đã là trường diễn của nhiều tấn hài kịch rồi, chúng ta cũng chẳng nên làm cho nó thành nơi sân khấu vĩnh viễn của những tấn hài kịch vô cùng vô tận nữa".

HỒNG LÂM

Báo *Tin tức*, số 25,
10-13-8-1938.

ĐÀO NGŨ

(Truyện ngắn)

Lần này là lần đầu tiên trong đời chàng, Sanyo được bận bộ binh phục gọn gàng mà hàng ngày chàng vẫn mong ước.

Sanyo còn nhớ, hồi chàng còn bé, mỗi khi có người lính về làng là chàng lại cùng lũ trẻ bằng trạc tuổi chàng chạy ra tận đường để xem. Bây giờ chàng không phải xem ai nữa. Chàng cũng trở thành một người lính rồi. Chàng sờ tay lên những cái cúc nhẵn thín và bóng nhoáng ở cổ áo mà thấy mình oai vệ lắm...

Sanyo mỉm cười tự đắc, chàng vừa đi vừa đập mạnh gót giày xuống hè phố cho thêm hùng dũng. Chàng tưởng chừng như những tiếng kêu cốp! Cốp! Ở gót giày của chàng vang ra sẽ làm át cả mọi tiếng xung quanh. Nhưng những tiếng giày ấy chúng vẫn không bật lên được trong tiếng ồn ào của xe điện, của ôtô, của trăm ngàn những tiếng rồn rập khác, của thành phố Đông Kinh trong một buổi chiều.

Mỗi khi đi qua một cái tủ hàng kính, Sanyo dừng lại nhìn bóng mình ở trong gương. Chàng tự cho mình đẹp lắm, nhưng chàng ngạc nhiên không thấy ai để ý đến mình, và chàng vẫn bị lẫn trong làn sóng người như một hạt bụi ngoài sa mạc...

Chán nản, Sanyo lại ngồi ở một cái công viên ở giữa thành phố. Chỗ chàng ngồi là ở dưới một cây đại. Những cánh hoa đại trắng xóa rơi lả tả dưới mặt đất, bốc lên một hương vị thơm mát, Sanyo sẽ thở dài khoan khoái. Chàng vừa bỏ mũ ra, chợt có tiếng gọi ở đằng sau:

– Sanyo – san!

Sanyo quay lại, thấy một người què chống trên đôi nạng, đương đứng ở góc công viên nhìn mình. Người ấy ăn mặc như một tên hành khất, hai mắt sâu hoắm, nước da vàng bủng và đen sạm.

Thấy Sanyo không nhận được mình, người kia tự giới thiệu:

– Anh quên Suruki rồi à? Suruki, bạn anh đây mà!

Sanyo trố mắt lên nhìn:

– Trời ơi! Suruki! Có lẽ nào thế? Suruki bây giờ đóng đội ở Thượng Hải, vinh hiển lắm kia chứ!

Người kia nhếch một nụ cười chua chát.

– Phải Suruki vinh hiển lắm, vinh hiển như thế này đây!

Rồi anh ta giơ một cái chân bằng gỗ lên cho Sanyo xem.

Sanyo cúi đầu suy nghĩ. Cái hình ảnh Suruki ba năm về trước với Suruki đứng trước mặt chàng lúc ấy khác xa nhau nhiều quá, khiến cho chàng tưởng như mình nằm chiêm bao. Sự thay đổi nhanh chóng ấy như một chậu nước lạnh toát dội xuống những hy vọng nóng hổi của Sanyo. Chàng còn nhớ ba năm về trước, một hôm chàng đang gặt lúa ở dưới ruộng thì gặp Suruki về làng, anh ta hồi ấy mới đóng cái "phú đê" nhưng những mề đay đỏ ối ở ngực và những cái lon vàng chóe ở tay anh ta cũng làm cho Sanyo chết thèm. Trong bộ óc quê mùa của chàng, chàng cho hạnh phúc ở trên đời cũng chỉ đến như Suruki là cùng. Thế mà không ngờ ngày nay Suruki lại chỉ còn là một tên hành khất tàn tật...

Suruki hình như đoán được sự kinh ngạc của bạn, liền nói:

– Khi nào anh ra ngoài mặt trận, anh còn thấy nhiều sự kinh ngạc hơn nữa. Cái chân gỗ và cái trán lõm của tôi mới chỉ là cái phản ánh lờ mờ của chiến tranh...

Sanyo ngắt lời và như đọc một câu vừa học thuộc lòng:

– Nhưng cũng là cái vinh dự của kẻ chiến sĩ.

Suruki cười ngất:

– Ai dạy anh thế?

– Ai dạy tôi? Anh mà còn phải hỏi tôi câu ấy? Đã là dân Phù tang thì ai cũng phải biết rằng được đổ máu cho tổ quốc, cho tiếng Thiên hoàng là một điều vinh dự!

Suruki càng cười to:

– Thế thì chắc tôi vinh dự lắm phải không?

– Chứ sao!

Tuy nói vậy, nhưng Sanyo cũng không tin lời nói của mình lắm. Vì trông Suruki lúc ấy, ai còn dám bảo anh là vinh dự nữa? Nhưng chàng cũng cố lấy giọng hùng hồn nói tiếp:

– Nếu anh có bị chết ở ngoài trận địa thì thiết tưởng anh cũng không nên ta thán. Vì, đấng Thiên hoàng chẳng nói đấy ư, sở dĩ ngài phải gây ra chiến tranh là cũng bởi lòng thương dân, muốn cho dân chúng ta có những đất phì nhiêu để cầy cấy khỏi phải chen chúc trong mấy cái đảo nhỏ này. Chúng ta không nên quên ơn ngài.

Suruki vẫn mỉa mai:

– Không, tôi có quên ơn ngài đâu. Cái chân gỗ này của tôi lúc nào cũng nhắc tôi nhớ tới ngài như nhớ đến một người cha nhân từ.

Im một lát, rồi chàng nghiêm nét mặt lại, ôn tồn nói:

– Anh Sanyo ạ! Tôi đã vào quân đội trước anh 5 năm, tất nhiên tôi hiểu cái ý nghĩa của nó hơn anh. Những lời mà anh vừa nói với tôi, người ta đã rót vào tai tôi chán rồi. Tôi đã hiểu rõ cái nghĩa thật của những câu sáo ngữ ấy. Mà sự hiểu biết của tôi đối với anh là một bài học của người đi bước trước để lại cho người đi bước sau. Anh cũng nên nghe tôi mà tỉnh ngộ sớm được chút nào hay chút ấy. Anh hãy ngẫm xem nhé! Người ta bảo chết cho tổ quốc là vinh dự. Nhưng vinh dự gì cái việc đi chém giết những kẻ cũng đói khổ như mình? Chiếm được đất cát thì người ta mở nhà máy, khai mỏ vàng, mỏ bạc, chứ mình thì được gì? Ở bên thuộc địa hay ở nước nhà thì cũng phải cặm cụi làm như con vật từ sáng đến tối mới có miếng cơm ăn, lại còn gánh sưu cao thuế nặng hơn trước khi chiến tranh là khác nữa...

Đó là ví dụ mình được cái may mắn không bị vùi xương dưới những trận mưa đạn, và được sống toàn vẹn, đầy đủ, chứ sống như tôi thế này có khác gì chết.

– Nhưng anh có lương trợ cấp của chính phủ?

Suruki lau một giọt mồ hôi ở trên trán rồi dằn từng tiếng:

– Lương trợ cấp! Đã ba tháng nay tôi không lĩnh được một đồng xu nhỏ. Người ta lấy cớ rằng chính phủ đang cần tiền để cung cấp vào chiến phí, đến các tư gia còn phải hạn chế cả dầu thắp đèn nữa là...

Sanyo hình như chợt nhớ ra được điều gì, vội vàng hỏi:

– Hồi tôi còn ở nhà quê, nghe nói anh lấy được người vợ giàu lắm kia mà!

Hai mắt sâu hoắm của Suruki bỗng long lên, anh giữ một tiếng ho trả lời:

– Phải! Hai năm trước, tôi có lấy một người vợ có cửa hiệu ở đây, nhưng trong khi tôi đi tòng chinh vắng, thì ở nhà viên đại tá coi đạo quân thứ năm đã lập mưu quyến rũ mất...

Rồi anh rít lên!

– Nếu tôi có thể phanh thây được những kẻ sát nhân ấy!

Sáng hôm sau, khi đoàn tàu chở lính sang Trung Hoa vừa ra khỏi ga Đông Kinh được mấy trăm bước bỗng dừng hẳn lại. Cái rùng mình của hai mươi mấy toa tàu truyền mạnh vào da thịt của hơn một ngàn người trên xe. Người ta tưởng tượng ngay đến một cuộc đánh úp của quân địch. Không cần phải có hiệu lệnh, mọi người đều có một cử động: sờ tay vào báng súng hay lắp lại lưỡi lê. Nhưng độ nửa phút sau, người ta nhận thấy sự đề phòng của mình là thừa. Vì người cầm máy cho biết rằng ở đằng trước mặt có một đám đàn bà nằm ngổn ngang trên đường sắt, để chắn không cho tàu đi. Viên thiếu úy Kitano chỉ huy sư đoàn vừa hạ lệnh cho một viên sĩ quan xuống hỏi xem họ muốn gì thì trong đám đông đã thấy những tiếng kêu nhao nhao lên:

– Không được mang chồng con chúng tôi ra trận! Giả lại chồng con chúng tôi!

Một cuộc điều đình bắt đầu. Người ta cố nói cho đám biểu tình biết sự lợi ích và cần thiết của chiến tranh; người ta cố treo cao cái gương hy sinh của những bậc mẹ hiền, vợ thảo thuở xưa đã phí đời mình đi để cho chồng con ra trận khỏi bịn rịn. Nhưng đám biểu tình không muốn nghe gì hết. Họ chỉ nằng nặc đòi trả chồng con họ:

Phản đối chiến tranh! Trả chồng con chúng tôi!

Những tiếng kêu tha thiết và giận dữ làm át cả tiếng ầm ầm của đoàn phi cơ bay trên trời và đoàn xe thiết giáp lăn dưới đường nhựa. Những tiếng kêu cương quyết và não nùng như xé ruột hơn một ngàn quân lính ở trên xe, tuy có lệnh phải ngồi im, những người nào cũng cố ngoái cổ nhìn lại đằng trước xem trong đám đông ấy có kẻ thân yêu của mình không. Lo lắng nhất là những người có mẹ già và vợ trẻ. Mà số người ấy không phải là ít.

– Đoàng! Đoàng!

Mấy phát súng bắn chỉ thiên không những không làm cho đám biểu tình kinh sợ, trái lại càng làm cho họ kêu la dữ hơn.

– Không được mang chồng con chúng tôi ra mặt trận!

Lại một cuộc điều đình nữa, nhưng cũng như lần trước, tài ngoại giao của bọn sĩ quan không làm núng được chí cương quyết của những người đàn bà khốn nạn ấy.

8 giờ rồi! Đằng đông, mặt trời đã ló ra ngoài những đám sương mù vẩn đục và chiếu những ánh nắng rực rỡ qua cửa kính và trong xe làm sáng bật hẳn những lưỡi lê và những lưỡi kiếm lên.

Nóng ruột, thiếu úy Kitanô gầm lên như một con sư tử bị đàn muỗi trêu.

– Cứ cho xe chạy!

Lệnh truyền như một tiếng sét đánh ngang trời. Ngay đến những kẻ không có vợ con thân thích cũng phải bủn rủn chân tay.

Tàu vẫn chưa chạy vì người cầm máy không dám mở động cơ.

– Đoàng!

Người cầm máy ấy ngã xuống và người ta thay vào bằng một người khác. Rồi động cơ bắt đầu nổ, đoàn xe khẽ rùng mình...

Khi bánh xe vừa rít lên, thì Sanyo ngồi ở toa trên, thoáng trông thấy vợ chàng ở hàng đầu bọn biểu tình đương lóp ngóp dậy, nhưng đầu máy đã sịch đến...

Bánh xe lại rít lên (như con hổ đói nhảy vào đám mồi ngon) tiếp theo những tiếng kêu thất thanh, những tia máu vọt lên sườn xe như tưới. Rồi những cái thây không đầu, những cánh tay, những ống chân hoặc bị văng ra bên đường, hoặc bị cuốn theo bánh xe...

Những tiếng kêu la dần dần im và xe đã chạy ra ngoài thành phố. Thiếu úy Kitanô nhìn lại đống thây người lẫn trong máu đỏ, mỉm cười một nụ cười tự đắc.

Ngay chiều hôm ấy, đoàn quân xuống tàu ở Hoành Tân và năm hôm sau đổ bộ lên cửa bể Hồ Khâu. Ở đấy đã có một đoàn xe lửa đợi sẵn, đưa họ lên mạn Bắc Bình.

Đến sẩm tối, đoàn xe đỗ vào một ga nhỏ. Sanyo lẳng lặng theo mọi người bước xuống rồi lại theo họ đi. Hai giờ sau, đội quân đã dừng lại ở trong một rừng thông, trên bờ một con sông con. Đằng trước mặt, Sanyo nhận thấy một dãy núi chắn ngang hết chân trời. Không một làng mạc. Nơi ấy hình như mênh mông bát ngát lắm. Một sự mênh mông rùng rợn...

Đào chiến hào xong thì đã quá nửa đêm. Trên vòm trời đen nghịt không lấp lánh một ngôi sao. Chỉ thỉnh thoảng ở đằng xa xa có ánh sáng lờ mờ của một cái suối phản chiếu lên chân mây.

Gió ở trên đỉnh núi ào ào kéo xuống. Thông reo mỗi lúc một to như tiếng khóc ai oán của các linh hồn bơ vơ. Sanyo có cái cảm tưởng như vừa bước chân xuống cõi chết.

Tâm trí chàng luôn luôn bị lung lạc bởi một cái hình ảnh nhất định: cái hình ảnh đẫm máu xác của vợ chàng khi bị đoàn tàu nghiền nát. Và mỗi khi cái tấn kịch thảm khốc ấy diễn lại trong óc chàng thì Sanyo lại thấy lạnh buốt cả cõi lòng. Những giọt nước mắt của chàng mấy hôm liền giờ bị ngăn lại ở trong tim, lúc ấy mới trào ra... Những câu nói của Suruki lại văng vẳng ở bên tai chàng. Ngẫm lại những lời nói sâu sắc ấy, Sanyo thấy nổi lên trong lòng mình một sự công phẫn của những kẻ xưa nay chỉ biết phục tòng.

Bỗng chàng sờ tay vào thanh kiếm đeo bên mình nghiến răng nói:

– Không, ta không thể cúi đầu làm thân tôi mọi cho những kẻ đã giết vợ ta, đã phá tan hạnh phúc của đời ta được nữa. Bằng mọi giá ta cũng phải đi khỏi chốn này. Ta dại gì mà lại đi bắn giết bọn quan Tàu mà ta không thù không ghét, để cho chính quân thù của ta ngang nhiên hưởng phú quý bằng máu thịt của ta.

Đoạn, chàng xách súng đứng dậy. Nhưng tiếng thở hổn hển của mấy người bạn nằm bên cạnh, những tiếng rên rỉ trong giấc mơ, những tiếng khóc nghẹn ngào không ra ngoài cổ họng làm cho chàng cảm sâu xa thấy tất cả những sự thống khổ của đời binh lính. Chàng muốn đánh thức mọi người dậy, nói cho họ biết những nỗi bất bình mà họ phải chịu đựng, rồi cùng nhau quay súng lại lũ thù chung, không phải là những đám quân Tàu cũng khốn nạn như họ, mà là bọn quân nhân say máu. Chàng cảm động cất một tiếng gọi, nhưng tiếng kêu của chàng vừa ra khỏi cổ họng đã bị lẫn trong tiếng gió rít trên cành và tiếng nước chảy ở một cái thác gần đấy. Sanyo thở dài, lủi thủi bước lên đằng trước mặt...

HỌC PHI

Báo *Tin tức*, số 26,
số đặc biệt ủng hộ hòa bình,
tháng 8–1938.

CON CHÓ CỦA CỤ SỨ HAY LÀ DÂN ĂN TIỀN QUAN

Xưa nay người ta chỉ thường nghe quan ăn tiền dân, ấy thế, mà nay K.Đ lại viết một chuyện dân ăn tiền quan, nói mới lạ chứ!

Gần đây, một tỉnh ở TK có một cụ Sứ nuôi một con chó giống Tétnơ (Terreneuve) to đại đột xấp xỉ bằng con bò con, lông lá bù xù xem oai nghiêm bệ vệ lắm; nhất là tiếng sủa của nó thì thật sấm rầm, dân trong tỉnh ai cũng biết nó là chó cụ Sứ.

Cụ Thượng trong tỉnh một đôi khi qua chơi nhà cụ Sứ, thấy đẹp cũng vuốt ve đôi cái lấy tình. Bất ngờ cụ Sứ lại tưởng cụ Thượng thích chơi chó, nên cho cụ Thượng đem về nuôi cho vui.

Cụ Sứ còn khuyên cụ Thượng nuôi con Tôtô (tên con chó) cho kỹ, vì mỗi ngày hắn ăn ít nhất cũng 2 kg thịt bò và tối ăn cháo phổi heo, ngày nào cũng phải tắm xà bông và đến chiều cho lính đưa nó ra bãi chạy chơi cho ráng cẳng và tiêu cơm.

Cụ Thượng từ cũng khó từ, lãnh cũng khó lãnh, đắng cay như ngậm quả bồ hòn, nhưng cũng đành phải đưa cái con nợ đời ấy về nhà vậy.

Ôi thôi! Tôtô về đến dinh cụ Thượng, thì cả nhà như nổi lên một trận giặc. Ngày nào cũng như ngày nào, hắn đòi ăn cho đủ 2 kg xúp thịt bò, ăn cháo phổi heo, đòi đi chơi, đòi đi tắm. Thiếu một chuyện gì là hắn cứ vác mõm lên trời mà réo tru rầm rầm lên, đến nỗi bên lầu cụ Sứ cũng nghe rang răng. Tôtô tru chừng nào thì cụ Thượng bà lại hét cao chừng nấy: "Ông báo tôi, ông giết tôi, ông theo hầu theo hạ nó rồi bây giờ ông lại theo chó theo mèo; chó mô mà chó ăn thịt bò; chó mô mà cho tắm xà bông thơm".

Cụ Thượng chỉ nuôi được một thẳng mà cả nhà đều xớm rớm, đều bí beng. Bực bội quá, cụ mới nghĩ ra được một diệu kế là: mời quan Bố qua, và gửi quan Bố cũng nuôi chơi cho vui, nhất là nuôi sao cho tử tế kẻo mất lòng cụ Sứ.

Ăn khó ăn, nói khó nói, quan Bố lại phải đưa "cái án mạng" ấy về nhà. Trời đất ơi! Tôtô qua nhà quan Bố, cái tấn kịch tam bành ở

nhà quan Bố cũng nổi lên ầm ầm không thua gì ở nhà cụ Thượng. Điếc óc long xương trong 15 ngày, quan Bố lại phải dùng cái kế "chuyển sức tri luân" mà gửi qua cho quan án.

Quan Án chỉ nuôi được mười ngày rồi cũng chịu không thấu, đành phải đệ lên và dùng chước "giải hồi nguyên quán".

Cụ Thượng thấy Tôtô về như thấy quỉ sứ hiện hình, bực hơn nữa là chỉ mới gần hai tháng mà con chó nó gầy ốm, trương cánh bộ xương sườn lên ngó chướng mắt quá. Nếu trong lúc ấy mà cụ Sứ thấy được thì thật nguy to!

Câu chuyện chó chạy quanh ấy trong dinh ai cũng biết cả, mà ai cũng sợ cả. Từ quan Kinh, quan Phán, quan Đề, thầy đội, thấy chó đâu là lo tránh mặt vì lỡ mà cụ gặp được, cụ gán cho thì cũng chết.

Cụ Thượng băn khoăn lo nghĩ mấy ngày đêm mất ngủ, không biết làm cách nào mà xử trí cho yên.

Có thằng dân kia lại vào hầu kiện, cụ lớn như ánh sáng xé mây, đã tìm ra được một kế tuyệt diệu, hớn hở gọi hắn vào và nói nhỏ:

"Tau cho mi con chó ni, về mà giữ bò". Thằng dân này vốn thằng khôn lanh, hắn cũng đã phong phanh nghe câu chuyện chó ấy rồi, nên hắn một lạy hai lạy xin lãnh chó về. Cụ lớn như cởi tấm lòng, mừng muốn trẻ lại, nhưng thằng kia hắn xảo lắm, hắn đã đi được một chặng đường lại đem chó về trả. Cụ lớn hoảng hốt:

– Ủa, chó mô mà mi còn đem trả lại cho tau nữa?

– Bẩm, lạy cụ lớn, người ta nói con chó ni chỉ ăn thịt bò chớ không biết giữ bò.

– Thằng ngu, tau cho mi, thì mi muốn làm nem làm chả chi thì làm chớ.

– Dạ bẩm lạy cụ con không dám.

– Sao lại không dám.

– Bẩm lạy cụ lớn, con nghe nói chó cụ Sứ, con không dám.

– Chó cụ Sứ mà tau cho mi thì mi làm chi thì làm, cũng được chứ sao?

– Bẩm lạy cụ, con xin vô phép nói, thứ chó ni thịt hôi khét lắm, ăn uống chi được.

– Mi là đồ chó chết, thôi cho năm đồng đây nè, đem về mà mua thêm màu mè cho thơm, cút ngay đi, chớ mi đem chó trở lại đây một

lần nữa tau sai bỏ tù mi rục xương.

Thế là thằng dân kia đã được cái phước vừa ăn được tiền quan, mà lại đánh chén được thịt chó cụ Sứ nữa vậy.

(Chuyện này bảo đảm có thật đúng 100%)

K.Đ

Báo *Dân* số 6,
12–8–1938.

MA CHỒNG

Trên mái lều tranh tiếng quạ ran,
Chị Hai đầu rũ kéo "phong" tang,
Con chó lừ đừ gầy tựa mõ,
Đàn con bụng ỏng khóc bên giường.

Ô! Chồng chị chết, xác nằm trơ,
Nào ai chôn cất? Ai bây giờ?
Có khách qua đường cho cỗ gạo,
Xụt xùi chị khóc lạy làng đưa.

Chồng chị chôn rồi, mà chửa im,
Đồng ma lạnh lẽo, bóng ô chìm,
Còn bữa cỗ làng, còn phải trả,
Lo buồn lệ ứa, gạt thâu đêm.

Lạy van chủ nợ cúng ba ngày,
Mời làng trả nghĩa bữa hôm nay.
Cầm con, bán chó, lòng dao cắt,
Mấy bác kỳ hào mặt đỏ gay.

Lệ làng chị nộp đã xong rồi,
Váy chị bây giờ mới tả tơi,
Bếp lạnh tàn tro, ngồi chị khóc:
Khóc con, khóc chó, khóc anh Hai.

HỒ XANH

Báo *Tin tức*, số 21,
24–7–8–1938.

LÊN HÀ NỘI

Ngoài sân đầy nước lụt,
Gạo không còn một hột,
Bố con anh Hải Tè,
Ôm nhau mà sùi sụt!

Rồi anh nghĩ bụng rằng:
Lên tỉnh, họa may chăng,
Quanh quẩn trong làng mãi,
Đến chết đói nhăn răng.

Dắt con lên Hà Nội,
Một ngày ròng mới tới,
Ngơ ngác biết vào đâu?
Chân đau, trời lại tối!

Hôm sau, anh dậy sớm,
Đi tìm nơi ở mướn,
Nhưng có đứa con theo,
Chẳng ai người ta mượn!

"Con đói quá, cha ơi!"
Con anh nó khóc hoài,
Con khóc, anh cũng khóc:
"Sống làm sao được trời?"

Rồi gạt hàng nước mắt,
Anh bảo con: "Nín bặt!
Chốc nữa có cơm ăn,
Đừng khóc, Tây nó bắt!"

Chợt một bà đi qua,
Tay cắp lưng thúng quà,
Anh Tè lanh tay lượm,
Một gói, rồi lảng ra.

Nhưng bà ta thoáng thấy,
Bà kêu la vang dậy:
"Ối! ông đội xếp ôi!
Có thằng ăn cắp đấy!"

Một tiếng còi thổi to,
Anh Tè bị trói gô,
Con anh nó khóc thét,
Nó theo ai bây giờ?

HẢI AN

Báo *Tin tức*, số 21,
21-31-8-1938.

TÂM HỒN TÔI

Tôi không phải là văn nhân thi sĩ,
Thả hồn mơ bay bổng tận chân mây,
Tìm vần thơ muôn điệu của rừng cây,
Hay rung động với gió hiền rên rỉ.

Tôi không phải khách giang hồ phiêu bạt,
Đường trần gian vui thú mãi lâu nay.
Lúc dạo đàn nhìn bóng xế trời tây,
Khi lặng lẽ chờ trăng lên, sao mọc.

Tôi cũng chẳng là anh chàng lãng mạn,
Cùng người yêu chung hưởng cuộc truy hoan,
Buông thuyền trôi, trôi đến chốn mơ màng,
Quên hết cảnh não lòng..., hay đau đớn.

Tôi chỉ là kẻ thường dân quanh quẩn,
Tấm gió sương để tìm kế sinh nhai.
Sống ngày nay không được biết ngày mai,
Và lặn lội mãi trong vòng lận đận.

Chưa từng hưởng phút giây nào sung sướng,
Trải tháng năm, quên khổ sở, gian lao,
Hun đúc thêm nghị lực đã mòn hao,
Sau bao nhiêu ngày đấu tranh điêu đứng.

Mà những lúc trăng tàn, trời u ám,
Từ xa xăm nổi dậy tiếng rên vang.
Với tim tôi cùng muôn điệu rộn ràng,
Đường tê tái trong cõi lòng ảm đạm.

Tiếng rên ấy của oan hồn quá vãng,
Trường chiến tranh lầm lạc chém đâm nhau,
Để hiến cho phường quyền thế sang giàu,
Những cuộc cờ giải khuây khi buồn nản.

Tiếng rên ấy, của muôn dân lao khổ,
Sống âm thầm sau hàng lũy tre xanh.
Mặc tấm thân bị đè nén, hạ hành,
Mãi nô lệ cho những loài trọc phú.

TRƯỜNG SƠN

Báo *Tin tức*, số 30, 31
3-9-1938.

TỰ NHỦ LÒNG

Nay ta ở miền đô thị,
Chốn Lam Sơn chướng khí lạnh lùng.
Chim kêu vượn hót não nùng,
Suối reo thác đổ sợi lòng nhớ thương.
Trời ảm đạm, màn sương che phủ,
Rừng hoang vu trướng rủ mây tàn.
Thân này hòa giữa lầm than,
Tim này rung động gió ngàn hắt hiu.
Nhìn đồng loại trăm chiều khổ cực,
Thân chạch lươn chui rúc bùn lầy.
Trọn đời ngậm đắng nuốt cay,

Tô cao thuế nặng đọa đày tấm thân.
Nghĩ nông nỗi bầm gan tím ruột,
Sống một ngày chua xót một ngày.
Thà rằng không mắt, không tai,
Không nghe, không thấy giống nòi lầm than.
Thì đành chịu cho cam mọi nỗi,
Để mặc người hành tội liên miên.
Nhưng mà tai mắt vẹn nguyên,
Càng nghe, càng thấy, càng phiền, càng căm.
Ta có miệng nhưng không được nói,
Có chân tay bị trói, bị xiềng.
Lòng ta nhất quyết vùng lên,
Phá gông chặt ách cường quyền bấy nay.
Đường cách mạng chông gai hiểm trở,
Giữa đêm ngày lấp ló trời xa.
Say sưa gánh nặng sơn hà,
Bước vào gian khổ lòng ta nhẹ nhàng.
Vui ngô, đỗ, sắn vàng, muối trắng,
Vui ớt cay, măng đắng, trám chua.
Lều tranh bốn phía gió lùa,
Chiếu manh, cơn sốt tạm qua tháng ngày.
Làm bạn với cuốc cày, dao mác,
Những tấm lòng chất phác hồn nhiên.
Đêm khuya leo lét ánh đèn,
Đợi ngày sắp tới trời lên rực hồng.
Nay ta đã một lòng tự nhủ,
Vào lầm than xóa bỏ lầm than.
Coi khinh nguy hiểm cơ hàn,
Trèo đèo, lội suối, băng ngàn vượt non.
Đêm giá lạnh từng cơn gió thổi,
Nhưng lòng ta nóng hổi quyết tâm.
Giữa nơi sơn cước âm thầm,
Niềm tin sắt đá nảy mầm hiên ngang.

TRƯỜNG SƠN

Tài liệu do gia đình
tác giả cung cấp.

ĐỜI SỐNG DÂN QUÊ

Cái đời sanh hoạt đám bần dân,
Ở chốn thôn quê khổ đủ phần.
Bán sức chân tay nuôi xác thịt,
Dầm sương giãi nắng đọa đầy thân.

Dầm sương giãi nắng đọa đầy thân,
Thiếu thốn còn lo nỗi nợ nần.
Chạy thuế sưu xong, rồi chạy bữa,
Trưa rau, tối cháo vợ con ăn.

Trưa rau, tối cháo vợ con ăn,
Bóp miệng quanh năm phải tiện tằn.
Cơm gạo ngờ đâu ngày một kém,
Muôn ngàn vật liệu giá đều tăng.

Muôn ngàn vật liệu giá đều tăng,
Đồng bạc thông thương lại sụt dần.
Kìa bọn đầu cơ cùng chủ nợ,
Tha hồ đục khoét tận xương gân.

Tha hồ đục khoét tận xương gân,
Còn có thương chi cái cảnh bần.
Bênh vực mong ai người đại diện,
Ra công tế độ kẻ trầm luân.

NAM DƯƠNG

Báo *Tin tức*, số 9,
2–9–1938.

ĐỜI TÔI

Bạn bảo sao tôi gầy xấu quá?
– "Mỗi ngày có một bữa cơm thôi!"
Bạn tính quanh năm làm vất vả,
Bao nhiêu hơi sức ra mồ hôi!

Bạn bảo con tôi nheo nhóc quá!
Đứa thời bụng ỏng, đứa sài mòn!
Mẹ nó quanh năm làm vất vả,
Lấy ai săn sóc đến đàn con!

Bạn bảo vợ tôi trông thảm quá!
Mặt mày nhem nhuốc như con ma!
Bạn tính quanh năm làm vất vả,
Lấy đâu trắng đẹp như người ta.

Bạn thấy nhà tôi như cái ổ,
Cột thì xiêu vẹo, mái trống tuênh.
Bạn tính cơm ăn còn chẳng có,
Thôi đành lấy nó để nương mình!

Tôi đem hơi sức với nhọc nhằn,
Mạng sống qua thời buổi khó khăn,
Tôi hiến cho đời bao vẻ đẹp,
Riêng mình chẳng đủ miếng cơm ăn.

Trong lúc nhà giàuních chật rương,
Bạc vàng châu báu với kim cương,
Họ trông kẻ đói, lườm khinh bỉ,
Mặc khóc khô mồm chẳng đoái thương

TCHEUNG FÓÔNG

Báo *Tin tức*, số 31,
3–7–9–1938.

DƯỚI NẮNG HÈ

Nắng chói trời hè, con mắt hoa,
Vai thời gánh nặng, chợ thời xa,
Chị Hai "ì ạch" theo bờ vắng,
Gió, nước lung lay khóm cỏ già.

Mắt hoa, rồi chị thấy nôn nao,
Chị toát mồ hôi, bụng chị đau,
Thôi chết! Chết thôi! Đau bụng đẻ,
Đồng xa vắng vẻ có ai đâu?

Bò trên vũng máu, chị ôm con,
Hồ đứng lên thời chân lại rung,
Chị khóc, chị nhìn con trứng nước,
"O... e", tiếng trẻ vẫn còn non.

Trời tung nắng lửa mãi không thôi,
Thôi, chị ôm con, chị lả rồi!
Chiều đến, có người qua lại thấy:
Một con, một mẹ, một đàn ruồi!

DƯƠNG LÌNH

Báo *Tin tức*, số 32,
3-7-9-1938.

ANH DÂN CÀY

Anh ở túp lều tranh,
U ám và hôi tanh,
Mặt trời không chiếu đến,
Đàn con anh ốm xanh.

Người anh không tiền bạc,
Ruộng anh không một tấc,
Áo quần anh tả tơi,
Mặt mày anh hốc hác.

Anh cày thuê trọn đời...,
Tảng sáng đến tối ngày,
Thế mà vẫn đói rét,
Đời sống anh khổ thay!

Anh còn phải đóng góp,
Sưu thuế còn phải nộp.
Còn phe giáp, hội hè,
Còn ngày giỗ, ngày chạp.

Anh thường lĩnh công non,
Đem về nuôi vợ con,
Bữa rau cùng bữa cháo,
Còn có thảm nào hơn!

NỖ LỰC

Báo *Tin tức*, số 33,
10–14–9–1938, tr. 1.

DƯỚI GẦM THANG GÁC

(Truyện ngắn)

Anh Lâm đấy à? Anh khỏe rồi chứ?

Câu hỏi niềm nở của ông chủ làm cho Lâm vững dạ, chàng lễ phép trả lời:

– Thưa, vâng.

Chàng chưa nói dứt lời thì cổ họng đã thấy ngứa ran lên, chàng vội ngậm miệng để giữ một cơn ho, nhưng những tiếng ho dữ dội và khô khan đã liên tiếp nhau bật ra như xé phổi. Lâm phải đứng dựa vào bàn, hai tay ôm lấy ngực. Khi cơn ho đã ngớt, chàng bỏ chiếc khăn mùi xoa cắn ở môi ra, bỗng mặt chàng tái nhợt đi, chiếc khăn mùi xoa bằng vải dòng dọc đã cũ đỏ lòm những máu. Nhìn những tia máu mảnh và đặc ấy, chàng thấy phảng phất hiện ra trước mắt cái hình ảnh ghê gớm của tử thần. Sợ hãi, chàng đút mùi xoa vào túi, rồi tiến lại gần bàn ông chủ.

– Anh hình như bị ho lao?

Ông chủ vừa hỏi, vừa chăm chú nhìn Lâm từ đầu đến chân làm cho chàng tự nhiên phải rùng mình. Cặp mắt ông ta không dữ tợn, nhưng nó sâu hơn vực thẳm, đáng sợ hơn gươm dao.

Lâm muốn tìm một vẻ thương hại trên bộ mặt nhẵn nhụi ấy để thú thực bệnh trạng của mình, nhưng ông chủ đã nhắc lại câu hỏi trên lần nữa:

– Anh hình như bị ho lao?

– Thưa ông tôi không biết.

– Chính rồi! Anh bị ho lao đấy.

Rồi trong khi Lâm đợi một cái hy vọng viển vông ông vẫn ôn tồn nói tiếp:

– Người mắc bệnh lao thì không nên làm việc gì nặng nhọc, vậy anh hãy về nghỉ ít lâu nữa, bao giờ khỏi hẳn hãy đi làm...

Lâm trố mắt lên nhìn ông chủ. Một lúc sau chàng mới gượng gạo nói:

– Thưa ông, tôi đã đỡ rồi, tôi có thể đi làm được...

Ông chủ vội xua tay:

– Ấy chớ! Anh đừng tham làm thế mà khốn thân.

Lâm cố nài:

– Ông cứ cho tôi đi làm; còn sống hay chết là tại số. Vả lại tôi làm ở đây với ông có phải vất vả gì lắm mà ngại.

Lâm nói câu ấy xong tự cười thầm. Trời! Ai đời lại đi ca tụng cái công việc gần như khổ sai, cái công việc đã đem lại cho mình bao sự ê chề đau đớn là không vất vả! Thật là vô tình chàng đã nói một câu khôi hài, hết sức chua cay. Song chàng không dám đem phơi trần sự lo sợ của mình trước mặt một người chỉ lợi dụng sự lo sợ ấy để thẳng tay bóp chẹt.

Tuy vậy câu phỉnh nịnh ấy không gây được chút hiệu quả gì trong cái tâm hồn cằn cỗi kia, vì ông chủ đã vội trả lời ngay.

– Tôi vẫn còn lòng mến anh lắm, nhưng nếu tôi để cho anh vào làm thì không những hại cho anh mà truyền bệnh sang cho người khác nữa... Vả lại, sở thanh tra lao động không cho mượn những người mắc bệnh lao.

Trước cái luận điệu nhân đạo (!) ấy, Lâm còn biết nói thế nào nữa. Chàng run run trả lời:

– Vâng, ông muốn thế nào tôi cũng xin nghe. Vậy ông làm ơn tính nốt cho tôi 5 ngày lương tháng trước, và... Trong óc chàng vừa thoáng qua một tia hy vọng mỏng manh, Lâm ngập ngừng tiếp:

– Và ông cho tôi vay trước mười đồng để uống thuốc.

Ông chủ tỏ vẻ ngạc nhiên:

– Anh còn đồng lương nào ở đây đâu. Tháng trước tôi thiếu anh 200 thì trừ vào tiền cái đèn măng xông anh đánh vỡ còn chưa đủ, nhưng thương tình anh đau yếu tôi cũng xúy xóa cho. Còn anh hỏi vay thì thực là không may cho anh quá, sáng nay tôi vừa dồn tiền gửi về Tây cất hàng. Trong nhà tôi bây giờ chẳng mò đâu được xu nào.

Lâm không giữ được bình tĩnh nữa, trừng mắt lên nhìn ông ta, dõng dạc nói:

– Ông nỡ nhẫn tâm đến thế được à? Ông có biết tại sao tôi bị ho

lao không? Há không phải tại 4 năm trời chui rúc ở trong cái kho hàng chật hẹp bẩn thỉu, thiếu ánh sáng của ông ư? Bốn năm trời nay, tôi đem hết tâm sức ra giữ kho tàng của cải cho ông để bây giờ đau ốm, ông vứt ra cửa như một con chó à?

Ông chủ cười nhạt:

– Anh khôn lắm chứ, sao lại giống một con chó được? Nhưng chỉ tiếc rằng tôi không có tiền cho anh vay, và không có việc mượn anh làm nữa. Dứt lời, ông ta gấp nhanh quyển sổ lại, đi sang phòng bên cạnh, nét mặt vẫn không gợn chút giận dữ.

Lâm tức uất lên, cổ họng như bị rít lại, bao nhiêu máu trong người đều dồn lên mặt, những gân xanh ở trán ở má cũng nổi lên trong làn da vàng bủng, ngòng ngoèo và rõ ràng như rễ cây. Trong khi ấy, ở phòng bên cạnh ông chủ đang ngọt ngào hỏi chuyện cô thư ký đánh máy.

Về đến nhà, Lâm đi thẳng vào buồng mình, một gian buồng chật hẹp ẩm thấp, nhơ nhớp, mà ánh sáng mặt trời như thẹn thùng không muốn soi đến. Nhưng trong lúc này, chàng có cần gì ánh sáng đâu. Chàng muốn rằng cả vũ trụ sẽ biến thành một khoảng đêm tối mênh mông dày thẳm, để ở trong ấy chàng được yên thân kéo nốt những ngày đen tối như đêm, để được tự do âm thầm với những nỗi đau thương thống thiết của mình, cho nên căn phòng ấy, tuy kín như bưng mà chàng còn cho là thừa ánh sáng. Chàng đóng nốt cái cửa chớp thông vào nhà trong, rồi để cả áo nằm vật xuống giường. Người chàng đã nóng ran lên từ ngoài đường, nhưng lúc bấy giờ, chàng mới biết mình sốt. Chàng liền lấy cái chăn chiên đỏ ở cuối giường đắp kín mình từ đầu đến chân, rồi nằm im nghe những tiếng thở hổn hển và nóng hổi của mình. Tam trí Lâm vừa rồi còn bối rối như một cuộn tơ vò, bây giờ tự nhiên phẳng lặng khác thường. Chàng không nghĩ ngợi gì nữa, và để cho tư tưởng vụt qua óc nhanh như một giọt mưa lướt trên tàu lá khoai.

Đó là những lúc người ta chán nản đến cực điểm và người ta đã yên phận đợi những tai họa đến kéo đi.

Thỉnh thoảng cái hình ảnh ấm cúng của quá khứ sực thức dậy trong trí nghĩ của Lâm, nhưng chàng vội xua đuổi đi ngay. Vì còn gì xót xa bằng trong lúc nghèo khổ, nghĩ đến sự vinh hoa về trước của mình.

Người chàng mỗi lúc một nóng thêm, đầu và ngực bị đè nặng trĩu dưới sức nóng hun hấp như từ ở trong lò bốc ra. Chàng khát nước se cả cổ lại, nhưng không dám ra nhà ngoài uống, vì tưởng đến cặp mắt diều hâu của bà chủ nhà mỗi khi nhìn mình, chàng thấy rợn cả người. Những tiếng riếc móc dù thậm tệ đến đâu, Lâm cũng còn thích nghe hơn là phải chịu những cái nhìn soi mói của cặp mắt ấy! Mà nguyên nhân là chỉ tại chàng thiếu hai tháng tiền cơm... Lâm vừa nghĩ đến đấy, chợt thấy tiếng bà chủ nhà chửi bâng quơ ngoài hành lang:

– Cha mẹ nó, tự nhiên rước lấy nợ về nuôi.

Lâm phải cắn răng nằm yên. Rồi chàng thiêm thiếp ngủ đi. Một lúc sau chàng mơ màng thấy một bàn tay mát rượi, nhẹ nhàng đặt lên vừng trán nóng như lửa của mình, và thỉnh thoảng lại nghe tiếng gọi du dương ở bên tai:

– Anh Lâm ơi!

Nhiều lần Lâm muốn thưa nhưng lưỡi chàng líu lại, ú ớ không thành tiếng. Sau cùng chàng mở được mắt ra. Không còn chiêm bao nữa. Lâm nhìn rõ ràng thấy Hảo – một ả nhà thổ lậu ở cái săm trong ngõ đương ngồi bên cạnh mình.

Chàng lại nhắm mắt lại, rồi cắn thật mạnh vào môi để thử xem mình tỉnh hay mê. Đến khi thấy đau, chàng lại mở mắt ra. Bàn tay mềm mại của Hảo vẫn nhẹ nhàng mơn trớn trên người chàng. Chàng không nỡ hất bàn tay ấy ra như chàng thường có cử động ấy với Hảo từ trước đến giờ. Vì, tuy Lâm đã gần gũi nhiều những cảnh nhơ nhớp, bẩn thỉu trong xã hội, song chàng vẫn không bỏ được cái thành kiến ghê tởm bọn gái giang hồ. Nếu có một lần chàng đã đi lên trên thành kiến ấy, là lần chàng gặp Hảo ngồi khóc rũ rượi ở đằng cổng sau. Nét mặt xanh xao của Hảo lúc ấy ràn rụa những nước mắt, toàn thân nàng bị rung chuyển dưới sức đau thương, nên Lâm không còn nghi ngờ có sự giả dối trong những cái cử chỉ ấy nữa. Chàng lại gần Hảo, hỏi tại sao nàng khóc, thì Hảo trả lời là vì nàng đau mắt, không tiếp khách được, nên bà chủ chửi thậm tệ và bắt nhịn cả cơm. Lâm thương tình, bèn cho nàng 100 để uống thuốc và ăn quà trong những ngày chưa tiếp được khách... Cái hành động nhân đạo ấy, Lâm chỉ làm theo sự cảm xúc của trái tim trong một lúc, rồi sau đó chàng không để ý đến nữa. Nhưng nó đã ghi sâu vào linh hồn Hảo, một linh hồn chưa biết rung động về ai bao giờ.

– Anh Lâm ơi, anh đã tỉnh chưa?

Lâm giở mình, quay mặt vào trong tường khẽ thở dài. Hảo lấy mùi soa lau những giọt mồ hôi ở cổ chàng rồi buồn rầu nói:

– Em vừa đánh cảm cho anh xong. Anh cảm nặng lắm! Khổ quá! Đương ốm thế này, sáng nay còn trở dậy đi đâu, nhỡ lại bị gió độc thì làm thế nào?

Giọng nói thành thực của Hảo như của người em đối với anh, làm cho Lâm cảm động ứa nước mắt. Tự nhiên chàng thấy hối hận đã hắt hủi Hảo, dù Hảo chỉ khẩn khoản xin được chăm nom, săn sóc chàng như săn sóc một người anh ruột thịt.

Thấy Lâm nằm yên, Hảo lại âu yếm hỏi:

– Anh có đói không? Anh ăn cháo nhé! Em đã nấu một niêu cháo dưới bếp, chỉ đợi anh dậy để ăn.

Lâm khẽ lắc đầu, vơ vẩn nhìn lên những tờ nhật trình đã vàng ố dán ở tường.

Hảo cúi đầu gần chàng nằn nỉ:

– Anh chịu khó ăn một chút cháo nóng cho tỉnh! Anh yếu lắm!

Lâm nở một nụ cười héo hắt:

– Tôi yếu thì rồi tôi sẽ chết: Đời tôi còn có nghĩa gì nữa mà tiếc. Cô tính, gia đình ruồng bỏ, xã hội hắt hủi, anh em bạn hữu thì không, còn có một dây tình cảm nặng hay nhẹ nào buộc tôi vào cuộc sống nữa? Nếu thể chất tôi chưa chết thì linh hồn tôi đã chết từ lâu rồi.

Nói đến đấy, Lâm động mối thương tâm, không cầm được nước mắt. Những nỗi tủi nhục đắng cay chua xót chứa chất ở trong tim chàng lúc ấy, đều theo những dòng nước mắt nóng hổi mà chảy ra ngoài.

Hảo cũng nức nở khóc. Nhưng đồng thời nàng thấy nhóm lên trong đáy lòng nguội lạnh của mình một tia hy vọng tuy yếu đuối nhưng không đến nỗi viển vông. Vì nàng đã thấy mình có ở trong tư tưởng của Lâm, đã được Lâm chú ý đến trong khi chàng chán ngán cả cuộc đời. Nàng liền ôm ghì lấy đầu Lâm vào lòng mình nghẹn ngào nói:

– Anh Lâm ơi! Anh đừng thất vọng vội. Anh lo gì trên đời này không có kẻ hiểu anh, thương yêu anh! Anh ơi! Nếu anh cho phép, thì em sẽ đem hết cả tình yêu mà em có trút vào anh, để hàn lấp trái tim trống trải của anh. Anh ạ! Em cũng không nhà, không cửa như

anh, cũng bị đời khinh khi, đầy đọa, cũng bị xã hội ruồng bỏ, vùi dập như anh, nên em hiểu anh lắm... Em yêu anh không phải vì có lần anh đã cho em đồng bạc, nhưng vì cái cử chỉ cao thượng ấy đã làm cho em cảm động vô cùng. Nó còn bảo cho em biết rằng anh cũng là một người đau khổ như em, nên nuôi ngay cái mộng tưởng một ngày kia sẽ được hầu hạ ở bên mình anh. Mà ngày ấy nếu anh muốn đã đến nơi rồi.

Anh ạ! Tuy không dám ngỏ cùng anh, nhưng lúc nào em cũng nghĩ đến việc sống chung với anh, nên hơn một năm trời nay, em đã chắt bóp, dành dụm được mấy chục đồng bạc. Em định rằng khi nào anh khỏi, em sẽ cùng anh trốn lên một nơi nào thật xa trên mạn ngược. Ở đấy chúng ta sẽ sống những ngày đầy đủ tự do và tình yêu. Còn sinh kế thì anh không phải lo. Với cái vốn của em, chúng ta sẽ mở một ngôi hàng vặt, quý hồ rau cháo qua ngày. Em sẽ khâu thuê, vá mướn thêm vào nữa. Anh xem! Em có hai cánh tay khỏe mạnh như thế này thì bao giờ sợ chết đói... Anh ơi! Anh bằng lòng đi! Rồi anh sẽ khỏi bệnh! Rồi anh sẽ sống chung với em! Rồi anh...

Hảo nói đến đây, cảm động quá, không tìm được tiếng gì để tả hết sự mong ước của mình nữa...

Lâm cầm chặt lấy hai tay nàng, say sưa nhìn lên cặp mắt đen và đượm buồn...

HỌC PHI

Báo *Tin tức*, số 34,
14-17-9-1938.

MẶT TRẬN HÒA BÌNH

Hai năm đẫm máu thành Madrid,
Thỏa lòng hung bạo quân phát xít,
Tàn sát đàn bà cùng trẻ con,
Xây đắp miếng nền trên xác chết.

Tha hồ ngang dọc đất Trung Hoa,
Bom đạn, phi cơ với thiết xa,
Vầy đập thị thành đến thôn dã,
Hóa nước Tàu ra bãi tha ma.

Nuốt Áo xong còn nuốt Tiệp,
Bên ngoài quân đội thường uy hiếp,
Trong gây rối loạn đủ trăm chiều,
Hai mặt, Hitle hoạt động riết.

Bỗng dưng gây sự với Xô Nga,
Không nổi, Hồng quân chẳng chịu tha,
Mấy trận con con Nhật đủ hiểu,
Chọc Liên Xô, cái chết không xa.

Phát xít ngày nay chuyên giết hại,
Hòa bình thế giới khó tồn tại,
Nhân quần phải chịu vạ máu xương.
Nếu chẳng cùng nhau đoàn kết lại.

Nắm tay cương quyết ta đấu tranh,
Mặt trận nhân dân sẽ chóng thành,
Để chống chiến tranh, chống phát xít,
Đứng lên! Ai ham chuộng hòa bình.

P. H.

Báo *Dân chúng*, số 17,
17-9-1938.

SỰ NHU YẾU

Kìa, bác Tân, thế ra bác về Huế rồi à? Mấy lâu sao tôi không gặp bác? Trời ơi! Đến nay đã có... để tôi tính xem, bác ở Quốc học và tôi ở Bách công ra năm 1932, nay đã bốn năm rồi!

– Phải, bốn năm rồi, số là sau khi đậu, tôi bổ vào đường trong, mới đổi ra tòa sứ ba tháng nay, còn bác thì sao, ở đây luôn, lương bổng đủ xài chứ?

– Vâng, tôi làm công ngày ở nhà máy điện, mỗi ngày xóa xăng xu.[1]

– Thế bác làm thế nào cho đủ? Tôi đây carăng xanh [2] chưa kể bổng ngoại mà vẫn chật vật đấy, bác ạ.

– Đủ hay thiếu, tự mình tôi nghĩ lương ít nhà nghèo, tôi phải tiện tằn cho khỏi nợ nần.

– Bác làm thế nào được, vì bác là một anh thợ máy điện, chứ bác tưởng như danh giá chúng tôi, vào hạng quan Phán tòa, tiền ít sao được?

Phồn với Tân là hai người bạn cũ quen nhau từ khi học trường Sơ học Pháp – Việt, đỗ bằng sơ học xong, rồi Phồn nhà nghèo phải xin nương vào trường Bách khoa, còn Tân, cha mẹ giàu nên theo được "con đường chính" giật được mảnh bằng thành chung. Khi ở Huế vẫn đi lại với nhau, nhưng lúc ra làm, một bên quan Phán, một bên anh thợ, bực ngôi xa cách. Phồn có viết thư cho Tân, vài ba cái thư lúc mới bổ mà không thấy đáp, rồi Phồn không hiểu làm sao nên không viết nữa, nhưng trong lòng vẫn nhớ bạn.

Tối hôm ấy, Tân đi xem chiếu bóng về, còn Phồn đi làm công đêm về, tình cờ gặp nhau.

Nghe bạn phân biệt quan Phán tòa và anh thợ điện thì Phồn đã chột dạ, nhưng vẫn bình tĩnh nói tiếp:

---

1. Tiếng Pháp, nghĩa là 60 xu.

2. Tiếng Pháp, nghĩa là 45 (đồng/tháng).

– Thôi khuya rồi, bác về nghỉ, nhà tôi ở số... gần chợ Bến Ngự. Chiều mai chủ nhật, tôi được nghỉ, mời bác đến chơi.

– Cảm ơn bác, tôi phải đi tắm cửa Thuận.

– Thì bác không tắm một bữa, lên tôi chơi có được không? Anh em bốn năm mới gặp nhau.

– Không thể được, bác ạ! Vì tắm nước bể, hóng gió đối với tôi là *sự nhu yếu*. Ở đường trong, chủ nhật nào về mùa hạ, tôi cũng đi tắm biển.

– Thế thì chiều thứ ba, độ tám giờ tôi ở nhà, bác đến nói chuyện cho vui.

– Chưa được, bác ạ! Vì lúc ấy xem chiếu bóng. Họ có rao cái phim sẽ diễn vào tối thứ ba này, hay quá, tôi không thể thiếu được, vì đối với tôi, xem chiếu ảnh lại một *sự nhu yếu* nữa. Mình có xem chiếu ảnh mới thấy điều hay điều lạ trong thế giới để mở mang tinh thần.

– Thế hôm nào bác đến được? Thứ tư, tôi mắc đi làm, hay là thứ năm sau?

– Thôi, để khi nào rảnh tôi tới, vì thứ năm sau, chúng tôi ở tòa góp nhau ăn tiệc, có thuê kỹ nữ đến khiêu vũ chơi. Bác nì, khiêu vũ nó mỹ thuật làm sao, tai nghe dịp đờn, tay ôm cô ả, đủng đỉnh giữa sân khấu, dưới ngọn đèn điện sáng lòe, rõ là thần tiên giáng thế. Mỗi tuần ít ra tôi cũng phải khiêu vũ vài bữa. Khiêu vũ lại là một *sự nhu yếu* cho tôi nữa. Nghe đến đó, Phồn đã bực mình lắm rồi, và tự nghĩ: Có lẽ mình là một anh thợ điện nên bạn không muốn chơi với, bèn dõng dạc trả lời, có hơi khinh:

– Vâng được, thì hôm nào bác đến chơi cũng được, vì bác bận việc luôn, còn tôi thì chả giấu gì bác, *sự nhu yếu* là chỗ cơm ăn, áo mặc mà thôi, chào bác!

Một năm qua, rồi một năm nữa, Tân không đến nhà Phồn, có gặp Phồn cũng chào qua, nghĩa cũ tình xưa, nó đã mơ màng trong mây khói.

Trong thời gian ấy, Tân gặp gỡ một người tình nhân trong trường khiêu vũ, Tân cưới làm vợ, người vợ hay đánh bài, biết hút thuốc phiện. Người vợ không cho Tân đi tới đám khiêu vũ nữa – máu ghen ai chả có – nên muốn thỏa *sự nhu yếu* ấy vợ chồng thỉnh thoảng nhảy với nhau. Thuốc phiện giá càng ngày càng cao, mà Tân hút càng ngày càng nặng nên đến mùa hè sau, Tân cho sự đi tắm

Cửa Thuận là một cái lãng phí, để tiền mua thuốc phiện là một *sự nhu yếu* mới. Còn các đêm, thường chúng bạn đến đánh bài luôn, nên đi xem chiếu ảnh càng ngày càng thưa, rồi một ngày thôi hẳn, đi xem chiếu ảnh mỏi mắt vô ích, chi bằng ở nhà đánh ít xì may gỡ được số tiền thua đêm trước.

Càng hút càng tốn, càng đánh càng thua, rồi nợ nần, rồi sinh kiếm chác. Một vụ ăn hối lộ vỡ ra làm cho chàng phải cách chức và bị một tháng tù. Ở tù ra, trở lại nhà thuê cũ thì vợ đã khuân cả gia tài bỏ đi hơn 20 ngày rồi.

Áo quần không có, trong túi không một xu, mới tìm các bạn đồng sự trong tòa mà tới, nhưng đi đâu họ tránh mặt đó. Suốt cả ngày bơ vơ, không biết nương tựa vào đâu, mới nhớ đến anh bạn thiếu thời ở chợ Bến Ngự.

Tân đến gõ cửa, Phồn ra thấy bạn, tay bắt mặt mừng:

– À, bác Tân, tôi nghe bác bị nạn, rất lấy làm buồn, nay bác được ra, xin mừng cho bác.

Tân thở dài một tiếng, kể lại đầu đuôi cho Phồn nghe.

Phồn ra vẻ buồn, mới từ từ khuyên bạn:

– Bác rủi gặp bước hiểm nghèo như vậy, thôi, mời ở lại nhà tôi ít lâu. Tôi mấy lâu, nhờ chính phủ bình dân thành lập, luật xã hội ban hành được ít nhiều nên cũng được thêm một tháng gần chục bạc, mà ngày nghỉ cũng được trả tiền, nên không đến nỗi túng. Bác cứ yên tâm ở lại, chờ ngày kiếm được việc khác, chỗ anh em với nhau, đừng ngại gì.

NGUYỄN TỊCH

Báo *Dân*, số 13,
16-9-1938.

KÉO HỒ LÔ

Trưa nay trời nắng chang chang,
Em ra ngoài đàng, anh đứng gốc cây[1]
Rô hầy!
Hoa lửa trời hay nắng bốc vàng,
Tám hàng người cúi, hát hò ran,
Chị em vô sản dồn như sóng,
Kéo giật hồ lô cuốn bụi đường.
Một đàn chim nhạn bay qua,
Giơ tay em bắn chết ba con đầu.
Rô ta!
Hồ lô lăn đá nghiến ầm ầm,
Trên quãng đường dài, không bóng râm.
Những giọt mồ hôi như suối chảy,
Chị em phải nuốt, nuốt âm thầm.
Ai sinh ra quả lô này,
Công chồng nghĩa vợ, thầy mày kéo đi.
Rô hầy!
Ô! Dân người vật! Ô! Nhân loài!
Thỉnh thoảng thằng cai nó vút roi,
Con chó xồm lông trên dốc xuống,
Cổ đeo vòng bạc, đứng nhìn ai.

HỒ XANH

Báo *Tin tức*, số 34,
14-17-9-1938.

1. Những câu ca lục bát là của anh chị em hát lên, mỗi khi kéo giật hồ lô.

LẠI CHUYỆN ĐÍT CUA

K. Đ. đã khôi hài rồi, ấy thế mà ở đời còn có lắm cái khôi hài gấp mấy K. Đ. Rứa mới buồn cười chớ.

Nói đâu xa, chính ngay cái đít cua bế mạc Viện dân biểu Trung Kỳ thiệt làm cho ai nấy cười đến vỡ bụng.

Năm ngoái, cũng vì cái đít cua bế mạc mà thiên hạ đã cười ra phá. Năm nay lại cũng vì đít cua làm cho ai nấy khi ra về, chỉ ôm nhau cười nghiêng ngửa.

Chúng ta còn nhớ độ năm ngoái, khi các quan Tây, Nam vừa tới đông đủ rồi, kèn chào cũng rồi, bồng súng cũng rồi, mà bổ sưu bổ việc cũng rồi, chỉ còn kéo nhau vào nghe cái đít cua của ông Viện trưởng nữa là xong chăng...

Bỗng nhiên cụ Lại giật mình hỏi to. "Ủa, chớ đít cua chữ Tây mô rồi?" (số là đít cua của Viện dân biểu phải trình cho Bộ Lại duyệt).

Ôi thôi! Khi ấy người ta hỏi lại nhau: chạy xăng xít chớ đít cua mô rồi? Ôi trời ôi, đít cua mô rồi?

Cả Viện xớn rớn, cụ Thượng hỏi ông Viện trưởng. Ông Viện trưởng hỏi ông thư ký. Ông thư ký hỏi mấy thày thừa. Mấy thày thừa lại hỏi cụ Thượng. Ô tô chạy, máy tê lê phôn quay, mà đít cua của Viện dân biểu vẫn chưa thấy.

Quan khách đang chờ chưng hửng. Mãi đến hai mươi phút sau mới tìm ra được cái đít cua, ai nhìn thấy nó chẳng phải bựt cười.

Đó là chuyện năm xưa. Còn cái chuyện đít cua năm nay lại thú vị hơn nữa.

Quan khách vào ngồi, cụ Nghị trưởng Hoàng Văn Khải lại đọc đít cua. Ông Lê Thanh Cảnh tay cầm bản dịch chữ Tây xăm xăm đọc tiếp.

Nhưng đến khi bài đít cua của cụ nghị trưởng vừa xong, quan khách, nhất là các quan Tây nhìn vào ông thư ký, thì ông ngồi im thin thít.

Cụ Lại hoảng hốt: "Cụ cho đít cua dịch chữ Tây ở mô?"

Ông Cảnh cà tửng:

– Dạ, không có.

Cụ Lại càng hoảng:

– Ủa, sao không có?

Ông Cảnh cà tửng:

– Dạ, không có.

Thiên hạ ai nấy cũng đều ngạc nhiên, nhất là ông Tây lại càng khó chịu lắm.

Ra khỏi phòng Viện, người ta càng thấy rõ lắm chuyện khôi hài.

Người ta hỏi: Nguyên đít cua của Viện dân biểu thảo, đưa qua bên Bộ Lại sửa đi và dịch thêm một bản chữ Tây nữa. Về bản chữ Tây, giao ông Cảnh, chữ quốc ngữ cụ Nghị trưởng giữ. Đến khi đem ra đọc, cụ Khải thấy đít cua sao lộn chéo, bèn rút đít cua của mình ra đọc, mà đít cua của bên Bộ Lại thời lại bỏ vào túi.

Ông Cảnh tay cầm cái đít cua chữ Tây Bộ Lại dịch. Nguy nan quá! Đọc ra cũng không được, mà dịch đúng lời cụ Khải nói thì dịch sao cho kịp, vì hai cái đít cua như trống ngược kèn xuôi thì dịch vào ngả nào?

Ông Cảnh túng thế, nên "dĩ đào vi thượng sách" mà hô tỉnh rót:

"Không có đít cua dịch"

Đó là người ta nói như thế, còn bên mấy ông thừa Bộ Lại, họ lại nói khác. Họ bảo đít cua của Viện đưa qua không sửa chữ nào, đúng nguyên văn một trăm phần trăm, nhưng tự ý cụ Nghị trưởng sửa lại và đọc bản khác.

Thiệt rầu quá.

Con cua nói có, con vò vo nói không, đi lui đi lại, xì ra một cái đít cua vô chủ.

"Cua ai đem bỏ Viện này?"

K. Đ. thấy tình cảnh ý, cảm kích quá mà ngâm rằng:

Ua ủa, cua mô mà lại rứa?
Cụ Lại vừa nghe, toát mồ hôi,
Ông Cảnh nhìn qua đã ngã ngửa
Cụ Viện trưởng đọc thêm ú ớ,
Quan khách nhìn nhau càng bỡ ngỡ,
Viện nói rằng cua trước khác cua sau.
Bộ cãi: một chấm, một câu cũng không sửa.
Than ôi! Việc đời quá lôi thôi.

Cua năm ngoái đã mệt rồi,
Cua năm nay thêm mệt nữa.
K. Đ. tôi vốn kẻ nệ người dưng.
Nhưng mới nghe qua cũng hơi ưa vía

(Viết theo điệu thơ mới)

K. Đ.

Báo *Dân*, số 16,
30–9–1938.

GỬI BẠN LÀNG VĂN

Thế giới hiện thời đã đổi thay,
Doanh hoàn rộng mở nền quốc tế
Sóng tràn mưa gió rộn năm châu,
Trống gióng đua chen vang bốn bể.
Tiến đến tương lai cõi đại đồng,
Nhân quần cố kết dây đoàn thể,
Bấy nhiêu sự nghiệp! Có nhà văn,
Mực thước công trình bao xiết kể!
Thổi lốc mây mù gió tự do,
Phá tan xiềng xích vòng chuyên chế.
Duy trì công lý, trọng nhân quyền,
Nghị luận noi theo đường thực tế.
Đem đuốc văn minh soi quốc dân,
Chèo thuyền tiến hóa hợp thời thế.
Phổ thông giác ngộ đám bình dân,
Chấn hưng học thuật và văn nghệ,
Nhân sinh, xã hội làm phương châm,
Chính trị, kinh tế đều quan hệ.
Cải tạo cuộc đời nhân đạo hơn,
Thiếu chức nhà văn là thế thế!!!
Biết bao hy vọng cuộc tương lai,
Nhiệm vụ cho tròn không phải dễ.
Tiền đồ nhân loại liệu tài bồi,
Nào bạn đồng thanh ai tương lệ!

LÃ XUÂN CHOÁT

Báo *Tin tức*, số 38, 28–9
1–10–1938.

CON HỔ LANG

Trong túp lều tranh làng Hạ Đồng
(Thái Bình)

Nhà chị cu Cây ngồi đợi chồng,
Mặt xám, mắt sâu, đầu quấn tóc,
Nửa người che áo đàn ông cộc,
Váy vá mụn đụp nâu, trắng, vàng.
Người ta giễu cười "con hổ lang".

Chị ngồi ôm con đỏ hon hỏn,
Bọc trong tã rách gọn thon lỏn,
Thằng con giãy khóc thét từng cơn.
Cất tiếng chị ru, giọng nỉ non:
"Con ơi con bú cho chóng lớn,
Cha con sắp về, mẹ ra đón.
Cha con! Cha con! Kia đã về,
À! Giờ đang đi trên bờ đê".
Con khóc rồi im, im rồi khóc;
Và bỏ bú mẹ, vẻ hằn học.

Bấy giờ vàng rực ánh chiều hôm,
Trong bụi tre xanh, chim hót dồn,
Cành tre gió đập, xen hơi thở,
Bỗng có một anh bước vào cửa.
Chị ta kêu rú, tiếng kêu mừng,
Nước mắt đầm đìa, hồn bâng khuâng:
– "Anh đi hôm qua, nhà lạnh lẽo,".
Vợ ốm, con sài, không cơm cháo".
Anh chồng cảm động, tay bồng con,
Nâng con gần mặt, anh cúi hôn.
Một lúc lặng thinh, anh hỏi vợ:
– "Hôm qua, ai vào nhà ta chửa?"
Ngẩn ngơ vợ anh chưa trả lời,
Vụt thấy mái ngoài có bóng người,
Mình tròn mập mạp như ông Phệnh,

Chân bước, bụi tung, dáng lệnh khệnh,
Vào đạp anh dúi bấn chõng tre,
La giục om sòm: "Đi mau đi",
Và xốc áo anh lôi xộc xệch,
Đánh, tát cùng theo, trông tối mắt.
Chị cu kêu khóc: "Tha chồng tôi".
Thầy Lý thét ầm: "Tù đến nơi,
Chồng mày trốn sưu của nhà nước".
Thét tiếng cuối cùng thằng con thác.

Báo *Tin tức*, số 39,
1-5-10-1938.

HỒ XANH

HÁT TRỐNG QUÂN

Phiên chợ trung thu năm nay ở Hội quán Khai trí tiến đức có tổ chức cuộc thi hát trống quân mà giải thưởng là một cái chuông đồng. Tuy chỉ là cái chuông đồng bé tí tẹo, thế mà trị giá tới gần 2 vạn bạc. Bên nam là Phạm Huy Lục, bên nữ là Phạm Thị Lê Bống. Bản báo phóng viên biên được đủ cả những lời đối đáp của đôi bên. Vậy xin chép nguyên văn lại đây để các bạn ngâm nga trong khi miệng đương nhai tấm bánh dẻo.

Nam.- Gặp tiết Trung thu,
Nhân rầy gặp tiết Trung thu,
Tôi xin ra mắt cùng chư quý ngài.
Tiện đây nhắn gửi đôi lời,
Hỏi rằng đối thủ là ai đó mà?
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nữ.- Đối thủ là ta,
Chính người đối thủ là ta,
Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau.
Bên khăn yếm, bên mày râu,
Biết đâu trung tín, biết đâu gian tà?
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nam.– Đừng nói chua ngoa,
Này, này đừng nói chua ngoa,
Những tuồng mép giải, miệng loa hay gì?
Cái đồ trọc phú kể chi,
Sao không thủ phận, lại đâm bì, dám ganh?
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nữ.– Lên mặt đàn anh,
Thôi đừng lên mặt đàn anh,
Cúi luồn nịnh hót, còn danh giá gì?
Mắt trắng dã, môi thâm sì,
Rõ ràng đương mặt kẻ đi gạt lường.
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nam.– Làm đĩ tứ phương,
Hỡi người làm đĩ tứ phương,
Còn đeo cái biển bảo hoàng lòe ai?
Cũng đòi khoe giỏi, khoe tài,
Tài thết yến tiệc, tài mời quan Tây.
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nữ.– Các cậu thì hay,
Dễ thường các cậu thì hay,
Hãy xin chính phủ, hãy xoay thị trường.
Buôn dân án đã rõ ràng,
Xơi khoản phiên dịch sáu ngàn ngon ơ!
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nam.– Khéo nói tầm phơ,
Nỏ mồm khéo nói tầm phơ,
Chê người sao chẳng thử sờ gáy xem.
Cầu thân đủ lối đê hèn,
Ngu si, dốt nát, chỉ lấy tiền đậy che.
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nữ.– Ghen ghét nỗi gì?
Kém tiền, anh ghen ghét nỗi gì?

Nếu tôi đấm miệng, chắc anh thì cũng xơi,
Đồng tiền là chúa trên đời,
Thách anh có giỏi cùng tôi thi tiền.
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nam.– Mới rõ trắng đen,
Bây giờ mới rõ trắng đen,
Thi khôn... thi khéo, chứ thi tiền thì giỏi chi.
Thôi về mà làm phéo quách đi.
Thi tiền, đây chẳng thèm thi cho phí lời.
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

Nữ.– Thôi hết khoe tài,
Từ rày thôi hết khoe tài,
Hết khoe nghị trường, hết mồi câu cơm.
Rành rành đã rõ kém hơn,
Xin trao phần thưởng cái chuông cho tôi cầm.
(Nhằng nhùng nhằng, nhùng nhằng).

TÂN PHONG

Báo *Tin tức*, số 41,
8-12-10-1938.

RỪNG SÂU

Qua cao nguyên lạnh lùng và bát ngát
Từ ngàn xưa quạnh quẽ gội sương mờ
Từ ngàn xưa run dưới gió phất phơ
Hay chìm đắm trong im lìm man mác

Vượt rừng thẳm và núi non chồng chất
Từ ngàn xưa lặn hụp trong mây mù
Từ ngàn xưa gào thét hay vi vu
Như góp cả rền than của vạn vật.

Ta đến đây một chiều thu lạnh lẽo
Một cảnh chiều rũ rượi dưới phong sương
Ta đã từng vạch bụi kiếm nẻo đường
Trong chốn muôn cây mịt mùng giao tréo.

Bên bờ mới trên đèo cao nắng dọi
Ta đã từng dừng bước tạm nghỉ chân
Đắm say hồn trong xào xạc miên man
Của những đám lau già quanh triền núi.

Lá vàng rụng... một đàn chim ngơ ngác
Rít kèn lên rồi im bặt lặng tăm
Dưới hồ sâu vẳng vẳng tiếng kêu ngầm
Của một thú hung hăng chừng đói khát.

Cảnh hùng vĩ của núi non cao cả
Ru hồn ta vào giấc mộng êm đềm
Tựa gốc cây, mỗi lúc nhẹ nhàng thêm
Như muốn biết làn sương chiều ẻo lả.

Bay phấp phới trên ngọn cây lá cỏ,
Để xa dần xuống vực thẳm hang sâu
Như muốn hóa làm khúc nhạc rì rào
Triền miên chạy rừng này qua truông nọ...

Nhưng lạ sao! Trong lúc mê cơn mộng
Hồn phiêu diêu theo sương gió phủ ngàn
Ta chợt nghe như có tiếng khóc than
Tiếng rền rĩ trong rừng sâu vang động...

ĐA GIANG

Báo *Thế giới*, số 3,
15 - 10 - 1938.

CÁI TAY QUÈ

(Phóng sự)

Tôi không muốn để những tình cảm ấy thêu dệt ra trong tâm trí nữa! Vì tiếng chuông leng keng yếu đuối trong những buổi chiều thoi thóp kia, cái bóng dáng thất thểu xam xám của một thân hình thấp bé và sức mềm mại nhịp nhàng của chiếc đòn gánh hai đầu run rẩy hai thùng dầu tây, nói rõ rệt và đầy đủ sao được chuyện cái tay què ấy!

Cái tay què, một núm thịt lủng lẳng trong một cánh tay áo vàng lem luốc dầu mỡ!... một dấu vết đau thương, một cực khổ mãi mãi, một căm hờn nung nấu cho đến ngày trọn đời. Và những gì nữa? Thì, tôi đã nói, tôi không muốn để tình cảm tự nói nữa mà! Phải nghe chính cái tay què kể, kể bằng giọng nói của nó.

Cặp mắt sáng trên gương mặt rám nắng cười với tôi trong khi người ấy trả lời:

– Có gì đâu ông?

Tôi càng nhìn sâu vào mặt anh ta, tôi nhận thấy sự tươi tỉnh ấy gắng gượng quá. Nó đã che đậy cả một lòng dày dạn. Tôi mỉm cười và vỗ lên vai anh hàng dầu:

– Anh kiểu cách quá! Việc gì phải giấu diếm? Tôi thành thực mà anh nỡ chối từ ư?

Nói đoạn, tôi nhẹ nhàng vuốt xuống cánh tay ấy rồi xoa xoa lên mẩu thịt lủng lẳng ở gần nách. Anh ta chớp mắt luôn luôn. Tôi biết những cử chỉ thân mật dễ thương của tôi đã chiếm được lòng tín nhiệm của anh rồi.

– Thôi thế chúng ta vừa đi vừa nói chuyện cũng được. Tối rồi! Mà anh cũng về chợ con đấy nhỉ.

Tiếng chuông không rung nữa, chỉ còn tiếng đòn gánh nhịp nhàng. Chúng tôi đi sát nhau trên một bờ hè la liệt vỏ chuối, vỏ bưởi, lá gói, bã mía và những mẹt cơm nắm, những chõng hàng nước mới lên đèn.

Một thứ mùi nồng nồng rõ rệt trong cát bụi mờ mờ khua lên bởi những bước chân vội vàng của phu phen thuyền thợ tan tầm.

Anh hàng dầu nheo mắt cười:

– Vui lắm ông nhỉ. Vừa là ngày đầu tháng, vừa nhằm vào chiều thứ bẩy.

Nói đoạn, anh rung lên một hồi chuông, như góp vào sự ồn ào tấp nập của một buổi chiều được nghỉ ngơi dưỡng sức chút ít những tiếng đồng ròn rã. Con người yêu đời lắm càng khổ sở bao nhiêu càng tha thiết sống bấy nhiêu. Vì không thể không tin tưởng ở năng lực của mình, không thể không hy vọng một ngày mai tốt đẹp.

Bất giác tôi để tay lên bả vai lủng lẳng một mẩu thịt nhũn. Tôi ghê sợ vì nghĩ đến những cái mà xã hội không còn thể trông cậy vào cánh tay vô dụng nọ. Thì người hàng dầu như cảm thấy ý nghĩ của tôi, anh ta chậm rãi nói:

– Trước kia tôi khỏe mạnh, chắc chắn lắm, ông ạ...

Thấy đến bấy giờ mà anh hàng dầu vẫn dùng tiếng "ông" xưng hô với tôi, tôi vội chặn nhời:

– Cứ ông mãi! Chúng ta gọi nhau là anh thôi!

Anh hàng dầu mỉm cười:

– Thì anh vậy... Búa cái quai hàng giờ đối với tôi chả mùi vần gì. Thế mà mất hẳn một cánh tay, hỏi có đau đớn không? Mà nào vì mình? Anh tính, bỗng dưng ai lại đưa tay vào máy cho nó nghiền nát bét. Có bởi vì sao một người thợ mới tàn tật chứ. Bởi, chỉ bởi...

Không cần nghe thêm, chỉ đến đây, tôi đã nhận thấu rõ rệt hết cả mọi cái tàn khốc của một tai nạn đã đày đọa một người lao động. Tôi trông thấy rành mạch trong trí tưởng một cảnh tượng đã xảy ra: một con người vã mồ hôi, thở không được mà vẫn không được rời nhìn những vòng dây da sầm sập, chuyển động và phải luôn luôn lau chùi ở máy rồi mắt y dần dần nảy nhiều tia sáng, màng tai rùng không ngớt, các thớ thịt mệt mỏi bải hoải, mà những vòng da càng chạy nhanh, những bánh xe càng quay tít toàn thể chiếc máy như muốn vỡ tung... Nhanh như chớp, một cánh tay vung ra để hãm lại bánh xe chính, thì...

Nét mặt anh hàng dầu bỗng nhiên tối sầm. Duy đôi mắt vẫn sáng, sáng lóng lánh, như nẩy lửa. Ánh đèn điện lấp lánh trên vầng trán dính bét vào sợi tóc.

Lịch sử cái tay què lại lên tiếng. Bằng một giọng nói tha thiết

đầy cảm xúc, cái tay què ấy kể những lúc nó trói nhức trong lượt băng, bẩn thỉu trong máu, mủ, và rung động bao nhiêu lần lòng thương của những người khán hộ lần đầu tiên nhận thấy sự lầm than của thuyền thợ. Và thêm một lần cái núm thịt nhũn nhũn nhọn hoắt ấy tố cáo cái chế độ lao động áp bức và bóc lột ở xứ này: lương ít, làm việc nhiều, không có bảo đảm tính mệnh và tuổi già.

Anh hàng dầu đã rẽ sang một con đường hẹp, con đường về chợ con. Tôi vẫn đi sát anh trong một sự huyên náo như không bao giờ hết. Và khi nghe anh nói xong câu dưới này, tôi liền vỗ mạnh lên vai anh ta và bấu chắc lấy cánh tay trái nổi gân lên của anh.

– Lắm lúc tôi phẫn uất quá, vì tàn tật, vì buôn bán chật vật, toan tự vẫn. Nhưng nghĩ lại, tôi thấy không nên chết như thế. Sống mà làm việc thế nào chả có ngày sung sướng.

Tôi đáp:

– Anh nghĩ phải lắm. Khổ sở mà tự vẫn thật vô nghĩa lý. Phải sống mà làm việc. Nhưng phải làm việc thế nào để cho đời mình tốt đẹp hơn! Chứ anh đã rõ người ta đã phí bao nhiêu sức, nhưng rút cục có được cái gì đâu?

Anh hàng dầu ngẩng phắt đầu lên nhìn tôi. Mày rậm chau lại. Những tia sáng trong mắt càng lấp loáng. Tôi cảm thấy chắc chắn rằng anh sẽ hỏi tôi:

– Vậy phải làm việc như thế nào? Anh nói mau đi.

Lòng tôi phơi phới, tôi riết chặt cánh tay, tôi chỉ chờ anh cất tiếng đoạn là trả lời.

AI DÂN

Báo *Thế giới*, số 3,
15-10-1938.

ÂM THẦM

Túp lều tranh lâu ngày ốm dớ,
Cột kèo xiêu, mái hở tứ tung.
Mỗi khi gió thổi lạnh lùng,
Gian nhà ọp ẹp não nùng khẽ than.
Tám nhân mạng, một gian nhà bé,
Trên giường nằm, dưới để đồ ăn,
Ngổn ngang bừa bãi áo quần,
Trong nhà u uất, âm thầm tanh hôi.
Bọn nghèo đói ở chui ở rúc,
Sáng đi làm từ lúc tinh sương
Tối về đã lặn vầng dương,
Nhọc nhằn vội vã lên giường ngủ ngay.
Họ mong sống qua ngày đoạn tháng,
Còn nghĩ gì hào nhoáng như ai!
Lo sao chặt cái dạ dày,
Cho qua đời sống đọa đày gian nan!
Rồi khi họ đã làm kiệt sức,
Đem thân tàn về túp lều tranh!
Mặc cho thần đói lại hành,
Xuôi tay buông chuỗi ngày xanh hận đời!
Túp lều đó là nơi hang hố,
Chôn những người đau khổ lầm than!
Mây buồn vơ vẩn không gian,
Âm thầm buông bức màn tang lạnh lùng!

TRUNG PHƯƠNG

Báo *Tin tức*, số 43,
ngày 15 – 19–10–1938.

DƯỚI ÁNH TRĂNG THU

Chúng tôi rảo bước trong vườn hoa, lúc bấy giờ đã quá 10 giờ. Trên trời, mặt trăng thu bị đám mây xua che phủ, thả xuống một ánh sáng lờ mờ như muốn chôn cảnh vật trong giấc mơ màng. Bên chúng tôi, mặt nước sông Hương im lìm phản chiếu một bầu trời nhấp nhoáng, thỉnh thoảng, từ xa đưa lại tiếng đờn du dương hòa lẫn với tiếng chèo róc rách của các tao nhân. Con đường chúng tôi đi vụt trước chúng tôi và mãi đằng xa, trong sự bí mật của chân trời mù mịt.

Phải, bạn tôi nói, người đàn bà ở xã hội ngày nay chịu trăm bề trói buộc, trong gia đình thì nào tam tòng, tứ đức, ngoài xã hội thì nam nữ thọ thọ bất thân. Một cái luân lý vị nam khinh nữ khắt khe, độc ác ràng buộc, áp chế, làm cho người đàn bà không còn biết gì đến tự do hạnh phúc, suốt đời hết làm nô bộc cho cha mẹ lại đến làm bu bế cho chồng.

Cũng có đôi người may mắn sinh trưởng ở một hoàn cảnh tốt, hưởng được những tự do như phái râu mày. Nhưng than ôi! Những người đó lại chả ích gì cho nhân quần xã hội. Tránh được sự ràng buộc khắt khe, họ lại sa vào một nơi tự do ích kỷ đầy cả những khoái lạc vật chất đê hèn, đầy cả những dục vọng nhớp dơ! Họ không hiểu rằng cái tự do chân chính, cái hạnh phúc hoàn toàn chỉ có là khi nào mọi người đều có, khi nào cho cái xã hội do một thiểu số phong phú ích kỷ, truỵ lạc này đổ đi, mà một xã hội mới do đa số quản trị thay vào. Họ không hiểu rằng ở xã hội ngày nay, sự giải phóng của cá nhân không thể nào giải quyết được nếu không có sự giải phóng phụ nữ không thể đi riêng vấn đề cải cách triệt để xã hội được.

Vâng, người ta nói rất phải rằng phụ nữ muốn được giải phóng cần phải có chức nghiệp. Nhưng thử hỏi xã hội ngày nay có thể cho phụ nữ, toàn thể phụ nữ công việc làm không? Biết bao đàn ông cường tráng, mạnh bạo, to lớn, thông minh, tài giỏi, những người ấy đâu có phải là những tay ươn hèn, thế mà họ vẫn không tìm ra việc, họ vẫn bị con ma thất nghiệp dày vò xâu xé. Đàn ông mà đã khổ như thế thì đàn bà còn khổ đến mức nào?

Rốt cuộc, cái vấn đề phụ nữ thất nghiệp mà người ta nêu lên cột báo hô hào, cổ động kịch liệt lâu nay chẳng qua chỉ giải quyết được cho một số rất hiếm hoi chị em mà thôi. Mà những chị em đã được may mắn hưởng lạc thú thanh cao, những nhiệm vụ chân chính của mình. Ấy chỉ vì những chị em ấy đã đặt vấn đề phụ nữ một cách cá nhân, hẹp hòi và tách riêng nó với vấn đề cải cách triệt để xã hội.

Không! Ngàn lần không! Xã hội ngày nay mà còn mãi như thế này, với số người cai trị ích kỷ ấy, với một luân lý hẹp hòi ấy, với một kinh tế mâu thuẫn ấy thì phụ nữ không bao giờ được giải phóng hoàn toàn.

Bạn tôi nói một cách hùng hồn, càng nói càng hăng, càng căm tức, thỉnh thoảng lại nhìn đăm đăm vào tôi, như muốn giục tôi, hỏi tôi làm mau một trách nhiệm nặng nề. Bây giờ tôi thấy bạn tôi chẳng phải là một cô tiểu thư lơi lả mơ màng, phong lưu, đài các như mấy năm trước nữa. Bạn tôi trải bao lần gần gũi với những tâm hồn rắn rỏi đã trở thành một phần tử giác ngộ, quả quyết trong hàng quần thoa.

Nhưng bạn tôi càng nói, càng say mê một cảnh cực lạc tương lai, càng xa cách đời thực tế, càng quên cái giai đoạn tiến hóa hiện tại và nhiệm vụ của dân chúng Đông Dương mà bạn tôi là một phần tử mới giác ngộ. Hình như bạn tôi chỉ muốn biết và muốn làm theo ý muốn của mình mà không cần xét đến những điều kiện thực tế. Tôi vội vàng kéo bạn tôi trở lại.

Bạn nghĩ rất phải. Phụ nữ không bao giờ được hoàn toàn hạnh phúc nếu xã hội cứ còn mãi như ngày nay. Nhưng nếu chúng ta đặt vấn đề để giải phóng một cách quá táo bạo, không hợp với trình độ và năng lực của phụ nữ bây giờ thì chúng ta sẽ rước lấy một cuộc thất bại rất đau đớn. Người ta nói rất đúng rằng thất bại là mẹ đẻ thành không, nhưng chúng ta cần phải biết rằng thất bại cũng có lúc là một bước thụt lùi khá dài.

Theo ý tôi, nhiệm vụ hiện tại của chị em không phải là phải thực hiện ngay một cuộc cải cách triệt để xã hội, mà lại là hăng hái tham gia các phong trào đòi những tự do thông thường, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp, v.v...

Những tự do đó là những bước đường trước phải đi để có thể đến những cuộc cải cách rộng rãi khác, những danh từ to lớn mà trống rỗng, những khẩu hiệu rất mau trên đường tiến hóa, hùng hồn mà

không hợp thời mà người ta đem trương ra để tỏ rằng mình là những nhà cách mạng chân chính chẳng qua là để lừa chị em thôi.

Chúng tôi đã thấy có nhiều anh em hiểu rõ thời thế, biết rõ những điều kiện cần yếu tiến hóa của dân chúng Đông Dương trong giờ hiện tại, đã ra tay hô hào lập Mặt trận dân chủ, cổ động liên hiệp các tầng lớp dân chúng, để đòi cho được những tự do rất thông thường ấy. Tiếc thay chủ trương tốt đẹp của anh em cứ gặp mãi sự đón rào, ngăn trở của kẻ tối mù.

Tuy vậy, một chiến thuật đúng và hợp thời, không sớm thì chầy cũng có kết quả như ý. Bằng cớ cho cái kết quả đó, ở Trung Kỳ, chúng ta đã thấy sự liên lạc bền chặt giữa Viện dân biểu và nhân dân.

Nói đến đây, tôi quên lửng đi rằng tôi đã nói hơi nhiều. Trông lại bạn tôi, thấy bạn tôi nhìn tôi một cách cảm phục. Tôi hỏi:

– Thế nào? Bạn đối với ý kiến của tôi thế nào?

Bạn tôi không trả lời gì cả, nhưng cái nụ cười khoái chí của bạn tôi cũng đã trả lời cho tôi một cách đầy đủ rồi.

Trong lúc đó, đám mây che phủ mặt trăng đã biến mất trong không trung để lộ trên bức màn xanh điểm trắng một cái đĩa đồng sáng ngời. Chiếc ghe khi nãy ở ngoài xa, bây giờ đã chèo vào bến, tiếng đờn càng lớn làm rung động cả một bầu không khí im lìm. Con đường chúng tôi đi cũng rõ ràng, sáng sủa hơn xưa.

Chúng tôi bắt tay từ giã.

M. S.

Báo *Dân tiến*, số 2,
10-11-1938.

VÀI MŨI TÊN

NĂM TRƯỚC...

Hoàng hậu đau răng ra Hà Nội để chữa. Một bữa ngài dời gót đến dự tiệc trà do Hội Ánh sáng tổ chức tại hội quán Hội Khai trí tiến đức.

Sau bữa tiệc, ông Nguyễn Tiến Lãng có quì gối nép đầu dâng Hoàng hậu một bó hoa làm cho cả nước xôn xao về cái cử chỉ quá

khúm núm của chàng thanh niên Tây học đã nổi tiếng, đứng chủ phòng báo chí trong Ngự tiền văn phòng.

NĂM SAU...

Ngày 22 tháng 11 năm 1938, người ta đọc trong báo hằng ngày cái tin mừng:

"Vừa rồi Đức Bảo Đại đã hạ sắc lựa ông Nguyễn Tiến Lãng, chủ phòng báo giới trong Ngự tiền văn phòng làm bí thư trưởng của Nam Phương Hoàng hậu. Hiện nay ông Lãng đang hầu Hoàng hậu tại Đà Lạt".

BÂY GIỜ MỚI VỠ LẼ

Rằng nhất cử nhất động của nhà thanh niên thông thái đều suy nghĩ chín và có ý nghĩa sâu xa.

Và hẳn người ta phải ca ngợi nền gia huấn nhà ông thật là tuyệt mỹ...

ĐÍNH CHÍNH LỜI NÓI CỦA QUAN TOÀN QUYỀN BRÊVIÊ

Trong bài diễn văn đọc tại Hội nghị vừa rồi về tình hình báo giới, quan Toàn quyền có khen một số nhiều tờ báo đã hiểu rõ nhiệm vụ thông tin và giáo dục quốc dân của mình. Nhưng ngài vẫn không quên phàn nàn: tuy vậy còn có những tờ báo là KẺ THÙ SỐNG CHẾT của Chính phủ.

Xin đính chính là: "Tuy vậy vẫn có những tờ báo là KẺ THÙ LÂY CHẾT của Chính phủ".. Vì những tờ báo ngài cho là cứng đầu cứng cổ từ xưa đến nay chỉ có bị giết chứ chưa từng giết nổi ai.

Báo *Đời nay*, số 1,
1–12–1938.

MÒ VÀNG

Hôm nay tôi để đồng hồ đánh thức. Đêm qua, gần ngủ, tôi đã vặn thử xem nó có kêu hay không, tôi xiết chặt giây cót, tôi bấm cái hãm xem nó có điều hòa chăng... Thế mà rồi không cần dùng gì đến cả. Tôi đã dậy trước giờ, có lẽ vì linh cảm, có lẽ vì kích thích, có lẽ vì tự kỷ ám thị. Tôi mặc quần áo nhanh hơn ngày thường. Và tôi mở cửa đi, lúc ngày còn yếu hơn đêm nhiều lắm. Trời còn lạnh. Lá bàng chưa điểm nắng vàng, và đường phố chưa mờ cát bụi.

Thế mà tôi vẫn lo mới chết chứ! Rồi hay chưa? Đã hạ màn hay mới bắt đầu diễn. Gầm cầu rẽ sang Hàng Phèn, chạy thẳng Hàng Bồ, thẳng nữa là Hàng Bạc. Phố nào cũng vắng ngắt, thỉnh thoảng bờ hè điểm vài cái xác rũ, đùi kẹp lấy đầu, hai tay bó tròn trên cổ, hay đống chiếu để lòi hai bàn chân ghẻ. Giờ này mới chỉ là giờ hoạt động của năm ba anh bán ba tê, bánh tây...

Đến Hàng Bạc, tôi hãm bước đi từ từ, và cũng chẳng thấy gì cả. Chính nơi này là nơi diễn cái cảnh mà tôi muốn thấy. Coi ngờ ngợ, bước ngược lên nữa, đến giữa phố, đã quá nơi địa điểm người ta dặn tôi, thì đứng lại... Nhưng nhìn ngược nhìn xuôi vẫn chưa thấy gì.

Các cửa hiệu đóng im ỉm, chắc chắn lắm. Ngã tư có một nhóm người, ngủ có, thức có. Vài cái xe tay đi qua, càng thấy rõ sự vắng vẻ. Một cái máy nước hỏng phanh, rong rỏng chảy, tiếng vang lên càng làm cho tôi thấy sự im lìm. Tôi đi nữa, nhưng mà không tín ngưỡng gì hết, vì tôi biết rằng đoạn đường ấy không phải là cái sân khấu mà tôi muốn dừng chân xem xét. Tôi quay lại, cái máy nước vẫn điên cuồng tuôn, tưới ướt vệ đường. Tôi lại gần máy, nơi một anh nhỏ đương lấy nước. Anh này trông mặt chịu nói chuyện, mà cũng không tỏ vẻ đa nghi.

– Anh ơi, người mò vàng đâu nhỉ? Hồi này mà họ chưa ra? Hay là không có? Người ta chưa ra đấy chứ?

– Giờ mà chưa ra. Hay là họ nghỉ hôm nay?

– Không, người ta chưa ra. Mò thì cũng phải sáng mới thấy được.... Gánh nước đầy, anh ta quay vào ngõ Hai Lương. Tôi cũng

không gạ chuyện, cho thế là đủ rồi, đủ lắm rồi. Và vững dạ, tôi đứng giữa đoạn phố ấy, đứng một chỗ bao quát được cả hai đầu. Địa điểm đó chọn rất tốt, dầu ở đằng nào đi lại, người mò vàng cũng không thoát khỏi mắt tôi. Có lẽ tôi nóng ruột, nên chắc mới được một lúc mà tôi đã nhốn nháo, tin rằng người mò vàng không đến nữa. Hay là người nào đi đến tôi cũng chắc là người mò vàng. Một thằng bé cầm cái thúng thưa, tôi cho chính là nó rồi, đích là nó rồi. Nhưng ở ngõ Giêrô ra, nó lại đi ra Hàng Đào, thế thì cố nhiên là không phải.

Rồi đến một người ăn xin chậm chạp đi đến, nhưng hai tay lại đút vào cạp quần, người khom lại... thế thì mò gì? Lại một thằng bé nữa, ăn mày, nó đi gần đến máy nước thì dừng lại rửa mặt.

Mà trời cứ mỗi lúc một sáng thêm. Chột dạ, tôi chờ anh nhỏ khi nẫy ra máy thì chạy ngay lại hỏi, cho ra căn cước người mò vàng.

– Người ấy đàn bà hay đàn ông?

– Đàn ông.

– Sáng ghê rồi mà họ chưa ra...

Sự hoạt động ngoài phố cứ tăng, tăng dần cùng ánh sáng. Một vài nhà nhắc then, đẩy chốt, mở cửa, nhả ra một anh nhỏ đến quét hè sau khi đã vươn vai ngáp một cái hay là vặn mình bẻ xương sống. Hai người cảnh sát dắt xe đạp, từ từ đi cạnh nhau. Ngã tư, ba cái xe tay chụm nhau. Thằng bé bán bánh rán rao to lên. Một gánh phở đến đỗ, đã có một khách hàng. Mà trời cứ sáng mãi rõ ghê rồi.

Thế rồi, cái cảnh ấy diễn ra. Nó càng tự nhiên thì tôi càng kinh ngạc. Nó càng lặng lẽ thì tâm trí tôi càng ồn ào. Nó càng bình thường thì tôi càng chú ý.

Cái người mà tôi chờ đợi, chẳng phải là người mà tôi tưởng tượng ra. Hơn nữa, nó lại khác hẳn. Tôi tưởng họ mặc quần áo rách rưới nâu sồng, thì trái lại, họ mặc quần và áo cánh trắng, trắng tinh. Tôi tưởng họ già nua, lem luốc thì họ là một thanh niên sạch sẽ, hoặc ép rệp, hoặc lười biếng ưa nhàn không có công việc làm nhất định.

Quả có thế thật. Không kèn không trống, anh chàng quần áo sạch sẽ, đi guốc, đầu để rẽ, ở phía nào đi đến không biết. Vì tôi có chú ý đến anh đâu, tôi nhìn đi nơi khác và chú ý vào con người khác, tự nhiên ngồi xụp xuống cửa cống, nhanh nhẹn xắn tay áo lên tận

khỉu thế rồi khom lưng móc cát, móc bùn, lá khô, vỏ chuối, hất nhẹ lên rãnh. Từ dẫy phố bên phải tôi chạy ù sang bên trái, bám chặt lấy mẩu phim quý hóa kỳ dị ấy, không rời nửa bước.

Móc nữa... móc nữa... bùn cả là bùn! Nhưng tự dưng anh chàng như giật mình tay chộp ngay lấy... một viên vàng. Tôi kinh ngạc: A! thế ra họ làm giàu dễ nhỉ! Mặc dầu sự nhiệt thành đó, óc tôi vẫn có chỗ nghi ngờ như óc người mò vàng. Anh chàng dừng tay lại không làm nữa. Lúc ấy tôi tưởng chỉ có thế là hết. Và với sự mò vàng, tôi nuôi một ý tưởng lạc quan lắm... Anh chàng kia đến máy nước rửa tay rồi lên vệ hè ngồi xổm, móc viên vàng ra mài xuống đất, mài cả ánh con mắt của anh, mài cả thính giác, xúc giác của anh, trên mặt xi măng không thấy gì cả, chỉ có một vật trắng. Qua một lần thử thách, viên vàng phải lên một trường khác cao hơn. Anh chàng khẽ để nó dưới gốc, dẫm mạnh một cái nó bẹt ra, có lẽ thật! Có lẽ thật! Đức vua đã thử hoa thơm, đã xem hoa phải chăng là nguyên chất, giờ đến lúc Đức vua phải nhìn hoa tận mắt, để rồi mà khóa vững cửa cung, giữ hoa cho một riêng mình. Chắc chắn lắm rồi, anh chàng bỏ viên vàng vào túi. Rồi bây giờ lại đi tới đám bùn rác đã móc lên còn để đấy. Anh chạy mượn một cái thùng gánh nước của một chị vú béo trắng, hình như đã quen anh lắm... Máy nước vẫn rào rào chảy, anh hứng vội nửa thùng nước đem sang rãnh bên kia, bước vài bước xa lề cống rồi đổ mạnh thùng nước. Bây giờ chúng ta đã vào phạm vi sinh sản với cả phương pháp lạc hậu của nghề mò vàng trên thượng du. Cái rãnh này hóa ra dòng sông Đáy, thùng nước tưới hóa ra một dòng khác. Rơm rác bùn cát là những vật mà con sông lôi kéo đem từ suối đến bể rộng. Và đống bùn cát đã tom góp móc từ dưới cống lên nay đã là lớp cát phù sa có vàng, được con người lọc chọn, có rút tỉa chút kim khí quý hóa ở trong thâm tâm nó.

Lớp cát cao hơn dòng suối một ít. Anh chàng trẻ chắn nước, hất nước lên đống cát, hất vào từng khóm một, cho cát dần dần, nhè nhẹ trôi đi. Và cát cứ trôi đi như vậy lâu lắm, mới để trơ ra một chấm vàng, chấm vàng ấy bị nước tưới vào nữa và vẫn không trôi. Nó vàng và nó nặng, người ta đã có một bảo đảm tối thiểu đó là vàng. Chàng trẻ giơ ngón tay trỏ lên phải chấm lấy, đưa tay trái giữ lấy nó.

Ung dung, điềm đạm, anh chàng vóc nước tát liên tiếp vào đám bùn cát kia. Rãnh quá cạn, thì anh lại lấy nước ở cống hất lên. Cát bé dần, trôi hết, và trên tay anh giơ đã góp được 3 chấm nhỏ: vàng! vàng!

Đoạn cống ấy xong rồi nhé. Anh đứng lên, vẫn đi bên dãy ấy, ngược lên. Rãnh nước từ từ chạy dưới mắt hai chúng tôi, anh chàng thì đi tìm vùng vàng, còn tôi thì đi tìm hành động của chúng ta. Ai cũng gắng tìm và ai cũng mong thấy. Tôi quên nói rằng ngoài tôi và anh, còn 2 đứa trẻ nữa, một trai, một gái, từ khi nẫy cũng gắng theo đuổi xem cuộc mò vàng, xem để mà xem, xem vì đương lúc rảnh, mà có việc để thỏa óc tò mò. Thằng bé hấp tấp quá mà!

Nó chưa chi đã định cướp nghề của chàng trẻ, và không hiểu vào lúc nào, tìm thế nào, nó đã lần được một vụn cũng... vàng! Nó rụt rè đưa cho nhà kỹ sư trẻ tuổi của chúng ta, yêu cầu thí nghiệm. Nhưng chàng trẻ lắc đầu: "Không phải". Thằng bé rút tay lại, khẽ khen "Họ nhìn tài quá nhỉ!" và nếu muốn cướp nghề của người mò vàng, chắc nó bây giờ đã biết rõ ràng còn xơi mới trở nên thiện nghệ...

Anh chàng dừng chân, nhìn một chỗ rãnh vờ thụt xuống, có nước đựng trong lòng. Anh móc qua móc lại, nhưng chẳng tìm thấy gì hết. Lại đi rãnh, lại chạy... Gặp chũm cau, vỏ chuối, lá khô, rác, bã mía, cả một cuộn vàng ngây thơ nằm giữa rãnh không thối mà cũng chẳng có muỗi...

Dẫy bên phải đi đã hết, giờ đã đi sang dẫy bên trái. Dẫy này là dẫy của cái máy nước. Ngọn suối không cần phải gây ra nữa. Đây là đường rừng với thác và ghềnh của nó. Anh chàng cũng lại móc cống, phơi lên nào đá, đá cuội, đá to, nào rác, rơm, vỏ chuối và... cát vàng. Thác chảy mạnh, người tìm vàng làm việc nhanh hơn phen trước, gạt hết đá to, đá cuội, rác rơm, xong rồi anh lại bới cát tìm vàng. Bây giờ, tôi đã hơi quen với nghề, tôi đã có thể để ý nhìn cảnh vật quanh mình. Ánh nắng đã khẽ ngả trên vệ hè, màu vàng nhạt, kéo dài bóng mấy cái đầu... Máy nước đông hơn, đường đông hơn, cửa hiệu đua nhau kẽo kẹt mở, xe tay chạy đông hơn, hàng phở đã nhiều khách. Rồi ánh nắng chạy dần chiếm cả đường nhựa. Người mò vàng đã xong công việc.

Anh sang rửa tay bên máy, kiếm một miếng giấy gói vụn vàng, và sau cùng muốn hưởng cho hết hạnh phúc của cái ngày đại phát tài này, anh móc trong túi cái viên vàng (bây giờ tôi vẫn chưa biết thật hay giả) lại đem ra thử thách, lại máy lại nhìn cho kỹ.

Đó, việc mò vàng ở Hàng Bạc giữa kinh thành Hà Nội là thế. Nó không gọi là một nghề được. Hà Nội chỉ có một chàng trẻ chuyên môn mò vàng kia thôi, hiện giờ chỉ chịu sự cạnh tranh gián đoạn, có

tính chất đùa giỡn hơn là nghiêm trọng của tài vài đứa bé vừa tò tò, vừa thích bắt chước.

Cũng có ngày người mò vàng nghỉ. Thường thì cứ đúng giờ, họ ra móc cống để tìm vàng kiếm chút tiền tiêu.

Vàng ấy ở đâu ra? Nó do những xưởng vàng bạc phố ấy mài dũa, cạo gọt, rơi vụng xuống sân, rồi bị nước rửa ráy kéo tràn ra cống.

Theo lời nhà chuyên nghiệp của chúng ta, thì mỗi ngày sự thu nhập khác nhau lắm, phát tài nhất thì được 2, 3 hào, cũng nhiều ngày chả được gì hết. Tìm tòi như vậy, anh chàng đem về để dành, gom góp kết quả mấy ngày mò mẫm, rồi mới đem đi bán.

Anh chàng nói mình là thợ bạc làm tại gia trong ngõ Hai Cương. Và nhất định thề rằng mò vàng chỉ là một việc phụ "làm chơi" vào buổi sáng, lúc chưa đến giờ làm việc và có bán ra tiền, thì cũng chỉ là kiếm thêm chút đỉnh chẳng ăn thua gì.

HỒNG DIỆN

Báo *Thế giới*, số 5,
1–12–1938.

ƯỚC HẸN

Cầm tay nhau giữa cửa ngục sâu,
Lặng nhìn nhau ước hẹn cùng nhau:
Tôi về trước chuẩn bị cơ sở,
Anh về sau tiếp dẫn phong trào.
Tôi rèn sẵn nghìn thanh kiếm thép,
Anh nhuộm thêm muôn lá cờ đào.
Tôi, anh quyết mở đường đi tới,
Thế giới ngày mai rực ánh sao!

Đông 1938.
(Tạm biệt các đồng chí
Chi bộ Hỏa Lò còn ở lại)
NGUYỄN MẠNH HOA

Tài liệu do tác giả cung cấp.

THEO BÓNG CỜ HỒNG

Từ hôm nay theo bóng cờ hồng!
Muôn dặm trường chinh gót ruổi rong.
Góp sức lực vái trời lấp biển,
Gom công lao chuyển núi dời sông.
Đập tan đế quốc loài hung bạo,
Mở dựng nhân gian cảnh đại đồng.
Hiến trọn cuộc đời cho lý tưởng,
Cho công nông, cho Đảng tiền phong.

18 - 12 - 1938.
(Kỷ niệm ngày tuyên bố
chính thức vào Đảng)
NGUYỄN MẠNH HOA

Tài liệu do tác giả cung cấp.

VỢ KHUYÊN CHỒNG

Đèn dân chủ sáng trong, dọi mắt,
Trống biểu tình réo rắt bên tai.
Cuộc đời sắp sửa đổi thay,
Ngủ làm chi mãi, ô hay, hỡi chồng!
Râu mày cũng gọi đàn ông,
Ăn no ngủ kỹ, chong chong khổ đời.
Tỉnh lên thức dậy, ối trời,
Ngồi lên mà lắng những lời thiếp khuyên.
Kìa trông gương sáng Xô Liên,
Trần gian lại có cõi tiên non bồng.
Phong trào dậy khắp tây đông,
Vô sản chuyên chính công nông đòi quyền.
Thoa quần thức dậy đòi phen,
Lẽ nào còn ngủ cho yên sao đành!
Huống chi xã hội bất bình,
Kẻ ăn không hết, người lần không ra.
Kẻ thì phú quí xa hoa,
Tỉa xương hút máu của ta hàng ngày.
Lại càng áp bức lắm thay,
Chất chồng gánh nặng hai vai dân cày.
Người son phấn, kẻ bùn lầy,
Người sung sướng lắm, kẻ cay đắng nhiều.
Người thời khổ sở trăm chiều,
Kẻ thì sung sướng phong lưu đủ đường.
Canh khuya nghĩ đến đoạn trường,
Muốn sống ta phải tìm đường chàng ơi!

Lợi riêng hãy xếp một nơi,
Hy sinh thân thế với đời bất công.
Cày cho hết giống ăn không,
Bừa cho hết giống bất công, bất bình.
Đào cho hết rễ chiến tranh,
Vun trồng nòi giống văn minh đại đồng.
Đời ta thuận vợ, thuận chồng,
Để ta tát cạn bể Đông phen này.

KHUYẾT DANH

Trích *Lá cờ đảng*,
Ty Văn hóa tỉnh Thanh Hóa
xuất bản, 1957.

MƯỜI THƯƠNG

Một thương cúp tóc đờ mi,
Hai thương sách báo chẳng khi nào rời,
Ba thương ghét bạc, ghét bài,
Bốn thương chẳng thích lạy trời cầu tiên,
Năm thương giác ngộ, bình quyền,
Sáu thương tự ý kết duyên vợ chồng,
Bảy thương bác khước tam tòng,
Tám thương cương quyết một lòng đấu tranh,
Chín thương cố gắng học hành,
Mười thương đoàn kết quyết giành tự do.

Những sự kiện lịch sử
Đảng bộ Thanh Hóa
(1925 – 1945),
Thanh Hóa xuất bản, 1978.

RỦ NHAU CÚP TÓC

Tiểu dẫn. – Trong thời kỳ vận động dân chủ, ở các làng Yên Lộ, Phù Hưng, Ngọc Vực, Long Linh phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa có phong trào vận động phụ nữ cắt tóc ngắn, biểu hiện một cuộc cải cách tiến bộ trong giới phụ nữ. Đồng chí Lê Hồng Quế sáng tác bài thơ để cổ động phong trào phụ nữ hưởng ứng chủ trương này.

Sượng sùng gì, sượng sùng gì,
Chị em ta chẳng sượng sùng gì.
Cúp phăng cái tóc đờ mi cho nó gọn gàng.
Con người ta sạch sẽ là sang.
Tóc dài nhơ nhuốc thì dẫu có hạt vàng cũng cóc ai khen!
Chị em ta quyết chí một phen
Rủ nhau cúp tóc, ta quyết đua chen với bạn râu mày!
Chị em ơi! Tay hãy cầm tay.

12-1938.
LÊ HỒNG QUẾ

Trích *Thơ ca Cách mạng Thanh Hóa (từ 1930 đến 19-8-1945)*, tập I, Ty Văn hóa Thanh Hóa xb, 1969

IV. NĂM 1939

HY VỌNG

Nào, anh em thanh niên!
Cùng nhau ta đứng lên!
Trên con đường tiến hóa,
Ta dấn bước đầu tiên!

Thanh niên, mầm tương lai
Cây xanh của ngày mai,
Hãy biểu dương hy vọng
Bên thế giới, đang phai.

Ngày nay, dầu tối tăm,
Nhưng đến mai, trăng rằm.
Kìa! Mặt trời đã mọc,
Nơi phương Đông, xa xăm.

HỒNG BA

Đông Phương tạp chí,
số 1, 1-1-1939.

GỞI LẠI CHÚT TÌNH

Mình, mình hỡi! Con còn khờ dại,
Này lời ta dặn lại chớ quên:
"Việc nhà toan tính cho yên,
Xin đừng thương nhớ, lo phiền tốn công!
Ta dẫu mắc vào vòng bó buộc
Mà tinh thần vẫn được như xưa.
Đỡ ta trong việc cửa nhà,
Thay lời khuyên nhủ hát mà dạy con!
Dầu hoạn nạn sẵn còn cơ hội
Trong mấy năm chưa vội lo già!
Còn trời còn đất còn ta,
Cái cùm nô lệ ắt là bẻ xong.
Đến khi ấy ắt chồng gặp vợ,
Cha trông con, nhà cửa vui vầy;
Anh em chia cách bấy nay
Đổi ngày ly tán ra ngày đoàn viên.
Lời tâm phúc ta khuyên mình thế!
Đã yêu nhau khá để vào tai!
Côn Lôn mây nước xa vời,
Ta tuy xa cách phương trời cũng cam".

HỒNG BA

Đông Phương tạp chí,
số 1, 1-1-1939.

THẰNG SÁNG MÉO

(Truyện ngắn)

"Nhơn chi sơ, tánh bổn thiện" (Tam tự kinh)

Như cánh bèo giạt, như chiếc lá giữa dòng, thằng Sáng trôi nổi đã gần khắp xứ. Nhưng cây có cội, nước có nguồn, nó lại đáo về đất Vàm Cỏ. Kể cũng là có tình quê cha đất tổ! Lẽ thì nó chỉ là mối khủng khiếp cho vùng nó ở. Người ta tránh nó như bịnh dịch hay như chó dại. Bởi vậy nó lang thang trên các nẻo đường, ngày như đêm, không một ai dám chứa.

Nó dơ bẩn lắm. Mình mặc chiếc áo rộng thùng thình màu cà phê sữa, chắc hẳn hồi mới là áo trắng. Còn cái quần của nó, nó mang mấy tháng nay từ lúc mới xin được, chưa giặt lần nào, nên màu đen trở thành màu xám lợt thấy mà nhờm! Đầu nó chôm bôm in như ổ quạ, tra thêm một bộ mặt bủng beo rất xấu xa. Xấu hơn nữa là cái miệng của nó méo qua một bên. Song nó nổi tiếng cũng nhờ cái miệng đó. Ai trong vùng sông Vàm Cỏ còn không nghe tên Sáng Méo?

Nó mồ côi cha hồi còn nhỏ lắm. Cha nó, một người nghiện rượu, chết vì ma men. Mẹ nó chấp nối lấy người chồng sau rất khó tính, mặt cau có suốt ngày.

Thuở nhỏ nó có đi học. Tên là Sáng mà rất tối dạ. Nhưng sáng suốt thế nào cho được với một khối óc lu đời do người cha nghiện rượu đào tạo ra! Đã vậy nó lại trốn học thường hơn là đến trường, vì nơi trường, cái nghèo kèm với sự học dở làm cho nó bị chúng bạn khinh bỉ và ruồng bỏ như con chiên ghẻ. Chừng thôi học thì dốt vẫn hoàn dốt! Năm ấy nó lên mười hai, mười ba tuổi.

Đến khi nó gặp biến, nhà cửa bị sét đánh đổ nát, các chị nó xuống bịnh thiên thời hết. Cùng thế mẹ nó bỏ xứ theo kế phụ nó đi biệt tích. Từ đấy thằng Sáng khơi sự sống một cuộc đời tinh nghịch, theo đám trẻ "cô hồn" cùng chung cảnh mồ côi với nó.

Trái lại với các cậu em con nhà nền nếp, sang trọng, sáng suốt

như bình pha lê để trên lầu son gác tía đặng hứng lấy giọt sương trời lóng lánh hay chứa thứ nước lọc trong veo, thằng Sáng như ghè đấu xấu xa bỏ nơi xó chợ đặng đựng các món dơ bẩn người ta trút vào. Có ai người quan tâm đến để lau chùi món đồ ngoài xó chợ?

... Sống hoang đàng, nó ăn không có đến no, mặc không được đến ấm, ngủ ở mái hiên hay vệ cầu. "Bụng đói không có lỗ tai" thằng Sáng mới đâm ra ăn cắp.

Lúc đầu thì đi tay con, lần hồi quen nghề nó đứng ra làm đầu đảng, thủ lãnh của đoàn trẻ trong làng.

Rồi đến lúc nó lộng. Phá khuấy từ đầu làng đến cuối chợ thì chưa phỉ, nó sanh thêm tật: ôm gái ngoài đường.

Thế là nó đã lập thành một cái kỷ lục: mười lăm tuổi mà hoàn toàn hoang đàng! Lúc bấy giờ nhà chức trách đã lắm lần bận lòng vì nó rồi, nên một hôm người ta túm cổ nó đi "Ông Yệm" về tội ăn cắp và làm "đồi phong bại tục" ngoài đường.

Ông Yệm! Còn cái vạ ấy nữa. Đưa thằng Sáng vô đó không khác ta ném cây cỏ cả trên đống phân, cỏ ấy càng mau châm rễ, càng mau nhảy con. Thằng Sáng gặp được "miếng đất" của nó! Các tánh tình hung tợn, các tật xấu xa, các đầu óc tối tăm gặp nhau trên "miếng đất" đó. Phương ngôn ta có câu: "Gần mực thì đen", thằng Sáng tập theo ngôn ngữ và tánh nết của các thằng đàn anh nó, không bao lâu đã thành thằng kỳ khôi một trăm phần trăm.

Ấy kìa! Cái thằng dơ bẩn, áo cà phê sữa, đứng tại đầu đàng kia là Sáng Méo, số "1" trong sổ ông Cò về khoản hoang đàng. Năm này nó được 20 tuổi. Sau khi ra khỏi khám ông Yệm, nó sống vất vả trót mấy năm với nghề ăn cắp, hết Sài Gòn đến Nam Vang đâu đâu cũng biết mặt! Nay nó trở về nguyên quán được thêm cái... khùng! Phải chăng vì chịu muôn ngàn nỗi cơ hàn khổ sở, bị đánh đập quá sức nên trí óc nó sanh rối loạn? Phải chăng cái khùng ấy là gia tài thiêng liêng của người cha nghiện rượu để lại cho nó? Điều chắc chắn là chứa nó, quê hương nó rước lấy một mối khủng khiếp cho đàn bà.

Các cô, các bà ra đường thì dòm trước xem sau, lo lo ngại ngại như người buôn thuốc phiện lậu sợ lính nhà đoan, hay như con nít vô tối sợ ông Kẹ. Vì bây giờ nó đã lớn, tánh thú dục sôi nổi lên, sai khiến nó làm cho nó ra lì, mặc dầu bị đánh đau đớn, mặc dầu bị nhốt khám. Cũng có khi nó ôm gái cốt để lấy mấy xu mướn của những

người vô lương tâm. Sau rốt nó lộng quá, nhà chức trách phải cấm không cho nó vô trong thành phố.

... Hôm nay, ngày trong tuần lễ nhi đồng có cuộc diễn thuyết tại nhà công sở về vấn đề giáo dục trẻ con, lính tráng đều bận việc sắp đặt trật tự nhờ vậy thằng Sáng mới len lỏi đến gần các phố.

Ngoài đường thiên hạ tấp nập. Từ nhà quê, các ông khăn đen áo dài bệ vệ, các bà các cô, quần hàng áo lụa trạng hoàng, tay bồng tay dắt các em nhỏ ra chợ, trước nghe diễn thuyết, sau dự cuộc đấu xảo con nít. Những ông trong ban tổ chức "Tuần lễ nhi đồng " rất sung sướng với cái kết quả tốt đẹp của phiên nhóm.

Trong lúc ấy...

Thằng Sáng Méo và vài thằng anh em đứng trong góc đặng chia nhau mấy ổ bánh mì vừa ăn cắp được.

Rồi vài phút sau...

Mấy tiếng la "bớ người ta" nghe inh ỏi. Đám hội xôn xao, ồn ào làm lấp tiếng của một diễn giả.

Thì người ta xúm lại đè một thằng áo cà phê sữa quần xám lợt, dưới đường đá gồ ghề. Những quả đấm, quả thoi rớt như mưa trên mình nó kế bên một thiếu nữ nhà quê mặt xanh như tàu lá, chiếc áo kiểu bèo phéo chơn còn có một chiếc dép cao gót miệng nói đứt đoạn: "nó ôm tôi... nó bó... nó..."

Người ta trói xong tay thằng khốn nạn rồi kéo nó lên, mặt bủng beo của nó, nỗi u nỗi uẩn quần áo tả tơi.

Tiếng của diễn giả từ trên đưa xuống:

– Kéo đầu nó đem vô khám! Đồ khốn!

Rồi dịu lại:

– Thưa quí ông quí bà... con người sinh ra tánh vốn lành mà chính xã hội làm cho con người ra hư hết, xấu xa. Bởi vậy phải lo giáo dục cho đám trẻ lúc còn nhỏ dại. Diễn giả còn nói nhiều về tương lai xã hội, hy vọng đám thanh niên... Khán giả vẫn ồn ào... Thằng Sáng Méo thì đi căng xít căng xuôi giữa hai người và một đám con nít đầu cổ chôm hôm quần áo lấm lem và tả tơi.

CÚC CHI

Đông Phương tạp chí,
số 1, 1-1-1939.

CHẲNG HẸN VỀ

Vách lũng, cột xiêu, kèo long, mái đổ...
Đây là nơi vất vả một gia đình
Như bầy ra bức họa diễn văn minh
Và nhấn chửi bọn người chuyên bóc lột.

Với "đồng lương chết đói" làm ra được,
Mẹ nhọc nhằn nuôi nấng lấy hai con
Trời bốn phương ngày tháng mắt mỏi mòn
Chờ khách quăng mình trong thế cuộc.

Mười năm sau, khách về thăm chốn đó
Hỏi vợ hiền! "Đã hóa nấm mồ xanh!"
Hỏi con trai! – "Ngồi chịu nhục hình!"
Hỏi con gái? – "Bị cầm trong nhà số!"

Người xưa vắng, cảnh xưa thêm quạnh quẽ!
Ôm hận lòng thui thủi khách ra đi;
Và từ đây, thôi chẳng hẹn ngày về,
Lê chân bước, mắt còn hoen ngấn lệ.

NGHỊCH TRÍ

Đông Phương tạp chí,
số 1, 1-1-1939.

PHƯỜNG SỐNG GỬI

Sẵn của tiền nhân bóc lột người,
Sống trên cõi thế, mặc tình chơi,
Học hành cho lắm thêm đau óc!
Làm lụng chi nhiều luống mệt hơi
Trối kệ quốc gia và xã hội,
Mặc ai mẫn thế với ưu thời!
Miễn sao ních cái hầu bao chặt,
Tửu quán, ca lâu cũng thú rồi.

KIM PHONG

Đông Phương tạp chí,
số 1, 1-1-1939.

DƯỚI VÒM TRỜI CÔN LÔN: MỘT LỐI ĂN TẾT KHÁC THƯỜNG

Sau những ngày bằng phẳng, lạnh lùng trong bốn bức tường đá mà con người chỉ sống bằng gạo lứt, khô mục và hy vọng cái thú vị ngày xuân cũng vẫn thấm nhuần đến chốn hải đảo xa xăm. Anh em chúng tôi, bọn tù ở Côn Lôn, thường năm đến ngày Tết cũng tìm đủ mọi cách có thể làm được để tạo ra trong trí những ngày nhịn đói, những trận mưa đòn.

Quanh năm, dầu phải qua bao nhiêu cực hình, bao nhiêu tàn bạo mà bọn cai tù có cái "nhã ý" tặng cho, chúng tôi cũng tổ chức những ngày vui Tết náo nhiệt. Ngoài những cuộc vui khác, tôi không bao giờ quên cuộc biểu diễn rất có giá trị ở banh 1 Côn Lôn năm 1937.

Hồi đó, chúng tôi còn đông người nên mỹ thuật và sáng kiến của chúng tôi rất đáng chú ý. Sau những đêm mồng một, mồng hai, ban kịch "Lao tù" đã trổ hết tài trí để làm vừa lòng khán giả thì đến ngày sau họ đã mệt lử ra rồi. Tuy nhiên còn có một số khán giả chưa được thưởng thức nghệ thuật của tài tử chúng tôi. Để cho họ thiệt thòi, tức là chúng tôi có một số người "thâm thù" đến chết. Cho nên...

Cửa khám vừa mở, tiếng trống cà rùng bên ngoài đã vang dậy. Một con lân nhảy múa giữa sân. Một con lân! Ồ quái lạ! Một con lân của bọn tù bị nhốt đầu là cái thúng rách, mũi mắt bằng giấy ngũ sắc dán vào lưng, một miếng mền sọc và đuôi, một cái đuôi bò chánh hiệu của con bò mới ăn thịt ban mai. Cái con lân kỳ khôi ấy tưởng chừng nó là một vật độc nhất trên đời nên càng diễu võ dương oai giữa sân dưới tiếng trống... xin lỗi! Dưới tiếng lụp bụp của một cái thùng kẽm đựng cơm úp trên chiếc nón rách!

Tiếp đến... một đám người, một đám người ai trông cũng đã hiểu là đại diện cho tất cả các giai cấp, các hạng người trong xã hội.

Đi đầu là một anh gầy gò xanh xao toàn mặc đồ xanh, tay ôm chiếu, chân đi thất thểu, đại diện của tù Sơn La, một bọn chánh trị

phạm đã bị đưa lên trên chốn nước độc ở miền thượng du Bắc Kỳ để rồi chết ở đấy hoặc bị kiết lỵ phù thũng, sốt rét... mà trở về Hà Nội rồi ra Côn Lôn. Một cặp vợ chồng tư bản trong những áo quần lộng lẫy đánh điệu kiêu hãnh, nhìn những anh thợ bọn khố rách quanh mình với cặp mắt khinh bạc tệ! Hai ông bà địa chủ thì bệ vệ quá, ông với cái áo gấm hoa, với chiếc khăn nhiễu, được mấy ông làng vác dù rách, mang guốc mòn đi sau nịnh hót đủ thứ. Một chú khách rất đạo mạo trong bộ quần dài lượt thượt cứ an nhàn kéo cái điếu dài hơn một sải cầm ở tay. Đi kèm với chú săng đá say, một ả xẩm lùn, béo chúc núc đi núng na núng nính làm cho lắm người phải mơ tưởng hão. Còn nhiều cặp khác: công tử bột, tiểu thư tân thời, v.v... cũng không kém đặc sắc. Rồi một đoàn âm nhạc theo sau, cứ thỉnh thoảng lại nổi lên "ò í e" inh ỏi. Lăng xăng bên ngoài, một thằng bé bán báo, một mụ bán bánh cam, một anh bán kẹo, mấy chú lính, một tên ăn mày đeo một tấm bảng sau lưng có một dấu hỏi to tướng! dấu cách mạng (nhưng không có) mà mấy chú lính thì cứ quát nạt tên bán kẹo hoặc mụ bán bánh cam bụng có mang đang cất tiếng đưa duyên mời khách.

Một anh Thổ Cao Miên hô hào An Nam và Thổ đoàn kết. Chú hề, áo quần mày mặt kỳ dị, chân đi cà nhót, tay ôm bàn bóng, chỉ tìm cách trêu ghẹo khán giả phì cười.

Người ta đi xem không thôi. Người ta đây tức bọn tù chính trị chúng tôi và bọn gác dan Tây, Nam, và ngoài cổng mấy chú săng đá già cùng mấy chị bán hàng cũng ghé mặt dòm vào. Anh săng đá già của chúng tôi mặt đỏ ngầu, đầu vẹo chân đứng không vững, ra một chú lính Tây say bí tỉ, cầm chai rượu ra dấu mời các bạn đồng nghiệp bên ngoài. Anh đóng khéo quá, giống quá, khiến các ông bên ngoài hóa ngượng phải lánh mặt. Mấy chị bán bánh cam ngoài cổng còn đang xô nhau nhìn thì bị "mụ đồng nghiệp" trong này rao bỏ vào mặt "Ai mua bánh a... a... an không?" Các thím không soi gương nhưng thấy bộ dạng của mình lộ ra đầy kỳ dị quá nên cũng lủi mất.

Cuộc vui như thế, anh em thường phạm không được ra xem. Lúc tiếng trống, tiếng vỗ tay bên ngoài lọt đến tai họ, họ nổi lên hò la và đập cửa ầm ầm, xếp khám phải cho họ được thỏa mãn.

Dưới những tràng pháo tay vang động, dưới những tiếng hoan hô nhiệt liệt, con lân và đoàn biểu diễn đã làm cho anh em thường phạm được vừa lòng. Đến cuối cùng, muốn để lại một kỷ niệm của ngày xuân, chú hề đem máy ảnh ra chụp. Ảnh chụp liền đem trình

bày giữa đám. Trong bức họa: bò, heo chạy, một anh tù rượt theo cố sức níu đuôi, và trước mặt lủng lẳng một chùm đu đủ rừng và ít con cá khô mục...

Tết qua, thịt bò, thịt heo không có nữa, những vật tàn tệ ấy đang chờ chúng tôi.

Cái kết luận không ngờ ấy đã đập mạnh vào anh em tù thường và trông thấy sự tuyên truyền khéo léo có hiệu lực của chúng tôi, bọn cai ngục cũng ngứa mắt nhưng việc đã xảy ra, không thể làm gì được nữa.

Giờ này, anh em tù chính trị Côn Lôn còn lối vài trăm người bị giam rải rác nhiều nơi đang quằn quại để vật lộn với vi trùng và để chống chọi với những điều tàn ác của bọn chúa ngục. Tết này, anh em sẽ không đủ sức, không còn có cơ hội để vui đùa như những năm xưa. Hay là rồi đây anh em sẽ gượng cười để cùng nhau tưởng tượng mấy lượt xuân qua? Hay là những lúc đêm vắng canh tàn của tiết dương xuân, anh em sẽ cho mộng hồn lướt sóng vượt khơi để cùng hỉ lạc với đồng bào trong đất.

PHÚ HƯƠNG

Đông Phương tạp chí,
số 1, 1-1-1939.

TẾT ĂN MÀY
(Truyện ngắn)

Thương lang thang trên đường ruộng vào làng. Quần áo nó rách tươm. Mặt hốc hác, đôi mắt lờ đờ như buồn ngủ. Cái "nón cời" che đầu nó bơ phờ. Nó nặng nề đi yếu đuối từng bước một. Cặp tay nó đưa tới đưa lui miễn cưỡng và âm thầm như tay con bù nhìn giữ lúa. Chân ốm như sậy không làm theo ý muốn của nó nữa. Nó nhíu mắt, đau đớn há mồm hất ra một tiếng rên mệt nhọc, não nùng. Nó uể oải ngồi xuống bờ cỏ, co chân trái lên nhìn vết thương lở lói. Đã ba ngày rồi nó không xin được cái gì ăn cả. Vào nhà ai họ cũng xô đuổi ra: "Năm mới mà đến xin tru tréo cái gì!". Và mỗi lần nghe câu thoái thác ấy tuôn ra, nó lại lủi thủi cúi đầu đi... Và như thế, đã ba ngày! Ruột nó xốp ve. Xương thịt như run lên vì đói.

Vết lở nơi chân Thương lại đã nhức nhối khó chịu. Lấy hai tay nó nắn chặt cho bớt đau rồi lờ đờ đuổi ba con ruồi ác độc. Hai dòng lệ từ từ lăn trên má nó. Nhìn vết thương nó lại càng thêm uất ức. Nó còn nhớ ngày hôm trước, nó vào một nhà giàu trong làng để xin ăn. Chẳng may lại gặp chiều ba mươi tết, người ta "cữ". Nhưng, với nó, tết có tết! Người ta đã chẳng cho nó thì thôi lại đánh đập nó và suỵt chó đuổi cắn. Cũng vì thế mà thân nó đã đau khổ, đói khó lắm rồi, lại phải "na" thêm một vết thương. Nó còn nhớ, chó đuổi nó chạy và đến khi cạn sức rồi, ngồi lại ôm chân mà rên la một mình. Nhưng may, bữa trước nó còn có sức chớ như đến bây giờ thì đã bị chó "thịt" chết rồi! Người ta đuổi nó ra khỏi làng. Đầu năm ai lại chứa trong làng một đứa ăn xin bẩn cùng như nó! Và nó đi lang thang dẫn xác giữa cánh đồng đầy nước. Ruột "đói nhom". Nó nhìn chung quanh. Không có một thức gì ăn được cả. Mệt nhọc, nó nằm xuống vệ đường xoa chân rên rỉ. Và vì quá mệt, nó lịm đi, ngủ quên khi nào không biết.

Một tràng pháo lốp bốp nổ làm nó giựt mình thức dậy. Nó đưa ngang cánh tay chùi mặt. Lờ đờ nó lần ngồi dậy. Bụng nó lại chọi chói. Nó nhìn trời, từng đám mây đen đuổi nhau. Sợ có mưa, nó đứng dậy rời từng bước một lại nặng nhọc bước đi...

Trước mặt những mái tranh mới mẻ dần dần hiện ra. Nó cố gắng bước nhanh, hy vọng kiếm được miếng ăn. Nhưng lại âm thầm nó sợ sẽ bị đuổi như mấy làng nó vừa đi qua. Nó không tin ở tương lai. Ngày mai của nó chỉ là ngày nay của nó!...

Đường xa, một chiếc xe tay đi lại. Nó lấy nón giơ ra và thảm thiết: "Năm mới, xin mừng tuổi ông". Người đàn ông ngồi trên xe nghiêm khắc nhìn nó, bĩu môi. Chiếc xe rung lục lạc rồi vượt thẳng. Đã "xúi" rồi, nó lại thủng thẳng bước.

Đến đầu làng, một bọn trẻ lụng thụng trong bộ quần áo mới đuổi, chạy nhởn nhơ. Chúng đốt pháo ném vào nhau, khoe với nhau nào áo, nào bánh. Cậu nào cậu ấy hồng hào vui vẻ.

Thương ngồi xuống vệ đường khao khát nhìn bọn trẻ. Nó cố ráng nhớ lại quãng đời của nó. Chao, chưa khi nào Thương được bộ áo đẹp như thế! Nó liếm mép, thèm thuồng xoa tay. Một cậu bé tinh nghịch lén ra sau nó, đốt một trái pháo và ném vào mình nó. Trái pháo nổ. Thương giật mình. Nó hớt hải chồm dậy quên cả mệt mỏi. Tụi trẻ con đua nhau vỗ tay cười. Biết không thể ngồi lâu đấy được. Thương bước nhanh. bộ mặt cau có và sợ hãi. Tụi trẻ đua nhau chạy theo, thi nhau đốt pháo ném vào mình Thương...

Đến gốc đa, Thương đã đuối sức, phải ngồi xuống dựa vào cây để thở. Nó lơ đễnh nhìn vàng bạc, bao hương ngổn ngang trên đầu ông táo, bình vôi. Sao người lại tiêu phí những thứ hoang đường trong khi chúng nó phải lang thang nhịn đói? Nó không hiểu người cũng như không hiểu vì sao chính nó lại bị xua đuổi, ruồng rẫy. Cố ráng sức đứng dậy để đi nhưng không thể được, mà nằm đấy đợi chết hay sao? Mặc, như cái máy, nó duỗi thẳng chân tay, mắt lờ đờ.

Từ xa, một anh cu li xe, dắt xe thủng thỉnh đi lại. Như để đỡ buồn, anh ta lung lay lục lạc. Thương mở mắt nhìn anh xe. Anh xe vẫn mang bộ quần áo rách rưới như ngày thường. Té ra anh xe cũng như nó. Không biết Tết! Nó nhìn anh không nháy mắt.

Anh xe đặt càng xuống lề đường dưới bóng cây và giở thùng xe lấy một gói ra. Anh khoan thai ngồi xuống sàn xe mở gói ra bốc ăn như không biết có ai đang nhìn mình. Thương mới biết đó là gói xôi. Nó thèm lắm mà không thể cất mình dậy được nữa. Nó cố gắng sức rên mạnh... Anh xe quay lại nhìn nó, bộ mặt thảm thiết. Không do dự, Thương chìa tay ra phía anh ta. Anh xe lật đật đứng dậy, đến gần nó. Thương sợ anh ta đánh chăng, nhưng không thể đứng dậy được,

đành nằm ỳ. Đến bên nó, anh xe cúi xuống âu yếm nhìn nó. Thương mừng quá. Chưa khi nào nó thấy cái nhìn ý nghĩa và nhân đạo như thế. Anh xe đặt gói xôi lên đầu một ông táo rồi cúi xuống đỡ Thương ngồi dậy để nó tựa vào gốc cây. Thương chỉ biết nhìn anh cảm động. Xong xuôi anh xe lấy gói xôi đưa cho Thương: "Đây, xôi anh mới xin trong nhà kia. Anh no rồi chỉ ăn cho vui thôi. Em cầm lấy mà ăn cho đỡ đói!."

Chưa khi nào Thương, một thằng ăn mày bơ vơ, lại được người ta săn sóc như thế.

Nó cầm lấy xôi, không nói được một lời, chỉ nhìn anh xe như ngắm một vị thần tiên. Rồi cúi xuống bốc xôi ăn ngon lành, nó nhai nhanh. Lâu ngày miệng nó mới được nhai thức ăn. Nó sung sướng. Anh xe nhìn theo cảm động và sung sướng.

– "Xe", một tiếng kêu lanh lảnh từ xa dội lại. Anh xe lật đật chạy ra, cầm gọng xe, ngơ ngác ngóng. Anh đỡ xe, nói lại mấy tiếng: "Em ăn đi rồi đi xin, vì cúng tạ rồi chắc họ cho nhiều đó". Rồi anh kéo xe, cắm đầu chạy.

Thương nhìn theo anh xe, không một lời, vì yếu quá và sao lời nói như bị nghẹn ngang cổ nó thế? Nó hớn hở lên. Té ra ở đời còn có người biết thương xót nó!...

PHÚ SƠN
(Quy Nhơn)

Đông Phương tạp chí,
số Xuân 1939.

NGÀY XUÂN GIÔNG TỐ

Thanh niên hỡi! Hãy cùng ta chiêm ngắm
Cảnh trời xuân ấm áp, sáng, vui, tươi
Mai khoe xinh bên đào nhoẻn nụ cười,
Lá xanh, nõn, rung rinh phô sắc thắm.
Chim ríu rít trên nhành, ca thú sống...
Ôi! Xuân Tươi! – Nhưng kia, từ chân trời
Mây đen nghịt đang ùn ùn kéo tới
Và gió ru êm bỗng nổi cơn dông...
Thôi! Còn đâu nữa, bao nhiêu xuân, trẻ?!
Nào còn đâu hớn hở, còn đâu vui?!
Mai xác xơ! Chim rã cánh! Đào thui?
Lá nát rụng! Xuân điêu tàn, bi, tẻ!...
Thanh niên hỡi! Với trời xuân, người giống
Chốn nhân gian, ngươi, xuân của con người,
Trước khi già, ngươi đang trẻ đẹp tươi
Dang tay ấp lấy hết nguồn sinh sống
Nhưng, ôi! Bỗng khắp đông tây bom, súng nổ vang...
Bầy trước người cảnh tượng điêu tàn
Hiện trước ngươi những thây nát, hình tan...
Chao! Rùng rợn!... – "Ối, ối tôi đang ham sống!
Chén rượu đời nồng nàn chưa nhấm hết.
Tôi ham vui, tôi ham sống, tôi van!"
Song thần Chiến tranh say máu, mê man,
Gieo ách chết nào đâu thôi mải miết!...
Thanh niên hỡi, xuân này đầy say đắm
Có đưa người lên đến chín tầng mây
Khiến người quên thảm khốc của thường ngày
Thì, này khoan! Hãy cùng ta chiêm ngắm...

HOÀNG LAN

Đông Phương tạp chí,
số Xuân 1939.

NGÀY XUÂN NHỚ BẠN

Pháo nổ tưng bừng đón gió xuân,
Dưới đào, em lẩn bóng bâng khuâng.
Tay vin nhành bích, tay che lệ,
Lóng lánh sương đầm ướt mái khăn.

Gió lướt ngang cành hoa lả tả,
Chạnh lòng em nhớ bạn phiêu lưu.
Bao năm mơ dõi hồn non nước,
Hồ hải khách còn mãi chí cao.

Dạn mặt phong sương nhuộm máu đào,
Lòng đâu còn đượm nỗi thương yêu.
Non sông vui mãi lời hò hẹn,
Có biết người xa tựa.gốc đào.

Nhìn đóa hoa cười với gió đông,
Nhìn đôi uyên liệng bóng mây hồng.
Nhìn ai âu yếm xuân nồng thắm,
Ứa lệ thương thân chịu lạnh lùng.

Giọt lệ đầu tiên đẫm má hồng,
Từ khi ôm ấp mối thương lòng.
Bạn ơi, mây nước dừng chân lại,
Ngăn hố tim ai lớp sóng bồng.

Đau lòng vì nghĩa cố quên nhau,
Khổ nỗi thời gian khó lấp sâu.
Đã quyết không mong ngày hội họp,
Mà tình thương nhớ có nguôi đâu.

TH.T

Đông Phương tạp chí,
số Xuân 1939.

THẲNG TIẾN

(Điệu hát "anh khóa")

(Tặng các bạn thanh niên, nam, nữ)

Này, anh chị em ơi! Tiếng pháo chào xuân đương nổ vang trời,
Như kích thích anh chị em giác ngộ trong đời, ta bước mau.
Cuộc chiến tranh đã tràn ngấm khắp năm châu.
Thế mà ta vẫn còn lận đận, chưa đến cầu "tự do",
Này, chị em ơi! Nếu ta cứ yên ngồi thì ai đem hạnh phúc lại cho?

Phải cùng nhau đoàn kết mới có cơ thêm được lợi quyền.
Anh em chẳng trông kìa, quần chúng Xô Liên,
Tự do, cơm áo, bình quyền có sướng hay không?
Này, anh chị em ơi! Bọn phát xít hung tàn đàn áp tấn công,
Nhưng ta khéo cùng nhau kết chặt hàng ngũ cũng chẳng hòng xâu xé được ta.
Chúng rất mực khôn ngoan: khẩu phật tâm xà,
Chiến tranh chưa dập tắt, chúng lại kêu la châm ngòi,
Này, chị em ơi! Ta hãy thẳng tay lột mặt bọn sâu, giòi,
Cùng những quân phản động, ta gạt ra ngoài hàng ngũ bình dân
Tay cầm tay, ta gắng chí, nhanh chân,
Con đường hạnh phúc cũng gần như chẳng xa chi
Này, anh chị em ơi! *"Hòa bình, áo mặc, bánh mì"*
Lao công Anh, Pháp đã đề xướng thì còn gì ta chẳng họa theo?
Dẫu khó khăn chật vật trăm chiều
Nhưng đến khi thực hiện được ba điều ấy chẳng lâu la.
Này, anh chị em ơi! Tiến mau lên!
Ta tiến mãi, tiến hoài...!
Ngày xuân ta chẳng nghỉ, đường dài ta chẳng ngại ngùng xa.
Cảnh "ĐẠI ĐỒNG" kia ta thấy được mới là,
Lương tâm ta chẳng thẹn tiếng con nhà chiến sĩ Việt Nam.

NGUYỄN ĐÌNH LÂM

Tập sách Thanh niên,
Xuân 1939.

NGÀY XUÂN DỪNG BƯỚC

Tết đến với hoa đỏ thắm,
Với nhành mai như tuyết dưới trăng;
Tết đến với cặp môi cười say đắm,
Với sóng trào hồi hộp của lòng.

Dừng bước cả. Chân thanh niên dừng bước,
Óc thanh niên lặng nghỉ dưới trời xanh.
Mắt vui ngắm bóng đào soi vệ nước,
Và tiếng cười liên tiếp chạy chung quanh...

Tết. Thanh niên mặc dâm thần rú rít,
Bốn đồng tiền uổng sức réo thanh niên,
Họ mặc khói phù dung nâng cao tít
Và rượu đào trên thảm chảy triền miên...

Ghép hàng lại, tươi cười nhưng mạnh mẽ
Đếm năm qua tranh đấu đã bao lần,
Đếm hàng ngũ được còn bao bạn trẻ,
Đếm rõ xem trách nhiệm rõ bao phần.

Họ ôn lại những ngày hồi hộp cũ
Và rút dần kinh nghiệm của năm qua
Rồi cảm động cúi đầu, không nói nữa
Nghĩ đến Tàu và dân chúng Tây Ban Nha...

Hiệp nhất họ thấy rằng: Tết đó
Đã nghỉ chân, và đã điểm khả năng,
Rồi vươn dậy, ngắm trời tươi đỏ
Như khối đồng, hàng trẻ bước phăng phăng...

T.K.

Tập sách Thanh niên,
Xuân 1939.

TÁO QUÂN

(Sớ của Táo Công dâng Ngọc Hoàng thượng đế)

Hăm ba tết, lên chầu Thượng đế,
Trong sớ này xin kể đầu đuôi.
Bấy lâu thần trấn dưới đời
Một năm quan sát hơn mười năm nghe
Nhớ thuở trước, xuân về cung điện
Bên thiên hoàng nghe chuyện bông lông
Những lời báo cáo, có không
Tấm lòng tư vị táo ông vị giùm
Đen nói trắng, còn nâu nói đỏ
Gạt thiên hoàng, bênh lũ "cá trê"
Ngày nay thần xuống đã về...
Điều tra đã rõ, thống kê đã rành
"Thiệt danh chúng nào danh phải cá!"
Tờrốtky chính gã là tên!
Theo đuổi một bọn nhát hèn
Xuống trần phá hoại lợi quyền của dân
Trong trăm việc, xa gần tổ chức
Có ít nhiều tánh chất bình dân!
Chúng liền nhẹ gót chen chân
Chen vào cho được, phá lần cho hư
Công trình vậy, sống nhờ đế quốc
Đời Hán gian, nhơ nhuốc cả đời
Quản chi người chưởi kẻ cười
Mọp mình bợ đít, mê mùi vinh hoa
Xin Thượng đế nghe qua đây rõ:
Năm, ba "ca" ví dụ rất công
Như cùng thống trị mưu đồng
Phá người cộng sản, hại công, nông, bần
Thấy tờ báo bình dân tấn bước,
Chúng mưu mô, giết được mới nghe.
Lê Hoàng bị xỏ mũi dê,
Phổ thông bị cướp ai nghe cũng nhờn.
Ngao ngán nỗi còn mơn mởn sức

Mỗi tuần ra binh vực quốc dân
Mười ngàn độc giả xa gần
Nghe tin bị cướp gan bầm hăm he
Người muốn giết "cá chê" phản động
Kẻ nghĩ ngầm, nuốt sống Lê Hoàng
Điều đình hết sức mới an
Hú hồn cho bọn Hán gian đê hèn,
Tha thứ vậy, chúng quen được lướt
Hồi tháng năm mồng một năm nay,
Chúng càng hăng hái ra tay
Nội công ngoại kích, một loài chó săn
Phá tổ chức thợ Nam, thợ Pháp
Cuộc mít tinh to tát chúng thêm
Chun vô xã hội pha gièm
Quyết lòng chia rẽ thợ thuyền Pháp Nam
Một tuần chẵn, chúng làm đủ cách
Khiêu khích rồi, bịa đặt vu oan
Như ai có kể bọn tham
Bể Đông xe cát, giã tràng công không
Cuộc mít tinh thành công rực rỡ
Hơn ba ngàn nam nữ tham gia
Công trình vĩ đại dân ta
Dở dang vô sản nước nhà tấn công.

*

*   *

Cuộc thất bại vô cùng kinh nghiệm
Thế mà không, chúng cũng không ghê,
Nên kỳ mười bốn "ruy rê" (juillet)
Chúng còn phá hoại mưu kia há nầy
Cũng vì chúng, nên ngầy hôm ấy
Cuộc mít tinh thất bại không thành
Dơ thay cái lũ ma ranh!
Mình đâu chúng cũng quấn quanh theo mình.
May, quần chúng cũng rành mưu chúng
Nên hằng ngày vận động không cùng
Gặp đâu vạch mặt ra ngay

Phong trào cách mạng nhờ vầy được an
Đây luôn dịp, kể sang hàng tháng
Cuộc đình công hàng tháng duy trì
Mặc dầu hoạt động trốtky
Chúng phá hoại theo phe chủ quyền
Lực lượng lớn thợ thuyền vẫn thắng
Giải đồng tâm thật đáng khen thay
Làm cho thống trị co tay
Làm cho bọn chủ nuốt cay đầu hàng

*
* *

Một lần nữa, rõ ràng đại thắng
Khắp nơi nơi vô sản đều hơn
Xa gần thành thị quê thôn
Phong trào quần chúng dập dồn lạc quan
Thế mới biết thời gian đã đổi
Trăm phần trăm xã hội bình dân
Cõi đời này đã canh tân
Người người giác ngộ biết câu lợi quyền
Bọn đế quốc, chế chuyên phong kiến
Tàn tích xưa muốn diễn lại lần
Nhưng làm sao được với dân
Dân rày lực lượng mười phân vẹn mười
Trừ những bọn tanh hôi phản động
Nếu thiên công giết sống chúng đi
Giết luôn cả lũ trốtky
Giúp nền cách mạng dựng bia hòa bình
Được như vậy dân sinh hết đói
Giai cấp không, xã hội đại đồng
Nói chưa dứt, trời đùng đùng giận
Đuổi Táo Công, rồi phán bãi trào
Mới hay trên cõi Nam Tào
Cũng còn phát xít đồng bào "trốtky"
Ước gì dịch tả giết đi!

Báo *Dân chúng*,
số Xuân 1939.

NGÀY XUÂN CẢM HỨNG

Chúa xuân đến, cảnh trời xuân tươi tốt,
Khắp trăm hoa hớn hở với ngày xuân.
Nở một nụ cười đón rước khách tân nhân,
Mừng xiết kể, hoa với xuân vui có một.

Những nỗi đoạn trường não nuột,
Với ngày xuân rốt cuộc cũng tiêu tan.
Kia những ai đau đớn tâm can,
Thấy xuân, hết chứa chan sầu tủi.

Muốn đem tâm hồn trao gửi
Cho chúa xuân để hưởng mối vui chung.
Nhưng hỡi ôi! Xuân chẳng chịu lòng.
Lãnh đạm cùng ta không quyến luyến.

Quyến luyến chi mình kẻ nhát gan,
Vì đời chênh lệch kẻ nghèo, sang.
Bao nhiêu cảnh đẹp ngày xuân đó,
Chưa phải phần chung của thế gian

Chưa phải phần chung của thế gian
Chỉ dành riêng để bọn giàu sang
Ăn chơi chi phí, tiền quăng cửa
Đổ điếm, tiêu pha bạc liệng đàng
Nói đến ích chung lòng vị kỷ
Bàn sang quyền lợi tính tham lam
Những phường bóc lột công nhân ấy
Là ký sanh trùng của thế gian.

Thế gian đang giữa cảnh trời xuân
Hớn hở trăm hoa sắc thắm nhuần
Nhưng giữa cảnh trời vui thú ấy
Tiếng than đâu bỗng, bỗng xa ngân

Xa ngân, ngân mãi, mãi không thôi
Khiến nỗi lòng ta những ngậm ngùi
Thương kẻ suốt đời thân vất vả
Mà xuân kia đến cũng không vui.

Bao nhiêu nước mắt mồ hôi,
Làm cho chúng hưởng thật đời ngựa trâu.
Trông càng nghĩ, nghĩ càng đau,
Cảnh xuân càng thú ta sầu bấy nhiêu.
Tấm thân cơ cực trăm điều,
Sáng ngày khó nhọc, tối, chiều không an.
Kìa ai sống cách thanh nhàn.
Mà sao bạc triệu, bạc ngàn trong tay?
Phải chăng tiền kiếp chi đây?
Xui nên đến nỗi nước này tại ai?
Suy cho kỹ, nghĩ cho dai,
Mới hay không phải như lời nói trên.
Thật ra chỉ một căn nguyên,
Kẻ kia bóc lột người yên phận hèn.
Mau mau ta hãy đứng lên,
Đừng than, đừng khóc, đừng phiền uổng công.
Cùng nhau hiệp lực tâm đồng,
Phá tan chế độ bất công cho rồi.

Có thay hẳn cuộc đời hiện tại
Để gây nên một xã hội công bình
Không kẻ giàu, người khó đãi khinh
Và của cải, của chung cho nhân loại,
Có như thế lòng xuân ta mới toại,
Và thú xuân mới thật thú vui chung,
Ta ước ao cho tất cả cõi lòng,
Khỏi sầu khổ khi chúa xuân đã lại.

BẮC VŨ

Báo *Lao động*.
Xuân 1939.

MẶT NẠ ĐẾ QUỐC

Nào đâu nhân loại với nhân quyền?
Đế quốc quân này chỉ xỏ xiên!
Mượn tiếng văn minh đi cướp đất,
Nêu danh khai hóa để bòn tiền!
Thị trường sẵn có còn cạnh tranh
Thuộc địa dẫu nghèo cũng ghét ghen.
Chính sách mải quen bài phỉnh gạt,
Bao lần mặt nạ đã bêu lên.

HỒNG BA

Đông Phương tạp chí,
số 2, 15-1-1939.

MẶT TRỜI MỌC PHƯƠNG TÂY

Ngàn xưa chỉ một thái dương
Cõi đời u tối không lường sáng soi,
Nhưng nay cuộc thế đổi đời,
Xô Liên là ánh mặt trời rọi ta.
Năm châu bốn bể một nhà
Tắm chung dưới ánh sáng lòa trời Tây
Nào dân thợ nào dân cày!
Gội nhớ muôn thủa, đổi thay một thời!
Cùng nhau sống kiếp thảnh thơi.

KIM PHONG

Đông Phương tạp chí,
số 2, 15-1-1939.

MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH

(Truyện ngắn)

Năm 193... tôi và người bạn bị giải xuống một tỉnh miệt Hậu Giang để trả lời về một vụ âm mưu phá rối trị an, trước tòa nơi ấy.

Ở tù Khám Lớn lâu ngày, bước chân ra đường, chúng tôi vui thích như trẻ con đi dạo ngày Chúa nhựt vì tay mặt người này dính lẹo với tay trái người kia. Song cái còng và chú lính khố xanh mang súng đi theo sau không cản trở chúng tôi thưởng thức cảnh Sài Gòn buổi khuya.

Cái gì cũng mới lạ. Đây là một tiệm cà phê mới mở. Nó là những chiếc ô tô nhóc nhách hành khách. Tất cả xôn xao rộn rực dưới những ngọn đèn điện sáng choang, dọi vào mặt dạ khách bần sừ bởi một đêm khoái lạc và người lao động mệt mỏi bắt đầu làm việc canh khuya, trên mặt còn dấu vết của giấc ngủ ngon riêng dành cho người sung sướng thức khuya dậy sớm.

Xe kéo, im lặng bò trên đường và lẩn khuất trong màn đêm. Xe đạp bóp chuông leng keng, xe thổ mộ chạy khua lục lạc rộn ràng, tất cả chìm đắm trong sự lờ mờ, như bị tối tăm hút mất.

Dậy khuya, kiến cắn bụng.

Chú mã tà có lẽ cũng đồng cảnh ấy nên chú chạy lại hỏi tôi cách kín đáo:

– Tụi bây đứa nào có xu không?

Nghĩa là hỏi để buộc chúng tôi đền ơn về sự tử tế về sau, tôi đáp:

– Chi vậy?

– Có đưa đây tao mua bánh cho ăn.

– Tụi tôi không có một chinh tây.

– Vậy khi bây nhịn ăn. Tao không có đủ tiền cho bây.

Chú nói thật không nói ngoa. Mặt mày hiền lành của chú cũng đủ chứng rõ lời nói này. Vả lại trong bộ y phục vàng lợt, trễ đen,

cẳng chưn dốm hớm, đống khõm của chú cũng thấy rõ rằng chú không hơn chúng tôi. Lương mỗi tháng chú chẳng được chục bạc, mỗi lần đi giải tội, chú phải tiền góp để đem theo ăn dọc đường, thì làm gì chú có tiền mà bao cho tù được.

Nhưng chú vẫn dắt chúng tôi vô chợ. Bọn bán bánh mì ba tê lúm xúm giành giật chung quanh người bán rồi để được đếm trước đi bán cho sớm. Chú lính dặn chúng tôi:

– Bây là tù tội đừng có đứng gần hàng bánh của người ta. Sáng chưa bán mở hàng, người ta rủa bây chết.

Tôi nhìn lại bộ cánh của chúng tôi. Thật không đáng nửa xu. Hèn gì chú lính bảo mình đừng gieo xui cho thiên hạ cũng phải. Y phục nhiễu đen của tôi, chà lết một tháng mấy lần ở Sở Mật thám đã rượu rượu muốn rách nát. Dồn vô hộp trong kho khám lớn mấy tháng trường, nó lăn nhăn hôi mùi mốc mốc. Tưởng tượng một bộ quần áo bị mặc một tháng rưỡi mà lại không giặt rồi vò cục lại để một đống đến nửa năm sau đem ra bận lại, thì người ta có thể nhận được cái hôi của nó đi xa đến mấy thước tây. Nói không giặt lần nào trong thời gian ở bót mật thám thành ra nói dóc. Sự thật, nó được giặt một lần. Số là hôm ấy, ông Cò lấy ăng kết tôi như mọi khi. Ông thì ngồi ở bàn viết. Còn tôi, người thông ngôn và người lính kín phụ sự đứng bên cạnh. Tôi đứng khoanh tay chăm chú trả lời ông. Bỗng tôi thấy ông hỉnh mũi, ngước mặt lên phía tôi. Tôi run sợ không hiểu chuyện gì. Ông trăm một câu tiếng Pháp. Thày thông ngôn dịch bảo người lính kín:

– Đem nó đi tắm, nó hôi quá, ông làm ăng kết không được.

Bữa đó tôi giặt được y phục, và kỳ mình mẩy, đất ra cả cục. Rồi từ ấy nhẫn nay, bộ quần áo nhiễu đen không gặp nước lần nào nữa. Trông bạn tôi cũng không khác gì tôi. Bộ quần áo trắng của anh bèo nhèo lốm đốm đen nay đã hóa vàng. Điều lạ là tôi không thấy tôi hôi gì nữa hết. Cho hay giác quan của mình nó cũng trở nên quen lần với những cái hôi thúi của mình.

Hai đứa đã bần cùng, thảm hại thế ấy, lại thêm là tù, bảo sao chú lính không dặn dò cẩn thận về sự đụng chạm với người ở thế gian, họ không phải là tù.

Hai dẫy dài những thúng ấy bán đủ các thứ: xôi, bánh bò, bánh bèo, bánh ếch, xôi vị. Chỉ có thiếu tiền. Bụng dạ trống trơn mà rờ túi cũng trống rỗng.

Bi quan, chúng tôi nhìn bánh: dính nẹo nhau, nối gót chú lính.

Chú vừa đi vừa lựa, vừa dặn chừng:

– Bây đừng đứng gần hàng người ta!

Rồi chú dừng chân trước thúng xôi còn hơi lên ngui ngút.

– Bán hai xu!

Dì bán bánh ngước lên, rồi vừa xới xôi:

– Chú mở hàng tôi bán rẻ.

Chú lính cười duyên:

– Tôi mở hàng cho ai, họ bán cũng như tôm tươi.

– Mùa này đâu có tôm tươi.

– Thì nói bán đắt vậy mà.

Dì bán xôi bỗng thấy chúng tôi núp sau lưng chú lính:

– Còn hai chú kia không mua ăn?

Tôi giơ tay lên, kéo luôn tay bạn tôi, đưa miếng sắt dẹp, gọi là cái còng:

– Không xu bà ơi!

Bà nhìn chòng chọc chúng tôi một hồi, rồi không biết bà nghĩ sao, bà gói cho chúng tôi hai gói xôi to tướng, bằng rưỡi gói của chú lính.

Xe ôtô hàng đã chật ních. Nhưng vừa thấy chúng tôi đến, có lẽ gớm ghiếc thân phận tù, có lẽ chịu không nổi mùi hôi tanh của quần áo chúng tôi, và có lẽ cũng kính trọng sắc phục và cây súng của chú lính, hành khách xích ra một bên, chừa một chỗ trống khá rộng. Sau một hồi thúc giục của hành khách, xe bắt đầu chạy. Cho đỡ tốn hơi điện, ngọn đèn độc nhất ở giữa xe vùng tắt. Trong bóng tối, con mèo nào cũng là đen. Tôi có cảm giác rằng mình đang đi du lịch ở lục tỉnh. Chạy ngang những ngọn đèn theo đường, thừa ánh nó, tôi mới nhìn hành khách đi chung xe. Một bà già với đứa nhỏ, một chú khách mặc áo dầu, bọn bán cá mục, một nhà sư và sau rốt một tiểu thơ tân thời, xức dầu thơm, thơm phức cả xe. Đàng trước ở mấy băng kia, lô nhô những người ta mà, vì tối quá, chúng tôi không nhận được ai.

Mở gói xôi, chúng tôi ăn, khổ là lúc tôi đưa tay lên miệng thì bạn tôi cũng phải theo cái còng đong đưa tay theo. Tôi bèn định được mẹo

hay là hai đứa cùng nắm gói xôi ở bên phía còng để cho tay kia tự do hoạt động.

Trời lần lần sáng. Ngoài xa mút mắt, đồng ruộng hiện thâm thấm đến chân trời, trâm bầu lờ mờ trong khoảng sương mù. Cô tân thời ăn bánh mì lạp xưởng. Chú lính cho chúng tôi mỗi đứa một điếu thuốc tây. Xe chạy thoáng thoát, gió đập vào mặt, dựng tóc lên, làm rát nơi da.

Nhìn phong cảnh mãn nhãn chúng tôi mới để ý đến câu chuyện người ta nói tiếng được tiếng mất trong xe. Chẩm bẩm ngó tôi, rồi bà lão hỏi:

– Chú em tội gì mà mang xiềng xích? Trông mặt chú em là người lương thiện.

– Dạ thưa bà, tội cộng sản.

– À, hèn gì!

Bà lật đật mở gói trầu ra lấy trong đó một đồng bạc. Rồi đăm đăm nhìn mặt trời mới mọc lên đỏ ửng một góc trời, bà nói, xa xôi:

– Cháu tôi ở đảo Côn Lôn đã ba năm rồi.

– Thưa bà anh ấy tội gì?

– Cũng cộng sản như chú em.

– Mấy năm tù?

– Năm năm.

Nhìn chúng tôi một lượt nữa, bà nói với hành khách:

– Đó trông họ người nào cũng lương thiện như vậy hết. Đời này làm lành thường gặp việc chẳng lành...

Tôi cảm ơn bà và trả đồng bạc lại bà. Bà khoát tay:

– Cứ việc lấy đi, đừng làm tôi buồn.

– Người mắc nạn được thiên hạ giúp, sợ gì mà chẳng nhận? Cô tiểu thư xen vào.

– Mấy anh ở ngoài làm gì?

– Dạ, tôi là dân cày.

– Ở đâu?

– Dạ, ở Cao Lãnh.

Cô móc bóp cho chúng tôi đồng bạc nữa. Bạn tôi nói nhỏ:

– Thế này, mình giàu to.

Mặt trời lên cao.

Xe đã đến bến Mỹ Thuận.

Qua bạc, giữa sông mênh mông, làn sóng nhấp nhô bởi luồng gió chướng. Nhìn tận chân trời, mấy chiếc thuyền lướt sóng. Chúng tôi thèm muốn cảnh tự do của con chim con cá. Tự do của loài thú có ý vị hơn tự do của loài người quanh chúng tôi hiện thời. Biết đâu giữa chú lính và chúng tôi bây giờ, chúng tôi đang tự do hơn chú, tuy chúng tôi mang còng.

Chiếc xe đò nặng nề lên cầu dài thượt và hẹp tê của Mỹ Thuận. Cà lựt một lúc, nó bèn tắt máy ăn banh.

Thôi vô nhà ngồi đỗ để đục nắng vì mặt trời đã lên cao nghêu. Hành khách xúm xít bao quanh các anh lơ đang hè hụi sửa máy.

Chú lính thở phì ra một cái, uể oải cởi cây súng dựng vào tường nhà, ngồi phịch xuống băng với chúng tôi, rồi lấy cái khăn mùi soa trắng đã trổ đen ra mà lau mồ hôi. Không biết nói chuyện với ai, vì với người trong xe, lính cũng như tù, chú phải hỏi chúng tôi cho có chừng.

– Bay đói bụng chưa?

Không đợi trả lời chú tiếp:

– Mẹ cha cây súng nặng quá!

– Từ hồi giải tội tới giờ, chú có dùng nó lần nào chưa? Bạn tôi vội hỏi!

Có nhiều chuyện mình chẳng nên động đến. Nó cũng như là một yếu điểm trong sự giao thiệp. Mình phải tránh nó. Vì nói tới nó tức là khêu gợi cả những phận sự, nỗi tỵ hiềm giữa hai bên.

Quả một câu hỏi ngẫu nhiên của bạn tôi lọt vào một không khí nặng nề nghi kỵ. Nhìn chúng tôi bằng hai con mắt lãnh đạm, chú hỏi:

– Bộ tụi bay tính trốn sao? Đứa nào thử chạy đi, chừng ba trăm thước rồi tao lảy cò bây cũng chết cha.

– Mà hễ tù chạy luôn được thì chết cha chú lính.

Một tiếng cười ròn giã, theo sau câu đáp có ý vị mà chúng tôi không bao giờ thốt ra.

Người nói là một anh lính mã tà lãnh vai cảnh sát còn trẻ tuổi. Miếng băng tam sắc đeo nơi tay chỉ rõ phận sự của anh. Ở tỉnh, lính khố xanh có hai ngạch: ngạch mã tà và bố lích.

Ngạch sau này lo việc canh gác trong thành phố. Họ có đeo miếng băng tam tài để phân biệt với hạng kia.

Anh lính trẻ tuổi tươi cười, bắt tay đồng nghiệp:

– Ở đâu? Giải đi đâu?

– Ở Sài Gòn giải về Hậu Giang... Chú lính của chúng tôi đáp.

Anh lính nhỏ ngó chúng tôi, đôi mắt sáng quắc.

– Tội gì?

– Cộng sản.

Giả vờ không lưu tâm đến chúng tôi, anh quay qua nói chuyện xăn xái với đồng nghiệp mà anh không quen biết.

Còn tôi, tôi đang suy nghĩ lục lại trong trí nhớ cái tuồng mặt người lính trẻ trung thoạt tiên đã gợi trong đầu óc tôi một kỷ niệm xa xăm lờ mờ và lộn xộn. Cái tướng đi chững chạc, vạm vỡ, cái miệng cười nở hai đồng tiền hai bên má làm cho tôi nhớ mang máng rằng anh lính này không lạ với tôi. Nhưng cau mặt cố tìm lại hình ảnh của anh ta trong dĩ vãng, tôi bực tức mà không nhận được anh là ai.

Nói cà kê dê ngỗng với chú lính giải chúng tôi một hồi, anh bỗng nói:

– Chú làm ơn cho phép tôi nói chuyện với hai người tội này một chút.

– Được, cứ việc đi mà!

Anh bấm tay bảo chúng tôi ra sau hè nào đó. Nơi đó vắng vẻ, không ai trông thấy chúng tôi được. Anh vùng ôm chúng tôi nước mắt ràn rụa tuồng như xối:

– Làm sao mà bị bắt! Làm sao mà phải bị đi xử lại? Tội nặng, nhẹ?

Anh ôm chúng tôi thật mạnh và lấy tay đập vào ngực cả ba: Trong ngực này một trái tim cùng đập ăn nhịp với trái tim anh em, anh em có hiểu cái khổ tâm của tôi phải mang sắc phục này chăng? Rồi anh nức nở khóc.

Ngơ ngác, chúng tôi nhìn anh không lời gì đáp lại.

Anh móc bóp phơi đưa cho chúng tôi hai đồng bạc. Tôi khoát tay từ chối.

Anh nhét mạnh hai tấm giấy bạc vô túi tôi. Chúng tôi trở vô nhà đó.

Xe ôtô sửa máy đã xong. Anh bắt tay chú lính kia, gởi gấm chúng tôi vài lời rồi xây lưng mạnh dạn đi ra đường, làm phận sự.

Lên xe chú lính công sai hỏi tôi:

– Thằng ấy có quen với mày?

Tôi lắc đầu vì đột nhiên mới tìm ra gốc anh lính trẻ tuổi.

Trong lúc xe chạy vùn vụt trên đường nhựa, tôi nhớ đến một bạn tôi, anh Cừ, người đã cùng tôi bị tù ở Khám Lớn và đã chết cách tức tưởi sau khi được tha về cố hương. Anh thường nói với tôi rằng anh có người em ruột giống anh như hệt. Người ấy hẳn là anh lính trẻ tuổi khi nãy. Nên gặp chúng tôi, anh nhớ đến người anh ruột, tình huynh đệ đã làm cho anh mủi lòng thương đến chúng tôi tù tội. Hay là người anh bạc phước kia đã từng cảm hóa được đứa em thơ, dìu dắt nó vào con đường chính đáng mà anh đã hùng dũng hy sinh!

ĐẶNG LỆ

Đông Phương tạp chí,
số 2, 15–1–1939.

TIẾNG GỌI

(Truyện ngắn)

Tôi tiếp được thơ anh C. lúc 6 giờ. Mở ra xem, chỉ vẻn vẹn có một câu. Anh mời tôi đến 8 giờ lên nhà anh có chuyện cần. Giọng thơ không có chi lạ. Nhưng nét chữ rung rung làm tôi suy nghĩ.

Anh C. ra làm việc đời với lòng sốt sắng có một không hai. Hy sinh, thích hoạt động, lúc nào tôi cũng cho anh là một người khuôn mẫu. Tuồng chữ yếu ớt hôm nay không còn ăn nhịp nét mặt cương quyết của anh nữa. Chắc anh cảm xúc việc gì đây.

Dùng cơm xong đã quá 7 giờ. Tôi khóa cửa ra đi. Giờ này ngoài lộ tấp nập xe cộ. Tôi lầm lũi đi, suýt nữa đụng đầu vào ôtô. Tới bến xe, phải chờ mấy phút, bứt rứt quá, tôi đi qua lại ngó chừng đồng hồ.

Xe chạy không đầy nửa giờ tới nơi. Tôi xuống xe, chưa 8 giờ, còn sớm. Nhà anh C. ở một phố hẻo lánh. Anh thuê một căn gác rẻ tiền, nơi để chứa sách báo thì đúng hơn là để ở, vì anh ít khi về đó.

Tôi bước lên. Anh đang ngồi, mặt ngó lên trần nhà nhìn theo khói thuốc. Trước mặt để một quyển sách đã giở ra. Anh ân cần chào tôi như mọi khi và mời tôi ngồi. Tôi liền pha trò:

– Chim bằng nay chắc đã mỏi cánh rồi, nên mới về nằm ổ, mặc bên ngoài mưa gió bão bùng.

Anh không trả lời gấp, hít một hơi thuốc, gật gật đầu. Sau một phút im lặng nặng nề khó chịu, anh mới chậm nói:

– Chị L. nói đúng lắm. Chim bằng về ổ nghỉ. Nhưng kỳ này khác hơn mấy kỳ trước. Là chim định nghỉ luôn, chớ không bay nữa. Nhưng chị chớ tưởng rằng chim bằng về ổ để trốn những trận mưa giông...

Tôi ngạc nhiên. Và trực giác cho biết trước là sẽ có một sự gì quan trọng. Tôi ngó ngay anh bằng cặp mắt dò xét. Anh cười mệt nhọc, gạt tàn thuốc tiếp:

– Chị đừng lấy làm lạ. Tôi nói thiệt đấy. Tôi vừa thay đổi từ sớm mai này. Tôi giải thích ngay để chị khỏi trông đợi. Từ ngày ra làm

việc, tôi và một số đồng chí không bao giờ chịu lùi trước sự hăm dọa nào. Thì hẳng không phải cái sợ nó làm cho tôi ngã lòng, vả lại tôi nào có phải ngã lòng đâu.

Tôi tránh một việc làm vô ích đó thôi. Không phải tự phụ, song chúng ta phải nhận rằng chúng ta là hạng người sáng suốt nhất đối với thời cuộc và hăng hái đi trước thời cuộc. Thấy anh chị em kiên tâm đi từng bước một, tôi rất lạc quan, đinh ninh rằng cuộc thắng lợi sau cùng thế nào cũng sẽ về phần chúng ta.

Nhưng, vừa rồi, nhơn đọc cái tin: Hítle sáp nhập nước Áo, tôi bỗng đâm ra bi quan ngay. Chị cũng nhớ, chúng ta đã độ trước, cách đây mấy năm, rằng thế nào tên Hítle cũng sáp nhập nước Áo, và lần lượt thi hành chương trình xâm lược của nó.

Nhưng hỏi chị: Biết trước mà làm gì? Mình biết mất mình, việc phải đến tất nhiên sẽ đến. Khổ nhất là mình đã lao tâm khổ trí để cứu chữa những cái tệ hại sẽ đến, mà rồi nó cứ đến. Vậy thành ra mình làm những chuyện vô ích, cho đến phí thân, phí sức uổng công vận động năm nọ đến năm kia, hoài của!

Tức quá, biết bịnh rồi ngừa mà bịnh vẫn tới. Thật không hơn kẻ vô ý thức sống ngày nào hay ngày ấy, mặc tính thời cuộc vần xoay. Thế mà họ khỏe thân, họ sung sướng.

Tôi đã nghĩ kỹ rồi, nhất định không làm việc vô ích nữa. Và mời chị lại đây để cho chị hay: Kể từ nay tôi về làm ruộng, tôi sẽ tạo một cái nhà với trí óc tôi, với sức làm việc của tôi, tưởng không đến nỗi đói, tôi sẽ có một gia đình như người ta... và chị là người hiểu tôi nhiều, nên tôi muốn chị cùng về làm ruộng với tôi. Chị nghĩ sao?

Câu chuyện anh C. càng đi tới, lòng kính trọng của tôi đối với một chiến sĩ như anh lại càng giảm xuống. Sau cùng, sự kính nể đã nhường chỗ cho sự coi thường. Phải, tôi coi anh thường quá! Tôi có cảm tưởng như đứng trước một đứa trẻ con yếu ớt.

Biết anh cương quyết, tôi không muốn khuyên giải gì nữa, và định kiếu ra về. Tôi trả lời vắn tắt: Anh đã quyết định hẳn những lời khuyến khích của tôi cũng là thừa. Vả lại, cũng là những lời anh đã biết và anh dùng hằng ngày với người khác. Vậy cầu chúc anh về làm ăn yên ổn.

Anh C. cười gượng nói:

– Tôi biết trước chị sẽ khinh tôi...

Tôi không để ý, tiếp luôn:

– Dầu sao tôi cũng phải tiếc một người chiến sĩ, một phần tử giác ngộ, nay trở thành một vật thừa trong xã hội. Tôi thành thật tiếc anh, vậy kể từ đây tôi chỉ kể anh trong dĩ vãng thôi. Bắt đầu từ nay, tốt hơn anh chỉ nghĩ đến việc anh mà thôi.

Anh đau đớn tiễn tôi ra cửa. Về đến nhà, tôi nghe dường như bao nhiêu ý tưởng mâu thuẫn, hỗn tạp, nó nhảy múa trong đầu óc tôi. Lấy mấy trang sách đọc, không hiểu một câu. Tôi dẹp sách, đi ngủ. Trằn trọc quá nửa đêm, tôi mới ngủ.

Ngày qua.

Tôi mãi bị cuộc đời lôi cuốn, không còn thì giờ nghĩ đến anh C. Hình ảnh anh dần dần cũng bị thời gian xóa nhòa trong ký ức tôi. Một vài khi nhàn rỗi, thoáng nhớ đến anh, thì chỉ còn thương hại cho một người thất chí.

Sáu tháng qua.

Bữa kia, xem báo, tôi nhìn thấy có tên anh C. trong số bị án biệt vì tội xui nông dân biểu tình. Tôi lấy làm lạ, tự hỏi và tìm câu trả lời. Nhưng vô hiệu. Đến câu chuyện ra với anh em, thì anh em cũng không giỏi hơn tôi.

Ít hôm sau, tôi nhận được một bức thư anh C. Đã 6 tháng nay, tôi không được thấy tường chữ anh, không được nghe giọng nói anh, nên khao khát, lật đật xé thơ xem:

"Chị L.

Tôi tưởng về ruộng lập gia đình yên ổn, không dè đã làm một việc ngu dại. Về được một tháng là tôi nhận thấy cái chương trình tối thiểu của tôi không thể thi hành được.

Tôi nhờ bà con giúp cho chút đỉnh vốn, tôi bèn thuê mấy trăm công ruộng làm. Tôi định mướn người làm và ít lâu nghề dạy nghề, tôi sẽ đảm đương một mình. Những công việc dễ như cuốc cỏ, đắp bờ thì tôi làm lấy. Mấy ngày đầu vì thay đổi phong cảnh, thấy vui vui. Ăn ngon, ngủ được, tôi nghe nhẹ hẳn người. Tôi không đọc sách. Bao nhiêu sách báo, tôi gửi nhà anh em bạn cả.

Lần lần, tôi giao thiệp càng nhiều. Và cũng lần lần bề trái của đời anh dân cày hiện rõ ra trước mặt tôi. Trước kia nên thơ bao nhiêu, nay tôi thấy nó tồi tàn bấy nhiêu.

Những câu hát nghêu ngao trước kia nghe lý thú, nghe dường như tiếng than, tiếng khóc, tiếng cười gượng của kẻ cùng khổ, kẻ bị bóc lột mà buộc phải mang ơn, ca tụng người bóc lột mình. Thật vậy, chị L. à, sự bóc lột dân cày có khi còn hơn bóc lột thợ thuyền. Vì dân cày có biết đâu là đâu. Vả lại sống rời rạc, dầu có biết cũng khoanh tay chịu, phú cho trời.

Tôi thương hại họ, và vô tình tôi tỏ nỗi thiệt hơn cho họ biết. Những tin tưởng mới lạ mà đúng đắn làm cho họ hăm hở bực tức. Cũng vô tình, tôi đã huấn luyện họ. Và từ đó đến sau, có chuyện gì, họ cũng nhờ đến tôi. Tôi không thể từ chối, và cũng vì đó tôi phải giới thiệu sách báo cho họ xem.

Được năm tháng, ở vùng tôi và lân cận, dân đã giác ngộ lắm rồi. Có nhiều chỗ đã yêu cầu chủ điền kia nọ, và được thắng lợi. Quan làng bắt đầu để ý.

Qua tháng giêng, gặp lúc dân đói quá, họ mới định biểu tình yêu cầu chánh phủ cho vay lúa nhẹ lời đặng ăn, làm cho xong mùa năm nay. Nhưng trong đám chân thật lại có tay sai của bọn khiêu khích chúng thừa nước đục thả câu xem xúc lúa, bắt heo. Tôi thấy cái tai nạn ấy hết sức tìm phương cứu chữa, phái người đi khắp để cắt nghĩa họ nghe. Nhưng không kịp. Phong trào đi mau quá!

Tôi bị bắt. Thì có bày tỏ chủ trương tôi ra trước công lý. Nhưng công lý xử mình còn nói làm chi!

Nay tôi bị án biệt mà tôi vẫn vui. Ở đâu cũng là trường hoạt động.

Chị được thơ này hãy mừng đi, mừng vì người đồng chí yêu mến này đã trở lại với chị rồi. Và tôi xin nhắc lại câu mà chị đã biết, một câu chí lý đã cứu tôi, chuộc tội cho tôi và dắt tôi trở lại đường ngay: "Ta thật sung sướng là khi nào chung quanh ta ai ai cũng được sung sướng như ta".

Đọc xong thơ, tôi nghe nhẹ người. Tôi liền ra xe dẫn người anh em đi tìm thăm anh bạn thân mấy trăng xa cách.

M. L.

Báo *Lao động*,
số 13, 23-3- 1939.

NÚI ĐỔ

Đứng uy nghi bao năm ngoài bãi bể
Núi đã cao cười nhạt, gió lùa cây
Và muôn nghìn làn sóng xanh ngạo nghễ
Mài dũa vào chân núi suốt đêm ngày
Nhưng đâu nữa vẻ uy nghi ngày trước
Chân núi mòn, bé nhỏ, ý xiêu xiêu,
Đưa mắt nhìn ảm đạm bóng mây chiều,
Mong sống với thời gian nhưng nào được!
Trận cuồng phong sẽ ù ù thổi đến;
Nước dâng cao, làn sóng chạy ào ào,
Bao sức mạnh sóng vào như búa bổ
Núi run lên trong giây phút đổ nhào.

NGOẠI HỒ
(Huế)

Đông Phương tạp chí,
số 4, 1-4-1939.

CON NGƯỜI THẬT LÀ CÓ HAI MẶT

Hôm nọ, bà Trêe diễn thuyết tại trường Đại học về cơ hội thành lập một Hội Bảo vệ súc vật, mọi người đều vỗ tay hoan nghênh.

Đến lượt chúng tôi, chúng tôi cũng hô to: Hoan hô!

Tuy nhiên, chao ôi! Tin này không khỏi khiến người nghe này sinh vài suy nghĩ chua chát và cũng rất đúng thôi. Những suy nghĩ ấy có thể tóm tắt như sau:

"Sao người ta không nghĩ đến việc thành lập trước tiên ở xứ này một Hội bảo vệ con người?"

Những người như chúng tôi vốn biết rõ ở trên đất nước này, cuộc sống và nhân phẩm vẫn bị chà đạp dã man, thì ai nấy đều cho cái ý nghĩ lạc điệu ấy là đúng.

Điều đáng ngạc nhiên nhất là chính những người dễ dàng thương hại số phận các con vật lại là những kẻ đối xử tàn bạo nhất với con người.

Tên cai ngục nhà tù ở Côn Đảo là như vậy. Nói với ai nó cũng bảo nó không dám nhìn vào một cảnh tượng đẫm máu. Thấy một người tù chọc tiết một con lợn, nó hốt hoảng chạy mất, nó bảo nó cảm thương vô hạn con vật bị người ta giết. Một cố đạo nhìn thấy có kẻ giẫm chân lên cây thánh giá, lên ảnh Chúa Giêsu cũng không xúc động bằng nó. Phải nhìn lâu cái "hành động vô nhân đạo" ấy, nó đến đứt ruột mà té xỉu mất.

Nhưng để "áp dụng luật lệ của nhà tù" thì nó sẵn sàng lạnh lùng xông vào đánh đập tù nhân một cách hết sức tàn bạo. Nó mạnh mẽ sử dụng voi vọt, gậy, dùi cui. Dưới làn mưa roi, gậy của nó, mà hơi một chút cũng tung ra ngay, nhiều người tù dù đã bị chịu đựng nhiều dưới cái chế độ khe khắt chết người của trại giam, cũng không chịu nổi, cũng phải gục xuống. Tên cai ngục này thích thú một cách man rợ khi nhìn thấy máu rỉ qua áo của những người tù nhân tay bị xiềng. Đã có biết bao nhiêu tù nhân bị chết vì những hành động tàn bạo của nó.

Vậy mà chiều nào cũng thế, sau khi đã làm thỏa mãn cái bản năng hung dữ của loài thú trong con người nó, nó lại tỏ ra thương hại đến chảy nước mắt về số phận của mấy con lợn tội nghiệp mà những người độc ác đã gây ra.

NGUYỄN VĂN SỸ *dịch*

Báo *Notre voix*,
số 12, 2-4-1939.

TẠI AI?

Cả vũ trụ đắm lẩn trong u ám,
Bãi tha ma lẩn rạng dưới hoàng hôn.
Bỗng tiếng ai kêu réo một oan hồn,
Xé tan nát cái âm thầm ảm đạm.

"Những tiếng ấy", tiếng của người mẹ ấy,
Khóc gọi con đã hóa nắm xương tàn,
Bị dập vùi nơi dưới nấm mồ hoang,
Bao phủ lớp lau già chen cỏ áy.

"Người con ấy", khoảng bốn năm về trước
Bịnh cao hoan, không thuốc đã lìa trần,
Khi chết rồi hai mắt vẫn mở trân
Như đợi mẹ đường trần cơn rủi bước.

"Người mẹ ấy", cũng bốn năm về trước
Đương bị giam vì dự cuộc biểu tình.
Nay hết tù trở lại túp lều tranh
Thì đứa con, than ôi! Đã bạc phước!

"Nên chiều ấy", tìm ra nơi mộ ấy,
Khóc xác người chôn dưới nấm gò nông.
Nỗi thương đau khơi suối lệ tuôn ròng,
Để tưới gội đám lau già cỏ áy!

"Gia đình ấy", tại ai gây nên nỗi
Mẹ mắc vòng tù tội phải đọa đày?
Và con đau, không cơm, cháo, thuốc, thày?
Sao thế nhỉ? Thưa ngài? Tôi xin hỏi?

NGHỊCH TRIỀU

Đông Phương tạp chí,
số 5, 15-4-1939.

NGƯỜI THẮNG TRẬN

Giữa chốn rừng tên đạn mịt mù
Một người một ngựa khách xông pha.
Gò cương mấy độ quay nhìn lại
Chỉ thấy thành cao đã cách xa.

Thành cao trong ấy biết bao người?
Hồi hộp buồn lo nhắc nhở ai?
Người ấy một là cha mẹ khách
Sầu con đang bước giữa chông gai!

Bồi hồi quật ngựa khách ra đi.
Trăm lận ngàn lao xá kể gì?
Để được một phen còn trở lại
Quì bên cha mẹ khách nằn nì!

"Con vì kiếp sống của bao người
Nô lệ gông cùm khắp mọi nơi,
Còn cách kêu gào cùng chiến sĩ
Ra tay phá bỏ gông cùm thôi!

Nên con quyết chí dầm mưa đạn,
Đem mái đầu xanh gọi gió tên.
Cái sống con cầm trong cái nạn,
Lấy gan phấn đấu trả lời nguyền!"

Thì buổi hôm nay nhẹ nợ đời,
Khải hoàn con lại trở về nơi,
Thành cao chốn cũ cùng cha mẹ,
Lại quì bên gối con mừng vui.

NGHỊCH TRIỀU

Đông Phương tạp chí,
số 5, 15-4-1939.

ĐI HỘI CHỢ HUẾ

Năm ngoái làm khôn không dự hội,
Năm nay chẳng lẽ cứ mẩn ngơ.
Để anh em chuốc rẻ tiếng ngu khờ,
Mình xoắn xuýt nơi chợ đầy nắng phới...

Mặt sáng sủa như một đồng xu mới,
Huế tiên nga vừa cởi lớp thâm cung.
Những chân non chấp chới dưới xanh hồng,
Của lá áo e dè vây chặt bước...

Những tráng sĩ ngông nghênh đầu chải mướt,
Bảo theo sau, mẫn cán vãi mua hoa.
Trí siêng năng tưởng tượng những thân ngà,
Và nhã nhặn, ngang nhiên cười rũ rượi...

Những bà cụ không biết bao nhiêu tuổi,
Bởi hôm nay cũng trẻ lại vài... mươi.
(Có ai đi hội chợ lại không cười,
Dẫu đó chỉ một nụ cười nhăn rúm).

Chít khăn lục như bà đồng đi đỏm,
Thử ăn kem Nhật Bản một vài cây.
Cho mát gan, mát ruột, biết mùi... Tây,
Té ra... lạnh! Búng hàm, tê cả lưỡi.

Những ông bộ ở mô tê mới tới,
Gật gù khen những nét chữ ngang tàng.
Hẳn quen hơi quắc thước với dân làng,
Nên âm ẹo: "Viết mần ri mi ngộ!"

Những quan huyện còn tơ, mai mốt bổ,
Lén vô đây, đổi lốt mặc đồ tây.
Rõ vô duyên! gặp "cụ lớn" giữa ban ngày,
Cúi trốt xuống, lạy dài ba bốn vái...

(Người như vậy, và "khả nghi" như vậy vậy,
Có hèn chi hội chợ lắm ông cò.
Với toàn gia chức sự, đứng co ro...
Rứa mới lớn những anh hùng bí mật!...)

Nghĩ không lý cứ đứng nhìn nhậu vặt,
Uổng năm xu vô cửa, mất công toi.
Và *Tràng An, Đông Pháp* nói năm voi
Mô không được một vài ba bát xáo?

Minh, dân Huế, mần răng cho phải đạo,
Gian Thừa Thiên, vô đó, chắc nhiều "hay"...
Phỏng nghe chàng mô nói bướng, cay cay,
Minh cũng phải cự nhào cho Huế "cứng"!...

Nghĩ như vậy, khóa Minh đi lững thững,
Tìm quê hương, ngắm nghía những hàng bày:
Có mắm tôm, mắm cá, có tương chay,
Lại có cả... giày dừa treo lủng lẳng!
Hàng thược dược ý chừng bông hảo hạng,
Cũng vô đây toe toét gọi cười... duyên!
Huế không quên trưng diện một nường tiên,
Xuân quá nửa nên trông càng thùy mị...
Xinh xắn thật! Sơ sài mà tuyệt mỹ!
Rứa nhưng Minh chưa sướng, muốn quê hương
Đem bày ngay trước cửa, giữa trăm phương
Bán xỉ, lẻ, tha hồ bao nhiêu cánh...

Chuồn. Và thêm cả cân đai, kim khánh,
Thì lo chi, mai mốt chẳng người mua!
Thiếu chi ông tha thiết nhớ hơi vua
– Như Xuân Diệu nhớ tình khi gió lạnh –
Đang tủi phận mão trào mang một cánh!
Trời lại trưa, chưa ráo cạn bầu thi,
Khóa đi thăm, vênh váo những hàng ria,
Và khoan khoái lúc thấy người kém Huế.
Có như rứa mới phải nghi, phải lễ,
Ai lại đi lấn lướt cả Thần Kinh!
Khóa cười vang, nghĩ chẳng uổng công trình,
Đi hội chợ và mất tiền vô cửa!

KHOA MINH

Báo *Mới*,
số 1, 1–5–1939.

BÓNG TỐI VÀ ÁNH SÁNG

Truyện ngắn được giải nhất cuộc thi của báo Thế giới [1]

Chương ném bao chè trên lưng xuống đánh phịch một cái, lấy vạt áo đầy bụi bậm lau mặt. Một tiếng người cai quát:

– Mau lên cha! Công tử vừa chứ!

Chương lại cúi xuống, cố hết sức để bao chè lên vai. Sức nặng của bao chè làm các mạch máu trong người Chương muốn ngược dòng, lộn trở lại, và tất cả đều như tủa xa nơi đôi mắt đỏ sậm và sưng to. Đầu Chương choáng váng lắm. Mặt Chương nóng bừng bừng. Lảo đảo, Chương muốn ngã ra đằng trước. Chương bước từng bước nặng nhọc, như bị cả bầu trời, vạn vật, trong một lúc, cùng ùa vào, đè lên vai, lên lưng.

Khi ném được bao chè vào nhà chứa, Chương thở phì ra như một con trâu và ngồi xuống mệt mỏi, các khớp xương như sắp rụng rời.

Mặt Chương cứ rỉ ra nước luôn, Chương lại lấy vạt áo bụi bậm lên lau.

– Thôi, mau các anh!

Chương lẽo đẽo theo sau các bạn. Nước mắt Chương cứ ri rỉ chảy. Chương ước sao có một cái giường mà nằm, mà nhắm nghiền mắt lại cho dễ chịu bớt, như thế may ra có đỡ đau chăng?

Chương nhìn lên trời, đêm trong trẻo lắm. Sao mọc dày đặc, không chỗ nào hở quá một tấc. Cả sau giải cây thấp nhất, cũng đã thấy lấp lánh những ánh sáng dịu dàng gội xuống cảnh vật.

Trên lầu cao, về phía Nam, ta sẽ tưởng có một giải mây bàng bạc trắng mịn màng và mỏng dính. Nhưng đó là đoàn sao nhỏ li ti nhiều quá, dày quá, hình như đến 3, 4 đợt cùng thi nhau tỏa ánh sáng hiền lành.

---

1. Báo *Thế giới* là của Đoàn thanh niên dân chủ, do Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức và lãnh đạo; ra số 1, ngày 15 tháng 9 năm 1938. Sau khi ra số 9, ngày 1-2-1939, thì ngừng xuất bản một thời gian, rồi ra 4 số đặc biệt vào cuối thời kỳ vận động dân chủ.

Những ngôi sao sáng nhất hôm nay cũng bớt sáng đi. Không trung quang đãng lạ. Dưới nước, không một vệt gợn mỏng để rung lăn tăn những viên ngọc nhỏ xíu nhấp nháy chìm trong sâu thẳm.

Nhưng Chương chỉ thấy lờ mờ những ngày khác. Chương nhìn qua đám khói dày. Vòm trời chỉ có màu đen đục, và muôn sao gần như không còn nữa, hay hóa thành một giải mây trắng nhợt không cùng.

Bao chè sau, Chương thấy nặng quá, Chương ném nó đến 6, 7 lần. Cuối cùng, khi đến nhà chứa, Chương với cả cái bao ngã chúi vào nhà gạch, người Chương ngã đi và Chương đành nằm bẹp dí xuống mặc tiếng la quát.

Và Chương chịu bỏ ngày làm ấy, lần từng bước về nhà. Da Chương có những vật nhọn nhỏ lắm đâm vào, nhưng khi gãi ở chỗ này, chỗ khác lại nổi lên nhức buốt, Chương đành mặc kệ.

Chương ngã trên chiếc giường tre, trong một căn phòng tối om. Một tiếng kẹt đưa ra và đập vào cái không khí lặng ngắt trong giây phút quây phủ quanh mình. Chương cố lấy tay đè mạnh lên, khốn nạn, càng đè, nước mắt Chương càng chảy nhiều quá, rồi Chương nhớ lúc còn trẻ, trẻ lắm, 13, 14 tuổi thì phải, lúc mẹ Chương chết, sau hai năm cha Chương mất.

Bây giờ đã xa quá rồi, Chương có một số tuổi lớn chồng chất lên đầu, Chương càng suy nghĩ, Chương càng ngạc nhiên về đôi mắt mình.

Lúc mới đỏ, Chương tưởng xoàng thôi, không chạy chữa mà lấy quái gì để chữa? Đồn điền cũng có thuốc, nhưng đến bịnh sốt rét là bịnh duy nhất kia, còn không đủ thuốc, bịnh nặng vẫn cứ phải uống ký ninh nữa là. Đến người khán hộ cũng phải mượn! Đốc tờ một tháng chưa đến một lần!

Được 10 ngày, mắt đỏ hơn, to hơn nữa, Chương nghỉ làm đêm và tưởng sẽ bớt được, nhưng trái hẳn, mắt một ngày một nặng thêm.

Người ta lại bẩy Chương lấy cá mát đắp lên, hay lấy lai quần mà chà, Chương nhất nhất nghe theo.

Chương cố suy hiểu: – Lạ, thì mắt mình đau, cái đó đã đành, tại sao sức khỏe của mình cũng yếu đi, hay có lẽ tại mình nhác? Và mắt đau thì mắt chết, chứ việc gì đến chân tay? Mình cứ đi làm thử coi nào? Ai lại cả tháng mà làm không tới 15 ngày, không khéo lại chết đói mà lão chủ ghét, lão lại đuổi rồi đừng kể là mắt nữa!

Chương co quắp người, nhắm chặt đôi mắt lại. Lâu lâu, Chương

lại lấy vạt áo, vẫn vạt áo bẩn thỉu ấy, ra lau. Khi thấy mắt rát quá và trên tay có những giọt nước nong nóng, Chương rào rạt trong người một chút, thì ra Chương khóc.

Và dòng nước âm ấm từ trên mí chảy ra, Chương biết là máu, nhưng Chương không dám quẹt diêm lên, không phải Chương sợ chói, nhưng tại bản tính yếu đuối của mình Chương ngủ thiếp đi được. Sáng hôm sau, Chương vẫn li bì ngủ mặc tiếng còi giục giã bên tai, có người bạn gọi, Chương biếng nhác trả lời:

– Anh đi trước, tôi nghỉ một bữa.

Mười phút sau, Chương từ từ mở mắt ra. Nhưng Chương vụt nhắm lại ngay. Một hình ảnh ghê sợ đột ngột hiện trong óc, và Chương lấy tay dụi mắt. Trước Chương còn cho mình là ghèn, Chương dịu đi và Chương mở mắt to, to hơn nữa. Nhưng Chương chỉ thấy lờ mờ trong căn phòng một màu trắng đục. Chương cố nhìn nhưng chẳng biết gì cả. Chương lấy tay quơ lên mặt, Chương chỉ thấy một cử động theo mình tưởng. Trước Chương là một đêm 30 tết. Chương biết là mình bị gì rồi, nhưng Chương không dám nghĩ đến. Chương bước lại chống cửa sổ lên. Một màu trắng mờ mờ, màu sương hiện ra to hơn cả vũ trụ. Gió sớm từng hồi vui vẻ, đem không khí trong sạch chạy khắp phương trời. Chim hót trong lùm cây xa xa, Chương thấy mặt lạnh lạnh. Chương nhắm mắt, một hơi giá, tựa hồ có phải một miếng đồng chạng hai mí mắt và một giây, mắt Chương trở nên nong nóng. Chương mở mắt để cho hai giọt nước hâm hẩm chảy ra, hai giọt nữa và cả một dây nước mắt. Lúc này Chương không lấy lý trí đè bẹp nổi.

Chương đui? Trời ơi! Bên tai Chương có tiếng chim hót, mà sao Chương lại không thấy nó? Gió mát mà Chương có thấy gió đâu, và đã thổi qua những cái gì?

Bụi cây đầu phía đông có vui không, nhà máy có tấp nập không? Nhất là nghĩ đến ngày mai! Chương gục đầu vào thành cửa lo sợ. Chương như có một trực giác dẫn mình đến ngày tối tăm ấy.

Bao nhiêu cái thường ngày Chương không thích, không yêu mấy, cùng một loạt đập vào tim, óc. Chương lại muốn nhìn và ôm cảnh vật mà Chương cho tưởng đã chết đi rồi. Chương tự trách sao những ngày kia mình không nhìn cho ngán con mắt cả mọi vật, để bây giờ còn hối tiếc! Chương ước sao mình mở mắt được một chút thôi. Chương đập vào óc, móc vào mắt. Chương vẫn không thấy gì. Cả cánh cửa ở trước mắt.

Chương đã đem hết tưởng tượng để nhìn, Chương vẫn chỉ mờ mờ thấy một cái khung vuông đường góc phân biệt bằng một màu lạt lạt.

Vậy mà Chương chưa tin rằng mình đui. Có thể thế ư? Có thể nào người ta lại đui một cách quá dễ dàng như vậy?

Chương nghĩ, có lẽ trong một phút, mắt mình bị đau nặng hơn và mờ đi. Như mọi người, Chương cũng tìm cho được một sợi tơ hy vọng... Chương thấy mình sẽ khỏi... thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ đần.

Trời nào phụ kẻ...

Nghe tiếng thằng Bán, Chương kêu:

– Bán, Bán ơi!

Có tiếng lâu, Chương hỏi: Bán ơi!

Tiếng trả lời khít bên tai làm Chương hoảng, Chương lui lại. Thì ra thằng bé đứng từ lâu trước mắt mà Chương không biết. Chương nhìn qua một khóe thì Chương thấy lờ đờ con mắt thằng Bán. Chương hỏi:

– Cha cháu đi làm chưa?

– Dạ làm gì bây giờ nữa, bảy rưỡi rồi!

– Cháu đi học à?

– Dạ, à này mẹ, mẹ đi trước đi, Bán quay ra nói với mẹ đứng bên giường Chương. Chương vội hỏi: Mẹ cháu ở đâu?

Mẹ Bán đáp: Tôi đây anh không thấy à? Tội nghiệp, sao mắt anh đỏ nhiều thế, lại có cả máu ở trên vành nữa. Anh bớt nhức chưa?

– Cảm ơn chị, khi hôm nhức lắm, nhưng bây giờ bớt rồi.

Có lẽ tại mắt mình đỏ quá chăng? Chứ không lẽ mình đui. Chương lẳng lặng nghĩ thế khi bước chân thằng Bán xa dần, và dư âm đọc bài của nó tắt trong gió sớm.

Chương bị chủ thải sau khi bị mù. Sự thải công nhân là một việc không khó, nếu không là dễ quá. Sự thải lại ở một đồn điền, nghĩa là một chỗ mà chủ là vua độc đoán; thợ thuyền là lũ nô lệ bị đâm đui hai mắt rồi. Chương bị thải gần như một sự dĩ nhiên. Vả lại thợ thuyền hiểu như thế này: "Chủ họ thuê cái xác của mình, mình có làm việc thì họ trả công. Rủi trời bắt mình đau yếu thì buộc lòng họ phải đuổi mình, chứ nào họ có cái ác ý tống mình đi đâu?" Ở đồn điền lại không có người lạ nào được lai vãng nếu không có phép của

chủ. Quyền hạn của chủ lại rộng quá, nếu bảo: Đồn điền là một nước phong kiến cũng không phải là quá đáng vậy.

Chủ đối với Chương rất nhân đạo, ông ta cho tiền để Chương về quê. Nhưng Chương sợ xấu hổ, không về, đi lang thang ở một nơi khác. Hết tiền, Chương phải xin ăn. Chương phải chịu bao nhiêu cái khổ nhục trong cái áo tả tơi, Chương sút nhiều quá, người Chương hôi hám lạ lùng. Lang thang, Chương mang cái đói khổ đi một nơi. Và, khi này các giác quan khác nhạy hơn thì Chương càng khổ hơn lên. Có lúc Chương tự hỏi: Sao ta không chết đi?

Và không bao giờ Chương trả lời nổi.

Chương ước: Nếu mà Chương được nom thấy. Trời! Những giờ bên ngoài mưa gió, Chương bọc người trong một chiếc bao tải, Chương cố để ý mình bay lên trên tạo vật. Chương ước ao thấy được, Chương tin chắc chắn con đường lộng lẫy và lạ lùng, cảnh vật tươi đẹp, người qua lại như trong một thế giới rực rỡ, tiềm tàng mấy mươi thế kỷ. Người người sung sướng, ai ai cũng có một nét vui trên mặt.

Một buổi sáng, sau một đêm ngủ say sưa với những điều mong ước, Chương choàng thức dậy sau một hồi còi xe hơi. Chương bàng hoàng lại. Ở trước mắt Chương có một vật gì trăng trắng. Chương nhận ra cái cổng chùa. Rồi Chương lại thấy lờ mờ những cái gì nữa, nhưng Chương nhắm ngay mắt lại.

– Ồ, chiêm bao thế mà thích...

Chương giật mình, ngơ ngác, tiếng nói của mình dội bên tai, khúc triết quá, không phải là Chương ngủ và Chương thấy một chùm hoa tươi, một hàng tre xanh, một cái giếng cao, gạch đỏ. Chương thấy cả nhà chùa, Chương nhìn được con rồng uốn khúc đằng trước nữa. Những vật ấy trôi lặng lẽ. Cảm động quá, Chương bỗng quát lên. Tôi hết bị đuổi! Rồi nước mắt Chương ràn rụa.

Chương muốn có cánh bay ra khắp bốn phương báo cho mọi người biết, nhưng Chương ngạc nhiên thấy người bộ hành thản nhiên đi qua. Chương là hình ảnh của một người tù vượt ngục, ân xá. Chương đi nhanh qua các phố. Phố đẹp thế này mà từ xưa nay Chương đâu có biết. Phố có đèn điện, nhà dây thép, nhà lầu và ô tô sáng choang. Chương thấy ai cũng chú ý nhìn mình, Chương không ăn xin nữa. Chương phải tìm việc. Chương chưa có việc gì.

Chương nhịn đói cả ngày hôm ấy. Hôm ấy, Chương dậy thật sớm với một ý định..., Chương sẽ thành công. Hôm nay mắt Chương to hơn.

Chương đã có thể phân biệt được cái hoa đỏ và cái hoa hồng. Chương không nhìn ngang ngửa lắm, Chương đi thẳng đến một nơi họ cho thuê xe kéo. Nhưng không có giấy bảo đảm, người ta không cho Chương lãnh xe. Chương phải kéo xe trước cổng chùa khẩn khoản mãi người bạn từ tâm này mới đưa cho thuê xe và cho mượn tiền ăn sáng.

Người khách đầu tiên của Chương đi sáu cây số. Tiền chia cho chủ xe và trả nợ còn được bảy xu. Lòng mừng rỡ, Chương nắm càng xe lên chạy.

Chương xây đắp những ước vọng khi Chương có tiền. Nửa cây số đầu Chương chạy mau lắm. Nhưng hết cây số ấy, chân tay Chương rã rời, đầu gối Chương nhủn đi đâu mất, tay yếu quá đi, có lúc tưởng như mình bỏ mất càng xe, Chương ngẩng đầu lên sợ hãi. Phố xá chạy từng hồi một và như quay vòng, đầu Chương nặng quá, choáng váng, máu như tụ cả trên mặt. Chương chỉ có thể phân biệt con đường nhựa và dải cỏ xanh bằng một gạch đen và gạch xám.

Nửa cây số thứ hai thì Chương ù tai, mắt mờ chân tay lỏng quá, phổi mệt, hơi thở đằng mũi, đằng họng thi nhau. Rồi lần lần, Chương không phân biệt nổi màu xám, màu đen.

Chương dừng bước, đi từ từ. Hai càng xe nặng quá! Chương muốn ném đi. Người khách sợ trễ tàu lại giục, Chương đừ người, nghĩ đến ngày hôm trước đi lang thang...

Chương chạy một lát nữa thì cả trời đất đen mất. Và mắt Chương càng kém quá, Chương tưởng như mình lại đui mất. Chương hồi hộp đặt càng xe xuống. Chương định thần lại, người khách giục dữ quá, Chương lại đứng lên. Con đường nhựa: Một vật đen, cỏ xanh: Một vệt tro.

Chương chạy đều đều, hai tai nóng bừng bừng; đến cây số thứ năm, Chương quặt qua một đường rẽ, rồi cắm cổ chạy. Chương sắp xéo cả lên một xe đen mà Chương tưởng là con đường nếu người khách không lanh ý kêu rầm lên.

Còn nửa cây số nữa, còn hai trăm thước, rồi một trăm thước... Chương thở phào phào. Mỏi quá, Chương vừa đặt càng xe xuống, vừa ngã luôn người ra.

Trời đất lúc ấy đều đen như mực.

Báo *Mới*,
số, 1-5-1939.

TÔI ĂN TẾT

(Truyện ngắn)

Đã 5 năm nay, tôi làm ở Sở địa chánh ở Ph... Mỗi lần tết đến, lòng tôi rạo rực; Tết nào, tôi cũng muốn về thăm quê quán. Nhưng có một lý do rất giản dị mà tôi không thể về được là: Thiếu tiền.

Với số lương 15đ một tháng, đèo thêm một vợ, một con và một đứa ở, lòng tôi rạo rực về tết bao nhiêu, thì ngó lại số chi thu trong gia đình, tôi càng chán ngán bấy nhiêu.

Bởi vậy, năm nọ qua năm kia, tôi vẫn sống ở đấy và ăn tết ở đấy. Mỗi lần được gặp các anh em bạn về quê ăn tết, trở lại, là tôi hăm hở hỏi han một cách quấn quít.

– Tỉnh nhà có gì lạ?

Thế rồi lòng tôi bùi ngùi và có cái cảm tưởng của người đi đầy hay một người đã bị bỏ rơi. Ở xứ lạ khi được gặp người đồng hương, tuy chẳng thân thích mấy, cũng đủ làm cho mình cám thấy bớt cảnh lẻ loi.

Mấy ngày hôm nay, cả một thành phố sống lại với những sự nhộn nhịp hằng năm inh ỏi. Khắp phố, những tiếng rao bánh tét, bánh tổ, pháo chuột, hột dưa, những cành mai vàng nhan nhản làm đỏm thêm cho dẫy phố tường vôi mới quét, những chậu cúc, thược dược vừa kịp nở, khoe màu hồng tía với những hàng câu đối mới tinh. Đầu phố, cuối phố, giữa phố, người ta đã dựng những điếm bài chòi...

Vì tết, phố phường tấp nập đã đành, nhưng sở tôi cũng chẳng kém phần nhộn nhịp.

Mới chiều 27 mà anh em, ai nấy đều có vẻ chán ngấy công việc. Người ta nói chuyện tết, người ta tính công nợ, người ta tập chúc nhau bằng những câu đầy vẻ khôi hài hay châm biếm. Người ta săn trước đón sau hỏi về tin măngđa [1], nhất là mấy anh xét ty cùng làm

1. Từ tiếng Pháp, mandat, nghĩa là ngân phiếu. Viết đầy đủ là mandat–carte, nghĩa là ngân phiếu bưu thiếp.

trong sở – và chỗ nào cũng thấy người ta bàn tán đến chuyện lương.

– Hôm nay, 27 tết rồi, anh em liệu lên ông chủ giục măngđa đi thôi.

– Lo gì! Lương tết khi nào chậm được? Chắc họ cũng phải nghĩ đến tình cảnh anh em mình chứ!

– Không chắc! Mới năm nào đây, chiều ba mươi măngđa mới tới. Lãnh được tiền lương đem về để bày ra ăn tết chớ còn mua bán gì được.

– Nhất là tiền, khi cao hứng đem nướng vào sòng bạc, hết nhẵn là xong.

Thế rồi cứ mỗi xe thơ tới là người ta nhao nhao lên rằng chắc có măngđa tới, người ta còn đánh cuộc với nhau nữa.

Qua ngày 28, 29, vẫn cái tình hình ấy. Rồi 30 đến! Măngđa cũng chẳng thấy đâu. Hôm nay người ta không làm nữa, người ta xôn xao lên. Đầu sở, cuối sở thêm người nhà, khách nợ, ăn mày, trông giống như bắt đầu của một cuộc biểu tình lắm! Nhưng không phải, người ta tụ tập, nhẫn nại chờ xe thơ đó. Người ta đếm từng giờ từng phút!

Mười một giờ đánh! Mấy ngàn con mắt quay cả về phía xe thư tới, nhưng người ta thất vọng cả, sau khi biết rõ ràng măngđa không có. Tức thì cái làn sóng người, trong đó, dân thầy có, dân buôn có, dân ăn mày có, tản mát mỗi người một ngả. Bọn xét ty được thể đi kèm riết từng bước. Thỉnh thoảng có chỗ người ta giằng co nhau. Ngoài những tiếng thở dài thất vọng của mấy thầy, người ta còn nghe tiếng khóc nghẹn ngào của mấy người đàn bà nữa. Vì, khi thấy Tết đến sau lưng, khách nợ kèm bên nách, mà lương thực cho qua mấy ngày tết cũng còn thiếu thốn, còn nói gì đến tiệc tùng đón xuân sang nữa!

Những người đã sắp sửa hành lý về quê xa ăn tết đành phải bán lương non cho mấy chú xét ty cùng sở.

Mười hai giờ, không ai bảo ai, người ta tự giải tán. Vẻ mặt đầy phẫn uất và vừa đi vừa chửi, chửi bâng quơ cho đỡ tức!

Tôi cũng như mấy người khác, chán nản lê gót về nhà. Thằng con tôi chơi ở cửa, chạy ra ôm lấy tôi, la:

– Ba mua xăngđan cho em đâu?

Đẩy cửa vào nhà, thì một cảnh tượng làm tôi càng đau đớn. Gian

nhà tôi thấy trống hẳn, mấy cái bàn ghế mượn bên hàng xóm, họ đòi về kê Tết cả. Vợ tôi ngồi gục đầu trên cái chõng tre trong xó nhà, thấy tôi về cũng chẳng buồn đứng dậy, hình như cái tin không có lương đã đến tai vợ tôi từ lâu rồi.

Tôi đã thẫn thờ như một kẻ mất hồn. Lúc này tôi mới thấy nỗi cực nhục của đời làm công... Tôi chưa nói thêm được câu gì an ủi vợ tôi, thì thằng con đứng bên cạnh, không biết đến nỗi đau đớn của chúng tôi, vẫn nằng nặc đòi mua pháo, mua mũ... Nhìn gian nhà trống, lúc này hơn lúc nào hết, tôi càng thấy rõ sự cần thiết của đồng tiền và vị trí của tôi trong xã hội. Tôi thấy tôi là người làm việc cực khổ nhất, mà cũng dễ để người ta quên nhất. Tôi không kịp nghĩ rằng người ta có bóc lột tôi không, nhưng tôi thấy người ta khinh tôi quá, người ta cho tôi là hạng người sinh ra để nai lưng làm cho họ chứ không cần ăn.

Tôi nghĩ tới những anh em chính ngạch đã được cái may mắn lãnh cả tháng lương tết, lại được vay thêm là khác.

Trực tiếp với cảnh đau đớn trong gia đình tôi lúc này tôi liên tưởng tới hơn 400 gia đình khác của những người bị thiếu lương ăn tết. Họ có được sung túc hơn tôi chăng? Một điều đáng ngờ. Vì tôi nhận thấy rằng họ cùng một cảnh ngộ, một số phận như tôi cả. Người ta đã quên nỗi phẫn uất, mà chỉ còn cố nhẫn nhục đó thôi, vì nhẫn nhục đã thành thói quen, ăn sâu từ xưa vào tim óc...

*

* *

Mới 10 giờ đêm 30, khắp phố đã vang dậy những tiếng pháo, tiếng trống bài chòi, các thứ cờ bạc đều đồng loạt hiện lên nhan nhản dưới các gốc cây, các vỉa đường. Thì ra tôi đã tưởng lầm khi thấy mình bị khủng hoảng về tài chánh thì cho rằng quanh mình ai ai cũng bị quẫn bách cả. Tôi lầm! Thiên hạ vẫn vui vẻ đón Tết như mọi năm, họ ném tiền qua cửa không tiếc tay, và những cạm bẫy người ở một căn nhà ba tầng đường Căngtonne vẫn công khai mở nhất lục, xóc đĩa, me, xì lác và nhiều thứ khác nhập cảng từ đâu tới với những cái tên kỳ lạ. Cái sòng bạc ấy được quyền mở suốt tháng vì nó đã cung phụng cho quỹ hàng tỉnh tới hai, ba ngàn bạc. Nghĩ đến số tiền xâu kếch sù ấy, não tôi hình dung ra bao nhiêu thảm trạng về cờ bạc. Tôi nghĩ ngay tới cái mầm sinh ra trộm, cướp, mãi dâm và phá sản...

Trông thấy những sự ăn chơi phóng túng của bao người quanh tôi, tôi nhìn lại một năm qua, bao nhiêu công lao cặm cụi chỉ đem lại cho tôi những nỗi thất vọng, chán ngán, những cái túng thiếu nó dày vò. Ngày Tết là những ngày mà thiên hạ dùng để khoe của nọ, mốt kia, dốc tủ bạc ra để xài phí. Hay là những ngày mà bọn giàu có cố hủ kiêng kỵ từng tý cho khỏi "dông" cả năm. Trong khi ấy, cả một gia đình tôi, chỉ sống với mấy ang gạo còn dư lại trong năm, và đã chịu đựng biết bao những tiếng mỉa mai, giấy xé của bọn khách nợ.

Cho đến mồng năm Tết, cái ngày mà bao gia đình cùng cảnh ngộ như tôi đều ngong ngóng lãnh cho xong cái lương năm ngoái và để góp vào các sòng bạc ở khắp mọi nơi hơn là để trả nợ, ngày ấy đến.

Nhưng cái số lương mười đồng bạc ấy đã bị trừ đầu, trừ đuôi, trước khi tới tay mình, và không đợi bước chân ra khỏi sở, các chủ nợ đã kéo đến. Khi đếm lại, không còn được một phần ba số lương thì người ta đem về, làm gì được! Tiêu gì cũng dở. Tốt hơn, đem lên sòng bạc, may ra, biết đâu chẳng làm giàu?...

Vì thế nên mới ba giờ chiều mồng năm Tết, người ta đã được tin, trong số 6 ngàn bạc lương trong sở thì quá nửa đã đổ vào sòng bạc do ông Sứ cho mở công khai.

Riêng tôi, tôi đã tự an ủi lòng, vì chẳng gì cũng đã được ông chủ tỉnh, ngay từ trong năm, có cái nhã ý gởi giấy sang chúc anh em ăn Tết cho được vui vẻ và gặp nhiều điều may mắn (!). Những lời vàng ngọc đó, trong một lúc đã làm nở lòng tự ái của mọi người. Nhưng sự thật nó đã làm héo dạ dày hơn bốn trăm anh em chúng tôi trong mấy ngày tết thiếu lương.

Nhưng, dầu sao, tôi cùng hẹn với tôi, sang năm, ta ăn tết sang hơn thế nhiều...

NGUYỆT ÁNH

Báo *Mới*,
số 1, 1–5–1939.

CÒN NHỚ

Dưới gốc me, đứng nhìn sang cửa khám,
Thấy dẫn ra một đám biết bao người.
Tay còng tay, dắt díu một dây dài,
Đầu cạo trọc, mặt mày pha trắng xạm.

Trong bọn ấy, có người đưa mắt liếc,
Ra gốc me, từ biệt với nụ cười.
Và dưới me, đáp lại nụ cười ai,
Bằng một liếc đưa người viễn biệt.

Một liếc tiễn đưa chàng xa vạn dặm,
Đảo Côn Lôn xa thẳm mấy trùng khơi.
Biệt ly này trời đất chẳng đành vui
Khiến mây nước cũng ngùi ngùi ảm đạm.

Nhưng chàng vẫn tươi cười cùng chúng bạn,
Cái cười như nhạo báng cả tù đày.
Như khinh thường khổ nhục lẫn chua cay,
Như bỡn cợt cái ngày đương ly tán!

Vì chàng thường nói: "Đời người chiến sĩ,
Phải là đời vào tử để ra sinh.
Thời trước khi trừ diệt nỗi bất bình,
Chốn lao ngục, chính nơi mình yên nghỉ!"

Chàng thường nói: "Quản chi thành với bại,
Thấy bất bình sao lại chẳng chịu ngồi trông?
Thà ra tay tháo cũi sổ lồng
Dầu thất bại cũng trông ngần thắng lợi"

Chàng thường nói: "Con chàng còn bé dại,
Giao phần em nuôi dạy chúng nên người,
Để một mai ra gánh vác việc đời,
Phải thực hiện những lời chàng dặn lại"

Bao lời dặn em còn ghi nhớ mãi,
Dầu bể dâu biến đổi, dám phai lòng.
Sự nghiệp đời sẽ có kẻ lo xong,
Xin chàng khá yên lòng nơi hải ngoại!

ANH - ANH

Đông Dương tạp chí,
số 6, 15-5-1939.

KHẢI HOÀN CA

Cát quyện lấy thịt, thịt quyện lấy máu...

Và cát, và thịt, và máu, và khói, lửa, thép, đạn, tung lên mịt mù, che lấp cả chân thành xám ngắt.

Bao nhiêu hơi thở, bao nhiêu tâm trí, bao nhiêu năng lực... Trong một lúc dồn lại cả đám chiến binh trong trận giáp lá cà...

Nắng hạ như trút cả lửa thiêu vào mặt, và gió vẫn tung trời; tiếng ngựa hý, tiếng người ngã, tiếng máu phọt... Mặc đoàn chiến binh vẫn hăng hái nạp đạn, bóp cò, vẫn hăng hái đưa lưỡi lê vào địch quân như một đám ngựa say máu...

Thời gian qua.

Hình như bên kia mặt thành, tiếng súng bắn trả thưa dần, thưa dần, rồi hết hẳn. Phút nghiêm trọng! Phe địch đã hoàn toàn thất bại.

Trận giáp lá cà dứt. Đám chiến binh ùa vào cửa thành như nước tràn khi đê vỡ, với tất cả tiếng hò hét, tiếng hoan hô.

Có ai nghe trong sự ồn ào của cuộc chiến thắng, một tiếng cười hoan hỉ, một hơi thở khoan khoái?

Một tiếng còi hiệu, bao nhiêu binh mã đều tụ tập, chỉnh tề dưới khải hoàn môn để nghe lời tướng soái.

Giọng tướng soái ồ ạt, vang dội một góc trời, ca ngợi sự hy sinh của chiến binh và tỏ lòng thương tiếc các tử sỹ. Tướng soái bắt đầu đọc tên các chiến binh, và biết bao tên đọc đã tan mất trong gió thoảng không tiếng dội và, như thế là một hơi thở đã tắt, một linh hồn đã tan...

Giọng tướng soái ngớt, khải hoàn ca bắt đầu trỗi dậy để đem lại cho tâm hồn các chiến binh một cảm giác hân hoan, cảm giác vui sướng của kẻ đắc thắng trong cuộc chém giết vừa qua.

Và trong từng giây, từng phút, tất cả những âm thanh hùng hồn réo rắt đã kết tinh trong khúc khải hoàn để đánh tan bao nhiêu nỗi nhọc nhằn, bao nhiêu nỗi gian lao và để đem lại sự khoan khoái, sự nhẹ nhàng cho đám người vừa thoát khỏi cơn say máu.

Nhưng chiến binh vẫn nao nao trong dạ, vẫn thấy sự trống trải

trong tâm trai hồn. Vì khi dượt ngang qua khải hoàn môn, chiến binh nhác thấy từng đống thịt, từng vũng máu, điểm trên mấy mảng tóc vụn, mấy khúc chân tay gẫy... thịt, máu, xương của bao nhiêu bạn hữu đã từng gian lao cực nhọc trong những buổi chinh chiến ngày qua.

Chiến binh sẽ thấy một cảm giác rùng rợn chạy khắp người, và tuy khải hoàn ca còn đang vang dội, chiến binh cứ thấy bâng khuâng...

Chiến binh không thể tuân theo những âm điệu của khải hoàn ca mà khoan khoái, mà hoan hỉ, và xuyên qua đám thây người, chiến binh chỉ thấy sự đau đớn, sự bứt rứt...

Là vì chiến binh đã thấy rõ cái kết quả của sức chiến đấu hăng hái, đã thấy rõ cái kết quả của những giờ say máu mê man.

Là vì chiến binh đã thấy rõ sự lạnh lẽo, sự thản nhiên của tâm hồn khi đặt chân lên đất nước mình vừa bị chiếm đoạt, đất nước của một đám người nheo nhóc, đầy lời ta thán: Đất nước của một dân tộc bại vong...

Nhưng Khải hoàn ca dứt!

Những tiếng vỗ tay, những tiếng reo hò vang dậy.

Chiến binh cũng cất tiếng reo hò hoan hô và mê man như say sưa trong những giờ phút đâm chém...

THANH VỆ [1]

Báo *Mới*, số 2, 15-5-1939.

---

1. *Thanh Vệ* là bút danh của Lưu Quý Kỳ (31-10-1919 - 1-8-1982) (anh còn có bút danh Phác Văn, Lưu Quang Khải...) sinh tại xã Minh Hương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Anh bắt đầu viết báo từ năm 16 tuổi (1935). Đến thời kỳ vận động dân chủ, anh làm công tác tuyên huấn của đảng ở địa phương, rồi vào Nam Kỳ làm bí thư Đoàn thanh niên dân chủ, thư ký toà soạn các tờ báo cách mạng: *Dân tiến*, *Dân muốn*, *Tiến tới*; chủ bút tờ báo *Mới*, cơ quan ngôn luận của Đoàn thanh niên dân chủ Nam Kỳ; đồng thời viết bài đăng các báo khác: *Dân chúng*, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương, *Lao động* của Xứ ủy Nam Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương v.v...

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Lưu Quý Kỳ làm chủ bút báo *Quyết thắng* của Kỳ bộ Việt Minh Trung Bộ; chủ bút tạp chí *Ánh sáng*, cơ quan của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác Trung Bộ; chủ bút báo *Cứu Quốc* của khu ủy Liên khu 4...

Năm 1949, Lưu Quý Kỳ làm Giám đốc Sở thông tin kiêm Giám đốc đài phát thanh tiếng nói Nam Bộ, Hội trưởng chi hội Nam Bộ, chủ bút tạp chí *Thống Nhất*, cơ quan của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác Nam Bộ; chủ bút báo *Nhân dân miền Nam*, cơ quan của Trung ương cục miền Nam.

Năm 1954, Lưu Quý Kỳ ra công tác ở Ban Tuyên huấn Trung ương, làm Vụ trưởng vụ báo chí; Tổng thư ký Hội nhà báo và chủ bút báo *Thống Nhất*. Anh qua đời ở Băng Cốc, thủ đô Thái Lan, trên đường đi hội nghị Quốc tế.

GỬI BẠN TRẺ

Sống còn trên cuộc đời,
Mỗi người một nhiệm vụ.
Chúng ta đương thanh niên,
Vốn tinh anh, tuấn tú.
Lòng phấn khởi tự cường,
Chí tung hoành tự chủ.
Tin tưởng ở sức mình,
Hoạt động làm sinh thú.
Hy sinh quyết tới cùng,
Cải tạo xã hội cũ.
Đạp đổ mọi bất công,
Của chế độ cổ hủ.
Tư bản tiếng an nhàn?
Cần lao lại lam lũ?
Đem bình đẳng tự do,
Xây đắp nền dân chủ.
Hạnh phúc được hoàn toàn,
Tri thức thêm phong phú.

Bác ái và hòa bình,
Loài người cùng hưởng thụ.
Ai nấy đều yên vui,
Sống cuộc đời đầy đủ.
Gây dựng cảnh đại đồng,
Văn minh vững cột trụ.
Giải thoát cho nhân quần,
Trách nhiệm đâu dám phụ.
Tranh đấu đúng phương châm,
Tổ chức có quy củ.
Mọi việc muốn thành công,
Cốt nhất sự đoàn tụ.
Hỡi thanh niên Đông Dương,
Hưởng ứng cùng hoàn vũ!

Hợp thành mặt trận chung,
Ghép chặt cao hàng ngũ.
Sấn lên! Bước tiên phong,
Phất cao cờ "Tiến thủ".

CHU HÀ

Báo *Mới*,
số 2, 15–5–1939.

NGƯỜI CHIẾN SĨ

Em ở lại nhà, anh bước đi,
Thôi còn khóc lóc nữa mà chi?!
Lòng anh mang sẵn thù non nước,
Em cản anh nay có ích gì?
Tiếng nhạc vang dền khắp bốn phương,
Phải chăng tiếng gọi chốn sa trường.
Của triệu linh hồn đang nuốt đạn?
Của máu đầu rơi, của thịt xương?
Phải chăng trên thảm cỏ tiêu tan
Muôn vật rên van giữa máu tràn?
Có phải dưới màn mưa gió lạnh
Đầu người chiến sĩ vật vờ lăn?
Vẳng đưa tiếng trẻ khóc đâu xa
Than tiếc cha không trở lại nhà.
Một kiếp tàn theo hồn cố quốc,
Hương thơm ngào ngạt thấu lòng ta!
Lòng anh chan chứa cảm tình say,
Em hãy vui lên trong phút này
Để mặc anh ra ngoài chiến địa
Máu thù mượn rửa hận trời mây.
Thôi đi! Màu sắc với tình thương
Em hãy xé tan mộng ảo huyền
Em hãy rắn tim, đè rạo rực
Tình thương hổ dễ thắng sơn xuyên.

TÙNG CHI
(Mỏ Cày)

Đông Phương tạp chí,
số 6, 15–5–1939.

TỐ HỮU, NHÀ THƠ CỦA TƯƠNG LAI...

Cách đây hai năm, tình cờ tôi được đọc một bài thơ của Tố Hữu đăng ở Thời báo. Tôi bị cái hấp lực của nguồn thơ ấy cuốn đi. Lần đầu tiên tôi gặp nhà thi sĩ đúng quan niệm của tôi. Rồi từ đấy mỗi lần thấy thơ Tố Hữu là tôi không thể không đọc. Và đọc mỗi bài thơ Tố Hữu, là tôi có một cảm giác quen hình như đã thấy ở đâu một lần rồi. Thì ra bao nhiêu những tình cảm của tôi, mà chính tôi không hề mô tả được, tôi đã tìm thấy trong thơ Tố Hữu.

*

* *

Phê bình thơ là một việc làm khó khăn, phê bình thơ Tố Hữu lại là một việc khó khăn lắm. Vì trong ấy, tất cả những yếu tố của thơ: chữ, màu sắc, âm thanh, hình ảnh, quấn quít lấy nhau, ôm chặt lấy nhau, thành thử cảm cái hay thì dễ, mà tả cái hay thì khó.

Cho nên bảo bài này là một bài phê bình thì quá đáng. Tôi chỉ là một người yêu thơ Tố Hữu. Tôi muốn giới thiệu Tố Hữu với bạn đọc, để bạn đọc có thể yêu Tố Hữu như tôi. Vì Tố Hữu không phải là nhà thơ riêng của tôi, mà là nhà thơ của tất cả thanh niên, nhà thơ của tương lai.

Bạn đọc hãy cùng tôi tỉ mỉ phân tách những yếu tố của thơ Tố Hữu ra, rồi chúng ta cùng xem. Vì chỉ có thế, mới thấy rõ được nghệ thuật của Tố Hữu.

*

* *

Hãy xem qua cách dùng chữ của Tố Hữu:
Nắng xuân tưới trên thân dừa xanh dịu,
Tầu cau non lấp loáng muôn gươm xanh.
Ánh nhởn nhơ đùa quả non trắng phếu
Và chảy tan *qua kẽ lá vườn* chanh.

...i một chữ dùng vừa đủ để phát biểu một ý kiến, vừa đủ để mô tả một sự vật. Người ta có cái cảm giác rằng nhà thơ Tố Hữu đã dày công gọt đẽo lắm, mới đặt được những chữ khéo léo vào đúng địa vị của chúng nó. Nhưng không! Thơ Tố Hữu chạy một cách rất dễ dàng và trong câu, bài nào cũng thấy cái sở trường của lối dùng chữ dễ dãi mà khéo léo ấy:

Em len lét cúi đầu tay xách gói,
Áo quần dơ, cắp chiếc nón le te,
...
Em ngoái cổ nhìn anh, ta chỉ trả
Thầm cho nhau đôi mắt ướt ly sầu.

Nếu không có cái tài tình của nhà nghệ sĩ tin cậy ở cây viết mình, và cái táo bạo của nhà cách mạng thì tưởng cũng khó tìm ra và dùng nổi những chữ của Tố Hữu.

Khi người ta đọc đến những chữ "nắng xuân tươi", "muôn gươm xanh" "mắt ướt ly sầu" thì những chữ ấy không còn là chữ đen trên giấy trắng nữa mà đã hóa ra những cảnh thực.

*
* *

Và những cảnh thực với tất cả những màu sắc của chúng nó, hãy đọc lại những câu "nắng xuân tươi...", ta cũng thấy cái cảnh xuân tươi với bao nhiêu rực rỡ và dịu dàng của nó. Nhưng bạn có muốn nhìn thêm một đôi cảnh nữa chăng. Thì đây:

Đèo cao vút vươn mình *trong lau xám*
Đá uy nghiêm trầm mặc *dưới trời tro.*
...
Đêm hôm nay sông ngà *choàng ánh dịu*
Ánh trăng xanh lả lướt *mạn thuyền ca...*

Về âm điệu thì thơ Tố Hữu rất trong trẻo, và rất dễ dãi. Có thứ thơ hay mà khúc khuỷu và có thứ thơ chỉ hay ở chỗ dễ dãi, trong trẻo như dòng nước chảy xuôi trên mảnh kính pha lê. Thơ Tố Hữu ở vào lối thứ hai này:

Tiếng bầu lan nhẹ ấp sóng ngân xa
Hồn ca kỹ theo dòng trôi ríu ríu...

Ta bâng khuâng nghe gió bỗng vô tình,
Rơi trong bóng hàng dương vờn ánh ngả,
Trên bến cỏ tiếng chuông từ lả tả.
Tan dần trong lạnh lẽo vướng chân thành.

Nêu những câu thơ để chứng thực cho âm điệu của thơ Tố Hữu thì khó lựa. Vì bài nào cũng thế, cũng dịu dàng và trong trẻo. Có khi âm thanh lên rất cao hoặc xuống rất thấp nhưng không khi nào khúc khuỷu gắt gao.

Bây giờ ta hãy nhìn đến hình ảnh:

Với gió bấc đi về rét mướt
Nương chuối già nghe lạnh sẽ rùng mình.
Vài chim quen thưa thớt ở đầu cành
Còn lưu luyến ngày tàn trong nắng yếu.

Đấy hình ảnh của mùa thu tàn tạ với cơn gió bấc đi về, với những cái rùng mình của vườn chuối, với những cảnh chim thưa thớt đầu cành, với nắng yếu...

Tìm chi em trong nương chiều thất thểu
Chẳng ngại ngùng e lạnh của ngày đông,
Chờ chi em mà vơ vẩn buồn trông,
Cây xơ xác chìa tay khô gầy gò.
Mùa thu qua, qua hết những tình thương
Mà tim em khao khát lượm trên đường!
Rồi đây lạnh, đây mưa và lặng lẽ,
Em sẽ biết mình em trong vắng tẻ
Còn ai đâu ái ngại đứng nhìn em
Còn ai đâu buông nhẹ một lời êm?

Một đứa trẻ bơ vơ, lạc loài, trơ trọi, thiếu tất cả, khao khát cho đến mảnh tình thương lượm mót trên đường!...

Không cần ngâm nhiều hơn nữa. Bởi vì như thế ta sẽ ngâm hầu hết các bài thơ Tố Hữu. Từng ấy cũng đủ tỏ rằng Tố Hữu đã có một căn bản nghệ thuật vững vàng lắm. Những đức tính của thơ kết chặt với nhau trong một khối. Một khối chữ tuyệt diệu, màu sắc tươi như thiên nhiên, âm thanh làm rung động cả lòng, và hình ảnh hoạt động ít ai hơn được.

*
* *

Tôi đã khen Tố Hữu nhiều lắm. Nhưng chưa hết đâu. Trên kia là chỉ mới đứng về phương diện nghệ thuật thuần túy.

Mà nghệ thuật của Tố Hữu không phải chỉ là cái nghệ thuật hẹp hòi, không phải là nghệ thuật thuần túy luẩn quẩn trong phạm vi của chữ, màu sắc, âm thanh...

Không, Tố Hữu là một chàng thanh niên của tương lai. Chàng thanh niên ấy ham sống và sống một cách dồi dào. Chàng đuổi theo một lý tưởng. Thơ chàng là cả một nguồn sinh lực đem phụng sự cho lý tưởng. Chàng có phải cái tội là quá tin ở sức mạnh của thanh niên:

Xuân bước nhẹ trên nhành non lá mới
Bạn đời ơi vui chút với trời hồng!
Vườn say hoa là bởi có tay trồng
Đêm chẳng tối là bởi người đem ánh...

...

Kiêu hãnh chút bạn đời ơi! Tuổi trẻ
Say tương lai là tuổi của anh hùng
Ai mai kia sẽ tạo lập đời chung?
Ai hiện tại đủ tài năng lay đổ
Cả chế độ hung tàn gây thống khổ
Và tị hiềm và gian ác tham lam?
Chỉ ta thôi, là tuổi trẻ siêu phàm
Với sứ mệnh nặng nề thay thế giới!

Chàng thanh niên, trong khi hăng hái chỉ biết có thanh niên là lực lượng chính trong công cuộc "nặng nề thay thế giới" mà quên những lực lượng khác. Nhưng không sao! Mối kiêu hãnh có thể hoàn toàn hiểu được và tha thứ trong tâm hồn một nhà thi sĩ đang bồng bột. Lòng bồng bột kia chỉ có cái đức tính làm cho thanh niên khác hăng hái theo mình.

Bao nhiêu những cái có thể làm cho người ta chán nản lại là những cớ để cho chàng thanh niên của tôi hăng hái sống:

Thì vui chút cho hồn thêm nhựa mạnh
Gân thêm săn và máu hận thêm nồng.
Đời lạt mùi và đau đớn không công,
Là để việc cho thời xuân chẳng tẻ.

...

Nuôi đi em cho đến lớn đến già.
Mầm hận ấy trong lồng xương ống máu,
Để thêm nóng, mai kia hồn chiến đấu,
Mà hôm nay anh đã nhóm trong lòng!

Trong xã hội, Tố Hữu đã có một lập trường rồi, chàng đã cáu giận loài "buôn máu xương" và đã hô hào những bà mẹ, những bà vợ Nhật, Đức, Ý:

Các bà không bom đạn
Diệt trừ loài máu xương
Thì sao không ngăn cản
Binh lính với tình thương?
Sao không bảo chồng con
"Về thôi! Quay mũi súng
Bắn chết cho kinh hồn
Cả một phường lợi dụng"?

Mối uất hận gớm ghê đã làm cho Tố Hữu ta nắm tay lại, hung hăng:

Một đứa bé ngang tàng nuôi mộng lớn
Mơ hương say và chuộng những màu tươi
Giữa vườn hoa kiêu hãnh nhếch môi cười
Với cổ thụ, vụng điều con táo tợn:
"Mày phải chết...

Nhà thơ chiến sĩ đã biết rõ trong cuộc tranh đấu đâu là động cơ của sự thắng lợi:

Nhưng người sống bởi trời xuân tạnh ráo:
Lấy kết đoàn xóa hẳn cảnh bi ai,
Lấy tiếng reo của muôn người phấn đấu,
Phá bất bình vui sống cho ngày mai!

Tuy vậy, sự tin tưởng ở cuộc tranh đấu, ở tình đoàn kết vẫn chưa cực kỳ lộ rõ trong các tác phẩm của Tố Hữu. Tố Hữu còn nhìn tới cá nhân nhiều quá. Hình như Tố Hữu cứ nghĩ rằng cá nhân là trung tâm điểm của vũ trụ:

Đời lại mùi và đau đớn không công,
Là để việc cho thời xuân chẳng tẻ.

Tố Hữu lại luôn luôn nói:

Cho tôi hướng tinh thần hăng chiến đấu,
Cho da tôi dày dạn với ngày mai
Cho tôi hiến đến cuối cùng suối máu,
Để nhuộm hồng bao cảnh xám bi ai.

Nhưng Tố Hữu lại thường quên ngoại cuộc, quên bao nhiêu bạn cùng hàng ngũ với mình, quên rằng con người của ta chỉ là một thành phần của xã hội, và trong cuộc tranh giành không thể đứng riêng ra, mà phải đứng cùng với anh em, chỉ diễn tả được lực lượng và tinh thần chung thì mới càng mau cấu tạo cá nhân của mình, chỉ có thế nguồn thơ mới dồi dào, phong phú.

*

* *

Với Tố Hữu, chúng ta đã có một nhà thơ cách mệnh có tài. Lần đầu tiên trong lịch sử văn hóa ta đó. Nhà thi sĩ ấy còn trẻ lắm. Cuộc chiến đấu sẽ làm dày dạn tâm hồn anh, sẽ đem lại cho anh, sẽ hiến cho anh những khí giới mới để đem lại cho nhiều quân binh hiện giờ đương say vì âm điệu thơ Tố Hữu, nhưng chưa hút lấy tư tưởng của Tố Hữu vì tư tưởng ấy chưa được hun đúc vững như đồng và sáng như chân lý.

K.VÀ T.

Báo *Mới*,
số 2, 15–5–1939.

TRUYỆN Ả RẬP Ở XỨ TA

(Truyện vui)

Các em bé thường đọc chuyện Ả Rập này:

Nhà kia có hai anh em. Anh cả có vợ, có con, và em chưa vợ. Đến mùa gặt hái, lúa gánh về để hai bên góc sân.

Khuya lại, em nghĩ: Anh ta có vợ con ăn tiêu tốn kém nhiều. Thế mà số lúa của anh cũng bằng số lúa của ta thì vô lý quá, vậy ta phải đem bớt cho anh mới được.

Cũng đêm ấy anh nghĩ: Em ta chưa vợ, không ai giúp đỡ, chắc phải túng thiếu nhiều hơn ta. Vậy ta hãy sang bớt cho nó. Anh đem ý ấy nói cho vợ nghe. Vợ bằng lòng và còn hối chồng mau mau thi hành là khác.

Hai anh em đem lúa cho nhau. Đến nửa sân thì bỗng gặp nhau. Họ nhìn nhau, hiểu ý nhau, và ôm nhau khóc.

*

* *

Nhắc đến chuyện Ả Rập này, tôi lại nhớ đến chuyện ở làng tôi. Cũng như gia đình Ả Rập ấy, hương dịch Bang ở làng tôi, đã có vợ, và có một người em trai tên là Bụng.

Cha mẹ chết để lại cho anh em một món nợ lo ma chay. Bụng vẫn ở với anh, và cũng cày năm sào đất công điền.

Được vài năm, vì có chuyện xích mích với chị dâu, Bụng ra ở riêng. Ở riêng, nhưng Bụng vẫn làm nhà cùng một vườn với anh vì một lẽ giản dị là vườn Bang rộng quá, làng bắt nhường cho em vài sào. Anh em phải dựng một hàng rào thấp, bằng nhánh tre đầy gai, để làm giới hạn, bởi vì không hiểu hữu tình hay vô ý mà bà hương Bang, nhiều khi đem rau mình cấy vườn Bụng, và hái cả đậu mà Bụng trồng.

Một lần Bụng bị đau thương hàn.

Vợ chồng Bang muốn để Bụng "theo hầu ông bà cho phải đạo con cháu", nhưng sợ mang tiếng với hàng xóm nên cũng mời thầy về cúng gấp. Chỉ cúng gấp thôi, còn sự săn sóc thì rất hiếm.

Biết ý anh chị, Bụng rất tức giận như Bụng đành yên lặng chịu.

Nhưng ông trời chưa muốn cho Bụng chết. Rồi lần lần tự nhiên Bụng khỏe lại. Bụng ăn ngày được ba sét chén cơm. Ít hôm, Bụng vịn cửa đi được, và Bụng đã mau biết đói.

Nếu có thuốc thang chỉ trong vòng một tháng, Bụng có thể dễ dàng lấy lại sức khỏe đầu tiên, nhưng khốn nạn, đến cơm mà chị dâu cũng ngày một bớt đi nữa là...!

Rồi mạnh lên, Bụng phải qua một cơn "khủng bố" thứ hai:

Năm sào đất công điền, ông hương Bang đã cho mướn ba năm. Hỏi thì ông trả lời rằng có thế mới muôn một (!) bù vào số thuốc thang cúng vái, tổn phí trong mấy tháng đau của Bụng.

Em đem anh đến nhờ pháp luật, rốt cuộc, hương Bang thắng. Được tin ấy, bà Hương lập tức mua một con gà, đem về mổ ra, đặt giữa sân cúng mừng, nhưng nói dối là cúng đất đai, và sai con sang mời chú. Đang giận, Bụng đánh luôn thằng bé hai tai rồi đuổi nó về. Bụng định chạy sang đập cả mâm cúng nếu hình ảnh sự thất bại vừa ở nha môn không đột ngột hiện vào óc.

*

* *

Ba năm sau...

Bụng vẫn chưa vợ, vẫn ở bên cạnh nhà anh.

Mùa tháng ba năm ấy được. Tất cả thôn quê như phủ trong chiếc áo vàng. Đến kỳ gặt, những gánh lúa nặng trĩu đã làm cho dân quê nhớ mãi. Họ thường tắc lưỡi, nhìn những bó lúa mấy năm sau này mà nói:

– Chẳng bù với tháng ba năm trước! Thật là lúa gánh không chỗ để.

Mà quả không chỗ để thực! Nhất là nhà lại chật quá, nên hôm gặt lúa về, Bụng phải chồng chất ở sân và lấy nong úp lên trên cho gà khỏi bới.

Ý Bụng định chờ sáng hôm sau sẽ đạp tất cả, vì hôm nay, làm việc xong, Bụng dừ người, tay chân rời rã.

Đêm đã vào khuya, Bụng vẫn còn cục cựa trên giường. Bỗng Bụng ngồi dậy, Bụng vừa thoáng nghĩ đến trả thù.

Cởi áo ném lên giường, dắt gậy vào lưng, Bụng lẹ làng nhảy rào và mon men lại gần đống lúa nhà anh.

Bụng nghe ngóng. Sự im lặng tràn ngập trong bóng tối và xung quanh mình. Thỉnh thoảng, tiếng vài con chim đêm sàn sạt đập cánh trên đầu, Bụng vững lòng cúi xuống, đặt một bó lúa lên vai, hai tay giữ chặt dây lạt, điềm tĩnh đi về nhà.

Nhưng, đến hàng rào, nghe tiếng sột soạt trong đống lúa mình giữ, Bụng đứng im, nhìn kỹ thì thấy hai cái bóng người. Một đàn ông, một đàn bà. Người đàn ông soạt hai chân để người đàn bà đặt bó lúa lên lưng, và sắp sửa đi. Vừa may người đàn bà xây lại. Tâm linh báo ngay là có biến, chị vụt kéo người đàn ông chạy.

Người kia cũng rút thước tây ra để giữ mình.

Trong đêm tối, họ choảng nhau dữ dội như đôi hổ giành mồi.

*

* *

Khi đem đèn ra thì hai anh em nhà kia vẫn nằm lử đi, hơi thở khó khăn và như dứt từng đoạn một.

Có kẻ lại thì Hương Bang bị đập đầu và Bụng bị thước tây đập nát ngực.

NGUYỄN VĂN XUÂN

Báo *Mới*,
số 3, 15-5-1939.

ĐIẾU PHAN THANH
(THÔN CHÍ DĨ MỘT)

Phan Thanh chết! Kìa đâu tin sét đánh,
Chợt nghe qua, ôi, khách lạnh buốt người!
Ôi lạ lùng! Ôi đau đớn bi ai!
Ôi! Non nước phiền hao thêm chiến sĩ!
Ôi! Vĩnh biệt anh Phan Thanh yêu quí.
Người bạn thân của dân chúng Việt Nam!
Người bênh vực tất cả kẻ lầm than!
Người hướng đạo hy sinh cho hậu tiến!
Làm giáo sư, anh đã lừng danh tiếng
Làm nghị viên với hùng biện hơn người
Trong nhiều phiên hội, anh đã đánh lui
Phe phản động cướp quyền dân chúng, đấy!
Nhưng, anh Phan Thanh, nay đâu còn thấy!
Còn thấy đâu người chiến sĩ bình dân!
Anh vội chết! Chết giữa buổi đầy xuân
Đầy máu nóng, sức dư và hy vọng!
Anh vội chết! Để bao người cảm động
Để bao người mất hết một tấm gương
Nhà chiến sĩ cướp giờ mà tranh đấu!
Ngày một tháng năm! Đã ngày tranh đấu,
Lại là ngày đánh dấu khóc Phan Thanh!

Huế, ngày 4-5-1939
LAM VIÊN

Đông Phương tạp chí,
số 7, 1-6-1939.

LY HẬN

Gởi anh M. Th. ngoài Côn Đảo

Buổi ấy, anh đi chẳng hẹn về
Trên đường gió bụi quá say mê!
Nén lòng, anh nuốt hồn ly biệt
Riêng để bên trời cảnh ủ ê...

Với đời, anh đắm cõi quên rồi
Song bể lòng em vẫn chửa nguôi
Cơn thảm dạt dào như sóng gió,
Cùng em thường khóc buổi chia phôi.

Xuân về mưa gió lạnh tâm can
Như nửa duyên em đã lỡ làng
Trọn bốn năm rày anh chẳng lại,
Rêu in vườn cũ nét tàn hoang!

Ngày đi con nhỏ mới u ơ
Dưới gối, nay con đã nhảy đùa
Và vẫn thơ ngây thường gọi bố
Nhưng ôi! Anh biệt muôn trùng xa...

Tiếng con thơ khóc xé can trường
Hy vọng, thôi rồi: Bóng tịch dương!
Em vẫn dối lòng xây đắp mộng
Bồng con đứng ngóng bến sông Thương!

Em ngóng mây bay mãi cuối trời
Với làn nước chảy đến mù khơi
Em van mây nước đem tin lại,
Mây cứ bay đi, nước chảy hoài!

Lạnh lùng mây nước tháng, ngày qua,
Có hẹn về đâu, để đợi chờ!
Đã mộng, than ôi! Đành mộng mãi
Tinh thần em để gặp anh xa...

Mộng thấy cùng anh kể nỗi niềm
Nửa chừng, em đã khóc bên con!
Giấc mơ kích động: Tan hương khói!
Tiếc mộng, em càng lạnh lẽo thêm.

Em muốn linh hồn mạnh mẽ hơn
Để mà chống chọi với bao cơn
Sóng đời vùi dập tâm tình mãi
Theo bước anh đi, gác túi hờn...

BÀ M. T.

Báo *Mới*,
số 3, 1-6-1939.

ĐOÀN KỴ BINH

Cây lá lạnh rung rung trong gió bấc
Ngọn quốc kỳ phấp phới lướt mù sương,
Xui muôn binh ngạo nghễ chốn sa trường,
Hươi kiếm thép vung vinh bay trước gió.

Theo điệu nhạc hùng bi, đoàn chiến mã
Nện vó câu rụp! Bi vang rền
Như đẩy lòng tức bực thét muôn tên,
Xẻ không khí, đùa bay qua trận giặc.

Nhưng, bỗng như trời nghiêng đất sụp,
Súng, đùng đùng nổ, đạn, vụt vụt bay...
Ôi, Đại Việt giang san. Trời hỡi trời!
Đã vập xác dưới hùng binh địch quốc!...

Đoàn kỵ binh, khi biên thùy chiến thất
Một quyết thu gươm kết liễu cuộc đời
Khúc khải hoàn, muốn hát chẳng nên lời!
Thân chiến sĩ đành vọng theo đất nước!

NGHỊCH TRIỀU

Đông Phương tạp chí,
số 7, 1-6-1939.

MẤY CỤM HOA THƠ CỦA... TUỔI TRẺ

Sáng nay, trên bàn viết của tôi, nằm ngổn ngang những trang thơ của mọi nơi gửi đến. Tôi vui vui cảm thấy cả một cái vinh dự sớm của một tờ báo mới ra đời mà đã bắt đầu là một chỗ tập trung tình cảm, những tình cảm du dương bay ra tự trong lòng, dường như tha thiết của bạn trẻ bốn phương.

Nên khi dở đọc từng trang, thì lòng tôi lắng lại để chờ đón lấy những âm ba du dương mà những trang giấy xa lạ kia sẽ đem đến cho tôi tự một nguồn thơ trong sáng.

Và vì thế tôi thấy tôi trở nên thận trọng như sắp sửa làm một việc gì thiêng liêng.

Rồi tôi đọc...

Để mà thấy lòng không rung động được bao nhiêu, song thấy mình nhận rõ thêm được một điều trong nguồn thi cảm mới. Có phải không? Trước mắt tôi đây, là những tâm hồn cũng muốn băn khoăn, và đương ao ước tắm trong những nguồn cảm không thường. Tôi nói: Chỉ mới là ao ước thôi, vì những bạn thơ của tôi đây nếu tôi không lầm là những tâm hồn còn đang ưa sống với tưởng tượng một cách đáng yêu, chớ chưa say mê trong cảm xúc một cách mãnh liệt.

*

* *

Tôi muốn nói gì với các bạn đây?

Nhưng chúng ta hãy đọc lại những câu thơ, để biết cái nguồn cảm mới mà các bạn thơ ở đây đương mong đi tới.

Nghệ Phố, một bạn trẻ có tập thơ nhan đề là "Toàn thắng" (khẩu hiệu mạnh mẽ của một nhà chiến sĩ). Trong bài "Ý tôi", bạn tỏ ý mình với thanh niên bằng những câu tự răn "Khẳng khái" này:

Tôi chẳng muốn ngàn ngày mang cái thẹn,
Nên phen nầy nhất quyết phải ra tay
Xắn áo lên làm việc... để rồi đây...
Đưa ích lợi cho toàn nhân chủng tộc!

Song đó chỉ là những lời khẳng khái ở trong một bài luân lý khô khan; nghĩa là nó "thật thà" quá, "thật thà" đến mất hết cả thi cảm. Không! Nàng thơ đâu có cấm sự thật thà (trái lại thế!), nhưng phải là sự thật thà đến cái mực nó có thể biến thành những tình cảm đầy đủ. Nghệ thuật của thơ chính là ở chỗ này.

Rồi, bằng bốn câu thơ, bạn lại "giải thích" cái đời mà theo ý bạn, một thanh niên phải có:

Đời thanh niên là đời người lăn lóc
Để lo toan khai phá một con đường
Để lo toan hun đốt một lò hương
Đầy nhân đạo, cao siêu, đầy bác ái.

Đó là những "ý tốt" mà chúng ta không thể không khen, nhưng ý ấy lại diễn ra bởi những lời thơ bằng phẳng. Người ta thấy thiếu ở đây những cảm xúc mạnh có thể làm sôi nổi một tâm hồn. Cho nên, bằng một tai thờ ơ, người ta nghe những lời chất phác ấy dưới cái nghĩa đơn sơ, nguyên vẹn của nó. Bởi vì người bạn trẻ của tôi đây chỉ nghĩ mà chưa cảm. Mà điều kiện sau này mới là một hơi sống hà trên những lời thơ.

Muốn cho bực thanh niên chiến sĩ mà bạn hát ở đây được "toàn thắng" như ước vọng của nhan đề, thì những cách xếp đặt khô khan của ý nghĩ cần phải nhường chỗ cho những cảm xúc uyển chuyển của tâm hồn.

*

* *

Một bạn trẻ nữa ở Huế ký tên De con (Dê con hay Đẻ con?) cũng "giải thích" tuổi trẻ bằng mấy câu nóng nẩy này:

Là tuổi trẻ, là luôn luôn hy vọng
Xây tương lai bằng máu nóng, gân xanh,
Chẳng tiếc tay lay đổ những biên thành
Đứng sừng sững trước mắt người chiến sĩ.

Nhưng cái nóng nẩy ấy lại không truyền sang máu tim người đọc, chỉ vì một lẽ là người bạn trẻ này muốn nói rất to trong khi trong lòng vẫn thản nhiên bình tĩnh.

Tôi thấy tâm cảm hơi ngả theo chiều lôi cuốn bởi cái giọng thơ này của bạn Hồng Chương (cũng ở Huế):

"Không, không đâu! Đây nguồn sáng anh linh
Đây lòng nhân hăng hái chỉ huy binh
Đây bác ái đương vờn trên thế giới
Đây văn hóa đương xây lên và tiến tới,
Đây hòa bình dương cánh vỗ mênh mông
Thì vui đi, tin tưởng vững lòng trông,
Vì sức mạnh vô song là dũng cảm
Của tráng sĩ hiên ngang đầy quả cảm
Vì lòng tin giương cánh ngọc bao la
Cho gió vàng nâng đỡ tới trời xa..."

Tôi nói cái giọng thơ này có cảm và nó còn cảm nữa nếu chẳng bị "nghẽn" hơn một lần vì những chữ làm "chết" thơ là những chữ bác ái, văn hóa, hòa bình... rất khó dùng trong thơ. Nhưng, dầu vậy bạn Hồng Chương vẫn hứa cho vườn thơ của tuổi trẻ một bông hoa tươi đẹp.

Mấy trang thơ dầy đặc của bạn Ngoại Hồ (cũng vẫn lại ở Huế nữa!) làm cho tôi cảm động vì lòng nhiệt thành của bạn đối với thơ, nhưng lại chẳng khiến tôi được say sưa với cái "hồn thơ" có thể có được ở những trang viết công phu ấy. Bạn đã ca hát người chiến sĩ, bạn đã binh vực kẻ khốn cùng, nhưng tất cả công việc ấy, đã "làm" với một giọng thơ bình thản lạ thường. Tại sao bạn không giữ mãi được cái giọng mạnh mẽ này:

Gió không rít, cây không đùa, lặng đứng,
Nước ngừng trôi, không khí đọng, lạnh lùng,
Hoa ngậm hương, nhựa ứ, lá thôi rung
Cả vũ trụ đêm hôm nay chết sững.

Tôi đương khoan khoái với những lời thơ tả cảnh táo bạo ấy, và đợi ở những dòng thơ sau một cảm giác sướng khoái hơn, thì đọc tiếp, tôi thấy lòng tôi đọng lại một cách nhạt nhẽo bởi những lời vụt chốc trở nên non nớt này:

Nhưng đâu bỗng giữa bầu trời sầu thảm
Một ngôi sao xuất hiện, ôi! Xinh tươi!
Trút ánh hồng ấm áp xuống loài người
Trong chốc lát phá tan màn u ám.

Bạn Ngoại Hồ làm tôi tiếc một của báu mà bạn dường như chẳng muốn nâng niu. Tại sao bạn không khó tính hơn lên một chút?

*
* *

"Con đường mới" của Van Gianh và Công Kha! Đó là hàng chữ tôi đọc được ở trên đầu một tập thơ khá dầy, và đánh máy cẩn thận, do một người bạn trao cho tôi với mấy lời giới thiệu ân cần.

Tôi đương chăm chỉ đọc những trang thơ công phu ấy, và hứa sẽ được giới thiệu tác phẩm này một cách kỹ lưỡng hơn. Bây giờ, tôi đã thấy cần phải để các bạn thưởng thức qua mấy vần thơ sau này, nó đã tỏ ra một ít cái tài nhận xét phong phú của hai tác giả khi đứng trước thiên nhiên:

Sắc lộng lẫy xóa mờ theo ác xế
Vũng máu hồng tím đọng góc trời tây
Một hư không mở rộng dưới chân mây.
Vòng lửa đỏ nhấm dần trong cõi tối.
Lũ cò trắng kinh hoàng bay chấp chới
Thẳng về đông nơi rừng bạc sương mù
Bên giành non xa lẩn tiếng chim gù
Sóng âm ỷ giận hờn xô chém đá...

Chúng ta thấy sự cố gắng đáng yêu của tác giả đã đem tình cảm và màu sắc thích đáng để làm sống dậy những cảnh vật tầm thường.

*
* *

Hôm nay, khi kiểm điểm lại những trang thơ ở mọi nơi gửi đến, tôi chẳng dám có cái kiêu hãnh đóng vai một "ngự sử" trên tao đàn. Không, đây chỉ là sự vui mừng nhỏ mọn của kẻ yêu thơ, khi thấy các bạn trẻ muốn đưa tâm hồn đi tìm những nguồn cảm mới.

Là vì đã mấy năm nay...

Đã mấy năm nay, tôi vẫn hằng mong mỏi cho thi đàn sản xuất ít nhiều thơ chiến sĩ. Hay nói một cách rõ hơn nhà thơ của vô sản (Poètes prolétariens). Không phải một hạng thi nhân ưu nhàn nghiêng mình một cách thư thái xuống cảnh khốn cùng, nhưng là một hạng thi nhân từ giữa cảnh khốn cùng đứng lên mà ca hát với cả những cảm tình còn "nóng" của hàng ngũ mình.

Hoàn cảnh xã hội nghiêm trọng báo cho ta biết những nhà thơ yêu dấu ấy phải "đến" như những tình nhân không bao giờ lỗi hẹn.

Và một hôm, tôi đã để lòng nao nức mở ra đón lấy những lời thơ hiên ngang của một thi nhân rất trẻ và sống nhiều, là Tố Hữu.

Ở đây, chúng ta nên oán hay nên vui?

– Nhưng trong khi đang siêng năng gởi gắm về đây cho chúng ta những cụm hoa thơ sực mùi hương mạnh và tràn trề nhựa sống, thì nhà thơ chiến sĩ của chúng ta đã, một buổi sáng, đầu đội vòng hoa danh dự, uy nghiêm đi vào trong bóng tối của lao tù. Song, vòng hoa kia càng sáng rực trên vầng trán của thi nhân, và bóng tối được tan đi, để trái tim vang ngân ấy ném về những điệu thơ càng ngang tàng dào dạt.

*

* *

Hỡi các bạn thơ thanh niên của tôi hôm nay! Các bạn hãy ca hát lên để... mừng người chiến sĩ cùng hàng ngũ với mình! Các anh sẽ giành lấy, ôm vào trong lòng cái "sứ mạng" tối cao của thanh niên!

Và hãy sống! Mạnh mẽ mà sống với những mầm tốt mà mấy trang thơ của các anh hôm nay đã hứa hẹn, pho sách đời với những trang đẫm máu và hoen lệ bất bình cũng sẽ rồi đây giúp tài liệu dồi dào cho cõi tâm hồn vang ngân của các bạn, những bạn thi sĩ đương còn trong buổi sớm mai này.

Nhưng mà rồi buổi sớm mai sẽ hết, và hết luôn cả những bóng sương mù của tưởng tượng. Các bạn sẽ ngạo nghễ đi dưới ánh chói của mặt trời đỏ, anh thì lẩn vào giữa đám người có mùi đất bụi và khói than; anh thì đượm mình giữa chốn đồng quê những mùi rơm cỏ. Rồi, với những mùi mạch ấy đượm nóng trái tim vang ngân, các bạn

cũng sẽ tung lại cho thanh niên những luồng sóng thơ dào dạt bất bình và chiến đấu.

Lúc ấy, khi những cụm hoa của các anh sẽ bừng nở và xông hương hăng mạnh, thì ngọn bút các anh sẽ như cái gậy tiên làm sống lại biết bao vật vô tội, làm trỗi dậy bao nhiêu bất bình đang bị đè nén.

Cho đến cả những nguyên liệu trong ngôn ngữ. Chúng nó cũng sẽ sống lên dưới những màu sắc uyển chuyển, tô vẽ bởi những bàn tay nghệ sĩ chân chính, là... các anh.

MINH TƯỚC [1]

Báo *Mới*,
số 3, 1–6–1939.

---

1. Minh Tước (5–6–1913) tên thật là Trần Văn Tước, nguyên quán xã Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). Khi đang học tú tài ở Hà Nội, Minh Tước chuyển sang làm báo. Đến thời kỳ vận động dân chủ. Minh Tước được giác ngộ cách mạng, tham gia hoạt động báo chí cách mạng do Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ đạo xuất bản ở Hà Nội. Năm 1938. Minh Tước được cử vào Sài Gòn, danh nghĩa là dạy học, nhưng chuẩn bị cơ sở cho việc xuất bản một tờ báo của Đoàn thanh niên dân chủ sau lấy tên là báo *Mới* khi tờ *Thế giới* của Đoàn xuất bản ở Hà Nội có nguy cơ bị cấm, phải có một tờ khác thay thế ngay. Minh Tước viết nhiều bài đăng trên báo *Mới* từ số 1, ngày 1–5–1939 đến số cuối cùng, số 11, ngày 25 – 30–9–1939. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ anh bị địch bắt giam một thời gian rồi được tha. Ra tù, anh tích cực tham gia công tác bí mật của đoàn thể. Cuối năm 1940, anh lại bị bắt đi tù Sơn La đến năm 1943. Trong tù, anh tham gia viết báo bí mật, sáng tác thơ, ca, kịch, tuồng. Tháng 8–1945. Minh Tước tham gia lãnh đạo giành chính quyền ở tỉnh Lạng Sơn, sau đó làm chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lạng Sơn. Trong những năm lãnh đạo chính quyền và sau đó, anh viết nhiều bài đăng trên nhiều tờ báo ở trung ương: *Nhân dân, Cứu quốc, Thống nhất, Văn nghệ, Đại đoàn kết*. Minh Tước là tác giả của tiểu thuyết trào phúng, thơ đả kích kẻ thù và tiểu phẩm đã in thành sách, còn trên 100 kịch bản sân khấu truyền thanh phát trên làn sóng điện của đài phát thanh.

Minh Tước có các bút danh khác: Trần Minh Tước, Thương Biển, Xích Điểu.

Minh Tước nghỉ hưu ở thành phố Hồ Chí Minh, tuổi cao, nhưng vẫn tích cực sáng tác thơ, kịch, tiểu phẩm, câu đối, tiểu thuyết, được nhiều nhà xuất bản và báo chí cho in và công bố, được nhiều bạn đọc và nghe đài yêu thích tặng cho anh một tên trìu mến: cụ Xích.

ĐÊM MƯA GIÓ

(Truyện ngắn)

Ngoài hiên, hột mưa rào rơi tầm tã, thỉnh thoảng những cơn gió tốc đưa tạt một hơi lạnh buốt qua khe cửa làm lung lay chiếc bóng đèn treo giữa gian phòng. Hoài xếp sách lại, kéo chăn trùm từ chân đến ngực và quấn lại kỹ lưỡng chiếc phu la trên cổ. Chàng móc thêm điếu thuốc không biết đã là điếu thứ mấy tự chập tối đến giờ mồi với điếu còn ngậm nơi miệng. Chàng thong thả phun khói lên rồi mắt lơ đãng nhìn làn khói thuốc bay tản, những ý tưởng liên miên của chàng cũng bay tản nhanh chóng theo làn khói...

– Hoài không đọc quyển "Đoạn tuyệt" nữa à? Vậy thì trao cho em mượn xem một lát.

Câu nói của Phương người bạn gái mà chàng gặp mấy tháng nay, trong một đêm khủng hoảng xác thịt làm chàng giật mình. Phương tốc bớt lớp chăn ra rồi ngưỡng qua phía Hoài. Nàng không đợi câu trả lời, tự tiện với tay lấy quyển sách.

Hoài mỉm cười âu yếm với Phương. Chàng nghe bớt lạnh lẽo nơi lòng khi bắt gặp nụ cười tình tứ của Phương trả lại.

– Này Hoài ạ! Hoài cứ lần lữa mãi không nói cho em nghe câu chuyện mà Hoài gọi là "vết thương lòng" của Hoài. Phương chưa phải người nghe tâm sự của Hoài sao?

– Em Phương khéo thơ thẩn thì thôi! Ừ thì thuật, để anh thuật chuyện xưa cho em nghe nhé!

Đấy, bức bình phong đại treo trước mắt chúng ta kia là chân dung của Lan, vợ anh. Mười năm về trước, lúc anh còn là một học sinh, cha mẹ anh đã định ước với bên nhà Lan và đôi bên cùng bàn tính khi anh ra trường thì làm đám cưới. Lan và anh chỉ gặp nhau được một lần trong ngày lễ sơ vấn, rồi không khi nào được dịp biết nhau nhiều hơn nữa cho đến ngày cưới.

Ông thân anh người rất kỹ lưỡng và là một nhà nho chân thành,

nhất cử nhất động đều nói sách thánh hiền. Ông tỉ mỉ coi tuổi tác ngày giờ và sau khi cân nhắc từng li những cái lợi hại, ông nhất định kiếm vợ anh cho được tuổi Tý. Biết được Lan, con một của ông Tổng T... đúng tuổi Tý, ông cậy người ướm lời để "đặt cọc" trước hồi cô ấy còn kẹp tóc.

Thế là anh lấy Lan, trước sự hài lòng của ông lão vừa làm một việc "hợp sách". Ông yên trí rằng dầu có mai một, ông cũng được ngậm cười nơi suối vàng, vì việc hương lửa đã khỏi lo đường tuyệt hậu.

Lấy vợ xong, anh gặp may mắn đắc lịnh vào tùng sự nơi văn phòng Phó soái tại Sài Gòn.

Còn hạnh phúc nào đầy đủ hơn cảnh vợ chồng trẻ, đẹp và giàu, chồng có địa vị khả quan (lúc bấy giờ chức ký lục Thượng thơ rất được trọng vọng), sống tuần trăng mật giữa cảnh đô hộ của "Hòn ngọc Viễn Đông", vợ chồng anh hoàn toàn tự do trong sự xa hoa, muốn chưng dọn nhà thế nào, ông già anh cũng xuất tiền ra không tiếc. Căn phố anh trần thiết cực kỳ kim thời với những sa lông, đi văng, tủ áo rất đắt giá. Các bạn hữu khi đến chơi đều phải ghen cuộc sống đế vương của vợ chồng anh.

Em Phương à! Chắc em sẽ ngạc nhiên khi anh nói rằng anh đã sống những ngày đầy rực rỡ, hứa hẹn nhiều tương lai, rồi kết cục đưa anh đến cảnh cô đơn trong một tỉnh hóc hẻm như thế này. Phải, anh đã sống trong đống tiền, trong những sự vui chơi phóng túng của giai cấp phú hào. Vợ chồng anh không một lần nào bỏ sót các cuộc dạ hội có khiêu vũ. Cũng không lần nào đi xi nê, đi trường đua hay hội chợ mà để Lan ở nhà. Nhờ thế nên Lan thay đổi rất chóng, cái lớp gái quê rụt rè, cái thói e lệ của con nhà khuê môn bất xuất, Lan vứt bỏ hẳn trong vài ba tháng, và thành một cô gái kim thời hoàn toàn, rất lịch thiệp xã giao, ăn đứt anh nữa kia! Lan bắt tay các bạn trai của anh. Lan học "nhảy" trong lúc anh đi làm việc. Ngày nào Lan cũng tụ tập các cô gái "nhảy" đến chật nhà, rồi chúng quây cuồng trước máy phônô. Lắm khi chúng nhảy cả ngày, không đếm xỉa đến giấc ngủ nghê của người lân cận.

Anh bắt đầu bực mình, nhưng chỉ phiền âm thầm thôi, vì anh không đành trái ý Lan. Mà trái ý cũng chẳng được. Lan là "con cưng" có khác, muốn ngang nào được ngang ấy từ lúc tấm bé thì dễ đâu lại khuất phục trước mặt anh.

Sau năm tháng, sự kinh nghiệm cho anh thấy rằng anh đã đi lạc đường. Anh đến khúc quanh co của con đường mà anh tưởng sẽ đưa anh ngay đến hạnh phúc và anh thấy trước mắt một vực sâu thẳm mở rộng ra...

Lan đối với anh có những cử chỉ anh kêu là "của con hát". Lan ra bộ ra tịch, so vai, trễ nhún, mỗi khi có việc phải bàn bạc với anh. Lan học được tiếng "Ô là la" không biết là của ai, mà nàng thường chấm câu để chế diễu một ý tưởng của anh.

Sự hiểu lầm giữa anh và Lan khởi đầu xảy ra. Phóng túng mãi sinh chán, anh định sửa "chương trình" cuộc sống trong gia đình anh lại. Một hôm anh bảo Lan đừng đi dạ hội tại đình xã tây. Lan trả lời bằng một nụ cười kiêu hãnh chêm thêm một chuỗi "ô là lạ!", rồi nàng ôm bóp đầm ngoe nguẩy ra đi một mình!

Phương đang nằm im, bỗng ngồi dậy:

– Thế rồi anh xử trí thế nào? Em tưởng anh phải "gặt thứ giống anh" là lẽ cố nhiên! Lan đã quen hội hàng và nhất là anh phải biết môn nhảy nó có nhiều quyến rũ mạnh lắm, đủ sức lôi cuốn bất cứ ai đã nếm qua mùi. Em đây chẳng hạn.

– Anh chịu! Em Phương lịch duyệt hơn anh nhiều. Song để anh tiếp. Chuyện còn dài.

Lan trở nên gắt gỏng và cau có với anh. Tâm tính ấy không lạ gì, vì một khi người ta không được vừa ý thì người ta đâm ra khó tính.

Anh cố tìm những phương kế vạch lại con đường đời. Anh thận trọng từ lời nói, từ cử chỉ cốt ý cho Lan hiểu anh, hiểu các ý muốn dìu dắt Lan về con đường hạnh phúc chính thức. Anh mua nhiều sách vở, báo chí cho Lan coi. Anh phê bình những tác phẩm về tập quán và phong tục cho Lan nghe. Song hoài công, làm thế chỉ tổ gây ra những cuộc cãi lẫy vô lý. Lan chẳng thiết xem những tiểu thuyết về luân lý mà nàng cho là "đồ làm nhức óc". Trái lại, nàng thích đọc loại sách khiêu dâm của chính tay nàng mua hay mượn lấy.

Anh chưa chịu thua trước tình thế khó khăn ấy. Chẳng lẽ mình không rèn tập nổi một người đàn bà? Anh còn hy vọng giác ngộ Lan, vì bề nào nàng cũng con nhà gia giáo, có hấp thụ ít nhiều lý tưởng Khổng Mạnh.

Đang lúc phân vân về phương thế "tấn công" tình cờ anh bắt gặp một mảnh giấy xanh xanh để trong một tập báo cũ. Anh đọc xong

mấy hàng chữ, lòng anh bỗng tê tái! Lan đã cắm lên đầu anh "cặp sừng nhung!". Lan tư tình với một người bạn của anh, anh C... một "chiến sĩ" trung thành và hăng hái của phong trào "nhảy". Trên mảnh giấy xanh xanh ấy, anh thấy tiêu tan những hy vọng cuối cùng về hạnh phúc gia đình anh. Cơn khủng hoảng tinh thần qua, anh điềm nhiên hỏi Lan: "Mình yêu anh C... bao lâu rồi!" Câu hỏi đột ngột làm Lan bối rối, mặt tái xanh. Lan còn ấp úng những tiếng anh đã đoán là vô nghĩa để "chạy án", anh tiếp theo: "Anh C... đã nói thật với tôi rồi, mình chối quanh chối quẩn vô ích. Tốt hơn là nói ngay đi, anh thề rằng trừ ba chúng ta ra, không còn ai biết cả". Lan bỗng khóc lướt mướt, nhận lấy tội lỗi.

Anh cố nén những nỗi đau đớn xuống, để không tỏ ra ươn hèn trước mặt Lan, song trong thâm tâm anh thấy cuộc đời trở nên đau đớn, xấu xa lạ! Sau ít phút suy nghĩ anh khẳng khái bảo Lan: "Thôi, sự lỗi lầm đã trót phạm, dầu làm thế nào cũng chẳng lẽ chuộc lại được. Vậy ta nên xa nhau ai đi đường nấy. Tôi lo lập lại đời tôi. Chúng ta còn trẻ, chưa đến đỗi trễ nải".

Lan lạy lục và năn nỉ hết lời, song anh không đổi ý. Ngày hôm ấy anh viết thư về cho ông già anh để bày tỏ tự sự và giao Lan lại cho ông. Anh C... anh ấy có đến xin điều đình cho anh ta đặng anh ta đền lỗi. Anh bảo để tự Lan nhất định. Em Phương chắc đã đoán Lan nhất định thế nào?

Thì còn có nước lấy anh C... luôn!

– Phải! Họ lấy nhau luôn.

Hoài ngắm bức ảnh trên vách, miệng phun khói thuốc lên nghi ngút. Hình ảnh Lan hiện trước mắt Hoài như trong đám sương mù...

Ngoài hiên, hột mưa rào rơi tầm tã. Thỉnh thoảng những cơn gió thốc đưa tạt một hơi lạnh buốt qua khe cửa làm lung lay chiếc bóng đèn giữa gian phòng... Hoài kéo chăn trùm đến cổ, để đắp một tấm lòng lạnh lẽo trong một xác thịt lạnh lẽo...

Bỗng có tiếng ai gõ cửa, Hoài trỗi dậy và mở then gió tung mạnh cánh cửa ra. Một người đàn bà ướt loi ngoi tiến đến trước mặt chàng, rồi tay rung rung nắm lấy tay chàng.

Chủ khách nhìn nhau trân trân. Hoài dụi mắt, như không tin ở cặp mắt chàng nữa: Chàng còn ngờ một ám ảnh.

– Mình!

– Em Lan!

Lan ôm chầm lấy mình Hoài, nước mắt ràn rụa, ngực kỳ sát ngực cho hai quả tim nói với nhau bằng những rạo rực.

Phương cũng tung chăn xuống đất. Êm đềm nàng nhìn tấn kịch câm.

– Em Lan, vợ anh. Đây là Phương, người bạn gái anh mới gặp mấy tháng nay.

Giới thiệu xong, Hoài bước ra trả tiền cho anh phu xe rồi đóng cửa lại. Phương chạy lấy đồ cho Lan thay đổi, sắp nệm gối mời Lan lên nằm. Hoài thì hâm máy nấu để đun ấm nước. Trong chốc lát nước sôi, chàng châm trà thật đậm, rót một ly bưng lại mời Lan uống.

Lan rất cảm động với bao nhiêu cử chỉ của Phương và Hoài, những cử chỉ mà mấy năm nay chẳng hề trông thấy ở những người chung quanh nàng.

Hớp mấy hớp nước nóng nghe khỏe khoắn lại, nàng hỏi Hoài:

– Chắc mình rất ngạc nhiên khi thấy em bước vô đây? Em đau khổ quá rồi, em đền lỗi em một lỗi lầm của tuổi trẻ có lẽ đã dư ra rồi mình ạ! Trọn hai năm trường ăn ở với C..., em chỉ là con người máy, đi đứng, nằm ngồi như tự động. Em chán nản thế cuộc, em nghĩ tiếc những ngày đầm ấm xưa. Rồi một buổi mai, em bỏ C... em về nhà nương náu với cha mẹ. Mà ngay ở quê nhà, mối hối hận canh cánh bên lòng càng bồng bột thêm lên. Sống giữa cái nhục nhã, giữa những lời gièm xiểm kẻ xóm giềng, em bực mình đến muốn liều quyên sinh cho rảnh kiếp. Song hẳn hồng trần còn nặng nợ, em thấy yêu mình tha thiết nên cố nén tấc lòng đến ngày nay đây. Vậy em xin mình đánh cho em "dấu chấm hết" về chuyện đã qua, và chúng ta cùng nắm tay nhau lại trên đường đời.

– Tốt lắm! Hay lắm! Em Phương xin trả anh Hoài lại chị Lan! Thật là cuộc tình duyên "rất tiểu thuyết" mà em được biết!

Hoài nhíu đôi mày, vứt thuốc đang cháy xuống gạch, nhìn Lan, nhìn Phương...

– Em Lan, em chẳng có lỗi gì cả. Chúng ta chỉ là những nạn nhân đáng thương của xã hội, một xã hội "lố bịch" còn khư khư giữ những phong tục hủ bại trong cuộc đời mới. Bao giờ xã hội mới chịu ly dị với cái cổ tục không hợp thời mà chế độ hôn nhân là một? Thử nghĩ có gì quái gở bằng chúng ta lấy nhau mà không biết nhau?

Chúng ta dắt tay nhau, nhắm mắt đi trên con đường tối để tìm hạnh phúc thì mới tìm thế nào? Và nếu có lỗi chăng là anh đây. Vì anh đã đưa em vào con đường em chưa quen biết. Con đường ấy có những quyến rũ quá mạnh với cái lớp vỏ văn minh vật chất mà em, một người gái quê không tài nào phân biệt được đâu là cái "đẹp" đã dắt em đi rất xa... đến phải sa vào cái cạm bẫy. Anh, người dẫn đường không kinh nghiệm, anh phải lãnh lấy cả lỗi lầm xưa.

Hoài rơm rớm nước mắt, nhưng giọt nước mắt thành thật của con người ăn năn tội...

– Đấy em xem! Cái giường chúng ta nằm, mười năm về trước nay còn đó. Kìa, tấm ảnh em, anh muốn phóng đại sau buổi xa nhau. Bao nhiêu bằng cớ chứng rằng anh chẳng quên em, không oán trách em, trái lại và bây giờ đây, trong giây phút này anh mới chắc chúng ta đã nắm được cái hạnh phúc chân thật, sau những kinh nghiệm vừa trải qua.

Ngừng một chút, chàng tiếp:

– Còn em Phương, từ đây chúng ta sẽ là bạn. Lan, Phương, Hoài sẽ cùng sống trong sự đau khổ như trong sự vui mừng cho đến

–... cho đến ngày cuối cùng của em Phương, anh Hoài nhé! chị Lan nhé! Song... em xin trả anh Hoài lại cho chị Lan, và em xin phép anh chị cho em đi trong đêm nay, đi ngay bây giờ để sống lại cuộc đời phiêu bạt của em.

Phương đứng lên xách rương da, đoạn cúi đầu chào Lan, Hoài, nàng bước ra đi trong mưa gió...

Lan chạy theo kêu:

– Chị Phương! Chị Phương!

Phương thì cứ đi nhanh, rất nhanh.

Hoài thở ra, mắt trông theo bóng nàng biến trong cảnh tối tăm lạnh lẽo.

Lan ngã đầu vào vai Hoài, nước mắt tuôn ra hòa với hột mưa tạt vào mặt.

CÚC CHI

Đông Phương tạp chí,
số 7, 1-6-1939.

BƠ VƠ

Nó cũng là người, cũng thịt xương,
Cũng tình quyến luyến, cũng lòng thương;
Nhưng vì nghèo khổ và côi cút
Nó phải lang thang ở vệ đường!

Ngày này tháng khác nó bơ vơ
Thơ thẩn phơi mình giữa gió mưa,
Nó chẳng bao giờ yên ấm cả
Giữa đời bội bạc, bọn thờ ơ...

Nó lết lê thê ở xó hè
Tìm trong đống rác đã hôi ê
Cái gì bất hoặc! Xương hay bánh
Người đã thừa ra đã bỏ đi!

Nó sống trên đời, giữa gió sương
Không ai đếm xỉa, chẳng người thương!
Đêm nay rét mướt không nơi trú
Nó tựa bên tường ủ nấm xương....

Và thẩn thơ nhìn kẻ nhởn nhơ
Nó thèm thuồng ngắm bọn thờ ơ...
Và không biết nó người hay thú
Giữa cuộc đời vui lại xác xơ ...!

Chật vật ngày nay, chật vật mai
Ngày mai của nó vẫn ngày nay!
Đói, nghèo, cực khổ và côi cút!
Với nó, đời đầy những đắng cay!...

PHÚ SƠN

Đông Phương tạp chí,
số 7, 1-6-1939.

ÂN HẬN

Gửi nàng trinh nữ

Tôi muốn đưa em tới lớp trường,
Vở đời em sẽ chép thêm trang.
Lòng tôi êm luyến nương trong ấy,
Sáng tựa gương và phảng phất hương.

Tôi muốn đưa em tới ngọn đường,
Cho lòng em hiểu nghĩa yêu đương.
Ôi hương! Nếu chỉ vì sum họp,
Tôi đã dừng chân giữa gió sương!

Nên thử mời em chút rượu say,
Em cười, em uống, em rằng "say"!
Mà em say thực! Tôi sung sướng
Tưởng những ngày trong cát bụi bay.

Em sẽ cùng tôi đi bốn phương,
Lâng lâng cất giọng hát vang lừng...
Ngờ đâu dông tố đường tôi đã,
Giam hãm thân trong bốn bức tường!

Tôi chẳng buồn chi, nhưng chỉ thương,
Bơ vơ con én giữa đêm cuồng.
Biết không em! nỗi lòng tôi hận,
Tôi mới đưa em tới cổng trường.

MỘT NGƯỜI TÙ

Báo *Mới*,
số 4, 15–6–1939.

VỊNH THÚY SƠN

Sông Vân, núi Thúy chốn này ư?
Nay mới qua thăm luống ngẩn ngơ.
Muốn nói cùng non, non lẳng lặng.
Qua thăm với nước, nước thờ ơ.
Xem hoa ban sớm, hoa chưa nở,
Đợi nguyệt canh khuya, nguyệt vẫn mờ.
Ví biệt non sông còn vắng ngắt,
Thà xem trong mộng chẳng hơn ư?

Hè 1939
HỒ XANH

Trích *Văn học yêu nước cách mạng (1925-1945)*. Tủ sách quê hương Hà Nam Ninh, 1986.

VÈ PHAN THANH

Tiểu dẫn: Phan Thanh (1908–1939) là một trí thức cách mạng, giáo sư, hoạt động sôi nổi phong trào dân chủ. Mặt trận dân chủ ở Trung Kỳ giới thiệu Phan Thanh ra ứng cử vào Viện dân biểu khóa 1937–1941, đã trúng cử. Anh có những cống hiến xuất sắc trong đấu tranh ở trong Viện dân biểu Trung Kỳ. Được Viện dân biểu Trung Kỳ bầu làm đại biểu tham gia Đại hội đồng kinh tế tài chính Đông Dương, Phan Thanh lên tiếng đấu tranh mạnh mẽ cho quyền dân chủ và lợi ích của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

Phan Thanh không may bị bệnh hiểm nghèo, từ trần ngày 1-5-1939. Theo thể lệ của thực dân Pháp quy định thì khi một nghị viên mất, phải tổ chức bầu bổ sung một người khác tại hạt Đại Lộc Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, quê hương và cũng là nơi Phan Thanh đã trúng cử. Nhà cầm quyền đưa tên tay sai là Lê Huân ra tranh cử tại ngay quê hương hắn. Đích thân những tên thực dân cáo già xuống bày đặt kế hoạch, dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, dọa dẫm cử tri, chỉ đạo chặt chẽ để hy vọng Lê Huân sẽ thắng cử.

Ta giới thiệu Đặng Thai Mai, một trí thức cách mạng, giáo sư ở Hà Nội, sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống yêu nước, quê ở Nghệ An vào Đại Lộc Hòa Vang tranh cử.

Lúc này, tình hình chính trị trong nước và quốc tế đang diễn biến phức tạp, bọn phát xít đang phản công các lực lượng dân chủ. Do chủ trương đúng đắn, giới thiệu một ứng cử viên xứng đáng có uy tín, biện pháp vận động tài tình của đảng bộ địa phương, được đa số cử tri ủng hộ, kết quả Đặng Thai Mai thắng cử, đánh bại tên tay sai của chính quyền.

Bài *"VÈ PHAN THANH"* ra đời để cổ động cho tranh cử, vừa nhắc lại công lao của Phan Thanh, vừa vận động cho người xứng đáng thay chân anh "ở sở Phan Thanh", tức là sở Mặt trận dân chủ, ra sức bênh vực quyền lợi chân chính của nhân dân *"Không kể xa gần"*, quyết không cho địch lừa dối, mua chuộc, đánh bại những tên tay sai của kẻ thù muốn làm nghị gật, bán nước hại dân.

Người sáng tác bài vè là TRỊNH QUANG XUÂN, tức Thùy (1908–16-2-1985), quê ở xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, tham gia cách mạng năm 1926, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930, Xứ ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ 1936–1939. Nhiều lần bị địch bắt tù. Công tác ở Tổng cục đường sắt trước khi nghỉ hưu.

Tin đâu sét đánh ngang đầu,
Từ Nam chí Bắc đâu đâu cũng hãi hùng:
Anh Thanh vừa mới lâm chung,
Người người rơi lụy vô cùng mến thương!
Than ôi! Số kiếp đoạn trường,
Tuổi vừa băm mốt dứt đường trần gian.
Anh sinh mồng một tháng Juin [1],
Năm một ngàn chín trăm tám, tại Bảo An quê nhà.
Chính người ở tổng Đa Hòa,
Thuộc Điện Bàn phủ, tỉnh là Quảng Nam.
Mẹ cha buôn bán quanh năm,
Nuôi anh ăn học tiếng tăm lẫy lừng.
Thầy yêu bạn mến vô cùng;
Đậu bằng Sơ đẳng rồi Thành chung chẳng mấy hồi.
Đến năm băm sáu anh thôi,
Bổ đi trợ giáo ra ngồi tỉnh Thanh,
Ai ai cũng biết tiếng anh,
Dạy châu Ngọc Lạc nổi danh thầy tài,
Tính anh ưa viết ưa coi,
Đọc báo *Chuông nứt* [2] viết bài báo *An Nam*.
Người ta để ý ngó dòm,
Cho anh khi ấy đã làm lôi thôi.
Nên anh đã bị thải hồi,
Học trò thương tiếc thầy ôi là thầy.
Thương thầy phải kiếp đọa đày,
Cuộc đời đen bạc đắng cay cho đời.
Dạy vừa đặng một năm trời,
Trò yêu bạn mến dứt lời ra đi.
Than ôi! Sinh chẳng gặp thì,
Hùm thiêng thất thế chịu suy đời thời.
Nghĩ mình còn nặng nợ đời,
Quyết lìa quê cũ bến nơi Hà Thành.
Lại cùng với bọn đầu xanh,
Quyết lòng dạy dỗ các ngành trường tư.
Ai ai cũng biết danh sư,

1. Juin, tiếng Pháp là tháng 6.
2. La cloche fêlée.

Trường nào anh dạy đều dư học trò
Thăng Long trường ấy đã to,
Thường năm, thường có học trò đậu cao.
Lòng anh ai biết đâu nào,
Thanh niên chú trọng cần lao đỡ đần.
Từ khi Mặt trận bình dân,
Phong trào quần chúng nhiều lần tham gia.
Mới năm băm bảy vừa qua,
Nhân dân đã cử anh ra hội đồng.
Anh là ông nghị có công:
Lợi quyền dân chúng hết lòng đấu tranh.
Nào là bọn trẻ đầu xanh,
Anh xin mở rộng lối học hành hiện nay.
Những người thuyền thợ dân cày,
Anh kêu chính phủ bớt tay cường quyền.
Anh cùng với bạn đồng thuyền,
Chống sưu tư ích, đinh điền tăng cao.
Những người buôn gánh bán rao,
Anh đòi giảm thuế tăng vào bọn giàu sang.
Con người tiểu chủ, tiểu thương,
Cùng tiểu công chức anh thường chở che.
Không cho thuế ép sưu đè,
Sửa sang đời sống cho phe dân nghèo.
Một lòng phản đối không theo,
Hai dự án thuế anh đều bái ra.
Tội nhơn xã hội quốc gia,
Cố xin đại xá họ ra khỏi tù.
Thấy dân dốt nát hèn ngu,
Đứng ra lập hội chống nạn mù quốc âm.
Thấy anh người có lương tâm,
Nên đảng Xã hội để làm bí thơ.
Từ khi trúng cử đến giờ,
Đại hội đồng hai lượt cũng nhờ có anh.
Tuồng như dân viện để dành,
Cho anh chức ấy để tranh với cường quyền.
Hai lần Nam Bắc đảo điên,
Bao nhiêu áp bức anh tuyên giữa hội đồng.
Thấy anh hăng hái lạ lùng,

Hội đồng Hà Nội dân ưng anh làm
Anh thì khác bọn tham lam,
Lo được ông nghị rồi cam cúi đầu.
Anh Thanh nào phải ai đâu,
Một trăm thứ thuế yêu cầu bớt đi,
Mấy ông nghị Pháp ra chi,
Nên nhà chức trách thuế gì cũng tăng.
Ai ai thấy cũng bất bằng,
Dân thành Hà Nội lăn ra biểu tình.
Còn anh anh cũng bất bình,
Từ chức phản đối những tình trạng kia.
Thấy lòng cương quyết mà ghê,
Nên lòng sinh sự muốn anh về ngồi yên.
Rằng anh còn thiếu công quyền,
Lịnh ra giải chức hội viên Hà Thành
Tưởng làm như thế cho kinh,
Nào hay anh lại ra tranh lần nhì.
Quả nhiên dân chúng tin vì,
Nên anh trúng cử y như lần đầu
Rõ ràng hai chín chống nhau,
Tài kia sức nọ có đâu làm gì!
Ghét ghen như thế mà chi!
Vu anh diễn thuyết trong khi hội đồng.
Cho nên Phú Lộc huyện ông,
Bắt anh lui tới cửa công nhiều lần.
Nhưng anh vẫn vững tinh thần,
Đưa đơn phản đối xa gần đều hay.
Vừa rồi gặp chuyện chẳng may,
Anh lo nhiều việc sức ngày càng suy.
Phát sinh chứng bịnh dị kỳ,
Mọc mụn xương sống cơ nguy vô cùng.
Anh em ai nấy hãi hùng,
Rước thầy đến chữa cả trong lẫn ngoài.
Đốc Chương cùng với đốc Lai
Hết lòng cứu giúp suốt ngày, suốt đêm.
Thế mà bịnh cứ nặng thêm,
Thầy hay cũng chịu khó tìm bệnh căn.
Mấy ngày không tiếng nói năng,

Cùng đường nên phải mở đường sau lưng.
Trong khi chạy chữa tưng bừng
Việc anh, anh cứ lo chừng không quên.
Viết thơ phản đối đưa lên,
Xin ông Đốc lý cấm tên vận động ngầm,
Như là trưởng phố mua thăm;
Cho phe phản động ra làm nghị viên.
Cả ngày chẳng lúc nào yên,
Việc này hỏi hết sang liền việc kia.
Đêm hôm hăm chín khi khuya,
Đờm lên chặn nghẹt tưởng lìa chân gian.
Thương anh ngậm thở ngùi than
Chị Thanh đau ruột tìm đàng lánh ra.
Đốc tơ tất cả chạy qua,
Tiêm anh cây thuốc sáng ra bớt lần.
Bây giờ anh đã định thần,
Cười cười, nói nói, mười phần tươi vui,
Hôm sau anh lại nóng vùi.
Mà anh ngại ngại không nguôi việc mần;
Kêu em lên dặn mấy lần,
Dặn không ra tiếng nhìn trân một hồi,
Bảo em đem giấy lại ngồi,
Tay cầm lấy viết, viết thôi được nào!
Sau cùng cố viết một câu,
Vừa xong chữ "phản đối" vang đầu lại thôi:
Cảnh tình thảm lắm ai ơi;
Khi gần tắt nghỉm chưa nguôi việc đời!
Lần lần anh thở yếu hơi,
Quay nhìn lại vợ mấy lời thở than!
"Rằng đây lắm chuyện khó khăn".
"Nhưng rồi dàn xếp phẳng bằng không sao" [1]
Nói xong anh những nghẹn ngào,
Cuộc đời đã thế biết sao đặng mà.
Anh nhìn chị những thiết tha,
Rồi anh từ biệt, anh xa cõi đời.
Tắt hơi lúc tám giờ mai,

1. Anh nói nguyên văn bằng tiếng Pháp, trên đây là dịch ra tiếng Việt.

Tại thành phố Hà Nội, vào ngày PREMIER MAI. [1]
Chính ngày dân chúng hội hè,
Kỷ niệm lao động tin nghe rụng rời.
Nào là điện tín các nơi,
Nào là đối trướng tỏ lời xót thương.
Đám tang long trọng lạ thường:
Hàng vạn quần chúng chật đường đi đưa.
Người người đau đớn ngẩn ngơ.
Thương thân chiến sĩ bao giờ cho nguôi.
Đưa anh luống những bùi ngùi
Hai hàng nước mắt sụt sùi không yên!
Học sanh, phụ nữ, thanh niên,
Đảng viên Xã hội, thợ thuyền, nông dân,
Bạn bè đồng chí xa gần,
Cùng nhau đưa đến mộ phần của anh.
Hỡi ôi anh nghị Phan Thanh!
Vì đâu nên nỗi anh đành mạng vong?
Nói ra lắm nỗi đau lòng!
Từ đây vắng tiếng anh trong nghị trường.
Ngày xưa Đại Lộc, Hòa Vang
Cử anh thay mặt, muôn ngàn người ưng.
Bây giờ công việc nửa chừng,
Nếu ai bậy bạ xin đừng bỏ thăm.
Biết bao nhiêu bọn tham lam,
Phen này cũng quyết ra làm nghị viên.
Nói thì xem bộ hẳn hiên,
Khi vào nghị viện ngồi yên mà oui. [2]
Tự do dân chủ biết chi,
Công, nông quyền lợi biết gì mà binh?
Phen này lắm kẻ trá hình,
Thật nghe phản động, giả danh nhiệt thành.

---

1. Premier Mai, tiếng Pháp là ngày 1-5.
2. Oui, tiếng Pháp, ở đây là gật (nghị gật).

Cử tri ta phải tinh ranh,
Người nào ở sở Phan Thanh thì bầu,
Dẫu người e khác quận, khác châu,
Đủ tài đủ lực nên tài cầu họ ra,
Làm cho rõ mặt dân ta,
Cử người chính đáng không kể xa kể gần,
Cử tri ai cũng một phần,
Lựa người thay mặt phải cần đắn đo.
Đừng xem đồng bạc là to,
Hay ham rượu thịt để cho họ lừa.
Phải nên thận trọng ai ơi!
Để cho đáng mặt là người thay anh,
Cử tri nên hãy nhiệt thành,
Làm cho đắc thắng sở Phan Thanh kỳ này!

TRỊNH QUANG XUÂN

Nhà xuất bản *Tư tưởng mới*,
Tourane, 1939.

NHỮNG TIẾNG NÓI LÀM NGƯỜI TA HOẢNG SỢ

Những tiếng nói có sức mạnh, có quyền uy, đôi khi tai hại. Đúng là như vậy!

Các bạn đừng cười. Đây còn là một điểm chưa được làm sáng tỏ.

Khi bạn bước vào nhà một gia đình người An Nam nào đó, bạn hãy chú ý: Đừng có chúc mừng đứa bé trong gia đình với những từ như to, béo, bảnh bao, hồng hào... tóm lại, tất cả những từ quá khen ngợi.

Vì hẳn bạn cũng biết, của quý thì bao giờ cũng khó giữ.

Vì những từ ngợi khen quá thường khiến cho quỷ dữ sinh ghen ghét.

Biết đâu đấy!

Và bà chủ nhà sẽ nói khẽ đôi khi bà ta nói thật to để xua đuổi đi cái ảnh hưởng tai hại của lời bạn chúc tụng:

"Phỉ thui, phỉ thui, tro muối đầy mồm!"

Tro và muối! Đấy là một công thức các nhà hóa học của chúng ta dùng để chế giễu cái phản ứng siêu hình học.

Tuy nhiên, tiếng cười chẳng giải thích được gì hết, nhất là khi vấn đề lại là "cái lô gích của một ảnh hưởng tai hại".

Riêng tôi, tôi rất thán phục tài hiểu biết sâu rộng của mấy vị quan cai trị ở nước ta.

Chẳng hạn, cũng theo cùng một cái tinh thần siêu hình học ấy, tại hội chợ ở Hội An vừa qua, Sở mật thám đã tịch thu ở gian hàng "Những hàng đặc biệt" tất cả những chiếc mùi soa.

Tất cả những chiếc mùi soa? Vâng, và tất cả những chiếc áo dài trẻ con thêu những chữ: "Bình đẳng – Tự do – Bác ái".

Thậm chí người ta còn bắt giữ cả anh thanh niên chủ cái quầy hàng nhỏ bé đó.

Vậy là, các bạn đọc, hẳn bây giờ các bạn đã hiểu, phải chú ý hết sức, chú ý đến ảnh hưởng tai quái của các từ ngữ.

Vậy là, các bạn đã hiểu tại sao phải lên án những người to tiếng đòi Hòa bình, Cơm áo và Tự do!

Chà! Từ ngữ gì vậy! Tiếng nói gì vậy! Ghê sợ, ghê sợ quá!

Tôi đã bảo mà. Các từ ngữ có sức mạnh, có uy quyền của nó.

Chẳng hạn, và đây lại còn quái dị hơn; Ở Vinh, mấy bác thợ thủ công gái vừa đây có ý nghĩ thành lập một hợp tác xã sản xuất.

Các bà lên xin phép quan Công sứ, quan Công sứ nói: "Ý kiến hay lắm! Các người cứ tin vào ta!"

Nhiều tuần lễ trôi qua. Các bà chân thực nhà ta băn khoăn về việc Cái hợp tác xã của mình, các bà lại lên gõ cửa dinh quan Công sứ.

Quan Công sứ mở tập hồ sơ đã phủ đầy bụi, ngài khẽ thổi phủi lớp bụi đi rồi trố mắt nhìn.

Ma quỷ chưa! Hợp tác xã! Hợp tác xã! Chà chà! Cái tên gì vậy! Cái tên, cái tên gì vậy!

– Dạ, bẩm thưa quan Công sứ, cái tiếng Pháp ấy dịch ra đúng tiếng An Nam đấy ạ.

– Ừ, ừ ta biết. Nhưng ngài thượng thư ở Huế lại không nghe như vậy!

Vậy là, ta thân mật khuyên các người: Nếu các người có muốn cho Hợp tác xã của các người được ra đời, thì không được đặt tên cho nó là Hợp tác xã.

Rồi... thế là chấm dứt.

Nhưng chưa phải thế đã là chấm dứt!

Vì đây này: Trong khi ở Huế, người ta run sợ trước cái từ ngữ đó thì Toàn quyền Đông Dương, hay đúng hơn là ban giám đốc Ngân hàng Nông phố từ mấy tháng trước đây đã cho xuất bản một tờ công báo định kỳ lại lấy tên đúng là "Hợp tác xã thông báo".

Vậy ra làm sao? Thực không hiểu ra làm sao hết!

Bạn không hiểu ra làm sao ư? Chà! Thế thì buồn biết mấy!

"Tối nay tôi những muốn ngủ với đức Giáo Hoàng! [1]

NGUYỄN VĂN SỸ *dịch*

Báo *Notre voix*,
số 22, 1-6-1939.

1. Để Ngài giải thích cho chăng!

HÃY MỞ HỘI KÍN!

Trong số báo La *défense*, số 5-5-1939, về vụ bắt bớ thanh niên, ông Phrăngxi Giuốcđanh nói: "Biết bao giờ cho hết tấn hài kịch đó? Đối với tai họa của hội kín, ta có một thứ thuốc do ông Đờ la Palixơ xưa kia chế ra, tức là cho những dân bản xứ được quyền lập hội". Nói như P. Giuốcđanh vậy thì thôi đi! Rồi làm sao cho mấy ngàn ông cẩm, ông cò và mật thám kia có việc mà làm? Làm sao cho mấy ông tòa kia có tội nhân mà xử? Rồi bỏ vào đâu cho biết mấy triệu kia của ngân quỹ? Sự thừa ấy mới thật là khốn! Và khốn hơn nữa là dân Đông Dương họ trở nên yêu mến thêm nước Pháp, và họ mau tiến bước trên đường văn hóa thì rồi mới làm sao? Không được, không được! Đó, các ổng đang lắc đầu. Cái anh P. Giuốcđanh này mới "phản quốc" làm sao!

TỪ CHỨC!

Trong một bữa tiệc tại nhà ông hội đồng Thượng công Thuận, không biết "thuận" hơi men thế nào, mà các ông tân Hội đồng đều hăng hái cả quyết từ chức để phản đối tăng thuế. Nhưng phiên hội đồng đến, nhiều ông nhất định "phản cung". Nhiều ông lại cả quyết để... không từ chức nữa! Ừ, mà tội và dại gì lại đi từ chức nhỉ. Rõ khùng! Ai bỏ bạc vạn ra mua chức Hội đồng để đi từ chức bao giờ!

Thôi! Sống chết mặc bay, tiền thầy... bỏ túi cái đã!

LẠI MỘT MÓN TIÊU VÔ LÝ!

Sắp sửa có cuộc kỷ niệm 150 năm cách mạng 1789 bên Pháp, Chính phủ đã cử ông Trần Văn Tùng, đại diện xứ ta đi dự. Một sự vinh dự biết bao (!), vinh dự cho người được cử, nhưng chẳng vinh dự cho Đông Dương chút nào.

Nhưng đó là một chuyện. Một chuyện nữa là cử một đại diện như ông Tùng có phải là cần thiết không? Ở ngay bên Pháp bây giờ há không có ai đại diện được sao? Thì vua Bảo Đại đó, thì ông Thượng Phạm Quỳnh đó, ai xứng cho bằng. Và người ta nói, bài học lịch sử cách mạng đó lại còn bổ ích cho hai ngài nhà ta và có thể giúp cho

hai ngại ngẫm nghĩ nữa là khác. Đằng này, ông Tùng, ông chỉ là một con chuột thư viện, chạy dài theo hư danh, hay nói cho đúng, theo cầu quan này bài tựa, khẩn quan kia mấy lời giới thiệu cho những kỳ công "ký cóp" của ông mà thôi. Đại diện cho ai nếu không phải con mọt nhấm sách!

Ích gì, cần gì? Tôi thấy người ta đã vắt mồ hôi nước mắt, bóp hầu, bóp cổ thằng dân xứ này để hiến cho một tên "chân tay" ngoan ngoãn, trung thành của người ta một cuộc phiếm du vô bổ.

Tiêu như vậy là xa phí công quỹ!

Còn... bán "mắc" những cái cúi luồn lấy một cuộc Pháp du là cái nhục!

HỒNG LỆ

Báo *Mới*,
số 4, 15–6–1939.

THẮC MẮC

(Bài thơ này là con của một đêm không ngủ)

Lòng tôi đứng dậy cao ghê quá
Nó muốn nâng lên đậy cả trời
Và tung ra khắp không gian rộng
Để kết liên người lại với người.

Dưới cờ tranh đấu dựng muôn gươm,
Mắt sáng soi lên khắp nẻo đường,
Đội hùng binh tiến, trời ngăn nổi
Hộp dầu sinh lực của ngàn phương.

Cho cõi lòng tôi khỏi xốn xang,
Vững bền như thép, cứng như gang,
Vì tin ở sức nhân quần mạnh,
Thực hiện, ngày mai, giấc mộng vàng.

Đoàn thanh niên mới, vươn người dậy.
Bứt những ngôi sao, kết lụa hồng.
Để rải lên đài tươi thắm của
Hòa bình nhuốm vạn ánh kim cương.

1936.
T. K.

Báo *Mới*,
số 4, 15–6–1939.

MƯỜI THÁNG HỌC VIỆC

(Thuật theo lời một thanh niên học việc)

Chẳng nói giấu gì các bạn, tôi không có ý định đi học nghề thợ từ thuở bé. Nhà tôi không giàu gì lắm, nhưng đủ ăn và đủ tiền cho tôi học đến những bực trung đẳng hay cao đẳng. Và từ khi đầu tôi để trái đào, để ê a mấy vần quốc ngữ, tôi vẫn nuôi một hy vọng làm một nhà gõ đầu trẻ hay một viên chức nhà nước.

Nhưng đến năm tôi đậu bằng tiểu học Pháp - Việt thì hoàn cảnh đổi hẳn. Nạn trí thức thất nghiệp càng ngày càng bành trướng, đã làm cho tôi hoài nghi cái hy vọng ôm ấp từ lúc bé. Lại nữa, cuộc kinh tế khủng hoảng mọc mầm trước đây bốn năm, năm năm và đang trầm trọng đã làm cho gia đình tôi bị phá sản. Sự chi tiêu trong nhà phải tăng lên vì giá cả sinh hoạt đắt đỏ, mà số tiền thu nhập quá ít đã xô chúng tôi vào cảnh thiếu thốn. Sự phá sản của gia đình tôi là một trở lực lớn trên bước đường học "chữ" nên tôi phải xoay qua học thợ vậy. Cha tôi, một ông già mà đầu óc chưa gột sạch những thành kiến tiểu tư sản, không được hài lòng khi đưa tôi đi học thợ của tôi, ông trả lời một cách ngượng ngùng...

*

* *

Chạy vạy mãi mấy tháng trời, tôi mới được một ông chủ xưởng ô tô nhỏ, nhận làm thợ tập sự trong xưởng, mà vào được đó cũng nhờ một người bà con vận động ráo riết.

Trước hôm tôi vào làm, ông chủ xưởng còn dịu dàng rót vào tai tôi một bài luân lý êm ái. "Em được vào đây học nghề là một cái may lớn cho em đấy! Ở đây không ai giấu nghề và em lại được tự do học tập. Nhưng có một điều tôi muốn khuyên em là kỹ nghệ của Tây (!) khó học lắm, nên em phải bền chí, đừng bỏ dở nửa chừng. Còn về phần công việc của em làm; nếu em học hành mau tấn triển thì tôi không bao giờ để cho em chịu thiệt thòi!".

Được lời như cởi tấm lòng, tôi đinh ninh rằng với trí thông minh của tôi, tôi sẽ chỉ làm thí công trong một tháng và độ tháng sau là tôi có đủ tiền cơm, nhẹ bớt mối lo cho cha tôi.

Buổi sáng hôm sau, cởi lốt một cậu học sinh lỗi thời, tôi mặc một bộ đồ, vải đen và rụt rè bước qua ngưỡng cửa của gara, để trộn lẫn vào đám thợ máy đen đủi, đầy mùi hôi hám.

Tuy lúc ấy chưa đầy bảy giờ sáng, những tia nắng đầu tiên của buổi sớm bắt đầu chiếu trên các ngọn cây, mà thợ trong gara đã làm việc từ lâu rồi. Nên khi vào gặp chủ, ông này dịu ngọt bảo tôi:

– Ở đây có lệ đi làm sớm. Ngày mai em cũng nên đi làm sớm để làm cho mát!

Rồi ông dẫn tôi lại mặt người cặp rằng:

– Đây một người học việc mới vào, bác chỉ vẽ dùm cho họ!

Người cặp rằng gật đầu, dẫn tôi ra một góc sân rộng ở phía sau. Góc sân ấy chứa đầy sắt vụn đã lâu đời lắm, mà mỗi khi có một thẻo sắt con nào là các bác thợ vứt bừa ra đấy.

Người cặp rằng cũng bằng một giọng dịu ngọt, "chỉ vẽ" tôi rằng:

– Anh chịu khó lựa đống sắt vụn này ra làm 2 thứ, thứ lớn theo thứ lớn, thứ nhỏ theo thứ nhỏ, sắp vào trong mấy cái thùng gỗ ở góc đằng kia rồi lấy chổi quét dọn cho sạch sẽ!

Có ai biết được tâm trạng của tôi lúc ấy không? Cái tâm trạng của một trẻ vừa quăng cây bút để cầm cái chổi!

Tôi quét dọn xong đống sắt vĩ đại ấy thì đúng mười giờ rưỡi! Thợ trong gara đã kéo lên nhà trại bên cạnh để ăn cơm (trong xưởng nhỏ, thường thường thợ ăn cơm của chủ). Tôi lững thững ra về và nghĩ rằng ở đây, giờ nghỉ sớm quá.

Về nhà, cơm nước xong, tôi đánh một giấc đến một giờ hơn mới dậy và lại xưởng thì đúng một giờ rưỡi.

Quái lạ! Người ta cũng đã làm việc từ lâu rồi! Hỏi ra mới biết ở đây công nhân chỉ nghỉ để ăn cơm thôi và ăn cơm xong là làm việc luôn cho đến tối chứ không nghỉ trưa!

Suốt buổi chiều tôi lại xách nước dội, rửa và đi khuân sắt cho mấy người thợ.

Từ ngày thứ hai trở đi, sự chán nản mới bắt đầu. Phần thì đi làm sớm quá, phần thì công việc làm hết sức nặng nhọc mà không bổ

ích, phần thì sự đối đãi của chủ và cặp rằng không được dịu ngọt nữa, những lời sai bảo rất xẵng và gay gắt, tôi cảm thấy một sự nhục tràn ngập cả tâm hồn.

Vì tôi mới vào, công việc còn bỡ ngỡ mà sự sai bảo lại dồn dập, tôi không thể làm vừa lòng mấy kẻ bề trên, cho nên lắm lúc mồ hôi trán nhỏ giọt xuống má lộn với nước mắt mà những lời chửi mắng xối xả tuôn trên đầu tôi.

Có một lần, vì một sự vô ý, tôi làm gãy mất một lưỡi khoan đáng giá độ sáu cắc. Người cặp rằng xách cổ tôi lên nói với chủ. Chủ hùng hổ bảo tôi về lấy sáu cắc đền, nếu không thì không cho học nữa. Thế là buổi trưa hôm ấy tôi phải khổ sở với số tiền sáu cắc.

Lại một lần khác, người cặp rằng sai tôi đi mua đinh, tôi về hơi chậm một chút thì bị ngay mấy cái tát nên thân.

*

* *

Mười tháng qua...

Công việc tôi làm mỗi ngày mỗi nhiều hơn, và cũng vẫn là những việc quét tước, chùi rửa, khuân vác. Còn những "huyền bí" trong chiếc ô tô thì cũng như lúc mới vào, tôi chẳng biết gì hơn, tuy rằng tôi đã chú ý tìm tòi muốn hiểu. Vì hết công này đến việc nọ, tôi có thì giờ đâu mà ngắm kỹ bộ máy và ai sẽ chỉ bảo cho tôi!

Sức khỏe của tôi ngày một kém vì với thân hình một đứa bé 14, 15 tuổi mà phải lấy ra hơn 10 giờ sức lao động trong một ngày thì bảo sức khỏe không kém sao được!

Lại nữa, đối với vấn đề tiền công, thì trước những sự đòi hỏi của tôi, chủ cứ hẹn mai hay than vãn túng bấn! Nhà tôi lại nguy ngập, không chịu nổi số phụ cấp hàng tháng cho tôi.

Cho nên, một buổi tối, sau một ngày uể oải, tôi đến nhà chủ xin thôi.

Chủ ngạc nhiên bảo: "Sao lại xin thôi đi? Từ hồi tôi lập nghiệp đến giờ, tôi chưa gặp một người học việc nào thông minh và mau tiến hóa như em. Em cứ bền chí ráng học chỉ độ ít lâu nữa là thành nghề thôi. Nếu bây giờ em bỏ dở có phải uổng mười tháng học tập của em không?...

Nhưng tôi vốn là trẻ không biết lo xa, và cũng không biết tiếc công học tập, nên tôi lại cứ nằng nặc cương quyết đi ra, bỏ lại bộ mặt ngẩn ngơ của chủ.

Đêm không sao, tối mù mịt, tôi lẩn thẩn hỏi mình: "Đi đâu bây giờ? Làm gì bây giờ?"

Và mãi đến ngày hôm nay, kể lại cho bạn nghe quãng đời học việc của tôi, tôi vẫn chưa giải quyết rõ hai câu hỏi trên.

THANH VỆ

Báo *Mới*.
số 4, 15–6–1939.

LẠC BƯỚC VƯỜN HOANG

Tôi lạc bước giữa một vườn hoang rậm,
Buồn bơ vơ trong bóng tối âm thầm,
Nghe cây cỏ rì rầm trao đổi hận,
Đương chờ mong nắng sớm, khát trăng rằm.

Tìm đâu nhỉ một hoa hồng nhung mật?
Kiếm đâu đây một trái chín thơm nồng?
Mà chỉ thấy chông gai đầy mặt đất,
Bao nõn cần chớm nọc rắn, vòi ong.

Tôi nóng muốn tay người vung hái tới,
Giật cành cao, cỏ dại kẻ thù chung,
Đương uy hiếp xanh xao tầng lá dưới
Đương trùm lên che khuất ánh dương hồng.

Cho ngào ngạt tưng bừng hương sắc mới,
Cho tràn đầy ánh sáng khắp non sông,
Cho xuân thắm cười tươi vườn xã hội,
Có chim đàn ríu rít, bướm ung dung.

Cho quả chín thơm lừng dâng vú sữa,
Nguồn vui tươi hạnh phúc của muôn người,
Cho tất cả loài hoa đua cánh nở,
Cho vườn đời kết nhụy mật sinh sôi.

Vườn hoa Nam Định,
tháng 6–1939.

KHUYẾT DANH

HỘI NGHỊ TĂNG THUẾ

Khói lửa chiến tranh mùi khét lẹt
Xông vào tận mũi dân Đông Dương;
Cho nên nhà nước bèn khẩn thiết
Kêu gọi "công–xây" [1] nhóm bất thường.

Lục tục, những ngài đại nghị viên.
Cả Nam, cả Pháp, cả Lào, Miên
Trẩy ra Hà Nội, ngồi ngoan ngoãn
Nghe cụ Bêvia nói chuyện... tiền.

Dạy rằng: "Đứng trước thói xâm lược
Của tụi quân nhân, loài "đế quốc",
Muốn giữ nhà ta đặng vững vàng
Thì phải khôn ngoan lo liệu trước..."

"Bốn mươi bốn triệu dùng tăng binh,
Tuy vậy nhưng chưa đủ giữ mình,
Thuế mà chịu phiền thêm chút nữa,
Mấy thầy tư bản hãy hy sinh."

"Thương hại thằng dân tuy khố rách
Xưa nay đóng góp không chênh lệch;
Lần này đến lượt bác đầu to
Gánh vác thay dân mới phải cách..."

Sau lời phủ dụ vì "nhân quan",
Đóng cửa, "công–xây" bí mật bàn;
Mượn cớ quốc phòng kiêng tiết lậu,
Thế là... con bạc dễ chơi gian!...

---

1. Từ tiếng Pháp, conseil, nghĩa là hội đồng.

Thế là... sau mấy ngày to nhỏ,
Gật phứa tăng hơn chục triệu đồng.
Quanh quẩn vẫn thằng dân rách khố
Còng lưng gánh vác thuế... "binh nhung".

... Trong lúc hội đồng càng kín mít
Tối như một buổi tập phòng không
Gác cho tư bản nằm ôm "két",
Béo mập khôn sờn một mảy lông.

Báo *Mới*,
số 4, 15–6–1939.

M. T.

NƯỚC CHẢY CHỖ TRŨNG

Vậy là quý ông Phạm Lê Bổng sẽ thực hiện chuyến viễn du ấy chăng? Ông ấy sẽ sang Pháp để dự lễ kỷ niệm 150 năm ngày phá ngục Baxtiơ. Sự đời thật trớ trêu!

Tuy nhiên có một vấn đề lo lắng đặt ra: Ông Bổng tự hỏi mình: không biết ông có đủ sức để chịu đựng những cái búng véo của thời tiết thất thường và những cú sốc trên đường viễn du không. Nhưng chính phủ Đông Dương đã lo liệu chu đáo. Họ sẽ gửi cái bị thịt đó bằng đường hàng không!

Đấy một kiện hàng gửi đi được trả tiền cước một cách đế vương!

Chính phủ thiết tha muốn làm một cử chỉ vô tư đối với ông Bổng, mặc dù rất tốn kém cho ngân sách.

Có thế thôi!

Và gương mặt ông Bổng long lanh mãn nguyện, sáng ngời một tia sáng thú vị. Thú vị! Kiểu Oattô[1]! các bạn có biết mặt thằng hề Gilơ[2] trong bảo tàng Luvrơ không?

Tạm thời ông Bổng cứ là nhân vật của thời đại! Chuyến viễn du sắp tới của ông thành trò cười cho dư luận, nó quất vào thi hứng châm biếm, nó kích động dân Hà Nội ào lên chế giễu.

Có người nói: Việc lựa chọn cũng quái dị thực! Vì tuy ông Bổng nặng xác nhưng lại không có lấy hai gam trí tuệ, thế thì sao?

Một người khác nói thêm:

Chắc chắn ông Bổng chưa đọc cuốn "Lịch sử nước Pháp" của ông ta. Chắn chắn ông ta không biết rằng ngày 14 tháng Bảy là ngày của cách mạng. Nếu biết, hẳn ông ta đã không đi.

Đến đây, một họa sĩ châm biếm nói xen vào, mớm lời ông Bổng:

"Cách mạng ư? Tôi không biết! Tôi muốn bắt chước đức Hoàng đế của tôi mà thôi!".

---

1. Watteau họa sĩ Pháp (1684 – 1721) chuyên vẽ đề tài đồng quê, ngày hội.
2. Gilles nhân vật hề, tác phẩm của Oattô.

Một chú lỏi con hôm nọ khi đi qua trước cửa nhà lão Pêtácđiê đã chạm hai bàn tay vào mồm làm loa và hét to:

"Này sang Pari liệu kẻo mỡ người sẽ chảy tan ra đấy! Mấy hôm nay trời nóng lắm đấy!".

Một ông bạn đồng nghiệp của tôi dường như biết chuyện ông Bồng có ý định sang Pháp xây một tòa Phó vương Bắc Kỳ nho bé cho ông thầy cận thị của mình.

Đúng thế đấy! Những cái đầu ngu ngốc không phải là nghèo tham vọng. Có một ai còn thổ lộ cho tôi rõ: "Chính phủ không còn biết cách nào hạ uy tín cách mạng một cách hữu hiệu hơn. Làm như vậy là để bảo cho dân chúng Bắc Kỳ biết rằng: Cách mạng chẳng hề cách mạng chút nào! Đấy, xem ông Bồng cũng đi góp phần..."

Cả hai ý kiến ấy đều khiến ông Bồng thích thú: Một con rối vẫn là một con rối.

Nhưng đám bán báo cho phe bảo hoàng thì cứ rối lên. Trong một buổi họp vừa qua, người ta lo lắng một cách chính đáng về chuyến viễn du.

Lo cho tính mạng ông Bồng ư? Không! Người ta nói:

Chà! Nếu Phạm Lê Bồng lúc trở về với chúng ta lại đã bị cộng hòa hóa, dân chủ hóa, lưu manh hóa, đến tận xương thì xấu hổ biết mấy! Xấu hổ biết bao nếu một khi sang đấy, đáng lẽ phải đi thắp một nén hương dưới cái váy của Mari Ăngtoanet[1] ông Bồng lại đi nhập thẳng vào đám biểu tình ở đại lộ Mich hay ở trường đua xe đạp mùa đông, hoặc ở trường Ngôi Sao, thậm chí ở quảng trường Quốc gia hoặc quảng trường Ngục Baxtiơ, để đi cùng với đám công nhân ở ngoại ô Xanh Ăngtoan.

"Xấu hổ biết bao!..."

Hỡi bạn đọc thân yêu, xin các bạn đừng hỏi lại tôi vì sao cái hình nộm con chút chít bằng bột ấy hôm nay lại trở nên nổi tiếng như vậy!

Nước chẳng chảy chỗ trũng mà.

Báo *Notre voix*,
số 23, 23-6-1939.

NGUYỄN VĂN SỸ *dịch*

---

1. Vợ vua Lui XVI, đã thúc đẩy Lui XVI chống lại Cách mạng, sau bị treo cổ

SẮT VÀNG

Có nhiều kẻ vội vàng xây dấu vết:
Những đền chùa để giả cảnh "Thiên cung".
Như một vài ông Thượng ở miền Trung,
Lo "quy thiện": Từ bi cùng bác ái.
Để xối xuống lòng dân đen ngu dại:
Nước cam lồ, pha lẫn chất hương mê.
Ru triệu dân ngủ dưới bóng bồ đề,
Đừng ngoảnh mặt ngó qua thời thế nữa.
Vì... cơm, áo, hòa bình, hay binh lửa,
Có Thích Ca lo liệu sẽ chu toàn.
Cứ tu đi, sau sẽ đến Nát bàn!
Là chốn ở muôn người không tục lụy.

*

* *

Nghe nói thế dân ngu này vội nghĩ:
Tìm lối qua thế giới quá yêu đương.
Nhưng khi đi chưa được một quãng đường,
Đã gặp cảnh lầm than đầy ảo não,
Muôn lệ nhỏ khóc đời không cơm áo,
Kêu đau thương, theo gió thoảng xa vời!

*

* *

Hỡi người ôi! Đền, tháp đứng chơi vơi,
Cùng cung điện nguy nga, nhà tráng lệ.
Là cơm áo, nhân quần, mà những kẻ
Cướp ngang tay để xây dựng cơ đồ.
Mượn từ bi làm áo phủ thân nhơ!
Đem mắt cạn nhìn đời thô thiển lắm;
Họ đâu biết họ là phường "đĩ" lạm

Dùng vải thưa che mắt cả muôn người.
Để lừa ta, những kẻ biết thương đời!

*
* *

Nhưng sự thật, sắt, vàng đâu có lẫn.

*
* *

Ta đã chết mấy lần vì bọn chúng,
Lẽ đâu nay lại để đánh lừa thêm.
Ôm trong tay: Cái chết quá êm đềm!

THANH VÂN

Báo *Mới*,
số 5, 1–7–1939.

LỖI HẸN

Một buổi mùa đông lạnh xám trời,
Mưa dầm sướt mướt hận chia phôi.
Xịch đâu ngoài cửa, từ muôn dặm,
Vừa đến tin anh sắp phản hồi.

Tức thì em thấy trời thôi rét,
Trong lúc lòng em cũng nở hoa.
Của một mùa xuân về trước tết,
Tưng bừng nắng sớm với chim ca.

Thế rồi hy vọng theo hy vọng,
Dâng ngập hồn em đã hứa song.
Với những ân tình thêu chuỗi mộng,
Ngày về muốn kéo riết trong tay.

Ngày ấy, than ôi! Rất hững hờ,
Vừa qua rồi đấy, tủi em chưa!
Thôi rồi! Anh đã sai tin hẹn,
Theo dõi chân trời một bóng mơ.

Mặc cả xuân về ủ núi sông,
Lòng em trở lại với mùa đông.
Để ngăn những tiếng vui thiên hạ,
Có biết chăng ai đóng cửa phòng?

Báo *Mới*,
số 5, 1–7–1939.

BÀ M. T.
(tức MINH TƯỚC)

MỘT LŨ DÂN ĐEN TIỄN CHÂN
ÔNG PHẠM LÊ BỔNG ĐI TÂY

Này ông nghị Bổng ơi!
Chúng tôi đưa chân ông đến tận bãi tàu bay,
Tiễn ông sang "nước mẹ" dự kỷ niệm cái ngày cách mệnh nổi lên.
Này ông nghị Bổng ơi!
Tay cầm tay chúng tôi những muốn phát điên,
Giận sao người ta cố ý sỏ siên ông như thế này!
Này ông nghị Bổng ơi!
Cử một thằng Bảo hoàng nổi tiếng xưa nay,
Dự kỷ niệm cách mệnh dân chủ thì tiên sư Tây ai chẳng cười bò!
Này ông nghị Bổng ơi!
Quả thực là ông bị họ chơi chua,
Đem ông sang bên ấy làm cái trò đùa cho ngày hội thêm vui.
Này ông nghị Bổng ơi!
Có lẽ khi ông hiến thân ra cho xứ lạ mua cười,
Nghe quần chúng Pháp hô đả đảo chế độ quân chủ chắc ông phải bĩu môi mà "bá ngọ" thầm.
Này ông nghị Bổng ơi!
Hẳn lúc bấy giờ ông phải "đù cha" cái lối chơi khăm.
Nó đưa ông sang cái chỗ mà họ cứ nhằm ông họ "mẹc sà lù!"
Này ông nghị Bổng ơi!
Chúng tôi xin ông có "đù", ông chớ "đù" to,
Kẻo đến tai ông giám quốc thì ông chẳng khỏi rũ tù trong ngục "săng tê".[1]
Này ông nghị Bổng ơi!
Có đi thì cẩn thận mà về.
Không rồi bảy triệu dân chúng Bắc Kỳ ai vực đỡ cho.

---

1. Santé, tên nhà ngục lớn ở thành phố Pari.

Này ông nghị Bổng ơi!
Ổng đừng bỏ chúng tôi, một lũ dân ngu,
Chúng tôi xin nai lưng đóng thuế cho ông điều lu bù hết Á lại Âu.
Này ông nghị Bổng ơi!
Hai vạn đồng khuyên dân ủng hộ cuộc phòng thủ chúng tôi coi có vào đâu.
Mà hai nhăm ngàn nữa, công chở khí giới sang Tàu chúng tôi chạy cũng phải bay.
Này ông nghị Bổng ơi!
Thôi đành là mỗi khi ông được người ta thưởng cho một chiếc "mề đay".
Thì chúng tôi lại cố bấm bụng chịu mấy ngày nhịn đói nằm co.
Này ông nghị Bổng ơi!
Hẳn ông cũng biết rằng chúng tôi thật đã "xủ bò"
Từ khi cái thằng thiêu pháo nó bắn ông vô trong chốn nghị trường.
Này ông nghị Bổng ơi!
Càng nghĩ chúng tôi càng cảm cái công ơn ông ra sức lắc chuông.
Cấm không cho người ta phản đối dự án thuế nó lóc xương nạo tủy bọn dân nghèo.
Này ông nghị Bổng ơi!
Ông ra đi đè mây cưỡi gió, đường xa hiểm nghèo.
Mà một ngày được năm chục bạc [1] thì chẳng biết ông ăn tiêu ra sao cho nó đủ dùng.
Này ông nghị Bổng ơi!
Đành là còn những chiếc khố dây này chúng tôi đưa nốt nó cho ông.
Ông làm ơn cầm lấy cho chúng tôi được mát lòng mát ruột từ đây.
Này ông nghị Bổng ơi!
Ông ngắm lại mà xem cái thân thể chúng tôi này:
Vốn quen ở trần như nhộng còn tiếc ông cái khố dây làm gì.
Này ông nghị Bổng ơi!
Vả lại đương gay gắt nắng hè.

1. Tiền phụ cấp mỗi ngày của Bổng là 50 đồng, một tạ gạo khi ấy là trên dưới 10 đồng.

Đeo vào mình cái khố làm chi cho nó nực người.
Này ông nghị Bổng ơi!
Thôi thì chúng tôi hy sinh nốt quách cho nó đi đời.
Gọi là thêm chút để ông ăn chơi cho nó hùng.
Này ông nghị Bổng ơi!
Chúng tôi chỉ mong ông đóng vai hề cho ra phết giống Tiên Rồng.
Làm vui lòng đức Bảo Đại thì mất khố chúng tôi cũng không oán hận nửa lời.
Này hỡi ông nghị pháo của chúng tôi ơi!

NGHÈ BÙN

Báo *Ngày mới*,
số 10, 4 – 11–7–1939.

NHỮNG CÂU CHUYỆN Ở MACXÂY VÀ Ở THUỘC ĐỊA

Ít lâu nay tại Nghị viện đã có những lúc thực sự vui khi sự việc ở toà Thị chính Macxây trở thành đề tài thảo luận của Hội đồng tôn nghiêm của Viện.

Trả lời mấy vị chất vấn, ông Pôn Râynô, tay cầm hồ sơ, miệng kể mấy câu chuyện hay hay, rất kiên quyết mà cũng rất kỳ quặc kiểu Macxây mà người ta cho là nó nảy sinh từ đầu óc tưởng tượng của một nhà văn kiểu Anphônxơ Đôđê chứ không phải đã được tra cứu đúng đắn qua một cuộc điều tra tỉ mỉ và chân thực.

Chỉ còn khó biết nên chọn chuyện nào và ở đây – đúng là như vậy – chúng tôi xin kể ra đây ba chuyện, theo nguyên văn ông Râynô kể:

Đây là câu chuyện thứ nhất:

"Mỗi ủy viên (tất nhiên đây là ủy viên tòa Thị chính Macxây) có một văn phòng, một thư ký, một xe ôtô và trường hợp ai dùng xe nhà thì được trợ cấp tiền mua xăng".

Và đây là câu chuyện thứ hai, nghe còn thấy hoang mang hơn nữa:

"Từ con số 19 vào năm 1935, số các giám đốc và trưởng phòng đã vượt qua con số 58 lúc quan cai trị đặc cách được cử đến (do trên chính phủ chỉ định sau khi phát hiện vụ việc bê bối). Một thầy phán có thể vượt tất cả các cấp lên thẳng ngay làm giám đốc, làm giám đốc mà không có lấy nhân viên dưới quyền. Một giám đốc tự mình giám đốc mình".

Và đây là câu chuyện thứ ba kỳ cục nhất.

"Mới đây, chính quyền đã bắt giữ một người đàn bà chuyên bán giấy chứng nhận nghèo khổ, lấy 20 frăng một tờ. Chị ta bán cho những người mà Sở Cẩm đã từ chối không cấp thứ giấy chứng nhận ấy. Người ta hỏi "Chị làm nghề này từ bao giờ?" Chị trả lời rất chất phác: "Tôi nối tiếp làm nghề này của mẹ tôi".

Giờ đây bạn nghĩ sao?

Những người dân lương thiện ở Pháp khẳng định đấy là mức kỷ lục về lộn xộn trong việc quản lý hành chính đất nước, rằng việc gây

tai tiếng này đã vượt quá giới hạn khiến người ta nghĩ không bao giờ còn có những điều kỳ dị hơn như vậy.

Những người dân lương thiện ấy tỏ ra họ không biết gì về những xứ thuộc địa là những nơi ở xa thủ đô Pari hơn Macxây cực nhiều. Nơi đây mặt trời thường tạo nên những phép lạ còn kỳ diệu hơn nhiều những sự kỳ dị ở Macxây. Ở đấy, họ sẽ thấy những sự việc vượt rất xa ở Macxây và tòa Thị chính của thành phố này, những sự việc có thể làm mờ nhạt những câu chuyện kỳ dị ở Macxây mà ông Râynô đã kể. Họ sẽ thấy ở đó, chẳng hạn có những quan người da trắng, những vị này truất ngôi từ đã lâu những quan người da vàng, và họ có lối sống xa hoa làm người ta nghĩ về họ là những đại lãnh chúa ngày xưa. Họ không những chỉ có ôtô với vô vàn đầy tớ, mà còn có quyền tha hồ lấy tiền ngân sách nhà nước đem ra tiêu, vì họ là Toàn quyền, là Thống sứ, Công sứ hoặc Chủ sự.

Với các ủy viên hội đồng Thị chính Macxây, ông Pôn Râynô và ủy ban La Hats còn có quyền hành, chứ ở đây, họ sẽ bất lực.

Báo *Notre voix*,
số 25, 7-7-1939.

NGUYỄN VĂN SỸ *dịch*

TUỔI TRẺ VÀ... TỰ DO

Năm 1789, nhà ngục Baxtiơ bị phá đổ. Cả một chế độ phong kiến, tử thù của Tự do, kết tinh trong nhà ngục Baxtiơ cũng theo nó mà đổ. Dân chúng reo hò, hoan hô chào đón Tự do đã trở về với họ.

Nhưng, nếu có người đã hoan hô reo hò vì Tự do đã trở lại, thì cũng có người đã trở lại, thì cũng có người đã xốn sang, bực tức vì thấy những đặc quyền của mình lui dần đi.

Cho nên, bốn năm qua...

Nhiều cuộc vũ trang chống nền Cộng hòa đã nổi lên, và bọn ích kỷ Bảo hoàng đã đánh lấy được một vài đô thị nhỏ.

Máu nóng của Tự do sôi lên trong dân chúng. Người ta đua nhau gia nhập vào các đội quân tình nguyện.

5–7–1793 đã về chiều.

Đội quân Bảo hoàng đã lấy được thành Macxây rồi dọc theo bờ sông Ranh đi dần lên Nôvê. Họ chỉ còn qua sông Đuyrăngxơ, là đánh lấy được Avinhông.

Nhưng muốn qua được sông Đuyrăngxơ bọn ấy phải nhờ một cầu nối bằng ván ghép lại.

Quân Bảo hoàng tràn như nước vỡ đê, mà quân Cộng hòa thì thưa thớt quá, nên muốn ngăn cản quân Bảo hoàng, dân chúng Avinhông chỉ còn một phương kế cuối cùng là chặt cái dây neo cầu nối Quân cộng hòa còn đang do dự thì bên kia bờ sông, địch quân bắn xả qua như mưa.

Giữa lúc ấy...

Lưỡi rìu giắt lưng, tay cầm súng, cậu bé Viala không thấy tử thần mà chỉ thấy Tự do, băng mình qua từng làn đạn của nghịch quân, thẳng thắn đi đến trụ cầu. Rồi với một cử chỉ lanh lẹ, đứa bé lưỡi rìu, vung tay định chặt đứt dây neo.

Nhưng, trước khi nhìn đến tấn kịch cuối của công việc mình thì đứa bé ấy phải trả rìu buông xuôi tay, ngã lịm dưới làn mưa đạn...

Để, trong buổi chiều tà, còn rung động tiếng ngân của một câu bất tử: "Tôi chết vì Tự do".

Sáu tháng sau, bọn Bảo hoàng nổi loạn ở Văng đéc và bao vây được quân Cách mạng ở Xôlê.

Những tiếng tung hô nhà vua từ những cổ họng của bọn phản dân nổi lên ồ ạt. Tất cả mọi người đều bị bắt buộc la to: "Hoàng đế vạn tuế!". Người nào không tuân liền bị tử hình. Cho nên tiếng tung hô đã ồ ạt lại càng ồ ạt. Và giữa sự ồ ạt ấy, một giọng nói trẻ trung mà khí khái, trong trẻo mà rắn rỏi lan ra, lấn át dư âm của những tiếng tung hô hoàng đế: "Cộng hòa muôn năm!".

Tiếng lanh lảnh ấy là tiếng nói của đứa bé Bara, mà tên tuổi đã từng làm đầu đề cho bao nhiêu nghệ sĩ tự do vì, liền sau đấy, Bara trút hơi thở cuối cùng, lúc đạn của nghịch quân xuyên qua màng phổi.

Bara chết! Viala chết! Chết vì tự do!

Rôbétxpie trên diễn đàn của Côngvăngxiông còn nhắc lại: "Chính Tự do đã sản xuất ra những vị anh hùng 13 tuổi ấy".

Nhưng các bạn trẻ của tôi ơi! Nếu các bạn còn thấy trong thâm tâm một sự hằn học vì kiềm chế, các bạn còn thấy lòng mình rung động trước Tự do, thì người của Bara và Viala vẫn sống, vì Bara là hiện thân của Tự do trong thế hệ trẻ trung của chúng ta.

Bara và Viala chết, để lại những tiếng của cõi lòng, mãi mãi ngân vang trong tâm hồn của tuổi trẻ.

Và các bạn trẻ của tôi ơi! Các bạn có cùng tôi nhận thấy rằng: Trên màn trời đỏ thắm, còn biết bao nhiêu bạn trẻ khác đang hăng hái kiêu hãnh, nối gót Bara, Viala để lần lượt tiến lên, đầy một lòng tin mãnh liệt sẽ mang lại cho nhân loại cái mộng đẹp mà họ từng ôm ấp: Tự do.

THANH VỆ

Báo *Mới*,
số 6, 10–7–1939.

TỎ LÒNG
NGÂM CÂU CÁCH MẠNG
(Thơ trăm câu)

Bao la vô tận vô cùng,
Tự nhiên thế giới mịt mùng biến thiên.
Xã hội người, bụi chen vũ trụ,
Trải thời gian, hàm đủ khác sai,
Đẫm mùi hoạt động không phai,
Theo chừng kinh tế đời đời đổi thay.
Tiến mãi lên với tay tranh đấu.
Cho sanh tồn nồng hậu phong nhiên,
Lịch trình lưu chứng đã nhiều,
Tranh hùng giai cấp, hô hào duy tân.

Năm một ngàn bảy trăm tám chín,
Chính thời kỳ kịch biến phong ba,
Thời kỳ Cách mạng Lang–sa,
Đạp bằng chế độ, Cộng hòa đại hưng.
Đời Trung, Cận [1] về phường quí tộc,
Nắm đại quyền, thúc phọc nhơn dân,
Công, thương phát đạt dần dần,
Nới đường sanh sống, tinh thần chuyển đi.
Hạng thượng lưu xa bề cẩn thủ,
Thích dễ dàng, vui thú chơi hoang,
Nhà vua chuyên chế bạo cường,
Và đua xa xỉ bền đường chiến tranh.
Nền tài chính rung rinh khẩn cấp,
Lũ đại thần chắc bóp vô lưu,
Thiếu chi những trung lưu thành thị.
Nhờ công thương oai thế dồi dào

---

1. Trung cổ (Môyen âge), Cận đại (Temps moderne).

Khó cam chịu lép phần nào,
Đã toan dẫn dắt đồng bào đứng lên.
Các thợ thuyền bị thêm bóc lột,
Sóng căm hờn bồng bột dân gian,
Mạnh, Lư [1] học thuyết khắp tràn,
Hưng ba trợ lãng chứa chan nhân tình.
Mỹ châu độc lập công thành,[2]
Trên đường giải phóng, lại hình giục ai!

Hội Toàn cấp [3] bị đòi thương nghị,
Tìm diệu phương cứu tế lý tài,
Phân vân ý kiến bất hài,
Nhà vua bế hội cho đời vần xoay.
Bình dân đại biểu xưng ngay.
Quốc dân hội nghị thêm vầy Quí, Tăng [4].
Đồng tuyên ngôn đòi tăng Hiến pháp,
Vững một lòng chả khép nép lui,
Triều đình chừng muốn êm xuôi.
Rắp đem tàn lực rập vùi bạn dân!

Bực mình, nô nức nhân dân,
Có anh làm báo thét gầm gọi nhau[5].
Kíp dấy lên tóm thâu khí giới,
Cùng biểu tình sôi nổi Pari,
Sáng thứ hai, đòi kỳ tháng Bảy,
Khắp kinh thành, lừng lẫy xôn xao.
Công, nông, binh khởi ba đào,
Nhất hô bách ứng, đánh vào Báchti[6],

---

1. Montesquieu (1689-1755); Rousseau (1742–1778).

2. Tuyên bố thành lập nước Mỹ 1776.

3. Etats Généraux.

4. Quí tộc (noblesse); Tăng lữ (clergé).

5. Camille Desmoulins: (1760–1974).

6. Bastille nhà ngục tượng trưng cho sự tàn ác của chế độ chuyên chế phong kiến Pháp, bị Cách mạng Pháp 1789 đánh phá.

Tại miền đông Pari vời vợi,
Biết bao lần giam hại vô cớ,
Nêu chuyên chế năm giờ cầm cự,
Ném trăm thân vỡ lở nhà tù,
Báchti tan tác mịt mù,
Pari ngụt ngụt, hơi thù xông lên!
Tham quan ô lại đảo điên,
Đứa liền nuốt đạn, đứa liền đầu rơi!

Phong trào cách mạng rập rồn:
Ào ào ngoài quận [1], nhoi nhoi trong triều!
Dòng sang phải vội chiều dân ý,
Cho biển đời gió nhẹ sóng êm,
Chế độ cũ đoan nghiệm triệt diệt,
Quốc hội [2] liền khích liệt chăm nom.
Thảo ra Hiến pháp, khéo khôn.
Trước tiên định bản Tuyên ngôn dân quyền.
Nền dân trị, kết liên bình đẳng,
Và tự do đứng đắn khuyếch trương.
Dần dà phế phách quân vương,
Hội nghị Quốc ước [3] đảm đương đại quyền.
Vợ chồng vua nghe phen dơ dáng,
Cùng bao nhiêu bè đảng phải cam...
Cam lòng chịu lấy tử hình,
Đem đời sống trả tội tình trót gây...
Phái Sơn nhạc [4] thẳng tay đối phó
Chống bên ngoài, khủng bố bên trong.
Gây nên lắm trận hãi hùng,
Trừ càn cho tiện trùng hưng nước nhà.
Tiếc thay, phe phái bất hòa,
Hệ tương tàn sát cơ hồ suy vi.

---

1. 6 câu từ đây sắp lên là câu cũ của tác giả.
2. Quốc dân hội nghị (Assemblée nationale).
3. Convention (Quốc ước).
4. Montagne (phái Núi).

Tuy nhiên một cú nặng nề,
Lắm phen tranh đấu, lắm bề gian nan.
Động rung khắp cả doanh hoàn,
Cho đời ảnh hưởng muôn vàn quí cao!
Bao âu yếm rót vào nhơn loại,
Toại lòng ai, gió thổi cách tân.
Hùng hồn, mãnh liệt tinh thần.
Khích lòng cách mạng toàn dân bừng bừng.
Đứng phắt lên vang lừng yêu sách,
Được làm người một mạch chung dung,
Mở trang lịch sử kiêu hùng.
Bấy nay hoạt động vô cùng hiên ngang.
Biết bao vận động đàng hoàng.
Biết bao thắng lợi rõ ràng quốc gia.
Trên đường phát triển lâu xa,
Phi thường tiến bộ chưa ra vẹn tròn!
Bình dân tranh đấu luôn luôn.
Ấy hình hiện tại, ấy nguồn tương lai!

7-1938
TUẤN CẢNH

Đông Phương tạp chí,
số 8, 15-7-1939.

"KỶ NIỆM" MỘT CÁCH THẬT TRỌNG THỂ!

Mà "trọng thể" thật!

Nếu không, sao lại có "đêm hát đặc biệt tại rạp hát Tây", có khiêu vũ ở dinh Đốc lý, và... lại kéo dài tới 4 ngày trời nữa, tuy rằng biểu tình và mét tinh thì cấm tuyệt!

Nếu ý nghĩa của một cuộc kỷ niệm là phải làm sao cho người ta nghĩ tới tinh thần của những người được kỷ niệm, làm sao cho người ta hiểu tới lịch sử cuộc đấu tranh oanh liệt của họ, thì ai lại "kỷ niệm" mãi một cách như vậy?

Tôi nói người ta chả muốn giễu cợt hay ngạo mạn một cách chua cay, nếu không nói là người ta muốn chửi, chửi một cách thâm độc, những nhà cách mạng 89.

Nếu những nhà cách mạng kia có quyền tái sanh lại mà xem 150 năm sau là ngày nay nhỉ, có lẽ họ phải gạt nước mắt mà than dài: "Hỡi ôi!" và tưởng như mình đã xa lạc vào thành trì của bọn người... loạn óc.

THÌ NÀO CÓ KHÁC!

Một đằng chửi cách mạng một cách sổ sàng ra mặt.

Một đằng chửi bằng cách kỷ niệm "xỏ"; biến một ngày cách mạng thành một ngày hí hước, cử những tên thù oán cách mạng nhất như tên bảo hoàng Phạm Lê Bổng, tên tiểu văn sĩ "liếm giày" Trần Văn Tùng và nữa nữa... qua dự một cuộc kỷ niệm cách mạng! Đặt lên cân ta thấy không hơn, không kém.

Ôi! Mỉa mai! Mỉa mai!

KHÔNG CÓ TIỀN

Ngày 30–6–1939, chính phủ bắt đầu cắt bữa cơm trưa của anh em học trò nghèo tập việc ở tại trường máy đường Đỗ Hữu Vị. Yêu cầu giữ chế độ cũ không được, hơn 100 anh em đã làm reo, phản đối. Cái cớ của một trăm sự từ chối hay hạn chế của nhà cầm quyền xứ này đều như một: "chánh phủ hết tiền". Phải, tiền chánh phủ đã hết, nó hết vì những món tiêu xa xỉ vô nghĩa lý; nó hết để cấp hàng ngàn cho một tên Trần Văn Tùng hay một tên Phạm Lê Bổng đi bêu xấu Đông Dương trong cuộc kỷ niệm Đại cách mạng Pháp; nó hết để cung tháng hàng ngàn nuôi một tên Bùi Quang Chiêu đi bợ đỡ, phản dân; nó hết để trả hàng triệu đồng cho ông Brêghê sang Đông Dương đặng... không lập được xưởng chế tạo máy bay; nó hết để xây một tòa nhà nghỉ mát lộng lẫy ở Đà Lạt cho một thiểu số thượng quan; nó hết để trợ cấp hàng vạn đồng cho một tên Lê Thăng hay Phạm Huy Lục ra những sách không ai cần, nó hết để nuôi béo những tờ báo phản động đặng lừa gạt, mạt sát dân chúng... Và còn nữa, còn nữa, còn không biết bao nhiêu nữa...!

Nhưng, nó đâu có hết vì một bữa cơm trưa của anh em học thí công nghèo (tuy nhiên những anh em này cũng không phải là không làm lợi cho nhà trường). Nó đâu có hết vì những công cuộc mở mang sự học vấn, hay công ích cho dân chúng hiện còn đang thiếu sót tứ tung; nó đâu có hết vì tăng tiền lương "chết đói" cho những phu thùng, phu rác, cho những kẻ làm công cực nhọc kia, trong khi giá sinh hoạt cứ lên như thổi...

Tội nghiệp cho thằng dân xứ này, càng ngày càng phải thắt lưng buộc bụng, nhịn cơm, bớt cháo của vợ con, ở trần lăn lộn để đóng hàng triệu triệu thuế cho một bọn nhởn nhơ, chơi bời, phung phí... và cho chúng còn bêu xấu và... bỏ tù mình nữa là khác.

KHÔNG BIẾT TRONG KHI...

...Người ta hẹn hò nhau sắp "xổ" ra hàng tràng diễn văn suông tại nhà hát Tây trong một tối "đại lễ", để kỷ niệm một cách thật long trọng năm thứ 150 của cuộc Đại cách mạng, người ta có thèm nhớ tới lời này của một chiến sĩ cách mạng kia.

Không nhẽ:

– Sau bánh mì, học vấn là món cần dân chúng hơn hết (Đăngtông).

Nếu còn bớt cơm của anh em học trò nghèo kia thì thật là... bướng!

Còn nếu không, thì "kỷ niệm để mỉa mai ai?"

TIN GIỜ CHÓT

...Cho hay rằng mấy ông Hội đồng quản hạt đã can thiệp và chính phủ đã hứa trả lại bữa cơm cho anh em rồi (!) Nhưng mới chỉ là hứa thôi. Và mặc dầu, một lần nữa ta đã được cơ hội đánh dấu vào chỗ "thật tâm khai hóa" của chính phủ thuộc địa ở xứ này.

HỒNG LỆ

Báo *Mới*,
số 6, 15–7–1939.

CẢNH NGÀY HỘI 14 THÁNG 7 NĂM 1939

Kính tặng ông G.Măngden

Nhân vật gồm có một nhà du lịch người Âu châu, có khuynh hướng tự do, anh hướng dẫn hay chuyện, hợm mình nhưng ngốc nghếch; và đám đông dân chúng.

Khách du lịch nhìn thấy đám đông dân chúng ở đàng xa, chất trữ tình trong người nổi lên...

Chà mới đông người tụ tập làm sao! Ý thức dân chúng thật là tự phát, họ ăn mặc quần áo sặc sỡ, mới đẹp đẽ lộng lẫy làm sao! Vui lòng biết mấy khi nhìn thấy những người dân An Nam tham dự ngày lễ kỷ niệm 150 năm cuộc Cách mạng Pháp một cách thực sự cảm động thế này!

Anh hướng dẫn: Về điều đó, ông nói rất đúng. Trong đám họ có đủ thứ hạng người đi bộ hàng mấy chục cây số, cơm đùm cơm nắm, kèm theo nước mắm, vịt gà để đến đây dự hội đấy. Ông thử nghĩ xem! Cả năm họ mới có dịp này để ra tỉnh dự cuộc vui. Để mua vui cho họ, hôm nay người ta tổ chức nhiều trò chơi, nào chạy đua, nào biểu diễn sân khấu. Theo tôi, chính phủ làm như vậy là đúng, cũng phải thỉnh thoảng bày trò cho dân chúng được vui chứ.

Khách du lịch: Ngạc nhiên và bực mình: Bày trò vui à?

Anh hướng dẫn: Rút trong túi ra lấy một tờ Chương trình ngày hội, dõng dạc nói: Đúng thế, bày trò vui. Đây, ông hãy đọc Chương trình này mà xem. Tôi sẽ không đưa ông đi xem cuộc chạy thi, nó tầm thường và nhạt nhẽo lắm. Tôi sẽ dẫn ông đi xem những trò chơi và tôi cam đoan là xem những trò ấy ông cũng sẽ vui, sẽ thấy nó buồn cười vô cùng.

Tò mò khách du lịch cứ lặng đi theo anh ta.

Anh hướng dẫn: Ông hãy nhìn cái cột cao bôi đầy mỡ kia kìa, tít trên đỉnh cao cây cột có treo đủ thứ: nào khăn mặt, nào ô mũ... Đấy là cây cột mỡ và ai trèo giỏi sẽ được thưởng. Ông hãy nhìn cái anh chàng kia leo lên chỉ cách đích có vài thước mà lại phải tụt xuống va vào đầu anh chàng leo sau.

Khách du lịch càng thêm tò mò thốt lên: Chà!

Anh hướng dẫn: Kéo khách đi sang dự một trò chơi khác. Ở đây còn vui hơn nhiều. Ông hãy nhìn cái dãy hàng loạt những chiếc nồi đất nung treo vừa tầm đầu người và đám người mù đang quờ quạng giơ những cẳng tay khẳng khiu, gày guộc ra đập đập, hy vọng đập vỡ được những cái nồi đất kia. Ông hãy nhìn kỹ anh chàng mù mặc áo dài đen kia, một bước nữa là anh ta chạm được vào cái nồi số 3. Ồ! tội nghiệp anh chàng đen quá! Tiền bạc chẳng được, chỉ được một nồi nước dội vào người. Bất chấp! Anh ta lại tiếp tục, anh ta đi đúng hướng rồi: Lại một cái nồi đất bị đập vỡ, lại bị nước dội vào người. Nhưng không sao! Giờ đây đến lượt anh mù đội khăn xếp đang khua tay, anh ta sắp chạm vào cái nồi số 7. A, đúng rồi! Cái nồi bị vỡ để rơi tóe ra rất nhiều tiền xu. Người đi theo nhặt giúp anh ta, họ đem đếm: được một đồng.

Khách du lịch vẻ rầu rĩ – Thế này là thế nào?

Anh hướng dẫn: Thế ông không thấy vui à? Thế ông lại đàng kia. Ông nhìn cái khu đất có hàng rào vây xung quanh, bên trong có bốn con lợn mình bôi đầy mỡ và mấy anh chàng mắt bịt kín đang cố gắng tóm bắt chúng. Không dễ chút nào đâu, tôi cam đoan với ông là như vậy. Có những anh đuổi bắt hàng mấy tiếng đồng hồ, mệt người mà chẳng ăn thua gì. Thật sinh động, như xem kịch vậy. Ông không thấy thế à?

Khách du lịch dằn giọng: Không! Kỷ niệm 1789 với những trò này ư. Không, không được!

Anh hướng dẫn bực mình: Sao, sao lại không được?

Khách du lịch rất nghiêm túc: Tôi thấy thế này thì bỉ ổi quá! (rồi như thốt nhiên vừa nảy ra một ý kiến) Tôi có một ý nghĩ như thế này: Anh đi hỏi những người kia xem họ hiểu về ngày hội 14 tháng Bảy mà nhân dịp ấy người ta đã bày ra những trò chơi cho họ giải trí, xem họ nói sao.

Anh hướng dẫn làm theo lời và sau khi đã hỏi mươi mười hai người, quay trở lại nói với khách:

Anh hướng dẫn: Phần lớn những người dân này họ nghĩ đây là Tết của người Pháp. Có mấy người cho đây là Hội chiến thắng.

Khách du lịch thất vọng: Trời ơi! Sao lại có thể thế được! Thế mà tôi trước đây cứ nghĩ trời biển gì khác! Người ta coi thường dư luận thật!

Anh hướng dẫn: Ông khó chịu lắm à! Do họ không hiểu biết gì, khi con người ta không đi học...

Khách du lịch: Nhưng chính phủ đáng lẽ ra phải giải thích cho người ta hiểu ý nghĩa của ngày hội 14 tháng Bảy là ngày kỷ niệm cuộc Cách mạng Pháp chứ! Ít nhất thì người nông dân hạng bét khi đến đây cũng phải biết rằng ngày 14 tháng Bảy là ngày phá ngục Baxtiơ, là ngày bắt đầu lật đổ nền quân chủ và là ngày thành lập nền Cộng hòa. Sự việc đó đã xảy ra năm 1789, cách đây 150 năm. Này anh, anh hãy đi nói cho họ biết tất cả những điều đó đi!

Báo *Notre voix*,
số 27, 27-7-1939

NGUYỄN VĂN SỸ *dịch*

NHỚ LỜI CHÚA PHÁN

Suốt trong nước, mọi người đều oán thán mãi, bất bình mãi về tấm thảm kịch ở làng Cẩm Bào (Thanh Hóa).

Người ta nguyền rủa cố đạo Tân đã không đi theo đạo chính lại đi theo đạo... ăn cướp – ăn cướp đất của dân. Đến nỗi cũng vì thủ đoạn của cố ta, mà dân bị toi đến ba mạng.

Cố đạo Tân là người mặc áo thày tu, đã từng sớm tối cầu nguyện với chúa để linh hồn của cố đạo trở nên thánh, có lẽ nào cố lại muốn đóng vai thằng ăn cướp như người ta tưởng lầm.

Làm cho dân tình phải đổ máu ra đến toi mạng, bậc chân tu ấy hẳn cho là làm "nên thánh" lắm lắm vậy. Chẳng thế, trên con mắt từ bi của cố, không hề chảy ra một giọt lệ ăn năn. Bởi vì hẳn cố nghĩ đến lời chúa Giêsu đã phán, đại ý như vầy: "Muốn đặng rỗi linh hồn, bay chẳng thể rửa tội bằng cái gì được, bèn "là phải rửa tội bằng máu đổ ra tự chính mình bay!".

Với câu ấy, chúa có ý bảo con chiên của chúa là cố đạo Tân phải chuộc tội bằng máu cố kia đấy. Nhưng cố nghĩ, máu của ai chẳng là máu... người! Vả lại, bọn dân đinh kia vốn ngu dốt, sống ở thế gian khổ lắm; thì âu là muốn cứu linh hồn họ đặng rỗi, cố bèn thương họ vô hạn, thương không kịp nghĩ đến sự cứu rỗi linh hồn mình trước. Nên cố làm cho máu họ đổ ra.

Và máu đã đổ. Thì còn khóc lóc gì nữa, hỡi những bà mẹ, những bà vợ có con hay chồng chết ở Cẩm Bào! Hãy trở lại mà hát khen ngợi đấng từ bi ấy đi thôi.

Bèn làm một việc hợp với lòng tin kính... cố vậy.

ÔNG LAGREGIƠ CHÁNH SỨ, XỬ TRẢM ÔNG LAGREGIƠ ĐẢNG VIÊN ĐẢNG XÃ HỘI

Lại một chuyện nữa ở Thanh Hóa, cái tỉnh ấy mà hóa ra nổi tiếng vì lắm việc đáng cười ra nước mắt!

Số là: Nhân dịp kỷ niệm năm thứ hai cuộc Trung – Nhật chiến tranh, anh Bùi Đạt có thay mặt cho một số anh chị em đưa món tiền 108 đồng 84 xu cho ông Bang trưởng để giúp nạn dân Tàu. Thế là sau khi đó anh Đạt được ông Công sứ Lagregiơ "mời" đến để... tống vào tù. Vì những lẽ ghê gớm này của ông Lagregiơ: 1) Ai bảo giúp Tàu trong khi Đông Dương cần phải đứng trung lập? – 2) Ai cho phép được mở cuộc quyên tiền (dầu thực ra anh Đạt lại không hề đi quyên, mới chết chứ!).

Bắt giam người ta vì những "tội" ấy, ông Lagregiơ Công sứ đã tuyên án xử trảm ông Lagregiơ, đảng viên Xã hội, một cách rất đàng hoàng? Và chắc ông Lagregiơ, đảng viên Xã hội đã chết hẳn trong người ông Lagregiơ Công sứ rồi. Vì nếu không, hẳn ông ấy phải chua xót mà nghĩ rằng, năm trước đây, vẫn cái thân hình này đã từng mang tấm "các" đảng viên Xã hội, để dự vào cuộc chợ phiên lấy tiền giúp Tàu do Đảng Xã hội tổ chức. Mà bây giờ thì... Nghĩ đến đây, chắc là không đợi ông Lagregiơ Công sứ xử tử ông Lagregiơ đảng viên Xã hội cũng đến héo hon hơn mà chết trước trong người... ông Lagregiơ mất thôi!

Thưa các ngài, không mâu thuẫn một tí nào hết.

KỶ NIỆM LONG TRỌNG ĐỂ MÀ... BỊ BẮT NHIỀU

Khắp Đông Dương, từ Nam chí Bắc, người ta đã kỷ niệm long trọng ngày 14 tháng 7 vừa qua. Người ta đây là kể cả chánh phủ và dân chúng.

Chánh phủ kỷ niệm bằng những bài diễn văn, nói miệng hay là nhờ đĩa hát nói thay, những bài diễn văn hoa mỹ trước một số thính giả bận lễ phục cũng hoa mỹ như... văn!

Dân chúng kỷ niệm bằng những cuộc biểu tình không hoa mỹ nhưng rất đông. Những cuộc biểu tình gồm các lớp dân chúng không bận đồ lễ phục, song trong lòng lại đầy ý nghĩa của ngày cách mạng.

Bên chánh phủ, sau khi lơ đãng ngồi nghe diễn văn, chắc có nhiều ngài đã thết tiệc mở sâm banh để "giội" (arroser) ngày kỷ niệm.

Bên dân chúng, sau khi sốt sắng biểu tình, thì có nhiều người đã được "mời" vô khám để mà dự tiệc... cơm hẩm với cá ươn.

Hai bên đều là tiệc cả!

Nhưng những người vì biểu tình mà bị "mời" về khám, họ không ước ao chánh phủ biểu họ ở trong tù một tý nào. Họ đương ngạc nhiên hết sức.

Và tất cả dân chúng xứ này cũng đang hết sức ngạc nhiên khi thấy đồng bào mình chỉ vì quá tin yêu những thần hiệu Tự do – Bình đẳng và Bác ái của ngày kỷ niệm mà bị vào ngồi ở trong bóng tối của lao tù, những thành Báttiơ (Bastille) của thuộc địa.

Ông Thống đốc Vêbe vừa bước chân đến xứ này đã tuyên bố "tất cả những tư tưởng sẽ được phát triển một cách thành thật".

Thì, thưa ông Thống đốc, xin cam đoan với ngài rằng những đồng bào của chúng tôi kia đã phát biểu tư tưởng một cách thành thật, nghĩa là công nhiên biểu tình để tỏ lòng yêu cái tinh thần tự do của nước Pháp cả đó!

NHỮNG TIẾNG BOM "TĂNG PHÚ"

Bữa trước đây, tin người Bắc cho hay rằng: Luôn hai ngày, máy bay Nhật đã liệng bom ở biên giới Bắc Kỳ. Và có hai lần, các đoàn xe vận tải Pháp – Nam đã bị trúng nhân khi phi công Nhật hứng trí, dùng súng liên thanh chĩa xuống bắn như mưa ở cách Nam quan ngót 20 cây số. Tất cả 11 chiếc xe đã bị cháy ra tro. Và rất nhiều đồng bào An Nam mình đang mừng hú vía vì suýt chết, kể cả người bị bắn què.

Được tin này, không biết chánh phủ ở đây có kháng nghị hay không thì không rõ. Mà có kháng nghị gì gì nữa, thì trước thái độ "tăng phú" của Nhật, ta có thể đoán trước là chánh phủ sẽ đối phó bằng cách khinh bỉ rất cao của người quân tử Đông phương, nghĩa

là... "chả thèm chấp!" và "một sự nhịn là chín sự lành". Y như cái ông bạn thâm giao của chánh phủ ta là bác Hồng mao kia vậy.

Trong khi ấy thì Phan Trần Chúc và nội bọn, ở nước mình, vẫn cứ réo rắt trên mặt báo để ca ngợi đức công bình, tài anh dũng của con cháu Thái dương Thần nữ. Thì ra hội đồng của chú Lùn đã làm cho lũ này mù mắt trong khi mắt vẫn mở. Nghĩa là thong manh!

Cũng thong manh như vậy, có một hạng cũng nhất định cứ bô bô không công nhận cái họa Nhật Bản ở Đông Dương. Ấy là mấy ông "Chánh trị kịch liệt ở xứ ta", mấy ông mang cái nhãn hiệu của Tơrốtxky "cách mạng triệt để" nọ.

Nhưng không rõ những tiếng bom "tăng phú" của chú Lùn ở biên giới Đông Dương có thể đủ làm cho mấy ông "chánh trị" đáng thương hại này giựt mình, tỉnh mắt ra chưa?

Nghi lắm!

Báo *Mới*,
số 8, 1-8-1939.

HỒNG LỆ

NHẮN CÁC BÀ MẸ

I

Hỡi những bà mẹ hiền
Lòng yêu đương vô biên
Nựng con như trứng mỏng
Trên bàn tay thiêng liêng.

II

Khi con thơ yếu đau
Bà hoảng hốt, lo âu,
Suốt đêm dài không ngủ,
Vương vít vạn tơ sầu.

III

Chao ôi, tình mẫu tử
Êm dịu hơn lời thơ,
Mênh mông qua vũ trụ
Bay mãi thấy đâu bờ.

IV

Hỡi những bà mẹ hiền
Lòng yêu đương vô biên
Nựng con như trứng mỏng
Trên bàn tay thiêng liêng.

V

Sao bà không nhìn sang
Bên Trung Hoa buồn tẻ
Muôn em bé lang thang
Ngơ ngác nhìn, gọi mẹ.

VI

Một mảnh bom, trời ơi!
Đã giết mẹ nó rồi,
Bây giờ nó đau khổ
Chịu số phận bồ côi.

VII

Hỡi những bà mẹ hiền
Lòng yêu đương vô biên
Nựng con như trứng mỏng
Trên bàn tay thiêng liêng.

VIII

Sao bà không nhìn sang
Bên Trung Hoa buồn tẻ
Các bà mẹ miên man
Tìm con trong bể máu.

IX

Đôi mắt ướt lệ sầu
Nhìn những chiếc đầu lâu,
Lấp mờ trong thịt thối,
Tìm mãi thấy con đâu.

X

Thịt nát vướng nhành cây
Ruột gan vùi trong cỏ
Ngổn ngang bao nhiêu sọ
Trong biển máu tràn đầy.

XI

Xé thịt gan nuôi con
Trông con lớn mắt mòn
Bà ơi, sao nỡ để
Làm mồi cho đạn bom!

XII

Hỡi những bà mẹ hiền
Lòng yêu đương vô biên
Nựng con như trứng mỏng
Trên bàn tay thiêng liêng.

XIII

Sao bà không cản ngăn
Bọn côn đồ đế quốc
Để nó mãi hung hăng
Gây chiến tranh tàn khốc?

XIV

Bắt tay nhau bắt lạnh
Giăng ra khắp bốn biển
Lập thành chiến tuyến
Phụ nữ chống chiến tranh.

XV

Lo gấp đi các bà
Khi chiến tranh lan ra
Con bà sẽ đau khổ
Như đàn trẻ Trung Hoa.

NGOẠI HỒ

Đông Phương tạp chí,
số 9, 1-8-1939.

CHIỀU XUỐNG

Chiều xuống vội vàng trên bụi rậm
Ánh mờ lảng vảng giữa đường đi,
Mong mù đông đặc về thêm mãi,
Mấy bóng thầm qua chẳng nói gì.

Tốp trước lu rồi dợn tốp sau,
Tiếng chân hồi hộp dội mau mau.
Tan dần những bóng mờ như khói;
Sương đục mênh mông ngập một màu.

Tiếng nói kêu nhau rải dọc đường
Ran lên rồi lạnh rả trong sương.
Im lìm nghe rõ trong xao xuyến
Hơi gió mang về thổi buốt xương.

Chiều xuống vội vàng không báo trước
Cho người viễn khách gấp về đi
Đi về giữa chốn đầy êm ấm,
Để ngả lòng trên cánh vỗ về.

Chiều xuống vội vàng luôn nhắc nhở,
Cho người biệt xứ báo về đi!
Về đâu? Những mảnh hồn luân lạc!
Họ có quyền yêu xứ sở gì!!!

Báo *Mới*,
số 8, 1–8–1939.

THẾ NHU[1]

---

1. Thế Nhu: Là bút danh của nhà thơ Khương Hữu Dụng, sinh ngày 1–1–1907, quê xã Minh Hương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông làm thơ đăng trên các báo từ năm 1927: *Tiếng dân, Phụ nữ tân văn, Phụ nữ thời đàm*. Với bút danh Thế Nhu, ông có thơ đăng trên các báo cách mạng: *Thế giới* (1938 – 1939), *Mới* (1939). Thơ ông còn đăng trên nhiều tờ báo trước và sau Cách mạng Tháng Tám 1945, và được tập hợp in thành sách.

MỘT CUỘC HỘI KIẾN LỊCH SỬ

"Ngài Măngđen, Bộ trưởng Bộ thuộc địa đã tiếp kiến tại nhà riêng Ngài Bộ trưởng Bộ Giáo dục quốc gia của vương triều An Nam, ông Phạm Quỳnh. Cuộc hội kiến đã diễn ra trong hai tiếng đồng hồ và kết thúc với sự nhất trí đồng quan điểm giữa hai ngài bộ trưởng".

Tôi cũng biết tôi đã đọc được tin này ở báo nào mà cách viết bài tương tự lối viết của Arip, thậm chí tôi cũng không nhớ mình có thực sự đọc được cái tin ấy không. Vì từ ngày ông Phạm Quỳnh đi Pháp, tôi luôn luôn hình dung ông ta đang đem hết sức mình để cầu xin ông Măngđen một cái gì đó, và dù cho cuộc hội kiến có dài ngắn ra sao thì Arip cũng chỉ có thể cho chúng ta biết tin được sơ sài như vậy thôi.

Do đó, để bù lại cho bản tin chính thức ở trên, tôi hình dung câu chuyện trao đổi giữa hai vị ấy diễn ra như sau:

Ông Măngđen. Chào Ngài Phạm Quỳnh, tôi rất vui mừng được gặp Ngài. Chúng ta sẽ nói chuyện rất thân mật. Nhưng trước hết hãy xin phép Ngài cho tôi được chúc mừng Ngài nhân dịp Hàn lâm viện vừa tặng Ngài tấm huân chương cao quý.

Ngài Phạm Quỳnh. (nói riêng) Lão này chế giễu mình chắc?

Ông Măngđen. Giờ đây tôi xin lắng tai nghe... Ngài không việc gì phải xúc động. Có chuyện gì vậy?

Ngài Phạm Quỳnh. (Quên cả tự giới thiệu, vào đề ngay câu chuyện). Tôi muốn nói với Ngài về Hiệp ước 1884.

Ông Măngđen. Về Hiệp ước 1884! Nhưng Hiệp ước ấy có điều gì để Ngài phải quan tâm đến! À... vâng... ông Chánh văn phòng của tôi đã nói với tôi, nhưng tôi cũng quên đi. Tôi chỉ mang máng nhớ đấy là một cái gì phiền toái rất là bất tiện.

Ngài Phạm Quỳnh. Chúng tôi có nói về Hiệp ước 1884. Theo Hiệp ước này thì ở Bắc Kỳ có một Phó vương. Sau khi ông Hoàng Cao Khải mất, chức này bị bãi bỏ vì không có ai thay ông Khải. Nhưng giờ đây...

Ông Măngđen. Một phó vương ư? Trời ơi, để làm gì vậy? Dễ thường không có ông Phó vương thì bộ máy cai trị ở Bắc Kỳ không

hoạt động được chăng? Có thể thế chăng? Nhưng không... Ngài đòi hỏi ở tôi một biện pháp không cần thiết...

Ngài Phạm Quỳnh. Thưa Ngài Bộ trưởng, nếu tôi được hân hạnh đến vận động xin Ngài giúp cho việc này là do tôi đã được ông Phạm Lê Bổng hứa sẽ ủng hộ. Ông Bổng là chủ tịch Hội đồng dân biểu xứ Bắc Kỳ, ông là đại diện của Bắc Kỳ được cử đi dự lễ kỷ niệm 150 năm Cách mạng Pháp và ông ấy rất có thể trình bày với Ngài những ý kiến của dân chúng Bắc Kỳ về vấn đề này.

Ông Măngđen. Ồ, tôi biết.

Ngài Phạm Quỳnh. Công việc dự liệu mà tôi có vinh hạnh đem trình Ngài theo ý tôi, thì đây là công thức tốt nhất cho công việc cai trị xứ Bắc Kỳ, nhất là rất tiện lợi cho chính phủ Pháp.

Ông Măngđen. Tiện lợi?

Ngài Phạm Quỳnh. Vâng, trước hết, phó vương sẽ đảm nhận việc đàn áp tất cả mọi phong trào tiến bộ, khiến chính phủ Pháp đỡ phải có những hành động mà Chính phủ thấy ghê tởm. Ngài cứ thử coi lại sự việc đã xảy ra ở An Nam. Muốn trục xuất Gabrien Pêri khỏi địa bàn của hắn, đã cần phải dùng đến triều đình Huế.

Ông Măngđen. Tôi đã bắt đầu hiểu ý Ngài và quan tâm đến đề nghị của Ngài, nhưng làm thế nào để dư luận chấp thuận được điều đó...

Ngài Phạm Quỳnh. Hai là, tôi sẽ xin đảm nhận việc thu đủ thuế, nhất là khoản thuế thân. Tôi xin hứa với Ngài là tôi sẽ cho tăng khoản đó.

Ba là...

Ông Măngđen. Thôi đủ rồi, đủ rồi. Tôi hiểu Ngài, tôi hiểu Ngài, hiểu Ngài. Ngài đưa ra với tôi một giao kèo. Tôi hiểu những điều kiện của Ngài rồi. Những cái đó tôi không sợ... Nhưng còn các đồng bào của Ngài. Họ sẽ đổ tất cả mọi trách nhiệm lên chúng ta. Nhất là tôi, vì tôi đã hứa ban cho họ nhiều tự do hơn, chẳng lẽ bây giờ tôi lại đi thiết chặt họ thêm ư? Ngài Phạm Quỳnh, tôi thấy có nhiều khó khăn đây... Nhưng thôi, Ngài hãy để tôi suy nghĩ và chúng ta sẽ bàn về chuyện này sau!...

Báo *Notre voix*,
số 29, 31-8-1939.

NGUYỄN VĂN SỸ *dịch*

MỘT VÀI VỐ ĐAU GIỮA BÀ KIỂM DUYỆT VỚI NHÀ BÁO

Hôm nay nghe cả làng báo Việt Nam đang tấp nập vì câu chuyện kỷ niệm tự do ngôn luận, mà không hiểu tại sao lòng tôi lại nao nao nhớ đến một bà cụ già. Xin nói mau rằng: Không phải giữa bà ta với tôi có những tình cảm gì tốt đẹp; vì năm năm trước đây, khi người ta cho bà đi về cõi chết, tôi cũng như hết thảy bạn đồng nghiệp của tôi, cũng đã cười hả hê để ném theo linh cữu bà rất nhiều... gạo và muối.

Dầu vậy, hôm nay, tôi vẫn nao nao nhớ đến bà ta. Có là vì bà đã để lại cho tôi những kỷ niệm thật là... sâu sắc, tuy không được vui.

Nhưng bà già ấy là ai vậy? - Bà là con một đạo nghị định mà chính phủ thuộc địa này đã hứng chí đẻ ra trong một buổi trời sầu đất thảm.

Ấy là bà già đầm Anaxtaxi, tục danh là bà kiểm duyệt, mới ra đời đã sớm nổi danh, vì tánh ác nghiệt quá một bà mẹ chồng cổ An Nam và đa nghi hơn cả một nhà... trinh thám.

Cho nên, bà là tiêu biểu xứng đáng cho một nền cai trị ngu dân, nhưng lại là tử thù của con nhà ngôn luận.

NHỮNG TIN CHÍNH TRỊ... TỨC MÌNH

Tôi phải nói đến những kỷ niệm thuộc về bà Kiểm duyệt ở Bắc Kỳ, mới đặc sắc nhất về tính khắc nghiệt và đa nghi.

Hồi đó, nghĩa là vào khoảng 1930 đến 1933, cái "đinh" của báo hằng ngày là những tin chánh trị trong nước. Nó là những tin về những cuộc xét nhà và bắt bớ những tay cách mạng thuộc Việt Nam Quốc dân đảng hay Đảng Cộng sản Đông Dương.

Phóng viên nhà báo phải nhọc công lắm mới dò hỏi được một vài cái tin chánh trị ở Sở Mật thám, mà sở này nhả ra một cách rất hắn học. Được một tin mới lạ, phóng viên hý hửng đem về, nhưng anh phải liệu chiều khiến cây viết, thì cái tin của anh mới hòng "sống" nổi. Nghĩa là anh phải tránh những tiếng "kỵ" của ty kiểm duyệt.

Anh không được gọi cách mạng bằng cách mạng, cộng sản bằng cộng sản, lao động bằng lao động; và cả đến những cờ đỏ với truyền đơn anh cũng không được phép gọi bằng tên của nó. Nếu anh cứ chỉ biết gọi một cách "thật thà" như vậy, thì anh sẽ phạm "trường quy", nghĩa là cái tin của anh nếu không chết hẳn cũng sẽ bị cắt cụt và biến đổi đi một cách rất khôi hài. Chẳng hạn, một cái tin đơn sơ sau này mà anh viết thật đúng cách.

CỜ ĐỎ VÀ TRUYỀN ĐƠN

Sáng nay, một người ôm một bó truyền đơn đến rải trước cửa nhà máy sợi. Người ấy lại treo một lá cờ đỏ có dấu hiệu búa liềm ở cành cây. Tay cách mạng ấy đã bị bắt ngay trong khi đang hô khẩu hiệu của Đảng Cộng sản.

Thì cái tin trên đây, một khi qua cây chì xanh của ty kiểm duyệt, nó sẽ trở về nhà báo để làm ngạc nhiên tác giả của nó. Bởi vì nó sẽ bị thay đổi như thế này.

CỜ... VÀ ĐƠN

Sáng nay, một tên ôm một bó... đơn đến rải trước cửa nhà máy sợi... Tên ấy lại treo một lá cờ... ở trên một cành cây. Tên hội kín ấy đã bị bắt ngay trong khi đang kêu hội kín.

Thế là ty kiểm duyệt đã để cho độc giả báo anh cũng ngạc nhiên nốt về cái tin... tức mình ấy. Mà một tay cách mạng đã bị người ta đem cây bút chì xanh che đi, để nhường chỗ cho một người có những cử chỉ... loạn óc.

Vậy mà... những tin... tức mình như thế ngày nào cũng có trên mặt báo. Muốn tránh sự tức mình, nhà báo chỉ có việc bỏ hẳn cái tin đi chớ không được phép để trắng những đoạn bị kiểm duyệt bỏ. Cho nên làng báo Bắc vẫn lấy làm ghen với làng báo trong Nam, vì ở trong này, hồi ấy, luôn luôn người ta thấy các báo bỏ trắng hàng cột, lại đề thêm một dòng chữ chưa rõ rệt này: "Ty kiểm duyệt bỏ một đoạn dài". Như thế làng báo Bắc cho là "oai" lắm, "Kịch liệt" lắm! Nhưng tòa Kiểm duyệt Bắc Kỳ không muốn chương mặt ra cho công chúng biết, nên bao nhiêu cái vô nghĩa lý của câu văn chữa hay bỏ, đều đổ lên đầu nhà báo chịu.

VÌ MỘT ÔNG TOÀN QUYỀN ẤN ĐỘ SANG CHƠI, MỘT ÔNG CHỦ BÚT PHẢI VỀ VƯỜN...

Cũng vẫn chuyện tin chánh trị.

Hồi ấy, ông toàn quyền Ấn Độ Hòa Lan [1] qua chơi Đông Dương và ra ngoài Hà Nội. Chánh phủ ở đây tổ chức những cuộc đón tiếp rất long trọng để làm đẹp cảm tình của đại biểu một lân quốc.

Ngay trước cửa bót cò đường Hàng Trống, người ta dựng một cái khải hoàn môn đồ sộ bằng chổi xể và tô điểm cực kỳ lộng lẫy.

Khải hoàn môn vừa dựng xong, chỉ còn một đêm nữa, thì vị thượng khách tới nơi. Nhưng ngay tối hôm ấy một bàn tay bí mật của một đảng viên cách mạng đã lén đến châm lửa đốt cổng. Khải hoàn môn cháy và tay cách mạng ấy bị bắt ít giờ sau.

Anh phóng viên báo tôi (báo N. C. T) đêm ấy vắng mặt ở Hà Nội. Sáng hôm sau, anh mới về. Được tin, anh hấp tấp đi kiếm tra, và điều tra cho đến quá trưa, nghĩa là quá giờ đưa bài kiểm duyệt. Nhưng cái tin quan trọng ấy không thể gác lại hôm sau được. Anh ta liền cứ viết và cứ cho đăng. Và khi viết anh đã biết cố dè dặt, để không phạm trường quy của bà kiểm duyệt đa nghi. Nghĩa là anh đã tránh hết những danh từ "ky" là cách mạng là Cộng sản mà chỉ dám dùng cái tiếng nhỏ nhẻ sợ hãi là "hội kín" không thôi. Cả cái tin ấy viết tất dưới đầu đề rộng nghĩa này: "Một hành động cả gan!".

Báo ra. Anh bạn phóng viên của tôi đang bằng lòng mình vì vừa làm xong bổn phận một cách khôn ngoan, thì ngay chiều hôm ấy, sở mật thám – ty kiểm duyệt thứ hai của Bắc Kỳ – liền quay điện thoại "tâu" ông Thống sứ. Ông Thống sứ quay điện thoại hạch ty kiểm duyệt chính ngạch. Lẽ tất nhiên ty kiểm duyệt hạch lại nhà báo. Nhưng nếu chỉ "hạch" không thôi, thì đã là câu chuyện thường. Trong khi ấy, cả một đội trẻ con có bán báo N. C. T đều bị bắt về sở mật thám. Cả một đội thanh tra và lính mật thám kéo đến nhà in để tịch thâu hết những số báo còn lại. Rồi hết thảy nhân viên trong bộ biên tập chúng tôi đều bị trát đòi lên sở mật thám. Để ông Chánh sở mật thám Arnu nhận được mặt ông chủ bút L. Đ. là người khi ở Nam Kỳ

1. Indes neérlandaises: Ấn Độ Hòa Lan là tên để gọi Inđônêxia (khi ấy là thuộc địa của Hòa Lan (Hà Lan).

đã bị ông ta trục xuất về Bắc. Và để được biết rằng: Tòa kiểm duyệt đã dịch cái tin ấy trình quan Thống sứ, nhất là cái "tít": "Một hành động cả gan" được dịch ra là "Un acte de grand courage!" Như vậy, theo họ, tức là cả bộ biên tập dưới quyền của viên chủ bút bị trục xuất này đều có óc cách mạng nguy hiểm lắm! Bởi vì với một việc như thế, một việc đốt Khải hoàn môn của chánh phủ, mà lại đi khen là can đảm. Sao không nói là: Một hành động ngỗ nghịch hay một hành động láo xược!?

Bởi vậy ông chủ nhiệm báo chúng tôi được lịnh rằng: muốn báo sống, thì phải buộc ông chủ bút "nguy hiểm kia từ chức đi, nếu không buộc được cả tòa soạn cùng từ chức".

Nên hôm sau, trên báo ông chủ bút đã tuyên bố vì "bận nhiều việc riêng" phải nghỉ viết. Cả tòa soạn cũng tuyên bố nghỉ viết theo cái ý nghĩa "hòa bình" ấy.

Ông chủ bút L. Đ. sau việc này, đã trở nên bi quan một cách rất hợp lẽ. Và từ đó ông về vườn hẳn, để... tiêu cực báo thù bà Kiểm duyệt, cho đến bây giờ ông vẫn chưa ra.

NHỜ CỤ PHAN BỘI CHÂU, TÔI BÁO THÙ ĐƯỢC BÀ KIỂM DUYỆT

Những vố đau của bà Kiểm duyệt tặng cho nhà báo thật siêng năng như những tin hàng ngày. Cho nên, hàng ngày nhà báo vẫn được luôn dịp để ngạc nhiên và bực tức.

Bực tức hơn nữa là đành chịu chớ không mấy khi hy vọng được trả thù.

Cho nên, gặp một sự tình cờ hiếm có nào đưa đến mà nhà báo trả thù được bà Kiểm duyệt, thì nhà báo lấy đó làm một sự khoái trá đáng kỷ niệm suốt đời.

Ấy vậy mà sự khoái trá ấy tôi đã được hưởng đến hơn một lần. Và có một lần sau này là tôi nhớ lâu nhất.

Nhân một dịp, nhà báo phái tôi đi Huế. Sau mấy hôm ở Huế, tôi trở về với mấy bài tường thuật và phỏng vấn. Trong số đó có một bài phỏng vấn ông Phan Bội Châu mà tôi lấy làm đặc sắc nhất. Đặc sắc nhất là vì nó có màu chánh trị gợi lên bởi một nhà chí sĩ mà bấy giờ

quốc dân đang khát khao đợi ý kiến. Cho nên tôi đã viết bài ấy bằng cả cái công phu của một phóng viên biết tự trọng.

Nói thế để các bạn biết mối lo ngại của tôi về số phận của bài ấy khi phải đưa nó ra dưới ngọn bút chì xanh viết róng của ty Kiểm duyệt. Nhất là khi đọc qua bài tôi, ông chủ nhiệm đã giơ cả hai tay lên trời mà đoán rằng thế nào nó cũng chết. Nhưng, tôi thì mặc dầu càng lo ngại, vẫn cứ cam đoan rằng bài ấy sẽ không việc gì.

Và sự lo ngại làm nẩy trong óc tôi một kế... xét ra không lấy gì làm hân hạnh cho tôi lắm, bởi cái phương tiện của nó, nhưng lại cho tôi được hân hạnh khi đã đi tới cứu cánh tôi mong.

Vậy hôm ấy, tôi tự thân đem bản đánh máy bài phỏng vấn nguy hiểm của tôi lên tòa Kiểm duyệt. Viên chánh phòng kiểm duyệt hồi ấy là ông C, một thi sĩ Pháp đã từng khổ công dịch tác phẩm của cụ Nguyễn Du ra chữ Tây.

Lúc tôi đến, là lúc ông C rỗi, và đang ngồi mơ màng gọt cho nhọn ngọn cây chì xanh như... một ông Chánh tòa... Kiểm duyệt. Vậy tôi đã đến với bộ mặt một nhà báo trẻ tuổi đến... ca tụng để biết ơn một văn hài chánh quốc đã làm rạng vẻ cho văn chương nước mình. Ông vui vẻ tiếp chuyện tôi, và khiêm tốn một cách rất cao khi nhận những lời khen tặng. Và thì giờ cứ đi qua, chúng tôi cứ nói chuyện. Ông C chỉ thỉnh thoảng ngừng lại nửa phút để dùng ngọn bút chì xanh phê những chữ ký trên những bản đánh máy các bài báo do những nhân viên của phòng kiểm duyệt đệ lên sau khi đã xóa bỏ rất kỹ lưỡng, cứ thế cho đến giờ về. Tôi cứ vui vẻ cùng ông nói chuyện, mà tuyệt nhiên không đả động gì đến bài phỏng vấn vẫn đang còn nằm im trong túi tôi. Đợi sau khi mọi nhân viên phòng Kiểm duyệt ra về cả rồi, và khi ông C đứng dậy cùng tôi ra cửa, tôi mới như chợt nhớ ra một việc. Rồi xin lỗi ông về tánh đãng trí của tôi và yêu cầu ông ký cho một bài báo cần kíp.

Bấy giờ tôi mới đưa bài báo của tôi ra, mà tôi giới thiệu trước cùng ông là bài phỏng vấn một thi sĩ, thi sĩ Sào Nam! Nếu tôi nói thẳng ba tiếng Phan Bội châu ra, thì có lẽ ông đã chẳng còn ngần ngại gì mà không sổ toẹt hết trọn bài. Nhưng, tôi chỉ đưa ra có hai chữ Sào Nam mà tôi biết rằng ông mới nghe thấy lần thứ nhất. Trong khi ông có vẻ ngần ngừ và cả nể, thì tôi cứ tay cầm báo, miệng lên cái giọng đặc An Nam đọc phứa cho ông nghe một lượt. Sau khi đọc hết, tôi kết luận bằng một câu: "Đấy, ông coi, nó có gì đâu!". Làm

ông quan thi sĩ ấy bực mình... phê luôn chữ ký vào bài báo, không xóa một chữ!

Thế là tôi được cuộc với ông chủ nhiệm. Và sau khi bài "phỏng vấn chánh trị" ngạo ngễ nằm trên báo dưới mấy hàng chữ lớn, người ta phải lấy làm ngạc nhiên. Ngạc nhiên. Ngạc nhiên hơn hết là sở mật thám. Sở này vốn không bao giờ chịu ngồi yên trong sự ngạc nhiên của mình, cho nên ngày hôm sau, ông Thống sứ đã biết tin về bài báo ghê gớm ấy. Và ông này đã hạch tòa kiểm duyệt. Ông chánh tòa kiểm duyệt phải bênh vực chữ ký mình. Nhưng có lẽ ông đã bắt đầu ghét cay đắng những anh phóng viên đến tán chuyện gẫu với ông rồi. Vì từ đó, ông nhất định không thèm nói chuyện với một anh phóng viên nào nữa, mặc dầu là chuyện văn chương.

Và mỗi lần một bài của báo tôi đưa đến ông ký, thì ông mấm môi gọt bút chì xanh cho thiệt nhọn...

Tôi đã làm cho nhà thi sĩ phải bực mình, nhưng trong một lúc, thần báo chí bị siết họng tất đã hả hê mà ngó bà Kiểm duyệt!... Đến bây giờ, tôi vẫn cứ an ủi tôi bằng cái lý ngây thơ ấy.

Báo *Mới,* số 7, 1–81;
số 8, 18–8–1939.

XÍCH ĐIỂU

CHẾT NGẠT CÒN HƠN CHẾT ĐÓI

Chính phủ vừa thông sức mời nhân dân mua mặt nạ phòng hơi ngạt trong khi có chiến tranh.

Mỗi cái mặt nạ giá từ 9 đến 15 đồng thôi.

Thế thì muốn tậu một cái mặt nạ, một gia đình người thợ chỉ cần nhịn ăn độ một tháng.

Có nhịn thì nhịn. Bằng không đành chịu chết ngạt còn hơn!

CÒN THỨ HƠI NGẠT NÀY... CÓ PHÒNG KHÔNG?

Phòng hơi ngạt bom quân địch thả trong khi chiến tranh là việc rất cần, khuyên dân mua mặt nạ, chính phủ nghĩ thật là chu đáo lắm.

Nhưng còn cái hơi ngạt trong bầu không khí nặng nề bởi áp bức bóc lột, độc đoán, dã man, hàng ngày làm chết bao nhiêu dân nghèo như ở các nhà ngục, ở Cấm Bào, Chính phủ có lo phòng cho nhân dân không?

YÊU NƯỚC LÀ YÊU AI HỞ ÔNG NAM CƯỜNG?

Để trả lời sự phản đối trở lại Hòa ước 1884 của hầu hết các báo chí từ Nam chí Bắc, của hầu hết các phần tử cấp tiến trong xứ, đồng nghiệp Nam Cường viết lia lịa những bài xã thuyết tràng giang đại hải để phê tất cả những người mà đồng nghiệp cho là không có chút xíu lòng ái quốc.

Không muốn người Pháp trả lại bớt quyền cho vua quan An Nam là không yêu nước. Thế thì ra yêu nước là yêu ông Quỳnh, ông Bổng, cụ Võ, cụ Vi [1] với cái cối chày giã giò khổng lồ, phải không ông Nam Cường?

---

1. Phạm Quỳnh, Phạm Lê Bổng, Võ Hiển Hoàng, Trọng Phú, Vi Văn Định.

Quái lạ! Sao người mình lại không tin người mình? Quái lạ! Ai bảo đồng nghiệp người mình không tin mình?

Hồi đại chiến 1914 – 1918, dân chúng An Nam chẳng tin nghe ông chủ báo Nam Phong là gì?

Hồi 1930 – 1931, dân cày tỉnh Thái chẳng tin phục cụ Thiếu Vi[1] là gì?

Năm ngoái, hồi bầu viên trưởng hơn sáu chục nghị thong manh chẳng hoàn toàn tín nhiệm ông lái pháo là gì?

Báo *Ngày mới*,
số 13, 19 – 26–8–1939.

1. Cụ Thiếu Vi: Vi Văn Định tổng đốc Thái Bình rồi tổng đốc Hà Đông.

TRẮNG = ĐEN

"Kể ra những điều mà người ta chỉ nói suông cũng thật là kỳ dị "mở cửa Sông Hồng đến tận Vân Nam" và những câu tiếp theo. Sự thực là bên dưới câu đó còn có câu "chinh phục Bắc Kỳ" mà người ta không muốn nói ra. Làm gì có chuyện mở cửa một con sông cho tàu bè qua lại khi tàu bè không qua lại được trên con sông đó. Một con sông trên đó tàu bè không qua lại được khi ở một đoạn cao nào đó trên dòng nước của con sông, chỉ thấy những thác và ghềnh; ngược dòng con sông đó phải dùng loại thuyền tam bản nhỏ, len qua thác nọ đến ghềnh kia và khi đi xuống vẫn với những chiếc thuyền bé ấy với biết bao nguy hiểm va đập vào cũng những tảng đá gặp lúc ngược dòng".

Mấy dòng trên là trích từ một bức thư của viên quan tư Hăngri Rivie viết ngày 4 tháng Bảy năm 1882 cho ông Lơ mia đờ Vile, Thống đốc xứ Nam Kỳ. Lời thú nhận thật là quý báu. Đúng là ông quan tư Hăngri Rivie viết thư cho quan thầy mình nên ông ta không sợ lộ bí mật.

Để hiểu tất cả cái ý nhị của mấy câu nhận xét vừa thực thà vừa sáng suốt kể trên, ta phải nhớ rằng Hiệp ước 1884 ký giữa Pháp và An Nam, một mặt có nêu lên việc sáp nhập mấy tỉnh Nam Kỳ và mặt khác là việc mở cửa sông Hồng cho tàu bè qua lại buôn bán từ cửa biển cho tới tỉnh Vân Nam. Đội quân viễn chinh Hăngri Rivie được cử đi đúng là để bắt người ta tôn trọng Hiệp ước đã ký, nghĩa là mở cửa sông Hồng cho việc buôn bán.

Mở cửa sông Hồng nghĩa là chinh phục xứ Bắc Kỳ. Ngôn ngữ người ta dùng trong chính trị đều dối trá, hiểm độc, người phàm tục không hiểu được.

Ông quan tư Hăngri Rivie đã cho một ví dụ rõ ràng không thể chối cãi được về điều đó. Mong rằng hương hồn của ông nhận được ở đây sự biểu thị tấm lòng của ông, người đã chỉ cho chúng ta thấy cách hiểu ý nghĩa thực của những lời nói mà hiện nay các quan cai trị chúng ta vẫn thường thường nói suông.

Vậy nên khi ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Giooc Măngđen nói ban hành cho dân chúng các xứ thuộc địa một quy chế tự do hơn và những quyền hạn rộng rãi hơn, thì không nên dại dột hiểu theo đúng

ý nghĩa lời ông ta nói. Có lẽ cứ hiểu ngược lại những lời nói ấy thì gần đúng sự thật hơn. Vì nếu không thể nào mở cửa của một con sông đầy thác ghềnh cho tàu bè qua lại buôn bán thì cũng không thể nghĩ đến chuyện thực sự ban hành tự do và quyền hạn cho dân chúng, khi từ Bắc chí Nam, khắp xứ Đông Dương, những vụ bắt giữ người tùy tiện luôn luôn đe dọa hiện tại và tương lai của nhân dân; khi các quan cai trị kết án 10 năm tù khổ sai tội ăn mừng ngày kỷ niệm 150 năm Cách mạng Pháp; khi người ta nghĩ đến chuyện giao phó thêm một xứ cho những vị quan kể trên, nhằm mang lại lợi ích cao cả và vinh quang lớn nhất cho chủ nghĩa thực dân phong kiến hoặc cho chế độ phong kiến thực dân.

Vậy chúng ta có cơ sở để viết:

Ban hành một quy chế tự do hơn – tiến đến một thể chế áp bức hơn.

Cũng bằng cách như vậy ta phải hiểu lời cải chính gần đây của Chính phủ về việc sáp nhập xứ Bắc Kỳ vào triều đình Huế.

Cải chính tất cả mọi tin đồn về vấn đề ấy = không cải chính gì hết về chính vấn đề ấy, về việc sáp nhập xứ Bắc Kỳ vào triều đình Huế.

Cũng theo cách như vậy ta nên hiểu ý nghĩa bài diễn văn của Ngài Toàn quyền đọc nhân dịp lễ 14 tháng Bảy, đặc biệt câu "không có người bị cầm tù dưới bóng lá cờ Pháp".

Không có người bị cầm tù dưới bóng lá cờ Pháp = sắp tới sẽ có nhiều người bị cầm tù...

Vậy là cái quy tắc để hiểu những ngôn ngữ mà các quan Chính phủ thuộc địa vẫn dùng khi họ nói với dân chúng bản xứ, là rất đơn giản: Khi các quan nói trắng, tức là các vị muốn nói đen.

Khi chúng ta đã học để hiểu được đúng ý nghĩa của các quan cai trị của chúng ta qua những lời họ tuyên bố và những bài diễn văn họ đọc thì đấy là chúng ta đã bước được một bước khá dài trong quá trình tiến hóa của chúng ta.

Báo *Notre voix*,
số 32, 25-8-1939.

NGUYỄN VĂN SỸ *dịch*

TỔ QUỐC

Là tổ quốc không phải nơi sinh trưởng
Nơi chứa đầy điều tàn khốc, vô lương,
Nơi chỉ nghe lời ai oán, bi thương
Và hung ác thoát ngoài vòng tưởng tượng

Bạn chớ tưởng rằng tôi đây đương sống .
Trong êm đềm trên dải đất Đông Dương,
Hồn xa đưa khoan khoái chốn Tây phương,
Tim đập mạnh ngoài bầu trời xa rộng.

Tổ quốc tôi là thành trì xã hội
Là gia đình của quốc tế công nông
Quyết trương cao, cao mãi ngọn cờ hồng
Tỏa ánh sáng phá tan màu u tối.

Mai sau đây ánh vừng hồng xã hội
Đuổi mây đen chiếu rạng khắp năm châu,
Tổ quốc ta lúc ấy là hoàn cầu,
Là vũ trụ thấm nhuần hương bác ái

NGOẠI HỒ

Đông Phương tạp chí,
số 10, 1–9–1939.

CÁI ÁN "QUẦN NÂU"

Phó lý Cao Văn Hoàn ở làng Gia Hòa, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định vừa bị cách chức vì một đại tội là mặc quần nâu... Nguyên hồi tháng giêng vừa rồi, trong khi đi nom đồng, nghĩa là không đi hầu quan, Phó lý Hoàn có mặc một chiếc quần nâu Không ngờ, và cũng không may cho Hoàn giữa lúc đó có viên Tri huyện về khám đường. Cố nhiên là Phó lý phải mặc cả cái quần nâu ấy chạy đi nghênh tiếp quan ngài. Quan ngài trông thấy liền nổi giận lôi đình, túm lấy Phó lý để đấm đá, vì đã dám mặc quần nâu để tiếp quan phụ mẫu. Sau đó, cho được tỏ tình phẫn uất, Phó lý Hoàn đem bằng cấp lên kêu quan Công sứ xin từ dịch. Nhưng trước đó viên Tri huyện đã bẩm báo với quan trên thế nào không biết. Rồi, mấy hôm sau có giấy tòa sức về cách chức Phó lý Hoàn về tội ngạo mạn quan trên, nghĩa là tội mặc quần nâu trước mặt quan trên.

Nghĩ chuyện này, người ta phải hỏi nhau: Quan trên đã căn cứ vào điều luật nào để kết án cái tội quần nâu ấy? Nhưng một điều mà anh Phó lý Hoàn kia đã quá khờ khạo là trước mặt quan phụ mẫu nếu không kịp chạy về nhà thay quần trắng, thì cứ đóng khố hay cởi truồng, có phải khỏi phạm vào cái tội "quần nâu" không? Dầu sao tin này cũng đã cảnh cáo cho các thầy lý dịch đương tại chức biết rằng từ nay trước mặt quan phụ mẫu phải dòm lại cái phần dưới của mình cho cẩn thận...

KHÔNG NGƯỜI CẦM ĐẦU!

Thấy hạt mình có nhiều người đọc báo *Đời nay*, phải chăng quan huyện Thanh Miện (Hải Dương) lo ngại rằng dân chúng sẽ sớm giác ngộ, có tình đoàn kết chặt chẽ, quan có muốn hà hiếp, bóc lột như trước cũng không thể được, nên một hôm quan gọi một ông chánh tổng đến để truyền:

"Ở tổng thầy, có nhiều "đứa" đọc báo "Đời nay", thầy về bảo chúng nó phải thôi ngay, nếu không nhà nước "người ta" để tâm, người đọc sẽ bị tình nghi, bị khám nhà. Còn những "thằng" XX... là

những con nhà "không có người cầm đầu" thì cứ để mặc cho chúng nó đọc tờ báo "phản quốc" ấy!

Sai truyền bằng những nhời nói rất "lịch sự" và rất "hợp lý" ấy, ý hẳn quan huyện Thanh Miện muốn phô trương cho mọi người đều biết quan là người trung thành, ái quốc, và nhất là... quan có người cầm đầu hẳn hoi!

CÓ ĂN KHÔNG NÓI

Tối hôm 24-8 vừa rồi, một số đông bạn hữu anh Đặng Thai Mai đã đặt một tiệc trà tại nhà hàng Lạc Xuân để mừng anh mới trúng cử nghị viện ở Quảng Nam thay anh Phan Thanh. Theo lệ thường, có ăn tất phải có nói, dù rằng bữa ăn hôm ấy chỉ có vài chiếc bánh ngọt và một chén trà... Nhưng, khi các anh, chị em vừa cầm đũa, à quên, cầm chén thì người đại diện của chính phủ là ông Cẩm Hàng Trống đã ở đâu lù lù đến, đòi giải tán đám ăn vì cho đó là cuộc họp chính trị. Sau một cuộc đấu tranh kịch liệt, anh chị em lại giữ được cái quyền tự do ăn, nhưng mất đi cái quyền tự do nói. Thành ra bữa tiệc hôm ấy, từ anh Mai, người được mời, đến những anh chị em mời, đều chỉ ăn mà không nói. Cũng may là anh, chị em mất quyền nói, nhưng vẫn có quyền cười, cười ngặt cười nghẽo, cười thầm cười to, cái cười đã ngụ bao nhiêu ý nghĩa chua chát trước một nhà đại diện của chính phủ.

Báo *Đời nay, tập mới,*
số 36, 31-8 – 7-9-1939.

TÌNH CHÚNG TA

Anh với em như cá với nước
Em với anh như thuốc với thang
Anh là người của bốn phương
Nay đây mai đó, bước đường ngược xuôi.
Bao giờ đất nước còn người
Lầm than, đói lạnh anh thời còn đi,
Tình ta mãi mãi lo gì
Yêu nhau biết đợi nhau khi trở về.
Em ở lại đồng quê
Mẹ già lo phụng dưỡng,

Thức khuya và dậy sớm
Đừng trễ tràng, em nghe!
Anh đi, càng nhớ em
Người nông dân lao khổ
Thì anh càng phải cố
Cho nhiệm vụ tròn thêm

Đồng bào đói lạnh triền miên
Như ta đói lạnh khắp miền Bắc, Nam...
Thương anh, em cố lam làm,
Thương em, anh vượt gian nan vẫn cười.

Em ơi đợi anh nhé,
Dù ngày một, ngày hai,
Dù đêm hè ngắn ngủi,
Dù đêm đông có dài,
Dù gần nhau gang tấc,
Dù cách trở xa xôi,
Em đợi, anh cũng đợi,
Một trái tim hai người.

Tình ta như lúa, như khoai,
Như ngô nở giữa luống cày mùa xuân

Em ơi hãy tin tưởng
Nào có gì băn khoăn?
Có đợi thì có gặp,
Dù một năm, hai năm.

Bao giờ mưa tạnh, gió tan,
Là khi anh trở về làng đón em.

Hôm nay tạm chia tay
Cũng là ngày nhớ mãi
Là ngày ta ghi lại,
Mối tình quê lâu dài
Mối tình đấu tranh cách mạng
Mối tình giai cấp không phai.

Nam Định 1939
HỒNG TRANG

Tài liệu do tác giả cung cấp.

VĂN HÓA, CHIẾN TUYẾN THỨ BA TRÊN MẶT TRẬN NGÀY NAY

Vấn đề văn hóa ngày nay đã vạch nên một chiến tuyến trên mặt trận tranh đấu của vô sản giai cấp. Theo học thuyết Mácxít thì nguyên nhân các cuộc cách mạng đều là ở mối bất bình của quần chúng bị hãm vào địa vị áp bức, nên phải phấn đấu để thủ tiêu những điều kiện lịch sử đã làm cản trở sinh hoạt của họ. Lực lượng cải tạo xã hội là ở quần chúng. Nhưng vẫn mang những cuộc vận động cải cách to tát không những ở chỗ phá hoại mà lại ở chỗ kiến thiết nữa.

Vấn đề cần cấp là phải biết sau khi đánh đổ giai cấp thống trị hiện thời rồi, giai cấp chiến thắng có đủ tài lực để củng cố địa vị của mình, để tiếp tục công việc kiến thiết của nhân loại, để gây nên một nền văn hóa mới? Vì vậy công cuộc vận động về văn hóa cũng quan trọng như cuộc vận động về kinh tế, về chính trị. Nên vấn đề văn hóa ngày nay đã trở thành một "mặt trận thứ ba" trên chiến tuyến của vô sản giai cấp.

*

*   *

Nền văn hóa của vô sản giai cấp trong lịch sử hiện thời không phải là một ảo tưởng. Vậy mà trong những nhóm phản động ta vẫn thường nghe những giọng hoài nghi, những lời phỉ báng. Những nhà đại biểu cho giai cấp tư sản vẫn thường tự hào rằng chỉ có giai cấp tư bản mới đủ tài năng để gây dựng nền văn hóa của nhân loại. Chúng vẫn than phiền rằng óc quần chúng là óc đê liệt [1], óc phá hoại không hề có sáng kiến, không hề biết yêu chuộng văn hóa. Trong trí họ, hai chữ danh từ quần chúng tuy khác âm nhưng đồng nghĩa với chữ "ngu". Quần chúng theo ý họ là một đàn người vô danh, vô nhân cách, ngu, một thứ ngu đen mù đen mịt.

---

1. Thấp hèn.

Trong một số bài diễn văn đầu đề là "Diễn văn về văn hóa" đọc ở Nurămbe hồi năm ngoái, Hítle đã hết hơi gầm thét, mắng rủa những tư tưởng lưu hành trong thế giới từ hồi Cách mạng Pháp 1789. Hítle tuyên bố rằng bao nhiêu tư tưởng dân chủ đó chỉ là "một luồng hôi thối".

Cố nhiên chủ trương của nhà phát xít Đức là: Văn hóa nhân loại xưa nay chỉ là công cuộc của một vài "vĩ nhân" – như Hítle chẳng hạn. Còn dân chúng đối với nền văn hóa ấy tuyệt đối không có mảy may ảnh hưởng. Hơn nữa, theo miệng Hítle thì phong trào quần chúng "bùng" lên ở đâu là phá hoại ở đấy.

*

* *

Nghe miệng tụi phản động và tụi đồ đệ phát xít thì tựa hồ văn hóa Hy Lạp bị suy đồi, lâu đài La Mã bị đổ nát là chỉ vì "bản năng phá hoại" của quần chúng. Nghe miệng họ thì tựa hồ những chế độ dã man đã trói buộc tư tưởng, những cuộc chém giết đã đè bẹp tự do của loài người, những cuộc binh đao, giết người cướp của, những tập án hà khắc trong lịch sử tiến hóa của nhân loại, đều là tội ác của quần chúng gây nên cả. Theo họ hơn năm trăm năm văn hóa thành phố [1] nào trường đại học, nào nhà thi xã, nào nhà thờ, nào nhà thư viện, bao nhiêu lâu đài tráng lệ, bao nhiêu tác phẩm mỹ thuật cháy theo ngọn lửa chiến tranh năm 1914 – 1918, đều là tội của quần chúng. Theo họ trong năm năm trời, hai lần đốt phá cả một thành phố đẹp đẽ phồn vinh mà cả thế giới đều công nhận (...) cả một kho tư tưởng, một nhà ấn thư quán [2] liệt vào hạng nhất trong hoàn cầu, tan nát thành tro... ấy cũng là công cuộc phá hoại của quần chúng! Còn các nhà tư bản Đức, còn bọn phát xít quân phiệt Nhật, các ông "vĩ nhân" của đảng phát xít thì theo ý họ – có biết gì đâu!

Ai là người đã đọc qua lịch sử, đã quan sát thời cuộc, ai là người có công tâm mà lại không thấy chỗ dụng ý của lũ phản động, mà lại

---

1. Louvain: Thành phố nước Bỉ có nhiều công trình văn hóa quý bị bọn xâm lược Đức thiêu hủy năm 1914.

2. Nhà in sách.

không biết rằng mấy lời tuyên bố của Hítle chỉ là những câu "nói láo không có vốn".

Ai đã đọc lịch sử mà không nhận thấy rằng chỉ trong những thời kỳ dân trị và những thời kỳ có phong trào dân trị là văn hóa mới tốt tươi, nảy nở. Óc quần chúng là óc đê liệt ư! Nếu không có giai cấp tư bản (hạng quần chúng hồi trung cổ) hăng hái tranh đấu trong các thành phố miền Bắc nước Đức, trong các đô thị hồi trung cổ thì tư tưởng cận đại có thể đâm chồi, nảy ngọn được không? Nếu cuộc cách mạng Bônsơvích ở Nga năm 1917 không thành công thì nước Nga ngày nay đã gây nên một nền văn hóa tốt đẹp chứa chan những hy vọng về tương lai chưa?

Nhưng dưới chế độ phát xít, trong chủ nghĩa "lãng mạn bằng thép" (romantisme d'acier) của chúng nó, thì những chứng cớ hiển nhiên của lịch sử... kể làm gì!

Mặc các nhà độc tài, các đại biểu phản động tha hồ mà mắng rủa, lịch sử nhân loại sẽ vẫn tiến hoài ngoài vòng oai quyền của chúng. Quyền lực của chúng mạnh đến đâu cũng không ngăn nổi bánh xe của lịch sử.

Chúng tôi còn nhớ một bức tranh khôi hài trước một cuộc động đất lớn ở Nhật Bản, mặt đất vỡ lở, chân trời đen nghịt những mây, người vật chết, lâu đài tan, nào hầm hố, nào cồn đống... đầy rẫy những cảnh tượng thê thảm. Thế mà một anh lùn nhắm mắt bịt tai vừa cười vừa nói: "Tôi không thừa nhận cuộc động đất này". Trong hai thế kỷ nay, giai cấp vô sản cũng đang gây dựng một cuộc cách mạng long trời lở đất. Sau công cuộc phá hoại, giai cấp vô sản sẽ đem nghị lực của mình để xây dựng lại văn hóa cho loài người. Anh lùn ở bức tranh khôi hài kia có nhận hay không tùy ý. Văn hóa vô sản sẽ nảy nở ở trên sự đổ nát của văn hóa tư bản.

Nào lịch sử đã phụ gì giai cấp tư bản. Chính giai cấp tư bản đã phụ sứ mạng lịch sử của mình.

Về phương diện kinh tế, cũng như về phương diện tinh thần, chế độ tư bản là một chế độ hỗn tạp đầy những cái mâu thuẫn. Về kinh tế, giai cấp tư bản đã hủy hoại sản vật máy móc để cố tránh nạn khủng hoảng. Về văn hóa, giai cấp tư bản đã đem tinh thần mà lãng phí, đem văn hóa làm một món độc quyền của giai cấp.

Trước cổng lâu đài của các nhà tư bản ta thường thấy những tấm biển viết những chữ "sản nghiệp riêng, cấm người ngoài không được vào", ta cũng có thể nhận thấy được những bức biển tương tự trước tòa văn hóa của giai cấp tư bản "cấm người ngoài không được vào". Người "ngoài" nghĩa là người lao khổ. Ngay từ học hiệu, ta đã thấy rõ chỗ bất bình. Lúc trẻ con đến tuổi đi học, tài sản của cha mẹ là cái thang cho mình bước tới để lấy bằng cấp cao. Bố mẹ anh nghèo ư? Anh phải theo đòi chương trình tiểu học, tư chất anh tốt mười mươi cũng mặc! Anh sẽ vào các lớp dự bị, sẽ học tiểu học, trừ những kỳ thi hằng năm, anh còn phải thi bằng yếu lược, thi bằng tiểu học, bằng thành chung. Thế mà khối óc anh vẫn là khối óc "tiểu học; óc "primaire"! Mặc dầu anh khổ công, học thức anh vẫn là "primaire"; ấy thế nhưng một trăm người học trò nghèo mấy người đã đi tới lớp thành chung? Khẩu hiệu của cha mẹ ngày nay cho con đi học là "học cho biết chữ ký" cũng như ngày xưa: "Học cho biết khấn giỗ".

Còn con nhà giàu thì khác. Tay sẵn đồng tiền là giữ vững được tương lai của mình rồi. Vào ngay Lyxê (lycée) [1] rồi từ lớp chót đến ban tú tài, trong mười một mười hai năm trời đó, ngoài kỳ thi lên lớp chỉ một lần thi tốt nghiệp mà thôi. Nếu tư chất cậu bé không đến nỗi ngu độn thì cứ hết năm là lên lớp, thì tú tài, lên cử nhân... vào trường đại học rồi ra đời để làm "ông chủ", "ông đốc", khối óc ấy là khối óc "trung học", là khối óc "đại học" chứ không phải óc "tiểu học", nữa. Nếu như tư chất cậu bé có "tầm thường quá" đi nữa thì cũng chỉ phí chút thì giờ, xát mòn một ít quần áo ở trên ghế, góp thêm vài năm học phí nữa mà có đường để chờ cho hết khóa học "cóc leo thang lâu ngày cũng tới" thì cậu bé một ngày kia cũng đậu, mà dầu không đậu thì khối óc ấy vẫn là... luyện ở nền trung học ra.

Học hiệu của giai cấp tư bản là riêng để tác thành nhân tài của giai cấp mà thôi.

*

* *

1. Trường trung học theo hệ thống học liên tục đến ban tú tài, tương đương với trình độ phổ thông cấp III của ta ngày nay.

Tuy vậy, giai cấp tư bản vẫn không lũng đoạn được hết lợi quyền về mặt trí thức. Siêng năng là bổn chất của giai cấp lao động. Một mặt nữa, không phải là nhiều tiền thì mới đẻ được khối óc thông minh. Trong những nhóm lao động, những bọn tiểu ban tư sản, ta đã thấy những người đã khổ công học tập và cũng có kẻ thành tài được. Nhưng "thành tài" rồi làm gì?

Con đường đi tất nhiên của xã hội tư bản về phương diện văn hóa cũng như về phương diện kinh tế là: Độc quyền tư lợi rồi đến khủng hoảng, đến trụy lạc, tình thế của "xã hội tư bản là tình thế nguy kịch của một người bị bệnh kinh niên, khủng hoảng là cái ung thư đã làm cho giai cấp tư bản phải suy bại".

Ai cũng biết rằng: Kinh tế khủng hoảng không phải là vì sản vật chế tạo ra không đủ, mà chính là vì chế tạo ra rất nhiều mà không bán được. Cảnh tượng kinh tế khủng hoảng mấy năm vừa qua, hãy còn chưa phai ở trong ký ức chúng ta. Pôn Môrăng đi du lịch hoàn cầu năm 1931 đã viết một đoạn văn sau này:

"Trên bến Santes (Brésil) [1] hàng ngày tôi đã thấy đốt bảy vạn bì cà phê. Ở Rio [2] có ngày trong một buổi sáng tôi thấy người ta vứt xuống bể một vạn rưởi bì. Ở Buenos Aires [3] tôi đã thấy lúa mì đánh giá một trăm kilô là bốn mươi quan mà không ai thèm ngó đến..."

Lúc bấy giờ cũng chính ở Bắc Mỹ người ta phải đốt bột lúa mì đi vì lâu ngày không bán được. Nhưng chúng ta cũng còn nhớ rằng cảnh tượng mấy năm ấy, nào có phải cảnh tượng phong phú gì. Lúa mì Pari bấy giờ một kilô giá là một trăm bảy mươi quan, nhưng tiền đâu mà mua? Khủng hoảng! Thất nghiệp! Đến ông Rốthchild, nhà triệu phú có tiếng cũng phải đuổi tám mươi tư người đầy tớ trong một ngày... Rồi bọn trí thức lại khổ hơn ai: Ngay ở thành phố Viên ta đã thấy giáo sư ngành đại học ngày vào viện tế bần và đêm ra quét thuê đường tuyết để lấy vài quan tiền công của thị xã. Lẽ cố nhiên trong xã hội tư bản, muốn giải quyết vấn đề khủng hoảng, người ta phải đốt hàng hóa, phá máy móc; nhưng chưa đủ, còn phải hạn chế trí thức để tránh nạn thất nghiệp. Mấy năm trước đây ở Pháp, Hội đồng

1. Hải cảng lớn ở Nam Mỹ, nổi tiếng nhờ xuất cảng cà phê.

2. Thủ đô và hải cảng nước Brêdin.

3. Hải cảng lớn nước Achentina (Nam Mỹ).

các nhà văn đã xin hạn chế sự dịch sách ngoại quốc để bênh vực sách vở và phí viện Pháp. Cũng trong thời gian ấy, một vị thượng thư Pháp đã tuyên bố rằng: "Bây giờ là lúc ta cần đào tạo lại những bọn thợ đào đất, thợ nề, thợ lợp nhà... Nước Pháp bây giờ cần hạng người ấy hơn là cần các ông cử nhân văn chương!" Song những phương pháp ấy có làm cho kinh tế khỏi khủng hoảng đâu!

*

* *

Xã hội tư bản, một xã hội đã lãng phí trí thức của loài người, cũng chính xã hội ấy đã giày vò nhân tài của nhân loại. Các nhà văn học thường nhận thấy rằng: Đặc sắc của những tác phẩm hay về mỹ thuật, về văn chương là ở chỗ khổ tâm bất mãn của tác giả, hoặc về mặt tinh thần, hoặc về mặt luyến ái, hoặc về mặt tình cảnh sinh hoạt hàng ngày. Cảm giác của họ trong lúc thưởng thức những cung tuyệt tác là cảm giác của người nghe cung đàn bạc mệnh:

"Rằng hay thì thật là hay
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào".

"Đắng cay" có phải là điều kiện của một áng tuyệt tác không? Chúng tôi sẽ có dịp nói tới. Nhưng ta hãy đứng về phương diện lịch sử, phương diện khách quan mà xét, ta nhận thấy rằng: chính ngày xưa Xôcrate [1] phải uống thuốc độc mà tự tử, Khổng Tử bị vây, bị đuổi. Gia Tô lên thánh giá.... [2] Trong những câu văn hí hước của Vinlông [3] hoặc Môlie [4] hoặc Labicơ [5] ở Tây, trong những văn thơ giễu cợt của Nguyễn Công Trứ, trong tư tưởng của Rútxô hoặc Vinhi [6] ta đã nhận thấy biết bao nhiêu là giọng ta thán bi ai. Gần đây như

---

1. Nhà triết học nổi tiếng thời cổ đại Hy Lạp.

2. Theo kinh thánh Giatô giáo, Giatô là con trai đức chúa Trời, đầu thai xuống trần. Giatô sinh ở thành Bétlem (Palétxtin), truyền đạo ở thành Giêrudalem. Do sự phản bội của một môn đồ của mình, Giatô bị kết án tử hình đóng đinh trên cây thập tự trên núi Canverơ. Nhưng sau ba ngày, Giatô hiển linh, bay lên trời.

3. Nhà thơ Pháp thế kỷ thứ XV.

4. Nhà hài kịch nổi tiếng Pháp thế kỷ thứ XVII.

5. Nhà soạn kịch Pháp thế kỷ XIX.

6. Nhà thơ, nhà tiểu thuyết lãng mạn Pháp thế kỷ thứ XIX.

Tônxtôi ở dưới chính thể Nga hoàng, Khang Lương [1] ở Tàu trong chế độ Mãn Thanh cũng đều chung một số phận phiêu lưu khổ sở. Ở một nước "dân chủ" tư bản như Pháp cũng vậy: Zola phải ra trước tòa trừng trị, Rômanh Rônlăng bị tước quốc tịch... Ấy là mới kể những chứng cớ lừng lẫy đó thôi.

Không phải xã hội tư bản không có nhân tài, cũng không phải xã hội tư bản không trọng nhân tài. Nhưng nhân tài trong xã hội tư bản muốn cho được trọng vọng trước hết phải thủ tiêu tự do của mình, phải "tư bản hóa", phải nhận lấy địa vị của tên múa rối hò hét tán dương cho các ông chủ vui lòng, hay ngâm nga ru ngủ những hạng người trầm luân ở trong cảnh đói rét thất học. Chế độ này dở thiệt đấy, nhưng các ngài hãy cố công mà nói rằng nó "hay"!

Nếu không thế thì sao? Thì các ngài sẽ mua rất đắt cái quyền tự do của các ngài. Các ngài sẽ tự do mà khổ sở, các ngài sẽ bị đày đọa, truy nã. Khi đó, các ngài phải tìm lấy cái vui trong sự khổ vui vì đã đem tư tưởng lời văn, tiếng nói của mình mà phụng sự cho cuộc tiến hóa của nhân loại. Hay là các ngài cũng chịu đi như ai? thì rồi cũng như ai, các ngài sẽ lo làm tiền! Sẽ ăn no ngủ kỹ, rồi vào tiệm nhảy... và nhất là nhớ đi nộp thuế và đi đầu phiếu... rồi sau lúc ấy có khi các ngài nhớ lại những ý tưởng năm xưa, đọc những câu văn hờn ghét dạo nọ, thời cơ hồ mình không nhận được mình nữa! Thế là tư tưởng tư bản đã làm cho các ngài biến tướng tự bao giờ rồi. Các ngài sẽ thở dài mà nói một mình: "Sống là thế! Tùy thời! Tinh thần yêu cầu tự do nhưng sự sinh hoạt lại bắt buộc mình phải phục tùng! Biết làm sao?"

Thì ra trong xã hội tư bản, tư tưởng, nghệ thuật là câu chuyện một cơn sốt mà thôi. Thế là nhà nghệ sĩ, văn nhân chỉ là một hạng điên cuồng, thần kinh rối loạn!

*

* *

Văn hóa tư bản nảy nở trên cơ sở độc quyền tự lợi, tất phải trụy lạc vì đã lãng phí trí thức của nhân loại; nó đã gây nên khủng hoảng

---

1. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, hai nhà chính trị và nhà văn Trung Quốc theo khuynh hướng dân chủ tư sản cuối thế kỷ XIX.

của tinh thần và mối mâu thuẫn giữa sinh hoạt hàng ngày với sự sáng tạo của trí thức.

Ngày nay muốn cứu văn văn hóa nhân loại tất phải đem văn hóa mà xã hội hóa, nói trắng ra là phải hủy bỏ chế độ của riêng, phá đổ giai cấp, đem cái gia tài văn học của nhân loại làm của chung, khiến cho ai nấy đều có thể luyện tập về tinh thần, làm cho văn hóa phát triển tự do không có sự gì cản trở.

LƯƠNG SƠN

Thơ văn cách mạng (1930–1945).
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội,
1980, tr. 399–408.

PHẦN THỨ II – TẬP 35

Chủ biên: HOÀNG DUNG

Sưu tầm, biên soạn: HOÀNG DUNG - NGUYỄN THÀNH

Phần này tiếp tục *phần văn học cách mạng* có tính chất phong trào từ năm 1939 - 1945 gồm:

I. Thơ văn trong nhà tù 1939 - 1945

II. Thơ văn Mặt trận phản đế 1939-1941

III. Thơ văn Mặt trận Việt Minh 1941 - 1945

I. THƠ VĂN TRONG NHÀ TÙ (1939 – 1945)

ĐỜI TÙ [1]

Lần ni nữa là năm lần tù tội,
Là năm lần cổ nặng với xiềng gông,
Ta: Tên quân say nhạc tiếng súng đồng,
Tin bất diệt ở tương lai hùng vĩ,
Tên quân ấy có bao giờ nhụt chí,
Giữa sa trường vật lộn với thù nhân,
Ôi mưu sâu lũ thống trị hung tàn,
Hòng giết nghẹt hồn ta bằng kế độc.
Này ta bảo, bay ơi, loài rắn độc.
Nghìn năm bay chẳng thể diệt tiêu
Giống Lạc Hồng mấy mươi triệu con yêu,
Bay không thể bôi đen trang lịch sử,
Diệt tinh thần gang thép, dạ quật cường,
Của Thái Nguyên, Yên Bái, Đô Lương,
Của Nam Kỳ, Bắc Sơn, tỉnh Nghệ,
Bay không thể hòng lay gan dũng sĩ,
Của phong trào hun đúc những tinh hoa,
Có nghe chăng, bay hỡi, dậy sơn hà,
Tiếng gầm thét của ngọn trào cách mạng!
Bay có biết tận đáy lòng kiêu hãnh,
Lửa phục thù ngấm ngầm cháy tim gan.
Cứ tù đày, bắn giết muôn ngàn,
Rồi sẽ thấy bạo tàn thua công lý.

---

1. Thơ cách mạng 1925–1945 xếp bài thơ trên vào giai đoạn 1930–1931 là không đúng. Chỉ cần căn cứ vào hai câu thơ sau đây của bài thơ: ...

– *Của Thái Nguyên, Yên Bái, Đô Lương,*

Của Nam Kỳ, Bắc Sơn, tỉnh Nghệ cũng đủ thấy phải xếp bài thơ trên vào những năm 1940 trở về sau. Bài thơ cũng không phản ánh chủ trương sách lược của Mặt trận Việt Minh, tình hình thời sự những năm 1941–1945; Do đó chúng tôi dự đoán bài thơ này là của một chiến sĩ cách mạng đã nhiều lần bị bắt, bị tù, nay bị bắt thêm một lần sau thất bại của Mặt trận Dân chủ. Bài thơ có thể được viết những năm 1940 – 1941.

Bay phải chết vì muôn dân nô lệ,
Đã bắt tay ra chiến địa chỉnh tề,
Cứ đày đi, nào Lao Bảo, Ban Mê,
Những nơi ấy thân ta từng tắm máu,
Đày xa nữa, nơi Phi Châu, Côn Đảo,
Hòng diệt non những khối não anh hùng,
Thân dù phanh giữa gió bụi, rừng hoang,
Ta sẽ chết cho bao tâm hồn sống.
Ta sẽ chết mỉm nụ cười sung sướng,
Đã làm tròn nhiệm vụ một tên quân,
Sống một giờ quyết chẳng chịu dừng chân,
Nay có chết cũng chết vì Tổ quốc.
Với ngục lạnh, súng đồng, gươm độc,
Bay phải thua gan sắt, quả tim hồng,
Rồi mai đây trong thác cuộn phong trào,
Bay phải trả núi nợ chồng từ thuở.

KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng 1925-1945.
NXB Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

MỪNG BÁO SÔNG CÔNG [1]

Báo về uống nước sông Công
Tiếng báo gầm vang dậy núi sông
Kêu gọi nhân dân đoàn kết lại
Cùng nhau tranh đấu diệt thù chung.

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 – 1945). KHUYẾT DANH
NXB Văn hóa dân tộc, 1977.

VĨNH BIỆT ĐỒNG CHÍ TRẦN HÀO [2]

Tiếng sét dội tim tôi hồ tan vỡ,
Khi hay tin tắt thở của bạn lòng.
Anh Hào ôi! Bao uất hận bên trong,
Bao căm tức dâng lên đôi hàng lệ.
Cả lao ngục Quy Nhơn cùng một thể,
Dâng sóng lòng tràn ngập tiếng đau thương.
Hò reo nhau chung đứng lại một đường,
Cùng chiến đấu diệt quân thù tàn ác,
Anh bị cướp bởi tử thần đói khát,
Giơ cao tay đứng thẳng suốt đêm ngày.
Những trận đòn như bão táp mưa bay,
Thêm sức điện hai ngày cùng hai tối.
Nhưng anh vẫn một tinh thần cứng cỏi,
Đem hy sinh khắc nổi nét tương lai.
Ghi sâu lòng với tất cả những ai,

---

1. Năm 1939, thực dân Pháp lập ra nhiều trại tập trung dưới nhãn hiệu "Căng của những người lao động đặc biệt" để giam giữ những chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước bị chúng tình nghi. Tại đây, các chiến sĩ cách mạng đã có những sinh hoạt văn hóa như ra báo, làm thơ, diễn kịch. *Sông Công* là một tờ báo của căng Bá Vân.

2. Đồng chí Trần Hào là bí thư tỉnh ủy Phú Yên, năm 1935 – 1936, bị bắt, và bị tù nhiều lần. Ngày 16 – 6 – 1944, đồng chí đã anh dũng hy sinh tại nhà lao Quy Nhơn sau những trận đòn tra tấn dã man của quân thù.

Còn mê muội trong vòng xiềng đế quốc,
Anh Hào ôi! Thân xác anh tiêu tan thành tro đất,
Nhưng tinh thần vẫn sống với thời gian!
Vẫn sống còn với âm điệu nhạc dân gian,
Của nhân thế trên ngọn cờ tranh đấu.
Quân phát xít tham tàn đầy tội lỗi,
Uống máu thề ta chẳng đội trời chung.
Nguyền nâng cao một tâm chí kiên hùng,
Nơi cõi thọ anh nở cười thanh khiết.
....[1]

KHUYẾT DANH
Nhà lao Quy Nhơn, 1944

Thơ ca cách mạng 1925 - 1945,
NXB Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

1. Người đọc cho chép chỉ nhớ được đến đây.

VŨ THIỆN CHÂN
(1909 - 1994)

Nguyên quán ở xã Ngọc Cục, huyện Bình Gia, tỉnh Hải Dương. Sinh ở tỉnh Khánh Hòa. Tham gia cách mạng từ năm 1927. Năm 1931, là Tỉnh ủy viên tỉnh Nam Định. Nhiều lần bị địch bắt giam.

Trước khi nghỉ hưu, là Hiệu trưởng trường Bổ túc cán bộ của Bộ Y tế.

EM CỨ RÓT

Em cứ rót, em ơi, em cứ rót,
Anh không say, anh uống vẫn không say.
Rượu hồn em mát dịu như mưa bay,
Tưới nhựa sống, hoa lòng anh thắm lại.
Qua đông lạnh thịt da anh tê tái,
Uống rượu em cho máu đượm hơi nồng.
Cho tim thêm mạnh, cho sắc thêm hồng,
Tiếp thêm sức lái thuyền leo sóng dữ.
Người vội trách anh say quên quá khứ,
Anh làm thinh, tiến bước mỉm môi cười.
Giơ hai tay ra đón áng ngời tươi
Của ngày mới. Cửa hồn anh đã mở,
Quên làm sao ánh hồng quang rực rỡ,
Soi sáng tận đáy trái tim cằn
Và quên làm sao những vết roi lằn,
Rớm máu trên những thân hình còm cõi.
Em hãy lắng, từng không vang tiếng gọi,
Lướt theo làn gió mạnh dội vô lòng:
"Hỡi linh hồn giẫy giụa dưới bao trùng
Khí chết lạnh, chiều tàn thoi thóp thở,
Hỡi nghèo cực, nhục nhằn và cơ khổ,

Kiễng chân lên đón đầy bánh xe đời!"
Tháng, ngày, năm, giờ, phút lặng lờ trôi,
Anh vẫn bước không bao giờ dừng gót.
Em cứ rót, em ơi em cứ rót,
Anh không say, anh uống vẫn không say!

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945. 6-1940
NXB Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

VUI SAO ĐƯỢC

Vui sao được giữa cỏ cây tàn tạ,
Uốn còng lưng khuất phục trước cuồng phong.
Hoa lìa cành, lá rủ trút theo dòng,
Suối đen sẫm, bùn lầy, rơm rác bẩn.
Vui sao được dưới mây đời đầy, ẩm,
Như muôn cân nặng trĩu nén lên người.
Lồng ngực lung lay, xương thịt rã rời,
Tim ngừng đập, máu trào lên nghẹn thở.
Vui sao được: Bên muôn chân hăm hở,
Khua gót giày chấn động cả năm châu.
Trong lồng, chim gãi mỏ, cất cao đầu,
Dang thẳng cánh chạm lồng rơi thẳng xuống.

Căng Bắc Mê, 1940
(Sách đã dẫn)

XUÂN TRONG TÙ [1]

Người ta ví mùa xuân là tuổi trẻ,
Là bóng cây, quán trọ ở bên đường.
Tôi coi xuân là cuộc đời mới mẻ,
Nẩy mầm xanh thay thế lá khô vàng.

---

1. Bài thơ trên đã được giải nhì (không có giải nhất) trong một cuộc thi thơ ở nhà tù Phú Thọ năm 1941. Trong số các đồng chí trong ban giám khảo bấy giờ có các đồng chí Xuân Thủy, Nguyễn Văn Năng.

Tia nắng mới đang phá dần giá lạnh,
Đang sửa sang đường lối đón xuân về.
Trong bốn tường u tối và nặng nề,
Tôi chờ đợi lắng nghe xuân bước lại.
Cho người, vật, cỏ cây đương quằn quại,
Dưới bao tầng khí chất, tiết đông tàn,
Sẽ cất đầu khi mây cuốn, trời quang.
Khi vũ trụ nhuộm màu xuân rực rỡ.
Nghe tiếng động, tôi ngồi yên nín thở,
Ngước mắt nhìn qua song sắt. Bên ngoài
Một bóng xuân tha thướt đến bên tôi,
Nàng tựa cửa ghé bên tai khẽ hỏi:
– Với ta người sẽ nặng thêm một tuổi
Mái tóc xanh sẽ đốm trắng bụi trần,
Và ngày kia những ống máu đường gân,
Sẽ chùng lại, sao người còn mong mỏi?
Tôi cười ngất, một giờ lâu mới nói:
– Nàng xuân ơi, nàng chưa hiểu lòng người:
Sống thảnh thơi vui vẻ dưới xuân tươi,
Hơn gục mặt trước nắng hè, đông lạnh.
Nàng không thấy người đã đem sức mạnh,
Đem thân mình để cướp lấy vườn xuân,
Hái quả xuân phân phát khắp nhân quần,
Mà không quản thịt rơi hay máu đổ?
Tôi nay chỉ như con chim nhỏ,
Đương bay chuyền vướng phải lưới đời giăng,
Nhốt vào đây, nhưng tôi vẫn hiên ngang,
Và ước muốn một mùa xuân đẹp đẽ.

Nhà lao Phú Thọ, 1941
(Sách đã dẫn)

TRƯƠNG VĂN CHẤN
(?)

Quê ở huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động cách mạng từ năm 1936. Năm 1945, tham gia Tổng khởi nghĩa ở Quảng Nam.

Ở HỘI AN GIẢI LÊN TỈNH

Sợi dây đoàn kết có từ lâu,
Mãi tới hôm nay mới bắt đầu,
Thắt chặt cánh tay toàn tám đứa,
Tinh thần thống nhất đã in sâu.

Bác lính đồn và bác lính bang,
Mấy anh hương kiểm với dân làng,
Ngại ngùng không nói, lòng thông cảm,
Than thở cùng nhau, xót ruột gan.

Mười mấy ngày trời nhốt bót giam,
Nuôi bao phẫn uất hận âm thầm,
Dọc đường trông thấy người lao động,
Thương mến nhìn ta thệ nhất tâm.

Giang sơn khổ nhục bởi thành này,
Những lũ vô lương chứa ở đây,
Nhân dân mới thật thành trì thép,
Phản động bay, ta diệt tan thây.

Cách mạng ngày mai giống ánh trời,
Rực hồng cờ đỏ ở nơi nơi,

Dù nay gian khổ không sờn chí.
Đánh đuổi thằng Tây mở cuộc đời.

Lao Quảng Nam, 1939.

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

TIỄN BẠN RA TÙ

Anh về, tôi ở, cảnh chia phôi,
Giây thâm tình cắt đứt làm đôi,
Hồn chiến đấu nhồi chung một khối,
Cảnh khổ ải anh thường tắm gội,
Và bao lần lặn lội phong sương,
Chia tay nhau cất bước lên đường.
Xa ngục thất, xa trường huấn luyện,
Rút kinh nghiệm bao lần đấu chiến,
Anh mang về hiến lại nhân quần.
Lối đường xưa ấn mạnh gót chân.
Với nhiệm vụ ngại gì sinh tử.
Mạnh dạn xung vào quân cảm tử,
Với bao người chiến sĩ không tên,
Nắm xe lịch sử đẩy nhanh lên,
Vì nhân loại lênh đênh thống khổ.
Ngày chiến thắng quân thù tận số,
Ngày thanh bình đất Tổ gặp nhau.
Mừng anh nay cởi chiếc áo tù,
Lòng tươi sáng đẹp màu cách mạng,
Từ ngày mai anh xa đất Quảng,
Nhưng lại gần cách mạng Nghệ – Thanh.
Chúc anh đi và tiễn chân anh,
Tình đồng chí phong trào Nghệ – Tĩnh.

Lao Hội An (Quảng Nam), 1940
(**Sách đã dẫn**)

NHẮN CHA TRONG TÙ

Nghe tin cha bị bắt,
Kết án sáu tháng tù,
Lòng con như dao cắt,
Căm tức lũ quân thù.

Cha nhà lao Vĩnh Yên,
Con ngục thất Hội An.
Làng xóm yêu cách mạng,
Đình miếu giặc đóng đồn.

Nhà ta giặc tàn phá,
Khủng bố tình yêu thương,
Thù này con phải trả,
Cách mạng thêm kiên cường.

Đông qua, xuân lại đến,
Cách mạng và gia đình,
Giống như thuyền với bến,
Sống bên nhau nặng tình.

Ở tù thêm giác ngộ,
Chẳng có chi buồn rầu.
Chỉ mất đi nghèo khổ,
Cách mạng đem lại giàu.

Đất nước ta giàu có,
Tài sản của ông cha,
Thực dân Pháp cai trị,
Cướp bóc tận xương da.

Làm cho người suy nghĩ,
Nhục mất nước lâu năm.

Bọn vua quan ích kỷ,
Cách mạng càng quyết tâm.

Tình hình cha đã rõ,
Cái khó ló cái khôn.
Tâm hồn càng sáng tỏ,
Bình minh đuổi hoàng hôn.

Đường con đi có Đảng,
Dìu dắt con làm người.
Người ta cần cuộc sống,
Có ánh sáng mặt trời.

Nhắn cha lòng cố gắng,
Giữ vững chí đấu tranh.
Cách mạng nhất định thắng,
Cờ đỏ rực trời xanh.

Gia đình ta đoàn tụ,
Cách mạng đã về nhà.
Năm châu cùng một họ,
Trái đất ấm lời ca.

Quảng Nam, 1942
(Sách đã dẫn)

NGUYỄN CHÁNH
(1914 - 1957)

Sinh ở Thọ Lộc, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Tham gia cách mạng năm 1930. Năm 1939, làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Bị địch bắt tù nhiều năm. Năm 1945 ra tù, tham gia Ban thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi và chỉ huy đội du kích Ba Tơ.

Trong kháng chiến chống Pháp, đi làm Bí thư Liên khu ủy kiêm Tư lệnh quân đội Liên khu V; tham gia Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1960.

TRONG TÙ BA TƠ

Giấc mộng đêm đông quá lạnh lùng,
Tỉnh ra mới biết cảnh lao lung.
Đôi bề cửa đóng bao mù mịt,
Tứ phía tường che kín bịt bùng.
Cao thấp giọng gà nghe văng vẳng,
Vo ve đàn muỗi cắn lung tung.
Ai về nhắn nhủ người tri kỷ:
Càng khổ càng thêm sức vẫy vùng!

1940 - 1941

Thơ ca cách mạng 1925 - 1945.
NXB Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

TRONG LAO BAN MÊ THUỘT

Nhà ngục đêm đông cảnh tối mò,
Cảnh tình trêu ghẹo bực ngồi lo.
Vách tường lỗ trống luồng mưa tạt,
Cửa sắt song thưa ngọn gió lò.

Tiếng mõ bên thành canh cốc cốc,
Giọng gà ngoài xóm gáy o o.
Riêng mình thao thức nhìn sau trước,
Thương mấy cho ai ngủ ngáy khò.

1943
(Sách đã dẫn)

TRONG CA - SÔ HUẾ

Mưa sa lác đác ngoài hiên,
Ca-sô lạnh lẽo một mình nhớ ai. [1]
Thức lâu mới biết đêm dài,
Kể từ non nước chia hai đến giờ.
Bâng khuâng ruột rối như tơ,
Năm năm cách biệt bây giờ ra sao.
Dân ta đẩy mạnh phong trào,
Tình riêng nghĩa cả tính sao cho tròn.
Dẫu rằng gan dạ sắt son,
Xót ai thân thể hao mòn vì ta.
Nặng nợ nước, nhẹ tình nhà,
Chút tình âu yếm vẫn là còn ghi.
Ai về nhắn bạn cố tri,
Tình riêng ai lại khác gì hơn ai.
Trên đường gió bụi chông gai,
Đạp bằng ta sẽ cùng ai đi về.
Bóng hồng phủ khắp thôn quê,
Tình nhà nợ nước đôi bề vẹn hai.
Em ơi gắng đợi ngày mai!

1944
(Sách đã dẫn)

---

1. Ca-sô: Phiên âm tiếng Pháp. Cachot có nghĩa là ngục tối.

AI NGÁY KHÒ

Nhà ngục đêm đông, lạnh tối mò,
Cảnh tình trêu gọi khách sa cơ.
Bức tường lỗ trống luồng mưa lọt,
Cửa sắt song thưa ngọn gió lò.
Tiếng mõ trên thành canh cóc cóc,
Giọng gà ngoài xóm gáy o o.
Riêng mình thao thức nhìn non nước,
Trách bấy ai kia cứ ngáy khò.

Lao Quảng Ngãi, 1939

Tiếng hát trong tù, tập I.
NXB Thanh niên,
Hà Nội, 1973.

CHU HÀ
(1914 - ?)

Tên thật là Lã Xuân Choát. Quê ở xã Thượng Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam. Tham gia phong trào cách mạng của người Việt ở Lào, viết văn, viết báo trong thời kỳ vận động dân chủ. Tháng 6–1938, Chu Hà bị thực dân Pháp trục xuất về nước. Anh tiếp tục hoạt động cách mạng ở Nam Định. Cuối năm 1939; thực dân Pháp bắt, kết án 3 năm tù đi Sơn La. Ra tù, trở về Nam Định, tham gia Việt Minh, lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền và làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời huyện.

Chu Hà hoạt động liên tục trên lĩnh vực văn nghệ, báo chí, tuyên truyền ở địa phương và Trung ương.

ĐÊM XÀ LIM

Biết bao người nữa cũng như tôi
Phải tạm dừng chân giữa bước đời.
Xa cả ngọn cờ, xa chúng bạn,
Ba đào dồn lại bốn tường vôi.

Sáu mặt thành vây kín ngạt hơi,
Nằm trong như nhét giữa quan tài
Xây trên cát bụi, trên đau khổ,
Chôn sống từ xưa mấy kiếp người?

Đèn điện ngoài vương chút ánh thừa
Len qua chỗ thở chấn song thưa,
Lồng khung chữ nhật trên tường xám,
In bóng cành cây lấp loáng đưa.

Vôi trắng tôi trông cũng mập mờ,
Bâng khuâng như tưởng sống trong mơ.
Đìu hiu buồn lấp mồ cô tịch
Muỗi rệp trêu hoài loạn tứ thơ.

Non sông đen kịt một mầu tang,
Hận tím lòng son, tiếc tuổi vàng.
Giam úa ngày xanh trong bóng tối,
Vở đời bỏ trắng mấy mươi trang!

Kiểng chòi gác vẫn điểm u sầu
Ngựa hí hờn căm muốn phá tầu.
Gà gáy sôi lên gào nắng mới
Nhen hồng ngọn lửa đốt đêm sâu.

Tung ngục tù ra! Sức vá trời
Ngàn xưa truyền thống đứng lên thôi!
Ngoài kia bốn bể đương cồn sóng
Lớp lớp triều dâng cuốn bụi đời.

Lao Nam Định, 10-1939

Tiếng hát trong tù, tập 2.
NXB Thanh niên,
Hà Nội, 1974.

HÁT MỪNG CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI [1]

MIỄU

Liên Xô bừng nắng Tháng Mười,
Năm châu khao khát cuộc đời tự do.
Búa liềm đỉnh Tháp muôn thu
Chuông Kơ rem lanh giục từng giờ đấu tranh.

NÓI

Liên bang Xô viết
Cõi thần tiên ao ước bấy lâu nay,
Kìa hồng quân, thuyền thợ, dân cày,
Sung sướng nhất hỏi rằng đây có phải?
Chói lọi năm châu gương bác ái,
Tưng bừng bốn biển đuốc văn minh.
Lừng uy danh một cõi hòa bình,
Quân đế quốc giật mình tan giấc mộng.
Này suối tự do, này nguồn giải phóng.
Nào xây xa hội, nào chống chiến tranh.
Ngước trông lên ai khéo họa hình
Cờ liềm búa long lanh như gấm dệt.
Các Mác tinh thần ngời ánh nguyệt.
Lê Nin sự nghiệp vút từng mây.
Thành trì chung của thế giới ta đây!
Sức vô sản đương ra tay kiến thiết,
Cuộc cách mạng ngày càng tiến triển
Công, nông, binh oanh liệt xiết bao.
Càng ngày thắng lợi càng cao!

Nhà lao Nam Định.
Tháng 11-1939

Văn thơ yêu nước và cách mạng tập 3A,
NXB Giáo dục, 1959.

---

1. Bài thơ trên mô phỏng Hương Sơn tức cảnh của Chu Mạnh Trinh; đã được sáng tác trong nhà lao Nam Định để chào mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga.

BIẾN CHUYỂN

Mưa rào cho chóng tạnh,
Trăng khuyết để rồi tròn,
Đêm tối cho ngày sáng,
Hoa tàn đúc trái non.

Nào những ai đây đương khốn cùng
Vẫn cười gian khổ, ngạo lao lung.
Chính là đã thấy trong tâm tưởng
Một điểm vinh quang rạng ánh hồng!

Đề lao Nam Định,
12–1939
(Sách đã dẫn)

LẠC BƯỚC VƯỜN HOANG

Tôi lạc bước giữa một vườn hoang rậm
Buồn bơ vơ trong bóng cớm âm thầm.
Nghe cây cỏ rì rầm trao đổi hận,
Đương chờ mong nắng sớm, khát trăng rằm.
Tìm đâu nhỉ một hoa lồng nhụy mật?
Kiếm đâu đây một trái chín thơm nồng?
Mà chỉ thấy chông gai đầy mặt đất
Bao nõn cần chớm nọc rắn, vòi ong.
Tôi nóng muốn tay người vung hái tới
Giật cành cao, cỏ dại, kẻ thù chung,
Đương uy hiếp xanh xao tầng lá dưới,
Đương trùm lên che khuất ánh dương hồng.
Cho ngào ngạt tưng bừng hương sắc mới,
Cho tràn đầy ánh sáng khắp non sông.
Cho xuân thắm cười tươi vườn xã hội,
Có chim đàn ríu rít, bướm ung dung,

Cho quả chín thơm lừng dâng vú sữa
Nguồn vui tươi hạnh phúc của muôn người,
Cho tất cả loài hoa đua cánh nở,
Cho vườn đời kết nhụy, mật sinh sôi!...

Cuối 1939
(Sách đã dẫn)

VIẾNG "NƯỚC MẸ" [1]

I

Nghe tin "nước mẹ" kéo cờ tang,
Vất súng, Pê–tanh ký giấy hàng. [2]
Phản bội đồng minh ôi nhục nhã,
Cơ đồ đế quốc đến tiêu tan!
Hăm tư điều ước bia còn mãi [3]
Mấy triệu sinh linh mạng thác oan.
"Nước mẹ" mà sao không nước mẹ [4]
Cũng đừng trách hão đứa con hoang!

II

"Nước mẹ" nhà ta nước mẹ gì!
Khoe khoang quân đội nữa làm chi?
Chiến tranh một tháng mà thua thế
Danh dự nghìn năm cũng vất đi.
Đã phản nhân dân không biết nhục

---

1. Nước mẹ: trong bài thơ này, nước mẹ có hai nghĩa. Một nghĩa dịch từ chữ "mẫu quốc". Bấy giờ thực dân Pháp và những tên bồi bút Việt gian thường dùng từ "mẫu quốc" này để chỉ nước Pháp. Chính vì lẽ đó nên tác giả đã phải dùng hai ngoặc kép để tự phân biệt. Một nghĩa thứ hai mang sắc thái mỉa mai, châm biếm: không giá trị gì, không ăn thua gì. Cũng là một cách chơi chữ.

2. Pêtanh: xem chú thích ở bài *Đáp từ thống chế Pêtanh*.

3. Hăm tư điều ước: Bản hiệp ước Pháp đầu hàng phát xít Đức do Pêtanh ký năm 1940 có 24 khoản.

4. Nước mẹ: Sách đã dẫn.

Còn lòe thuộc địa để ra uy.
Nghĩ tình "nước mẹ" cơn tang tóc,
Ta cũng chia buồn tí tỉ ti...

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

Cuối 1940.

THƯỢNG KHÁCH M. C. [1]

Đời lắm sự lạ lùng trái ngược,
Pháp thực dân định bôi nhuốc mấy ông tù.
Nhưng ta vẫn ung dung thượng khách hỏa lò
Giữa tường đá, xà lim, rào khóa kín.
Áo quần trắng lại in luôn hắc ín,
Dấu M. C. như hoa gấm thêu đen.
Người mặc vào kiêu hãnh tự hào thêm
Đúng "chiến sĩ hiên ngang cộng sản".
Bay thua cuộc rồi: Quân dã tâm khốn nạn,
Bay là dơi nơm nớp sợ ban ngày.
Ta dù cho không tấc sắt trong tay
Nhưng gan sắt lòng son là tất cả.
Ngự lầu cao sẵn có Tây hầu hạ,
Ba bữa rung đùi lại mở cửa ra xem.
Ngủ một giấc ngon lại mở cửa xuống thềm,
Chơi thoải mái, trên sân máy chém.
Qua "lò lửa" rèn tinh thần sắc bén,
Mỗi tâm hồn: Một thanh kiếm, lưỡi lê!
Oai vệ thay! Thượng khách M. C.!
Thảo nào Tây sợ gớm ghê
Liệu đường Tây sớm cút về Tây thôi!
Rành rành Tây dốt thò đuôi
Giam cầm sao nổi trí người tự do!

Tiếng hát trong tù, tập I.
NXB Thanh niên, 1973

1. M. C. Tên viết tắt của hai chữ Pháp Maison centrale, nghĩa đen là nhà chính giữa, ở đây có nghĩa là nhà pha Hỏa Lò Hà Nội. Quần áo của tù giam ở Hỏa Lò đều có đóng dấu hai chữ M. C. Các chiến sĩ cách mạng trong nhà tù lại gọi hai chữ M. C. ấy là Militant communiste (tiếng Pháp, có nghĩa là chiến sĩ cộng sản).

NHẠN LAI HỒNG [1]

(Tặng Trần Huy Liệu)

Mỗi lần heo lạnh rịt hơi sương
Là lúc cành khô trút lá vàng,
Trơ bộ xương gầy run xám ngắt,
Như thầm rên rỉ khóc tang thương.

Cành úa tiêu theo cơn gió khẩy,
Cây hèn tan tác vãn màu tươi.
Chao ôi! Giữa cảnh đông tàn ấy
Đã chết bao nhiêu nghị lực đời!

Nhưng đây là cả mùa xuân hạ.
Đương nở tưng bừng vạn cành tươi.
Đây nhạn lai hồng đương rộn rã
Dâng cao ý đẹp của ngày mai.

Từng cánh hồng chen những cánh hồng
Huy hoàng tô thắm lại non sông.
Và còn nở mãi còn tươi mãi
Những cánh hoa tim, những lá lòng.

Sơn La (1941)

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

XUÂN NỞ TRONG TÙ

Ôi náo nức!
Ngoài xa
Vang tiếng pháo.
Hương đời xông ngào ngạt vạn hoa tươi.
Cây đầu xanh kiêu hãnh mạnh đâm chồi,

1. Nhạn lai hồng: Tên một giống cây ở Sơn La. Cứ mỗi mùa khi chim nhạn bay về, các cây khác đều rụng hết lá, riêng nó vẫn nở hoa đỏ hồng.

Triền nhựa nóng tưng bừng reo nắng ấm.
Xuân bát ngát tô thêm lòng đỏ thắm.
Mặt Hồ Gươm soi lộng nước da trời,
Gió trẻ trung ngân tiếng hát trên môi
Như chắp cánh tâm hồn bay bổng,
Như tiếp máu con tim khát sống.
Ta đã nghe sán lạn ánh ngày mai
Ở ngoài kia tràn ngập cả muôn loài
Đương chung đúc một cuộc đời mới mẻ.
– Xuân, xuân hỡi! Sao nàng cay nghiệt thế?
Trong âm thầm riêng nỡ bỏ rơi ta?
Khéo vô tình vội vã lướt đi qua
Ngoài song sắt bao lạnh lùng ảm đạm.
Xuân ửng đỏ mà đây còn đông xám
Buông màn đen u uất liệm ngày thơ,
Hiu hắt vương tia nắng nhạt hương thừa.
Ôi tê tái! Ta đã nghe tất cả,
Ách lao lung mấy mươi tầng sắt đá
Chất ngổn ngang đè nén riết linh hồn.
Trái tim son thổn thức uất từng cơn,
Hồn lạc giữa tha ma trống trải.
Bỗng giây phút mê ly êm ái
Cuốn ta về dĩ vãng thuở hoa niên.
Trước sân nhà reo múa hát hồn nhiên,
Tung áo đỏ bên đào, xua bướm trắng
Nghiêng đầu sưởi hồn thơm tràn ánh nắng.

Bên gối bà
Nghe kể chuyện quê xanh:
Ông cha xưa
Rèn gươm giáo giữa sân đình
Rèn luôn cả muôn lòng uất hận.
Hịch khởi nghĩa thét liên hồi trống trận
Thượng Đồng vùng lên loa dịch, cờ bay [1]

1. Năm 1889 tại thôn Thượng Đồng, xã Yên Tiến, tỉnh Nam Định, nhân dân nổi lên chống Pháp dưới cờ của cụ phó bảng Lã Xuân Oai, giết chết hai tên Pháp ở cống đá Trung Khu. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp và thất bại.

Cổng đá Trung Khu chém đứt mấy đầu Tây
Truyền máu nóng cho cháu con đắc thắng.
Thoảng gió lướt
Lùa song tan mơ lặng
Hà hơi dương, nhóm lại đống tro lòng
Thổi bùng lên ngọn lửa.
Xuân hồng đương nẩy nở
Trong đông tù u tối.
Bao búp nõn, mầm tươi trào ý mới...
Ta đã nghe
Sán lạn ánh ngày mai,
Hương tự do
Tràn ngập cả muôn loài!

1941 (Hỏa Lò, Hà Nội)
(Sách đã dẫn)

XUÂN MÃNH LIỆT

Trời trong vắt lâng lâng đầy ánh sáng,
Không gian cười. Xuân gấm lộng màu hoa.
Say hương nồng, ong trẻ mải xông pha
Uống mật ngọt tràn trề muôn ý sống.
Cây hùng dũng vươn mình đua cao rộng
Vút chồi tơ, đỏ tía thắm môi cười,
Vung búp xanh óng mượt ngát hồn tươi,
Dòng nhựa nóng chuyển tim xuân sôi nổi.
Trong nắng mịn hồng tô quang cảnh mới
Tiếng nhạc oanh ngân bổng khúc yêu đời
Phổ hòa theo nhịp gió reo vui
Thổi tan đám mây lòng u ám.
Xuân trời mở hiên ngang bừng xán lạn,
Anh chị em, nào những bạn thanh niên
Xuân hồng đương dào dạt tứ hồn nhiên
Hãy tung mạnh cánh đời theo triển vọng,
Hãy phất cao ngọn cờ hoạt động,
Rảo chân lên theo tiếng gọi giang san,
Rảo chân lên cho kịp với thời gian,
Kết hợp lại những tinh thần cường tráng

Kết hợp lại những niềm tin muôn tia sáng,
Vầng trán cao đôi mắt rọi hào quang,
Những bước hùng kiêu hãnh gạt phong sương
Đây tất cả tài năng đương nẩy nở.
Đây tất cả tương lai đương rực rỡ
Là bao nhiêu sức mạnh của ganh đua.
Diều lên cao chính nhờ bởi gió to
Thuyền lái cứng có lo gì sóng dữ.
Đây bước ngoặt trên con đường lịch sử
Quật cường lên, ta vượt ngã ba này!
Đời sống ta nào phải của riêng tây
Còn ràng buộc xung quanh hồn Tổ quốc.
Đông cằn cỗi qua rồi! Thôi suy nhược
Cũng tiêu theo lá úa rụng bên mành.
Xuân về đây ngào ngạt phấn tinh anh
Tô điểm thắm lòng son người chiến sĩ
Hãy chớp lấy thời cơ, xoay cuộc thế
Chỉ tung hoành sôi nhuệ khí xung phong
Vung gươm thiêng tới thẳng đích thành công,
Trừ bạo ngược cho đời ta mau giải thoát,
Cho dân tộc ngẩng đầu, cao tiếng hát
Bóng cờ hồng chiến thắng rợp sao vàng.
Xuân tự do tràn ngập ánh huy hoàng,
Quyết giật lấy vinh quang.
Dâng Tổ quốc!

Lao Sơn La, 1942

Tiếng hát trong tù, tập 2.
NXB Thanh niên, 1974.

TRƯA XE NƯỚC

Nặng lòng yêu nước, chăm lo nước
Sá quản mồ hôi ngược dốc dài.
Trở lực nghiến phăng, lên phía trước
Đẩy xe lịch sử thẳng tương lai.

Sơn La, 1942

Tiếng hát trong tù, tập 1.
NXB Thanh niên – 1973.

BỊ BẮT LẦN THỨ HAI

Ai biết rằng đêm Chúa giáng sinh,
Sói lang ập đến bắt ngay mình.
Lại giam ngục tối, tra roi điện,
Vin cớ quàng xiên "tội Việt Minh".

Cứu quốc nào ta có tội chi?
Nực cười đế quốc đến ngu si.
Những người trung nghĩa coi là giặc!
"Công lý" "văn minh" cái cóc gì!

Pari còn đó tượng Gian-đa [1]
Muôn thuở anh thư vẫn sáng lòa. [2]
Sao Việt Minh đây Tây khủng bố?
Bất bình này, phải hỏi cho ra!

Lao Nam Định, 1944
(Sách đã dẫn)

XÔNG GIÁP CHIẾN

... Dâng cao lên cả phong trào cứu quốc
Đương tràn lan cuồn cuộn bốn phương trời.
Giờ đã điểm, vùng lên xông giáp chiến
Quyết hoàn thành cuộc cách mạng quốc gia,
Đẩy lịch sử theo đà xe tiến triển
Đúng phương châm Tân dân chủ cộng hòa.

1. Pari: Phiên âm tiếng Pháp Paris, tên thủ đô nước Pháp. – Gian-đa: Phiên âm tiếng Pháp Jeanne d'Arc – Nữ anh hùng Pháp (1412 – 1431), bị phản bội nên rơi vào tay quân xâm lược Anh và bị thiêu sống năm 1431. Được nhân Pháp tôn trọng như một bậc thánh.

2. Anh thư: Người đàn bà tài giỏi.

Đứng cả dậy đồng bào, mang vũ khí...
Đứng cả dậy đồng bào, chờ chi nữa?
Tiến quân lên, hàng ngũ tuốt gươm ra
Giờ nghiêm trọng không cho ta lần lữa
Mau xông ra giành giật lại sơn hà.

Kìa Pháp Nhật quân sài lang tàn bạo
Cướp nước ta, thu hết cả quyền hành.
Chà xát ta dưới gót giầy đẫm máu,
Vơ kho tàng của cải sạch sành sanh.

Chúng lợi dụng bọn tay sai ngu ngốc
Dám xưng danh "Đại Việt liên minh"
Lập chính phủ bù nhìn phản quốc
Hô hào suông cốt lừa gạt dân mình.

Dân tộc ta, giống nòi ta oanh liệt
Nỡ khom lưng khuất phục trước cường quyền?
Nỡ khoanh tay ngồi chờ ngày tiêu diệt?
Không, không, không, ta đâu chịu ươn hèn!

Dân Việt Nam vốn giống dòng anh dũng
Máu di truyền cách mạng bốn nghìn năm
Ta phải sống theo tiền nhân đã sống,
Đã hy sinh trừ diệt mọi xâm lăng.

Ta không thể cam tâm nô lệ nữa,
Không thể nào nhắm mắt trước nguy vong.
Ta phải sống, phải xông pha khói lửa,
Tự cứu mình, và cởi trói non sông.

Hồn nước đã dậy theo cờ giải phóng
Lòng dân đương sôi sục chí tiêm cừu
Kìa Nam Bộ đã treo gương vũ dũng
Đây Bắc Hà không thẹn với trào lưu.

Tung cao lên với nhịp kèn cứu quốc
Cờ Việt Minh đỏ chói sao vàng tươi.
Dâng cao lên cả phong trào cứu quốc
Đương tràn lan cuồn cuộn bốn phương trời.

Đứng cả dậy đồng bào mang vũ khí!
Thề xung phong dũng cảm diệt quân thù.
Chiến đấu đi! Đòi Hòa bình, Công lý,
Cướp chính quyền, giành độc lập, tự do!

Hỡi Việt Nam, hỡi Việt Nam tuấn kiệt!
Dòng Trưng Vương, Lê Thái Tổ, Quang Trung.
Hãy sống lại những thời xưa oanh liệt,
Đem máu xương xây đắp nước non Hồng!

Viết sau đêm 9-3-1945
Tại nhà lao Nam Định

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

VŨ DƯƠNG
(1900 - 1982)

Tên thật là Vũ Văn Kiểm. Quê ở xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, Hải Dương. Hoạt động cách mạng từ năm 1930. Bị địch bắt đi tù Côn Đảo. Tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1944 - 1945; Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp.

Từ năm 1954, là Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, sau là Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.

XUÂN TRONG TÙ

Tiếng pháo reo cùng gió bốn phương
Dội vang rừng núi buổi tinh sương
Ánh xuân như tỏa muôn tia sáng,
Gieo khắp non sông lẫn ngục đường.

Dẫu trong cửa sắt với tường cao,
Ta hãy cùng nhau nhắp chén đào
Để tưới cho lòng tươi trẻ lại
Để lòng quên lãng phút thương đau.

Tạm gác niềm riêng với những ai,
Xuân về tựa cửa đợi mong hoài
Nhưng bên ai đó còn bao kẻ,
Rên xiết quanh năm dưới gót người.

Bao cảnh lầm than của bất công,
Nhắc người chiến sĩ chốn lao lung.
Vườn xuân đã nở muôn hoa đỏ
Tiến bước trên đường hạnh phúc chung.

Ngục Sơn La, 1942

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 - 1945.

BÌNH DƯƠNG
(?)

VIẾNG CÔ BUN [1]

Bỗng chốc tôi mất người bạn quý,
Cảnh phân ly, trời làm chi lắm nỗi đau thương?

Trước đây cô giúp việc nhà thương.
Lòng trắc ẩn, nét đoan trang
Ai trông thấy cũng tỏ tình yêu mến.

(Bình Dương ai điếu)
Ngục Sơn La, 1942

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 - 1945.

1. Cô Bun. Người Thái, hộ lý ở nhà thương Sơn La, thường phát thuốc cho tù chính trị ngục Sơn La. Năm 1942, cô đột nhiên bị cảm chết. Đồng chí Bình Dương đã viết bài thơ trên để viếng hương hồn cô

ĐINH CHƯƠNG DƯƠNG
(1889 - 1971)

Quê ở xã Lộc Tiên, huyện Hải Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động yêu nước từ khi còn trẻ. Nhiều lần bị địch bắt, tra tấn và cầm tù. Ra tù lại tiếp tục hoạt động hăng hái cho đến ngày từ trần.

Các con đều tham gia cách mạng từ khi là thanh niên, trong đó có Đinh Chương Long, đổi tên là Lý Văn Minh, là một trong tám đội viên họ Lý được Bác Hồ giáo dục, đào tạo ở Quảng Châu.

VỊNH BÃO Ở LAO THANH HÓA

Từ khi có bão đến bây giờ,
Đã bão bao giờ bão thế chưa?
Mặt đất gươm lia ba trận gió,
Lưng trời đạn phá mấy cơn mưa.
Ầm ầm bốn mặt, cây toang trống
Vùn vụt mười phương, lá phất cờ,
Ai nấy cũng đều lo nước cả,
Mà mình há lại chịu ngồi ơ!

1938

Thơ ca cách mạng 1925 - 1945.
NXB Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1974.

Ở LAO THANH HÓA

Rạng sáng kèn đà giục dậy mau
Mình thời đi trước lính theo sau,
Thanh gươm tân nguyệt lia ba mũi,
Ngọn cỏ kình thiên đứt cả đầu.

Ướt át sương đeo nhờn lá khóm,
Vật vờ gió rởn mặt hoa cau.
Từ rày mới biết canh nông thế,
Chứ vẫn xưa nay đã biết đâu.

(Sách đã dẫn)

MỪNG KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

Tôi, anh cùng một con sông,
Tôi bị lao Thanh, anh biết không?
Đáng tiếc lúc này anh lại ốm,
Không thì đã mở mặt Tiên Long.

(Sách đã dẫn)

CẢM TÁC Ở LAO BAN MÊ THUỘT

Ra vô rồi vô lại ra,
Làm gì sao mãi cứ rầy ta.
Tù hơn chín bận mà không sợ,
Tuổi ngoại năm mươi cũng chửa già.

Thức mãi canh tàn tình nước cũ,
Ăn quen cơm hẩm cảnh nhà pha.
Ba mươi năm trước càng vinh dự,
Đảng lấy chính quyền cũng chẳng xa.

1940
(Sách đã dẫn)

TRUY ĐIỆU BỐN ĐỒNG CHÍ HY SINH Ở LAO BAN MÊ THUỘT

Mất nước lại còn thêm mất bạn,
Thương đời trái lại cũng thương thân.
Sóng lừng bể khổ, lòng trong vắt,
Khói tỏa trời thu, sắc trắng ngần.

1940
(Sách đã dẫn)

TRUY ĐIỆU ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG LĨNH

Cùng nhau bàn định kế tung hoành,
Con tạo gây chi nỗi bất bình!
Đi Thái, qua Hoa gan phấn đấu,
Hiến thân cho nước chí hy sinh.

Trướng hùm, da ngựa, hồn kim cổ,
Núi Thái, lòng Hồng, kiếp trọng khinh.
Đế quốc đang còn, anh đã vội...
Anh hồn ám trợ đội ân binh.

1940
(Sách đã dẫn)

TƯỞNG NHỚ NAM BỘ KHỞI NGHĨA

Tôi nghe ruột rối bời bời,
Sẵn đây xin đốt một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Mà lòng cố quốc ngổn ngang bội phần.
Hỡi ai chí sĩ, văn nhân,
Anh hùng, liệt nữ dấn thân cứu đời.
Đánh cho quân giặc tơi bời,
Trận trận oanh liệt, người người quang vinh.
Kể chi là bại, là thành,
Miễn cho thế giới biết danh nước nhà.
Làm cho tỏ mặt sơn hà,
Gió non dựng kiểu, trăng già treo gương.
Uy linh dậy khắp bốn phương.

Lao Ban Mê Thuột, 1940
(Sách đã dẫn)

MỪNG ĐÔ LƯƠNG KHỞI NGHĨA

Ngày xưa Cao Thắng, Phan Đình Phùng,
Nối gót sau này có Đội Cung.
Dám nghĩ, dám làm, nên tuấn kiệt,
Vì dân, vì nước, tức anh hùng.
Súng kêu bạn cũ không nghe chuyện,
Cờ hát đời nay mãi nhớ công.
Hành động đã treo gương lịch sử,
Nghìn thu soi sáng khắp non sông.

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng và Ty văn
hóa xuất bản, 1975.

TRUY ĐIỆU CỤ TÚ ĐẶNG THÚC HỨA CHẾT Ở LAO THANH HÓA

Đằng đẵng mười năm bác Tú ơi!
Tài cao, chí cả vẫn chưa người.
Mây tan khói tỏa, càng thương nước,
Núi đỏ rừng xanh lại chán đời.
Lấp bể, vá trời, nương đất khách,
Khơi sông, xây núi, dựa quê người.
Việc chung cả nước riêng gì bác,
Có bác rồi ra mới có ai.

(Sách đã dẫn)

NGUYỄN DANH ĐỚI
(1905 – 1943)

Quê ở xã Động Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sinh trong một gia đình có truyền thống mấy đời yêu nước, Nguyễn Danh Đới tham gia phong trào đấu tranh của học sinh Nam Định từ năm 1925 – 1926. Cuối năm 1926, sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc giảng dạy, tham gia Hội Thanh niên, rồi trở về nước hoạt động rất tích cực. Tháng 2–1929, bị thực dân Pháp bắt, kết án tù 5 năm, đày ra Côn Đảo.

Năm 1934 ra tù, Nguyễn Danh Đới tích cực xây dựng lại cơ sở cách mạng bị địch khủng bố tan rã. Tháng 6–1940, lại bị thực dân Pháp đưa đi các trại tập trung Bá Vân, Bắc Mê. Sống trong điều kiện hết sức khắc nghiệt, bị ốm không có thuốc chữa, bệnh mỗi ngày một nặng, địch thả ra. Nguyễn Danh Đới trở về nhà và qua đời.

CÓ TOÀN ĐƯỢC CHĂNG? [1]

Có quan tổng đốc trọng thần,
Đã xoay đến thế lại vần chưa tha.
Gạn dùng ngọn hỏi ngành tra,
Đang tay đập liễu vùi hoa tơi bời.
Đem người đẩy xuống biển khơi,
Đỉnh chung ai nỡ ăn ngồi cho an.
Rồi đây bèo hợp mây tan.
Biển sâu sóng cả có toàn được chăng?

Lao Thái Bình, 1939

Tiếng hát trong tù, tập I.
NXB Thanh niên, 1973.

---

1. Tác giả làm bài thơ này để cảnh cáo tên tổng đốc Thái Bình bấy giờ đối xử tàn ác với các chiến sĩ bị tù.

MỪNG XUÂN

Chén rượu mừng xuân lúc giáp canh,
Chẳng bánh, chẳng pháo, chẳng dưa hành.
Cắm tăm giò mỡ người đôi miếng,
Ngậm miệng đưa cay mấy bát sành.
Đờ-loóc, Phéc-lăng cân tuốt tuột, [1]
Phông-ten, Văn Điển sạch sành sanh. [2]
Chơi xuân ta cứ vui đi nhé!
Vui để tăng thêm chí đấu tranh.

Nhà tù Thái Bình 1940

Thơ ca cách mạng Thái Bình.
Hội Văn nghệ Thái Bình xuất bản, 1976.

---

1. Đờ-loóc, Phéc-lăng: Tên hai thằng mật thám Pháp ở Thái Bình.
2. Phông-ten, Văn Điển: Tên hai hãng rượu của thực dân Pháp bấy giờ.

PHẠM VĂN HẢO
(1908 - 1988)

Quê ở xã Phù Lưu, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tham gia cách mạng từ đầu những năm 30. Bị địch bắt tù nhiều lần. Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1933.

Sau Cách mạng Tháng 8-1945: Công tác ở Nha Dân tộc thiểu số của Chính phủ; Tùy viên văn hóa của Đại sứ quán Việt Nam ở Liên Xô; Viện trưởng Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

SƠN LA

Pháo cưới non ai tạch tạch đùng, [1]
Biết chăng tình cảnh chốn lao lung.
Đi tiêu chỉ sợ tiêu ra máu,
Muốn khạc còn lo khạc có đờm.
Thâm độc lừng danh tên quản Thiện,
Dã man nổi tiếng "sếp" Lơ-bông.
Chúng treo giải thưởng cho người Thái,
Cứ mỗi đầu lâu sáu chục đồng.

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 - 1945.

Ngục Sơn La, 1941

1. Muốn chỉ cảnh đốt nương của đồng bào dân tộc.

VÕ NGUYÊN HIẾN
(?)

Thường gọi là Chất Kế. Quê ở thôn Hậu Luật, xả Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Tham gia cách mạng từ trước năm 1930. Năm 1933, làm Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An. Năm 1934 – 1935, làm Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ. Dự đại hội lần thứ nhất của Đảng ở Ma Cao 1935 và được bầu vào Trung ương. Giữa năm 1936, bị địch bắt kết án tù khổ sai chung thân, giam ở Buôn Ma Thuột. Sau ngày 9–3–1945, trốn khỏi nhà tù về Nghệ An hoạt động, tham gia lãnh đạo giành chính quyền tháng tám–1945 ở Diễn Châu, làm Chủ nhiệm Việt Minh. Năm 1946 – 1948, làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Nghệ An. Năm 1932 – 1934, Khu ủy viên Liên khu ủy IV. Năm 1957 – 1965, Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An, Chủ nhiệm Ủy ban thanh tra tỉnh.

THƠ TỪ BIỆT

1

Ra đi để lại mấy vần thơ
Nặng nghĩa tương tư dám hững hờ.
Nợ trước đã đành mang lỡ dở
Công sau thôi lại gắng mong chờ.
Đường đời kệ kẻ gieo gai góc
Dạ tạc thây người ném gió mưa.
Gắng bước luồn chân qua tới đó
Anh hùng một cõi đứng trơ trơ.

2

Anh hùng ta lại gặp với ta
Với ta xoay chuyển hội phong ba.
Thuyền con gió cả già tay lái
Bể rộng sóng dồn vững bước qua.
Tiện bến hy sinh cầu sẵn bắc
Nhằm đường bình đẳng bước lần ra.
Bên trời góc biển cùng nhau lại
Họp mặt chung lưng đủ mọi nhà.

3

Tấm thân đã thẹn sơn hà
Dầu khi tuyết nhuộm sương pha bao nài.
Tủi thân hèn mọn trí tài
Dùng dằng chưa khỏi ra ngoài toản cương.
Nước non sá quản dặm trường
Lần chân gắng bước trên đường chông gai.
Trần ai, ai đả biết ai.
...

Tiếng hát trong tù, tập 2.
NXB Thanh niên, 1974.

Buôn Ma Thuột, 1939

NGUYỄN MẠNH HOAN
(1914 - ?)

Quê ở làng La Cả, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Năm 1929, hoạt động trong Việt Nam Quốc dân đảng. Sau khởi nghĩa Yên Bái thất bại, tìm liên lạc với tổ chức do Đảng Cộng sản lãnh đạo, tiếp tục đấu tranh cách mạng. Năm 1937, bị địch bắt giam ở Hỏa Lò, Hà Nội. Năm 1938 ra tù, được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Năm 1939 là Phó bí thư Khu ủy Hoài Đức; năm 1940, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Yên, rồi Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương, Khu Ủy viên Khu B. Bị bắt đầy đi Sơn La, Côn Đảo. Năm 1945, về Nam Bộ tham gia kháng chiến chống Pháp, có thời kỳ làm Bí thư Tỉnh ủy và Ủy viên Ban nông vận xứ. Năm 1954, ra Bắc, công tác ở một số cơ quan của Trung ương Đảng. Trước khi nghỉ hưu (1971), công tác ở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Nguyễn Mạnh Hoan có các bút danh: Thạch Toàn, Triệu Dương.

ĐÓN GIAO THỪA TRÊN VŨNG MÁU

Tối ba mươi tết đón giao thừa
Một trận đòn thù đổ gió mưa!
Roi thép bạo tàn bay vút vút,
Tượng đồng ngạo mạn đứng trơ trơ.
Thịt rơi máu chảy, thân hầu nát,
Sóng thét trào tuôn, miệng vẫn thơ.
Đọ trí thi gan cùng quỷ sứ,
Cho xuân thêm đỏ thắm màu cờ.

Sở mật thám
Hải Dương, 1941

Tiếng hát trong tù, tập 2.
Nhà xuất bản Thanh niên,
Hà Nội, 1970.

GỬI MẸ

Mẹ ơi! Con ở trong tù:
Roi thù quất xé, búa tù khảo tra.
Dây thù treo ngược nóc nhà,
Kìm thù xẻo cắt thịt da tơi bời.
Máu vẫn thắm, tim vẫn ngời
Lòng say chiến đấu vẫn cười hát vang.
Cánh hồng vẫn luyện thép gang,
Chặt xiềng phá xích, dọc ngang hẹn ngày.
Nắm tương lai vẫn chắc tay.
Gió rung chẳng chuyển, bão lay chẳng rời.
Soi gương người, chẳng hổ người,
Nối gót mẹ, chẳng phụ lời mẹ khuyên...
Lời về bẩm mẹ, mẹ yên:
Ngục sâu, con nguyện giữ bền tấm son!...

Lao Hải Dương, xuân 1941
(Sách đã dẫn)

GỬI VỢ

Em hỡi! Quê nhà em có hay:
Những khi khắc vợi lúc canh chầy
Nằm trong ngục tối, anh mơ tưởng
Gửi cánh hồn tung theo gió mây?

Theo gió mây bay đến cạnh em
Bên em, anh thấy biển hồn êm
Không đau thương nữa, không buồn nữa
Không cả âm thầm của trái tim.

Trái tim anh với trái tim em
Hai trái tim mình gắn chặt thêm
Tình trong chiến đấu ngời muôn lửa
Em xiết tay anh cùng tiến lên!

Em nhẹ cùng anh bước bốn phương
Núi sông hoa cỏ ngát muôn hương
Vườn hồng nở rộ tình yêu đẹp
Vỗ cánh bình minh em hát vang!

Em hát vang bài ca ân tình
Bài ca âu yếm vẽ nên tranh
Thắm tươi hạnh phúc đời trong sáng
Dưới bóng cờ hồng giữa tuổi xanh.

Song, chỉ trong vài giây phút thôi
Giấc mơ nạm ngọc đã tan rồi!
Nhìn quanh bốn bức tường đen kịt
Dòng lệ thương em lã chã rơi!...

Thương em lắm, nhớ em như bào
Lòng anh đau nhói cắt muôn dao
Thù quân đế quốc tọ hơn núi
Sâu thẳm trùng dương cuộn sóng trào!

Anh hiểu lòng em, hiểu hiểu nhiều
Thương anh, em khổ biết bao nhiêu
Tình nhà nợ nước, hai vai gánh
Lận đận, long đong, sớm lại chiều!

Nhưng em ạ, đời đang hồng lên
Vừng đông đang đốt cháy đêm đen
Quê hương em gắng nuôi thêm sức
Tung gió đè mây vỗ cánh chim!

Vỗ cánh, em cùng với bạn đời
Cùng anh giành lấy cả tương lai...
Đau thương, sầu thảm từ muôn thuở
Vĩnh viễn dìm sâu đáy biển khơi!

Lao Hải Dương, xuân 1941
(Sách đã dẫn)

RA TÒA

Xiềng dây dắt díu cửa nhà pha
Thẳng bước hiên ngang đến trước tòa
Lòng bốc lửa tung hồn chiến đấu
Gót băng đường trỗi khúc hành ca
Lắng tai nghe rõ muôn kèn trận,
Giương mắt coi khinh một lũ gà,
Luật pháp gì bay? Phường cướp nước
Liệu mà chờ đón lưỡi gươm ta!

Tòa án binh Hải Dương
12–1941
(Sách đã dẫn)

TUYỆT THỰC

Không, không, không! Một vạn lần không!
Không khiếp, không run, không nản lòng!
Hàng ngũ tù nhân khép chặt lại
Mặc cho địch đàn áp xiềng gông!

Đây ngục đường là một chiến trường
Dàn đôi trận tuyến, chọi đối phương
Giao tranh giáp lá cà sinh tử
Một thước không lui, tấc chẳng nhường.

Phải đánh luôn cho đến lúc nào
Địch buông súng ống, hạ gươm đao
Tính xong trái khoản, hoàn xong nợ
Ta mới thu quân, cởi chiến bào.

Quyết thắng! Ta là người chiến thắng
Thép gang từng đã luyện từ lâu
Hôm nay giữa bốn tường tóe lửa
Đánh cho địch bỏng trán cháy đầu!

Đánh, đánh, đánh! Đánh và đánh nữa!
Lưỡi là gươm, dạ dày: súng trường
Đánh cho quân địch thua tơi tả
Chiến thắng, ta ca khúc khải hoàn!

Lao Sơn La, Hè 1942
(Sách đã dẫn)

TẾT CÔN ĐẢO

Côn Đảo xuân về ta với ta
Bạn tù chung cái tết xa nhà!
Tuổi thêm, tù bớt, thù không bớt
Con lớn, vợ già, hận không già
Dốc chĩnh mắm hôi mừng "ngũ phúc" [1]
Nghiêng thùng nước vối chúc "tam đa" [2]
Tết tù thế đấy! Ai hay nhỉ?
Gõ nhịp xiềng ca giữa biển ca!

Côn Đảo, tết âm lịch 1945.

CỨ CƯỜI ĐI

A ha! Ta cứ cười đi!
Cười cho say đắm mê ly cõi lòng.
Cười cho ngửa núi nghiêng sông,
Cười cho muôn lớp sóng hồng dâng cao.
Cười cho máu nóng sôi trào,
Cười cho nhựa sống dạt dào thắm tươi.
Cười cho tuổi trẻ thêm vui,
Cười cho tình đẹp sáng ngời yêu thương.
Cười cho ý nguyện muôn hương,
Cười cho hồn nhẹ thênh thang bốn trời.
Cứ cười đi! Anh em ơi!
Cười là sức sống tát vơi biển sầu.

---

1. Ngũ phúc: Năm thứ phúc: Phú, quí, thọ, khang, ninh.
2. Tam đa: Ba cái nhiều: Nhiều phúc, nhiều lộc, nhiều thọ. Đương nhiên đây là những quan niệm ngày xưa về hạnh phúc.

Đời tù nào có gì đâu,
Cười là vũ khí nhiệm mầu vô song.
Cười là đốt cháy lửa hồng,
Cười là vung búa phá tung xích xiềng.
Cười là tuốt sáng gươm thiêng,
Đập tan áp bức, giành quyền tự do!
Cười đi! Cười nữa cho to!
Cười cho át sóng đảo tù mênh mông!...

Côn Đảo, xuân 1945
(Sách đã dẫn)

CÔN ĐẢO GIẢI PHÓNG

Ngục tối ba năm chết mỏi mòn!
Hôm nay, vùng dậy cả Côn Lôn!
Xiềng tan xích phá tan từng mảnh,
Trống gióng chiêng khua dấy khắp cồn.
Biển biếc trào dâng vung búa bạc.
Trời xanh gió lộng mở cờ son.
Tù đây tù đảo thành tiên đảo
Giải phóng kèn vang át sóng dồn!

Côn Đảo, 10-9-1945
(Sách đã dẫn)

DƯƠNG CÔNG HOẠT

(?)

Quê ở huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Tham gia cách mạng từ trước năm 1930. Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng năm 1930. Bị địch bắt đưa qua nhiều nhà tù: Sơn La, Bác Mê, Côn Đảo và đày sang Madagátxca. Năm 1944, lợi dụng quân Anh đưa về nước làm nội ứng, Dương Công Hoạt tìm liên lạc với Đảng, tiếp tục hoạt động trong phong trào cách mạng Cao Bằng.

Trước khi nghỉ hưu là Phó Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc Trung ương.

TẾT RUỔN TÙ

Kin nèn pi nẩy dú Sơn La
Tết huốt tết vui bấu kẻm cà
Táng tỉ, táng gần xuân vjắc á
Chung rườn, chung cảnh tết hồi mà
Rườn cham, vửa dú vần rườn khéc
Cổng lếch cà nẩy piến cổng hoa
Dậu cạ tết tù tọ "oách" lắm
Cút-xô nhẳng mòn cúng hò rà.

Nhà tù Sơn La, 1941

Dịch:

TẾT TRONG TÙ

Năm nay ăn Tết ở Sơn La
Tết nhộn, Tết vui chẳng kém mà.
Riêng cảnh, riêng tình xuân sẻ mối,
Chung người, chung phận tết chung nhà.
Phòng giam ngày nọ thành phòng khách,
Cổng sắt hiện nay hóa cổng hoa.
Tuy bảo tết tù nhưng "oách" lắm
Cút–xô còn đến chúc xuân ta. [1]

(Tác giả tự dịch)

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936–1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

1. Cútxô (cousseau): Tên chủ nhà ngục Sơn La.

HỒNG TRANG
(1918 - ?)

Tên thật là Nguyễn Trung Dong. Quê ở xã Cát Trì, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Hoạt động cách mạng từ thời kỳ vận động dân chủ. Tháng 4–1940, bị địch bắt đi tù Sơn La. Năm 1945 ra tù, hoạt động và tham gia khởi nghĩa, giành chính quyền ở tỉnh Hải Dương. Một thời gian công tác ở Nhà xuất bản Phổ thông thuộc Bộ Văn hóa rồi nghỉ hưu.

XUÂN TƯƠNG LAI

Nắng lục rắc hương trên lá sữa,
Mâng mâng nhành mới nựng chồi tơ.
Đường hoa thiếu nữ say sưa lội
Để cỏ hôn hoài chân bước mơ.

Hào quang ve vuốt má xuân ôm
Bờ nõn cười duyên bến nước im.
Áo gió bay tà thơm lả lướt,
Xế chiều nhẹ nhõm cánh đôi chim.

Nếp ngõ đào hoa tung bước đào
Gót là ngây ngất gió lao đao.
Nàng mai kiều mị [1] say theo sóng.
Chếnh choáng thềm vương hương ngạt ngào.

Mây bạc bồng bềnh tuôn bến trắng
Nhịp nhàng nao chẩy sắc xuân xanh.

---

1. Ví buổi ban mai như người con gái yêu kiều và mộng mị.

Nhung trời ngất giải thêu hiu hắt,
Dăm nét buồn xa – xa lênh đênh.

Nẻo quạnh người đi xích lại gần,
Bên hồn xưa cũ ý thanh tân.
Đôi mầu tuyết bạc như in trắng,
Ngưng lại bên đầu nghe tiếng xuân.

Sóng đời ngăn cánh buồm thung dung
Thanh tịnh [1] chuồi qua bến cộng đồng.
Ngan ngát hồng lên trên thắm biếc,
U huyền hương chở thái bình chung.

Sữa sống căng tươi lòng vú đất,
Tràn trề ngon ngọt miệng nhân gian.
Thanh bình vương vít lên thành nhạc,
Lênh láng thời gian, vang không gian.

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930–1945.

XUỐNG SUỐI

Nước trong, trong vắt chảy mau,
Xuôi về đâu, ruổi về đâu nước này?
Nâng niu vốc một ngụm đầy,
Nước ơi! Nhuốm tấc lòng này cho nhau
Dù cho sông núi bạc đầu
Lòng ta giữ vẹn một màu nước trong.

Ngục Sơn La, 1943
(Sách đã dẫn)

---

1. Ý muốn nói tới cuộc sống vật chất đơn sơ, đạm bạc trong sạch.

GỬI NGƯỜI LÍNH GÁC

Chưa hiểu sao còn đứng gác chi,
Vợ chờ, con đợi, chẳng về đi?
Chiến tranh há có đâu đây nhỉ?
Mà dại thân sao đứng gác gì?

Sau lưng là giặc sao không đánh
Có súng trong tay chẳng bóp đi?
Có đó, có đây nào lẻ một,
Hãy nhớ câu "thiên tải nhất thì..."[1]

Anh hãy cùng tôi ta đứng lên,
Ngoài công trong kích vững gan liền.
Ta hai nhăm triệu, ba thằng giặc,
Lấp biển, rời non, há chẳng nên?

Ngục Sơn La, 1943
(Sách đã dẫn)

DÂN TỘC VÙNG LÊN

– Phát xít: Chiến tranh!
Hãy đứng lên, hai chục triệu dân lành!
Hãy nhập ngũ, hãy cầm ngay khí giới!
Hãy nhất trí, vững lòng, lao tới
Chống thù chung – lũ quỷ săn người
Với theo sau những đàn chó đánh hơi
Và sục sạo và sủa vang càn rỡ.
Hãy chống lại đàn hùm beo man rợ,
Này vua quan bán nước, này phản động, thực dân,
Bầy cướp xa trà trộn côn đồ gần,
Chống tất cả, đập tan đầu tất cả!

1. Thiên tải nhất thì: Nghìn năm mới có một lúc; Ý nói cơ hội hiếm có, phải biết tranh thủ thời cơ quay súng trở về với nhân dân.

Ôi, dân tộc! Đoàn quân hùng muôn thuở!
Giữa mọi sa trường đừng một tiếng than van,
Hãy hát, cứ cười, lướt tới hiên ngang,
Dù áo rách, chân không, thiếu cơm, thiếu nước.
Mặc sớm, tối cứ chỉnh tề bước, bước
Ngược hay xuôi, Nam Bắc hay Đông Tây...
Đi là đi! Dù súng nặng vai gầy,
Suối lội, sông qua, núi rừng mở lối!
Nhọc nhằn lắm! Nhưng hãy để lòng mở hội
Khi tiếng kèn vang động lệnh ra quân.
Ta chiến binh, ta là những thiên thần,
Ôi lẫm liệt! Ôi tinh thần dân tộc!
Hãy trông kìa, hai chữ vàng Độc lập
Đang ngời về từ các mặt chiến trường.
Hãy xông lên – hùng khí Hưng Đạo vương!
Dù ngã xuống – tim gan Trần Bình Trọng. [1]
Cao cả bao nhiêu! Quá trời, lồng lộng!
Tinh thần quật khởi Việt Nam ơi!
Bốn nghìn năm còn viết tiếp đời đời
Những trang sử máu hòa thêm máu; Máu
Thế hệ tới, nghiêm trước cờ, con cháu
Ngước cao lên những cặp mắt anh hùng.
Nghe ran ran trong huyết quản trẻ trung.
Dòng truyền thống đấu tranh, kiên cường cách mạng
Cùng nhân loại vươn mình lên, vô hạn...

1944

Văn thơ yêu nước và Cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

1. Trần Bình Trọng: Danh tướng nhà Trần, bị giặc Nguyên bắt. Giặc dụ hàng không được đem hành hình. Câu nói nổi tiếng của Trần Bình Trọng: "Thà làm quỉ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc".

MÀU CỜ

Màu cờ đỏ đã ứa trào máu đỏ,
Quằn quại lên đây đó những linh hồn,
Những sa trường từ biển lên non,
Những chiến sĩ quyết xây đài chiến thắng.
Màu cờ uống đã bao nhiêu cay đắng,
Dựng trên nền xương trắng cổ và kim,
Đã nghẹn ngào hồi hộp những con tim,
Khi phần phật uốn vành hồng trước gió.
Màu cờ đỏ, cả màu kiên quyết đỏ,
Cả một trời tin tưởng ở tương lai,
Thách bao nhiêu súng lớn với giáo dài,
Xe lội nước, tàu bay, xe thiết giáp,
Chấp tất cả bao nhục hình tàn sát,
Diễn nữa đi những cảnh huống não nề.
Cờ tung lên, tung cả vạn lời thề
"Đi! Quyết chiến!" Những người không muốn chết.
Không muốn chết. Hãy vùng lên quyết chiến
Này là phen tranh đấu sau cùng
Có ai nhìn cây cỏ trắng sương phong?
Có ai nghe muôn phương hồn tử sĩ?
Có ai lắng nhạc hờn đua rên rỉ:
Rung rinh trời, điệp khúc của non sông
Quốc dân hề! Quốc dân hề! Cứu vong!

Lao Sơn La

Tiếng hát trong tù tập 2.
NXB Thanh niên 1974

HỒNG QUANG
(1918–1941)

Tên thật là Nguyễn Văn Trạch. Quê ở xã Đặng Giang, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây. Là sinh viên Trường đại học Luật. Năm 1938 bị đuổi học vì hoạt động cách mạng. Năm 1939 bị bắt. Năm 1940 ra tù, tiếp tục hoạt động ở Phú Thọ, Hải Dương, Hưng Yên và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1941, lại bị bắt và đã anh dũng hy sinh.

CA DAO

Gió qua kẽ liếp lọt vào
Rét se môi tím đói cào lòng không
Mổ cha chế độ bất công
Kẻ giàu thừa của, người không có gì.

Xuân 1941

Tập thơ Hồng Quang.
NXB Phổ thông, Hà Nội, 1962.

CON MUỖI

Chém cha con muỗi vo vo,
Tao đây chỉ có xương khô mình gầy.
Sao mày cứ phất phơ bay,
Tao đâu có máu mà mày vo vo.
Tao ăn cơm hẩm cá khô,
Lấy gì ra máu cho no bụng mày.
Mày đi tìm lũ Nhật, Tây,
Những thằng bóc lột suốt ngày ăn chơi.
Đã quen hút máu mủ người,
Trong mình chúng nó máu tươi hẳn nhiều.

1941

(Sách đã dẫn)

RU CON

Bé còn con mẹ con cha
Nhớn lên con của quốc gia sau này
Con còn trứng nước thơ ngây
Ôm con lòng mẹ đắng cay tơ vò
Giời Nam tiếng một cõi bờ
Bốn ngàn năm lẻ bây giờ là đâu?
Trải qua bao nỗi thảm sầu,
Gót giày đế quốc in sâu trên đường
Thẳng tay bóc lột chả thương
Nó coi nòi giống như tuồng ngựa trâu
Ra vào gục mặt cúi đầu
Thân mình nào có khác đâu con lừa
Nhẽ nào mẹ lại ngồi ngơ
Quyết đem má phấn đền bù non sông
Trải qua bao nỗi long đong
Thân mà chả tiếc còn mong tiếc gì
Trên đường gió bụi lưu ly
Cùng cha con đó phân kỳ đôi nơi
Lênh đênh góc biển chân trời
Dấn thân từng bước với người đấu tranh
Trái tim mẹ có tan tành
Lại đem can đảm gắn lành được ngay
Sa cơ, bắt mẹ giam đày
Ôm con lòng vẫn tháng ngày yên vui
Nuôi con mong chóng thành người
Noi gương cha mẹ nối đời chị em.

4-1941
(Sách đã dẫn)

TỨC CẢNH

Ngước mắt trông lên bốn bức tường
Đau lòng nhìn thấy cảnh bi thương
Máu tràn cùm sắt giây từng giọt
Lệ ngấm tường vôi quệt mấy hàng
Trải mấy mưa thu còn ố đỏ
Qua bao nắng hạ vẫn hoen vàng
Này đây kỷ niệm ngày tranh đấu
Nhắc nhở cho ta những đoạn trường.

5-1941
(Sách đã dẫn)

HỒNG CHƯƠNG
(1921–1989)

Tên thật là Trần Chương. Quê ở xã Phương Sơn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động cách mạng từ thời kỳ vận động dân chủ. Tháng 7-1939, bị địch bắt xử bốn tháng tù. Tháng 3–1941 bị bắt lại, đầy đi Buôn Ma Thuột với án 5 năm tù và 5 năm quản thúc. Tháng 4–1942, trốn tù, bị bắt lại, đến sau ngày đảo chính 9–3–1945 mới vượt ngục.

Những năm kháng chiến chống Pháp, hoạt động chính trị, lý luận, văn hóa ở Liên khu IV.

Từ tháng 4–1982 đến năm 1986 là Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản. Sau đó làm Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam.

CON ĐÂY RỒI

Con biết giờ đây mẹ khổ nhiều!
Trông chờ tin tức đứa con yêu.
Mẹ ngồi ngong ngóng trong khung cửa,
Nước mắt dầm hoen giải yếm điều.

Con biết giờ đây mẹ ốm gầy;
Mẹ chờ thất vọng một bàn tay
– Khi nằm hấp hối trên giường bệnh
Vuốt mắt quầng thâm mây phủ dày.

Nhưng mẹ! Lòng con đã quyết rồi,
Ra đi khi nắng tắt bên đồi;
Tình nhà nợ nước đem cân nhắc,
Nặng nhẹ bên nào, hở mẹ ôi!

Con dấn thân ra dưới bóng cờ,
Mẹ đừng lầm tưởng con bơ vơ;

Xa bàn tay mẹ, bàn tay dịu,
Đã có bao tay mẹ đón chờ.

Con đã bao phen gặp giữa đường
Trong đời hoạt động chốn tha hương
Những bà mẹ quý dang tay rộng
Ôm chặt vào lòng, âu yếm, thương...

Như thế, nhiều khi giữa cuộc đời,
Tình cờ mẹ gặp chốn xa xôi,
Những chàng niên thiếu hăng tranh đấu
Mẹ hãy hôn đi, con đây rồi!

Quảng Trị 1940

Thơ văn cách mạng 1930–1945.
NXB Văn học, 1980.

CHIA TAY

Tặng một thiếu nữ thiểu số

Em ở lại giờ đây ta rời gót,
Bát cơm vàng, đĩa muối, gáo nước trong,
Lòng ra ơn xin đa tạ ơn lòng.
Ủa, sao lại xem chiều âu yếm thế?
Kìa! Khóe mắt sao long lanh giọt lệ?
Như lá khô bị bão dữ lìa cành,
Ta là chim giạt gió giữa rừng xanh,
Lìa khỏi tổ bơ vơ trong rú rậm.
May gặp được tấm lòng em – tổ ấm,
Chẳng ngại ngùng cho nghỉ cánh đêm động.
Lòng ra ơn xin đa tạ ơn lòng.
Nâng tà áo em hãy lau giọt lệ
Lăn trên má, kẻo tim ta nát xé.
Nước mắt em đã thấm vỡ bức tường
Đang rẽ chia hai chủng tộc hai phương [1]
Chưa đoàn kết, chưa biết tình tương ái.

1. Để thực hiện âm mưu chia rẽ của chúng, bọn đế quốc đã gieo rắc thành kiến kỳ thị chủng tộc giữa người dân tộc thiểu số ở miền núi với người Kinh.

Bao quyến luyến bên lòng em gác lại,
Cho tim ta đỡ bịn rịn tần ngần.
Đường còn dài, ta đi hái hoa thơm.
Mai hái được hương hoa thơm ngào ngạt.
Xa bay tỏa bốn phương trời bát ngát.
Mai bản em sẽ nức đượm mùi hương
Của hoa thơm ta gieo rắc ngàn phương.
Em ở lại, giờ đây ta rời gót.

Quảng Trị 1940
(Sách đã dẫn)

CÁI ĐẦU GỐI!

Bận quần đùi một mảnh,
Nằm giữa nền xi măng,
Cầm cập hai hàm răng,
Lạnh, chao ôi, là lạnh!

Chân cùm tay lại trói,
Bụng đã đói lắm rồi.
Xương thịt đều rã rời,
Khắp người đều nhức nhói.

Rõ thật chán mớ đời,
Chỉ chủ quan một tí,
Đề phòng không được kỹ,
Lại bị bắt mất rồi.

Leng keng chùm chìa khóa
Nghe mà lạnh cả người!
Mật thám đã tới nơi.
Lại đưa đi khảo đả.

Đã bảo không được sợ,
Đầu gối cứ run run;
Đầu gối này lạ quá;
Chưa chi mà đã chùn!

Ô này cái đầu gối,
Nếu mày mà hiểu nổi,
Ta lê mày tới đâu,
Mày còn run gấp bội!

Tại Sở mật thám Huế
1940

(Tài liệu của nhóm nghiên cứu)

BÃO TỐ

Hôm nay bão dữ đã lên triều,
Hoa lá đua nhau rụng đã nhiều.
Trái đổ, nhánh cành răng rắc gãy,
Có cây tróc rễ, có cây xiêu.

Lá vàng rụng xuống, lá xanh ra,
Có lá bền gan níu nhánh, và
Vẫn giữ được màu tươi bền bỉ
Của thời lặng gió, của hôm qua.

Tróc rễ cây nằm đứng ngổn ngang,
Nhánh cành nẩy rễ hút màu sang.
Mầm non ứ nhựa đâm chồi mới
Hứa hẹn ngày mai trổ nhị vàng.

Bão tưởng thổi hăng đất sẽ bằng,
Nhưng không, rừng vẫn rộng thênh thang.
Thổi hăng, bão chỉ trên mặt đất,
Đem lá xanh tươi đổi lá vàng.

Đất còn vẫn mãi nẩy mầm non,
Lá vẫn xanh cây, trái vẫn còn.
Quần chúng vẫn còn, còn chiến sĩ,
Còn người đem hiến tấm lòng son.

1942

Thơ văn cách mạng 1930–1945.
NXB Văn học, 1980.

VƯỢT NGỤC

Tôi đi giữa rừng giày thăm thẳm,
Đêm tối đen trông chẳng thấy gì.
Gốc cây to đứng chặn lối đi,
Gai níu áo bắt tù vượt ngục.
Tay mò mẫm tôi bò lên dốc,
Bỗng lăn cù tụt xuống khe sâu.
Giữa vũng bùn lau sậy ngập đầu,
Tôi lồm ngồm đứng lên bước tiếp.
Nghe tiếng hổ tìm mồi bép bép
Ở rừng bên rởn gáy rùng mình;
Voi từng đàn dẫm núi rung rinh;
Ếch nhái dưới bùn kêu ốp oáp.
Loài trăn dậy ào ào bão táp
Băng cành cây bay lướt qua đầu.
Tôi hãi hùng đi giữa rừng sâu
Cùng tiến bước với loài voi hổ.
Dưới chân núi ánh đèn tắt đỏ
Chắc gần đây có rẫy có buôn [1]
Lánh xa ra tôi rúc tôi luồn,
Chui gai góc tìm phương tránh bẫy.
Ánh lửa đấy, đồng bào tôi đấy,
Bởi vì đâu tôi phải kiếm đường
Trốn đồng bào, tránh rẫy tránh nương,
Sợ gặp phải người hơn thú dữ?
Thực dân Pháp gieo mầm khắp xứ
Chia rẽ người Thượng với người Kinh.
Đồng bào Đê khắp nẻo đang rình
Theo lệnh Pháp bắt tôi nộp chúng.
Lưới bủa khắp núi rừng thung lũng
Tôi chiều qua xuýt nữa mắc vào.

1. Buôn là làng thiểu số Tây Nguyên.

Chúng tôi, ba người, giam một lao,
Khoét vách đá đem nhau vượt ngục.
Đã mấy tuần chúng tôi chui rúc
Xuyên núi rừng nhằm hướng về xuôi.
Ba chúng tôi đã sống lại rồi,
Về tìm Đảng, về gây cơ sở.
Tôi nhớ lại buổi chiều hôm đó
Hoàng hôn cai ngục thét um sùm,
Nhà lao vang dậy tiếng đóng cùm,
Mấy người phạm trước sân bước vội;
Chúng tôi đứng nép trong bóng tối,
Lừa cho người lính gác sấp lưng,
Tôi chui ra phóc chạy không ngừng,
Phóng vun vút chân không bén đất.
Tôi cảm thấy nhẹ nhàng ngây ngất
Như đang bay trên lượt bông mềm;
Tôi định dừng để ngoái lại xem
Liền bị bạn phía sau xô thúc.
Tôi sực tỉnh: Đã ra khỏi ngục!
Tôi vểnh tai cố lắng tiếng kèn;
Trăng lưỡi liềm cỡi đám mây đen
Đuổi theo gót những tên tù trốn.
Với gói muối bao diêm làm vốn,
Ba chúng tôi chạy tuốt vào rừng,
Vượt khỏi tầm súng giặc thung dung,
Cất mạnh bước hiện ngang leo núi.
Dầm mưa nắng nằm bờ ngủ bụi,
Uống nước khe ăn nấm lá cây,
Ngày nghỉ đêm đi, tay dắt tay,
Tìm lối thoát vòng vây của giặc.
Sao bánh lái [1] sáng ngời phương Bắc
Giúp chúng tôi dẫn lối đưa đường.
Gai khắp mình rạch những vết thương
Rơm rớm máu, chân tay đều toạc.

1. Tức sao Bắc Đẩu, hình dáng như bánh lái thuyền.

Bộ quần áo rách tươm xờ xạc
Vẫn lướt qua những chóp núi cao.
Giòng suối sâu thác đổ ào ào
Không ngăn nổi thân người đói lả.
Mấy tuần lễ gian nguy vất vả
Nhưng đầy sức sống đã trôi qua.
Một hôm từ ria núi bước ra
Chúng tôi gặp một người thiểu số.
Định lẩn tránh chẳng may bị lộ.
Y chạy về huy động dân làng
Xách mác lào dẫn chó kéo sang
Săn bắt chúng tôi như săn thỏ.
Bị vây chặt trong khu rừng nhỏ;
Ba chúng tôi một chuyến tơi bời,
Trốn người, trốn chó, chạy hết hơi,
Chúng tôi phóng mỗi người một ngả.
Đêm qua, ngả mình trên phiến đá
Giữa rừng, tôi mệt quá thiếp đi.
Tỉnh dậy nghe tiếng gió rầm rì
Đang to nhỏ những gì với lá.
Suối róc rách đều đều buồn bã,
Rừng âm u ảm đạm một màu.
Tôi rờ quanh: Các bạn tôi đâu?
Bị lạc? Chết rồi? Hay bị bắt?
Tiếng vượn hú thê lương réo rắt,
Tôi lần mò đứng dậy bước lên.
Bỗng từ xa dưới núi vang rền
Tiếng trống tiếng khèn nghe văng vẳng.
Người dưới bản làm gì đêm vắng?
Ồ, họ đang làm lễ ăn mừng.
Họ được mùa, bắt được thú rừng?
Hay săn được người tù vượt ngục?
Giặc Pháp đã gạt lừa xúi giục
Đặt giá tiền, treo giải thưởng trâu
Cho những ai săn lấy được đầu

Của tù trốn mang về cho chúng.
Người vui vẻ giết trâu ăn uống
Say rượu cần có biết đâu rằng
Họ mắc lừa mưu giặc đi săn
Người chiến sĩ thân yêu của họ!
Tôi không giận đồng bào thiểu số,
Tôi chỉ thương; Tôi ngẫm sự đời,
Biết bao giờ người hết săn người
Cho mặt đất ấm tình đồng loại?

Buôn Ma Thuột
1942

(Tài liệu của nhóm nghiên cứu)

CỤC ĐƯỜNG

Giấu cho tôi cục đường
Anh tỏ tấm tình thương
Đối với người tù phạm
Cùng giam chung khám đường.

Anh bảo tôi: "Ăn đi!
Nhịn đói lâu như ri
Không ăn e chết mất!"
Nhưng ăn mà làm chi?

Cuộc làm reo quyết liệt
Nó đem tôi nhốt riêng;
Chân tôi vẫn bị xiềng;
Nó không chịu giải quyết.

Anh giục tôi: "Ăn mau!
Chúa ngục chẳng biết đâu!"
Nhưng tôi đang tranh đấu,
Ăn là chịu cúi đầu.

Nhịn đói đã ba tuần
Chỉ còn xương với gân
Nhưng lòng không nao núng
Tôi vẫn vững tinh thần.

Ngày ngày anh vào đây
Ống cứt anh đem thay;
Nhưng tôi không ăn uống
Có cứt đâu mà thay.

Lấy cớ vào thăm tôi,
Anh nhìn bát cơm ôi
Mà lòng anh thắt lại
Anh ái ngại cho tôi.

Không không, anh đừng lo,
Tôi vẫn hát vẫn hò,
Không chết đâu mà sợ
Anh đem đường ra cho!

Tôi vẫn rất yêu đời.
Đói quá, mắt mờ rồi,
Tay nhấc không nổi nữa,
Mà lòng tôi vẫn vui.

Này anh thường phạm ơi,
Nhờ anh chút việc thôi:
Mai có vào anh nhớ
Đem cho đóa hoa tươi.

Buôn Ma Thuột
1942

Thơ văn cách mạng 1930–1945.
NXB Văn học, 1980.

BÉ CON

Cứu nước là công cuộc
Chung của cả đồng bào;
Ai cũng phải góp vào
Không kể gì lớn bé.
Hồi ba mươi (1930) ở Nghệ
Có một cậu bé con,
Tuy tuổi hãy còn non
Đã lo toan cứu nước.
Ngày ra chơi cổng trước
Để canh gác cơ quan
Hay lui tới các làng
Đem giấy tờ đi lại.
Một hôm cậu được phái
Đi ra tỉnh đưa thư
Cậu giấu kỹ giấy tờ
Ra đi liền vui vẻ.
Đi giữa đường cậu bé
Gặp một chiếc xe Tây,
Chợt nghĩ được kế hay
Cậu giơ tay chặn lại.
Xe dừng trên đường cái,
Xe của lão sứ Vinh,
Mới đi dẹp biểu tình
Chừ trở về tòa sứ.
Lão mặt mày hung dữ,
Râu ria mọc xồm xoàm
Vừa bước xuống hất hàm,
Lão giơ tày nạt nộ.
Bé con liền làm bộ
Khóc lóc kể nỗi nhà.
Cậu kể lể mẹ cha
Bị biểu tình bắn giết

Cậu khóc rất thảm thiết,
Xin sứ chở về Vinh,
Để trốn tránh biểu tình
Và xin ăn quanh quẩn.
Sứ mắc mưu liền thuận,
Bỏ cậu bé lên xe
Vặn lái chở cậu về
Thả ngay trong thành phố.
Đi quanh quất một độ
Cậu tìm tới cơ quan;
Rồi chẳng quản gian nan
Cậu đi làm việc khác.
Nào giao thông canh gác,
Nào đi rải truyền đơn,
Cậu đem tấm lòng son,
Ra đền bù nợ nước.
Một hôm cậu thấy trước,
Sở cẩm có lính canh
Cậu nấp nấp chân thành,
Đến phía sau bình tĩnh,
Dán lên lưng người lính
Một tờ giấy truyền đơn.
Lính quay lại, bé con
Định nhanh chân chạy trốn.
Nhưng chẳng may bị tóm,
Xin mãi lính không cho,
Bắt điệu đến bóp cò,
Rồi dẫn qua mật thám.
Thấy trẻ con mà dám
Làm những chuyện tày trời,
Lão mật thám ngẩn người:
"Nhỏ mà gan đến thế!"
Rồi lão đem cậu bé
Qua tòa sứ đưa trình
Sứ trông thấy thất kinh:

"À, ra thằng bữa trước!"
Chuyện bé con cứu nước
Làm cho bọn thực dân
Phải khiếp phục tinh thần
Của thiếu nhi nước Việt.

(Tài liệu của nhóm nghiên cứu)

Buôn Ma Thuột
1944

SUỐT ĐỜI KHÔNG QUÊN

Vừa nghe rục rịch Nhật hàng
Đã rầm Chợ Thuận căng băng treo cờ.
Cờ hồng bay lượn phất phơ
Sao vàng tung cánh ước mơ phập phồng.
Ai đi chợ Sãi, chợ Sòng,
Ngước nhìn cờ đỏ trong lòng ra sao?
Máu cờ thắm rợp cồn cao,
Con đường Cửa Việt đêm sao cựa mình.
Ai đi Quảng Lượng đi nhanh
Ủy ban Giải phóng đâu quanh vùng này!
Bể người dâng ngập canh chầy
Cờ hồng ngự chóp lầu Tây tung trời.
Cá bán chẫn, gạo hẩm hôi,
Bữa cơm khởi nghĩa suốt đời không quên.

Quảng Trị
1945

(Tài liệu của nhóm nghiên cứu)

HÀ PHÚ HƯƠNG
(1912-1995)

Tên thật là Hà Thế Hạnh. Quê ở xã Phú Ốc, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Năm 1930 vào Đảng Cộng sản. Bị địch bắt, giam nhiều lần ở các nhà tù: Quy Nhơn, Kon Tum, Buôn Ma Thuột, Lao Bảo, Côn Đảo.

Năm 1946, tham gia phái đoàn Chính phủ đi đàm phán ở Nam Kinh, Trung Quốc. Công tác nhiều năm trong nghiên cứu kinh tế. Trưởng ban Lịch sử kinh tế thuộc Viện Kinh tế, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, trước khi nghỉ hưu.

KÈN LA - VẨY Ở NGỤC KON TUM [1]

"Này ai đó, linh hồn đương còn say đắm,
Kèn kêu, cố bừng mắt ngay,
Để cùng xắn tay!
Khúc đường chờ đây!" [2]
Nó thét lên, gay gắt, bổ vào tai,
Hơn cả giọng mẹ chồng day lúc dỗi.
Ngoài chưa sáng, đầy phòng lan bóng tối
Mọi người đang mê mải giấc mơ tiên,
Nó gầm vang. Hốt hoảng dựng nhào lên.
Chán nản. Ôi! Giờ ghi tên đau khổ!
Tấm giẻ rách, manh chăn, mau buộc bó,
Sau lưng, sau đít, trước ngực, trên vai,
Để ra đường hứng chực trận mưa roi,
Hay báng súng, lưỡi lê, ghê! Nhát cuốc

1. La-vẩy: phiên âm tiếng Pháp réveil có nghĩa là sự thức dậy. Kèn la-vẩy ở đây là hồi kèn buổi sáng đánh thức tù dậy.

2. Từ câu đầu đến câu thứ tư, điệu thơ nhại điệu Kèn.

Đã nắm sẵn trong tay, dùng cứ được.
Mạng người đây nhỏ lắm, nhỏ hơn giòi,
Sống đêm nay, đâu chắc sống ngày mai?
Chết trước mắt, chết bên tai, chết mãi...
Nghe kèn thét rợn người hơn hùm sói,
Gào bên mình, [illegible]
Bởi hàng trăm, đang mạnh khỏe khôn nhanh
Độp! Một đứa ngã kềnh, lăn xuống hố.
Hay một tiếng "đoàng" rồi chen với cỏ,
Lấp bên đường – "Nó chạy trốn vào rừng"
Rạp-bo lên, xong chuyện. Lại đến lần [1]
Ông già nọ, thằng bé kia, ai biết?
– Mày sốt rét? – Nhịn cơm? Mày đi kiết?
Gạo đừng cân, tiện việc. Lại nhiều khi
Nắm hai chân từ nhà ngục lôi đi,
Mình đẫm máu, mặt mũi sây, mặc kệ!
Vì có lệnh: Giết! Giết! Không cần kể.
Từ sáng tinh sương cho chí tối mò,
Khắc vào mình dăm chục chiếc gậy to
Là phúc lắm; Còn bao người bầm tím.
Vào đến trại, sau cơm chiều mệt lịm
Vẫn hơi vui: Mình còn sống hôm nay;
Có chết chăng là sẽ chết ngày mai,
Giờ cứ ngủ, ngủ say cho khỏe xác!
Kèn giục: Sắp đến giờ đầu thai kiếp khác.

Kon Tum, 1943

Thơ văn cách mạng 1930 –1945.
NXB Văn học, 1980.

1. Rạp-bo: Phiên âm tiếng Pháp rapport có nghĩa là sự thuật lại, sự báo cáo.

ĐÀO DUY KỲ
(1916 – 1980)

Nguyên quán ở làng Khúc Thủy, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Sinh ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Hoạt động cách mạng từ năm 1936, được kết nạp vào Đảng Cộng sản ngay năm đó. Năm 1938, làm Tổng thư ký Đoàn thanh niên dân chủ Bắc Kỳ. Năm 1940–1941, làm Quyền bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1942 bị bắt mang án tù chung thân ra Côn Đảo. Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính miền Đông Nam Bộ. Năm 1946 ra Bắc, hoạt động thanh niên, tuyên huấn, văn hóa cho đến ngày nghỉ hưu.

TIẾNG CHỔI

Tặng chị Lê Thị Sói [1]

Mỗi buổi sáng ta lặng chờ tiếng chổi,
Từ đằng xa đưa lại cạnh xà lim.
Tiếng dịu dàng trên đường sỏi lướt êm,
Lăn nhè nhẹ cho ta bao hy vọng.
Rồi tiếng chổi đến gần khua vang động,
Báo cho ta hiểu rõ ở ngoài kia,
Những ai đây đang lê gót nặng nề,
Trên đường khổ, dưới ngọn roi đế quốc.
Những ai đây, xót tịnh nhà, cảnh nước.
Đã chìa vai gánh vác nợ sơn hà.
Những ai đây cùng cảnh ngộ với ta,
Đang thầm nén căm hờn trong tù tội.

---

1. Lê Thị Sói là một nữ đồng chí bị đưa từ căng Bắc Mê về giam ở nhà lao Phú Thọ. Những khi đi làm "có vê" hay đi quét đường chị đã tìm cách liên lạc với anh em để thông báo tình hình; Có khi tìm cách giúp đỡ vượt ngục.

Nhưng ai ơi! Hãy đưa mau cán chổi,
Quét sạch đi những khổ ải bất bằng!
Ta xin nguyền đứng thẳng chống xâm lăng.
Cho non sông thoát ra vòng tù ngục.
Cho nghèo đói sẽ biến thành hạnh phúc,
Cho đêm mù sẽ sáng chói tự do.
Cho chân ta sẽ rộng bước hải hồ,
Cùng nhân loại quét phăng loài quỷ dữ.
Quét đi nữa! Những ai ơi! Quét nữa!

Xà lim Phú Thọ, 9 – 1942

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, 1973.

TÌNH MẸ [1]

Con ơi con! Từ đây cách biệt
Mẹ ôm lòng lặng bước giữa chông gai
Dặm quan san man mác tấm tình dài
Mẹ phải trải dưới gót giày chiến đấu.
Tình tha thiết, con ơi! Hai dòng máu
Nhuộm một màu son sắt quá thân yêu
Nén lòng con khoác giải khăn điều
Biểu tượng thiêng liêng hồn đất nước.
Tuy rằng thế mẹ đành bắt buộc
Xẻ khối tình khăng khít làm đôi
Để u hoài nung nấu hận chia phôi
Càng cố nuốt mạch sầu càng dâng mãi,
Biết làm sao khi đường đời bắt phải
Dứt mảnh lòng gửi lại chốn xa xăm,
Biết làm sao trong cát bụi u trầm
Mẹ gắng gượng chôn vùi bao thương tiếc.
Mỗi buổi sáng giật mình tỉnh giấc
Mẹ vội vàng tìm bóng con thơ.

1. Vợ tác giả cũng là một cán bộ cách mạng. Chị đã phải gửi đứa con đầu lòng để đi hoạt động. Bài thơ trên được viết trong nhà tù khi nghĩ đến những khó khăn gian khổ của vợ mình nói riêng, chị em phụ nữ nói chung, phải chịu đựng trong khi hoạt động cách mạng.

Ôi chua cay! Cả dáng điệu thẫn thờ
Cả gan ruột vấn vương nhường chỉ rối.
Ngày xông xáo đợi chờ đêm tối
Trả con về cơn mộng đắm say
Để môi hiền hôn hít má thơ ngây
Để hơi trẻ vỗ về tim khô héo.
Rồi cứ thế bên cõi lòng lẽo đẽo
Bóng hình con ám ảnh suốt đêm ngày.
Bữa tiệc đời thêm đậm vị chua cay
Mẹ từng nếm kể từ thời lâm cuộc.
Có nhiều buổi thâu canh trường trằn trọc
Dạ bồn chồn ôm chặt gối cô đơn
Mẹ thoáng trông trong hắc ám chập chờn
Con của mẹ một mình bên nôi lạnh.
Và vẳng nghe giữa gió rền lanh lảnh
Tiếng trẻ rơi từng mảnh, nạo can tràng,
Lòng mẹ như bãi sa mạc mênh mang
Đảo lộn dưới uy quyền cơn bão cát,
Và hồn mẹ khách viễn hành phiêu bạt
Chấp hai tay lẩy bẩy khẽ nguyện cầu
Gặp hồn con làng hẻo lánh nấp sau
Rặng núi cát điệp trùng trong quang tạnh.
Nhưng mà thôi! Con ơi! Đời khổ hạnh
Là đời chung đâu riêng mẹ con mình!
Khi đọa đày chẳng phải tại trời xanh
Mà chỉ tại một lũ người thâm độc
Thì con ơi! Trong những ngày cô độc
Thấu nỗi lòng người mẹ bỏ lìa con,
Bỏ ra đi phụng sự nghĩa sống còn
Vì tổ quốc tức vì con của mẹ.

Hỏa Lò, 1943

Văn thơ yêu nước và Cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

VĨNH BIỆT [1]

Xà lim âm thầm ảm đạm
Chiều thu thoi thóp nắng vàng
Gió thu chờn vờn mây xám
Trên sàn xích sắt khua vang,

Hỡi ơi! Bạn gần tắt thở
Mắt xanh rộng mở nhìn đời.
Hỡi ơi! Đường dài dang dở
Chân hiền luyến nhớ chông gai.

Bạn ta hơi tàn cố góp
Trao tay tấm áo manh quần.
Lòng ta xiết bao hồi hộp
Lấy gì để bạn che thân.

"Đời tôi dẫu cho tàn tạ
Vẫn nguyền trả nợ núi sông
Áo quần tôi xin hiến cả
Góp phần cách mạng thành công".

Bạn ơi! Từ đây vĩnh biệt
Chút tình để lại cho nhau
Đây là tấm lòng tha thiết
Gửi về thế hệ mai sau.

Côn Lôn 1944

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, 1973.

1. Bấy giờ trong nhà tù có một đồng chí công nhân – vốn là một chiến sĩ của Nam Kỳ khởi nghĩa, sắp mất. Anh nhờ các bạn cởi dùm bộ quần áo mình đang mặc để cho người khác dùng, đừng chôn theo mình phí đi, trong khi một số anh em khác đang cần quần áo để che thân.

RA ĐI

1

Ra đi sông núi muôn trùng
Bắc Nam một dải mênh mông đất trời.
Ra đi đưa đón không lời
Đoàn tàu hờ hững bóng người nôn nao,
Hà thành ga cũ xôn xao
Người lên kẻ xuống ai nào hỏi han,
Một lời uất hận thét ran
Căm thù sôi sục ngập tràn đầy toa,
Trên cùm vang dậy hò la
Cả bầy ác thú dàn ra ngại ngùng.
Ra đi biết có trùng phùng
Tiếng còi chuyển bánh não lòng tù nhân.

2

Đồng quê tha thiết ân cần
Cành tre ve vẩy người thân lên đường:
Đường đi những nhớ cùng thương
Gập ghềnh khúc khuỷu giữa hàng núi cao,
Núi mơ khoác tấm chiến bào
Đứng nghiêm vươn ngọn cúi chào người mơ.
Sông tình buông giải khăn tơ
Đoan trang uốn khúc tiễn đưa bạn tình.
Con thuyền mặt nước lênh đênh
Gác chèo đợi bến vô danh phương nào?
Làn mây vơ vẩn thấp cao
Cuốn mình trong gió dạt vào rừng hoang.

3

Giờ lâu mê tỉnh bàng hoàng
Khách còn chưa rõ đoạn đường về đâu?
Tháp xưa gạch đỏ phai màu
Trên đồi cỏ úa nhớ đầu tàn hoang.
Thành xưa rêu phủ kín tường
Còn ghi sâu sắc vết thương quốc cừu.
Đường xưa in dấu bụi đào
Chập chờn nhắc buổi tâm giao say nồng,
Bạn xưa khuất bóng mây hồng
Một người vong mệnh muôn lòng thắm tươi!
Rồi xe lướt dặm mù khơi
Rồi người khách cũ tơi bời con tim.

4

Ánh đèn vội lướt trên đêm
Mắt mơ theo dõi kiếm tìm cảnh thơ:
Rừng khuya một dải đen mờ
Lạnh lùng mặc khách ngẩn ngơ hỏi tìm,
Rạch khuya trong tối đắm chìm
Mắt gương say giấc im lìm ngàn thu,
Cầu khuya gang thép rối bù
Thờ ơ trước tiếng còi tu não nùng,
Làng khuya lặng lẽ bên sông
Quãng màn tang xám trên dày uất căm.
Người nay đôi mắt đăm đăm
Cảnh xưa khêu gợi thâm tâm hận sầu.

5

Hoàng hôn tỏa bóng trên cầu.
Tiếng còi thét mạnh con tàu quay ngang,
Vừng trăng soi bóng thắm vàng
Trên dày nước ngọc ngổn ngang trăm tình.

Xa xa bóng gạo vẫy cành
Bên bờ dừa nước nghiêng mình chào ai.
Ánh đèn mờ tỏ đêm dài
Hẹn ngày bốc cháy rực trời miền Nam,
Đường đi Côn Đảo xa xăm
Ngày về Tổ quốc khó khăn khó dò,
Xung quanh mây nước mịt mờ
Trong lòng sáng rực sắc cờ ánh sao.
Mênh mông biển rộng trời cao.
Sóng gào gió thét thi nhau gọi triều,
Biển trời nhảy múa hò reo
Cùng đoàn chiến sĩ họa theo một bài,
Bước đường đầy đọa còn dài
Nhưng lòng tin tưởng tương lai tươi hồng.
Ầm ầm sóng cuộn gió rung
Trên sân người bỗng đập tung ào ào,
Vang vang tiếng hát giọng gào
Thay lời ca hát đón chào phong ba,
Kiếp tù một bản hùng ca
Của đời chiến sĩ xông pha hiểm nghèo.

7

Tàu đã bắt máy bỏ neo
Trên làn nước biếc trong veo phẳng lì.
Đảo con một dải xanh rì
Chạy vòng bán nguyệt tựa vì tay ngai.
Mái tranh vài nếp sơ sài
Bên cồn cát trắng đón mời tân nhân.
Tường cao thành rộng dần dần
Hiện hình kiêu hãnh dưới chân núi dày,
Đầu trâu mặt ngựa một bầy
Miệng hò tay vút trên dây tội đồ
Chốn này Côn Đảo nghìn thu
Nơi rèn chí khí trong lò gian truân.

Côn Lôn 3 – 1944

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

TRÊN BẾN CÔN LÔN

Chiều nay trên bến Côn Lôn
Trời cao biển rộng đưa hồn phiêu diêu.
Rộn ràng sóng cuộn gió reo
Hồn tôi bay bổng lướt theo biển trời.
Nơi đây hầm kín vắng người
Gió len song sắt ngậm hơi uất hờn.
Nơi đây mây trắng phủ ngàn
Mồ bao chiến sĩ cát san bãi bờ.
Găng xanh mấy nhóm trơ trơ
Sóng tràn gió rập khôn mờ lòng son
Bạn đã khuất chí vẫn còn
Đêm ngày nung nấu uất hờn lòng tôi.
Lòng tôi nguyện với biển trời
Sổ lồng tháo bẫy đường đời ruổi dong.
Chiều nay ngồi tựa bên song
Nhớ người liệt sĩ mà lòng sục sôi
Lòng tôi nguyện với bạn đời
Chặt xiềng bẻ xích thoát nơi đọa đày.
Lưng trời én trắng tung bay
Chim ơi! Ta nhắn câu này chim nghe:
"Côn Lôn mấy kẻ trở về?
Mấy ai lại được tình quê mặn nồng?
Giờ đây cạm bẫy cũi lồng
Ngày mai nhất định vẫy vùng nước non!"

*

* *

Chốn này nắng rám làn mây
Nắng hồng khuôn mặt dạn dày gió sương.
Nắng cho héo cát khô xương
Như nung như nấu lao đường Côn Lôn.
Chốn này bao xác vùi chôn
Vãi bờ cát trắng, nấm cồn mong manh.
Người còn mặt võ da xanh
Màu lam che phủ thân hình xác ve.

Cùm xâu xích tạ nặng nề
Xà lim hầm tối ủ ê tháng ngày
Rượu đời tim hãy còn say
Mím môi trừng mắt khổ này coi khinh.
Lòng ta còn nặng bao tình
Niềm tin xóa nhạt điêu linh đọa đày.

*

* *

Muốn đi chân chẳng thể rời
Nhắn nhe cánh nhạn lưng vời biệt tăm.
Quê nhà mắt gửi xa xăm
Trời xanh nước biếc sóng gầm gió reo.
Ngày ngày vang động sớm chiều
Câu hò phản đế, câu chèo phản phong.
Đêm đêm hồn những mơ màng
"Sắp về" tiếng gọi đáy lòng đâu đây? [1]
Côn Lôn nặng chuỗi tháng ngày
Rượu hờn ấp ủ men say oán thù.
Ở đây gió rít cát mù
Thành cao hầm tối hãm tù thân ve.
Ở đây xiềng xích nặng nề,
Roi song báng súng tái tê sức mòn.
Bao cơn bão táp sóng cồn
Thêm bền thêm vững tâm hồn thép gang.
Bao cơn thử thách phũ phàng
Càng tươi cờ thắm càng vàng ánh sao.
Muôn đời một cuộc biển dâu
Lòng ta hẹn với mai sau một ngày,
Trên đường hồ hải tung bay
Lưỡi gươm chiến sĩ quyết mài cho xong.
Máu thù rửa nhục non sông
Cỏ cây nhuộm sắc cờ hồng giương cao.

Côn Lôn 7-1944

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

---

1. Ở Côn Lôn, tiếng tắc kè kêu ban đêm nghe như tiếng "sắp về, sắp về"!.

ĐÓ, ĐÂY

Gửi Minh Châu

Đời em là nửa đời ta
Dẫu rằng đây đó cách xa muôn trùng.
Yêu đương là nhựa vô song,
Gắn đời đôi bạn sống chung một đời.
Thân này giữa đảo chơi vơi,
Âm thầm mơ đón cơ trời chuyển xoay.
Thân kia dong ruổi đường mây,
Việc đời một gánh đôi vai chưa sờn.
Đó đây cách trở nước non,
Đã nhờ mây gió gửi hồn cho nhau.
Ngày ngày tìm bóng nhạn đào,
Đêm đêm tìm giấc chiêm bao say nồng.
Đời ta vẫn một đời chung,
Thì sao chẳng có tương phùng nay mai.

10 -1944

Thơ ca cách mạng 1925 -1945.
NXB Khoa học xã hội, 1973.

NGƠ NGÁC

Nhớ đồng chí Hoàng Văn Thụ

Tôi ngơ ngác tìm anh trong đáy mắt
Gợn tiếc thương của các bạn đồng hành,
Trở về đây giữa lúc mảnh thuyền anh
Dạt vô bãi cát lầy trên Côn Đảo.
Tôi nào có ngờ đâu cơn ác bão
Dưới trời đông hung bạo phá tơi bời.
Một cánh buồm dũng mãnh vượt trùng khơi
Từ bao thuở khắp bến trời rong ruổi.
Tôi những tưởng trên bãi tù tăm tối,
Cánh buồm tôi có bạn mến vỗ về,
Cùng sửa sang chèo lái để mai kia
Quay trở lại với trời cao biển rộng.

Nhưng thôi rồi đây chỉ là ước vọng
Đang tiêu tan một hy vọng nồng nàn.
Mắt trông vời quanh bốn phía không gian
Nào đâu thấy bóng hình thuyền thân hữu.
Tôi ngơ ngác tâm hồn quay lảo đảo
Như lá bàng rơi rụng trước heo may.
Và toàn thân tê lạnh bỗng đứng ngây
Như cửa sắt, thẫn thờ khi hé mở
Tôi ngơ ngác tự yết hầu nức nở
Bật tung ra trong lặng lẽ nghẹn ngào
Đẫm lệ hờn ôi chua xót nhường bao
Người chiến sĩ ngang tàng nay lâm nạn.
Tôi ngơ ngác trong cảnh tình ly tán
Như vành khuyên thương bạn nhốt xa lồng,
Hằng kêu than trong sương gió ngày đông
Và thầm hẹn ngày xuân tươi lộng lẫy.
Ngày xuân ấy, bạn đời ơi! Anh hãy
Tin rồi đây vũ trụ sẽ đem về
Cho lòng anh với tất cả hả hê
Nguồn hạnh phúc của tiền đồ giải phóng.

Hỏa Lò, 12-1944

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc.
NXB Văn hóa dân tộc, 1977.

MONG CON

Kính tặng Mẹ

Lưng mẹ tựa mòn cánh cửa,
Mây chiều xóa nhạt bóng con.
Đó đây muôn trùng cách trở,
Mong ngày gặp gỡ cuối thôn.

Mắt yếu mỏi mòn theo dõi,
Gió vàng bay rụng lá khô.
Ngày ngày ngóng trông, trông mãi,
Xa xa chỉ thấy núi mờ.

Thẫn thờ hai tay buông sông,
Cảnh nhà vắng vẻ quạnh hiu.
Sương dầy rủ trên dát chõng,
Lòng mẹ đau xót trăm chiều.

Mẹ ơi thù này chưa trả,
Mẹ con còn phải xa nhau.
Ngọn triều đấu tranh cao cả,
Đón ngày sum họp đến mau.

Côn Lôn, 1944

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, 1973.

XUÂN TÙ

Mây lam căng lụa lưng vời,
Nắng vàng rây bột thắm tươi trên ngàn.
Gió xuân phe phẩy cành bàng,
Lả lơi tha thướt dịu dàng vuốt ve.
Lá non nhựa sống tràn trề,
Long lanh phản chiếu muôn tia nắng vàng.
Nhạn xa vỗ cánh mơ màng
Dấu mình trong cõi mênh mang mịt mùng.
Tin quê những đợi cùng mong,
Hồn quê mỏi mắt mơ màng bấy nay.
Tháng ngày máy chỉ tròn quay,
Lòng ta quen vị đắng cay lao tù.
Một ngày bằng mấy thiên thu
Lòng ta ước nguyện rửa thù cố phen.
Gió ơi! Thổi mạnh nữa lên!
Sóng ơi! Vỗ mạnh vang rền biển khơi!
Cao trào cách mạng tới nơi,
Cho ta đạp đổ cảnh đời Côn Lôn.

Xuân – 1945

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

VƯƠNG GIA KHƯƠNG
(1921 –?)

Quê ở Quảng Nam. Hoạt động cách mạng từ năm 1939. Đã bị địch bắt tù. Năm 1945, công tác ở Đà Nẵng.

Trước khi nghỉ hưu, công tác ở Phủ Thủ tướng.

BÁN CẢ TÌNH THƯƠNG

(Theo điệu Mạnh Lệ Quân)

Đêm đêm mong ngóng tin bạn,
Nhưng nào thấy về bóng nhạn.
Bao năm đi lính lận đận,
Băng mình qua vòng lửa đạn.
Thấy toàn một màu ảm đạm.
Phương xa vời chàng ở nơi nào?
Từ ngày binh đao,
Quân Pháp đưa chàng ra mặt trận nào?
Chàng đi cầm súng giặc,
Bán mình, bán tình quê hương.
Bán mình, bán cả tình thương,
Dửng dưng không hề vấn vương.
Thôi từ nay thành nát tan,
Lứa đôi muôn dặm quan san.
Thiếp thân cô độc,
Con, mẹ ngày đông giá lạnh nhớ nhung.
Thấy chăng dân tộc?
Dân tộc lầm than, đói nghèo tấm thân!
Chàng đang cầm súng giặc!
Quay mình bắn vào đầu giặc!

1940

Thơ ca cách mạng 1925 –1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

TIỄN BẠN ĐI ĐÀY

Tặng đoàn công-voa đi Côn Lôn, 1941

Không lâu nữa, cửa tù rung, sắt rít,
Đã lạnh lùng chia cách bọn tôi, anh.
Gối má nhau, thầm kể chuyện tâm tình,
Đời hoạt động, không trời chung đế quốc.

Ta nhớ lắm, bạn ơi, vừa mới gặp,
Vội chia ly, ai ngăn được lòng buồn,
Nhưng cần chi, đây quán trọ muôn phương,
Gặp gỡ để hẹn chung ngày thắng lợi.

Nhạc tranh đấu trỗi lên, bao phấn khởi,
Khắp không gian từ góc bể chân trời.
Chốn này đây tất cả bạn cùng tôi,
Đã thu được bao lời hay điệu lạ.

Không lâu nữa nhịp nhàng và rộn rã,
Bạn đều chân đi đày tận phương xa.
Say khí trời, ánh sáng với chim ca,
Như vắng lắm từ khi va phải cạm.
Thoát tù hãm, đày thân trong hố thẳm.
Đời âm u như đêm tối dày sương.
Tin ngày mai chói lọi ánh hồng dương.

*
* *

Ai nỡ dứt, vạn dây tình, ai nỡ dứt,
Tình đồng chí không bao giờ bị đứt.
Tuy đã xa nhau, tư tưởng quyện vào nhau,
Thấm từng luồng trong gió lạnh đêm thâu.
Càng khích động mối thù không giới hạn.

Đầy hứa hẹn, tay nắm tay, chào bạn.
Buồn chia ly hòa nhịp hận muôn đời.
Ôm thù chung sức mạnh lật nghiêng trời,
Đang chuyển động trong lòng tôi, chí bạn.

Ta tin tưởng một ngày mai chiến thắng,
Bọn vua quan, quân đế quốc, sài lang,
Kìa! Tương lai, Rực rỡ, Huy hoàng,
Một thế giới hoàn toàn thay đổi mới.

Quân cướp nước! Hẹn chôn bay ngoài đáy bể,
Lũ tay sai! Thề xé thịt phanh thây!
Xương làm trầm gửi bạn gió mây,
Mau rửa sạch nhục muôn đời ghi hận.

Đây tất cả tấm lòng tôi tặng bạn.

Xuân 1941
(Sách đã dẫn)

THÙ QUỐC SỈ

Đây là một vở kịch thơ ba màn, có ca, vũ, nhạc phối hợp, nói lên tinh thần bất khuất của người dân mất nước luôn vùng dậy đấu tranh không mệt mỏi, đời này truyền sang đời khác, cho kỳ đến thắng lợi cuối cùng.

Tóm tắt nội dung vở kịch:

Chiến sĩ (vai chính) là người được ông và cha truyền cho thanh kiếm báu có khắc ba chữ "Thù quốc sỉ". Ra trận, chàng bị thương nặng, lạc trong rừng; gặp Hằng Nga đem sắc đẹp và tình yêu cám dỗ. Chiến sĩ đã quên tất cả, cùng nàng hưởng hạnh phúc lứa đôi, xa cảnh đời trần tục. Nhưng Hồn nước đã hiện lên kêu gọi chàng và người chiến sĩ ấy đã tỉnh ngộ. Hối hận, chàng hăng hái mài lại thanh kiếm báu và lên đường đi diệt thù cứu nước. Trong một trận đánh chàng bị tử thương. Hồn chàng bay về nơi vợ cùng con thơ đang sống để trao lại cho con mối thù nhà, tượng trưng là thanh kiếm báu mang dòng chữ "Thù quốc sỉ".

Vở kịch này được viết vào dịp Tết Nguyên đán, đầu năm 1942, ở Hỏa Lò, Hà Nội, và được đem trình diễn ngay để phục vụ anh em trong ngục. Vở kịch này được anh em ở Côn Đảo diễn lại.

Thù quốc sỉ còn được diễn ở một số nơi khác như Phan Thiết năm 1946, khu III, miền Đông Nam Bộ, năm 1947. Trong một cuốn hồi ký về quân đội, *Loạt vũ khí đầu tiên,* đồng chí Phan Trọng Tuệ cũng có nhắc đến vở kịch này.

Sau đây là một đoạn trích trong vở kịch thơ đó:

MÀN THỨ NHẤT

Cảnh một đêm thu trong rừng, trăng sáng. Màn từ từ mở. Một ngọn núi đá cao che gần khuất mặt trăng rằm. Các vì sao lấp lánh soi mình xuống dòng suối Vân tuyền lung linh ánh bạc. Điệu nhạc "Rừng thu" êm dịu trỗi lên to dần. Hằng Nga từ mặt trăng hiện ra nhìn xuống dòng suối mỉm cười rồi cất tiếng hát theo điệu nhạc từ trong vọng ra.

Hào quang lấp lánh xung quanh, nàng vừa hát, múa vừa bước dần xuống núi.

Hát xong nàng yên lặng đến soi mình bên dòng suối mơ màng.

Bỗng một con nai chạy ra ngơ ngác như nghe ngóng rồi chạy mất. Hằng Nga giật mình nhìn theo, lắng tai nghe. Có tiếng bước chân đi trên lá khô xào xạc mỗi lúc một gần.

HẰNG NGA: Nghe xa xa có tiếng động từ xa,
Theo gió nhẹ, nhịp chân đang tiến tới
Như tiếng bước khách bộ hành mệt mỏi
Gội sương đêm len lói dưới trăng ngà.

(Sực nhớ mình là Hằng Nga)
Và ta đây, một tiên nữ Hằng Nga,
Lìa cung Quảng phải lánh xa phàm tục.

(Lắc đầu)
Nhưng cô đơn, tháng năm dài cay độc,
Đốt lòng xuân càng xóa nhạt sắc hương xuân,
Trời sinh ta, sao chỉ là vầng trăng?
Sao chia cách non Tiên và cảnh tục?

(Có tiếng bước chân gần lại, nàng giật mình)
Bước chân ai quá gần như thúc giục
Ta lẩn mình giây phút, lánh trần gian.

(Nàng nấp vào trong hốc đá; Chiến sĩ ra, nặng nề bước từng bước một, nét mặt thất vọng, một tay nắm tay nải trên vai, một tay nắm chuôi kiếm đeo bên mình. Đến giữa sân khấu chàng nhìn quanh lắc đầu ngao ngán, tay buông chuôi kiếm).

CHIẾN SĨ: Thế là hết! Hết một thời oanh liệt
Nhuộm chiến bào bằng máu uế quân thù
Bây giờ đây ôm khối hận nghìn thu,
Nhục nước mất, nhà tan chưa rửa sạch.
Nhìn nước mất nhà tan ngời khí phách,
Bao anh hùng bao chiến sĩ xông pha.
Đều nhịp chân theo một bản hùng ca,
Phải dừng bước trước lá cờ ô nhục.
Phải chôn chặt mối căm hờn sôi sục,
Trong lòng sâu đầy uất hận muôn đời.
Bây giờ đây, thôi hết ước mong rồi,
Tay lỏng kiếm bên nẻo đường ẩn dật

Lánh trần tục tìm Nàng Thơ lẩn khuất,
Ở đâu đây trong rừng vắng âm thầm,
Vẳng đâu đây một nhạc điệu ngâm trầm,
Dòng suối nắn tơ lòng đang héo hắt.
Cô Hằng hỡi! Sao phí nhiều hương sắc,
Theo ánh vàng rải khắp ngàn phương.
Đi tìm chi trong đêm lạnh canh trường?
Hay cô muốn tìm ai người tri kỷ?

(cười hóm hỉnh. Có tiếng Hằng Nga từ hốc đá vọng ra)

HẰNG NGA: Người tri kỷ chính là chàng chiến sĩ,
Xa đời nhơ tìm an ủi bằng thơ.
Và Nàng Thơ là thiếp, ả Hằng Nga,
Lìa cung Quảng thẩn thơ tìm tri kỷ.

CHIẾN SĨ: *(giật mình tìm quanh, dáng tìm kiếm)*
"Người tri kỷ chính là chàng chiến sĩ
Xa đời nhơ tìm an ủi bằng thơ
Và Nàng Thơ là thiếp ả Hằng Nga
Lìa cung Quảng thẩn thơ tìm tri kỷ".
Đâu thế nhỉ? Tiếng ai đâu thế nhỉ?
Nghe êm êm như sóng nước Vân tuyền
Lời của ma? Hay giọng hát của tiên?
Dám tự nhận "Hằng Nga lìa cung Quảng"?

HẰNG NGA: *(từ hốc đá đứng lên, ánh sáng lung linh quanh nàng)*
Chiến sĩ hỡi! Hãy dừng chân yên lặng,
Nghe tiếng đàn êm dịu của thiên nhiên.
Có nề chi đó Tục gặp đây Tiên,
Có tài sắc mới thành duyên tri kỷ.
Hãy cùng thiếp trong thời xuân tươi trẻ,
Hưởng tận cùng những giờ phút mê ly.
Đôi tim mơ bên dòng suối dậy thì,
Lơ lửng uống say trăng vàng loáng bạc.
Rượu ân ái, hương nồng thơm ngào ngạt,
Của muôn phương xa lạ bay về.

Lòng đôi ta dìu dịu mê mê,
Chàng bên thiếp nhìn nhau quên tất cả.

CHIẾN SĨ: *(quay lại nhìn, trố mắt ngạc nhiên)*
Trời! Đẹp quá! Hằng Nga tươi đẹp quá.
Tỏa hào quang lấp lánh loáng trời xanh.
Cô là tiên hay là mộng mỏng manh
Nỡ chế giễu một tâm hồn cô quạnh?
Kẻ chiến bại trước quân thù kiêu hãnh,
Phải dừng chân nuốt hận đợi thời cơ.
Ai đành tâm tận hưởng giấc mơ hoa,
Trước cảnh nước non nhà tan nát.
Thì trên đường đời điêu linh phiêu bạt,
Cam phụ tình, trả lại tấm lòng ai.

HẰNG NGA: *(vẻ quyến rũ)*
Ai nỡ dứt trên đường gai phiêu bạt,
Giây tơ mềm rung động tấm lòng ai.
Thì chàng ơi! Đây gái sắc trai tài,
Ta hãy họa một bản đàn ân ái.
Bụi đường trường bao năm dài mê mải,
Tìm đôi vai người chiến sĩ kiên cường.
Ai thể ngăn chốc lát nghỉ bên đường,
Rũ gió bụi để mai đây còn bước mãi.
Đây suối mát, trăng trong, rượu nồng, hoa trái.
Là của chàng, của thiếp, của đôi ta.
Tháng năm dài có được mấy mùa hoa?
Hãy tận hưởng! Đợi thời cơ, thù sẽ trả!

CHIẾN SĨ: *(nhắc lại)*
"Tháng năm dài có được mấy mùa hoa?
Hãy tận hưởng! Đợi thời cơ, thù sẽ trả!"

(gật đầu)
Quên tất cả, đôi ta quên tất cả
Tay nắm tay chung hưởng một mùa hoa

Nàng cùng ta hòa một bản tình ca,
Trên một chiếc thuyền xa rời bến tục.
Trôi trôi mãi, chỉ trời, ta, mây, nước,
Đứng làm chi trên đất thảm, sông sầu.
Nàng cùng ta chung sống mãi bên nhau.
Chung giọng hát khúc "Lương duyên kỳ ngộ".

HẰNG NGA: *(cùng ngâm)*
Chàng cùng ta sống mãi bên nhau
Chung giọng hát khúc "lương duyên kỳ ngộ".

(Cả hai cùng múa hát bài Lương duyên kỳ ngộ *rồi Hằng Nga đưa chiến sĩ đến ngồi lên tảng đá vừa chuốc rượu cho chàng vừa múa và vừa hát bài "Dưới ánh trăng thu" cho đến khi chiến sĩ say mèm gục đầu vào gốc cây. Nàng nhìn chiến sĩ mỉm cười như chế nhạo)*

Bầu rượu mạnh đưa hồn thơ chiến sĩ.
Bay vẩn vơ trong giấc mộng Vu san.
Sắc khuynh thành xô ngã khách tài danh
Giữa nghĩa địa chôn vùi bao khí phách.
Dẫu có luyện thành gang thành thép
Thì đây tim cũng phải phát âm thanh.
Ai thể ngăn muôn triệu triệu tơ tình
Không trói buộc một thân hình đầy nhựa?
Thì chiến sĩ chỉ là con khát sữa
Nún vú nhờ bất cứ của ai ai.
(Hằng Nga bỗng lặng im suy nghĩ)
Nhưng... có nên chăng? Ràng buộc khách anh tài?
Mà không thấy cảnh muôn dân sầu thảm.
Có nên chăng vì cô đơn năm tháng,
Của riêng ta mà quên cả trần đời?
Thôi từ đây, trả lại khách ngày mai.
Cam lẻ bạn, để phương trời ai rộng bước.

(Cúi đầu chào chiến sĩ, rồi cao giọng hát bài Rừng thu, đi dần lên đỉnh núi, đến cung trăng thì biến mất vào trăng. Trăng lặn dần sau núi. Sân khấu mờ dần, bỗng từ trong vọng ra tiếng thiết tha kêu gọi của Hồn nước).

HỒN NƯỚC: Chiến sĩ ơi chiến sĩ!
Có nghe tiếng kêu thương.
Của nước non hùng vĩ,
Rền rĩ dưới đêm sương!

CHIẾN SĨ: *(Trong mơ màng, nhắc lại bốn câu trên rồi đưa cốc rượu lên miệng uống một ngụm rồi lại gục đầu xuống ngủ)*

HỒN NƯỚC: *(tiếng vọng ngày một to)*
Chiến sĩ ơi chiến sĩ!
Nghe tiếng vang gần xa,
Chí tang bồng hồ thỉ,
Hãy cất bước xông pha!

CHIẾN SĨ: *(Tỉnh dần nhắc lại bốn câu trên rồi lại đưa cốc rượu lên môi nhưng không thấy Hằng Nga đâu nữa, gọi)* *Hằng Nga? Hằng Nga?*

HỒN NƯỚC: Chiến sĩ ơi chiến sĩ!
Cờ trống rợp sa trường,
Tiếng người hô ngựa hí
Rầm rập xé đêm sương.

CHIẾN SĨ: *(Tỉnh hẳn. Nhắc lại bốn câu trên rồi rút kiếm quỳ xuống thề)*
Hồn nước ơi Hồn nước!
Hãy tha lỗi cho con,
Con xin thề dấn bước,
Trả xong nợ non sông!

(Trời sáng dần, chiến sĩ rút thanh kiếm báu của cha để lại, đến bên bờ suối vừa mài vừa hát bài "Mài kiếm dưới trăng". Màn hạ, trong lúc tiếng hát nhỏ dần).

MÀN THỨ HAI

Cảnh rừng mai

(Rừng mai một đêm trăng mờ sắp lặn. Bãi chiến trường xơ xác, thây chết ngổn ngang đây đó. Sân khấu im lìm, khúc nhạc Chiêu hồn tử sĩ nhè nhẹ trỗi lên buồn buồn.

Giữa các thây ma, một bóng đen nhỏm dậy quằn quại. Người chiến sĩ bị thương quá nặng, giọng run run).

CHIẾN SĨ: Tôi chưa chết, phút này chưa chết
Vết thương! Ôi sao huyết chảy mãi không ngừng
Tim tôi run run lồng ngực phập phồng
Theo hơi thở ngập ngừng tê tái,
Máu càng chảy đời càng thu ngắn lại
Đời chiến chinh đành chấm dứt đêm nay.
Nhưng chí ta không thể chết đêm nay
Nó vẫn sống, hiên ngang vô tận.

(nhìn xung quanh cảnh chiến trường)
Hồn nhẹ lướt chập chùng sương thấm lạnh
Dưới trăng mờ mang nợ nước nghìn thu
Giữa mây cao, gió thấp của đêm thâu
Bay tản khắp khoảng không đầy uất hận.
Thây bám đất ngổn ngang bày thế trận,
Xác ghì cây, cây níu chặt nương đồi.
Thà làm ma, hơn làm ngựa, làm dơi,
Lũ quỷ dữ phải tận đường lủi trốn.
(hăng hái đứng lên tả lại cảnh chiến đấu ban ngày...)
Một ngày qua, trôi qua bao kiếp sống,
Bức thành người từng lớp sụp rồi xây.
Mặc dầu đây súng đạn nổ vang đầy,
Mặc thần chết bên tai cao tiếng gọi.
Lớp sóng sống cứ tràn lên dữ dội,
Khát máu nồng, hăm hở diệt thù chung.
Giữ quê cha đất tổ đến kỳ cùng.

Cờ giải phóng đã rạng hồng trong khói lửa.
Chân giày xéo lên xác người nhầy nhụa
Không trời chung bầy quỷ trắng mắt xanh,
Kèn xung phong như sức mạnh thiên thần,
Giết, giết, giết cho sạch loài hổ báo.
Quyết chiến thắng, tay tôi vung kiếm báu,
Vù vù bay loang loáng gặt đầu rơi.
Thân lìa thân, máu chảy, xương phơi,
Cho hết kiếp lũ buôn người cướp nước.
Cha ơi cha, thù cha chưa trả được,
Ngày hôm nay kiếm sắt rạng lên rồi.
(giật mình ôm ngực)
Vụt bên tai, luồng đạn lạc, lưng đồi,
Xuyên lồng ngực, khai ngòi dòng suối máu.
Luồng chớp giật tung người tôi lảo đảo.
Buông chuôi gươm, tay với mảnh hồn tôi,
Lỏng tay chèo trên bể rộng thuyền trôi.
Bờ bến mới là đâu, ôi có biết!
(ngất đi một chốc rồi nhổm dậy)
Bừng tỉnh dậy, lực tàn, hơi đã kiệt,
Là thiên đường hay địa ngục nơi đây?
Là cảnh đời hay một giấc mơ say?
Thù trả được hay là chưa trả được?
Dù phải chết giữa tình yêu đất nước,
Yêu muôn dân, yêu tha thiết quê mình,
Tôi mỉm cười, xong nhiệm vụ quang vinh,
Nay nợ nước thù nhà đeo hận mãi.
Tôi muốn bắt vòm trời thu hẹp lại.
Bốn phương trời gần quấn quít quanh đây.
Với gương nga ghì chặt trong tay,
Soi đất nước giờ đây, giây phút chót.
Thu sông núi giấu trong lòng mắt ướt,
Quê hương xưa chôn chặt dưới hàng mi.
Và giờ tàn ôm hận hãy còn ghi,
Trong sương gió lúc trăng ta bóng chếch.
(Nhìn về phía quê hương)
Hiền thê ơi! Bao năm rồi xa cách,
Bóng con thơ, ngong ngóng tin chồng

Thôi từ nay đành hết nhớ, thôi trông
Càng khắc cốt mối thù chung đất nước.
(Đứng dậy, đưa cao thanh kiếm)
Đây kiếm sắc, thù cha chưa trả được,
Em thay anh trao hận nước, con mình!
Không trời chung loài quỷ trắng mắt xanh.
Nối chí khí ông cha mà quyết thắng.
Ta tin tưởng một ngày mai tươi sáng.
(Lấy hết sức tàn vung gươm lên rồi ngã xuống)

...

(Sách đã dẫn)

NGUYỄN XUÂN LINH
(1906 – ?)

Quê ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Hoạt động cách mạng từ năm 1930.

Có thời gian làm Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An; Đại biểu Quốc hội và Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi nghỉ hưu.

ĐÁM TANG

Đàn nhỏ ấy còn ngây thơ và tuổi trẻ,
Đang quây quần bên hòm mẹ khóc than.
Chúng đớn đau la hét kêu van,
"Mẹ hỡi mẹ, mẹ ôi là mẹ!"
Trước cảnh ấy tôi động lòng rơi lệ.
Vì chính tôi – một đứa trẻ mồ côi,
Và biết bao người đồng cảnh như tôi:
Hăm lăm triệu đồng bào dân Nam Việt...
Mẹ đã chết! Ôi mẹ ta đã chết.
Cái tang chung của hăm lăm triệu đồng bào,
Cái tang ấy năm mươi năm còn buồn thảm.
Cái tang ấy làm trời Nam ảm đạm.
Cái tang còn mang nặng vết đau thương.
Con mồ côi nằm trong cảnh thê lương.
Đang nheo nhóc nơi đầu đường xó chợ.
Dầu muốn dậy, ai chăm nom, giúp đỡ?
Bao đau thương, bao đói khổ bơ vơ!
Ai gây nên! Đâu há dễ làm ngơ!
Không, không thể thờ ơ mãi được.
Ta đã biết, đó là do quân cướp nước
Chúng đã dùng bao chước quỷ mưu thần

Cướp nước ta và giết hại nhân dân,
Dân mất nước khác nào con mồ côi mẹ.
Cảnh mất nước, cảnh làm dân nô lệ,
Cảnh người con không có mẹ khác gì đâu!
Ai là con, hãy đứng dậy cùng nhau!
Cứu mẹ sống, cứu mẹ ta sống lại!
Ai dân nước hãy cùng nhau đoàn kết lại!
Cứu nước nhà ra khỏi cảnh lầm than!
Thôi đừng khóc nữa, đừng kêu van!
Mà tất cả hò nhau rầm rập tiến!
Dốc hết thảy chồm lên như sóng biển.
Như giông tố, như điện chớp, như sấm vang
Biến quân thù thành những mảnh tro tàn
Trôi xuống biển và lẫn tan trong bọt nước!
Ta xé xác quân thực dân xâm lược,
Quân tay sai, quân tàn ngược vua quan.
Nước dân ta được độc lập hoàn toàn,
Tiếng ca hát khải hoàn vang dội.
Cờ hồng phất nơi nơi đỏ chói,
Tiếng hoan hô mừng thắng lợi vang trời.
Tiếng reo, tiếng hát, tiếng vui cười,
Và tất cả bầu trời Nam đỏ rực,
Đang vươn lên tiếp tục cuộc đấu tranh...

*

* *

Đấu tranh thắt chặt mối tình,
Mối tình quốc tế, mối tình quốc gia.
Năm châu như thể một nhà,
Xã hội chủ nghĩa ấy là tương lai.

1942

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

CON VỊT BẦU

Kẹp kẹp chi mi thế vịt bầu!
Đời mi sao sống được bao lâu!
Rúc đầu kiếm miếng quen dơ bẩn,
Chổng đít tìm mồi hết cạn, sâu.
Đổ nước lên đầu lâu chẳng thấm,
Chuyện đời nghe sấm biết gì đâu!
Càng ăn cho béo càng mau chết,
Kẹp kẹp chi mi hỡi vịt bầu!

Lao Vinh, 1943
(Sách đã dẫn)

XÀ LIM QUA LỖ NHỎ

Chỉ thấy xa xa một miếng trời
Mấy cành hoa phượng lại chia đôi.
Gió đưa nhè nhẹ, trời rung nhẹ,
Có cánh hoa nào đủng đỉnh rơi?

Trời rung rung nữa giục hoa rơi,
Hoa vẫn như cờ vẫn đỏ tươi.
Sực nhớ ngày nào tôi với gió,
Trời cao cờ đỏ lộng tung trời.

5–1943
(Sách đã dẫn)

ĐÊM TRƯỜNG Ở XÀ LIM VINH

Đêm trường quạnh vắng một mình tôi,
Hết đứng, nằm queo, lại dậy ngồi.
Sầm sập mưa tuôn trên mái ngói,
Ì ầm gió đập sát tường vôi.
Tù đau rên rỉ trong từng khám,
Lính gác hò la ở các chòi.

Ngồi nghĩ bao la: Trời đất nước,
Nghĩ giờ điểm sáng: Cuộc đời tươi.

*
* *

Nghĩ giờ điểm sáng cuộc đời tươi
Nghĩ suốt năm châu, nghĩ thế thời,
Nghĩ giặc xâm lăng rồi sụp đổ,
Nghĩ quân phát xít đã tơi bời.
Nghĩ hồi cách mạng cờ phơi phới,
Nghĩ lúc phong trào thế sục sôi.
Nghĩ cuộc chiến tranh gần kết liễu,
Nghĩ ngày thắng lợi đến nơi rồi.

*
* *

Nghĩ ngày thắng lợi đến nơi rồi,
Tất cả xông lên chuyển đất trời
Rồi những anh hùng bao máu đổ,
Và bao chiến sĩ những đầu rơi!
Tô màu độc lập cho non nước,
Xây móng tự do của giống nòi.
Cách mạng thành công đời đổi mới,
Cờ hồng đỏ rực khắp nơi nơi.

*
* *

Ai ơi! Ngày ấy đến rồi
Ngày ta đã nguyện những hồi năm xưa.
Máu tô cho thắm lá cờ
Tung bay khắp cả cõi bờ Việt Nam.

1944
(Sách đã dẫn)

DƯƠNG MINH
(?)

Còn có tên là Nam Triết. Quê ở làng La Nội, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay là tỉnh Hà Tây. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1933. Năm 1938 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau đó được bầu vào Tỉnh ủy Hà Đông. Nhiều lần bị địch bắt giam ở nhà lao Hà Đông, Hà Nội.

CHẾT ĐỨNG CÒN HƠN KIẾP SỐNG QUỲ

Xủng xẻng va nhau tiếng ngũ kim
Tiếng chùm chìa khóa mở xà lim
Kéo ra khỏi cửa lên phòng tấn
Tấn mãi nhưng ta vẫn lặng im.

Điện, nước, tàu bay dùng đủ kiểu
Mật đường dụ dỗ có hề chi,
Lòng ta đã quyết vì dân, nước
Chết đứng còn hơn kiếp sống quỳ.

Lao Hà Đông, 7–1941

Tiếng hát trong tù, tập 2.
NXB Thanh niên,
Hà Nội, 1970.

THƠ GỬI VỀ THĂM MẸ CHA [1]

Nhà tan nước mất ôi đắng cay
Ngàn vạn lời thơ khôn giãi bày

---

1. Lúc này bốn anh em đồng chí Dương Minh đều bị bắt giam. Tác giả làm bài thơ trên gửi về an ủi động viên bố mẹ.

Tựa cửa chờ con năm tháng lụn
Hờn căm ngút tỏa chín tầng mây.

Nợ nước xưa cha chửa báo đền
Tháng ngày ấp ủ mối ưu phiền
Lời thơ khảng khái cha ngâm vịnh
Căm hận non sông cảnh đảo điên.

Biết các con tham gia chiến đấu
Lòng cha pha trộn nỗi buồn vui,
Vui vì thấy con mưu việc lớn
Nhưng lại e bão tố dập vùi.

Thân con tuy vướng cảnh lao tù
Lòng vẫn nêu cao chí phục thù
Diệt hết sài lang, trừ khổ hận
Quyết tâm trả món nợ nghìn thu.

Rồi một ngày nào non nước Việt
Vang vang khúc hát khải hoàn ca,
Non sông bừng sáng trời quang tạnh
Là lúc các con về với cha.

Lao Hà Đông, 1941
(Sách đã dẫn)

EM BÉ TRONG TÙ

Gặp em nơi tù ngục
Bịn rịn tay cầm tay,
Gió lạnh tình đơn chiếc
Hỏi nhau chuyện chi đây?

Em quê quán nơi nao?
Duyên cớ ra làm sao?
Bé nhỏ là nhường ấy
Mà Tây cũng tống lao.

Nghẹn ngào em kể lể
Bao đoạn khổ tình thương.
Cha mẹ em đói rách
Bồng con lìa quê hương.

Tuổi em mới mười ba
Đi ở cho người ta
Bị vu oan giá họa
Bắt tù tội xách ra.

Con ong và cái kiến
Đâu nghĩ chuyện kêu oan
Tù tội đành chịu vậy
Tiền đâu khấn lễ quan.

Trong khốn cùng rên xiết
Hỏi em biết vì đâu?
Lũ đế quốc phong kiến
Gây đói khổ thương đau.

Nhưng ta không sầu bi
Gặp những bước lưu ly
Càng gắng rèn tâm chí
Vùng lên ắt có khi...

Rồi một ngày sắp tới
Cờ hồng rợp muôn phương
Hết gông cùm xiềng xích
Hết đói rách thê lương.

Đời em còn trong trắng
Như nước suối ban mai
Đừng khóc, cười đi nhé
Vững tin ở tương lai.

Lao Hà Đông, 7-1941
(Sách đã dẫn)

PHÓ QUAY [1]

Đồ tể chính tông có lẽ đây
"Phó quay" tên gọi chẳng hề sai.
Điện quay suốt buổi tay không mỏi
Khảo đả thâu canh máu vẫn say.
Tàn ác há thua loài bạo chúa,
Tục tằn chi thẹn kiếp Tây lai
Nay mai Nhật đổ, Tây tàn lụi
Liệu trốn đường mô quân giết người?

(Sách đã dẫn)

KHÔNG CÙM ĐƯỢC TRÁI TIM

Xà lim.. xà lim... lại xà lim!
Dãy dài sừng sững đứng im lìm,
Cùm liền khóa sắt khóa kiên cố
Bay tưởng cùm luôn cả trái tim.

Nhưng không, giặc nước, bay lầm to!
Tay xích, chân cùm, thân quắp co,
Điện, nước, tàu bay tra đủ kiểu
Trái tim ta vẫn nghĩ tự do.

Nghĩ rằng: Tổ quốc của ta ơi!
Nước mất nhà tan, hận vạn đời,
Dưới gót giày đinh quân cướp nước
Non sông nồng nặc lũ tanh hôi.

Nghĩ rằng: Bè bạn ngoài tù ngục
Ai mất, ai còn, ai thủy chung
Xin cứ vững lòng càng vững bước
Chớ lo chi kẻ vướng lao lung.
Nghĩ rằng: Cha mẹ nơi thôn dã
Tựa cửa chờ con mắt mỏi mòn,

---

1. Tên Luýt Tây lai rất hung dữ, chuyên dùng máy quay điện để tra khảo tù nhân, nên anh em tù gọi hắn là phó quay.

Từ thuở mấy con sa lưới giặc
Lệ già khô cạn bởi thương con.

Cha mẹ vui lên chớ thảm sầu
Nhà tan lâm nạn quá thương đau,
Nhưng không, vì nước ta tranh đấu
Hiếu nghĩa khôn bề vẹn trước sau.

Gió đuổi mây ngàn về đâu?
Đại bàng gãy cánh có sầu chăng vay?
Rằng: Từ ngộ biến đến nay
Điện qua, nước lại, hăng say vì đòn
Thịt da rách nát héo mòn
Chân tay cùm xích đâu còn tự do.
Thể xác tuy bị giày vò
Tim óc vẫn tỉnh, vẫn hò vẫn reo
Quân thù cùm xích tuy nhiều
Nhưng không cùm được những điều ước mơ.

Sở mật thám Hà Đông, 1942
(Sách đã dẫn)

LỜI NON NƯỚC

Đêm vắng trong ngục tù
Ngoài song sắt vi vu
Gió mùa lồng lộng thổi
Mây vẩn đục âm u.

Xà lim tối đen thẫm
Bốn vách phẳng lặng tờ
Nhắp mãi không vào mộng
Cảm hoài dâng tứ thơ.

Lời thơ ngâm cao vút
Vượt lên chín tầng không
Túm trời xanh gạn hỏi
Sao lắm nỗi bất công?
Yêu nước phải tù tội
Giống nòi bị xiềng gông

Nhà tan và nước mất
Chân lý có hay không?

Trời ngắt xanh một màu
Lặng thinh nói chi đâu
Xa xa lời non nước
Khắc khoải trong canh thâu.

Hồn nước gào u uất
Trên bầu trời mênh mông
Trong hư vô huyền ảo
Vang tiếng gọi non sông:

Trời mây xa cách ngàn ngàn dặm
Cây gió thay lời huyết lệ thư,
Đất nước đắm chìm từ thuở ấy
Hồn còn mang nặng mối sầu tư.

Tổ tông nòi giống xa xưa
Dầy công xây dựng cõi bờ Viêm bang [1]
Bao phen chống họa xâm lăng
Ngọn cờ độc lập mấy lần phất cao.

Những lá cờ thiêng nhuốm màu đào
Của bao liệt sĩ, bao anh hào,
Sử xanh ngàn thuở còn ghi nhớ
Thế hệ ta nay phải tính sao?"

Gió động ngoài cửa sắt
Lao lung tỉnh giấc nồng
Nghe hồn nước khắc khoải
Vang vọng chín tầng mây.

Vầng hồng tung ánh sáng
Đuổi bóng tối u sầu,
Nhà thơ vội cầm bút
Ghi nhanh một vài câu.

Sở mật thám Hà Nội, 11-1942
(Sách đã dẫn)

---

1. Viêm bang: xứ nóng. Danh từ riêng của Trung Hoa ngày xưa dùng để chỉ nước ta, vì nước ta ở về phía Nam là xứ nóng.

TIỄN BẠN ĐI ĐÀY SƠN LA

Tiễn biệt đi đày buổi sáng nay,
Ngập ngừng nào biết nói chi đây.
Chúc anh sức khỏe lòng tươi thắm
Vững bước trên đường cát bụi bay.

Vui đi giữ lấy màu trẻ trung
Dù gặp gió mưa chẳng ngại ngùng,
Miễn được tiếng cười ran pháo nổ
Mặc dầu thân vướng cảnh lao lung.

Anh hùng đứng giữa cõi trần ai
Ý nghĩ coi khinh bước bụi đời,
Tù tội xiềng gông càng luyện chí
Cười đi, chờ đón buổi tương lai.

Biệt ly bên cửa sắt then cài
Câu chuyện hàn huyên chửa cạn lời [1]
Anh bước chân đi tôi đứng lại
Phất cờ chiến thắng hẹn ngày mai.

Hỏa Lò, Hà Nội, 1942
(Sách đã dẫn)

GẶP LẠI ANH HOÀNG VĂN THỤ [2]

Cửa sắt vừa xịch mở
Đón tù nhân mới vào
Qua giây phút chua xót
Anh Thụ phải đây sao?

Tay cầm tay thăm hỏi
Qua mấy tháng khảo tra

1. Hàn huyên: Lạnh và ấm. Câu nói ứng thù khi khách gặp nhau, hỏi thăm nhau.

2. Tác giả trước kia đã công tác với đồng chí Hoàng Văn Thụ. Năm 1943 gặp lại đồng chí Hoàng Văn Thụ khi đang bị giam ở Hỏa Lò.

Chúng nó đã hành hạ
Thân anh thế này a!

Giặc Tây quân bạo ngược
Toan chặt cổ phong trào
Định cướp đi ánh sáng
Âm mưu độc biết bao...

Nụ cười anh hiền hậu
Thắm thiết hơn người thân
Thăm hỏi và an ủi
Các bạn tù xa gần.
"Việc nước xưa nay có bại thành
Miễn sao giữ trọn được thanh danh
Phục thù chí lớn không hề nản
Ngọc nát còn hơn giữ ngói lành". [1]

Lời lời ôi khẳng khái
Khí tiết ngời trăng sao
Đứng trước cơn giông tố
Vững vàng như núi cao.

Hỏa Lò, Hà Nội, 1943
(Sách đã dẫn)

GỬI ANH Ở CÔN ĐẢO

Côn Đảo xa xa tít vạn trùng
Bốn bề mây, khói, sóng mênh mông.
Trào dâng lớp lớp sôi cừu hận,
Thuở ấy anh đi ôi nhớ mong.

Anh trước em sau nào ước hẹn
Khổ sai, cấm cố, rủ nhau vô
Gian nan khổ hận không chùn bước
Giải phóng non sông thỏa ước mơ.

---

1. Bốn câu trích từ bài thơ *Nhắn bạn* của đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Hỏa Lò, Côn Đảo, với Sơn La
Xiềng xích chưa hề nản chí ta
Đêm tối qua đi, trời hửng sáng
Kìa vầng hồng tỏa ánh bao la!

Hỏa Lò, Hà Nội, 1944
(Sách đã dẫn)

TẶNG BẠN TÙ MỚI QUEN BIẾT

Gió may hiu hắt thổi
Qua cửa sắt âm u
Gặp nhau không quen biết
Ngỡ ngàng buổi chiều thu.

Tiếng Việt anh biết ít
Tiếng Hoa tôi không hay
Xích xiềng chung một khối
Tâm sự khó giãi bày.

Gạch non dùng thay bút
Nền đá làm giấy ghi
Nói chuyện qua dòng chữ
Thành đôi bạn tương tri.

Vốn nông dân Quảng Tây
Đói rách khó qua ngày
Chạy giặc Tưởng bắt lính
Anh trôi giạt sang đây.

Sang đây càng thất nghiệp
Sống cuộc sống khốn cùng
Vừa thoát hang hùm, sói
Lại sa cảnh lao lung.

Tôi công nhân nghèo khổ
Không cam chịu đắng cay
Quyết vùng lên tranh đấu
Giặc Pháp bắt tù đày.

Tình bạn không biên giới
Cùng cảnh ngộ khổ đau
Chung kẻ thù nguy hiểm
Tôi, anh hóa thân nhau.

Hỏa Lò, Hà Nội, 1944
(Sách đã dẫn)

GẶP BẠN CŨ TRONG TÙ

Gặp bác nơi đây biết nói gì?
Lấy gì mà tặng bạn tương tri?
Mắm giòi, cơm hẩm ăn hai bữa,
Mơ-nốt cùm dây khóa tứ chi. [1]
Bền chí cóc cần nơi khổ ải
Vững lòng không sợ cảnh chia ly.
Thuốc lào nửa điếu ta cùng hút
La-nếch còn thua gan lợm lì. [2]

Hỏa Lò, Hà Nội, 1944
(Sách đã dẫn)

CẤM CỐ

Thế sự xem ra khéo nực cười
Quanh năm chí tối chỉ ăn chơi
Mùa đông tháng giá "hỏa lò" ở
Tiết nực ngày hè "nhà đá" ngơi.
Ỉa đái, ngủ, chơi, người dẫn lối,
Học hành, trò chuyện, gác không lơi.
Liệu hồn canh gác cho nghiêm ngặt,
Hễ sổng ông ra, bay bỏ đời!

Hỏa Lò, Hà Nội, 1944
(Sách đã dẫn)

---

1. Phiên âm tiếng Pháp, Menottes có nghĩa là cái khóa còng tay.
2. La-nếch: Tên thằng mật thám Pháp Lanèque, gọi chệch đi.

MỘ THANH
(1922 - ?)

Tên thật là Đỗ Ngọc Thường. Quê ở xã Du Lâm, tổng Hội Phụ, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tham gia Đoàn thanh niên dân chủ năm 1938. Năm 1940, địch bắt đi tù Sơn La. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, tháng 3–1945, vượt ngục trở về hoạt động trong phong trào Việt Minh.

Công tác ở Ban Đối ngoại Trung ương Đảng cho đến ngày về hưu.

GỬI MỘT NHÀ THƠ

Hỡi thi sĩ! Trên tầng cao nghệ thuật,
Ta xin người nhẫn nại với! Người ơi!
Lời đưa duyên không phải tiếng ngân dài,
Của ngâm vịnh du dương thường đón đợi.
Cũng không phải điệu ca vui trần giới,
Vì nơi đây, không gió mát, trăng thanh,
Vì nơi đây, cảnh mộng đẹp không thành,
Nhưng chỉ thấy; Than ôi! Bày trước mắt.
Một thực tế vô tình và lạng ngắt!
Ở bên ngoài nghẹt thở của không gian,
Của tử vong khốc liệt, của cơ hàn,
Còn cố gắng của từng giây, để sống,
Vì, thi nhân, nơi đây, là ngục rộng.

*
*   *

Thi nhân, người làm chủ tháp ngà thiêng,
Trong vài giây cảm xúc của tình riêng,

Người đã viết những dòng thơ kiệt tác.
Nhưng thi nhân! Hỡi thi nhân bội bạc!
Ngươi hay chăng, tiếng hát của hồn thơ
Cũng chẳng qua là ảo ảnh, hư vô?
Những thần tượng thiêng liêng người ca tụng.
Chỉ là những hóa thân không sức sống.
Của dối mình và dối kẻ chung quanh!
Ôi! Thi nhân, những diễn biến muôn hình,
Của vạn vật có bao giờ thay đổi?
Trong đêm âm u, gió mưa cuồng dại.
Của Sử đời; Đã phá nát lầu thơ.
Những công trình mỹ lệ, những tài hoa,
Tất cả biến thành muôn nghìn hoang phế.
Của Thời đại! Thi nhân! Lưu luyến nhé!
Trăm cây roi thúc bách của sinh tồn,
Quất nát hồn ngươi, chỉ có đau buồn.
Có thương thảm, và có nhiều thất vọng,
Chồng chất lại, chắn ngang đường người sống.
Một ngày kia, không chịu nổi hung tàn,
Người giật mình, rồi thốt tiếng kêu than!
Người muốn đứng lên, đem lời kêu gọi,
Chút tự do, hằng mong hồi sống lại.
Nhưng tiếng kêu sao nấc giọng đau thương?

*
* *

Ở ngoài kia, sóng vỗ Thái Bình Dương,
Vẫn lớp lớp xô con thuyền lướt tới.
Buồm căng gió, công nông đương vẫy gọi,
Hãy để lời ca đè sóng bay theo!
Hỡi thi nhân! Đừng phí mộng, hoài yêu!

1942

Thơ văn cách mạng 1930–1945.
NXB Văn học, 1980.

NÓI VỚI NGỤC

Hỡi ngục kia, ngươi thu trong bóng tối
Của lòng ngươi muôn ánh lửa soi đường.
Ngươi xây ngươi; Kiêu hãnh những chiều sương
Trên uất hận của ngàn xưa góp lại.
Ngươi nghiêm khắc, im lìm bên hận tủi,
Và thê lương hơn cả một mùa thu.
Ngươi hay chăng trong những tối trăng mờ,
Hồn sao rụng gọi người về cõi chết?
Ta từng thấy: Len mình qua cửa hẹp,
Mảnh hồn ta thoát khỏi vực đời ngươi,
Để bay đi, kiếm giữa những đêm dài
Hương vị mới của những ngày sán lạn!
Ngươi có thấy giữa điêu tàn rùng rợn
Của ngày mai: Di tích của ngày nay,
Đời ngươi tan như một lớp tro dày
Bên nát vụn của một thời vụt tắt.
Lòng ta rộng mà lòng ngươi quá chật
Thì giam sao được hết mảnh hồn sâu?
Đêm rung rinh, ngươi đứng được bao lâu?
Hãy cúi xuống trước những người không chết!

1943

Thơ văn cách mạng 1930 –1945.
NXB Văn học, Hà Nội, 1980.

TRẦN MAI NINH
(1917-1947)

Tên thật là Nguyễn Thường Khanh. Quê ở thị xã Thanh Hóa. Giác ngộ cách mạng từ năm 1936, khi đang học ở Hà Nội. Viết báo cho các tổ chức cách mạng trong phong trào dân chủ và của Xứ ủy Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương. Chiến tranh thế giới bùng nổ, Trần Mai Ninh về Thanh Hóa hoạt động cách mạng bí mật, viết báo cách mạng. Bị địch bắt giam ở Thanh Hóa rồi đi Buôn Ma Thuột. Đầu năm 1945, vượt ngục ra hoạt động ở Nam Trung Bộ, tham gia giành chính quyền ở tỉnh Khánh Hòa. Tháng 8–1945, tham gia kháng chiến chống Pháp ở Khánh Hòa, bị địch bắt trên đường công tác và thủ tiêu.

Trần Mai Ninh còn có các bút danh: T.K., Mạc Đổ, Hồng Diện.

CHỔI MỚI

Ngày mới chuổi vô đôi chổi mới,
Nồng hương như cả một rừng thông.
Mắt ai đăm đắm đường trông đợi,
Ngắm chổi như say nhụy bạch hường.

Buồn tiếc sao đây giữ sạch sầu
Cớ chi lòng nhuộm một màu tang
Bao thân dầy bọ đầy tim óc
Mong chổi tinh thần gấp gửi sang.

Nhà tù Thanh Hóa 12 –1941.

Thơ văn Trần Mai Ninh.
NXB Văn học, Hà Nội, 1980.

NƯỚC ĐỤC

Lòng giếng thẳm, những lưng người cúi xuống,
Giơ hai tay đỡ lấy những thùng đầy

Nước bên ni chưa được trắng bàn tay
E là nước Hồng Hà trôi sắc đỏ.

– Ta cũng thế thấy lòng vui lỡ dở
Có mầm non nhưng đất cạn không nuôi
Cánh non non đã nhuốm bụi lên rồi
Và nhăn nhíu những đường ngang dọc quá!

Cắn môi lại chống Hung tinh tàn tạ
Tay sau lưng nắm chặt giữ tinh thần
Đợi một ngày tươi mát có hương xuân
Ta ngẩng mặt vang lời ca lệch đất.

Nhà tù Thanh Hóa 12-1941
(Sách đã dẫn)

KHUYẾN HỌC

Hãy nhìn xem tuổi trẻ đương bay,
Ta lại nằm trong cảnh ngục này,
Thời khắc lạnh lùng trôi chẳng đợi,
Cơ hàn ai cột mãi trên tay!

Nhưng có làm chi tiếng khóc than,
Lệ khôn gột rửa cảnh gian nan,
Thở dài há có xoay trời đất,
Sóng động duy tâm đổ mấy lần.

Ta hãy cùng nhau nghiêng trán rộng,
Lao tù là chốn tạo tài minh,
Gió trình cân não buông lồng lộng,
Tạc lấy thanh thanh dáng bất bình.

Mỗi phút nặng nề thêm một chữ,
Lạnh lùng ta ngậm nỗi đau thương,
Hôm rầy tay nản lùa cơm vữa,
Óc sẵn sàng rung lệch vũ trường.

Nhà tù Thanh Hóa 12-1941
(Sách đã dẫn)

NẮNG TÙ

Sáng nay nắng tưới lưng tường,
Thếp vàng cửa ngục, đốt bừng hoa đăng.
Sân tù nghe lặng sầu thương,
Ngả nghiêng say điệu nghê thường nào chăng?
Uống cho say ánh nắng vàng,
Vùng cho kinh động những đàng nắng tươi.
Bứt nhau vải quấn bên người,
Mau thành thân với cả trời nắng to.
Khuôn xanh nắng dậy ngập bờ,
Cõi lòng trai lụt suối thơ một ngày.
Hôm nay nắng mỏng xác dày,
Xin thêm nắng nữa đốt ngày ưu tư.
Nắng vàng nắng lửa nắng thơ,
Một ngày tấm nắng tôi mơ một đời.
Nắng reo, nắng múa, nắng cười,
Một giờ tấm nắng suốt đời con yêu.

Nhà tù Thanh Hóa, mùa đông 1941
(Sách đã dẫn)

HY VỌNG

. . . .
Em yêu dấu đưa tay anh nắm,
Tóc huyền buông suối đắm lòng anh,
Bên trời bái nhạn xanh xanh,
Bên lòng dệt biết mấy tình hở em?
Nhìn quá khứ như đêm u ám,
Quãng đời tù như đẫm màu tang,
Ngày qua rụng mấy lá vàng,
Hôm nay xuân dậy tưng bừng lòng trai.
Ngày qua gió lạnh thở dài,
Hôm nay gió múa quyện lời nhạc xuân.

Chàng niên thiếu bước gần nhan sắc,
Chân rụt rè đương mắc tơ duyên,
  Có thơ nhịp với bạn hiền
Một ngày tươi đẹp hiện lên khung trời.

Nhà tù Thanh Hóa 12-1941
(Sách đã dẫn)

THÈM TRĂNG

Trăng ở đâu xa mới trở về
Đem màu sắc biếc tặng pha lê
Trên tường mắt trẻ nhìn lưu luyến
Tha thiết mong, gió tựa hoa kề.

Ôi đã ba trăng thầm nuốt hận
Âm thầm nằm lắng bước thời gian
Mơ rừng hàn mặc bao nhiêu bận [1]
Luống mộng tơ trăng líu nhịp đàn.

Đêm hôm nay mơ thấy hồn trăng,
Chẳng được trên vàng say đặt bước
Vươn ngắm trăng ngoài sân lả lướt
Hồn mơ chân tưởng vấp bâng khuâng.

Nhà tù Thanh Hóa 1 – 1942
(Sách đã dẫn)

NẮM XÔI TẾT

Năm quả chuối và hai chiếc trứng
Đổi xôi một nắm điểm mè rang
Vui xuân chút đợi nhòa điêu đứng
Vợi Tết quay xe mấy đoạn tràng. [2]

1942
(Sách đã dẫn)

---

1. Hàn mặc: Ngọn bút, thỏi mực. Nghĩa rộng chỉ văn chương.
2. Đoạn tràng: Đứt ruột. Nghĩa rộng chỉ sự sầu thảm, đau khổ.

CƠM TRỨNG

Có ngày nhạt là để bao chuyện mặn,
Tuần lễ tù thứ sáu cũng kiêng khem
Cá hay tôm ngày khác miệng đang thèm
Trưng nửa cái bữa rầy tăng đói lạt
Cơm sắp lại cũng rửa rau ồ ạt
Song sầu chia nước mắm dính lòng âu
Trứng gửi tay xanh càng đượm thêm màu
Nghe dàn xếp anh chiều, tôi buổi sáng
Người túng thiếu chung phần đem trứng bán
Cho "phong lưu" hòng trả nợ "say sưa"
Năm Mùi sang ta gặp mấy lọc lừa
Cơm với trứng nghĩa là chân tới huyệt?

Nhà tù Thanh Hóa 3–1941
(Sách đã dẫn)

CƠM MỚI

Xôn xao tranh đợi, đua chờ
Bước sang năm mới gặp giờ no nê.
Đón khi nước vối đi về,
Lắng nghe trẻ nhỏ thầm thì tin cơm.
Những là "xoan" trắng, cá thơm,
Trứng gà, đậu phụ sớm hôm đãi đằng.
Giá thầu biết mấy lần tăng,
Đề lao nghe chật nỗi mừng ấm no.
Sổ thầu ai đọc cầm vô,
Đọc qua dăm chữ ngẩn ngơ muôn lần.
Năm trăm rưỡi lạng cơm phần.
Tươi khô cá cũng giảm cân ít nhiều.
Năm mươi gam thịt buồn thiu,
Cháo bay đường cháo tiêu điều trường lao.
Sầu giơ chữ hãi nhìn nhau.
Bụng ôi là bụng còn đâu xuân tình.

Đầu năm lũ phạm giật mình,
Cả lần cơm "đúp" cũng thành hư không.[1]
Ngó cơm tê tái bên lòng,
Ừ, hơn trái ổi khó đồng trái cam.
Quái chưa, đây thiếu bồ hòn,
Mà sao miệng đắng ruột cồn lạ thay?
Cơm bay hơn chuyến tàu bay,
Cầm cơm luống ngại bàn tay võ vàng.
Thay mâm đổi bát rộn ràng,
Cơm đi như chớp bẽ bàng bát mâm.
Hỡi chi chuốc oán gây hờn,
Mồ ma cơm mới hơn đòn Hoạn Thư.[2]
Nhắn về vợ dại con thơ,
Tết năm nay gửi khoai khô cho chồng?
Gọi là khuây chút đói lòng,
Mồ ma cơm mới cho chồng tao đâu.

Tháng 3 – 1942
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

PHÊ BÌNH

Gửi Minh Đệ

Lời anh viết vội gửi sang tôi
Thêm đúc cho tôi những nụ cười
Hoa lá hương reo chim thắm sắc
Quản huyền gần, ngái xối chơi vơi.

Lời thơ tám chữ hơi măng sữa
Tứ tuyệt Đường thi ấp diệu huyền,[3]
Một phút nhịp thầm say phút nữa
Hay ta ôn nhịp xuống chung thuyền?

---

1. Đúp: phiên âm tiếng Pháp double có nghĩa là hai lần, gấp đôi.
2. Hoạn Thư: nhân vật trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, nổi tiếng về đòn ghen sâu sắc, nham hiểm.
3. Diệu huyền: sâu kín, khéo léo.

Và lòng chân thực ngỏ cùng anh:
Giếng ý ngòi buông xuống tận tình
Trước phút rung hồn tay đếm thử
Mấy vòng tư tưởng gợn lung linh.

1942
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

ÂM THẦM

Họ nói nhỏ trong cầu tiêu hôi hám,
Miệng trong tai, mắt nháy điệu a tòng.
Mắt diều hâu quyn mí chuột... và lòng...
Tăm tối quá ngượng ra chào ánh sáng,
Lòng hèm hẹp không giàu chi tình bạn
Kéo mền chăn mong xóa lợi men răng
Có chè lam đây, bánh túi vành trăng
Xôi nếp mới bao lấy giò nến trắng
Bấy nhiêu đó run tay chia thầm lặng
Tạo riêng tây cực lạc giữa lao tù.
Thuốc lào đông nào có kém long tu
Thầm gói ghém rủa giấy hồng thóc mách
Nhai nghiến ngấu giữ gìn chăn khỏi lệch
Đưa hàm răng nhẹ hiếp tiết trinh đường
Óc thông minh thầm kiếm mẹo xe lương
Tránh sao khỏi chân ngập bùn đê nhục.
Phùng cặp má rung hàm như trống giục
Phủi cho mau chút bột dính bên cằm.
Ngóc đầu lên cũng giả bộ âm thầm?

Tại nhà tù Thanh Hóa 2 – 1942
(Sách đã dẫn)

KHIÊNG ĐẤT

Rành đi theo những chiếc rành,
Đói lòng luống ngại dưới thành đưa chân
Roi thưa nhặt, chư... ứi xa gần
Bước tim xáo động e gần cuồng phong.

Nhà tù Thanh Hóa 1943
(Sách đã dẫn)

LẮNG CHIỀU CĂM GIẬN

"Xóm thơ" chọn một đôi hàng
Giữa người hành dịch: Lướt ngang, tôi dừng
Rằng trong cảnh ấy chưa từng
Lắng chiều căm hận e chừng cũng ngang.

Nhà tù Thanh Hóa 1943
(Sách đã dẫn)

TÔN VIẾT NGHIỆM
(1919 –?)

Dân tộc Mường. Quê ở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động cách mạng trước năm 1945, bị địch bắt giam ở nhà lao Thanh Hóa. Sau cách mạng Tháng 8–1945, là Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, Tỉnh ủy viên tỉnh Thanh Hóa.

TIỄN BẠN

Quãng đường trơn anh đi chưa hết,
Buổi tạm chia vui biển ngập lòng tôi.
Biết nói chi trong lúc sắp chia phôi,
Lòng khó tả mà thành thơ tiễn bạn.
Chốn ngục thất tôi còn giam hãm,
Cảnh ngoài đời anh rộng bước ngao du.
Trong phút vui xin chớ để lu mờ
Bao đói khổ đã cùng nhau chung hưởng.
Nguồn niên thiếu noi theo lý tưởng,
Ý cao siêu đẹp đẽ vô cùng.
Giết hồn trai đâu phải chốn lao lung,
Gan tráng sĩ đã luyện rèn dư sức.
Ta gắng sống với tấm lòng trinh bạch,
Không chút nhơ ảo não than van.
Bút tinh thần tô điểm nét giang san,
Tranh Tổ quốc dưới bầu trời sáng rực
Này bạn hỡi mấy lời tôi thành thực
Tiễn bạn về dưới nắng buổi trời êm,
Trong khoảnh khắc dồn về bao lưu luyến.

Nhà lao Thanh Hóa 20–12–1944

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927–1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

LƯƠNG VĂN PHÔI
(1910 - ?)

Quê ở huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Hoạt động cách mạng từ năm 1929. Trước khi nghỉ hưu, công tác ở Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.

DỤ DỖ

Đói thời cho sạch, rách cho thơm,
Người cách mạng, giữ uy danh, không chịu nhục.
Trước uy vũ quân thù, đâu khuất phục,
Tiền tài nào mua chuộc được lương tâm,
Không, không thể nào sa vào vực thẳm sai lầm,
Phản Đảng, phản nhân dân là tội nặng.
Gạt ô uế, nhớp nhơ, loài bọ nhặng,
Không hôn mê, bị cạm bẫy dử tròng.
Lặng nhìn gương người trước sáng trong,
Ta quyết giữ cho vẹn toàn khí tiết.

1940

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

ĂN TẾT Ở SỞ MẬT THÁM THÁI BÌNH

Rộn ràng cảnh tết ở Sơ-tê, [1]
Nhộn nhịp vào ra tấp nập ghê.
Tiệc đặt thưởng xuân nhiều "xúc xích", [2]

1. Sơ-tê: nhại âm tiếng Pháp, sreté có nghĩa là sở mật thám.
2. Xúcxích: phiên âm tiếng Pháp saucisse có nghĩa là món thịt nhồi ruột lợn. Ở đây có nghĩa là xiềng xích.

Cỗ bày chúc thọ lắm "gân mê",[1]
"Giã giò", La-nét tay "lành" nghiệp.[2]
"Bó chả", Ta-lông kẻ "lõi" nghề.[3]
Trịnh trọng ôtô mời đón khách,
Tết ăn nhiều món thật no nê.

1941
(Sách đã dẫn)

XÀ LIM SỞ MẬT THÁM NAM ĐỊNH

Buồng riêng tu kín một sư ông,
Đầu trọc, tay mang một chuỗi "vòng".
Ngày tháng tương cà, sa thế tục,
Thâm tâm khổ luyện ắt thành công.

1941
(Sách đã dẫn)

TIỄN BƯỚC LÊN ĐƯỜNG

Cách mạng đường trường lắm ngoắt ngeo
Quản chi xuống thác với lên đèo,
Mặc cho sóng cả, không rời lái,
Quách kệ non cao, vững bước chèo,
Cố chí nung thêm hồn chiến đấu,
Đồng tâm giết sạch lũ hùm beo,
Gian lao xá quản đường gai góc,
Ta quyết xông lên vượt hiểm nghèo.

Trên đường đi đày từ Hà Nội lên Sơn La
1941
(Sách đã dẫn)

---

1. Gân mê: Roi gân bò.
2. Giã giò: Một lối tra tấn của thực dân Pháp. La-nét: Chánh mật thám Thái Bình bấy giờ.
3. Bó chả: Một lối tra tấn của thực dân Pháp. Ta-lông: Phó mật thám Pháp bấy giờ.

NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
(1888 - 1972)

Quê ở làng Hòa Vinh, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Hoạt động yêu nước và cách mạng liên tục từ năm 1908 đến cuối đời. Làm Bí thư Huyện ủy huyện Nghĩa Hành và "dự bị Bí thư Tỉnh ủy" Quảng Ngãi năm 1930.

Là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung Ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam.

PHẤT CAO CỜ ĐỘC LẬP

Một niềm tâm sự bạn cùng ta
Thề phá xiềng gông, quyết xông pha.
Ghét kẻ bạo tàn, say chiến đấu
Thương người cùng khổ, quyết bôn ba.
Chúng ta vun đắp nền dân chủ,
Góp sức bài trừ giặc Lang-sa.
Xây dựng cuộc đời vui mới mẻ,
Nghìn thu tươi mãi nước non nhà.

Nước nhà gánh nặng cả hai vai
Đi, ở đôi đường ai hởi ai!
Đang lúc gian truân ta gắng chí,
Gặp cơn khốn đốn phải ra tay.
Quyết đem tâm lực cùng xốc tới,
Chớ để non sông tăm tối hoài.
Hận nước thù nhà lo tính trả,
Tự do hạnh phúc rạng ngày mai.

Ngày mai ta sẽ gặp nhau cùng,
Tóc trắng ngày xanh nghĩa vụ chung.
Cố sức đánh tan quân phát xít,
Kiên tâm quét sạch lũ tàn hung
Phất cờ độc lập sao vàng ánh [1]
Nước nhà tan hết nỗi lao lung.
Tiếng cười rộn rã bao thôn xóm,
Nhân loại vui ca cảnh thái bình.

Lao Buôn Ma Thuột, 1940

Tiếng hát trong tù, tập 1.
NXB Thanh niên,
Hà Nội, 1973.

---

1. Cờ đỏ sao vàng chỉ có thể đi vào văn thơ từ 1941 trở về sau. Do đó chúng tôi ngờ bài này không thể sáng tác năm 1940.

TÔN THỊ QUẾ
(1902 - 1992)

Quê ở xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Hoạt động cách mạng từ năm 1926. Năm 1930, làm Bí thư Huyện ủy Thanh Chương.

Nhiều năm công tác ở Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

CẢNH LAO NHA TRANG

Cơm ngày hai bữa tới dâng đưa,
Yên giấc năm canh lính đổi giờ.
Sáng dậy điểm tâm vài cái bánh,
Tối nằm bình luận ít vần thơ,
Vui trông thế sự tường che kín,
Buồn ngó quê hương cát bụi mờ.
Lối cũ, đường xưa, đầy hứa hẹn,
Lòng thành đã quyết há làm ngơ.

Lao Nha Trang, 1942

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

HỒNG QUẾ
(1916 - ?)

Quê ở thôn Phù Hưng, xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động cách mạng từ sớm. Đã bị địch bắt giam ở các nhà lao Thanh Hóa, Thừa Thiên, Buôn Mê Thuột. Là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Thanh Hóa nhiều khóa.

KHÓC ANH GIÁO CỐNG

(Bài truy điệu của chính trị phạm tại Lao Bảo)

Anh Cống ơi! Anh Cống ơi!
Anh mới cùng tôi nện gót giày
Vang lừng mặt trận mới gần đây,
Mới cùng dõng dạc hô hào lớn.
Giờ đã hồn anh ruổi gió mây.

Anh Cống ơi! Anh Cống ơi!
Anh mới cùng tôi chạm chén đồng,
Nguyện cùng chung giả nợ non sông.
Vội gì suối bạc anh về sớm,
Luống để riêng tôi não tấc lòng.

Anh Cống ơi! Anh Cống ơi!
Anh mới cùng tôi ở khám Thanh
Rau già cá thối góc xà lim
Mà nay yên giấc miền Lao Bảo,
Giữa chốn rừng xanh, đám cỏ xanh.

10 – 7 – 1940

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 – 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa xuất bản, 1975.

KHÓC ÔNG ĐỘI CUNG [1]

Ô hô! Chửa dứt gánh tang bồng,
Tê tái than ôi buốt lạnh lùng.
Chợ Rạng máu thù chưa ngớt gội,
Thành Vinh lửa hận lại càng nung.
Tấm gương phục quốc nghìn năm sáng,
Khối óc anh hùng mãi mãi trong.
Cây súng trường đâu xin để lại
Cho đàn hậu tiến rửa hờn chung.

Lao Thanh Hóa, 1940

Tiếng hát trong tù, tập II.
NXB Thanh niên, 1974.

NGŨ ĐIỂM CA

Đồng bào, Nam Việt đồng bào!
Đồng bào Nam Việt chúng ta,
Chúng ta quyết đứng lên phen này.
Ta phất ngọn cờ cứu quốc,
Ta tuốt gươm sáng cho mau.
Ta giết, ta chẳng tha đâu
Quân bảo hộ với quân Nam Triều.

Nam Triều, bảo hộ, Nam Triều,
Nam Triều phản động, Việt gian,
Chúng ta giết chẳng tha đứa nào.
Ta với anh em Mường, Mán,
Ta với dân tộc Lào, Miên,
Ta quyết, ta quyết hết liên,
Chung mặt trận đánh tan quân thù.

---

1. Đội Cung: Tên thật Nguyễn Văn Cung, người Nghệ Tĩnh; Là chiến sĩ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Đô Lương năm 1940. Thất bại. Bị thực dân Pháp xử tử hình tại Vinh cùng năm trên. Được tin ông Đội Cung hy sinh, anh em tù nhà lao Thanh Hóa tổ chức lễ truy điệu. Bài thơ trên được đọc trong buổi lễ truy điệu ấy.

Quân thù, một số quân thù,
Quân thù chẳng đội trời chung,
Chúng ta quyết đánh tan tức thì.
Đời sống chúng ta tự cứu,
Đời sống ta chẳng chờ ai;
Đời sống ta phải tự tay
Lo cải tạo mới mong sinh tồn.

Sinh tồn là cuộc sinh tồn,
Sinh tồn dân chúng Đông Dương,
Đông Dương mới, liên bang cộng hòa,
Trai gái trẻ già sung sướng,
Trai gái bình đẳng tự do,
Trai gái ta sẽ cùng lo,
Lo cho kịp năm châu đại đồng.

Nhà lao Thanh Hóa 3 – 1941.

Thơ ca Cách mạng Thanh Hóa 1927 – 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa xuất bản, 1975.

KẾT BẠN

(Ca hành vân sang nam)

Việt Nam mình, Việt Nam mình,
Non nước một màu xanh.
Kìa dân chúng cực khổ, điêu linh,
Ngót trăm năm đi làm nô lệ,
Vì quân Pháp, dân mình đây mới phải lầm than.
Bọn Nam Triều cũng phường bóc lột,
Thù số một, chẳng đội trời chung.
Ta quyết một lòng, đoàn kết chặt với bạn Lào – Miên, Lào – Miên
Cùng là dân thiểu số,
Giựt lại chính quyền,
Xây dựng nền độc lập cho Đông Dương, Đông Dương.

4–1941
(Sách đã dẫn)

TẾT TRONG TÙ

Bài 1

Tết ơi hỡi tết!
Có hay không, có biết tấm lòng ta?
Kìa non sông trái đất bao la,
Sao tết để nhà pha riêng một xó?
Mừng tết đành không câu đối đỏ,
Thưởng xuân mà chẳng bánh chưng xanh.
Sao tết không thịt mỡ dưa hành,
Không chiếc pháo nổ đoành chào xuân tới?
Cơm một nắm với dăm con cá mối,
Uống vài bô nước vối để nghinh xuân.
Trăm năm dễ có bao lần!

Bài 2

Đông về, xuân đến!
Chúa xuân như đã hẹn với nhân quần:
Hẹn phen này phải đón chờ xuân,
Lo thoát kiếp trầm luân tìm hạnh phúc.
Tiếng trống dân quyền liên tiếp giục,
Ngọn cờ Quốc tế phấp phới bay.
Khắp năm châu vô sản định xuân này,
Nền tư bản quyết ra tay lật đổ,
Vui đón mùa xuân tươi rực rỡ,
Xã hội ngày mai muôn thuở đại đồng.
Tất cả loài người vui hưởng xuân chung.

Lao Thanh Hóa, tết Canh Thìn (1944)

Tiếng hát trong tù, tập II . NXB Thanh niên, 1974.

LỜI THỀ

Dưới cờ cứu quốc,
Long trọng oai nghiêm.
Tuốt lưỡi kiếm lên
Tôi xin phát thệ:

Thề đồng tâm trí,
Đoàn kết cùng nhau,
Tiêu diệt kẻ thù,
Mưu cầu hạnh phúc.

Thề xin nỗ lực,
Hoạt động thêm hăng.
Lượng chất thêm tăng,
Thêm nhiều đồng chí.

Gia đình thân thế,
Thề quyết hy sinh.
Một dạ trung thành,
Giữ gìn bí mật.

Những điều kỷ luật,
Tuyệt đối phục tùng.
Những nghị quyết chung,
Thi hành triệt để.

Lệnh trên chỉ thị,
Chẳng dám sai lời,
Chẳng dám biếng lười,
Chẳng làm chế biến.

Khi ra tiền tuyến,
Cương quyết một lòng,
Chiến đấu đến cùng,
Làm tròn nghĩa vụ.

Lễ này nhập hội,
Nhớ suốt đời tôi.
Đã trở nên người,
Việt Minh cứu quốc.

Thơ ca Cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945. 1944
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa xuất bản, 1975.

LÊN ĐƯỜNG KHỞI NGHĨA

Đi! Đi! Đi! Ta cùng đi!
Quyết lòng là lòng chiến đấu.
Giết ngay mấy tên giặc già.
Gươm trường là trường sáng loáng,
Xốc tới mau giành chiến thắng.
Tấm thân chúng ta xem thường.
Toàn quân vùng lên chiến đấu,
Cất cao tiếng ca khải hoàn.
Quyết vì giang san!

Tháng 8 - 1945

Thơ ca Cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa xuất bản, 1975.

NGUYỄN ĐỨC QUỲ
(1914 – 1989)

Tên thật là Đào Đình Luống. Quê ở làng Thuần Khang, tổng Dương Quang, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Hoạt động cách mạng từ thời kỳ vận động dân chủ. Cuối năm 1939, làm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Năm 1940, bị địch bắt đi tù ở Sơn La.

Năm 1945 – 1946, đại diện của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ở Vương quốc Thái Lan.

Trước khi nghỉ hưu là Thứ trưởng Bộ Văn hóa.

THU

Tặng người bạn gái đã phụ tình tôi

Thu về chạnh nhớ tình ai?
Ta ngắm trăng thu, dạ rối bời,
Ngao ngán tình thu người chốn cũ,
Phòng Thu chắc cũng lệ đầy vơi!

Ngục Sơn La, 1941

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 – 1945.

NGUYỄN NGỌC TỈNH
(1894 - 1973)

Quê ở Hạc Châu, xã Xuân Châu, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Hoạt động cách mạng từ năm 1930. Bị địch bắt đày đi Côn Đảo đến năm 1936. Ra tù, trở về địa phương hoạt động. Năm 1939, bị địch bắt lại, đến năm 1945 mới được giải phóng trở lại công tác ở Nam Định.

Trước khi nghỉ hưu, công tác ở Viện Sử học Việt Nam, dịch sách Hán cổ.

THƠ TẶNG ĐỒNG CHÍ PHAN ĐÌNH KHẢI[1]

(Điệu ca trù)

Với không khí đầy bầu nghẹt thở
Với máu xương tràn trụa khắp non sông
Với bao người rên xiết chốn lao lung
Với muôn nỗi bất công ngoài xã hội!
Anh, một trong đội quân khảng khái,
Sáu năm rồi dầu dãi với thương đau.
Mang theo anh kinh nghiệm một bầu,
Trường hoạt động bấy lâu anh gắng sức,
Báo "Dân chúng", báo "Đời nay", sách chín ngày tuyệt thực.[2]
Đem lợi quyền anh khua thức bạn công nông.
Trái tim anh sôi sục lẫn chờ mong.
Mong cách mạng thành công cho chóng tới.

---

1. Tên của đồng chí Lê Đức Thọ. Bài thơ này tác giả viết để từ biệt các đồng chí cùng bị giam ở nhà tù Sơn La khi tác giả và một số đồng chí khác mãn hạn được về. Đêm hôm chia tay, đồng chí Trần Huy Liệu đánh trống, đồng chí Xuân Thủy giả làm cô đầu, vừa gõ phách vừa hát bài này.

2. Chín ngày tuyệt thực: Tên một cuốn nhật ký của đồng chí Lê Đức Thọ, sáng tác với biệt hiệu San Hô.

Thuyền quốc tế lựa chèo đương vận lái
Bất bình thay, anh lại phải vô tù.
Năm năm đây như thép gửi bên lò,
Càng than lựa rèn tô càng lại tốt.
Chí phấn đấu khuyên anh đừng để nhụt.
Nai nịt mà lăn lộn với thời gian.
Không bao lâu ca ngợi khúc khải hoàn
Cuộc giải phóng hoàn toàn ta lại gặp.
Rày nhân buổi chia tay tấp nập
Mối cảm tình tràn ngập khắp nhà lao
Nỗi mừng mừng tủi tủi có ra sao?
Xe tiến hóa tin vào lịch sử
Miễn sau trước cho tròn phận sự
Dẫu kẻ về người ở khác chi nhau?
Chứa chan tâm huyết một bầu!

Mưỡu:

Giơ tay từ biệt Sơn La
Rừng mai hoa nở sông Đà nước reo.
Trải mùi rượu lá thịt heo,
Vết giày in lại suối đèo làm ghi.

Hát nói:

Cởi áo số, bước ra ngoài cửa ngục.
Thoát hầm sâu nước độc đất Sơn La!
Một mai đây trở lại quê nhà,
Hay biển thẳm rừng xa đâu có biết?
Thế lộ khảm kha thiên lý viễn;
Nhiệt trường ưu ái bách mang tinh!
Kìa năm châu bom đạn nổ tung hoành.
Quân rắn độc liều mình đương nhả nọc!
Dưới không khí ép đè muôn thảm cực,
Bao anh em lăn lóc chật nhà lao
Với những cơn khủng hoảng dấy ba đào.
Lôi nhơn loại chìm vào nơi biển khổ.
Về với ở chúng ta chung một số,
Vẫn đi kề hàng ngũ của công nông.

Mừng vũ đài thế giới sắp thay phông.
Xóa sạch nỗi bất công cho xã hội.
Từng cửa mở cờ bay đỏ chói,
Tiếng hoan hô vang dội khắp non sông.
Hẹn nhau một buổi trùng phùng.

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

Nhà tù Sơn La
1942

VĂN TẾ THÙNG CHÈ [1]

Hỡi ơi!
Ngày lễ thảnh thơi,
Cảnh tù khao khát.
Gọt nửa bị chi khoai lang,
Lọc sáu hào chi đường cát.
Củi đun hề, chẻ một cái mâm.
Nước nấu hề, đong năm mươi bát.
Nghi ngút trên nhà lầu hề, khói tỏa như mây,
Phảng phất ngoài song sắt hề, hương bay ngào ngạt.
Ai cũng bảo:
Trong chốn lao tù
Khó bề sinh hoạt.
Huống lại gặp cơn binh hỏa, chính đương quân sự chi giới nghiêm.
Như nay tạo được thùng chè, thực cũng anh hùng chi thủ đoạn.
Tuy chẳng phải là Hà Nội chi cao lâu, Hải Phòng chi khách sạn.
Ngon tuyệt hề vây cá long tu, say tít hề xăng đông cô nhắc. [2]
Nhưng cũng thú vị thay, khoái trá thay, chỗ nói, chỗ cười, nơi ca, nơi hát.

1. Năm 1940, tại nhà pha Hỏa Lò (Hà Nội) một số tù chính trị đã thành án sắp phải đưa lên giam ở nhà tù Sơn La. Anh em bàn tổ chức nấu một bữa chè, để liên hoan chia tay, đồng chí Phan Đình Khải (tức Lê Đức Thọ) được phân công phụ trách chính. Nấu xong thấy chè loãng quá, đồng chí Khải bảo đồng chí Bùi Đăng Chi cho thêm bột sắn vào. Đồng chí Chi nhầm gói bột sắn và gói phèn chua nên đã cho cả gói phèn chua vào. Nồi chè vì thế bị hỏng không ăn được.

2. Tên hai thức rượu ngon, có tiếng của Pháp bấy giờ.

Bất giác thùng đang sôi sục, Khải đem gọi bột sắn nhi hòa vào
Vô tình đũa cứ nhăm nhăm, Chi liền choảng phèn chua nhi quấy nát
Dĩ chí cất chi khỏi bếp, ai cũng tin rồi ngọt, rồi ngon.
Ngờ đâu nếm thử qua mồm, ôi mới biết là chua, là chát!
Thực rõ công bằng công cốc, khoai cũng toi mà đường bột cũng toi,
Ôi thôi chuyện ấy chuyện kỳ, nói cũng ngán mà khóc cười cũng ngán.
Thôi muốn ăn thì lăn vào bếp, khuyên từ nay làm việc phải tinh.
Hễ dập dái thì mới rái cầu [1] đừng đổ tại vận mình chưa đạt.

Hỏa Lò, Hà Nội, 1940

Tiếng hát trong tù, tập 2.
NXB Thanh niên, 1974.

1. Câu tục ngữ "dập dái rái cầu".

PHẠM KIM TÔN
(1914 –?)

Quê ở huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Tham gia cách mạng từ năm 15 tuổi. Năm 1930 bị thực dân Pháp bắt giam. Năm 1932, ra tù, trở lại hoạt động tại địa phương. Tháng 4 – 1940, lại bị đế quốc Pháp bắt đi căng Bá Vân, nhà lao Phú Thọ, căng Bắc Mê. Sau Tổng khởi nghĩa Tháng 8 – 1945, làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Kiến Xương, rồi công tác ở Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Bình, tỉnh Nam Định, Liên khu III. Trước khi về hưu là Phó Cục trưởng Cục Vật tư Bộ Nông nghiệp.

TẾT Ở NHÀ PHA PHÚ THỌ

Hoa đào, ờ nhỉ, nở bên đồi!
Khiến bạn tù nhân phút ngậm ngùi
Tóc bạc mẹ già lo bạc nữa
Đầu xanh em dại sợ xanh hoài!
Bạn bầu ngoài ấy vui không nhỉ?
Đồng chí trong này vắng một hai!
Man mác nước nhà tình xiết tả
Vui xuân ta cũng đón cùng ai!

Tết 1941

Thơ ca Cách mạng Thái Bình.
Hội Văn nghệ Thái Bình xuất bản, 1976.

TRẦN THỊ TƯ
(?)

Ở TÙ GỬI CHO CON

Chèo chống thuyền mong lướt đến bờ,
Sẩy chân sa lưới bỗng không ngờ!
Bảy năm mẹ chịu đau thương nhớ,
Ba tuổi con cạm mỏi mắt chờ.
Đã quyết hy sinh vì tổ quốc,
Phải đành lãnh đạm với con thơ,
Mẹ con sẽ có ngày đoàn tụ.
Ngày hội vinh quang dưới bóng cờ.

Tháng 9 - 1942

GỬI CHO CHỒNG
(Cũng ở tù, nhà lao khác)

Đã quyết cùng nhau tát bể Đông,
Ra tay cao phất ngọn cờ hồng.
Làm tròn phận sự cùng dân tộc,
Đành phải chia đôi một giải đồng
Xông lướt chưa sờn đời hoạt động
Bắc, Nam đồng chịu cảnh lao lung
Khôn thông tin tức cho nhau biết
Đành hẹn cùng nhau một tấm lòng.

Tháng 12 - 1942

TẶNG CHỊ EM BÓT ĐÀN BÀ [1]

Khen bạn quần thoa chí đấu tranh,
Vết thương khủng bố vẫn chưa lành.
Hỏi đòi cho đặng quyền no ấm,
Đánh đổ lũ người hút máu tanh.
Da mỏng xương mềm lòng xác thực,
Sông gào núi gọi tiếng hoan nghinh.
Lạc Hồng đúc mài gương Trưng Triệu,
Danh thế lưu truyền chép sử xanh.

Tháng 11–1943

HỌA VẦN BÀI TRÊN

Đế quốc đãi tù buổi chiến tranh
Cơm không no bụng áo không lành
Lợi quyền ngày một càng thu hẹp,
Khổ nhục này đâu để lặng tanh
Không nhượng, chúng ta cần chiến đấu,
Có gì, các bạn đáng hoan nghinh
Vả chăng hưởng ứng nương theo bóng
Bên đám cây cao phủ lá xanh.

Tháng 11 – 1943

1. Các đồng chí nam bị giam ở bót số 2 làm bài thơ trên tặng chị em ở bót đàn bà. Chị Trần Thị Tư đã họa lại bài thơ ấy.

Bót: Nhại âm tiếng Pháp poste có nghĩa là đồn, bốt.

SOI NƯỚC
(Thấy trên đầu tóc đã bạc)

Thân đày đọa, chôn vùi trong ngục thất,
Tuổi xuân xanh đành bỏ quá thời gian
Không mảnh gương để nhìn ngắm dung nhan,
Sực nhớ lại, tuổi xuân hầu tàn tạ.
Phút suy nghĩ đưa tay sờ đôi má,
Chừng hao mòn hốc hác hết thời xuân.
Trải nắng mưa lo gầy gổ bao phần,
Cúi soi thử, mặt nước đầy phẳng lặng.
Ngạc nhiên quá, trời ơi! Khi ngắm bóng,
Thấy bên đầu mái tóc đã hoa râm.
Đời như quên kẻ sống cảnh âm thầm,
Xuân mới đến đã tàn chi quá vội!
Rồi hè lại, thu qua thân cằn cỗi,
Phút buồn tanh mến tiếc buổi ngây thơ.
Rồi thu tàn, đông lại cảnh tiêu sơ,
Chưa được hưởng màu xanh, đầu sớm bạc.
Tôi như chiếc cây khô đang khao khát
Chờ mưa xuân rưới thấm nhựa mầm non.
Rồi mai đây đông mãn lại xuân sang!
Thân gầy gổ tâm hồn càng nung nấu,
Chồi nhuần đượm nhờ tưới hương tranh đấu.
Để tương lai xây đắp rậm vườn xuân.
Trông đường xa, hết tủi bỗng vui mừng
Hoa tàn tạ đời càng nhiều hương vị.

Tháng 7 – 1944

ĐÊM ĐÔNG NHỚ CHỊ

Dấn thân vào chốn nhà lao
Thu qua đông lại, biết bao đổi dời.
Giữa đêm đông mịt mù u ám,
Chốn ngục đường, ảm đạm thê lương.
Nghĩ bâng khuâng thương nhớ cảnh gia hương,
Tình cốt nhục gợi lòng đau đớn quá!
Cũng đêm nay, cảnh bên ngoài, rỉ rả
Giọt mưa đông thấm ướt, lạnh lòng ai.
Chị của tôi, đang trằn trọc than dài,
Rồi thổn thức, vì nhớ em, có lẽ.
Tình máu mủ, bị kẻ thù chia rẽ,
Từ bấy nay, thấm thoắt đã ba đông.
Gián đoạn nhau, một tin tức, vắng không,
Trong gang tấc, bỗng hóa ra vạn dặm.
Phản động lực bốn thành vôi, cao thẳm,
Biết cùng ai, chỉ nẻo, để tìm nhau.
Ngày tháng qua, ôm ấp mối ly sầu,
Họa chăng gặp, cùng nhau trong giấc mộng.
Tiếng vi vút, ngoài thành, nghe gió lộng,
Mái nhà giam lách tách giọt mưa rơi
Nỗi thương nhớ, khó dập dã, lắm chị ơi!
Cảnh trường dạ, một mình em, trằn trọc...

Tháng 12 – 1944

NGUYỄN VĂN TỪ
(1914 - 1975)

Tên thật là Vũ Văn Mậu. Sinh năm 1914 ở làng Thọ Vực (nay thuộc xã Xuân Phong) huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Bắt đầu hoạt động cách mạng từ năm 1936. Năm 1938, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 4 – 1940 bị Pháp bắt giam ở nhà tù Nam Định, Hà Nội rồi đày đi Sơn La (1934 – 1944), Côn Đảo (1944 – 1945). Tháng 9 – 1945 được giải phóng. Trở về tham gia cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và đến năm 1954 tập kết ra Bắc. Trước khi nghỉ hưu là Đại tá, Viện trưởng Viện Bảo tàng Quân đội.

NÔNG CÔNG VẤN ĐÁP

(Điệu hát trống quân)

NÔNG:

Tết đã tới rồi,
Anh ơi! Tết đã tới rồi,
Tiền anh có sẵn giúp tôi mấy đồng
Để tôi sắm sửa tết tung,
Để tôi mua lễ biếu ông chủ điền.

CÔNG:

Chớ hỏi thêm phiền
Anh ơi! Chớ hỏi thêm phiền
Tôi cùng một hội một thuyền như anh,
Việc làm nó vẫn loanh quanh,
Tiền đâu dư dật để dành anh vay.

NÔNG:

Cái phận dân cày,
Tưởng tôi cái phận dân cày,
Mới cam chịu nỗi đắng cay khổ nghèo.

Còn anh thuyền thợ phong lưu,
Hằng năm lắm việc có chiều thảnh thơi.

CÔNG:

Ngán lắm anh ơi!
Nỗi niềm ngán lắm anh ơi!
Lương thời bị giảm làm thời lại tăng.
Những thằng chủ xưởng nó "xi măng", [1]
Anh cai thì kiếm chác "xuyếc-va-giăng" hoành hành [2]

NÔNG:

Cái bọn chúng mình,
Quái sao cái bọn chúng mình,
Nhà quê thì đã vậy mà chốn thị thành cũng thế thôi.
Như tôi nước mắt mồ hôi,
Chân bùn tay lấm, suốt đời chịu khó khăn.

CÔNG:

Chưa hiểu nguyên nhân,
Thế ra anh chưa hiểu nguyên nhân:
Mình làm cho kẻ ngồi ăn bát vàng,
Những thằng bụng phệ giàu sang
Đều là chờ ở tài năng chúng mình.

NÔNG:

Giảng giải phân minh,
Mong anh giảng giải phân minh,
Thực mà như thế, quyết phá tan tành ta mới cam.
Lẽ đâu công của chúng ta làm,
Để cho chúng hưởng an nhàn vui chơi!

CÔNG:

Anh bạn tôi ơi!
Này này anh bạn tôi ơi!
Đấu tranh là vũ khí của những người đói rách lầm than,

---

1. Xi măng: Ý nói keo kiệt, bủn xỉn.
2. Xuyếc-va-giăng: Phiên âm tiếng Pháp surveillant là đốc công, giám thị.

Công, nông, mau kết thành đoàn,
Cường hào, địa chủ, vua quan ta chống liền.

NÔNG

Cái phận nghèo hèn.
Tưởng tôi cái phận nghèo hèn,
Nào ai đếm xỉa đoái nhìn đến đâu.
Muốn cho thoát ách ngựa trâu,
Thoát vòng cực khổ thì phải thế nào hỡi anh?

CÔNG:

Đoàn kết đấu tranh,
Anh ơi! Đoàn kết đấu tranh,
Chúng mình liên hiệp tiến hành mới xong:
Thợ thuyền hãng xưởng đình công,
Dân cày chống khỏi cái tròng thuế nặng sưu cao.

NÔNG:

Còn phải thế nào?
Ngoài ra còn phải thế nào?
Mong anh vạch rẽ tôi quyết thêm vào một tay.
Mới mong thoát vũng bùn lầy,
Mới còn mong mỏi cái ngày mai sau...

CÔNG:

Lan khắp năm châu,
Chiến tranh bây giờ lan khắp cả năm châu
Vì quân đế quốc cướp nhau thị trường,
Gây ra bao nhiêu nỗi thảm thương.
Công, Nông ra bãi chiến trường bắn giết lẫn nhau.

NÔNG:

Nói lắm thêm sầu,
Anh ơi! Nói lắm thêm sầu.
Trăm đường đổ cả lên đầu chúng ta.
Đấu tranh đành phải xông pha,
Nhưng còn cô độc, biết là làm sao?

CÔNG:

Riêng có ta đâu?
Đấu tranh riêng có ta đâu?
Bạn ta là vô sản hoàn cầu giúp ta.
Thành trì cách mạng Xô Nga,
Trên đường lịch sử đã hơn ta khá dài.

NÔNG:

Sao chẳng liệu bài,
Còn chờ chi sao chẳng liệu bài?
Đuổi quân cướp nước ra ngoài xứ sở Đông Dương,
Để xây cơ sở vững vàng,
Để cùng nhau tiến trên đàng văn minh.

CÔNG:

Một bọn hôi tanh,
Nhưng còn một bọn hôi tanh
Là bọn vua chúa phải phá tan tành mới xong.
Bắt tay liên hiệp Trung Đông
Trừ quân phát xít ở Á Đông là giống lùn.

NÔNG, CÔNG:

Hợp xướng:
Trong cuộc sinh tồn,[1]
Anh ơi! Trong cuộc sinh tồn
Ta cùng nhau lo liệu cho tròn sứ mạng của Công Nông,
Mai sau thế giới đại đồng,
Bấy giờ ta sẽ phỉ chí tang bồng mà thưởng xuân.

Văn thơ yêu nước và Cách mạng, tập 3B. NXB Giáo dục, 1959.

Nhà tù Nam Định Tết năm 1940

1. Sinh tồn: Sống còn: Chỉ cuộc đấu tranh chống bọn phong kiến đế quốc để tồn tại.

TẾT VỚI TÙ NHÂN

Tết nhất năm nay vắng cửa nhà,
Cùng nhau nếm thử tết nhà pha.
Trông mong phép gửi cho hổ rượu,
Chào đón xuân sang thết tiệc trà.

*

* *

Tống cựu ngồi vòng châm thuốc hút,[1]
Nghinh tân nằm khểnh vỗ đùi ca.[2]
Cỗ bàn thù tiếp ba hôm tết,
Đã có "mơ - nuy" lệnh của tòa.[3]

*

* *

Đã có mơ - nuy lệnh của tòa,
Mặc người tiết kiệm, kẻ xa hoa,
Uống ăn hai bữa dao tây xếp,[4]
Thú vị mươi anh chiếc lập là.

*

* *

Công nợ sành sanh không nghĩ tới,
Cỗ bàn phè phỡn chẳng nom qua.
Còn xuân, còn tết, còn thay đổi,
Không lẽ xuân nào cũng thế a?

Nhà tù Nam Định
Tết đầu xuân năm 1941.

---

1. Tống cựu: Tiễn năm cũ.
2. Nghinh tân: Đón năm mới.
3. Mơ-nuy: Phiên âm tiếng Pháp menu có nghĩa là thực đơn. Ý nói món ăn đã được nhà nước quy định.
4. Dao tây xếp: Ngày tết tên cai ngục người Pháp cho mượn dao để thái thịt.

TỪ XUÂN PHÚ

Tết đâu có Tết!
Xuân cũng là xuân!
Đã không tống cựu,
Lại chẳng nghinh tân!
Cỗ bàn nhỏ to, chi sá kể,
Áo quần dài vắn há đâu cần,
Cách trang hoàng suông sẻ thanh cao: Đá, vôi chi vách,
Lối bài trí lơ thơ giản dị: Ván gỗ chi sàn.
Đối đổ (liễn) tuyệt không nửa chữ,
Chỗ thờ chẳng có một bàn.
Nhớ nêu, chỉ thấy cờ trắng, xanh với đỏ
Quên lịch, bấm tay tý sửu hay dần.
Tuy vắng vợ, vắng con, thiếu người sai bảo,
Nhưng có cai, có xếp tiện kẻ hỏi han.
Đặc biệt mấy hôm phép tết
"Thi ân" trong dịp đầu xuân:
Biên "bông" thả cửa [1]
"Ra-xông" bội phần [2]
Lần lượt gần đưa xa gửi,
Rối ren kẻ khám người khuân.
Bánh khách, bánh tây, hể hả nếm mùi thanh lịch,
Thuốc lào, thuốc lá, tha hồ thú vị yên vân.
Đã sung túc vật chất,
Muốn bồi bổ tinh thần:
Ban ca xướng phô bày vở kịch,
Nhóm thi nhân gọt rũa câu văn,
Vẫn nhớ cuộc cờ, nên cũng tính toan "lấy nước"
Không quên thi tứ, đề ra thách họa theo vần.

---

1. Bông: phiên âm tiếng Pháp bon có nghĩa là phiếu lĩnh tiền hay hiện vật.
2. Ra-xông: phiên âm tiếng Pháp ration có nghĩa là khẩu phần.

"Tỏm-bô-la" trong cuộc đỏ đen, tấc tỏm chiếm phần độc đáo [1]
"Xích thố mã" trên đường tranh đấu, lăm le giật quán quân. [2]
Trong âm u một cảnh tưng bừng... Xuân! Xuân tập thể
Giữa xã hội, muôn người hăm hở... Tết! Tết cá nhân.

Nhà tù Nam Định đầu năm 1941

CHÚC XUÂN

(Hát xẩm)

Rực rỡ đầy rừng.
Xuân hoa rực rỡ đầy rừng.
Bước ra xin để chúc các bạn lao lung:
Một tôi mừng đường Sơn La dốc tựa cầu vồng
Đẩy xa gối mỏi lưng còng toát cả mồ hôi.
Hai tôi mừng "kíp" vào đá lò vôi
Đứt dây, đá rụng đời ơi là đời!...
Ba tôi mừng mấy anh làm bếp, làm bồi.[3]
Đánh xoong, cạo chảo, con người khá lọ lem.
Bốn tôi mừng phân sở "ô-ten" [4]
Gánh nhiều phân ngựa có phen gẫy sườn.
Năm tôi mừng mấy chú làm vườn.
Bỏ quên xẻng, cuốc "mưa hươn" [5] lĩnh chức "cỏ vê" [6].
Sáu tôi mừng phân sở "ca-ri-e" [7]
Đầu choòng chẳng nện lại ghè vào tay.
Bảy tôi mừng mấy bác phó may
Bỏ quên thước vạch, cắt áo Tây lại ra áo Tàu.
Tám tôi mừng thợ xẻ, gỗ rơi xuống đầu;
Thợ nề đứt giáo, lộn nhào gẫy cả tay chân.

---

1. Tom-bô-la: Phiên âm tiếng Pháp Tombola có nghĩa là cuộc xổ số lấy hiện vật.
2. Xích thố mã: Ngựa Xích thố. Xích thố là tên một con ngựa quý đời Tam quốc, nguyên của Lã Bố, sau truyền lại cho Quan Công.
3. Bọn thống trị thường bắt anh em tù ai có nghề chuyên môn nào thì ra phục vụ gia đình.
4. Khách sạn: Ám chỉ dinh công sứ Sơn La. Anh em tù thường phải sang đó dọn chuồng ngựa.
5. Về nhà (tiếng Thái).
6. Xem chú thích ở bài *Gọi lính* (Nam Cường).
7. Ca-ri-e: Phiên âm tiếng Pháp carrière có nghĩa là công trường đá.

Chín tôi mừng lò gạch của ông Phi Vân,
Tha hồ đi tấm sớm, để khổ tâm ban trật tự ngoài.
Mười tôi mừng các bà ở nhà, tuần tự có thai,
Tay bồng, tay bế đón quan ngài trong buổi hồi gia.
Kính chào chư quí vị nhà pha!

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930–1945.

MẬU CHI [1]
Ngục Sơn La, tết 1942

VÙNG DẬY THANH NIÊN

Trông thời thế máu hồng sôi nổi,
Nhìn nước nhà căm nỗi nguy vong.
Hỡi ôi! Nòi giống Lạc Hồng!
Hỡi ôi! Quang cảnh Nhị Nùng ngày xưa!
Quân đế quốc bày trò dâu bể;
Tình cảnh này, không thể ngồi yên.
Thanh niên này, hỡi thanh niên!
Nước nhà đương giục đứng lên phục thù.
Mấy mươi năm dưới cờ ba sắc
Chữ "tiêm cừu" [2] nét mực chưa phai.
Đôi phen rắp quét chông gai,
Giành quyền độc lập xây đời tự do:
Phan Đình Phùng mưu đồ khôi phục
Trải bao năm chen chúc núi rừng,
Đỉnh chung vàng ngọc chẳng màng,
Đem bầu nhiệt huyết để dâng nước nhà.
Tham Tán Thuật vốn nhà khoa hoạn,
Vì giống nòi nào quản gai chông.
Tuốt gươm thề với núi sông
Bao năm Bãi Sậy vẫy vùng dọc ngang;
Trong nông giới có Hoàng Hoa Thám,
Gác cày bừa dũng cảm dấy lên,
Giang sơn chiếm cứ một miền

1. Tức Nguyễn Văn Từ.
2. Diệt thù.

Tiếng vang Yên Thế còn truyền bấy nay.
Súng khởi nghĩa do tay binh lính,
Khói phục thù tỏa kín Thái Nguyên.
Tinh thần Đội Cấn, Đội Xuyên,
Sống cùng sông núi há quên được nào.
Trải mấy trận máu đào lênh láng,
Đảng "Quốc dân" [1] mưu toán quật cường.
Tiếng bom dậy sóng Thao Giang [2]
Yên Thành [3] bỗng đổi ra trường tranh đua.
Muốn nối chí người xưa để lại,
Muốn tìm đời sống mới vinh quang,
Thừa cơ đế quốc hầu tàn,
Tiếng kèn khởi nghĩa dậy vang ba kỳ.
Đội Cung phất ngọn cờ phục quốc,
Đồn Đô Lương nổi cuộc giao phong,
Khí thiêng chung đúc anh hùng,
Hy sinh đến phút cuối cùng mới thôi,
Máu miền Nam đang sôi sùng sục,
Đẩy phong trào do sức quần nhung.
Hợp đoàn cùng bạn công nông,
Dấy lên theo ngọn cờ hồng chỉ huy.
Cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng,
Hưởng ứng cùng tiếng súng Bắc Sơn.
Uy danh thức tỉnh quốc hồn,
Những toan mưu cuộc sinh tồn vẻ vang.
Lịch sử còn tấm gương rực rỡ,
Dù bao phen máu đổ xương tan.
Phong trào ngày một tràn lan
Để ghi chép được những trang anh hùng.
Dân Việt Nam vốn dòng khảng khái,
Quyết đồng tâm sống mái một phen.
Hỡi ai yêu nước dấy lên,
Xung phong giật lại chính quyền về tay.
Quân đế quốc dù Tây, dù Nhật,

1. Quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học.

2,3. Muốn nói tới khởi nghĩa Yên Bái (Yên Thành là Yên Bái; Thao Giang là sông Thao).

Ta cũng đều xé mật, moi gan.
Đánh tiêu xâm lược sài lang,
Quét thanh phản quốc tham tàn bất công,
Cứu dân tộc khỏi vòng xiềng xích,
Đưa giống nòi thoát ách ngựa trâu.
Tuốt gươm vung lên mau,
Trên đường giải phóng cùng nhau vẫy vùng.
Hãy chiến đấu trong vòng Tổ quốc,
Của thanh niên cứu quốc khắp nơi.
Phong trào ba xứ dậy rồi.
Bóng cờ khởi nghĩa đón mời thanh niên.
Mau xây đắp lại nền tự-chủ
Xây dựng nên chính phủ cộng hòa.
Làm tròn sứ mạng quốc gia,
Ghi lòng hai chữ "Nước nhà" chớ quên,
Thanh niên ta tiến mau lên!

HỒNG VIỆT [1]
Ngục Sơn La, hè 1942
(Sách đã dẫn)

NGHE CHÚC TẾT

(Nhại thơ Tú Xương)

Lẳng lặng mà nghe họ chúc già,
Mặc dù đạn nổ với bom va
Còng lưng xuống để nhìn con cháu,
Báo động tranh nhau chạy... "bỏ bà".

*

* *

Lẳng lặng mà nghe họ chúc giàu,
Bạc, vàng, thóc gạo với bò trâu,
Cố mà nộp đủ cho Tây – Nhật.
Kẻo bị "ca-đui" [2] choảng vỡ đầu.

1. Tức Nguyễn Văn Từ.
2. K.12 một loại đạn súng máy.

*

* *

Lẳng lặng mà nghe họ chúc sang,
Chúc nhau vợ đẹp lại "khôn ngoan"
"Bề trên" thương được, năng "đi lại"
Ông nọ, bà kia khéo vẻ vang.

*

* *

Lẳng lặng mà nghe họ chúc con,
Gái thì giăng há, trai du côn [1]
Gặp thời gạo củi như châu quế,
Lo mặc, lo ăn hết cả hồn.

THIẾT PHỦ [2]
(Sách đã dẫn)

NƯỚC MẮT CÁ SẤU

Nghe đâu ở cảng Hải Phòng
Người ta bắt gặp mấy ông Nhật lùn;
Mắt sưng bằng quả bàng con,
Mặt buồn rười rượi lệ tuôn vắn dài.
Lu loa vạch đất kêu trời,
Cùng dân bị nạn ngỏ lời phân ưu:
"Thương ôi! Số phận hẩm hiu!
Thương ôi quang cảnh buồn thiu thỉu buồn!
Mỗi khi tưởng tới oan hồn.
Lòng tôi đây lại những cuồn cuộn đau.
Gây nên trăm thảm nghìn sầu,
Chỉ vì Anh, Mỹ và Tàu tấn công.
Nghĩ tình "khu thịnh vượng chung" [3]
Tôi giúp ít gạo tỏ lòng "tương thân" [4]

1. Có bản in là "Không trường dạy dỗ hóa du côn".
2. Tức Nguyễn Văn Từ.
3. Phát xít Nhật đưa ra thuyết "khu thịnh vượng chung" tức thuyết Đại Đông Á.
4. Nhật chiếm Đông Dương, máy bay phe đồng minh đến bắn phá. Nhân dân Hải Phòng bị vạ lây. Nhật phỉnh phờ đưa gạo cứu tế nạn nhân.

Thực là cảm kích vô ngần!
Từ tâm có một, hợp quần không hai.
Nhưng thôi tôi cũng van ngài
"Nước mắt cá sấu" còn ai lạ gì?
Kìa bao lợn, gạo, bò, dê
Nó nằm ở tận đồng quê xứ này.
Cũng đều không cánh mà bay,
Chủ nhân nó suốt đêm ngày thở than [1]
Sao ông chẳng chút hỏi han,
"Nhân nghĩa Tú Đễ" còn toan phỉnh phờ [2]
Nín đi ông, kẻo nữa trơ
"Tù van đĩ khóc" còn vờ làm chi?
Nếu ông có đức từ bi
Xin ông bồng bế nhau đi cho nhờ.
Thế là hết cả "bi bơ"
Thế là phúc đức... ơ hơ... bằng đình;
Mà rồi quân đội Đồng minh
Có mời cũng chẳng tới rình chi đây.
Còn đâu là nạn máy bay,
Chúng tôi sẽ sống đêm ngày yên vui;
Ông thì khỏi phải "đãi bôi"
Để giành nước mắt làm tôi Thiên hoàng
Ông ơi! "Nhất cử lưỡng toàn" [3].

Ngục Sơn La, thu 1943
(Sách đã dẫn)

---

1. Nhật bắt dân chúng Đông Dương nộp mọi thứ để phục vụ cho chiến tranh.

2. Nhân dân ta có giai thoại: Bà Tú Đễ bữa đó nấu cơm nếp; có đứa trẻ hàng xóm tới; cơm nếp còn nóng quá, bà lấy đũa xẻu cơm vào tay đứa bé; nóng quá đứa bé hất vội miếng cơm nếp đi. Bà Tú Đễ than phiền: Cơm nếp ngon quá mà thằng bé không chịu ăn! Về sau để chế giễu hành vi đạo đức giả, người ta thường nói "nhân nghĩa Tú Đễ" (hoặc *nhân nghĩa bà Tú Đễ*).

3. Một cử động được cả hai việc; Một việc làm đạt hai mục đích.

LỜI MẸ

(Điệu ru con)

Bồng bồng... bống bống... bông bông...
Lệ rơi thấm lạnh cõi lòng,
Con nằm yên để mẹ bồng, mẹ ru...
Mẹ nay trăm nỗi tơ vò,
Phần căm hận nước, phần lo thù nòi.
Vì đâu non nước đầy vơi?
Vì đâu nòi giống dập vùi lìa tan...?
Vọng lên những tiếng kêu than,
Lâm ly như một bản đàn đau thương.
Cảnh thống khổ, nỗi đoạn trường,
Chỉ vì Nhật, Pháp bạo cường... con ơi!...
Hạ hỡi hơi... hạ hời hời...
Con ngoan con nín đi thôi,
Nghe kèn cứu quốc muôn đời còn vang,
Ông cha gây dựng giang san.
Tốn bao xương máu bảo toàn tự do.
Ngày nay ngắm tới tiền đồ,
Kìa thuyền xứ sở đương xô xuống ghềnh!
Muốn đem một tấm đan thanh,
Để mong cứu vớt sinh linh nước nhà,
Người đương vác súng xông ra
Xông ra theo dưới bóng cờ Việt Minh
Xinh xinh, xinh xỉnh, xình xinh...
Sao vàng cờ đỏ lung linh,
Nhật, tiêu trừ Nhật, Tây, bình diệt Tây.
Mưu đưa dân chúng xứ này,
Tới nền độc lập, lên đài vinh quang,
Tình tính tang, tính tình tang,
Con ăn, con ngủ, cho ngoan.

Con khôn con lớn, lo toan kịp người.
Muốn cho sống vững với đời,
Thì con phải nhớ những lời mẹ ru.
Ru hời, ru hỡi... tình ru...!

Nhà tù Sơn La mùa thu
năm 1943, đăng ở *"Suối reo"*

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959

DANH VỌNG [1]

Xưa nay con cháu Tiên Rồng,
Ai ai cũng thích nên ông nên bà.
Đua nhau mà quẳng tiền ra,
Mua lấy ông xã hoặc là ông nhang [2].
Để khi trong họ ngoài làng,
Ăn trên ngồi trốc vẻ vang mặt mày.
Sống trong cái xã hội này,
Hớ hênh là vớ phải tay "mẹ mìn".
Thì nay sự đã hiển nhiên,
Ai ham danh vọng có tiền cho ra,
Sung vào "cứu tế quốc gia"
Giúp lúc "nước mẹ" "bỏ bà" vì bom.
Cứu cho mẹ được vuông tròn,
Rồi trên báo chí tiếng con lẫy lừng,
Rằng: Khi hoạn nạn đau thương,
"Nước mẹ" đã được Đông Dương đỡ đầu.
Ông Tây lẩn thẩn vì đâu?
Thà ông "nói toạc móng heo" thế này:
Tao làm "nước mẹ" chúng bay,
Có tiền bay sẽ làm thầy nước tao,

1. Tác giả viết bài này để đả kích vào thủ đoạn lừa bịp phỉnh phờ dân ta của thực dân Pháp, mở cuộc lạc quyên để lấy tiền bù đắp cho ngân quỹ chiến tranh của chúng trong Đại chiến thứ hai.

2. Ông nhang: Ông hương cả.

Thực là hân hạnh biết bao,
"Rồng tiên" được dịp rêu rao với đời.
Chẳng qua tiền bạc của trời
Mất mà "xuống chó lên voi" còn gì!...
Ai ơi, đói rách cần chi,
Nhịn ăn, nhịn mặc làm nghề cha nuôi.
Nghề này danh giá như trời,
Bằng tám ông xã, bằng mười ông nhang.
A a...! Sang! Ái chà sang...!
Á, Âu bình đẳng Pháp Nam để huề
Rõ ràng danh vọng "ba chê"[1]

Nhà tù Sơn La mùa thu năm 1943
(Sách đã dẫn)

ĐÔI NGẢ[2]

Đọc những lời trong thư cha dụ dỗ,
Dòng lệ con hoen ố mảnh nhung y.
Nhớ ngày nào ôm chí lớn ra đi,
Trong quá khứ cha ghi nhiều kiêu hãnh.
Kìa mũi kiếm máu kẻ thù còn dính,
Bỗng anh hùng tim lạnh bởi hư vinh.
Ngoài phong ba vùng vẫy bóng nghê kình[3]
Tham mồi béo nộp mình cho ngư phủ.
Trong rừng xanh tung hoành oai mạnh hổ,
Hám mồi ngon ủ rũ chốn chuồng con.
Bả vinh hoa làm chết cả tâm hồn,
Nhưng nào chuyển kẻ lòng son dạ sắt.
Mây Nùng Lĩnh còn mịt mờ u uất,
Sóng Nhị Hà còn chứa chất căm hờn,
Thì đời con là của cả giang sơn,
Dù thịt nát xương tan, đâu dám kể.

---

1. Ba chê: Ba phiên âm tiếng Pháp pas có nghĩa là không. Ba chê là không chê vào đâu được.

2. Tác giả mượn việc Đề Thám trả lời cha nuôi là Bá Phức dụ đầu hàng thực dân Pháp để răn đe một người em con ông cậu bấy giờ phản bội cách mạng

3. Nghê kình: Kình là cá voi, nghê là con cá kình cái.

Rồi những lúc cha vui vầy vị kỷ
Là khi con rầu rĩ khóc non sông...;
Đêm canh trường cha nệm gấm chăn bông,
Nơi rừng thẳm con nằm chông nếm mật;
Cha hít thở hương trầm bay bát ngát
Pha lẫn mùi máu thịt của lê dân, [1]
Thì mũi con ngạt thở, cổ khô khan,
Tai vẳng tiếng hồn oan trong thảm cảnh.
Cha ngực đầy "mề-đay" "kim khánh", [2]
Con bên sườn lóng lánh kiếm "tiêm cừu", [3]
Cha say mê bên thiếu nữ yêu kiều,
Con tận tụy với tình yêu... Tổ quốc.
Nghĩa là cha đem tài năng trí óc
Mưu vinh thân làm mục đích cuối cùng,
Thì con đem xương trắng máu hồng
Để cứu vớt non sông làm chí nguyện.
Cha với con, là hai trận tuyến
Cha một đường... con tiến một đường.
Thôi, từ nay hai chữ "cương thường" [4]
Con mở rộng để dâng thờ đất nước.
Buổi đoàn viên cha ơi đừng mơ ước,
Cuộc hội đàm là đại bác, thần công.
Bức thư đây là bức cuối cùng,
Mà cha chỉ là cha trong dĩ vãng.
Thôi, hạ bút cho thâm tình gián đoạn,
Để nghe đời kết án kẻ gian phi,
Thanh kiếm thần ta tuốt sẵn chờ mi...

Nhà tù Sơn La mùa thu
năm 1943, đăng *Suối reo*

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

---

1. Lê dân: Dân đen, dân chúng.
2. Kim khánh: Cái khánh bằng vàng nhà vua thưởng cho kẻ có công. Mề-đay: Phiên âm tiếng Pháp médaille có nghĩa là tấm huân chương, huy chương.
3. Tiêm cừu: Kẻ thù cần phải giết sạch.
4. Cương thường: Tam cương và ngũ thường. Tam cương chỉ ba mối quan hệ: Vua tôi, cha con, vợ chồng. Ngũ thường chỉ năm đức thường của người ta là: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

HỊCH ĐỘI CẤN[1]

Hỡi các bạn trong cơ trong ngũ,
Nước nhà đương sa hố suy vong.
Nam nhi hồ thỉ tang bồng,
Ta ngồi bó gối mà trông sao đành.
Thấy lũ giặc giương nanh giương vuốt,
Khiến ta càng tím ruột bầm gan
Khi nghe dân chúng kêu than,
Khi nhìn xứ sở tan hoang, xạc xờ.
Khóc Tổ quốc lệ hòa lẫn máu,
Nhìn sinh linh đã héo như dưa.
Than ôi! Non nước ngàn xưa,
Mà nay chịu những gió mưa tơi bời.
Lại ngó tới trong thời binh lính,
Chịu đựng bao tình cảnh đau thương.
Nào quy, nào luật trăm đường,
Uốn mình sống dưới lưỡi gươm kẻ thù.
Đêm giá lạnh âm u canh gác,
Vòm cheo leo man mác buồn tênh.
Bất bình sao khéo bất bình,
Kẻ thù chăn nệm, mà mình sương sa.
Dưới nắng hạ hun da cháy thịt,
Công việc làm nhọc mệt tả tơi.
Bất công đến thế thì thôi,
Kẻ thù an hưởng, ta thời gian lao.
Gặp những lúc binh đao khói lửa,
Tính mạng ta gửi ở sa trường.
Sống trong giây phút hoang mang,
Thân như hạt gạo trôi sàng kế chi
Tình trạng thế, gian nguy dường thế,
Quyền lợi ai? Bảo vệ cho ai?

---

1. Tác giả làm bài thơ này với dụng ý mượn chuyện cũ lịch sử: Ông Đội Cấn năm 1917 khởi nghĩa ở Thái Nguyên, để tuyên truyền vận động binh lính nhà tù Sơn La.

Hay ta máu đổ xương phơi,
Cho quân thù địch sống đời đỉnh chung.
Nông nỗi ấy ai không cảm xót,
Ai là không muốn tuốt gươm ra.
Phanh thây lấy máu giặc già,
Đem tô điểm lại sơn hà cho cam.
Xem lịch sử ngàn năm đất Việt,
Biết bao là hào kiệt anh thư [1]
Bao thân liễu yếu đào thơ,
Bà Trưng Bà Triệu phất cờ tự do.
Đem cái chết đền bù nợ nước,
Nêu tấm gương dũng lược ngàn thâu.
Huống chi ta, bọn mày râu,
Sánh cùng son phấn lẽ đâu ươn hèn.
Chớ mơ tưởng hão huyền danh vọng,
Mà lãng quên sứ mạng quốc dân.
Chớ nghe những kẻ ngu đần,
Mảng vui khoái lạc, cam thân tôi đòi.
Chớ học lũ chim mồi, chó máy,
Đem giống nòi đổi lấy hư vinh.
Chớ theo đòi bọn dư sinh,
Túi cơm giá áo làm thinh cuộc đời.
Ta đã sống, đội trời đạp đất,
Ta phải lo nước mất nhà tan
Thân dù vượt biển băng ngàn,
Nhưng chí chẳng nhụt mà gan không sờn.
Ta phải biết hợp quần bảo chúng,
Tính mạng ta sống chết cần chi.
Chết mà sử sách danh ghi.
Còn hơn sống để làm bia miệng cười.
Nay giặc Pháp đương hồi bối rối,
Cùng Đức quân chống chọi tranh giành.
Thừa cơ "lưỡng hổ tương tranh" [2]
Thế uy đã nhụt vuốt nanh đã mòn.

1. Hào kiệt là người có tài năng xuất chúng; Anh thư là người đàn bà giỏi có tiếng.
2. Lưỡng hổ tương tranh: Hai con hổ tranh giành nhau.

Súng ta nổ, chiêu hồn ái quốc,
Cờ ta nêu, mưu cuộc phục thù.
Để xây dựng lại cơ đồ,
Lái thuyền xứ sở tới bờ vinh quang.
Đưa dân tộc nên đàng hạnh phúc,
Rửa sạch băng cái nhục non sông.
Rồi trên sông Nhị núi Nùng,
Long lanh dấu hiệu Lạc Hồng tự do.
Chí đã quyết thời cơ đã tới,
Mau! Chúng ta quật khởi lên mau!
"Nam binh phục quốc" cờ đầu, [1]
Phải đem theo nó những bầu máu sôi.
Xông ra binh lính ta ơi!

Nhà tù Sơn La 1943
(Sách đã dẫn)

VĂN TẾ SỐNG CÚT - XÔ [2]

Đi qua cổng tòa, hạ càng xe bò, lau mồ hôi trán, cười mà than rằng:
Hỡi ôi!
Khói phủ Chiềng lề [3]
Mây mù bản Giảng! [4]
Cuộc biển dâu trời khéo gieo thương!
Cảnh ly biệt người thêm đeo cảm!
Nhớ "Cút" đại nhân xưa:
Dòng dõi "gác - điêng" [5]:
Xuất thân mật thám,
Đã từng trọng nhậm nào phó sứ Quảng Yên, quan đồn
Cẩm Phả, bước hoạn đồ tốn kém công phu;

1. Nam binh phục quốc: Bốn chữ đề trên lá cờ khởi nghĩa của ông Đội Cấn, có nghĩa là binh lính người Việt Nam khôi phục lại nền độc lập của nước mình.

2. Cút-xô (Cousseau), công sứ thực dân Pháp ở Sơn La. Tác giả làm bài này để chế giễu hắn. Ở Sơn La, hắn tàn bạo, vơ vét và thống trị như một ông vua. Nay phải đổi về làm việc ở tòa Thống sứ Bắc Kỳ, hắn đang uất nỗi uất của con thú dữ mất miếng mồi ngon.

3,4. Tên hai làng ở thị xã Sơn La.

5. Gác-điêng: Phiên âm tiếng Pháp gardien có nghĩa là người canh giữ.

Lần bậc vinh thăng: Nào Hà Đông địa chính,
Công sứ Sơn La, trong quan giới sở xoay thủ đoạn,
Nhớ những lúc:
Cùng Châu cùng Phìa; [1]
Với làng với bản,
Chi thu củi, gạo, bò, dê;
Lung lạc Thái, Mèo, Mường, Mán.
Mắc cuội, mắc muông [2];
Tu mu, tu hán, [3]
Thái nạp "ý sao"; [4]
Mèo dâng nha phiến.
Cao lương, mỹ vị, đủ đồ bát tiết tứ thời;
Cùng cốc, thâm sơn, còn vẽ thiên hình vạn trạng.
Dân chúng bị nén đè;
Tù nhân ôm hờn giận:
"Cút-xô" nắm nọ, "xếp đờ-lô" [5] tiếng hãy còn vang,
Tội nghiệp Cương kia, "ba - toong vụt" lươn nào đã lặn [6]
Hương hồn Lý linh thiêng chăng tá? Chắc còn căm ở chốn cửu tuyền,[7]
Thân thể Tường vùi dập nơi nao? Đã di hận trong lòng chúng bạn[8]
Những tưởng rằng tiêu dao sơn cước, ông sẽ còn ngự trị dài lâu;
Nào ngờ đâu mơ tưởng phồn hoa, ông nỡ để núi rừng ảm đạm.
Vườn cổ được đượm phần mưa móc, rồi đây hủy hoại tan hoang,
Bọn tù đương thôi thúc áo cơm, để lại căm hờn ai oán.
Hay sợ "a-nô-phen"? [9]
Hay kinh "tù cộng sản"?

---

1. Phìa: Tiếng Thái dùng chỉ cai tổng.

2. Mắc cuội, mắc muông: Trái chuối, trái xoài (tiếng Thái)

3. Tu mu, tu hán: Con heo, con ngỗng (tiếng Thái).

4. Ý sao: Con gái (tiếng Thái).

5. Xếp, đờ lô: Phiên âm tiếng Pháp *chef, de l'eau* có nghĩa là xếp, nước uống. Năm 1941, sau một cuộc đấu tranh bãi thực thất bại, Cútxô ra lệnh giam các chiến sĩ cách mạng xuống hầm và không cho nước uống. Anh em lại đấu tranh gào nước uống.

6. Batoong: Phiên âm tiếng Pháp bâton có nghĩa là cái gậy. Cútxô kiếm chuyện đánh anh Cương để khiêu khích: "Tao đánh cho tụi mày tranh đấu".

7.8. Cửu tuyền: Chín suối (chữ Hán), có nghĩa là âm phủ, anh Lý và anh Tường vượt ngục. Anh Lý bị chúng bắt được đem chém bêu đầu ở cổng nhà tù, còn anh Tường mất tích, nghe đâu bị lọt xuống khe núi, chết.

9. Anôphen: Phiên âm tiếng Pháp anophèle có nghĩa là muỗi mang trùng bệnh sốt rét.

Hay thấy Sơn La nước độc, xuống hạ du cho hợp vệ sinh?
Hay nhìn dân Thái đói to, về thành thị dễ đường biến lận?
Hay phi cơ ngoại quốc đã làm ông tập tễnh, đảo điên?
Hay dân chúng trung châu còn lắm kẻ no nê phè phỡn?

Nên đành xa chạy, cao bay;
Để lại kẻ ca, người thán.
Vậy nay chúng tôi:
Xin dâng lễ bạc
Làm vật tiểu hồi:
Xà phòng, thuốc phiện;
Măng khô, khoai tươi;
Thỏ tây năm bảy chục;
Gà thiến chín mươi đôi;

Nước mắt mồ hôi, gọi chút vi thiềng dân mạn ngược;
Lòng nhiều của ít, để làm kỷ niệm chốn đường xuôi.

Và xin chúc ông:
Yên trí sinh nhai
Trong đời rối loạn.
Không phật ý "Đờ-cu",[1]
Không đụng đầu Nhật Bản.

Đủ tài xoay kinh tế, chống thời "củi quế, gạo châu";
Mau cẳng xuống "tăng-sê" phòng trận mưa bom, bão đạn.[2]
Rồi ông gắng giữ gìn thân thể mà ung dung hưởng thụ đỉnh chung
Và ông luôn bền vững tinh thần, để chờ đón phong trào cách mạng.
Còn non còn nước, trùng phùng hẹn buổi tương lai;
Khuất mặt khuất lời, quá khứ ghi trong tâm khảm.

Bút đã hầu cùn;
Mực cơ hồ cạn.

Viết bài tiễn biệt những ngậm ngùi cách trở đôi nơi
Đọc bản trần tình mong phổ biến xa xôi nghìn dặm.

Tấc dạ đinh ninh;
Mong ông chứng giám.

Hỡi ôi, thương thay!

Nhà tù Sơn La mùa thu năm 1943
(Sách đã dẫn)

---

1. Đờ-cu: Xem chú thích ở bài chào mừng năm 1945.
2. Tăng-sê: Phiên âm tiếng Pháp tranchée có nghĩa là rãnh, hào.

LỜI QUANG TRUNG

Hỡi tướng sĩ!
Xuân về khi quốc biến,
Xuân nồng nàn lay chuyển lòng ta.
Ngàn muôn xuân đương rên xiết kêu la,
Cờ độc lập của nước nhà nghiêng ngả.
Chỉ một lũ tham ô, ôi... hèn hạ!
Bán non sông mưu chước cả quyền cao,
Chúng đã đem xương máu của đồng bào,
Đổi lấy miếng sơn hào hải vị, [1]
Hoặc là kẻ sống thừa vô liêm sỉ [2]
Thấy nước nhà dâu bể vẫn làm thinh.
Chúng vui xuân với tửu điếm, trà đình,
Khi ngàn triệu sinh linh đương nheo nhóc.
Chúng thưởng thức bổng trầm trong khúc nhạc,
Khi giống nòi rên khóc bởi lầm than.
Chúng say sưa đắm đuối bởi hương xuân,
Lo chi nỗi sẩy đàn tan nghé.
Chúng nào biết non sông mà xâu xé
Thì gia đình đâu dễ đặng yên vui.
Khi binh đao khói lửa bốc mù trời,
Hương trà, tửu chẳng ngạt hơi quân nghịch tặc,
Và thanh âm tơ đồng reo réo rắt
Có khi nào tan nát nỗi thù nhân.
Nghĩa là khi nước mất ắt nhà tan.
Bao thanh thú của truy hoan vị kỷ
Cũng sẽ bị chôn vùi theo thân thế,
Cũng trôi theo dòng lệ khóc non sông.
Còn những ai tình cảm rộng mênh mông,
Dù xuân đến với muôn hồng nghìn tía.
Nhưng non nước còn phủ đầy uất khí,
Với lòng người chiến sĩ có gì xuân.

---

1. Sơn hào hải vị: Những đồ ăn ngon trên núi như bàn tay gấu,... và dưới biển như bào ngư, cứu khổng...

2. Liêm sỉ: Không ham danh lợi, trong sạch, biết điều sỉ nhục.

Mảnh nhung y còn đặc dấu phong trần, [1]
Xuân ấy phải là xuân chiến đấu.
Tiếng đại bác oai hùng thay tiếng pháo;
Chén "Hoàng Mai" pha máu lũ xâm lăng; [2]
Họa bức tranh sông núi thực huy hoàng
Treo giữa cõi doanh hoàn không rách nát [3]

. . . .

Hỡi ba quân!
Hãy bền gan vững mật!
Cùng dang tay ta nhấp "chén thành công"
Cho tài cao chí cả, máu thêm hồng,
Thêm hăng hái ruổi dong nơi trận mạc.
Cho Sĩ Nghị hồn lìa khỏi xác,
Chôn hùm beo đất Bắc một mồ chung.
Khúc khải hoàn ca dậy đất Thăng Long,
Xuân mạnh mẽ tự lòng ta phát động,
Rồi chúng ta phất cờ gióng trống,
Dâng quốc dân đời sống đượm hương xuân.
Dứt lời ta!
        Vùng dậy!
                        Hỡi ba quân!
Đem máu viết chữ XUÂN trên lịch sử!
Giờ đã đến!
        Lăng mình, ta lên ngựa!

Lao Sơn La, tết âm lịch (1944)

Tiếng hát trong tù, tập 2.
NXB Thanh niên, 1974.

1. Nhung y: Áo mặc đi trận.
2. Hoàng Mai: Tên một thứ rượu ngon ngày xưa.
3. Doanh hoàn: Từ ngày xưa dùng để gọi chung cả địa cầu thế giới.

RÁP-PO TÁO QUÂN [1]

"Lơ - vanh-toa-đề-săm" [2] năm Quý ty,
Thổ công theo định lệ của thành niên.
Dưới dương trần việc hay dở đảo điên,
Đem "tút - xuýt" [3] ngay lên tâu thượng đế:
Việc hạ giới năm nay hay đáo để,
Đức hùng cường mà lép vế với Liên Xô.
Chúng lui quân như nước chảy vỡ bờ,
Hiện đang bị chơ vơ trên đảo Kéc (Kerse)
Còn bên kia là sông Đơ-nhi-ép,
Phía tây thành Ki-ép cũng về Nga.
Chú Gơ-ben sụt sịt quá đưa ma,
Họ Hít cũng lu loa kêu rầm rĩ.
Thành Bá Linh vừa gội bom Anh, Mỹ
Dinh Hít le thiêu hủy nát như tương,
Tướng ngoại giao mặt mũi quá sầu thương,
Ám đầy khói như Châu Sương tái thế.
Niềm Nam Âu thì đoàn quân Anh, Mỹ
Cứ ầm ầm tiến dễ tựa chẻ tre.
Mới ngày nào còn ở tận Bắc Phi,
Trong mấy tháng "a-lê" [4] lên đất Ý.
Tướng họ Mút [5] cũng đành thất thế,
Tính mệnh ông cũng xuýt bị "cú-phe-mo". [6]

---

1. Ráp-po: Phiên âm tiếng Pháp rapport có nghĩa là báo cáo, tờ trình. Xưa kia, trong dân gian, người ta cho rằng ông Táo là một trong bộ ba thần nhà (thổ địa, thổ kỳ, thổ công). Ông Táo (cũng gọi là thổ công) là người thừa lệnh Ngọc Hoàng thượng đế, xem xét mọi việc của một nhà. Hàng năm, 23 tháng chạp là ngày ông Táo cưỡi cá chép lên chầu Trời để báo cáo mọi việc hay dở; đúng giao thừa trở về gia chủ. Nhiều nơi hiện nay vẫn gọi ngày 23 tháng chạp ta là ngày tết ông Táo.

2. Lơ vanh-toa đề-săm: Phiên âm tiếng Pháp Le vingt trois Décembre có nghĩa là ngày 23 tháng Chạp.

3. Tút-xuýt: Nhại âm tiếng Pháp tout de suite có nghĩa là ngay lập tức.

4. A-lê: Phiên âm tiếng Pháp aller có nghĩa là đi đến. Ở đây có nghĩa là đã có mặt (chỉ động tác rất nhanh).

5. Họ Mút: chỉ Mútxôlini (xem chú thích) bài Mútxôlini bị lật đổ.

6. Cú-phe-mo: Phiên âm tiếng Pháp coup fait mort có nghĩa là cú đánh chết tươi (Kiểu tiếng bồi, không đúng ngôn ngữ Pháp).

"Nước mẹ" nhà tình cảnh mới buồn to,
Khắp phố xá lu bù thây chết đói,
Kẻ nào sống mặc quần đùi không túi, [1]
Rét run lên, nước mũi rỏ ròng ròng.
Bên Nam Tư nổi loạn như ong,
Rô-men chạy thở long hai lá phổi. [2]
Việc Âu châu nếu dày công soi bói,
Kể ra đây rối quá bòng bong.
Vậy xin đem công việc dưới trời đông,
Thần sẽ kể trơn dòng bén giọt
Hoa Nhật vẫn "tú- dua" [3] xung đột,
Tin được, thua đút nút chẳng cho ra.
"Ken-cờ-phua" [4] báo chí có cho ra,
Vẫn lúng túng ở Trường Sa và Dương Tử,
Miền Nam Nhật mất dần căn cứ,
Nên gần đây cố giữ đảo Gynbe (Gilbert).
Khi đụng đầu quân Mỹ lúc "mông-tê", [5]
Liền dở ngón "kim kê độc lập".
Nhưng súng đạn đồng minh đâu chịu khuất,
Nên thủy sư quân Nhật bị "tai hà". [6]
Bên non tây đồng chủng vụ Di Đà,
Nhặng xị: Ấn quốc gia độc lập.
Săng-ra-bô [7] vội vàng hấp tấp
Sang lân bang thiết lập mấy đoàn quân.
"Moa" đã can, nhưng "lúy" [8] cứ ương gàn,
Ừ thôi mặc, mắc mưu gian cho bỏ mẹ.
Hai vợ chồng ông già Cam Địa [9]

---

1. Thiếu vải nên kêu gọi mặc quần ngắn và may quần không túi.
2. Rô-men: Xem chú thích bài *Hít-le tiễn Rô-men* (cùng tác giả).
3. Tú-dua: Phiên âm tiếng Pháp toujours có nghĩa là luôn luôn.
4. Ken-cờ-phua: Phiên âm tiếng Pháp quelquefois có nghĩa là một đôi khi.
5. Mông-tê: Phiên âm tiếng Pháp monter có nghĩa là lên. Đây có nghĩa là đổ bộ.
6. Tai hà: Tiếng Thái có nghĩa là chết rấp, chết ráo, chết toi.
7. Săng-ra-bô: Phiên âm từ Chaudra Bose tên chính khách đứng đầu chính phủ bù nhìn Ấn Độ thân Nhật những năm Đại chiến thứ 2.
8. Moa: Phiên âm tiếng Pháp moi, đại từ nhân xưng, ngôi thứ nhất số ít. Luy: phiên âm tiếng Pháp lui, đại từ nhân xưng, ngôi thứ ba số ít.
9. Cam Địa: Phiên âm mô phỏng từ Gandhi, tên một lãnh tụ giải phóng dân tộc nổi tiếng của Ấn Độ (1869 – 1948).

Đều bị tù, mệnh hệ có cơ nguy.
Nghe đồn đâu đã uống thuốc Hồng Khê, [1]
Nhưng bệnh vẫn li bì chưa thấy giảm.
Nước Diến Điện gặp cơn đen vận hãm,
Dưới chân trời thảm đạm của sa trường.
Quay về nhìn xứ sở cụ Hùng Vương
Nước mắt nhỏ đầu đường trơn nhầy nhụa.
Họ khóc bạc, khóc vàng, khóc trâu bò, gạo, lúa,
Khóc cả người vô cớ chết vì bom.
Đã thế mà nhiều bọn tưởng còn xôm.
Vẫn rối rít om sòm chăm thể dục.
Nhưng nhiều kẻ thấy tiền đồ Tổ quốc.
Đem máu tim mưu cuộc cứu non sông.
Nên Hỏa Lò và các "pờ-ri-đông" [2]
Đều chật ních những ông "pô-ly-tích" [3]
Lao Sơn La cùng chung một ách.
Đến giữa năm giải tếch mấy "công - voa" [4]
Hiện giờ còn trăm mấy chú thân Nga
Và mấy mạng quáng gà theo gót Nhật.
A! Hồi nọ có bốn xừ gan bọc sắt,
"Phút-la-căng" [5] đâu mất chẳng tìm ra.
Sứ Ga–bông lo sạm cả màu da,
Cáu tiết bắn thằng cha người Bản Cọ. [6]
Với tù hắn tấn công già bọn họ,
Chẳng được dừng, họ nổ cuộc làm reo. [7]
Sau mấy ngày nhịn đói mặt nhăn nheo

1. Hồng Khê: Tên một hiệu thuốc cao đơn hoàn tán lớn ở Hà Nội những năm 40, nổi tiếng về lừa bịp.

2. Phờ-ri-son: Phiên âm tiếng Pháp prison có nghĩa là nhà tù.

3. Pô-ly-tích: Phiên âm tiếng Pháp politique có nghĩa là chính trị – ở đây có nghĩa là tù chính trị.

4. Công-voa: Phiên âm tiếng Pháp conooi có nghĩa là đoàn tàu xe, đoàn người.

5. Phút-la-căng: Nhại âm tiếng Pháp ficherle camp có nghĩa là cút đi, chuồn đi (lối nói thân tình); Ở đây có nghĩa là vượt ngục.

6. Người địa phương Bản Cọ tên là Lò Văn Giá là người dẫn đường cho bốn tù chính trị vượt ngục nói trên.

7. Làm reo: Phiên âm mô phỏng từ grève có nghĩa là bãi công, bãi thị, bãi khóa, bãi thực, v.v...

Quyền lợi mất, bao nhiêu đòi được "tú" [1]
Nhưng năm nay vì người không đủ,
Nên tết này họ bỏ chẳng chơi chi.
Còn cỗ bàn đâu cũng lợn, bò, dê,
Ngày ba bữa no nê nằm tán quấy,
Vận hạn thần cũng đen quá cháy,
Gặp chiến tranh vải máy đắt như vàng,
Chỉ mấy vuông vải Thái mỏng như màng,
Mặc mấy tháng rách toàng khâu chằng chịt.
Quần chẳng có gặp mưa rào, gào rít,
Nỗi cơ hàn, muốn thét, sợ khản hơi.
Việc trần gian "phi-ni-tú" [2] đầu đuôi
Xét Á, Âu cũng một trời "mấm-sốt" [3]
Vậy thiên đình phải "tăng! Xương" một chút [4]
Kẻo sang năm nhiều mốt họ "lăng-xê" [5]
Các lễ nghi đều bị chúng cho về
Mong gì cốc "xăng-tê" [6] khi tết nhất.
Tất cả việc lớn lao hay nhỏ nhặt,
Thần cứ theo sự thật để "lập-bô" [7]
Cúi đầu dâng chớ "vi-vơ". [8]

MẬU CHI
Ngục Sơn La, tết 1944

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 – 1945.

---

1. Tú: Phiên âm tiếng Pháp tout có nghĩa là tất cả.
2. Phi-ni-tú: Phiên âm tiếng Pháp finirtout có nghĩa là hết tất cả
3. Mấm-sốt: Xem chú thích bài *Câu đối dán nhà bếp* (cùng tác giả).
4. Tăng-xương: Nhại âm tiếng Pháp attention có nghĩa là chú ý, coi chừng.
5. Lăng-xê: Phiên âm tiếng Pháp lancer có nghĩa là ném, tung ra.
6. Xăng-tê: Phiên âm tiếng Pháp santé có nghĩa là sức khỏe. Cốc xăng - tê có nghĩa là chạm cốc, chúc sức khỏe.
7. Lập-bô: Phiên âm tiếng Pháp rapport (Xem chú thích 1 bài này).
8. Vi-vơ: Phiên âm tiếng Pháp Vive có nghĩa là muôn năm, vạn tuế.

ĐÁP TỪ THỐNG CHẾ PÊ-TANH [1]

Xuân sang kẻ đón người thăm,
Làm tôi sực nhớ tết năm vừa rồi:
Muốn che cái mắt "bịp đời",
Nên chi Thống chế có lời gởi sang.
Chúc cho cả họ Hồng Bàng,
Từ ông quan lớn tới chàng bạch đinh.
Thảy đều ăn ở đình huỳnh,
Cùng nhau hưởng thú "thái bình âu ca". [2]
Xuân tàn, hạ tới, thu qua,
Đến nay đông hết, thế là trọn năm!
Thái bình chờ mãi mất tăm,
Tai tôi chỉ thấy ầm ầm đạn bom.
Bên người khố rách áo ôm,
"Âu ca" là tiếng om sòm khóc than.
Khóc vì chẳng bát cơm ăn,
Than vì nhà cửa tiêu tan cả rồi.
Chẳng hay duyên nợ nước tôi,
Hãy còn "truyền kiếp luân hồi" chi đây!
Cho nên trong một năm chầy,
Những lời ông chúc "đi tây" cả rồi!
Đó là hỏi thế mà chơi,
Còn như nông nỗi đã phơi sờ sờ.
Chúng tôi đâu quá ngây ngô,
Nghe lời tán tỉnh "tàu bò" "tàu bay"
Này này bảo thực cho hay:
Vì ông nên lắm chuyện rầy tôi luôn.
Ông nên cuốn gói mau "chuồn".
Để chúng tôi được rảnh hồn làm ăn.

---

1. Pê-tanh: (1856 – 1951). Thống chế Pháp, trở thành Quốc trưởng bù nhìn tay sai của phát xít Đức từ 1940 đến 1944 khi Đức chiếm đóng nước Pháp trong Đại chiến thứ hai. Tháng 8–1945 bị chính phủ Đờ-gôn kết án tử hình, sau giảm xuống tù chung thân, giam ở đảo Yơ.

2. Thái bình âu ca: Bài ca tán tụng thái bình.

Nay nhân gặp buổi đầu xuân,
Chúng tôi trân trọng mấy vần gửi sang,
Gọi là chút nghĩa cũ càng,
Khỏi mang tiếng kẻ phũ phàng vong ân
Chúc cho "Nước mẹ sang xuân,
Kẻ già người trẻ ống quần dài ra;[1]
Phi công Anh, Mỹ quáng gà,
Ném bom rơi xuống tha ma cánh đồng;
Bột mì ế, phải bán rong,
Không người nhỏ rãi dòng dòng thác oan.
Thợ thuyền vừa nhũn vừa ngoan,
Tình nguyện sang Đức đổi đoàn tù binh.
Và riêng mừng cụ "Pê-tanh"
Có sẵn "hậu sự" để dành nay mai[2]
Sang giêng ngày rộng tháng dài
Sẽ cùng họ Hít lên chơi thiên đường!
Mấy lời con cháu Hùng Vương,
Mong quan thủ hiến Đông Dương điện về:
Pháp Nam thế mới đề huề!

Nhà tù Sơn La, tết năm 1944,
đăng *"Suối reo"*

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

---

1. Thời Pê-tanh, chính phủ kêu gọi tiết kiệm vải, khuyên nên may quần ngắn hoặc không có túi.

2. Hậu sự: Việc sau khi chết, ở đây chỉ cái quan tài.

CÂU ĐỐI DÁN NHÀ BẾP

Khởi lửa cũng "cá mềm" [1] vững bền dạ sắt lòng son,
Sang năm mới có nhiều "canh cải"; [2]
Bắc Nam cùng "mắm sốt" [3] khăng khít da vàng máu đỏ,
Đón xuân rồi sẽ lắm "ninh xương" [4]

Nhà tù Sơn La, tết năm 1944,
đăng "*Suối reo*"

TIẾNG SÓNG HÁT GIANG [5]

Nước sông Hát gập ghềnh xô xát chảy,
Sóng reo lên vang dậy cả trời Nam.
Đầu sóng phơi trắng xóa nhuộm màu tang,
Tung kiếm chỉ, ghìm cương, Trưng Trắc nói:
"Trước đây sóng từng vẳng lên vời vợi,
Như căm hờn kêu gọi những hồn ai...
Là bầy dân vong quốc đã bao đời,
Vùng trỗi dậy với tim sôi vì quốc sỉ [6]
Sóng đó khiến chồng ta trang tráng sĩ,
Dưới âm cung ôm ấp nỗi hận trường.
Và đưa ta bồ liễu gội phong sương,
Dâng cao nến tâm hương thờ Tổ quốc.
Vung kiếm thép phá tan xiềng nội thuộc,
Dâng quốc dân muôn thuở được hồi sinh.

---

1. Cá mềm: Ở đây có hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất cá mềm là cá không cứng; Nghĩa thứ hai, phiên âm tiếng Pháp quand même có nghĩa là cứ mặc.

2. Canh cải: Ở đây có hai nghĩa: Canh rau cải và sửa đổi.

3. Mắm sốt: Ở đây có hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất mắm sốt là mắm nóng; Nghĩa thứ hai, phiên âm từ tiếng Pháp même chose có nghĩa là cũng thế, cũng như nhau.

4. Ninh xương: Ở đây có hai nghĩa: Nấu xương cho dừ và yên tốt. Tác giả đã giỏi chơi chữ, dùng toàn những chữ thích hợp với nhà bếp, việc nấu ăn; lại đối rất chỉnh giữa cá mềm với mắm sốt, canh cải với ninh xương, cả nghĩa tiếng Việt lẫn nghĩa tiếng Pháp.

5. Sau trận kịch chiến với quân Mã Viện, để bảo toàn danh tiết, Hai Bà Trưng đã gieo mình xuống sông Hát (Vĩnh Phúc) tự vẫn.

6. Nỗi nhục của nước.

Dựng cao cờ phấp phới cõi Mê Linh,
Ngạo nghễ đứng vươn mình phô sức mạnh.
Thời gian đó Hát Giang nằm yên tĩnh
Lững lờ trôi kiêu hãnh giữa không gian.
Nhưng giờ đây dòng Hát lại reo vang,
Kìa... Ôi cảnh nhà tan, ôi nước mất!..."
Bà đang nói thì dưới dòng sông Hát,
Sóng trào lên dào dạt nỗi đau thương.
Bên trời sau cát bụi bốc mờ đường,
Tiếng ngựa hí, tiếng đao thương – quân Mã Viện.
Sặc sát khí lũ hùm beo hăm hở tiến,
Rầm rộ đương đem đến một tàn hung.
Nỗi băn khoăn vì trìu mến non sông,
Lộ trên má đỏ hồng, Trưng Trắc gọi:
– "Em Nhị hỡi! Giờ đây em Nhị hỡi!
Chị em ta đã tới phút giây này,
Nước nhà tan, thành quách bị lung lay,
Đời chiến sĩ chỉ một, hai là sống thác.
Tính mạng chị sẽ buông theo dòng nước bạc,
Quyết thề không hàng phục trước thù nhân".
Lệ đau thương thấm đẫm áo phong trần,
Khua lưỡi kiếm kinh luân [1], Trưng Nhị đáp:
– "Chị Trắc hỡi!... con thuyền khi bão táp,
Kẻ chèo thuyền trôi giạt quản nài chi!
Trên bước đường ghềnh thác gặp gian nguy,
Em quyết không chia lìa thân thể chị.
Sóng sông Hát sẽ cùng ta muôn thế hệ,
Phổ dây đàn chiến sĩ khúc đoạn trường.
Tới khi nào cứu vãn được giang san,
Sóng ấy sẽ chìm tan trong nắng mới".
Cảnh tàn khốc bên trời thêm dữ dội,
Khói lửa tung tăm tối cả vừng dương,
Bỗng đoàn quân nghĩa sĩ của Trưng Vương
Ngao ngán giữa thê lương muôn dòng lệ.
Trong ai nấy, máu tim như ứ trệ,

1. Kinh luân: Có tài xếp đặt và tài chính trị (Kinh: Gỡ mối tơ rối. Luân: Lựa tơ kết thành con tơ).

Vọng chân trời quạnh quẽ... phía Mê Linh!
Còn Hát Giang sóng nước vẫn vô tình,
Cuồn cuộn chảy, reo quanh hồn ái quốc.
Rồi từ đó reo trong lòng dân tộc,
Một ai hoài, cảm phục tận vô biên...
Còn Hát Giang thành nhạc khúc thiêng liêng.
Khi vang động, lúc trầm yên theo lịch sử.

*

Ngày nay Hát Giang đương rống thở,
Gọi ai người Trưng nữ của đời nay?

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 – 1945.

Ngục Sơn La, 1944

LÒNG CON

Bầu trời thấp nặng nề và đen xám,
Lưới mưa giăng thảm đạm phủ không gian.
Cảnh vật đương ngái ngủ tiễn xuân tàn,
Cửa xịch mở, tâm can ùa gió hận.
Con hồi hộp giao chân lên rừng nạn,
Trĩu hồn quê trên trán nhíu trông về...
Nhìn mẹ đương chan chứa lệ chia ly,
Để tiễn biệt con đi... trời vô định...
Lệ mẹ nhỏ, lòng con se, buốt lạnh!
Nhưng mẹ ơi!...
Con – một mảnh của tình thương.
Giống nòi ta còn điêu đứng bởi cường quyền,
Ôi! Cái khối đau thương còn rộng lớn.
Biết bao tiếng thét gào vang rùng rợn,
Trong vuốt nanh hung hãn của hùm beo,
Khiến non sông khô héo cảnh đìu hiu,
"Lệ ái quốc" tưới bao nhiêu đều hút cạn.
Vậy mẹ hãy quên. Con vì bổn phận,
Nuốt ly sầu trong biển hận mênh mông,

Cùng quốc dân mong trả mối thù chung,
Lệ mẹ há thấm trong tình "Mẫu tử"
Mẹ trở lại vun trồng và nhắc nhở
Đàn em lo nghĩa vụ kẻ làm dân,
Một người dân vong quốc, tiếc gì thân,
Phải theo dõi bước chân người chiến sĩ.
Rồi những lúc âm thầm, khi vắng vẻ,
Nỗi thương con xâu xé tới tâm can,
Mẹ bảo em dẫn mẹ tới chiến tràng,
Nhìn dấu hiệu Sao vàng – cờ Cứu quốc.
Đó, hình ảnh những con yêu dân tộc,
Đương chen nhau băng buộc vết thương đau,
Của muôn vàn bà mẹ tận đâu đâu...
Cùng chung một khối sầu, con cách mẹ.
Thương con, mẹ nhớ lời con cặn kẽ,
Để con đi... bước nhẹ với chông gai;
Dù lênh đênh nơi góc biển chân trời,
Con cũng vẫn mỉm cười trong bão táp.
Vì đã có một tình thương man mác,
Nó vỗ về và ủ ấp trái tim con.
Hẹn rồi đây sau cánh khải hoàn môn[1]
Mẹ đến đó tìm con... tìm lẽ sống...
Mẹ ngừng lệ..., con đi..., và hy vọng!

Nhà tù Côn Đảo cuối xuân năm 1945

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

1. Khải hoàn môn: Khải hoàn là chiến thắng trở về, môn là cái cửa. Ngày xưa, ở phương Tây, khi chiến thắng trở về thường xây cái cửa lớn để ghi lại công tích. Cửa đó gọi là khải hoàn môn.

ĐẶNG CHÂU TUỆ
(1907 - 1987)

Quê ở làng Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Hoạt động cách mạng từ năm 1925. Vào Đảng Cộng sản năm 1930. Từ năm 1930 đến năm 1936, địch bắt giam ở các nhà tù Nam Định, Hỏa Lò, Côn Đảo. Những năm 1940 – 1945, hoạt động ở Thanh Hóa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Thanh Hóa.

Trước khi nghỉ hưu, công tác ở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ở TÙ

Ông đánh ông thua mới ở tù,
Đứa thì chê dại, kẻ cười ngu?
Tài ba sao chẳng bình thiên hạ?
Nghĩa khí mà quên hận quốc thù.
Đây yếu, đây hèn, đây đánh giặc
Đấy tài, đấy giỏi, đấy nâng cu!
Mở cha không đấp còn bươi khoét,
Há miệng rông dài điếc lỗ khu.

Xà lim Thanh Hóa 1942

Thơ ca Cách mạng Thanh Hóa.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa xuất bản, 1975.

Ở CẨM BÀO

Đẹp ơi là đẹp! Cẩm Bào, [1]
Thiết tha cách mệnh, dạt dào yêu thương.
Đội quân Ngọc Trạo lỡ đường,
Cả làng che chở, cả làng giấu Tây.

*

Nghẹn ngào trong lúc chia tay,
Sao vàng cờ đỏ là ngày đoàn viên.

1–1942

Thơ ca Cách mạng Thanh Hóa.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa xuất bản, 1975.

CƯỚP SÚNG CÔNG ĐẦU

... Với tài cướp súng của Oanh [2]
Chúng ta phải tặng là anh hùng rồi.
Hỡi quân du kích ta ơi,
Học gan cướp súng, học tài dùng gươm.

Tháng 1 – 1942

TỰ ĐẮC

Nực cười! Ba bốn cái chung thân, [3]
Xuân đến như mình mới tuyệt xuân.
Bành Tổ nghe danh đành vỗ trán, [4]
Nam Tào cất bút lại chùn gân. [5]

---

1. Cẩm Bào: Thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Sau cuộc chiến đấu ở chiến khu Ngọc Trạo, du kích rút về Cẩm Bào được nhân dân che chở.
2. Oanh: Tên một chiến sĩ du kích ở Ngọc Trạo, đã dũng cảm cướp súng địch trong một trận chiến đấu.
3. Ba bốn cái án tù chung thân.
4. Bành Tổ: Theo người xưa ông Bành Tổ sống hơn 800 năm.
5. Nam Tào: Theo quan niệm ngày xưa, tên ông quan giúp Ngọc Hoàng trông coi việc sống chết.

Phải chăng Đại Thánh đùa nhân thế, [1]
Hay chính Như Lai giáng cõi trần [2]
Vạn thọ [3] vô cương du kích Vện [4]
Chúa là con đẻ của nhân dân.

Tiếng hát trong tù, tập 2.
NXB Thanh Niên, 1974.

Lao Thanh Hóa, đầu năm 1942

NHỚ NHÀ

Vò võ phương trời đã mấy năm,
Trông vời con mắt những đăm đăm.
Ba sinh giấc mộng mơ hồn bướm, [5]
Chín chữ tơ vương rối ruột tằm [6]
Mải miết cuộc cờ khuôn nhập thế,
Vô tình mái tóc đã hoa râm.
Nỗi lòng như ngọn triều man mác,
Gầm thét ngày đêm bổng lại trầm.

Thơ ca Cách mạng Thanh Hóa.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa xuất bản, 1975, tr. 113.

1943

---

1. Đại Thánh: Bậc thánh nhân hơn hết trong quần thánh. Tôn hiệu của Khổng Tử.
2. Như Lai: Từ dùng chỉ đức Phật.
3. Vạn thọ vô cương: Sống lâu mãi mãi.
4. Vện: Bí danh của tác giả bằng tiếng Mường.
5. Ba sinh: Chữ Hán là tam sinh tức là ba kiếp chuyển sinh: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Câu này ý nói cuộc sống như một giấc mộng.
6. Chín chữ: Chữ dùng trong *Kinh Thi* chỉ cái ơn đức của cha mẹ cao như trời, sâu như biển.

NĂM MỚI

Thêm năm thêm tuổi nặng thêm đầu!
Chí nguyện bình sinh chửa đến đâu.
Thất bại gan còn trơ sắc tím,
Phong trần má đã xạm màu nâu.
Bút nghiên chưa luyện hồn Lê Mác,
Sự nghiệp mà thua chí Võ hầu. [1]
Ôi hỡi Đông quân vì thế cục. [2]
Vì ta ngăn lại bóng ngàn dâu.

Thơ ca Cách mạng Thanh Hóa.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng và
Ty Văn hóa xuất bản, 1975.

1943

---

1. Võ hầu: Tức Gia Cát Lượng, người đời Tam Quốc, làm Thừa tướng nhà Thục Hán, tự là Khổng Minh.

2. Đông quân: Chúa xuân, thần mùa xuân, thần thái dương. Thế cục: Tình thế trong cuộc.

TRẦN MINH TƯỚC
(1913 - ?)

Tên thật là Trần Văn Tước, quê ở làng Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tham gia cách mạng từ thời kỳ vận động dân chủ, 1936. Viết báo *Mới*, cơ quan của Đoàn thanh niên dân chủ Nam Kỳ năm 1939. Tháng 8–1939, bị địch bắt giam ở Khám Lớn, Sài Gòn. Tháng 2–1940, nhà cầm quyền giải ông ra Hà Nội, ông trốn vào hoạt động bí mật và bị bắt lại, mang án tù đi Sơn La 3 năm. Năm 1943 ra tù, hoạt động bí mật. Tháng 8–1945, tham gia lãnh đạo giành chính quyền ở Lạng Sơn và làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lạng Sơn. Sau khi miền Bắc giải phóng, 1954, Trần Minh Tước làm Giám đốc Sở báo chí Trung ương, viết bài đăng trên nhiều báo với nhiều thể loại. Miền Nam giải phóng, ông vào Sài Gòn, tiếp tục viết báo, kịch bản sân khấu cho đài phát thanh Thành phố Hồ Chí Minh và một số tác phẩm văn nghệ đã được xuất bản.

Ông có bút danh: Minh Tước, Xích Điểu, Thương Biền, M.T.K.m.T.

TẾT TRONG NHÀ TÙ SƠN LA

Tết nào bì kịp tết Sơn La?
Cảnh ngục mà xuân vẫn nở hoa.
Ba bản kịch tình, chim Tước hót [1]
Một màn vua bếp, kép Long ca [2]
Chè lam Kinh Bắc, ngô thay lạc,
Cỗ nấu thành Nam, sắc giả gà.
Quốc tế ca vang hùng khí dậy
Hẹn ngày phá hết xích xiềng ra...

Thơ ca Cách mạng 1930 – 1945. Tết 1940
NXB Văn học, 1980.

---

1. Ba vở kịch do tác giả tự biên, tự diễn.

2. Một màn chèo "Ông Táo chầu trời" do đồng chí Trần Đình Long (nay đã mất) sắm vai chính.

NHỮNG GIẤC MƠ TRONG NGỤC

Mộng đẹp chưa nguôi, bỗng tỉnh giấc,
Hồn còn ngan ngát một mùi hương.
Bỗng đâu gió tối lùa song sắt
Rờn rợn đêm sâu bóng ngục đường!

Chua chát hồn chìm trong thực tại
Nghe đêm u uất kể đau thương
Qua hơi thở ấm, hơi đồng chí,
Trong gió âm u gõ bức tường.

Đó đây, nghiêng ngửa trên sàn lạnh
Bạn ngủ âm thầm như tử thi,
Bóng tối bâng khuâng trùm mọi chỗ
Ru cho đồng chí giấc mơ gì?

Có giấc mơ êm đầy nắng ấm
Đầy lời chim hót buổi hoa niên,
Bên làn môi thắm trao ân ái,
Men rượu say nồng bén mối duyên.

Nhưng làn mơ ấy trôi mau quá,
Thảng thốt môi rung chửa tắt cười,
Bỗng đến hừng lên muôn sắc đỏ,
Một triều mơ khác giục như sôi...

Đất dậy hò reo sóng biểu tình,
Sóng trào muôn ý, bủa muôn tim.
Những đoàn chiến sĩ tôi gang thép,
Máu vọt, xương kêu dưới khổ hình.

Mơ nữa... nhưng mơ đã dở dang,
Vì luồng gió lạnh chợt đưa ngang
Lay hồn rũ vội mơ xương máu,
Thực tại trông ra lại phũ phàng...

... Tiếng mõ lầu canh rơi trong đêm
Đếm bao thời khắc lặng trôi chìm,
Tỉa bao ngày sống rơi theo đó
Những cánh hoa hồng của trái tim!

– Đứng lên! Hồn rét nơi u ngục,
Đuổi mộng thê lương, hãy ngạo cười,
Và giữa thâm u trùm trí não
Hãy tung cờ máu rực màu tươi...

Có tiếng kèn vang đuổi bóng đêm,
Tiếng quai tay búa, khoát tay liềm,
Ánh vầng dương đỏ xuyên rào thép,
Thôi sáng hung rồi; Đứng cả lên!

Ngục Sơn La 1940

Thơ văn Cách mạng 1930 – 1945.
NXB Văn học, 1980.

THANH ĐÀM

(?)

KHÔNG ĐỀ

Ôi! Tình nghĩa riêng chung tràn thương nhớ,
Muốn phá tung nát vụn bốn tường lao,
Máu thanh xuân không ngớt chuyển dạt dào,
Nuôi lý tưởng đời trai đầy kiêu vọng!

Nhà tù Thanh Hóa tháng 12–1941

Nhớ.
Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1970.

ĐẾN NHÀ TÙ

Gửi tên Đội Khuê

Vừa đến nhà tù, bị tát ngay,
Bị nghe "quan Đội" chưởi tau, mày?
Mắt nhoèn, miệng nhoẹt, thân tùn ngũn,
"Quan An Nam"... quan sủa "bồi Tây"?

Nhà tù Thanh Hóa tháng 12–1941
(Sách đã dẫn)

NHẮN VỚI NỢ DUYÊN

Ra đi, bạc có một đồng,
Ăn mấy tháng dòng, bạc vẫn còn nguyên.
Bạc còn nguyên lắm Duyên nhiều Nợ,
Lắm Nợ – Duyên phải trải cho tròn,
Duyên bằng hữu, Nợ nước non,
Chiến khu về luyện kiếm côn miệt mài...

Nay bó hận đời trai! Bạc hỡi?
Bạc vì ta cùng lỗi với người
Giờ đây mỗi đưa một nơi
Ta tù, bạc cũng vào ngồi sổ đen?
Thôi đành nhắn với Nợ – Duyên
Duyên vàng Nợ bạc gửi niềm thủy chung.

Nhà tù Thanh Hóa. Tháng 12–1941
(Sách đã dẫn)

TÊN ANH LÀ NGỌN LỬA

Kính tặng hương hồn anh Phạm Văn Hinh,
hy sinh 19 – 10 – 1941 tại chiến khu Ngọc Trạo.

Sáng thu ấy thất cơ đành ôm hận,
Mắc mưu thù sa lưới địch bổ vây,
Tôi nghiến răng trước những đòn thịt nát,
Còn... Hinh ơi. Anh đã ngã trong rừng cây!

Khi anh biết thân hình không thể sống,
Lời trối trăng như đường kiếm bổ đôi...
"Hãy mau thoát và bảo toàn lực lượng"
"Anh em ơi... Mau kết liễu đời tôi!"

Hăm bốn tuổi, đời anh dâng đất nước,
Vinh quang, nhưng đau đớn quá anh ơi!
Giặc quật xác anh ba lần nhận mặt,
Chúng thù anh: Người cách mạng trọn đời.

Tôi nhớ lúc chung đường anh mở lối
Ta song song cùng dội tiếng chân ca,
Vui sôi nổi đạp cành sương bóng tối
Đón vừng hồng hé rạng ngọn đồi xa.

Và những buổi trên đỉnh ngàn cao ngất,
Dừng chân say, mắt chụp lấy Non Xanh.

Anh khẽ nói: Nghe hương rừng phảng phất
Tiếng ngàn xưa Tổ quốc gọi hy sinh.

Và những cảnh cụng đầu trong lá kín,
Anh trao lời nóng bỏng như than hồng...
Đường cách mạng ta coi thường nguy hiểm,
Chia tay nhau mà vui ấp đôi lòng.

Bạn Hinh ơi: Từ đây không còn nữa,
Vẫn tưởng anh bay nhảy khắp phương trời?
Ở trong tôi, tên anh là ngọn lửa,
Nấu sôi thù không một phút nào ngơi.

Ngày thoát ngục, nơi rừng xưa, tôi quyết
Gạt Non Xanh tìm vết máu anh rơi
Để tận dốc ý đời người bạn thiết.
Luyện ngời thêm tính chiến đấu tương lai.

Tháng 1 – 1942
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

NẮM XÔI TẾT

Lưỡi đã đầy năm sầu phận bạc,
Xôi vào khắp mặt tưởng reo duyên.
Diêm la: Xuân thoắt trào âm nhạc,
Động mí, đây lu khúc quan huyền!

Xuân 1942
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

MONG MỘT XUÂN VỀ

Ai nức xuân về, ta chẳng đoái?
Lòng ta vẫn thiếu một mùa xuân.
Trong đây, ngoài ấy, thời gian ấy.
Hai kiếp, chung ôm một giận hờn.

Mong một xuân về, xuân rực nắng,
Đốt thiêu tàn bạo khắp nơi nơi,
Đói nghèo tay chặt tay no ấm,
Ca hát bên nhau dựng cuộc đời.

Xuân 1943
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

THĂM HỎI CHI THÊM NHỤC BƯỚC ĐỜI

Cơm đùm cơm nắm mấy ngày đường,
Tưởng được gặp nhau đỡ nhớ thương,
Thân sách còn ghê con mắt ngục,
Lời roi đã đuổi hỏi nhà vuông.

Nước mắt em trào chưa kịp thấm,
Gặp anh chưa đủ chớp hình dong!
Trông em đành khuất ngoài song sắt,
Lại với hàng mi lệ chảy dòng!

Hãy nhớ, em ơi! Nơi ngục thất,
Đời anh vẫn rực lửa tương lai,
Tình em vẫn cháy trong tim sắt,
Vẫn giữ nhớ thương trong sáng hoài.

Thương tình thương cảnh em lẻ loi,
Thăm hỏi chi thêm nhục bước đời?
Thôi nhé, đời vui là Cách mạng.
Nhớ thương, tay phải xóa tanh hôi.

Nhà tù Thanh Hóa, tháng 2-1942
(Sách đã dẫn)

ĐỜI NGỤC THẤT

Đời ngục thất trải ngục tro tàn rụi,
Tay cơ hàn ngẫm vẽ nét phôi pha
Chuỗi ngày dài ảm đạm dắt nhau qua,
Năm tháng đục hơn hố bùn trâu đẫm!
Mắt sáng quắc mà vương tường giam cấm,
Một khung trời chật hẹp lờ đờ mây;
Nhìn cảnh đời trên mấy đỉnh chòm cây
Xanh rũ rượi... trời đây riêng một khoảng.
Ngực tấm tức bên mùi hôi cống rãnh
Lợm, nồng, gây... sặc sụa bã lao tù,
Không gian khó, u uất bụi mịt mờ,
Thời gian vắng bóng hương lành hoa nở!
Ngày bề bộn ồn ào đông buổi chợ,
Đêm chì chổi ú ớ mộng cuồng điên,
Tai thanh xuân mà chất nặng ưu phiền,
Lắng gạn lấy niềm vui trong ngột ngạt?
Miệng trinh bạch, tháng, năm tù thèm khát
Những bữa cơm thân mật tình đời!
Miếng ngon ư? Đây rau cuộng, mắm ôi,
Ngụm nước lã, đó nghìn phương thuốc bệnh!
Rét đông nhức thân chìm trong buốt lạnh,
Sàn lim tê, không chiếu chống sương lùa,
Nắng hè om, không một mảnh quạt mo,
Chia từng bát nước đục mùi hôi thối.
Sáng qua trưa, trưa qua chiều, chiều rồi qua tối.
Lắng thời gian lê chuyển giây từng giây.
Những chân đời từng dạo gót đó đây,
Bước thù hận lượn viền sân tù túng;
Những cánh khỏe thời trai căng sức sống,
Nhức căm hờn ôm cuộc sống ì trơ,
Quyết giữ cho Trong Sáng chẳng lu mờ,
Thu Chí khí phủ thêm men dầy dạn
Lòng kiên định biết chi lời ta thán,
Gọi Tương lai bất chấp cả pha phôi,

Tim tự hào nhịp máu vẫn hồng tươi,
Có dũng khí xua tan giờ trống rỗng.

Bạn tù ơi! Có phải đời ta vui vì biết sống?
Giàu hy sinh nên nghị lực đủ đầy!
Dòng thông minh không ngưng trệ phút giây.
Nuôi nhựa mạnh trong ngày đông tàn rụi,
Bình minh lại sau đêm dài tăm tối,
Chim sẽ ca reo ánh sáng tưng bừng.
Đường vui Cách mạng lại bùng,
Mầm non lại trổ, chân hùng ta lại đi!

Mùa thu 1942
(Sách đã dẫn)

TÌNH TRONG SÁNG

Lời hò hẹn buổi biệt ly sao tha thiết,
Sao dịu êm ấm cúng trong lành:
"Niềm thủy chung em quyết đợi chờ anh"
Sao chua xót mỗi lần anh nhớ lại?
Tình trong sáng mà lòng sao ái ngại,
Phải duyên tình trắc trở từ đây?
Quãng ngày tù có hết hạn một mai...
Nhưng nhiệm vụ có bao giờ hết hạn.
Đời tăm tối còn đói nghèo ánh sáng,
Nhục vong nô còn đó rửa chưa xong;
Vong quốc nô, nhục đó rửa chưa xong
Và Bạo cường chưa xuống huyệt lâm chung,
Thì dân tộc còn quại quằn trong máu,
Đường kêu gọi người người đi chiến đấu.
Thì em ơi, ly biệt với tù đày
Với chúng anh như cơm bữa hàng ngày
Cảnh sum họp? Thương em hoài mơ ước?
Tim anh đó: Tình em, hồn đất nước
Quyện vào nhau xáo động những đêm trường.
Em ơi! Anh không muốn nhục hèn ươn.
Lết cuộc sống qua những ngày sầu khổ.

Em hãy xóa nơi phòng khuya nức nở,
Hay bẽ bàng trên đồng nội ban sương,
Hay rưng rưng đường về xóm tà dương
Hay ngơ ngẩn trông trăng ngàn gió lả...
Hãy nhìn lại xóm làng quê đó.
Ai gây nên cảnh xơ xác tiêu điều?
Đồng ruộng mênh mông, bát ngát, phì nhiêu...
Nhưng ai hưởng? Và mồ hôi ai đổ?...
Hãy góp sức quyết đập tan đau khổ,
Hay cam tâm cúi nhục van xin?
Ngẩng đầu lên, hãy mạnh bước đi em,
Tìm chân lý dưới lá cờ của Đảng.
Tìm hạnh phúc trên đường đi cách mạng
Đường của toàn dân, đường của chúng ta.
Anh nhớ em, nhớ mãi buổi dặn dò!
"Ta gắn chặt tình yêu vào lý tưởng".
Như thế đó, tình ta càng trong sáng,
Dù cách nhau, đời ta vẫn chung nhau.

Mùa đông, 1942
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

NHỚ

Ta đâu phải con người ở bạc
Với tình duyên
Với thân ái
Với gia đình!
Biết làm sao? Cách mạng có hy sinh?
Nên tóc đã xe tơ cùng sương gió,
Lời gắn bó cuộc đời... ta vẫn nhớ,
Vẫn vang lên trong U tịch não nùng!...

Ôi! Đêm nay: Trong đáy thẳm mịt mùng,
Hiện dồn dập những ảnh hình quá khứ?
Ta muốn cánh bay về trao thương nhớ:
Nơi chiến khu, nơi tình nghĩa, nơi thân quen...
Nhớ ngày đêm bên gác vắng kín rèm

Thủ thỉ cùng nhau tình ta, thế giặc;
Nhớ sim tím, nhớ ổi vàng... đẹp lòng vượt dốc;
Nhớ cỏ gai, lá sắc thử đường chân;
Nhớ vừng dương hửng sáng những đồi gần,
Rồi gió nổi,
Rồi mây hồng,
Rồi chim reo... chờ đợi...
Nhớ đường kiếm múa tròn,
Nhớ đà đao tấp tới,
Nhớ "tản khai", "lập chính", "một, hai"... [1]
Nhớ những mẹ thương hé cửa đợi... canh dài!
Những trẻ thơ ngóng chờ bên lu sắn;
Ta nhớ cả mối tình đầu trong sáng,
Hẳn giờ này cũng đang nhắc duyên đau!
Ôi! Ta nhớ non, nhớ nước, nhớ đồng bào...
Đêm càng khuya, nghe U trầm càng thẳm!
Ta nghiến chặt răng, cho hờn căm hãy lắng!
Sao nhớ thương cứ chiếm mãi lòng ta?
Ừ! Trong đây tình bạn dậy hương hoa
Tình chí thiết,
Tình mặn nồng,
Tình chiến đấu!
Sao thương nhớ vẫn dồn về trong tim máu.
Rung nhịp đời xuân sắc, tự do...
Hỏi bao giờ Ánh lửa đốt Trầm u?
Ngoài đời ơi! Tôi nghe đây... gần lắm!
Bạn tù ơi, Bàn tay đâu? Chặt nắm!

Nhà tù Thanh Hóa.
Tháng 12-1942
(Sách đã dẫn)

1. Những động tác tập quân sự : Sinh hoạt tự vệ chiến khu Ngọc Trạo bấy giờ. Tản khai là giải tán, lập chính là đứng nghiêm.

KHIÊNG ĐẤT

Tiếng roi quát tháo bên tai,
Xỏ đòn cùng bạn ghé vai vội vàng.
Lòng veo dạc bước theo hàng,
Đất đầy, cơm sét, hận đường còn xa.

Xuân 1943
Tại nhà tù Thanh Hóa

CHIỀU HÈ

Chiều nay mây vẫn u giời,
Căm hờn trĩu nặng tìm người tù nhân.
Chân tù bước nặng quanh sân,
Cửa đen song sắt nóng ran bốn bề.
Mồ hôi thánh thót bên hè,
Nhớ sao gáo nước dòng quê dịu dàng.
Mấy con chim én lơ làng,
Lênh đênh đôi cánh mơ màng tìm hương.
Bạn lòng ngang dọc các phương,
Sống trong oi bức, mở đường được chưa?
Cây im rủ lá bụi mờ,
Cây ơi, nắng lắm rồi mưa đó mà!
Một mai cây lại nở hoa,
Cùng ta vang hát bài ca "Đại đồng".

Mùa hè 1943
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

TRONG TRẮNG

Kính dâng bà yêu quý

Cháu hiểu lắm! Bà ơi, muôn thức quý
Ở trần gian khôn sánh nổi tình thương
Của tim già cằn cỗi bà yêu đương
Hầu tê rạn bởi trăm niềm góa bụa
Duyên bạc bẽo dìm đời trong lệ úa,
Chiếc tang chồng quấn nặng tuổi đầu thu,
Thừa cô đơn, đời như chết ước mơ,
Gắn trong trắng với năm dài tăm tối...
Mong gửi chút hồn già thân yếu đuối
Trên đầu xanh cháu muộn mồ côi,
Quãng đời tàn mong hưởng chút dư vui,
Nhưng cháu đã tội tù, luân lạc.
Mà bà hỡi! Nơi lao tù hà khắc
Đầu lâm ly cháu gội mãi tình thương.
Của tim già cằn cỗi bà yêu đương
Hầu tê rạn bởi trăm niềm góa bụa.
Bà hãy cười lên cho tiêu lệ úa,
Cho hồng tươi nước da tuổi võ vàng,
Suối thương kia, nước đó rửa đoạn trường.
Đợi đón lấy một ngày mai tươi sáng.
Sống đâu phải nằm lì trông ngày tháng,
Trôi êm mơ theo những thú ngây tình
Rọ gia đình sao nỡ nhốt ngày xanh,
Hồn tươi trẻ chịu sao lồng "ủy mị".
Nỗi ly tán là tất nhiên bà nhỉ?
Sum họp sau khi cuồng bạo ngập trời!
Tóc cháu đây có nhuốm bụi phương trời!
Đường tranh đấu chân càng thêm sắt đá.
Nhìn làng xóm điêu tàn quê ta đó,
Nhìn nước non rên xiết dưới chân thù,
Thì bà ơi! Dứt sạch những sầu u,
Hãy vui thấy đường cháu đi đúng hướng,

Đường gian khổ nhưng đường đầy tin tưởng,
Bà vui nhiều, tóc bạc trở hoa râm.
Tiếng bà cười vọng cảm đầy can tâm,
Nơi lạnh lẽo cháu tưởng gần lửa ấm,
Nay cháu sống căm hờn nơi giam cấm,
Nét phôi pha luôn dọa giễu đời xuân,
Ừ, cho phôi pha ác độc gấp trăm lần,
Tàn sao nổi những hồn trai anh khiết.
Đang sống với những tinh thần bất diệt
Lòng đầy tin đời sẽ đổi đời,
Một ngày gần hoa lá lại xanh tươi,
Mặt trời dậy, tối tăm chào ánh sáng.
Là khi ấy vang bài ca cách mạng,
Bà cháu ta dắt díu giữa muôn người
Cùng muôn chân tiến dưới cờ hồng tươi.
Tình bà cháu đẹp sao! Bà hỡi,
Có nhen lửa trong bóng đời tăm tối.
Mới bùng lên được ánh sáng tưng bừng.
Và nơi đây, cháu quyết giữ tấm lòng
Trong trắng, bà dành cho từ nhỏ.

Mùa đông 1943
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

TA LẠI CẦM TAY

Tặng H. và L. Thạch Thành

Tôi vui chút với anh: Tù mãn hạn,
Mà bâng khuâng ngang chuyển ở lòng tôi.
Anh ra về để trở lại cuộc đời?
Đây bớt tiếng căm hờn chung mối hận.
Tình nghĩa ngại ngần xa cách bạn,
Trong niềm riêng có thiếu một lòng chung.
Tưởng chân anh thoăn thoắt bước tưng bừng,
Ngoài cửa sắt buông lòng theo nắng mới,
Tim vỗ nhịp tiếng non sông kêu gọi,
Cánh chim xưa thoát ách lại về rừng...
Mà lòng tôi nhớ muôn sắc muôn hương,

Tình nhớ nghĩa, chân nhớ đường cách mạng.
Tôi thầm chúc thuyền anh trong gió sóng
Có dãi dầu, có phiêu bạt, âu lo...
Vẫn vững tay chèo đúng hướng bến bờ.
Đợi tôi với khi đêm tàn ngày rạng,
Ta lại cầm tay vang bài ca chiến thắng.

Mùa đông 1943
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

LỜI TỪ BIỆT

Tiễn L. ở Hà Trung
tháng 10–1943, ra tù

Mà bạn nhỉ? Chỉ một lời từ biệt.
Một bắt tay ta đủ hiểu lòng nhau,
Dài lời chi cho vẩn tình thanh khiết,
Ý thanh niên nào phải nói nhiều đâu.

Lứa chúng ta tuổi đôi mươi, mười tám,
Kìa xuân xuân... cả một cõi trời xuân!
Tôi vẫn hận, bên hè tôi lặng ngắm,
Bạn ra tù, cũng vẫn cảnh trầm luân!

Đời vẫn thế: Vẫn xích xiềng đế quốc,
Vẫn đau thương cảnh nước mất nhà tan!
Yên sao được, bạn ơi, thù tan tác...
Khi đời chưa quét sạch lũ sài lang.

Trường ngục thất luyện tôi người cách mạng.
Cơm lao tù dày dạn tuổi thơ ngây.
Tôi mong chờ một buổi sáng gần đây
Vang tiếng bạn trên đường đi lý tưởng.

Mùa đông 1943
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

TÌNH MẸ

Tặng T.

Miếng chăn không sức cấm sương đêm,
Mảnh chiếu ngừa sao lạnh thớ lim!
Ê ẩm thân gầy trong giá buốt,
U trầm gieo nặng ngấn con tim.

Ui chao! Tình mẹ chiếm tim con,
Tưởng giọng ru xưa thúc gọi hồn
Về với lửa hồng quê em gọi,
Mẹ hiền anh mến chốn cô thôn.

Con biết, mẹ ơi nỗi nhớ con,
Tim già, tê rạn, sức hao mòn.
Từng đêm giọt lệ thầm hoen gối,
Từng phút lòng đau: Mái tóc non.

Nhưng làm sao được, hỡi mẹ thương?
Cách mạng sục sôi giục bước đường,
Trách chi đời trẻ đầy hăng hái
Biệt mẹ, đi vào cảnh gió sương.

Mẹ hãy cùng con lắng giọng đời
Đắm chìm nô lệ, máu xương rơi!
Chờ đâu hạnh phúc êm vui lại
Đương gọi chung tay đúc nụ cười.

Ngày nay dẫu vướng xiềng giam cấm
Đói lạnh không mờ chí thanh cao.
Đông hết, xuân về bừng nắng ấm,
Mẹ ơi, vui chút với con nào!

Tháng 12–1943
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

TUYỆT THỰC

Đời trai chí khí giày vò,
Đấu tranh tuyệt thực vì no căm hờn.
Nỗi thù đau nhức tâm hồn,
Thân gầy khổ dịch, nắm cơm lửng lòng.
Tháng ngày: Nguyền rủa chất chồng,
Làn roi, báng súng oằn lưng thân tù...

Gớm ghê bộ mặt côn đồ,
Xếp lao dơ vuốt, đốc tờ nhe nanh.
Sân tù gắt ngậu giày đinh,
Cửa đen rít giọng, cơm lành đưa vô.
Đội, cai, mật thám thụt thò,
Lời khuyên cùng với "cặc bò" cầm tay...

Giám binh, án sát... tụi bay,
Mưu gian định bịp lũ này được đâu?
Tin truyền khắp các trường lao
Đấu tranh đến thắng, há nào chịu thua.
Bảy ngày hết chước thò lò,
Mặt mo phải tới, phải đưa lợi quyền.
Đời tù một bước đi lên,
Ngoài tù cũng gởi vô niềm tin yêu...
Bạn tù ơi, chớ bỏ neo,
Thuyền lòng ta hãy lái chèo vững hơn.
Đấu tranh nào chỉ miếng cơm,
Tương lai tiếng gọi, nước non đợi chờ!

Nhà tù Thanh Hóa 1943
(Sách đã dẫn)

NẮNG MỚI

Đã lâu trời ẩm thấm mưa đông!
Gặp buổi ngày xanh bật nắng hồng
Mái ngục bay hơi vờn ánh sáng,
Đàn ri vui nắng rỉa chân lông.

Cửa ngục ác chi? Nay chậm mở
Giờ ra, nắng hỡi, chớ đi mau!
Ngẩng nhìn nắng rực bừng khung sổ,
Những muốn vung lên phá cảnh tù.

Đánh trần đón vội nắng kim cương
Mấy chuyện tâm giao, mấy đoạn trường!
Nhịp sống chảy tràn trong nắng mới,
Bên lòng đôi phút nhẹ thê lương.

Giờ hết! Ta chào... nắng mới ơi?
Ngán ngủi, duyên chưa đủ ấm người.
Cửa sắt, tường sâu, sàn lim buốt
Chân thu, ngồi giữ lấy nguồn vui.

Lập xuân 1944
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

THU VÀO

Nghe thu rón bước êm êm
Bốn tường thu lặng mấy chiều tương tư.
Nhìn lên mây trắng gợn mờ,
Trời cao cao vút mầu lơ thanh nhàn.
Đàn chuồn muôn sắc nhịp nhàng
Xuống lên giỡn ánh mơ vàng bình minh.
Gió ra nghe ngọt giọng tình,
Tình thu đâu rót muôn bình hồ dư.
Xa xa ngọn khói lửng lơ,
Mấy con chim nhỏ đứng chờ, rỉa lông.

Thu vào ai đó mơ mòng,
Buồn thu riu ríu cho lòng chơi vơi...
Tù đây như tách cảnh đời,
Cảm thu ta ghép mấy lời gửi thu.
Phổ vào với giọng gió ru
Rằng đây chẳng có bao giờ hết vui:
Thu tin mùa sắp chín rồi?
Gió thu rụng lá bao đời xuân sang.
Thu đi đổ hết lá vàng,
Xuân sang, cây lại rộn ràng bướm ong.
Thu vào ta cũng mơ mòng,
Những mơ xuân ấp hương nồng trong thu...

Đầu xuân 1944
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

NHẮN BẠN THƠ

Gửi Lê V.

Đã ba năm sống cảnh tù,
Nhớ nhung kết bạn, thâm u giao tình.
Cơ hàn đậm nước da xanh,
Căm hờn in trán thông minh nặng vòng.
Nhớ Vương Duy khát nắng hồng,
Tưởng Chung Kỳ vắng bên lòng nhạc ca.
Dòng thơ lựa bạn Đông Pha,
Tình riêng hỏi ả Nguyệt Nga cống Hồ!
Nghe! Vào có một khách thơ,
Cách nhau muôn dặm: Một bờ tường cao.
Tình đời, thơ muốn đổi trao,
Ý đời, thơ muốn gói vào lòng nhau.
Có đi chung một nhịp cầu?
Nhớ câu thơ hẹn buổi đầu gặp đây.
Chập chờn mấy cánh chuồn bay,
Trong đây ngoài đấy hẹn ngày được chăng?

Thu 1944
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

NÀNG TRĂNG

Nàng trăng đẹp khoác xiêm vàng kiều diễm,
Buông cánh tơ tỏa chiếm cả đêm huyền.
Và dịu dàng, nàng gọi gió trao duyên
Đem thi tứ rắc trong bầu thanh tú...
Nàng không biết:
Trăng ơi! Sầu hận ứ
Trong lòng ta hằng tím ruột bầm gan,
Cảnh tù đầy căm uất đã ba năm
Những mơ vướng ánh tơ trăng buông lọng;
Và thèm hít hơi trăng trong gió lộng?
Và làn da muốn tắm nước duyên trăng.
Đã lâu rồi tai vắng điệu ngân vang
Trăng cất giọng tiên thần trong mát mẻ
Mắt không thấy ly chân trăng nhè nhẹ
Ru thinh không êm ả hiện về đây...
Ta muốn cùng trăng ân ái suốt đêm nay!
Nàng Trăng hỡi! Nàng Trăng hỡi!
Hãy dừng chân, nàng ơi, sao bước vội?
Để qua song ta ngắm nữa duyên tròn,
Cho lòng ta thêm tươi rói vàng son
Giữa ngục thất không ủ màu khô héo.
Hãy dừng chân, cho thơ ra trong trẻo
Viết dâng nàng. Ôi ta khát thiên nhiên.
Ta nhớ người, nhớ cảnh, nhớ muôn duyên
Nhớ dao súng khi chiến khu thân mến,
Nhớ ruộng lúa thân tình, nhớ hàng tre quyến luyến
Có trăng theo quấn quít với đời trai;
Mà nơi đây dư quạnh quẽ, thiếu đất trời
Trăng cao ngất đứng trừng trừng hắc ám.
Nàng trăng hỡi, có sức gì ngăn cấm
Được lòng ta tràn ngập ánh trăng tơ
Được tình ta trong sáng mãi hồn thơ.

Tháng 8 – 1944
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

TRỜI RÉT

Gió lạnh giục người phò áo tím.
Đượm nồng duyên mới tối tân hôn.
Đề lao: Căm nỗi buồn im lịm,
Lạnh lẽo thân gầy với áo đơn.

*
* *

Trở rét, trở về bao nỗi nhớ:
Nhớ đời đói lạnh, cảnh cô đơn.
Tìm đâu lửa ấm vờn thân ái!
Ôm chặt vai nhau lúc gió luồn!

*
* *

Đông ơi, đông hãy bước vội mau.
Xuân ơi, kíp lại đốt u sầu!
Cho đời rạo rực xuân cách mạng,
Trời hửng, ta cùng bước tự do.

Cuối thu 1944.
Tại nhà tù Thanh Hóa
(Sách đã dẫn)

CHUNG MỘT CON THUYỀN

Tặng bạn P.Q.H. ra tù 19 - 12 - 1944

Quen nhau giữa chốn ngục hình,
Thân nhau bởi một dây tình trẻ trung.
Nay hết hạn lao lung, lòng mở,
Hỏi có say nhịp thở nhẹ nhàng,
Bạn ơi, đâu hết đoạn trường,
Cho ta dệt mộng trên đường mà duyên!
Đâu là khúc quản huyền, đời mới
Khi quê hương tăm tối điêu tàn,
Thù kia nước mất nhà tan
Đấu tranh còn hận quãng đường lê thê.
Nếu có phút say quê đầm ấm
Mê dòng thương thân lắm ngày mai,
Nhớ khi khắc khổ canh dài,
Nấu nung lý tưởng, luyện tôi tâm hồn.
Thơ tôi chật vận hờn uất ức,
Đã biết vinh biết nhục là đâu.
Đời tù thân thiết bấy lâu,
Gửi nhau nghĩa nặng thù sâu ở đời
Nhắn hội tôi tình người sương gió,
Với nắng mưa năm nọ vẩy duyên,
Với ai chung một con thuyền,
Sắt đanh vẫn vững lời nguyền năm xưa.
Đón tôi với gió mưa biến chuyển,
Khi cánh chim tung liệng tự do,
Đường trần chung gắng âu lo,
Cùng ai ta lại xuống đò xông pha.

Tại nhà tù Thanh Hóa
19 - 12 - 1944
(Sách đã dẫn)

RA TÙ

Một gói "đồ tù" tay nhủng nhẳng,
Xếp hàng "phóng thích" khỏi đề lao,
Đầu trần, chân đất... ta chào nắng,
Mà áo quần hôi vẫn nhức đau!

Vẫn kiếp Tuần sai theo Đội lệ
Ắc ê súng Pháp lưỡi lê dài,
Nép chào lũ Nhật trễ lưng kiếm
Kiêu gót giầy đinh giữa phố người.

Đường về từ Tỉnh đến Rừng Thông
Mấy xác nằm queo chết đói đường!
Chiếu rách phủ trần thân rác rưởi!
Phải đây Độc lập, đây Tình thương?

Ta sẽ về đâu, hỡi bạn đời?
Về nhà, con, mẹ, vợ... yên vui?
– Không đâu! Súng Pháp xưa ăn xác,
Kiếm Nhật ngày nay chọc tiết người!

Đại Đông Á cùng nguồn hơi độc,
Cờ quẻ ly phơ phất bóng ma,
Hãy thẳng về nơi Thư sang Nhớ cũ
Sao vàng cờ đỏ vẫy chờ ta.

Tháng 4 – 1945
(Sách đã dẫn)

TRỊNH HỮU THƯỜNG
(?)

Quê ở xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động cách mạng từ năm 1932. Đã bị địch bắt giam. Năm 1954 là Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Giáo dục tỉnh Thanh Hóa.

VUI XUÂN CÒN NHỚ THÙ NON NƯỚC

Tưng bừng đất Việt đón xuân sang
Trước gió hương đưa thoảng dịu dàng
Phản đế ngọn cờ bay khắp chốn
Dân quyền tiếng trống dội đà vang
Vui xuân còn nhớ thù non nước
Chuyện Tết đâu phai hận ngục trường
Hỡi bạn đồng tâm mau sớm liệu
Đấu tranh phải quyết mở con đường.

1942

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927–1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

TRONG TÙ NHỚ BẠN CHIẾN ĐẤU

Gió vin nhành bích bên tường,
Cợt trêu ngọn cỏ ven đường ngả nghiêng.
Mây lơ mơ cuốn ảo huyền,
Sóng dâng muôn lớp tình điên não lòng.

Nhạn xa, xa tít mung lung,
Thời gian qua mãi hận lòng không nguôi.
Máu hồng thấm dạ bi hoài,
Muốn đem nhuộm thắm cuộc đời bạc đen.
Sương pha mái tóc thanh niên,
Bụi than tô mãi xám hoen thân hình.
Mảnh chàm khoác cốt phiêu linh,
Tơ lòng dệt biết mấy tình quạnh hiu.
Nơi đây thấy ánh nắng chiều
Sục sôi máu hận nặng nhiều tiết thơ.
Ủa sao ngày tháng mong chờ,
Mà tình sông núi hững hờ bấy lâu.
Đồng tâm bạn ở nơi đâu,
Gối sương nằm tuyết dãi dầu nắng mưa.
Xót ta muộn sớm sầu trưa,
Bâng khuâng ngấn lệ, vật vờ hồn mai.
Đêm đông nghe gió thở dài,
Giật mình tưởng tiếng bạn đời gọi ta.
Đồng tâm bạn ở nơi xa,
Tin hồng phương Bắc hay là phương Nam.
Nơi đây mộng đổ rộn ràng,
Nhớ nhung sóng biển, mơ màng đấu tranh.
Núi sông để lại một mình
Giữa vùng trời biển ảnh hình cô đơn.
Gửi về đây gió gợn buồn,
Trăm tình mây nước muôn nguồn ái ân.
Gửi về đây một tin xuân,
Thấm lòng trắc ẩn ướp vần thơ hoang.
Gửi về đây lớp chiến trường,
Của muôn tử sĩ trên đường hy sinh.
Gửi về đây những cảnh tình,
Của đồng tâm bạn xem khinh đọa đầy.
Gửi về đây, gửi về đây,
Hơi luồng gió thắm những ngày tươi vui.
Cho ta mạnh dạn tiếng cười,
Để ta ca ngợi cuộc đời đấu tranh.

(Sách đã dẫn)

PHẠM NGỌC TRÂN (NAM HỒNG)
(1906 - ?)

.Quê ở xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Hoạt động cách mạng từ trước năm 1930. Tháng 10 – 1930, lãnh đạo cuộc biểu tình của quần chúng ở miền Đông huyện Sơn Tịnh, bị địch bắt tù.

Tham gia cuộc khởi ngh ĩa Ba Tơ, tháng 3-1945.

Năm 1955, ra tập kết và công tác ở miền Bắc cho đến khi nghỉ hưu.

KHÚC NGÂM CHINH PHU

Rằng: "Chinh khách đi không trở lại"
Nhưng nào ta đã ngại bước gieo!
Hôm nay dừng gót trên đèo
Thẩn thơ ngắm mảnh trăng treo đầu ngàn!
Gió tây nhẹ đưa màn sương trải,
Tận đầu non đến bãi cỏ thu.
Cảnh tình gợi cảm chinh phu
Ta buồn, tạm tả vài câu giải lòng.
Nhờ gió thổi về song phi yến
Nơi bạn cùng kinh, truyện, cầm, thơ.
Cho người ngày tháng đợi chờ
Mai chiều tựa cửa, xác xơ mái hồng.
Hỏi đó thấu cho không mọi nỗi
Hay rằng ta bạc bội vong tình?
Trót sinh vào buổi bất bình
Đời trai ắt phải tung hoành ngược xuôi!
Như chiếc nhạn tuyệt vời bay bổng
Bốn phương trời hoạt động, phiêu lưu.
Song khi trước cảnh đìu hiu
Lẽ nào lòng khỏi, ít nhiều nao nao?

Những khi đứng sườn cao ta ngắm
Kìa hàng cây, nọ đám cỏ xanh.
Với dòng suối bạc long lanh
Quanh mình cảnh vẽ nên tranh u hồn.
Xa nhìn cảnh cô thôn tịch mịch
Ánh nắng chiều soi chếch ngọn tre
Tưởng ai luống đợi người về
Mắt mòn mỏi mắt, hồn tê mê hồn!
Ngày lâm biệt, ta còn nhớ mãi
Chén ly tình đốt cháy tâm can
Rốn ngồi, gượng đứng khôn an
Quyết đi tìm giặc, sa tràng đó đây!
Từ ấy trải bao ngày oanh liệt
Những ngày xem cái chết như không
Hiến thân dưới ngọn cờ hồng
Vui chân ngang dọc, trong vòng gian lao!
Xung đột giữa rừng sao, động mác
Mảnh chiến bào xơ xác tả tơi
Giữa cơn khói, lửa ngợp trời
Tiến lên, ta hé nụ cười xem khinh
Nơi chiến địa, tử sinh há kể
Mạng người ta như thể chiếc lông
Xong khi tắm gội máu hồng
Chinh phu có thể xác không còn hồn.

*

* *

Rồi ra có kẻ còn người mất
Mồ chinh phu không đất vun mô
Chỉ là một nắm xương khô
Đất, trời, tuyết giá mặc cho tháng ngày
Em có thấy bên người tử sĩ
Chiếc gươm cùn, hoen rỉ máu tươi?
Với vòng hoa trắng giữa trời
Ấy là danh dự của người chinh phu!
Em có thấy cơm khô rơi vãi
Thỏi măng tre mới hái trong rừng?
Với bầu nước suối lạnh trong
Ấy là cơm bữa, lót lòng chinh phu!

Em có thấy bên đò sông lạnh
Nước phù sa dưới ánh nắng thu
Áo bào hong giữa ngàn dâu?
Ấy là hình ảnh dãi dầu sinh phụ.
Em có thấy đêm thu gió lạnh
Giữa rừng sâu, bên ánh lửa than?
Tiếng kèn rơi rớt trong sương
Ấy là giấc ngủ của chàng chinh phu.
Và những chốn lộ đồ xa tít
Đường rêu xanh in vết chân ai.
Đèo cao dốc vắt ngang trời
Ấy nơi nện gót của người chinh phu.

*

* *

Chí hăng hái, buồn, lo man mác
Lòng hy sinh sống thác nào cam.
Thẳng nhìn tình thế gian nan
Say sưa lao khổ, vui trong giãi dầu.
Đầu tóc đã nhuộm màu sương tuyết,
Mặt mày in dấu vết nhăn nheo.
Chinh phu như ánh nắng chiều
Như đèn trước gió, hắt hiu mất còn.
Lòng vẫn nhớ vợ con nhà cửa
Miệng không hề than thở sầu bi
Dứt tình cất bước ra đi
Chinh phu ngoài mặt vẫn thì như không.
Mắt trông ra ánh hồng chói lọi
Tai vẳng nghe kèn thổi nhịp nhàng.
Chinh phu cất bước lên đàng
Vui chân hùng dũng, nện vang gót giày

Cờ sắc thắm tung bay trước gió
Gươm ngời ngời sáng tỏ trong sương.
Vẳng nghe tiếng gọi sa trường
Phút đà nai nịt cung thương sẵn sàng.
Ta đi buổi xuân sang nắng mới
Em tiễn chân, ra tới hương quan

Lời em bi thiết thở than
Lệ em muốn tắt lửa gan anh hùng,
Và thấm lạnh tâm hồn chiến sĩ
Nhưng em ơi! Nhỏ lệ làm chi?
Há rằng trước cảnh chia ly
Ta không đồng cảm chút gì hay sao?
Nhìn dấu vết thương đau xã hội
Như núi chồng sóng nổi mênh mông.
Mấy ai đem giọt máu hồng
Tưới thương nhân loại, chống cùng bệnh nguy?

*

* *

Chân dấn bước, tay ghì báng súng
Bấm gan không nao núng vì buồn.
Mắt em đỏ, lệ em tuôn
Mà em chỉ thấy ta luôn miệng cười.
Ta đã thấy cuộc đời đổi mới
Cơ hội này là hội cuối cùng.
Tấn tuồng xấu xé hãi hùng
Đến đây phải hết, phải xong lớp đầu.
Lịch sử viết bằng màu máu đỏ
Gương Nga Xô soi tỏ lòng ta
Tiếng chuông cảnh tỉnh từ xa
Giục bừng mắt dậy, trông ra hoàn cầu.
Phương Đông đã nhuộm màu rực rỡ
Ánh dương bừng, nhắc nhở muôn hoa.
Trên vườn nhân loại bao la
Mau mau đua nở, để mà hoan hô.
Cuộc đời mới nở, mừng cho nhân loại
Đã đến ngày xây lại phúc chung
Trận này là trận cuối cùng
Hãy nên ca hát mà đừng khóc than!
Thân ta dầu có tan ra cát,
Tên ta dầu bị mất trên đời,
Thì em cũng cứ vui cười
Vì ta sống mãi với người đời sau!...
Tiên phong mỗi bước đầu ra trận,
Lòng ta đâu dám bận nỗi nhà.

Em dầu nghĩ đến tình ta
Xin đừng ủy mị thiết tha hão huyền.
Dầu ta chẳng có phen trở lại,
Tình nước non quyện mãi đời em.
Niềm riêng tạm gác một bên
Nhìn chung bao cảnh thảm phiền gần xa:
Đầy đường phố những ma nghèo đói,
Đầy lòng người những thói ghét ghen.
Chiến trường khói lửa bao phen
Mà đâu vẫn đó chưa nên trò gì.
Cuộc thế đã đến kỳ thay đổi,
Cùng phong trào phải ruổi bước mau.
Bệnh đời trầm lặng thế nào
Thời ngày chữa thuốc binh đao phải tùy.

*

* *

Vậy yên trí, ta đi đi mãi
Mà em thời trở lại một mình.
Ngày đêm ôm một mối tình,
Chiến trường ngại nỗi tử, sinh cho người.
Nghĩ đến đó, em ơi, ta cũng
Luống bùi ngùi cảm động vì em.
Nhưng mà than khóc là hèn,
Yêu nhau phải giữ chữ tin bên lòng.
Và những buổi đêm đông gió rét,
Ta nhặt cành lá chết bên đường.
Bụi than hòa với nước sương,
Viết lời gửi nhạn tìm đường bay đi.
Ấy chút tình của người chiến sĩ,
Nó nhỏ như tơ chỉ ngang trời.
Nó trong như giọt sương rơi
Thoảng như gió nhẹ, tung hơi bay về.
Hoặc có lúc bên hè nóng nực,
Qua bên đường có suối nước trong.
Múc lên tưới mát cho lòng
Lặng ngồi nghĩ lại bóng hồng em xưa.
Cũng có lúc đêm mơ mà thú
Hơn những ngày đầy đủ ái ân.

Lòng ta rửa sạch bụi trần
Lâng lâng như sức thánh thần bay cao.

...

Ấy em trông đường trường xa tít
Đường đi người bạn thiết của em.
Thôi đành nuốt lệ mà quên
Gác tình âu yếm, ru êm mộng hồn.
Đã vì lẽ sinh tồn, hoạt động
Gót từng quen đầu sóng ngọn nguồn.
Đôi phen ngắm đám mây buồn
Lòng ta như sợi tơ vương ngang trời.
Sợi tơ ấy, em ơi ta gửi
Gió bay về theo đuổi bên em.
Trút hơi nồng của quả tim,
Để mà ấp ủ cho em tháng ngày.
Phần ta cứ đi hoài đi mãi
Không hẹn ngày trở lại chốn xưa
Giữa hồi bão táp, dông mưa
Thù nhà nợ nước há chừa ai đâu?

Kìa con thuyền đương đầu sóng gió
Người đồng thuyền kham khổ muôn vàn.
Huống hồ, nước mất nhà tan
Há từ nguy hiểm gian nan buổi này?
Em nhìn lại chuỗi ngày dĩ vãng
Và những lời anh mãn bày qua.
Tình riêng, nợ nước, thù nhà,
Công tư cân thử đâu là trọng hơn.
Nơi chiến địa chẳng sờn gang thép
Chốn phòng khuê, giữ đẹp lòng vàng
Dốc bao trí tuệ tiềm tàng
Kéo ngày thắng lợi, vinh quang mau về.
Lời non nước hẹn thề gọn ghẽ
Niềm ái ân đẹp đẽ vô biên
Sử vàng nét đỏ ghi truyền
Ngày sau để dấu thiêng liêng huy hoàng.

...

Hãy chuẩn bị dây đàn cầm sắt
Để hòa theo khúc hát khải ca
Cờ sao phủ máu đầu ta
Tình chung hơn điệu trúc hòa tơ êm.

1940

CHIẾC ÁO MẸ CHO BỊ MẤT

Chiếc áo mẹ cho con ngày ấy
Chứa đựng tình biết mấy sâu xa
Đạo con, tình mẹ, nghĩa cha,
Công người lao động trải qua tháng ngày
Mẹ tự cắt tự may thành áo
Cha giữ gìn chu đáo bao năm,
Áo kia là mối tơ tằm
Công, tình, đạo nghĩa cuộn trong áo này
Từ cha mất là ngày mẹ khổ
Nhờ áo kia mẹ đỡ cô đơn
Gia đình tai biến bao cơn
Làm tròn phận mẹ chẳng phàn nàn con.
Của mẹ hết, nhìn con là của
Chồng mẹ không, lấy áo làm chồng
Ngày con nhẹ cất cánh hồng
Mẹ đem áo ấy ủ lòng cho con.

Nhờ áo mẹ cũng như lòng mẹ
Khích lệ con mạnh mẽ phi thường
Trải qua mười một tinh sương
Cùng con áo mẹ đủ đường gian nguy.
Ôi! Mẹ ôi, can gì áo mất
Xin mẹ già thể tất cho con
Cũng vì tai họa nước non
Lạ gì đế quốc chẳng còn lương tâm.
Đà chia cắt tình thân con mẹ
Chút hơi tàn chẳng để gần cho
Áo con chúng vất vào kho
Giờ đây hóa đất thành tro mất rồi.

Tình cảnh ấy xa xôi mẹ thấu
Hận thù này nung nấu lòng con
Thù nhà với nợ nước non
Áo con dẫu mất, lòng con chẳng mòn.
Người con còn, áo kia sẽ lại
Về với con từ bãi chiến trường
Chúng đều bằng thịt bằng xương
Áo con nhuộm ánh thái dương huy hoàng.
Nơi gia đình mẹ an tuổi hạc
Chốn lao tù con luyện gan vàng
Ngày mai chiến thắng vinh quang
Kính dâng trước mẹ muôn vàn tình con.

Lao Lao Bảo, 1944

Tiếng hát trong tù, tập II
NXB Thanh niên Hà Nội. 1974.

GÁNH VỊT CON ĐI ĂN

Đã quyết giương tay chuyển cuộc đời,
Thế này mới thú hỡi em ơi,
Sáng hôm chăm sóc đàn con dại,
Mưa nắng xông pha chiếc nón cời.
Nay gánh tang bồng còn phải nặng,
Mai cờ chỉ đạo dễ như chơi
Đến khi cất ngọn trường thương vẫy
Vui cả anh em đạp đất trời!

Khu an trí Ba Tơ, 1943
(Sách đã dẫn)

NGUYỄN VĂN TRÂN
(1917 -?)

Quê ở làng Quan Đình, tổng Mẫn Xá, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tham gia cách mạng từ phong trào dân chủ. Năm 1939 bị địch bắt đi tù Sơn La. Năm 1943 vượt ngục Sơn La về xuôi, được trung ương cử làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ từ năm 1943 đến năm 1946.

Được bầu vào Trung ương tại Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng (1951) và các Đại hội lần thứ ba (1960), lần thứ tư (1976). Một thời gian được cử vào Ban Bí thư Trung ương và phân công làm Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Tiếng Thái:

PỌM KĂN TỨN KHỬN

Khay nị súm háu khổ lai
Khẩu báu nhắng kin, pay pá khút mẳn.
Há va, mắn mết còi nọi
Má lăng au xăng liêng lụk, liệng mía?

Xướng đớ, súm háu nhắng mớ
Pay phu pay linh, dệt cháng, chuông chạu
Ngúa, mu, ko cấp khẩu san
Khẩu địn lua mạy au nộp hở quan.

Pi nọng, pọm căn tức khửn
Pay toi cốn keo phấn có xấc tây
Sắp pay, pứng say pay xia
Chẳng chi yên háu pên mí ế khong chương.

Báo cao pọm kạt san thàu ké
Tó sốn Tây cấp quan Châu ác
Đảy tếnh khẩu cánh sứa hương ép hiến sư
Au yên hàn xuấn la hặc mướng sương bản, súm ơi!

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 - 1945.

Bản dịch:

ĐỒNG BÀO HÃY ĐỨNG LÊN ĐẤU TRANH

Bây giờ chúng ta khổ cực nhiều,
Gạo chẳng còn, phải vào rừng đào củ.
Nhưng rồi củ mài cũng hết,
Lấy gì nuôi vợ, nuôi con sau này?

Thương thay bao kiếp lầm than,
Đi phu, đi lính, làm thuê cho người.
Bò, ruộng, lợn béo, gạo trắng, sắn lùi,
Gạo nếp, củi cây cống nạp cho quan.

Anh em cùng nhau đứng lên
Đi với người Kinh chém cổ giặc Tây.
Đuổi ngay bọn chúng nó đi
Mới được sung sướng, sướng chi nào bằng?

Đoàn kết già trẻ, gái trai
Chống Tây và bọn quan làng phìa tạo.
Giành lấy cơm áo vạ học hành
Giành lấy độc lập, tự do cho bản làng.

Tác gia tư dịch
Ngục Sơn La, 1942

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 - 1945.

CƠM MỚI

Nắm cơm quá nhẹ bàn tay
Vành chăn chẳng đủ sức đày che thân
Cá ươn cũng sút đồng cân,
Tàu rau thấm lạnh mấy lần ruột non.
Mồ hôi cơ thể hao mòn,
Mắt mờ động nhấm ước toàn "thịt xôi"
Bữa cơm quả trứng bẻ đôi,
Nắm cơm chấm muối làm môi ngại thời.
Cháo súc miệng cũng đi đời,
Lưng quần rít chặt con người đau thương
Cơ hàn đè nặng ngục trường,
Căm hờn muốn nứt bốn tường đề lao!

Nắm tay kết chặt nhau vào
Trước tình cảnh ấy há nào chịu thua.
Ngày mai trong nắng gió đùa
Cả nhân sinh sẽ ấm no vui cười.

Nhà tù Thanh Hóa, 1943

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

BÙI MỘNG VÂN
(?)

VIẾNG ANH TÔ HIỆU

Chia tay trên bến Phương Lâm [1]
Biệt nhau bốn mắt âm thầm hẹn nhau.
Người ở đó, kẻ về đâu?
Cách xa tháng trước, tháng sau chẳng ngờ...
Sông Đà mây ám mịt mờ,
Tin anh tạ thế tôi ngơ ngẩn lòng.
Xót thay cá chậu chim lồng,
Con thuyền đương lúc thuận dòng ra khơi.
Anh là một trong những người
Ham mê chiến đấu, nhạo cười nguy nan.
Bể trần ngậm sóng lầm than,
Yêu đời chỉ muốn đập tan hận đời.
Bấy lâu góc bể phương trời,
Ngày về vắng bóng một người từ đây.
Chiều tà núi ngẩn ngơ mây,
Non sông ảm đạm, cỏ cây tiêu điều.
Nỗi lòng vọng giữa tịch liêu [2]
Thương bao nhiêu, tiếc bấy nhiêu một người.
Giữ thân phù thế ven đồi,
Dạ đài [3] kết hận muôn đời không tan.
Viếng nhau nghẹn cả lời than,
Rừng sâu lặng lẽ, canh tàn, đêm khuya.

Thơ ca cách mạng nhà tù Sơn La 1930 - 1945. Ngục Sơn La, 1941

1. Thuộc thị xã Hòa Bình.
2. Nơi hoang vu tình mịch.
3. Chốn âm phủ, cõi chết.

NGUYỄN TRỌNG VĨNH
(1916 - ?)

Quê ở thôn Thổ Phụ, xã Vĩnh Kiên, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động cách mạng từ thời kỳ vận động dân chủ. Năm 1938, làm thư ký nghiệp đoàn ấn công Bắc Kỳ. Năm 1939 vào Đảng Cộng sản. Bị địch bắt đi tù năm 1940. Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Đại sứ Việt Nam ở Trung Quốc 13 năm. Hiện nay là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

TỪ BIỆT CĂNG ĐẮC TỐ

Giỏi may gặp gỡ chốn rừng xanh,
Cam khổ chung chia đã nặng tình.
Mắt lệ biệt ly đành lóng lánh,
Biển lòng hoài cảm những mông mênh.
Tôi về hẹn nhớ thù non nước,
Bạn ở xin rèn dạ sắt đanh.
Mai mốt ách rơi, lồng cũi phá,
Cùng nhau tái ngộ chốn quang vinh.

1945

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

II. THƠ VĂN MẶT TRẬN PHẢN ĐẾ 1939 – 1941

KHUYÊN HỌC

Học đi cho biết em ơi,
Biết trời biết đất, biết người biết ta.
Học cho biết nước biết nhà,
Đâu là bờ cõi, đâu là non sông.
Em ơi học nhớ ghi lòng,
Ta là con Lạc, cháu Hồng tinh hoa.
Việt Nam là Tổ quốc ta,
Bốn ngàn năm sử chói lòa vinh quang.
Máu đào nhuộm thắm từng trang,
Chỉ quen chiến đấu, đầu hàng không quen.
Em ơi nước mất mấy phen,
Mà phen nào chẳng vang tên anh hùng.
Trưng Vương, Triệu Ẩu má hồng,
Lý, Trần, Lê dạy bẻ gông giặc ngoài.
Chết như Bình Trọng, Lê Lai,
Còn hơn tôi mọi như ai sống luồn.
Chết mà non nước hãy còn,
Còn hơn sống để nước non tơi bời.
Học là học vậy em ơi,
Cho tình yêu nước sục sôi trong lòng.

KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 – 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa, 1975.

KIẾP NGƯỜI

Bố nhà ta khó, mẹ nhà ta nghèo,
Bỏ việc làng, quan bắt thùng gạo.
Bỏ việc đạo, quan bắt bò,
Đằng trước nợ, đằng sau cũng nợ.
Tay lật ngửa, nợ chật bàn tay,
Đụng vào cầu chày, nợ giật mình rên.
Nợ cũ lại nợ mới cõng lên
Lưng bố còng, lưng mẹ còng
Kiếp người cứ thế này thì không xong
Phải đồng lòng mà nhổ kiếp khổ.

(Nguyên văn tiếng Mường)
KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 – 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa, 1975.

HOA "LIỀM BÚA"

...
Hoa "liềm búa" trên mộ Hà yên nghỉ,
Cao cao dần trong nghĩa địa lòng tôi.
Xé màn đêm, lửa hận rực ngang trời
Anh không chết!... Tôi còn đang chiến đấu!

Hoa "liềm búa" trên đài gương liệt sĩ,
Cao cao dần trong ý chí toàn quân.
Cháy màn đêm, lửa hận sáng muôn phần,
Anh đâu chết! Chúng tôi đang chiến đấu!

KHUYẾT DANH
Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 – 1945).
Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, 1977.

GÂY NỀN TỰ DO

(Theo lối đọc kinh Cao đài)

Thấy thế thái lòng càng man mác,
Gẫm nhơn tình gan sắt nấu nung,
Giận thay xã hội bất công!
Ra oai phất ngọn cờ hồng đấu tranh.
Cho nhân loại vui vầy sung sướng,
Khắp năm châu an hưởng đại đồng,
Nhưng mà công chửa thành công,
Sa cơ mắc phải vào vòng lao lung.
Thấy con trẻ ấu xung niên thiếu,
Nghiến hàm răng cha biểu mấy lời,
Hễ sanh ra ở cõi đời,
Có tai, có mắt như người năm châu,
Lẽ nào lại cúi đầu nô lệ,
Để cho người trói trẻ gọt môi,
Kìa gương tranh đấu ai ơi,
Thuốc hay duy nhất cứu đời bấy lâu.
Vạch trời nguyện trăng thâu bóng đỏ,
Chỉ non thề ngọn cỏ ngàn cây,
Hãy mau đoàn kết từ đây,
Tuốt gươm đứng dậy ngày rày cho cam.
Nghề Mác – Lý ngày đêm luyện tập,[1]
Bạn công nông khăng khít kết đoàn,
Phá tan chính sách bạo tàn,
Diệt trừ tiêu giống sài lang hại đời.
Con thử nghĩ cuộc đời suy đốn,
Vì lợi quyền đế quốc tranh nhau,
Làm cho trên mặt địa cầu,
Chiến tranh mấy trận, bể dâu mấy lần.
Kìa bao kẻ chiến trường máu đổ,
Nọ bao người bãi cỏ xương rơi,
Thành công chúng nó hưởng đời,

1. Mác Lý: Mác – Lênin.

Mà khi chinh chiến bao người bỏ thây!
Xã hội này muôn phần đau đớn,
Đang bày ra lắm cảnh đau lòng,
Thợ thuyền thất nghiệp tứ tung,
Dân cày phá sản không đường sinh nhai.
Kinh tế nọ thẳng tay thao túng,
Chánh trị kia khốc liệt khôn ngăn.
Sưu cao thuế nặng trăm lần
Muôn lần nuốt giận, trăm lần ngậm hơi!
Đế quốc Pháp bắt người cướp của,
Bắt mình làm tôi tớ ngựa trâu.
Mấy tay cách mạng trước sau,
Tù đày bắn giết biết bao nhiêu lần!
Giống cường bạo dã man là thế,
Bất bình này há dễ ngồi trông,
Hãy mau gắng sức ra công,
Phất cờ liềm búa giết dòng bất nhơn.
Giống bất nhơn hãy mau trừ hết,
Đời bất bình quyết diệt cho xong,
Làm cho nhân loại đại đồng,
Cõi đời như chốn non bồng cảnh tiên,
Nhưng trước hết: Cướp quyền cho nước,
Đánh đổ quân đế quốc tham tàn,
Chủ điền cùng lũ vua quan,
Đồng thời cũng phải phá tan cho rồi.
Bọn tư bản nước ngoài cũng vậy,
Cũng tịch thu nhà máy bạc tiền,
Công nông lên giữ chánh quyền,
Sửa sang xã hội gây nền tự do.
Nhưng con chớ có lo liên yếu,
Cũng đừng lo rằng thiếu binh cơ,
Kìa anh cách mạng đang chờ,
Hãy mau đứng dậy thời cơ đến rồi.
Thế mới gọi là người phấn đấu,
Thế mới rằng kết cấu thành công,
Thù chung hãy tính cho xong,
Mới mong thoát khỏi cái vòng ngựa trâu.
Nhắn những kẻ sống lâu nhiều tuổi.

Sống làm chi vào cúi ra luồn,
Sống chi có xác không hồn,
Sống chi giá áo, túi cơm hại đời!
Trông con lớn nên người hữu dụng,
Sống như ai sống cũng bằng thừa!
Mặt dày mày dạn trơ trơ,
Sống làm tôi mọi, sống nhơ nhuốc đời!
Lời cha dặn khuyên con hãy nhớ,
Thuộc làm lòng con chớ có quên,
Thì lòng cha mới đặng yên,
Chăm lo bổn phận mà quên việc nhà.
Tuy hôm nay vào ra bó buộc,
Mai sau này cũng được tự do,
Thú vui vùng vẫy hải hồ,
Ngọn cờ cộng sản cơ hồ muôn thu.
Nhặt khoan đàn nhỏ to én ói,
Khắp năm châu thu lại một nhà,
Mấy lời tâm huyết gần xa,
Con cha thì hãy cùng cha một lòng:
Tung hô cách mạng thành công!

KHUYẾT DANH
(Sưu tầm được ở Tây Ninh – Nam Bộ)

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945[1].
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

---

1. *Thơ ca cách mạng 1924 – 1945* xếp bài thơ này vào giai đoạn 1940 – 1945 với ghi chú: Chưa xác minh được làm từ năm nào. Người nói năm 1930, kẻ nói năm 1940 – 1945. Căn cứ vào nội dung bài thơ nhắc nhiều đến công nông, đến cờ búa liềm, đến thế giới đại đồng, cờ cộng sản v.v... chúng tôi cho rằng bài thơ được sáng tác khoảng 1930. Xin giới thiệu để bạn đọc tham khao.

A. Y.

VIẾNG CÁC LIỆT SĨ BẮC SƠN VÀ HẬU GIANG

Càng nghĩ càng căm bọn bất nhân
Chuyên nghề bán nước để vinh thân
Trắng đen thay đổi bao nhiêu mặt
Thái sơn so tội chửa vừa cân.

Càng nghĩ càng căm giống Việt gian
Mặt người dạ thú nhục giang san
Rước voi giày mả, đua nhau học
Tẩu cẩu vua hề tẩu cẩu quan. [1]

Thế mà lên mặt cứ nghênh ngang
Đứa thì chức trọng, đứa quan sang
Ai về nhắn nhủ cùng dân nước
Triều Huế thay ra quản tượng vàng.

Bao nhiêu sung sướng của muôn dân
Chúng đã chia nhau cướp hết phần
Nồi da nấu thịt công danh ấy
Sống chết thay ai cũng đếch cần!

Càng nghĩ càng căm cái nỗi đời
Nỗi đời đến thế thế thì thôi
Cái thân mất nước âu là thế
Thế sự giờ đây kiếm trả lời.

---

1. Tẩu cẩu: Chó săn.

Bảy tám mươi năm khổ lắm rồi
Ngồi im rồi cũng chết dần thôi
Đứng lên phá hết xiềng nô lệ
Rửa hận nghìn xưa! Đổi lại đời!

Lưỡi kiếm vung ra nói chuyện đời
Tiễu trừ cho sạch giống tanh hôi
Hỡi ai cùng kiếp đời nô lệ
Kéo lại trời Nam cứu giống nòi.

Máu đỏ đầu đen dựng cõi đời
Bất bình há lại chịu ngồi coi
Tổ quốc trầm luân nhân hữu trách
Sao cho khỏi hổ tiếng con người.

Ta phá cho tan hết bất bình
Xem còn ai nhục với ai vinh
Mở tung lạc cảnh cho đời hưởng,
Còn mặc cho đời thuyết tử sinh.

1941

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1925 – 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa, 1975.

HOÀNG ĐÌNH GIONG
(1904 - 1947)

Quê ở huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc Tày. Tham gia Hội Thanh niên năm 1928. Năm 1930, thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Cao Bằng. Năm 1935, đại biểu dự Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Ma Cao, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Năm 1938 địch bắt tù ở Sơn La, Bắc Bộ. Vượt ngục ra hoạt động. Bị địch bắt lại, đày đi Madagatxca. Năm 1944, lợi dụng quân Anh đưa về nước làm nội ứng, Hoàng Đình Giong tìm liên lạc với Đảng, tiếp tục hoạt động trong phong trào cách mạng Cao Bằng. Năm 1945, phụ trách đoàn quân Nam tiến, được cử làm Tư lệnh một quân khu ở Nam Bộ, hy sinh năm 1947, trên đường ra Bắc.

KỂ CHUYỆN LIÊN XÔ

Lại kể chuyện Liên Xô đại quốc
Xa xưa cũng là nước đế quân.
Vua chúa áp bức dân tột độ,
Không ruộng đồng đói khổ quanh năm.
Dành từng bữa kiếm ăn lần lữa,
Rủ nhau đánh tan lũ vua quan,
Vô vàn kẻ chết oan bỏ xác.

Năm mười bảy (1917) mới cướp chính quyền,
Người vô sản trở nên người chủ.
Tịch thu của tư bản phú hào,
Tịch ký ruộng đất bao địa chủ,
Đem chia cho tầng lớp công nông,
Cả mọi người, cháu ông đều hưởng.

Trường khắp nơi vang tiếng học bài,
Cả già trẻ không ai thất học.
Chính phủ lại đặt các nhà thương,
Người đau ốm bốn phương được chữa,
Có bác sĩ chăm sóc sớm chiều,
Nhà dưỡng lão chốn nào cũng dựng,
Già bạc đầu răng rụng được trông,
Có vườn hoa trắng hồng tươi mát,
Tay chống gậy ngoạn cảnh ngâm thơ,
Ngày mấy bữa ăn no không sợ.
Không giống cảnh già cả bên ta,
Có tuổi cũng phải ra làm việc,
Không đi, chẳng ai thết ăn không.

Lại nhà trông nhi đồng Xô viết,
Để giúp đỡ mẹ trẻ con thơ.
Sáng chiều đem con ta gửi đó,
Khắc có người dạy dỗ khôn ngoan.
Đấy chúng biết quý nhau từ nhỏ.
Thôi đoạn khác xin kể việc này,
Nhà bảo hiểm được xây khắp xứ,
Nhà ấy cũng là chỗ lợi dân,
Tay tật, mắt mù cùng chân gẫy,
Làm công bị đất lấp đá đè,
Bị đau yếu bị thương được ở.
Đau thương được chính phủ trông nom,
Chẳng bơ vơ núi non hành khất.
Dân Liên Xô sướng thật đủ đường,
Mỗi ngày dân thêm khôn thêm tiến.

Ầm ầm nhà máy điện đêm ngày,
Tàu bay đi như mây như gió.
Ôtô như thóc lúa phơi giàn,
Toa tàu hỏa từng đàn không dứt.

Tại sao được thịnh đạt thế này?
Thứ nhất do có tài tranh đấu,
Người người đoàn kết để giúp nhau.

Đắng cay biết bao nhiêu từng chịu,
Nay tiếng đồn thiên hạ gần xa.

Thôi đoạn xin kể qua phong cảnh,
Không phân biệt rằng tỉnh hay quê.
Đâu cũng có tàu xe vận chuyển,
Đâu cũng có đèn điện sáng trưng,
Phong cảnh hơn mọi vùng mọi nước.

Làm ruộng không cầm cuốc cầm cày,
Dùng máy móc làm ngay nhanh quá.
Dùng máy bay gieo mạ toàn mường.
Tháng mười lúa chín vàng đồng ruộng,
Không dùng liềm dùng loỏng như ta,
Dùng máy móc đem ra gặt hái.
Dân ta mai kia phải thế này,
Như Liên Xô ngày nay đang sống.
Cốt sao ta một bụng như nhau,
Đời sung sướng thế nào cũng thấy.

(TRIỀU ÂN *dịch* từ tiếng Tày)

HỒNG TRANG
(?)

TÌNH CHÚNG TA

Anh với em như cá với nước,
Em với anh như thuốc với thang,
Anh là người của bốn phương,
Nay đây mai đó, bước đường ngược xuôi.
Bao giờ đất nước còn người
Lầm than, đói lạnh anh thời còn đi.
Tình ta dài mãi lo gì,
Yêu nhau biết đợi nhau khi trở về.
Em ở lại đồng quê,
Mẹ già lo phụng dưỡng.
Thức khuya và dậy sớm,
Đừng trễ tràng, em nghe!
Anh đi, càng nhớ em,
Người nông dân lao khổ,
Thì anh càng phải cố
Cho nhiệm vụ tròn thêm.
Đồng bào đói lạnh triền miên
Như ta đói lạnh khắp miền Bắc, Nam...
Thương anh, em cố lam làm,
Thương em, anh vượt gian nan vẫn cười.
Em ơi, đợi anh nhé,
Dù ngày một, ngày hai,
Dù đêm hè ngắn ngủi,
Dù đêm đông có dài,
Dù gần nhau gang tấc,
Dù cách trở xa xôi
Em đợi, anh cũng đợi,
Một trái tim hai người.

Tình ta như lúa, như khoai.
Như ngô nở giữa luống cày mùa xuân.
Em ơi, hãy tin tưởng
Nào có gì băn khoăn?
Có đợi thì có gặp,
Dù một năm, hai năm.
Bao giờ mưa tạnh, gió tan,
Là khi anh trở về làng đón em.
Hôm nay tạm chia tay,
Cũng là ngày nhớ mãi.
Là ngày ta ghi lại,
Mối tình quê lâu dài.
Mối tình đấu tranh cách mạng,
Mối tình giai cấp không phai.

Văn thơ yêu nước cách mạng, tập 3A.
NXB Giáo dục, 1959.

Nam Định, 1939

XUÔI, NGƯỢC ĐÔI DÒNG

Anh là người của nắng mưa,
Em là người của sớm trưa lầu ngà.
Em mơ phòng gấm rủ là,
Anh mê công tác đường xa gập ghềnh.
Hai dòng tư tưởng mông mênh,
Một xuôi, một ngược lênh đênh, xa dần.
Thân mà hóa vẫn chưa thân,
Gần như thế há thể gần được sao?
Hai chiều quan niệm khác nhau:
Với em cái mộng sang giàu là vinh.
Với anh sự nghiệp công danh
Là khi cách mạng hoàn thành với dân,
Còn xa thì hãy khoan gần,
Anh theo đường cũ em lần lối xưa.
Mai sau dù có bao giờ
Em quay trở lại, anh chờ đợi em.

Văn thơ yêu nước cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, 1959.

1940

HỒNG QUANG
(?)

BÀI CA PHẢN ĐẾ

Cảnh vũ trụ sao dời vật đổi,
Trò tang thương lở núi mòn non,
Trời cao mây hợp mây tan,
Quốc gia lớp lớp suy tàn phục hưng.
Kể từ khi vua Hùng thống trị,
Bốn ngàn năm có lẻ đã qua,
Bao phen nghiêng ngửa sơn hà,
Bao phen lại phất ngọn cờ tự do.
Thái Hà ấp xương Ngô chật đất [1],
Bạch Đằng giang máu giặc làm sông,
Hải Hà còn bóng Bà Trưng,
Sơn khê dấu ngựa Quang Trung còn đầy.
Thằng Nguyễn Ánh mặt dày mày dạn,
Cõng rắn về để cắn gà nhà,
Tưởng niềm thất vọng quốc gia,
Ai mà chẳng xót, ai mà chẳng cay.
Dân ta kể từ ngày nước mất,
Tiền thuế sưu đế quốc tăng gia:
Thuế người, thuế chợ, thuế đò,
Thuế cầu cống, thuế trâu bò, ruộng nương.
Gỗ muốn đẵn trên rừng, phải thuế,
Muối muốn moi dưới bể, phải tiền,
Công nhiên dung túng ả phiền, [2]

1. Thái Hà ấp: Tên một ấp trên đường Hà Nội, Hà Đông hiện nay. Xưa là nơi Quang Trung tiêu diệt quân Thanh.

2. Ả phiền: Thuốc phiện, thuốc phiện ta thường gọi bằng nhiều tên a phiện, ả phiền, nha phiến, phù dung.

Thuốc lào, rượu giữ độc quyền bán buôn.
Trong nhà máy ngàn muôn người thợ,
Làm ngày đêm chẳng đủ cơm ăn.
Nhìn lửa điện, hít tàn than,
Kiếp trâu có lẽ còn hơn kiếp người.
Mấy thằng chủ ngồi rồi hưởng lộc,
Chẳng làm gì mà bạc đầy kho,
Ngự nhà lầu, diện ô tô,
Nay Tam Đảo nghỉ, mai Đồ Sơn chơi.
Dân cày sống suốt đời vất vả,
Da cháy đen, trán vã mồ hôi,
Chủ Tây mấy đứa ngồi rồi,
Nực thì quạt điện, rét thời chăn chiên.
Trên rừng núi giữa miền nước độc,
Hàng ngàn phu khó nhọc khai hoang,
Chủ thì nhàn hạ vênh vang,
Phu thì bỏ xác trên nương dưới ngòi,
Binh lính cũng suốt đời cơ cực,
Trại đồn giam như ngục nhà tù,
Cúi đầu vâng lệnh kẻ thù,
Nó sai, nó khiến, nó trù, nó khinh.
Bắt xa cách gia đình, làng mạc,
Cấm không cho yêu nước thương nòi.
Hai phe đế quốc tranh mồi,
Bắt mình thế mạng giữa nơi chiến trường.
Nói ra lắm trăm đường cơ cực,
Nỗi oan kia oán khóc vang lừng,
Ai nghe, lửa giận chẳng bừng,
Ai nghe, máu nóng không sùng sục sôi.
Súng Yên Bái nổ hồi năm nọ,
Mưu Thái Nguyên chuyện cũ vừa qua,
Tấm gương phục quốc chưa nhòa
Tiếng hô phản đế bây giờ còn vang.
Nay Pháp quốc hoàn toàn tiêu diệt,
Bọn thực dân cùn hết vuốt nanh.
Lão già đê mạt Pê - tanh [1]

---

1. Pê - tanh: Xem chú thích ở bài *Đáp từ thống chế Pêtanh* (Nguyễn Văn Từ).

Đầu hàng phát xít ở thành Vi-sy. [1]
Đờ-cu [2] thấy thế nguy sức yếu,
Đem Đông Dương quỳ biếu Nhật hoàng.
Nước ta như món đồ hàng,
Đứa mua, đứa bán, coi thường, coi khinh.
Có lắm kẻ cầu danh trục lợi;
Chỉ quen nghề uốn gối, khom lưng;
Chúng tâng quân Nhật oai hùng,
Chúng tâng người Nhật có lòng từ bi.
Bọn Cường Để cũng bè nô lệ, [3]
Chúng tâng là "thánh đế", "minh vương".
Nhật kia vốn giống bạo cường,
Chỉ quen vơ vét, có thương chi mình.
Gương Cao Ly rành rành ra đó,
Dân tộc Hàn cực khổ xót xa.
Kìa xem như nước Trung Hoa,
Đàn bà chúng hiếp, cửa nhà chúng thiêu.
Thuế khóa lại thêm nhiều, thêm nặng
Một khi mà chúng đóng ở ta
So cùng đế quốc Lang-sa
Cũng phường chó sói mọt già như nhau,
Ta không thể cúi đầu khuất phục,
Thua ông cha, chịu nhục mãi ru?
Không! Không! Nòi giống Âu Cơ
Nước dù mất, chí tự do chưa mờ.
Đảng cách mạng giương cờ giải phóng
Kêu gọi ai xót giống, thương nòi.
Nào ai chán kiếp tôi đòi?
Nào ai muốn sống cuộc đời tự do?
Mau đứng dưới ngọn cờ phản đế,

1. Vi - sy: Tên một thành phố Pháp, nơi chính phủ bù nhìn Pê - tanh đóng (những năm 1940-1944).

2. Đờ-cu: Xem chú thích ở bài: *Chào mừng năm 1945*.

3. Cường Để: Cháu nội Hoàng tử Cảnh do Phan Bội Châu đưa sang Nhật để tôn làm minh chủ Hội Phục Quốc. Cường Để tỏ ra không có tư cách, không có chí hướng nên về sau bị các nhà ái quốc chân chính bỏ rơi. Bọn quân phiệt Nhật lợi dụng Cường Để, thành lập Đảng Đại Việt, gồm hầu hết là Việt gian thân Nhật hòng chuẩn bị cho mục đích thống trị Việt Nam của chúng.

Nghìn tay giơ như thể một tay.
Đánh giặc Nhật, đuổi giặc Tây
Tham quan ô lại ra tay tiễu trừ.
Bao nhà máy quân thù thu lấy,
Giao ngay cho hết thảy thợ thuyền.
Sở cao su, đất đồn điền
Cũng giao phó mặc toàn quyền nông dân.
Bao sưu thuế, nợ nần xóa hết;
Thuế chỉ thu ở két nhà giàu.
Lập Xô viết, tự dân bầu,
Công nông giai cấp đứng đầu Liên bang.
Các dân tộc ngang hàng tự quyết,
Tay cầm tay kiến thiết tương lai.
Bình quyền, gái cũng như trai
Chặt dây xiềng xích, phá đời xiềng gông.
Lập quân đội công nông cách mạng,
Lính như dân được hưởng lợi quyền.
Được trọng đãi, có phần điền,
Không xâm lược, chỉ phòng biên nước nhà.
Giờ hiện tại là giờ giải phóng,
Mau đứng lên, nòi giống Lạc Long.
Đứng lên theo ngọn cờ hồng
Dựng xây thế giới đại đồng mai sau.

Mùa thu 1940

Tập thơ Hồng Quang.
NXB Phổ thông, Hà Nội, 1962.

BÀI CA VẠCH TỘI ĐẾ QUỐC

Quyên sáu khắc gợi sầu nước mất
Đế năm canh hun uất nhà tan
Buồn cho thân thế giang san
Giận cho lũ quỷ hung tàn hại dân.
Nước ta chịu trăm phần cực nhục,
Nó coi như cục súc trâu bò.
Nó khinh nòi giống Âu Cơ,

Bạt tai, đá đít, xà-lù, cu-soong [1]
Hơi nhìn thẳng, ba - toong hành hạ, [2]
Hơi ngẩng đầu, đấm đá như mưa.
Bắt ta quỳ lạy đón đưa
Bắt ta gọi dạ, bảo thưa đê hèn.
Lại khéo đặt hàng ngàn thứ thuế,
Lại một ngày bày vẽ thêm ra.
Thuế sưu lắm hạng phiền hà,
Nào là ngoại phụ, nào là tương đương. [3]
Từ kẻ khó dầm sương dãi nắng,
Tới người giàu ăn trắng mặc trơn.
Ai ai cũng phải căm hờn,
Đòi cơn nhăn nhó, đòi cơn rủa nguyền.
Lối đánh thuế thổ điền mới tệ,
Ruộng chằm hoang cũng kể là điền.
Gò trơ trâu chẳng buồn nhìn,
Thế mà cũng phải đóng tiền, lạ thay!
Dân thành thị càng cay cực nữa,
Sống đã đành sấp ngửa gian truân.
Thế mà còn chịu thuế thân,
Thuế môn bài, thuế trú chân, thuế hè. [4]
Nào thuế chó, thuế xe, thuế rác,
Thuế màn treo, biển gác ngoài hiên.
Thuế nước máy, thuế điện đèn,
Lại còn muốn ỉa, phải tiền vệ sinh.
Thuế mở máy truyền thanh quảng cáo,
Thuế múa quyền đốt pháo đón dâu.
Thuế từ hàng tép hàng rau,
Thuế từ em bé tí nhau đánh giày.
Chúng chỉ cốt vét đầy kho bạc,
Còn mặc ta xơ xác nghèo nàn.

1. Xà - lù: Phiên âm tiếng Pháp salaud có nghĩa là đồ tồi, đồ đểu. Cu - soong: Phiên âm tiếng Pháp cochon có nghĩa là con lợn.

2. Ba-toong: Phiên âm tiếng Pháp baton có nghĩa là cái gậy.

3. Trong việc đánh thuế điền thổ, thuế đinh trước đây, thực dân Pháp còn định thêm một khoản phụ thu tương đương tính theo phần trăm của thuế chính ngạch.

4. Thuế trú chân đánh vào những người cư trú ở thành phố. Thuế hè: Tùy chiều ngang của nhà trông ra đường rộng nhiều hay ít mà định số thuế phải đóng.

Mặc ta túng thiếu cơ hàn,
Mặc ta rền rĩ khóc than dậy trời.
Ta đã kiệt lực rồi cạn máu,
Đỉa còn tham cố bấu không tha.
Ta gầy như nắm xương ma,
Quạ còn moi ruột, xé da, bổ đầu.
Mà tiền thuế tìm đâu có dễ,
Như bùn sông, nước bể cho cam.
Đó là máu mủ Việt Nam,
Mồ hôi nước mắt hăm lăm triệu người.
Thế mà nó ăn chơi phung phí,
Bạc nghìn muôn coi rẻ coi khinh.
Nào vui đàn hát linh đình,
Nào xây lăng tẩm tòa dinh lâu đài.
Nay tiệc đãi lại mai tiệc đãi,
Sớm nhảy đầm chiều lại nhảy đầm.
Rượu chè, cờ bạc, hoang dâm,
Trận cười mua mất bạc trăm là thường.
Ta thời thiếu nhà thương săn sóc,
Mặc thây ta lăn lóc ốm đau.
Đốc tờ là của nhà giàu,
Ít tiền thôi chớ mong cầu thuốc tây.
Biết bao kẻ đêm ngày than khóc,
Bệnh dằng dai mình vóc xương mai.
Đành nằm nhắm mắt kêu trời,
Đành nằm đợi lúc xa chơi suối vàng.
Ta thời thiếu nhà trường dạy trẻ,
Quốc ngữ kia học dễ biết bao.
Thế mà trong chúng đồng bào
Số người không biết chữ nào vẫn đông.
Trông sách báo như trông tường trắng,
Ngắm tàu xe như ngắm phép tiên.
Năm châu họ sáng như đèn,
Mà mình vẫn cứ ngu hèn tối tăm.
Nó lại bắt ta câm ta điếc,
Ngồi ì cho nó giết hay tha.
Cấm ta hé miệng kêu ca,
Cấm ta than thở, cấm ta van nài.

Ôi! Bao kẻ thương nòi yêu nước,
Búa dần xương, kìm tước thịt da.
Kẻ đầy Côn Đảo, Sơn La,
Kẻ lên máy chém làm ma không đầu.
Nghĩ nông nỗi gan rầu ruột đứt,
Nghĩ nguồn cơn tim đứt châu rơi.
Sầu này lai láng bể khơi,
Giận này u uất ngất trời cao xanh.
Nay đang cuộc giao tranh cùng Đức,
Nó đã cam chịu nhục đầu hàng.
Trở nên cầy cáo không hang,
Hết đường tiến tới, hết đường thoát lui.
Đồng bào hỡi chớ ngồi im nữa,
Mau đứng lên mà rửa thù chung.
Đứng lên giành lại non sông,
Đứng lên đạp đổ xiềng gông ngục tù!

1940
(Sách đã dẫn)

BÀI CA DÂN CÀY

Các anh em sống đời cơ cực,
Suốt bốn mùa không lúc ngơi tay.
Làm khi gió bụi mưa bay,
Làm khi nắng hạ lửa tây oi nồng.
Khi thì tát gầu sòng rã cánh,
Lúc đun cày bùn quánh đôi chân.
Thế mà túng thiếu nợ nần,
Thế mà đói rét mình trần xác ve.
Đàn con dại da chì bụng ỏng,
Lại mẹ già má trũng gân suy.
Cả nhà tiều tụy thảm thê,
Cả nhà đói rách li bì quanh năm.
Trăm đứa bóp, lại trăm thằng nặn,
Nào Tây thu thuế nặng sưu cao.
Nào quan mọt, nào cường hào,
Xúm đầu nhậu hút máu đào dân đen.
Chẳng được sống bình yên với vợ,
Tây đánh nhau là nó bắt đi.

Đau lòng thay lúc phân kỳ,
Chồng căn dặn vợ, con ghì áo cha
....
Đời chúng ta đọa đày là thế,
Ta là người không nhẽ ngồi yên.
Để cho đứa bóp, thằng lèn,
Cha con cam chịu phận hèn mãi ru?
Mau đứng dưới bóng cờ liềm búa,
Diệt những phường bạo chúa, tham quan.
Trừ loài phản động chó săn,
Trừ quân cướp nước, trừ quân giặc thù.
Ruộng của chúng, tịch thu giữ lấy,
Đem chia cho hết thảy dân cày.
Bao nhiêu công nợ bấy chầy,
Bao nhiêu thuế má phen này xóa phăng.
Đường giải phóng phải chăng ở đó,
Hỡi anh em nghèo khó thôn quê!
Đứng lên thôi chớ rụt rè,
Rứt tan xiềng xích nặng nề nghìn năm!

1940
(Sách đã dẫn)

BÀI CA KÊU GỌI PHỤ NỮ

Dưới gót sắt nặng nề đế quốc,
Giống nòi ta nhơ nhuốc lầm than.
Chị em tuy phận hồng nhan,
Cũng cay đắng, cũng cơ hàn kém ai.
Chị thì sống cuộc đời thuyền thợ,
Nơi tỉnh thành hầm mỏ tối om.
Suốt ngày đầu cúi, lưng khom,
Tuổi xuân mấy lúc già tom còn gì.
Công việc đã nặng nề vất vả,
Mà tiền lương lại hạ không tăng.
Chị nào sắc đẹp tuổi măng,
Thoát sao khỏi mắt mấy thằng chủ cai.
Không chịu hóa đồ chơi chúng nó,

Thì chúng thù tống cổ phăng ra.
Một khi thất nghiệp nằm nhà,
Lấy gì nuôi nấng mẹ già, em thơ?
Chị thì phải dầm mưa dãi nắng,
Trên đồi nương trồng sắn, tra ngô.
Nào khi phù sũng chân to,
Nào khi sốt rét, tai ù bụng sưng.
Chị thì phải bán bưng buôn thúng,
Lãi đồng nào chỉ cúng Tây xơi.
Hàng trăm thứ thuế vẽ vời,
Mỗi năm tiền thuế môn bài một cao.
Đành thỉnh thoảng ăn vào vốn vậy,
Tiền nuôi thân vì đấy sạch không.
Rồi lâm đến bước đường cùng,
Mặt gầy hốc hác, lòng không đói cào.
Nơi thành thị còn bao nhiêu chị,
So dung nhan tài trí hơn người.
Thế mà phận hẩm duyên ôi,
Không tiền đành phải suốt đời quạnh hiu.
Lại lắm chị mắc mưu chàng Sở,[1]
Nó ra tay đào mỏ bòn xu.
Đến khi hòm rỗng, túi trơ,
Còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi.
Đời chị em vùi nơi thôn dã,
Sống đã đành vất vả gian nan.
Tối tăm chật hẹp nghèo nàn,
Quanh năm chẳng lúc nào nhàn chân tay.
Khi nắng hạ thiêu mày đốt mặt,
Lúc mưa phùn bịt mắt xiên da.
Bữa ăn dưa muối tương cà,
Mái nhà dột nát, vách nhà đổ xiêu.
Chồng nhìn vợ mặt niêu, đầu quạ,
Vợ nhìn chồng, móp má, thâm môi.
Gia đình đói rách tả tơi,
Cha truyền con nối đời đời ngựa trâu.

1. Chàng Sở: Sở Khanh, nhân vật trong truyện Kiều của Nguyễn Du nổi tiếng về sự lật lọng, lường gạt, tráo trở

Lăn lóc chốn hồng lâu bao kẻ,
Năm canh dài giọt lệ xót xa
Thương thay cũng kiếp đàn bà,
Vì tiền nên phải trôi hoa dạt bèo.
Trăm nỗi khổ tại nghèo ra cả,
Tại sài lang bóp cổ dân ta.
Lòng tham chúng nó không bờ,
Vét sao cho sạch bấy giờ mới thôi.
Của chúng lấy, mà người chúng giết,
Khiến giống nòi tiêu diệt dần đi.
Than ôi! Vận nước suy vi,
Việt Nam tên cũng một khi chẳng còn.
Chị em hỡi! Há cam chịu phận,
Mau đứng lên theo Đảng tiên phong.
Đứng lên đạp đổ bất công,
Đứng lên giải phóng non sông giống nòi!

1941
(Sách đã dẫn)

BÀI CA KÊU GỌI BINH LÍNH

Hỡi anh em đồng bào binh lính,
Lúc thư nhàn thử tính gần xa.
Kể từ Tây lấy nước ta,
Non sông rầu rĩ, cỏ hoa tiêu điều.
Dân ta chịu trăm điều cực khổ,
Nó già tay bóp cổ moi gan.
Đầy nơi cửa nát nhà tan,
Đầy nơi tiếng khóc, lời than dậy trời.
Nó mua rẻ cuộc đời các bạn,
Bắt xông pha mưa đạn rừng gươm.
Đau lòng thay! Cảnh ly hương,
Phần e thân thế, phần thương nỗi nhà.
Ôi bao kẻ hôm qua còn chắc
Gặp vợ hiền, còn nhắc tên con.
Hôm nay xác đã không hồn,
Máu loang trên cỏ, xương mòn dưới mưa.
Bao bà mẹ sớm trưa trông ngóng,

Ngày lại ngày tựa cổng nhìn xa.
Khi gió sớm lúc trăng tà
Lưng còng sầu trĩu, mắt nhòa lệ rơi.
Ngoảnh nhìn lại cuộc đời binh lính,
Đem hy sinh số mệnh cho người.
Các phe đế quốc tranh mồi,
Dùng làm bia đạn ở nơi chiến trường.
Cảnh sinh hoạt trăm đường cơ cực,
Trại đồn giam như ngục giam tù.
Cơm ăn chẳng được đủ no,
Tiền lương thì ít lại lo cúp phần.
Không có đủ tấm quần manh áo,
Không được quyền xem báo xem thư.
Luôn luôn những phạt cùng tù,
Luôn luôn chửi mắng tựa hồ ngựa trâu.
Tuân thượng lệnh cúi đầu sát đất,
Trái ý quan đấm tát nhục nhằn.
Thân như cây gỗ chúng lăn,
Nước người chúng bắt xâm lăng ngang tàng.
Còn nước mình đủ đường đau khổ,
Thân nam nhi chẳng giữ vẹn toàn.
Để cho một lũ sài lang,
Mọi Lùn, rợ Pháp đường hoàng thảnh thơi.
Cảnh nước mất bi ai nhường ấy,
Ta lẽ đâu ngồi đấy nhìn ra.
Lẽ đâu sống mãi u tù,
Làm thân nô lệ cho đồ sói lang.
Mau trừ giặc hung tàn mũi lõ,
Mau đuổi quân beo hổ Phù tang.
Anh em cùng với đồng bang,
Đứng lên rửa nhục giang sơn giống nòi.
Anh em hãy quyết noi gương sáng,
Của đồng bào chợ Rạng, Đô Lương.
Đồng bào Thổ, Mán, Bắc Sơn,
Cùng các tầng lớp nhân dân Nam Kỳ.
Đời binh lính còn gì đáng tiếc,
Chẳng biết mình sống chết ra sao.
Thà đem chí khí máu đào,

Cùng quay mũi súng chĩa vào đầu Tây.
Nước ta sẽ có ngày khốn khổ,
Nay chiến tranh đất lở trời long.
Mỹ, Anh cùng Nhật tranh hùng
Sẽ cùng xâu xé ở vùng Đông Dương.
Sau những cuộc giao tranh khốc liệt,
Nhật hung tàn bị diệt nay mai.
Một người đấu với ba người,
Mỹ, Anh, Nhật sức gấp mười gấp trăm.
Anh em hãy quyết tâm oanh liệt,
Cùng quốc dân liên hiệp với Tàu.
Nổi lên phá kiếp ngựa trâu,
Chính quyền cách mạng mưu cầu ích chung.
Số phận nước gửi cùng các bạn,
Vậy mau mau bạo dạn, gắng lên.
Đừng cam chịu sống ươn hèn,
Phải mau giành lại lợi quyền quốc gia!

1941

(Sách đã dẫn)

LƯU CỘNG HÒA
(?)

Quê ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1940 là Tỉnh ủy viên lâm thời của Tỉnh ủy Thanh Hóa. Công tác ở Ban Pháp chế Trung ương trước khi nghỉ hưu.

PHẤT CỜ PHẢN ĐẾ ĐỒNG BÀO TIẾN LÊN

Này hỡi hỡi đồng bào Nam Việt,
Mau dậy nghe thống thiết mấy lời.
Chúng ta cũng một kiếp người
Há ôm cái chết mà ngồi sao đây?
Vì đâu sa vào tay đế quốc,
Gần trăm năm Tây thuộc, khổ thay!
Nhà tan nước mất bấy nay
Sảy đàn tan nghé, đọa đày gian nan.
Lũ hùm sói dã man không xiết
Giết người ta, vơ vét của ta
Nước non vẫn nước non nhà
Chủ nhân phút bỗng hóa ra tôi đòi.
Bọn vua chúa hám mồi phú quý
Quên giống nòi chẳng nghĩ cha ông
Dắt voi dày mả tổ tông
Ôm chân đế quốc, thỏa lòng khuyển, ưng.
Lũ Việt gian buôn dân bán nước
Chẳng quản điều nhơ nhuốc xấu xa
Chó nhà lại cắn gà nhà
Đồng bào chẳng biết, ông cha chẳng từ.
Nhìn lại tấm danh đồ Nam Việt
Bốn ngàn năm oanh liệt biết bao!
"Bắc" quan đến mũi Cà Mau

Trải bao xương trắng máu đào dựng xây.
Hăm lăm triệu, xưa nay chung sức
Dân Nam ta, nước Nam ta
Nhiều điều phủ lấy của nhà "giá gương".
Nhớ lịch sử Bà Trưng, Bà Triệu
Gươm anh hùng chỉ nẻo tiến quân.
Gái, trai, bầu nước, lắng cơm
Đuổi quân cướp nước, mở đường cứu nguy.
Sóng Bạch Đằng, quân kỳ rợp nước
Ngô Vương Quyền báo quốc thành công.
Ngàn năm nhục nước rửa xong,
Muôn năm con cháu Lạc Hồng vinh quang.
Tuy cương giới Bắc Nam đã tỏ
Người Việt Nam ta ở nước Nam
"Thiên thư" đã định rõ ràng
Giận quân xâm lược, lòng tham chẳng chừa.
Lý Thường Kiệt phất cờ diệt Tống,
Bạch Đằng giang ngọn sóng lại reo.
Lam Sơn trong áng mây chiều,
Ngọn cờ đại nghĩa lại treo dưới ngàn,
Gươm cứu nước thét ran bốn cõi,
Lê Lợi cùng Nguyễn Trãi ra quân.
Giặc Minh khiếp vía xin hàng
Mười năm kháng chiến sử vàng ghi công.
Phá giặc Thanh, Quang Trung đại đế,
Trông cờ hồng, Sĩ Nghị hồn bay.
Giang sơn gấm vóc từ đây
Bắc Nam thống nhất đông tây thái hòa.
Căm Nguyễn Ánh, gian tà hại nước
Một triều đình thối nát, hèn ngu.
Để cho giặc Pháp thừa cơ,
Đem quân cướp cả cơ đồ Việt Nam.
Họa vong quốc, trời than, đất khóc
Cảnh chia lìa dân tộc lầm than.
Than ôi, Bách Việt hà san
Nòi Hồng, giống Lạc biết làm sao đây?
Gươm tuốt vỏ, cao tay cờ phất
Sĩ, nông, công đấu cật chung lòng.

Quyết tâm giành lại núi sông,
Dù cho xương trắng máu hồng cũng cam.
Trương Công Định thành Nam quyết chí
Phan Đình Phùng Nghệ - Tĩnh hùng binh,
Đinh Công Tráng với Phạm Bành
Tỉnh Thanh cờ nghĩa Ba Đình giương cao.
Rừng Yên Thế ào ào sấm dậy
Đất Hưng Yên, Bãi Sậy tấn công
Bắc Nam chung ngọn cờ hồng
Biết bao nghĩa sĩ anh hùng xông pha.
Trường chiến đấu, tên sa, đạn nổ,
Chí hy sinh, gian khổ không sờn.
Một lòng vì nước vì non
Tiếng thơm muôn thuở vẫn còn sử xanh.
Trường chiến đấu liệt oanh, oanh liệt
Công nông ta liên tiếp lên đường.
Theo Đảng Cộng sản Đông Dương
Phản phong, phản đế chính cương sáng ngời.
Thời thế mới, cuộc đời đổi mới
Chữ nghìn năm cơ hội là đây
Ngọn cờ cứu quốc tung bay
Thời cơ ta đã đến ngày tấn công.
Thực dân Pháp đường cùng mất nước
Việt Nam ta thuận bước xung phong
Lào Miên Việt, Bắc Nam Trung
Mặt trận phản đế ta cùng dựng xây
Hồn Tổ quốc đâu đây đang gọi
Đồng bào ơi còn đợi chờ ai?
"Cứu mình chỉ tự mình thôi"
Tự do hạnh phúc cuộc đời bao xa.
Chế độ mới cộng hòa dân chủ
Hết bất công, hết lũ bạo tàn
Bình quyền bình đẳng hoàn toàn
Muôn dân ca khúc khải hoàn vinh quang.
Việt Nam độc lập muôn năm.

1940

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 – 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

ĐÀO DUY KỲ
(?)

BÌNH MINH

Mừng khởi nghĩa Bắc Sơn

Đất bằng nổi sóng cao tầng núi,
Dâng máu hận cừu ngất trời xanh.
Lửa hồng đốt cháy màn u tối,
Súng gọi núi rừng dậy Bình minh.

Vĩnh Yên thu 1940

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc.
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

TRỊNH HUY LÃN
(1918 - ?)

Quê ở xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. Hoạt động ở chiến khu Ngọc Trạo.

Đã tham gia Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Thanh Hóa.

ĐI

Chân tôi bước trên cánh đồng xa thẳm
Qua truông rừng, lấn tới đồi non.
Ánh trăng thanh trong sáng dậy tâm hồn,
Dựng mơ ước những ngày vui sắp lại.
Đường còn xa, tôi còn đi, đi mãi
Đón chào tôi, có vượn hót chim reo
Tiễn chân tôi, vang tiếng hổ gầm theo,
Và gió núi cũng ngọt ngào chung hơi thở.
Đời chiến sĩ là lăn vào lao khổ
Và say sưa tìm lẽ sống cao xa
Mắt tôi mê những công trình tạo hóa,
Nào trăng trong, nào tinh tú, nào mây qua,
Và cây cỏ um tùm như mây tỏa
Và đường đi điệp điệp trùng trùng
Gọi chân tôi tiến nhịp bước dũng hùng
Không chút vướng tình riêng tây bé nhỏ.
Tôi ham tới những cánh đồng quê xa lạ
Rẽ lối vòng vì mõ điếm điểm phương xa

Tôi vui tới những túp lều tranh tơi tả
Gọi bạn lòng tôi đặt bó truyền đơn
Vật thiêng liêng có sức mạnh hóa bần hàn...
Và giải phóng cả cuộc đời cơ cực
Ôi sức mạnh tinh thần của Tổ quốc.

Mùa đông 1940

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 – 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

NGUYỄN VĂN LÒ
(?)

XUỐNG CHỢ LẤY MUỐI

Chuyện bán muối thật là xao xác
Như tranh quả trên núi rừng xanh,
Người già, người trẻ, Mán, Tày, Nùng, Kinh...
Có người mất cả tiền lẫn thẻ,
Tranh không được ngước mắt kêu trời.
Nhưng trời nào có thấu!
Chỉ có đổ mồ hôi,
Cả con gái con trai
Ai xông khỏe thì họa may được muối.
Đừng ai rụt rè xấu hổ nhìn lưng người.
Thì ra, mua muối cũng phải dùng cái hăng cái né!
Đàn bà cũng phải gớm ghê quát lác
Xông thẳng vào, gạt lính tránh ra rìa,
Nếu thẹn thò, thì về nhà nhịn muối.
Có người tranh kém ngồi khóc thầm.
Rủ nhau tất cả lên kêu quan,
Quan phủ không nói, viết đờ - măng, [1]
Quan sứ cho muối bán về xã
Mỗi đầu người, một chai muối là quá,
Trẻ con ba tháng không tính là đầu người.
Chỉ chén muối ấy thôi,

1. Đờ - măng: Phiên âm tiếng Pháp demande có nghĩa là lá đơn.

Bọn Tây phát xuống thầy Lý,
Thầy Lý phát xuống đến đâu.
　　Tháng tháng quan Tây nhè đòi tiền một lần
　　Thầy Lý đem tiền đi nộp đủ,
　　Nhưng muối của dân tháng có tháng không.

Bắc Cạn 1940

Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

TRẦN MAI NINH

(?)

TƯƠNG TƯ

Bồ chao nó hót vang lừng,
Tiếng kêu liếu điếu khi ngừng khi đi...
Lúa mùa sắp gọi chim ri
Thuyền lòng nghe đã tới khi động chèo.
Mây lơ thơ quẩn ngang đèo,
Núi xa trầm mặc nghĩ nhiều tương tư!
Lòng tôi nhen nhóm bùng trưa,
Nhớ ngàn tay bạn thuở xưa chung thuyền.
Gió mưa chim lạc trăm miền,
Chiều chiều lòng nhẹ đan viền nhớ thương.
Ô hay! Tôi khéo lạc đường
Bạn xưa chưa gặp lòng nương theo thời
Nào đâu? Bạn mới bao người
Tương tư chi nữa? Hay cười cho duyên!
Nắng hường tô đậm mái hiên,
Hỡi ngàn phương bạn đứng lên động rừng.

1939
(Sách đã dẫn)

NGÀY KHAI TRƯỜNG

Thử dở nữa xem vài trang vở mới,
Kiếm hoa tiên bọc kín mặt bìa trinh
Nâng ngòi "rông" nắn một chữ xinh xinh.
Cặp da láng rút khỏi từ ngăn kéo
Giấy thấm mới, thước trình, ngòi bút khéo.
Áo đơn thanh mới ở hiệu may về...

Ngày khai trường lòng trẻ nhỏ trăng huê!
Ôi! Trẻ nhỏ đã sơ tình quên lãng:
Lúa hạ giá, song thân sầu ngậm đắng
Ba quan năm: Đồng bạc giấy lên đường?
Muốn con vui, đành mẹ thắt dây lưng
Mà yên chửa? Đến năm này học lại!
Còi báo động như thác nguồn nặng xối
E có bài ám tả trộn lời bom!
Sầu cho hài nhi là vạn hoa thơm
Năm đại hạn, e nửa chừng khô héo!
Nào, ta giang tay chạc buồm ta néo
Lái con thuyền ra khỏi bến điêu linh
Cho già tươi, cho mặt trẻ cười xinh
Cả Tổ quốc tới khai trường hạnh phúc.

1939
(Sách đã dẫn)

TÌNH TRI ÂM

Sáng thu mặt giếng xem đầy,
Tre lung linh nhạc sắn bầy nghiêng cơn.
Mưa lùa tấm lạnh khoai non,
Gọi đường cát bụi gọi chơn anh hùng.
Đi êm êm ngất ngây lòng,
Bước nghiêng qua hón nhớ vùng bạn xưa:
Một tàn đu đủ như thơ,
Một hàng ngâu dậy, một bờ giếng xanh.
Bạn già sớm dậy nghiêng mình,
Đam mê, lòng nặng mối tình thương con.
Trán in nét hận quốc hồn,
Chín e bạo động đương còn nương thai.
Sau rèm lá, vẳng đôi lời,
Hai đầu tre trẻ se ngòi đấu tranh.
Nhà đây ấp những tim lành,
Những đầu chiến sĩ, những hình xung phong.
Trong đêm thơ dệt đôi vòng,

Khoai ngô còn đượm hương nồng hy sinh.
Trà trưa đưa ngát cảm tình,
Tấm trăng còn luyện muôn hình văn chương.
Nhưng nay công tác sẻ đường,
Dời chân chia cửa lên đường đấu tranh.
Mai ngày sáng trán trời xanh,
Chim bằng giao cánh nối tình tri âm.

1941
(Sách đã dẫn)

CƠM ĂN

Cơm ăn thiếu cả muối vừng,
Một niêu thu đủ sượng sùng khó coi.
Liếc con mắt: điệt đôi lời,
Vợ hiền cúi mặt e rơi đũa mòn.
Bạn cười tan cả mây buồn,
Ngày mai ta sẽ hưởng nguồn cao lương.

1941
(Sách đã dẫn)

BA BÀI VỌNG CỔ CỦA THỜI KỲ KHỞI NGHĨA NAM KỲ

Bài 1: VỌNG CỔ

1. Dân chúng nghèo nàn, từ thành thị chí thôn quê khắp cả Nam Kỳ, quyết lòng nổi lên đánh tan quân phát xít.
2. Ngày 23 tháng 11 năm 1940, tiếng súng nổ đì đùng dường như kêu gọi quốc dân đồng bào mau thức tỉnh dậy mà đòi lấy tự do.
3. Sung sướng làm sao, toại chí biết bao những hy vọng tràn trề, đêm 23 là đêm mà chúng ta sẽ phá tan gông xiềng nô lệ mở ngục kia đặng thả kẻ bị tù đầy.
4. Cái đêm làm sao mà rộn rực chốn đô thị phiền hà nhộn nhàn nơi thôn quê lâm giác, tựa như gió xuân đưa luồng không khí bổ vào sự sức khỏe lộ ra ngoài gương mặt tươi tắn kẻ nhân tài.
5. Cũng là cái đêm mà chúng ta mong làm cuộc đại kỷ niệm truy điệu bao nhiêu tinh thần chiến sĩ tự bấy lâu còn ghi tên trên sử đoạn đầu đài.
6. Cũng là cái đêm toàn thể các bạn thanh niên cùng chị em phụ nữ hy vọng rằng từ đây sẽ khỏi bị những tiếng mỉa mai đời chị em là đời cành hoa và bộ máy các bạn kia sẽ khỏi người ta ép buộc làm việc nặng nề trong tuổi thiếu niên.
7. Cũng là cái đêm anh em binh lính toàn khắp Đông Dương mong rằng từ đây sẽ khỏi bị ai ép buộc ra bãi chiến trường làm bia đỡ đạn cho trái phá súng đồng, cha xa con, vợ lìa chồng bỏ quê hương cùng xứ sở.
8. Nhưng mà đáng tức thay, tuổi thơ ngây nên quá chuyện sai lầm, còn nhiễm bao nhiêu thiên tánh bồn chồn mà phải chịu sự thất bại đớn đau.
9. Thôi con sâu làm rầu nồi canh, không mấy tay làm sơ thất, nên vạn sự bất thành làm bao nhiêu dân tộc cửa nát nhà tan, bắn giết tù đầy hàng trăm ngàn nhân tài cùng chiến sĩ.
10. Đói rách lơ thơ trong đám rừng xanh cỏ rậm lăn lóc trên chiếu đất màn trời, lúc bấy giờ dầu chiến sĩ nào trên nét mặt nhuộm vẻ tươi cười cũng đều có ẩn bi quan.

11. Thời cuộc đẩy đưa đêm ấy chúng ta cam đành thất bại, lại được tin chủ trương tân tiến ráng hợp cùng nhau kháng chiến theo bản trường kỳ.
12. Nghị quyết thi hành không mấy bữa, lại đưa tin đồng sửa thế thủ là hay hãy tạm yên lo sắp đặt hàng ngũ cho đàng hoàng.
13. Bao nhiêu tinh thần của anh em đang phấn khởi, thoạt nghe qua lời tuyên bố phần đông nhau nhớ trông nhìn nhéo mặt với cắn răng.
14. Nhưng mà đã biết một số anh em kia vì lợi quyền nên làm ra dỡ lở, mặc dầu chúng ta khổ sở nhưng mà dưới sự đàn áp dã man của lũ phát xít Pháp kia kìa ai đi nỡ khoanh tay.
15. Mặc dầu cửa nát nhà tan, mặc dầu chúng ta chịu trăm ngàn cay nghiệt, nhưng vẫn giữ chí hy sinh, tinh thần oanh liệt, dầu vào sanh ra tử đồng chung vui không tiếng phàn nàn.
16. Bao lần thống trị phủ vây, khi thì đói cơm khi thì khát nước, song chúng ta nghĩ suy sau trước muốn trọn với một nhiệm vụ lớn lao thì phải trăm lần ngậm đắng với trêu cay.
17. Kẻ đặt bài ca này chẳng phải phiền trách hay là lạc quan nhưng mà ta phải bình tâm phóng đởm đương ra tự hỏi và đưa vào nơi khuyết điểm phê bình.
18. Bởi vở học hay là tiền đề của thành trì tiến bộ càng học hay càng kinh nghiệm là sự thắng lợi của xã hội tương lai.
19. Cũng chẳng phải than phiền cực nhọc hay buồn riêng trằn trọc đưa ra những ý kiến trụy lạc tinh thần.
20. Đây là thực tâm bình luận trên đường chánh trị đậm sâu trong trí não khi tắt hơi mới đành khoanh tay nhắm mắt, còn thở thì còn nêu cao tấm gương kinh nghiệm cho đến lúc đoạt thành xứ sở tự do.

Trích *Nam Kỳ Khởi nghĩa* của Trần Giang.
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

Bài 2: VỌNG CỔ

1. Hoàn cảnh xô đưa mặt tình tao nhơn đưa đẩy làm cho bước đường từ đây chúng ta không mong gì được vui thú nơi chốn gia đình cùng quê hương xứ sở.
2. Ngày chúng ta ra đi, ôi đau đớn lắm, nào là bị hoàn cảnh khó khăn nào đường đi gây trở nhưng chẳng hề than thở điều chi.
3. Cái cảnh khổ tâm này, khi thì đói cơm, khi thì khát nước, đêm đi ngày nghỉ, trốn chui, trốn nhủi, nằm bờ với bụi lòn lỏi, tránh cho khỏi kẻo bị quân thù.
4. Vai mang cơm khô, chơn bước lẹ làng, giãi sương chải gió, ba bốn bạn to nhỏ thầm thì, chỉ nhìn nhau vì đường đi không rõ tới đây đường sá biết đi ngõ nào.
5. Một đêm đi cho tới bốn đêm, đêm nào chí những đêm nấy, tình cảnh này ai trông thấy cũng phải xót dạ với đau lòng.
6. Đó là mấy đêm đang đau đớn khổ sở lộ ra ngoài mà chúng ta gom góp lại đặng một bài kinh nghiệm tự bấy lâu còn sơ sót làm sai.
7. Một đêm vẫn đến ba đêm ôi, ba đêm này mới tới chỗ mà chúng ta đã quyết định, dòm đi ngó lại, nhà cửa xơ rơ xanh xứ lạ mới biết rằng bước đường tha hương lữ thứ.
8. Ôi ta thầm lại quá tức thay, quá đau đớn thay, một tay làm sơ thất vạn sự bất thành, làm biết bao nhiêu gia đình cửa nát, bao nhiêu nhơn tài chiến sĩ phải chịu đói lạnh với lầm than.
9. Đây là thật tâm đưa ra thấy một lần thất bại mà hàng trăm ngàn điều đau đớn, nhưng mà vẫn giữ chí hy sinh mặc dù vào sanh ra tử trông cho đến ngày đoạt mục đích thỏa lòng ước nguyện tự bấy lâu nay.
10. Nơi chốn rừng oan, trông nhìn tứ phía mịt mờ nghe qua tiếng gầm ù ì, nọ là ve kêu véo vắc dường như khêu gợi mà nhắc lại cảnh tượng cha xa con vợ lìa chồng; Cách quê hương xứ sở thổn thức tấm lòng đây.
11. Thôi tôi suy nghĩ ra đâu ai kia gan sắt hay dạ đồng thì cũng chẳng có mấy ai bền tâm vững chí hay là vui vẻ trong lúc canh tàn.
12. Nhưng mà mặc dầu trên đường chánh trị gặp hoàn cảnh khó khăn khốn đốn thế nào ta cũng ráng cố tâm mà giữ một tinh thần.

13. Có khổ tâm nhiều phen đau đớn, có cực nhọc đủ điều, sau này chúng ta khỏi nhục quê hương xứ sở mới được đàng hoàng cơm áo tự do.
14. Ngày thất bại nơi chốn Mớp Xanh, chính là bạn ốm đã hay tin nhưng vì anh lãnh nhiệm vụ đưa cô phụ nữ kiếm chỗ ân tàn, sự bất đắc thành đem cô trả lại, mặc dầu tin tức bạn cũng chẳng màng, đồng với cô cô nằm nghỉ giữa chốn rừng xanh.
15. Nếu bạn sớm vô đời binh tạ ra khỏi nơi nguy hiểm ấy, có dầu thất bại nặng nề hàng ngũ chia phân, đó là bài học để anh kinh nghiệm ham bữa giỗ lỗ bữa cày, miếng đỉnh chung thường nhốt chặt anh hào.
16. Chính là chúng tôi lấy lẽ công tâm mong các bạn hiểu dùm lời lối còn thấp thỏi vì đau đớn vì căm hận mới thổ lộ ra những lời lẽ bơ thờ mong các bạn ý kiến giúp dùm đường chánh trị đặng thêm cao.
17. Mênh mông trong chốn rừng hoang trăng vọi mờ mờ, vẳng nghe tiếng trống chuông chùa bon bon ủa hôm nay là ngày rằm mà sao trăng nọ tợ lu trực nhìn mấy bạn ủ châu mày.
18. Đêm nằm suy nghĩ ra lần tay tính lại đã một tháng ngoài rồi ấy là ngày chúng tôi nhất định đây là đúng thời hạn ra về mà trông người tin tức vẫn bặt tin tấm lòng ngồi trông vắng tẻ buồn tanh
19. Ôi cái buổi chiều làm sao, nọ tiếng ve kêu tiếng gà gáy cay nghiệt trên trời gầm mưa gió, lá cây xôn xao chúng tôi đăm đăm nhìn bóng nhật mây án tờ mờ dường như khêu nhắc trong hoàn cảnh đoạn trường giữa chốn rừng già.
20. Vậy thì hôm nay chúng ta tìm nơi ty ẩn để mà nung đúc tinh thần đặng chờ ngày hy sinh quyết liệt lật đổ quân thù thì cái ngày ấy sẽ đặng đầm ấm chốn gia đình, cha gặp con, chồng biết vợ, thì mới tránh khỏi cái cảnh đoạn trường buổi hạnh phúc tương lai.[1]

Trích *Nam Kỳ Khởi nghĩa* của Trần Giang.
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

---

1. Hai bài vọng cổ này địch bắt được trong cuộc càn đêm ngày 9 rạng ngày 10 – 11 – 1941, ở rạch Bà Hạt, xóm Thạnh Hưng, làng Thạnh Lợi, quận Thủ Thừa (Tân An) trong căn cứ Mớp Xanh, Bo Bo.
Hồ sơ: IIA. 45/222 (2c). TT.LT2. TP.HCM.

Bài 3:
BÀI CA KÊU GỌI BINH LÍNH ĐỊCH PHẢN CHIẾN

(Theo điệu Vọng cổ)

– Một bước chân đi là một bước ngập ngừng, vì không nỡ chia tay với những người thân yêu quá mến. Ra đi tùng chinh ngày hôm nay trước mắt nào là những làn tên mưa đạn, bom nổ miểng văng vi trùng hơi độc, gẫm lại thân mình thì thập tử nhất sinh.

– Anh vẫn biết rằng, chí nam nhi phải coi cái chết nhẹ như lông hồng, đâu là cái chết nặng như núi Thái Sơn, để đặt vào phải nơi phải chỗ dầu có chết trăm mạng cũng cam đành.

– Em ơi! Chớ còn cái chết của anh chị người ta xỏ mũi dắt đi lùa vào lò sát sinh đẫm máu, xô hàng ức triệu nhân dân ra làm bia đỡ đạn cho bọn đế quốc chủ nghĩa ăn không ngồi rồi hưởng lấy lợi quyền.

– Một bên là Đức – Ý – Nhật, một bên thì Pháp – Mỹ – Anh, chúng nó đều là đầu trâu mặt ngựa đang cùng nhau gây chiến tranh để chia xẻ thị trường, thuộc địa mà chúng nó hậm hực tranh giành.

– Bọn đế quốc chủ nghĩa gây ra cuộc chiến tranh thế giới lần này xô lùa hàng triệu sinh linh ra bãi chiến trường, xương như núi, máu tựa sông, gây ra biết bao nhiêu cảnh đau thương tang tóc, con xa cha, vợ lìa chồng.

– Không thể nào anh cam chịu làm con vật hy sinh, nguyện quyết tâm chiến đấu, biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng, quay súng bóp cò bắn vào đầu bè lũ hôi tanh.

– Hành động này của anh không sợ cô độc, vì bên anh có hàng muôn vàn anh em binh lính Miên, Lào, dân tộc đồng tâm nhất hô bá ứng với hơn 20 triệu nhân dân Đông Dương, cùng nhau vùng lên phá ách mở xiềng cho tiêu tan hết sạch sành sanh bọn đế quốc tham tàn.[1]

Trích *Nam Kỳ Khởi nghĩa* của Trần Giang.
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

---

1. Bài ca này do đồng chí Trần Bá Thọ, trong Ban Khởi nghĩa của Mỹ Tho, đã nhớ và ghi lại. Theo đồng chí Thọ, đồng chí Nguyễn Trí Luận phụ trách in truyền đơn, báo của Tỉnh ủy Mỹ Tho, đã phổ biến bài Vọng cổ này trong anh em địa phương.

LÊ YÊN

(?)

HỒN ÁI QUỐC

Cõi trời Nam đã bao lần đẫm máu
Dưới gót giày của đế quốc dã man
Nào sưu cao thuế nặng cảnh lầm than
Với chính trị hung tàn gây thảm trạng.

Trong tám chục năm trời đầy tai nạn.
Nhiều phen bày cảnh xương núi máu sông
Vì âu là cho Tổ quốc tiêu vong
Bao chiến sĩ đã xả thân cho thế cuộc
Chốn hang cùng hay núi thẳm âm u
Hay đày thân trong khổ cảnh lao tù
Vì nghĩa vụ đành hy sinh thân thế
Gương oanh liệt rạng soi trong bốn bể
Rạn thêm đường hăm lăm triệu tim đau.
Ta cũng người há trương mắt nhìn nhau
Hãy xứng đáng với giống nòi Nam Việt
Với thuở trước bao anh hùng hào kiệt
Cứu đồng bào ra khỏi lưới gian nan
Quyết hy sinh dù máu đổ xương tan.
Hồn ái quốc muôn năm còn chói lọi.

1941

Báo *Tự do*, số 3 ngày 26-2-1941
(Cơ quan phản đế cứu quốc Thanh Hóa)

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

NGUYỄN DUY TUNG
(?)

TRẬN CUỐI CÙNG

Ngọn lửa chiến tranh đã cháy bùng,
Dậy lên tất cả hỡi công nông.
Giờ đây cách mạng châm ngòi nổ,
Mau kíp xông pha trận cuối cùng.

Trận cuối cùng đây đã đến rồi,
Không còn do dự, tiến lên thôi.
Phá tan hết sạch quân đế quốc,
Giết hết tham quan hại giống nòi.

Hại giống nòi ta, uống máu ta,
Bọn này ta quyết chẳng dung tha.
Chính quyền cướp hẳn về vô sản,
Thống nhất năm châu lại một nhà.

Một nhà sung sướng tựa bồng lai,
Ấy chẳng còn ai, ai bức ai.
Hòa bình hạnh phúc đều chung hưởng,
Cùng với thiên nhiên đọ sức tài.

Sức tài vô tận của chúng ta,
Đến lúc phải đem cứu nước nhà.
Phát xít điên cuồng đương dẫy chết,
Báo ngày tất thắng cũng không xa.

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927-1945. 1941
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa xuất bản, 1975.

III. THƠ VĂN MẶT TRẬN VIỆT MINH 1941 - 1945

NHÌN TỔ QUỐC

Nhìn tổ quốc mây sầu ảm đạm,
Ngẫm giống nòi bi thảm gian lao.
Hai mươi lăm triệu đồng bào,
Một bầy nô lệ biết bao đau lòng.
Như dòng dõi con Hồng cháu Lạc,
Gương anh hùng còn tạc sử xanh.
Bao phen oanh liệt tung hoành,
Hy sinh chiến đấu đặng giành tự do.
Nay đương lúc cơ đồ tan nát,
Pháp Nhật cùng chiếm đoạt giang sơn.
Nhân dân căm giận, nén hờn,
Mưa gào gió thét gọi hồn Việt Nam.
Hỡi những kẻ ngang tàng chí khí!
Hỡi đồng bào đương bị lầm than!
Mau mau nhất trí kết đoàn,
Phất cờ khởi nghĩa đánh tan quân thù.
Nay ta phải nhằm cơ chúng yếu,
Đứng lên mau hiệu triệu toàn dân.
Cùng nhau phấn dũng tinh thần,
Phá tan xiềng xích đánh quân bạo tàn.
Chớ nhu nhược khóc than chi mãi,
Bắt tay nhau trai gái trẻ già.
Quyết lòng can đảm đứng ra,
Tuốt gươm vì nước quên nhà một phen.
Người làm dân phải đền nợ nước,
Nước cứu xong dân được thái bình.
Đồng bào phấn đấu hy sinh,

Trong trường cứu quốc bỏ mình cũng cam.
Nay khắp nước Việt Nam đều có,
Hội Việt Minh cổ vũ hô hào.
Tiếng chuông thức tỉnh đồng bào,
Tìm Việt Minh hội mà vào cho đông.
Cùng nhau đánh đuổi thù chung.

KHUYẾT DANH
1941

(Tài liệu riêng của Vũ Châu Quán)

SLIM ĐEO CÒ TOỌC

Phan quảy ha mong mác đang slung
Mềm păn dân tộc Keo xáu Nùng
Tíu đèn, Mán đỏ mền păn oóc
Tài pản, Sliếu pản đảo cần đông
Coóc mùn, Coóc ngáng mền và Mán
Dắt chúng mền tố cảo cần đông
Phản Slình, Nùng Inh păn mình xẩu
Cao Lan, cần Mèo chảng cần Đông
Mọi cầu dắt chủng ngài áp bức
"A lê cu soong"! Khôn mí khôm
Cần lầu lượt ceng càn vàng chủng
Tải cha di tó chử tò tổng
Nạy làu mí y lại Phan dảo
Lầu mí tính ò mác đăng slung
Ò Nhật, ò Phan chử ò cướp
Sloong ò dỉ áp bức tò tổng
Tải cha kháu hội toòng thòn kè mắn
Sleo chèn phong trào au khửn slung
Pin gia slủng kép au chắn pỉ
Khẩu nặm cư dù dò kháu đông
Thâng sli thâng mủa mì khay cọn
Lầu hết dau khì con dú đông
Ò tầu mật thám lầu chùng khả
Chung mí làu sle lám slắc ung
Phả đá lỏ kìu tàng kha tắc

Mứa tỉnh Nhật Phan lo mí thông
Làu nấp cẩn lỏ pây tắng kéo
Sláu dàu làu cỏi bản pày ung
Mọi cần cứ tỉnh vàm ngỏ chảng
Kí sí cờ minh tố sình công.

KHUYẾT DANH

(Tài liệu riêng của Vũ Châu Quán và Lương Biên)

Bản dịch

MỘT CHÍ MỘT LÒNG

Quỷ Pháp mắt to, và mũi lõ,
Chia rẽ dân tộc Kinh và Nùng.
Đeo tiền, Mán đỏ, chúng tách biệt,
Đại bản, Tiểu bản liệt người rừng,
Coóc Mùn, Coóc Ngáng đều gọi Mán.
Tất cả nó gọi là người rừng.
Phàn Slinh, Nùng Inh gộp làm một,
Cao Lan, người Mèo gọi người rừng,
Tất cả đều cùng bị áp bức.
"A lê cu soong"! Cay đắng không!
Ta là giống da vàng, máu đỏ,
Vốn một nòi chung, một bọc chung.
Nay ta không nghe thằng Pháp gọi,
Ta không thèm nghe thằng mũi lõ.
Thằng Nhật, thằng Tây đều kẻ cướp,
Hai thằng đều áp bức như nhau.
Hãy gia nhập Hội kết đoàn lại,
Vận động phong trào tiến lên mau.
Từng nhà, súng kíp đem chắn lối,
Gạo, nước, muối, dầu cất vào rừng.
Chờ đến lúc nào có tác chiến,
Ta làm du kích đánh trong rừng.
Thằng nào mật thám thì ta diệt,
Quyết không để sót lấy một tên.
Cầu phá mất rồi, đường tắc lối,

Lúc đó Nhật, Pháp nghĩ bí cùng.
Ta nấp bụi bờ phục chỗ hiểm,
Bao vây tiêu diệt chúng từng tên.
Mọi người hãy nghe câu sli này
Nhất định cách mạng sẽ làm nên.

1941

Vũ Châu Quán và Lương Biên *dịch*.

ANH CHỊ EM ƠI!

1

Anh chị em ơi!
Ngẫm nghĩ tỉnh Cao Bằng
Dân chúng mình
Rất lầm than
Khổ sở hơn mọi nơi.

Núi rừng thì điệp điệp trùng trùng
Đất làm ruộng ít lắm thay
Mà quân phát xít Nhật Bản
Đâu thương đến dân chúng ta?

2

Thảm thiết thay
Kể đã mấy năm rồi
Dân chúng ta
Chịu lầm than
Tựa như trâu bò
Bắt đi phu khai mỏ làm đường
Khổ sở quả đủ điều
Nó thu vét lúa ngô bạc tiền
Mang hết đi.

3

Anh chị em ơi
Trước mắt còn nhiều khổ
Bao ngô lúa
Của chúng ta
Chúng thu về nuôi ngựa.
Cả sắt đồng chúng khai vét hết
Anh chị em ta nghĩ sao
Mà cũng thấy dưới xuôi và chốn khác.

4

Nhanh nhanh lên
Cùng nhau vào Việt Minh
Dùng vũ trang
Vùng lên đánh phát xít
Mưu Tự Do, Độc Lập
Bọn phát xít hung tàn
Căm hờn lắm
Lệ ứa tràn.

5

Nắng chang chang
Và những ngày mưa gió
Sấm sét ầm
Dân ruộng ta gội mưa nắng ra đồng
Cảnh sung sướng quân thù hưởng cả
Khổ sở đến dân ta
Ôi! Những cảnh đau đớn thiệt thòi
Là kiếp tôi đòi.

1941

Khuyết danh

TRIỀU ÂN *dịch*

Thơ ca cách mạng Việt Bắc (1936 – 1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

TIỄN BẠN ĐI ĐÀY

Đề tại lao Thanh Hóa

Cửa sắt mở, tiếng rền vang não nuột,
Tay chia tay ly biệt quặn lòng đau.
Vì đau thương ly biệt bạn đời ơi!
Tay cầm tay giây phút lúc chia phôi,
Không khách sáo chỉ đôi lời tâm trí.
Đây lưu niệm bạn nhà pha yêu quý,
Mấy vần thơ mộc mạc tạm xa nhau.
Đi Côn Lôn, Lao Bảo hay đi đâu,
Đều rùng rợn tởm ghê đầy xương máu.
Các bạn hỡi đó là nơi chiến đấu,
Nơi mà ta gặp gỡ ở tinh thần.
Nơi mà ta cùng muôn vạn tù nhân,
Phải ghép chặt với nhau thành trận tuyến.
Ngày rực rỡ vinh quang ta chỉ hẹn,
Dưới ngọn cờ toàn thắng của Đông Dương.
Hôm nay đây tôi mạnh dạn lên đường,
Các bạn hãy lo tròn sứ mệnh.
Tiếng còi thét, khói tung, tàu chuyển bánh,
Bên đường ray núi chạy nhịp cầu lay.
Tâm hồn tôi bay nhẹ tựa hơi mây,
Bên các bạn không bao giờ khuất phục,
Bên các bạn đồng tâm còn trong ngục,
Chọn thời cơ chặt xích để tung ra.
Giữa bầu trời tươi sáng rộng bao la,
Cùng xây đắp một nền chung hạnh phúc.

12-1941
KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh niên xuất bản, 1975.

THANH NIÊN TỪ BIỆT MẸ

Mẹ hỡi mẹ đừng phiền, mẹ nhé!
Cho phép con xa mẹ ít lâu.
Bão dương tàn sát năm châu,
Bầy lang cướp đất thi nhau tung hoành.
Bọn chó lợn tranh giành quyền lợi.
Coi nhân dân như sợi lông hồng,
Gớm thay những phút giao phong.
Hàng non xương trắng, hàng sông máu đào.
Cuộc chinh chiến xiết bao công của,
Nền tự do dân chủ rung rinh,
Chỉ vì một bọn hôi tanh,
Làm cho nhân loại tan tành, căm thay.
Nước ta cũng bụi bay gió cuốn,
Sóng chiến tranh cuồn cuộn tới nơi,
Rồi đây tan nát than ôi!
Mọi Lùn, rợ Pháp, hỡi ôi còn gì!
Thân vong quốc trăm bề khổ cực.
Kiếp ngựa trâu áp bức xiềng gông,
Nào là cùm xích đã xong,
Cái đời nô lệ không mong vẹn toàn.
Trận bom nổ xương tan thịt rụng,
Rừng gươm đao ngực thủng đầu rơi,
Còn gì là giống là nòi,
Là dòng Trưng Triệu, là loài Rồng Tiên.
Bởi thế, con thiếu niên trong nước,
Hiểm nghèo này há được ngồi yên!
Phải ra bôn tẩu đấu tranh,
Phất cờ thống nhất quốc dân kháng cừu.
Tận nỗ lực để mưu giải phóng,
Nguyền tử sinh quyết thắng địch cùng.
Phá tan xiềng xích bất công,
Giống nòi độc lập công nông đua cười.
Nhưng ngày nay vì thời chưa tới,
Ngọn cờ hồng còn đợi gió mây,

Nên con lận đận tháng ngày,
Truân chiên xa mẹ, xa thầy ít lâu.
Xin mẹ hãy gạt sầu vui vẻ,
Việc gì buồn mẹ nhỉ! Cười lên!
Sá gì chút nghĩa nhỏ nhen,
Cười lên cho kẻ thanh niên yên lòng!
Rồi cách mạng thành công rực rỡ,
Con cam đoan sẽ trở lại nhà,
Nâng niu thầy mẹ tuổi già,
Bõ khi gió lạnh chiều tà đợi con.
Con khuyên mẹ đường trường ngày tối,
Mẹ trở về, con vội đi ngay,
Gửi lời về kính lạy thầy,
Xin thầy mẹ cứ vui vầy đợi con.

Thái Bình, 1942
KHUYẾT DANH

Thơ cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

TUN KHOAI! CỌN NHẠT, PHAN

Mí lao Nhật, Phan cà Pậu pan
Nhằng mì lai quốc con Nhật Phan
At mà Trung Quốc mền nhằng cọn
Nhỉ mà dinh máy cọn Nam Đàng Mạ lai,
Mén tẹn mền đang cọn
Đang slì chao chén dú Phình dàng
Đồng Minh au tàu bên khổ pjói
Phá thuồn căn cứ của Nhật Phan
Chảng lai dú quây lầu mí slụ
Chìn chòi hăn lầu dú Tổng Đàng
Tầu bên liền vằn mền pây pjói
Nhật Phan ní slán thuồn mọi tàn
Nhỏ hăn pây nẩy chử nhục giá
Cần lầu khoái tức cọn Nhật, Phan.
Đồng minh chử luông bấu chử sláy
Đình máy phi cơ pjói chá tàn

Chá tàn lồng mà lai bâu mọi
Mì cần hăn bầu mí hăn đang
Dinh máy công kích cọn cẩn díu
Quá mà mì kỷ slíp phi đoàn
Mà cần dẩy quá páy mà dá
Cấm nòn mí dắc tố nhằng gian
Mạ Lai, Tân Gia Ba, chao chẹn
Khay pinh: slắc thuổn tó Nam Đàng
Mọi cần tỉnh đẩy vàm sli nẩy
Slí xứ chung quanh chứ Việt Nam.

Bản dịch:

TA ĐỨNG NHANH! ĐÁNH NHẬT TÂY

Không sợ Nhật, Pháp vào hùa nhau,
Còn có nhiều nước đánh Nhật, Pháp.
Thứ nhất, Trung Quốc vẫn đang đánh,
Thứ nhì, Nam Dương đang giao tranh,
Mã Lai, Miến Điện đang đánh mạnh.
Hiện giờ kịch chiến Thái Bình Dương,
Tàu bay Đồng minh vào thả bom
Phá hết căn cứ của Nhật, Pháp.
Nói chuyện ở xa, ta không biết,
Giờ đây chỉ nói ở Đông Dương.
Ngày ngày, máy bay đến thả bom,
Nhật Pháp chạy tán loạn mọi đường.
Nhìn thấy như thế thật nhục rồi,
Ta mau đứng dậy đánh Nhật, Tây.
Đồng minh khá mạnh không phải tồi,
Máy bay thả bom tính hàng đoàn.
Bom rơi chẳng hại nhiều cũng ít,
Có người thấy đầu, không thấy thân.
Máy bay công kích đánh càng mạnh,
Sang đây hàng mấy chục phi đoàn.
Có người đến đây khi trở lại,

Đến ngủ không say cứ bàng hoàng.
Mã Lai, Tân Gia Ba đang giao chiến,
Tung quân ra khắp cả Nam Dương.
Mọi người nghe được câu sli này
Bốn phía xung quanh nhớ Việt Nam.

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc 1936 – 1945. 1942
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977. Nông Minh Châu, Lương Biên Vũ Quân *dịch*

NHỚ ANH

Nhân khi gió gác trăng sân,
Lòng em cảm động cảnh gần, anh xa!
Vì dân, anh phải xông pha,
Vì dân, anh phải bôn ba dặm trường.
Anh nay ăn gió nằm sương,
Vì dân anh phải bốn phương là nhà.
Gió thu lay động cành hoa,
Nhành hoa lay động, vì là nhớ anh.
Phja Vác, một dãy xanh xanh,
Xanh xanh một dãy nhớ anh mấy trùng.
Nhớ người dân tộc anh hùng,
Vì dân, vì nước một lòng sắt son.
Quản gì xa vợ, lìa con,
Cố công khôi phục nước non Tiên Rồng.
Bao giờ cách mệnh thành công,
Bao giờ khôi phục non sông nước nhà.
Bấy giờ anh chị em ta,
Sum vầy góp chén hoàng hoa chúc mừng.
Bõ công dãi gió dầm sương,
Mà em cũng được thường thường gặp anh.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 137,
ngày 11 – 9 – 1942.

LỜI QUAN

Quan đòi chánh tổng, tổng đoàn,
Ba người ngồi lại nói bàn với nhau:
"Hai thày về làng mau mau
Nói với dân sự tuần sau thế này:
(Một) phải kính trọng Nhật - Tây,
Phải yêu mến họ như thày, như cha.
(Hai) phải tin lời chúng ta,
Đi phu đóng thuế phải là mau mau.
(Ba) phải chặt củi, hái rau,
Cho các thày tổng đua nhau mới là.
(Bốn) khi có việc tới nha,
Phải đem nhiều bạc mới là dân ngoan.
Không ai yêu dân bằng quan,
Khoét, đẽo, đánh đập cũng toàn là yêu.
(Năm) bọn cách mệnh đặt điều,
Họ nói Tây, Nhật không yêu dân mình.
Họ khuyên Nùng, Mán, Thổ, Kinh,
Đoàn kết nhau lại như tình chân tay.
Họ khuyên đánh Nhật, đánh Tây.
Để khôi phục lại nước này của ta.
Thế là nói bậy, nói ngoa,
Chớ nghe lời họ rồi mà khổ thân.
Chịu áp bức mới là dân,
Tự do sung sướng để phần các quan!"

Báo *Việt Nam độc lập*, số 138,
ngày 21 – 9 – 1942.

KHUYẾT DANH

CÁN BỘ ỐM

Khi lành mạnh hết lòng làm việc nước,
Lúc ốm đau không có chút thuốc thang.
Vài bát ngô, một cái chõng trong hang,
Ấy là thuốc, ấy là phương tẩm bổ!
Nhà cửa có, vợ con ta cũng có,
Vì giống nòi mà ta chịu hy sinh.
Các anh em, tuy đầy mối cảm tình,
Vì không có, chỉ nhìn nhau cười gượng.
Thân dù khổ, mà tinh thần vẫn sướng,
Sướng vì ta chịu khổ cho giống nòi.
Thôi cứ nằm bao giờ hết ốm rồi,
Ta lại cứ hết lòng làm việc nước.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 139,
ngày 1 – 10 – 1942.

NHẮN VỢ

Từ ngày anh bước chân ra,
Lòng thương chín khúc, lệ sa mấy hàng.
Thương anh khách địa tha phương,
Thương em vò võ phòng hương canh chầy.
Thương già tóc bạc như mây,
Thương con măng sữa thơ ngây một đoàn.
Nuôi già, dạy trẻ gian nan,
Vắng anh, em phải lo toan trong ngoài.
Nói năng em sẵn có tài,
Giúp cho đoàn thể một vài càng hay.
Anh đang lẩn lút đêm ngày,
Thân này ngàn dặm, lòng này tấc gang.
Xông pha, nằm núi, ngủ hang,
Giăng treo mái động, gió tràn cành cây.
Vượt bao khổ cực, chua cay,
Sao cho đánh thắng Nhật, Tây mới là.

Sao cho khôi phục nước nhà,
Đôi ta rồi lại như hoa trên cành.
Tiếng gà eo óc năm canh,
Thương anh thời nhớ lời anh dặn dò.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 140,
ngày 11 – 10 – 1942.

KHUYẾT DANH

NHẮN CHỒNG

Đưa chàng đi rưng rưng nước mắt,
Lại lìa chàng như cắt buồng gan.
Chàng đi cách trở quan san,
Thiếp về dựa chốn phòng loan lạnh lùng.
Chàng là kẻ anh hùng hào kiệt,
Bỏ nhà ta lo việc nước ta.
Nay chàng phải lánh đi xa,
Thiếp xin gánh vác việc nhà như xưa.
Trên: Cha mẹ sớm trưa rau cháo,
Dưới: Là con cơm áo, chăn nuôi.
Thiếp xin lo liệu xong xuôi,
Cho chàng khỏi bận đoái hoài việc trong.
Chàng yên lòng làm công việc nước,
Cùng anh em đồng sức đồng lòng.
Mau mau cách mệnh thành công,
Thỏa lòng chàng đó, vui lòng thiếp đây.
Giúp đoàn thể việc này việc khác,
Thiếp vẫn xin gắng sức, gắng công.
Luôn cho xứng đáng với chồng,
Dù xa xôi mặt mà lòng không xa.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 141,
ngày 21 – 10 – 1942.

KHUYẾT DANH

GỬI ANH EM BINH LÍNH

Nước ta từ lúc Tây sang cướp,
Đồng bào phải chịu kiếp lầm than.
Thật là khổ cực, cơ hàn,
Khác nào trâu ngựa, tồi tàn lắm thay,
Bây giờ lại thêm tay giặc Nhật,
Dân ta càng khổ cực gấp mười.
Anh em binh lính ta ơi,
Chúng ta cùng giống, cùng nòi Việt Nam.
Súng cứu quốc tràn lan khắp ngả,
Từ thị thành đến cả dân quê.
Cũng như nước sắp tràn đê,
Giặc Tây, giặc Nhật khiếp ghê hãi hùng.
Binh lính nên hết lòng giúp sức,
Cho dân làng tổ chức kết đoàn.
Đứng theo dân chúng một hàng,
Mau mau đuổi bọn tham tàn Nhật, Tây.
Ngày thường nên ra tay cứu vớt,
Cho những người vì nước vì dân.
Cuộc thế nay đã xoay vần,
Ngày mà thắng lợi chắc gần không xa.
Lúc cách mệnh đứng ra khởi nghĩa,
Binh lính cùng ra giữa chiến trường.
Cùng quân cách mệnh một đường
Quay súng bắn bọn hung cường, dã man.
Để khôi phục giang san đất nước,
Mới thỏa lòng mong ước đồng bào.
Làm cho cờ đỏ ngôi sao
Được bay phấp phới trên cao nước mình.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 142,
ngày 01 – 11 – 1942.

CHÚC MỪNG ANH EM VIỆT MINH HUYỆN Đ. R.

Được tin huyện Việt Minh thành lập,
Gửi đôi lời xin chúc muôn năm.
Muôn năm cách mệnh thành công,
Việt Nam độc lập muôn năm thái bình.
Lời trân trọng lòng thành xin chúc,
Thanh, Nông, Phụ nỗ lực tiến lên.
Noi gương oanh liệt Xô Liên,
Làm cho rạng mặt con Tiên cháu Rồng.
Nay khắp nước toàn dân nheo nhóc,
Dưới gót sắt Pháp, Nhật hung tàn,
Trẻ, già, trai, gái kêu ran,
Trông bi ai cảnh mà tan nát lòng.
Nhục vong quốc ai không căm tức,
Thân tôi đòi khổ nhục biết bao.
Nào là sưu nặng, thuế cao,
Nào là đói rét, tù lao, phu đòi.
Nào sang Tây chết ngoài chiến địa,
Nào đắm tàu giữa bể ai chôn?
Nào là bị chết đạn bom,
Lại còn chết trận Nhật, Xiêm bao người.
Than ôi kiếp tôi đòi trâu ngựa,
Dẫu sống chết ai có thương đâu.
Tây cưỡi cổ, Nhật đè đầu,
Hai tầng áp bức đã hầu kiệt hơi.
Còn anh hùng bao người vì nước,
Đương bị tụi đế quốc đày giam.
Nào là Lao Bảo, Côn Lôn,
Nào Buôn Ma Thuột, Công Tum, Sơn La.
Trong ngục thất thật là cơ cực,
Trăm cái nhục còn nhục nào hơn.
Đắng như ngậm quả bồ hòn,
Bấm gan chiến sĩ, nuốt hờn gượng vui.

Nghĩ nông nỗi khôn nguôi lòng tức,
Rồi ra thêm chín khúc tơ vò.
Nhìn xem Nam Việt địa đồ,
Giải đất chữ S tựa lò sát sinh.
Nay nhân lúc chiến tranh sôi nổi,
Khắp hoàn cầu tỏa khói đạn bom.
Thì lá cờ đỏ sao vàng.
Của toàn dân nước Việt Nam ra đời.
Cờ phấp phới gọi người yêu nước,
Nắm chặt tay đoàn kết đồng tình.
Cùng nhau vào Hội Việt Minh,
Đánh tan chế độ bất bình, dã man.
Theo tia sáng sao vàng chói lọi,
Chân này không thẹn với giang san.
Thật là một buổi vẻ vang,
Là buổi thành lập Việt Minh Đá Rừng.
Toàn dân reo tiếng mừng tay vỗ,
Tám chục năm mới có hôm nay.
Nỗi mừng khôn thể dãi bày,
Hướng về Đại hội giơ tay đứng chào!

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 143,
ngày 11–11–1942.

CHƠI NÚI

Kìa là núi, kìa là sông,
Tầm vóc non sông của Lạc Hồng.
Bể bạc rừng vàng là xứ Việt,
Con giòng, cháu giống một phương Đông.
Nếu quân Pháp, Nhật dài đầy đọa
Thì giống Tiên Rồng sẽ diệt vong!
Hỡi hỡi đồng bào đoàn kết lại,
Cùng nhau khôi phục nước non chung.

Khuyết danh

Báo *Việt Nam độc lập*. Số 143
Ngày 11 – 11 – 1942.

HOAN NGHÊNH DÂN TỘC LIÊN HIỆP

Bọn Nhật, Pháp vô cùng quỷ quyệt,
Xúi dân mình tự giết dân mình,
Xui người Thổ giết người Kinh,
Xui dân Mán hại dân Nùng vân vân...
Đã cùng chung kiếp dân nô lệ,
Lại cam tâm chia rẽ, hại nhau
Để người cười cổ đè đầu,
Ai đà trông thấy chẳng đau đớn lòng?
Trước tình cảnh vô cùng thảm thiết,
Hội Việt Minh kiên quyết ra tay,
Kêu gào dân đất nước này,
Cùng nhau tỉnh dậy bắt tay kết đoàn.
Đáp tiếng gọi hàng ngàn người dậy!
Quyết phen này ta phải dấy lên,
Thổ, Nùng, Mán trắng, Mán tiền,
Phá rào phân rẽ, kết liền tình thân.
Cuộc tổ chức các dân liên hiệp,
Của tỉnh Cao đã kết thúc rồi
Tiếng hoan hô vẳng khắp nơi
Hãy còn vang dội giục người tiến lên!
Các dân tộc! Cứ liên hiệp mãi,
Đoàn kết thêm! Họp lại cho đông.
Rồi đây cùng phất cờ hồng,
Đem thân đổi lấy non sông nước nhà.
Nước độc lập dân ta sung sướng,
Lại cùng nhau ta hưởng vui chung
Cùng nhau xây dựng non sông,
Nước Nam giàu mạnh sánh cùng thế gian.

1942
Khuyết danh

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

LỜI CHIẾN SĨ

Tặng anh em du kích

Rừng sâu sao muôn trăng mờ,
Chấp soi hang trống, gió lùa cây thưa.
Tiếng trùng lẫn tiếng suối xa,
Làm trắng thêm vẻ âm u, tiêu điều.
Giống nòi cùng khổ bao nhiêu,
Nguy nan rày lại như khêu lửa hờn.
Quyết tâm mình hiến giang sơn,
Mài gươm lắp súng phá tan bất bình.
Dẩu rằng trận đánh hy sinh
Còn hơn mỏi gối khép mình làm tôi.

1942

KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc 1936 – 1945.
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

TIẾNG NÓI NGƯỜI DÂN

Nghe mấy lời quan tuần diễn thuyết,
Mà càng thêm lộn tiết, ngứa gan.
Cho hay là bọn làm quan,
Đã hư lại dại, đã gian lại nồng.
Dân Cao Bằng ai không biết rõ,
Trăm thứ tiền đều bổ vào dân.
Nào là thuế ruộng, thuế thân,
Thuế buôn, thuế bán, thuế ăn, thuế làm.
Gạo, vải, muối, dầu, diêm... mọi vật
Cứ càng ngày càng đắt, càng cao.
Sao quan không cứu thử nào,
Lòng dân mong đợi, ước ao bấy chầy.
Còn bao người bị đầy oan khuất,
Khổ suốt đời ở đất Sơn La.

Sao quan không cứu họ ra?
Để cho họ được về nhà làm ăn.
Mà quan chỉ nói xằng nói bậy,
Toan hại dân mà lợi cho quan.
Vì ai dân phải cơ hàn?
Vì ai dân phải nghèo nàn đắng cay.
Vì Nhật, Tây già tay áp bức,
Bóc lột dân hết sức dã man.
Cho nên dân phải kết đoàn,
Đánh Tây, đánh Nhật lo toan cứu mình.
Nhờ đoàn thể Việt Minh lãnh đạo,
Vì giống nòi bày bảo việc hay.
Quan đà theo Nhật, theo Tây,
Thì theo Tây, Nhật, chớ hay nói xằng!

Báo *Việt Nam độc lập,* số 151,
ngày 01 – 2 – 1943.

KHUYẾT DANH

GÀ GÁY

Đêm dài tối mịt tối mù
Thấy gì trời đất, thấy gì non sông.
Muôn loài sống cũng như không,
Nằm im phăng phắc trong vòng ngủ mê.
Gọi đời may có hùng kê,
Canh khuya cất tiếng bốn bề dội vang.
Muôn dân trong giấc mơ màng,
Càng nghe càng tỉnh, tỉnh càng lắng nghe.
Phía đông ánh sáng lập lòe,
Mặt trời vừa động bánh xe bằng vàng.
Làm cho muôn vật vẻ vang,
Lìa đàng mờ tối, lên đàng quang vinh.
Cứu đời có Hội Việt Minh
Dạy mình đoàn kết, dạy mình đấu tranh.
Dạy mình vào chốn quang vinh,
Nước mình độc lập, dân mình tự do.

Báo *Việt Nam độc lập,* số 153
ngày 21 – 2 – 1943.

KHUYẾT DANH

NÔNG DÂN KHUYÊN VỢ

Nắng thì nắng, mưa thì mưa,
Đời ta cứ việc gắng cày bừa.
Mưa, cày ruộng ướt, chờ gieo lúa.
Nắng, cuốc vườn khô để trỉa dưa.
Quyết chí vun trồng hoa quả tốt,
Ra tay tiêu diệt cỏ gai thừa.
Làm cho đầy đủ loài lương thực,
Dân tộc ai ai cũng được nhờ.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập,* số 157,
ngày 1-4-1943.

MỘT NGƯỜI KỲ LẠ [1]

Tôi biết một con người kỳ lạ,
Xưa nay không ai sức khỏe như vầy.
Một bước chân vùng nọ đến vùng nầy,
Tay có thể lấp sông và dời núi;
Mắt có thể nhìn xuyên trong chỗ tối;
Tai nghe xa muôn dặm cũng như gần;
Mở miệng thì ích nước lại lợi dân;
Lòng quyết làm thì việc gì làm cũng đặng;
Hễ chống giặc bao giờ ông cũng thắng,
Vì sức ông to lớn nhất trong đời.
Ông ở đâu? Và tên họ là gì?
Đố ai nói cho đồng bào ta biết.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập,* số 158,
ngày 11 - 4 - 1943.

---

1. Bài làm theo dạng câu đối. Lời giải chờ độc giả tìm. Nhưng ai cũng hiểu con người kỳ lạ ấy là nhân dân.

HỒNG QUÂN NGA

Nga Tổ quốc cách mệnh,
Bỗng bị Đức tấn công.
Nga quyết tâm đánh bại,
Không để Đức cuồng ngông.

Cả nước đều nhất trí,
Cả nước đều một lòng.
Đem toàn cả lực lượng,
Đánh tan bọn thù chung.

Hồng quân lại oanh liệt,
Xem cái chết như không.
Đem máu thịt của họ,
Đúc lên bức thành đồng.

Trên bức thành đồng đó,
Phấp phới lá cờ hồng..
Đức cụng đầu vào đá,
Đầu liền nát như bông.

Nga là gương dũng cảm,
Chúng ta đứng mà trông.
Muốn đánh Tây, đánh Nhật,
Trước phải có chữ đồng.

Nào gái, trai, già, trẻ,
Nào Nam, Bắc, Tây, Đông,
Đều giúp công giúp của,
Để lấy lại non sông.
Chúng ta biết nhất trí,
Cách mạng quyết thành công.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 159,
ngày 21 – 4 – 1943.

BỨC LỆ THƯ

Được tin mẹ các con tạ thế,
Áo vải xô ướt lệ bồ côi,
Đau lòng cha lắm con ơi,
Chân trời luống những ngậm ngùi thở than.
Gạt nước mắt đêm hôm khuya khoắt,
Viết cho con một bức lệ thư,
Cha vì hai chữ quốc thù,
Nặng lòng thương nhớ khôn về với con.
Nay nhờ ông sớm hôm săn sóc,
Khuyên hai con chớ khóc, nhé con,
Để cha vững dạ sắt son,
Mà xây dựng lại giang sơn nước nhà.
Để ông vui tuổi già cảnh lão,
Ở sao cho trọn đạo cháu ông,
Chớ đừng nay khóc mai mong,
Kêu cha gọi mẹ làm ông phiền lòng.
Mẹ con đi, đi không trở lại,
Đi nghìn năm đi mãi không về,
Còn cha việc nước bộn bề,
Giang sơn gánh vác nặng nề hai vai.
Nhưng cũng chỉ nay mai thắng lợi,
Cờ ngôi sao rực cõi trời Nam,
Cha sẽ về với hai con,
Ung dung ngày tháng không còn phân ly.

1943

KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng 1925 – 1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

TAN NÀ DÁP

I

Tứ đậu thăng dăm bức pện fây,
Pôm pôm ngài giá ooc tan ngay.
Tểnh thu chíu chíu tha vằn chỏi,
Tẩu slửa rì rì méc thứa lây.
Kha rả, đang gài, lăng nất nỏ,
Năng đăm, đúc rử, ngảm phjâng đây.
Kỷ lai khôm khó tan nà đắp,
Tan dảy au mà liệng Nhật, Tây.

II

Tan dảy au mà liệng Nhật, Tây,
Ngậy hơn chếp tót nặm tha lây.
Vẩn lăng chịu chục lòi lòi mại?
Mẻn khoái đùa căn tín khíj ngay.
Quyên khẩu, quyên giền, hưa hấu hội,
Xa riềm, xa slủng, slắm sle hây.
Khả khai Tây, Nhật cheng au nước,
Sle khói gian nan pện cả này.

Báo *Việt Nam độc lập,* số 171,
ngày 21 – 8 – 1943.

KHUYẾT DANH

Bản dịch:

GẶT LÚA CHIÊM

I

Nắng lửa như thiêu nóng suốt ngày.
Cơm xong mùa gặt phải đi ngay.
Chói chang bóng ác trên đầu chiếu,
Ri rỉ mồ hôi dưới áo đầy.
Lưng mỏi, chân bùn, mình dậm quá,
Rát vai, da xạm, xương như thay.
Bao nhiêu cay đắng mùa chiêm gặt,
Gặt lúa về nuôi béo Nhật, Tây.

II

Gặt lúa về nuôi béo Nhật, Tây,
Ngẫm bao đau xót lệ rơi đầy.
Làm sao chịu nhục cam tâm mãi?
Mau rủ nhau cùng nổi dậy ngay.
Vì Hội, quyên tiền, gạo phải chóng
Còn ta, sắm thuốc, súng không chầy.
Diệt tan Tây, Nhật giành sông núi,
Để khỏi gian nan tựa lúc này.

TRIỀU ÂN *dịch*

CÁI KIẾP TÔI ĐÒI

Đồng bào ơi!
Ta cũng là người
Nhật, Tây cũng là người.
Sao ta chịu kiếp tôi đòi,

Cả năm cắm cổ làm trâu ngựa,
Suốt tháng đi phu chịu vọt roi!
Ôi cái kiếp vọt roi,
Cái kiếp tôi đòi,
Nhục! Ai ôi!

Báo *Việt Nam độc lập*, số 173,
ngày 11 – 9 – 1943.

KHUYẾT DANH

MÙNG TỎNG NÀ

Tầng ăn Tổng khẩu rường lương dít
Phấu nốc cu bân tít nưa slung
Cảnh này dẳng cảnh vui mừng.
Thâng rì dần gạy khẩu lồng giào sle
Tọ sực thực xiên vè rầu rĩ
Gần dân hay lo hí dăm tha
Bởi vì tuy khẩu têm nà
Nhật, Tây dạ slức lệnh mà cướp ăn
Rối ban ơi, giau slàu lai nỏ
Tởi dân hây khôm khỏ cạn lai
Pây phu nhục nhạ tang vài
Thuế nà cụng oóc, khẩu ngài mẻn slu
Đồng bào hỡi, nhất rừ khúc nẩy
Thôi nấm vần thán hảy lăng mòn
Toàn dân tín khỉn kết đoàn
Thót tao khả slấc tức tan quân thù
Nước cứu đảy dân giàu slung slướng
Thuồn ké eng dảy hưởng tự do.
Gần hất nà khẩu nậm đo
An nhàn vạn tởi, bấu lo xác vè.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 177,
ngày 21 – 10 – 1943.

KHUYẾT DANH

Bản dịch:

TRÔNG ĐỒNG LÚA

Đồng lúa chín một màu vàng óng
Đàn chim kia bay bổng trời cao
Cảnh này tươi đẹp biết bao
Đến mùa gặt lúa đổ vào kho riêng.
Nhưng sự thực trăm nghìn sầu thảm,
Nhân dân ta lo lắng mọi bề.
Bởi vì lúa chín đồng kia,
Nhật, Tây đã sức, định về cướp đi.
Trời đất hỡi, sầu bi quá đáng,
Đời dân ta cay đắng lắm thay.
Đi phu nhục tựa trâu bầy,
Ruộng mùa nộp thuế, cơm ngày bị thu.
Đồng bào hỡi, thẫn thờ nỗi ấy,
Thôi không nên ngồi đấy khóc than.
Toàn dân cùng dậy kết đoàn,
Rút gươm giết giặc đánh tan quân thù.
Nước cứu lại dân giàu sung sướng,
Thảy trẻ già đều hưởng tự do.
Nông dân làm ruộng ăn no,
An nhàn vạn đại chẳng lo điều gì.

TRIỀU ÂN *dịch.*

PHẤT CỜ LÊN, TUNG BƯỚC

(Hát theo điệu Tam Bình)

Hỡi quốc dân phất cờ lên!
Hỡi quốc dân phất cờ lên!
Nhà tan, nước mất đau lòng nhau chưa!
Dân ta từ lúc sinh ra
Từng chiến đấu với bao quân cướp nước,
Từng sống nhất trí bao năm hùng tráng xưa.

Ngàn năm nay cờ tự do
Từng bay cao trên đất Lạc Hồng.
Kìa sao vàng cờ đỏ lên đường
Đang nêu gương toàn quốc liên minh.
Dân ta hãy đoàn kết xung phong,
Quyết chiến đấu cùng loài lang sói.
Là quân Việt gian hung hãn,
Là quân Tây gian tham hung ác,
Làm cho Việt Nam độc lập;
Cùng năm châu chen vai sát cánh,
Xây dựng nên tương lai sáng ngời.
Lòng sục sôi ta quyết tiến lên.
Hỡi đồng bang phất cờ lên!
Lòng hy sinh đương cơn nung nấu.
Mau tiến tới phá hết xích xiềng.
Cờ Việt Minh phấp phới bay cao.
Phất cờ lên, tung bước lên!
Cờ độc lập sáng chói ngàn năm!

1941
KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 - 1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

NHẮN MẸ

Từ khi con thoát ly nhà cửa,
Đem thân ra trả nợ nước nhà.
Chân trời góc biển xông pha,
Quyết tâm dựng lại sơn hà mai sau.
Chí kiên không điểm vẻ sầu,
Lòng gan cứu nước một bầu máu sôi.
Cảnh ly biệt không lời than thở,
Quên thân mình phụng sự quốc gia.
Quên nơi son phấn mày hoa,
Quên ngày vui sướng tiếng ca điệu đàn.
Quên ngày chè rượu truy hoan,
Mảng vui với chốn tung hoành giáo gươm.

Từ khi đó không nhà không cửa,
Bốn phương trời nay ở mai đi.
Tấm thân lăn lộn quản gì,
Bởi vì nghĩa vụ, bởi vì quốc gia.
Tấm sương gió cùng là phơi tuyết,
Dạn phong trần nếm mật nằm gai.
Chữ trung quyết chẳng mòn phai,
Một lòng sau trước không sai tấc lòng.
Trơ như đá, vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời...

1943

KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 – 1945)
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

CA NHI ĐỒNG

Hỡi hỡi nhi đồng!
Há chịu ngồi không.
Ngồi không sao bõ.
Ta phải hết sức ra công,
Ra công là ra công tranh đấu
Mới phải chí con trẻ Lạc Hồng!

1943

KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 – 1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

KHÓC ĐỒNG BÀO BỊ NẠN BOM Ở HẢI PHÒNG

Tụi phát xít thật là tàn ngược,
Đem quân đi xâm lược gây ra,
Dân ta có tội chi mà,
Bị bom phá giết thiệt là đắng cay!
Chốn Hải Phòng tàu bay tàn phá,
Đồng bào ta thiệt mạng khá đông,

Thịt, xương, máu đỏ vãi vung,
Thảm thương con cháu Lạc Hồng lắm thay!
Có kẻ thì đứt tay, lìa cổ,
Có người thì chết lỏ, chết trần.
Người thì thủng bụng gãy chân,
Nhiều người vỡ sọ, nát thân tơi bời.
Kẻ tiếc con kêu giời lăn lóc,
Người thương cha khóc lóc than van,
Nhớ chồng lệ ứa hai hàng,
Bỏ chàng ở lại sao đang hở giời!
Vì ai mà bom rơi đạn nổ,
Vì ai ta chịu khổ, chết oan,!
Bởi vì Tây, Nhật hung tàn
Nước ta thành bãi chiến trường đánh nhau.
Đồng bào hãy mau mau tỉnh dậy!
Lấy những người chết đấy làm gương,
Quyết tâm đánh lũ hung cường,
Mới mong khỏi chết thảm thương như vầy!

Thơ ca cách mạng 1925–1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

1943
KHUYẾT DANH

THƠ XUÂN

Xuân về muôn vật tốt tươi,
Hoa cười chim hót đầy trời vẻ xuân.
Riêng tủi phận làm dân mất nước,
Xuân về rồi chẳng được gì xuân.
Quanh năm cực khổ muôn phần,
Đi phu, nộp thóc, nhọc nhằn than ôi!
Chính trong lúc phong trào thuận tiện,
Sóng chiến tranh cuộn cuộn dâng cao.
Đồng minh thắng trận ào ào,
Còn phe xâm lược nước nào cũng thua.
Nay gặp dịp nghìn thu một hội,
Lợi cho ta đánh đuổi quân thù.

Đồng bào muốn chóng tự do,
Mau mau chuẩn bị mà lo phất cờ.
Chúng ta phải ngày giờ chiến đấu,
Rửa non sông bằng máu phục thù.
Tiếng thơm để mãi nghìn thu,
Mới không hổ thẹn với màu xuân tươi.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 186,
ngày 15-1-1944.

CON SẮP ĐI CHUYÊN MÔN [1]

(Nói với mẹ)

Con sẽ đi đến tận bên chân trời,
Tìm hạnh phúc cho Việt Nam độc lập.
Và dấn bước trong rừng sâu nước độc,
Tấm thân này hiến cả cho quốc gia.
Ai xui nên cảnh lìa mẹ, xa nhà,
Bọn đế quốc hung tàn gây nên cả.
Nếu một ngày mà thù còn chưa trả,
Thì con thề không trở lại chốn quê.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 187,
ngày 15-2-1944.

HÁT LÊN

Nhật lùn nước mẹ gì bay,
Hoa tay, múa mép khoe tài nữa thôi?
Cháy nhà, mặt chuột ra rồi,
Giấu ai được vết lọ nồi dơ danh.
Máy bay Tàu, Mỹ tung hoành,
Kinh hồn khiếp vía, bay đành bó tay.

1. Đi chuyên môn: Danh từ bấy giờ dùng để chỉ việc thoát ly gia đình đi làm cách mạng.

Quan quân toán loạn cả ngày,
Che bom chẳng có tầu bay chiếc nào.
Đứa rúc bụi, đứa chui hào,
Chước thâm cũng chạy, mưu cao cũng chuồn!
Chuồn đâu cho thoát hỡi lùn?
Chuồn đâu cho thoát chỗ dồn, đuổi sau!
Khôn hồn bỏ đất này mau,
Bằng không chừ đánh tan đầu, nhừ xương!

Hỡi đồng bào! Hỡi đồng bào!
Coi chừng giặc Nhật chạy vào làng ta!
Mỹ, Tầu tới đánh không tha
Nhật đâu là đó, cửa nhà ra than!
Loạn ly, chết chóc, điêu tàn!
Bà con ta hãy lo đoàn kết mau!
Nhật lùn chạy trốn vào đâu,
Bà con ta phải hò nhau ra lùa!
Ta đông là nó phải thua,
Ta găng là nó phải chừa mặt ta.
Quyết không cho nó vào nhà!
Anh em binh lính ta ơi!
Đầu phơi dưới đạn bom rơi còn gì!
Tan xương nát thịt một khi,
Than ôi nào phải chết vì nước non!
Chẳng vì làng xóm bà con,
Chết mà chết vậy, chẳng oan một đời?
Anh em binh lính ta ơi!
Cùng toàn dân tộc đồng thời dấy lên!
Vào quân nhân cứu quốc liên
Bắn tan đầu lũ cường quyền Nhật, Tây!
Ôi làng! Nhật, Pháp thông đồng,
Giết con, giết bố, giết chồng ta đây!
Xích chân lính bắt tầu bay!
Bắt phu nằm giữa trường bay Lai Thành!
Chao ôi! Xương thịt tan tành!
Chết chồng, con, bố ta đành chịu sao?
Xông ra ta thét ta gào,
Chửi vào mặt Nhật, chửi vào mặt Tây!

Đòi chồng, con, bố ta ngay
Chết đòi đền mạng, sống quay về nhà!
Đồng tâm một khối trẻ già,
Cứu con, cứu cháu, cứu cha, cứu chồng!

Đuổi Nhật ra! Đuổi Pháp ra!
Quyết không để chúng bắt ta chết cùng!
Nhật là hủi, Pháp là phung.
Phải thiêu đốt lũ vi trùng kia ngay!
Một ngày còn chúng ở đây,
Tránh sao được họa chết lây, đồng bào!
Bà con ta khổ biết bao!
Cứu thân, cứu nước, hãy vào Việt Minh
Mỹ, Tầu là bạn dân mình,
Cùng nhau ta đánh tan tành Nhật, Tây!

Ba Đình thị xã xuất bản ngày 22 – 2 – 1944.

Ban tuyên truyền Việt Minh
Tỉnh Thanh Hóa.

CÁI ÁO RÁCH VÀ NỀN THỐNG TRỊ LUNG LAY CỦA ĐẾ QUỐC NHẬT, TÂY

Chiếc áo kia đã cũ rích rồi,
Màu pha, vải mục, rách vài nơi.
Còn mang mặc nữa, anh cố vá.
Nhưng chẳng bao lâu cũng nát thôi.

Lúc nền thống trị đã lung lay,
Khủng bố, quân thù giết thẳng tay.
Vì muốn duy trì nền sắp đổ.
Nhưng đổ, than ôi! Đã đến ngày.

Cuối cùng kẻ thắng chính là ta.
Đế quốc dù sao cũng chết mà.
Đồng chí vững lòng hăng chiến đấu,
Không vì khủng bố nản lòng a!

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 189,
ngày 25 – 2 – 1944.

HỠI ĐỒNG BÀO

Đồng bào ơi! Hỡi đồng bào!
Sống không yên được, chết nào được yên.
Nhật, Tây đã cậy thế quyền,
Thì ta nắm chặt tay liền một dây.
Đứng lên chí quyết phen này,
Đương đầu tranh đấu chặn tay quân thù.
Chống tăng thuế, chống bắt phu,
Chống thu bông sợi, chống thu lúa nhà.
Chống đào mồ mả cha ông,
Chống khủng bố trắng, khảo tra, tù đày.
Rèn gan luyện óc từ đây,
Tiến lên giết giặc Nhật, Tây bạo tàn.

1944
KHUYẾT DANH

Báo *Đuổi giặc nước*, số 7,
ngày 10–6–1944.

CỜ ĐỎ

Bốn phương cờ đỏ chữ hình chi?
Dấu hiệu công nông có những gì?
Nhát búa phá tan loài áp bức,
Lưỡi liềm cắt đứt cảnh hàn vi.
Gọi phe dân chủ mau đoàn kết,
Giúp bạn công nông tiến bộ đi.
Cách mạng phen này trừ đế quốc
Năm châu phất phới lá hồng kỳ.

1944
KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936–1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

GỬI MẸ

Con từ thuở bỏ nhà bôn tẩu,
Trên bước đường tranh đấu gian nan.
Khi vượt suối lúc băng ngàn,
Dầm sương dãi nắng lo toan việc đời.
Thân nam tử, đội trời đạp đất,
Có loạn nhà nước mất nhà tan.
Cúi đầu chịu nhục không an,
Phải liều mình cứu giang san nước nhà.
Phải nối chí ông cha thuở trước,
Phải đuổi quân xâm lược bạo tàn.
Phải làm cho nước Việt Nam,
Cờ bay độc lập ngang hàng năm châu.
Con nhiều lúc lòng đau lệ nhỏ,
Thương đồng bào cực khổ lênh đênh.
Thôn quê cùng với tỉnh thành,
Một mình tôi mọi bán mình nhuốc nhơ.
Không có chút tự do nhân cách,
Bao lợi quyền về sạch tay ai?
Xót thay cho một giống nòi,
Ngàn xưa oanh liệt kém người ta đâu.
Nay những kẻ mang bầu máu nóng,
Quyết cùng nhau ra chống quân thù.
Muôn người tập hợp dưới cờ,
Con không ngoảnh mặt làm ngơ cho đành.
Nên con phải hy sinh hạnh phúc,
Vì thù chung tạm gác tình riêng.
Xông pha nguy hiểm ngày đêm,
Vui cùng đồng chí để quên gia đình.
Con cũng biết tình sâu của mẹ,
Đương bùi ngùi, nhỏ lệ mong con.
Cửa nhà những buổi hoàng hôn,
Trông xa mẹ những bồn chồn ruột gan.

1944
KHUYẾT DANH

(Tài liệu riêng của Vũ Châu Quán)

CHỐNG KHỦNG BỐ

Chúng ta phải một lòng kiên quyết,
Chống khủng bố dù chết cũng cam.
Mặc dù cửa nát nhà tan,
Miễn sao khôi phục giang san một nhà.
Chẳng ra thú, xuống tay điểm chỉ,
Thề từ nay quyết chí xin chừa.
Mưu này độc ác không vừa,
Nhưng ta nào có mắc lừa mưu gian.
Chống khủng bố muôn vàn khổ cực,
Vì non sông ta dốc một niềm.
Phen này đánh đổ cường quyền,
Lấy xong đất nước hoàn tuyền nghiệp ta.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 192,
ngày 15-6-1944.

KHUYẾT DANH

PHỤ NỮ

Chị em phụ nữ ta ơi!
Dại gì mà khóc, khóc thời được sao?
Đã gây ra cuộc binh đao,
Chúng còn thương đến ai nào nữa đâu!
Mặc đời đổ máu rơi đầu,
Miễn sao vàng bạc chúng thâu được nhiều.
Chém cha phát xít quạ diều,
Xâu xé nhân loại trăm chiều thảm thê!
Bố, con, chồng, tội tình chi
Chúng lùa chúng bắt điệu đi như tù!
Chiến trường bom lửa mịt mù,
Tan xương nát thịt bay đầu như không,
Ới con, ới bố, ới chồng!
Ngày đi thì có, chẳng mong ngày về!
Phương trời cách biệt mây che,
Cảnh nhà cô quả, ủ ê, héo mòn...

Chém cha phát xít du côn,
Đang tay đập nát hàng muôn gia đình.
Chị em ơi, kíp đồng tình,
Ta ra phản đối chiến tranh giết người,
Chống mộ lính, bắt phu dài,
Giữ con, chồng, bố, đuổi loài thù chung!
Vén tay ta níu lấy chồng,
Ta ôm lấy bố, ta bồng lấy con.
Sấn quần ta đến trại đồn,
Ta kêu, ta giục chồng con ta về.
Nằm ngang đường, cản tàu xe,
Chỉ quân phát xít, ta hè nhau la.
"Phải trả chồng, phải trả cha;
Trả con yêu quí cho ta tức thời.
Không cho bay xách, bay lôi,
Quẳng ra chiến địa làm mồi lửa gang".
Dậm chân ta hét vang đàng,
Đem con, chồng, bố, chiến trường về mau!
Chúng ta không muốn khổ đau,
Ngậm hờn chết bố, nuốt sầu mất con!
Rủ đầu nằm vạ công môn,
Đòi bồi thường mạng cho con, cho chồng.
Chém cha phát xít tàn hung
Mạng người coi chẳng bằng đồng tiền chinh.
Hỡi ai khao khát hòa bình
Hỡi ai muốn được an ninh cửa nhà.

KHUYẾT DANH

Báo *Đuổi giặc nước*, số 8,
ngày 15 – 7 – 1944.

GỬI ĐỒNG BÀO THAM GIA CỨU NƯỚC

Hơn hai mươi triệu đồng bào ta,
Phấn đấu hy sinh cứu nước nhà.
Dự bị máu xương chôn Pháp, Nhật,
Điểm trang lịch sử để lâu xa.

Việt Nam tên tuổi năm châu hởi,
Dân tộc anh hùng bốn bể ca.
Ta muốn thành công, không tưởng tượng.
Đồng bào hỡi! Kíp dậy tham gia.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 195,
ngày 1–9–1944.

HAI ĐỨA TAY SAI

Bọn Nhật, Tây thật là hung dữ,
Khéo tinh ma chọn đứa tay sai.
Nguyễn Tòng, Nguyễn Bách là ai?
Em đi anh lại cũng tay cáo già.
Nó mượn tiếng quan nhà gần gụi,
Tưởng phỉnh lừa theo lối trẻ con.
Những người cách mạng thật khôn,
Những mưu xỏ lá ai còn mắc sao?
Người cách mạng đâu đâu cũng có,
Họ trông xa thấy rõ muôn phần.
Một lòng đoàn kết tinh thần,
Bày mưu đặt kế cho dân nước nhà.
Rằng ta phải lo xa nghĩ kỹ,
Phải làm theo chỉ thị cấp trên.
Sao cho Tổ quốc vững bền,
Chính trị quân sự tập rèn cho tinh.
Cơ hội đến là mình đứng dậy,
Khắp ba kỳ lừng lẫy đao binh.
Ngoài ra có bạn đồng minh,
Đông hô: Tây ứng đồng tình với ta.
Dồn mấy trận đuổi xa Tây, Nhật,
Treo cờ cao Độc lập, Tự do.
Người người sung sướng ấm no
Nguyễn Tòng, Nguyễn Bách là đồ chết treo.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 196,
ngày 10 – 9 – 1944.

KHÔNG CHẾT CHO GIẶC

Anh ơi! Giặc nó bắt anh!
Xa thầy, bỏ mẹ, đứt tình duyên ta.
Nó lôi nó đẩy anh ra,
Nịt nai súng ống, xông pha phương trời.
Kinh thay cái cảnh giết người,
Mịt mù khói đạn, đỏ ngời lửa bom.
Ngổn ngang thấy xác không hòm,
Tả tơi da thịt, đỏ lòm máu xương.
Anh ơi!
Cái thân vứt giữa chiến trường
Mong gì trở lại quê hương hỡi chàng!
Gió sương vùi dập phũ phàng.
Nắm xương tử sĩ thảm thương không mồ!
Đớn đau kẻ đợi người chờ,
Đêm đêm tựa cửa trông hờ tin suông.
Mẹ trông con, vợ trông chồng,
Mà ngày tháng lại anh không thấy hồi.
Đau lòng biết mấy anh ơi,
Mẹ già biết lấy chi nguôi cơn sầu.
Em buồn em khóc canh thâu,
Ỷ eo may được vài câu gọi là.
"Tội cho bác ở trước nhà
Con người thế ấy mà ra thế này".
Xóm làng mách bảo nhau hay:
"Bác Nhiêu đi lính Nhật, Tây chết rồi!"
Rồi thôi mặc lệ em rơi,
Ai người khóc viếng, ai người vấn tang.
Rồi thôi như khách qua đàng,
Còn ai nhắc tới tên chàng ngày xưa!
Chết không để tiếng thơm thừa.
Chết mà chết vậy, oan chưa hỡi chàng!
Cơ chi vì nước, vì làng.
Mà anh xông giữa chiến trường cho cam!
Cơ chi vì giống Việt Nam,

Mà anh ra cứu thoát hàm sài lang.
Thì duyên em dẫu bẽ bàng
Dám đâu ngăn cản bước chàng chinh phu.
Dám đâu lộ nét buồn u,
Dưới dòng lệ tất hóa thù lòng anh!
Anh ơi! Chết vậy cũng đành
Chết mà vì nước lưu danh anh hùng!
Chết mà sống lại non sông.
Chết mà sống mãi trong lòng người sau.
Anh ơi, rồi bước anh hào
Tiếc chi duyên thắm, máu đào, ngày xanh?
Em xin anh hãy để dành
Tấm thân vàng ngọc hy sinh sau này.
Rèn gươm, luyện óc, đợi ngày
Ba quân cách mệnh dàn bày tiến quân.
Thì xin anh chớ tần ngần,
Súng dao cắp nách dục chân lên đường.
Thân em dù hạng gái thường
Cũng nguyền xông tới chiến trường bên anh.
Đánh quân Nhật, Pháp tan tành!

Báo *Đuổi giặc nước*, số 11,
ngày 15 – 10 – 1944.

KHUYẾT DANH

VỊNH CÁC CHIẾN SĨ DU KÍCH CÁC PA - TƠ

***(Vịnh ba người đầu tiên thoát ly
gia đình lên núi làm du kích)***

Tạm thời xa lánh quân thù nước,
Kiên quyết mưu toàn đất tổ tông.
Mặc ai danh lợi luồn và cúi,
Ta đến thâm sơn tiện vẫy vùng.
Cùng một chí anh hùng mưu đoàn kết
Giặc tiến công, bốn người thắng năm mươi.

Vịnh Uy Ry:

Anh hùng thay Uy Ry,
Tính nóng như Trương Phi.

Muốn làm gì được nấy,
Không biết sợ là gì.
Một lòng vì dân nước,
Nghìn thu tiếng còn ghi.

Cuộc chiến đấu của đội du kích gặp nhiều chuyện lạ lùng:
Tưởng gặp thù hóa gặp bạn
Hai đoàn du kích gặp nhau
Đánh xe Hung [1] hóa ra xe Đức
Quân nghĩa dũng lập đại công.

Báo *Việt Nam độc lập,* số 200,
ngày 25 – 12 – 1944.

VÈ NHẬT CƯỚP CÁ

Bữa qua chợ Thượng đông ghê,
Có hai thằng Nhật mò về dạo chơi.
Hắn qua hàng cá nướng tươi,
Thấy con thu lớn hắn đòi hắn mua.
Một thằng xí lố xi lô,
Xách ngay con cá khật khờ bước đi.
Một thằng gươm tuốt sáng lòe,
Mang phồng rắn độc, mắt hoe cá chày.
Biết quân quen thói cướp ngày,
Anh em hàng cá túm ngay lấy đầu.
Người đòn gánh kẻ con dao,
Người đánh kẻ chém ào ào như mưa.
Chỉ trong nháy mắt thôi mà,
Hai con chó đói thế là nhăn răng.
Nửa chiều mới biết tin hung,
Bọn nhà hắn đến, chợ không bóng người.

1944
Khuyết danh

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 – 1945.
Ban nghiên cứu lịch sử Đảng
và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản,
1975.

1. Xe của ngụy quân Hung, theo Đức quốc xã của Hít le.

VÈ NĂM GIÁP THÂN (1944)

Giáp Thân năm có tháng thừa,
Tháng tám lụt bão lại mưa vỡ đường.
Nhà giàu trốc ngói lở tường,
Nhà nghèo đói rét trăm đường khổ thay.
Trên trời toàn những tàu bay,
Mỹ sang bom bỏ đêm ngày biết bao.
Dưới đất Nhật đưa quân vào,
Ở trong Nam Việt nơi nào cũng thông.
Kể từ bom bỏ Hàm Rồng,
Cầu Lèn sập xuống dưới sông một đầu.
Mỹ sa xuống một chiếc tàu,
Lai Thành Nhật xuống bắt đầu việc quan.
Làm cho khổ hại dân gian,
Tào Xuyên bom bỏ, chết oan nhiều người.
Ngoài kia Hà Nội cũng rồi,
Hải Phòng chạy loạn than ôi cửa nhà.
Anh – Tây khi đó ra hòa,
Còn như Nhật – Mỹ mặn mà chiến tranh.
Ngày thời báo động liên thanh,
Việt Nam để ý xem anh nào tài
Ô tô của Nhật kéo dài,
Tàu bay của Mỹ một vài chiếc sang.
Bay vào bắn ga Nghĩa Trang,
Bay đến Thanh Hóa liệng sang Hàm Rồng.
Có cửa nhà mà phải chạy ra đồng,
Mẹ con táo tác trong lòng cực thay.
Chín tiền một bơ muối đầy,
Quan hai thước vải chả tày đắp thân.
Cơm thời chẳng có mà ăn,
Tổng đốc Thanh Hóa bất nhân bấy chầy.
Một mẫu thu bốn thúng lúa đầy,
Bông vừng vải lạc ra tay lấy nhiều.
Dân quê cơ cực đủ điều,
Nghe đâu trong báo cờ điều bay ra

Mười lần phủ huyện Thanh Hoa,
Dân tình ấm ức nghĩ đà không yên.
Chỉ chờ có lúc vùng lên!

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 – 1945. KHUYẾT DANH

CHÀO MỪNG NĂM 1945

Một nghìn chín trăm bốn nhăm,
Là năm thắng lợi là năm vui mừng.
Các phe dân chủ Đồng minh,
Của người yêu chuộng hòa bình các nơi,
Phát xít bị đập tơi bời,
Hít- le thất bại phải lùi tứ tung. [1]
Tây Âu, Anh, Mỹ tấn công,
Giải phóng Pháp Bỉ, một vùng Hòa Lan.
Ti-tô thu phục miền Nam, [2]
Ở Hy, Đức cũng chịu hàng quân Anh. [3]
Đông Âu Xô viết tung hoành,
Phía Nam tiến lấy kinh thành xứ Hung.
Phía Bắc rồi sẽ tấn công,
Đánh vào Đông Phổ, chạy vòng Na Uy.
Á Đông chú Nhật cũng nguy,
Bị thua mấy trận ở Phi hoảng hồn.
Miến Điện cũng khó bảo tồn,
Đông Kinh cũng bị ném bom nhiều lần.
Thiệt mất phần ba hải quân,
Hết đường nói thánh nói thần như xưa.
Phát xít nhất định phải thua,
Nhưng phần thắng lợi bây giờ về ai?
"Về dân" quyết chẳng đoán sai,
Vì rằng dân đã trổ tài đấu tranh.

---

1. Hít-le: Xem chú thích ở bài Mútxôlini bị lật đổ.
2. Ti-tô: (1892 – 1982) Lãnh tụ Đảng Cộng sản Nam Tư, chiến thắng phát xít Đức, giải phóng đất nước và trở thành Chủ tịch Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Nam Tư từ 1945.
3. Ở Hy: Ở Hy Lạp.

Rồi đây thắng lợi hoàn thành,
Tự do dân chủ ban hành gần xa.
Cũng như ở Việt Nam nhà,
Mưu lo cứu nước tức là Việt Minh.
Hô hào đoàn thể người mình,
Cùng nhau nỗ lực hy sinh chống thù.
Đánh phát xít Nhật, Đờ - cu, [1]
Hoạt động du kích trả thù cho dân.
Một nghìn chín trăm bốn nhăm,
Là năm giải quyết chiến tranh hoàn cầu.
Cho nên quê kệch mấy câu,
Đăng báo Việt Lập, cùng nhau chúc mừng. [2]
Chúc mừng đoàn thể Việt Minh,
Cùng người yêu chuộng hòa bình các nơi.
Cùng nhau đoàn kết lâu dài.
Tự do hạnh phúc đời đời hưởng chung!

Báo *Việt Nam độc lập*, số 201,
ngày 5 – 1 – 1945.

KHUYẾT DANH

LŨNG HOÀNG CHIẾN THẮNG

Núi Lũng Hoàng, sông Se Lao
Nghìn thu nghi tạc anh hào Việt Minh.
Mặc dù đại bác, liên thanh,
Làm cho phát xít hoảng kinh hai lần.
Hỡi người chiến sĩ xa gần,
Đứng lên học lấy tinh thần đấu tranh!
Việt Nam độc lập hoàn thành,
Giang sơn gấm vóc lưu danh muôn đời.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 204,
ngày 2 – 2 – 1945.

KHUYẾT DANH

---

1. Đờ - cu: Toàn quyền Đông Dương từ 1940, kẻ đã quỳ gối dâng Đông Dương cho Nhật.

2. Báo *Việt Lập*: Viết tắt tên Báo *Việt Nam độc lập*.

TIẾN RA CHIẾN TRƯỜNG

(Bài ca của Đội Tuyên truyền)

Đồng lòng cùng nhau hy sinh, cùng nhau tiến bước.
Ra nơi chiến trường mà tranh đấu cho
Đời sống nhân dân, muôn hạnh phúc, muôn thái bình.
Làn gió giải phóng đã tới, tràn lan năm châu.
Nào hăng hái một lòng mau cùng chiến đấu.
Giết cho tan quân thù phát xít chiếm nước ta.
Cùng dân chúng dắt tay lên đường giải phóng.
Tự do cờ hồng phất phới đang tung bay.
Tiếng súng đương reo cùng giục lòng nhanh bước
Phải ra tay phen này quyết đánh cho hăng
Kèn xung phong rộn rã cùng giục lòng nhau bước
Phải ra tay phen này quyết bắn cho mau
Dốc lòng cùng nhau hy sinh cùng nhau tiến bước
Ra nơi chiến trường mà tranh đấu cho
Đời sống muôn dân, muôn hạnh phúc, muôn thái bình.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập, số 211,*
ngày 10-4-1945.

ANH LÝ ƠI!

(Tặng tất cả các bạn tổng lý)

Anh lý ơi!
Cái thân anh đít thớt, đầu chày.
Quyền rơm, vạ đá, anh có hay chăng là?
Thân anh cùng kiếp dân ta,
Cũng là dân một nước, con một nhà có khác chi?
Dân mà đói rách cùng nguy,
Thì thân anh ấm no gì anh ơi!
Dân mà đầy đọa tơi bời,
Thì thân anh có sướng đời được đâu!
Dân mà sống kiếp ngựa trâu,

Thì thân anh cũng cúi đầu còng lưng.
    Anh lý ơi!
Nước non chìm nổi vong lung.
Làm dân sao lại dửng dưng vô tình?
Kìa anh trông 25 triệu dân mình,
Việt Nam độc lập đồng minh đã thành rồi!
Lòng dân ta sôi nổi khắp nơi,
Quyết đồng tâm đoàn kết như một người đứng lên!
Quyết đánh tan giặc Nhật cường quyền!

Báo *Khởi nghĩa.*
Cơ quan tuyên truyền của Việt Minh
khu Ba Đình số 3, ngày 15–4–1945.

KHUYẾT DANH

ĐI ANH

Tiếng còi "Giải phóng" đang tíu tít,
Khác nào như giục bước phân ly.
Đi anh! Tơ tình đừng vấn vít,
Để em khỏi nặng gánh sầu bi.
Đi anh! Giang san đà tan nát,
Bận chi gia thất của đôi ta.
Đi! Đi anh! Kể chi sống thác
Để em lo, kẻo tháng ngày qua.
Đi anh! Làm cho xong nhiệm vụ
Của một người chiến sĩ Việt Minh.
Phá tan phát xít loài ác thú,
Cứu nước cứu nhà mới hiển vinh.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 212,
ngày 17 – 4 – 1945.

KHUYẾT DANH

CÙNG ANH EM BINH LÍNH

Nay gặp dịp cứu dân cứu nước,
Anh em ta kẻ trước người sau.
Theo vào đoàn thể mau mau,
Chớ nên chậm trễ mà sau phàn nàn.
Tay cầm súng và mang túi đạn,
Giết quân thù Nhật Bản không tha.
Cùng nhau tranh lại sơn hà,
Ấy là hào kiệt ấy là trượng phu.
Tiếng thơm để nghìn thu thanh sử,
Binh lính ta gìn giữ nước nhà.
Việt Minh lãnh đạo chúng ta,
Phen này cứu quốc ắt là thành công.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 213,
ngày 21 – 4 – 1945.

ĐỐ

Cái gì có khắp Đông Dương?
Cái gì nghe thấy dạ càng nôn nao?
Cái gì ta rủ nhau vào?
Cái gì sẽ dựng lầu cao ngất trời?

KHUYẾT DANH

Trích báo *Cứu quốc* Bắc Kỳ.

TRẢ LỜI CÂU ĐỐ [1]

Cách mệnh sôi nổi khắp nơi,
Tiếng gọi cứu quốc dạ thời nôn nao.
Việt Minh hội, rủ nhau vào,
Độc lập sẽ dựng lầu cao ngất trời.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 214,
ngày 30 – 4 – 1945.

---

1. Báo *Việt Nam độc lập* trả lời bài thơ đố của báo *Cứu quốc Bắc Kỳ* nên đã trích đăng bài thơ đố nói trên.

KHÓC HÍT - LE [1]

Bác Hít- le ta, bị tử rồi,
Con ma phát xít thế là thôi.
Bao năm vùng vẫy trời tung ngược,
Một phút tan tành sự nghiệp xuôi.
Sống lại những e mang lắm tội,
Chết đi cho rảnh họa xong đời.
Nhưng mà lịch sử còn ghi để,
Tiếng xấu nghìn thu một kiếp người.

Báo Việt Nam độc lập, số 216,
ngày 10–5–1945.

KHUYẾT DANH

HỌA BÀI KHÓC HÍT–LE

(Trong Báo Việt Nam độc lập) [2]

Ôi Hít–le ơi! Hết kiếp rồi!
Vẫy vùng múa nhảy nữa hay thôi!
Muốn đem vũ trụ xoay ngang dọc,
Đến nỗi thanh danh lộn ngược xuôi.
Đã chẳng thỏa lòng nơi chín suối,
Lại còn mang tội tiếng muôn đời.
Chết mà chẳng để ai thương tiếc,
Để giận căm cho các giống nòi.

Báo *Việt Nam độc lập,* số 218,
ngày 31 – 5 – 1945.

T.G. và TH. X.

---

1. Hít - le: Xem chú thích ở bài Mút-xô-li-ni bị lật đổ

2. Theo trình tự thời gian, bài này in ở số 218, sau bài *"Gửi cho Chính phủ bù nhìn thân Nhật"* in ở số 217. Để cho liền mạch bài xướng và họa, chúng tôi chuyển bài này lên trước, sát với bài trước. Kính mong bạn đọc hiểu cho.

GỬI CHO CHÍNH PHỦ BÙ NHÌN THÂN NHẬT

Đại Nhật ngày nay, đại Pháp xưa,
Chủ nào anh cũng thấy say sưa.
Chẳng qua chó khỉ ngồi bàn độc,
Thì cũng cơm canh hưởng miếng thừa.
Cõng rắn cắn gà nhà, tệ nhỉ!
Rước voi dày mả tổ, ghê chưa!
Các anh Đại Việt nên che mặt
Kẻo để ai ai cũng nhổ bừa.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, số 217,
ngày 20 – 5 – 1945.

VƯỜN VĂN

Tiến lên thanh niên Việt Nam ta!
Chiến trường bom đạn quyết xông pha.
Thề cùng quân giặc phen sống mái,
Phá tan xiềng xích dựng nước nhà.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, họa bản, số 2,
ngày 25 – 6 – 1945.

VƯỜN VĂN

Năm giới: Sĩ, nông, công, thương, binh.
Đoàn kết dưới bóng cờ Việt Minh
Thề trên trừ sài lang Nhật Bản
Giành độc lập, tự do, thái bình.

KHUYẾT DANH

Báo *Việt Nam độc lập*, họa bản, số 2,
ngày 25 – 6 – 1945.

VƯỜN VĂN

Đáng kính thay bậc lão nhân,
Phơ phơ tóc bạc tinh thần vẫn cao.
Xóm làng hết sức hô hào,
Già, trẻ, trai, gái mau vào Việt Minh.
Đuổi nhanh phát xít hôi tanh,
Dựng nền độc lập thái bình muôn năm.

Báo *Việt Nam độc lập*, họa bản, số 2.
ngày 25 - 6 - 1945.

KHUYẾT DANH

ĐỘI QUÂN GIẢI PHÓNG TÀI GIỎI

Việt Minh đánh Nhật có tài,
Đồng bào biết tiếng muôn người biết tên.
Đồng minh quốc đã phải khen,
Việt Minh chiến sĩ không hèn như Tây!
Du kích nổi dậy đó đây,
Tinh thần chiến đấu ngày rầy lên cao.
Dân chúng nổi dậy hô hào,
Tham gia cứu quốc phong trào toàn dân,
Tiếng tăm của "Giải phóng quân",
Đánh giặc lại giỏi, giúp dân lại nhiều.
Đến đâu dân chúng đều yêu,
Hết lòng giúp đỡ, hết điều chăm nom.
Bảo nhau tiền góp gạo gom,
Gói "quà" giải phóng hết lòng hy sinh.
"Giải phóng quân" thật quang vinh,
Đã là mô phạm tinh thần đấu tranh!

(Sau đây có mấy lời nhắn riêng
các bạn "to gan")

Này lời nhắn gửi các anh
Người ta thế ấy tinh thần anh đâu?

Sao anh lùi bước lại sau?
Nấp sau lưng vợ, ôm đầu thở than...
Này anh xem thử lá gan!

Báo *Việt Nam độc lập*, số 223. V. T.

BẦY CHÓ SĂN CHẾT THEO CHỦ

Ngày xưa có bọn chó săn,
Chủ đi, lũ chó lăng xăng chạy đầu.
Đánh hơi, lục lọi chim câu,
Trung thành với chủ, ngồi chầu gặm xương.

*
* *

Ngày nay, lũ chó bất lương
Là đồ "Đại Việt" là phường tay sai.
Nào hò hét, nào ra oai...?!
Đứa thủ tướng, đứa khâm sai trò hề!
Cả bầy nhảy múa chán phè...
Dân chúng la chửi ê chề chó ơi!
Hại dân, bán nước, đồ tồi.
Ôm chân thằng Nhật, cầu lời riêng thân.
Hay là lúc Đồng minh quân,
Bao vây giặc Nhật muôn phần nguy nan.
Nhật đã sức kiệt, lực tàn,
Việt Minh mạnh nổi diệt tan quân thù.
Thì phường bán nước tham ô,
Theo thầy một hố, đào mồ tự chôn.
Thế mà lũ chó khoe khôn!...

TRỪ GIAN

Báo *Việt Nam độc lập*, số 224,
ngày 30 – 7 – 1945.

CƯỚP NGAY CHÍNH QUYỀN

Chính phủ phát xít Nhật hoàng,
Đã vô điều kiện đầu hàng Đồng minh.
Thế là kết thúc chiến tranh,
Á châu sẽ lại thái bình từ nay!
Hỡi dân Nam Việt ta đây!
Trong tình hình ấy làm ngay việc cần.
Việt Minh hiệu triệu toàn dân,
Lập ngay Chính phủ nhân dân của mình.
Hỡi công, nông, sĩ, thương, binh!
Mau mau hưởng ứng Việt Minh hô hào.
Ngọn cờ độc lập nêu cao
Thi hành dân chủ đồng bào tự do!

Báo *Việt Nam độc lập*, số 226,
ngày 20 – 8 – 1945.

KHUYẾT DANH

TRÁNG SĨ

Bốn phương trời dậy khí anh hùng,
Tráng sĩ trong buồng trớ kiếm cung.
Da ngựa người xưa chi sá kể,
Một đi coi nhẹ cái lông hồng.
Ba thước gươm thiêng tuốt sáng ngời,
Lên đường hăng hái tiến đi thôi.
Quân thù bạn cố ra tay giết,
Quét sạch non sông sáng rạng trời.

Báo *Nước Nam mới*.
Cơ quan tuyên truyền Việt Minh của
Khu giải phóng số 6, ngày 21–8–1945.

KHUYẾT DANH

BÀI CA TUYÊN TRUYỀN CHỐNG GIẶC

Đứng lên hỡi chị em mình!
Phá tan chế độ bất bình từ đây.
Nghìn năm chỉ có hội này,
Yếm mang quần vận cùng tày mày râu.
Cũng tai cũng mắt cũng đầu,
Lẽ đâu nuốt tủi ngậm sầu ngồi yên.
Nhìn quanh thế giới đảo điên,
Đức, Ý phát xít kết liên Nhật hoàng.
Trục tam giác đứng thẳng hàng,
Đức nuốt Ý, Áo sẵn sàng nuốt Anh.
Ma - ni thuộc quốc Ý gia,
Hít- le nuốt Tiệp, Nhật qua đáo đầu.
Pê- tanh quỳ gối cúi đầu,
Đem dân tộc Pháp hàng đầu Hít- le,
Phát xít mồm nói miệng khoe,
Cùng chung mật thiết, bạn bè hành quân.
Rộn vang tiếng khóc vang lừng,
Chúng đưa nhân loại vào vòng diệt vong.
Nói càng lụy nhỏ ròng ròng,
Thù chung ta quyết một lòng trả xong.
Xô - Nga Anh - Mỹ tiên phong,
Thế giới vô sản một lòng đứng lên.
Mặt trận dân chủ một bên,
Tấn công phát xít Ý tiên đầu hàng.
Xô - Nga sức mạnh muôn ngàn,
Hít- le nuốt Tiệp quy hàng từ dây.
Ấy là phát xít phương Tây,
Ma vương nhất quỷ quấy rầy Viễn Đông.
Tháng ngày mộng tưởng viển vông,
Tám mươi năm sa lưới trong vòng Trung Hoa.
Nuốt không vô, nhả không ra,
Ngắc ngư gần chết vậy mà còn hung.
Chúng ta ở chốn lao lung,
Cơ hội đã đến vui mừng xiết bao.

Tám mươi năm nòi giống lao đao,
Tám mươi năm Tổ quốc vào tay quân thù.
Tám mươi năm đóng góp lu bù,
Tám mươi năm chất chứa mối thù hận chung.
Chiến công oanh liệt của cụ Đình Phùng,
Gương Hoàng Hoa Thám giống hùng anh linh.
Lương Ngọc Quyến, Nguyễn Thái Học, Cử Đình,[1]
Tú Tân, Cử Thụy quên mình vì ai.[2]
Nguyễn Nghiêm sống thác không nài,[3]
Trung thành chủ nghĩa không sai lời thề.
Mấy lời tha thiết đinh ninh,
Chị em quyết chí đồng tình đứng lên.
Tiến lên hỡi chị em mình,
Phá tan phát xít xây nền tự do.
Cùng chung non nước hẹn hò,
Cùng chung hun đúc một lò tâm can.
Cùng chung hàng ngũ sẵn sàng,
Giải phóng dân tộc vẻ vang nước nhà.
Cô Giang, cô Bắc kia là,
Tinh thần yêu nước chói lòa nghìn thu.
Sống trong khói lửa mịt mù,
Mau mau đứng dậy phục thù non sông.
Có chồng ta hãy khuyên chồng,
Có con ta sẽ hết lòng khuyên con.
Một lời thề nước hẹn non,
Nước non, non nước sắt son lời thề.
Thề cùng các bạn dân cày,
Thanh niên các lớp dãi bày thiệt hơn.
Thề cùng giai cấp công nhân,
Thề cùng phụ lão quân dân một lòng.
Nhân dân tôn giáo một giòng,
Chúng ta đoàn kết là trong lúc này.
Dầu cho nát thịt tan thây,
Hy sinh cùng bạn râu mày một phen.

---

1. Cử Đình, Tú Tân, Cử Thụy: 3 chiến sĩ văn thân bị thực dân Pháp xử tử.
2. Như trên.
3. Nguyễn Nghiêm: Bí thư tỉnh ủy Quảng Ngãi bị thực dân Pháp xử tử năm 1931.

Đồng thanh đứng dậy ta đi
Phất cờ cứu quốc dưới cờ Việt Minh.
Đứng lên hỡi chị em mình!

Thơ ca cách mạng 1925 - 1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

1945
KHUYẾT DANH

CÁCH MẠNG

Cờ ai phất phới Ba Tơ?
Đó là cách mạng phất cờ Việt Minh.
Cờ ai phất phới kinh thành?
Đó cờ chính phủ bù nhìn Việt gian.
Cờ ai phất phới Bắc Sơn?
Lá cờ sắc đỏ, sao vàng Việt Minh.
Cờ ai đo đỏ, xinh xinh,
Búa, liềm hai cái đúc hình với nhau?
Phất cờ toàn cả năm châu,
Lá cờ cộng sản dẫn đầu tiên phong.
Xây nền thế giới đại đồng,
Năm châu hiệp nhất một nhà cùng chung.
Đèn ai lấp ló bên sông?
Đó là đuốc của dân quân lên đường.
Tiếng ai vang dội phong sương?
Tiếng quân cách mạng biểu dương tinh thần.
Xa nghe có tiếng súng đồng?...
Đó là du kích xung phong cướp đồn.

Thơ ca cách mạng 1925 - 1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

1945
KHUYẾT DANH

VỢ KHUYÊN CHỒNG

(Theo điệu ru con)

Chàng chàng ơi! chàng chàng ơi!
Nước nhà tan nát mất rồi còn chi.
Dòng Hồng Lạc gặp khi hồn mất,
Mất vì tay Nhật, Pháp hung tàn.
Đoái nhìn Tổ quốc giang san,
Gặp cơn nguy biến mà tan nát lòng.
Nào những đấng anh hùng đâu tá,
Không xuất đầu nấn ná mãi nhi.
Chàng ơi nghĩa vụ nam chi,
Sao không tỏ mặt tu mi ở đời.
Tình phu phụ mấy lời tâm huyết,
Thiếp xin chàng hãy xét tình cho.
Kìa trong khói bụi mịt mờ,
Đội quân Nam Việt dưới cờ đang reo.
Chàng cố đi tiến theo cho kịp,
Này súng đây chàng kíp lên đường.
Xin chàng đừng giữ thói thường,
Tấm tình thương thiếp để thương đồng bào...

1945
KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc 1936 – 1945.
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

PJAC CAN

Búng nẩy tạm pjac căn khin tàng.
Vằn nẩy hây pjac căn,
Mủng căn nặm tha lây.
Siết lai a, đồng chí ơi,
Rập căn chắc vằn tẩu.
Bại đồng chí hây ơi
Khỏi xo slắng kỷ cẩm.

Giá dảy lao khỏ nớ,
Sle tể cháu nước rườn,
Vằn lăng boong hây,
Sle đẩy Độc lập Tự do xiên tới.

1945

Bản dịch:

CHIA TAY

Chốn này tạm biệt nhau lên đường.
Hôm nay ta tạm biệt,
Ngậm ngùi nước mắt rơi.
Với thân yêu tình phút ly,
Hội ngộ hãy còn nhiều.
Ngày giờ nào biết đâu,
Xin tặng bạn vài câu.
Gian lao xin chớ lùi,
Cứu non sông giống nòi.
Lòng son sắt đấu tranh,
Tiến lên giành độc lập,
Tự do muôn đời.

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

KHUYẾT DANH
TRIỀU ÂN *dịch*

BÀI CA DU KÍCH QUÂN

Người người đều nghe,
Du kích quân, du kích quân,
Danh vang bốn phương,
Quân thù kinh hoàng,
Toàn dân trông ngóng.
Du kích quân
Bắc Nam tung hoành,

Kìa bao chiến công.
Nghe quân du kích đến.
Trong dân vui mừng.
Anh em tiến lên!
Quân thù còn chưa quét xong,
Đồng bào còn mong,
Ngày giải phóng.
Tiến lên du kích quân!

Này đây chúng ta là quân du kích.
Vì thấy giống nòi,
Nuốt đau trong vòng lầm than.
Thanh niên Việt Nam,
Nào bên nhau kết đoàn.
Kìa nhìn hồn nước,
Phấp phới bóng sao vàng,
Đang đi tiền phong.
Âm vang tiếng súng,
Lòng bừng bừng sôi
Máu Tiên Rồng.

KHUYẾT DANH
1945

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

KHUYÊN CHỒNG VÀO QUÂN GIẢI PHÓNG KHÁNG NHẬT

Ôi hỡi chàng ơi!
Nước nhà tan nát mất rồi còn chi.
Xứ Đông Dương gặp khi hầu mất,
Mất vì tay giặc Nhật hung tàn,
Đoái nhìn Tổ quốc giang san,
Gặp cơn nguy biến mà tan nát lòng.
Nào Việt Nam anh hung đâu tá,
Chẳng xuất đầu nấn ná làm chi?

Chàng ơi! Nghĩa cả nam nhi,
Sao không vác súng mà đi lên đường?
Hay chàng vẫn mơ màng lạc thú,
Định ở nhà với vợ cùng con?
Xin đừng trốn nợ nước non,
Nước non đã mất, nhà còn được chăng?
Hay chàng sợ muôn trùng xa vắng,
Chút mẹ già thiếp chẳng trông coi?
Thiếp xin nguyền có đất trời,
Rằng xin trọn đạo làm người tề gia.
Dầu có phải bôn ba lận đận,
Thiếp cam lòng chẳng bận hận chi.
Chàng ơi nghĩa vụ nam nhi,
Ở sao đúng tiếng tu mi với đời.
Tình phu phụ mấy lời tâm huyết,
Cúi xin chàng lượng biết lòng cho,
Ngẩng trông khói bụi mịt mờ,
Đội quân giải phóng dưới cờ đang reo.
Chàng tiến lên cố theo cho kịp,
Ruổi rong xin đừng ngại gió sương,
Nỗi nhà một chút tơ vương,
Tấm lòng thương thiếp để thương đồng bào.
Mong chàng tỏ mặt anh hào!

1945

KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng (1925 - 1945).
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973

CỤ TRƯƠNG[1]

Cụ Trương vừa ngã xuống rồi
Mỏ ta tất cả nghìn người tiến lên
Dóng cờ nổi trống nổi chiêng
Xông lên cướp lại chính quyền về ta
Việt Minh cờ thắm như hoa
Lán Năm Phấn Mễ kéo ra Khuôn Lình
Bản Khinh cùng nhập đồng tình
Trên vây dưới đánh, Nhật hàng mình mới nghe.

1945

KHUYẾT DANH

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 - 1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

CA DAO CỨU QUỐC

Những năm 1941 - 1945, thời kỳ Mặt trận Việt Minh, xuất hiện khá nhiều ca dao chống Pháp đuổi Nhật, cũng gọi là "ca dao cứu quốc". Những vần ca dao này hoặc đăng trên các báo chí của Mặt trận Việt Minh, hoặc truyền miệng.

Sau đây chúng tôi giới thiệu một số ca dao ấy, hoặc khuyết danh hoặc có tên tác giả, xếp chung vào một mục.

Ác chi Pháp, Nhật bay ơi,
Của thời cướp mất, người thời lôi đâu.
Của đem đúc súng đúc tàu,
Người đem làm lũy, làm cầu, làm bia.
Nếu không sớm giết bay đi,
Chết người hại của, dân thì tan hoang.

Báo *Cứu quốc*, số 10, 1944.

1. Những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám 1945, để tránh đổ máu, tổ chức Việt Minh ở mỏ Phấn Mễ đã chủ trương gọi hàng một đơn vị lính Nhật đóng ở một đồn trong vùng. Cụ Trương một công nhân già 60 tuổi, xung phong đưa giấy gọi hàng của Mặt trận Việt Minh vào đồn. Bọn lính Nhật đã không đầu hàng mà còn bắn chết cụ. Căm phẫn trước hành động bất nhân ấy, quân dân vùng mỏ bấy giờ đã xông vào tiêu diệt đồn để trả thù cho cụ. Năm ngày sau, chính quyền vùng mỏ cũng về tay nhân dân.

*

* *

Đất này đất tổ đất tiên,
Đất này chồng vợ bỏ tiền ra mua.
Bây giờ Nhật, Pháp kéo hùa,
Chiếm trồng đay, lạc, ức chưa hỡi trời!

*

* *

Ruộng ta ta cấy ta cày,
Không nhường một tấc cho bầy Nhật, Tây.
Chúng mày lảng vảng tới đây,
Rủ nhau gậy cuốc, đuổi ngay khỏi làng.

*

* *

Có chồng mà cậy mà nhờ,
Ngày nay Nhật - Pháp nó lùa đi phu.
Con đàn đứa bế, đứa ru,
Ôm con, con hỏi: Cha mô mất rồi?
Nỗi nhà thảm lắm chàng ơi,
Chàng đi khổ chín thiếp tôi khổ mười.
Thôi thôi xe đã chạy vù,
Con tôi nó giải đi phu mất rồi.
Cháu tôi thơ dại ai nuôi,
Dâu tôi mới chết, còn tôi thì già.
Từ đâu tan cửa nát nhà,
Đói no bà cháu biết nhờ vào đâu?

HỒN QUÊ

Báo Đuổi giặc nước, số 4 -
ngày 15 - 12 - 1943.

*

* *

Tháng này dãi nắng dầm sương,
Mới được ruộng lúa bên đường xanh tươi.
Quân bay độc lắm trời ơi!
Độc hơn rắn rết, lợn lòi, hùm tinh.
Bắt choa nhổ lúa đang xanh,
Trồng đay, thắt cổ mới đành nhà bay.
Không trồng thì phải tù ngay,
Trồng thì chẳng biết ăn mày phương mô?
Thôi thì thác cũng ra ma,
Ruộng choa, choa cứ hai mùa làm ăn.
Bao giờ đuổi được Nhật, Tây,
Cho em được sống những ngày ấm no.
Cực thân em đẩy xe bò,
Cho phường giặc nước ô tô nhà lầu.
Áo em, áo chiếu mo cau,
Áo phường giặc nước rặt màu tơ len.
Ai về nhắn chị cùng em,
Có đi giết giặc cho em theo cùng.

Ca dao sưu tầm ở Thanh Hóa.
NXB Văn học, Hà Nội, 1963.

Chẳng thà chịu cảnh hiếm hoi,
Còn hơn sinh phải cái nòi Việt gian.
Chẳng thà chịu cảnh cô đơn,
Còn hơn lấy đứa Việt gian vô loài.
Chẳng thà chịu cảnh mồ côi,
Còn hơn có bố là nòi Việt gian.
Chẳng thà chịu tiếng cơ hàn,
Còn hơn làm giống Việt gian dơ đời.
Chẳng thà chịu tiếng dốt hoài,
Còn hơn vác mặt trổ tài Việt gian.
Việt gian là lũ chó săn,
Theo chân Nhật, Pháp để ăn đồ thừa.
Việt gian hại nước hại nhà,
Nhục danh cha mẹ ông bà tổ tiên.

Báo *Việt Nam Độc lập*, số 182,
ngày 11 - 12 - 1943.

Những mong ngô trổ mau bông,
Không ngờ ngô bị nhổ tung đầy đồng.
Nhìn ngô nước mắt tuôn dòng,
Ôm ngô mà héo cả lòng ngô ơi!
Trong lòng ôm đứa con thơ,
Chị Nam ngồi khóc ngô tơ giữa đồng.
Khóc ngô thôi lại khóc chồng,
Khóc ngô bị nhổ, khóc chồng đi phu.
Chém cha giặc Nhật côn đồ,
Bắt người cướp của tha hồ thẳng tay.
Dân ta trăm đắng ngàn cay,
Thóc ăn chẳng có, trồng đay cho người.

LÊ TẤT ĐẮC

Gọi đàn chim nhạn bay cao,
Thăm quân du kích, em vào chiến khu.
Bên vai đèo túi cơm khô
Suối reo, rừng hát như hò tiến lên!
Say sưa quên cả ươn hèn,
Tim em đập với điệu kèn Việt Minh.

LÊ TẤT ĐẮC

Hai bà đầu tóc bạc phơ,
Tụng kinh cứu quốc bên bờ Mê Linh.
Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Thăm quân du kích, thăm thành Bắc Sơn.
Suối trong in mặt trăng tròn,
Hai cô gái Thổ trèo non đi tuần.

NGỌC ANH

Báo *Khởi nghĩa*. Cơ quan tuyên truyền của Việt Minh Quang Trung, số 6, ngày 15-7-1945.

*

* *

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời mưa gió đề huề,
Trông cho Tây Nhật khỏi về cướp không.

Trông cho Nam Bắc Tây Đông,
Trẻ già trai gái đồng lòng cùng nhau.
Cùng nhau vác gậy vác dao,
Xé thây giặc Nhật, bêu đầu giặc Tây.
Ruộng ta ta cấy ta cày,
Không sưu không thuế tháng ngày thảnh thơi.

Báo *Cứu quốc*, số 11 - 1944. Đ. L.

Con đừng trách số oán trời,
Nhật Tây là bọn giết người cướp cơm.
Quân phát xít, giống gian tham,
Phân gio cũng lấy, rạ rơm chẳng từ.
Trồng đay trồng cả ruộng chùa,
Đóng quân đóng cả nhà thờ nhà thương.
Nước ta thành bãi chiến trường,
Chan hòa máu chảy bạt ngàn xương phơi.
Cũng vì lũ quỷ hại đời,
Còn ai theo chúng ai người phản đâu?
Đồng bào đau nhục muôn phần.
Con còn nghi hoặc ngại ngần mãi sao?
Cùng hai nhăm triệu đồng bào,
Con mau đứng dậy phất cao cờ hồng.
Chỉ tay thề với non sông,
Giết cho sạch hết loài trùng Nhật, Tây.
Mẹ tuy tóc bạc mình gầy,
Nhưng còn sống mãi đợi ngày thành công.
Giờ đây cá chậu chim lồng,
Nhớ thương con nén bên lòng con ơi!

Báo *Cứu quốc, số 12, ngày 25 - 6 - 1944.* VIỆT HỒNG

*

* *

Dân ta phải cứu nước ta,
Dân là dân nước, nước là nước dân.

Việt Nam độc lập, số 113, ngày 21 - 12 - 1941.

*
* *

Đất là đất của ông cha,
Cày bừa cấy hái công ta nhọc nhằn.
Được mùa chẳng có lúa ăn,
Mười sào nạp hết trăm cân còn gì.
Khổ rồi, không lẽ im đi,
Im thì đói cả, chống thì no chung.
Bà con ơi kíp đồng lòng,
Ta ra tranh đấu quyết không chịu nhường.
Trai làng với bạn lý hương,
Giàu nghèo già trẻ sẵn sàng ùa ra.
Lúa ta ta giữ cho ta,
Quyết không cho lũ giặc già hạt mô.
Xóm làng động thấy giặc vô,
Đồng thanh ta réo ta hò đuổi ra.
Giặc mà tới cướp lúa nhà,
Ta xông giành lại, trầy da thì trầy!
Đánh cho cạch mặt từ đây!

HỒN QUÊ

Báo *Đuổi giặc nước,* số 10, ngày 15 - 9 - 1944.

*
* *

Hoài tay ngắt cánh hoa khô,
Hoài thân đi lấy những đồ Việt gian.
Cúi luồn bọn Nhật hung tàn,
Vênh vang bộ mặt gian tham lừa đời!
Mưu sinh quên cả giống nòi!
Vinh hoa thì cũng là đời chó săn!
Chị em ai biết nhục nhằn,
Lấy chồng xin chớ kén chồng Việt gian.

TẾ DÂN

Báo *Cứu quốc, số 26, ngày 15 - 7 - 1945.*

Việt Nam độc lập thế nào?
Phải chăng ông Nhật thay vào ông Tây?
Việt Nam độc lập thế này.
Còn quân Lùn ở có ngày "độc đinh".

Báo *Khởi nghĩa*. Cơ quan tuyên truyền của Việt Minh Quang Trung, Số 6, ngày 15-7-1945.

ĐỔ VIỆT

Giặc Nhật cưỡi cổ giặc Tây,
Giặc Tây cưỡi cổ một bầy dân Nam.
Dân Nam ta quyết không cam,
Đế quốc ác thú bắt làm ngựa trâu.
Mau mau đoàn kết cùng nhau,
Để đánh Tây, đánh Nhật, để lo tự cường.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 102, ngày 11 - 8 - 1941

Hỡi ai cùng cảnh phu đài,
Vì đâu ta bị bắt hoài đi phu?
Lam làm như thể thân tù,
Cơm ăn chẳng có, công thì cũng không.
Đắp đê, cắt cỏ, đào sông,
Lại thêm những nỗi khốn cùng trường bay.
Quanh năm suốt tháng miệt mài,
Đào hầm xe đá suốt ngày cực thay.
Đem thân làm kiếp trâu cày,
Chúng còn đánh đập tù đày khổ thân.
Chém cha Nhật, Pháp bạo tàn,
Giết người cướp của dã man vô cùng.
Anh em ta hãy một lòng,
Thắt dây đoàn kết, ta đồng hô lên:
Chống mộ lính: Bắt phu phen,
Đánh đuổi Nhật, Pháp, giành quyền tự do.

Báo *Đuổi giặc nước*,
số 3, ngày 15 - 12 - 1944

Đồng bào ơi hỡi đồng bào,
Sống không yên được, chết nào được yên.
Nhật, Tây đã cậy thế quyền,
Thì ta nắm chặt tay liền một dây.
Đứng lên quyết chí phen này.
Đương đầu tranh đấu chặn tay quân thù.
Chống tăng thuế, chống bắt phu,
Chống thu bông sợi, chống thu lúa nhà.
Chống đào mồ mả ông cha,
Chống khủng bố trắng, khảo tra tù đày.
Rèn gan luyện óc từ đây,
Tiến lên giết sạch Nhật, Tây bạo tàn!

Báo *Đuổi giặc nước,*
số 7, ngày 10 - 6 - 1944.

Sưu cao thuế nặng nghèo hèn
Lấy gì má phấn răng đen hỡi chàng?
Chàng ơi, đưa súng thiếp mang
Đưa gươm thiếp cắp lên đàng đi thôi!
Đánh Tây, đuổi Nhật cho rồi
"Việt Nam cai trị lấy người Việt Nam".

Ai ơi, đi lính làm chi!
Chết cho Tây, Nhật, ích gì ai ơi!
Có đi em gửi vài lời!
Việt Nam chớ có bắn người Việt Nam.

Chim lồng còn chút tự do
Ta nào đế quốc nó cho quyền gì?
Sưu cao thuế nặng bất kỳ
Ai ơi phản đối là đi tù, đày.
Bây giờ cờ đã đến tay
Giết cho sạch Nhật, sạch Tây thỏa lòng.

Báo *Hồn Việt Nam,*
số ra mắt, ngày 1 - 7 - 1942, tr.3.

Xuân sang này đã xuân sang,
Trăm hoa đua nở, xuân càng thắm tươi.
Hỡi xuân sao khéo trêu ngươi,
Giang sơn nhục nhã còn tươi nỗi gì?
Má hồng đã thắm với xuân.
Non sông sao vẫn trầm luân thế này,
Chị em ơi: Hãy ra tay.
Non sông kia sẽ có ngày sáng tươi.

Năm nay, em chưa lấy chồng,
Tuy xuân đã đến, tuy lòng em yêu.
Mối đưa, em vẫn một chiều,
Nhà tan nước mất còn nhiều nỗi lo.

Chúng ta, ai giống Hồng Bàng,
Giết cho hết những thằng hàng Nhật, Tây.
Nếu còn loài chó đểu này,
Ta đừng mơ tưởng đến ngày tự do.

Cha đời cái bọn Pê-tanh, [1]
Liếm giày Đức - Nhật hỏi danh giá gì?
Thôi đừng diễu võ dương uy
Dân ta nổi dậy, trốn đi đằng giời.

Hỡi anh du kích quân ơi!
Đánh xong giặc lại giúp tôi đi cày.
Lạy giời cho cót thóc đầy
Để giúp du kích giết Tây, diệt Lùn. [2]

Báo *Cứu quốc*, số mùa xuân,
ngày 10 - 2 - 1942.

---

1. Pê-tanh: Xem chú thích ở bài *Đáp từ thống chế Pê-tanh* của Nguyễn Văn Từ.
2. Chỉ bọn Nhật.

LỜI KÊU GỌI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Hỡi quốc dân đồng bào!

Hỡi các Đảng phái cách mạng!

Hỡi các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương!

Vì lòng tham của bọn phát xít, chiến tranh đã lan tràn ra khắp thế giới. Nhật đã đánh nhau với Anh, Mỹ ở Thái Bình Dương.

Đông Dương ta đã bị đặt vào tình thế tham chiến.

Hôm 12 tháng 12 năm 1941, hiệp ước nhường toàn quyền hành động cho Nhật đã ký giữa quân phiệt Nhật ở Đông Dương với bọn Đờ cu (Decoux) chó săn cho Nhật.

Nhật, Pháp đã bắt đầu cướp thóc lúa, tài sản của dân ta để cung cấp cho quân đội. Việc buôn bán đã bị hạn chế. Sinh hoạt vô cùng đắt đỏ. Sưu thuế đã nặng và nhất định còn nặng hơn. Lính ta đã bị lôi ra mặt trận để chết thay cho Nhật. Việc bắt phu, bắt lính làm cho con lìa cha, chồng lìa vợ. Họa binh lửa còn đẩy dân ta đến cảnh tan nhà nát cửa, trôi dạt, điêu linh.

Hỡi đồng bào:

Họa diệt vong đã bày ra trước mắt. Hãy mau mau đoàn kết. Hãy gia nhập các đoàn thể cứu quốc cho đông để chuẩn bị đánh Pháp, đuổi Nhật. Những bậc dân tộc anh hùng trong lịch sử, những vị liệt sĩ ở Thái Nguyên, Yên Bái, Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương bảo chúng ta phải tiếp tục tranh đấu giải phóng cho nước nhà.

Chúng ta hãy dũng cảm tiến lên!

Người có sức giúp sức, kẻ có tiền giúp tiền. Tham gia cách mạng còn hơn là đi chết uổng cho Nhật, Pháp. Giúp tiền cho cách mạng còn hơn để cho quân đội của đế quốc cướp không.

Hỡi đồng bào:

Trên thế giới đã chia ra hai mặt trận, mặt trận phát xít xâm lược có Đức, Ý, Nhật, và bọn phản quốc tay sai của chúng, như Pê-tanh, Đờ - cu (Pétain, Decoux), và mặt trận dân chủ chống phát xít, gồm có Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Mỹ và phong trào cách mạng thế

giới. Nhân dân Đông Dương phải đứng về phe dân chủ chống phát xít xâm lược.

Hiện giờ phong trào cách mạng ở Pháp và trên Âu lục đang sôi nổi. Quân phát xít Đức, Ý đang bại trận ở Bắc Phi. Trên đất Nga, Hồng quân đang anh dũng phản công thắng lợi. Cuộc tổng phản công của Trung Quốc đã bắt đầu. Quân Trung Hoa đã đánh vào biên giới Bắc Kỳ và sẽ kéo vào Đông Dương, liên hiệp với dân ta, đánh đuổi Nhật - Pháp.

Ở Bắc Kỳ, quân đội du kích Bắc Sơn đang chiến đấu chống Pháp -Nhật và bọn Việt gian. Những đội du kích Nam Kỳ rút vào rừng sau cuộc khởi nghĩa cuối năm ngoái, cũng vẫn chiến đấu không ngớt.

Một cao trào cách mạng trong nước và trên thế giới đã bắt đầu nổi dậy.

Nhật chỉ có thể thắng Anh - Mỹ thời kỳ đầu. Nhưng nhất là cuộc chiến tranh Thái Bình Dương kéo dài thì phe Anh - Mỹ đông người, nhiều của sẽ đánh bại Nhật. Nhân dân Nhật và các thuộc địa Nhật thống khổ vì chiến tranh sẽ nổi lên đánh đổ bọn phát xít Nhật, kẻ thủ phạm gây ra chiến tranh.

Bọn Việt gian đang phao truyền rằng: Nếu Nhật thất bại thì dân Đông Dương sẽ bị khổ hơn bây giờ. Nhưng sự thực, Nhật - Pháp thất bại thì xiềng xích của Nhật - Pháp trói buộc dân ta sẽ bị tiêu tan.

Hỡi đồng bào:

Cơ hội giải phóng của chúng ta đã đến! Các đảng phái và các tầng lớp nhân dân hãy thống nhất lại! Đảng Cộng sản Đông Dương sẽ tình nguyện đi tiên phong lãnh đạo cho các dân tộc Đông Dương khởi nghĩa cướp chính quyền.

Đả đảo phát xít xâm lược. Đả đảo Nhật - Pháp và các hạng Việt gian! Liên minh với Liên Xô và Trung Quốc! Đổi chiến tranh phát xít xâm lược ra cách mạng giải phóng! Đông Dương cách mạng thành công muôn năm! Thế giới cách mạng thành công muôn năm!

1941

Văn thơ yêu nước và cách mạng. Tập 3B.
NXB Giáo dục.Hà Nội. 1959

PHẢI TIẾN GẤP

Hiện nay ách Nhật - Pháp đối với dân ta đã quá nặng nề. Hai lũ giặc lùn, quỷ trắng [1] thi nhau hà hiếp bóc lột dân ta theo lối "mạnh ai nấy được". Một lũ nhặng xanh [2] ỷ thế giặc, tàn hại đồng bào quá tệ.

Tuy nhiên, hai chính quyền Nhật - Pháp lại xung đột nhau. Sự xung đột ấy ngày đêm gay gắt. Trục càng bại, Nhật càng suy. Bọn Pháp ở Đông Dương - trong đó có Pháp Đờ - gôn - dần dần ngóc đầu dậy. Chúng ngang nhiên đàn áp bọn lãnh tụ Việt gian thân Nhật mà Nhật phải ngoảnh mặt làm thinh. Lực lượng so sánh giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương dần dần tới chỗ quân bình. Chính vì thế nên Nhật do dự không dám thi hành ngay cuộc đảo chính đặng truất hẳn quyền Pháp.

Trên thế giới, cuộc chiến đấu vĩ đại của phe dân chủ có Liên Xô đi đầu, đang đẩy bọn phát xít xâm lược đến chỗ chết. Phát xít Nhật - Pháp, kẻ tử thù của nhân dân Đông Dương, không thể đứng vững. Liên Xô đang tiến tới chỗ toàn thắng. Thành trì cách mạng thế giới được củng cố và mở rộng. Ăn nhịp với cuộc tiến quân của Đồng minh, một cao trào cách mạng đang lan tràn trên đại lục. Sát Đông Dương, Tàu, Anh, Mỹ đánh Nhật không ngớt. Và quân Tàu tập trung tại biên giới Bắc Kỳ để sẵn sàng thừa dịp đột nhập Đông Dương đánh Nhật.

Tóm lại, bên trong dân ta cực khổ. Cả Đông Dương như một cánh đồng cỏ khô, tàn lửa cách mạng động rơi vào đâu cũng có thể bốc cháy. Hai quân thù Pháp - Nhật cắm cự, giữ miếng nhau, hơn nữa lại tiêu hao lực lượng của nhau làm cho quyền thống trị ở Đông Dương yếu dần. Bên ngoài đà cách mạng đã sẵn. Dân ta có nhiều bạn Đồng minh cùng chiến đấu và bất thần có thể cùng chúng ta chống phát xít xâm lược trên đất Đông Dương. Và một khi mặt trận ấy thành lập ở Đông Dương thì hàng ngũ bọn áp bức chúng ta sẽ trở nên rối bét: Nhật - Pháp sẽ bắn nhau; bọn Việt gian thân Nhật và thân Pháp sẽ hoang mang, giao động đến cực điểm.

---

1. Quỷ trắng chỉ bọn Pháp thực dân (da trắng).
2. Nhặng xanh chỉ bọn cơ hội quấy rối lăng nhăng nhốn nháo và bẩn thỉu.

Các chiến sĩ cách mạng Đông Dương! Các giới đồng bào yêu nước! Thời cuộc trong ngoài hết sức có lợi cho ta. Dịp tốt ngàn năm có một đang lại. Hãy tiến gấp! Hãy kíp sửa soạn khởi nghĩa theo chỉ thị đã ra. Các đồng chí hãy kiên nhẫn và mạnh dạn thuyết phục đồng bào. Hãy thi nhau phát triển tổ chức; thi nhau đẩy mạnh phong trào tranh đấu quần chúng. Vận mệnh các dân tộc Đông Dương đã đặt trong tay chúng ta. Phải hy sinh phấn đấu. Phải kiên quyết, tích cực. Bỏ lỡ cơ hội là một tội lớn. Phải sẵn sàng đón lấy cơ hội và chuẩn bị đủ điều kiện tóm lấy nó.

Những tiếng kêu than hờn oán của đồng bào ta hiện nay không đủ làm cho chúng ta bầm gan sôi máu sao?

Gương chiến đấu bền bỉ của dân tộc ta không đủ thúc giục ta dũng cảm tiến lên sao?

Những thắng lợi vẻ vang của Hồng quân Liên Xô và của cả Mặt trận chống phát xít xâm lược không đủ làm cho chúng ta phấn khởi sao?

Tiến lên các chiến sĩ!

Tiến lên sửa soạn cầm súng, tuốt gươm, giải phóng cho dân tộc khỏi ách nhuốc nhơ của phát xít Nhật, Pháp! Tiến lên dự một phần vinh dự vào công cuộc tiễu trừ phát xít, dựng lại hòa bình hạnh phúc cho loài người!

Báo *Cờ giải phóng*,
số 6, ngày 28 - 7 - 1944.

NHẬT, PHÁP XUNG ĐỘT CÁI NHỌT BỌC SẼ PHẢI VỠ MỦ!

Quân Đức Hít-le đang bị quét sạch ra khỏi đất Pháp. Dân quân Pháp đã nổi dậy, phối hợp với cuộc tiến quân của Đồng minh đánh đuổi quân thù.

Chính phủ bù nhìn Vi - si [1] (Vichy) đổ sụp. Bọn Pháp gian phản quốc Pê-tanh, La-van chạy trốn sang Đức, núp dưới nách Hít-le. "Chính phủ lâm thời của nước Pháp cộng hòa" đóng ở Pari do tướng Đờ - gôn làm chủ tịch.

Quyền thống trị của Đức Quốc xã ở Pháp bị đạp đổ. Chế độ thân Đức ở Vi-si rã rời, hiện tượng lớn lao ấy ảnh hưởng không nhỏ đến Đông Dương: Một mặt những hiệp ước giữa Đông Kinh, Bá Linh và Vi-si về Đông Dương phải đem xét lại, vì không còn lý do tồn tại nữa. Một mặt tình hình biến đổi bên Pháp bắt bọn Đờ-cu ở Đông Dương phải tỏ rõ thái độ: Hoặc tiếp tục trung thành với Trục, và nếu thế, phải phản đối nước Pháp cộng hòa mới, phải tuyên chiến với Anh, Mỹ; hoặc chạy sang phe Đờ-gôn và công khai chống lại quân đội Nhật ở Đông Dương.

Song thái độ mập mờ của bọn Đờ-cu không thể lọt qua mắt giặc Nhật.

Thật thế, khi quân đồng minh tiến gần sát Pari, bọn Đờ-cu biết chính phủ Vi-si phải đổ, liền tuyên bố ban hành đạo sắc lệnh 18 tháng 2 năm 1943, họp thượng hội nghị Đông Dương, tự nhận có toàn quyền hành động, mặc dầu tình hình Pháp biến đổi.

"Để giữ mối liên lạc trung thành giữa Đông Dương và chính quốc trong mọi trường hợp". Câu ấy của bản thông cáo ban hành sắc lệnh nói trên, có nghĩa là dù nước Pháp thoát khỏi vòng xiềng xích của Trục, Đông Dương vẫn gắn bó với Pháp.

---

1. Vi - si: Phiên âm tiếng Pháp Vichy là tên một thành phố nhỏ nơi Pêtanh chọn làm thủ đô chính phủ bù nhìn của y.

La - van: Phiên âm tiếng Pháp Laval (1883 1945) là tên một chính khách Pháp lập chính phủ bù nhìn tay sai cho Đức quốc xã, bị xử bắn năm 1945.

Chưa hết. Trong bài diễn văn đọc tại Sài Gòn ngày 30 tháng 8 năm 1944, nhân dịp kỷ niệm năm thứ tư ngày thành lập đoàn Lê Dương, Đờ- cu thốt ra một câu đáng chú ý: "Nước Pháp sẽ lấy lại được chủ quyền, hòa giải các con cái".

Đó, Đờ-cu và phe lũ muốn chơi lối "lựa gió bẻ buồm" như Đắc-Lăng, Gi-rô [1] ở Bắc Phi. Nhưng thất bại ê chề và liên tiếp của Đức, Nhật đã làm cho chính trong hàng ngũ bọn phát xít Pháp ở Đông Dương cũng có nhiều phần tử không tin tưởng ở "Thắng lợi cuối cùng" của Trục nữa. Sự tháo lui của quân đội Hít-le bên Pháp đi đôi với những thất bại đau đớn của Nhật ở miền Bắc Diến Điện và trung Thái Bình Dương đã đẩy bọn Pháp ở Đông Dương ngóc đầu dậy.

Nhưng bọn Nhật biết thế, nên ngay sau hôm kỷ niệm Lê Dương, bọn Đờ-cu bị Nhật bắt phải thanh minh thái độ. Đồng thời, Nhật đưa ra những yêu sách mới, buộc bọn Pháp ở Đông Dương phải tuyên chiến với Anh-Mỹ, phải nhường cho Nhật nhiều đồn trại quan trọng và chịu cho võ quan Nhật trực tiếp chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương v.v... Rồi để phòng bọn Pháp quay phản và ủng hộ cho những yêu sách trên kia, một số quân đội Nhật kéo đến Bắc Kỳ. Tình hình Nhật-Pháp căng thẳng.

Do đài vô tuyến điện Anh-ka-ra (Ankara) ở Thổ, Nhật gián tiếp tuyên bố đòi "công khai chiếm cứ Đông Dương". Ngày 2 tháng 9, quân Nhật định xông tới chiếm đóng trại lính Pháp ở Lạng Sơn bị lính Pháp bắn lại. Ngay hôm ấy, lính khố đỏ và lính Pháp các thành phố lớn như Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Đáp Cầu, Sơn Tây v.v... được phát thêm đạn và cấm không được ra khỏi trại.

Bọn Pháp sẵn sàng đánh Nhật nếu chúng bị Nhật bắt ức. Thái độ Pháp ở Đông Dương đã bướng hơn, nên sau đó Nhật, Pháp dàn xếp thỏa thuận và tình hình Nhật, Pháp hiện ở chỗ nhùng nhằng không quyết.

Lực lượng so sánh giữa hai lũ giặc Nhật, Pháp hiện tương đối quân bình. Hơn một năm nay, luôn luôn thua bại, quân lực lại phải chia đi chống giữ nhiều nơi cách xa nhau, giặc Nhật quả đã suy yếu.

Chúng không dám mạo hiểm làm ngay cuộc "đảo chính" truất hẳn quyền bọn Pháp và tước khí giới lính Pháp vì chúng biết làm

1. Gi-rô, Đắc-lăng: Gi-rô là đại tướng lục quân Pháp, Đắc-lăng là thủy sư đô đốc Pháp. Cả hai trước theo Pê-tanh, sau theo Đờ-gôn.

như thế nhất định bọn Pháp sẽ bắn lại và cuộc xung đột quyết liệt giữa Nhật, Pháp sẽ nổ ra. Quân Đồng minh thừa dịp kéo vào Đông Dương và cách mạng Đông Dương cũng nhân cơ hội tới nổi dậy. Như thế Nhật lại có thêm một mặt trận nữa. Đó là một điều chúng rất e ngại.

Còn bọn Pháp, tuy đã được tình hình bên Pháp và trên thế giới khuyến khích, nhưng tự xét chưa đủ lực lượng mở cuộc tiến công Nhật trước, để giành lại độc quyền bóc lột nhân dân Đông Dương, nên cố chờ một cơ hội thuận tiện hơn nữa mới công khai chống Nhật. Chúng biết rằng tình thế mỗi ngày một hại cho Nhật và lợi cho chúng, nên chúng cố thỏa thuận bề ngoài với Nhật một lần nữa để tranh lấy thời gian, vun thêm lực lượng, củng cố thêm vây cánh trước khi công nhiên khai chiến với Nhật. Và cả hai quân giặc Nhật, Pháp đều gờm cách mạng Đông Dương thừa dịp nổi dậy tiêu diệt chúng. Chính vì thế nên Nhật, Pháp lại có thể hòa hoãn bề ngoài với nhau một lần nữa.

Nhưng sự hòa hoãn này có khác chi một cái nhọt bọc, chứa chất bên trong biết bao nhiêu vi trùng và máu mủ, chỉ chờ dịp chín mõm là vỡ tung ra.

Một điều đáng chú ý là giặc Nhật không dám quét sạch ngay bọn Pháp ở Đông Dương lúc này tức là chúng đã tự thú rõ ràng suy yếu. Phát xít Đức bên châu Âu đang đi tới chỗ chết. Đức bại, mặt trận phương Tây im tiếng súng thì Đồng minh có thể chuyển thêm lực lượng sang Viễn Đông, cho Nhật một đòn cuối cùng. Hội nghị Kê-béc[1] (Québec) đã bàn đến cách mở rộng cuộc phản công Nhật trước khi mặt trận châu Âu kết liễu. Cho nên nếu ngay lúc này giặc Nhật không dám hất cẳng bọn Pháp ở Đông Dương, giành lấy quyền trực tiếp cai trị, thì sau này chúng khó có dịp thi hành kế hoạch ấy nữa hoặc nếu tình thế bắt buộc phải làm thì cũng chỉ là túng bí làm liều, là tự sát mà thôi.

Tóm lại, cả hai quân thù Nhật, Pháp của ta đang đóng một tấn kịch giả dối, vô cùng nguy hiểm cho chúng. Cả hai đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mày chết, quyết liệt cùng nhau.

1. Kê-béc: Phiên âm từ Québec, tên một tỉnh lớn ở Ca-na-đa. Tại hội nghị nói đây Anh, Mỹ và Liên Xô năm 1943 thỏa thuận tăng cường hoạt động ở Châu Âu và mặt trận Thái Bình Dương chống Nhật ở Mãn Châu.

Nhưng chúng còn nhân nhượng nhau ngày nào dân ta còn thống khổ dưới hai từng xiềng xích của chúng ngày ấy. Và toàn thể đồng bào ta sẽ bị chúng tranh nhau hà hiếp, bóc lột thậm tệ hơn, trong những ngày sắp tới đây. Do đó quần chúng nhân dân sẽ cách mạng hóa nhanh hơn nữa.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Hỡi các đảng phái cách mạng!

Hỡi các chiến sĩ cứu quốc!

Chúng ta đang tiến tới tình hình tổng khủng hoảng chính trị ở Đông Dương. Phải kíp mài gươm, lắp súng để mai đây Nhật, Pháp bắn nhau, kịp nổi dậy tiêu diệt chúng, giành lại giang sơn, Tổ quốc. Muốn thế phải tiếp tục tranh đấu chống Nhật và bọn Việt gian thân Nhật; nhưng đồng thời phải đặc biệt chú trọng đánh đổ những xu hướng ngây thơ tin tưởng vào nước "Pháp phục hưng" và bị động trông chờ ở chính phủ Đờ-gôn những cải cách vụn vặt.

Phong trào dân chủ và độc lập đang sôi nổi trên thế giới. Nhân dân Đông Dương không thể công nhận bất cứ một chính quyền đế quốc nào.

Lê-nin nói:

"Những vấn đề lớn của đời sống các dân tộc chỉ có thể giải quyết bằng võ lực".

Phải đoàn kết thống nhất, dùng võ lực nổi dậy, nhân dân Đông Dương mới có được cơm áo, độc lập và tự do.

Báo *Cờ giải phóng*,
số 7, ngày 28-9-1944.

SẮM VÕ KHÍ! ĐUỔI QUÂN THÙ CHUNG!

Hỡi quốc dân đồng bào!

Hiện nay hai lũ giặc Nhật, Pháp hoành hành quá tệ trên đất nước ta. Chúng thi nhau dày xéo lên lương dân ta một cách cực kỳ tàn nhẫn.

Ruộng ông cha để lại chúng cướp. Của mồ hôi nước mắt làm ra chúng giật. Đói không có mà ăn, hàng triệu tấn thóc phải đem đi nộp. Rét không có mà mặc mà lũ giặc nước đốt bông làm thuốc súng giết người. Các bạn phú hào đã phải luôn luôn quyên góp cho Nhật, Pháp, còn bị chúng chiếm nhà cướp của. Anh chị em lao động làm kiệt sức, mà vẫn thiếu thốn đủ đường. Kẻ đi buôn bị cân hàng, cướp chợ, cấm đoán, tịch biên. Người làm ruộng là cái đầu chịu báng: Một năm hai lần nộp thóc, một lần nộp thuế; lại rớt nước mắt mà phá màu trồng đay cho Nhật, đong lén lút để có hạt bán rẻ cho Tây.

Đế quốc Nhật chiếm nước ta làm căn cứ đánh Tàu, nên biết bao đồng bào ta đã nát thịt tan xương chết lây vì chúng; biết bao nhà cửa ta bị phá hủy trong những trận ném bom của máy bay Tàu, Mỹ.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Quê hương ta xơ xác; Đất nước ta điêu tàn. Tình cảnh dân ta vô cùng thống khổ, không thể chịu mãi thế này được nữa! Phải phá tan xiềng xích của quỷ trắng giặc lùn.

Phải thề quyết một phen lấy máu đào rửa cái nhục mất nước, phải gấp sửa soạn nổi dậy giết giặc. Muốn giết giặc phải có võ khí. Võ khí lấy ở đâu? Đó là một vấn đề lớn, mà Việt Minh đang ráng sức giải quyết, cho nên mấy năm nay, Việt Minh không hề xao nhãng việc cổ động đồng bào binh lính mang khí giới của giặc chạy về phe dân chúng, dùng súng thù bắn thù.

Song không thể chỉ ỷ lại vào súng thù được. Phải tự sắm lấy một phần võ khí. Phải làm sao cho những đội quân du kích Việt Minh tổ chức và sẵn có khí giới trong tay, để một khi dịp tốt đến thể theo hiệu lệnh kịp thời xông ra giết giặc làm cái đà cho các tầng lớp đồng bào nổi dậy đánh đuổi chúng ra khỏi nước.

Bởi vậy phải tự chế lấy phần võ khí, phải mua những thứ võ khí tinh xảo của nước ngoài. Việc chế võ khí do Việt Minh trù liệu. Còn việc góp tiền mua võ khí phải là việc chung của tất cả các giới đồng bào yêu nước.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Quỹ mua súng của Việt Minh đã thành lập. Nếu Việt Minh lĩnh trách nhiệm bày mưu, lập kế và tình nguyện đi đầu trong trận đánh đuổi Nhật, Pháp sắp tới, thì bổn phận toàn thể đồng bào ta là phải hăng hái quyên cho quỹ mua súng của Việt Minh.

Một đồng tiền quyên góp cho quỹ mua súng lúc này là một phát đạn dành để bắn vào đầu đế quốc Nhật, Pháp, là một viên gạch xây lâu đài Độc Lập cho dân tộc Việt Nam.

Người hằng sản, kẻ đồng tâm, ai là người Việt Nam hãy hăng hái góp phần vào quỹ mua súng cứu nước. Đừng nhẫn nhục chịu cho lũ giặc tham tàn vơ vét, bóc lột. Đừng quyên góp cho những kẻ đè đầu cưỡi cổ ta. Biết giữ tiền, cất thóc khiến cho Nhật, Pháp thiếu thốn, hết lương là một việc rất tốt. Nhưng tốt hơn nữa là biết đem tiền thóc ấy mưu việc đại nghĩa, đặng trừ họa lớn cho giống nòi. Trong lúc hàng vạn chiến sĩ Việt Minh sẵn sàng ra trận xả thân đuổi giặc, còn đang thiếu súng, thiếu đạn thì có lẽ đâu các giới đồng bào lại ngoảnh mặt làm thinh trước việc sửa soạn võ trang đầy đủ cho các chiến sĩ ấy làm tròn trách nhiệm cứu nước.

Đồng bào hãy hăng hái lên, hãy noi gương dân Tàu bớt ăn, bớt mặc, mua máy bay, đại bác kháng Nhật. Hãy noi gương dân Nga hết sức sinh sản để tiếp tế cho Hồng quân đánh đuổi quân thù! Tổ quốc đang sẵn sàng ghi tên những bạn nào sốt sắng quyên góp cho quỹ mua súng cứu nước. Nhưng Tổ quốc cũng không quên vạch mặt những kẻ tình nguyện bỏ tiền giúp giặc hay lợi dụng nước nhà lâm nạn mà ích lợi làm giàu.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Bọn xâm lược hung tàn Đức, Nhật đang thua bại. Hàng ngũ chúng mỗi ngày một rối bét thêm. Phong trào cách mạng thế giới đã sôi nổi hòa nhịp với quân Đồng minh đang tiến bước, thời cơ đang thúc giục ta. Những đội quân du kích của Việt Minh đang đặt bao nhiêu hy vọng vào lòng sốt sắng yêu nước của chúng ta. Đồng bào hãy tìm các tổ chức Việt Minh các nơi mà trao tiền cho quỹ mua súng. Khẩu hiệu của mỗi người Việt Minh lúc này là:

– Sắm võ khí đánh đuổi Nhật Pháp!

– Tinh thần tích cực sửa soạn khởi nghĩa muôn năm!

– Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm!

16 - 8 - 1944

Việt Nam độc lập Đồng minh

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

CÙNG ĐỒNG BÀO TỔNG LÝ

Giặc Nhật, Pháp tàn ác vô độ.

Quốc dân ta thống khổ vô cùng!

Trước mắt hai mươi lăm triệu đồng bào lúc này đây chỉ có hai đường:

Một là cứ bó gối, cúi đầu dưới gót giặc, chịu chết đói chết rét, chết đạn chết bom, chết đòn, chết nhục!

Hai là cầm khí giới nổi dậy đánh đổ thù chung, giành quyền độc lập!

Quốc dân ta đã chọn đường thứ hai.

Việt Nam độc lập Đồng minh – Việt Nam; đã phất cờ lãnh đạo toàn dân đoàn kết, cấp tốc tiến tới khởi nghĩa đánh đuổi Nhật, Pháp và lũ tẩu cẩu Việt gian phản quốc!

Quân du kích Thái Nguyên đánh bại quân Pháp luôn mấy trận đã viết to trước mắt toàn quốc đồng bào hai chữ: Toàn thắng!

Giặc Pháp hoảng sợ. Chúng ra lệnh cho các bạn tổng lý canh phòng nghiêm cẩn. Chúng chực dùng tay các bạn để hãm hại những chiến sĩ cách mạng, là đồng bào của các bạn, là những con yêu quý của giống nòi!

Hỡi các bạn tổng lý!

Các bạn đã hiểu thấm thía nỗi khổ nhục của người dân mất nước!

Giặc Nhật, Pháp đầy đọa quốc dân ta, chúng cũng không tha các bạn!

Các bạn thay mặt cho nhân dân hãy giữ hành vi xứng đáng với danh nghĩa ấy! Hãy đứng về phe dân tộc chống lại quân thù!

Quân Đồng minh sắp đổ bộ vào Đông Dương!

Giặc Nhật sẽ tan xác pháo!

Giặc Nhật sẽ chết chẹt!

Kẻ nào nhắm mắt theo giặc Nhật, giặc Pháp chống lại quyền lợi dân tộc, phá hoại cách mạng, cứu quốc, kẻ đó sẽ bị tiêu diệt!

Kẻ nào đã lầm đường mà kịp cải tà quy chính lúc này sẽ được dung thứ!

Ngày 15 tháng giêng năm Ất Dậu
(tức 27-1-1945)
Việt Nam độc lập Đồng minh

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

HỊCH KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC

Hỡi quốc dân đồng bào!

Nhật, Pháp bắn nhau chí tử.

Quyền thống trị của Pháp tan rã. Giặc Nhật cho bọn Việt gian thân Nhật "Đại Việt quốc gia liên minh" và "Việt Nam phục quốc đồng minh" lập chính phủ bù nhìn để hại nước, lừa dân.

Giặc Nhật truất quyền giặc Pháp để chiếm hẳn nước ta làm thuộc địa riêng của chúng, để độc quyền cướp của, hiếp dân, giết người. Chúng không giải phóng cho dân tộc ta đâu. Nếu chúng ta không sớm đuổi chúng đi chúng sẽ thu hết thóc gạo, bông dầu, bắt hết thanh niên, trai tráng ta ra lính. Những thói tham tàn của chúng đối với dân ta mấy năm nay, bà con có nhớ không?

Giặc Nhật là kẻ thù số một của nhân dân châu Á và của cả loài người. Trên thế giới chúng đã mất hết vây cánh, vì Ý phát xít đổ, Đức Hít le bại. Bên Viễn Đông chúng đang bị đuổi ra khỏi Diến Điện và Phi Luật Tân. Ở Đông Dương, quân Pháp vẫn cầm cự tại vài tỉnh. Quân du kích cách mạng của ta bắt đầu hoạt động. Nhiều cuộc biểu tình chính trị chống Nhật đã nổ. Dưới quyền chỉ đạo của Việt Minh, một cao trào kháng Nhật cứu nước ta đánh Nhật. Càng ngày giặc Nhật càng bị đánh túi bụi. Nhất định chúng không thể đứng vững. Cách mạng nhất định sẽ nổi dậy hất xác bọn phát xít quân phiệt Nhật xuống hố.

Hỡi các giới đồng bào!

Hãy biểu tình, thị oai, bãi công, bãi thị, bãi khóa làm cho giặc Nhật bối rối thêm. Hãy phá tan các đường giao thông vận tải, dây thép, kho tàng của Nhật. Hãy táo bạo đánh úp các đồn lẻ, đánh chặn các đội tuần tiễu của Nhật, đừng để cho chúng xông xáo, hoành hành.

Hỡi các bạn cựu chính trị phạm!

Hỡi các bạn thân hào, trí thức!

Hỡi các vị quan lại, hương lý, chức viên!

Hãy bảo nhau không ra làm việc cho Nhật, không hợp tác với kẻ thù, không giúp chúng áp bức bóc lột nhân dân, không giúp chúng dò xét, phá hoại cách mạng.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Vận mệnh dân tộc ta đang treo trên sợi tóc. Những cơ hội ngàn năm có một đang lại.

Muốn có đủ cơm ăn áo mặc;
Muốn khỏi đi lính, đi phu;
Muốn thoát nạn bom rơi, đạn lạc;
Muốn cho dân tộc mở mặt với hoàn cầu;
Hãy vùng dậy, giàu nghèo, gái trai, già trẻ, triệu người như một.
Tuốt gươm, chìa súng;
Giết giặc, trừ gian;
Dựng lên một nước Việt Nam hùng cường, tự do và độc lập.

Hãy trút được đau thương, uất hận thành một ngọn thác cuốn sạch quân thù.

Hãy thề quyết không phụ các bậc dân tộc anh hùng đã hy sinh giữ gìn đất nước. Thề noi gương chiến đấu anh dũng của dân Nga, dân Nam Tư, dân Trung Hoa.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Giờ kháng Nhật cứu nước đã đánh. Kíp nhắm theo lá cờ đỏ sao vàng năm cánh của Việt Minh:

Tiến lên!

Xông tới!

Cứu nước, cứu nhà!

Lấy máu đào rửa hận cho Tổ quốc. Ráng hết sức chặt xiềng phá ách, giành lại giang sơn!

Đánh đuổi giặc Nhật!

Tiêu trừ Việt gian, Pháp gian và Hán gian!

Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm!

Chính quyền cách mạng của nhân dân Việt Nam muôn năm!

Hà Nội ngày 15 tháng 3 năm 1945
TỔNG BỘ VIỆT MINH

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B. *NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.*

MẤY LỜI TÂM HUYẾT NGỎ CÙNG CÁC VỊ QUAN CHỨC VIỆT NAM

Hỡi các ngài!

Sau tiếng súng đảo chính của giặc Nhật, giặc Pháp mất hết địa vị thống trị ở Đông Dương. Chiếm hẳn lấy Đông Dương, không phải giặc Nhật giải phóng cho dân ta mà dã tâm của chúng là cốt trực tiếp đẽo xương hút máu dân ta và để đối phó với tình thế ngày một nguy khốn của chúng. Các dây xiềng giặc Pháp buộc vào cổ dân ta khi trước, ngày nay giặc Nhật lại xiết chặt hơn nữa. Đồng bào ta đương trải qua một thời kỳ đau khổ nhất. Nhưng tình thế ấy không thể nào kéo dài được nữa. Giặc Nhật đã lâm vào bước đường cùng. Chúng đang thua chạy ở hầu khắp các mặt trận. Phe lũ của chúng là phát xít Đức cũng đang rẫy chết. Mặt trận dân chủ chống xâm lược Nga, Trung Hoa, Anh, Mỹ đang toàn thắng khắp nơi. Trong ngày gần đây, quân Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương, cuộc khởi nghĩa của dân ta bùng nổ, giặc Nhật nhất định sẽ bị tiêu diệt.

Vận hội nước nhà đang đi đến ngày đổi mới. Dưới quyền chỉ đạo của Việt Nam độc lập Đồng minh (Việt Minh), tiếng súng kháng Nhật cứu quốc của những đạo quân du kích và dân quân đã nổ vang ở nhiều miền thượng du và trung du Bắc Kỳ. Dân tộc ta đã vùng dậy đang tiến gấp tới cuộc tổng khởi nghĩa vĩ đại để diệt trừ giặc Nhật đem lại nền độc lập cho đất nước.

Trong khi hầu hết đồng bào các giới đang thi nhau hăng hái đem tính mạng và tài sản đóng góp vào cuộc giải phóng cho giống nòi, chúng tôi không thể không nhắc nhở đến các ngài là những người tiêu biểu của đất nước, mang danh nghĩa là cha mẹ dân chịu ơn của nước đã nhiều và chính phen này là cơ hội duy nhất để báo đền nợ nước. Thật thế! Người xưa đã có câu "nước nhà còn hay mất, dầu một người thất phu cũng có trách nhiệm". Huống chi các ngài là những người đang cầm quyền bính trong tay, lại được quốc dân trông vào coi như gương mẫu. Chúng tôi dám tin rằng: Chỉ trừ một số rất ít những kẻ quên mình, quên nước, cam tâm bán nước cầu vinh, còn những người có trong cơ thể dòng máu Lạc Hồng, biết cái nhục mất nước,

biết danh dự mình, bảo toàn thân gia mình quyết không khi nào lãnh đạm với công cuộc đại nghĩa nên làm và phải làm này.

Vì vậy chúng tôi dám mong các ngài hãy hiểu rõ tình thế, nhận định bổn phận đối với quốc gia chủng tộc, góp một phần vào công cuộc xây dựng nền độc lập cho đất nước.

Giờ giải phóng dân tộc đã đến nơi rồi, đoàn thể Việt Nam Cứu quốc và Việt Nam Dân chủ đảng trong Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh đang sẵn sàng giơ tay đón chào các ngài.

Các ngài hãy đem tiền tài sẵn có ủng hộ cho các đoàn thể cứu quốc.

Hơn nữa các ngài có một địa vị, một hoàn cảnh thuận tiện có thể che chở cho phong trào cách mạng ở các địa phương của các ngài được dễ dàng phát triển.

Các ngài đừng theo những tên tẩu cẩu như Cung Đình Vận, Đặng Vũ Niết, v.v... mà tàn sát nhân dân, phá hoại cách mạng.

Các ngài hãy đem cái chết nhơ bẩn của Hoàng Gia Mô năm nọ nói cho những bạn đồng sự nào có dã tâm đi theo quân địch.

Các ngài hẳn cũng biết rằng: Mỗi cử chỉ của các ngài trong lúc này đều được quốc dân để mắt nhìn vào rất tinh tường, các ngài sẽ được quốc dân ghi ơn hay sẽ bị quốc dân vấn tội đều do các ngài định đoạt lấy cả.

Gửi bức thư ngỏ này, chúng tôi gửi cả một phần hy vọng của đất nước vào các ngài. Mong các ngài nhận cho.

Báo *Cứu quốc*

Ngày 1 tháng 3 năm Ất Dậu (tức 12 - 4 - 1945)

VIỆT NAM ĐỘC LẬP ĐỒNG MINH.

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

ĐỒNG TIỀN CỨU NƯỚC

Cùng đồng bào yêu quý!

Trên con đường đi tới quang vinh của Tổ quốc, một cơ hội có một đương trình bày trước mắt chúng ta: giặc Pháp đã chết, giặc Nhật đương ngắc ngoải trước cuộc tấn công bão táp của Đồng minh. Và đồng bào toàn quốc cũng đang chờ ngày đổ bộ của hữu quân Anh, Mỹ cùng cuộc giáp công của quân đội Trung Hoa phất ngọn cờ khởi nghĩa.

Trong khi chờ đợi những điều kiện khách quan đưa tới có lợi cho ta ấy, tiếng súng "kháng Nhật cứu nước" đã liên tiếp nổ ra một cách oanh liệt ở nhiều miền thượng du Bắc Kỳ. Nhiều địa bàn hiểm yếu đã thuộc phạm vi quân du kích. Ngọn cờ đỏ sao vàng hùng vĩ đã bay phấp phới ở nhiều nơi. Không lúc nào bằng lúc này, máu nóng cứu nước được sục sôi trong huyết quản của dân tộc ta. Những đồng bào tình nguyện xung phong vào bộ đội du kích cùng tham gia vào cuộc vận động đông như kiến vỡ tổ, với một khí thế như muôn trùng sóng cuộn giữa đại dương và một lòng tin tưởng rực rỡ như vô vàn mớ tia sáng bình minh của một buổi mai đẹp đẽ.

Nhưng làm thế nào để có thể nuôi sống được bao nhiêu chiến sĩ của dân ta đương tuốt gươm lắp đạn xông pha chiến địa, quyết sống thác với quân thù?

Làm thế nào để có thể mua sắm, chế tạo được vũ khí giết giặc bao nhiêu cũng thiếu và quyết định cuộc thắng bại của dân ta?

Làm thế nào để nuôi sống bao nhiêu cán bộ chuyên nghiệp, những người không thể tham gia sinh sản, chỉ đem hết thì giờ, chung sức vào việc giải phóng cho giống nòi?

Và làm thế nào để quay đều các bánh xe cách mạng mỗi lúc một mạnh mẽ và gấp rút hơn để mau đi tới một cuộc tổng khởi nghĩa mà hết thảy dân tộc đương nghển cổ ngóng trông?

Nói tóm lại, ngày quyết liệt và vinh quang của Tổ quốc nay mai đương đòi hỏi bao nhiêu công việc vĩ đại, cần kíp phải làm, bao nhiêu khó khăn nguy hiểm phải vượt qua, mà "Đồng tiền cứu nước" đã dự một phần rất quan hệ.

Đành rằng từ bao lâu nay "Đồng tiền cứu nước" của các nhà nhiệt tâm yêu nước quyên vào không phải ít. Và nó đã tỏ ra trước bàn thờ Tổ quốc, đồng bào ta, bên chỗ hy sinh tính mệnh, đã hy sinh tài sản đến bậc khá cao. Song trong giai đoạn đi gấp tới cuộc tổng khởi nghĩa và trước sức phát triển phi thường của phong trào cứu quốc, "Đồng tiền cứu nước" bao nhiêu cũng không đủ. Vì vậy, chúng tôi cất tiếng kêu gọi đồng bào ái quốc trong lúc này mau mau tham gia vào công cuộc cứu nước với những "Đồng tiền cứu nước".

"Đồng tiền cứu nước" là một biểu hiện sự hy sinh cao quý của đồng bào nhịn ăn, nhịn mặc để phụng thờ Tổ quốc.

"Đồng tiền cứu nước" là một phần đóng góp thiêng liêng mà đồng bào đã mạnh bạo ném vào việc đại nghĩa của nước nhà.

"Đồng tiền cứu nước" sẽ đem sức sống lại cho bao nhiêu dũng sĩ của dân ta đương ở ngoài mặt trận, ở sau mặt trận, ở khắp mọi nơi.

"Đồng tiền cứu nước" sẽ quay lồng bộ máy cách mạng lên một nhịp mạnh mẽ tột bực để nghiền chết quân thù, mang lại độc lập tự do cho đất nước.

Hỡi đồng bào yêu quý!

Trong những ngày gian khổ và oanh liệt, đầy hy sinh và đầy hứa hẹn này, chúng ta đã thấy bao nhiêu người đem tính mệnh mình góp vào tính mệnh quốc gia, ta lại sẽ thấy bao nhiêu người đem tài sản của mình góp vào cuộc giải phóng dân tộc. Thật thế, trên con đường sống duy nhất, ai chịu lùi chân? Trong hội quang vinh, ai cam vắng mặt?

Giọt máu cứu nước của bao nhiêu tráng sĩ đương tưới khắp non sông. "Đồng tiền cứu nước" của các nhà hằng sản hằng tâm đã gây nên một chuyển lực vô cùng mạnh mẽ cho đất nước.

Tổ quốc đương nóng nảy mong chờ ghi tên những con yêu xứng đáng của dân tộc đã biết dự một phần vào việc cứu nguy nòi giống, bồi đắp non sông.

Ngày 12 tháng 4 năm 1945
VIỆT MINH

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

PHÁT XÍT ĐỨC ĐÃ TẮT THỞ

Hôm 2–5–1945, Hồng quân, do tướng Giu - cốp [1] (Zukhov) chỉ huy, đã hạ xong kinh đô nước Đức.

Hôm 8–5–1945, phát xít Đức xin đầu hàng không điều kiện.

Tên trùm phát xít Hít-le đã chết mất xác trong trận Hồng quân đánh phá Béc - lanh. Mút-xô-li-ni, tên đầy tớ già của Hít-le, bị thanh niên Ý phanh thây xé xác. [2]

Bên Âu Tây, những kẻ thủ phạm gây ra chiến tranh, xô đẩy loài người vào vòng đạn lửa, đã tắt thở.

Đội quân tiền phong của phát xít quốc tế hoàn toàn thất bại. "Trận Thập tự [3] đánh phá Liên Xô và chủ nghĩa Bôn-sê-vích" đã tan tành, thế là cái ảo mộng làm bá chủ hoàn cầu của phe Trục tiêu tan như mây khói. Ô hô "nền trật tự mới" [4] của bọn đế quốc phát xít, nham hiểm và vô lương!

Chính nghĩa đã thắng. Dã man phải lùi bước!

Thế giới văn minh và tiến bộ vừa thoát được cái họa lớn: Chủ nghĩa Hít-le.

Cái khâu chính của dây xiềng mà phe Trục định dùng để trói buộc loài người, vừa đứt phựt. Nay mai toàn thế dây xiềng sẽ tan rã. Phát xít Nhật, bạn đồng minh của Đức Hít-le, bị trơ trọi hẳn và đang lo như cá nằm trốc thớt. Chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ trở về thiên cổ theo gót bạn chúng bên trời Âu. Rồi đây, tất cả bọn phát xít xâm lược dã man sẽ bị quét sạch trên mặt trái đất.

Đức bại trong khi cuộc Hội nghị tổ chức thế giới an toàn đang

---

1. Giu-cốp: Đại tướng chỉ huy các binh đoàn Hồng quân bao vây và hạ thành Béc-lanh trong Đại chiến thứ hai.

2. Hít-le, Mút-xô-li-ni: Xem chú thích ở bài *Mút-xô-li-ni bị lật đổ*.

3. Trận Thập tự: Thời Trung cổ, những nước theo đạo Thiên chúa ở Tây Âu đã mở những cuộc viễn chinh liên quân để giành lại đất Thánh tức tại Jérusalem, ở trong tay người Hồi giáo. Đội quân viễn chinh ấy mang cây thánh giá "Hình chữ thập" nên được gọi là Thập tự quân. Bọn phát xít Đức mệnh danh những cuộc tiến công của chúng vào Liên Xô là những trận "thập tự viễn chinh".

4. Nền trật tự mới: Bọn phát xít Hít-le gọi chế độ các nước châu Âu sống dưới sự chỉ huy của chúng là "nền trật tự mới".

họp ở Cựu Kim Sơn. Bình minh đang trở lại với loài người đau đớn nhưng anh dũng sắp qua được một đêm kinh khủng, đầy máu lệ và sắt lửa. Một thế giới dân chủ đang được dựng lên trên bao nhiêu chết chóc và điêu tàn. Loài người sắp hòa giải, đã bắt đầu hát bài ca bác ái.

Công ấy của ai?

Của Hồng quân Liên Xô, đội quân xung trận của nhân loại cần lao và tiến bộ, đội quân giải phóng của tất cả các dân tộc bị áp bức trên hoàn cầu. Lịch sử đã muốn rằng: Hồng quân chiếm lấy thành Béc - lanh, trái tim của con thú dữ Đức phát xít, và làm cho cả thân hình ghê tởm của nó phải quy xuống; làm cho nanh vuốt của nó đang bám sâu vào thịt nhân loại phải rã rời.

Công ấy của ai?

Của các nước Đồng minh Anh, Mỹ đã cùng Liên Xô đánh vào đất Đức, đã giúp đỡ một phần khí giới và lương thực cho Hồng quân làm tròn nhiệm vụ xung phong. Ý nguyện của nhân dân Anh, Mỹ và toàn thế giới đã muốn rằng: Một phần đế quốc tương đối tiến bộ là Anh, Mỹ phải bắt tay nước Chủ nghĩa xã hội là Liên Xô đặng phá tan kế hoạch tham tàn của bọn đế quốc phát xít.

Công ấy của ai?

Của thợ thuyền, dân cày các nước chống xâm lược trên thế giới đã cần cù sinh sản đặng tiếp tế cho mặt trận chống phát xít toàn thế giới; đã vác súng ra trận; đem xương máu đắp thành chiến lũy ngăn cản quân Trục; đã thúc đẩy Anh, Mỹ phải gắn bó với Liên Xô và đánh mạnh để sẻ gánh nặng cho Liên Xô.

Công ấy của ai?

Của hết thẩy các dân tộc bị áp bức đang phấn đấu chống bọn xâm lược, quyết giành lấy tự do và độc lập.

Ngày nay, thắng được Đức quốc xã là nắm được thắng lợi hoàn toàn. Đó là kết quả công lao của toàn thể loài người chống phát xít, đặc biệt là của đội Hồng quân Liên Xô đã hy sinh hàng triệu chiến sĩ đặng bảo vệ Chủ nghĩa xã hội thắng lợi, và luôn thế, bảo vệ cả nền văn minh thế giới.

Song mặc dầu thắng lợi, chúng ta không nên tự mãn. Đức quốc xã bại, nhưng Nhật phát xít vẫn còn. Cả loài người chiến đấu đang bước mạnh đặng vượt lên giai đoạn mới, giai đoạn chót của cuộc chiến tranh chống phát xít xâm lược. Khẩu hiệu của phe chống xâm

lược đã đổi. Tất cả thế lực tự do và hòa bình lúc này đều tập trung vào nhiệm vụ trước mắt:

– Mau hạ phát xít Nhật!

– Mau kết liễu chiến tranh!

Nhất định Hồng quân, sau khi làm tròn nhiệm vụ vĩ đại đánh đổ Đức quốc xã, sẽ chuyển sức mạnh sang Viễn Đông cùng Anh, Mỹ, Tàu tiêu trừ nốt bọn đế quốc phát xít Nhật. Trực tiếp giải phóng cho các dân tộc châu Âu, kể cả dân Đức khỏi họa Hít-le, Hồng quân sẽ không quên nhiệm vụ trực tiếp giải phóng cho các dân tộc bị áp bức Viễn Đông, kể cả nhân dân Nhật, khỏi họa phát xít quân phiệt Nhật. Liên Xô đã xé hiệp ước trung lập ký với Nhật và Hồng quân đã đến đóng trên đèo Trương Cao Phong để sửa soạn xông thẳng vào dinh lũy của giặc Lùn.

Dù sao nhân dân Đông Dương không thể bị động trông chờ những may mắn tự đâu đưa lại; cũng không thể ỷ lại vào ai hết. Phải đứng dậy đánh đuổi giặc Nhật; góp sức với Đồng minh dìm chết con thú dữ Nhật Bản dưới đáy Thái Bình Dương. Cao trào kháng Nhật cứu nước của ta đã nổi dậy. Quân du kích của ta đã làm chủ nhiều nơi. Nhưng chưa đủ. Phải tiến mãi, tiến nữa. Tiến!

Mở rộng du kích ra nhiều tỉnh; không nộp thóc, nộp thuế để triệt lương quân giặc; phá hoại kỹ thuật chiến tranh và giao thông của giặc; biểu tình đòi ăn, làm cho giặc bối rối thêm.

Sẵn sàng phát động tổng khởi nghĩa giành hẳn lại đất nước.

Đó là cách chúng ta noi gương chiến đấu anh dũng của Hồng quân đã tiêu diệt phát xít Đức.

Đó là cách chúng ta cộng đồng tác chiến với quân Đồng minh tiêu diệt lũ giặc Phù Tang.

Báo *Cờ giải phóng*,
số 13, ngày 16- 5 -1945.

CUỘC KHÁNG CHIẾN ANH DŨNG CỦA CHÚNG TA

Tiếng súng đảo chính của Nhật nổ, thì tức thời tiếng súng kháng Nhật của các bộ đội du kích Đông Dương cũng nổ.

Các dân tộc bị áp bức Đông Dương đã ngang nhiên dùng súng đáp lại mưu mô cướp nước một cách gian dối của giặc Nhật. Họ đã dùng súng đáp lại chủ trương thay thầy đổi chủ của bọn Việt gian bán nước cầu vinh. Họ đã dùng súng đáp lại những lời dụ hàng ngu xuẩn của quân đội Nhật và trả lời một cách đích đáng những bức thư đề nghị "hợp tác" của bọn thân Nhật không có óc.

Tiếng súng du kích nổ sau ngày 9–3–1945, đã mở đầu cho một cuộc kháng chiến anh dũng nhất trong lịch sử vận động cách mạng dân tộc giải phóng Đông Dương trong ngót một thế kỷ nay. Nó đã mở đầu cho một thời kỳ chiến đấu mới của các dân tộc bị áp bức Đông Dương quyết phen này giành cho được tự do, độc lập.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Đông Dương càng thêm anh dũng vì nó phát triển mạnh mẽ và mau lẹ trong khi cuộc "kháng chiến" yếu ớt của Pháp đã thất bại mau chóng một cách ê chề!

Một sự thực vừa được ghi trong lịch sử chiến đấu của thế giới chống phát xít: Bọn Pháp ở Đông Dương có bao nhiêu võ khí và quân đội không duy trì nổi được cuộc "kháng chiến" của họ. Trái lại dân tộc Đông Dương, với số võ khí thô sơ và thiếu thốn đang kiên quyết hết sức gian nan.

Mặc dầu quân Đồng minh chưa đổ bộ vào Đông Dương cùng ta đánh Nhật, cuộc kháng chiến của ta vẫn không ngừng phát triển. Đến nay nó đã qua hai bước.

Thoạt tiên, quân ta tước võ khí của tàn quân Pháp thua chạy, không để cho họ đem súng ra hàng giặc Nhật. Và trong khi lực lượng kháng chiến của Pháp tan rã, quân ta đã tiến đánh các đồn trại, chiếm lấy căn cứ cần thiết cho cuộc kháng Nhật của ta đồng thời đoạt lấy số võ khí ở đó, không để cho nó lọt vào tay giặc Nhật.

Hành động của chúng ta có cản trở cuộc kháng chiến của Pháp không? Quyết không! Trái lại, mặc dầu bọn Pháp Đờ-gôn ở Đông

Dương ích kỷ và ngoan cố, không chịu ký kết lập mặt trận dân chủ chống Nhật với ta trước cuộc "đảo chính", trong giờ quyết liệt ta cũng đặt nhiệm vụ chống phát xít Nhật lên trên hết thảy và cùng họ thống nhất hành động ở những nơi họ thành thực kháng chiến (như ở Sóc Giang, Cao Bằng và Ngân Sơn, Bắc Cạn). Nhưng sự hối lỗi muộn mằn của một vài bọn Pháp kháng chiến lẻ loi (đến bước đường cùng mới bám lấy cách mạng Việt Nam) không đủ cứu vãn cho toàn bộ cuộc kháng chiến của Pháp. Rốt cuộc quân đội Pháp ở Đông Dương tan rã hoặc chạy qua biên giới, hoặc bị bắt làm tù binh.

Pháp bại, cuộc kháng chiến của ta tiến lên bước mới. Quân ta tiếp tục chiến đấu đương đầu thẳng với Nhật: Phá hoại đường giao thông vận tải của Nhật, đánh chẹn các đội quân Nhật chiếm căn cứ địa, quét sạch lực lượng Nhật trong những căn cứ địa ấy. Đánh đến đâu, quân ta động viên quần chúng nhân dân tham gia du kích đến đó và cổ động thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng, dựng chính quyền cách mạng lâm thời ở địa phương. Được bộ đội du kích và quần chúng võ trang ủng hộ, những Ủy ban nhân dân cách mạng đang thực hiện những nguyện vọng tha thiết của đồng bào. Hơn một triệu người trong khu giải phóng đã được miễn trừ sưu thuế, có thêm ruộng đất, được hưởng quyền tự do dân chủ v.v... Trong quá trình tranh đấu chống Nhật, Việt Nam giải phóng quân đã chính thức thành lập. Các chiến khu đã được quy định và thống nhất. Trường Quân chính kháng Nhật đã mở căn cứ địa để đào tạo nhân tài. Các chiến sĩ của ta đang được rèn luyện trên trường chiến đấu thực tế hay trong các lớp huấn luyện quân sự. Bằng cách chiếm võ khí của giặc, quân ta vừa đánh vừa võ trang thêm. Các bộ đội du kích của ta đang bổ xung thực lực đặng sửa soạn tiến lên đuổi hẳn giặc Nhật ra khỏi đất nước thành lập Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Vinh dự thay!

Trong khi một nhúm Việt gian ca tụng giặc Nhật để xin xỏ một ít canh cặn cơm thừa, thì đồng bào ta, dưới lá cờ Việt Minh, đang hy sinh chiến đấu giành lại đất nước. Cuộc kháng chiến của ta là một tang chứng sắt đá chỉ cho thế giới biết rằng: Dân tộc ta không hèn đớn nép mình dưới gót ủng của Nhật, không chiến đấu cho quyền thống trị của Pháp như chính phủ Đờ-gôn đã tuyên bố, cũng không ỷ lại trông chờ ở lực lượng ủng hộ bên ngoài.

Hiện nay nạn đói vẫn đang hoành hành trong dân ta một cách

ghê gớm. Đối với ta, giặc Nhật chém giết tàn nhẫn, bóc lột thẳng tay. Không bao giờ dân ta đau khổ như lúc này, nhưng cũng không bao giờ anh dũng như lúc này. Chúng ta đang góp một phần hy sinh với Đồng minh đặng tiễu trừ phát xít Nhật và dựng Hòa bình cho nhân loại. Chúng ta không bị thuyết "Đại Đông Á" của Nhật lừa phỉnh. Chúng ta lại biết đứng dậy cầm võ khí trong tay, chặt xiềng phá ách, giành lấy quyền sống chính đáng. Cuộc võ trang kháng Nhật của chúng ta phải được vang dội đến diễn đàn Cựu Kim Sơn. Chúng ta đang đổ máu ra để tiễu trừ nốt bọn phát xít cho xã hội loài người. Nhưng chúng ta cũng đang đổ máu ra để đặt trước Hội nghị Cựu Kim Sơn [1] điều yêu sách toàn thể của dân tộc hoàn toàn độc lập và tự do.

Chúng ta chống Nhật đến cùng. Song chúng ta sẵn sàng chống tất cả thế lực nào định bắt ta trở lại đời nô lệ cho chủ nghĩa đế quốc Pháp hay cho bất cứ một chủ nghĩa đế quốc nào khác, sau khi quyền thống trị của Nhật đổ.

Chỉ có cầm võ khí trong tay, thống nhất chiến đấu, dân tộc ta mới tự quyết định được số phận của mình trong những ngày sắp tới.

Báo *Cờ giải phóng*,
số 14, ngày 28 - 6 - 1945.

---

1. Hội nghị Cựu Kim Sơn: Cựu Kim Sơn (San Francisco) là một thành phố công nghiệp và hải cảng bên bờ Thái Bình Dương nước Mỹ. Hội nghị này họp từ 25/4 đến 26/6/1945 gồm đại biểu 51 nước do Liên Xô, Mỹ, Anh và Trung Quốc (cũ) triệu tập để thành lập Liên Hiệp Quốc.

LỜI KÊU GỌI CỦA ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG [1]

Hỡi quốc dân đồng bào!

Hỡi các đoàn thể cứu quốc!

Giữa lúc giặc Nhật đã hàng phục các nước Mỹ, Anh, Nga, Trung Hoa, giữa lúc quân Đồng minh sắp kéo vào Đông Dương, giữa lúc chính quyền Nhật tan rã khắp mọi nơi, giữa lúc quân Giải phóng Việt Nam quả quyết đánh đuổi giặc Nhật, giữa lúc toàn thể đồng bào đang mong đợi một chính phủ quốc dân có đủ uy tín và thực lực: Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam ra đời.

Nó gồm có những người xứng đáng nhất trong các đoàn thể cứu quốc đang chiến đấu cho quyền hoàn toàn độc lập của Quốc gia.

Nó là cơ quan lãnh đạo tối cao của quốc dân để hành động cho kịp thời trong lúc tình hình biến chuyển rất mau lẹ.

Nó sẽ thay mặt quốc dân Việt Nam và dựa trên thực lực của quốc dân để tranh lấy sự đồng tình của các nước Đồng minh dân chủ.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Ngày vĩ đại và quyết liệt của dân tộc đã đến. Chúng ta hãy vùng dậy tuốt gươm lắp súng để định đoạt lấy số phận của mình. Chúng ta quyết thắng và sẽ thắng.

Tước khí giới của giặc Nhật.

Chính quyền nhân dân muôn năm!

Việt Nam hoàn toàn độc lập!

Tháng 8-1945

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

---

1. Trước tình hình ngày một khẩn trương, lãnh tụ Hồ Chí Minh quyết định phải triệu tập cuộc đại hội đại biểu toàn quốc chậm nhất là vào giữa tháng 7/1945. Nhưng vì giao thông khó khăn nên mãi đến 13, 14 tháng 8, đại biểu các nơi mới lục tục đến. Ngày 15/8 Nhật chính thức ký giấy đầu hàng Đồng minh. Tình hình không cho phép để chậm hơn nên Cụ Hồ quyết định cứ phải họp ngay, mặc dù đại biểu chưa đến đủ. Đại hội họp trong những ngày 16, 17/8 ở Tân Trào và cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc, sau này trở thành Chính phủ lâm thời.

LỜI HIỆU TRIỆU CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Hỡi quốc dân đồng bào!

Hỡi các đoàn thể cách mạng!

Hỡi các đồng chí cộng sản!

Phát xít Nhật đã chết gục theo phát xít Đức, Ý. Quân đội Nhật đang bị tan rã và bị tước khí giới ở khắp các mặt trận. Quân Đồng minh sắp kéo vào Đông Dương. Giờ hành động quyết liệt đã đến.

Đồng bào và các đoàn thể cứu quốc, dưới quyền chỉ huy của Ủy ban dân tộc giải phóng, Ủy ban khởi nghĩa hãy cùng với Giải phóng quân và tự vệ đội nổi dậy đánh chiếm các đồn, các huyện ly và các tỉnh ly, cướp khí giới của bọn giặc Nhật.

Các đồng chí phải sáng suốt trong việc lãnh đạo và cương quyết hy sinh trong cuộc chiến đấu để giành quyền độc lập cho Tổ quốc, để xứng đáng là một đội quân tiên phong của dân tộc.

Giờ khởi nghĩa đã đến. Ngày vinh quang của Tổ quốc đã bùng nổ.

Quyết chiến! Quyết chiến! Quyết chiến!

Thắng lợi nhất định về ta.

Văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

HIỆU TRIỆU CỦA TỔNG BỘ VIỆT MINH

Hỡi quốc dân đồng bào!

Hỡi các đoàn thể cứu quốc!

Phát xít Nhật đã gục đầu hàng phục Anh, Mỹ, Nga, Tàu. Quân Đồng minh sắp tràn vào Đông Dương. Giờ tổng khởi nghĩa đã đến! Dân tộc ta đã đến lúc vùng dậy cướp lại quyền độc lập của mình!

Trước cơ hội có một không hai này, toàn thể dân tộc ta phải đem hết lực lượng, dùng hết can đảm, bao quanh đạo quân Giải phóng Việt Nam, tung xương máu ra đánh đuổi giặc Nhật, đòi lấy tự do hạnh phúc cho nhân dân!

Ngày vinh quang ấy đương đòi hỏi những hy sinh quyết liệt, những dũng cảm phi thường của con em trong nước. Thắng lợi nhất định về ta.

Dấy lên!

Ngày 14 tháng 8 năm 1945
TỔNG BỘ VIỆT MINH

Văn thơ yêu nước và cách mạng, *tập 3B. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.*

BÁC VỌNG
(1905 - 1959)

Tên thật là Hoàng Đức Thạc, dân tộc Tày. Quê ở xã Phúc Tăng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1931. Bị địch bắt tù nhiều năm. Năm 1941, ra tù, được bầu làm Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Cao Bằng, sau là Bí thư Tỉnh ủy Đảng Cộng sản tỉnh Cao Bằng.

ĐIẾU MẸ VỢ [1]

Tin nhạc mẫu rời chân tiên cảnh,
Thoạt nghe như sét đánh ngang tai,
Chẳng hiền, rể cũng là giai,
Tình thân, người cách đôi nơi đau lòng:
Ngoài mười dặm vời trông linh sấu,
Đôi hàng châu dài ngắn sụt sùi.
Vẫn hay sống chết sự đời,
Xưa nay nào có ai người trường sinh,
Nhưng nghĩ đến gia đình nhạc mẫu
Luống căm gan con tạo trêu ngươi
Hỏi con, con đã chết rồi!
Hỏi dâu, dâu hóa ra người vị vong!
Hỏi con gái có chồng như góa!
Hỏi rể thì rể ở phương xa!
Hỏi chồng, chồng đã tuổi già!
Hỏi thăm cháu, cháu trẻ thơ một bầy!
Cháu trẻ thơ ai người bầy vẽ,
Chồng tuổi già, ai kẻ đỡ đần.

---

1. Có ý kiến cho rằng bài này của một đồng chí khác làm thay cho Bác Vọng. Chúng tôi xin ghi lại để tiện nghiên cứu.

Dâu con lẩn đẩn chiếc thân,
Má hồng lần lữa ngày xuân phũ phàng.
Tình cảnh ấy trăm đường chua xót,
Sắt đá e cũng giọt lệ sầu.
Nhưng mà nghĩ lại cho sâu,
Bởi ta mất nước có đâu tại trời!
Đồng bào ta bao người cực khổ,
So với mình lại có phần hơn.
Bao người cửa nát, nhà tan,
Bởi tay Tây, Nhật muôn vàn xót xa!
Nước Nam Việt thành nhà ngục tối
Giống Rồng Tiên e nỗi diệt vong,
Vậy nên ta phải đồng lòng,
Trước lo cứu nước mới mong cứu nhà.
Ngày giải phóng nay đà sắp tới,
Xa gia đình con phải đấu tranh.
Rồi đây cách mệnh công thành,
Hiếu trung toàn vẹn lưu danh muôn đời.
Nhạc mẫu hãy ngậm cười chín suối,
Phù hộ con mạnh giỏi luôn luôn.
Để con lo việc nước non,
Mấy câu ghi tạc đổi buồn làm vui.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 147,
ra ngày 21-12-1942.

GỬI CHA MẸ

Công cha mẹ sinh thành dưỡng dục,
Con thẹn chưa báo phục chút nào.
Nhớ ơn chín chữ cù lao,
Bên trung, bên hiếu bên nào nặng hơn.
Con trông thấy giang sơn Tổ quốc,
Bị Nhật, Tây áp bức đọa đầy.
Đồng bào cực khổ chua cay,
Con không có lẽ khoanh tay ngồi chờ.
Nên con đã phụng thờ cách mạng,
Gọi đồng bào dậy đánh Nhật, Tây.

Quyết làm cho nước non này,
Sạch sành sanh đuổi Nhật, Tây hung tàn.
Vì thế mà lũ quan hủ bại,
Nay dọa mẹ, mai lại đòi thầy.
Thày mẹ vất vả đắng cay,
Mắt con trông thấy, lòng này cuộn se.
Song con chắc thày me không ngại,
Vì giống nòi mà phải nhục thân.
Kìa như phụ lão đời Trần,
Dốc lòng cứu nước, cứu dân đến cùng.
Thày mẹ đã có lòng kiểu mẫu,
Con càng thêm phấn đấu hy sinh.
Một nhà trung hiếu quang vinh
Sáng lòe hai chữ Việt Minh bằng vàng.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 160, ra ngày 1–5–1943

MUỘN KHEN SLỦA VỤ TRANG KHỞI NGHĨA

Tằng thiên hạ đạn moòng bom théc
Nhật bắt đầu sua riết tứ tung
Vằn giải phóng mà thâng giá né
Vì moọng hây tằng ké tằng eng
Khoái sửa soạn vụ trang khởi nghĩa
Gả này nắm có thể rụt rè
Mẻn phân giáng au se cháu nước
Mọi gần mẻn kiên quyết lồng rèng
Hưa đoàn thể ngần diền, bắp, khẩu
Rièo tự vệ chiến đấu hẩu đông
Gừn vẳn hạy óc công luyện tập
Tập mừa thuật du kích dây lai
Dùng mưu mẹo khả thai Nhật Tây
Việc sửa soạn hây hất dẩy dây
Nhất định tức hềnh Tây, hềnh Nhật
Hỡi bạn gần dân tộc anh hùng

Hỡi dân chúng Cao Bằng! Tin hìn
Hàng hái rièo Ban Tỉnh tái tàng
Khoái sửa soạn vụ trang khởi nghĩa.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 168, ra ngày 11-7-1943.

Bài dịch:

XẮN TAY ÁO VŨ TRANG KHỞI NGHĨA

Khắp gầm trời đạn vang bom nổ,
Nhật bắt đầu sụp đổ mọi nơi.
Ngày giải phóng tức thời đến đó.
Nào, chúng ta: Già cả, tráng niên
Mau sửa soạn vũ trang khởi nghĩa.
Giờ này ta không thể rụt rè,
Mài gươm sắc đem về cứu nước.
Mọi người đều kiên quyết ra công
Giúp đoàn thể tiền nong, ngô lúa
Theo tự vệ chiến đấu cho đông.
Đêm ngày hãy ra công luyện tập,
Tập theo thuật du kích tốt thay,
Dùng mưu mẹo giết bầy Tây, Nhật.
Việc sửa soạn phải thật đủ đầy
Nhất định đánh thắng Tây, thắng Nhật.
Hỡi dân ta dân tộc anh hùng!
Hỡi dân chúng Cao Bằng vùng dậy!
Hăng hái theo Ban Tỉnh dẫn đường
Mau sửa soạn vũ trang khởi nghĩa.

TRIỀU ÂN *dịch*

XEM TRĂNG NHẮN BẠN

Ngàn dặm chung soi nguyệt dõi lòng,
Nhắn ai chớ ngại lúc xa trông.
Thù nhà nợ nước dồn đôi gánh,
Diệt bạo trừ hung quyết một lòng.

Bầu máu đương sôi vì phẫn uất,
Rừng gươm chỉ ngại với xung phong.
Rồi đây cờ đỏ bay phơ phất,
Hưởng thú muôn năm cảnh đại đồng.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 173, ra ngày 1-9-1943.

PHUA ƠI!

Phu quân ơi, hỡi phu quân
Giang san tan nát nhằng răng thêm nò?

Đin nước nguồn lâm nguy dạ mất
Mất khẩu mừng Tây, Nhật bạo tàn
Mưng hăn Tổ quốc giang san
Rốp cơn nguy biến mà tàn tác slim.

Gần Nam Việt anh hùng rầu nỏ?
Bấu xuất thân liền lẻ mại răng?
Vị ơđ' nghịa vụ hất gần
Răng dằng pao phúc thắc lăng khỉn tàng.

Rụ vì nhằng mơ màng vui thú
Giú rườn vằn quá mự đuổi mìa
Tu rườn, Tổ quốc, sloong vè
Tổ quốc mẻn mất rườn lè nhằng lăng?

Rụ vì ngại ăn tàng quây goẹng
Lo mẻ ké vì vẻng bưởng lăng
Noọng xo nguyền vạ bân slung
Noọng xo trọn đạo hết cần tề gia.

Mặc rốp khúc bôn ba lận đận
Càng vùi slim bấu gặm kỉ sil
Vì ơi nghĩa vụ nam nhi
Nết trừ đảy tiếng tu mi giảng pền.

Tình phua mìa kỷ cảm slương sliết
Vỉ cỏi giảng sloi xét noọng nhờ
Tỉ cà: vằn đạn mịt mù
Đội quân du kíck tằng cờ roọng rân.

Vỉ ơi khoái pây thằng hẩu lốp
Nè slủng nè pỉ gấp khìn tàng
Vỉ ơi giá dực thói thường
An tình slương noọng sle slương đồng bào.

1943

Bản dịch:

CHỒNG ƠI!

Phu quân ơi, hỡi phu quân,
Giang sơn tan nát còn xuân chăng là.
Buổi lâm nguy sơn hà đã mất,
Mất vào tay Tây, Nhật bạo tàn.

Nhìn kìa Tổ quốc giang san,
Gặp cơn nguy hiểm bàng hoàng lòng em.
Người anh hùng Việt Nam đâu nhỉ?
Không xuất thân còn nghĩ điều chi.
Anh ơi, nghĩa vụ nam nhi
Sao chưa đeo túi mà đi lên đàng?

Hay anh mải cùng nàng vui thú?
Ở nhà ngày qua bữa mơ màng
Gia đình, Tổ quốc, hai đằng
Giang san đã mất nhà chàng còn chi?

Hay anh tính đường đi vắng vẻ,
Lo mẹ già bỏ đó hay sao?
Em xin nguyện với trời cao
Tề gia trọn đạo ra vào chẳng ngoa.

Dù gặp khúc bôn ba lận đận,
Càng vui lòng chẳng ẩn náu gì
Anh ơi nghĩa vụ nam nhi
Làm sao được tiếng tu mi mới là!

Tình vợ chồng thiết tha lời nói,
Anh xem cho lẽ phải em nhờ.
Kìa trông khói đạn mịt mù
Đội quân du kích dựng cờ gọi anh.

Anh rảo bước cho nhanh cho kịp,
Này súng đây anh gấp lên đường.
Anh ơi chớ giữ thói thường
Thương em tình nặng để thương đồng bào.

TRIỀU ÂN *dịch*

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc 1936 - 1945.
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

LÊ QUẢNG BA
(1915 - 1988)

Tên thật là Đàm Văn Mông. Dân tộc Tày. Quê ở xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Năm 1932 được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Nhiều năm hoạt động ở biên giới Việt-Trung, bảo vệ Bác Hồ từ Trung Quốc về nước năm 1942.

Nhiều năm trong quân đội, được phong Thiếu tướng năm 1958. Năm 1960, được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Là đại biểu Quốc hội nhiều khóa. Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Trung ương khi nghỉ hưu.

ĐANG MẺ NHÌNH RÀ

Đang mẻ nhình rà
Dú chang quốc gia
Mí phíng mò mạ
Ngài cần làm khỏa.

Phong kiến Nhật - Tây
Pích poóc đang hây
Ngần, xièn, kin, giú
Hén quá pỏ xài.

Nhằng ý nhằng eng
Bấu dảy ngòi pèng
Slư bố dảy toỏc.

Bjoóc tào ngám lấn
Au khai hẩu cần
Bấu y bấu diếp
Cồm thua rèo thân.

Vằn lẩu vằn xà
Nựa mu pền xoa
Lai cần khước khua
Rà ngựa nặm tha.

Oóc mình au phua
Pền lủc pền lùa
Pú giả ác rại
Bấu mì cầm khua.

Au mẻn pi làng
Tức tỏ giàng gién
Xắc cầm phuối tỏn
Phừn khiếc khảu đang.

Mì nhìng phua khai
Mì a khai lủc
Hết kin khôm khỏ
Nhỏt nguộn slắp thai.

Tức tẻp Nhật - Tây
Việt Nam độc lập
Nam nữ bình quyền
Giải phóng nhình hây.

Khoái rẻo Việt Minh
Khảu hội cứu quốc
Thanh niên mẻ nhình
Bấu lao xắc xình.

Pắc Bó, 4 - 1942.

Bản dịch:

THÂN CHỊ EM TA

Thân chị em ta
Ở trong quốc gia.
Không bằng trâu ngựa
Bó chân tại nhà.

Phong kiến Nhật-Tây
Bóc lột ta đây
Ăn ở, tiền bạc
Nam giới khinh, rầy.

Còn bé ngây thơ
Săn sóc không hay
Chữ không được học
Rau lợn suốt ngày.

Hoa đào đang xuân
Gả bán Châu Trần
Không ưng không thuận
Phải theo ý thân.

Ngày lễ cưới xin
Thịt rượu linh đình
Mọi người hớn hở
Lệ rơi phận mình.

Đã là vợ người
Thành con dâu rồi
Bố mẹ độc ác
Không một tiếng cười.

Lấy phải con người
Thuốc phiện làng chơi
Đôi lời khuyên nhủ
Gậy đánh tơi bời.

Có chị: Chồng bán
Có cô: Bán con
Ăn ở khổ nhục
Thuốc độc chết oan.

Đoàn kết một lòng
Đánh Nhật - Tây xong
Việt Nam độc lập
Bà cũng ngang ông.

Nhanh theo Việt Minh
Vào hội cứu quốc
Thanh niên phụ nữ
Không ngại hy sinh.

ĐỖ QUANG THẮNG *dịch*
(Sách đã dẫn)

HAI RỦNG QUANG

1

Hai rủng quang
Cốc mày khăm tặng từ
Diểm mừa hai
Hai slung slung
Ngậm ngậy vè pây vè
Chăn cách mệnh bấu mì
Rừơm lảng vạ pỏ mẻ lúc mìa?
Slụ cần mì slim ky
Sle đin nhả
Hấu mọi cần?

2

Hai rủng quang
Cốc mày khăm tặng từ
Diểm mừa hai
Hai slung slung
Chứ thâng chủ vạ mẻ
Chủ ơi, chủ, vạ mẻ ơi, mẻ
Vì slăng lủc vlắc pây
Lúc bấu dảy xậu xọ
Pjầu ngài
Cừn vằn.

3

Hai rủng quang
Cốc mày khăm tặng từ
Diểm mừa hai
Hai slung slung
Chứ thâng xuân dâu slườn
Rừ đây cà nò noọng xuân ơi?
Vì slăng rà pjắc căn
Phun mìa bấu dảy
Kin ruổm slườn?

4

Hai rủng quang
Cốc mày khăm tặng từ
Diểm mừa hai
Hai slung slung
Chứ Ma dú vạ mé
Ma ơi, Ma, Ma dú vạ mé!
Vì slăng chủ pjắc Ma ?
Chủ đấu đảy pây tẻo
Vạ Ma
Slống cao, thương?

5

Nhật – Tây
Mà chiếm cướp nước slường
Tằng nhình xài
Dân tộc hây
Mẻn giác giên thảm thương!
Hêt pền slừ cháu đảy nước hây
Tưc thai thuỗn Nhật – Tây!
Pửa tỉ slườn rà xẳng đảy
Huôn hỉ
Vạ thom căn.

Nà Khúng, mùa đông 1942

Bản dịch:

TRĂNG SÁNG TRONG

1

Trăng sáng trong
Dưới bóng cây tần ngần.
Nhìn lên trời
Trăng sáng cao
Nghĩ ngợi lòng miên man.
Phải chăng cách mạng không gia đình
Không bố mẹ vợ con
Hay là người một lòng
Vì nước nhà
Vì mọi người.

2

Trăng sáng trong
Dưới bóng cây tần ngần.
Nhìn lên trăng
Vời vợi cao

Nhớ đến cha và mẹ.
Cha ơi, cha và mẹ ơi, mẹ
Vì sao phải lìa xa?
Con không được bưng nước
Và dọn cơm
Những sớm chiều.

3

Trăng sáng trong
Dưới bóng cây tần ngần.
Nhìn lên trời
Trăng sáng cao
Nhớ đến xuân ở nhà.
Làm thế nào em Xuân ơi!
Vì sao phải lìa xa?
Vợ chồng không được
Ăn cùng mâm
Ở cùng nhà.

4

Trăng sáng trong
Dưới bóng cây tần ngần.
Nhìn lên trời
Trăng sáng cao
Nhớ thằng cu ở nhà.
Cu ơi, Cu Cu ở với mẹ!
Vì sao phải lìa xa?
Bố không được đi tới
Thằng con
Cho kẹo ngon.

5

Vì Nhật - Tây
Đến xâm chiếm nước nhà
Gái lẫn trai
Trẻ lẫn già
Chịu đói rét thảm thương.
Làm sao cứu nước Nam ta?
Đuổi sạch lũ Nhật - Tây
Nhà ta mới có
Ngày sum họp
Lại vui vầy.

ĐỖ QUANG THẮNG *dịch*

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc 1936 - 1945.
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

NÔNG VĂN BÚT

(?)

Quê ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Hoạt động cách mạng ở địa phương. Qua đời trong kháng chiến chống Pháp.

VÙNG LÊN

Đau khổ lắm Tổ quốc ta ơi!
Vì Tổ quốc ta, ta vùng lên!
Vì chúng ta muôn người biến thành bò trâu rồi.
Hơn một trăm ba mươi thứ thuế,
Chúng hút máu ta không thôi.
Rừng núi ruộng nương chúng chiếm hết,
Mỏ chúng khai bốn góc trời.
Hàng ngàn, vạn con số bạc, vàng chúng lấy.
Nhìn vải sợi của ta đầy chợ,
Cây trong rừng sao ta không được ngả,
Muối vun ruộng không cho ta ăn,
Con trâu, con người phải ra thuế,
Năm châu này, ở đâu?
Ở đâu có như thế này không?
Hay chỉ nước Nam ta như thế thôi.
Giặc kia mày độc địa!
Giết người, đốt làng, cướp tiền của.
Con gái đẹp chúng hãm hiếp,
Nó đào mả, nó đốt cả thi hài.
Ở Tràng Xá, Võ Nhai
Câu chuyện thật như thế không sai.
Đồng bào ơi! Thật như thế
Tôi không nói vu.
Nhớ: Ở châu Võ Nhai, tổng Tràng Xá,

Ừ nghĩ lại chưa có gì là lâu,
Lòng mỗi chúng ta còn uất ức.
Ta có khác gì ngựa trâu,
Bịt mắt làm tôi tớ đến ngày chết.
Nhưng còn thằng Nhật
Cũng có người muốn biết
Đồng bào muốn đợi xem nó thế nào?
Nhìn thấy Lạng Sơn, quân nó vào
Thấy gì, hỏi Điềm He, Thánh Lãng,
Cũng cửa nhà chồng vợ tan lìa.
Nhật Bản! Nhật Bản với Pháp có gì khác?
Cũng là cướp nước và cướp của.
Người mình muốn khỏi khổ,
Thì lòng phải đi,
Đi đánh đuổi cả Pháp lẫn Nhật Bản,
Ta phất cao ngọn cờ cách mạng,
Cuối cùng bụng kêu luôn với anh em.
Góp sức, cứu lấy ngày sống của ta
Ta vùng lên!

1941

Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

PHẠM ĐÌNH CẤU
(1900 -1969)

Quê ở xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tham gia Hội Thanh niên năm 1927. Năm 1930, được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Bị địch bắt đày đi Côn Đảo từ năm 1930 đến năm 1936. Trở về, hoạt động liên tục cho đến ngày qua đời.

TẶNG ANH THƯ KÝ CHO NHẬT VỀ BẮT DÂN BÓC ĐAY, NGÂM ĐAY

Ai làm bãi bể hóa nương dâu?
Cây cũng đau thương, cỏ cũng sầu.
Bóc lắm dân càng đay đả lắm,
Ngâm lâu nước phải thối tha lâu.
Mặt trời quay mãi bao giờ mất?
Quả đất nằm trơ lắm kẻ thâu.
Nhắn nhủ những người ăn gốc táo,
Xin đừng rào giữ gốc xoan dâu.

1944

Thơ ca cách mạng 1925–1945.
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

CAO TƯ
(?)

CÔ GÁI MIỀN NAM

Cô không ngọc giắt vàng đeo,
Cũng không là lụa sớm chiều thướt tha.
Tóc cô cắt ngắn bao giờ,
Da cô mưa nắng đã già màu dâu.
Quản chi núi thẳm rừng sâu,
Sợ chi gian hiểm, kể đâu nhọc nhằn
Ngang tàng mũ vải thay khăn,
Quần chun, áo trẽn, bước chân đi đều.
Súng cô nhả đạn đã nhiều,
Gươm cô vạc mặt bao nhiêu kẻ thù!
Ruộng nương, sông núi, bể hồ,
Giang tay quyết giữ cơ đồ Việt Nam.
Đẹp thay cô gái miền Nam.

Báo *Cứu quốc, 1944.*

NÔNG QUỐC CHẤN
(1923 - ?)

Quê ở bản Nà Cọt, xã Châu Khê, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn; dân tộc Tày. Tham gia cách mạng năm 1942. Vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1946. Nguyên Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Là tác giả của nhiều bài thơ viết bằng tiếng Tày và tiếng Việt, đã xuất bản *tuyển tập* Nông Quốc Chấn.

PHAN LÒM

Tởi lăng tởi nẩy lạ cơ bân?
Hăn táng mọi thì lúc đét phân
Khau khuổi mọi phương tôm lác lớ
Slẩy nà slí coóc nặm têm nằn
Slưa hên sloong phấu xa kín pác
Nu ôộc chùa căn dỉ ẩn thân
Lồm pảo phân lồng hây dá doỏn
Pjực lừ đét ooc slủng giang sơn.

1942

Dịch:

MƯA GIÓ

Đời gì đời thế? Cả đất trời cũng lạ,
Lúc mưa lúc gió thấy biến đổi thất thường.
Đồi suối bốn bể bị những cơn gió lốc,
Ngược xuôi sôi sục nước lũ ngập ruộng nương.
Hùm báo gọi nhau đi kiếm ăn từng lũ,
Chim muông bay nhảy để gìn giữ chim muông.

Mặc gió mặc mưa chúng ta đừng hoảng hốt
Ngày mai trời nắng, sông núi sẽ huy hoàng.

1942
(Tác giả tự dịch)

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936–1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

HẢY ĐONG CHÍ

Slống hương hỏn đồng chí Bằng Vèng
dang dú Tải Quang làng

Cầm cón mít tinh dú nhỏt pù
Tình chài, dâu bản slẩy chồm khua
Hây tứn, Nhật- Tây lần lắm khói
Nước slườn đét oóc, slủng xiên thu.

Tỉnh tin bặng fạ phiết pjai xu
"Đồng chí hây mất dú Phja mu!"
Slấc kẻ ăn hua khoen bại háng
Đồng bào chếp tót pjạ tầu mừ.

Mủng lượt chài luây, quan slẩy khua
Bọn mền vâng dạ tỉnh quan nưa
Lạy xưng tên họ, xo bằng thưởng
"Quá tới" mề đay, kỷ nạo cưa.

Đoàn thể phết khôm: quẹng tiếng chài
Tọ đồng chí hây vận nhằng lai
Cò lượt Tây, pền slừ cụng tốc
Bấu lao, cách mạng mắt công dai.

1944

Bản dịch:

KHÓC ĐỒNG CHÍ

Đêm trước mít tinh ở đỉnh đồi
Nghe anh làng xóm thấy lòng vui
Nhật-Tây sẽ đổ khi ta dậy
Đất nước sẽ lên ánh mặt trời!

Bỗng đâu như sét đánh ngang tai
"Đồng chí của ta đã mất rồi?"
Giặc cắt lấy đầu bêu các chợ
Đồng bào đau xót hận trào sôi.

Nhìn máu của anh chúng nó cười
Thằng trên lừa phỉnh, dưới vâng lời
Quỷ khai tên họ xin bằng thưởng
Nhận muối, mề đay: "Nguyện suốt đời".

Đoàn thể từ nay vắng tiếng anh
Nhưng bao đồng chí vẫn tung hoành
Mối thù bằng máu đòi trả máu
Vùi chúng rồi ta cách mạng thành.

1944
(Tác giả tự dịch)

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc 1936–1945..
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

DÂN VIỆT
(?)

TỘI ÁC GIẶC NHẬT

Răng to, mắt xếch, người lùn
Bay quen độc ác, bay còn khoe hay.
Ngô tao đang tốt xanh cây,
Bay bắt nhổ sạch, cấy đay điền vào.
Lúa, bông, lạc của dân tao
Bay cướp, bay giật, bay nào tha chi.
Đi bộ bay chả muốn đi,
Bắt phu xe kéo bay thì quịt công.
Xách gươm hống hách đi rông
Buồn mồm chén phở, bay không trả tiền.
Nhà tao con nối cha truyền
Bay vào bay chiếm, bay liền đuổi ra.
Bay vơ mâm, bắt lợn gà,
Bay hiếp con gái bà già xôn xao.
Bay thù gì tổ tiên tao
Chết rồi bay hãy còn đào mả lên?
Đền chùa, nghè miếu thiêng liêng
Tiền đường bay đạp, chả kiêng chỗ nào,
Tội bay ác biết là bao
Phải đâm, phải bắn, phải cào mặt bay.
Đến giờ tao mới ra tay.

1944

Báo *Đuổi giặc nước*,
số 13, ngày 15–12–1944.

HOÀNG DIỆU
(?)

NHẮN BỌN VIỆT GIAN

Những tưởng sang thân mới ấm nhà,
Còn chi nghĩ đến phút tiêu ma.
Chuyên nghề quỳ gối cùng đế quốc,
Quen thói chắp tay trước cửa nhà.
Ôi đường danh vọng phường bán nước!
Ngán nỗi cầu vinh lũ gian tà!
Mang tiếng con Hồng cùng cháu Lạc,
Nhơ danh nòi giống Việt Nam ta.

HOÀNG DIỆU

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 220, ngày 26–6–1945.

BÀN TÀI ĐOÀN
(1912 - ?)

Tên thật là Bàn Tài Tuyên, dân tộc Dao. Quê ở xã Quảng Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Từ năm 1946 đến 1948 là Chủ tịch xã Hoa Thám (Cao Bằng). Sau đó công tác tại Tổng cục chính trị, rồi Hội Văn nghệ Việt Nam. Là Chủ tịch Hội Văn nghệ Việt Bắc.

BÚA TSAI NHÀY

Chìn tso mủi miền co chẩy tsấu
Nhoàng chẩy siếu tông nhoàng siếu phai
Thín hoay cắp tú chàng soong tói
Cắp tú chẩy miền choàng fố tsai.

Phên phúa sấy kiêm độm tổng kiến
Fô tsai soong tói chu fang lẩy
Vìn náng kiên ngô iết song tói
Kiêm ngò song tói chu fang lẩy.

Luồng chây lẩy nhoàng hành iểu cúa
Luồng hành iểu cúa tá chà Fan
Lá chẩy tá tú chà Fan pải
Luồng mạn hùi tào dòi kiuổng khăn.

Nhoàng chẩy choi kiaa khấn nàm nhiêu
Chẩy khấn nàm nhầy biên mệnh sanh
Fiên khấu nhoàng chây chẩy đam kiúa
Chiu chiu điếu khí cấn tsun canh.

Suất bùa nàm nhầy vạ iết kiếu
Chuổng Fíu choi kian duồi chía nhoàng
Chìa vạ lhái tìu thính duồi chía
Ví duồi ngạch ấy chia fiêm toàng.

Nhầy ia kiêm chàng dộm choi ố
Ia hành iếu cúa tá Nhật Fan
Ihái chầy tá tú Nhật Fan pải
Ia mạn hùi tài tạng chia khăn.

Nhầy tài pỉn duồi nhầy ia khiếu
Duồi ia hành iếu cúa Việt Nam
Đam túa vầy vìn kiến on tổng
Tsào khoa kết chấy mận nim tsăm.

Bản dịch:

DẶN VỢ, DẶN CON

Ngày xưa mỗi người ở mỗi chốn
Anh ở phương Đông, em ở phương Tây
Trời đất xoay vần ta thành đôi
Hai người gặp nhau nên vợ chồng.

Ngày nay loạn lạc không như xưa
Đôi ta vợ chồng phải xa nhau
Đôi ta ví như một đôi ngỗng
Con ngỗng một đôi phải xa lìa.

Anh tạm xa em đi cứu nước
Anh đi cứu nước đánh Nhật, Tây
Lúc nào đánh được giặc Tây bại
Anh sẽ trở về cùng trông coi.

Em khắc ở nhà trông con nhỏ
Khắc trông con nhỏ sống cuộc đời

Khó khăn em khắc chịu gánh lấy
Trời sáng sớm dậy đi làm nương.

Một lời bố dặn cho con với
Con nhỏ ở nhà với mẹ đây
Mẹ bảo điều gì, nghe theo mẹ
Đừng làm trái ý, mẹ phiền lòng.

Giờ đây bố không được về nhà
Bố đi cứu nước đánh Nhật, Tây
Đánh giặc cứu nước để ta ở
Không ở nhà cùng mẹ trông nom.

Con lớn lên hãy đi theo bố
Theo bố đi cứu nước Việt Nam
Vác cây rào lấy vườn vững chắc
Trồng lấy rau quả ăn đời đời.

1944
(Tác giả tự dịch)

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936–1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

VÍ THAM CHÌN

Tsuất sấy sên miền kiây linh púi
Fiêu tsấn sên liềm tài chuống canh
Canh chuông sên tào sấy dịp sấy
Thin doang diếu khí púi tô hành.

Canh chuống sên tào dận chúa khí
Tấy kiây sằm lạn pé tìu kiuồng
Pẹnh thông siên tuông mẩu dùa chái
Muồn sâu dận chía óm muông muồng.

Pết chiệp nín kên Fan tài cún
Miền màu có fỉnh chiệu pun kiuồng

Pun kiuồng chói thém chù phu sé
Tsìn tìu tái chồng choi siẻn tuông.

Pè ma chong an ngùng tái nghé
Chiệp puôn tái chồng kiái nán lầy
Thào táo khuyến thin dộm khín
Ay tào khuốn tẩy tây mầu pây.

Kiêm nhất puồng mài Việt Minh hủi
Việt Minh tài hủi có miền màn
Chiu chó miền màn có kiaa fính
Tại kiaa đoàn kết tá Nhật Fan.

Tá chà iếu chó cúa kiaa siếu
Iếu chó cong sên liều chuống canh
Iếu chó lậu tào liều hành khiếu
Miền màn mài cúa chính on sanh.

Chà Fan tú pây to iêu dhiế
Đòn tuông nhất tá dộm om siên
Tsai tsuất Việt gian tài chìm muộn
Chìm chó hỏi khuôi cách mạng miền

Tsiên huyênh sên miền choi có tsếu
Ví tú thăm chìn hói chuống tsiên...

3-1944

Bản dịch:

ĐỪNG THAM TIỀN

Đời người Dao sống ở trên núi
Phát rừng cày hái để gieo trồng
Đời đời ở trên rừng gieo cấy
Sáng dậy cài dao sớm ra đi.

Gieo trồng trên núi không no đủ
Đói bụng áo rách khổ trăm điều
Con người ốm đau không có thuốc
Sách chữ không biết tối mịt mù.

Tám mươi năm giặc Tây cai trị
Nhân dân trăm họ chịu khổ nghèo
Nghèo, khổ lại thêm mang phu thuế
Ngàn cân mang nặng trong người mình.

Như ngựa đeo yên, trâu đeo ách
Bao nỗi nặng nhọc, tháo không ra
Ngẩng đầu, kêu trời trời không thấy
Cúi đầu kêu đất, đất không hay.

Ngày nay gặp có Việt Minh hội
Việt Minh tập hợp mọi người dân
Chiêu lấy nhân dân cùng trăm họ
Cùng nhau đoàn kết đánh Nhật, Tây.

Đánh giặc cứu lấy nước nhà ở
Cứu lấy giang sơn để gieo trồng
Cứu lấy đường để ta đi lại
Dân ta có nước sống mới yên.

Giặc Tây nó biết, nó lo sợ
Trong đồn ngày đêm ở không yên
Sai bọn Việt gian đi tìm kiếm
Tìm hại người cách mạng chúng ta.

Anh em người Mán ở mọi chốn.
Đừng có tham tiền hại lẫn nhau...

3–1944
Tác giả tự *dịch*
(Sách đã dẫn)

VÕ XUÂN HÀO
(1918 - 1953)

Tên thật là Vũ Dân. Quê ở làng Bồ Đề, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Tham gia cách mạng từ năm 1937. Có công khôi phục cơ sở cách mạng ở Quảng Ngãi sau những cuộc khủng bố lớn của địch cuối năm 1939, đầu năm 1940, và được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tháng 11-1940, bị địch bắt giam. Sau đảo chính Nhật - Pháp, ra tù, trở về hoạt động ở Quảng Ngãi.

Qua đời khi đang làm Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận.

NÔNG DÂN TA HÃY SẴN SÀNG

Hỡi bà con nông dân!
Trải tám mươi năm đô hộ
Ách thực dân thống khổ đã cực cùng.
Dìm giống nòi trong cảnh sống tang thương,
Giờ lại thêm chiến tranh giành thuộc địa.
Đế quốc Pháp đã đến ngày tan rã
(Mang lá cờ của dân tộc Pháp văn minh
Đi cướp của, giết người, bẩn ố hoen)
Giờ phải xếp hàng dưới bàn chân giặc Đức,
Và dâng Đông Dương cho phát xít Nhật,
Khiến dân Việt Nam một cổ hai tròng.
Chúng thẳng tay nạo vét hết máu xương
Để bù đắp tổn thương, cung phụng ông chủ mới.
Một tên cướp đã không sao sống nổi,
Huống chi thêm nhiều tầng áp bức gớm ghê,
Và tung bom rơi đạn nổ khắp mọi bề;
Nào lạc quyên quốc trái,
Nào trồng đay phá lúa,
Nào cướp gạo, cướp dầu,
Nào tăng thuế tăng xâu,
Cướp trai trẻ đi đầu hứng bom đạn.
Cướp chợ, ngăn sông tuyệt đường sinh sống.
Miền Bắc chết hàng triệu người vì nỗi đói cơm;

Miền Nam vì thiếu mặc đành để nắng cháy lưng
Bà con ta đan thúng mủng tràng giừng đành xếp xó.
Thi nhau khủng bố,
Hình phạt tăng thêm,
Mổ bụng moi gan,
Phỉnh phờ ru ngủ.
Rằng đây "giúp đỡ"
Pháp-Việt trùng hưng
Nhật-Việt "tương lân"
Cùng chung "thịnh vượng"...
Ấy là để ngăn ta trừ quốc nạn,
Nhưng, chủ Nhật không làm sao thỏa mãn,
Trong một đêm đạp tớ Pháp xuống bùn đen
Để tự tay trực trị xứ Đông Dương
Mà vơ vét nhân, tài cho chiến trận.
Trắng đen giờ ta đã hẳn
Chỉ chịu chết, hoặc đứng ngửng cao đầu
Hòa cùng tiếng súng cả năm châu
Cũng là lúc chúng ta giương sức mạnh
Việc thù chung mà giành lại cuộc đời.
Cờ Việt Minh phấp phới khắp nơi nơi,
Ba Tơ đã mở cửa trời tự do.
Có độc lập mới có ấm no
Trâu cầy ruộng cấy về cho tay mình.
Toàn dân nắm giữ chánh quyền,
Loại trừ áp bức lầm than những ngày.
Cuộc đời sẽ hết đắng cay,
Cùng nhau xây dựng tương lai huy hoàng.
Giờ đây phải chung công đấu lực
Góp gạo tiền nuôi du kích Ba Tơ.
Nhiệm vụ cứu quốc đang chờ
Bà con ta chớ hững hờ, lãng quên.
Tuyên truyền tổ chức lo chuyên
Giao thông trinh sát để ngăn gian tà.
Làng trên xóm dưới gần xa
Mau vào đội ngũ phất cờ tiến lên!

Mùa hè năm Ất Dậu

Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi.
Hội văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975.

PHẠM XUÂN HÒA
(1910 -?)

Quê ở xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1930, tham gia Đoàn Thanh niên Cộng sản, sau đó kết nạp vào Đảng Cộng sản. Năm 1933, tích cực góp phần khôi phục lại cơ sở Đảng ở Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận, được cử làm Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ kiêm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ ở Quảng Ngãi.

THANH NIÊN TUNG CHÍ LỚN

Thanh niên, tuổi muôn nghìn hy vọng,
Tuổi dễ dàng rung động trước đau thương
Tuổi hăng say với sức mạnh phi thường,
Tuổi cột trụ của tinh thần anh dũng,
Tuổi vô tư và tính tình ưa hoạt động,
Đã điểm tô trang sử đỏ quật cường:
Từ Hoài Văn cho tới Nguyễn Quang Trung;
Sống oanh liệt mà chết càng thêm khí tiết!
Vì giống nòi mà hiến dâng sức trẻ
Nối chí ông cha bao thế hệ anh hùng.
Từ Phan Bằng, Thái Phú tới Nguyễn Nghiêm;
Vươn tới trước cho đàn em nối gót,
Đã liên tục vùng lên chống giặc Pháp;
Và lũ vua quan nhà Nguyễn điêu tàn,
Giờ lại thêm quân phát xít Phù Tang;

Chúng đua nhau gây thương đau tang tóc
Tám mươi năm rồi lầm than tủi nhục!
Giờ đã tới phen đứng dậy mau lên!
Dưới lá cờ cứu quốc của Việt Minh.
Cùng là dịp thanh niên tung chí lớn,
Hỡi những bạn còn mê, chưa tỉnh!
Hãy hồi tâm mà cất ngửng cao đầu!
Cùng giống nòi và nhân loại khắp năm châu
Đem sức mạnh đánh tan quân phát xít.
Cả bọn tay sai và lũ sài lang Nhật, Pháp!
Giành chính quyền, để giải phóng cho nhân dân
Xây tương lai trong cuộc sống huy hoàng.

Quảng Ngãi 1943

Thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Ngãi.
Hội văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975.

NGUYỄN VĂN HUỆ
(1910 - ?)

Quê ở xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Là Tỉnh ủy viên thời kỳ tiền khởi nghĩa. Năm 1946, là Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời Thanh Hóa.

DỨT ÁO RA ĐI

Thân đã quyết hiến cho tổ quốc,
Ngại ngùng chi những bước gian lao.
Gian lao ta vẫn tự hào
Vốn giòng oanh liệt máu đào Lạc Long.

Nhớ từ thuở quyết lòng dứt áo,
Mối ly hoài như nợ tâm can.
Đoái nhìn Tổ quốc nguy nan,
Căm loài giặc nước máu tràn ngập tim.

Bao nhiêu nỗi ưu phiền thơ trẻ,
Gác bên lòng lặng lẽ ra đi.
Gạt bằng bao nỗi gian nguy,
Quyết tâm tranh đấu cho kỳ thành công.

Tháng 4 - 1944

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng và Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

ĐÓN XUÂN

Hoa xuân đua nở trong rừng,
Nắng xuân êm dịu nhuộm hồng cỏ cây.
Thưởng xuân lòng khách vui say,
Lâng lâng như cất gánh đầy gian lao.
Lau gươm xốc lại chiến bào,
Tưng bừng hớn hở đón chào xuân sang.
Tiếng kèn khởi nghĩa ngân vang.
Chào xuân ta vội lên đàng đấu tranh.
Xuân ơi hẹn chắc với mình
Đón xuân trong cảnh thái bình năm sau.

Tháng 1 - 1945

Thơ ca cách mạng Thanh Hóa 1927 - 1945.
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng và Ty Văn
hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

CAO HỒNG LÃNH
(1906 - ?)

Tên thật là Phan Thân. Quê ở thành phố Đà Nẵng. Hoạt động cách mạng từ trước năm 1930, trong Hội Thanh niên. Vào Đảng Cộng sản năm 1930. Nhiều năm hoạt động ở Trung Quốc. Tổng lãnh sự Việt Nam ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương Đảng trước khi nghỉ hưu.

BÁC VỀ PÁC BÓ

Bao năm trông Bác, Bác về đây
Đất nước non sông, nở mặt mày.
Cách mạng từ đây bừng rực đỏ
Bắc Nam đỏ cả một ngày mai.

Pác Bó, 1941

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 - 1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

CHỊ EM TÀY, NÙNG

Chị em Tày, Nùng vứt phong kiến
Theo cách mạng đà tiến rất nhanh.
Bạo hơn bạn gái thị thành
Áo quần gọn ghẽ tập tành như trai.

Đi giao thông hàng ngày canh gác
Giúp đoàn thể, tiền bạc tiếc đâu.
Xung phong học tập đi đầu
Làm gương nam giới, đầu tàu khắp nơi.

Pác Bó, 1942
(Sách đã dẫn)

CÁN BỘ Ở RỪNG NÚI

Ban ngày ẩn sâu trong rừng núi
Tối lại mò ra xuống xóm làng
Suốt đêm công tác với cán bộ
Trời chưa ửng sáng lại chui rừng.

Mái lều con cheo leo sườn núi
Cánh đồng xanh trước mắt bao la
Suối reo chim hót vui hơn nhạc
Cả ngày đánh giấc tối lại ra.

Na Líp, 1942
(Sách đã dẫn)

TẬP TỰ VỆ

Đi, đi, ta cùng nhau đi
Mau lên ghép chặt hàng ngũ
Vai mang súng, chân ta đi
Một hai!
Một hai!
Một hai!

Cờ hồng trước gió phất phơ
Lòng ta rạo rực vui sướng
Quyết sống chết theo với cờ
Một hai!
Một hai!
Một hai!

(Sách đã dẫn)

GỞI ĐOÀN QUÂN NAM TIẾN

Trong những đêm đông lạnh lẽo
Kìa ai yên giấc êm đềm
Còn anh chân không giầy, mình thiếu áo
Bên đống lửa ngồi suốt đêm.

Tôi không quên đâu, anh em Nam tiến
Tinh thần đấu tranh của anh
Nó đã in sâu vào quả tim tôi
Tôi không quên đâu
Tôi không quên đâu.

Trong những ngày xuân vui vẻ
Kìa ai rượu thịt no say
Còn anh bát cơm bẹ nguội không muối
Mạnh dạn nuốt để qua ngày.

Tôi không quên đâu, anh em Nam tiến
Tinh thần đấu tranh của anh
Nó đã in sâu vào quả tim tôi
Tôi không quên đâu
Tôi không quên đâu...

(Sách đã dẫn)

QUYẾT CHIẾN (?)

THÓC VÀ THUẾ

THÓC

Giặc Nhật và bọn Trần Trọng Kim cho một bầy văn sĩ vô liêm sỉ la rầm lên rằng: Nhờ chúng mà đồng bào Trung, Bắc Kỳ thoát nạn nộp thóc do Pháp đặt ra.

Chúng tôi nói thẳng: Trước kia giặc Pháp thu "thóc tạ" hà khắc chính cũng vì giặc Pháp vừa thu vén cho mình vừa phải cống một phần số thóc ấy cho Nhật. Và nếu ngót một triệu đồng bào ta chết đói trong vụ giáp hạt vừa đây, nếu các gia đình Bắc Kỳ và miền Bắc Trung Kỳ phải ăn đói thì chính giặc Nhật phải chịu một phần trách nhiệm.

Ngày nay muốn phỉnh dân ta, giặc Nhật bỏ lệ thu "thóc tạ" ở Trung Kỳ. Chúng thừa biết Trung Kỳ là một xứ sản xuất ít thóc gạo. Bỏ lệ "thóc tạ" ở Trung Kỳ giặc Nhật không những không thiệt mấy mà nhân đó lại có thể tô son vẽ phấn cho bù nhìn Kim hòng dùng bọn đó lừa gạt nhân dân.

Ở Bắc Kỳ chúng biết dân rất oán chính sách thu thóc tạ nên chúng tuyên bố chỉ thu thóc của những điền chủ cấy từ 100 mẫu hay nếu không đủ, từ 50 mẫu trở lên là cùng.

Nhưng nói một đằng làm một nẻo. Hai giọng đó là thói quen của giặc Nhật. Những người có dưới 50 mẫu đang hý hửng mừng thầm thì bỗng một lệnh mới đã làm cho họ thất vọng. Các báo hàng ngày đăng những nhà có từ ba mẫu trở lên cũng phải bán thóc cho chính phủ hay cho các cơ quan thầu việc tiếp tế cho nhà binh với cái giá mỗi tạ 120đ. Ngoài Nông phố ngân hàng được quyền thu thóc cho quân đội Nhật, không ai được tích trữ quá hai tấn thóc và một tấn gạo; không ai được buôn hay tải gạo ngoài 50 cân. Tin nhân dân được

tự do buôn gạo đã thành tin vịt. Lệ bán "gạo bông" cho nhân dân thành phố bị bãi. Trái lại, chính Nhật đang cho in thêm hai tấn giấy bạc dự tính cho Nông phố ngân hàng đi mua vét hết gạo trong dân gian. Rồi đây giá thóc gạo lại cao vọt. Chỉ chết con nhà lao động!

Giặc Nhật tìm đủ cách quỷ quyệt giữ độc quyền thóc gạo và cướp thóc. Song chúng vẫn không chắc thu đủ số thóc đã định. Nên chúng gán cho mỗi tỉnh Bắc Kỳ phải thu một số thóc nhiều hơn số thóc phải nộp cho Pháp năm ngoái. (Ví dụ tỉnh Hải Dương năm ngoái phải nộp 4 vạn tấn, thì năm nay phải nộp 5 vạn 1 nghìn tấn). Theo sự dự đoán của Túc mễ cục, số thu hoạch vụ chiêm năm nay kém vụ chiêm năm ngoái 26% mà số thóc phải nộp cho Nhật lại nhiều hơn. Có nguy không!

Đó, đồng bào thử coi: Giặc Nhật quỷ quyệt tàn nhẫn gian tham đến biết mấy. Kẻ nào lầm tưởng giặc Nhật bỏ lệ "thóc tạ" hãy "mau mau tỉnh ngộ". Thể lệ thu thóc và kiểm soát thóc gạo của Nhật còn thâm hiểm và tai hại hơn của Pháp nữa. Nếu chúng không cút sớm, đồng bào ta sẽ chết đói nhiều hơn.

Không nộp thóc cho Nhật, không bán thóc cho các nhà thầu của Nhật; giàu nghèo đoàn kết chống lính Nhật thu thóc tạ; phá các kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo: Tiến lên đuổi Nhật ra khỏi nước. Chỉ bằng những cách ấy, chúng ta mới thoát khỏi chết đói mà thôi.

THUẾ

Sau vấn đề gạo, thì thuế là một quyền lợi sinh tử của đồng bào. Đã bao nhiêu cuộc tranh đấu đòi bỏ gánh thuế mà nó vẫn đè nặng trên vai.

Từ ngày Nhật làm "đảo chính", vấn đề thuế thân lại được dư luận nhắc đến sốt sắng. Cho được vuốt ve dân chúng và tỏ vẻ khoan hồng, sau khi quyền thống trị của Pháp đổ, giặc Nhật đồng ý với Bảo Đại và Khâm sai Bắc Kỳ cải cách thuế thân. Theo đạo dụ ngày 26 - 5 - 1945, đồng bào vô sản Trung Kỳ được miễn thuế thân, và những người làm công lương dưới 1.200đ00 một năm được miễn thuế tỷ lệ và "đặc nạp". Còn nghị định Khâm sai Bắc Kỳ ngày 18 - 5 - 1945 thì chia hạng thuế 3đ50 của thời Pháp thuộc ra làm hai hạng 3đ00 và 1đ00, và ai nộp hạng thuế ấy được miễn số bách phân phụ thu.

Đọc đạo dụ và nghị định trên, chúng ta thấy giặc Nhật và bọn tay sai định lừa bịp đồng bào những gì? Ai cũng biết tình cảnh đồng bào ta vô cùng điêu đứng, nhất là thợ thuyền và dân cày nghèo. Có làng chết đói đến 4 phần 5 trong dân số. Dân ta gạo không có mà cầm hơi, lấy đâu ra tiền nộp thuế? Biết trước chẳng thu được nào, giặc Nhật và bọn tay sai mới "ban ơn" cho một số dân nghèo được miễn và giảm thuế thân. Nhưng căn cứ vào chế độ ruộng công ở ta, thì người có vài thước đất để ở cũng bị liệt vào hàng hữu sản. Vậy số người được gọi là vô sản và được miễn thuế phóng có được là bao? Ngay ở Bắc Kỳ, số người đó mới độ 50 vạn. Ở Trung Kỳ số vô sản được hưởng chế độ thuế thân mới rất ít. Như vậy chỉ có những người gần chết đói mới được giặc Nhật giỏ cho một vài "giọt nước mắt cá sấu"!

Tuy có giảm đôi phần thuế thân, nhưng nghị định mới về thuế lại nói:

"Do sự giảm thuế, công quỹ sẽ hao hụt không ít nhưng chính phủ sẽ có phương pháp bù vào... và rút bớt sự chi tiêu không cần trong công quỹ".

Chúng ta thử hỏi: "Phương pháp bù vào" ấy phải chăng là thêm thuế gián tiếp để bóc lột nhân dân? "Rút bớt chi tiêu" phải chăng là rút số tiền mở mang những việc công ích? Giặc Nhật một tay chìa một đồng xu cho số rất ít người, nhưng một tay vét sạch hồ bao của toàn thể. Trò hề cải cách này, trước đây giặc Pháp vẫn dùng; nay giặc Nhật diễn lại, không có gì lạ!

Thực ra ngoài hạng vô sản được giảm thuế, các tầng lớp nhân dân khác đều bị tăng thuế. Thật vậy, hạng 7đ00 trong nghị định 21-4-1944 nay tăng lên 10đ00, hạng 15đ00 tăng lên 35đ00. Thế mà những tờ báo phản động vẫn hót giặc Nhật và chính phủ bù nhìn là nhân đạo, cốt để khỏa lấp những tiếng kêu la, rên xiết của nhân dân.

Mặc cho giặc Nhật cải cách lừa bịp, trong vụ thuế này, đồng bào đừng nộp một xu cho chúng đúc thêm súng đạn bắn Giải phóng quân, và phải cùng tiến lên phá mọi sưu thuế như đồng bào trong Khu giải phóng.

QUYẾT CHIẾN

Báo *Cờ Giải phóng*,
Số 14 ngày 12 - 6 - 1945.

NGUYỄN HỒNG SINH
(1971- ?)

Còn có hiệu là Việt Hồ. Quê ở thôn Văn Hà, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Từ năm 1930 đã đi làm liên lạc cho cách mạng. Năm 1936 tham gia Đoàn Thanh niên dân chủ. Năm 1939 được phân công vào hoạt động ở khu vực Bàn Cờ – Khánh Hội (Sài Gòn). Có thời kỳ làm bí thư chi bộ vùng này. Sau khi khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, trở về hoạt động Việt Minh bí mật ở quê nhà cho đến Tổng khởi nghĩa. Năm 1954 tập kết ra Bắc và tiếp tục công tác cho đến khi về hưu.

CÓ DẤU CHÂN EM

Sài Gòn hoa lệ rực trời mây
Điện chớp, da phơi rượu thịt bầy
Dọc ngang phố xá, hàng chú khách,
Lộng lẫy dinh cơ, ngục lũ Tây.
Lầu xanh gác tía che trâu ngựa
Má phấn môi son lấp cáo cầy.
"Hòn ngọc Viễn Đông" đông đặc máu,
Nam Kỳ Lục tỉnh, tỉnh quên say,
Thân gái dặm trường, trường đứt ruột
Kiếp đời nô lệ, lệ chua cay.
Ra đi càng khắc sâu thù hận,
Ngày về thêm đẹp cánh chim bay.
Non nước vẹn nguyên mầu gấm vóc,
Có dấu chân em giữa đất này.

Sài Gòn, xuân 1940
(Nghe tin đồng chí Trần Thị Hiệp từ trần,
tác giả cảm tác bài này
để ghi nhớ dấu chân của chị).

Thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Ngãi.
Hội văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975.

BÁT CHÁO LÒNG

Ai cháo lòng đây! Cháo lòng đây!
Tiếng em lanh lảnh giữa canh chầy.
Ruột xắt, tim lăn, gan xào xáo,
Xương hầm, huyết luộc, thịt da phây.
Phố xá vãng lai, ai thử nếm?
Sài Gòn hoa lệ, lệ rơi đầy!
Em rao mỏi miệng, lòng không mỏi,
Gửi tấm lòng son bát cháo này!

Sài Gòn thu 1940
(Tặng chị Nguyễn Thị Hương lấy việc
bán cháo lòng để hoạt động cách mạng)
(Sách đã dẫn)

ẮT TAN THÂY

Giặc Nhật chồng lên lũ giặc Tây,
Gieo rắc tang thương cõi đất này.
Xâm lăng lại có xâm lăng nữa,
Lang sói bây giờ một hóa hai.
Đạn thù nát đất gieo sâu hận,
Máu Việt tràn sông bốc lửa hoài,
Ba xứ Đông Dương đều nổi sóng,
Giặc lùn, cướp lõ ắt tan thây!

Quảng Ngãi 1943
(Sách đã dẫn)

CỜ GIẢI PHÓNG

Mười mấy năm trời cách Ba Tơ,
Cảnh cũ, trào xưa vẫn chửa mờ:
Khổ nghèo khí uất "Cao Muôn" trượng
Trống rung cờ phất dậy cõi bờ.
Đêm ba mươi Tết, rền tay pháo,
Sáng buổi đầu xuân, rộn ước mơ,

Tôi chạy tung tăng chuyền các ngõ,
Chúc mừng năm mới, đón tự do!

Tự do bỗng chốc đã pha phôi,
Nhà tan, cửa tận, sống nổi trôi.
Cha mắc lao tù, con biệt xứ,
Đi tìm lẽ sống chốn xa xôi.
Đời còn áp bức, thân nô lệ,
Việt Nam đâu cũng một đất trời.
Thôi đành trở lại cùng cha chú,
Góp với quê hương chuyển cuộc đời!

Cuộc đời đến lúc đổi thay da,
Việt Minh, cứu quốc rộn tin nhà.
Ngọn trào giải phóng bừng cả nước,
Diệt quân phát xít, giặc Lang-sa.
Rộn ràng vội bước theo đường cũ,
Tới giữa đèo Lâm lúc xế tà.
Nhìn lại núi sông thời thơ ấu,
Chạnh lòng nhớ tới chuyện gần xa.

Gần xa chuyện cũ đã qua rồi,
Tìm gặp người quen hỏi khúc nôi.
Thì thầm trò chuyện bên dòng suối:
"Rằng chỉ làm ăn, có vậy thôi".
Mỉm cười, tôi nói: "Đâu an trí?"
Anh rằng: "Chưa nản chí cừ khôi!"
Tôi nói: "Về đây chung sức trẻ,
Với tấm lòng trung, dạ nổi sôi"!

Nổi sôi, anh ấy gật gật đầu,
Đồng tình dễ cảm tấm lòng nhau.
Về đi sẽ có người đưa mối,
Giữ vững niềm tin bắt nhịp cầu.
Tuyên truyền, tổ chức gây cơ sở,
Vững mạnh là nhờ chỗ rộng sâu.

Lá cờ Tổ quốc cao tay phất,
Hòa cùng tiếng thét của năm châu.

Lòng tôi rộn rã những niềm vui,
Mỗi bước chân đi, một lớp người.
Cơ sở giăng ra đều các xóm,
Với cánh đồng xa dưới trăng khuya.
Bàn luận râm ran xoay thế cuộc,
Chương trình điều lệ vội phân chia.
Gươm giáo sẵn sàng chờ nổi dậy,
Việt Nam độc lập đến rồi kia!

Ba Tơ xuân 1944
(Sách đã dẫn)

CHÀO BA TƠ KHỞI NGHĨA

Một sáng mùa xuân rực nắng hồng,
Trên đường xe Nhật chạy lăng xăng
Vẳng nghe tiếng súng rền thưa thớt,
Mới hay phát xít đảo thực dân.
Lan truyền nhộn nhạo bao thôn xóm;
Nửa vui hả giận, nửa cành hồng;
Trời đất của tao riêng một cõi,
Có sao bay kéo tới tranh ăn?
Phen này tao quyết vung gươm giáo,
Đánh đuổi thù chung, dẹp bất bằng!
Đồn binh, châu, tổng đều ngã gục,
Dưới cờ giải phóng rộn biên cương.
Ai bảo rằng đây: Nơi an trí?
Ấy là luyện chí phá xiềng gông!
Ai bảo rằng đây: Vùng hoang dã?
Ấy là lũy thép chống xâm lăng!
Từng từng, lớp lớp mây oan nghiệt,
Mỗi góc rừng cây, một hố chông.
Cuồn cuộn sông Re trào máu hận,
Mỗi hòn đá tảng vững xung phong!
Trải bao chinh chiến gìn đất nước,

Như đỉnh Cao Muôn giữa núi ngàn!
Ba Tơ một thuở lừng chính khí,
Giành quyền làm chủ của nhân dân.
Giục giã lòng ta mau trỗi dậy,
Tự do, độc lập vững tay cầm.
Hòa chung tiếng súng vang cả nước,
Diệt thù cứu nước dậy non sông.
Cơ hội nghìn năm đây có một,
Tất cả đồng bào mau đứng lên!

Xuân Ất Dậu (1945)
(Sách đã dẫn)

CHÀO MÙA THU GIẢI PHÓNG

Tôi đi giữa đồng quê vui gợn sóng,
Dưới chiều thu lác đác cánh cò bay.
Mùi lúa thơm ngào ngạt cảm say say,
Lòng rạo rực bước theo trời Tháng Tám.
Bỗng từ đàng cái quan vang dậy sấm,
Bước chân dồn và tiếng thét dậy trời.
Thì chú giao thông cũng vừa chạy tới nơi,
Ôi, khởi nghĩa! Anh ơi, giờ khởi nghĩa!

Tôi vụt chạy theo, lòng mừng khấp khởi,
Về cơ quan truyền lại lệnh cấp trên.
Khắp xóm làng đội ngũ đứng uy nghiêm,
Cả em bé thơ ngây cũng gõ ran thau chậu.
Tới bà già và mấy cụ phụ lão,
Và những người mù lòa điếc lác lâu nay.
Cũng vơ vội cưa, cuốc, xẻng, chày.
Tay vung lên, miệng hò hét đổ ra đường.
Rúc tù và, và nổi trống mõ rền vang,
Vươn sức mạnh của đoàn quân giải phóng.
Từ xóm thôn tới phố phường nổi sóng,
Oai hùng thay! Trong một cơn sấm sét.
Kỳ diệu thay! Dưới những bàn chân đất,
Những bàn chân rướm máu cuộc trường chinh.

Những bàn chân bước mãi không hề quên,
Giành lẽ sống, luôn vươn mình tới trước.
Trước gian nguy sinh tử không bao giờ khuất,
Giờ đứng lên giẫm nát cảnh ngục tù.
Nó đã từng gây dựng mấy thiên thu,
Mới trước đó, giờ đây thay đổi lại.
Anh nông dân vung gậy tre rằng: Ta đã
Chỉ một giờ mà đổi chủ thiệt là mau!
Cả thực dân, phong kiến đã dập đầu
Lũ giặc "lùn" cũng hạ súng vái chào Cách mạng.
Lòng đã sáng, đời càng thêm sáng,
Chung tay nhau mà xây dựng chánh quyền.
Rồi một buổi trời thu rực sáng,
Hơn hai mươi vạn người đổ tuôn về.
Từ Dốc Sỏi cho tới đèo Bình Đê
Từ Mỹ Á dạt dào tới Cao Muôn hùng vĩ
Từ Thạch Bích, Vân Phong tới cô thôn Cổ Lũy
Từ Nghĩa Hành mía ngọt tới Chu Ổ, Minh Long
Và đảo Lý Sơn lắm cá với rừng quế Trà Bồng...
Thành dòng thác cuộn trào quang tỉnh lỵ.
Hòa cùng núi Ấn, sông Trà cất cao lời chính khí
Mà hát mừng chánh thể của nhân dân.
Của nước Việt Nam anh hùng lừng lẫy chiến công
Của giống nói Hồng – Lạc tươi sống mãi.
Của cụ Hồ Chí Minh vô cùng vĩ đại,
Và của thế giới cần lao do Xô viết đứng đầu.
Sóng Ba Đình vang dội khắp năm châu,
Ôi! Vui sướng biết bao và tự hào khôn kể xiết
Kể từ thuở dân ta xây dựng nước,
Tới hôm nay mới thiệt là của ta!
Đó là nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Quảng Ngãi, thu năm 1945
(Sách đã dẫn)

HUỲNH TẤU
(1904 - 1944)

Quê ở thôn Đông Yên, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Hoạt động cách mạng từ năm 1925. Năm 1929, bị địch bắt tù đến năm 1933. Ra tù, hoạt động phong trào Quảng Ngãi, được bầu vào Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Liên Tỉnh ủy miền Nam Trung Kỳ. Năm 1942, lại bị bắt đưa đi an trí ở Ba Tơ. Đã cùng các đồng chí bị giam giữ xây dựng chi bộ Đảng ở căng An Trí, lãnh đạo quần chúng, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa. Huỳnh Tấu bị địch phát hiện hoạt động cộng sản tích cực khi ở trại tập trung, đã bắt tra tấn cho đến chết vẫn giữ vững khí tiết cộng sản.

TUỔI XUÂN ĐI CỨU NƯỚC

Đời đẹp lắm, mùa xuân như giục giã,
Lòng trai tơ rộn rã muốn ra đi;
Ừ, thì đi! Nào ta có ngại ngần gì
Nếu sống mãi nơi quê nhà eo hẹp.
Lòng ta mở, cửa trời đâu có khép,
Chí ta bền cùng tiến bạn đời ơi!
Sao hôm nay tôi nhớ tới một phương trời:
Có máu đổ với bom rơi, đạn nổ!
Từng đoàn quân, từng đoàn quân hùng hổ,
Băng mình qua cõi chết chẳng nao nung.
Lớp này qua, lớp khác tiến đều lên,
Nhịp tiếng còi hiên ngang rầm rập bước.
Hướng theo lá cờ uy nghi bay phía trước,
Lá cờ bay, hồn nước bay theo;
Bánh xe lăn, ngựa hí, đạn bay vèo,
Họ vẫn tiến, coi thân bằng hạt bụi.
Với tất cả những chí hùng sôi nổi,

Tôi nghiêng mình cảm phục các người đây!
Người là ai trên cõi thế gian này?
Nếu không phải những anh hùng cứu nước!
Tôi xin theo! Tôi xin thề tiếp bước,
Các đàn anh, hùng dũng nước non nhà!
Tôi nguyện đem xương máu trộn hòa,
Cùng giống nòi và nhân loại khắp năm châu
Đem sức mạnh đánh tan quân phát xít.
Cả bọn tay sai và lũ sài lang Nhật, Pháp!
Giành chính quyền, để giải phóng cho nhân dân
Xây tương lai trong cuộc sống huy hoàng.

Quảng Ngãi 1943

Thơ văn yêu nước cách mạng Quảng Ngãi.
Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975.

HOÀNG VĂN THÁI
(1915 - 1986)

Tên thật là Hoàng Văn Xiêm. Quê ở xã Tây An, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Vào Đảng Cộng sản năm 1938. Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng các khóa 3, 4, 5. Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

PHẤT CỜ NAM TIẾN

Cờ giải phóng phất cao mau thẳng tiến,
Trời phương Nam dân chúng đang chờ ta!
Cờ giải phóng phất cao mau thẳng tiến,
Trời phương Nam dân chúng đang mong chờ!
Phong trào lên, đang sục sôi chuẩn bị khởi nghĩa,
Mau bước đều lên, tiến tới cho kịp thời cơ.
Phong trào lên, đang sục sôi chuẩn bị khởi nghĩa,
Mau phất cờ lên, tiến tới giành lấy chính quyền.
A! Quân tới đâu reo hò
Cướp lấy chính quyền
Cứu lấy nước nhà
Tung cờ giải phóng
Cờ giải phóng trên đất Thăng Long, trên thành Huế, trên Sài Gòn, Mũi Cà Mau
Tiến bước mau! Quân giải phóng
Tiến bước mau! Đập cho tan quân đế quốc Nhật, Pháp
Quyết đem máu hồng ta thề lấy non sông.

1944

Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc (1936 - 1945).
NXB Văn hóa Dân tộc, 1977.

THANH ĐẠM

(1922 - ?)

Tên chính là Vũ Đình Thờn, tức Võ Quyết. Quê ở xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động cách mạng từ năm 1938. Bị địch bắt giam ở nhà lao Thanh Hóa. Là Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ủy ban Hành chính tỉnh, Chủ tịch Hội Văn nghệ và Trưởng ty Văn hóa Thanh Hóa.

CHẢI TÓC

Bên gốc đa làng xõa tóc mây
Em ngồi em chải mộng thơ ngây
Gió níu tóc yêu đi lượn gió
Vô tình, em vẫn dẻo đường tay.

Giá được áo lành ôm vóc trẻ
Mắt thèm ánh chữ dọi thông minh
Lòng nhen chút hận đời nô lệ,
Em đẹp hơn nhiều với tóc xanh.

Từ đó, chân vui những nẻo đường
Cây đa gió lộng, lại lương vương.
Nhớ em chải tóc chiều quê ấy,
Hạnh phúc có về như gió thương?

Vĩnh Lộc, 1940

TRẦN MAI NINH – THANH ĐẠM NHỚ.

Ty Văn hóa và Ban vận động thành lập
Hội Văn nghệ Thanh Hóa xuất bản, 1970.

QUA EO GIÓ

Nắng trưa hầm bóng lá
Dốc đứng ngẩng, mặt chào
Núi rừng trầm lặng quá
Thiếu một cánh chim chao?
Nhưng khi gần tiếng xôn xao,
Lánh quen, ta vội lách vào rừng xanh.
Đường đi mình lại với mình,
Bước vui chân lại đếm tình non sông.
Một mai khi phất cờ hồng,
Với tình thân, mở cả lòng hân hoan.
Bây giờ cách mạng gian nan,
Quản gì ngang tắt, dọn đường ngày mai.
Mặc cho rừng rậm, truông dài,
Eo cao cứ vượt, dốc gai cứ trèo.

Tháng 8 - 1941
(Sách đã dẫn)

TÌNH BẠN

Thân tặng V.G.

Chia tay khi lính vây lùng,
Mà hay tình bạn mặn nồng nước non.
Gửi tôi đồng bạc cuộn tròn,
Thoát ly tôi giữ sắt son lời thề.
Thẳng đường phản đế tôi đi,
Khi tìm bạn mới, lúc về mường thân.
Băng rừng, vượt dốc vui chân,
Nên công nhắc bạn, gian truân nhớ tình.

Tại Di Chế, Trạc Nhật huyện Thạch Thành
Tháng 8 - 1941

MỘT BẠN ĐƯỜNG

Gửi Tr.

Em yêu, anh biết, nhưng làm thinh
Để lựa đàn tim thoát điệu tình
Nếu sống êm đềm bên lửa ấm,
Đời anh chẳng thoát lũy tre xanh.

Đã quyết làm quen với gió sương,
Chân đi còn bận nẻo muôn phương.
Tim còn ấp ủ men tranh đấu,
Thì cốc rượu tình sao lại vương?

Hãy nhuốm lòng trinh màu cách mạng,
Đỏ từng thớ thịt lúc thanh tân.
Rửa trong cặp mắt huyền u ám,
Em ngẩng đầu lên, mạnh bước chân.

Ta giữ tình thân một bạn đường,
Giúp nhau khi ngã, gỡ khi vương.
Chân trời sáng sủa chưa vươn tới,
Chi sớm hừng lên lửa nhớ thương?

Tại Thạch Thành tháng 8 - 1941
(Sách đã dẫn)

ĐOÀN DU KÍCH CHÚNG TA

Đoàn chúng ta người bốn phương họp lại,
Bởi đây tình cách mạng quấn vào nhau.
Rừng Ngọc Trạo một ngày ta nhớ mãi,
Đời tự do đây cuộc sống bắt đầu.

*
* *

Ta là sức nhân dân vô tận,
Sức non sông muôn thuở phi thường.
Vũ khí ta: Những trái tim cừu hận.
Không chung trời với giặc Pháp, Phù Tang.

*

* *

Cơm chấm muối đời mặn tình ca hát,
Nằm sườn non, lòng bay bổng thanh xuân.
Ngóng cờ đỏ sao vàng ngày xuất phát,
Bước đoàn ta theo nhịp bước hồng quân.

*

* *

Ai ra tới Bắc Sơn, ta nhắn:
Đoàn ta đây theo bạn quyết xông pha.
Ai về trong Hậu Giang, ta dặn:
Gương anh hùng trong trí nhớ không nhòa.

*

* *

Đồng bào ơi! Phá xiềng gông đứng dậy!
Ngày tự do, độc lập đâu còn xa?
Hỡi non nước, hỡi đất trời yêu quý
Xông lên cùng đoàn du kích chúng ta.

Tháng 8 - 1941
Tại chiến khu Ngọc Trạo

RỪNG VÀ DU KÍCH

RỪNG

Rừng cây bỡ ngỡ chào du kích
Người đâu gian khổ tới chi đây?
Cơm nắm, vừng rang, vèo nước lạnh,
Hang sâu, muỗi độc... ngủ sao say?

DU KÍCH:

Hỏi rừng có ghét giặc Nhật, Tây?
Có thù mả tổ bị voi giày?
Mà vẻ lạnh lùng trong buổi mới.
Với đoàn người du kích về đây?

RỪNG:

Sao người quên xóm làng êm ả?
Không nhớ mẹ thương mắt đợi mòn?
Không nhớ vợ hiền đêm lẻ bóng?
Con thơ đỏ mắt lúc hoàng hôn?

DU KÍCH:

Phải ém tình mềm trong tim sắt,
Có đâu mờ hoa nhớ hương quen!
Nào có đời vui bên gót giặc.
Gian nan này tình cảnh ấm êm!

RỪNG:

Ta cũng như người thù mất nước,
Hang kia, suối nọ cũng hờn căm.
Trách nhau chi vội? Người du kích?
Ta chung trời đất nước Việt Nam.

DU KÍCH:

Cây có thương cho hương thở dịu,
Suối có yêu cho nước ngọt lành.
Hang có thân cho nhiều mộng đẹp,
Cho đời du kích sống thêm tình!

RỪNG:

Cây được người về, cây kết bạn,
Suối có người thăm, suối mát lòng
Hang đượm hơi người, hang ấm cúng.
Rừng cùng người là nghĩa tình chung!

DU KÍCH:

Ít ỏi đôi chục người du kích
Một lá cờ hồng rực ánh sao.
Vui chăng, rừng hỡi ngày mai đến
Nhộn nhịp cờ reo gọi súng đao!

RỪNG:

Ta quyết vì người che mắt giặc,
Gọi thêm chim tới chung vui ca
Người đúc cho lòng thêm sắt thép,
Đợi ngày Cách mạng nổ..., xông pha.

DU KÍCH:

Đã quyết gắn đời với núi sông
Đà dao, đường kiếm luyện xung phong.
Cho khắc sâu đầy hàng chữ nhé?
Hy sinh cho lý tưởng Đại đồng.

Tháng 9 - 1941
Tại hang Treo
chiến khu du kích Ngọc Trạo
(Sách đã dẫn)

NGẠI MÌNH

Tặng D.

Nhớ buổi ra đi... em đỏ mắt,
Cách rào, anh chẳng lựa cầm tay.
Trong làng, lính còn lùng vây bắt.
Tạm biệt mọi tình, anh đi ngay.

Từ đó "thoát ly" đường phản đế
Cả nước tình vui với bản mường
Có cô em gợi tình thân mến,
Anh lẳng cười duyên, dấu nhớ thương.

Rồi lại về đây lập chiến khu,
Vui đời du kích, sống tự do.
Thương em, ngày tháng đầy tai vạ,
Ai biết cô đơn mấy bất ngờ...

Chẳng sợ cường quyền gieo áp bức,
Ngại mình... chẳng vững trước phong ba?
Ta giữ cho nhau tình đẹp mãi
Đón nguồn hạnh phúc giữa bao la.

Chiến khu Ngọc Trạo
tháng 9 - 1941
(Sách đã dẫn)

ẤM ĐỜI THOÁT LY

Kính tặng bà mẹ
ở Thạch Cừ, Tổng Trạc Nhật,
huyện Thạch Thành.

Tất te chân vội ngày dài,
Quá khuya, làng đã kín gài cửa thang.
Ghé ngôi nhà rách đầu làng,
Lòng tin gặp được tim vàng nhân dân.
Buổi quen mẹ chẳng ngại ngần,

Rằng: "Mày, chúng đã vòng tuần nửa đêm"
Lau cù lại sáng ánh đèn,
Bếp sàn đã lạnh lại nhen lửa hồng.
Gạo mai, chiều mới chạy xong,
Dốc bương mẹ nấu cho lòng con no.
Trần vai thân mẹ gầy khô,
Nỗi thương con muốn nhịn cho qua ngày?
Mẹ rằng: "Lo đánh Nhật, Tây
Sớm khuya con hãy coi đây là nhà
Đói nghèo đời mẹ từng qua
Nghĩ chi mấy bát cơm và, con ơi!"
Bữa ăn chan ngọt từng lời,
Tình sâu nghĩa cả ấm lời thoát ly.
Giọng nhà thủ thỉ canh khuya,
Gửi thêm sức mạnh chân đi trên đường.
Con đi mấy tổng, mấy mường,
Niềm vui dành có mẹ thương Thạch Cừ.
Về đây Ngọc Trạo chiến khu,
Dám quên công mẹ dưới cờ "Du kích quân".

Tại chiến khu Ngọc Trạo
tháng 9 – 1941
(Sách đã dẫn)

TÓC LẠNH

Tặng K. vợ liệt sĩ
Phạm Văn Hinh

Một bước ra đi một nát lòng,
Suối vàng anh thấu nổi em không?
Sống sao anh nhỉ? Đời cô quả
Thiếu cả đầu con giữa tuổi nồng!

Đành cho nín lệ, ép đau thương,
Hận với duyên xưa nghĩa đá vàng
Tóc lạnh đi tìm tay ấm áp
Nhưng lòng đâu có lửa yêu đương.

Chỉ với tim anh, ới hỡi anh?
Tim em rung nhịp điệu chung tình.
Tấm thân giờ sống cùng ai đó,
Em giữ mình anh nghĩa tiết trinh.

Em có quên đâu ngày ấm cúng
Bên anh đầy đủ nghĩa yêu đương
Anh cho em biết nguồn điều đứng
Tranh đấu, đưa em tới bước đường.

Giữ mãi tình anh, em quyết noi
Lời xưa để được tưởng anh cười
Đã không chung sống ngày ân ái
Em sống cùng anh ý cuộc đời.

Tháng 4 - 1945
Tại Mỹ Xuyên, Vĩnh Lộc
(Sách đã dẫn)

CỜ ĐỎ SAO VÀNG

A ha! Trống thúc mõ hồi
Liên làng, liên huyện báo thời tiến công!
A ha! Cờ đỏ sao vàng
Giương cao giữa ánh đuốc hồng đêm nay!
Eo Lê núi động cây lay
Voi nằm tỉnh giấc, Phượng say giật mình.
Giờ này, giờ xóa bất bình,
Đoàn quân du kích quyết tình xông pha
Đánh cho Pháp đổ, Nhật thua,
Dựng cờ độc lập, tự do mở đời!...
Cờ ơi! Khởi nghĩa đêm vui
Như ca, như múa, như cười, như reo...
Cờ ơi! Tổ quốc thân yêu
Ấm no đón bước, đói nghèo xua đi.
Trông cờ ta những hả hê
Bõ khi chìm nổi ra đi với cờ...
A ha! Thuyền đã đến bờ!

Eo Lê. 18 - 8 - 1945
(đêm khởi nghĩa)
(Sách đã dẫn)

THÁI HỒNG
(?)

GIÓ VẪN THỔI MẠNH

Một tay giữ nón, một tay thủ trong áo, Xuân co ro cắm cúi đi ngược dòng sông, trên con đường đê thưa thớt điểm rặng nhãn. Gió lạnh buốt từ dưới sông đưa lên thổi mạnh, người Xuân như muốn bị sức gió hất ngược trở lại. Anh ngả người về đằng trước, chiếc nón gần úp lấy mặt, hai ống quần bám chặt lấy bắp đùi gầy gò, vạt chiếc áo cánh nâu như cố bóc khỏi người bay theo gió.

Xuân giữ người trong gió ngược; mặt anh đã tái nhợt. Những cơn sốt rét ít lâu nay làm anh yếu đi nhiều. Trước kia gió lạnh hơn nữa anh có coi ra mùi gì đâu.

Gió thổi mỗi lúc một mạnh thêm! Xuân thấy người choáng váng, gió lộng buốt hai bên thái dương và làm ghê thịt. Những bước chân của Xuân đã bớt đều đặn. Anh ngoảnh đầu nhìn trở lại với một ý nghĩ vừa đến: *"Hay ta rẽ vào thăm nhà"*.

Đằng sau Xuân, không xa mấy, vượt khỏi đám tre xanh, một ngôi nhà hai tầng quét vôi vàng nổi bật lên ngạo nghễ giữa những nóc nhà tranh lụp xụp xám xịt. Đã năm năm nay, từ ngày bỏ nhà ra đi, Xuân mới lại có dịp nhìn thấy nó. Anh nhớ lại hồi nhỏ, cũng trên quãng đê này, một buổi học về, anh hợm hĩnh bảo bạn: *"Nhà tao kia kìa"*.

Những tiếng pháo lẹt đẹt bên kia sông nhắc Xuân hôm nay ngày mồng một Tết. Ừ mồng một Tết! Trong ngôi nhà hai tầng ấy, mẹ Xuân chắc đã sắp xong cỗ cúng: Những giò, nem, ninh, mọc, những chiếc bánh chưng xanh mịn la liệt, những thứ rượu mùi mà Xuân thích uống, những đĩa mứt sen thơm ngọt v.v... Mẹ Xuân, người mẹ đáng kính đã hy sinh ở góa từ ngày còn trẻ để nuôi Xuân, đứa con một, và đặt ở Xuân bao nhiêu hy vọng trong lúc tuổi già, bà cụ tất đương sụt sùi nhắc nhở đến Xuân. Mắt bà cụ đã kém đi vì khóc nhiều về Xuân, tóc đã bạc phơ, người đã lụn xuống.

Và gió thổi mỗi lúc một mạnh thêm, Xuân còn phải đi ngược trên con đường đê lộng gió này ít nhất là 40 cây số nữa. Bốn mươi cây số, Xuân vừa ốm dậy, người còn yếu, cố gắng lắm 7, 8 giờ tối mới tới được. Rồi Xuân cần phải lần mò trong đêm tối trên những bờ ruộng nhỏ, mấp mô để đến một túp nhà tranh trong một làng hẻo lánh. Ở đấy, một bạn đồng chí chờ Xuân để thảo luận mấy vấn đề cần thiết về công cuộc vận động cứu quốc lúc này. Nhưng ở đấy cũng có thể có bọn chó săn, chim mồi rình chực từ lâu, giơ những nanh vuốt hung ác vồ chộp lấy Xuân cũng như chúng đã vồ bắt bao nhiêu đồng chí của Xuân rồi. Đằng trước mặt, phía ngược gió, những cảnh tra tấn dã man của bọn mật thám, những cảnh tù ngục, trường bắn, máy chém vẽ trên nền trời mầu tang của ngày đông tàn.

Và gió thổi mỗi lúc một mạnh thêm, như muốn đẩy Xuân trở lại bên người mẹ già trong gian phòng ấm cúng của tòa nhà hai tầng... Đi xuôi gió ấm hơn đi ngược gió.

Nhưng bước chân của Xuân lại đều đặn đi về phía ngược gió.

Xuân quả quyết đi ngược gió vì trên nền trời mầu tang của ngày đông tàn, Xuân còn thấy vẽ rõ những bộ mặt kiêu hãnh hung ác của giặc Pháp, giặc Nhật trong những tòa nhà lộng lẫy bên cạnh cảnh lầm than đói rét của nhân dân Việt Nam.

Tiếng gió gào trong rặng nhãn như những lời nhắc nhở:

"Tổ quốc bị dày xéo, đồng bào bị hiếp bức, giống nòi đương nguy vong, giặc Nhật – Pháp coi ta như ngựa trâu, khinh miệt ta như cỏ rác, ta há còn có thể chịu sự nhục nhằn như vậy được mãi sao. Ta há còn có thể ngừng một phút, chậm một giây trong khi cơ hội giết giặc nước, rửa hận thù đã tới được ư?..."

Xuân bước nhanh hơn trước... Người anh nóng lên, gió lộng không thấy buốt thái dương và ghê thịt nữa.

Nghĩ đến công việc đang tiến hành, nghĩ đến ngày thành công sắp tới, cả dân tộc Việt Nam, sau tám mươi năm trói buộc trong vòng nô lệ, bật tung xiềng xích trỗi dậy dưới bầu trời xuân tưng bừng rực rỡ... Một náo nức chạy trong mạch máu Xuân.

Anh hăm hở đi, mê man đi, say sưa đi...

Gió vẫn thổi mạnh.

Báo *Hiệp lực*, cơ quan tuyên truyền
cổ động của Việt minh liên D Bắc Kỳ
số Xuân Giáp Thân, ngày 5 – 3 – 1944.

THIÊN QUAN
(?)

LÊN ĐƯỜNG

Hôm nay vác súng lên đường
Bạn ra đến chốn chiến trường xa xôi,
Thù nhà còn đó sao nguôi?
Giặc chưa quét sạch há ngồi được yên?
Gươm thần sáng quắc vung lên
Hãy đem tổ quốc lên trên gia đình.
Một lòng vì nước hy sinh
Buồn chi với một mối tình nhỏ nhen?
Lên đường hăng hái đua chen,
Chông gai sương gió luyện rèn tim ta
Trong làn tên đạn xông pha
Tôi cầu mong bạn chóng ca khải hoàn.

Báo *Quân giải phóng*.
Cơ quan của Việt Nam giải phóng quân,
số 1, ngày 5 – 8 – 1945, tr.2.

THỢ HÀN

(?)

NẠN THU THÓC VÀ ĐỜI SỐNG CỦA GIAI CẤP THỢ

Tháng 12 năm 1943 là vụ thu thóc đầu tiên của giặc Pháp. Chỉ vài tháng sau vụ thu thóc này là đời sống thợ thuyền chịu ảnh hưởng sâu sắc ngay. Nạn thu thóc lại đẻ ra nạn độc quyền và đầu cơ. Giấy bạc lại in ra bừa bãi hơn nữa. Lương lậu của thợ chẳng được tăng mà giá sinh hoạt tăng gấp mấy chục lần. Phần lớn anh em thợ thuyền đã phải bữa cháo bữa cơm; đồng lương cao hạ bây giờ không còn được chú ý bằng "bông gạo, bông vải".

Không những chỉ cần gạo mà thôi, các thứ đồ dùng đều thiếu thốn, mà là những thứ chí cần. Phần đông hết sức rách rưới, chỉ có một bộ quần áo, còn sự ăn mặc của vợ con thì đừng nói đến... Mỗi khi còi tầm, nếu ai để ý nhìn lũ người ở nhà máy đi ra thì thấy cả một cảnh thương tâm; những thân hình tiều tụy, mặt mũi tuy đen nhọ vẫn không giấu nổi nước da vàng vàng, xam xám và bì bì như sũng nước, biểu hiện sự đói cơm; quần áo không những đụp vá nhiều chỗ, nhiều màu mà còn để lộ da thịt là khác. Lũ người ấy bước đi một cách uể oải hầu như mất hết sinh lực và buồn thiu thỉu.

Chính sách bóc lột của bọn thực dân là tỉ mỉ, khôn khéo; trong một sở thường thường bọn chủ chia quyền lợi cho nhiều bọn thợ khác nhau, mà bao giờ họ cũng chỉ vừa đủ sống hay có phần hơi thiếu thốn. Những người nào giữ những bộ phận quan trọng trong nhà máy thì được chúng thả cho nhiều quyền lợi hơn các người khác nhưng cố nhiên để chúng dùng làm tay sai đắc lực mà giúp chúng bóc lột thêm người khác. Chúng bóc lột từng phút, từng giờ, từng lạng gạo (thường cân thiếu hay không trừ bì; hay bắt đi làm đủ 26 ngày trong một tháng mới được lĩnh gạo hoặc vì nghỉ hay đến lĩnh chậm, cũng bị cúp không được lĩnh nữa, v.v...)

Nạn đói làm cho thợ nẩy ra thói "đánh cắp" và cờ bạc; công việc ít, lương lại hạ, tranh đấu e bị đuổi; họ xoay quanh hòng bù vào chỗ thiếu thốn; tình trạng ấy khiến cho tinh thần họ ngày càng trụy lạc thêm.

Nạn đói rách là một động cơ đẩy thợ thuyền quyết tâm tranh đấu nếu có các điều kiện khác nữa. Trái lại, khi nạn đói rách sâu sắc quá làm cho đời sống của quần chúng hầu như ngắc ngoải thì nó lại cản trở rất lớn cho phong trào đấu tranh của quần chúng.

Sơ tuyển văn thơ yêu nước
và cách mạng, tập 3B.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1959.

NGUYỄN ĐÌNH THI
(1924 - ?)

Quê ở Hà Nội, sinh ở Phông Xa Lỳ (Lào). Hoạt động cách mạng trước tháng 8–1945. Được Đại hội quốc dân ở Tân Trào bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng và Chính phủ cách mạng lâm thời (tự xin rút khỏi Chính phủ lâm thời để bổ sung một vị trí khác. Nhiều năm hoạt động trên mặt trận văn nghệ, viết báo, làm thơ, kịch bản sân khấu, tiểu thuyết, lý luận văn học, phê bình văn học.

Hiện nay là Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam.

DƯỚI ÁNH SÁNG CỨU QUỐC XÉT QUA VĂN HÓA VIỆT NAM

Trong sáu năm chiến tranh 1939 – 1945

Cũng như tất cả các mặt khác của đời sống dân tộc, văn hóa Việt Nam đã chịu ảnh hưởng sâu xa và trực tiếp của cuộc chiến tranh thế giới 1939; Năm chiến tranh bùng nổ cũng là năm mà văn hóa nước ta đã rẽ ngoặt một cách rõ ràng.

Ta hãy xem: Trước 1937, nhờ được hưởng ít quyền tự do, văn hóa Việt Nam đã phản ánh được tình trạng thực của xã hội lúc bấy giờ: Dân cày và thợ thuyền bị bọn tư bản Pháp bóc lột và bọn thống trị, đầy tớ tư bản ra sức đàn áp. Nhưng tư bản và tiểu tư sản thì lại được bọn thống trị bợ đỡ nhồi sọ để dùng làm tay sai trong việc trục lợi và đi đè nén dân chúng.

Vì vậy trong tư tưởng, trong văn nghệ, có hai phong trào rõ rệt tương phản. Nền văn hóa tư bản Pháp nhập cảng vào ta thì đẻ ra cái phong trào cười cợt, lãng mạn, mà đại biểu đáng kể nhất là nhóm Tự Lực. Văn hóa tư sản đó một mặt chỉ trích kịch liệt văn hóa cũ và giằng đứt hết "những dây đạo đức nhuộm lòe loẹt của thời phong

kiến"[1], một mặt ca tụng đời sống tư bản theo lối Tây phương (đồn điền, ôtô, nhảy đầm, trụy lạc, ích kỷ cá nhân v.v...) và tán dương những quan niệm tư bản về xã hội về gia đình v.v... (cải cách xã hội từ cao xuống thấp, quan dạy dân, chủ đồn điền dạy tá điền, lập tiểu gia đình theo lối tư bản v.v...). Nền văn hóa quần chúng, trái lại vạch rõ nỗi thống khổ của dân cày và dân thợ dưới ách thống trị, những vết thương rỏ máu của dân tộc, những bề trong thối nát của đời sống tư bản và đồng thời giới thiệu những tia sáng mới, những nhời giải ngay tức khắc của vấn đề xã hội lúc bấy giờ.

Hai bên đều tung ra nhiều sách vở báo chí; những tiểu thuyết lãng mạn, những vở kịch, những tập thơ ái tình của nhóm Tự Lực và các nhóm đồ đệ khác tràn ngập khắp nơi, cũng như tất cả các báo chí có khuynh hướng đại chúng (*Hồn Trẻ, Tiếng Trẻ, Thời Báo, Thời Thế, Tin Tức, Đời Nay v.v...)*, những tập sách phổ thông, nghiên cứu về các vấn đề xã hội, chính trị, kinh tế, *(Tập sách dân chúng)* hoặc những tiểu thuyết tả chân, những thiên phóng sự ngả về chủ nghĩa xã hội.

I. Văn hóa công khai trong 6 năm chiến tranh thế giới

Cuộc chiến tranh thế giới vừa nhóm lên, lập tức văn hóa Việt Nam thay đổi hẳn tính chất. Bọn thống trị rít chặt xiềng xích, tìm cách bóp chết những khuynh hướng cấp tiến không xu thời và chỉ để lại trên trường công khai một thứ văn hóa đã bị trói tay bịt mắt, gắng gượng lần hồi; đời sống của văn hóa công khai đó đã trải qua nhiều giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất: văn hóa trì trệ (1939 - 1940)

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tư bản Pháp vẫn còn đeo mặt nạ dân chủ nhưng bắt đầu dùng trắng ngay những phương sách phát xít trên đất Pháp. Bên ta, bọn thống trị tha hồ giầy xéo lên chút ít quyền tự do mà chúng đã bắt buộc phải ban bố hồi 36 - 39, cấm lưu hành và giữ các sách báo cấp tiến, lập ty kiểm duyệt v.v... Nhưng một mặt khác bọn thống trị cũng chưa dám đưa ra những khẩu hiệu phát xít, tuy không còn cho phép ca tụng tự do dân chủ. Vì vậy báo chí nô dịch không biết nói gì, chỉ tán dương mập mờ văn minh nước Pháp và sức mạnh đế quốc Pháp. Một vài tờ báo lá cải buồn tẻ không đủ che đậy cái tình trạng bế tắc trì trệ của văn hóa công khai.

---

1. Mác, Ăngghen. *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.*

Giai đoạn thứ hai: Văn hóa phát xít lãnh đạo (1940 – tháng 9–1944)

Giai đoạn này kéo dài suốt trong thời gian thống trị của chính phủ phát xít Pê-tanh. Song ta cũng có thể chia ra thời kỳ khác nhau.

A. *Thời kỳ thứ nhất* từ 1940 đến cuối 1942 *tức là thời kỳ toàn thịnh của văn hóa phát xít.*

Tháng sáu năm 1940, Pháp thua trận. Đất Pháp bị Đức chiếm đóng. Chính phủ Pê-tanh thành lập, đem chế độ phát xít thi hành ở Pháp. Ở Đông Dương, tháng 9 năm đó, phát xít Nhật vào Lạng Sơn, Pháp vội đầu hàng chịu làm tay sai, vâng theo tất cả những điều kiện của Nhật. Nhân dân Đông Dương hết sức cực khổ dưới 2 tầng áp bức, bóc lột. Tinh thần cứu quốc sôi nổi trong dân chúng. Những cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Đô Lương, Nam Kỳ (1940) khiến cho bọn thống trị thấy cần phải thi hành một chính sách lừa dối lớn lao để che đậy sự bóc lột áp bức.

Bởi vậy bọn thống trị không tiếc tiền, tiếc công, cố gắng gây cho được một phong trào văn hóa phát xít đồ sộ, quảng cáo cho chủ nghĩa Pê- tanh. Chân dung và châm ngôn Pê-tanh nhan nhản trên báo chí, trong công sở học đường, rạp hát, tiệm ăn, trong các trường học, học trò phải học thuộc lòng "diễn từ của Thống chế". Lời Pê tanh in ra hàng vạn quyển chữ tây, chữ quốc ngữ phát không: tranh ảnh, bài hát, thơ vè ca tụng Pê-tanh tung ra nhiều vô kể.

Đồng thời chúng lại cổ võ phong trào thể thao, mở thêm các sân vận động, lập đoàn thanh niên đế quốc Đông Pháp, tổ chức những cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương, các cuộc đấu quyền, bơi lội v.v...

Chính sách ấy cốt để làm sao lãng tinh thần cứu quốc của thanh niên Việt Nam.

Để kéo lại tín nhiệm đã mất và để mua chuộc các nhà văn và nghệ sĩ, chúng mở phòng triển lãm duy nhất, đặt giải thưởng văn chương A. de Rhodes. Trong sự tuyên truyền của chúng, bọn thống trị chú ý nhấn mạnh vào mấy điều:

a) Chủ nghĩa Pê-tanh đã gặp gỡ tinh thần Á Đông: "tu, tề, trị, bình" của Khổng Tử không khác gì "Cần lao, gia đình, tổ quốc" của Pê-tanh.

b) Chủ nghĩa Pê-tanh không cấm đoán tinh thần quốc gia, trái lại nó khuyến khích tinh thần đó trong khuôn khổ "Pháp – Việt phục hưng".

Trước sự tuyên truyền đó, bọn trí thức tư sản nô lệ của đế quốc vội dùng ngay những thuật liếm gót đã quen và phủ nhận hết cả những giá trị của nước Pháp "dân chủ, mẹ văn minh" hồi trước của chúng. Phạm Quỳnh xuất bản học thuyết Mo-rát (Mauras), Phạm Xuân Độ đi các tỉnh diễn thuyết về "Thống chế". Nguyễn Tiến Lãng quảng cáo cho chủ nghĩa "Cách mệnh quốc gia" (Révolution nationale), Nguyễn Mạnh Tường và công ty sụp xuống, kính cẩn xin "làm chứng" (Témoignage) cho sự "phục hưng Pháp-Việt".

Trong khi một số tiểu tư sản, vì bị đế quốc áp bức mà ngả về cách mệnh, thì một nhóm trí thức tiểu tư sản xuất hiện trên trường văn hóa công khai, bám lấy đế quốc phát xít, cố gắng dung hòa những giá trị tiểu tư sản đồ đệ cuối cùng của Tự Lực, đứng trước những biến cố quan trọng mà họ không hiểu nổi, đứng trước sự phá sản mau chóng của những giá trị tư bản mà họ đã tưởng vĩnh viễn thì trở nên hoang mang, hoài nghi, chán nản; họ sợ hãi, chán ghét thực tế, trốn tránh vào những đường lối huyền bí, viển vông của "Nhạc", của "Đạo", đi tìm "Thơ", "Đẹp" tuyệt đối v.v... Ấy là nhóm Xuân thu nhã tập.

Văn hóa phong kiến được dịp tái sinh. Nó hét đắc thắng và lên tiếng mỉa mai những sự "lầm đường lạc lối" trong những năm xã hội ta nối gót tư bản Pháp. Nó hô hào trở lại với những giá trị cũ, với tôn ti, trật tự, với luân lý Khổng, Mạnh, với hương thôn, quan trường, với gia đình. Những giá trị "muôn đời" ấy ngay đến Pê-tanh đã chẳng phải công nhận đó sao!

Phong trào bảo thủ, thụt lùi nay đã chiếm ưu thế một cách rõ rệt. Nó đã đẻ ra *Trai nước Nam làm gì?* của *H. Đ. Thúy*, *Thanh Đạm* của Nguyễn Công Hoan, *Bút nghiên* của Chu Thiên, *Một nền giáo dục Việt Nam mới* của Thái Phỉ, tạp chí *Tri Tân* của nhóm Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Tường Phượng. Nhất là sau những đắc thắng lúc ban đầu của Nhật trong cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, "tinh thần Á Đông" lại càng được quảng cáo, ca tụng lắm.

Tóm lại, văn hóa phát xít đã rõ ràng chiếm được địa vị độc tôn.

Trong thời kỳ này, phát xít Nhật cũng đã bắt đầu chú ý đến sự tuyên truyền văn hóa (mở phòng triển lãm, trao đổi học sinh, nghệ sĩ, tổ chức những buổi ca vũ, chiếu phim Nhật, mở lớp dạy tiếng Nhật, xuất bản tuần báo *Tân Á*). Tuy vậy công cuộc tuyên truyền này không được mấy ảnh hưởng.

B. *Thời kỳ thứ hai*, từ cuối 1942 đến tháng 9 - 1944: *Văn hóa phát xít bắt đầu suy tàn*.

Cuối năm 1942, thời kỳ thắng lợi của phe phát xít chấm hết. Phát xít Đức vấp phải Liên Xô bắt đầu nếm mùi thất bại. Cuộc chiến tranh oanh liệt của Hồng quân và dân Nga ở Xíttalingơrát vang dội khắp thế giới khiến cho cảm tình dân chúng các nước nghiêng về xứ sở xã hội chủ nghĩa.

Ở Đông Dương, dân chúng bị bóc lột áp bức đến cùng đã chán ghét chính sách của bọn đế quốc phát xít Pháp, Nhật. Phong trào cứu quốc mỗi ngày một lan rộng, không gì kìm hãm lại được. Cả đến những tầng lớp tư sản, tiểu tư sản trước đây là cánh tay đế quốc, mà nay cũng ngả về cách mạng hoặc đứng trung lập nghi ngờ giá trị tổ chức phát xít, nghi ngờ văn hóa phát xít, trước sự thất bại của phe phát xít trên các mặt trận Đông Tây. Văn hóa phát xít đã mất địa vị độc tôn của nó. Sự kiểm chế của phát xít tương đối đỡ gắt gao hơn thời kỳ trước. Nhiều khuynh hướng mới nhóm lên. Nhưng bọn thống trị khôn ngoan tìm hết cách đánh lạc những khuynh hướng mới đó vào những con đường nào có lợi cho chúng hay ít hại hơn. Để đạt tới mục đích, chúng đã dùng mấy phương sách sau đây:

1. Tiếp tục công cuộc đánh lạc tinh thần quốc gia.

a) Dùng mọi hình thức tuyên truyền để tỏ rằng tinh thần ái quốc của người Việt Nam có thể thỏa hiệp với chế độ thực dân của phát xít Pháp. Tuyên truyền trong các giới lòng tự miệt, nước Việt Nam chưa đủ sức tự chủ, còn cần đến sự dìu dắt của Pháp...

b) Chia rẽ ta với Tàu, lợi dụng phong trào lịch sử, cổ võ những chiến đấu cũ của ta với phong kiến Tàu, hòng gây ra trong dân chúng một mối e sợ và ác cảm đối với dân Tàu, khiến khẩu hiệu cách mạng liên minh với Tàu kém ảnh hưởng.

2. Đánh lạc những khuynh hướng cấp tiến: Làm thỏa mãn sự tò mò của dân chúng đối với chế độ chính trị cùng là văn hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách dung túng cho một số nhà văn, nhà báo, trình bày một chủ nghĩa xã hội sai lạc hẳn: Về phương diện văn hóa, để cho bọn đó đưa một chủ nghĩa "Mác xít nông cạn", đề xướng một chủ nghĩa duy vật "máy móc" kém ý thức. Về phương diện chính trị, làm hại phong trào cứu quốc bằng cách để cho bọn "mác xít" giả hiệu đó hô hào giai cấp đấu tranh, dân tộc chia rẽ, trong khuôn khổ thỏa hiệp với chế độ phát xít.

3. Đưa lạc văn hóa ra ngoài chính trị, dễ dàng với phong trào biên khảo thuần túy để nhân dân quên nhãng vấn đề thực tế. Kiểm duyệt những tác phẩm sáng tác và bất cứ sách báo gì có tính chất thực tế.

Chính sách mới về văn hóa của phát xít Pháp trong thời kỳ này khiến cho ta thấy:

1. Hầu hết những nhà văn, nhà báo công khai đều đeo kính "học giả" và trở nên những nhà "khảo cứu". Nhóm văn hóa nào cũng lo khảo cứu và dạy dân, báo hàng ngày cũng lên giọng thông thái "chuyên môn". Những tác phẩm sáng tác bị đẩy lui xuống hàng thứ hai. Nhà văn, nhà báo yên trí rằng làm công việc khảo cứu là đã trọn được nhiệm vụ. Những vấn đề thực tế đau đớn bị lãng quên.

2. Mấy tiếng "Việt Nam hóa" trở nên khẩu hiệu chung của hầu hết các nhóm văn hóa công khai. Người ta đi tìm những gì là "Việt Nam", là "Á Đông" trong tư tưởng, trong văn chương, trong nghệ thuật để rồi nhắm mắt phụng thờ, dù những giá trị gọi là Việt Nam ấy cản trở cuộc tiến hóa của dân tộc. Những khuynh hướng tin vào hai chữ Việt Nam càng hết sức quảng cáo cho sức nặng thời trước: Tính hàng phục nhẫn nại, thuyết yếm thế, thuyết luân hồi, thuyết định mệnh, v.v... Có công đầu trong việc quảng cáo này vẫn là nhóm Tri Tân.

3. Một khuynh hướng dân chủ tư sản cố gắng nhóm dậy. Nghi ngờ văn hóa phát xít và trông thấy những đắc thắng của Đồng minh, lớp trí thức tiểu tư sản giãi bày một chút hy vọng vào những giá trị cố hữu của tiểu tư sản: dân chủ nửa chừng, luân lý vừa phải, tự do đôi chút v.v... Những tia hy vọng ấy vừa mập mờ vừa thụ động và vẫn chưa thoát được nhiều mối băn khoăn; nhóm Thanh Nghị bắt đầu đối chiếu.

Bên những phong trào trên đây, bọn nhà văn, nhà báo tay sai phát xít vẫn tiếp tục hoạt động ráo riết, quảng cáo những khẩu hiệu của bọn thống trị.

Về phía phát xít Nhật, đáng chú ý nhất là việc tổ chức Viện Văn hóa, nhưng nó chỉ có tính chất tượng trưng hơn là có ảnh hưởng thực tế.

Giai đoạn thứ ba: Văn hóa phát xít sụp đổ (9 – 1944 đến 9 – 3 –1945)

Đồng minh mở cuốn mặt trận thứ hai trên đất Pháp. Tháng chín, chính phủ Pê-tanh cuốn gói sang Đức. Đờ-gôn lập chính phủ lâm thời ở Pháp theo một hình thức dân chủ. Bên Đông Dương, bọn phát xít

Đờ-cu hết sức trung thành với "thống chế" đến tận phút cuối cùng. Nhưng đến khi thấy Pê-tanh bị Hít-le bắt thì chúng bắt đầu lo sợ cho số phận chúng và tìm cách luồn lọt với Đờ-gôn. Tuy vậy chúng vẫn phải cố gắng che đậy cho chính sách đó với phát xít Nhật.

Nhân dân đã cực khổ hết sức. Nạn đói, nạn rét bắt đầu hoành hành. Phong trào cách mạng tiến gấp đến thời kỳ tiền khởi nghĩa.

Tình hình chính trị khiến cho bọn thống trị đình chỉ hẳn cuộc tuyên truyền cho chủ nghĩa Pê-tanh. Chủ nghĩa phát xít mất bóng trên đàn văn hóa của bọn đế quốc Pháp có tính cách "nước đôi" cũng như đường lối chính trị của chúng. Không có khẩu hiệu rõ rệt, chúng cho ca tụng một cách trống không nền văn minh Pháp, những công trình kiến thiết của Pháp ở Đông Dương, ảnh hưởng văn chương Pháp trong văn chương Việt Nam...

Bọn phát xít Nhật tới đây hoạt động thêm.

Viện Văn hóa Nhật in sách, tổ chức diễn thuyết quảng cáo cho văn hóa Nhật, nhưng sự tuyên truyền của chúng hẹp hòi và xa quần chúng nên vẫn rất ít ảnh hưởng.

Trước tình trạng mới mẻ ấy, những khuynh hướng phong kiến tuy rằng vẫn cố hoạt động song không còn được ai chú ý.

Trái lại những nhóm tiểu tư sản được nâng lên hàng thứ nhất.

Nhóm Thanh Nghị được dịp thay chiều hẳn, tỏ lòng tin tưởng vào phong trào dân chủ. Những bài xã thuyết của báo đó đã dám đặt một vài vấn đề, những bài khảo cứu cũng hướng về chế độ dân chủ đại nghị.

Nhóm "phát xít nệ sách" hoạt động hẳn lên. Nhà Hàn Thuyên xuất bản tạp chí *Văn mới*, mở bút chiến với những nhóm khác, cổ súy cho một phong trào văn hóa hẹp hòi, quá trớn.

Giai đoạn thứ tư: Văn hóa đình đốn (từ đảo chính đến nay)

Tháng 3 - 1945, Nhật lật đổ Pháp để cướp Đông Dương làm thuộc địa riêng và để trừ cái họa Pháp làm nội ứng đón Đồng minh đổ bộ. Đoạt hẳn Đông Dương rồi, chúng tăng gia sự bóc lột và áp bức hơn nữa. Nạn đói hoành hành một cách khốc liệt chưa bao giờ thấy. Hàng triệu người chết đói bên những kho thóc khổng lồ Nhật đã cướp được của Pháp. Tiếng súng du kích bùng nổ nhiều nơi trong nước. Phong trào cứu quốc không chỗ nào không sôi nổi. Những khẩu hiệu kháng Nhật lan rộng khắp chợ cùng quê.

Vấn đề văn hóa bị đẩy lui xuống một hàng dưới. Khắp nơi nhân dân chỉ chú ý đến vấn đề cứu tế và chính trị. Không những thế, bọn quân phiệt Nhật lại áp dụng chính sách ngu dân đến triệt để và không dung túng một khuynh hướng nào không liếm gót chúng.

Vì vậy từ sau khi cuộc đảo chính, văn hóa công khai bị đình đốn, bế tắc hẳn. Trên văn đàn công khai chỉ còn một vài tờ báo thông tin lá cải hoặc liếm gót Nhật một cách nô lệ, để kiếm ăn. Sách mới hầu như không có quyển nào. Những tờ báo lừng chừng nước đôi vừa gắng sức ra được vài số, thấy chính sách khủng bố của Nhật, không rủ nhau mà cùng im lìm đóng cửa. Các giới nghệ sĩ không còn điều kiện, cũng không còn tâm hồn đâu nghĩ đến việc sáng tác.

*

Suốt sáu năm chiến tranh thế giới, văn hóa công khai xứ ta bị bọn thống trị hết Pháp đến Nhật kiềm chế rất ngặt, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, vì vậy cứ mỗi sự thay đổi trên trường chính trị lại gây ra một sự thay đổi trên trường văn hóa. Sự lệ thuộc của văn hóa công khai vào chính sách đế quốc thực đã rõ rệt.

Nên ta không lấy làm lạ rằng văn hóa công khai trong mấy năm gần đây là một thứ văn hóa xu thời, uốn theo vòng sắt của bọn thống trị, xa thực trạng nước ta, xa nguyện vọng dân ta, tuy mỗi ngày một nhiều nhà văn và nghệ sĩ, cố gắng len lỏi trong lưới thép của đế quốc, tìm cách chống với văn hóa phát xít, phổ thông những tư tưởng cứu quốc chân chính và dân chủ cấp tiến, vạch rõ nỗi thống khổ của toàn dân và cố gắng đi tới một phong trào "văn hóa mới" mà không nản lòng trước những kết quả ít ỏi và nhỏ bé lượm được với một giá trị rất đắt.

Báo sách mỗi quyển, mỗi tờ một xu hướng. Thường khi trong một tờ báo lại có đủ thứ xu hướng khác nhau nữa. Tính cách hỗn loạn, xu thời của văn hóa công khai biểu dương rõ cho cái tình trạng nô lệ của nó.

II. Văn hóa bí mật

1. *Địa vị*

Nói đến văn hóa, người ta thường không biết hay quên rằng bên cạnh nền văn hóa công khai còn có nền văn hóa bí mật. Nền văn hóa đó vẫn có từ trước cuộc chiến tranh này. Hồi 1936, nhờ phong trào

bình dân, một bộ phận của nó đã ra công khai. Nhưng đến cuối năm 1939, sau cuộc khủng hoảng của đế quốc Pháp, bộ phận công khai lại rút vào bí mật.

Trong cuộc thế giới chiến tranh lần này, văn hóa bí mật đã chiếm một địa vị mỗi ngày một quan trọng vì chính sách đàn áp của phát xít Pháp, Nhật khiến cho bao nhiêu khuynh hướng cấp tiến, dân chủ, bao nhiêu cây bút biết tự trọng, không xu thời, đều dần dần bị đưa đến chỗ phải viết sách báo bí mật mới nói được những điều muốn nói. Văn hóa công khai càng làm cho nhân dân chán ghét bao nhiêu thì văn hóa bí mật càng được ủng hộ, tìm tòi bấy nhiêu.

Sách báo bí mật gần đây độc quyền hướng dẫn quần chúng. Những bài khảo cứu, những bài nghị luận trên mặt báo bí mật, những sách nghiên cứu huấn luyện của phong trào cứu quốc vì thỏa mãn những đòi hỏi của quần chúng trong khi tranh đấu nên ảnh hưởng rất sâu xa. Cái địa vị ấy của văn hóa bí mật xứ ta xưa nay thực ít thấy vậy.

2. Thành tích

Văn hóa bí mật nước ta, tuy còn nhiều khuyết điểm, cũng đã gây được nhiều thành tích đáng kể. Báo chí bí mật ra nhiều và phổ thông khắp chốn. Ta hãy kể những tờ xuất bản mấy năm gần đây:

Bắc Kỳ: *Tạp chí cộng sản, Cứu quốc, Cờ giải phóng, Việt Nam độc lập đồng minh, Độc lập, Hồn nước, Nước Nam mới, Kháng địch, Việt Nam, Tiếng chuông Bãi Sậy, Kèn gọi lính, Hiệp lực, Mê Linh, Lao Động, Quyết chiến, Quân giải phóng...*

Nam Kỳ: *Giải phóng.*

Trung Kỳ: *Khởi nghĩa, Đuổi giặc nước.*

Trong nhà tù, trại tập trung thì có: *Lao tù tạp chí* (Hà Nội), *Ánh bình minh* (Hòa bình), *Sông Gâm* (Bá Vân), *Suối reo, Tự chỉ trích (Sơn La).*

Ở Trung Hoa: *Tiếng gọi.*

Ở Xiêm: *Độc lập.*

Có điều đáng chú ý là nền văn hóa bí mật sau một thời gian phát triển không có quy mô rõ rệt, đã tìm cách tự vạch lấy một chương trình, những khẩu hiệu để đến một phong trào văn hóa mạnh mẽ, rộng rãi. Đề cương văn hóa của Đảng Cộng sản đề nghị ba

nguyên tắc: "Dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa" chính là một dấu chứng tỏ sự cố gắng ấy.

3. *Tính chất*

Văn hóa bí mật sở dĩ chiếm được địa vị quan trọng và gây được thành tích đáng kể là vì nó có mấy đặc tính:

a) Cách mạng: Văn hóa bí mật mạnh dạn chống với chính sách bóc lột áp bức, làm ngu dân của bọn thống trị và vạch rõ trước dân chúng bộ mặt thực của chủ nghĩa đế quốc phát xít. Nó không chịu uốn mình trước một sự đe dọa nào. Nó cũng không đứng lại ở những vết thương thối tha của những chế độ hồi trước chiến tranh. Trái lại, nó vươn về những ánh sáng mới, tìm đường để tới một đời sống công bằng nhân đạo hơn. Nó đem đến cho mọi người một lòng tin, một nguồn hoạt động.

b) Thực tế: Văn hóa bí mật không sợ ánh sáng, không tìm cách quên sự thật, không che đậy những đau khổ của quần chúng, không dẫn mình vào quá khứ, không đi tìm những miền viển vông mơ hồ để tự lừa dối. Trái lại, văn hóa bí mật là một văn hóa ánh sáng, luôn luôn đi sát với thực trạng xã hội, luôn luôn phản ánh rõ rệt thực trạng đó, luôn luôn tìm những phương pháp thích hợp để hiểu rõ những vấn đề đặt ra và để thấy những lời giải đến nơi đến chốn của những vấn đề ấy.

c) Đại chúng: Văn hóa bí mật là văn hóa của quần chúng. Nó không phải là một món gia vị để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của một thiểu số thống trị hoặc trí thức. Quyền lợi của quần chúng được bênh vực đến triệt để, những nguyện vọng tha thiết, những đau khổ ngấm ngầm của quần chúng được nêu lên bằng chữ lửa trong sách báo, trong ca nhạc. Về phương diện hình thức, văn hóa bí mật trọng tính chất sáng sủa, giản dị, phổ thông.

d). Duy nhất: Văn hóa bí mật không hỗn loạn xu thời: Thơ, nhạc, tiểu thuyết, bài luận, sách khảo cứu, v.v... tất cả đều hướng chung về một phía, tất cả đều biểu lộ chung một tinh thần. Giữa các yếu tố văn hóa có một sự điều hòa đẹp đẽ và nguy nga.

Tóm tắt trong một câu, văn hóa bí mật là một văn hóa của dân chúng chống đế quốc, chống phát xít, chống phong kiến, phát huy tinh thần cách mạng của dân tộc và tư tưởng tự do, công bằng tán dân chủ.

Nhờ vậy, văn hóa bí mật không những soi đường cho công tác chính trị, mà còn chứa đủ những mầm mống của nền văn hóa mới Việt Nam sau này nữa.

Tổng luận

Đặc tính quan trọng hơn cả của văn hóa Việt Nam trong cuộc chiến tranh hiện thời là sự liên lạc rất sát của nó với tình hình chính trị.

Lịch sử văn hóa công khai 6 năm nay là lịch sử một cuộc vận động văn hóa phát xít của đế quốc sau thời kỳ hoang mang lúc đầu (1939 – 1940). Nền văn hóa phát xít ấy lên xuống cùng một nhịp với lực lượng quân sự và chính trị của phe phát xít. Ở thời kỳ phát xít thắng lợi (1941 – 1942) nó chiếm địa vị độc tôn; thời kỳ phe phát xít bắt đầu thất bại (1942 – 1944), nó cũng bắt đầu phải chống chọi với những khuynh hướng cấp tiến, rồi đến lúc phe phát xít thua trận (1944–1945) nó lập tức sụp đổ theo. Cuộc vận động văn hóa phát xít tan thì tiếp đến thời kỳ bế tắc, trì trệ hiện thời.

Văn hóa bí mật cũng bị tình hình chính trị chi phối chặt chẽ. Trước 1940, nó chia làm nhiều khuynh hướng, và chưa tìm thấy đường lối duy nhất. Vấn đề cứu quốc lúc đó chưa đặt rõ, chính sách cứu quốc lúc đó chưa thành hình. Nhưng từ 1941, mặt trận dân tộc thống nhất thành lập, thì các khuynh hướng văn hóa bí mật cùng chiếu cả về một phía là con đường cứu quốc của Việt Minh. Toàn thể nền văn hóa bí mật từ đó rung động cái tinh thần chung của các đoàn thể cứu quốc, nó là một tinh thần dân tộc cách mạng mạnh mẽ, một tinh thần có tính cách đại chúng rõ rệt.

Chính vì văn hóa bị chính trị chi phối rõ ràng và chặt chẽ như vậy nên trên mặt trận văn hóa, vấn đề cứu quốc mới trở nên vô cùng cấp bách. Ai ai cũng nhận thấy rằng *muốn cho văn hóa Việt Nam phát triển và thoát khỏi tình hình khốn đốn hiện thời, trước hết cần phải giải phóng dân tộc*. Giờ nào dân tộc Việt Nam còn rên xiết, khổ nhục dưới ách phát xít, thì văn hóa Việt Nam chưa thể đủ điều kiện vươn lên ánh sáng. Chỉ đứng ở trường văn hóa để chiến đấu cho một văn hóa mới đã rõ ràng là một ngụy biện, một khẩu hiệu hèn nhát, dối lừa.

Tuy nhiên nói thế không phải nghĩa là văn hóa Việt Nam phải ngồi im, đợi cho hoàn thành xong cuộc cách mạng chính trị mới được

đứng dậy tiến lên. Mối liên lạc giữa văn hóa và chính trị không phải chỉ có một chiều máy móc. Văn hóa bị chính trị chi phối, nhưng ngược lại văn hóa cũng có ảnh hưởng sâu xa đến chính trị.

Muốn hoàn thành cách mạng chính trị, không thể thiếu mặt trận văn hóa. Sở dĩ văn hóa bị đế quốc chú ý xiềng xích cũng vì nó có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quần chúng. Nên ngay trong giờ tranh đấu quyết liệt này, cuộc chiến đấu trên mặt trận văn hóa là rất cần. Phong trào chính trị không thể thiếu một phong trào văn hóa cứu quốc.

Đặt vấn đề như thế, thì ta thấy ngay rằng trong giai đoạn hiện thời, cuộc chiến đấu văn hóa phải hoàn toàn hòa theo cuộc chiến đấu chính trị, phải đi sát với cuộc chiến đấu chính trị, từng bước một. Mục đích của cuộc chiến đấu văn hóa hiện thời phải là "giúp sức cuộc cách mệnh dân tộc giải phóng". Khẩu hiệu duy nhất của văn hóa cứu quốc phải là "giúp sức phong trào cứu quốc".

– Nhưng nhằm mục đích cứu quốc là đồng thời sửa soạn tương lai. Giúp cho chóng thực hiện cuộc cách mạng dân tộc giải phóng là giúp cho chóng đủ điều kiện sửa soạn cuộc cách mạng văn hóa. Không những thế, muốn giúp sức có hiệu quả vào cuộc cách mạng dân tộc giải phóng, văn hóa Việt Nam lại phải nhìn nhận cho rõ đường tiến tương lai nữa. Muốn vạch bộ mặt thực của chủ nghĩa đế quốc, nhất là chủ nghĩa đế quốc phát xít, cũng như muốn giới thiệu chương trình kiến thiết của cách mạng, các chiến sĩ văn hóa không thể thiếu một quan niệm rõ rệt về xã hội, về văn hóa tương lai. Vì vậy cái mục đích rất gần của cuộc chiến đấu văn hóa lúc này cũng lại là một mục đích xa. Cũng nhờ vậy, trong chủ trương văn hóa cứu quốc hòa theo cuộc chiến đấu chính trị không phải là nhắm mắt lệ thuộc một cách nô lệ, thụ động vào cuộc chiến đấu đó.

Tạp chí *Tiên phong*, số 1, 1945.

NGUYỄN HỮU ĐANG
(?)

TRỞ LỰC CỦA VĂN HÓA DƯỚI ÁCH ĐẾ QUỐC

Mỗi khi nhắc đến việc kiến thiết văn hóa mới cho nước nhà, người ta thường theo xu hướng riêng của mình đứng về một phương diện mà người ta coi là cốt tử để chủ trương rằng đó chỉ là vấn đề tự do tư tưởng... Đành rằng mỗi vấn đề ấy đều có sự quan trọng của nó, song nói một cách tuyệt đối như vậy chẳng khỏi là nông nổi nếu không phải là cố ý nói quá đi cho người ta chú ý thì vừa.

Sự thật thì một nền văn hóa vốn chịu sự chi phối của kinh tế, chính trị, cũng như giáo dục, văn hóa, tôn giáo, v.v...

Nói khác ra, những động lực gây nên trào lưu sinh hoạt tinh thần hay vật chất rất phức tạp và liên lạc mật thiết với nhau (do ảnh hưởng qua lại) khiến ta không thể tách riêng một mảnh nào ra mà mài gọt, sửa chữa. Nên những nhà văn hóa thận trọng phải quan niệm vấn đề rộng rãi, không dám nhãng bỏ một yếu tố nào, dù yếu tố ấy không trực tiếp quy định. Hơn nữa, những nguyên nhân sâu xa, bí ẩn nhiều khi lại chính là then chốt.

Nếu như ngày nay chúng ta muốn lượng trước những trở lực trên đường kiến thiết văn hóa mới thì chúng ta phải xét đến tất cả mọi tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội trong nước để tìm ra những cái gì đã *kìm hãm, xuyên tạc* hay *đục khoét* tinh thần của dân tộc ta và do đó đã làm cho cuộc sống của chúng ta thấp kém, nghèo nàn, ngưng đọng đến nỗi quân thù của chúng ta có thể tựa vào đó mà tuyên bố chúng ta chưa xứng đáng độc lập. Đây không phải là một cách lên án theo lòng phẫn uất của mình. Đây chỉ là nhận định khách quan để tiến hành công cuộc cho đúng đường. Những kẻ đã làm hại ta, đang làm hại ta, đội giải phóng quân anh dũng của ta sẽ trừ khử bằng súng đạn, và chính ta sẽ còn nhiều dịp vạch mặt, chỉ tên.

Về *phương diện kinh tế*, đế quốc đã thiết lập một chế độ biến xứ Đông Dương thành một thị trường tiêu thụ hàng hóa với một giá rất cao và một nguồn cung cấp nguyên liệu với một giá quá hạ. Kỹ nghệ, thương mại, nông nghiệp bản xứ bị bóp nghẹt, lớp trung lưu cúi đầu đi làm thuê chỉ đủ ăn; vô sản cần lao bị bóc lột tàn nhẫn.

Lợi dụng cảnh nghèo khổ liên miên ấy của dân chúng, kinh tế hệ đế quốc đã dần dần đưa đồng bào ta vào con đường nô lệ, trụy lạc.

Phần đông học giả, văn nhân, nghệ sĩ đã đành lòng đem bán rẻ tài năng; phần đông nhà xuất bản đã chỉ có thể là con buôn trục lợi; các lớp thanh niên ngay lúc còn cắp sách đến trường đã phải hướng việc học tập theo chiều cơm áo, đã phải phá ngang để nâng đỡ gia đình, thì trí thức còn đường lối phát triển nào để vươn tới những đỉnh cao sáng lạn của khoa học, tư tưởng và nghệ thuật? Các thương gia vì không được bén mảng đến việc xuất cảng, đã đành đóng vai mại bản hạng nhì sau người Tàu và người Ấn, và sự kinh doanh của các nhà tiểu công nghệ đã chỉ là những hoạt động tẹp nhẹp của bác cai thầu, thì chẳng những kỹ thuật của ta không bao giờ đủ lông cánh để bay bổng lên bậc tinh xảo mà ngay cuộc sinh hoạt nhờ vào kỹ thuật của người cũng thiếu thốn, thô lậu. Còn nói chi đến nông dân thợ thuyền lao lực, kiệt quệ vì đói rét bệnh nạn, tối tăm u mê vì thất học! Họ là 99 phần 100 dân chúng, mà chẳng thể đóng góp vào việc tạo tác những công trình văn hóa, cũng chẳng thấu thái nổi ảnh hưởng của những công trình văn hóa, thì đủ rõ nền văn hóa kia có tính chất gì và công dụng gì.

Đã thế, sự bóc lột càng sâu cay thì cuộc vật lộn cạnh tranh sống lấy được trong các lớp dân chúng càng gay gắt nên đã phát sinh ra cái tâm trạng xu nịnh sợ sệt đối với đế quốc và chia rẽ, phản bội đối với đồng bào, nó hạ thấp nhân cách và cản trở những trào lưu cấp tiến.

Từ ngày chủ nghĩa phát xít Pháp, Nhật xòe đôi cánh đen ngòm của nó trên giải đất này, tình trạng nói trên lại trở nên nghiêm trọng hơn nữa. Chính sách kẻ cướp được thi hành triệt để, nền tảng kinh tế đã tan rã. Cây văn hóa vốn cằn cỗi lại càng héo hơn, tàn lụi bởi màu đất chẳng còn.

*

Về mặt chính trị, bọn thống trị trực tiếp uy hiếp dân chúng bằng pháp luật. Đế quốc trọng dụng bọn phong kiến để thi hành chính sách đàn áp và ngu dân làm cho chính thể trong nước sáu, bảy mươi năm trực tiếp với Âu – Tây, chẳng nhiễm được mảy may tính cách cộng hòa dân chủ, chỉ giữ nguyên tính cách trung cổ, độc đoán, dã man. Những tàn tích của một chế độ hủ hóa, mà người ta tưởng đã tiêu diệt, vẫn còn kéo dài để đóng vai trò phản tiến bộ. Quyền tự do ngôn luận, tự do tổ chức, tự do hội họp mà nhân loại coi như những điểm sáng long lanh trên đài văn hóa, chúng đã gạt ra ngoài bờ cõi Việt Nam, và trước mắt ta chỉ như những điểm sao mờ xa xăm. Sự bình đẳng giữa cá nhân trước công lý, một sự bình đẳng tối thiểu trong xã hội phân chia giai cấp, cũng không được bén mảng tới đây, đành nhường chỗ cho một mớ pháp luật vô nhân đạo phân biệt màu da và có thể mua bán dễ dàng, được treo cao để bảo vệ quyền lợi của lũ thực dân.

Trong khung cảnh ấy mà dựng lên những pho tượng "bà đầm xòe" giơ đuốc hay cầm cân để biểu dương một nền văn hóa huy hoàng thì mỉa mai nhường nào!

Sau hết, tất cả mọi ngành *hoạt động tinh thần* đều bị một bàn tay bí mật lái về phía con đường cụt hay vào một vòng luẩn quẩn. Nhìn vào việc giáo dục, ta chỉ thấy có một số thanh niên được theo bậc đại học, mà bậc học ấy, với cái dụng tâm của bọn thống trị chỉ là một nơi đào tạo những người thừa hành, chứ không phải là nơi rèn đúc tài năng để bồi đắp văn hóa. Bởi trí tuệ họ đã lèn chặt những kiến thức hư ngụy, chí khí họ đã bị đúc vào trong một khuôn khổ ươn hèn. Được đế quốc biệt đãi (để lợi dụng) cùng với một số ở Pháp về[1] họ đã xa cách dân chúng, không hiểu dân chúng, chẳng cống hiến được chút sở đắc nào vào cuộc hưng thịnh Việt Nam hay gây được trào lưu cấp tiến gì đáng kể. Nói vậy phải đâu là trách họ: Nếu không có sự đầu độc, sự nắn uốn, sự vây trói của đế quốc quỷ quyệt, thì có lẽ họ cũng đã bổ ích cho giống nòi hơn thế.

Nghĩ cho cùng, bậc đại học mỹ miều kia cũng chỉ nằm trong một nền giáo dục bình diện (nghĩa là thấp là là) do tên Toàn quyền

1. Đế quốc Pháp chỉ cho thanh niên Việt Nam đi du học ở Pháp để tiện bề kiềm chế.

Méclanh đề xướng, nó là một thủ đoạn độc ác dìm dân ta chẳng cất được đầu. Trong nền giáo dục bình diện ấy, chương trình phiền phức vô ích, vừa làm mất thì giờ, vừa làm mất trí thanh niên: Chữ quốc ngữ bị ruồng bỏ, Nam sử bị rẻ rúng và xuyên tạc. Điều này nữa mới thiệt đáng ghê sợ: Đế quốc không chịu mở trường đủ cho dân ta đi học, đến nỗi có tới 95 phần trăm dân số chịu nạn mù chữ! Như thế văn hóa Việt Nam tránh sao khỏi tê liệt?

Học đường thì thế. Sách báo bên ngoài thì sao? Một sở kiểm duyệt hà khắc có dàn giải ở khắp các tỉnh, lúc nào cũng lăm le bịt miệng, cắt lưỡi nhà văn, nhà báo. Những văn phẩm, những công trình biên khảo, những bài nghị luận hay những tin tức chân chính vì có tội đem ánh sáng soi rõ thực trạng xã hội (cái thực trạng áp bức, bóc lột của đế quốc, của phát xít cũng như cái thực trạng tự do, công bằng của cách mạng, của dân chủ) đều không thể lọt qua dần sàng của nó. Thế mà cũng chưa đủ, người cầm bút còn luôn luôn bị sở mật thám quấy nhiễu hăm dọa, và những ai quả quyết bênh vực công lý hay mạnh bạo hô hào tiến bộ đều bị đàn áp thẳng tay. Đồng thời bọn thống trị dùng tiền trợ cấp mua chuộc những văn, nhà báo thiếu lương tâm để tán tụng chính sách hại dân, lừa gạt đồng bào, hoặc đem những nhà văn chương ru ngủ, những tư tưởng hủ lậu, thoái hóa ra đầu độc dân chúng.

Nền văn chương học thuật phản động cùng với cái dã tâm của bọn cầm quyền cố ý duy trì hủ tục ở thôn quê, dung túng những mê tín dị đoan, khuyến khích ăn chơi đồi bại, đè nén tín đồ, cùng với vô tuyến truyền thanh, chiếu bóng, diễn thuyết, trưng bày do cơ quan tuyên truyền của chính phủ đế quốc tung ra, kết thành những vòng lưới đan bằng muôn vàn sự điêu trá vây quanh ta. Phỏng trí tuệ, giác quan của ta còn nhận được những gì là xác thực để nâng cao tâm hồn? Phỏng cá tính ta còn thoát ra lối nào để cảm thông cùng vũ trụ và nhân loại? Con người mà chủ nghĩa nhân bản lo bảo vệ, mà chủ nghĩa xã hội đang giải phóng, ở đây cơ hồ đã thành ra đui chột, liệt bại, ngơ ngẩn nếu chưa đến nỗi mất hết cốt cách, năng khiếu. Trách chi đôi nhà trí thức hoang mang, tưởng văn minh cơ giới chỉ làm bại hoại, đã chủ trương quay lại thời man rợ cho rồi!

Ấy là cái trạng huống khốn đốn cho văn hóa Việt Nam dưới chế độ thực dân Pháp. Dưới gót sắt của giặc Nhật hung tợn, văn hóa Việt Nam còn sót chút di sản nào của tổ tiên ta, còn sót chút giá trị nào

của thế hệ đang tiến, tất sẽ bị đập tan nát trong một cơn bão táp như ta đã thấy ở Đức, ở Ý cách đây mươi năm. Trở lực của văn hóa có lẽ sẽ không phức tạp lắm, nó sẽ thu gom tất cả trong hai tiếng đồng nghĩa với bạo ngược: Phát xít! Phát xít Nhật cũng có thể tuyên bố như Attila: "Ngựa ta đi qua đâu, cỏ sẽ không mọc được".

*

Tìm hiểu những trở lực trong việc kiến thiết văn hóa như trên, chúng ta thấy rõ con đường phải đi: Điều kiện căn bản là thoát ách thuộc địa, là thực hiện nền độc lập quốc gia để có thể tổ chức kinh tế và chính trị theo chiều tiến bộ của thế giới: Tạo nên những hoàn cảnh thuận lợi cho văn hóa phát triển sau này. Cuộc vận động văn hóa hiện thời, bởi vậy, phải nằm trong cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc. Dù chúng ta đứng trên lập trường tư tưởng, học thuật nào mặc lòng, hành động của chúng ta cũng phải phù hợp với phong trào cứu nước đang sôi nổi khắp nơi. Những chủ trương văn hóa thuần túy, trung lập bao giờ cũng là thiển cận, trống rỗng và phản bội đối với đoàn thể.

Tạp chí *Tiên phong*, số 1, 1945.

MINH ĐẠO

(?)

NỖI BUỒN CỦA THẦY MẠNH

Báo *Tự Trị* cơ quan tuyên truyền của tổng hội sinh viên, vì không chịu khuất phục giặc Nhật nên đã bị khủng bố: Bộ biên tập bị lùng bắt, tòa báo bị phá phách. Hiện một số nhân viên đã chạy vào bí mật để tiếp tục chống mưu xâm lược của phát xít lùn. Chúng tôi rất cảm phục tinh thần của các anh em. Và tiện đây xin lục đăng một bài rất ý nhị của bạn Minh Đạo một cây bút xuất sắc của *Tự Trị*, để tỏ tình liên kết đối với một cơ quan ngôn luận đã can đảm chiến đấu.

Tay chắp sau lưng, thầy Mạnh Kha lững thững đi trên đường về nước Việt, một buổi mai mùa hạ. Gió sớm bay về, làm run rẩy chòm râu lốm đốm, lấp lánh mấy hạt sương, như vướng vít không khí thanh bình tự thuở nào. Bậc á thánh đất Châu liên tưởng đến cuộc chu du ngày xưa, những lúc yết kiến các vua chúa và đàm đạo cùng kẻ sĩ trong thiên hạ.

Tiếng kêu khóc thảm thiết của một lão ăn mày bên vệ đường kéo tâm trí ngài về hiện tại: Ngài chau mày nhận thấy chung quanh mình nhiều người đói khát lầm than. Có lẽ bây giờ cái thuyết bảo dân đã bị quên lãng rồi hay sao? Hay luật tiến hóa của nhân loại cần đến nỗi khổ cực của dân tộc này để giúp cho sức phát triển của dân tộc khác? Nghĩ đến đấy, thầy Mạnh mỉm cười chua chát, cái mỉm cười quen thuộc khi xưa, mỗi lúc thầy muốn bài bác Dương Tư hay Hứa Hành.

Đi được một quãng, gặp một nho sinh người bé nhỏ, vái chào rất kính cẩn. Ông ta hỏi: "Việt là nước nhỏ, thường làm cớ cạnh tranh cho nước Tề, nước Sở, thì thờ Tề chăng, thờ Sở chăng?" Thầy Mạnh trả lời rằng: "Mẹo ấy thì tôi xin chịu. Nếu còn muốn nghe

nữa, thì tôi có một điều: Đào ao ấy cho sâu, đắp thành ấy cho cao, cố chết mà giữ nước".

Nho sĩ nín lặng giờ lâu, rồi thưa:

Nghe nói, chỉ người nhân là biết cái đạo đem nước lớn vỗ về nước nhỏ; chỉ có người nghĩa là biết cái đạo ở nước nhỏ mà thờ nước lớn. Nghĩa ấy nên chăng?

Mạnh Tử không trả lời, vội vàng bước đi. Lòng ngài như thắt lại, vì thấy hai chữ nhân nghĩa, hạt giống mình mang gieo rắc khi xưa, không được người đời hiểu rõ. Nhưng dù sao thầy không khỏi thán phục cái tài biện luận của người học trò có "cái sáng có thể xét thấu cái nông của mùa thu".

Bóng kinh thành mỗi lúc một rõ: dòng sông xanh lấp loáng ánh dương mới tỏ; xa xa, trên dãy núi màu lam sương bắt đầu tan. Thầy Mạnh trang nghiêm nghĩ đến sự đổi thay của tạo hóa và lòng người, hồn lâng lâng thấm thía cái hay của Kinh Dịch, và hồn thơ trong Kinh Thi.

Tiếng dương cầm rơi rớt từ phía hoàng thành đến, hợp với vẻ dịu dàng của phong cảnh, mang lại cho thầy một nỗi vui nhè nhẹ. Thầy lẩm bẩm: "Vua Việt mà biết chơi âm nhạc lắm, thì nước Việt họa may có cơ chăng". Âm thanh tuy mới nhưng cái cảm xúc của thầy vẫn là một, nên "nhạc đời nay cũng như nhạc đời xưa vậy".

Việt Văn Vương kính cẩn mời thầy vào trong điện. Trà nước xong, nhà vua nói: "Bây giờ nước Việt của quả nhân áp dụng câu châm ngôn chính trị của tiên sinh. Như thế, có hợp lẽ phải chăng?"

Mạnh Tử ung dung thưa rằng: "Xưa khác mà nay khác. Câu châm ngôn của bỉ nhân, ngày xưa hiểu khác, ngày nay phải hiểu một khác. Như thế mới đúng với nghĩa Kinh Dịch. Còn nếu cứ lấy từ chương của kẻ ngu này mà mong dân theo mình, thì chẳng khác gì leo cây mà tìm cá vậy".

Nhà vua ra ý không vui, cho là Mạnh Kha đổi tâm đổi tính rồi, không như xưa nữa. Ngài tiễn chân nhà hiền triết ra cửa; lúc sắp chia tay, ngài đoái trông chiếc tàu bay, chiếc ô tô và chiếc thuyền buồm hỏi rằng: "Ông vua hiền đức cũng vui cảnh này chăng?"

Thầy Mạnh thưa: "Nhà vua có hiền đức, với cảnh ấy thật đáng vui lắm vậy. Dân tuy đói, nhưng nghe tiếng phi cơ, cũng vui

vì hồn nhạc; dân tuy yếu, nhưng trông bóng buồm nhanh, cũng vui vì hồn thơ. Dân đã vui cái vui của nhà vua thì nhà vua há nào lại không vui?"

Nói rồi, từ giã ra đi. Nét buồn vơ vẩn trên đôi môi khẽ hé một nụ cười mai mỉa. Thầy Mạnh Kha dạo bước về phương Bắc, lòng hoang mang như chứa chấp nỗi buồn thiên cổ. Không phải vì thấy tư tưởng của mình được ít người theo, mà chính vì thấy còn có người theo vậy.

(Trích *Tự trị* số 10, ra ngày 22 - 6 - 1945)
Tạp chí *Tiên phong*, số 1, 1945.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 35

II. NĂM 1937

III. NĂM 1938

IV. NĂM 1939

PHẦN II
THƠ VĂN TRONG NHÀ TÙ (1939 - 1945)

II. THƠ VĂN MẶT TRẬN PHẢN ĐẾ (1939 - 1941)

III. THƠ VĂN MẶT TRẬN VIỆT MINH (1941 - 1945)